

AN SỸ TOÀN THƯ - PHẦN 2

- VẠN THIÊN TIÊN TỬ
- DỤC HẢI HỒI CUÔNG
- TÂY QUY TRỰC CHỈ

Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải

1

KHUYÊN NGƯỜI BỎ SỰ GIẾT HẠI

Nguyên tác: Vạn thiện tiên tư

Lời nói đầu

Giao huấn của các bậc thánh nhân, tuy nói rằng đại thể đều như nhau, nhưng pháp Phật quả thật vượt trội hơn hết. Không cần phải xét đến ý nghĩa sâu xa uyên áo, chỉ ngay nơi việc đức Phật chế định giới không giết hại đã có thể khẳng định chắc chắn ngài là bậc thánh của các vị thánh, không ai có thể sánh kịp.

Đã là con người thì dù sáng suốt hay ngu muội, ai ai cũng xem việc bị giết hại là nỗi khổ lớn nhất, mà được duy trì sự sống là ân đức lớn nhất. Cho nên, luận về tội ác nặng nề thì không gì hơn tội giết hại, mà phúc báu lớn nhất thì không gì hơn ngăn cản việc giết hại.

Hết thảy loài vật đều tham sống sợ chết, tìm chỗ an ổn, tránh chỗ nguy hại, so với tâm lý con người không khác! Thế mà những từ ngữ nói đến sự giết hại loài vật để phục vụ việc ăn uống lại thấy lẫn lộn đầy dẫy trong kinh thư, sách truyện của Nho gia, khiến người ta xem mãi cũng thành quen, rồi cho là việc đương nhiên phải vậy.

Nếu không có bậc Đại Hùng¹ rủ lòng thương xót chúng sinh mà trước tiên chế định giới cấm, thống thiết răn dạy, thì đâu có ai biết đến ý nghĩa “hết thảy chúng sinh đều sẵn tánh linh, hết thảy vạn vật đều đồng tánh thể”?

Nay các nhà Nho cũng nói đến việc thương yêu loài vật, nhưng tôi không hiểu nổi những việc như cắt xẻ, băm vằm... sao có thể nói là thương yêu được? Sách Nho dạy rằng: “*Chặt một cái*

¹ Đại Hùng: một trong các danh xưng tôn kính chỉ đức Phật. Ngài được tôn xưng là bậc Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi.

cây, giết một con thú mà không đúng lúc, ấy là bất hiếu."¹ Nhưng họ thật không biết rằng, hòa khí an ổn vẫn luôn tồn tại, vốn trong vũ trụ này không có bất kỳ thời điểm nào thích hợp cho việc giết hại cả! Mỗi khi có nạn hạn hán, lụt lội, triều đình cũng biết cấm tuyệt sự giết mổ để mong cảm động lòng trời, nhưng lúc bình thường lại buông thả khích lệ sự giết chóc, xâm hại hòa khí của đất trời, gieo mầm tai ương, cứ để yên như thế mà chẳng nói gì đến, tôi thật không biết phải hiểu điều ấy như thế nào?

Trong Kinh dạy rằng:² “Bậc Chuyển Luân Thánh Vương một khi xuất hiện ở thế gian, lập tức truyền lệnh khắp nơi, dứt trừ việc giết hại, khiến cho nhân dân trong cõi nước đều được được hưởng phước báu an vui, tuổi thọ lâu dài, thậm chí không bao giờ nghe đến những từ ngữ như chiến tranh, đói khổ.”

Chúng ta không may sinh vào thời uế trước, đạo đức thế gian ngày càng suy thoái, các bậc tiên thánh nhìn thấy khuynh hướng giết hại sinh linh đã quá nặng nề, thật khó thay đổi, nên vạn bất đắc dĩ mới dạy rằng “*không nên giết hại quá nhiều*”. Nhưng rồi những lời ấy truyền lại qua sách vở, không khỏi bị những kẻ phàm tục tham ăn háo uống dựa vào đó để thỏa mãn lòng ham muốn, [tự cho rằng nếu giết hại không quá nhiều thì có thể chấp nhận được]. Nói ra thật khiến người ta không sao kiềm được sự thương xót bi ai.

Bạn tôi là Tiên sinh Chu An Sỹ, thương xót cho đời nên viết ra sách này để thức tỉnh lương tâm mọi người, mong làm thay đổi khuynh hướng giết hại từ lâu nay. Tiên sinh biên soạn sách này, sưu tầm chọn lọc, giải thích rõ ràng, tâm thành trải bày trọn vẹn, công phu khó nhọc muôn phần, lại nêu những điều thấy biết xưa nay ở khắp chốn gần xa, dùng để phá bỏ những thuyết cổ hủ cố chấp của Nho gia, chỉ mong người đời xem qua

¹ Câu này trích từ sách Lễ ký (禮記) của Nho gia. Nguyên văn: 斷一樹，殺一獸，不以其時，非孝也。 - Đoạn nhất thọ, sát nhất thú, bất dĩ kỳ thời, phi hiếu dã.”

² Nội dung này dựa theo phẩm Thập hồi hương, kinh Hoa Nghiêm.

liền tức thời tỉnh giấc mộng dài, căn bệnh trầm kha lập tức được trị dứt. Quả thật, sách này có thể xem như một tòa quang minh chói sáng giữa thế giới tham lam tàn độc ngày nay.

Người cùng chí hướng nên khuyến khích nhau khắc bản [sách này] in ấn lưu truyền. Luôn nhớ nghĩ đến việc không giết hại là giới cấm đầu tiên trong các giới, mà lòng nhân từ là căn bản của mọi điều lành. Đó là những điều các bậc thánh hiền đã thương xót dạy bảo rõ ràng, nên lấy tên sách là “*Vạn thiên tiên tư*”, có nghĩa là “nền tảng trước tiên của vạn điều lành”.

Nên biết rằng, sách này hiện diện ở nơi nào, ắt sẽ được vô số các vị hiền thánh dùng chánh định từ bi mà hộ trì, chư thiên quý thần đều cung kính vây quanh, dùng các loại hương hoa rải xuống nơi ấy để cúng dường.

*Người đồng hương, học nhân ở Ngũ Vân
Trương Lập Liêm, hiệu Băng Am¹
Kính đề*

¹ Cư sĩ Trương Lập Liêm (张立廉) sinh năm 1620, sống vào đời Thanh, tên tự là Hồng Nhất (鸿一), hiệu Băng Am (冰庵), thi đỗ Cử nhân vào niên hiệu Sùng Trinh thứ 9 (1636), là người học nhiều hiểu rộng, uyên thâm kinh điển.

Lời khuyên nên đọc sách này¹

Lòng nhân đứng đầu trong ngũ thường,² đức từ là trước hết trong muôn đức. Lớn lao thay chỗ luận thuyết của Tam giáo,³ tuy dùng lời khác biệt nhưng cùng nói lên một lẽ: “Con người ai ai cũng yêu tiếc mạng sống, muôn vật loài nào cũng mong muốn được sinh tồn.”

Con gà thấy người làm bếp đến bắt thì hốt hoảng bay đậu lên cao để trốn tránh, con lợn nghe đồ tể ngã giá mua xong thì hai dòng nước mắt tuôn trào như suối. Cái chết sắp đến chúng đều biết rõ, chỉ vì miệng không thể nói ra lời. Bỗng dưng phải chịu nỗi thống khổ vì đao thốt bằm vằm, ruột đứt từng đoạn khi mạng sống còn chưa dứt hẳn, dao sắc ngàn lượt cắt xẻ, nước sôi đun nấu trăm lần. Dem thân xác muôn loài cho vào chảo dầu sôi lửa bỏng, lại lấy đó làm món ngon vật lạ trên bàn ăn của mình. Việc làm như thế nếu bảo là vô tội thì liệu có còn gì phải e sợ trời cao? Xưa nay những kẻ giết hại đều phải chịu xoay vòng báo ứng không sai.

Từ khi tôi vừa mới trưởng thành, mắt nhìn thấy [những cảnh giết hại] sinh lòng thương xót vô cùng, liền thu thập sắp xếp những truyện tích xưa [khuyên răn việc giết hại], đến nay đã được một số rất nhiều. Tôi đã lập lời thề cứu khổ Ba đường,⁴ nuôi chí nguyện ngày thêm kiên cố, [nên mới viết những truyện này ra để lưu hành khuyên người]. Khi đặt bút xuống lòng càng thêm thương cảm, mỗi chữ viết ra mỗi nghẹn ngào. [Lúc viết xong] muốn khắc bản in, nhưng phận nghèo không đủ sức mà việc quyên góp cũng không được dễ dàng, nên đành trì trệ mãi ba, bốn năm qua, nay mới in xong để lưu hành.

Xin có lời kính khuyên các bậc hiền giả thông đạt, nên lưu tâm đọc qua sách này.

¹ Chương sách này là những điểm cốt yếu nhất của sự ngăn ngừa việc giết hại (Chú giải của soạn giả)

² Ngũ thường: theo Khổng giáo là nhân, nghĩa, lễ, trí và tin.

³ Chỉ Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo.

⁴ Chỉ ba đường ác, tức là các cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Nghe lời thần khuyên được sống¹

Mạnh Triệu Tường là người đất Giao Hà,² vào năm Nhâm Tý thuộc niên hiệu Vạn Lịch thứ 40, tham dự khoa thi Hương³ trúng tuyển. Bỗng mắc bệnh đau lá lách, nằm mộng thấy đi đến âm phủ, gặp Diêm vương bảo: “Ông có phước lộc lớn, tuổi thọ lâu dài, chỉ vì giết hại sinh mạng quá nhiều thành tội, nay sẽ trừ vào phước thọ của ông. Nếu kể từ nay ông biết giữ giới không giết hại nữa mà làm việc phóng sinh, lại đem những lời nghe thấy trong giấc mộng này kể lại để khuyên người [làm lành] thì có thể chuộc được tội ấy.”

Mạnh Triệu Tường vâng dạ hứa sẽ làm như vậy, nhưng tỉnh dậy rồi quên, không làm gì cả. Một đêm nọ lại mộng thấy như trước, trong lòng hết sức kinh sợ. Khi ấy vừa gặp lúc dự khoa thi Hội không đỗ, liền gấp rút quay về quê nhà thực hiện ngay những lời đã hứa. Ngay đêm hôm đó, căn nhà Mạnh Triệu Tường ngụ [ở kinh thành] bị gãy cây đòn dông chính, cái giường ông từng nằm trước đây bị đè nát ra như bụi.

Mạnh Triệu Tường nhân đó liền viết lại sự việc này, khắc in thành sách *Mộng giác thiên* (夢覺篇) để khuyên người đời làm lành lánh dữ. Về sau, ông thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến bậc khanh lý.

LỜI BÀN

Người đời hết thấy đều quen theo nếp cũ, do dự rụt rè mà ngập chìm trong lầm lỗi suốt cả một đời. Ông Mạnh Triệu Tường khi ấy nếu có chút may mắn do dự rụt rè, ắt đã phải nát thân cùng giường chiếu rồi, làm sao còn được hưởng phước về sau? Cho nên, sách *Mộng giác thiên* do ông kể lại chuyện đời mình quả đúng là có thể giúp cho người khác bừng tỉnh mộng.

¹ Trích từ *Mộng giác thiên* (夢覺篇). (Chú giải của soạn giả.)

² Thuộc tỉnh Hà Bắc.

³ Tức là năm 1612.

*Diêm chúa vâng làm theo việc thiện*¹

Trịnh Khuê người ở Tiền Đường,² có lần bị bệnh, nằm mộng thấy vị cử nhân³ đã chết là Lục Dung Thành đến thăm, người theo hầu hạ còn nghiêm trang hơn cả lúc còn sống. Trịnh Khuê liền hỏi xem hiện đang làm chức vụ gì, Lục Dung Thành đáp: “Đang làm chức Quán Chánh⁴ ở âm phủ.” Nhân đó liền lấy ra hai quyển sách đưa tặng Trịnh Khuê. Quyển thứ nhất là *Hiếu nghĩa đồ*, quyển thứ hai là *Phóng sinh lục*.

Trịnh Khuê hỏi: “Quyển *Phóng sinh lục* này do Đại sư Liên Trì⁵ viết ra, ông ở dưới âm phủ làm sao có được?” Lục Dung Thành đáp: “Diêm chúa mỗi khi gặp những lời hay đẹp, những việc tốt lành ở chốn thế gian đều lệnh cho ghi chép lại, rồi ban bố lưu hành, vâng làm theo đó, chỉ sợ người ta không chịu tin nhận thôi. Nếu ông có thể vâng làm theo thì bệnh sẽ khỏi.”

Trịnh Khuê tỉnh mộng liền đi tìm hai quyển sách ấy về đọc kỹ. Từ đó kiên trì giữ giới không giết hại vật mạng, quả nhiên được khỏi bệnh.

LỜI BÀN

Luận về đạo lý ở đời chỉ có hai con đường, một là nhân từ, hai là bất nhân. Giữ giới không giết hại vật mạng, đó là nhân từ. Viết sách khuyên người giữ giới không giết hại, đó là cùng người khác truyền rộng đức nhân từ. Chỉ riêng mình giữ giới làm lành thì đức nhân ấy còn nhỏ hẹp, cùng với nhiều người khác giữ giới làm lành thì đức nhân ấy thật lớn lao.

¹ Trích Cảm ứng thiên quảng số (感應篇廣疏). (Chú giải của soạn giả.)

² Thuộc tỉnh Chiết Giang.

³ Nguyên tác dùng “hiếu liêm” (孝廉), là cách gọi khác chỉ người đã đỗ cử nhân. Cách gọi này được dùng trong 2 triều đại Minh, Thanh.

⁴ Quán Chánh (觀政): chức quan này không có ở dương gian, nhưng cứ theo ý nghĩa mà hiểu thì vị này có lẽ làm công việc tra xét và sửa sang mọi việc cho chính đáng.

⁵ Đại sư Liên Trì (1532-1612) người Hàng Châu, họ Thám, tự Phật Tuệ, hiệu Liên Trì. Đại sư trước tác khoảng hơn 30 tác phẩm, như Thiên Quan Sách Tấn, Phạm Vọng Giới Sớ Phát Ấn, A-di-đà Kinh Sớ Sao, Hoa Nghiêm Kinh Cảm ứng Lục Kỳ...

Đại sư Liên Trì là hàng lân phụng kiệt xuất của Nho gia, nhưng xem việc khoa bảng công danh như chiếc giày rách. Ngài lia bỏ thế tục mà xuất gia, trở thành bậc duy trì giềng mối Phật pháp, cho nên cầu mưa thì nhanh chóng có mưa, vào núi rừng thì cọp dữ ẩn mình tránh xa. Thế nên biết rằng, một quyển *Phóng sinh lục* răn dạy việc giữ giới không giết hại, cho đến trời đất cũng không làm khác, huống chi là người, huống chi là quý thần?

Ngăn trở điều thiện phải chịu tội chết

Trình Tự Xương là người Mật Châu,² thấy dân ở trấn Giao Tây rất thích ăn thịt, giết hại nhiều vật mạng, nên một đêm nọ thắp hương lễ bái khẩn với Bắc đẩu Tinh quân rằng: “Trình Tự Xương tôi xin phát tâm vì tất cả chúng sinh cũng như cha mẹ trong bảy đời đã qua mà khắc bản ấn tống sách ‘Giới sát đồ thuyết’ [răn người bỏ việc giết hại]. Hôm nay khẩn cầu Tinh quân giáng hạ, giúp tôi nương theo sức thần mà thực hiện việc lưu hành sách này cho được thuận lợi.”

Trong xóm có một bà họ Hoa là vợ ông Bành Cảnh, khi nhận được sách ấy liền xé nát, ném vào chỗ nhơ nhớp. Hôm sau, bà họ Hoa mua cá về sắp làm thịt, con cá bỗng quẫy vọt lên đâm mù mắt bà, máu chảy ra hóa thành trùng độc, rúc rĩa khắp thân thể.

Chuyện ấy truyền ra khắp nơi, quan Giám Trấn là Quách Hương bỗng nhìn thấy một vị thần hiện ra nói rằng: “Ta là Bắc đẩu Tinh quân, quán sát thấy ở vùng này có người phát tâm lành là Trình Tự Xương, bỏ tiền ra khắc in sách ‘Giới sát đồ thuyết’ để ấn tống. Bà họ Hoa đem sách ấy ném vào chỗ nhơ nhớp, tội rất nặng, ắt phải chịu chết. Đối với những ai [đọc sách

¹ Trích từ sách *Chúng từ biên* (證慈編). (Chú giải của soạn giả.)

² Thuộc tỉnh Sơn Đông.

ấy rồi mà] không chịu hối cải cũng phải chịu tội, đợi ta xuống đây lần sau sẽ trừng trị tất cả.”

LỜI BÀN

Người đời sinh vào thời đạo đức suy mất, nghiệp ác ngày càng nhiều thêm, căn lành ngày càng ít ỏi, nên khi thấy người khác làm một việc thiện, nói một lời lành, liệu có mấy người không ngăn trở, quấy nhiễu? Chẳng hạn như khi thấy người khác giữ giới không giết hại, ắt sẽ nói rằng “*Ấy là làm chuyện viễn vông vô ích*”, rằng “*Ấy là kẻ không có phúc [được hưởng món ngon]*”... Hoặc khi thấy người khác làm việc phóng sinh, ắt sẽ nói rằng “*Thả ra thì cũng đã chắc gì chúng được sống*”, rằng “*Thả ra rồi chẳng bao lâu cũng bị người khác bắt lại thôi*”... Thậm chí có kẻ còn cười cợt chê bai, phỉ báng cho rằng không có nhân quả. Hoặc ở giữa chốn đông người bài bác chỉ trích những chỗ còn nghi hoặc chưa rõ của người làm việc thiện; hoặc viện dẫn, bới móc những chỗ sai sót khiếm khuyết của người ấy mà cho là ngu si. [Những việc như thế] khiến cho người mới phát tâm làm việc thiện không khỏi phải cảm thấy lung lạc trong lòng, thói chuyển tâm thiện còn non yếu rồi không làm việc thiện nữa.

Ôi, những kẻ tâm địa xấu ác như thế, chư thiên nhìn thấy đều nổi giận, xem họ như loài ác quỷ *cru-bàn-đồ*,¹ sau khi chết sẽ phải đọa lạc thế nào hẳn đã quá rõ không cần phải nói.

Vì thế, xin khuyên những ai có tâm lành, mỗi khi gặp kẻ ngăn trở việc thiện, ví như họ có hết lời phỉ báng, cũng xin lắng lắng mà nghe, đừng để tâm sân hận; [nếu gặp người có thể khuyên bảo cảm hóa thì chân thành] khuyên bảo cảm hóa, đừng nên dùng lời lẽ cao ngạo khinh người; [đối với những người không thể khuyên bảo cảm hóa thì] nên khởi tâm thương xót tội nghiệp,

¹ Tên loài ác quỷ này được phiên âm từ Phạn ngữ *Kumbhāṇḍa*, là loài quỷ chuyên ăn tinh khí người. So sánh như vậy là cho rằng việc ngăn trở người khác làm việc thiện cũng không khác gì loài quỷ hút lấy tinh khí của người, vì khiến cho căn lành của người ấy phải bị suy yếu, diệt mất.

đừng sinh lòng ghét bỏ xa lánh. Xem như câu chuyện [báo ứng] của bà họ Hoa, chẳng phải đáng sợ lắm sao?

Khuyên người làm quan¹

Khắp trong thiên hạ, xét về những điểm sang hèn hay giàu nghèo đều không ai giống ai. Có người thông dong ngồi xe bốn ngựa, tôn nghiêm cao tột, ắt cũng có những kẻ luôn phải lưng mang vai vác nặng nề, trôi dạt đó đây cô độc khổ sở. Có người được sống giàu sang an ổn, tôn quý hiển vinh, vàng bạc châu báu đầy kho, ắt lại có những kẻ cơm hẩm chẳng đủ no, chỉ còn cách thăm thiết xin ăn qua bữa. Những sự vinh hiển hay nhục nhằn trong chốn nhân gian, đem so sánh với nhau thật khác biệt một trời một vực.

Nếu như không tin vào thuyết nhân quả báo ứng hay lẽ vay trả nhiều đời của nhà Phật, ắt phải thấy rằng những gì ông trời ban xuống cho con người thật hết sức bất công. Vì thế, trong Kinh điển dạy rằng: “Được làm người sang quý, vua chúa trưởng giả, đều do nhân lành lễ kính phụng sự Tam bảo; được làm người giàu có, đều do nhân lành bố thí giúp người; được làm người sống thọ, đều do nhân lành giữ giới [không giết hại]; được làm người có dung mạo đoan chánh xinh đẹp, đều do nhân lành nhẫn nhục. Đời trước tạo nhân thế nào thì đời này nhận quả thế ấy. Cũng giống như người phụ trách nhạc lễ, đánh chuông thì vang lên tiếng chuông, gõ khánh thì vang lên tiếng khánh; hoặc như người làm vườn, trồng đào ắt sẽ được hái đào, trồng quýt ắt sẽ được hái quýt.” Việc giàu sang hay nghèo hèn khác biệt nhau chính là vì thế.

Lại như người đánh chuông, dùng chuông lớn thì nghe tiếng

¹ Những chuyện sau đây khuyên người làm quan không nên giết hại vật mạng. (Chú giải của soạn giả) Nguyên bản khắc “Tể quan” (宰官) để chỉ riêng những vị quan đứng đầu ngành hoặc địa phương. Điều này có hàm ý rằng vị quan đứng đầu nếu biết hạn chế việc giết hại thì sẽ có ảnh hưởng đến các quan thuộc cấp. Nhưng xét nội dung bài viết thì thực sự có nội dung khuyên dạy thích hợp chung cho giới quan chức.

lớn, dùng chuông nhỏ thì nghe tiếng nhỏ, cho đến như người làm vườn, trồng một cây thì được hái quả một cây, trồng mười cây thì được hái quả mười cây. Việc giàu sang hay nghèo hèn cũng có mức độ khác nhau chính là vì thế.

Ngày nay ta nhìn thấy có người còn nhỏ tuổi đã đỗ đạt cao, được hưởng chức quan cao, bổng lộc nhiều, ấy là do người ấy đời trước ham thích làm việc thiện không chán mệt, rộng tu phước đức. Nếu không phải nguyên nhân là như vậy, thì trời xanh kia sao lại riêng dành sự tốt đẹp cho những kẻ làm quan?

Những người được ở địa vị cao, dựa vào quyền thế có thể kêu gọi sai khiến người khác, nên muốn làm thiện ắt đủ sức làm thiện, mà nếu làm ác cũng thừa sức làm ác. Điều này cũng giống như việc dùng các loại thuốc nhân sâm, phục linh, có thể giúp người được khỏi bệnh, nhưng dùng không thận trọng cũng có thể gây bệnh. Vì thế nên Mạnh tử mới nói rằng: “Chỉ những người có lòng nhân mới nên ở địa vị cao.”

Hơn nữa, chức tước phẩm trật càng cao thì việc giết hại vật mạng để nấu nướng ăn uống hằng ngày, tiệc tùng chiêu đãi khách khứa bè bạn, lại càng thêm nhiều. Khi đến ở nơi nào thì các loài vật trên cạn dưới nước quanh đó đều phải chịu thảm cảnh băm vằm cắt xẻ [để lo việc ăn uống cho mình]. Một ngày ở địa vị làm quan là một ngày có biết bao loài vật vô tội phải nối tiếp nhau chịu những cực hình phanh thây lóc thịt.

Cho nên, các bậc quan cao hiền đức thuở trước thường khởi tâm thương xót sinh linh mà e sợ nhân quả, tùy nơi đi đến đều thiết lập những khúc sông dành cho việc phóng sinh, lại thường treo bảng cấm việc giết mổ. Ban ra một lệnh “kẻ giết trâu bị phạt” thì đàn trâu đang run rẩy khiếp sợ ắt được vui mừng sống sót khỏi sự mổ xẻ. Lại ban lệnh “cấm giết chó” thì biết bao con chó giữ nhà có nghĩa thoát khỏi thảm cảnh bị chủ đèn đáp bằng dao thớt.

Cho đến những việc như vây kín núi rừng rồi xua đuổi mà săn thú, tát cạn sông hồ để bắt cá,¹ [người làm quan tốt] đều nghiêm cẩn răn dạy, ban bố hiệu lệnh, ngăn cấm mọi điều kiện giết hại vật mạng.

Chỉ sợ một mai khi quyền chức không còn thì dù có tâm thiện cũng không có sức làm thiện. Vì thế nên rộng khuyên hết thảy các vị còn đương chức, hãy mau mau gieo cấy hạt giống lành, nhân điều kiện tốt đẹp hiện có mà tạo phúc lành cho muôn người. Đó là kính vâng theo đức hiếu sinh của trời đất, hợp với lòng nhân từ khoan hậu của triều đình. Một khi nắm được quyền hành, lập tức rộng làm âm đức. Nếu có thể cứu được mạng sống muôn loài thì chớ nên do dự chậm trễ mà bỏ qua. Những ai giữ chức quan cao thì nên khuyên răn thuộc cấp nghiêm cấm việc giết mổ. Những ai chức phận nhỏ nhoi thì nên thưa thỉnh với cấp trên xin ngăn sự giết hại vật mạng. Nếu có thể giữ đức nhân từ truyền lưu muôn kiếp, ắt được ghi tên trong sổ thiên tào, có nghĩa là làm việc ân đức chỉ trong một đời mà được hưởng phước sâu dày trong nhiều đời sau nữa. Còn như [khi sẵn có quyền lực trong tay mà] không làm được như thế, thì có khác nào kẻ đi vào núi châu báu mà lại tay không trở về chẳng lấy được gì?

Khắc bia đá lưu truyền đức nhân từ

Vào đời nhà Đường có ông Nhan Chân Khanh, tên tự là Thanh Thần,³ rất giỏi môn thư pháp. Ông kính tin phụng sự

¹ Đây là những hình thức giết hại hàng loạt ngày trước. Khi tổ chức đi săn, người ta chia nhau vây kín quanh từng khu vực rừng núi, đánh trống gõ chiêng âm ỉ để xua đuổi thú rừng về một hướng rồi có người phục sẵn ở đó để bắn giết sạch. Đối với ao hồ thì tát cạn nước rồi bắt sạch, không kể lớn nhỏ.

² Trích từ sách “Cựu Đường sử” (舊唐史). (Chú giải của soạn giả.)

³ Nhan Chân Khanh sinh năm 709, mất năm 785, quê ở Lâm Nghi, thuộc tỉnh Sơn Đông, từng được phong tước Lỗ quận công nên còn có tên gọi là Nhan Lỗ Công. Ông là cháu 7 đời của học giả Nhan Sư Cổ đời Bắc Tề, và là cháu 5 đời của Nhan Chi Thôi, tác giả sách Nhan thị gia huấn. Ông đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền Tông, làm quan trải qua 4 triều vua, lên đến các chức vụ như Thị Lang bộ Hộ, Thượng thư bộ Hình, Ngự sử Đại phu...

Tam bảo, đã từng thọ giới với thiên sư Tuệ Minh ở Hồ Châu.

Vào niên hiệu Càn Nguyên năm thứ 3,¹ vua Đường Túc Tông thiết lập các ao phóng sinh trong nước, tính ra ở khắp các quận huyện, các bến sông quan trọng hoặc các vùng ven sông, ngoại thành... tổng cộng có đến 81 chỗ. Mỗi nơi như vậy, Nhan Chân Khanh đều xin vua ngự ban văn bia, khắc vào bia đá để truyền lại đời sau không bị hư hoại. Ông làm quan đến chức Thượng thư Hữu thừa, được phong tước Lỗ quận công, là bậc danh thần một thời.

LỜI BÀN

Khi lập ao phóng sinh, nên xin với quan trên cho dựng bia đá, [ghi rõ] hết thủy thuyền đánh bắt cá đều cấm đến gần, như vậy mới có thể tác dụng dài lâu.

Những văn bia mà Nhan Lỗ công đã xin vua ban cho, tuy nói là hoàng đế ngự chế, nhưng thật đều do chính tay ông viết. Từ đời nhà Đường đến nay² đã hơn ngàn năm, những vật mạng được cứu sống thật nhiều vô số, âm đức gieo trồng thật không bờ bến, thủy đều là nhờ công sức khai sáng của ông.

*Cá khóc cảm động người*³

Đời nhà Tống, ông Phan Hoa là quan huyện lệnh ở Chư Kỳ, tu tập theo sám pháp Phổ Hiền, ban lệnh cấm bắt cá. Khi ông vâng chiếu sấp về kinh thành, bỗng nằm mộng thấy có hàng vạn con cá trong sông đều khóc lóc mà thưa với ông rằng: “Trưởng giả đi khỏi đây, dòng họ nhà cá chúng tôi không khỏi bị giết hại nấu nướng.” Nói rồi càng khóc to, tiếng vang động trời.

Ông Phan Hoa lấy làm lạ, liền viết ra bản văn “Mộng ngư

¹ Túc là năm 760.

² Túc vào thời tiên sinh Chu An Sĩ.

³ Trích từ sách Quảng nhân lục (廣仁錄). (Chú giải của soạn giả)

ký” (Kể lại giấc mộng nhìn thấy loài cá), rồi dặn dò vị quan kế nhiệm [tiếp tục duy trì lệnh cấm bắt cá].

LỜI BÀN

Tấm lòng của các bậc thánh nhân, lẽ nào lại không muốn cho tất cả muôn loài đều được sống an ổn? Chỉ có điều là, tình trạng của các loài [được nuôi chỉ để giết thịt] như dê, lợn, [gà, vịt...] thật khó có thể cấm người ta giết hại. Còn các loài thú như trâu [nuôi để cày ruộng,] chó [nuôi để giữ nhà], hoặc các loài [sống trong tự nhiên] dưới nước [không do người nuôi dưỡng], tất cả đều có thể ngăn cấm không cho giết hại.

Nên có sự chuẩn bị trước nhiều ngày, nêu rõ lệnh cấm. [Sau đó,] nếu có người vi phạm, mang các con vật [bị cấm giết hại] đi bán thì bất cứ ai cũng có quyền tịch thu, đồng thời đưa cả tang vật và người bán đến quan phủ xét xử. Lại cấm người dân trong khắp địa phương không được mua những con vật ấy. Nếu có người vi phạm thì cho phép người đi đường bất cứ ai nhìn thấy cũng có quyền tịch thu [đưa lên quan phủ xét xử]. Điều quan trọng là phải có sự thưởng phạt nghiêm minh, trước sau không thay đổi. Nếu có thể thực hiện nghiêm túc thường xuyên như thế thì người dân dù có muốn bắt giết vật mạng chỉ trong một ngày cũng không thể được. Như vậy gọi là ngăn cấm triệt để, chặn đứng ngay từ cội nguồn của sự giết hại.

*Hai lần sống lại*¹

Quận Ngô² có viên quan Tư lý³ nọ bất ngờ bỗng lặn ra chết. Qua một đêm tỉnh lại, gấp rút gọi người nhà bảo đi mời quan Thái thú⁴ cùng tất cả các quan đồng liêu và thuộc cấp của mình

¹ Trích từ sách Cảm ứng thiên quảng số (感應篇廣疏). (Chú giải của soạn giả)

² Nay là vùng Phú Dương thuộc tỉnh Chiết Giang.

³ Tư lý: một chức quan đứng đầu ngành tư pháp của địa phương.

⁴ Thái thú: chức quan đứng đầu toàn quận.

đến, rồi khấu đầu cúi lạy tất cả mọi người mà nói: “Tôi bị bắt đưa đến âm phủ, hết lời xin tha mạng. Ban đầu họ không đồng ý, nhưng sau lại hỏi tôi: ‘Ông có thể khuyên một ngàn người không ăn thịt trâu được chăng? Ta cho ông kỳ hạn 3 ngày để làm việc đó.’ Nay tôi may mắn được sống lại, nhưng nếu các vị không vì tôi mà khuyên bảo dân chúng khắp vùng thì việc này không thể nào làm được.”

Mọi người [không tin lời ấy là thật, nên] chỉ giả vờ hứa suông [rồi không ai làm gì cả]. Qua hết 3 ngày, quan Tư lý ấy quả thật ngã lăn ra chết. Quan Thái thú hết sức kinh hoàng, liền triệu tập tất cả quan viên trong quận, cùng nhau phát nguyện giữ giới không ăn thịt trâu, lại cho đặt sổ nơi ngã tư đường, khuyên người dân ghi tên vào đó [để phát nguyện không ăn thịt trâu]. Khi được đủ số một ngàn người, liền cho đốt danh sách ấy.

Sau giây lát, quan Tư lý liền sống lại, kể rằng: “Tôi bị người bắt dẫn đến âm phủ, Phán quan vừa nổi giận trách mắng thì có người mặc áo vàng mang sổ đến, nói đây là danh sách những người phát nguyện không ăn thịt trâu. Phán quan xem qua rồi hết sức vui mừng, nói: “Không chỉ cho ông được sống lại, còn tăng thêm tuổi thọ 6 kỷ nữa.¹ Quan Thái thú cùng những người [phát nguyện không ăn thịt trâu] đều được phước báo vô lượng.”

Quan Tư lý ấy về sau sống thọ đến trăm tuổi.

LỜI BÀN

Trong thời gian gần đây,² các quan đứng đầu địa phương cũng có ban lệnh cấm giết trâu, nhưng thiếu phương pháp thực hiện. Vì thế, cho dù bảng cấm giết trâu treo khắp thị thành, mà những món thịt trâu cũng có khắp mọi nơi.

Những người làm nghề mổ trâu chỉ vì tham mỗi lợi. Nếu

¹ Mỗi kỷ là 12 năm, cộng 6 kỷ là 72 năm.

² Túc vào thời của tiên sinh Chu An Sỹ.

không cho họ được lợi, tự nhiên họ sẽ bỏ nghề. Nên sai phái nha dịch thay nhau kiểm soát [khắp nơi], nếu bắt được kẻ bán thịt trâu thì phạt tiền, dùng tiền đó thưởng cho người bắt được. Số tiền thưởng ấy phải lớn hơn số tiền nhận đút lót riêng tư của bọn mổ trâu. Như vậy thì nha dịch sẽ vui vẻ làm theo lệnh quan mà không nhận đút lót để bao che cho những kẻ vi phạm. Nếu không làm vậy, một khi nha dịch đã nhận của đút lót từ bọn lò mổ, thông đồng bao che cho bọn chúng thì quan viên địa phương làm sao biết được? Làm sao có thể phát hiện được?

Cấm giết trâu được tăng tuổi thọ¹

Trong khoảng niên hiệu Gia Tĩnh,² quan Bố chánh tỉnh Phúc Kiến là Hồ Đạt mở yến tiệc chiêu đãi quan khách. Khi ấy, quan Thượng thư là Lâm Tuấn đang dự tiệc bỗng thấy choáng váng rồi hôn mê bất tỉnh, lay gọi mãi không dậy. Qua một thời gian rất lâu, tự nhiên tỉnh lại, nói: “Kỳ lạ thay! Tôi quả thật bị đưa đến âm phủ, Phán quan chính là ông tổ trong họ của tôi, quan Thượng thư Lâm Thông ngày trước đó. Ông ấy bảo tôi rằng: ‘Vua Diêm La hiện nay chính là Phạm Văn Chánh,³ ta là thuộc hạ của ông ấy. Xưa con làm quan huyện lệnh không cấm việc giết trâu, bị giảm tuổi thọ đi một kỷ,⁴ nên hôm nay mới bắt con đến đây.’ Tôi liền biện bạch: ‘Khi con nhận chức huyện lệnh, thật có ban lệnh cấm giết trâu, văn bản vẫn còn đến nay.’ Ông ấy ngạc nhiên nói: ‘Liệu có nhầm lẫn không?’ Liền lập tức ra lệnh tra xét lại. Trong chốc lát, thổ thần huyện ấy mang bản cấm giết trâu của tôi ban ra ngày trước đến trình. Ông mừng lắm, thay tôi tấu trình lên, liền được trả lại tuổi thọ cho tôi một kỷ, sai người đưa về.”

¹ Trích từ sách Giới nguou vụng biên (戒牛彙編). (Chú giải của soạn giả)

² Niên hiệu Gia Tĩnh vào triều Minh Thế Tông, từ năm 1522 đến năm 1566.

³ Phạm Văn Chánh, tức Phạm Trọng Yêm (范仲淹), sinh năm 989, mất năm 1052, tên tự là Hy Văn, tên thụy là Văn Chánh.

⁴ Một kỷ: tức 12 năm.

Những khách dự tiệc hôm ấy đều kinh sợ, cùng nhau phát lời thề không ăn thịt trâu nữa. Lâm Tuấn về sau quả nhiên sống thêm đúng một kỷ.

LỜI BÀN

Chỗ mong muốn của người nghèo là được giàu sang, chỗ mong muốn của người giàu sang là được tôn quý, chỗ mong muốn của người tôn quý chỉ duy nhất một điều là được sống lâu. Trong chốn u minh mờ mịt, chỉ riêng một việc giết trâu thôi, trong số những kẻ làm quan đã có biết bao người [cấm giết trâu] được tăng tuổi thọ, biết bao người [vì không cấm giết trâu] bị giảm tuổi thọ? Chỉ tiếc là âm phủ dương gian hai đường cách biệt, nên người đời không thể rõ biết được điều đó mà thôi.

Khuyên những người làm việc cửa quan

Những người làm việc ở nha môn, thường thấy người khác bị gông cùm buộc trói, hoặc bị đánh đập tra khảo, hầu như không có lòng thương xót. Cho nên họ xem việc giữ giới không giết hại lại càng là viễn vông không thực tế. Vì thế, một khi có việc đi đến chốn xóm thôn thì bọn họ phóng túng không chút kiêng dè, thấy gà bắt lấy gà, gặp vịt cướp lấy vịt, thậm chí còn bức bách người dân phải bán cả con cái¹ để có tiền cung phụng miếng ăn cho mình. Được thỏa mãn như vậy rồi lại khoa trương những việc ấy trong hàng ngũ của mình, tự cho là tài giỏi, khiến cho thói hung bạo như thế ngày càng phát triển nhiều hơn. Họ đâu biết rằng đạo trời báo ứng trả vay không sai chạy, [những kẻ hung bạo rồi] không khỏi chết vì đao gậy, hoặc bỏ mạng trong lao tù, hoặc gia nghiệp tan tành, con cháu phải nghèo đói xin ăn khắp chốn. Hết thấy báo ứng như thế đều do tâm địa độc ác

¹ Luật pháp vào thời ấy cho phép người ta có thể tự bán thân làm nô lệ cho người khác để đổi lấy một số tiền. Cha mẹ cũng có quyền bán con cái, chồng có quyền bán vợ. Vì thế, những người dân nghèo khi bị bức bách phải nộp những số tiền nào đó cho quan địa phương mà không thể xoay xở được thì phải bán con mình để nộp, nếu không họ sẽ bị bắt giam hoặc đánh đập.

hung tàn, khiến cho ngay trong đời này phải chịu những ác báo.

Vì thế, xin rộng khuyên hết thảy những kẻ có tâm lành đang làm việc trong chốn quan quyền, nên thường xuyên tạo phương tiện giúp đỡ mọi người. Thấy người khốn khổ có việc phải đến cửa quan, nên dùng lời từ hòa an ủi. Gặp kẻ thân cô thế cô chịu oan khuất, nên vì người ấy mà ra trước công đường bệch bạch oan tình. Đến như chuyện ăn uống, nói ra thật vô cùng, có biết bao nhiêu món đều có thể giúp ta ngon miệng no lòng, nếu [giết hại sinh linh vật mạng để khiến cho] trời cao phải nổi giận, sao bằng [canh rau đăm bạc mà] được hưởng phước lành, tăng thêm tuổi thọ, lại có thể giúp con cháu đời sau hưởng phúc hưng thịnh?

Người xưa nói: “Cùng một cánh tay, có thể xô ngã người, có thể nâng đỡ người; cùng một miếng ăn, có thể giết hại, có thể cứu sống.” Người hiểu rõ được lý ấy, có lẽ nào lại không suy xét kỹ?

Đồng lõa với kẻ xấu bị âm phủ trách phạt¹

Vào năm Giáp Thân thuộc niên hiệu Sùng Trinh,² Thiệu Thu Phương làm việc ở huyện Long Du.³ Bấy giờ quan huyện cấm việc giết mổ, bọn đồ tể trong làng sợ nha dịch tuần tra bắt gặp không để yên, liền hối lộ tiền cho Thu Phương để ngăn cản, bao che. Nhờ vậy, chúng vẫn có thể tha hồ làm việc giết mổ.

Năm Ất Dậu,⁴ vào ngày 2 tháng 4, Thu Phương chết đi, qua 7 ngày bỗng sống lại, tự nói rằng mình đã đi đến âm phủ, nhìn thấy Phán quan đang tra xét chuyện giết trâu. Bỗng có con trâu chạy đến cản, lại thấy tên đồ tể tên Vương Thập Nhất cũng ở đó, có ý muốn đổ tội cho Thu Phương. Khi ấy, dao mổ trâu,

¹ Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

² Tức năm 1644. Niên hiệu Sùng Trinh kéo dài từ năm 1628 đến năm 1644, thuộc triều Minh Tư Tông.

³ Huyện Long Du thuộc tỉnh Chiết Giang.

⁴ Tức năm 1645.

chậu huyết bỗng nhiên hiện ra ngay trước mặt, Thu Phương liền cố hết sức kêu oan. Phán quan nói: “Cho dù ông không tự tay giết trâu, nhưng ngày hôm ấy nếu không có ông bao che, bọn đồ tể ắt phải sợ quan huyện bắt tội, chưa hẳn đã dám giết trâu.” Truyền tra xét lại, thấy tuổi thọ Thu Phương chưa dứt, liền cho trả về dương gian, đợi sau khi chết sẽ trị tội.

LỜI BÀN

Đối với lệnh cấm giết mổ súc vật, nếu buông thả cho làm thì rất dễ, nhưng nghiêm cấm lại sẽ rất khó. Vì thế, một khi đã tác động khiến người khác buông thả lệnh cấm, ắt xem như tự mình đã phải nhận lấy quả báo mang lông đội sừng.¹ Cho nên, những người có chức phận đang làm việc công phải hết sức thận trọng!

Khuyên người phụng dưỡng cha mẹ²

Người làm con thực hành hiếu hạnh, phụng dưỡng cha mẹ cũng có nhiều phương cách khác biệt nhau, [có thể phân chia thành thứ bậc].

Có thể toàn tâm toàn ý phụng dưỡng cha mẹ theo bậc hạ, gọi là tiểu hiếu. Có thể toàn tâm toàn ý phụng dưỡng cha mẹ theo bậc thứ, gọi là trung hiếu. Có thể toàn tâm toàn ý phụng dưỡng cha mẹ theo bậc thượng, gọi là đại hiếu. Chỉ riêng những ai có thể toàn tâm toàn ý phụng dưỡng cha mẹ theo bậc tối thượng mới được gọi là bậc đại hiếu trong hàng đại hiếu.

Như vậy có nghĩa là thế nào? Phụng dưỡng cha mẹ theo bậc hạ, đó là nói chỉ phụng dưỡng cha mẹ đầy đủ cơm ăn áo mặc, miếng ngon vật lạ, không để cha mẹ phải có bất cứ điều chi than phiền. Đó cũng là điều mà người thế gian không dễ làm được, gọi là *tiểu hiếu*.

¹ Mang lông đội sừng: ý nói phải tái sinh trong các loài thú.

² Những chuyện dưới đây khuyên người không nên giết hại trong nhà.

Phụng dưỡng cha mẹ theo bậc thứ, đó là nói [ngoài việc phụng dưỡng đầy đủ cơm ăn áo mặc] còn quan tâm đến chí hướng của cha mẹ. Những gì cha mẹ yêu thích, mình cũng yêu thích, những gì cha mẹ kính trọng, mình cũng kính trọng, khiến cho cha mẹ luôn được vui lòng. Như thế gọi là trung hiếu.

Phụng dưỡng cha mẹ theo bậc thượng, đó là nói [ngoài những việc như trên, còn] dẫn dắt, khuyến khích cha mẹ bước vào đường đạo, thấy cha mẹ làm thiện thì tán thành, thấy cha mẹ làm lỗi thì can ngăn, khiến cho lời nói việc làm của cha mẹ đều hợp theo Chánh đạo. Như thế gọi là *đại hiếu*.

Còn như việc phụng dưỡng cha mẹ theo bậc tối thượng, đó là [sau khi đã làm được như trên lại còn] tiến thêm một bước nữa, thường luôn nghĩ nhớ đến công ơn cha mẹ lớn lao như trời đất, mà tuổi thọ của cha mẹ ngày một suy giảm, biết phải dùng phương pháp nào để có thể báo đáp? Dùng phương pháp nào để có thể kéo dài thêm tuổi thọ của cha mẹ? Dùng phương pháp nào để có thể giúp cha mẹ thoát được ra khỏi vòng luân hồi sinh tử? Dùng phương pháp nào để có thể giúp cha mẹ tiêu trừ hết thảy tội lỗi, nghiệp chướng? Dùng phương pháp nào để có thể giúp cha mẹ [tu hành tăng tiến, ngộ đạo chứng quả] được dự vào dòng thánh, rốt ráo thành Phật?

[Thường luôn suy ngẫm những điều ấy thật kỹ lưỡng, cũng giống] như khi tai kiếp binh đao khởi lên, liền cùng cha mẹ đi trốn, [trong lòng phải thường suy ngẫm: Ta] trốn vào núi sâu, liệu bọn giặc cướp có đến được không? Trốn ra biển rộng, liệu bọn giặc cướp có đến được không? Trốn nơi đồng rộng hoang vu, liệu bọn giặc cướp có đến được không? Suy đi nghĩ lại thật chín chắn như thế, ắt sẽ có thể đưa cha mẹ đến một nơi an ổn mọi bề. Được như vậy gọi là phụng dưỡng cha mẹ theo bậc tối thượng, theo cách không gì hơn được nữa, cũng gọi là phụng dưỡng cha mẹ theo cách siêu việt ra khỏi hết thảy các pháp thế gian. Như vậy chẳng phải là bậc *đại hiếu* trong hàng *đại hiếu*

đó sao?

[Thường suy ngẫm như trên ắt sẽ thấy rằng,] nếu giết hại loài vật để nuôi dưỡng cha mẹ, sẽ khiến cho những con vật bị giết ôm lòng oán hận trong nhiều đời, cha mẹ phải tái sinh nhiều kiếp để đền trả món nợ giết hại. Như thế còn hơn cả việc dùng thịt có độc dăng cha mẹ đỡ đói, dùng rượu có độc để mong cha mẹ hết khát, thật hết sức trái lẽ, sao có thể sai lầm gọi đó là hiếu?

Có người hỏi: “Kẻ sĩ thành tựu công danh, làm rạng danh dòng họ, sáng đức tổ tiên, có thể xem là hiếu chăng?” Đáp rằng: “Việc thành tựu công danh tất nhiên là nên theo đuổi. Nếu biết dựa vào đó để làm thiện giúp người, ắt sẽ làm cho cha mẹ được vui mừng vinh dự, nhưng nếu dựa vào đó để làm chuyện xấu ác, chẳng phải đã ngược lại làm nhục cha mẹ rồi sao? Cha mẹ của Tần Cối,¹ Nghiêm Tung đều có con trai làm quan đến hàng Tể tướng đầu triều,² nhưng ví như họ sinh vào đời nay, ắt không khỏi bị người đời căm giận ghét bỏ.”

Cho nên phải biết rằng, người con hiếu muốn làm cho cha mẹ được vinh dự thì không gì hơn làm thiện tích đức. Việc thành tựu công danh chỉ nên xem là việc thứ yếu.

¹ Tần Cối (1090-1155): gian thần khét tiếng trong lịch sử Trung Hoa, thao túng triều đình vào đời Tống Cao Tông (1107 - 1187), vu cáo hãm hại vô số trung thần nghĩa sĩ, trong đó có cả danh tướng Nhạc Phi. Người đời sau quá căm ghét ông nên khi dựng miếu thờ Nhạc Phi (Nhạc miếu) ở Hàng Châu đã cho đúc tượng vợ chồng Tần Cối - Vương thị trong tư thế bị còng tay quỳ trước miếu, để người dân khi đi qua lại nhổ nước bọt vào hai người. Đến nay, món bánh giò cháo quẩy của người Trung Hoa được làm bằng bột chiên trong dầu vẫn giữ lệ làm từng cặp dính nhau và xem là tượng trưng cho vợ chồng Tần Cối bị trói thành cặp ném vào vạc dầu cho đáng tội.

² Nghiêm Tung: gian thần vào đời Hoàng đế Gia Tĩnh (tức Minh Thế Tông, 1507 - 1567). Nghiêm Tung là người không biết chữ, càng không có tài năng gì, nhưng giỏi bợ đỡ, nịnh hót đến mức được hoàng đế Gia Tĩnh giao cho nắm hết chính sự từ năm 1539. Từ đó ông ta thao túng mọi việc triều đình, hãm hại trung lương vô tội. Đến tháng 4 năm 1562, hoàng đế Gia Tĩnh mới nhìn ra được sự bất tài vô dụng và gian xảo của Nghiêm Tung, liền nghe lời các bậc trung thần và ra lệnh trừng trị cả nhà họ Nghiêm. Số người họ Nghiêm bị liên quan trong vụ án này lên đến hơn 50.000 người.

Đền trả nghiệp ác¹

Huyện Gia Hưng [thuộc tỉnh Chiết Giang] có một bà lão sống nhờ vào đứa con trai làm nghề bắt cua. Mỗi ngày anh ta đều bắt cua, dùng dây cỏ buộc lại rồi mang đi bán, lấy tiền ấy mua gạo, củi... các thứ về nuôi dưỡng mẹ.

Một hôm, bà lão có bệnh, bỗng lấy những sợi dây cỏ dài nuốt dần vào bụng. Nuốt hết vào rồi lại nắm lấy từng sợi, từng sợi lôi trở ra. Lôi ra hết lại nuốt trở vào, rồi lại lôi trở ra, cứ vậy mà làm mãi, khiến cho máu từ trong ruột cứ trào ra ngoài miệng. Bà lão lại nói: “Tôi nhận sự nuôi dưỡng bằng đồng tiền tạo ra bởi nghiệp ác của con trai, nên nay phải chịu quả báo như thế này. Nếu không như thế này, ngược lại e rằng còn phải chịu thống khổ nhiều hơn.”

Người đến xem rất đông, trải qua suốt nhiều ngày như vậy rồi bà lão mới chết.

LỜI BÀN

Thuở xưa, khi đức Thế Tôn đang ở thành Vương Xá, nhìn thấy một con cá lớn có nhiều đầu, mỗi đầu đều khác biệt nhau, bị mắc vào trong lưới. Đức Thế Tôn thấy vậy liền nhập Tam-muội, khởi tâm từ rồi cất tiếng gọi cá. Cá lập tức lên tiếng đáp. Đức Thế Tôn hỏi nó: “Mẹ của ngươi hiện giờ ở đâu?” Cá đáp: “Mẹ của con hiện đọa làm con trùng trong hố xí.” Đức Phật liền dạy các tỳ-kheo rằng: “Con cá lớn ấy vào thời đức Phật Ca-diếp² vốn là một vị tỳ-kheo tinh thông Tam tạng kinh điển. Do tạo nghiệp ác khẩu nên phải chịu quả báo dị dạng, một thân có nhiều đầu. Người mẹ của tỳ-kheo ấy nhận sự nuôi dưỡng của ông ta, do nghiệp duyên ấy nên nay phải làm con trùng trong

¹ Trích từ sách Hiếu sinh lục (好生錄). (Chú giải của soạn giả)

² Đức Phật Ca-diếp là vị Phật ra đời ngay trước đức Phật Thích-ca Mâu-ni, là một trong 7 vị Phật của Hiền kiếp này.

hổ xí.”

Quán xét việc ấy ắt phải thấy rằng, việc dùng đồng tiền tạo ra bởi nghiệp xấu ác để nuôi dưỡng cha mẹ đã không phải việc người con hiếu nên làm, hưởng chi lại quen theo thói tục mà giết hại vật mạng dâng lên cha mẹ?

Nghiệp đời trước còn lại¹

Vào đời nhà Thanh có ông Cố Thuận Chi quê ở huyện Thường Thục,² là người ăn chay trường, ngụ cư ở huyện Vô Tích.³ Ngày mồng một tháng hai năm Canh Tuất thuộc niên hiệu Khang Hy,⁴ ông nhắm mắt ngủ mê đến bảy ngày sau mới tỉnh lại, kể với người chung quanh rằng:

“Tôi mơ thấy một vị đạo nhân đến hẹn tôi đi nghe kinh. Tôi cùng ông ấy đến một chỗ nọ, thấy ở pháp đường phía trước giảng kinh Kim Cang, pháp đường phía sau giảng kinh Báo Ân. Buổi giảng kết thúc lại nghe có lời dạy rằng: ‘Người ăn chay phải kiên trì giữ tâm niệm Phật; người ăn mặn thì cốt yếu là phải giữ giới không giết hại. Làm được như vậy, một là có thể cầu siêu thoát cho cha mẹ nhiều đời, hai là có thể tiêu trừ được tội lỗi nghiệp chướng của bản thân mình.’ “Sau đó giây lát, bỗng nhìn thấy mẹ tôi đang khóc lóc ở trong một cái hồ chứa đầy máu, có những con ốc và giun đất vây quanh đầy khắp thân thể bà. Vị đạo nhân bảo tôi: ‘Người mẹ kiếp này của ông đã được siêu thoát rồi, ông nhìn thấy đó là người mẹ trong kiếp trước, vì lúc còn sống bà thích ăn thịt vịt nên bây giờ phải bị các con vật ấy vây kín quanh thân. Ông nên trì chú Vãng sinh để cầu cho bà ấy siêu thoát.’ Sau đó thì tỉnh dậy.”

¹ Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc Tô Châu, tỉnh Giang Tô.

³ Cũng thuộc tỉnh Giang Tô.

⁴ Tức năm 1670, niên hiệu Khang Hy năm thứ 9.

LỜI BÀN

Người đời gọi là hiếu, bất quá chỉ [là lo cho cha mẹ] trong một đời hiện tại. Người tận hiếu theo pháp Phật thì rộng làm lợi ích [cho cha mẹ trong cả] nhiều đời, vì thế nên gọi là [hiếu hạnh] lớn lao.

Khuyên những người thương con

Trẻ con làm việc giết hại vật mạng, đều do các bậc cha mẹ không ngăn cấm. Chúng giết hại quen rồi thì xem đó chỉ là chuyện bình thường. Ban đầu đối với những côn trùng nhỏ nhoi như kiến, dế... mà không có lòng thương xót, ắt tiếp theo sẽ làm đến những việc mổ trâu giết chó mà không thấy cần gì phải ngăn giữ. Lòng trắc ẩn một khi đã bị đánh mất thì danh thơm tiếng tốt tiêu tan, dòng dõi cháu con dứt tuyệt, hết thảy đều do đó mà ra. Cho nên biết rằng từ thuở còn thơ ấu, nếu rèn theo việc thiện ắt sẽ nên người thiện, tập theo việc ác ắt phải thành người ác, không thể buông lỏng dù chỉ một ngày không lưu tâm dạy dỗ.

Xin có lời rộng khuyên hết thảy những bậc phụ huynh: sinh linh vật mạng dù nhỏ nhoi cũng nên cứu vớt, con em trong nhà dù còn thơ ấu cũng phải lo răn dạy ngăn ngừa. Làm sao cho những chỗ thấy nghe của con em mình, hết thảy đều là hiền thiện. Dù là kẻ đã trở thành bất nhân cũng nên dạy dỗ cảm hóa, hướng chi [trẻ con vốn đều mang] bản chất hiền thiện? Nếu không như vậy, thuở ấu thời không lo dạy dỗ, về sau có hối tiếc cũng không còn kịp nữa.

Họ Thang kể chuyện côi âm¹

Thang Sinh là người huyện Lật Thủy,² vào năm Giáp Ngọ

¹ Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Giang Tô.

thuộc niên hiệu Thuận Trị¹ dự khoa thi Hương, vừa thi xong thì ngã bệnh. Đến khoảng nửa đêm ngày 6 tháng 10 năm ấy thì toàn thân lạnh cóng, cứng đờ, rồi bao nhiêu sự việc đã làm trong đời đều tự nhiên hiện ra rõ ràng trước mắt. Ông nhớ lại thuở nhỏ đùa nghịch có bắt một con gà đem giấu dưới rãnh nước, kết quả sóc đất cắn nó bị thương. Lại có lần ông giết chết cả một tổ dơi. Một lần khác, có người giúp việc trong nhà ngủ mê, ông nghịch lấy giấy dầu đốt làm bỏng tay người ấy.

Thế rồi trong giây lát bỗng thấy cả bầy dơi kéo đến đòi mạng, trong lòng ông hết sức kinh sợ. Nhưng rồi ông cũng chợt nhớ lại hết thảy những việc thiện đã làm, dù nhỏ nhất cũng nhớ lại hết. Bỗng nhiên ông chợt nhớ đến một câu trong Tâm kinh “*vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố*” (tâm thức không chướng ngại nên không có sự sợ sệt hoảng hốt), có chút nhận hiểu, trong lòng liền được dần dần an ổn. Chợt ông nhìn thấy đức Đại sĩ Quán Thế Âm hiện ra trên cao, tay cầm nhánh dương vậy nước xuống, liền tỉnh lại. Về sau, đến năm Tân Sửu,² ông đỗ tiến sĩ.

LỜI BÀN

Họ Thang nhốt gà, giết dơi, đều là những việc đùa nghịch thuở còn thơ ấu. Nhưng khi đến cõi âm, những con vật bị giết liền hiện ra đòi mạng, nên có thể biết được rõ ràng là tội giết hại vật mạng thì dù trẻ thơ cũng không được dung thứ. Huống chi bọn trẻ đùa nghịch gây hại, đâu chỉ với một con gà, một con dơi? Những ai thực sự biết thương yêu con em mình thì phải gấp rút suy ngẫm đến mối họa này mà sớm lo liệu ngăn ngừa.

¹ Tức là năm 1654, niên hiệu Thuận Trị năm thứ 11.

² Tức là năm 1661.

Phá tổ chim bị đốt khô chân¹

Ở huyện Ký Châu² có một đứa trẻ thường tìm kiếm các tổ chim rồi bắt lấy trứng đem về ăn. Một hôm, có người nói với nó: “Chỗ kia có trứng chim, cháu có thể đi cùng ta đến bắt.” Đứa trẻ liền đi theo người ấy đến một ruộng trồng dâu. Bỗng nhiên nó nhìn thấy phía bên trái đường có một cái thành, trong thành có nhà cửa đường xá hết sức đẹp đẽ đông đúc, lại có tiếng ca nhạc rộn ràng huyền ảo. Đứa trẻ lấy làm lạ, liền hỏi: “Cái thành này có từ lúc nào?” Người cùng đi quát bảo im không được nói, rồi dẫn nó vào thành. Vừa bước vào thì cửa thành đột nhiên đóng lại, trong thành đầy những sắt nóng lửa hồng dưới chân, nóng hực không sao chịu nổi. Đứa trẻ gào khóc la hét chạy nhanh về cổng thành phía nam, vừa đến nơi thì cửa thành liền đóng lại. Lại chạy về cửa thành phía đông, rồi phía tây, phía bắc, mỗi khi vừa đến nơi cũng đều thấy cổng thành tự nhiên đóng chặt lại.

Bấy giờ, trong ruộng dâu có một người đang hái lá dâu, nhìn thấy đứa trẻ ấy vừa chạy vừa gào khóc la hét trong ruộng dâu nên nghĩ là nó bị điên, liền chạy về báo với cha nó. Người cha ra đến nơi, cất tiếng gọi tên đứa trẻ, nó vừa đáp lại liền ngã lăn ra đất, cả tòa thành với lửa nóng đều không còn thấy nữa. Người cha nhìn hai chân con thì thấy từ đầu gối trở xuống cháy khét như bị nướng trên lửa. Gạn hỏi, nó liền kể lại những gì đã xảy ra. Người cha đưa về nhà lo việc chữa trị, cuối cùng đôi chân đứa bé từ đầu gối trở xuống chỉ còn như hai que xương khô.

LỜI BÀN

Khổ não ở địa ngục đều do tâm tạo ra, cũng do nơi tâm mà hiển hiện. Người có phước đức sâu dày thì địa ngục cũng chính

¹ Trích từ sách Hiếu sinh lục (好生錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Hà Bắc.

là cung điện cõi trời. Kẻ tạo nghiệp ác nặng nề thì cung điện cõi trời liền hóa thành địa ngục. Cũng giống như người mắc bệnh sốt rét tuy ở cùng một nơi với người không có bệnh, nhưng người không có bệnh thì không thấy lạnh, còn người bệnh kia thì rét run cầm cập như đang ở giữa nơi băng giá. Lại có lúc người không có bệnh thì không thấy nóng, mà người bệnh kia thì mồ hôi tuôn như tắm, khác nào đang ở nơi lửa nóng. Đó là một lẽ để chứng minh.

Lại như chư thiên ở các cõi trời Lục dục,¹ tuy cùng thọ hưởng các món ăn cõi trời như nhau, nhưng các vị nào phước đức nhiều hơn thì nhìn thấy món ăn ấy hoàn toàn trắng sạch, còn những vị phước đức kém hơn thì tùy theo mức độ mà nhìn thấy món ăn ấy có màu ít nhiều sậm đỏ hơn. Cho đến các thứ như y phục, châu báu, cung điện... cũng đều khác biệt theo cách như thế. Đó lại là một lẽ khác nữa để chứng minh.

Lại như người đời khi ở trong bụng mẹ, hết thủy đều bị ngũ tạng, máu huyết bao quanh, nhưng đức Thế tôn khi ở trong bụng thánh mẫu Ma-da, nhập Tam muội Ly cấu thì liền có các thứ gỗ thơm chiên-đàn, châu báu vi diệu, vô số cung điện đều hiện ra để tự trang nghiêm. Đó chẳng phải là tất cả đều do tâm thức tạo ra đó sao?

Vì thế biết rằng, đứa trẻ nghe tiếng người bảo “chỗ kia có trứng”, ấy là do chính từ trong tâm nó hiện thành, là trứng của vô minh. Nơi ruộng dâu lại có thành quách, đó cũng là do tự tâm nó hiện ra, là thành quách của những oan nghiệp đã tạo. Khắp trong thành đều có lửa nóng, cũng từ trong tâm nó hiện ra, là lửa nóng phiền não. Bồn cửa thành đều tự đóng chặt, cũng là do tự tâm nó mà hiện ra những cửa lao ngục. Cho nên có câu: “Địa ngục không xa, chính ở ngay trước mắt, tùy theo nghiệp báo của mỗi người mà hiện ra đó thôi.”

¹ Các cõi trời Lục dục: chi 6 tầng trời thuộc Dục giới, bao gồm: 1. Tứ đại vương chúng thiên; 2. Tam thập tam thiên; 3. Dạ-ma thiên; 4. Đâu suất thiên; 5. Lạc biến hóa thiên; 6. Tha hóa tự tại thiên.

Nên khuyên dạy phụ nữ

Kinh Thi có câu: “Thân là phụ nữ, không cần quan tâm việc đúng sai tốt xấu trong gia đình, chỉ chuyên lo chuyện bếp núc là tốt rồi.”¹ Đối với chuyện bếp núc, như đã thường xuyên giết mổ cắt xẻ ắt sẽ dần thành thói quen rất khó thay đổi. Nếu không phải người sẵn trông căn lành từ nhiều đời trước, ắt rất khó tin nhận và giữ theo giới không giết hại.

Nhưng người phụ nữ trong gia đình lo liệu chuyện bếp núc, nên hầu như chính là người nắm quyền quyết định việc có giết hại vật mạng hay không. Nếu là người có đức hiếu sinh, muốn bảo vệ sự sống, lẽ nào lại không đem đạo lý nhân từ mà khuyên dạy cảm hóa ngay từ người phụ nữ trong gia đình mình?

Nhờ việc chép kinh được thoát khổ²

Vào đời nhà Đường, khoảng năm đầu niên hiệu Long Sóc,³ ở huyện Lạc Châu⁴ có người tên Ngũ Ngũ Nương, sau khi chết được hơn một tháng thì báo mộng⁵ cho người chị và em trai của mình rằng: “Tôi thuở nhỏ bị bệnh ghê, có giết một con cua đem giã nát để đắp lên. Tuy bệnh ghê khi ấy được khỏi, nhưng nay tôi phải đọa vào địa ngục có rừng đao. Hiện có 7 mũi đao xuyên vào thân

¹ Nguyên bản là: “女子無非無儀，唯酒食是議” (Nữ tử vô phi vô nghi, duy tửu thực thị nghị), được lấy ý từ Kinh Thi, phán Tiểu Nhã, thiên Tư can, chương thứ 9. Nguyên văn bài thơ này là: “乃生女子，載寢之地，載衣之褐，載弄之瓦，無非無儀，唯酒食是議，無父母詒罹。” (Nãi sinh nữ tử, tải tẩm chi địa, tải y chi thể, tải lộng chi ngôa, vô phi vô nghi, duy tửu thực thị nghị, vô phụ mẫu di ly.) Tạm dịch nghĩa: “Sinh ra con gái, thì cho ngủ dưới đất, lại lấy tã mặc vào, lấy viên ngói cho nó chơi. Lớn lên không cần bàn chuyện đúng sai tốt xấu, chỉ nên lo việc món ăn thức uống cho gia đình, và đừng mang đến mối lo cho cha mẹ là được rồi.”

² Trích từ sách Pháp uyển Châu lâm (法苑珠林). (Chú giải của soạn giả) Tuy nhiên, chúng tôi không tìm thấy câu chuyện này trong Pháp uyển châu lâm mà tìm thấy trong quyển 1 của sách Kim Cang Kinh Thọ Trì Cảm Ứng Lục (金剛經受持感應錄), được xếp vào Vạn tục tạng, kinh số 1631, trang 474, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 5. Sách này lại dẫn nguồn từ Minh báo ký (冥報記). Chúng tôi đã đối chiếu với cả nội dung trong sách Minh báo ký và thấy có một số chi tiết khác với nội dung trong An Sỹ toàn thư.

³ Túc năm 661, đời Đường Cao Tông.

⁴ Nay là Lạc Dương, thuộc tỉnh Hà Nam.

⁵ Theo Minh báo ký thì không phải nằm mộng, mà là giữa khuya cả người chị và đứa em trai đều nghe có tiếng rên rỉ trên bàn thờ, liên cất tiếng hỏi và nghe tiếng người chết trả lời.

tôi, đau đớn không chịu nổi. Xin làm việc Phật sự để hồi hướng công đức cứu vớt tôi.”¹

Người chị liền mang y phục để lại của Ngũ Ngũ Nương đến chùa Tịnh độ cúng dường, thỉnh thầy Bảo Hiến chép 7 quyển kinh Kim Cang. Vừa chép kinh xong, lại mộng thấy Ngũ Ngũ Nương hiện về trong mộng² cảm tạ và nói: “Giờ cả 7 mũi đao đều ra khỏi thân thể. Tôi nhờ phước ấy đã được tái sinh.”

LỜI BÀN

Giết mạng con vật để trị bệnh còn không thể được, huống chi là vô cớ mà tạo nghiệp giết hại!

*Ruồi, kiến cùng đòi mạng*³

Vào khoảng cuối đời nhà Minh, huyện Vô Tích⁴ có người họ Dư, từ năm hơn hai mươi tuổi đã bắt đầu ăn chay, thờ Phật. Chỉ có điều tính ông rất ghét các loài ruồi, kiến, cứ nhìn thấy là giết hết.

Đến năm bảy mươi hai tuổi, ông bệnh rất nặng, bỗng nhiên hét to với người chung quanh rằng có vô số kiến chui vào miệng mình, lại nói có ngàn vạn con ruồi cùng kéo đến đòi mạng. Lát sau, nhìn thấy có đồng tử dẫn hồn đi đến, liền bỏ mạng.

LỜI BÀN

Xét việc họ Dư ưa giết ruồi, kiến cùng với những nghiệp báo xấu ác lúc lâm chung thì chắc rằng việc ăn chay, thờ Phật của ông ấy chỉ là sơ sài hình thức mà thôi. Nếu không phải vậy, thì

¹ Theo Minh báo ký thì đoạn này còn có thêm một số chi tiết khác, có lẽ tiên sinh An Sỹ đã lược bớt. Ngoài ra, sách này chép Ngũ Ngũ Nương nói rằng: “Xin nhận lấy y phục của tôi và giúp tôi làm việc công đức.” Sau đó thì người chị nhìn thấy y phục đã liệm theo khi chôn cất giờ lại nằm ở trên giường. Như vậy, không có chi tiết mang y phục của người chết lên cúng chùa (Điều này không hợp lý).

² Theo Minh báo ký thì vẫn không phải là nằm mộng, mà nghe thấy tiếng nói từ bàn thờ.

³ Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

⁴ Thuộc tỉnh Giang Tô.

đức Như Lai vốn có đủ vô lượng oai lực, chỉ cần chí tâm niệm Phật một tiếng còn có thể miễn trừ tội nặng trong nhiều đời, huống chi ông ấy suốt đời tu trì, sao không miễn trừ được tội nghiệp trong hiện tại? Hơn nữa, nếu đã chân thành thờ kính Phật, làm sao còn có thể [nhẫn tâm] muốn giết ruồi diệt kiến?

Khuyên người không nên nuôi mèo

Người ta tạo ra các ác nghiệp, cũng giống như trồng dây leo. Từ một gốc đã mọc lên, cành lá rồi sẽ lan ra chằng chịt. Hãy thử xét như việc nuôi mèo chẳng hạn. Nếu nhìn theo quan điểm thế gian thì bất quá điều này chỉ tạo ra một nghiệp xấu [là giết chuột] mà thôi. Nhưng nếu dùng trí tuệ sáng suốt mà xét kỹ sẽ thấy rằng điều này có thể nuôi dưỡng vô số ác nghiệp. Nay thử trình bày ra đây chỉ một đôi phần trong số đó.

- Nhìn chung, loài chuột vốn không làm hại con người, nay ta bỗng dung khởi sinh ác ý muốn giết hại chúng, đó gọi là sự giết hại vô cớ (vô duyên sát).
- Chúng ta không thể tự mình giết, lại dùng việc nuôi mèo để giết chuột, đó gọi là sai bảo khuyến khích kẻ khác giết hại (giáo tha sát).
- Mỗi khi thấy mèo bắt được chuột liền khởi tâm vui mừng, đó gọi là thấy sự giết hại mà tán trợ vui theo (tùy hỷ sát).
- Thấy mèo bắt được nhiều chuột thì khen ngợi, đó gọi là xưng tán, ca tụng sự giết hại (tán thán sát).
- Cố ý đem mèo thả vào những nơi có nhiều chuột [để nó bắt giết], đó gọi là tạo điều kiện thuận lợi cho việc giết hại (phương tiện sát).
- Trong lòng mong muốn cho mèo ngày nào cũng bắt được chuột, đó gọi là nuôi dưỡng tâm nguyện giết hại (thệ nguyện sát).

- Trong lòng mong muốn nuôi mèo để giết chuột nhà mình, kết quả đúng thật mèo ấy giết chuột nhà mình, đó gọi là sự giết hại hướng tâm cố ý và chính xác (chính sát), cũng gọi là sự giết hại có tương thông với tâm giết hại của kẻ khác (thông tâm sát).
- Trong lòng mong muốn nuôi mèo để giết chuột nhà mình, kết quả mèo ấy lại cũng sang giết chuột nhà người khác, đó gọi là giết trộm (đạo sát), cũng gọi là sự giết hại không tương thông với tâm giết hại của kẻ khác (cách tâm sát).
- Nuôi mèo chỉ vì muốn nó bắt chuột, nhưng rồi lại bắt cá, mua cá cho nó ăn, đó gọi là sự giết hại phát triển thêm (tăng ích sát).
- Khiến cho những người quanh ta bắt chước làm theo, con cháu anh em bắt chước làm theo, cùng làm việc giết hại sinh mạng, đó gọi là sự giết hại tiếp nối lan truyền không có lúc chấm dứt (vô tận sát)...

Vô số những nghiệp ác như vậy, đều khởi sinh từ chỉ một ý niệm căn bản ban đầu là muốn nuôi mèo, có thể nào lại không hết sức nghiêm khắc ngăn ngừa [ý niệm ấy] hay sao?

*Chuột tha văn thi*¹

Lý Chiêu Hổ tham gia kỳ thi Hội. Quan chủ khảo xem qua bài của ông, cho rằng văn chưa được hay, liền loại ra, đặt lên đầu giá sách. [Đến lúc đi ngủ,] có con chuột lớn ngậm bài văn ấy lôi đến bên gối ông. Quan chủ khảo liền lấy đặt lại lên giá sách, chuột lại tha đến bên gối. Liên tục ba lần như vậy, quan chủ khảo trong lòng kinh dị, liền xem lại và chấm đỗ bài văn ấy.

Sau khi yết bảng, quan chủ khảo liền gạn hỏi Lý Chiêu Hổ. Ông nói “[Có lẽ vì] ba đời nhà tôi chưa bao giờ nuôi mèo [để giết chuột].”

¹ Trích từ sách Cổ sử đàm uyển (古史談苑). (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Trong nhà nuôi thêm một con vật, đó là tạo thêm một phần nghiệp ác. Kinh Bồ Tát giới¹ dạy rằng: “Người Phật tử nuôi dưỡng những con vật như mèo, chó, lợn... đó là phạm vào tội khinh cấu.”² Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy rằng: “Nuôi mèo là phạm tội. Nuôi các loài vật như dê, lợn v.v... là phạm tội. Nuôi tầm [kéo tơ] là phạm tội.”³

Kinh điển dạy rõ việc này ở rất nhiều nơi, chỉ tiếc là người đời không đủ nhân duyên đọc được mà thôi. Người biết quý tiếc sự sống của muôn loài thì không muốn làm những việc như trồng hoa, nuôi cá... vì đều dẫn đến sự giết hại vật mạng ngày càng nhiều hơn.

Mong sao người đọc có thể suy xét thật kỹ những điều này, đừng cho đó là những lời vô nghĩa.

Khuyến người chúc mừng sinh nhật⁴

Chúc mừng sinh nhật quả là điều vui, nhưng nên nghĩ đến việc ngày hôm nay con đàn cháu đống đông vui, cùng nâng chén chúc mừng tuổi thọ, thì năm xưa cũng chính ngày này cha mẹ sinh ta ra, phải chịu bao gian khó nhọc nhằn!⁵

Người đời nay đến ngày mừng thọ, chỉ biết giết hại vật mạng, mở tiệc chiêu đãi thân quyến bạn bè, mà đối với công ơn sinh dưỡng như trời bể của cha mẹ thì hầu như không hề nhớ đến,

¹ Túc kinh Phạm Võng (梵網經), 2 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 24, kinh số 1484. Nội dung trích dẫn thuộc quyển 2, trang 1007, tờ b, dòng thứ 13.

² Tội khinh cấu: các tội nhẹ hơn so với trọng tội hay tội ba-la-di. Tuy gọi là nhẹ hơn, nhưng vẫn làm ô nhiễm hạnh thanh tịnh của người tu tập.

³ Thật ra đoạn này trích từ sách Phạm võng Bồ Tát giới kinh nghĩa sơ phát ấn (梵網菩薩戒經義疏發隱), 5 quyển, được xếp vào Vạn tục tạng thuộc Tập 38, kinh số 679. Đoạn trích này thuộc quyển 5, trang 201, tờ a, dòng 14 và 15, nhưng sách này lại dẫn nguồn bằng câu “Ưu-bà-tắc giới kinh văn”. Chúng tôi vẫn chưa tìm thấy nguyên văn trong kinh này.

⁴ Dưới đây khuyến không nên giết hại vật mạng vào những dịp lễ mừng.

⁵ Câu này lấy ý từ một câu thơ trong Kinh Thi: “哀哀父母，生我劬勞 - Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao.” (Thương thay cha mẹ, sinh ta ra bao gian khó nhọc nhằn.” Bài thơ này nói lên công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

như vậy thật là quái lạ!

Than ôi, một lần sinh con, cha mẹ phải hao tổn biết bao khí lực tinh thần, khiến cha mẹ phải chịu thêm vô số khổ não ưu phiền, cho đến ngày ta tuổi cao tác lớn thì lại tạo nghiệp giết hại sinh linh vật mạng, liên lụy đến cha mẹ, làm sao có thể an ổn trong lòng?

Xưa kia, vua Đường Thái Tông lúc đang ở ngôi vua tôn quý mà đến sinh nhật còn không dám lấy làm vui, huống chi là người khác?

Dám khuyên những người con hiếu, mỗi khi đến sinh nhật của mình, nên bùi ngùi suy tưởng rằng: “Ngày hôm nay thật chẳng có gì để ta buông thả mừng vui! Vì chính vào ngày này năm xưa, để sinh ra được đứa con bất hiếu¹ là ta mà cha mẹ phải bao phen nguy khốn, đối mặt với sống chết. Ngày hôm nay thật chẳng có gì để ta phóng túng mừng vui! Chính vào ngày này năm xưa mẹ ta phải bắt đầu một chuỗi dài những ngày khổ nhọc, đêm ngày bông bế, bảo bọc cho ta, bên ướm mẹ nằm bên rảo con lăn, trải qua nhiều năm không hề có được giấc ngủ yên, [vậy có gì là vui?]

Ngày hôm nay thật chẳng có gì để ta phóng túng mừng vui! Vì hiện nay ta vợ con đầy đủ, an ổn thọ hưởng sản nghiệp gia tài [mẹ cha để lại], nhưng chẳng biết cha mẹ [quá cố] nay thác sinh chốn nào, sướng khổ ra sao, [vậy có gì là vui?]

Ví như ngày nay ta rộng làm các việc phước thiện, hồi hướng công đức cho cha mẹ ở cõi âm, chỉ sợ cũng không còn kịp nữa, [huống chi lại] nở lòng nào trong ngày tưởng niệm những gian khó nhọc nhằn của cha mẹ lại tụ tập cùng nhau giết hại vật mạng, ăn uống say sưa, hát ca nhộn nhịp được sao?”

¹ Bất hiếu: lời khian tốn tự nhận mình không noi theo, tiếp nối được những điều tốt đẹp của cha mẹ.

Tặng kinh cho người mừng thọ¹

Huyện Côn Sơn² có vị Thái phu nhân họ Hứa, là mẹ của quan Hàn lâm Từ Tích Dư. Bà thường ngày ăn chay, ưa thích làm việc thiện, tụng kinh lễ Phật không hề biếng trễ.

Mùa đông năm Đinh Sửu thuộc niên hiệu Sùng Trinh³ là dịp mừng thọ 60 tuổi của Thái phu nhân. Vào ngày sinh nhật, Thái phu nhân chỉ làm việc phước thiện, cúng dường trai tăng, lại đem tất cả những lễ vật mừng thọ của thân hữu dùng vào việc in ấn kinh Pháp Hoa. Đối với tất cả những người đến chúc thọ, Thái phu nhân cho chiêu đãi tiệc chay, lại đem số kinh đã in ấn ra tặng cho mỗi người một bộ.

Những người hiểu biết thấy việc làm như vậy, ai ai cũng đều ngưỡng mộ. Thái phu nhân về sau được khỏe mạnh sống lâu, con cháu thảy đều phát đạt hưng thịnh.

LỜI BÀN

Những người khác vào ngày mừng thọ đều dùng rượu thịt chiêu đãi quan khách, [giết hại nhiều vật mạng nên] ngược lại tạo nhân xấu ác làm rút ngắn tuổi thọ. Người mẹ của họ Từ biết dùng hương vị Chánh pháp để đáp lại tấm lòng những người chúc thọ, ấy là đã gieo trồng hạt giống để được quả sống lâu. Xét như vậy thì bên nào được bên nào mất, điều gì nên bỏ điều gì nên theo, mong rằng người đọc sách có thể lắng lòng trong lúc đêm khuya thanh vắng mà suy ngẫm kỹ.

Dùng việc phước thiện đãi khách⁴

Huyện Côn Sơn có người tên Trương Băng Am, tên húy là

¹ Chuyện này ở vùng Côn Sơn truyền tụng cho nhau, mọi người đều biết.

² Thuộc tỉnh Giang Tô. Đây là quê hương của tiên sinh Chu An Sỹ.

³ Tức là năm 1637, niên hiệu Sùng Trinh năm thứ 10, vào triều Minh Tư Tông.

⁴ Việc này do chính tôi được tận mắt chứng kiến. (Chú giải của soạn giả)

Lập Liêm,¹ thi đỗ khoa thi năm Bính Tý thuộc niên hiệu Sùng Trinh.² Ông là người đã nhiều đời tu tập phước đức, cung kính phụng thờ Tam bảo, hơn nữa lại còn chuyên tâm nghiên cứu học hỏi Giáo pháp, thường hướng về Thiên tông.

Vào mùa thu năm Kỷ Mùi thuộc niên hiệu Khang Hy³ là dịp mừng thọ tròn 60 tuổi của ông, người mang lễ vật mừng thọ nối tiếp nhau kéo đến. Trương Băng Am mang tất cả những lễ vật nhận được dùng vào việc in ấn phẩm Phổ Môn [trong kinh Pháp Hoa] và chú Đại Bi, số lượng rất nhiều. Trong việc chiêu đãi đáp tạ những người đến chúc mừng, ông cũng học theo việc làm tốt đẹp của Hứa Thái phu nhân, hoàn toàn đãi chay không giết hại bất cứ con vật nào.

LỜI BÀN

Bạn bè, thân quyến mang lễ vật đến mừng thọ, mọi người đều cho là việc làm tốt đẹp nhưng không biết rằng như thế thật vô lý. Nếu là người tu thiện tích đức, tự nhiên được hưởng thọ mạng dài lâu, nên việc sống thọ chỉ là chuyện đương nhiên đã biết, đâu cần phải tỏ ra vẻ ngạc nhiên xung tụng chúc mừng? Từ thời Đường, Ngu trở về trước, người ta ai ai cũng sống đến trăm mấy mươi tuổi còn chưa nói đến chuyện chúc mừng. Về sau, phước đức của con người ngày càng kém cỏi, tuổi thọ giảm dần, nên việc mừng thọ ngày càng tổ chức sớm hơn. Than ôi! Đến lúc ba tai kiếp⁴ sắp xảy ra, tuổi thọ con người ngắn ngủi chính là điềm báo, không thể không rõ biết. Việc làm của tiên sinh [Trương Băng Am] có thể nói là vượt xa hẳn những kẻ tầm thường.

¹ Trương Lập Liêm chính là người viết Lời nói đầu cho sách Vạn thiện tiên tư này.

² Tức là năm 1636, niên hiệu Sùng Trinh năm thứ 9, vào triều Minh Tư Tông.

³ Tức năm 1679, niên hiệu Khang Hy năm thứ 18. Theo chi tiết này thì Trương Băng Am sinh năm 1620, và như vậy ông thi đỗ vào năm chỉ mới 16 tuổi.

⁴ Ba tai kiếp (tam tai): tức hỏa tai (nạn lửa), thủy tai (nạn nước) và phong tai (nạn gió). Ba tai kiếp này sẽ xảy ra vào thời mạt kiếp, khi thế giới sắp đến giai đoạn hủy diệt.

Không mở tiệc mừng, dùng tiền giúp người nghèo¹

Viên Ngô Quy, tên húy là Tư, người Vũ Lâm,² đến ngụ cư ở huyện Côn Sơn. Ông thường ưa thích làm việc thiện không biết chán mệt.

Vào đầu mùa hạ năm Kỷ Mão thuộc niên hiệu Khang Hy,³ ông vừa được 50 tuổi. Những thân hữu từng giao du với ông rủ nhau góp tiền tổ chức tiệc rượu mừng, ông cố từ chối nhưng không được. Ông liền mời tất cả đến chùa Cảnh Đức, nhận hết các khoản mừng thọ rồi phân phát cho những người nghèo khổ, cùng những người cô độc, tàn tật... Ông lại tự bỏ tiền ra đóng góp một phần vào Hội từ thiện và tổ chức [tiệc chay tại chùa] để đáp tạ tấm lòng của tất cả thân hữu.

LỜI BÀN

Trái cây già chín, ắt đợi ngày rơi rụng; cây gỗ đã lớn, ắt phải đợi ngày đốn dùng. Cho nên, người có trí tuệ thì từ khi bước qua tuổi trung niên phải thường tỉnh giác, đang sống trong nhà nên quán tưởng như đó là quán trọ, đối với thân quyến họ hàng nên quán tưởng như những người bè bạn, mỗi ngày trôi qua nên quán tưởng mình như con cá nằm trong vũng nước cạn, đang khô kiệt dần, [mạng sống chẳng còn được bao lâu].⁴ Nếu như đã đến lúc mất mờ răng rụng, tóc bạc lung còm mà vẫn còn phóng túng buông thả làm việc giết hại sinh mạng, si mê không chịu tỉnh ngộ thì quả thật là người ngu si kém cỏi!⁵

¹ Việc này do chính tôi được tận mắt chứng kiến. (Chú giải của soạn giả)

² Tức Hàng Châu.

³ Tức năm 1699, niên hiệu Khang Hy năm thứ 38.

⁴ Đoạn này lấy ý trong kinh Pháp cú (法句經), 2 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 4, kinh số 210. Nội dung này nằm trong quyển 1, trang 559, tờ a, dòng 26 - 27: 是日已過, 命則隨滅, 如少水魚, 斯有何樂? - Thị nhật dĩ quá, mạng tắc tùy diệt, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc? (Một ngày đã qua rồi, mạng sống cũng theo đó mà giảm bớt, như con cá thiếu nước, liệu có gì là vui?)

⁵ Câu này lấy ý từ một câu nói của Khổng tử: “民斯為下矣 - Dân tư vi hạ hi.” (Ấy là hạng người thấp kém nhất rồi vậy.)

Khuyên người không nên giết hại vật mạng vào những dịp lễ mừng

Người ta gặp những ngày tốt lành, cảnh tươi đẹp thì vẻ mừng vui lộ ra sắc mặt, nhưng loài vật vào những ngày ấy lại đau đớn trong lòng. Vì sao vậy? Vì con người khi ấy thì nhộn nhịp ăn uống mừng vui, còn loài vật thì hồn xiêu phách lạc; con người thì sum họp một nhà, còn loài vật thì mẹ con ly tán; con người thì mặc áo đẹp, chúc mừng nhau những điều tốt đẹp, món ngon vật quý bày ra nhiều như cỏ rác, còn loài vật thì máu me lênh láng, ruột đứt từng đoạn, tim gan óc não vung vãi trên mặt đất lẫn cùng cát bụi... Cho nên có thể nói rằng, vào những ngày nhân dịp mừng vui mà giết hại vật mạng chính là việc làm tàn nhẫn nhất của con người. Ví như đang lúc xuống dao giết hại mà bất chợt dừng tay tự xét lại mình, thì cho dù có món ngon vật lạ bày ra trước mắt, trong lòng cũng không khỏi thấy buồn đau thương xót. Kinh Phạm võng có nói đến giới “không thận trọng những lúc có việc tốt đẹp”, chính là muốn nói đến việc không biết răn ngừa hành vi giết hại vật mạng trong những dịp lễ mừng.

Ngỗng chết thay người¹

Vào cuối đời nhà Minh, tại Phủ Tường thuộc Hàng Châu có người họ Triệu vốn giàu lòng nhân từ, không hề giết hại vật mạng. Cuối năm, có kẻ mang đến biếu một con ngỗng, người nhà muốn giết thịt, ông hết sức ngăn cản. Đêm rằm tháng giêng, người nhà lại xin giết ngỗng, ông vẫn không cho. Lần nữa cho đến tiết Đoan Dương mùng 5 tháng 5,² người nhà lại xin giết ngỗng, ông nạt bảo thôi, nhờ đó ngỗng lại thoát chết.

Ngày 17 trong cùng tháng đó, ông ngã bệnh, đến mùng một

¹ Trích từ sách Giới sát hiện báo (戒殺現報). (Chú giải của soạn giả)

² Ta cũng gọi là ngày tết Đoan ngo.

tháng sáu thì trở bệnh rất nặng. [Ông mộng] thấy có người áo xanh bắt ông đưa đến một chốn nha môn, lại có ba người đến dâng cáo trạng, vị trưởng quan tiếp nhận tất cả. Sau đó lại thấy có hai người quen cùng một bà họ Dương cũng bị dẫn đến.

Vừa đến lúc họ Triệu bị gọi ra chất vấn thì bỗng có một con ngỗng chạy đến nằm lăn trên đất, thốt ra tiếng người, bảo họ Triệu rằng: “Ông hãy đi đi, tôi đến đây thay thế cho ông.” Họ Triệu liền theo đường cũ mà về, nhìn thấy thi hài của chính mình đang còn được giữ lại chưa liệm vào quan tài đậy nắp, liền nhập hồn vào xác mà sống lại.

Ngày hôm ấy, con ngỗng bỗng tự lăn ra chết trong lồng. Hai người quen với bà họ Dương mà ông đã gặp trong mộng cũng đều chết trong cùng ngày hôm ấy.

LỜI BÀN

Chuyện sống chết, dù là cha con cũng không thể thay thế cho nhau. Họ Triệu tuy có ân đức với ngỗng, nhưng ngỗng làm sao có thể chết thay cho họ Triệu?

Nhưng tuy là như vậy, xét kỹ lại thì tánh pháp viên dung sáng suốt, trọn đủ nghĩa dung thông tương nhiếp, nên chỗ cảm ứng của tâm thành đâu có gì là không tương thông. Việc con ngỗng cứu họ Triệu, cũng không thể nói là không có lý.

Mừng sinh con không nên giết hại

Nhà giàu nếu sinh được một đứa con thì trân quý như ngọc báu, nhưng thấy một con vật lạc khỏi bầy liền [nghĩ ngay đến việc] bắt lấy làm món ăn. Đêm khuya thanh vắng thức giấc [tự xét mình], không khỏi thấy rằng tâm địa như thế thật tàn độc thái quá. Mong sao quý vị thường đọc kinh Địa Tạng [ắt sẽ thấy ra lẽ ấy].

Kinh dạy rằng: “Người ở cõi Diêm-phù-đề này, lúc mới sinh

con phải biết thận trọng đừng làm việc giết hại vật mạng rồi tụ tập thân thích đông đảo cùng nhau ăn uống, như vậy sẽ khiến cho cả mẹ lẫn con đều không được an ổn vui vẻ.”

Theo đó mà xét thì muốn cầu cho con cháu lớn khôn, sống lâu hưởng phước, an ổn khỏe mạnh, chắc chắn là không nên giết hại vật mạng.

Người đời mỗi khi sinh con liền lập tức có không ít kẻ thô lậu phạm ăn tạp uống tranh nhau đến đòi uống rượu. Tuy miệng luôn nói là muốn chúc mừng mà trong lòng thật chỉ vì miếng ăn ngon ngọt. Người ngu si không thấy được động cơ thật sự của bọn ấy, nên mở tiệc nhỏ thì mổ gà giết vịt, tiệc lớn thì xẻ lợn đâm dê, khiến từ đời này cho đến kiếp sau, oán thù cứ nối nhau vay trả, thật hết sức vô nghĩa.

Làm thịt dê bị quả báo ngay¹

Vào đời nhà Đường, trong khoảng niên hiệu Hiển Khánh,² tại Trường An³ có người sinh con vừa đầy tháng, mở tiệc rất lớn chiêu đãi bạn bè thân quyến, định giết một con dê. Con dê ấy nhiều lần hướng đến người đồ tể mà bái lạy cầu xin, nhưng người ấy không quan tâm, cuối cùng cũng ra tay giết. Lát sau mang thịt dê cho vào nồi nấu. Người mẹ bế con đến xem, nồi nấu thịt dê tự nhiên vỡ tung, nước sôi đổ tràn xuống lửa nóng rồi bắn vọt lên như nhắm thẳng vào đầu, mặt của hai mẹ con. Chỉ trong chốc lát, cả hai đều bỏ mạng.

LỜI BÀN

Vào thời đức Phật còn tại thế, một quý vương nọ có 500 đứa con. Đứa nhỏ nhất tên là Tần-già-la. Quý mẹ rất hung bạo, thường bắt con trai, con gái của người mà ăn thịt. Đức Thế Tôn

¹ Trích từ sách Pháp uyển châu lâm. (Chú giải của soạn giả)

² Niên hiệu Hiển Khánh kéo dài trong khoảng các năm từ 656 đến 661.

³ Nay là Tây An.

liền bắt lấy quý con Tần-già-la nhốt bên trong một cái bát úp xuống. Quý mẹ bay đi tìm khắp thiên hạ, đến bảy ngày vẫn không tìm được, liền đến thưa hỏi Phật xem quý con giờ ở đâu. Đức Phật hỏi: “Nhà ngươi có 500 đứa con, chỉ mất mỗi một đứa, sao buồn đau sầu khổ đến thế? Người đời sinh con, lẽ nào không thương yêu, sao ngươi nỡ ăn thịt?” Quý mẹ đáp: “Nếu con tìm được Tần-già-la, từ nay về sau thề không giết hại con cái của người đời.” Đức Phật liền chỉ chỗ để cái bát có giấu Tần-già-la bên trong. Quý mẹ và tất cả các con cùng nhau dùng hết thần lực để giở bát lên nhưng không thể lay động chút nào, liền quay sang cầu cứu đức Phật. Phật dạy: “Hãy thọ Tam quy, phát nguyện giữ theo Năm giới, con ngươi sẽ trở về.” Quý liền vâng lời Phật dạy. Đức Phật lại nói: “Hãy giữ giới cho tốt. Vào thời Phật Ca-diếp trước đây, ngươi từng là Vương nữ Yết-cơ. Bởi không giữ giới nên nay mới phải chịu quả báo đọa vào loài quý.”¹

Than ôi, người đời [hung bạo] như quý mẹ kia, [ăn thịt con cái của muôn loài] nào phải ít đâu?

Khuyến những người thờ cúng tổ tiên²

Việc cúng kính ông bà tổ tiên, bất quá chỉ là hết lòng bày tỏ sự tưởng nhớ ân đức nguồn cội, còn như ông bà tổ tiên có đến hay không thật cũng chưa thể biết được. Vì sao vậy? Ông bà tổ tiên của chúng ta, nếu có tu phước ắt đã sinh vào hai cõi trời người, đang thọ hưởng phước báo, nếu tạo các nghiệp ác, ắt phải đang chịu khổ trong ba đường dữ.

¹ Trích từ kinh Tạp bảo tạng (雜寶藏經). (Chú giải của soạn giả) Tuy nhiên, chúng tôi không tìm thấy đoạn trích này trong kinh Tạp bảo tạng, mà tìm được trong sách Thích Ca Như Lai Ứng Hoá Lục (釋迦如來應化錄), được xếp vào Vạn tục tạng, Tập 75, kinh số 1511, gồm 6 quyển. Nội dung trích dẫn thuộc quyển 2, trang 88, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 11 với câu: “Tạp bảo tạng kinh vân - 雜寶藏經云” Có lẽ tiên sinh An Sỹ đã căn cứ câu này để dẫn chú. Nội dung trích dẫn có lược đi một số chi tiết nhưng không quan trọng.

² Dưới đây khuyến việc không nên giết hại vật mạng để cúng giỗ ông bà tổ tiên.

Tuy nhiên, những trường hợp được hưởng phước báo an vui e rằng chỉ có ít, mà những trường hợp đang chịu khổ não thật rất nhiều. Cho nên, con cháu có lòng hiếu thảo thì mỗi khi đến ngày kỵ giỗ, cúng kính ông bà tổ tiên, nên thành tâm kiên trì trai giới, niệm Phật tụng kinh, hồi hướng công đức [cầu cho ông bà tổ tiên sớm được siêu thoát] về Tây phương Tịnh độ, giúp ông bà tổ tiên được thoát khỏi nỗi khổ luân hồi. Như vậy mới là sự báo ân chân thật.

Còn như việc giết hại vật mạng để cúng tế linh đình, chỉ càng làm tăng thêm nghiệp chướng của người chết. Người hiểu biết chân chánh, [nhìn thấy những việc ấy] thật không thể không khởi lòng thương xót.

Giết hại vật mạng liên lụy đến người chết

Vào thời Tiền Đường,² có người cư sĩ họ Kim, thành tín kiên trì giữ gìn trai giới. Sau khi chết, người này có lần nhập vào một bé trai nói với người nhà rằng: “Ta tuy có tu hành nhưng nghiệp lành vẫn còn chưa đủ để được vãng sinh Tịnh độ. Nay đang ở cõi âm nhưng được an vui lắm, có thể tự do đi lại.”

Sau đó một thời gian, họ Kim cũng nhập vào đứa bé trai ấy mà trách mắng vợ con rằng: “Tại sao lúc xây mộ cho ta lại giết gà cúng tế? Vì việc ấy mà bây giờ ta đi đâu cũng có hai người theo giám sát, không còn được tự do nữa.”

Khi ấy, đứa con dâu của họ Kim đang mang thai, người nhà liền đem việc ấy ra hỏi, họ Kim nói: “Lần này sẽ sinh con trai, mẹ tròn con vuông. Nhưng lần sau cũng sinh con trai nữa, mẹ con đều chết.” Mọi người đều lấy làm lạ, liền ghi chép lại lời ấy. Sau quả nhiên xảy ra đúng như vậy.

¹ Trích từ sách Trúc song tùy bút (竹窗隨筆). (Chú giải của soạn giả)

² Nhà Đường cai trị từ năm 618, đến năm 690 thì Võ Tắc Thiên lập ra nhà Võ Chu. Đến năm 705, Đường Trung Tông lên ngôi nối lại nhà Đường nên gọi là Hậu Đường. Giai đoạn trước nhà Võ Chu được gọi là Tiền Đường.

LỜI BÀN

Cúng tế không thể chỉ dùng rau cải sơ sài, [có thể bày biện thêm các loại bánh trái, nhưng] quan trọng nhất là không được giết hại vật mạng.

Người đời mỗi khi thành tựu công danh, được như ý muốn, liền mổ lợn giết dê cúng tế tổ tiên thật linh đình. Bản thân người làm việc ấy vốn đã dương dương tự mãn, xem đó là việc làm vinh dự tổ tiên dòng tộc, mà những kẻ đứng ngoài cũng luôn dòm ngó vào, lao xao xưng tụng. Nhưng thử hỏi vào lúc ấy liệu ông bà tổ tiên có thực sự chạm đĩa thọ hưởng được miếng nào chăng?

Giết hại vật mạng như thế thật vô ích, chỉ khiến ông bà cha mẹ [quá cố] phải đắm chìm sâu hơn trong nghiệp chướng. Người chết mà biết được, ắt không khỏi đau đớn ôm lòng oán hận nơi chín suối. Thật không bằng những người nghèo khó chỉ dùng hoa quả canh rau đơn sơ mà thành tâm cúng tế tổ tiên, như thế chẳng phải lại là tốt hơn đó sao?

Khuyên những người cầu đảo thần linh

Người đời làm việc tạo tội mà cho là cung kính, lấy việc trái ngược với đạo trời mà cho là tu phúc, trong số đó không gì [sai lầm] hơn việc [giết hại vật mạng để] cúng tế đáp tạ thần linh. Trong việc cúng tế ấy, đáng giận hơn cả là những kẻ chuyên đứng ra thay thế người khác cúng tế cầu phúc.

Nói chung, việc sống thọ hay chết yếu đều do nhân tạo từ đời trước, nghiệp quả đã đến thì không thể trốn chạy. Ví như quan chức vâng lệnh bắt người, những kẻ thi hành công vụ lẽ nào lại chỉ vì chút miếng ăn mà thay thế người bị bắt phản hồi lên trên, hủy bỏ án lệnh hay sao?

Bên trong các miếu tế thần đều u uất ngột ngạt, khắp nơi đều như thế. Chỉ vì người đời đã lâu quen thành thói tục, nên thấy

đều bị bọn tiểu nhân tham ăn lừa bịp. Những kẻ tiểu nhân ấy thấy có người bị bệnh liền lập tức đến nhà thu tiền mua vật giết hại để cúng tế tà thần. Gia chủ si mê, không biết rằng việc ấy khiến cho người bệnh phải âm thầm chịu thêm tai họa, lại cho là tạo phúc, chẳng phải hết sức đáng thương đó sao?

Xin có lời khuyên hết thảy người đời, mỗi khi trong nhà có người bệnh tật, nên khuyến khích làm thiện tích đức để giảm nhẹ tai ách, tụng kinh lễ sám. Nếu thấy bệnh nguy kịch, nên khuyên người bệnh chuyên tâm niệm Phật, cầu nguyện được vãng sinh, như vậy thật là công đức vô lượng vô biên. Hãy thận trọng đừng nghe theo lời dối trá của bọn bói toán, chỉ khiến cho người bệnh đã khổ càng thêm khổ mà thôi.

Tế trời gặp Phật¹

Vào thời đức Phật còn tại thế, có vị quốc vương tên là Hòa Mặc, kính tin và thờ phụng ngoại đạo. Khắp trong nước ấy, người dân đều tin theo tà thuyết, giết hại vật mạng để cúng tế.

Một lần mẹ vua bị bệnh, kéo dài đã lâu không thuyên giảm, vua liền triệu các thầy bà-la-môn đến hỏi nguyên nhân. Các bà-la-môn đáp rằng: “Do các vì sao bị đảo lộn, âm dương không điều hòa nên có bệnh như vậy.”

Vua hỏi: “Có cách nào để khỏi bệnh chăng?”

Bọn bà-la-môn ấy đáp: “Phải chuẩn bị các con vật trâu, ngựa, dê, lợn cho đủ số một trăm, giết để tế trời, sau đó sẽ khỏi bệnh.”

Nhà vua lập tức cho chuẩn bị đủ số như vậy mang đến chỗ lập đàn tế trời. Đức Phật biết chuyện, khởi tâm đại từ, thương xót nhà vua ngu mê, liền hiện đến chỗ ấy. Vua vừa nhìn thấy

¹ Trích theo kinh Pháp cú (法句經). (Chú giải của soạn giả) Tuy nhiên, chúng tôi không tìm thấy đoạn trích này trong kinh Pháp cú, mà tìm được trong sách Thích Ca Như Lai Ứng Hoá Lạc (釋迦如來應化錄), được xếp vào Vạn tục tạng, Tập 75, kinh số 1511, gồm 6 quyển. Nội dung trích dẫn thuộc quyển 2, trang 86, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 3 với câu: “Pháp cú kinh vân - 法句經云” Có lẽ tiên sinh An Sỹ đã căn cứ câu này để dẫn chú.

đức Phật từ xa liền vội thi lễ. Đến bên rồi thưa rằng: “Mẹ con bệnh đã lâu, nay con muốn tế trời để cầu xin cho mẹ.”

Đức Phật dạy: “Nếu muốn được lúa thóc, ắt phải cày ruộng; muốn được giàu có, phải tu tập bố thí; muốn được sống lâu, phải tu tập tâm đại từ; muốn được tri thức, phải chăm học hành. Bốn việc như thế, đều tùy nơi việc làm mà có được kết quả. Việc cúng tế cầu đảo rối loạn lẽ thường, lấy tà làm chính, giết hại sự sống để cầu được sống, thật quá xa với lẽ sống còn.”

Ngay khi ấy, đức Phật liền phóng hào quang chiếu sáng khắp đất trời. Đức vua được nghe thuyết pháp và nhìn thấy hào quang của Phật, liền sinh lòng hổ thẹn, sám hối tội lỗi, cuối cùng không tế trời nữa. Mẹ vua nghe qua sinh lòng vui mừng, bệnh tật tự nhiên tiêu trừ.

Đức vua Hòa Mạc từ đó về sau kính tin Tam bảo, thương dân như con, thường tu Mười nghiệp lành, trong nước luôn được mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu.¹

LỜI BÀN

Tất cả chúng sinh [đủ phước đức] sinh lên cõi trời đều có đầy đủ sắc thân thanh tịnh, hào quang chói sáng rực rỡ, không có những thứ ô uế như máu mủ, đờm dãi, phân, nước tiểu... Món ăn là chất cam lộ, tự nhiên hóa hiện tùy ý. Chư thiên nhìn xuống cõi Diêm-phù-đề đầy những gai góc gò nong, máu thịt tanh hôi, thật không hề muốn thấy, muốn nghe, lại cầu mong các vị ấy cười mây đến thọ hưởng [việc cúng tế máu thịt], quả thật là chuyện vô lý.

¹ Mười nghiệp lành (Thập thiện nghiệp): Bao gồm: 1. Không sát sanh, thường làm việc tha thứ và phóng sanh. 2. Không trộm cắp, thường tu hạnh bố thí, giúp đỡ, san sẻ với mọi người. 3. Không tà dâm, luôn giữ lòng chung thủy một vợ một chồng. 4. Không nói dối, luôn nói lời chân thật. 5. Không nói lời trau chuốt, thô tục, thường nói những lời có ý nghĩa, có ích lợi. 6. Không nói đâm thọc, gây chia rẽ, thường nói những lời tạo ra sự đoàn kết, thương yêu nhau. 7. Không nói lời độc ác, gây tổn hại, thường nói những lời ôn hòa, nhu thuận. 8. Không tham lam, luôn quán xét rằng mọi thứ của cải vật chất đều chỉ là giả tạm, không thường tồn. 9. Không sân hận, thường tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục. 10. Không ngu mê, tà kiến, thường sáng suốt tu tập theo chánh kiến.

Con gà do người nuôi, tuy ưa thích ăn loài rết, nhưng không thể vì thế lại mang rết đến dâng lên người mà cho đó là món ăn ngon. Còn như nói rằng chư thiên [tuy không ăn nhưng] chỉ thọ hưởng mùi vị món ăn, thì khắp cõi thiên hạ này lúc nào cũng có người nấu nướng thịt cá, mùi vị xông lên không dứt, hẳn chư thiên đã có thể thọ hưởng từ lâu, đâu phải đợi người cúng tế? Như nói rằng do có ý đặc biệt vì chư thiên mà giết hại vật mạng cúng tế thì chư thiên sẽ thọ hưởng, nhưng quốc vương Hòa Mạc nếu có cúng tế bất quá cũng chỉ trong một ngày, vậy những ngày sau đó chư thiên chẳng có gì để thọ hưởng sao?

Kinh Thư có câu: “Ngũ cốc [dâng cúng] thật không có hương thơm, chỉ riêng đạo đức chói sáng [của con người] mới có hương thơm.” Kinh Dịch lại nói rằng: “Nhà phía đông giết trâu, chẳng bằng nhà phía tây cúng kính đơn sơ nhưng chân thành.” Chỉ tiếc rằng người đọc sách không nhận hiểu được những ý nghĩa ấy [nên mới tin vào chuyện giết hại vật mạng để cúng tế cầu phúc.]

Giả tế thần cây phải sinh làm dê¹

Xưa có một ông lão² hết sức giàu có, một hôm bỗng muốn ăn thịt, liền chỉ vào một cái cây mọc ở đầu đám ruộng nhà mà bảo các con rằng: “Nhà ta có được sản nghiệp như hôm nay là nhờ vị thần cây ấy ban phúc. Các con hãy giết một con dê trong bầy mang đến cúng tế thần cây.”

Các con ông nghe lời, liền giết một con dê cúng tế thần cây,

¹ Trích từ kinh Tạp bảo tạng (雜寶藏經), quyển 7. (Chú giải của soạn giả) Tuy nhiên, chúng tôi không tìm thấy câu chuyện này trong kinh Tạp bảo tạng, mà tìm được trong sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 53, kinh số 2122, gồm 100 quyển. Câu chuyện này thuộc quyển 62, trang 753, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 6 với câu: “Hựu Tạp bảo tạng kinh vân - 又雜寶藏經云“ Có lẽ tiên sinh An Sỹ đã căn cứ câu này để dẫn chú. Chúng tôi đã so sánh nội dung với nguyên bản, tuy có khác biệt một số chi tiết nhưng không quan trọng.

² Nguyên bản chỉ nói “Tích hữu lão công - 昔有老公”, nhưng An Sỹ toàn thư chép là: “Phật thế hữu nhất lão nhân - 佛世有一老人.” (Vào thời Phật tại thế có một ông lão...) Chúng tôi chọn dịch theo nguyên bản trong Pháp uyển châu lâm.

lại lập một miếu thờ thần ngay dưới gốc cây ấy.

Về sau, ông lão chết đi liền phải sinh làm một con dê trong nhà ấy. Đến lúc các con ông muốn cúng tế thần cây, liền chọn đúng con dê ấy định mang đi giết. Khi ấy, dê bỗng nói thành tiếng người rằng: “Cái cây ấy chẳng có thần linh nào cả. Ngày xưa ta vì muốn ăn thịt nên bày chuyện nói dối, bảo các con cúng tế, phần thịt cúng tế ấy các con đều cùng ăn với ta, nhưng không ngờ quả báo lại riêng ta phải gánh chịu trước nhất.”

Lúc bấy giờ có một vị tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán vừa đến đó khát thực, liền dùng thần thông giúp cho những người con đều nhìn thấy được con dê ấy chính là cha họ ngày trước. Sau khi biết rõ sự thật, họ liền phá bỏ miếu thờ thần cây. Từ đó về sau sám hối tội lỗi, tu tạo phước đức, từ bỏ không bao giờ giết hại vật mạng nữa.

LỜI BÀN

Kinh Tăng nhất A-hàm dạy rằng: “Có năm loại bố thí không hề được phước. Một là giúp cho người khí giới để giết hại, hai là giúp cho người thuốc độc để hại người khác, ba là giúp cho người trâu dữ không thuần tính [có thể gây hại], bốn là giúp cho người phụ nữ dâm loạn [khiến người hư hỏng], năm là xây dựng miếu thờ tà thần.”¹

Người đời có những kẻ si mê, được gặp ruộng phước Tam bảo thì không chịu cúng dường bố thí, nhưng đối với những miếu thờ quỷ thần tà vạy thì mừng vui góp sức xây dựng. Đó là vì con mắt chân chánh chưa được khai mở. Một khi xây dựng thành tựu, lại cho ghi khắc tên tuổi rằng “ngày ấy tháng ấy năm ấy, do tên tuổi ấy kiến lập”, rồi dương dương tự mãn cho rằng mình đã bỏ tiền tạo được phúc lớn. Than ôi, đâu biết rằng từ đó

¹ An Sỹ toàn thư dẫn chú kinh Tăng nhất A-hàm (51 quyển), quyển 28. Tuy nhiên, chúng tôi tìm thấy đoạn trích này hiện nay nằm trong quyển 27, thuộc Đại Chánh tạng, Tập 2, kinh số 125, trang 699, tờ a, từ dòng thứ 13 đến dòng thứ 15.

về sau, lễ cúng lớn thì giết dê mổ lợn, lễ cúng nhỏ thì gà, vịt, cá, tôm... phải đau đớn rên xiết vì dao thót cắt xẻ, phải tuyệt vọng giã giũa trong nước sôi dầu nóng, không thể biết được đã lên đến số lượng là bao nhiêu trăm ngàn vạn ức. Quả thật là: “Thiên đường còn chưa thành tựu, địa ngục trước đã nên hình.” Khổng tử có nói: “Đối với những thần linh không đáng cúng tế mà cúng tế, đó gọi là tà vạy. Cúng tế tà vạy thì không có phúc đức.” Lành thay lời dạy của bậc thánh nhân, thật không khác biệt với lời Phật dạy.

Thần Đông Nhạc xin thọ giới¹

Vào đời nhà Đường có thiền sư Nguyên Khuê, vốn họ Lý, quê ở Y Khuyết.² Ngài thọ giới cụ túc³ vào niên hiệu Vĩnh Thuần năm thứ hai.⁴ Về sau, ngài yết kiến Quốc sư Huệ An, có chỗ tỏ ngộ về thiền được Quốc sư ấn chứng, liền chọn đất Bàn Ổ ở núi Thái làm nơi ẩn cư.

Một hôm, có người tìm đến chỗ thiền sư, trông dáng vẻ khác thường, đầu đội mào quan, lại có tùy tùng theo hầu đông đảo, oai vệ. Vừa gặp nhau, người ấy liền hỏi: “Thầy có thể biết được ta là ai chăng?” Thiền sư đáp: “Ta xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng như nhau, không có sự phân biệt.”

Người lạ nói: “Ta là Nhạc đế,⁵ nắm giữ quyền sinh sát đối với người đời, có thể ban sống, có thể bắt chết, sao thầy có thể xem

¹ Trích từ sách Truyền đăng lục (傳燈錄). (Chú giải của soạn giả) Tên gọi đầy đủ là Cảnh Đức Truyền Đăng Lục (景德傳燈錄), được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 51, kinh số 2076, tổng cộng 30 quyển. Nội dung trích dẫn này thuộc quyển 4, trang 233, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 7.

² Nay là Hà Nam, Lạc Dương.

³ Thọ giới Cụ túc, cũng gọi là thọ Đại giới, nghĩa là chính thức được thọ nhận đầy đủ giới luật của một vị tỳ-kheo.

⁴ Túc là năm 683.

⁵ Nhạc đế: nói đủ là Đông nhạc Thái sơn Thiên tế Nhân thánh đại đế, cũng gọi là Đông Nhạc Thánh đế, là một trong Ngũ Nhạc Đại đế, tức 5 vị thần chủ quản 5 ngọn núi lớn, bao gồm: Thái sơn, Hành sơn, Tung sơn, Hằng sơn và Hoa sơn. Thần Đông Nhạc chủ quản núi Thái sơn, được xem là quan trọng nhất, đứng đầu trong Ngũ Nhạc.

đồng như những kẻ tầm thường?”

Thiên sư nói: “Ta vốn không sinh, ông làm sao bắt ta chết được? Thân ta như hư không, ông có thể hủy hoại được hư không chăng?”

Nhạc đế liền cúi đầu lạy, thưa rằng: “Bạch thầy, con là một vị thần thông minh chính trực, hơn hẳn những vị thần khác. Xin thầy truyền thụ cho con giới luật chân chánh, giúp con có thể thoát khỏi luân hồi.”

Thiên sư liền lên tòa cao, đốt hương trầm, thần thái trang nghiêm, gọi thần hỏi: “Nay truyền thụ cho ông năm giới. Thứ nhất, ông có thể giữ giới dâm được không?”

Thần thưa: “Con đã có vợ.”

Thiên sư nói: “Không ngăn việc ông có vợ, chỉ là không được có lòng tà vạy với nữ nhân nào khác.”

Thần cúi lạy thưa: “Vậy con có thể giữ được.”

Thiên sư lại hỏi: “Ông có thể giữ giới không trộm cướp được chăng?”

Thần nói: “Con không hề đói thiếu, có lý nào lại phải làm việc trộm cướp?”

Thiên sư đáp: “Không phải như ông nghĩ. Giới này có nghĩa là không được vì nhận sự cúng tế thờ phụng mà ban phúc cho kẻ ác, hoặc vì không được cúng tế mà giáng họa cho người hiền lành.”

Thần cúi lạy thưa: “Vậy con có thể giữ được.”

Thiên sư lại hỏi: “Ông có thể giữ giới không giết hại được chăng?”

Thần nói: “Con nắm giữ đại quyền sinh sát, làm sao có thể không giết người?”

Thiên sư đáp: “Không phải vậy. Giới này có nghĩa là không

được giết người quá mức cần thiết, hoặc giết nhầm lẫn, hoặc giết vì nghi ngờ, hoặc giết vì cấu thả, chưa tra xét kỹ.”

Thần cúi lạy thưa: “Vậy con có thể giữ được.”

Thiền sư lại hỏi: “Ông có thể giữ giới không nói dối được chăng?”

Thần nói: “Con là thần minh chính trực, làm sao lại có thể nói dối?”

Thiền sư nói: “Không phải vậy. Giới này có nghĩa là phải thận trọng lời nói, trước sau đều phải hợp với lòng trời.”

Thần cúi lạy thưa: “Vậy con có thể giữ được.”

Thiền sư lại hỏi: “Ông có thể giữ giới không uống rượu được chăng?”

Thần lại cúi lạy thưa: “Con có thể giữ được.”

Thiền sư dạy: “Nhu vậy là ta đã truyền thụ cho ông năm giới, là những giới căn bản nhất do đức Phật chế định.”

Thiền sư cùng với thần tiếp tục đàm đạo hồi lâu. Thần lại thưa với thiền sư: “Con đã được thầy dạy dỗ giáo huấn, mong được đền đáp ơn thầy. Xin thầy sai bảo con làm một việc ở thế gian này, để con hiển lộ chút thần thông, khiến những người chưa có lòng tin đều sinh khởi tín tâm.”

Thiền sư từ chối, thần cố sức thỉnh cầu. Cuối cùng, thiền sư liền nói: “Phía đông chùa cần chắn gió nhưng trống trải không có cây. Núi phía bắc lại rất nhiều cây cối, nhưng không phải hướng cần che chắn. Ông có thể dời cây cối ở núi phía bắc sang phía đông chùa được không?”

Thần nói: “Xin vâng lệnh thầy. Chỉ có điều trong đêm nay sẽ có sự chấn động ồn náo, xin thầy đừng sợ.” Nói rồi liền lễ bái xin từ biệt. Thiền sư tiến ra cửa, đưa mắt nhìn thấy tùy tùng nghi vệ như bậc vua chúa, mây lành ráng hồng vây phủ, sương

khói ẩn hiện, cờ phướn lộng ngọc uy nghi, từ từ bay lên không trung rồi biến mất.

Đêm hôm đó, quả nhiên có gió bão nổi lên, sấm nổ âm âm, mây đen cuộn cuộn, sét đánh chói lòa. Đến sáng sớm ra nhìn thì thấy bao nhiêu tùng bách bên núi phía bắc quả nhiên đều đã dờn cả sang phía đông, sum suê rậm rạp.

Đến năm Bình Thìn thuộc niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư,¹ thiền sư có lời dặn lại đệ tử rằng: “Ta từ trước đến giờ vẫn ở nơi ngọn núi phía đông chùa, sau khi chết có thể dựng tháp ở đó.”

Dặn dò xong, thiền sư an nhiên thị tịch.

LỜI BÀN

Các vị thần linh trên đất liền hay dưới vùng sông nước, hết thảy đều đã từng tu phúc trong những đời trước. Chỉ có điều vì không phát tâm Bồ-đề nên một khi thọ hưởng phước báo liền trở thành mê muội, [không còn phân biệt rõ chánh tà]. Lại có những vị tỳ-kheo thọ trì giới luật, khi được tái sinh làm người quyền quý thì rơi vào việc ăn thịt uống rượu, hủy báng Tam bảo. Đó đều là do họ chỉ biết tu phúc lành mà không tu tập trí huệ.

Thuở xưa, đức Thế Tôn khi chưa thành đạo, thiền tọa đoạn nghiêm dưới cội Bồ-đề. Ma vương Ba-tuần lo sợ về sự thành đạo của ngài nên mang theo tám triệu chúng ma muốn đến làm hại. Ma vương nói với Phật rằng: “Thái tử Tất-đạt-đa, ông mau đứng lên rời đi nơi khác. Nếu ông không đi, ta sẽ nắm chân ông ném ra ngoài biển.”

Đức Phật bảo Ma vương: “Ta quán xét thấy trong khắp cõi thế gian này không ai có thể ném ta ra ngoài biển. Đời trước ông

¹ Tức là năm 716.

từng xây dựng một ngôi chùa,¹ thọ trì Bát quan trai giới² trong một ngày đêm, lại từng cúng dường thức ăn cho một vị Phật Bích-chi, do những phước báo đó mà được sinh lên tầng thứ sáu cõi trời Dục giới, làm Đại Ma vương.³ Còn ta đã trải qua vô số kiếp rộng tu các công đức, cúng dường vô số đức Phật, ông sao có thể làm hại được ta?”

Ma Ba-tuần liền hỏi: “Lời ông nói đó có gì làm chứng cứ?”

Đức Phật chỉ tay xuống đất, nói: “Cõi đất này làm chứng cho lời nói của ta.”

Đức Phật vừa dứt lời thì cõi đất chấn động, vô số địa thần từ dưới lòng đất cùng phóng vọt lên, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, chúng con xin làm chứng. Lời Phật nói đó hoàn toàn chân thật, không hề hư dối.”⁴

Cho nên có thể biết rằng, hai việc tu phước và tu huệ phải đồng thời chú trọng, không được thiên lệch hay bỏ sót một bên. Như Đông Nhạc Thánh đế,⁵ có thể nói là không mê mờ nhân lành chân chánh [đời trước]. Vì thế nên trong lời dạy của thiền sư có nói: “Không được vì nhận sự cúng tế thờ phụng mà ban phúc cho kẻ ác, hoặc vì không được cúng tế mà giáng họa cho người hiền lành.” Rõ ràng là lời dạy [cho người] sau khi thọ giới. Người đời

¹ Nguyên bản Hán văn khắc là: “曾作一寺主 - tăng tác nhất tự chủ”, có thể hiểu là “đã từng làm người chủ trì (hay trụ trì) một ngôi chùa”. Tuy nhiên, đối chiếu nguyên bản trong Tạng bảo tạng kinh thì câu này là: “但曾作一寺 - đản tăng tác nhất tự” (trang 481, tờ b, dòng thứ 21), nghĩa là “chỉ từng xây dựng một ngôi chùa”. Như vậy, An Sĩ toàn thư đã khắc thừa một chữ đề gây hiểu lầm, tuy rằng câu trên vẫn có thể được hiểu là “người chủ trì việc xây dựng chùa”.

² Giới Bát quan trai là giới do đức Phật chế định cho phép người cư sĩ có thể thọ trì trong một ngày đêm, bao gồm tám điều giới và một trai pháp. Tám điều giới là: 1. Không giết hại, 2. Không trộm cắp, 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không dùng hương hoa trang điểm, 7. Không đàn ca, hát xướng hoặc nghe người khác đàn ca hát xướng... 8. Không ngồi, nằm trên giường ghế cao rộng. Và một trai pháp là không ăn quá giờ Ngọ (12 giờ trưa).

³ Dục giới có 6 tầng trời, tầng trời thứ sáu là cao nhất, bao gồm: 1. Tứ đại vương chúng thiên, 2. Tam thập tam thiên (hay Đạo-lợi thiên), 3. Dạ ma thiên, 4. Đâu-suất thiên, 5. Lạc biến hóa thiên, 6. Tha hóa tự tại thiên. Ma vương Ba-tuần là thiên chủ ở Tha hóa tự tại thiên.

⁴ Chuyện này có ghi chép trong Tạng bảo tạng kinh. (Chú giải của soạn giả) Tạng bảo tạng kinh (雜寶藏經) được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 4, kinh số 203, trang 481, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 16.

⁵ Túc thân Đông Nhạc.

không suy xét kỹ, giết hại oan uổng biết bao sinh linh vật mạng, thật đáng buồn thay!

Quan Công hộ trì Chánh pháp¹

Quan Công tên húy là Vũ, tự là Vân Trường, sống vào đời Hậu Hán. Sau khi chết, ông vâng theo sắc chỉ của Ngọc đế làm vị thần cai quản những việc thuộc phạm vi văn chương khoa cử, cùng những sổ sách ghi chép việc thiện ác của người đời. Trải qua các triều đại, ông luôn được ban phong, xưng tụng bằng các danh hiệu cao quý. Ông quy y Tam bảo, phát nguyện cứu giúp người đời.

Khoảng đầu triều Minh, ông từng giảng bút² tại một nhà quan lớn, khuyên người đời tu tập việc thiện. Nhân đó có nói rằng: “Ta đã quy y với Đại sĩ Quán Âm, cùng Thiên tôn Vi Đà lo việc hộ trì Chánh pháp. Vì thế, người đời khi cúng tế ta không được dùng rượu thịt.” Câu chuyện ấy truyền khắp xa gần, nên trong các chùa, miếu đều có thờ tượng Quan thánh Đế quân. Những sự cảm ứng hiển linh xưa nay rất nhiều.

LỜI BÀN

Tôi từng đọc qua những sách vở của Đạo gia, thấy trong đó có sách “Văn Xương sám” gồm 3 quyển, được cho là do Đế Quân giảng bút viết thành. Trong sách ấy hầu hết đều dùng những lời dạy trong Kinh điển nhà Phật, tuy sự rộng lớn viên dung không thể sánh được với sách “Lương hoàng sám”, nhưng sự quy ngưỡng, tin tưởng vào Tam bảo cũng không kém so với lời của Quan Công. Nhân đó cảm thấy cả hai vị đều thật đáng ca ngợi, cùng chương quản việc văn chương, khoa cử, những người tham gia thi cử đều phải thông qua sự soát xét chọn lựa

¹ Trích từ sách Quan đế kinh chú (關帝經註) của Đạo gia (tức Lão giáo). (Chú giải của soạn giả)

² Giảng bút (降筆): cũng gọi là giảng cơ (降箕), là một nghi thức của Đạo gia, sử dụng một bàn gỗ chứa gạo tằm hoặc cát. Người giảng cơ sẽ vạch lên đó thành chữ để hiển thị ý muốn nói.

của các ngài. Ra cổng nhà trời, vào cửa địa phủ, uy quyền của các ngài thật hiển hách lớn lao, thế mà cũng phải khâm phục quy ngưỡng, hướng về theo Phật, thì sự rộng lớn mệnh mông của Phật pháp không cần biện luận cũng đã có thể thấy được rõ ràng.

Mạnh tử từng xem Bá Di, Thái Công như bậc cha già của cả thiên hạ, nói rằng: “Cha già của thiên hạ [là Bá Di, Thúc Công] đều đã quy phục [Văn vương] thì [người trong thiên hạ là] con cháu còn theo ai khác được?”

Tôi đối với hai vị Đế quân là Văn Xương và Quan Công, cũng muốn nói lời tương tự như Mạnh tử. [Uy dũng như các vị còn quy ngưỡng theo về cửa Phật, thì người trong thiên hạ còn theo ai khác được?]

Khuyên những người xem sao bói toán

Dùng dao gậy để giết hại, thật rõ ràng dễ thấy. Dùng lời nói để giết hại, thật kín đáo khó lường. Hãy xét như việc các thầy bói đoán bệnh cho người, thế nào cũng nói “do bị thần nọ, thần kia... bắt tội”, rồi xúi giục những kẻ ngu mê nhằm tin theo, giết hại đủ các loài tôm, cá, gà, ngỗng... không việc gì không làm. Do đó mà những con vật bị giết hại không khỏi nhiều đời oán hận người bệnh, cũng đời đời oán hận thầy bói đoán bệnh kia. Như vậy, chẳng phải một lời nói của thầy bói thật đã gây hại lớn lao đó sao? Dám khuyên hết thầy những người làm nghề bói toán, mỗi khi gặp người nhờ đoán bệnh, hãy khuyên người ta nên làm thiện tích phước, ăn chay niệm Phật. Ví như cho rằng quả thật có quỷ thần bắt tội, không thể không cúng tế, thì vẫn có thể khuyên người dùng các món hương hoa, rau cải chay lạt để thay cho thịt cá.

Thầy bói chịu quả báo¹

Vùng Giang Lăng² có một thầy bói họ Lữ, mỗi khi bói việc cho người ta đều bảo họ phải giết vật mạng [cúng tế]. Hôm nọ đến một nhà có bệnh, vừa sắp đoán bệnh cho chủ nhà thì bỗng ngã lăn ra đất chết. Hai hôm sau tự sống lại. Có người hỏi nguyên nhân, liền kể lại rằng:

“Tôi nhìn thấy một ác quỷ cao hơn một trượng,³ bắt tôi dẫn đến chỗ Diêm vương. Diêm vương bảo rằng tôi nói bừa chuyện họa phúc của người khác, hại chết nhiều sinh linh vật mạng, nên hết lời quát mắng, quở trách. Lại nhìn thấy có hàng trăm tù quỷ, khóc lóc thảm thiết rồi mắng tôi: ‘Bọn ta vì lầm tin lời ông mà nay phải chịu tội.’ Bọn họ mắng rồi kéo nhau mang cả gông cùm đến mà đánh tôi. Tôi lại nhìn thấy vô số cầm thú, tất cả đều gầm thét, trừng mắt giận dữ, tranh nhau kéo đến bắt lấy tôi mà cắn xé. Bấy giờ, Diêm vương muốn xua tôi vào ngục, bỗng có một người mặc áo xanh thưa rằng: ‘Người này tuổi thọ dương gian chưa dứt, hãy tạm thả ra, sau này sẽ truy xét.’ Do đó mà được sống lại. Còn về người bệnh nhà này, tôi nghe đã có tên rồi, e rằng sẽ không qua khỏi.”

Quả nhiên, chỉ mấy ngày sau thì người bệnh ấy chết. Thầy bói từ đó bỏ nghề, lại ghi chép chuyện này truyền rộng khắp nơi để khuyên răn người đời.

LỜI BÀN

Thành hoàng, thổ địa, thần sông, hà bá... người đời có nhiều kẻ sai lầm tôn xưng là Bồ Tát. Thậm chí giết hại vật mạng cúng tế mà cũng gọi là cúng Phật! Than ôi, những hàng quỷ thần nhỏ nhoi ấy mà lạm xưng tôn hiệu của chư Phật, Bồ Tát, thì có

¹ Trích từ sách Quảng nhân lục (廣仁錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Hồ Bắc.

³ Mỗi trượng ngày xưa có 10 thước, mỗi thước khoảng 33 cm. Như vậy một trượng khoảng 3,3 mét.

khác nào gỗ mục mà xem như chiêm-đàn quý giá! Lại cũng như trong các sách lịch sử đều thấy có ghi: “Tây vực có vị thần gọi là Phật.” Đó là rõ ràng Phật hiệu mà trở ngược lại xem như quý thần. Chỉ vì không có được cái nhìn chân chánh nên mới rơi vào sai lầm đến mức như thế.

Khuyên những người mở tiệc đãi khách¹

Người đời đều ghét sự tổn hại, nhưng ai ai cũng làm những chuyện gây tổn hại. Người đời đều sợ đọa lạc, nhưng ở đâu cũng gieo trồng nhân đọa lạc. Có người vô cớ bị cha mẹ mắng là đồ chó, lợn, đồ súc vật, liền buồn rầu không vui, giận cha mẹ đã sỉ nhục mình. Đối với cái tên gọi “chó, lợn, súc vật” mà còn căm ghét, chỉ sợ bị gán ghép cho mình, thì lẽ ra đối với việc thực sự sa đọa làm chó lợn, súc vật ắt phải hết sức sợ sệt, chỉ e không biết cách nào để dứt khoát tránh xa. Thế mà chỉ riêng một việc đãi đằng quan khách liền luộc cá, nấu tôm, mổ gà, giết vịt, [dù biết] quả báo nhất định phải chịu khổ đau trong ba đường dữ mà vẫn không chịu tỉnh ngộ, như vậy chẳng phải là chỉ ghét cái danh xưng mà không biết sợ mối họa thực sự [phải làm súc vật] đó sao? Kinh Lăng nghiêm dạy rằng: “Vì người ăn thịt dê nên dê chết sinh làm người, người chết sinh làm dê [để trả món nợ ăn dê]. Ăn thịt các chúng sinh khác cũng vậy, sinh ra rồi chết đi, đời này sang đời khác ăn thịt lẫn nhau, cùng tạo nghiệp ác, tiếp nối mãi không dứt.” Đức Phật không nói lời dối gạt, sao có thể ngờ vực không tin? Cho nên biết rằng, mổ gà thì chịu quả báo làm gà, giết chó ắt chịu quả báo làm chó, lẽ ấy tất nhiên. Than ôi, trước đây cha mẹ mắng [ta là chó, lợn] thì không muốn nhận, nay chỉ vì miếng ăn trong miệng của người khác mà tự mình [tạo nhân để phải] làm chó, lợn. Chỉ vì một lúc vui đùa yến tiệc mà tự mình [tạo nhân để phải] làm chó, lợn. Đó chẳng phải là điều không nên làm mà đã làm rồi đó sao?

¹ Dưới đây khuyên không nên giết hại vật mạng để chiêu đãi quan khách.

Chồng giết dê hóa ra giết vợ

Đời Bắc Tống, Lưu Đạo Nguyên từng làm quan huyện lệnh Bồng Khê. Sau khi thôi việc về quê, một hôm đến chơi nhà họ Tần, nghỉ lại một đêm. Nửa đêm nằm mộng thấy một phụ nữ khóc nói với ông rằng: “Tôi là vợ của chủ nhà họ Tần này, từng đánh chết một người thiếp của chồng, âm phủ xử tôi sau phải chết để đền mạng, lại phải đọa làm thân dê. Hiện đang bị nhốt trong chuồng, sáng mai sẽ bị giết để đãi ông. Thân tôi dù chết cũng đáng tội chẳng tiếc gì, hiềm vì trong bụng đang có dê con, nếu lại vì tôi mà chết thì tội của tôi càng thêm nặng.”

Lưu Đạo Nguyên đợi đến sáng mới đem chuyện ấy ra nói thì dê đã bị giết rồi. Cả nhà họ Tần nghe chuyện đều hết sức kinh sợ, liền đặt dê con trở lại vào bụng mẹ rồi mang ra đồng chôn cất.

LỜI BÀN

Xưa, ở thành Xá-vệ có một vị trưởng giả tên là Đô-đề. Một hôm, lúc ông ấy đi vắng, đức Thế Tôn đến nhà ấy nhìn thấy một con chó trắng đang nằm trên giường, ăn vụng thức ăn lấy trên bàn ăn. Con chó thấy Phật đến liền nhảy xuống giường mà sủa. Đức Phật bảo nó: “Đời trước ngươi tham tiếc tài sản, không chịu bố thí giúp người, nên ngày nay phải chịu đọa như vậy.”

Con chó nghe vậy ra vẻ buồn giận, nằm lỳ dưới đất không chịu ăn. Ông Đô-đề quay về nhà, thấy [con chó như] vậy thì khởi tâm sân hận, liền tìm đến chỗ đức Phật [cật vấn]. Phật dạy: “Con chó ấy vốn là cha ông ngày trước. Nếu ông không tin cứ về nhà hỏi nó, bảo nó chỉ chỗ giấu vàng bạc châu báu thì biết.” Ông Đô-đề nghe vậy thì vừa then vừa sợ, liền theo đúng lời Phật dạy về nhà hỏi con chó chỗ giấu vàng bạc châu báu. Con chó lập tức chạy nhanh đến chui vào dưới giường, dùng chân ra

¹ Trích từ sách Quảng nhân lục (廣仁錄). (Chú giải của soạn giả)

sức bới đất, quả nhiên đào chỗ ấy lên tìm được rất nhiều vàng bạc châu báu. Ông Đô-đề khi ấy mới tin lời Phật dạy, phát tâm quy y Tam bảo.¹

Vì thế nên đức Phật dạy rằng, các loài có mạng sống đều có thể là cha mẹ, thân quyến từ nhiều đời trước của chúng ta. Mỗi kiếp sinh ra làm người, tất nhiên đều có cha mẹ, quyến thuộc. Từ vô thủy đến nay, nếu chúng ta thác sinh qua số kiếp nhiều như số cát một sông Hằng, ắt phải từng có số cha mẹ, thân bằng quyến thuộc của số kiếp nhiều như số cát một sông Hằng; nếu thác sinh qua số kiếp nhiều như số cát trăm ngàn sông Hằng, ắt phải từng có số cha mẹ, thân bằng quyến thuộc của số kiếp nhiều như số cát trăm ngàn sông Hằng, lẽ nào có thể mê muội giết bừa được sao?

Lấy như việc con dê của nhà họ Tần, trong lúc bị giết, cả nhà đều chỉ cho đó là một con dê. Người chồng không biết là đang giết vợ để đãi khách, con không biết là đang giết mẹ để vui chén cùng người, người giúp việc cũng không biết là đang giết bà chủ mình để làm vật nấu nướng. Cho đến khi sự đã rồi, chồng mới biết đó là kẻ trước đây từng chung chăn gối, con mới biết đó là người trước đây từng thương yêu bảo bọc mình, người giúp việc mới biết con vật có miệng không nói được, phải ôm hận mà chết kia chính là bà chủ trước đây từng lo liệu đảm đang việc nhà. Nhưng đến lúc ấy thì dù có tan xương nát thịt cũng không thể nào chuộc lại được lỗi lầm, vãn hồi sinh mạng cho dê kia.

Giả như nhà họ Tần có giữ giới không giết hại, ắt là chồng đã cứu được vợ, con đã cứu được mẹ, người giúp việc đã cứu được bà chủ, đâu đến nỗi chỉ vì một người khách quen biết sơ sài mà giết hại chính người thân cốt nhục của mình!

Cho nên, những ai thường giết hại vật mạng để đãi đàng quan khách phải biết đau lòng mà nhất thiết từ bỏ không làm nữa.

¹ Chuyện này được ghi chép trong kinh Trung A-hàm.

Giết hại quá nhiều biến thành lợn

Trong khoảng niên hiệu Chánh Đức triều Minh,¹ có một người đã đồ cử nhân, gia đình hết sức giàu có, thường giết hại vật mạng, mỗi lần đãi khách giết đến ba, bốn con lợn. Một đêm nọ, người này mộng thấy thần Thành hoàng hiện đến nói: “Nhà ngươi giết hại vật mạng không đếm xuể, rồi đây sẽ bị biến thành lợn.”

Nhưng rồi vẫn chúng nào tật nấy, không chịu răn ngừa. Trải qua khoảng nửa năm sau, ông ta đột ngột lăn ra chết. Sau khi đã liệm vào quan tài, bỗng nghe bên trong có tiếng động, mọi người liền mở nắp quan ra xem thì thấy thi hài đã biến thành lợn.

LỜI BÀN

Người đời giết hại vật mạng, phần nhiều là để đãi đằng quan khách, không biết xét lại rằng những bạn bè thân mật đó, trong khi cùng ta ăn uống thì người nào cũng xưng là thân thiết, nhưng ngày sau gặp gỡ trên đường, bất quá cũng chỉ chào nhau một tiếng rồi đi. Nếu gặp hoạn nạn cần người tương trợ thì trong số ấy ngàn người cũng khó tìm được một, hai. Trong khi đó, khổ báo trong ba đường dữ [do nghiệp ác giết hại] thì cõi âm đã định sẵn rồi. Một khi đến trước điện Diêm vương, liệu có thể viện dẫn bọn quan khách ấy ra để giảm tội được chăng?

Xét như việc ông cử nhân kia đãi khách, ắt không khỏi luôn tự cho mình là hào hiệp phóng khoáng, nhiều tình cảm. Đến khi thi hài bị hóa thành lợn, tiếng xấu lan truyền khắp nơi, chẳng biết lúc ấy có còn gì là đặc chí?

¹ Tức vào triều Minh Vũ Tông. Niên hiệu Chánh Đức kéo dài từ năm 1506 đến năm 1521.

Khói đen báo trước tai họa¹

Ở Côn Sơn² có người họ Hứa, nhà giàu có, tính hiếu khách, chuyện ăn uống luôn đòi hỏi phải ngon miệng, thịnh soạn, nên giết hại vật mạng nhiều không đếm xuể.

Khoảng năm Ất Dậu thuộc niên hiệu Thuận Trị,³ trong nhà bếp bỗng xuất hiện một đám khói đen lớn như cái bánh xe, bay quanh sân một vòng rồi tan mất. Không bao lâu sau xảy ra việc quân phương bắc kéo đến vây hãm thành, cả nhà ấy có 40 người đều bị giết sạch.

LỜI BÀN

Nhà giàu có thì bếp núc chính là nơi hội tụ những oan nghiệp oán hận lớn lao. Tuy chỉ vuông vức mỗi bề chừng ba, bốn mét, nhưng tiếng khóc la cầu cứu thường xuyên vang lên trong ấy. Mẹ con ly tán cũng thường xuyên xảy ra nơi ấy; banh gan mổ ruột, moi tim móc phổi cũng thường xuyên xảy ra nơi ấy. Oán khí tích lũy lâu ngày có thể thấy chứa đầy nơi ấy. Ma quỷ oán hận khóc than, tiếng buồn đau vang suốt đêm thâu. Có khi chúng hiện hình thành ma không đầu, hoặc hiện thân hình đầy máu me, hoặc hiện hình hai mắt nhắm nghiền, hoặc mắt trợn trừng, hoặc hiện hình lắc đầu đập cánh, hoặc phát âm thanh phì phò như phun máu, hoặc tiếng rên rỉ đau đớn, hoặc tiếng than vãn khổ sở, tất cả đều nghiêng răng đấm ngực, nhe nanh múa vuốt, quyết được đối mặt trả oán mới cam lòng. Cho nên, trời đất linh thiêng, quỷ thần qua lại, đều đã ghi chép tội lỗi đành rành, khiến cho kẻ ác lúc sống phải chịu vô vàn nạn khổ, chết đi phải đọa trong ba đường dữ, không ai có thể cứu thoát được. Như thế thì chỗ bếp núc kia chẳng phải là nơi hội tụ bao oan nghiệp oán hận lớn lao đó sao? Những người có lòng hiếu khách, phải hết sức thận trọng

¹ Chuyện này do một người bạn tôi trực tiếp kể lại. (Chú giải của soạn giả)

² Nguyên bản khác là Ngọc Phong, tên gọi khác của Côn Sơn, quê hương của tiên sinh Chu An Sỹ.

³ Tức là năm 1645, niên hiệu Thuận Trị năm thứ hai.

đừng bước theo con đường này.

Khuyên những người khoản đãi thầy giáo

Người đời không ai không thương yêu con cái, nhưng lại thường không biết cách thương yêu cho thích hợp. Hãy xét như việc mời thầy về dạy cho con, vốn có lòng mong con thành danh, được đứng vào hàng kẻ sĩ chân chánh, nhưng vì muốn khoản đãi thầy giáo mà lại thường xuyên luộc cá, nấu tôm, giết gà, mổ vịt... Ví như mỗi năm giết hại đến ngàn sinh mạng, ắt trong mười năm phải giết hại đến hàng vạn chúng sinh. Tích lũy lâu ngày như thế, con em mình dù có phúc đức lớn e cũng phải hao tổn đi nhiều, hưởng hồ những trường hợp không đủ phúc đức sâu dày?

Nếu cho rằng việc đãi ăn không thật thịnh soạn e không vừa lòng, thì có thể đem hết số tiền dành cho việc giết gà mổ vịt đó mà tăng thêm lương bổng cho thầy giáo, khiến cho người làm thầy luôn được hài lòng vui vẻ trong việc dạy dỗ con em mình. Như vậy thì sự thiếu sót khoản rượu thịt kia ắt có thể châm chế, mà con em mình thì mỗi ngày đều tự nhiên được thêm phúc đức, tăng tuổi thọ. Thế thì cần chi phải giết hại vật mạng để rồi phải vì đó mà đọa vào trong ba đường ác?

Vì lo bữa ăn làm hại đến con¹

Tại huyện Thường Thục² có một người dùng súng bắn chim rất giỏi, đã giết hại không biết bao nhiêu con chim. Đến năm 40 tuổi sinh được một đứa con trai đáng vẻ khôi ngô tuấn tú, trong lòng hết sức thương yêu, nhân đó liền tự hối lỗi ngày trước, từ bỏ không bắn chim nữa.

Đến khi con lớn mời thầy dạy học, vì lo bữa ăn cho thầy nên

¹ Trích từ sách Quảng nhân lục (廣仁錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Giang Tô.

quay lại nghề cũ. Được hơn một năm thì đứa con mắc bệnh đậu mùa, toàn thân nổi đầy những mụn bọc đỏ, da thịt cháy bỏng, các lỗ chân lông trên người đều trồi ra những viên sắt nhỏ [như đạn bắn chim] rồi chết.

LỜI BÀN

Những viên sắt nhỏ ấy từ đâu mà có? Chẳng phải là tất cả đều do tâm thức tạo ra đó sao?

Làm thịt dê chuốc họa cho con

Ở Huy Châu có người tên Phương Thượng Hiền, nhà rất giàu, có hai đứa con trai, mỗi đứa đều thỉnh riêng thầy dạy học. Đứa con nhỏ do người thiếp yêu quý sinh ra, ông thương yêu lắm, nên càng đặc biệt hậu đãi thầy dạy nó. Ông thầy họ Điền, thích ăn thịt dê nên mỗi ngày Thượng Hiền đều đãi món này, đến nỗi trong chuồng lúc nào cũng nuôi sẵn ba, bốn con dê, chọn con béo nhất mà giết.

Vào năm Bính Ngọ thuộc niên hiệu Khang Hy,¹ đứa con trai nhỏ ấy bỗng phát một cái ung nhọt lớn phía trước cổ, kêu khóc đau đớn suốt nửa tháng mà nhọt vẫn chưa vỡ. Ngày nọ, đứa con ấy bỗng kêu lên như tiếng dê rồi chết.

LỜI BÀN

Họ Phương kia đã chịu quả báo, thầy giáo họ Điền cũng khó tránh khỏi!

Khuyên những người làm thầy dạy ở tư gia

Người thầy dạy học tất nhiên là có khó khăn, nhưng đâu biết rằng gia đình học trò cung phụng miếng ăn cho thầy lại càng

¹ Tức là năm 1666, niên hiệu Khang Hy năm thứ 5.

khó hơn. Cơm nước sáng tối tinh tươm, ngày ngày tốn kém. Thầy đi ra có kẻ theo hầu, bước vào nhà có người phục dịch, tận tình chu đáo. Thậm chí việc phụng dưỡng cha mẹ đôi khi còn có chỗ thiếu sót sơ sài, nhưng đối với thầy giáo thật không dám để có tiếng than phiền cơm canh đạm bạc, lúc nào cũng vậy.

Người đời nay không nghĩ thấu những chuyện như thế, nên vừa được thỉnh mời đến làm gia sư, liền cho rằng chủ nhà ấy theo đúng lễ đương nhiên phải phụng sự mình. Ví như thấy người không đủ kính lễ, liền giận dữ lộ ra nét mặt, nhưng còn việc học hành của học trò thì gạt sang một bên, chẳng hề quan tâm suy nghĩ đến.

Dám thua cùng các bậc tri thức hiền thiện có sự đồng tâm, nên làm sao cho công lao dạy dỗ của mình lớn hơn mức thù lao nhận được, chớ để mức thù lao lại lớn hơn công lao dạy dỗ của mình. Ví như gặp học trò thực sự ngu tối không thể dạy dỗ thành tựu, cũng nên nghĩ đến việc ngoài giờ học mang những thuyết đạo lý nhân quả, phúc họa thiện ác mà nhiều lần khuyên nhủ nhắc nhở, khuyến khích răn dạy, để cho chủ nhà ít ra cũng có được người nối nghiệp được vun bồi đức tốt, đó mới thật là công đức lớn lao của bậc làm thầy.

Đến như việc cung phụng miếng ăn thức uống, vốn đã tự có hạn định. Nếu thọ hưởng đã hết thì mạng sống cũng theo đó mà mất đi. Ví như có một ngàn đồng tiền, mỗi ngày dùng một trăm thì kéo dài được mười ngày. Nếu sử dụng nhiều hơn số đó thì thời gian ắt phải ngắn đi. Nên biết rằng, canh rau đạm bạc cũng đủ no lòng, lại được tăng thêm tuổi thọ; tham ăn dê béo gà tơ, quả thật là người đọa lạc.

Ví như có thể đem lý lẽ không nên giết hại vật mạng mà khuyên bảo, khuyến khích gia chủ, khiến cho cả nhà gia chủ đều nhờ có lời khuyên của ta mà lo việc tu tích phúc đức, thì có thể nói là không uống nhận sự cung phụng chu cấp của người.

Tu phúc được tăng tuổi thọ¹

Tại Phúc Kiến có người tên Tào Thuấn Thông, nhận lời đến dạy học cho nhà họ Trịnh ở Đinh Châu. Thầy giáo họ Tào nghiêm cấm thọ trì thập trai,² đối với hết thảy các loại cá thịt tươi sống đều từ bỏ không ăn, vì sợ chủ nhà có thể vì mình mà giết hại. Nếu trong mâm ăn bày ra các thứ thực phẩm chế biến sẵn như thịt khô, cá ướp muối... thì ông vui vẻ dùng trước khi về.

Vào năm Bính Thân thuộc niên hiệu Thuận Trị,³ ông bị đau đường ruột, toàn thân lạnh cứng đến ba ngày đêm, cả nhà đều than khóc, tang lễ đã chuẩn bị xong. Bỗng nhiên ông sống lại, bảo vợ con rằng: “Ta lẽ ra đã bị bọn giặc loạn chém chết vào đầu mùa hạ năm Giáp Thân,⁴ nhưng vì từ khi ta dạy học đến nay thật lòng thương yêu bảo vệ mạng sống cho loài vật, chủ nhà chưa từng vì ta mà giết hại bất cứ sinh mạng nào, nên tuổi thọ của ta được tăng thêm một kỷ,⁵ cũng không phải chết theo cách bất đắc kỳ tử. Vào mùa hạ năm Canh Dần,⁶ ta lại có khuyên người khắc in ba trang kinh Kim Cang, tuổi thọ do đó được tăng thêm ba năm. Vì thế, đến nay ta còn sống thêm hai năm nữa.”

Quả nhiên, đúng hai năm sau ông qua đời.

LỜI BÀN

Tôi có người bạn ở Sùng Xuyên,⁷ bản tính nhân từ, giữ giới không giết hại. Chỉ có điều ông ấy không ăn chay được, nên [hạn chế bằng cách] đối với tất cả các loại thịt cá tươi sống đều tuyệt đối không ăn. Bạn bè muốn chiêu đãi ông ta đều phải dùng các loại thực phẩm chế biến sẵn như thịt khô, cá ướp muối... Vì thế,

¹ Trích từ sách Nhân quả mục kích biên (因果目擊編). (Chú giải của soạn giả)

² Thập trai: ăn chay mỗi tháng 10 ngày.

³ Tức là năm 1656, niên hiệu Thuận Trị năm thứ 13.

⁴ Tức là năm 1644.

⁵ Một kỷ là 12 năm.

⁶ Tức là năm 1650.

⁷ Nay là huyện Nam Thông thuộc tỉnh Giang Tô.

dù ông có đến chơi những nhà thường giết hại, cũng không ai có thể vì ông mà giết hại bất kỳ sinh mạng nào.

Ví như tất cả mọi người đều có thể bắt chước làm theo như thế thì vĩnh viễn không phải chịu những khổ đau hệ lụy của việc giết hại.

Tham ăn mất mạng¹

Tại quận Tùng Giang² có người tên Quách Chỉ Nhất. Năm 36 tuổi, ông mạo nhận bài thi của một người họ Hà, nhờ đó được nhận vào trường học. Vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 14,³ ông nhận lời đến dạy học cho một nhà nọ. Chủ nhà thấy họ Quách thích ăn thịt chó nên thường giết chó làm thịt chiêu đãi. Một hôm, họ Quách chỉ con chó vàng nuôi trong nhà nói với chủ nhà: “Con chó này xem cái đui mập đến thế, không biết ông chủ có thể giết thịt biểu tôi được chăng?” Chủ nhà vui vẻ làm theo lời.

Mấy ngày sau, họ Quách bỗng nhiên ngã lăn ra hôn mê rồi chết, thấy mình bị quỷ bắt dẫn đến miếu Thành hoàng trong quận ấy, lại thấy con chó vàng đã đến đó trước rồi. Thần trong miếu quát hỏi: “Gã họ Hà kia, vì sao ngươi xúi giục chủ nhà giết chó?” Họ Quách cãi lại: “Tôi họ Quách, không phải họ Hà. Họ ấy bắt quá chỉ tạm dùng khi vào trường học thôi.” Thần quay sang quả trách quỷ bắt lầm người. Họ Quách sau đó được sống lại, kể lại sự việc rồi hết lời khoe khoang tài biện thuyết của mình.

Chẳng bao lâu, họ Hà liền đột tử, thấy mình bị quỷ bắt dẫn đi. Sáng hôm sau sống lại, kể rằng: “Tôi bị họ Quách vu oan tội giết chó. Tôi hết sức cãi lại, rằng xưa nay tôi không hề ăn các loại thịt trâu, thịt chó. Con chó ấy cũng nhận rằng nghe giọng nói của tôi không giống, nên thần tạm tha về, đợi sau bắt cả họ

¹ Người ở Vạn Gian đều biết rõ chuyện này.

² Thuộc tỉnh Giang Tô.

³ Tức là năm 1675.

Quách đến sẽ cùng đối chất. Nhưng nay tuổi thọ của tôi cũng đã hết, e rằng lần tới chết đi không thể sống lại được nữa.” Sau đó ông liền thu xếp dọn dò việc nhà chu đáo rồi chết.

Chiều tối hôm đó, có người hàng xóm của họ Quách đang đi trên đường bỗng gặp họ Quách bị một toán quỷ bắt xích lại, dẫn đi hướng về trong thành. Người ấy về đến nhà liền chạy ngay sang nhà họ Quách dò la thì đã nghe tiếng kêu khóc trong nhà.

LỜI BÀN

Các món thịt cá đãi đằng thầy giáo, tuy là chủ nhà tự tay giết hại, nhưng đó là vì thầy giáo mà giết, nên thầy giáo cũng không thể không gánh một phần tội lỗi. Ví như thầy giáo một mực đổ tội ấy cho chủ nhà, chủ nhà lại đổ tội cho thầy giáo, thì những vật mạng bị giết hại kia lẽ nào cứ phải im lặng mà chịu oan khuất hay sao?

Khuyên những người cầu công danh¹

Người chuyên cần đọc sách trong thiên hạ, sáng sớm đã thức dậy, đêm khuya còn chưa ngủ, ngày đêm nối tiếp, như thế cũng chỉ vì cầu được công danh sự nghiệp. Cha khuyên con, thầy khích lệ học trò, trọn ngày không cho là đủ, như thế cũng chỉ vì cầu được công danh sự nghiệp. Nhưng có kẻ tuổi còn niên thiếu đã sớm đỗ đạt cao, lại có người văn tài uyên bác cổ kim nhưng thi hoài chẳng đỗ. Chẳng phải chuyện sang hèn được mất đều do trời định đó sao? Đã do trời định thì lẽ đương nhiên là những người thuận ý trời sẽ được trời giúp, mà những kẻ nghịch ý trời ắt phải bị trời loại bỏ.

Chỉ riêng một điều giới không giết hại, hàng trí thức nho sĩ mỗi khi nhắc đến thường cho là chuyện không cấp thiết, bất quá chỉ riêng là lời dạy của nhà Phật mà thôi. Than ôi, đâu chỉ riêng nhà

¹ Dưới đây khuyên không nên giết hại vật mạng để cầu được phước đức.

Phật thương xót bảo vệ mạng sống muôn loài, còn nhà Nho lại ưa thích chuyện giết hại hay sao?

Xưa kia, tiên sinh Trình Minh Đạo¹ khi giữ chức huyện bạ ở Thượng Nguyên, thấy dân làng nhiều người dùng chất keo dính bôi vào đầu cây sào để bắt chim, liền ra lệnh chặt gãy hết những cây sào ấy, sau lại ra lệnh cấm hẳn việc dùng sào bắt chim.²

Lại như Lữ Nguyên Minh³ [cũng là một nhà Nho] được chân truyền sở học của họ Trình, gia đình nhiều đời thờ Phật, giữ giới không giết hại và thường làm việc phóng sinh. Khi ông làm quận thủ,⁴ trong nhà lúc nào cũng sẵn có măng khô, nấm bào ngư khô... để dùng làm thức ăn, thay thế cho việc giết hại vật mạng.⁵

Các vị Nho gia ấy đều thực sự nhận thấy rằng tham sống sợ chết [là tâm lý chung của muôn loài,] là thuận theo ý trời, không thể làm ngược lại. Những ai có thể lấy tâm nguyện [hiếu sinh] của trời đất làm tâm nguyện của mình, ắt phúc lộc cũng theo đó mà đến với họ.

Vì thích ăn sò không thi đỗ⁶

Vào những năm đầu triều Tống, ở Trấn Giang⁷ có người tên Thiệu Bưu, một hôm nằm mộng thấy mình đi đến Minh phủ, có vị trưởng quan ở đó hỏi rằng: “Ông có biết nguyên nhân vì sao đến giờ ông vẫn chưa thi đỗ hay không?” Thiệu Bưu đáp: “Không biết.”

¹ Túc Trình Hạo (1032-1085), cùng với em là Trình Di (1033-1107) đã phát triển học thuyết của Chu Đôn Di. Họ Chu và họ Trình đã có những đóng góp đáng kể vào học thuyết cũng như tư tưởng của Nho giáo.

² Xem chuyện này trong sách Tống sử (宋史). (Chú giải của soạn giả)

³ Túc Lữ Hy Triết (呂希哲), sống vào đời Bắc Tống.

⁴ Chức quan đứng đầu một quận.

⁵ Xem trong sách Thánh học tông truyền (聖學宗傳). (Chú giải của soạn giả)

⁶ Trích từ Long Thư Tịnh độ văn (龍舒淨土文). (Chú giải của soạn giả)

⁷ Thuộc tỉnh Giang Tô.

Vị quan ấy liền đưa Thiệu Bưu đến một nơi, nhìn thấy có một cái chảo lớn đang nấu đầy sò. Những con sò ấy thấy Thiệu Bưu đến thì đồng thanh gọi tên ông. Thiệu Bưu sợ quá chấp tay niệm “A-di-đà Phật”. Những con sò trong chảo [nghe niệm Phật xong] đều biến thành chim sẻ vàng bay đi mất.

Từ đó về sau, Thiệu Bưu phát nguyện giữ giới không giết hại vật mạng. Sau [ông thi đỗ,] làm đến chức quan An Phủ Sứ.¹

LỜI BÀN

Việc công danh khoa bảng của con người, tuy là do thiên tài ban xuống, nhưng nếu có oan gia cản trở chống đối, quý thân cũng không thể ngăn được. Những ai muốn được đường mây thênh thang, công danh rộng mở, sao có thể không suy ngẫm kỹ việc này?

*Đế Quân hiện mộng*²

Vào cuối triều Minh, có người thư sinh đất Thục³ tên là Lưu Đạo Trinh. Một hôm có khách đến nhà thăm, Đạo Trinh định giết một con gà đãi khách, bỗng tìm không thấy gà đâu nữa. Khách ngồi chơi rất lâu, Đạo Trinh liền định giết một con vịt khoản đãi, lúc ấy lại cũng không thấy vịt đâu cả. Đạo Trinh đi tìm, thấy cả gà và vịt đang cùng trốn kỹ trong một chỗ tối, vịt lấy đầu đẩy gà ra, gà cũng lấy đầu đẩy vịt ra, hai bên cố hết sức xô đẩy nhau nhưng đều im thin thít không có một tiếng kêu nào.

Lưu Đạo Trinh quan sát cảnh ấy bỗng nhiên ngộ ra [rằng “tham sống sợ chết” là tâm lý chung của muôn loài]. Sau đó ông liền viết bài văn “Giới sát” khuyên người đời từ bỏ sự giết hại

¹ Chức quan An Phủ Sứ vào đời Tống là người đứng đầu chịu trách nhiệm chương quản cả hai mặt quân sự và dân sự trong một địa phương, cũng gọi là Kinh lược An Phủ Sứ, thường do các vị Tri châu, Tri phủ kiêm nhiệm.

² Xem trong sách Hộ sinh biên (護生編). (Chú giải của soạn giả)

³ Túc vùng Tứ Xuyên.

vật mạng.

Vào tháng bảy năm Tân Dậu,¹ có người bạn của Lưu Đạo Trinh nằm mộng thấy đi đến điện Văn Xương, gặp Đế Quân đưa cho xem một tờ giấy, bảo rằng: “Đây là bài văn Giới sát, khuyên người đời từ bỏ sự giết hại, do Lưu Đạo Trinh viết ra. Khoa thi năm nay Đạo Trinh sẽ đỗ.”

Người bạn ấy tỉnh dậy vẫn nhớ, đem sự việc kể lại cho Lưu Đạo Trinh nghe, nhưng Đạo Trinh không tin. Đến khi bảng vàng đề tên, quả đúng như vậy.

LỜI BÀN

Các loài cầm thú với con người, tuy hình thể khác nhau nhưng sự nhận biết, cảm giác thật không khác. Hãy xem khi các con thú bị đuổi bắt, chúng cũng kinh sợ trốn chạy, phát tiếng kêu la thảm thiết, cố sức vượt rào leo tường để mong chạy thoát. Nếu đem so với con người chúng ta, gặp khi bị lệnh vua bắt bớ đuổi giết, cha mẹ kinh hoàng chẳng biết phải làm sao, vợ con gia quyến bị đẩy vào cảnh chết không đường thoát, nỗi hãi hùng kinh sợ ấy nào có khác gì nhau?

Lại xem khi con vật bị giết hại, như lúc cắt tiết một con gà, cả bầy gà kinh hãi kêu la, mổ thịt một con lợn, cả đàn lợn buồn bã bỏ ăn. Nếu đem so với con người chúng ta, gặp lúc loạn lạc giặc cướp lộng hành, trước mắt nhìn thấy cha mẹ bị giết hại, vợ con bị bắt bớ đưa đi, tình cảnh bi thương ấy cũng tương đồng không khác.

Lại hãy xem khi con vật bị cắt xẻ giết mổ, ruột gan phơi ra mà nơi miệng còn thều thào hơi thở, hoặc cổ họng đã bị cắt đứt mà đôi mắt vẫn còn mở to chưa kịp nhắm. Nếu đem so với con người chúng ta, lúc lâm chung đón đau thống khổ, toàn thân bất động, chỉ biết đưa mắt nhìn, đành cam tâm bất lực nào có

¹ Tức là năm 1621.

khác chi nhau?

Thế nên, người đời nghe chuyện gà vịt xô đẩy nhau né tránh cái chết, phải biết đau lòng mà ghi nhớ mãi!

Nhờ phóng sinh cùng được thi đỗ

Huyện Cối Kê thuộc tỉnh Chiết Giang có người tên Đào Thạch Lương, một hôm cùng đi với Trương Chi Đình ngang qua chùa Đại Thiện, nhân đó mua lươn phóng sinh lên đến hàng vạn con.

Năm ấy, vào mùa thu Thạch Lương nằm mộng thấy một vị thần hiện ra bảo rằng: “Khoa thi này lẽ ra ông chưa đỗ, nhưng nhờ công đức phóng sinh nên sẽ thi đỗ, sớm hơn một khoa.”

Đến khi bảng vàng đề tên, quả nhiên đúng thật. Nhân đó Thạch Lương liền nghĩ: “Việc phóng sinh cũng dựa vào sự tán trợ của Trương Chi Đình, lẽ nào công đức chỉ mình ta được hưởng?”

Cách mấy hôm sau, có danh sách từ Nam Kinh đưa đến, hóa ra Trương Chi Đình cũng đỗ.

LỜI BÀN

Gần đây có một tập tục xấu, mỗi khi có người dự thi Hương, thi Hội thì thân quyến cùng nhau góp tiền tổ chức cúng tế cầu đảo, giết hại vật mạng nhiều không kể xiết, gọi là để cầu thần ban phúc, nhưng thật ra chính là tạo tội. Những người sáng suốt phải hết sức trừ bỏ tệ nạn này.

Khuyên những người cầu có con

Nhà giàu không có con, có nhiều người bỏ tiền cưới thêm vợ lẽ, lại cũng có nhiều người tốn kém chạy chữa thuốc thang. Cho dù mong cầu hết sức thiết tha, nhưng được toại nguyện cũng

¹ Trích từ sách Quảng từ biên (廣慈編). (Chú giải của soạn giả)

hết sức khó khăn. Vì sao vậy? Vì nói chung thì những nghiệp quả đã xác định trong Ba cõi, nếu không làm được việc thiện hết sức lớn lao thì không thể thay đổi được. Xưa nay thường có những người không con, khi hiểu ra đạo lý, nỗ lực dũng mãnh làm thiện tích đức, nhờ đó mà được liên tiếp sinh quý tử. Những trường hợp như thế nhiều không kể xiết. Có những người cầu con không biết noi theo đạo lý ấy, không cầu được con, rồi quay sang oán trời trách người, lại than thở không người nối dõi tông đường, thật hết sức mê lầm.

Có con nhờ biết phóng sinh¹

Vào triều Nguyên có một nhà buôn giàu có đang muốn cầu con, nghe nói vị chân nhân ở núi Thái có thể triệu thỉnh thần tiên, đoán việc linh nghiệm, liền tìm đến lễ bái thưa hỏi chuyện cầu con. Vị ấy nói rằng: “Ông đời trước giết hại vật mạng rất nhiều, khiến cho loài vật không duy trì được cháu con nòi giống, nên phải chịu quả báo không có con. Nay nếu ông có thể cứu vật phóng sinh đủ số tám trăm vạn thì có thể chuyển được tội cũ. Nếu vô ý làm chết một con côn trùng, phải phóng sinh đủ số một trăm vật mạng mới đền lại được. Nếu ông muốn thay đổi vận mạng thì đây là điều thiết yếu phải nhanh chóng làm ngay.”

Nhà buôn nọ nghe lời khuyên liền phát nguyện giữ giới không giết hại, lại bỏ tiền mua vật phóng sinh. Không bao lâu liền sinh được một đứa con trai, sau thi đỗ cử nhân, được bổ làm quan.

LỜI BÀN

Kinh Hoa nghiêm dạy rằng: “Quả báo của việc giết hại khiến cho người phạm tội phải đọa vào ba đường dữ.² [Sau khi ra khỏi

¹ Trích từ sách Quảng nhân lục (廣仁錄). (Chú giải của soạn giả)

² Tức các cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

đó,] nếu được sinh làm người phải chịu hai loại quả báo: một là nhiều bệnh tật, hai là chết yếu.”

Nhà buôn giàu có này tạo nghiệp giết hại rất nhiều, nay chỉ chịu quả báo không con, có thể biết rằng ông ta hẳn đã phải chịu quả báo trong ba đường dữ rồi, giờ chịu thêm phần dư báo làm người không có con. Hoặc nếu không phải như thế thì hẳn đời trước ông ta đã từng tích tạo phúc đức hết sức sâu dày, nên ngày nay trước tiên chịu phần hoa báo¹ làm người không con, sau này lại sẽ tiếp tục chịu khổ trong ba đường dữ. Nay có thể chuộc lại lỗi lầm xấu ác ngày xưa, hồi tâm hướng thiện, lẽ tất nhiên sẽ tránh được họa hại, thêm phúc đức.

Hối lỗi cứu mạng con²

Ngô Hằng Sơ là người Hàng Châu, ngày thường rất thích ăn thịt trâu, con trai con gái nối nhau mà chết. Sau lại có một đứa con trai mắc bệnh đậu mùa, thuốc thang cầu đảo đều vô hiệu.

Một đêm, Ngô Hằng Sơ nằm mộng thấy mình đi đến âm ty. Có người tố cáo ông giết trâu, ông ra sức tranh cãi không nhận. Vị trưởng quan ở đó liền gọi cả bảy trâu, cho đến người toàn thân Hằng Sơ. Bọn trâu ngửi xong không nói gì. Ngô Hằng Sơ khi ấy liền tự nhận mình có ăn thịt trâu nhưng quả thật không hề giết trâu, lại phát lời thề từ nay vĩnh viễn không ăn thịt trâu nữa. Vị trưởng quan liền gọi bảy trâu bảo lui ra. Cuối cùng, Hằng Sơ được thả về. Vừa ra khỏi cửa quan thì nhìn thấy một cái lều nhỏ, trên lều có người gọi tên ông. Hằng Sơ ngẩng nhìn lên thì bỗng thấy trên lều ném xuống một vật, có tiếng nói rằng: “Trả cho ông đấy!” Hằng Sơ nhìn kỹ, hóa ra là đứa con trai của mình.

Ngô Hằng Sơ vừa tỉnh giấc mộng thì đứa con trai bỗng nhiên khỏi bệnh.

¹ Hoa báo: quả báo phụ thuộc vào chánh báo. Loại quả báo này chưa phải kết quả cuối cùng, như cây trước khi có quả đã có hoa trước.

² Trích từ sách Cảm ứng thiên đồ thuyết (感應篇圖說). (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Chỉ ăn thịt trâu thôi mà đến nỗi con trai con gái phải nối nhau chết, có thể biết rõ việc tự tay giết trâu thì quả báo sẽ đến mức như thế nào.

Không ăn thịt trâu, nuôi được con¹

Tại kinh thành có người tên Trạch Tiết, đã 50 tuổi vẫn chưa có con. Ông liền nhờ người vẽ một bức tranh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm rồi thờ phụng, chí thành lễ bái cầu khẩn.

Không lâu, vợ ông có thai, ông nằm mộng thấy có một phụ nữ áo trắng bế đứa con trao cho, nhưng vợ ông vừa sắp nhận lấy thì có con trâu chen vào giữa ngăn lại, do đó không nhận được đứa bé. Sau đó, vợ ông sinh được một đứa con trai nhưng vừa đầy tháng tuổi đã chết.

Trạch Tiết lại chí thành cầu khẩn như trước. Có người thấy vậy nói với ông: “Ông vốn thích ăn thịt trâu, việc ấy thật nhẫn tâm, lẽ nào chẳng phải nguyên nhân đó sao?” Trạch Tiết bừng hiểu ra, liền phát nguyện cả nhà từ đó không ăn thịt trâu nữa.

Không bao lâu, ông lại mộng thấy người phụ nữ bế con trao cho, liền nhận lấy. Sau quả nhiên vợ ông sinh được một đứa con trai, nuôi dưỡng đến khôn lớn.

LỜI BÀN

Đó chính là [Bồ Tát Quán Thế Âm] hiện thân phụ nữ thuyết pháp, [như trong phẩm Phổ Môn, kinh Pháp Hoa đã nói.]

Ăn thịt ba ba phải chết²

Vào cuối triều Minh, ở Hàng Châu có một người tên Phan

¹ Trích từ sách Hộ sinh lục (護生錄). (Chú giải của soạn giả)

² Chuyện này do chính tiên sinh Viên Ngo Quý thuật lại.

Đức Trai, tuổi đã già vẫn chưa có con. Tình cờ đọc một quyển sách thấy chép rằng: “Người ăn thịt ba ba sẽ sinh được con trai.” Ông liền mua ba ba về nuôi, lại dùng những con lươn nhỏ làm thức ăn cho ba ba. Nuôi lớn rồi, ngày nào cũng giết thịt ba ba mà ăn.

Như vậy được hơn một năm thì toàn thân sưng phù, sinh nhiều ghẻ độc. Mỗi cái ghẻ độc đều lở ra nhiều miệng, trông giống như miệng ba ba, đau nhức đến tận xương tủy. Không bao lâu thì chết, rốt cùng không con nối dõi.

LỜI BÀN

Những kẻ tà kiến, buông lời nói bậy chỉ làm hại người trong nhất thời, nhưng viết thành sách vở thì di hại đến nhiều đời sau. Đó chính là như trong câu chuyện này. Vì thế, đối với việc đưa ra luận thuyết hay viết sách, dù là người quân tử hiền thiện cũng phải hết sức thận trọng, hướng chỉ là những hạng người khác?¹

Khuyên những người muốn tránh tai nạn

Người đời gặp phải thời ly loạn, trốn chạy vào những nơi núi sâu, đồng trống, nguy cấp đủ điều. Xa trông cờ chiến tung bay, ắt đến lúc mẹ con ly tán; vắng nghe trống trận vang rền, ắt rụng rời kinh hồn táng đờm. Những cảnh lưu lạc chia lìa đảo điên như thế, tuy là vận mệnh chung của cả đất nước, nhưng cũng không ngoài sự chiêu cảm nghiệp riêng của mỗi người.

Thiền sư Từ Thọ có bài kệ rằng:

Người đời thường giết hại,

¹ Ví như có những kẻ góp sức cùng các nhà Nho thiện cận mà bài xích Phật giáo, hoặc lưu truyền các phương thuốc sử dụng việc giết hại vật mạng, hoặc khắc in kinh Phật hay các sách khuyến thiện nhưng không có kiến giải, thấy biết chân chánh, tự mình đưa ra những luận thuyết mù quáng, khiến người nghe phải nghi ngờ hoặc nhận hiểu sai lầm... Hết thảy những kẻ như thế đều không tự biết mình đã rơi vào tà kiến, lại còn dẫn dắt theo người khác đi vào tà kiến, thật là uống đi tẩm lòng tốt lại chỉ tạo thành nghiệp ác lớn lao, nhất định sẽ phải đọa vào cảnh giới xấu ác. (Chú giải của soạn giả)

*Nên thọ nghiệp chiến tranh.
Giết hại, phải đền mạng,
Cướp của, bị cháy nhà.
Nay vợ con ly tán,
Do đào hang, phá tổ.
Hãy lắng nghe Phật dạy:
Nhân quả đều tương ứng.*

Theo đó mà xét thì bất kể là tự mình gặp họa sát thân hay nhà tan cửa nát, hết thảy đều do nghiệp đã tạo từ trước. Thậm chí những chuyện nhỏ nhặt như chảy máu ngón tay hay đánh mất một cây kim, cho đến phải chịu sự khiếp sợ trong giây lát, không một chuyện gì lại không do nhân đã tạo từ trước.

Nay rộng khuyên hết thảy người đời, khi gặp cảnh chiến tranh loạn lạc, nên hồi tâm tự xét lại rằng: “Ta nay còn chưa bị buộc trói mà đã hốt hoảng khiếp sợ thế này, thì những con vật lúc bị trói chặt [chờ đem giết thịt] sẽ hốt hoảng khiếp sợ đến mức nào? Ta nay gia đình thân quyến vẫn chưa bị chia cách mà đã thê lương thảm hại thế này, thì những con vật lúc bị phân cách, mẹ con ly tán sẽ thê lương thảm hại đến mức nào? Ta nay tay chân chưa bị cắt xẻ mà đã đau đớn khổ sở thế này, thì những con vật lúc bị chặt xương lóc thịt, cắt xẻ phân thân sẽ đau đớn khổ sở đến mức nào?”

Tự suy xét như vậy rồi thì đối với bao nhiêu nghiệp giết hại trong quá khứ đều thành tâm niệm Phật, cầu cho những con vật bị mình giết đều được siêu thoát, đối với sự giết hại trong tương lai thì quyết tâm dứt trừ không tái phạm.

Suy xét và phát tâm được như thế thì đời sau nhất định được sinh vào thời đại thái bình, không phải chịu cảnh tao loạn. Ví như có sinh vào thời loạn, cũng không phải sinh vào những vùng có chiến sự. Đó chẳng phải là phương cách tốt nhất để né tránh tai nạn đó sao? Nên biết rằng, dù trốn lên núi cao hay chạy xuống biển sâu, cũng đều không phải kế vẹn toàn. Cho nên, người xưa có dạy rằng:

*Muốn cho thiên hạ thái bình,
Phải ngưng ăn thịt chúng sinh các loài.*

Quả báo giết hại, gặp nạn binh đao

Vào đời vua Tống Huy Tông,¹ giặc ngoại xâm từ phương bắc thường đánh vào Trung Nguyên,² đi đến đâu cũng đốt phá, giết hại dân thường. Tuy nhiên, chỉ thấy riêng một trấn An Dương là bị giết hại tàn phá thê thảm nhất.

Về sau có một vị tăng tu tập định lực cao thâm, có thể quán chiếu rõ biết nguyên nhân sự việc. Dân chúng nhiều người thưa thớt, vị ấy liền nhập định quán chiếu rồi nói: “Dân vùng ấy trước đây tạo nghiệp giết hại rất nặng, nên nay chiêu cảm nghiệp báo phải bị giết hại thê thảm cũng chính tại nơi ấy. Nhưng nghiệp báo đến nay chưa dứt, e rằng toàn dân vùng ấy vẫn còn chưa được an ổn.”

Sau đó liên tiếp nhiều năm binh lửa, người dân vùng ấy nhiều lần bị thảm sát, quả nhiên cuối cùng không một ai sống sót.

LỜI BÀN

Người đời thấy kẻ chài lưới bắt được con cá to thì vỗ tay tán thưởng, đâu biết rằng đang kết thêm một mối oán cừu. Nhìn thấy con vật bị bắt mà khởi lòng thương xót lập tức tìm cách giải cứu, e rằng vẫn còn không kịp, huống chi lại còn tán thưởng, ưa thích? Tán thưởng việc ấy là ngợi khen sự giết hại; ưa thích việc ấy là vui mừng với sự giết hại. Dùng trí tuệ mà quán xét thì đó đều là những hạt giống gây nạn binh đao về sau.

¹ Tống Huy Tông trị vì trong khoảng thời gian từ năm 1100 đến năm 1125.

² Ở đây chỉ quân đội của người Nữ Chân, sau khi diệt nhà Liêu lập nên nhà Kim thì bắt đầu mang quân sang đánh nhà Tống vào năm 1125.

Rồng cứu nạn

Tại vùng Cổ Sào,¹ một hôm nước sông đột ngột dâng lên rất cao, không bao lâu liền rút nhanh xuống, nơi cảng sông có một con cá rất to mắc cạn, nặng đến mười ngàn cân, nằm lại đó ba ngày thì chết. Dân cả quận kéo nhau ra xẻ thịt ăn, chỉ duy nhất có một bà lão không ăn.

Sau đó, bà lão bỗng nhiên gặp một ông lão đến nói: “Cá chết đó là con của ta, không may gặp nạn ở đây. Chỉ riêng bà có lòng thương không ăn thịt nó, ta sẽ báo đáp cho bà. Hãy lưu ý con rùa đá ở cửa thành phía đông, nếu thấy mắt nó có màu đỏ thì bà phải gấp rút đi ra khỏi thành. Cả thành này sẽ bị chìm lấp.”

Bà lão nghe lời, mỗi ngày đều đến cửa thành phía đông xem chừng con rùa đá. Có đứa bé thấy lạ gạn hỏi, bà nói thật cho nó biết. Thằng bé tinh nghịch liền lấy son đỏ lên bôi lên mắt rùa đá. Bà lão vừa thấy thế liền gấp rút ra khỏi thành, gặp một đứa trẻ mặc áo xanh đón lại nói: “Cháu là con của Long vương.” Rồi đưa bà lên một ngọn núi. Quả nhiên, cả thành ấy bị lún sụp xuống thành một cái hồ lớn.

LỜI BÀN

Vào thời đức Phật còn tại thế, có năm vị đại thần.² Đêm nọ, một vị đến thỉnh Phật hôm sau thọ trai. Phật không nhận lời, vị ấy ra về. Lát sau, nhà vua cũng đến thỉnh Phật thọ trai, Phật nói: “Đại thần kia đêm nay sẽ chết, ngày mai đâu còn có thể tạo phúc được nữa?”³

Vị đại thần kia thường nói với tướng sĩ: “Ta thế nào cũng chết vì binh khí.” Vì thế luôn cho quân lính canh phòng cẩn mật,

¹ Thuộc tỉnh An Huy.

² Kinh văn ghi là 大臣五人 - đại thần ngũ nhân, nhưng An Sỹ toàn thư khác là 有一大臣 - hữu nhất đại thần. Tuy nhiên, đoạn sau An Sỹ toàn thư mới đề cập đến 4 người còn lại.

³ Chúng tôi dịch theo đúng kinh văn. Trong An Sỹ toàn thư thì những chi tiết này được đảo ngược về sau.

cho đến bản thân ông khi ngủ cũng mang gươm. Đêm ấy,¹ lúc ông quá buồn ngủ liền trao thanh gươm cho người vợ để thay thế canh phòng. Không bao lâu, bà ngủ gục để rơi thanh gươm làm đứt đầu chồng. Bà giật mình hốt hoảng la lên: “Chồng tôi chết rồi.” Đức vua nghe chuyện liền triệu tập cả bốn vị đại thần còn lại, hỏi rằng: “Các ngươi cùng theo bảo vệ, cốt yếu là để đề phòng kẻ gian gây biến, làm sao vợ ông ấy có thể gây nên tội như thế này, lúc đó bọn các ngươi sao không có ai bên cạnh?” Liền ra lệnh trị tội bằng cách chặt đứt cánh tay phải của cả bốn người.²

Ngài A-nan qua việc này liền thưa hỏi nguyên nhân. Đức Phật dạy: “Người chồng kia đời trước là một trẻ chăn dê, còn người vợ khi ấy là một con dê mẹ lông trắng. Bốn vị đại thần đó, ngày xưa là bốn tên giặc cướp. Lúc gặp đứa trẻ chăn dê, cả bốn người đều đưa cánh tay phải chỉ con dê mẹ lông trắng mà quát bảo nó phải giết thịt cho mình ăn. Đứa trẻ khóc lóc mà làm theo, giết dê cho cả bọn cùng ăn thịt. Trải qua nhiều kiếp sinh tử, đến nay bọn họ mới gặp lại nhau để đền trả nợ cũ.”³

Việc đứa trẻ tinh nghịch bôi sơn đỏ vào mắt rùa đá, cũng là do nhân duyên nghiệp lực mà có, [nên chuyện giả hóa thật]. Khi nhân duyên hội đủ thì mọi việc sẽ tự nhiên xảy ra, [nếu không thì không thể gượng ép mà được.

¹ Chỗ này An Sý toàn thư có thêm vào chi tiết: 是夕，有四臣亦在其家防守 - Thị tịch, hữu tứ thần diệc tại kỳ gia phòng thủ. (Đêm ấy, có bốn đại thần cũng đến nhà ấy phòng thủ.) Trong kinh văn không nói đến việc này, và khi nhà vua trách tội thì chính là vì bốn vị này đã không có mặt khi xảy ra chuyện.

² Đoạn này An Sý toàn thư chép khác hơn: “國王聞之，疑四臣與婦有私 - Quốc vương văn chi, nghi tứ thần dữ phụ hữu tư.” (Đức vua nghe chuyện, nghi ngờ rằng bốn vị đại thần với người vợ có âm mưu.) Chi tiết khác biệt này không hợp lý, vì theo kinh văn thì nhà vua chỉ trừng phạt tội tác trách nên mới chặt tay họ, còn người vợ không có hình phạt. Nếu ghép họ tội âm mưu giết hại đại thần thì người vợ không thể vô can, và bốn người này cũng không chỉ bị chặt tay.

³ Trích từ Tập thí dụ kinh (雜譬喻經), quyển thượng. (Chú giải của soạn giả) Chúng tôi đã đối chiếu với nguyên bản kinh văn trong Đại Chánh tạng, Tập 4, kinh số 206 (tổng cộng 2 quyển). Câu chuyện này nằm trong quyển 1, tại trang 516, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 25. Xét thấy có nhiều chi tiết không theo đúng kinh văn nên khi Việt dịch chúng tôi có chỉnh sửa lại.

Khuyên những người ăn thịt trâu, thịt chó¹

Khuyên người không ăn thịt trâu, thịt chó, chẳng bằng là khuyên người đừng giết trâu, giết chó. Khuyên các lò mổ đừng mổ trâu giết chó, chẳng bằng khuyên các quan địa phương ban lệnh cấm giết trâu, chó.

Vì sao vậy? Khuyên người đừng ăn thịt trâu, thịt chó, tuy trước mặt ta họ chịu nghe lời, nhưng đến lúc món ngon bày ra trước mặt, mấy ai có thể tự kiềm chế được? Cho nên biết rằng, khuyên người không ăn chẳng bằng khuyên người đừng giết.

Lại như những người giết mổ, nghe lời khuyên mà chịu thay đổi cũng rất khó khăn, trong mười người chưa hẳn đã được một. Nếu không bắt đến cửa quan, dùng hình luật nghiêm khắc để trừng trị, thì cho dù ngày ngày đều đến lò mổ để khuyên bảo cũng chỉ là vô ích. Như vậy sao bằng ban ra lệnh cấm rõ ràng nghiêm minh, khiến cho những kẻ hung bạo phải tức thời buông đao giấu kỹ. Huống chi việc cấm giết mổ đó, cho dù anh học trò nghèo cũng có thể nhờ sự hỗ trợ của quan binh mà làm nên việc. Một khi bảng cấm đã treo lên, sau đó liền theo dõi kiểm soát nghiêm ngặt, vâng làm theo thành nề nếp quy tắc, thì dù chẳng khuyên người không ăn thịt trâu chó, tự nhiên cũng không còn thịt trâu chó để ăn.

Than ôi, chỉ tiếc là những kẻ làm quan khi gặp việc mang lại danh lợi cho mình thì nỗ lực làm ngay, gắng gỏi không ngừng, nhưng đối với việc cấm giết mổ này thì lại ngậm miệng lú lười.

Phút lâm chung còn trả nghiệp²

Nước Tề có một quý tộc kia được phong chức quan tước

¹ Dưới đây khuyên việc không nên giết hại vật mạng để tự nuôi dưỡng mình.

² Trích từ sách Nhan thị gia huấn (顏氏家訓). (Chú giải của soạn giả) Sách này do Nhan Chân Khanh viết ra. Ông sinh năm 709, mất năm 785, quê ở Lâm Nghi, thuộc tỉnh Sơn Đông, từng được phong tước Lô quận công nên còn có tên gọi là Nhan Lô Công.

trung,¹ tính tình phóng túng, xa xỉ, thích ăn thịt trâu, thịt chó, mỗi lần ăn đều tự tay mình giết.

Vào năm ông ta được hơn ba mươi tuổi, một hôm bỗng nhiên nhìn thấy một con trâu lớn thành linh xông đến, lập tức toàn thân đau đớn như dao cắt, rồi gào thét, phát điên lên mà chết.

LỜI BÀN

Có nhiều công lao với con người nhất, thật không loài vật nào hơn trâu, chó. Hao tổn âm đức nhiều nhất cũng không gì bằng ăn thịt trâu, chó. Thế mà người đời lại cứ muốn ăn thịt trâu, thịt chó, thật không hiểu nổi là vì sao?

Kiên ăn thịt trâu đồ trạng nguyên²

Vùng Kim Lăng³ có người tên Chu Chi Phiền, lúc còn chưa đỗ đạt, một hôm nằm mộng thấy vị thần đến bảo ông rằng: “Trạng nguyên năm nay lẽ ra là Từ Hy Mạnh, người ở Trấn Giang, nhưng anh ta vì việc tư tình với một cô gái không đúng lễ giáo nên bị phế truất. Người tiếp theo lẽ ra là người, nhưng Từ Hy Mạnh cả nhà đã ba đời không ăn thịt trâu, còn cha con nhà người thì chưa bỏ được thịt trâu. Nếu người biết hối lỗi thì vẫn còn kịp đó.”

Tỉnh mộng, Chi Phiền đem việc ấy kể lại với cha nhưng người cha không tin. Nhưng rồi đêm ấy, chính ông cũng nằm mộng thấy y hệt như vậy. Khi ấy mới kinh sợ, liền thề từ đó không ăn thịt trâu nữa.

Năm ấy quả nhiên Chu Chi Phiền đỗ trạng nguyên, còn Từ Hy Mạnh chỉ đỗ tiến sĩ, hạng ba.

¹ Nguyên tác dùng 奉朝請 (phụng triều thỉnh) để chỉ một chức quan tượng trưng, tuy có định kỳ tham gia các buổi triều kiến nhưng không thực sự nắm giữ quyền hạn gì. Chức quan này thường phong cho những người có họ hàng xa với nhà vua, chỉ mang tính chất tượng trưng.

² Trích từ sách Quảng từ hội yếu (廣慈會要). (Chú giải của soạn giả)

³ Vào thời ấy thuộc Nam kinh.

LỜI BÀN

Có người nói, trâu là con vật để cúng tế, chỉ người có phúc mới được ăn. Nếu theo như chuyện này mà xét thì không thể biện bạch gì thêm nữa.

*Quý hiện nghiệp nhân*¹

Vào triều Thanh, tại huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô có một viên thư lại họ Vương. Vào năm Đinh Dậu thuộc niên hiệu Thuận Trị,² vì chuyện ghi chép lương tiền có sai sót nên bị giam rồi chết trong ngục Bắc Đô.

Đến tháng tư niên hiệu Khang Hy năm thứ hai,³ có con trai của Kim Thái là Hán Quang, người Tô Châu, từ kinh thành đi thuyền về quê. Thuyền vừa đi qua bến Trương Gia bỗng nghe có tiếng người gọi: “Tôi là người họ Vương ở Vô Tích, xin được đi nhờ thuyền.” Hán Quang đồng ý, cho thuyền ghé vào, nhưng chẳng thấy ai cả. Thuyền ra đi, lại nghe có tiếng gọi như trước. Hán Quang lên tiếng hỏi, liền nghe tiếng họ Vương đáp thật rằng: “Tôi là quý chết oan, thuyền ông đậu xa bờ quá nên tôi không lên được.” Người trên thuyền nghe như vậy đều kinh hãi. Quý họ Vương liền nói: “Không sao đâu, cho tôi ngồi ở mạn thuyền là được.”

Hán Quang cho ghé thuyền vào sát bờ, liền nghe như có người nhảy lên thuyền. Thuyền vừa đi chưa bao lâu, chợt lại nghe tiếng quý kêu lên. Hán Quang hỏi việc gì, quý đáp: “Tôi bỏ quên cái túi nhỏ trên bờ sông rồi. Trong đó có sổ ghi chép lương tiền các khoản, về nhà có người tra hỏi, cần phải lấy đó làm bằng chứng. Xin cho tôi trở lại để lấy.” Hán Quang liền chiều ý.

Sau đó thuyền đi tiếp được ba ngày, lúc trời sắp tối bỗng

¹ Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1657.

³ Tức là năm 1663.

nghe quý nói: “Xin tạm dừng thuyền, trên bờ chỗ kia có đàn phở trai, tôi muốn đến dự.”

Hán Quang không hiểu, hỏi: “Phở trai là gì?” Quý đáp: “Người đời thường gọi là thí thực, tức là bố thí thức ăn.” Hán Quang liền ghé thuyền cho quý đi. Vừa đi được chốc lát đã trở lại ngay, nói: “Bồ Tát Quán Âm làm chủ đàn, không có phần cơm cho tôi, vì ngày trước tôi thích ăn thịt trâu. Mỗi khi Bồ Tát chủ đàn, tất cả những người ham thích thịt trâu đều không được vào ăn.”

Hán Quang nghe thế kinh hãi nói: “Có chuyện như vậy thật sao? Tôi vốn thường ăn thịt trâu, từ nay xin chừa bỏ.”

Chốc lát sau, nghe tiếng quý khóc lớn. Hán Quang hỏi việc gì, quý đáp: “Vì ông phát tâm giữ giới không ăn thịt trâu, nên thần chúng giới đàn từ cõi trời sắp đến, tôi không thể ở đây được nữa.” Hán Quang liền hỏi: “Vậy ông làm sao về nhà?” Quý đáp: “Tôi phải chờ thuyền khác thôi.” Hán Quang dừng thuyền, quý lẳng lẳng rời đi.

LỜI BÀN

Pháp vị Du-già thí thực của nhà Phật có khả năng cứu tế khắp hai cõi trời, người: trên là tám bộ trời, rồng,¹ dưới cho đến chúng sinh trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hết thấy đều nằm trong phạm vi rộng thí của pháp thí thực này, lẽ nào lại có việc Bồ Tát làm chủ đàn mà người ham ăn thịt trâu không được thí thực? Quý họ Vương kia không được ăn, đó là do nghiệp riêng chiêu cảm mà thành chỗ thấy riêng mà thôi.

Thí như loài quý đỏi, trải qua nhiều kiếp không được nghe đến tên gọi “nước”, dù có đi trên mặt nước, đưa mắt nhìn cũng chỉ thấy đó toàn là máu mủ, chẳng phải là do nghiệp lực của họ mà thành như thế đó sao?

¹ Tám bộ trời, rồng (thiên long bát bộ): chỉ chung 8 cảnh giới chúng sinh bao gồm: chư thiên, loài rồng, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, con người và loài phi nhân.

Thuở xưa, Tôn giả Mục-kiền-liên dùng thiên nhãn nhìn khắp thế gian, thấy được người mẹ đã qua đời của ngài đang ở trong cảnh giới của loài quỷ đói, liền mang đến cho bà một bát com. Mẹ ngài nhận được liền dùng tay trái che bát [vì sợ những quỷ khác nhìn thấy], tay phải bốc lấy com. Bà vừa đưa com vào đến miệng, com ấy liền lập tức hóa thành than lửa. Ngài Mục-kiền-liên đau đớn khóc than, tìm đến cầu cứu với đức Phật. Phật dạy: “Mẹ của ông tội nặng, không phải sức một người có thể cứu độ được. Lòng hiếu thảo của ông tuy cảm động trời đất, nhưng dù trời đất quỷ thần cũng không thể giúp được việc này. Ông nên nhờ cậy đến sức oai thần của chư tăng trong mười phương, mẹ ông mới có thể được giải thoát.”

Ngài Mục-kiền-liên liền tổ chức Phật sự lớn lao, cúng dường tất cả chư tăng mười phương. Mẹ ngài ngay trong ngày ấy liền được thoát khỏi cảnh khổ trong loài quỷ đói.¹

Theo đó mà xét thì việc quý họ Vương không được ăn, lẽ nào không phải do nghiệp báo tự thân của ông ta chiêu cảm?

Có người hỏi: “Nếu đã như vậy thì việc thí thực ở thế gian thật cũng chẳng ích lợi gì?” Đáp rằng: “Mối tương quan giữa chúng sinh với Phật pháp phân thành hai hạng: một là có duyên, hai là vô duyên. Những chúng sinh có duyên ắt sẽ được thấm nhuần ân huệ. Nếu không thể tiếp nhận được, ấy là vô duyên. [Như vậy, có kẻ vô duyên, cũng có người hữu duyên,] không thể cố chấp vào một lẽ duy nhất mà luận việc.”²

Giễu cợt Phật pháp sớm lãnh tai ương³

Ở Ma thành⁴ có hai người đã đồ cử nhân, một người hết lòng

¹ Chuyện này được kể trong kinh Vu Lan Bồn. (Chú giải của soạn giả)

² Chỉ cần có lòng tin nơi Phật pháp, ắt thành người có duyên. Không có lòng tin nơi Phật pháp, ấy là vô duyên. Lẽ nào có thể không sớm phát khởi lòng tin vào Phật pháp? (Chú giải của soạn giả)

³ Trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả)

⁴ Thuộc tỉnh Hồ Bắc.

tin Phật, một người thì chê bai báng bổ. Một hôm, cả hai cùng đọc sách trong điện thờ Bồ Tát Địa Tạng, bỗng có một người mang thịt chó đến biếu. Người tin Phật liền xua tay bảo đi nơi khác, không cho vào điện thờ, lại hốt hoảng chạy tránh ra bên ngoài cửa.

Người báng Phật thấy vậy liền nói: “Ta theo cái học của nhà Nho, không biết đến cái gì là Phật giáo hay Lão giáo cả.” Rồi ông ta leo lên tòa cao, giễu cợt gắp thịt đút vào miệng Bồ Tát. Nhưng vừa nhấc đũa lên thì cảm thấy giữa khoảng không có một luồng sức mạnh đẩy tới, khiến ông ta ngã nhào xuống đất chết ngay.

Chốc lát sau, vị cử nhân đã tránh ngoài cửa cũng lăn ra chết. Ngay khi ấy ông ta nhìn thấy người báng Phật kia đang chịu hàng trăm thứ hình phạt, trên cổ đeo gông rục lửa đỏ, khắp thân hình đều bị lửa dữ thiêu đốt.

Diêm vương nói với người tin Phật rằng: “Ông có lòng tin, lẽ ra không phải đến chốn này. Ta đưa ông đến đây là muốn ông nhìn thấy kẻ kia chịu hình phạt khổ sở, để ông kể lại cho người đời được biết.” Nói rồi ra lệnh trả về dương gian, ông ta liền sống lại.

LỜI BÀN

Bồ Tát Địa Tạng ở nơi thế giới Ta-bà này đã có phát lời thệ nguyện lớn lao rằng: “Nếu có một chúng sinh còn chưa được giải thoát, ta xem như chính mình đã đẩy họ rơi vào hầm hố.”

Đức Thế Tôn khi thuyết pháp tại cung trời Đao-lợi đã ngợi khen Bồ Tát Địa Tạng rằng: “Ví như mười phương chư Phật cùng xưng tán công đức của ông, trải qua ngàn vạn kiếp cũng không hết được.” Phật lại dạy rằng: “Ví như có chúng sinh cõi trời đã hưởng hết phước báo, hiện ra năm tướng suy,¹ sắp đọa

¹ Chư thiên cõi trời khi hết phước, sắp chết đi để tái sinh vào cảnh giới khác thì hiện ra năm tướng suy. Đó là: 1. Quần áo thường dơ bẩn; 2. Đầu tóc rối bời, hoa trên đầu tàn tạ; 3. Thân thể hôi hám và nhơ nhớp; 4. Dưới nách thường ra mồ hôi; 5. Không thấy ưa thích ngại vị, chỗ ngồi của mình.

lạc vào các cảnh giới xấu ác như địa ngục, nga quỷ, súc sanh, nếu được thấy hình tượng Bồ Tát Địa Tạng rồi hết lòng chiêm ngưỡng, lễ bái, liền có thể không đọa lạc nữa mà được tăng thêm phước báo nơi cõi trời.”

Đức Phật cũng dạy rằng: “Nếu có chúng sinh nào chuyên tâm thành kính cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, suốt một đời không thối chuyển, thì trong đời vị lai sẽ thường được sinh nơi các cõi trời, thọ hưởng phúc lạc. Khi phước báo cõi trời đã hết, sinh vào cõi người thì trăm ngàn vạn kiếp đều được làm bậc đế vương.”¹

Than ôi, bậc Đại Sĩ có thần lực không thể nghĩ bàn như thế, phương danh chấn động khắp vô số thế giới, oai thần thâm nhiếp vạn ức chư thiên, hết thảy chúng sinh được nghe danh hiệu, được thấy hình tượng ngài thì đều được phước báo thù thắng, thế mà kẻ phàm phu ngu mê uế trước, hiểu biết cạn kiệt nhỏ nhoi lại dám hủy báng, khác nào lấy ánh sáng đom đóm mà so với mặt trời chói lọi, lấy cánh ruồi mà che cả bầu trời, thật không biết tự lượng sức mình!

Khuyến người đừng ăn cua

Người đời nghe nói đến những nỗi khổ trong địa ngục đều cho là chuyện mơ hồ, không biết rằng khi người ta luộc cua để ăn, ấy chính là cảnh tượng của đại địa ngục Phí thang [được mô tả trong kinh điển], chỉ vì người ta làm mãi thành quen nên xem đó như chuyện bình thường mà không nhận biết được.

Khi củi vừa bắt lửa bốc lên một lúc đầu, nhiệt độ trong nồi nóng dần lên, những con cua trong nồi bắt đầu kinh hoàng khiếp sợ, toàn thân cảm thấy ngày càng khó chịu. Thế rồi nước trong nồi ngày càng nóng hơn, cả bầy cua rối loạn bò quanh, con nào cũng muốn tìm lối thoát ra. Lát sau, nước càng thêm nóng, thế

¹ Những điều trên đều được ghi chép trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản nguyện (地藏菩薩本願經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này gồm 2 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 13, kinh số 412, trang 777, tờ c.

là cả bây qua lại vương vít, thân thức hôn mê. Lúc bấy giờ, nổi lên mặt nước, nóng bức đau đớn không chịu nổi, chìm xuống đáy nồi cũng nóng bức đau đớn không chịu nổi, nằm yên xếp lớp lên nhau cũng nóng bức đau đớn không chịu nổi. Không bao lâu, nước trong nồi sôi lên, khắp quanh thân hình đều có nước sôi sùng sục. Nước sôi vào mắt, như đinh sắt trui nóng đâm nơi nhãn cầu; nước sôi trên lưng, như sắt nấu chảy nung nóng khắp thân thể. Chịu đựng khổ sở đau đớn như thế không sao nói hết, để rồi ôm mối oán hờn mà chết, toàn thân chuyển thành màu đỏ.

Than ôi, người ta bất quá cũng chỉ vì miếng ngon trong chốc lát mà tạo thành nghiệp chướng nặng nề rộng sâu không bờ bến như thế. Ví như chư Phật, Bồ Tát dùng thiên nhãn mà quán sát sự việc này, ắt sẽ thấy rõ người với của từ vô số kiếp đến nay đều đã từng là cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc của nhau, chỉ vì lẫn lộn tái sinh, thay hình đổi dạng, nên không thể biết nhau đó thôi. Vì thế mới qua lại trong luân hồi mà thay nhau tạo nghiệp, giết hại lẫn nhau, cho đến báo oán lẫn nhau vô cùng vô tận.

Dám xin có lời rộng khuyên khắp thấy, nếu muốn phát tâm từ bi, trước hết phải mạnh mẽ thực hành khoan thứ, điều mình không muốn, chớ làm cho kẻ khác.¹ Hãy tự đặt mình vào hoàn cảnh của muôn loài mà quán xét, thì sự tham ăn sẽ được chuyển hóa thành tâm từ ái.

¹ Nguyên tác dùng “先行強恕 – tiên hành cường thứ”. Chữ thứ (恕) ở đây lấy theo ý của Nho gia, xuất phát từ lời dạy của Khổng tử. Sách Luận ngữ, chương Vệ Linh Công, tiết 23 kể chuyện Tử Cống thưa hỏi Khổng tử: “Có một lời nào có thể theo đó làm theo suốt đời chăng?” (有一言而可以終身行之者乎?) Khổng tử đáp: “Có một chữ thứ: Điều mình không muốn, chớ làm cho kẻ khác.” (其恕乎! 己所不欲, 勿施於人。) Vì thế, chữ “thứ” được hiểu theo Nho gia là “xem người khác cũng như chính mình”, hay “đặt mình vào hoàn cảnh của người khác”. Từ quan điểm nền tảng này mà hình thành đức khoan thứ, có thể khoan dung, tha thứ cho người khác vì cảm thông được hoàn cảnh của họ.

Chịu quả báo trong núi cua¹

Ở Hồ Châu² có một thầy thuốc tên là Sa Trợ Giáo. Mẹ ông rất thích ăn cua, đã giết hại số lượng nhiều không đếm xuể. Niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ 11,³ bà bị bệnh nặng qua đời. Sau đó, có một đứa cháu nhỏ nhìn thấy bà đứng ngoài cửa, thân hình đầy máu me, nói với cháu rằng: “Bà lúc còn sống giết cua quá nhiều, nay phải chịu quả báo trong núi cua. Cháu nói với cha cháu, hãy mau mau làm việc phúc đức mà hồi hướng cho ta.” Nói vừa dứt lời thì không thấy đâu nữa.

LỜI BÀN

Người ta làm món cua muối, bắt con cua còn đang sống mà móc bỏ yếm rồi ướp muối tiêu vào đó. Sự đau đớn khổ sở mà con cua ấy phải chịu đựng thật không thể hình dung nổi! Quả báo trong núi cua, chính là do nghiệp lực chiêu cảm mà thành.

Quan sát con cua bò ngang trên đất, có thể biết rằng đời trước ắt phải quen theo con đường tà kiến, không hướng theo nẻo chánh Bồ-đề. Nhìn dây buộc trên lưng, có thể biết rằng đời trước ắt phải buông thả cho ái dục trói buộc, không giải thoát ra khỏi những ràng buộc tình cảm, phiền não. Đó chính là: “Muốn biết nhân đời trước, hãy xem quả đời này.”

Khuyên người không ăn ếch nhái

Những kẻ đi bắt ếch nhái, phần lớn đều là hạng thuyền chài thiếu hiểu biết. Khuyên họ giữ giới không giết hại, ắt tự thân họ không chịu nghe theo. Nhưng thế gian có biết bao món ngon lạ, mà loài ếch nhái đến nay số lượng còn lại hết sức ít ỏi, [sao nữa giết ăn?]

¹ Trích từ sách Nam dương quảng ký (南陽廣記). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Chiết Giang.

³ Tức là năm 1147.

Nếu như số người ăn thịt ếch nhái có thể giảm đi, thì số người đi bắt cũng sẽ tự nhiên ít dần. Vì thế nên khuyên người đời không nên ăn thịt ếch nhái, xin hãy thận trọng suy xét.

Ếch kêu oan¹

Họ Vương giữ chức quan Đồng Tri,² vốn người Tô Châu, một hôm đang ở tại Cú Dung,³ bỗng nhìn thấy một bầy ếch nhảy nhót ngay trước mặt mình. Vương Đồng Tri liền nói với chúng: “Nếu quả có điều oan khuất thì hãy chỉ cho ta biết là ở nơi nào.”

Bầy ếch khi ấy liền tụ tập cả lại một chỗ. Vương Đồng Tri ra lệnh cho thuộc hạ đến đào xuống chỗ ấy liền phát hiện một xác chết vẫn còn nguyên vẹn, miệng ngậm chặt một cây roi, nơi cán roi có khắc tên họ một người.

Vương Đồng Tri sai nha dịch đến Đan Dương, dùng tên họ ấy điều tra qua một lần đã tìm bắt ngay được hung thủ là một tên phu xe. Tra hỏi ra liền biết rõ sự việc. Nguyên là có một thương gia mua ếch đi phóng sinh, do để lộ tiền bạc mang theo nên bị tên phu xe này tham tiền giết chết. Vương Đồng Tri lập tức xử tội tên phu xe đền mạng. Người Giang Tô nhân sự việc này thường gọi ông là Vương Ếch.

LỜI BÀN

Con ếch khi bị người giết, phải chịu nỗi khổ của tám địa ngục nhỏ. Con người khi giết ếch, đó là tạo ra nhân của tám địa ngục nhỏ:

- Vào lúc ếch bị người giết thịt, trước hết chặt bỏ đầu. Đó là địa ngục nhỏ thứ nhất: địa ngục chặt đầu.

¹ Trích từ sách Hiện quả lục (現果錄). (Chú giải của soạn giả)

² Đồng Tri: chức quan phụ tá cho trưởng quan, cấp phó.

³ Thuộc tỉnh Giang Tô.

- Sau khi đã chặt, liền lột da ếch. Đó là địa ngục nhỏ thứ hai: địa ngục lột da.
- Tiếp theo chặt đứt bốn chân. Đó là địa ngục nhỏ thứ ba: địa ngục chặt chân.
- Sau đó moi ruột móc gan. Đó là địa ngục nhỏ thứ tư: địa ngục mổ ruột.
- Xong, cho vào nồi nấu đun lửa nóng. Đó là địa ngục nhỏ thứ năm: địa ngục dầu sôi.
- Nêm nếm gia vị vào nồi. Đó là địa ngục nhỏ thứ sáu: địa ngục ướp muối.
- Cho vào miệng nhai ngấu nghiến. Đó là địa ngục nhỏ thứ bảy: địa ngục đá nghiền.
- Nuốt vào trong ruột, lẫn cùng các thứ ô uế. Đó là địa ngục nhỏ thứ tám: địa ngục phân dơ.

Theo như trên mà xét, thì người bắt ếch đem đi bán là tự tạo nhân của bốn địa ngục đầu tiên, đó là *tự tác*. Đối với bốn địa ngục cuối cùng, tuy không tự mình làm nhưng lại khiến cho người khác làm, đó là *giáo tha tác*.

Đối với người mua ếch về ăn thì bốn địa ngục đầu tiên là khiến cho người khác làm, [vì mình không mua thì không người khác không bắt ếch,] đó là *giáo tha tác*. Bốn địa ngục sau cùng lại là tự mình tạo nhân, đó là *tự tác*.

Nếu người tự mình bắt ếch về ăn thịt, đó là tự tạo nhân của cả tám loại địa ngục, tất cả đều là *tự tác*.

Nếu tự mình không bắt ếch cũng không ăn thịt ếch, nhưng đối với việc bắt ếch ăn thịt của người khác lại không phản đối mà phụ họa theo, khiến cho người khác có thể thuận lợi mà làm, đó cũng là tạo nhân của tám địa ngục nhưng bằng cách *giáo tha tác*.

Nếu có thể quán xét rõ ràng như vậy, mới biết là mắt nhìn, tai

nghe, miệng nói, tay làm, mỗi mỗi động tĩnh trong đời [nếu không tỉnh giác] đều tạo thành tội nghiệp. Cho nên, thế giới Ta-bà này có đủ năm sự uế trước,¹ thật không dễ sống!

Khuyên những người cầu tăng tuổi thọ²

Con người vốn đã quý tiếc mạng sống, khiếp sợ cái chết, thì theo lý phải hiểu rõ được cái khuynh hướng “tránh nguy tìm an” giống nhau ở muôn loài. Chúng ta với loài vật đều cùng thọ nhận khí tiết của trời đất. Nếu ta biết thương yêu vạn vật do trời đất sinh ra, thì trời đất ắt cũng thương yêu sự sống của ta. Nếu ta mong muốn cho loài vật được sống, thì loài vật cũng sẽ mong cho ta được sống.

Người đời nay từ thiếu thời cho đến trưởng thành, từ trưởng thành cho đến già nua, không có giai đoạn nào là không giết hại loài vật.

Ngay khi con vừa ra khỏi bụng mẹ, cả nhà liền cho đó là việc rất vui mà giết vật để ăn mừng. Không bao lâu vừa đầy tháng tuổi, lại vì ăn mừng nên giết vật. Đến lúc thôi nôi lại cũng giết vật ăn mừng. Lớn lên, mời thầy dạy học cũng giết vật đãi đằng. Đến khi bàn việc hôn nhân, từ lúc thăm nhà cho đến lễ cưới, bao nhiêu nghi lễ cũng đều giết vật đãi đằng. Huống chi đến lúc con sinh ra cháu, rồi cháu cũng đầy tháng, thôi nôi, cũng mời thầy dạy học, cũng lo việc hôn nhân... cứ thế tiếp nối không lúc nào không có duyên cớ để giết hại vật mạng.

Người sinh con gái thì lúc gả chồng cũng không khỏi giết hại vật mạng. Kể tin tà thuyết thì cúng tế quý thần ắt phải giết hại vật mạng. Người có lòng hiếu khách, chiêu đãi ắt phải giết vật. Người nhiều bệnh [cần tẩm bổ] cũng như kẻ tham ăn, đều vì miếng ngon vào miệng mình mà giết hại vật mạng. Lại thêm

¹ Năm sự uế trước (ngũ trước ác thế): bao gồm kiếp trước, kiến trước, phiên não trước, chúng sanh trước và mạng trước.

² Dưới đây khuyên việc không nên giết hại vật mạng để cầu khỏi bệnh.

những lúc đi đường không khỏi vô ý giẫm đạp côn trùng, hoặc trong khi làm nghề nghiệp kiếm sống cũng có lúc không tránh khỏi làm tổn hại mạng sống muôn loài, cho đến những trường hợp thấy người khác giết hại mà vui mừng theo, hoặc ngợi khen khuyến khích...

Gộp lại trong một đời, những sinh mạng bị ta giết chết ắt phải có đến hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn... Dựa vào những điều ấy mà cầu được trường thọ, liệu có thể được chăng?

Xin rộng khuyên hết thầy người đời, nếu muốn được tăng thêm tuổi thọ, trước hết phải giữ giới không giết hại. Giới sát đã giữ trọn thì tự nhiên chắc chắn sẽ được tăng thêm tuổi thọ.

Cứu kiến được tăng tuổi thọ¹

Thuở xưa có một vị tỳ-kheo đã chứng đắc lục thần thông, cùng sống với một chú sa-di. Ngài nhập định quán xét thấy chú sa-di ấy chỉ trong bảy ngày nữa ắt phải chết, liền bảo chú về quê thăm cha mẹ, đến ngày thứ tám hãy trở lại chùa, ý muốn cho chú sa-di ấy được chết tại quê nhà.

Không ngờ đúng ngày thứ tám chú sa-di vẫn còn sống trở lại chùa.

Vị tỳ-kheo liền nhập định quán sát nguyên do, mới biết chú sa-di lúc đang trên đường về quê bỗng gặp một tổ kiến sắp bị nước dâng tràn vào, lập tức cởi áo cà-sa đắp chặn xung quanh để cứu, nhờ đó mà cả đàn kiến được thoát chết. Nhờ việc này mà chú sa-di chẳng những không chết yểu, về sau lại sống thọ đến 80 tuổi, chứng quả A-la-hán.

LỜI BÀN

Trong kinh dạy rằng: “Người không giết hại thì được quả

¹ Trích từ sách Kinh luật dị tướng (經律異相). (Chú giải của soạn giả)

báo sống lâu.” Xem như câu chuyện của chú sa-di này thì càng tin sâu lời ấy.

*Cứu cá được thoát tội*¹

Vào đời Đường, ở quận Ngụy Châu có người tên Mã Gia Vận. Vào mùa xuân niên hiệu Trinh Quán năm thứ sáu,² Mã Gia Vận bỗng nhiên nhìn thấy có hai người cưỡi ngựa đến đón mình, ngay khi đó liền ngã lăn ra chết. Khi ấy, Gia Vận thấy mình được đưa đến gặp chủ nhân của bọn họ, tức là Đông Hải Công. Vị này có ý mời ông giữ chức quan Ký thất.³ Mã Gia Vận từ chối, viện lẽ mình học vấn kém cỏi. Đông Hải Công cố nài ép, ông liền tiến cử một văn sĩ là Trần Tử Lương thay mình. Mã Gia Vận sau đó liền được sống lại, còn Trần Tử Lương đột nhiên ngã lăn ra chết.

Một hôm, Mã Gia Vận cùng đi với một người bạn, bỗng nhiên nhìn lên không trung đáng vẻ kinh sợ. Người bạn thấy vậy gạn hỏi, ông liền nói: “Tôi nhìn thấy sứ giả của Đông Hải Công đang đến Ích Châu bắt người. Sứ giả bảo tôi rằng Trần Tử Lương đã hết lời tố cáo anh, nên xem ra anh đã gần như không thể thoát tội. Nhưng trước đây khi ở đất Thục,⁴ anh có lần nhìn thấy cá trong hồ sắp bị bắt giết liền bỏ ra mười tám lụa để cứu chúng. Nhờ việc ấy nên vừa rồi anh không bị bắt.”

Về sau, Mã Gia Vận làm thầy dạy học trong trường Quốc tử giám cho đến cuối đời.

LỜI BÀN

Khi vua Đường Thái Tông ngự tại cung Cửu Thành⁵ có nghe

¹ Trích từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林). (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 632.

³ Ký thất: chức quan ngày xưa phụ trách những việc liên quan đến giấy tờ sổ sách, văn kiện.

⁴ Tức vùng Tứ Xuyên.

⁵ Cung Cửu Thành: cung điện lớn vào đời nhà Đường, nằm ở phía tây huyện Lân Du thuộc tỉnh Thiểm Tây, trước đây vốn là cung Nhân Thọ của nhà Tùy. Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm, Đường Thái

biết việc này, liền sai quan Thị lang Sầm Văn Bản đến hỏi, nhờ đó mới biết rõ.

Sắp chết được tăng tuổi thọ¹

Ở Hoa Đình² có người tên Triệu Tố, một hôm đến Thanh Phố để thăm bà con, bỗng nhìn thấy người nô bộc đã chết của mình đứng trên thuyền. Ông kinh sợ, đến hỏi, người ấy nói: “Tôi hiện là nha dịch của âm ty, hôm nay đến đây để bắt 3 người. Một người ở Hồ Quảng, một người nữa là người bà con mà ông đi thăm đó.” Hỏi thêm về người thứ ba, ông ta im lặng không đáp, Triệu Tố có ý ngờ người thứ ba là mình.

Tiếp đó vừa đến nhà người bà con thì từ xa đã nghe tiếng than khóc. Họ Triệu kinh hãi, lập tức quay trở về. Trên đường lại gặp người nô bộc cũ, nói: “Ông đừng sợ, nếu đêm nay mà tôi không đến thì ông được thoát rồi.” Triệu Tố gạn hỏi nguyên nhân, người ấy đáp: “Vì trên đường đi tôi có gặp một người vì ông biện giải, nói rằng cả nhà ông đều giữ giới không giết hại.”

Đến tối, quả nhiên vẫn không thấy người ấy đến, Triệu Tố được bình an vô sự.

LỜI BÀN

Đó chính là [nhờ giữ giới không giết hại mà] được thần linh bảo vệ.

Tiết chế ăn uống được tăng tuổi thọ³

Có vị quan tự thừa⁴ là Tiêu Chấn, thuở nhỏ một hôm nằm mộng thấy có người đến bảo rằng: “Ông chỉ sống đến năm mươi

Tông cho trùng tu và đổi tên thành cung Cửu Thành.

¹ Trích từ sách Trúc song tam bút (竹窗三筆). (Chú giải của soạn giả)

² Nay là Tùng Giang, Thượng Hải.

³ Trích từ Cảm ứng thiên đồ thuyết (感應篇圖說). (Chú giải của soạn giả)

⁴ Chức quan phụ tá cho huyện lệnh.

tám tuổi.”

Khi cha ông được bổ làm chủ soái đất Thục,¹ ông đi theo đến nhậm chức. Quan địa phương mở đại tiệc mừng chủ soái đến nhậm chức, ông cũng theo cha đến dự, tình cờ đi ngang nhà bếp thấy ở đó đang buộc một con bò sữa, liền gạn hỏi. Người nhà bếp thưa rằng: “Theo lệ ở vùng này thì sau khi chiêu đãi qua ba tuần rượu sẽ dâng món ‘đũa ngọc’. Cách làm món này là dùng đũa sắt đốt nóng đỏ rồi đâm xuyên qua vú bò sữa, sữa bò chảy ra đọng lại trên đôi đũa thành món ăn mùi vị rất ngon.”

Ông nghe qua kinh hãi, gấp rút đến trình với cha. Cha ông yêu cầu nhà bếp mang thực đơn lên xem trước, thấy đúng như vậy liền truyền bãi bỏ và hạ lệnh vĩnh viễn cấm hẳn món ăn tàn khốc này.

Năm ấy, Tiêu Chấn vừa được mười bảy tuổi, lại nằm mộng thấy có vị thần đến bảo: “Ông có âm đức lớn, chẳng những được khỏi chết yếu mà còn có thể được sống lâu.” Về sau, quả nhiên Tiêu Chấn sống đến hơn chín mươi tuổi.

LỜI BÀN

Từ một món ăn mà có thể [khởi tâm từ bi] được tăng tuổi thọ, cũng từ một món ăn ấy [nếu không có tâm từ] ắt phải giảm tuổi thọ!

Khuyên những người làm thầy thuốc

Nghề thuốc sở dĩ đáng quý là vì có thể cứu người. Tuy nhiên, thuốc men chỉ có thể chữa trị được bệnh tật mà không thể tạo thành mạng sống. Nếu dùng cách giết hại vật mạng để hỗ trợ tẩm bổ người bệnh, chẳng những làm cho bệnh ấy tăng thêm oan nghiệt, mà quả báo đau khổ trong tương lai của chính mình cũng không thể tránh được. Vì sao vậy? Dù người hay vật cũng

¹ Tức vùng Tứ Xuyên.

đều tham sống sợ chết chẳng khác gì nhau. Nếu giết chết một mạng để cứu một mạng, người có đức nhân cũng không nỡ làm, huống chi không chỉ giết một mạng? Huống chi vẫn chưa chắc đã cứu được người?

Nếu bệnh tình đã đến mức bất trị, không nỡ khoanh tay ngồi nhìn, thì nên dùng pháp môn Tịnh độ mà khuyên dạy, giúp người được vĩnh viễn thoát ly sinh tử. Cứu giúp được như vậy, chẳng phải là lớn lao lắm sao?

Thông thường, con người trong lúc đang mang tật bệnh sẽ dễ dàng tiếp nhận những lời khuyên dạy tốt đẹp. Bình thường có thể hung hăng bài bác, không tin Phật pháp, nhưng đến lúc băng tan ngói lở, tính mạng lâm nguy, ta có thể nhân dịp ấy mà tận tình khuyên giải, dẫn dắt giúp người chuyển hóa, đó mới là phương thuốc linh diệu bậc nhất.

Sửa sách chuộc lỗi¹

Đào Hoàn² Cảnh, tên tự là Thông Minh. Mẹ ông họ Hoắc, nằm mộng thấy thiên thần mang lư hương đến nhà, sau đó liền sinh ra ông. Vào cuối đời Lưu Tống,³ ông được mời thỉnh làm chức Thị độc, là thầy của các vị vương gia, hoàng tử. Sang đời Tề, vào khoảng niên hiệu Vĩnh Minh,⁴ ông cỡi triều phục treo ở Thần Vũ Môn, bỏ quan tước về ở ẩn nơi động Hoa Dương thuộc núi Cú Khúc.

Ông với vua Lương Võ Đế⁵ từng có giao tình, những việc quốc gia đại sự vua đều tìm đến hỏi ông. Người đương thời gọi ông là vị “tể tướng trong núi”.

¹ Trích từ sách Lương thư (梁書). (Chú giải của soạn giả)

² An Sỹ toàn thư dùng chữ hoành (宏), cũng có sách chép tên vị này dùng chữ hoàng (弘).

³ Nhà Lưu Tống mất vào năm 466.

⁴ Niên hiệu Vĩnh Minh đời Tề kéo dài trong khoảng năm 483 đến năm 493.

⁵ Lương Võ Đế tên thật là Tiêu Diễn, sinh vào năm 464, mất năm 549. Ông sáng lập nhà Lương và cầm quyền cai trị từ năm 502 cho đến khi qua đời.

Đào Hoàn Cảnh có người học trò là Hoàn Khải, tu hành đắc đạo đã thoát tục.¹ Một hôm, Đào Hoàn Cảnh bỗng thấy Hoàn Khải hiện về báo ông: “Quyển sách thuốc do thầy chỉnh sửa có sử dụng một số côn trùng làm thuốc, tuy có lợi cho con người nhưng lại giết hại vật mạng, Thượng đế do đó đã trách tội.”

Đào Hoàn Cảnh nghe vậy thì hối lỗi, liền soạn lại sách ấy, dùng các loại dược liệu thực vật thay thế. Ông lại đặc biệt soạn thêm vào sách ấy ba quyển nữa để chuộc lỗi cũ. Ông cũng đến lễ tháp thờ xá-lợi Phật ở huyện Mậu và thọ trì Năm giới. Tháp ấy trước đây do vua A-dục xây dựng.

Ông từng mộng thấy được Phật thọ ký, danh hiệu là Bồ Tát Thắng Lực. Khi lâm chung, ông dùng áo cà-sa che thân, ra đi một cách an nhiên, thọ 85 tuổi, thụy hiệu là Trinh Bạch Tiên sinh.

LỜI BÀN

Giết vật cứu người, người đời thấy có vẻ như không sai đạo lý, nhưng vì việc ấy mà bị trời cao trách tội, thật đáng sợ thay!

Khuyên người không nên đánh rắn²

Người đời đều cho rằng rắn là loài hại người, chỉ sợ không giết được hết, thậm chí còn cho rằng đánh rắn không chết sẽ để lại tai họa về sau. Thế nhưng lại không xét kỹ rằng, nếu đánh không chết sợ rắn báo oán, vậy đánh chết đi chẳng phải thù oán càng sâu nặng hơn sao? Chẳng qua là chỗ thấy biết của người đời hết sức nhỏ nhoi cạn cợt, chỉ biết chuyện đời nay, không biết chuyện đời sau, nên mới nảy sinh quan niệm đoạn diệt, cho rằng mọi việc chỉ xảy ra trong một đời này rồi chấm dứt.

Huống chi, nếu rắn làm hại ta, ắt phải có nguyên nhân từ đời

¹ Ông này tương truyền tu theo Đạo giáo.

² Dưới đây khuyên những việc nhỏ nhặt không nên giết hại vật mạng.

trước. Nếu không có nhân đời trước, chắc chắn rắn sẽ không hại ta, cần gì phải lo liệu trước việc rắn gây hại cho ta mà giết nó? Ví như rắn có muốn hại ta, cũng không nên giết nó. Vì sao vậy? Rắn ấy hẳn là do nhân đời trước bị ta làm hại nên đời này mới đến báo oán, nếu ta giết nó thì oán thù đời trước xem như chưa trả được, lại kết thêm oán thù đời này, chẳng phải là tạo nhân để phải chịu tai họa trong hai đời nữa sao? Vì sao người đời không chịu suy xét kỹ?

Đốt hang rắn chịu quả báo diệt tộc¹

Phương Hiếu Nho là người đời Minh.² Cha ông khi chuẩn bị chỗ đất để cải táng phần mộ tổ tiên thì nằm mộng thấy một cụ già mặc áo đỏ đến chấp tay vái lạy và nói: “Chỗ huyệt táng mà ông đã chọn đó chính là nơi ở của chúng tôi. Mong ông hoãn lại cho 3 ngày, đợi con cháu tôi kịp dời hết đi nơi khác rồi hãy làm, sau này tôi xin hết lòng báo đáp.” Nói xong lại dập đầu lạy ông ba lạy.

Người cha của Phương Hiếu Nho thức dậy không tin, cho đó chỉ là mộng mị, liền tiếp tục cho người đào huyệt. Khi đào đất lên có đến hàng trăm con rắn đỏ, liền thiêu chết hết. Đêm ấy lại mộng thấy cụ già hiện đến, vừa khóc vừa nói: “Tôi đã chí thành cầu khẩn ông, sao ông lại khiến cho con cháu tôi 800 đứa đều phải chết trong lửa dữ? Ông đã diệt hết dòng họ tôi, tôi cũng sẽ diệt hết dòng họ của ông.”

Sau ông sinh ra Phương Hiếu Nho, nhìn đầu lười có hình dạng uyển chuyển như con rắn. Hiếu Nho làm quan đến chức Hàn Lâm Học sĩ, xúc phạm đến Minh Thành Tổ, vua hạ lệnh tru

¹ Trích từ sách Hiếu sinh lục (好生錄). (Chú giải của soạn giả)

² Phương Hiếu Nho sinh năm 1357, mất năm 1402, tên tự là Hy Trực, Hy Cổ, hiệu Tốn Chí, là một bậc thầy nổi tiếng, được người đời tôn xưng là Câu Thành Tiên sinh. Tên vị này đã xuất hiện một lần trong quyển hạ của phần Giảng rộng bài văn Âm chất, mục “Đường sá gặp ghénh đã lâu năm thì góp sức tu sửa, san phẳng” và được khắc bằng chữ Nho (儒), nhưng ở phần này lại khắc là chữ Nhũ (孺). Chúng tôi vẫn đọc là Phương Hiếu Nho như phần trước để tạo sự nhất quán cho độc giả tiện theo dõi, vì đây chỉ là một người mà thôi.

di mười họ.¹ Tính hết những người bị giết vừa bằng với số rắn đã chết trước đây.

LỜI BÀN

Đức Phật có dạy rằng: “Đứa con sinh ra có ba nhân duyên: Một là cha mẹ đời trước đã từng thiếu nợ đứa con, hai là đứa con đời trước từng thiếu nợ cha mẹ, ba là do có oán thù đời trước nên sinh làm con.”² Người đời chỉ biết những đứa con bê tha cờ bạc rượu chè là oan gia, không biết rằng có những đứa con thành đạt uy quyền lớn rồi gây họa lây đến cả tộc họ, đó cũng là oan gia. Người đời chỉ biết những đứa con làm cho cha mẹ mất thể diện, gia đình nhục nhã là oan gia, nhưng không biết rằng có những đứa con làm vinh dự tổ tiên, rạng rỡ dòng tộc, được thọ hưởng sự cúng tế ngàn đời, đó cũng là oan gia. Người đời tranh giành cướp đoạt tài sản, ai ai cũng vì tính toán cho con cháu sau này. Nhưng nếu nghĩ cho thật thấu đáo đến những kết cục trong tương lai, thì dù hiện nay con đàn cháu đống liệu có ích lợi gì? Cả một đời vất vả, khổ nhọc tích góp, chỉ uổng tự làm khổ thân mình. Mưu đoạt tài sản của người này, người khác, để rồi đời sau cũng chính những người ấy lại sinh vào làm con mình, khiến cho mình hao tài phá sản. Người đời ngày nào còn thấy biết một cách điên đảo, ngày ấy vẫn còn bị trói buộc ràng rịt tiếp nối. Xưa nay chìm đắm mãi trong mê lầm mà không chịu tỉnh ngộ, thật đáng sợ biết bao!

¹ Phương Hiếu Nho văn chương lừng lẫy, uyên bác vô cùng, nên khi Yên Vương Chu Lệ giành được ngôi hoàng đế từ đứa cháu là Chu Doãn Văn, lên ngôi lấy hiệu Minh Thành Tổ, liền triệu Phương Hiếu Nho vào cung để viết chiếu lên ngôi. Hiếu Nho nhất định không viết. Vua dọa sẽ giết sạch 9 họ, Hiếu Nho khảng khái đáp: “Dù giết hết 10 họ cũng không viết.” Vua sai người ép đưa bút vào tận tay, Hiếu Nho liền phóng bút viết 4 chữ: “Giặc Yên cướp ngôi.” Vua nổi giận sai mang ra hành hình giữa chợ, giết sạch 9 họ, lại tìm giết thêm môn nhân học trò, xem như cho đủ 10 họ.

² Xem trong kinh Thập nhị nhân duyên. (Chú giải của soạn giả) Tuy nhiên, chính xác là đoạn trích này nằm trong A-hàm khẩu giải thập nhị nhân duyên kinh (阿含口解十二因緣經), được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 25, kinh số 1508, trang 53, tờ a, dòng 18 và 19.

Rắn chết được cứu độ¹

Ông Tào Lỗ Xuyên ở Tô Châu có đưa con gái gả về nhà họ Văn. Một hôm, có con rắn rượt đuổi theo con chim câu, gia nhân trông thấy liền đánh chết. Qua mấy hôm sau, rắn nhập hồn vào cô con gái của Tào Lỗ Xuyên, mượn xác nói rằng: “Ta vốn là Thái thú Kinh Châu, gặp lúc Hậu Cảnh làm loạn,² đuổi ta đến chỗ bờ sông, ta bị té xuống sông mà chết, không biết cha mẹ, vợ con ta lúc này có được bình an hay không?”

Tào Lỗ Xuyên nghe vậy kinh hãi, nói: “Hậu Cảnh là người của thời Lục triều,³ nay là đời Minh, đã trải qua các đời Trần, Tùy, Đường, Tống, Nguyên.” Khi ấy, hồn ma mới biết mình chết đã quá lâu, liền nói: “Tôi đã phải sinh làm thân rắn, nay chết cũng không oán hận gì. Chỉ mong các người vì tôi thiết lễ sám hối, tụng cho một bộ Lương Hoàng Bảo Sám, tôi sẽ rời đi.”

Tào Lỗ Xuyên cho thiết lễ sám hối xong, hồn ma lại xin được cúng chay, Lỗ Xuyên liền lập đàn thí thực theo pháp Du-già diệm khẩu. Hôm sau, cô con gái liền được bình thường như trước.

LỜI BÀN

Cuộc đời con người sống chết luân chuyển như hơi thở vào ra, thoát chốc đã nhập bào thai, thoát chốc ra khỏi bào thai, cho đến thoát chốc đã trải qua vô số lần xuất nhập như thế. Sinh ra chẳng biết từ đâu đến, chết đi chẳng biết về đâu, mờ mờ mịt mịt qua ngàn đời vạn kiếp mà vẫn không biết được. Thoát chốc sinh lên cõi trời, thoát chốc sa vào địa ngục; thoát chốc trở thành quỷ đói, súc sinh, cho đến làm người, làm chư thiên... vượt lên

¹ Trích từ sách Trúc song tùy bút (竹窗隨筆). (Chú giải của soạn giả)

² Loạn Hậu Cảnh diễn ra từ tháng 8 năm 548 đến tháng 4 năm 552, chống lại triều đình nhà Lương. Cuộc chiến ở Kinh Châu xảy ra vào khoảng năm 551.

³ Lục triều là giai đoạn lịch sử Trung quốc gồm 6 triều đại nối tiếp nhau. Đó là: 1. Tào Ngụy (220-265), 2. Tấn (265-420), 3. Lưu Tống (420-479), 4. Nam Tề (479-502), 5. Lương (502-557), 6. Trần (557-589).

rồi chìm xuống, chìm xuống lại vượt lên, qua ngàn đời vạn kiếp vẫn không biết được.

Xưa, ông Tu-đạt có lần đang ở trong tịnh thất cùng đức Phật, Phật chỉ một con kiến bò trên mặt đất mà nói với ông: “Con kiến này từ thời đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời cho đến nay, trải qua bảy đức Phật ra đời mà vẫn còn đọa làm thân kiến.”¹

Thông thường, mỗi một vị Phật ra đời trải qua thời gian rất lâu xa, huống chi đến bảy vị Phật? Sau khi đức Phật Thích-ca ra đời, phải trải qua hơn 1.725.000 năm thì đức Bồ Tát Di-lặc mới từ cung trời Đâu-suất đản sinh.² Chẳng biết đến lúc ấy liệu con kiến kia đã thoát được thân kiến hay chưa?

Theo đó mà xét thì con rắn trong chuyện này trải qua từ thời Lục triều đến nay³ đã được thoát thân rắn, kể cũng không phải chậm. Than ôi, luân hồi đáng sợ như thế mà không chịu phát tâm cầu sinh Tịnh độ để vĩnh viễn thoát ly, thì có khác gì những loài vật si mê trôi dạt trong biển lớn sinh tử?

Khuyên người đừng nuôi dế, cá cảnh

Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy rằng:

*Mạng người chẳng được lâu,
Như vỗ tay vang tiếng.
Vợ con cùng tài sản,
Đều chẳng thể mang theo.
Chỉ có nghiệp thiện, ác,
Thường bám theo không rời.
Như chim bay trời cao,*

¹ Trích từ kinh Hiên ngu nhân duyên. (Chú giải của soạn giả)

² Xem kinh Di-lặc hạ sinh. (Chú giải của soạn giả)

³ Tức là vào thời tiền sinh An Sỹ, đời nhà Thanh. Theo câu chuyện thi Tào Lỗ Xuyên sống vào đời Minh.

Bóng không rời mặt đất.¹

Cho nên biết rằng, việc nuôi dế hay cá cảnh tuy làm vui mắt trong chốc lát, nhưng xét cho cùng thì chẳng có lợi ích gì, chỉ tạo thành nghiệp ác giết hại mãi mãi bám theo ta. Vì sao phải khổ sở làm thỏa mãn đôi mắt ngắm nhìn để rồi kết oán đời đời, mang thù kiếp kiếp với những con vật kia?

Sâu đỏ báo ứng²

Vào cuối triều Minh, ở huyện Vô Tích³ có người tên Tiết Tử Lan rất thích nuôi cá vàng, thường bắt sâu đỏ cho cá ăn. Cứ như vậy, đã giết hại loài sâu nhiều không kể xiết. Về sau Tử Lan mắc bệnh lạ, hai tay quơ cào khắp thân hình, như thể liên tục bốc nắm lấy vật gì ném ra, miệng nói: “Ôi, có ngàn vạn con sâu đỏ đang bò trên người tôi.” Ông rên la đau đớn cùng cực không chịu nổi, cào cấu nát cả người rồi chết.

LỜI BÀN

Ngày xưa tướng Bạch Khởi cho đào hố chôn sống quân nước Triệu, chỉ trong một đêm giết chết 400.000 người. Hạng Vũ chôn sống quân Tần, trong một đêm giết 200.000 quân. Quân giặc loạn Trương Hiến Trung ở Tứ Xuyên chặt chân tay người chết thành núi. Những lúc như thế, hãy xem máu thịt chúng sinh khi thối rữa, giữa con người với loài sâu đỏ kia có khác gì nhau?

Than ôi, người chết vì nạn binh đao, ắt đã từng tạo nhân trong quá khứ; người nuôi loài vật rồi giết hại sinh mạng, ắt phải chịu quả báo trong tương lai. Cho nên có câu rằng: “*Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả.*”⁴

¹ Kinh Chánh pháp niệm xứ (正法念處經), tổng cộng 70 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 721. Bài kệ này thuộc quyển 1, trang 5, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 25, nội dung có lược bớt một số câu trong nguyên bản.

² Trích từ sách Hiếu sinh lục (好生錄). (Chú giải của soạn giả)

³ Thuộc tỉnh Giang Tô.

⁴ Vì Bồ Tát thấu hiểu và tin nhận nhân quả nên chỉ sợ rằng nếu ngày nay tạo nhân xấu ác ắt phải chịu quả

Dế trả oán¹

Vào cuối đời Minh có người họ Trương ở Hàng Châu rất thích chơi đá dế. Con dế nào đá thua, ông đều ngắt đầu rồi vất đi.

Về sau, họ Trương bị một cái nhọt lớn mọc trên lưng. Bên trong nhọt thịt thối đen lại có hình như hàng trăm cái đầu dế, chạm vào đều cử động. Họ Trương chịu đau đớn thấu xương tủy, cuối cùng gào khóc mà chết.

LỜI BÀN

Người đời tạo nghiệp, căn bản đều do nơi sáu căn.² Khi một căn đã động, năm căn khác cũng đều theo đó phát khởi. Chẳng hạn như người nuôi dế đá, căn bản ban đầu là vì con mắt muốn xem, [nhân căn tạo nghiệp], nhưng khi đi bắt dế phải lắng tai nghe tiếng dế kêu để bắt, thì lúc ấy nhĩ căn tạo nghiệp. Khi đá dế dùng tay khích động cho dế đá, đó là thân căn tạo nghiệp. So tính việc thắng thua, đó là ý căn tạo nghiệp. Thắng cuộc uống rượu thì tỉ căn (mũi ngửi), thiệt căn (lưỡi nếm) tạo nghiệp. Kinh Lăng nghiêm nói đến “nghiệp báo từ sáu căn”³ chính là ý này.

ngày sau, còn quả báo hiện nay là do nhân đã tạo từ trước nên Bồ Tát an nhiên chấp nhận mà không sợ sệt. Ngược lại, chúng sinh mê muội không hiểu, không tin vào nhân quả, nên khi quả báo tàn khốc đến thì kinh sợ, mà không hề biết e sợ ngay từ lúc tạo nhân. Vì thế, dù đã chịu khổ nhưng vẫn không ngừng tạo thêm nghiệp ác.

¹ Trích từ sách Nhân quả mục kích biên (因果目擊編). (Chú giải của soạn giả)

² Sáu căn bao gồm: mắt (nhân căn), tai (nhĩ căn), mũi (tỉ căn), lưỡi (thiệt căn), thân (thân căn) và ý (ý căn).

³ Nguyên bản dùng “六交報” (lục giao báo), trích từ Kinh Lăng nghiêm, tên gọi đầy đủ là Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Chứng Nghĩa Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh (大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴經), tổng cộng 10 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 19, kinh số 945. Trong quyển 8, trang 143, tờ c, dòng 4 và 5 có chép: “阿難此等皆是彼諸眾生自業所感。造十習因受六交報。” - A-nan! Thử đẳng giai thị bỉ chư chúng sinh tự nghiệp sở cảm, tạo thập tập nhân, thọ lục giao báo. (Này A-nan! Những điều như thế đều do nghiệp báo của chúng sinh tự chiêu cảm lấy, gây mười tập nhân thì chịu sáu giao báo.) Trong một đoạn kinh sau đó (trang 144, tờ a, dòng 28 và 29), đức Phật giảng giải: “阿難。一切眾生六識造業，所招惡報從六根出。” - Nhất thiết chúng sinh lục thức tạo nghiệp, sở chiêu ác báo giai lục căn xuất. (Này A-nan! Hết thảy chúng sinh do sáu thức tạo nghiệp, những quả báo xấu ác chuốc lấy đều từ sáu căn mà ra.) Vì thế, chúng tôi chuyển dịch “sáu giao báo” là “nghiệp báo từ sáu căn”.

Khuyên người quý tiếc mạng sống loài trùng kiến

Người tu tích phước đức cũng giống như đứa con khéo xây dựng bồi đắp cơ nghiệp gia đình. Tuy không thể thấy được sự phát triển rõ rệt, nhưng ngày ngày tích tụ, tháng tháng vun bồi, tự nhiên sẽ thành tựu nghiệp lớn như Đào Chu.¹ Người làm việc thất đức cũng giống như đứa con phá hoại gia nghiệp, tuy không thể thấy được sự hư hoại rõ rệt, nhưng ngày ngày hao mòn, tháng tháng tiêu tán, cuối cùng cũng đến lúc nhà tan cửa nát, không đất cắm dùi. Cho nên có câu rằng: “Chớ thấy việc ác nhỏ mà làm, chớ khinh chê việc thiện nhỏ mà không làm.”

Vua kiến trả ơn²

Huyện Phú Dương thuộc đất Ngô có người tên Đồng Chiêu Chi, một hôm đi thuyền qua sông Tiền Đường bỗng nhìn thấy dưới sông có con kiến bò trên một thân cây lau trôi giữa dòng nước, muốn vớt thân cây lau lên thuyền để cứu con kiến nhưng người trên thuyền không cho, ông liền dùng một sợi dây buộc vào cây lau để kéo đi theo thuyền, cuối cùng đưa được con kiến vào bờ.

Đêm hôm đó, Đồng Chiêu Chi nằm mộng thấy một người mặc áo đen đến gặp mình để tạ ơn, nói rằng: “Tôi là vua kiến, do bất cẩn rơi xuống sông, hôm nay nhờ được ông cứu giúp. Sau này ông có lúc nguy cấp, xin hãy báo cho tôi biết.”

Trải qua hơn mười năm sau, Đồng Chiêu Chi bị người khác vu cáo là ăn trộm, bị bắt giam vào ngục. Chiêu Chi nhớ lại lời vua kiến đã nói trước đây trong giấc mộng, trong lòng muốn báo tin nhưng chẳng biết cách nào. Có người biết chuyện liền bảo: “Sao

¹ Nghiệp lớn như Đào Chu: chỉ người thương gia thành công, gia nghiệp giàu có. Do tích xưa Phạm Lãi sau khi giúp Việt vương diệt được nước Ngô liền từ quan về ở xứ Đào, tự xưng mình là Chu công, theo nghiệp buôn bán mà trở nên hết sức giàu có. Vì thế, người đời sau dùng chữ Đào Chu để chỉ những người buôn bán thành công, trở nên giàu có.

² Trích từ sách Cổ sử đàm uyển - 古史談苑. (Chú giải của soạn giả)

ông không bắt lấy vài ba con kiến, đặt trong lòng bàn tay rồi nói chuyện này với chúng thử xem.” Đổng Chiêu Chi làm theo lời, quả nhiên đêm ấy mộng thấy người mặc áo đen đến bảo: “Ông hãy gấp rút trốn đi, tìm đến trốn trong núi Du Hàng có thể thoát được nạn này.”

Đổng Chiêu Chi thức giấc, lập tức theo lời bỏ trốn, chạy đến núi Du Hàng. Quả nhiên trốn thoát được, rồi chẳng bao lâu sau có lệnh triều đình đại xá, nhờ đó được miễn tội.

LỜI BÀN

Chớ nên cho rằng việc kiến trả ơn là hoang đường. Các loài côn trùng nhỏ nhoi đều có những chuyện kể không thể giải thích được.

Xưa, vua Phù Kiên¹ cùng với hai người là Vương Mãnh và Phù Dung bí mật bàn chuyện xá tội [cho tù nhân] ở Linh Đài, vừa định thảo chiếu bồng có con nhặng màu đen rất lớn bay vù đến chỗ ngồi bút, tiếng vo ve rất mạnh. Không bao lâu, cả nước đều biết chuyện triều đình sắp có lệnh đại xá.

Phù Kiên suy nghĩ rằng ngoài hai người cùng bàn việc với mình thì không ai có thể biết để tiết lộ chuyện này, liền tra vấn các quan xem do đâu biết được tin tức ấy. Các quan tâu lên rằng: “Hôm trước, trên đường đi thấy có một đứa trẻ mặc áo đen, chỉ cao chừng ba thước,² đứng giữa đường hô lớn cho mọi người đều nghe rằng: ‘Triều đình sắp đại xá, triều đình sắp đại xá!’ Tiếng hô vừa dứt thì bồng nhiên biến mất, không thấy đâu nữa.” Phù Kiên khi ấy mới biết đứa trẻ kia chính là con nhặng lớn màu đen bay đến chỗ ngồi bút hôm trước.³

Thiên hạ rộng lớn, có điều gì lại không thể xảy ra? Chuyện vua kiến trả ơn cũng không đáng xem là kỳ lạ.

¹ Tục Tuyền Chiêu Đế của nhà Tiên Tần.

² Ba thước cổ, khoảng bằng 1 mét.

³ Trích theo sách Bắc sử. (Chú giải của soạn giả)

Khuyên những người đi săn¹

Đức Phật dạy rằng: “Trong lòng luôn nghĩ đến từ bi nhân hậu, tu tập pháp lành, đó là tạo nhân ngày sau được sinh vào hai cõi trời, người, được hưởng phước đức. Trong lòng luôn nghĩ đến việc giết hại vật mạng để ăn thịt, đó là tạo nhân ngày sau phải đọa vào những cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.”

Những người làm nghề săn bắn, từ sáng đến tối, nhìn thấy chim thì nghĩ chuyện bắn chim, nhìn thấy thú thì nghĩ chuyện bắt thú, không thể tìm được một ý niệm nào trong tâm tưởng họ không liên quan đến việc giết hại. Vì thế nên oán cừu nối nhau không dứt, cứ dần dần sa đọa, trầm luân đến muôn kiếp, không có lúc thoát ra. Những kẻ thường giết hại, xem mạng sống muôn loài như cỏ rác, sao không suy ngẫm điều này?

Lòng thương con của chim cảm động người²

Tướng Đặng Chi³ mang quân đi đánh Phù Lãng, một hôm nhìn thấy chim mẹ đang mớm mồi cho chim con, gương cung bắn nhưng không trúng. Chim mẹ bị bắn trượt nhưng vì có những chim con ở đó nên không nỡ bay trốn đi, vẫn đứng nguyên nơi ấy. Đặng Chi bắn lần nữa, chim bị trúng tên, vẫn mang mũi tên trên thân mà tiếp tục mớm cho con ăn, lại ngậm mồi nhỏ bên cạnh, kêu chiêm chiêm gọi chim con tự lấy mồi ăn, cuối cùng mới kêu lên một tiếng bi thương rồi chết. Mấy chú chim con cũng kêu tiếng bi thương không ngừng.

Đặng Chi hết sức hối hận, tự nói: “Ta làm trái với bản tính muôn loài, ắt sắp phải chết rồi!” Quả nhiên, không bao lâu sau

¹ Dưới đây khuyên việc chọn nghề mưu sinh không nên giết hại vật mạng. (Chú giải của soạn giả)

² Trích từ sách Hậu Hán thư. (Chú giải của soạn giả)

³ Đặng Chi là danh tướng nước Thục vào thời Tam quốc.

ông bị Chung Hội hại chết.¹

LỜI BÀN

Trong cuộc đời không gì bi thảm hơn là lúc người mẹ trẻ mắc bệnh nguy kịch sắp mất, gọi các con còn thơ ấu đến bên giường bệnh nắm tay vĩnh biệt, lưu luyến dặn dò, một lời nói ra ruột gan quặn thắt trăm lần, quấy luyến không rời, phút chốc lệ tuôn như mưa đổ, trong lòng đã lo có người tùy tiện ngược đãi con mình, lại còn sợ di ghê mai sau hành hạ, nhìn thấy trước tình trạng côi cút của các con nên hồn phách khi ấy hết sức đau đớn bi thương, nghe tiếng kêu khóc của con trẻ mà ruột gan mình như bị xé nát.

Sự bi thảm cùng cực như thế trong kiếp người, thật ra đều do nghiệp ác từ đời trước chiêu cảm mà thành, vì thế nên lúc ấy đành phải chịu đựng mà không có cách gì thoát được.

Săn bắt thú chịu quả báo trong nồi nước sôi²

Lưu Ma Nhi ở Phần Châu, cả nhà làm nghề săn bắt thú. Một hôm, ông cùng với đứa con trai là Lưu Sư Bảo bỗng kế tiếp nhau lăn ra chết. Phía bắc nhà ông có người hàng xóm là Kỳ Lũng Uy, bị bệnh chết rồi tự nhiên sống lại. Nhân đó kể với mọi người rằng lúc ở dưới âm ty có nhìn thấy hai cha con Lưu Ma Nhi bị nấu trong chảo nước sôi, da thịt rã dần đến hết sạch, chỉ còn nhìn thấy xương. Sau đó rất lâu, thân xác mới trở lại như cũ. Lũng Uy hỏi nguyên nhân, liền có người đáp rằng: “Trước đây thích đốt lửa [để xua đuổi] mà bắt thú, nên nay phải chịu

¹ Chỗ này e rằng nguyên tác có sự nhầm lẫn, vì Đặng Chi mang quân dẹp loạn đất Phù Lăng vào năm 248. Sang năm 251 ông qua đời không rõ bao nhiêu tuổi, nhưng ông lớn tuổi hơn Chung Hội rất nhiều, vì từ năm 223 ông đã được vua Thục cử đi sứ Đông Ngô, trong khi Chung Hội đến năm 225 mới sinh ra. Khi ông qua đời thì Chung Hội chỉ mới 26 tuổi và đang làm chức Thượng thư trung thư thị lang, chưa nắm giữ binh quyền. Đến năm 262, Chung Hội mới được phong làm Trấn Tây Tướng quân, cầm quân chuẩn bị đánh Thục vào năm 263.

² Trích từ sách Cảm ứng thiên đồ thuyết (感應篇圖說). (Chú giải của soạn giả)

tội như vậy.”

LỜI BÀN

Kinh Phật dạy rằng: “Trong cảnh giới địa ngục, mỗi một ngày đêm có vạn lần chết đi sống lại. Mỗi khi [thọ hình đến mức] chết đi liền có cơn gió thổi qua làm sống lại, tiếp tục phải chịu đựng hình phạt khổ sở ấy. Nếu nghiệp báo chưa hết thì dù kéo dài cho đến lúc đất đai sông núi đều hư hoại, hình phạt ấy cũng chưa từng được dừng nghỉ trong giây lát.”

Cho nên, kinh Địa Tạng có nói rằng: “Khi thế giới này hư hoại, [người thọ nghiệp báo] chuyển sinh sang thế giới khác; khi thế giới ấy hư hoại, lại chuyển sinh sang thế giới thuộc phương khác; khi các thế giới thuộc phương ấy đều hư hoại, lại lần lượt chuyển sinh sang phương khác nữa, đợi cho đến sau khi thế giới này hình thành xong thì sinh trở lại đây [tiếp tục thọ nghiệp].”¹

Than ôi, không nghĩ đến thì thôi, nếu suy xét kỹ thật đáng sợ biết bao!

Người với nai cùng chết²

Ở Lư Lăng có người tên Ngô Đường, rất giỏi săn bắn, khi đi săn thường dắt theo đứa con trai nhỏ. Một hôm, gặp nai mẹ dẫn theo nai con, Ngô Đường bắn một phát trúng nai con ngã xuống chết. Nai mẹ kêu lên tiếng bi thương rồi chạy đi. Ngô Đường liền nấp vào trong lùm cỏ rậm, rình thấy nai mẹ quay lại thè lưỡi liếm xác con, liền giương cung bắn chết luôn nai mẹ.

Thoáng chốc bỗng thấy có một con nai nữa, liền bắn ngay, hóa ra mũi tên trúng vào con trai mình. Ngô Đường ôm con khóc rống lên, chợt nghe giữa không trung có tiếng nói: “Ngô

¹ Theo kinh Phật, mỗi một thế giới đều tuần tự trải qua bốn giai đoạn là thành (hình thành), trụ (tồn tại), hoại (hư hoại) và không (trở nên trống rỗng không còn gì). Bốn giai đoạn ấy nối nhau tuần hoàn, nên sau giai đoạn không thì thế giới hình thành trở lại.

² Trích từ Cảm ứng thiên đồ thuyết (感應篇圖說). (Chú giải của soạn giả)

Đường! Nai kia cũng thương con có khác gì người?”

Ngô Đường đang lúc hết sức kinh hãi, bỗng thấy xuất hiện một con cọp vồ lấy đứa trẻ, cắn đứt một cánh tay, khiến nó chết ngay lúc ấy.

LỜI BÀN

Có người hỏi: “Trị tội người không nên liên lụy đến con cái, Ngô Đường tất nhiên độc ác, nhưng con trai còn nhỏ của ông ta nào có tội gì? Oán ghét người cha mà giết đứa con, lưới pháp âm ty liệu có khắc nghiệt quá chăng?”

Đó là không biết rằng, người làm thiện ắt sẽ sinh vào nhà làm thiện để cùng hưởng phúc, người làm ác ắt phải sinh vào nhà làm ác để cùng chịu tội. Đứa con trai Ngô Đường chắc chắn đời trước đã từng làm nhiều việc ác, phải chịu quả báo bị cọp vồ mà chết, thế nên mới sinh vào nhà Ngô Đường để chịu tai họa ấy. Như vậy là để cho thiên hạ biết mà kiêng sợ, để người cha biết được sự trừng phạt là như thế. Nhân duyên hội tụ thành những điều như vậy, đều là do nghiệp lực không thể nghĩ bàn chiêu cảm mà thành.

Đức Phật có nói: “Khi thời gian một kiếp sắp hết, tuổi thọ trung bình của con người chỉ còn được 10 tuổi, chúng sinh gặp nhau, tất cả đều sinh tâm ác độc giết hại lẫn nhau, không chút từ tâm thương xót, cũng giống như người thợ săn ở chốn núi rừng, khi nhìn thấy muôn loài cầm thú chỉ khởi tâm ác độc muốn giết hại mà thôi, không chút thương xót. Vì thế, khi kiếp này sắp hết, trong vòng bảy ngày cuối cùng, cỏ cây đất đá đều hóa thành đao trượng, [chúng sinh nhân đó] tàn hại lẫn nhau, cho nên sau khi chết đi rồi tất cả đều đọa vào các đường ác.”¹

Xin khuyên hết thảy người đời, khi nhìn thấy đồng loại nên khởi sinh tâm từ bi cứu độ, khi nhìn thấy muôn loài chúng sinh,

¹ Xem trong Khởi thế nhân bản kinh. (Chú giải của soạn giả)

cũng nên khởi sinh tâm từ bi cứu độ. Dù sinh ra ở đâu cũng phát khởi tâm nguyện Bồ-đề. Được như thế thì dù có tội chướng [đã tạo trước đây] cũng sẽ tức thời tiêu tan như băng tuyết dưới ánh mặt trời.

Khuyên những người đánh bắt chim

Chim chóc tuy là loài vật nhỏ nhoi, nhưng khi chim trống đi xa, chim mái cũng kêu lên những tiếng buồn thương, khi chim mẹ không về, chim con cũng biết chiêm chiếp kêu ran đợi mớm mồi. [Những tình cảm ấy] so với con người thật không khác biệt. Ví như rơi vào cảnh đôi bạn chia lìa, mẹ con ly tán, ắt phải kêu tiếng bi thương, bỏ ăn mất ngủ, sầu thảm không nơi nương tựa. Cho nên có câu rằng: “Chia rẽ trống mái trong loài vật, phải chịu quả báo vợ chồng ly tán; giết hại con cái của loài vật, phải chịu quả báo con cháu mình chết yếu.” Nhân quả rõ ràng không hề sai đổi.

Ba con chim én nhớ ơn¹

Vào đời nhà Tống, ở Nghiêm Châu² có người phụ nữ tên Vương Á Tam, một hôm nhìn thấy con mèo vồ chết chim én mẹ, liền mang com đến nuôi ba con chim én con trong tổ. Đến khi chim lớn bay đi mất.

Mùa đông năm ấy, Vương Á Tam qua đời. Tiếp đến mùa xuân năm sau, có ba con chim én bay về lượn mãi quanh nhà. Người mẹ của Vương Á Tam liền nói: “Có phải chim én tìm Á Tam chăng? Á Tam đã chết, chôn ở sau vườn.” Ba con chim én liền bay vào vườn, kêu tiếng đau thương rồi nằm chết cả trên mộ Vương Á Tam.

¹ Trích từ sách Chúng tử lục (證慈錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Chiết Giang.

LỜI BÀN

Con người liệu có ai biết nhớ ơn xưa, tình sâu nghĩa nặng được như ba con chim én này chăng? Xem qua chuyện này rồi thật buồn đau mà hổ thẹn.

Chim khách chọn huyết táng¹

Huyện Vũ Tấn² có Cù Công là người nhân hậu, đức độ sâu dày. Một hôm, ông nhìn thấy con chim khách mang trên mình một mũi tên, cất tiếng kêu bi thương đau đớn. Ông thương xót liền nói: “Nếu mày muốn tao giúp nhổ tên ra thì mau đáp xuống đây.” Chim khách quả nhiên bay đáp xuống trước mặt ông. Cù Công nhổ mũi tên ra, nuôi dưỡng chim trong mấy ngày [cho bình phục] rồi thả bay đi.

Về sau, khi Cù Công muốn cải táng cha mẹ, đã tìm được chỗ đất tốt nhưng không biết chọn huyết nơi nào. Khi ấy bỗng nhiên có một bầy chim khách tụ tập đến. Một con chim khách bay đến ngậm chéo áo Cù Công rồi bay lại một chỗ đất trong phần mộ, liền tiếp ba lần như vậy. Cù Công liền nói: “Nếu nơi ấy đúng là huyết tốt, mày hãy kêu lên ba tiếng.” Chim khách lập tức y lời kêu lên ba tiếng. Cù Công cho mời thầy địa lý đến xem xét lại, quả nhiên chỗ đất ấy rất thích hợp, liền cho đào huyết táng vào.

Về sau, hai con ông là Cù Sĩ Đạt và Cù Sĩ Tuyển dự thi Hương đều đỗ,³ con cháu về sau ngày càng hưng thịnh.

LỜI BÀN

Huyết táng tốt xấu đều do nơi tâm mình mà ra. Tổ tiên hung bạo mà tự tâm mình không biết tích đức tu nhân, chỉ hướng ra bên ngoài mang linh cứu đi tìm chỗ đất táng cho tốt đẹp, đó chỉ là kẻ ngu muội mà thôi.

¹ Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Giang Tô.

³ Tức là đỗ cử nhân.

Lưới bắt chim bị mắc bệnh lạ¹

Ở Bà Dương² có người thợ nhuộm họ Đồng, ưa thích việc lưới bắt chim. Bắt được rồi dùng que trúc xiên qua đầu chim, đặt trên lửa rơm thui chín, xong làm sạch lông rồi đem bán. Số chim đã bị ông giết hại như thế thật nhiều không đếm xuể.

Về sau họ Đồng bỗng nhiên mắc một chứng bệnh kỳ lạ, da dẻ toàn thân hóa thành thô ráp như vỏ cây, ngứa ngáy lạ lùng không sao chịu nổi, phải dùng rơm khô đốt lên hơi nóng cả người. Sau đó ông lại mắc chứng đau đầu, phải nhờ người dùng que trúc đánh vào đầu mới chịu được. Họ Đồng bị hành hạ đau đớn như vậy đến ba năm rồi mới chết.

LỜI BÀN

Dùng que trúc mà đánh vào đầu, dùng lửa rơm mà hơ toàn thân, đều là những chuyện khổ sở đau đớn, vì sao họ Đồng lại muốn được chịu đựng những điều như vậy?

Ấy là vì bản tính con người vốn hiền thiện. Lưới bắt chim chóc để giết hại, đó là làm những việc người ta không nên làm, do đó phải chịu quả báo dùng que trúc đánh vào đầu, đốt lửa rơm hơ nóng toàn thân, đều là muốn những việc người khác không hề muốn.

Cả bầy chim mổ xé thân xác³

Vào cuối triều Minh, ở Vũ Tấn⁴ có người tên Cố Mưu, từng bắt chim chóc nhiều vô số. Về sau ông ta mắc bệnh nằm liệt trên giường, tự nói với người nhà rằng: “Hôm nay có chim đến mổ vào tay tôi.” Rồi lại nói: “Có chim đến mổ vào chân tôi.” Mỗi ngày lại thay đổi nơi bị chim mổ, cho đến lúc [cảm thấy] toàn

¹ Trích từ sách Chuyết am nhật ký (拙庵日記). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Giang Tây.

³ Trích từ sách Hiếu sinh lục (好生錄). (Chú giải của soạn giả)

⁴ Thuộc tỉnh Giang Tô.

thân bị chim mổ nát. Khi ấy đã ngã bệnh được bốn mươi chín ngày, lại nói với người nhà: “Hôm nay có chim đến mổ mắt tôi.” Nói xong liền chết. Người nhà đến nhìn, quả nhiên trong mắt không còn đồng tử.

LỜI BÀN

Người nuôi nhốt chim chóc trong lồng, tuy không lấy mạng chúng, cũng không tránh khỏi tạo nhân giam cầm trong lao ngục, phải nên kiêng sợ chớ phạm vào.

Đạn sắt xuyên vào bụng¹

Huyện Côn Sơn có người tên Cung Phúc, dùng súng bắn chim rất giỏi. Vào mùa hạ năm Nhâm Dần thuộc niên hiệu Thuận Trị,² một hôm ông cầm que lửa soi vào chỗ thuốc súng, tàn lửa bay ra rơi vào thuốc súng bốc cháy dữ dội, râu tóc ông đều cháy sạch, lại bị một viên đạn sắt xuyên qua ngực vào tận trong bụng, chết một cách hết sức thê thảm.

LỜI BÀN

Hạng người này chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục thiết hoàn.³ [Sau khi ra khỏi địa ngục,] nếu sinh làm người ắt phải chịu một trong ba loại quả báo. Một là chết vì lửa cháy, hai là chết vì súng đạn và ba là vì sợ hãi, phát cuồng mà chết.

Đức Phật Thích-ca trong vô số kiếp trước đây đã từng có lần làm vị Thiên vương cõi trời Đao-lợi,⁴ đánh nhau với loài a-tu-la. Khi ngài định dẫn binh quay về, bỗng nhìn thấy một con chim

¹ Trích từ sách Nhân quả mục kích biên (因果目擊編). (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1662.

³ Địa ngục thiết hoàn (鐵丸地獄): nơi tội nhân bị trừng trị bằng cách bị bắt phải nuốt các viên sắt nóng. Chu vi địa ngục này rộng 80 do tuần, trong đó có 88 tòa thành sắt, trong mỗi thành sắt có 5 núi dao che phủ ở trên, phía dưới thì có 18 con rắn sắt rất độc, lưỡi nó phun ra kiếm sắt, đầu kiếm lửa cháy đỏ rực, tội nhân chết rồi sinh vào thành sắt, rắn sắt quấn thân, trên đầu lửa đốt, lại mưa xuống những viên sắt nóng lớn; từ đỉnh đầu vào, từ dưới chân ra.

⁴ Tức Thiên Đế Thích hay Đế Thích, cũng gọi là Thích-đế-hoàn-nhân.

kim sí làm tổ trên cây đại thụ, liền suy nghĩ: “Nếu quân ta đi ngang đó, trúng chim kim sí ắt bị phá hoại mất.” Liền ra lệnh cho người đánh xe quay trở lại không về nữa. Quân a-tu-la thấy Đế Thích bất ngờ quay xe lại thì kinh hãi lui về. Nhờ một ý nghĩ nhân từ mà lần đó Đế Thích được chiến thắng.¹

Đến như vua trời Đế Thích còn không nỡ làm hại chỉ một quả trứng chim, huống chi những kẻ phạm phu phước bạc đức mỏng lại có thể xem thường mạng sống chúng sinh như cỏ rác được sao?

Khuyên những người làm nghề đồ tể

Dê, lợn tuy là loài vật nhưng tâm lý tham sống sợ chết so với chúng ta cũng không khác biệt. Hãy xem như nhà kia nuôi lợn, vừa chịu giá bán cho đồ tể, con lợn ấy liền rơi lệ bỏ ăn. Tuy miệng không thể nói ra lời, nhưng trong lòng đã biết mạng sống mình chẳng còn được bao lâu. Thế cho nên đến lúc bị người dùng dây buộc liền kêu gào chấn động, bị lôi dắt ra khỏi cửa thì run rẩy kinh hoàng. Người đồ tể bước đi một bước là một bước hãi hùng đối với con lợn ấy. Trên đường gặp được người nào cũng đều hết lòng trông mong được người ấy cứu mạng. Cho đến khi đã vào lò mổ, thấy người đồ tể xắn tay áo vung dao hướng đến thì lớn tiếng kêu thét lên. Nhưng kêu với trời cũng chẳng thể lên trời, khóc với đất cũng không chui được vào đất. Nhìn phải nhìn trái, không có ai là người không muốn giết hại mình. Ngó trước ngó sau, toàn là những dụng cụ để giết hại mình. Chỉ trong chốc lát bị vật ngửa trên sàn, dao sắc đã rạch sâu vào bụng. Lúc bấy giờ như dầu sôi đổ trên đỉnh đầu. Lúc bấy giờ như ngàn vạn mũi kích cùng xuyên thấu tim gan. Tiếng kêu thê thảm đau thương cùng cực rồi chuyển sang lịm tắt dần, mắt vội nhắm nghiền vì máu tuôn lai láng. Những nỗi đau đớn khổ sở như thế thật không thể nói hết. Đã không thể nói hết, còn

¹ Chuyện này được chép trong kinh Khởi thế nhân bản (起世因本經). (Chú giải của soạn giả)

nữ lòng nào nói đến nữa sao! Than ôi, con lợn ấy đời trước làm người, lẽ nào không có mẹ cha trân quý, xem như chân tay, sao bây giờ người đầu bếp xem khinh thịt xương nó như bùn cát? Lẽ nào không có vợ con thương yêu, xem như tâm phúc, sao bây giờ người đồ tể xem mạng sống nó như cỏ rác?

Nghiệp ác đời trước đáng sợ, đến nay mới biết; thưở xưa những bậc cái thế anh hùng, giờ này ở đâu? Nếu không phát tâm cầu được giải thoát, người người đều khó tránh khỏi cảnh khổ thế này. Một khi luân chuyển trong luân hồi, dù sinh vào đâu cũng dễ dàng đọa lạc.

Cho nên, pháp môn cầu sinh Tây phương Tịnh độ, dù nam hay nữ cũng đều tu tập được; việc giới sát phóng sinh, kẻ trí người ngu đều nên tự gắng làm. Mong sao hết thấy mọi người đều lập tức quay về nẻo chánh, đừng để đến đời sau phải hối tiếc vì việc làm hôm nay.

Cả bày heo đòi mạng¹

Vào năm đầu niên hiệu Thuần Hy đời Tống,² ở Lộ Khẩu, Kính Sơn, huyện Thai Châu³ có người tên Triệu Nghê, gia đình nhiều đời làm nghề giết mổ, bán rượu thịt. Một đêm, ông nằm mộng thấy trăm ngàn cái đầu lợn vây quanh mình, phát ra tiếng người bảo ông rằng: “Bọn chúng tôi bị giết hại, đau đớn cùng cực, nay tội lỗi của ông đã tràn đầy, ắt phải rời đi nhanh rồi.”

Hôm sau, lúc ông ta vừa định thức dậy mổ lợn thì bỗng kêu thét lên rồi phát cuồng mà chết.

LỜI BÀN

Tôi nghe rằng người đồ tể giết lợn phải dùng dao sắc đâm

¹ Trích từ sách Tinh mê tòa ngôn (醒迷瑣言). (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1174, đời Tống Hiếu Tông.

³ Thuộc tỉnh Chiết Giang.

ngay vào tim thì lợn mới chết. Nếu không, con lợn sẽ kêu thét mãi không thôi. Than ôi, con lợn này tôi đoán chắc là đời trước đã phạm tội giết hại, mà nó sợ dĩ phạm tội giết hại là do tự tâm; đời trước chắc chắn nó đã từng ăn thịt, mà nó sợ dĩ ăn thịt cũng là do tự tâm; đời trước nhất định đã từng hủy báng Tam bảo, mà nó sợ dĩ hủy báng Tam bảo cũng là do tự tâm. Tự tâm nó đã làm ra mọi điều ác, làm sao tránh khỏi phải chịu tội dao đâm vào tim?

Sân hận giết hại chịu quả báo tức thì¹

Tại Chiết Giang có người họ Thiệu, làm nghề giết mổ và bán rượu thịt. Ông nuôi mấy con lợn, một hôm đang chọn xem con nào béo mập để giết thịt, bỗng một con trong số đó quỳ mọp xuống mà rơi lệ khóc. Họ Thiệu không hề khởi tâm thương xót, ngược lại còn nổi giận mang con lợn ấy đi giết ngay.

Hôm ấy trời đổ mưa, họ Thiệu bày thịt lên quầy đến tối mịt vẫn không có một người nào đến mua. Ông ta trong lúc tâm trạng đầy bức tức oán hận, chân mang đôi guốc gỗ, đứng lên một chiếc ghế, tay cầm miếng thịt lớn định móc lên cái móc sắt treo thòng xuống từ xà nhà, không ngờ dùng sức quá mạnh, bất chợt trượt chân làm đảo ngã cái ghế, miếng thịt rơi xuống đất, trong khi móc sắt lại xuyên qua lòng bàn tay ông, khiến ông bị treo lên lơ lửng không cách gì gỡ ra được.

Người nhà gấp rút cứu xuống thì ông ta đã đau đớn cùng cực đến mức mê sảng không còn tỉnh táo nữa. Khi ấy vừa lúc trong nhà đang cất rượu. Họ Thiệu gào thét đau đớn rồi dùng tay vợ cả rượu và hèm rượu cho vào miệng ăn, bả hèm nhem nhuốc quanh miệng, lại bôi dính khắp người thật như nhớp, trông ông ta lúc ấy dường như tượng như một con heo dơ bẩn.

Họ Thiệu nằm một chỗ kêu la đau đớn như vậy đến hơn hai

¹ Trích từ Kinh giới đường bút thừa (敬戒堂筆乘). (Chú giải của soạn giả)

mười ngày rồi mới chết.

LỜI BÀN

Người đời ai cũng muốn được giàu có, nhưng làm nghề đồ tể lại thường nghèo mạt. Người đời ai cũng muốn khi chết được an lành tốt đẹp, nhưng làm nghề đồ tể ắt phải chết bất đắc kỳ tử. Người đời ai cũng muốn gia đình đoàn tụ, nhưng làm nghề đồ tể thì gia đình thường ly tán. [Đã thấy biết như vậy thì] có gì phải đeo đuổi mãi theo nghề ấy?

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một người đồ tể dạy cho con cách thức giết dê. Đứa con muốn xuất gia theo Phật, không chịu học theo nghề ấy. Ông ta giận lắm, liền nhốt đứa con vào một căn phòng cùng với con dê, trao cho một con dao và nói: “Nếu mày không chịu giết con dê ấy thì dùng dao này tự sát đi.”

Đứa con suy ngẫm rất lâu, quyết định thà chết chứ không phạm vào giới cấm do đức Phật chế định. Nghĩ vậy rồi liền vung dao tự sát, chỉ trong giây lát liền tái sinh nơi cung trời Đao-lợi, được hưởng vô số những điều vui thích.¹

Vì thế, Đại sư Liên Trì dạy rằng: “Xin có lời khuyên hết thầy người đời, nếu như quả thật không thể làm nghề gì để sống thì thà đi ăn xin. Nếu tạo nghiệp ác giết hại để kiếm miếng ăn, thà nhịn đói mà chết còn hơn.”

Khuyên những người làm đầu bếp

Người đời nay chỉ vì hai chữ cơm áo mà [chọn theo nghề nghiệp giết hại, để rồi] phải nhận lãnh thiếu thốn khôn cùng, chịu đựng khổ đau cùng cực, kết thành oán cừu sâu nặng. Nhưng xét cho cùng thì việc chuốc lấy những thiếu thốn, khổ đau, oán cừu như thế đều là không cần thiết. Vì sao vậy? Kẻ chọn theo nghề nghiệp giết hại vật mạng, bất quá cũng chỉ để phụng dưỡng

¹ Câu chuyện này được ghi chép trong Kinh tạng. (Chú giải của soạn giả)

cha mẹ, nuôi nấng vợ con sao cho đủ đầy no ấm. Nhưng người chọn làm các nghề nghiệp khác cũng phụng dưỡng được cha mẹ, cũng nuôi nấng được vợ con no ấm. Cho nên, vì mưu sinh mà kết thành mối oán thù muôn kiếp một cách không cần thiết với những chúng sinh bị giết hại, chẳng phải là quá mê muội hay sao? Nếu nói rằng vì lỡ rơi vào nghề nghiệp ấy, không làm cũng không được, vậy lẽ nào kẻ rủi ro rơi vào hố xí lại cũng phải ở mãi trong đó suốt đời hay sao?

Than ôi, người đời nay đều nói rằng thay đổi nghề nghiệp là khó khăn, nhưng chẳng biết rằng nếu đợi đến lúc đã mang lông đội sừng, đọa vào kiếp thú, ắt phải cực kỳ khó khăn hơn nữa. Sao không nỗ lực vượt qua chút khó khăn nhỏ nhất ngày nay để quyết tâm thay đổi nghề nghiệp, [ắt có thể tránh được những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn trong đời sau].

Xe cán nát thây¹

Ở Hàng Châu có người tên Phương Hồ, làm nghề đầu bếp, có mở thêm một cửa hàng bán thịt. Hàng Châu có tục lệ giết súc vật tế thần vào dịp cuối năm, Phương Hồ thường mang dao mổ đến xin được làm việc giết mổ thay người khác, quen lệ như vậy trải qua rất nhiều năm.

Về sau, Phương Hồ có lần đến Trường An, uống rượu say nằm ngủ bên lề đường. Bỗng có chiếc xe rất lớn chạy nhanh qua cán nhằm khiến cả vùng ngực bụng đều bị xé nát, cảnh tượng rất thê thảm, người người trông thấy đều bịt mũi mà đi.

LỜI BÀN

Người làm nghề giết hại vật mạng, đến khi chết bỗng phát tiếng kêu như dê, lợn, gà, chó... rồi trợn mắt lè lưỡi mà chết. Những chuyện từng được thấy nghe như vậy nhiều lắm, không

¹ Trích từ sách Tự triệu biên (自召編). (Chú giải của soạn giả)

thể ghi chép hết.

Những người ấy đều vì không biết đến Phật pháp, nên mới tạo nghiệp chướng nặng nề như vậy. Những bậc quân tử có lòng nhân hậu nên khởi tâm thương xót họ, tìm phương tiện thích hợp mà chỉ bày dạy dỗ, khuyên bảo họ thay đổi nghề nghiệp. Nếu có thể giúp họ hối cải mà thay đổi, thật không chỉ cứu sống được hàng vạn sinh linh, mà còn hơn thế nữa. Ví như vì việc ấy mà bị người khác cười chê là lo chuyện viễn vông, cũng chẳng có gì đáng tiếc.

Khi chết biến hình như cá chạch¹

Ở Tú Châu có người tên Trần Ngũ, nướng cá chạch rất ngon, nhiều người tranh nhau mua. Về sau, Trần Ngũ mắc bệnh, nằm trên giường mà thân hình cứ giật nảy, nháy dựng lên, da thịt toàn thân đều bóng rát. Người vợ ông ta khi ấy mới nói rằng, cách nướng cá chạch của ông ta hết sức tàn độc, nay mắc chứng bệnh này, trông hình trạng cũng mừng tượng giống như khi cá chạch giãy chết.

LỜI BÀN

Kinh Phật dạy rằng: “Ai cũng sợ đao trượng, không ai không tham sống.”² Tôi thường thấy người đời cắt đầu cá chạch khi cá còn đang sống, đầu đứt lìa rồi mà thân hình vẫn còn giãy giụa, thật nhẫn tâm quá! Không biết làm cách nào để ông Trần Ngũ kia có thể sống dậy mà kể lại câu chuyện của ông với những người giết cá chạch trong khắp thiên hạ!

¹ Trích từ sách Sát sinh quýnh giới (殺生炯戒). (Chú giải của soạn giả)

² Trích từ kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển 10. Kinh này được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 12, kinh số 374, tổng cộng 40 quyển. Câu kinh được trích dẫn nằm ở trang 426, tờ c, dòng thứ 26.

Lươn bò ra từ ung nhọt¹

Huyện Ngô Hưng² có một người chuyên nghề bán lươn. Về sau, tự nhiên trên người phát sinh nhọt độc, mỗi cái nhọt đều có hình như đầu lươn, mọc lên khắp cả thân hình, đau đớn khổ sở mà chết. Vợ con ông ta sau đó cũng nối tiếp nhau mà chết vì đói.

LỜI BÀN

Học sĩ Chu Dự có lần nấu món lươn, thấy một con lươn cong mình đưa phần bụng lên cao khỏi nước, trong khi đầu và đuôi đều chìm trong nước sôi. Ông liền mổ con lươn ấy ra xem, thì ra trong bụng có lươn con, vì thế nó cố cong người muốn tránh cho con khỏi chết vì nước sôi. Chu Dự thấy việc như thế, trong lòng hết sức xót xa, cảm động, từ đó về sau ăn chay, bỏ hẳn không ăn các món cá thịt.

Sám hối được vãng sinh³

Vào đời nhà Đường có người tên Trương Chung Quy, làm nghề mổ gà. Về sau ông mắc bệnh, mơ hồ nhìn thấy một người mặc áo lụa đỏ xua một bầy gà đến, tranh nhau mổ vào hai mắt, hai tay của ông, đau đớn thấu xương tủy.

Có một vị lão tăng nghe biết việc này liền lập tức vì Chung Quy mà thiết trí nơi ấy một tượng Phật A-di-đà, thắp hương lễ Phật, xưng niệm thánh hiệu Phật A-di-đà, lại khuyên dạy Chung Quy chí tâm xưng niệm Phật hiệu. Vừa niệm Phật được khoảng nửa ngày, bỗng nghe có mùi hương lạ khắp nhà, Chung Quy nhắm mắt xuôi tay một cách an nhiên thanh thản.

¹ Trích từ sách Hộ sinh lục (護生錄). (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Chiết Giang.

³ Trích từ Long Thư Tịnh độ văn (龍舒淨土文). (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Kinh Địa Tạng dạy rằng: “Vào lúc một người lâm chung, nếu có người khác vì họ mà xưng niệm danh hiệu Phật, thì bao nhiêu tội chướng họ đã tạo trước kia đều dần dần tiêu mất, huống chi người ấy có thể tự mình chí tâm niệm Phật.”

Trương Chung Quỳ nhân việc nhìn thấy hình tướng xấu ác khủng khiếp hiện ra trước mắt mới hồi tâm niệm Phật, nên sự chí thành khẩn thiết của ông ta ắt phải vượt hơn lúc bình thường đến vạn vạn lần. Tuy có tội lỗi rất nặng, nhưng cũng giống như nhà tối ngàn năm, chỉ cần một ngọn đèn chiếu sáng là bóng tối phải tiêu tan. [Khi đã biết chí thành niệm Phật thì] có tội nào lại không diệt mất, có phước lớn nào lại không sinh ra?

Thuở xưa khi đức Phật A-di-đà còn chưa thành Phật có phát khởi 48 lời nguyện lớn, trong đó có nguyện rằng: “Vào lúc tôi thành Phật, tiếng niệm danh hiệu tôi vượt qua mười phương, hàng trời người nghe được đều vui mừng, hết thảy đều được sinh về cõi nước của tôi. Cho đến chúng sinh trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng đều được sinh về cõi nước của tôi.”¹

Cho nên biết rằng, bất luận là chư thiên hay người hoặc quỷ, chỉ cần biết chí tâm niệm Phật thì đều có thể được tiếp dẫn về Tịnh độ, chẳng phải là con đường ngắn nhất để vượt thoát ra khỏi luân hồi đó sao?

Khuyên người mở tiệm ăn, quán rượu

*Người người đều nghĩ đến xuân sau,
Nên sớm dự phòng đủ lương thực.
Người người đều biết có kiếp sau,
Sao không sớm lo tu phước đức?*

¹ Xem trong kinh Đại bản A-di-đà. (Chú giải của soạn giả) Tuy nhiên, thật ra đoạn trích này dẫn nguyên văn trong Long Thư Tăng Quảng Tịnh Độ Văn (龍舒增廣淨土文), quyển 2. Sách này có tổng cộng 12 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 47, kinh số 1970. Đoạn trích này nằm ở trang 257, tờ c, các dòng thứ 15, 16 và 17.

Như người chọn theo nghề nghiệp giết hại vật mạng, vốn cũng chỉ để tự kiếm lấy miếng ăn. Nhưng khi thọ mạng chưa hết mà phải chết yếu, chết oan, đều là do nghiệp ác đó mà ra; phải khủng hoảng sợ hãi, cũng đều do nghiệp ác đó mà ra. Đến khi thọ mạng đã hết thì tái sinh [làm thân súc vật] đền trả nợ cũ, đều là do nghiệp ác đó mà ra; phải sa đọa vào địa ngục, cũng đều do nghiệp ác đó mà ra. Xem như thế thì chẳng phải chỗ được quá ít mà chỗ mất quá nhiều đó sao?

Nếu người có lòng nhân hậu, mang lý nhân quả mà khẩn thiết chỉ bày cho người khác [để họ tránh được chỗ mất nhiều được ít như thế], ắt sẽ được vô lượng phước báu.

Cảnh tượng quái lạ khi chết¹

Họ Trịnh ở Hàng Châu mở quán ăn, có bán rượu, giết thịt đủ loại vật mạng. Đến khi sắp chết, ông ta nhìn thấy cả đàn súc vật cùng kéo đến đòi mạng. [Người nhà đều nhìn thấy ông ta] miệng la “gà đến kia” thì hai tay dang ra đập xuống, dao động nhanh như cánh gà khi bị giết; lại la lên “ngỗng đến kia” thì làm bộ dạng như ngỗng, lập tức vươn dài cổ, hai tay xuôi xuống dao động qua lại, miệng phát âm thanh đau đớn như khi ngỗng bị cắt cổ; rồi lại la lên “ba ba đến kia”, lập tức làm bộ dạng giống hệt ba ba, đầu rụt lại, tay chân co quắp vào... Cứ như thế, miệng hô tên một loài vật thì thân hình lại bắt chước giống hệt như con vật ấy khi bị giết, đau đớn như bị cực hình rồi mới chết.

LỜI BÀN

Có người hỏi rằng: “Tất cả đều do tâm tạo tác. Họ Trịnh sinh thời giết hại nhiều loài vật khác nhau, nên khi lâm chung nhìn thấy cảnh đòi mạng cũng có nhiều loài vật khác nhau. Như vậy trong đời sắp tới phải thọ thân duy nhất làm một trong các loài vật ấy?

¹ Trích từ sách Hiếu sinh lục (好生錄). (Chú giải của soạn giả)

Hay là không thọ thân làm loài vật nào trong số đó, mà có cách riêng khác để thọ nhận quả báo ấy?”

Đáp rằng: “Nghiệp giết hại đã nặng, ắt phải chịu quả báo nặng nề trong ba đường dữ. Khi quả báo nặng trong ba đường ấy đã hết, sau đó mới tùy theo những oan nghiệt đã tạo mà phải dần dần đền trả từng món, từng món bằng mạng sống. Nếu ngày trước giết gà nhiều, ắt thọ báo giết gà trước nhất; nếu giết ba ba nhiều, ắt thọ báo giết ba ba. Đối với các loài vật khác cũng thế, giống như một người thiếu nợ nhiều người, món nợ nào gấp rút hơn ắt phải trả trước.”

Quả báo lạ thường: người sinh ra rắn

Vào mùa hạ thuộc niên hiệu Khang Hy năm thứ 17,¹ ở Nam Kinh có một người chuyên bán món bún nấu lươn, người đến mua lúc nào cũng rất đông.

Ngày kia, vợ ông ta có thai đã đến lúc sinh nở, bỗng từ trong bụng bò ra một con rắn lớn. Không bao lâu sau lại tiếp tục sinh ra hàng trăm con rắn nhỏ, bò lúc nhúc khắp trong nhà. Bà ta thấy vậy sợ quá mà chết.

LỜI BÀN

Người chuyên giết hại cắt xẻ thân xác loài vật, trong tâm địa vốn đã sớm hóa rắn trước rồi, sao có thể tránh được quả báo xấu ác quái lạ như thế!

Khuyên người ăn chay²

Nạn đao binh trong xã hội loài người, ước chừng cứ khoảng mười năm lại xảy ra một lần, hoặc giả cũng có thể là nhiều năm một lần. Nhưng trong thế giới của súc vật mà xét thì hầu như

¹ Tức là năm 1678.

² Phần này chỉ rõ phương cách rớt ráo để không giết hại vật mạng.

không một ngày nào là không có.

Chỉ ngay trong lúc gà vừa gáy sáng, đã có vô số những đồ tể ác tâm, tay cầm dao sắc, lôi dắt súc vật đến nơi giết mổ, hung hăng trói chặt. Lúc bấy giờ những con vật ấy đều tự biết đại nạn đã tới, kêu la vùng vẫy kinh trời động đất, nhưng chẳng được ai cứu vớt, đâu đâu cũng chỉ nhìn thấy toàn quỷ dữ la-sát mang mặt người, xẻ ngực moi tim, lôi ruột gan, móc phero phổi. Tiếng kêu thét bi ai còn chưa dứt, lại bị ném thẳng vào nồi nước sôi, chịu đau đớn khổ sở khôn cùng.

Cứ như thế, chỉ trong thời gian chốc lát chưa đầy nửa khắc,¹ khắp cõi thế giới này đã có không biết bao nhiêu vạn vạn sinh linh toàn thân phân rã, đầu một nơi, chân một nẻo, xương thịt ruột gan bày ra la liệt. Nếu gom hết thân xác những con vật bị hại, ắt phải chất chồng cao hơn núi lớn; máu của chúng đổ ra, ắt có thể nhuộm đỏ cả những dòng sông rộng. Xem qua tình trạng thảm thương của chúng, thật không khác cảnh chiến tranh hãm thành tạn sát. Lắng nghe tiếng kêu thét bi thương của chúng, thật chấn động như sấm sét bên tai.

Tạo ra vô số những nghiệp ác ghê gớm như vậy, chung quy cũng chỉ từ một nguyên nhân duy nhất là thói ăn thịt của con người chúng ta. Cho nên, tội lỗi của việc ăn thịt chiêu cảm quả báo cũng không thể nhẹ.

Người đời thường nói: “Tôi chẳng làm điều gì xấu ác, việc gì lại phải ăn chay?” Than ôi, đâu biết rằng trong lúc các người yên ổn trên giường êm nệm ấm, thì có biết bao kẻ vốn không quen không biết nhưng đã vì các người mà tạo ra nghiệp ác giết hại hết sức nặng nề, [chỉ để có món thịt trong bữa ăn của các người.]

Hướng chi, thân thể này của chúng ta là do cha mẹ ban cho, không thể dùng máu thịt của loài súc vật để nuôi dưỡng nó. Tôi từng đọc trong sách thuốc thấy nói rằng: “Phụ nữ có thai, ăn

¹ Theo cách tính thời gian ngày xưa, mỗi khắc tương đương khoảng 15 phút.

nhiều cua sẽ sinh thai nằm ngang.” Lại nói rằng: “Đàn ông ăn dương vật của chó đực có thể tráng dương.” Loài cua bản tính đi ngang, nên ăn cua vào ắt chịu ảnh hưởng tính chất của cua, vì thế sinh thai dễ bị nằm ngang. Loài chó bản tính dâm dục, nên ăn dương vật của chó ắt chịu ảnh hưởng tính dâm của nó, vì thế tráng dương. Xét như con cua, con chó đã như vậy, thì hết thảy các loài vật khác như chim thú, cá, rùa... ắt cũng đều như vậy. Con người ta từ nhỏ đến lớn, từ trẻ đến già, những con vật trên cạn dưới nước đã từng ăn vào bụng thật không thể đếm xuể. Tích lũy chất chứa lâu ngày như thế, ắt là toàn bộ máu thịt, xương cốt... trong khắp thân thể này, chỗ nào cũng là sự tích tụ của các loài cầm thú, thật đáng ghê sợ biết bao!

Cho nên, chỉ riêng việc ăn chay đã là một phong thái thanh tịnh cao quý. Đối với người chưa giữ giới không giết hại, tất nhiên không dám guồng ép, nhưng đối với người đã giữ giới không giết hại, làm sao có thể không ăn chay?

Mộng thấy thần linh¹

Trương Nhĩ Cầu ở huyện Côn Sơn, là anh của tiên sinh Băng Am. Ông hết lòng tin sâu Tam bảo, nỗ lực làm thiện. Vào mùa đông năm Mậu Dần thuộc niên hiệu Sùng Trinh,² ông cung thỉnh hòa thượng Đại Thụ Hoàng Chứng³ ở núi Tam Phong, đến am Thanh Lương mở một khóa thiền có kỳ hạn.

Đang thời gian ấy, ông quay về nhà vô tình ăn các món cá tươi, trứng gà. Đêm hôm đó liền nằm mộng thấy mình đi đến cửa am, từ trong có đến hơn năm mươi vị thần đang đi ra, đều là các vị long thần thuộc tám bộ,⁴ tóc xanh nanh dài dáng vẻ hung tợn, ra đến cửa am muốn bỏ đi. Ông hốt hoảng ngăn lại

¹ Trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1638, niên hiệu Sùng Trinh năm thứ 10.

³ Thiên sư Hoàng Chứng sinh năm 1588 và viên tịch vào năm 1646.

⁴ Tám bộ (bát bộ): các vị tỳ nguyện theo hộ trì chánh pháp, thuộc đủ tám loài là trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già.

hỏi, họ đáp rằng: “Bọn chúng tôi đều là thần bảo hộ cho đạo trường này. Ông là trai chủ lại quay về nhà ăn mặn hôi tanh nên chúng tôi muốn bỏ đi.” Trương Nhĩ Cầu nghe vậy rồi hết lòng khẩn khoản sám hối, các vị thần mới chịu quay lại am. Từ đó, trong suốt thời gian khóa thiền kéo dài ba tháng, Trương Nhĩ Cầu quyết lòng giữ gìn trai giới thanh tịnh.

Không giữ trai giới phải trả nghiệp cũ¹

Ở Côn Sơn có người tên Ngụy Ứng Chi, ngụ tại trấn Chân Nghĩa, là cháu họ của Ngụy Tử Chiêu.² Trong khoảng niên hiệu Sùng Trinh, vào mùa xuân năm Canh Ngọ,³ Ứng Chi nằm ngủ cùng giường với Tử Chiêu, mắt đang nhắm bỗng khóc to rồi niệm Phật. Tử Chiêu thấy vậy rất sợ, tra hỏi. Ứng Chi đáp: “Cháu nằm mơ thấy mình đi xuống âm phủ, gặp vị tào quan ôm sổ sinh tử đến, nhìn thấy có tên cháu bị chết treo cổ, bên dưới lại có ghi chú rằng: ‘Ba năm sau, vào ngày đó tháng đó... sẽ tự treo cổ chết trong phòng đọc sách.’ Cháu cố gạn hỏi tội gì, nhưng tào quan chỉ nói: ‘Nghiệp báo nhất định phải thế, khó lòng tránh được.’ Cháu lại hỏi: ‘Có cách nào tránh được không?’ Vị ấy đáp: ‘Không có cách nào bằng ăn chay trường và niệm Phật, tinh tấn tu hành thì may ra có thể khỏi.’”

Sau đó, Ứng Chi liền nói với Tử Chiêu: “Từ nay cháu xin chuyên tâm tu hành.” Rồi từ đó phát tâm ăn chay trường, sớm tối niệm Phật, tinh tấn trải qua tám tháng như vậy. Nhưng sau đó lại nghe nhóm bạn bè văn nhân cùng chê bai rằng: “Chỉ là giấc mộng thôi, đường đường một đấng trượng phu, sao có

¹ Từ đây về sau cả 3 truyện đều trích từ sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄). (Chú giải của soạn giả) Sách này được đưa vào Vạn tân toàn Tục tạng kinh thuộc tập 88, kinh số 1642, tổng cộng có bốn quyển, do Giới Hiền ghi chép vào đời Minh. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 24, trang 33, tờ c, thuộc quyển 1.

² An Sỹ toàn thư khác là Tử Thiệu (子詔), nhưng trong Hiện quả tùy lục thấy khác là Tử Chiêu (子詔). Hai chữ này khá giống nhau nên e rằng An Sỹ toàn thư khi trích lại đã khắc nhầm. Hiện quả tùy lục là văn bản gốc được trích dẫn nên chúng tôi đã theo đó mà sửa lại.

³ Tức là năm 1629.

thể để những chuyện như thế huyền hoặc?” Thế là dần dần bỏ không ăn chay nữa.

Mùa xuân năm Quý Dậu,¹ Ứng Chi bỗng dưng vô cớ đóng chặt cửa phòng đọc sách rồi treo cổ tự vẫn. Bấm đốt tay tính lại thì từ lúc nằm mộng đến khi ấy quả vừa đúng ba năm.

LỜI BÀN

Hạng người xưng là văn nhân [như những bạn bè của Ứng Chi] thật chỉ là bọn sâu mọt của thế gian, tầm nhìn thật nhỏ hẹp, đáng thương xót lắm thay. Nhưng bọn họ thì lúc nào cũng thế mà thôi!

Ăn chay ngã mạn rồi cùng chịu đọa

Ở huyện Bình Hồ² có người tên Mã Gia Trị, tên tự là Bồi Nguyên, thi đỗ tiến sĩ vào năm Giáp Tuất thuộc niên hiệu Sùng Trinh,³ tánh tình liêm khiết công chính, làm quan đến chức Cấp gián.⁴

Khi ông nhận chức huyện lệnh, vì theo lời dặn của một vị quan lớn mà đánh chết hai nha lại bị khép tội làm thiếu hụt tiền thuế. Đến kỳ tảo mộ vào dịp tiết Nguyên đán, ông bỗng nhìn thấy hai hồn ma hiện đến kêu oan [về việc ấy]. Mã Gia Trị nói: “Đó là tôi phải làm theo ý quan trên.” Hồn ma nói: “Hai người chúng tôi bất quá chỉ là những kẻ bị đưa ra để thế thân thôi. Nếu lúc xử án mà ông cho chúng tôi một cơ hội phản bác, ắt đã có thể biện minh làm sáng tỏ sự việc. Nhưng khi đó ông lại nổi trận lôi đình, không cho chúng tôi được biện giải lời nào, vì thế mới phải ôm mối oan tình mà chết. Nay chúng tôi tuy không dám đòi ông đền mạng, nhưng không bao lâu nữa rồi ông cũng chết, sẽ đến huyện Bồ Kỳ làm

¹ Tức là năm 1632.

² Thuộc tỉnh Chiết Giang.

³ Tức là năm 1634, niên hiệu Sùng Trinh năm thứ 7.

⁴ Cấp gián: quan chức có từ đời Đường, Tống, là danh từ hợp xưng của chức quan cấp sự và gián nghị đại phu. Chức quan này vừa nhận lệnh từ cấp trên để thi hành, đồng thời cũng được quyền thẩm xét và can gián khi cần.

Thành hoàng ở đó.”

Mã Gia Trị nghe qua rất khó chịu, không muốn làm Thành hoàng, liền phát tâm ăn chay, lễ bái hòa thượng Tuyết Đậu Thạch Kỳ¹ xin xuống tóc xuất gia, pháp danh là Hành Đán, hiệu Tăng Tường, tinh tấn tu hành trong suốt 12 năm. Một hôm, ông có chút bệnh nhẹ, nghe lời thầy thuốc ăn trứng gà. Nửa đêm hôm ấy lại mộng thấy hai hồn ma năm trước hiện đến nói: “Ông đã phá trai giới, không còn ở lại đây được nữa, đến ngày ấy tháng ấy sẽ phải đi Bồ Kỳ nhậm chức [Thành hoàng] thôi.” Quả nhiên, đúng ngày đã báo trước ấy, Mã Gia Trị qua đời.

Bán công ăn chay lập tức mất mạng²

Huyện Ma Thành, tỉnh Hồ Bắc, có người họ Vương ăn chay trường được ba năm. Bỗng nhiên thân thể bị ghẻ lở đau đớn không chịu nổi, do đó sinh tâm thối thất, không tin vào công đức của việc ăn chay.

Có người bạn của họ Vương đến thăm bệnh, an ủi rằng: “Anh là người ăn chay, chắc chắn sẽ được trời Phật gia hộ.” Họ Vương nói: “Tôi ăn chay đã ba năm, nay lại chịu nghiệp báo xấu ác như thế này, xem ra ăn chay nào có ích lợi gì?” Người bạn liền nói: “Nếu anh không muốn ăn chay nữa, anh có thể bán công ăn chay của anh cho tôi được chăng?”

Họ Vương hỏi: “Bán như thế nào?” Người bạn nói: “Cứ mỗi ngày anh đã ăn chay, trị giá một phân bạc; cộng cả ba năm anh sẽ được 10 lạng 8 cân bạc.”³

Họ Vương nghe vậy mừng lắm, liền viết giấy bán rồi nhận

¹ Hòa thượng Tuyết Đậu vốn họ Từ, người ở Lô Đông, Giang Tô, còn có hiệu là Thông Vân, danh xưng đầy đủ là Tuyết Đậu Thạch Kỳ Thông Vân Thiên sư. Ngài sinh năm 1594, viên tịch năm 1663.

² Trong sách Hiện quả tùy lục (現果隨錄), câu chuyện này thuộc quyển 1, bắt đầu từ dòng thứ 16, trang 34, tờ a.

³ Theo cách tính ở đây thì mỗi lạng bạc có 10 đồng cân, mỗi đồng cân có 10 phân bạc. Mỗi năm có 360 ngày, cộng 3 năm thành 1080 ngày, nên trị giá thành 10 lạng 8 cân bạc.

đủ tiền, dự tính hôm sau sẽ thôi không ăn chay nữa. Đêm ấy nằm mộng thấy hai con quỷ đến mắng rằng: “Mạng sống của ông lẽ ra đã dứt từ mười tháng trước, nhờ ăn chay trường mới kéo dài được đến hôm nay. Nay ông bán công ăn chay, vậy tính ra ông đã sống vượt quá số năm đáng sống rồi.” Mắng như vậy rồi, lập tức muốn xông vào bắt mà dẫn đi. Họ Vương van nài xin chậm cho một đêm, định sẽ trả tiền lại cho bạn và phát nguyện ăn chay trường như trước.

Hôm sau, họ Vương nói với người bạn kia đòi lại giấy bán công ăn chay. Người bạn nói: “Ngay hôm qua lúc mang về tôi đã khẩn trước bàn Phật mà đốt giấy đi rồi.” Họ Vương hết sức hối hận về việc ấy. Quả nhiên sau đó thì chết.

Thọ trì trai giới khỏi chết chìm¹

Vào đời Thanh, niên hiệu Khang Hy năm thứ hai,² có một chiếc thuyền đánh cá neo đậu dưới chân núi Tiểu Cô, trong đêm chợt nghe tiếng thần núi ra lệnh cho quỷ tốt rằng: “Ngày mai có hai thuyền chở muối đến, hãy bắt lấy.”

Đến sáng, quả nhiên thấy có hai chiếc thuyền đi đến, lập tức thấy bão táp sóng gió nổi lên, hai chiếc thuyền bị xô đẩy rất dữ, có nhiều lúc tưởng như đã chìm mất. Nhưng rồi qua một hồi lâu, thấy sóng yên bể lặng, cả hai chiếc thuyền đều bình an không việc gì.

Đêm ấy, thuyền đánh cá vẫn neo chỗ cũ, lại nghe được tiếng thần núi quở trách quỷ không vâng lệnh. Liền nghe tiếng quỷ đáp rằng: “Chúng tôi đến đó định bắt lấy thì bỗng thấy thuyền phía sau có Đại sĩ Quán Âm, thuyền phía trước có Đại sĩ Tam Quan, vì thế chúng tôi không dám đến gần.”

Hôm sau, người trên thuyền đánh cá mang chuyện ấy đến

¹ Trích từ sách Quan cảm lục (觀感錄). (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1663.

hỏi những người trên hai thuyền chở muối, nhưng không ai tin cả. Bỗng có người suy nghĩ hồi lâu rồi chợt nhớ ra liền nói: “Trên thuyền của chúng tôi có một người sau lái trì Quán Âm trai,¹ lại có một người ở đầu thuyền kia trì Tam Quan trai.”²

Sai lầm của thuyết “trời sinh vật nuôi người”³

Hỏi: [Sách Thượng thư, thiên Thái thệ nói rằng:]⁴ “Trời đất là cha mẹ sinh ra muôn vật. Trong muôn vật thì con người là thiêng liêng nhất, vì thế nên trời mới sinh ra các loài vật, vốn chỉ là để nuôi dưỡng con người.” Nay khuyên người bỏ sự giết hại loài vật, chẳng phải hết sức trái ngược ý trời hay sao?

Đáp: Nếu đã biết trời đất là cha mẹ sinh ra muôn vật, sao không biết rằng muôn vật đều như con đờ của cha trời, mẹ đất? Trong một bầy con mà đứa mạnh hiếp đứa yếu, đứa sang quý khinh rẻ đứa nghèo hèn, thì bậc làm cha mẹ ắt phải hết sức không vui. Nếu con người ăn thịt muôn loài rồi cho rằng trời sinh ra chúng để nuôi mình, thì các loài hổ báo ăn thịt người, muỗi mòng chích hút máu người, phải chăng cũng sẽ cho rằng trời sinh ra con người là để nuôi dưỡng chúng?

Hỏi: Thế sao trời không cấm hẳn việc người giết hại loài vật?

Đáp: Trời vốn đã có sự ngăn cấm, vì thế mới có những quả báo xấu ác của việc giết hại. Nhưng không thể cấm hết tất cả mọi người, cũng giống như không thể ngăn cấm tất cả các loài

¹ Quán Âm trai hay Quán Âm trai kỳ gồm 22 ngày ăn chay trong năm như sau: (1) mồng 8 tháng giêng, (2) mồng 7 tháng 2, (3) mồng 9 tháng 2, (4) 19 tháng 2, (5) mồng 3 tháng 3, (6) mồng 6 tháng 3, (7) 13 tháng 3, (8) 22 tháng 4, (9) mồng 3 tháng 5, (10) 17 tháng 5, (11) 16 tháng 6, (12) 18 tháng 6, (13) 19 tháng 6, (14) 23 tháng 6, (15) 13 tháng 7, (16) 16 tháng 8, (17) 19 tháng 9, (18) 23 tháng 9, (19) mồng 2 tháng 10, (20) 19 tháng 11, (21) 24 tháng 11, (22) 25 tháng 12.

² Tam quan trai: phép ăn chay gồm 3 ngày trong năm: (1) mồng 7 tháng giêng (Cử thiên thường hội trai), (2) mồng 7 tháng 7 (Khánh sinh trung hội trai), (3) mồng 5 tháng 10 (Kiến sinh đại hội trai).

³ Phần này gồm có 6 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Sách Thượng thư (尚書) hay thường được gọi là Kinh Thư (書經), là một trong Tứ thư của Nho gia. Câu hỏi này tuy An Sỹ toàn thư không dẫn chú nhưng được dẫn ra từ sách này.

hổ báo, muỗi mòng kia vậy.

Hỏi: Nếu chẳng phải trời sinh vật để dưỡng nhân, như vậy ắt những loài như chim, thú, cá, rùa... đều không nên sinh ra. Vì sao ngày nay vẫn thấy chúng sinh sản đầy dẫy khắp nơi như vậy?

Đáp: Những loài vật ấy đều do chính nghiệp lực tự thân của chúng mà phải sinh ra làm chim, thú, cá, rùa... Nếu quy nguyên nhân sinh ra của chúng cho trời, thì hóa ra trời thật hết sức bất công. Còn nếu nói chúng do những khí chất trái nghịch của trời đất mà sinh ra, vậy xin hỏi vì sao chỉ riêng những con vật ấy là nhận lãnh khí chất trái nghịch?

Hỏi: Trong thiên hạ này có rất nhiều loài vật. Nếu con người ai ai cũng từ bỏ sự giết hại, không ăn thịt chúng, ắt phải sinh sôi nảy nở nhanh chóng khắp nơi, tương lai sẽ thành một thế giới đầy cầm thú, lúc ấy biết phải làm sao?

Đáp: Có những loài như giun đất, trùng, rắn... con người không bắt ăn thịt, nhưng cũng không thấy chúng sinh ra đầy khắp thiên hạ. Huống chi thế gian này có nhiều cầm thú, vốn thật là do con người giết hại quá nhiều cầm thú mà ra. [Người giết thú, chết sinh thành thú], món nợ giết hại trả vay, vay trả, qua lại với nhau nên cùng sinh vào loài cầm thú, nếu cứ như thế ắt sẽ thành cả thế giới cầm thú mà thôi. Nếu người người đều bỏ sự giết hại, ắt nghiệp báo sinh làm loài vật sẽ dần dần tiêu mất, mà chúng sinh hai cõi trời, người ngày càng nhiều hơn. Xem như người nước Sở không bắt ếch mà ở đó ếch ngày càng ít đi, người nước Thục không ăn cua mà loài cua ở đó ngày một hiếm, chẳng phải đã chứng nghiệm rõ ràng rồi sao? Hơn nữa, ngày nay ông hãy còn chưa tự mình từ bỏ sự giết hại mà đã lo toan đến việc loài vật sinh ra quá nhiều, so với câu chuyện người nông dân chưa gieo giống xuống mà đã lo người trong thiên hạ phải vỡ bụng vì dư thừa thóc lúa, thật [cũ ng ngây ngô] có khác gì nhau?

Hỏi: Trời đã ghét việc giết hại, lẽ ra nên làm cho máu thịt chúng sinh trở thành hôi thối khó chịu, tự nhiên người trong thiên hạ sẽ chẳng còn ai giết hại nữa, như vậy chẳng tốt hơn sao?

Đáp: Máu thịt của cầm thú vốn thật hôi tanh khó chịu, nhưng con người ăn vào lại cho là ngon ngọt. Điều đó có hai nguyên nhân. Một là do nghiệp lực của loài vật, hai là do nghiệp lực của con người, nên hóa ra như thế. Nghiệp báo của loài vật khi chưa được giải thoát thì tự nhiên thân thể máu thịt chúng hóa thành vị ngon ngọt, cảm dỗ người đời giết mổ mà ăn. Nghiệp báo của con người khi chưa được giải thoát thì miệng lưỡi tự nhiên tham muốn những mùi vị béo ngọt [từ máu thịt loài vật], tìm đủ mọi cách gây thành món nợ hại mạng. Nếu nghiệp lực của người và vật, đôi bên đều dứt, tự nhiên sẽ không còn việc ăn nuốt máu thịt chúng sinh.

Ví như có người trong đời trước làm mèo, lúc nào cũng nghĩ đến việc bắt chuột, đời trước làm chim hạc, lúc nào cũng nghĩ đến chuyện bắt rắn, nhưng từ khi tái sinh vào kiếp người ắt không còn những ý nghĩ bắt chuột, bắt rắn nữa. Qua đó có thể thấy rằng, tùy theo nghiệp lực thọ thân khác nhau mà có những sở thích khác nhau. Sở thích khác nhau là do từ thân hình, thân hình khác nhau là do từ nghiệp duyên, nghiệp duyên khác nhau là do từ tâm thức. Trời không thể biến tâm người từ ác hóa thành thiện, thì làm sao có thể biến mùi vị máu thịt chúng sinh thành hôi thối khó chịu?

Hỏi: Những người lấy việc giết hại vật mạng làm nghề nghiệp, nuôi dưỡng gia đình đều trông nhờ vào đó, nay khuyên họ đổi nghề, khác nào dứt đi con đường sống của gia đình họ? Đó là thương loài vật mà chẳng thương con người, tôi không chấp nhận như vậy.

Đáp: Người làm nghề giết hại vật mạng, ấy là dùng máu

thịt chúng sinh mà giải quyết sự đói khát của mình, tuy trước mắt tạm thời có ăn có mặc, nhưng cho đến muôn ngàn kiếp về sau phải gánh chịu khổ não, e không có ngày chấm dứt. Chính vì thương xót họ nên mới khuyên họ đổi sang nghề khác, nếu ngược lại cho đó là dứt đi con đường sống của họ, ấy quả thật chỉ là chỗ thấy biết thiên cận của người lòng dạ chật hẹp.

Những mối nghi về việc không giết hại¹

Hỏi: Trâu bò cày ruộng, chó giữ nhà, tất nhiên nên thương chúng mà không giết thịt. Nhưng dê, lợn nếu không dùng ăn thịt thì thật vô dụng, nào có làm được gì khác?

Đáp: Chúng ta sở dĩ từ bỏ việc giết hại và cứu mạng chúng sinh, chỉ là vì muốn nuôi dưỡng tấm lòng trắc ẩn, từ bi thương xót muôn loài, đâu phải do nơi loài vật ấy hữu dụng hay vô dụng? Nếu nhân vì loài vật hữu dụng mà không giết thịt, chẳng qua chỉ là cách suy nghĩ ích kỷ mưu lợi cho riêng mình. Huống chi như các loài rắn độc, dơi, bò cạp, nhện nhện, bọ hung... hết thảy cũng đều vô dụng, xin hỏi vì sao chẳng ăn thịt chúng?

Hỏi: Các loài vật như gà, chó, trâu, dê... khi bị giết đều kêu gào sợ hãi, nên giết chúng đi cũng thật bất nhân. Nhưng các loài cá, tôm... dưới nước đều không hề kêu khóc hay rơi lệ, sao có thể ngăn cản không cho giết chúng?

Đáp: Hình thể có phân biệt lớn nhỏ nhưng bản tính muôn loài đều như nhau không khác. Ví như giết người, dù giết người hết sức to lớn như Phòng Phong Thị² hay giết một đứa trẻ mới sinh còn nhỏ bé thì tội lỗi cũng như nhau. Nếu như cho rằng hình thể nhỏ bé có thể giết, thì con người vốn nhỏ hơn trâu bò, vậy giết trâu bò thật chẳng bằng quay sang giết người. Còn nói rằng không kêu la ắt không đau đớn, vậy thử

¹ Phần này có 8 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

² Phòng Phong Thị: tên một người trong truyền thuyết thời cổ đại, có thân hình cao lớn dị thường.

hỏi như người cầm lúc bị giết có đau đớn chẳng?

Hỏi: Nếu tự mình cầm dao giết mổ, tất nhiên tổn hại đến tâm từ. Nhưng nếu mang con vật đến lò giết mổ, bảo người làm sẵn rồi mình chỉ mang về ăn, cũng không trái với ý nghĩa “người quân tử tránh xa bếp núc”,¹ như vậy là đủ rồi.

Đáp: Nếu làm như vậy chẳng qua cũng giống như người bị tai trộm chuông [để khỏi nghe thấy tiếng chuông rung] thôi. Nếu nhờ người khác thay mình giết hại, ấy là mang tội lỗi đổ sang cho người. Nếu nói theo cách này thì người bị phạt trượng oan ức chỉ nên oán hận người cầm trượng đánh mình mà không oán hận vị quan đã phạt oan. Nếu mang con vật đi chỗ khác giết hại có thể làm cho nó oán hận nơi ấy mà không oán hận mình, ắt người bị lưu đày oan uổng chỉ nên oán hận vùng đất mình bị đày đến mà không nên oán hận vị quan đã kết tội oan. Nhưng ví như có thể lừa dối được con vật bị giết, cũng làm sao có thể lừa dối được tự tâm mình?

Hỏi: [Nói về việc phóng sinh,] những con vật được thả ra rồi [về sau sẽ] bị người bắt lại, như vậy biết làm sao?

Đáp: Người đi bắt là tự họ bắt, người phóng sinh là tự mình phóng sinh. Cũng như người thầy thuốc trị bệnh, không thể đảm bảo rằng người bệnh trong tương lai sẽ không bị chết. Hoặc như năm mất mùa đói kém mang lương thực bố thí cho người, cũng không thể đảm bảo những ngày sau đó họ sẽ không bị đói. Lại như người thợ xây dựng ngôi nhà lớn, cũng không thể đảm bảo sẽ vĩnh viễn không hư hoại. Trong thế gian này, mọi việc đều vô thường bất định như thế, sao chỉ riêng nghi ngờ mỗi một việc phóng sinh? Tuy nhiên, người đời nay đang lúc chạy theo danh lợi thì hồ hởi hăng hái, không một chút đắn đo lo nghĩ, chỉ khi đối mặt với việc thiện nên làm thì rụt rè e sợ, trăm phương ngàn kế để tìm cho ra

¹ Người quân tử tránh xa bếp núc: Câu này lấy từ sách Mạnh tử, phán Lương Huệ Vương - chương cú thượng, ý nói người quân tử vì lòng nhân nên không nỡ nhìn thấy những con vật bị giết hại kêu la trong nhà bếp.

những điểm không nên làm việc ấy, thật chẳng trách gì không tạo thành một thế giới Ta-bà đầy khổ não thế này.

Hỏi: Con vật bị người ta bắt, ắt đã bị thương tích tổn hại, dù có mua lại mà thả ra cũng chưa chắc đã sống được, vậy tội gì phải uống phí tiền bạc, công sức?

Đáp: Nếu con vật bị tổn thương, càng nên khởi tâm thương xót hơn nữa. Nếu nhờ ta mua lại phóng sinh mà nó được sống thì công đức ấy lớn lao không gì hơn được. Nếu không may chết đi, cũng giúp được cho nó có một cái chết an lành, chẳng hơn là phải chịu cái khổ cắt xẻ băm vằm, dầu sôi lửa bỏng hay sao? Ví như người tù bị giam trong ngục, ta đã biết rõ người ấy vô tội nên muốn cứu ra, lẽ nào lại vì thấy hình dung người ấy khô héo gầy còm mà đổi ý để mặc cho rơi vào chỗ chết hay sao?

Hỏi: [Tôi nghe rằng] việc làm thiện chủ yếu do nơi tâm. Nếu đã có tâm thiện thì cần gì phải răn ngừa chuyện giết hại vật mạng?

Đáp: Sao có thể nói như thế? Hạng người mà ông cho là “đã có tâm thiện” đó, chỉ vì muốn có miếng ngon trong miệng mình mà khiến cho loài vật phải chịu đựng đau đớn thống khổ ngập trời, để cuối cùng nuốt qua cổ họng rồi cũng biến thành phần dơ. Như vậy thì những kẻ tâm địa hung ác độc địa trong khắp thiên hạ cũng không tàn độc hơn thế. Thử hỏi cái gọi là “tâm thiện” đó ở đâu? Tôi chỉ e rằng trong khắp ba đường dữ¹ chỉ toàn là những kẻ có “tâm thiện” như thế.

Hỏi: Nay tôi cho rằng không cần nói đến việc nên hay không nên [giết hại], cũng không nói đến việc giới sát hay không giới sát, chỉ cần giữ theo vô tâm mà làm là được.

Đáp: Nếu người có thể vô tâm mà giữ giới không giết hại, tất nhiên công đức ấy không nhỏ. Nhưng người vô tâm mà giết hại

¹ Tức là những cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

vật mạng, tội lỗi cũng không nhẹ. Như bọn giặc cướp bóc nhà người khác, bắn tên lạc trúng nhằm ông, ông có thể tha thứ cho sự vô tâm của bọn chúng được chăng?

Hỏi: Các loài chúng sinh số đông như cát sông Hằng, nay khả năng cứu vớt chỉ có hạn, làm sao có thể chu toàn?

Đáp: Trời cao có đức hiếu sinh mà không ưa sự giết hại. Cứu được một con vật cũng đã là hợp với lòng trời, huống hồ cứu được nhiều con vật? Thí như đối với một người nghèo, hòm vàng núi bạc tuy không thể có được, nhưng trước mắt giúp họ một đấu thóc cũng đã đủ để kéo dài mạng sống.

*Những mối nghi về nghiệp nặng khó tránh*¹

Hỏi: Những loài vật bị giết mổ cắt xẻ [như gà, lợn...] vốn sinh ra đã rơi vào tình thế ấy, khó lòng tránh được bị giết hại. Ví như tôi không giết chúng, chắc chắn cũng có người khác giết. Vậy thì việc tôi không giết chúng liệu có ích gì?

Đáp: Tội nặng của những con vật ấy [từng gây ra trong đời trước, nay] thật khó tránh khỏi bị giết hại, nhưng tội của ta [ngày nay sắp tạo ra] lẽ nào lại không thể tránh được sao? Nếu do chỗ [tội nặng] không thể tránh được [của những con vật ấy] mà giết hại chúng, thì ta với chúng đều cùng chịu tội nặng không thể tránh. Nên biết rằng, chính vì đời trước những con vật ấy cũng từng bám chấp vào quan điểm “không thể tránh được” [mà ra tay giết hại vật mạng], cho nên hôm nay mới phải chịu tội không thể tránh được như thế. Vì sao hiện nay vẫn còn có chỗ tránh được [là đừng phạm vào tội giết hại chúng] lại không chịu sớm suy xét để tự tránh đi?

Hỏi: Các loài vật bị giết hại trong đời, đa phần đều vì [có tội trong đời trước nên ngày nay phải] đền trả, vậy ta giết chúng

¹ Phần này có 6 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

nào có tội gì?

Đáp: Phạm tội giết hại phải sinh làm loài vật, bị giết hại để đền trả tội cũ, lẽ ấy là đương nhiên. Nhưng người ra tay giết hại vật mạng lại có hai trường hợp cần phân biệt là do nợ cũ mà giết và không do nợ cũ mà giết.

Do nợ cũ mà giết, là khi con vật bị giết trong đời trước từng giết hại ta, nay nghiệp quả chín mùi, oan gia gặp nhau, phải chịu chết dưới tay ta để trả nợ là đúng lý.

Không do nợ cũ mà giết, là khi đời trước có người khác từng bị con vật ấy giết hại, nay tuy nghiệp báo đến phải chịu đền mạng, nhưng không phải đền trả cho ta.

Người đời trong một bữa tiệc, thịt cá ê hề, trên một bàn ăn, trăm ngàn vật mạng, làm sao có thể chỉ toàn rơi vào trường hợp do nợ cũ mà giết? Cho nên phải biết, nếu nói con vật bị giết là trả nợ cho ta thì đó là trường hợp hết sức hy hữu, ngàn lần chỉ có một hai, mà rơi vào trường hợp tự mình vay nợ oan nghiệt để phải đền trả trong đời sau thì hầu như luôn luôn gặp phải. Nói đến chỗ này thì quả thật là hết sức đáng sợ!

Hỏi: Không do nợ cũ mà giết, tất nhiên đời sau phải chịu quả báo. Nhưng nếu do nợ cũ mà giết, ấy là kẻ giết qua, người giết lại, xem như nghiệp giết hại được chấm dứt, sao có thể nói là tai hại?

Đáp: Ông không thấy như trường hợp hai người đánh nhau sao? Kẻ đánh qua, người đánh lại, rồi chân tay tiếp tục thay nhau đấm đá qua lại như mưa. Có bao giờ thấy bên này đánh qua, bên kia đánh lại một cái rồi chấm dứt, đôi bên cùng buông tay bình thản nhìn nhau được chẳng? [Bởi sự oán cừu tiếp nối không thôi như thế nên] Bồ Tát đối với nhân duyên trong đời vị lai thấy biết rõ ràng, dù gặp kẻ oán cừu cũng không báo oán.

Hỏi: Đức Phật nói: “Trong các loài vật, đa phần có thể là cha mẹ, quyến thuộc nhiều đời trước của ta.” Lấy gì chứng minh lời

nói ấy mà nữ nhân tâm cho rằng ông bà cha mẹ nhiều đời của chúng ta nay là súc vật?

Đáp: Tất cả chúng sinh từ vô số kiếp đến nay không ngừng lưu chuyển trong sáu đường.¹ Chỉ lấy một kiếp mà luận thôi, con số [cha mẹ quyến thuộc] đã là không thể tính đếm, [huống chi đã trải qua vô số kiếp,] làm sao có thể nói rằng tất cả những chúng sinh nhìn thấy hiện nay lại không liên quan gì đến ta? Ông cho rằng nghĩ như thế là nhân tâm, nhưng nếu như vì không biết mà giết hại [cha mẹ, quyến thuộc đời trước], hoặc thấy họ bị giết mà không ra tay cứu giúp, như vậy không phải nhân tâm sao? Đó thật là [đúng như lời Mạnh tử nói:] “Đã không thể để tang [cho cha mẹ] ba năm, lại xét nét tìm hiểu phép để tang ba tháng, năm tháng.”²

Hỏi: Cha mẹ quyến thuộc đời trước đã nhiều như thế, ắt con số đọa vào loài vật cũng không ít. Chỉ có điều là, nếu đã là cha mẹ quyến thuộc của ta trong đời trước thì nhất định là có duyên cùng ta, nên cho dù có đọa làm súc vật cũng chưa hẳn đã phải chết dưới tay ta.

Đáp: Ông có biết là trong số người làm cha mẹ quyến thuộc của ta nhiều đời, cũng có cả những người do oan gia nghiệp báo mà đến với ta? Ta nhận ân huệ của một người, đó là người ấy đền trả nợ cũ cho ta. Người khác nhận ân huệ của ta, đó là ta đền trả nợ cũ cho người ấy. Ví như những người thân thiết cốt nhục, quả thật do duyên lành mà đến với nhau, thì do thương yêu quá sâu nặng cũng không khỏi có sự dlay dỗ trách mắng quá mức. Trách mắng mãi không thôi ắt sinh lòng giận dữ,

¹ Sáu đường (lục đạo): bao gồm các cảnh giới chư thiên, loài người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Tất cả chúng sinh do nghiệp lực đã tạo mà lưu chuyển trong luân hồi, đều không ra ngoài sáu cảnh giới này.

² Câu này lấy ý từ sách Mạnh tử, chương Tân tâm thượng, tiết 46. Nguyên văn là: “不能三年之喪，而認小功之察，放飯流歎，而問無齒決，是之謂不知務。 - Bất năng tam niên chi tang, nhi ty tiếu công chi sát; phóng phạn lưu xuyên nhi vấn vô xỉ quyết, thị chi vị bất tri vụ.” (Không thể để tang ba năm, lại đi tìm hiểu kỹ phép để tang ba tháng, năm tháng; ăn cơm nuốt chẳng kịp nhai, lại hỏi chuyện không có răng làm sao nhai, như thế gọi là không biết việc.)

giận dỗi mãi không thôi ắt sinh hiềm khích giữa đôi bên. Đời này có chút hiềm khích nhỏ nhặt với nhau, ắt gieo nhân để đời tiếp theo kết thành oán cừ. Đã kết thành oán cừ, ắt lại gieo nhân để đời tiếp theo nữa sẽ giết hại, ăn nuốt lẫn nhau. Trong cái vòng xoay đó thì mạnh hiếp yếu, lớn nuốt nhỏ, không điều gì không làm.

Nên biết rằng, cội gốc của oán cừ chính là từ nơi thân quyến. Con người nếu không có người thân ắt không có kẻ oán, không có kẻ oán ắt cũng chẳng có người thân. Kẻ oán người thân vốn là đối đãi nhau mà có, thành ra căn bản của luân hồi. Đức Như Lai dạy chúng ta đối với kẻ oán người thân bình đẳng như nhau, quả thật là một lời dạy hết sức tinh tế nhiệm mầu, có thể mang đến lợi lạc cho khắp muôn loài.

Hỏi: Nhìn thấy người khác giết hại vật mạng, tuy có phát khởi tâm nguyện cứu giúp nhưng không đủ sức làm thì sao?

Đáp: [Nếu không cứu được, có thể] lặng lẽ trì chú trong tâm, hoặc xưng niệm danh hiệu chư Phật, Bồ Tát, hoặc thay con vật ấy mà phát tâm sám hối, phát tâm cầu xuất thế, ắt con vật bị giết ấy sẽ tự nhiên được phần lợi ích.

Giải thích việc đãi khách trái với thế tục¹

Hỏi: Thân thuộc đến chơi nhà, cơm rau không đủ làm vui; bạn hiền cùng bàn luận, món ngon mới đủ thành lễ. Nay vì thương những con vật mà bỏ việc đãi đằng, phải chăng thật không đúng lẽ thường?

Đáp: Bạn bè thân thuộc, nếu là người hiền thiện ắt sẽ vui khi thấy ta không làm việc giết hại, ắt sẽ không trách ta khinh thường họ. Nếu người nào vì việc ấy mà trách ta khinh thường họ, ắt chỉ là hạng tiểu nhân tham miếng ăn ngon vào miệng, ta khinh thường họ cũng là chuyện tất nhiên. Bất chấp tội lỗi nặng nề chỉ

¹ Phần này có 4 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

để phục vụ miếng ăn vào miệng người khác, tôi quyết không làm.

Hỏi: Việc bày tiệc đãi khách cũng quan hệ đến lễ nghi. Thức ăn sơ sài quá, liệu có đúng lễ không?

Đáp: [Khổng tử có nói:] “Theo lễ mà xa xỉ quá chẳng bằng tiết kiệm.”¹ Ăn uống xa xỉ dư thừa là điều người có lòng nhân không thể làm. Làm người mà không có lòng nhân, giữ theo lễ có ích gì?²

Hỏi: Người đời tranh nhau bày yến tiệc xa xỉ, tôi thấy đã quen thành thói tục, dù có muốn thay đổi theo hướng tốt đẹp hơn nhưng chỉ đơn độc cô thế, không người tán trợ, biết làm thế nào?

Đáp: Dù không có khả năng thay đổi thói tục của người đời, lẽ nào lại không có khả năng thay đổi hoàn thiện chính mình? Khắp cõi đời này dù ế trước ta cũng phải giữ mình trong sạch; hết thảy mọi người dù say sưa, ta cũng phải giữ mình tỉnh táo, như vậy mới đáng gọi là bậc trượng phu dũng mãnh, cương nghị. Nếu cũng tùy theo thế tục buông xuôi, thuận dòng với kẻ khác mà xem là chánh đạo, ấy chỉ là phong cách yếu hèn.³

Hỏi: Khách đến nhà mà đặc biệt giết hại để chiêu đãi, việc ấy tất nhiên phải tránh. Nhưng nếu người thân hoặc bè bạn bất ngờ đến chơi, không kịp mua sắm các thứ nơi chợ búa thì làm sao?

Đáp: Nếu đã giữ trai giới, không giết hại, ắt trong nhà phải sớm

¹ Đoạn này trích theo lời Khổng tử trong sách Luận ngữ, chương Bát dật, tiết 4. Trọn câu này Khổng tử nói về nghi lễ và việc để tang như sau: “禮，與其奢也，寧儉。喪，與其易也，寧戚。 - Lễ, dư kỳ xa dã, ninh kiệm; tang, dư kỳ dịch dã, ninh thích.” (Nói về lễ nghi, nếu quá xa xỉ thì thà tiết kiệm còn hơn; nói về tang chế, nếu dễ dãi xem thường thì thà thương xót còn hơn.)

² Câu này cũng lấy ý theo câu nói của Khổng tử trong chương sách vừa dẫn trên, ở tiết 3: “人而不仁，如禮何？ - Nhân nhi bất nhân, như lễ hà?” (Làm người mà không có lòng nhân, giữ theo lễ được sao?)

³ Nguyên tác dùng “妾婦之道” (thiếp phụ chi đạo), chỉ cách ứng xử của người hầu thiếp trong xã hội ngày xưa, bảo gì làm nấy, không dám chống trả hay cãi lại. Tác giả dùng ý nghĩa này để đối lại với phong cách “đại trượng phu” mạnh mẽ cương nghị vừa nói trên. Chúng tôi dựa theo ý nghĩa mà dịch là “yếu hèn”, vì hình ảnh thí dụ của nguyên tác không còn thích hợp nữa.

lo chuẩn bị những thứ dùng đãi khách. Một khi khách đến mà vì lo sợ tiếp đón không đủ lễ [nên nghĩ đến việc buộc phải giết hại], đều là do lúc bình thường vốn đã xem thường sinh mạng loài vật. Thiền sư Nguyên Vân có kệ rằng:

*Trăm ngàn năm qua, mỗi bát canh,
Oán sâu như biển, hận như thành.
Muốn biết vì sao đao binh khổ,
Hãy nhìn lò mổ lúc sang canh.¹*

Người đãi khách nên viết bài thơ này đặt phía trên chỗ ngồi của mình.

Giải thích việc không nên sát sinh cúng tế²

Hỏi: Cúng tế thần linh là vì cầu được sinh con, cầu tăng tuổi thọ, hoặc cầu được công danh sự nghiệp, tiền tài... Xưa nay dùng vật sống mang đến giết để cúng tế, nay bỏ đi thì biết lấy gì để tỏ lòng thành kính?

Đáp: Trời đất cho đến thần minh đều có đức hiếu sinh, ghét sự giết hại. Khiến loài vật phải mất con để cầu con cho mình, khiến loài vật phải giảm tuổi thọ để cầu tăng thọ cho mình, khiến loài vật phải mất đi mạng sống để cầu danh lợi cho mình, chưa bàn đến chuyện lẽ trời không dung, tự lương tâm mình ắt cũng đã thấy là bất nhân.

Cầu con mà được có con, ấy là tự thân người ấy vốn không phải tuyệt tự. Cầu tuổi thọ được tuổi thọ, ấy là tự thân người ấy thọ mạng chưa dứt. Cầu danh lợi được danh lợi, ấy là tự thân

¹ Nguyên bản Hán văn: “千百年來碗裏羹，怨深如海恨難平。欲知世上刀兵劫，但聽屠門半夜聲。 - Thiên bá niên lai oán lý canh, oán thâm như hải hận nan bình. Dục tri thế thượng đao binh kiếp, đản thính đó môn bán dạ thanh.” Dịch nghĩa: Trăm ngàn năm qua, trong mỗi một bát canh [thịt], oán sâu như biển, hận khó nguôi. Muốn biết [nguyên nhân] nạn binh đao trên đời này, hãy lắng nghe tiếng kêu [của những con vật] nơi lò mổ lúc giữa đêm. – Bản dịch thơ như trên là chúng tôi dựa theo ý mà dịch.

² Phần này có 6 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

người ấy đang lúc vận số hanh thông. Nếu không rơi vào những trường hợp ấy, ngược lại có khi vốn là người sắp sinh con, do việc giết hại mà thành tuyệt tự cũng chưa thể biết được; hoặc là người vốn có thọ mạng lâu dài, do việc giết hại mà thành giảm tuổi thọ cũng chưa thể biết được; hoặc là người vốn có phúc phần danh lợi, do việc giết hại mà thành tổn phúc cũng chưa thể biết được. Đó là chỉ nói trong phạm vi nghiệp báo của đời này, đến như việc chúng sinh luân chuyển trong ba đường, oan nghiệp vay trả lẫn nhau thì quả thật không có hạn kỳ chấm dứt. “Thuận theo phàm tình thế tục nhất thời, phải chịu khổ đền trả trong muôn kiếp.” Câu ấy chẳng phải là nói đến việc giết hại để cúng tế đó sao?

Hỏi: Ví như khi cha mẹ có bệnh, đã chạy chữa thuốc thang đủ cách không thuyên giảm, nếu không làm những việc bói toán cầu thần, chẳng lẽ khoanh tay đợi chết hay sao?

Đáp: Khi thọ mạng đã hết thì dù trời đất cũng chẳng làm gì được, hưởng hồ là quý thân. Giết hại vật mạng để cúng tế, chỉ làm tăng thêm nghiệp chướng mà thôi. Nếu vì tình yêu thương sâu nặng bộc phát, lại cũng không rõ biết được chuyện sống chết thế nào, thì cũng có thể dùng thức ăn chay lạt mà dâng cúng. Nếu nghe theo tà thuyết của những kẻ tiểu nhân, ắt sẽ muốn giết hại vật mạng lấy máu thịt mà cúng tế, tuyệt đối không thể được.

Hỏi: Nếu là nhà ăn chay thì việc cúng chay là đúng. Nhưng nếu trong nhà ăn mặn, dùng cá thịt mà lại cúng chay, chẳng phải khinh thường thần linh lắm hay sao?

Đáp: Chim thước một mình ăn con chuột thối, chim phụng hoàng nhất định không thèm tranh giành với nó.

Hỏi: Các vị quý thân hưởng máu thịt cúng tế, về sau sẽ đọa vào địa ngục, điều ấy có tin được không?

Đáp: Không chỉ riêng hàng quý thân, cho dù chư thiên ở cõi

trời Phi tướng phi phi tướng thì khi phước đức đã hết cũng phải thọ nhận nghiệp báo của mình. Thuở xưa, phu nhân Ma-da có hỏi Bồ Tát Địa Tạng: “Vì sao có tên gọi là địa ngục Vô gián?” Bồ Tát đáp rằng: “Bất luận là nam hay nữ, rồng hoặc thần, cho đến chư thiên hoặc quỷ, [khi ác nghiệp chín muồi] cũng đều phải vào đó thọ báo, nên gọi là Vô gián.”¹ Khi phước đức làm thần đã hết, ắt phải lưu chuyển trong ba đường, đó cũng là lẽ đương nhiên.

Hỏi: Cũng đều là thần cả, sao có vị thọ hưởng máu thịt cúng tế, có vị thì lại không?

Đáp: Đòi trước làm người chính trực nên mới trở thành thần. Trong số ấy, người sân hận nặng nề ắt rơi vào chỗ thọ hưởng máu thịt, còn người có tâm từ ắt không thọ hưởng máu thịt. Lại nữa, do đòi trước làm thiện, bố thí nên mới trở thành thần. Trong số ấy, người không biết đến Tam bảo, chỉ tu việc thiện theo thế gian, ắt phước đức nhiều hơn trí tuệ, sẽ rơi vào chỗ thọ hưởng máu thịt. Nếu người tin sâu nhân quả, bố thí theo pháp Phật, ắt trí tuệ vượt hơn phước đức, sẽ không rơi vào thọ hưởng máu thịt.

Hỏi: Nếu quỷ thần không có khả năng tác động đến tuổi thọ dài ngắn của người, thì việc cầu đảo ắt không thể hiệu nghiệm. Nhưng quả thật đã có những trường hợp bệnh nặng, thuốc men đều vô hiệu, đến khi cầu thần thì được khỏi ngay. Như vậy ắt là tuổi thọ dài ngắn của con người phải có phần quyết định của quỷ thần, sao có thể không cùng nhau cung kính phụng thờ?

Đáp: [Cầu thần được lành bệnh, thì] bệnh trước đó [có thể] là do quỷ thần gây ra, nhưng tuổi thọ sau khi lành bệnh, chắc chắn không thể nhờ quỷ thần mà được kéo dài. Nếu thọ mạng chưa hết, dù không cầu đảo cũng sẽ lành bệnh. Nếu thọ mạng đã hết, dù cầu đảo cũng vô hiệu. Chẳng qua gặp phải những loại tà

¹ Trích từ kinh Địa Tạng Bồ Tát. (Chú giải của soạn giả)

thần ác quỷ, tham muốn máu thịt, thừa cơ quấy nhiễu đòi hỏi. Kẻ ngu mê chỉ thấy sự trùng hợp ngẫu nhiên rồi tin chắc chẳng nghi ngờ. Thấy người cầu đảo được khỏi bệnh thì cho là nhờ quỷ thần mà khỏi bệnh, nhưng thấy người cầu đảo rồi vẫn bỏ mạng thì lại cho rằng vì người ấy không cầu đảo sớm hơn nên mới phải chết. Than ôi, hạng người như thế tôi dám chắc rằng đời đời kiếp kiếp về sau sẽ phải sinh làm những con vật tế thần.

Kinh Thí dụ có nói rằng: “Quỷ thần có thể biết được thọ mạng, tội phúc của con người, nhưng không thể cứu sống người hoặc giết chết người, cũng không thể làm cho người trở nên giàu sang hay nghèo hèn. Họ chỉ muốn xúi giục người làm điều xấu ác, phạm tội giết hại, rồi nhân lúc người bị suy yếu hao tổn tinh thần mà náo loạn quấy nhiễu để được người lập đền miếu thờ phụng, cúng tế.”

Việc phụng dưỡng cha mẹ, thờ cúng tổ tiên¹

Hỏi: Nay đã biết được là không thể giết hại vật mạng để tế thần, nhưng nếu giết thịt con vật để phụng dưỡng cha mẹ, không biết là có tội hay chăng?

Đáp: Làm như vậy còn nặng tội hơn cả việc giết vật tế thần. Đạo làm con thì những việc tốt đẹp hiền thiện phải hướng về cho cha mẹ, những việc sai trái lỗi lầm phải tự mình nhận lấy. Nay tự mình không muốn giết hại, chỉ vì phụng dưỡng cha mẹ nên làm việc giết hại, đó là đem chuyện sai trái xấu ác hướng về cho cha mẹ. Lấy ví dụ như đối với luật pháp của quốc gia, tự mình không dám phạm vào, lại có thể khiến cho cha mẹ phạm vào hay sao? Quỷ thần khi hết phước cũng phải luân hồi, lẽ nào cha mẹ mình có thể hưởng phước mãi mãi không hết? Nếu như cha mẹ chưa thể ăn chay hoàn toàn, có thể tạm dùng ba món

¹ Phần này có 6 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

thịt thanh tịnh,¹ hoặc cũng có thể dùng những thức ăn bán sẵn nơi chợ búa, hàng quán. Nếu cho rằng nhất thiết phải tự mình giết vật để phụng dưỡng cha mẹ, đó chính là dâng rượu độc cho cha mẹ giải khát.

Hỏi: Có người nghe việc như trên có thể sẽ nổi giận nói rằng: “Sao có thể nói như thế được? Hạnh hiếu đứng đầu trăm hạnh. Giết con vật để phụng dưỡng cha mẹ là chuyện danh chánh ngôn thuận, trời cao ắt cũng không muốn bắt tội người con hiếu, cho đến con vật bị giết cũng không thể vì sự oán hận nhỏ nhặt này mà theo đuổi báo oán sau khi mạng chung.”

Đáp: Xét từ góc độ một người con thì bất quá phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ có hai người mà thôi. Nhưng nếu xét trong toàn thiên hạ thì số người được phụng dưỡng thật không thể tính đếm hết được. Nếu tất cả mọi người đều vì phụng dưỡng cha mẹ mà giết hại vật mạng, ắt xương cốt chất lại như núi, máu chảy đọng thành biển lớn, cũng không đủ gọi là có tội hay sao? Như vậy giết hại vô số chúng sinh, làm sao có thể đảm bảo trong đó lại không có cha mẹ quyến thuộc của mình từ nhiều đời trước? Giết hại quyến thuộc đời trước để phụng dưỡng cha mẹ đời này, chẳng phải diên đảo lắm sao? Lại ví như giết hại cha mẹ đời trước để phụng dưỡng cha mẹ đời này, chẳng phải càng diên đảo hơn nữa hay sao? Nếu nói rằng việc giết hại xuất phát từ tấm lòng phụng dưỡng cha mẹ ắt được trời cao lượng thứ, vậy thử hỏi trời cao chỉ lượng thứ cho một người thôi, hay sẽ lượng thứ cho người khắp trong thiên hạ? Nói gọn một lời thôi, quan điểm như thế thật là chẳng biết suy xét gì cả!

Hỏi: Đạo làm con báo hiếu mẹ cha đã khuất không gì quan trọng hơn việc cúng tế. Cha mẹ lúc sinh tiền không ăn chay, nay chết rồi lại cúng chay, như vậy thì đâu có theo đúng ý muốn của cha mẹ?

¹ Ba món thịt thanh tịnh: là thịt của con vật rơi vào 3 trường hợp: 1. Mắt không nhìn thấy khi con vật bị giết. 2. Tai không nghe tiếng con vật kêu khi bị giết. 3. Không có lòng nghi rằng con vật ấy bị giết là vì mình.

Đáp: Nếu như cha mẹ, tổ tiên nhờ cúng tế mà được no, thì mỗi năm chỉ có được mấy lần cúng tế, còn lại bao nhiêu ngày khác lễ nào phải chịu đói hay sao? Nếu những ngày khác không phải chịu đói, thì biết rằng việc cúng tế chẳng qua chỉ để bày tỏ tấm lòng thành của con cái mà thôi. Liệu việc giết hại vật mạng tạo thành nghiệp ác có thể xem là bày tỏ lòng thành được chăng? Kể làm con, khi cha mẹ còn sống đã không thể hết lòng hết sức phụng dưỡng, chỉ khiến cha mẹ phải suốt một đời nhọc lòng lo lắng ân cần, đến sau khi chết lại chỉ vì chút hư danh hão huyền với người đời mà khiến cha mẹ phải liên lụy thêm nghiệp chướng nhiều đời, như vậy liệu có xứng đáng làm con hay chăng? Tăng Nguyên xưa kia [nuôi cha là Tăng Tử rất chu đáo mà còn bị chê là] chỉ phụng dưỡng được miếng ăn trong miệng, không theo được [như Tăng Tử nuôi cha là Tăng Tích, biết quan tâm đến] tâm ý của cha.¹ Cớ sao khi cha mẹ đã qua đời lại còn làm khổ lụy đến cha mẹ chỉ vì miếng ăn ngon miệng? Người con hiếu phụng dưỡng cha mẹ, [đến khi cúng tế còn phải] cầu cho được thóc gạo của người có đức nhân,² hướng chi lại giết hại vật mạng để bày máu thịt lên mâm mà cúng tế, sao có thể bất nhân như vậy?

Hỏi: Con cháu cúng tế, tổ tiên có về thọ hưởng chăng? Hay là sẽ không về thọ hưởng?

Đáp: Tổ tiên nếu thác sinh làm quý, con cháu có thể hết sức thành tâm dâng cúng ắt sẽ về thọ hưởng. Nếu sinh vào cõi trời,

¹ Cha của Tăng tử (tức Tăng Sâm, học trò đức Khổng tử) là Tăng Tích, con của Tăng tử là Tăng Nguyên. Khi Tăng tử phụng dưỡng cha, mâm cơm luôn tươm tất, cha ông ăn xong, trước khi dọn xuống ông luôn thưa hỏi ý cha về chỗ thức ăn còn dư. Người cha hỏi trong bếp còn nữa không thì nói vẫn còn, nên có lần cha ông bảo mang phần dư ấy cho hàng xóm, ông cũng vui vẻ làm theo. Về sau, Tăng Tích chết, đến khi Tăng tử già yếu, Tăng Nguyên phụng dưỡng Tăng tử, mâm cơm cũng luôn tươm tất, nhưng trước khi dọn xuống không thưa hỏi ý cha về chỗ thức ăn còn dư. Người cha hỏi trong bếp còn nữa không thì ông nói không còn, có ý sẽ dành chỗ thức ăn còn dư đó để hôm sau lại dâng cho cha. Mạnh tử kể chuyện này (Mạnh tử - Ly lâu thượng, tiết 19) và nhận xét: “Phụng dưỡng cha mẹ như ông Tăng Nguyên chỉ là nuôi ăn thôi, như ông Tăng tử mới gọi là phụng dưỡng được cả tâm ý của cha.”

² Sách Lễ ký, thiên Tế nghĩa chép: “Cha mẹ qua đời, nên cầu cho được thóc gạo của người có đức nhân mà cúng tế.”

được hưởng nhiều khoái lạc, ắt sẽ không về thọ hưởng. Nếu đọa vào ba đường ác, vì đang phải chịu khổ nên tất nhiên sẽ không thể về thọ hưởng. Nếu sinh vào cõi người, ắt đã riêng có thân bằng quyến thuộc [trong kiếp sống mới] nên sẽ không về thọ hưởng. Như thế, nói chung thì con cháu tuy có lòng thành kính dâng cúng, nhưng trong đa số trường hợp cũng chỉ tự mình thọ hưởng những phẩm vật đó thôi. Những điều này có nói rõ trong kinh Trung A-hàm.

Hỏi: Nếu tổ tiên đã không về thọ hưởng, vậy liệu có các thần linh khác đến thọ hưởng chăng?

Đáp: Trong kinh Trường A-hàm có nói: “Ở những nơi cư trú của con người, hết thấy đều có quý thần, không nơi nào không có.” Kinh Ưu-bà-tắc giới nói: “Nếu ở gần nơi rừng cây thì có thần cây đến hưởng cúng tế, nếu ở gần những nơi sông, suối, giếng nước... thì có các vị thần ở đó đến hưởng cúng tế.”

Hỏi: Lương Vũ Đế dùng bột gạo làm ra các con vật cúng tế, những người chép sử đều cho đó là điếm báo [tổ tiên ông sẽ không còn được con cháu giết vật cúng tế nữa]. Cho nên biết rằng, việc cúng tế tổ tiên mà dùng chay là không hợp lễ.

Đáp: [Khổng tử nói:] “Sai lầm của mỗi người đều không giống nhau, quan sát chỗ sai lầm [một cách khách quan, cặn kẽ] thì có thể biết được đức nhân [của người ấy].”¹ Lương Vũ Đế từng giết sáu đại thần,² dẫn nước nhấn chìm cả thành Thọ Dương, đó là những điều bất nhân của ông ta. Nhưng luận về việc dùng bột gạo thay cho những con vật bị giết hại thì việc cúng tế cho đến nay đều nhờ ơn từ đó. Nếu không có ông khởi xướng làm theo phương pháp ấy thì số vật mạng bị giết hại, lại hao tổn tiền của người dân thật không biết đến mức nào. Lương Vũ Đế khởi một niệm từ bi có thể khiến

¹ Câu này An Sĩ toàn thư không dẫn nguồn, nhưng là trích gần như nguyên văn câu nói của Khổng tử trong sách Luận ngữ, chương Lý nhân, tiết thứ 7: “人之過也，各於其黨。觀過斯，知仁矣。 - Nhân chi quá thất, các ư kỳ đảng. Quan quá tư, tri nhân hi.” An Sĩ toàn thư khác câu sau hơi lệch đi nhưng không khác nghĩa: “觀過，則可知仁。 - Quan quá, tắc khả tri nhân.”

² Sáu người này là Tiêu Dao Quang, Tiêu Thân Chi, Từ Hiếu Tự, Lưu Huyền, Giang Thạch và Giang Tự.

cho người đời sau nhờ đó mà hóa giải được vô số nghiệp ác giết hại. Phương thức dùng bột gạo thay vật cúng tế của ông thật có thể sánh với việc vua Thành Thang ngày xưa mở lưới cứu chim¹ hay Tử Sản nuôi cá,² mà công đức còn có phần vượt trội hơn nữa.

Đến như việc nhà Lương³ để mất thiên hạ, ấy là do vận nước mà thôi. Nếu cho rằng do việc dùng bột gạo cúng tế mà mất nước, vậy các vua nhà Trần, Tùy đều dùng đủ ba loại vật sống⁴ để cúng tế, sao lại mất nước nhanh đến thế?⁵ Nếu theo kiểu lập luận ấy thì có lẽ chỉ cần vua Lương Vũ Đế không dùng bột gạo thay vật cúng tế, ắt bọn giặc loạn Hầu Cảnh sẽ tự nhiên sợ hãi mà rút lui chạy trốn chẳng? Nói thế chẳng khác nào cho rằng vận mệnh bậc đế vương, sự an nguy của đất nước đều chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào sự còn mất của trâu, dê, lợn đó sao? Huống hồ bậc thánh nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn cũng không thể bảo đảm rằng con mình sẽ được giống như mình, sao có thể đem chuyện thành bại mà luận việc?

Đại sư Liên Trì có dạy: “Người xưa dùng tượng gỗ tạc giống như hình người để chôn theo người chết, đức Khổng tử đã chê [là bất nhân, bảo những người làm như vậy về sau ắt] là không con nối dõi. Như vậy, việc Lương Vũ Đế dùng bột tạo hình giống những con vật để cúng tế, e rằng người có đức nhân thấy vậy vẫn còn chưa tán thành, huống chi lại muốn bỏ những con vật giả ấy mà thay bằng vật sống thì còn nhân tâm nào hơn?”

¹ Theo truyền thuyết, vua Thành Thang có lần đi tuần thú thấy người bắt chim giăng lưới bốn bề, liền khuyên họ nên mở ra một phía để còn có được số chim bay thoát.

² Tử Sản người nước Trịnh, là học trò đức Khổng tử, làm quan đại phu, vốn giàu lòng nhân. Một hôm, có người mang đến biếu một con cá còn sống, ông không nỡ giết ăn, sai người mang thả vào hồ để nuôi.

³ Lương Vũ Đế (464-549) là vị hoàng đế sáng lập triều Lương.

⁴ Túc lệ tế Tam sinh, gồm 3 con vật còn sống là trâu, dê và lợn.

⁵ Nhà Trần cai trị từ tháng 10 năm 557 đến tháng 1 năm 589, vốn vẹn chỉ có hơn 31 năm mà thay đổi đến 5 đời vua. Nhà Tùy cai trị từ năm 581 đến năm 619, được 38 năm, trải qua 4 đời vua. Lương Vũ Đế sáng lập triều Lương từ năm 502, chỉ riêng ông đã cầm quyền đến năm 549 và vẫn còn truyền nối được qua 5 đời vua sau nữa, cho đến năm 557 triều Lương mới dứt.

LỜI BÀN

Lương Vũ Đế từ sau khi lên ngôi thì từ bỏ rượu thịt, tiêu pha cần kiệm, thương dân như con, dù một mình ở trong nhà tối cũng áo mao nghiêm trang không dám xuề xòa, tiết trời nóng nực cũng không dám cởi trần, mỗi khi phải phán tội tử hình thì ăn chay trước đó một tháng, đến lúc hành hình lại vì người chết mà khóc. Ông ngưng việc binh đao để dân được ngơi nghỉ, nhiều năm liền mùa màng trong nước được bội thu. Từ đời Tấn đến đời Tùy, [trải qua hơn bốn thế kỷ,] trong những giai đoạn được khen là xã hội an ổn cũng không có lúc nào hơn được thời Lương Vũ Đế.

Ông trị nước 49 năm, thọ đến 86 tuổi, so với các vị đế vương thời ấy cũng là vượt trội hơn hết. Con cháu ông về sau đến triều Đường có 8 đời làm quan đến chức Tể tướng.¹ Các quan chép sử [của Nho gia về sau] do việc ông kính tin theo Phật pháp nên cố ý nói xấu, chê bai ông những điều không đúng thật mà bỏ qua hết những điều tốt đẹp của ông, như vậy sao có thể gọi là công bằng nhận lấy điều hay tốt của người khác như lời dạy của thánh hiền?²

Mối nghi rằng thánh hiền xưa dạy sát sinh³

Hỏi: Đời Phục Hy chế ra lưới để giăng bắt chim, thú, như vậy vua Phục Hy có sai trái chăng?

Đáp: Bắt cá, lưới chim là những việc người nông dân cho đến đứa trẻ con đều làm được, cần gì phải đợi vua Phục Hy dạy bảo? Hẳn là vào thuở hồng hoang chim thú quá nhiều, nếu không có sự phòng vệ e chúng có thể gây nguy khốn cho

¹ Những chuyện này xem trong sách Đường thư. (Chú giải của soạn giả)

² Thánh hiền ở đây chỉ Mạnh tử, vì ý câu này được trích từ sách Mạnh tử, chương Công Tôn Sửu thượng, tiết thứ 8: “善與人同，舍己從人，樂取於人以為善。 - Thiện dữ nhân đồng, xả kỷ tòng nhân, nhạo thú ư nhân dĩ vi thiện.” (Điều thiện của mình và người ngang nhau thì bỏ của mình chọn lấy của người, ưa thích học lấy điều hay tốt của người, lấy đó là thiện.)

³ Phần này có 6 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

con người. Rất có thể là vua Phục Hy đã dạy dân dùng lưới để phòng vệ quanh nơi cư trú, cũng chưa biết chừng. Hoặc giả nếu không như thế thì việc bắt thú đánh cá vốn đã thịnh hành vào thời Phục Hy rồi chẳng, cũng chưa biết được.

Nếu nói rằng vua Phục Hy dạy người giết hại thì tôi e rằng những phường chài lưới thô thiển hẳn đã là quan lớn trong triều Phục Hy, mà những kẻ mở lưới thả chim [như vua Thành Thang], thả cá biểu vào hồ nuôi [như Tử Sản nước Trịnh] đều phải xem là có tội không nhỏ. Trong tập Thi tử¹ có câu: “Vào đời Phục Hy, trong thiên hạ cầm thú quá nhiều nên vua dạy người săn bắt.”

Hỏi: Về chuyện Phục Hy như vậy tôi đã rõ, nhưng còn chuyện Tây Bá hầu² nuôi dưỡng người già, ấn định con số gà mái và lợn nái thì giải thích thế nào?

Đáp: Những việc làm của bậc thánh nhân thời xưa, cũng có việc nên noi theo, cũng có việc nên sửa đổi, như những cách dùng gút dây để ước hẹn kỳ hạn, đào hang hố làm thành cung điện, đều là những việc người đời nay không cần làm theo nữa. Tục ngày xưa [khi cúng tế cho con em mình] làm cốt thi,³ rồi cha mẹ, anh chị đều quỳ bên dưới mà khấu đầu lạy [đứa trẻ ấy], thật điên đảo trái nghịch biết bao? Ngày nay cúng tế chỉ đặt chỗ ấy một cái ngai trống tượng trưng thôi, sao vẫn được bình an? Cho nên biết rằng, việc ngày nay không nuôi gà lợn cũng chưa hẳn đã là không khéo làm theo đúng ý Văn vương.

Huống chi cái thuyết “*năm con gà mái, hai con lợn nái*” cũng chỉ là để nói lên sự sung túc của người dân khi ấy mà thôi. Hơn nữa, việc nghi lễ cúng tế ắt có quan chuyên trách, bậc thánh nhân lẽ nào lại phải xem xét đến những chuyện [nhỏ nhặt như] gà,

¹ Thi tử: một tuyển tập thơ hay vào thời Chiến quốc của người nước Tấn, nay đã thất bản.

² Túc Chu Văn vương (Cơ Xương), cha của Chu Vũ Vương (Cơ Phát), người sau này lật đổ vua Trụ nhà Thương để lập nên nhà Chu.

³ Tục cúng tế ngày xưa đặt một đứa trẻ ngồi lên trên đàn gọi là “thi” (尸) để thân linh về dự cúng tế sẽ có chỗ nương vào. Về sau này người ta mới thay tục này bằng các tranh, tượng thần.

lợn ấy sao? [Kinh Thư, thiên Lập chánh nói rằng:] “Văn vương không quản đến những lời dị nghị, những việc hình ngục hay phạt vạ thông thường, [mỗi việc đều có quan chuyên trách lo liệu,] lẽ nào lại quan tâm đến chuyện sinh đẻ của các giống gà, lợn, đến nỗi đưa ra quy định về số lượng? Huống chi loài vật các nơi số lượng khác biệt nhau, trạng thái cũng chẳng giống nhau, làm sao có thể phán định dứt khoát phải là năm con, hai con? Cứ theo lý mà suy thì việc ấy chưa hẳn đã là thật có. Nếu không, làm sao có chuyện Văn vương quan tâm đến cả bộ xương khô?¹ Xương khô là vật vô tri vô giác mà còn được ông quan tâm đến, ban ân trách chôn cất tử tế, huống chi đối với con vật có tri giác thì lẽ nào lại ban lệnh giết hại? Cách hiểu như thế thật chẳng khác nào trể con. Cho nên mới nói rằng: “Nếu quá tin vào sách, chẳng bằng không đọc sách.”

Hỏi: Khổng tử dạy việc không giết hại, bắt quá chỉ “*không dùng lưới bắt, không bắn chim đang ngủ đêm*”² là đủ, chưa từng cấm hẳn việc câu cá, bắn chim. Nay muốn ngăn cấm hoàn toàn việc giết hại, phải chăng là cho rằng không nên làm theo lời Khổng tử?

Đáp: Ông có hiểu được ý nghĩa của Khổng tử khi đề cập đến việc câu cá, bắn chim đó chăng? Nói câu cá, là [chỉ ra sự tàn nhẫn của việc câu cá] để dẫn người ta đến chỗ không dùng lưới bắt, nói bắn chim, là [chỉ ra sự bất nhân của việc bắn chim] để giáo hóa người ta không tàn sát cả bầy chim đang ngủ trên cây. Người đời sau [không hiểu câu ấy,] cho rằng Khổng tử vì muốn giữ miếng ăn cho người cũng như có thịt cá dùng vào việc tế tự mà dạy như vậy, quả thật là nhận hiểu một cách hết sức thiển

¹ Sách Thông sử chép rằng: “Văn vương tuần thú vùng đông nội, thấy một bộ xương khô, lệnh tùy tùng chôn cất, người ấy nói: “Đó là xương vô chủ.” Văn vương nói: “Người trong thiên hạ thì thiên hạ là chủ, người trong nước thì đất nước này là chủ, nay ta chính là chủ của bộ xương ấy.” Nói rồi sai dùng quan tài khám liệm, chôn cất tử tế. Chuyện này truyền khắp thiên hạ, người người đều nói: “Ân trách của Tây Bà Hầu (tức Văn vương) thấm nhuần đến cả bộ xương khô, huống chi là người sống.”

² Câu này trích từ sách Luận ngữ, chương Thuật nhi, tiết thứ 26: “*釣而不網, 弋不射宿鳥* - điều nhi bắt vông, dặc bắt xạ túc điểu”. (Chỉ câu cá mà không dùng lưới bắt, không bắn chim ngủ đêm trên cây.)

cận và sai lệch về bậc thánh nhân. Thử hỏi, người đời sau tôn kính đức Khổng tử có phải vì ngài giỏi câu cá, bắn chim chăng? Hay là vì phẩm chất đạo đức không ai hơn được? Nếu xem trọng những việc câu cá, bắn chim, ắt những kẻ chài lưới, săn bắn phải được xem là tài giỏi hơn Khổng tử rất nhiều.

Còn nếu tôn trọng ngài là do phẩm chất đạo đức không ai hơn, vậy xin hỏi phẩm chất đạo đức của ông có thể so bằng Khổng tử hay chăng? Nếu phẩm chất đạo đức không thể bằng được Khổng tử mà đã đem chuyện câu cá, bắn chim bắt chước theo Khổng tử, như vậy khác nào muốn học theo Nhan Hồi mà [không học sự hiền đức,] chỉ học riêng sự đoán mạng,¹ học theo Tăng Tích mà [không học phong thái sái nhiên thoát tục,] chỉ học mỗi việc thích ăn táo đen.² Than ôi, bắt chước họ Quách bẻ góc khăn đội đầu,³ ngưỡng mộ họ Lận mà đổi tên,⁴ cũng không đủ để trở thành họ Quách, họ Lận. Phải biết đem chỗ “không thể” của mình mà học theo cái “có thể” của Liễu Hạ Huệ,⁵ như vậy mới đáng làm bậc nam tử nước Lỗ, ông còn chưa biết chuyện ấy sao?⁶

¹ Nhan Hồi là một học trò xuất sắc của đức Khổng tử nhưng rất yếu mạng. Ông mất ở tuổi 31.

² Sách Mạnh tử, thiên Tận tâm hạ, tiết thứ 36 có câu: “曾皙嗜羊枣，而曾子不忍食羊枣。- Tăng Tích thị dương táo, nhi Tăng tử bất nhân thực dương táo.” (Tăng Tích thích ăn táo đen, nên Tăng tử không nỡ ăn táo đen.) Tăng Tích (hay Tăng Điểm) là cha của Tăng tử, cũng là một học trò giỏi của đức Khổng tử. Sau khi Tăng Tích mất, Tăng tử vì nhớ đến cha nên không nỡ ăn món táo đen.

³ Thời Đông Hán, Quách Lâm Tôn (郭林宗) là một bậc danh nho được nhiều người mến mộ. Một hôm ông đi đường gặp trời mưa, tiện tay bẻ một góc khăn đội đầu kéo thấp xuống để che mưa. Từ đó có rất nhiều người bắt chước theo, cố ý bẻ một góc khăn đội đầu xuống cho giống ông và gọi là “khăn Lâm Tôn”.

⁴ Tư Mã Tương Như (司馬相如) là người đời Hán, vốn không phải mang tên Tương Như, nhưng thuở thiếu thời vì ngưỡng mộ Lận Tương Như (蘭相如) thời Chiến quốc nên đổi tên mình thành Tương Như.

⁵ Liễu Hạ Huệ người nước Lỗ thời Xuân thu, được khen là một bậc chánh nhân quân tử. Một lần ông phải nghỉ qua đêm dưới cổng thành, tình cờ cũng có một người phụ nữ đến đó trú chân, bỗng bị cảm lạnh rét run toàn thân. Liễu Hạ Huệ thấy vậy liền cởi áo ngoài khoác cho cô ta rồi ôm vào lòng để cô được bớt lạnh. Ông làm như thế chỉ cốt để cứu người mà không hề khởi chút tà tâm nào.

⁶ Phần này lấy ý từ câu chuyện một người thanh niên nước Lỗ (Lỗ nam tử). Ở nước Lỗ có hai nhà gần nhau, một thanh niên sống độc thân, một phụ nữ cũng sống độc thân. Đêm nọ, trời mưa to gió lớn, nhà người phụ nữ bị nghiêng đổ, cô ta chạy sang nhà anh thanh niên xin trú ngụ. Người thanh niên đóng chặt cửa không cho vào. Người phụ nữ thấy anh ta cố tránh chuyện nam nữ gần gũi đêm khuya, liền đến chỗ của sổ nói vào: “Sao anh không làm giống như Liễu Hạ Huệ?” Người thanh niên đáp: “Cô và tôi đều còn trẻ tuổi, cho nên Liễu Hạ Huệ có thể, còn tôi thì không thể. Tôi vẫn đang đem cái không thể của mình mà học làm theo cái có thể của Liễu Hạ Huệ.” Người đời sau đều gọi người này là Lỗ nam tử và xem như điển hình của việc biết chống lại sự cảm dỗ của nữ sắc.

Hỏi: Người quân tử xem mạng người là cao quý, mạng súc vật là hèn kém, do đó giữ lấy sự cao quý mà giết mạng hèn kém cũng là lẽ đương nhiên. Nay xem mạng người với vật bình đẳng như nhau chẳng phải là hết sức viển vông vô nghĩa hay sao?

Đáp: Nếu luận theo đạo lớn của thánh hiền thì trời đất, muôn vật với chúng ta đều cùng một thể. Cũng ví như tay với chân của người, tuy có phân biệt hơn kém, nhưng không thể lấy tay chặt chân. Nếu chỉ so sánh theo sự cao thấp nhìn thấy trước mắt, thì đến những kẻ tô tở trong bếp cũng biết mắng chửi loài súc sinh, đâu phải đợi đến người quân tử đưa ra thuyết [phân biệt] cao quý với hèn kém như vậy.

Hỏi: Nói rằng trời đất, muôn vật với chúng ta đều cùng một thể, điều đó có thể khảo chứng ở sách nào?

Đáp: Ông chưa đọc qua [sách Trung dung của] Tử Tư hay sao? Tử Tư nói rằng: “Hiểu thấu tính mình ắt hiểu thấu được tính người, hiểu thấu tính người ắt hiểu thấu được tính của vật”.¹ Phân tích cho kỹ một chữ “ắt” thì [thấy sự tương quan tất nhiên giữa mình với người, giữa mình với muôn vật, từ đó cái đạo lý “trời đất, muôn vật với chúng ta đều cùng một thể”] có thể tự nhiên hiểu được rõ ràng. Nếu không như vậy thì làm sao nói rằng đạt đến chỗ “trung” có thể khiến cho trời đất đều được an ổn ở đúng vị trí, đạt đến chỗ “hòa” có thể khiến cho muôn vật đều được sinh trưởng nuôi nấng?²

Những mối nghi về “yêu người thương vật”

Hỏi: [Mạnh tử nói:] “Người quân tử [trước phải] thân thiết

¹ Nguyên văn đoạn này trong sách Trung dung, chương 22: “能盡其性，則能盡人之性；能盡人之性，則能盡物之性 – năng tận kỳ tánh, tác năng tận nhân chi tánh; năng tận nhân chi tánh, tác năng tận vật chi tánh”.

² Phần này cũng lấy ý từ sách Trung dung, chương 1, nguyên văn: “致中和，天地位焉，萬物育焉。- Tri trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên”. (Đạt đến chỗ trung hòa thì trời đất được an ổn đúng vị trí, vạn vật được sinh trưởng nuôi dưỡng.)

hiếu kính với cha mẹ ruột thịt của mình, [sau mới nhân đó phát triển thành] nhân ái với muôn người; [do nhân ái với muôn người mới phát triển thành] thương yêu bảo vệ muôn vật, tấm lòng mở ra có thứ tự như vậy.” [Nay dạy người] không giết hại, cứu vật phóng sinh, phải chăng đã đi ngược lại từ ngọn đến gốc, [quan tâm đến loài vật trước con người]?

Đáp: Lời của Mạnh tử nhằm chỉ ra mức độ thân sơ, [từ chỗ thân thiết nhất đến chỗ kém thân thiết hơn,] không hề nêu ra thứ tự trước sau. Nếu hiểu rằng phải lo xong điều trước rồi mới đến điều sau, ắt những kẻ cha mẹ mất sớm mà có thể cứu giúp muôn người, hoặc những kẻ chưa đỗ đạt làm quan [giúp người] mà làm việc cứu vật phóng sinh, đều phải xem là đắc tội với nước nhà, với gia đình hay sao? Mạnh tử sao có thể đưa ra luận thuyết cố chấp như vậy?

Huống chi những việc hiếu kính với cha mẹ, nhân ái với muôn người, thương yêu muôn vật, theo lý phải hỗ tương, cùng thành tựu cho nhau, không nên phân biệt ra thành ba việc riêng rẽ. Hữu tử¹ cho rằng hiếu để là gốc của đức nhân,² đó chính là xem việc hiếu kính cha mẹ và nhân ái với muôn người vốn không khác nhau. Mạnh tử khen [Tề Tuyên Vương] dùng dê thay trâu là phương thức để làm điều nhân,³ đó là xem đức nhân với lòng thương yêu muôn vật vốn không khác nhau. Khổng tử

¹ Hữu tử tức là Hữu Nhược, một trong các học trò giỏi của đức Khổng tử.

² Câu này trích từ sách Luận ngữ, chương Học nhi, tiết thứ 2, nguyên văn lời của Hữu tử là: “孝弟也者，其為仁之本與？ – Hiếu để đã già, kỳ vi nhân chi bản dư?” (Hiếu để chẳng phải là căn bản của đức nhân đó sao?)

³ Chuyện này được trích từ sách Mạnh tử, chương Lương Huệ Vương thượng, tiết thứ 7. Tề Tuyên Vương ngồi trên ngai vàng, có người dắt con trâu đi qua dưới sân, vua hỏi: “Trâu để làm gì thế?” Người hầu thưa: “Sắp giết để lấy máu làm lễ bôi vào chuông.” Vua bảo: “Thả ra đi, ta không nhớ thấy nó run lập cập, có vẻ như vô tội mà bị đưa vào chỗ chết.” Người hầu thưa: “Vậy bò không làm lễ bôi chuông sao?” Vua đáp: “Sao lại bỏ? Lấy con dê thay vào.” Mạnh tử nhắc chuyện này, khen rằng vua Tề có lòng nhân ái, vì không nhớ nhìn thấy con trâu run sợ trước khi chết. Mạnh tử hỏi vua: “Nếu là thương vật vô tội bị đưa vào chỗ chết, sao lại giết dê thay trâu?” Vua Tề đáp: “Thật tình trẫm không biết, chỉ không nhớ thấy con trâu đang run rẩy.” Mạnh tử nói: “Không sao cả. Đó chính là phương thức để làm điều nhân, không nhớ nhìn thấy sự giết hại. Cái khác giữa trâu với dê chỉ là thấy và không thấy. Người quân tử tránh xa chỗ bấp bực là vì vậy.”

cho rằng chặt cây giết thú là bất hiếu, đó là xem lòng hiếu với cha mẹ và thương yêu muôn vật vốn không khác nhau. Cũng ví như đầu với chân tay, tuy có sự cao thấp khác biệt nhau, nhưng bên trong có mạch máu lưu thông, cùng hợp lại, nương tựa vào nhau mới thành sinh mạng, có thể nào lại sai lầm mà phân chia riêng biệt các bộ phận ấy được sao?

Hỏi: Xin ông nói rõ hơn.

Đáp: Việc chính sự chú trọng vào lòng nhân ái với muôn dân, cho nên hết sức khuyên người thương yêu quý tiếc vật mạng. Cách yêu người của ông chỉ đặt nặng việc cho ăn, nên xem đức nhân ái với muôn người là việc nhỏ nhất. Còn tôi cho rằng yêu người phải nuôi dưỡng được cả tâm ý [tốt đẹp cho] họ, nên xem đức nhân ái với muôn người là quan trọng.

Hỏi: Nho gia răn việc giết hại, bất quá cũng chỉ nói việc không nở nhìn thấy con vật bị giết chết, hoặc nghe tiếng con vật kêu la thì không nở ăn thịt nó. Phật giáo răn việc giết hại [thì triệt để đến mức] một con côn trùng cũng không giết hại, vậy có khác gì với thuyết “kiêm ái”¹ của Mặc tử?

Đáp: Vào thời Mặc tử, ông ấy chưa từng đưa ra thuyết giới sát, vì khảo cứu hết thấy các sách cổ đều không thấy việc ấy. Hơn nữa, cái sai lầm trong học thuyết của Mặc tử là ở chỗ xem nhẹ [đạo hiếu với] cha mẹ² chứ không ở chỗ “bình đẳng thương yêu tất cả”. Nếu nói thuyết “kiêm ái” của Mặc tử là sai lầm, thì như Khổng tử dạy “rộng lòng thương yêu mọi người”³ hay Mạnh tử nói: “Người có đức nhân thì thương yêu không loại trừ một ai”,⁴ thử hỏi những ý nghĩa đó có khác gì so với sự “thương yêu khắp

¹ Thuyết kiêm ái của Mặc tử chủ trương thương yêu bình đẳng tất cả mọi người trong thiên hạ, không phân biệt thân sơ. Thuyết này tuy nghe qua rất cao quý tốt đẹp, nhưng lại kêu gọi điều quá tuyệt đối mà không có giải pháp thích hợp nên thành ra bất khả thi.

² Mặc tử từng nói rằng: “Thiên hạ chi vi phụ mẫu giả chúng, nhi nhân giả quã.” (Trong thiên hạ người làm cha mẹ thì rất đông, nhưng người có đức nhân thì rất ít.) Do đó, ông chủ trương trọng đức nhân chứ không xem “cha mẹ là trên hết” như Nho gia.

³ Khổng tử nói: “泛愛眾 – Phiếm ái chúng.” (Yêu thương rộng khắp mọi người.)

⁴ Mạnh tử nói: “仁者無不愛 - Nhân giả vô bất ái.” (Người có đức nhân thì thương yêu không loại trừ một ai.)

cả” của Mặc tử? Đến như thuyết “mòn đầu rụng gót”,¹ đó là vì quá xem trọng đức nhân mà không chú trọng học hỏi tri thức, [giàu lòng từ bi mà thiếu trí tuệ], có thể so với chuyện [không lượng sức mà] xuống giếng cứu người, đôi bên cùng chết, người như thế mất mạng vô ích. Nhưng người đời ngược lại đổ lỗi là do đức nhân [mà không thấy đó là do thiếu sự sáng suốt]. Mạnh tử thấu rõ được chỗ ý nghĩa ẩn khuất sâu xa của vấn đề, mới có lời chê trách. Những chuyện [sâu xa] như thế không thể nói với người thiếu trí tuệ.

Hỏi: Mạnh tử cho rằng lòng người thương yêu đứa con của anh mình với thương yêu đứa con của hàng xóm vốn đã sẵn có sự khác biệt nhau. Nhưng Phật giáo dạy thuyết [tất cả chúng sinh đều] bình đẳng, nên tôi cho rằng gần giống với [thuyết kiêm ái] của Mặc tử, chẳng phải vậy sao?

Đáp: Mạnh tử nói như thế là dựa theo tình cảm của con người, không phải dựa theo đạo lý. Ông không nghe lời đức Khổng tử dạy sao? Ngài nói rằng: “Nếu thực hành theo đạo lớn thì thiên hạ là chung, nên người ta không chỉ hiếu kính riêng với cha mẹ của mình, không chỉ thương yêu riêng con cái của mình. Nay đạo lớn bị khuất lấp, nên thiên hạ là riêng mỗi nhà, mỗi người chỉ hiếu kính với cha mẹ của riêng mình, chỉ thương yêu con cái của riêng mình.”

Khổng tử cũng từng nói rằng: “Khi đạo lớn được thi hành, ví như ta còn chưa theo kịp nhưng tâm chí đã sớm hướng theo rồi.”

Theo đó mà nói thì chỗ công kích trong lời nói hẹp hòi của Mạnh tử lại chính là chỗ mà Khổng tử thường tán thán ngưỡng mộ nhưng vẫn chưa có khả năng đạt đến. Cứ theo lời của Khổng tử mà suy

¹ Sách Mạnh tử, chương Tận tâm thượng, tiết thứ 26, Mạnh tử có nhắc đến Mặc tử, nói rằng: “墨子兼愛，摩頂放踵利天下，為之。- Mặc tử kiêm ái, ma đỉnh phóng chủng lợi thiên hạ, vi chi.” (Mặc tử chủ trương thương yêu khắp cả, dù phải mòn đỉnh đầu, rơi gót chân mà có lợi cho thiên hạ cũng làm ngay.) Ý nói không từ nan bất kỳ việc khó nhọc nào, miễn là có thể làm lợi cho thiên hạ.

rộng ra, ắt sẽ thấy [tấm lòng con người theo đạo lớn thì phải] như trời cao vô tư che chở, như đất rộng vô tư nuôi dưỡng muôn loài, như mặt trời, mặt trăng vô tư mà soi chiếu khắp nơi.

Còn theo lời Mạnh tử mà suy rộng thêm, ắt người ta thương yêu con của anh mình lại cũng không giống như yêu con của chính mình. Cho nên, ý niệm của Khổng tử có thể mở rộng vô cùng, mà ý niệm của Mạnh tử thì không thể mở rộng.

Hướng chi, giáo huấn tốt đẹp của thánh hiền sở dĩ bị hủy hoại đều là do nạn tranh danh đoạt lợi, chú trọng quá nhiều vào lợi ích riêng tư, chứ không phải do sự chú tâm vào việc chung. Cho nên, lời của Khổng tử mới thực sự là phương thuốc hay cứu người giúp đời của Nho gia, mà lời của Mạnh tử [như ông dẫn đó] khác nào như thêm nước vào nước, chẳng ích lợi gì. Luận về đạo lý, tất nhiên phải xem lời của Khổng tử là chính đáng hơn.

Hỏi: Nói như vậy thì hóa ra Di tử¹ ắt là cao minh hơn Mạnh tử chẳng?

Đáp: Chim én, chim sẻ làm sao có thể so với chim hồng, chim học? Thương yêu con người hàng xóm giống như con của anh mình thì đúng là Mạnh tử không tán thành, nhưng cho rằng Di tử là đúng thì e rằng không khỏi sai lệch.²

Giải thích mối nghi về nhân quả sai biệt³

Hỏi: Người quý tiếc vật mạng, làm việc phóng sinh ắt được trường thọ, kẻ xem thường mạng sống, ưa giết hại ắt phải chết yểu, theo lý chắc chắn là như vậy. Nhưng sao vẫn thấy có những người quý tiếc vật mạng mà chết yểu, lại có người ưa giết hại

¹ Di tử: tức Di Chi, một học trò của Mặc tử, tiếp tục phát huy thuyết kiêm ái của thầy. Ông từng có lần tranh biện với Mạnh tử qua trung gian chuyển lời của Tử Tịch (học trò Mạnh tử), trong đó ông có ý cho quan điểm của Mạnh tử “Yêu con của anh mình hơn con người hàng xóm” là hẹp hòi, vì ông tin thuyết “thương yêu khắp cả như nhau” của thầy mình là Mặc tử.

² Theo câu này thì tiên sinh An Sỹ có ý nhắc nhở rằng thuyết kiêm ái của Mặc tử (qua Di tử) chưa hẳn đã hoàn toàn đúng.

³ Phần này có 7 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

mà sống lâu?

Đáp: Quả báo có ba loại. Đối với việc làm trong đời này, thứ nhất là có thể ngay trong đời này chịu quả báo (hiện báo), thứ hai là có thể qua đời tiếp theo chịu quả báo (sinh báo), thứ ba là có thể trải qua nhiều đời sau nữa mới chịu quả báo (hậu báo).

Người quý tiếc vật mạng mà chết yểu, đó là do oan nghiệt đã tạo từ đời trước, nếu không biết quý tiếc vật mạng ắt còn chết sớm hơn nữa.

Người ưa thích giết hại mà được sống lâu, đó là nhờ phước báo đời trước, nếu không giết hại ắt còn được sống lâu hơn nữa.

Hỏi: Tôi thấy có người nợ, người kia... đã từng làm việc phóng sinh, giữ giới không giết hại, còn tụng kinh, trì chú nữa, nhưng đến nay không thấy chút báo ứng gì, vì sao vậy?

Đáp: Quả báo có nhanh, có chậm, còn phải xem duyên đã chín mùi hay chưa. Nếu duyên chưa đến mà mong được báo ứng ngay, khác nào như chỉ vừa gieo giống xuống lại mong được thu hoạch lúa thóc ngay. Huống chi đời người rất dễ dàng gặp phải những mối nguy như: oan ức của quan, hỏa hoạn, trộm cướp, bệnh tật... Nếu ngày nay không mắc vào những tai nạn ấy thì đã là phước báo rồi, sao có thể biết được lại không có những sự âm thầm giúp đỡ bảo vệ [nhờ nơi sự tu tập ấy] hay sao?

Hỏi: Quả báo ngay trước mắt trong đời này thì người ta mới biết sợ. Quả báo chậm lại đến đời sau thì mơ hồ khó biết, vì sao trời không bắt người ta phải nhanh chóng chịu quả báo ngay trong đời này?

Đáp: Quả báo nhanh hay chậm là do nghiệp báo của chính người đó chiêu cảm. Người hiền thiện mà nghiệp ác trước đây đã đến thì quả thiện không thể đến trước. Người xấu ác mà phước báo đời trước đã đến thì quả ác cũng không thể đến trước. Cũng giống như người làm vườn đã trồng đào trước, trồng mận sau, dù có khéo chăm sóc thế nào cũng không thể làm cho mận

ra quả trước đào. Nếu cứ nhất định đợi thấy được quả báo ngay trước mắt rồi mới tin nhân quả thì thật là quá sức mê muội.

Hỏi: Tôi thấy có người kia, lúc chưa làm việc tu tích phước đức thì cầu gì được nấy, từ sau khi biết tu thiện tích phước thì làm gì cũng gặp khó khăn trở ngại, lẽ nào nghiệp báo như thế chỉ là chuyện ngẫu nhiên mà đến?

Đáp: Không thể cho là ngẫu nhiên được. Việc như thế ắt là do đời trước đã tạo nghiệp ác, theo lẽ phải chịu quả báo nặng nề, chính nhờ việc tu thiện tích phước nên đã chuyển nặng thành nhẹ, [chỉ gặp phải những trở ngại khó khăn trong công việc mà thôi]. Cũng giống như người phạm tội tử hình, đến mùa đông sẽ mang ra hành hình, nhưng chưa đến lúc ấy thì được người có uy thế quyền lực xin tha cho, nhờ vậy chỉ bị phạt đánh bằng trượng rồi thả ra.

Hỏi: Bồ thí được giàu có, keo kiệt phải nghèo cùng, điều đó tất nhiên không cần phải bàn. Nhưng nay lại thấy người ưa thích bố thí đa số thường nghèo khổ, còn những nhà giàu có thì đa phần keo lận tham lam. Vì sao lại như thế?

Đáp: Người sống trong hoàn cảnh trái nghịch ắt phải nảy sinh sự suy nghiệm, nhờ suy nghiệm ắt khởi tâm hiền thiện. Người sống trong hoàn cảnh thuận lợi ắt được vui vẻ, ham vui thì không khởi được tâm hiền thiện, không có tâm thiện ắt tâm ác khởi sinh. Những điều như thế đều là lẽ tự nhiên. Huống chi trong chốn luân hồi [nhân quả] hổ tương qua lại, cao thấp thay đổi. Người nghèo khổ nếu tham lam keo kiệt thì đời sau lại càng nghèo hơn, người giàu có nếu chịu làm việc bố thí thì đời sau càng giàu hơn nữa, sự khác biệt giàu nghèo lại càng rất lớn.

Kinh Nghiệp báo sai biệt¹ dạy rằng: “Nếu có chúng sinh do được nghe lời người khác khuyên bảo mà bố thí, nhưng sau đó

¹ Tên kinh đầy đủ là Phật vị Thủ Ca Trưởng giả thuyết Nghiệp báo sai biệt kinh - 佛為首迦長者說業報差別經, do ngài Cù Đàm Pháp Trí dịch vào đời Tùy, được xếp vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, Tập 1, kinh số 80. Các trích dẫn ở đây là lược ý, không phải nguyên văn kinh.

lại hối tiếc, sẽ chịu quả báo trước giàu sau nghèo. Nếu có chúng sinh do được nghe người khác khuyên bảo mà bố thí được chút ít, bố thí rồi thì sinh tâm hoan hỷ vui mừng, sẽ được quả báo trước nghèo sau giàu. Nếu có chúng sinh trước đây từng bố thí nhưng không gặp được bậc phước điền,¹ sau đó lưu lạc trong sinh tử luân hồi, sinh ra làm người, vì bố thí không gặp bậc phước điền nên quả báo rất nhỏ nhất, vừa có được đã hết ngay. Tuy nhiên, do đã tập quen với việc bố thí nên tuy sinh vào hoàn cảnh nghèo khó vẫn ưa thích làm việc bố thí. Lại có những chúng sinh chưa từng bố thí, nhân gặp được bậc thiện tri thức khuyên bảo nên tạm thời nghe theo mà bố thí một lần, lại gặp được bậc phước điền, do đó được quả báo sinh ra trong hoàn cảnh đầy đủ sung túc. Tuy nhiên, vì không thường làm việc bố thí, nên người như vậy sẽ giàu có mà tâm thường keo kiệt.”

Hỏi: Những kẻ giết hại vật mạng, khiến cho loài vật mẹ con chia lìa, lẽ ra phải chịu quả báo không con nối dõi. Nhưng những người đánh cá tạo nghiệp ác hết sức nặng nề, vì sao thường thấy con cháu rất đông đúc?

Đáp: Người đời sinh con cái, có khi là do phúc đức mà được, cũng có khi do oan nghiệt mà thành. Người đánh cá vì mưu sinh mà giết hại rất nhiều, nên do nghiệp lực chiêu cảm mà có nhiều quyến thuộc xấu ác, chẳng qua để phân chia miếng cơm manh áo, khiến cho họ phải khổ nhọc sớm tối vẫn không đủ nuôi dưỡng, cho nên con cái càng nhiều, khổ lụy càng nặng. Ông không thấy như các loài dê, chó, gà, lợn đều sinh sản rất nhiều, trong khi chưa thiên chẳng bao giờ sinh sản đó sao? Ông nên suy nghĩ cho kỹ về điều đó.

Hỏi: Người ta sống ở đời nên theo học đạo lớn của thánh hiền, trên báo đền ơn nước, dưới lợi lạc muôn dân, như thế mới

¹ Cúng dường bố thí cho người có đạo hạnh, phước đức càng lớn thì được quả báo càng lớn hơn so với bố thí cho những người phạm tục. Vì thế các bậc tỷ-kheo đạo hạnh cho đến những vị chúng thánh quả được xem là phước điền, nghĩa là mảnh ruộng để chúng sinh gieo trồng phước đức.

có thể gọi là đáng quý. Còn như thuyết nhân quả đó thì đâu có liên quan gì đến việc đời hay lòng người?

Đáp: Lý nhân quả cũng chính là đạo của thánh hiền đó thôi. Kinh Thư nói rằng: “Người làm việc thiện, ban xuống điều lành; người làm việc ác, ban xuống tai ương.” Làm việc thiện hay làm việc ác, đó là *nhân*; ban xuống điều lành hay ban xuống tai ương, đó là *quả*.

Kinh Dịch thì gọi là lành, dữ (cát hung), tiêu mất hay tăng trưởng (tiêu trưởng); thiên Hồng phạm [trong Kinh Thư] thì gọi là năm phước lành (ngũ phúc), sáu khổ nạn (lục cực), thiên Vô dật [trong Kinh Thư] thì gọi là sống lâu (thọ) hay chết sớm (yểu), trong Phật giáo gọi là nhân quả, thật ra cũng chỉ là cùng một nguyên lý mà thôi.

Chúng sinh thời suy mạt thường buông thả làm theo các nghiệp xấu ác, không sợ luật pháp, không quan tâm đến liêm sỉ, nhưng cũng có lúc đêm khuya thanh vắng chợt suy nghĩ lại, trong lòng thấp thỏm lo sợ [về lẽ nhân quả] mà không dám làm chuyện xấu ác nữa, chỉ vì sợ rằng sau khi chết sẽ phải chịu quả báo.

Ôi, từ khi có Phật pháp đến nay, thật không thể biết đã có biết bao nhiêu kẻ loạn thần tặc tử [vì nghĩ đến nhân quả mà] run sợ trong lòng, biết bao nhiêu người gian ác hiểm độc [cũng vì nghĩ đến nhân quả mà] khiếp đảm. Như vậy, thuyết nhân quả không thể cho là không có công đóng góp cùng Nho giáo, giúp ích thêm cho giềng mối pháp luật.

Nếu cho rằng việc thiện việc ác đều không có quả báo, sau khi chết không có chuyện phải thọ nhận hình phạt, ắt người đời chẳng có việc gì phải né tránh kiêng sợ. Quan điểm như thế ắt cho rằng có nỗ lực làm thánh làm hiền cũng chỉ uống công tự khổ nhọc, mà kẻ chống lại người trên, làm loạn quy củ hóa ra lại là được việc. Như vậy làm sao người trong thiên hạ lại không về hòa theo những kẻ phản loạn? Tuy nhiên,

người đời nay bàn luận đến đạo lý thánh hiền liền cho rằng không đề cập đến nhân quả mới là cao siêu, ý muốn khác biệt hoàn toàn với Đạo giáo và Phật giáo. Những kẻ như thế chỉ là tham muốn hư danh, kỳ thật đối với đạo lớn của thánh hiền thì dù nằm mơ cũng chưa thấy được chút gì.

Đời Tấn, vào niên hiệu Vĩnh Gia năm thứ tư,¹ cao tăng Ấn Độ là ngài Phật Đồ Trưng đến Lạc Dương, thấy Thạch Lặc² là người hiếu sát nên tìm đến muốn giáo hóa. Thạch Lặc hỏi: “Đạo Phật có những gì linh nghiệm?” Ngài biết Thạch Lặc chưa hiểu gì về giáo lý đạo Phật nên trước hết liền hiển lộ thần thông để nhiếp phục. Ngài cầm trên tay một bát nước, đốt hương niệm chú giây lát liền bỗng nhiên hóa sinh trong bát một đóa hoa sen xanh. Thạch Lặc nhân đó tin phục. Từ đó, mỗi khi có người bị tội chết, ngài liền đem việc nhân quả báo ứng mà giảng bày cho Thạch Lặc, nhờ đó có rất nhiều người được cứu thoát.³

Lại như vào thời Nam Bắc triều, Chu Ngung thấy Minh Đế⁴ của nhà Lưu Tống thường giết hại nhiều người tàn nhẫn nhưng không dám trực tiếp khuyên can, liền tụng đọc các đoạn kinh nói về tội phúc, nhân duyên cho ông ta nghe. Minh Đế nghe qua rồi có sự thay đổi hồi cải.⁵

Ôi, không dùng phần thưởng mà khuyến khích được người, không nổi giận mà vẫn đầy uy vũ, giúp người dân tự nhiên mỗi ngày hướng về điều thiện mà không cần biết do ai dẫn dắt. Đó là những điều tôi thấy được khi nhìn vào Giáo pháp của đức Như Lai.

¹ Tức là năm 310, đời Tấn Hoài Đế.

² Thạch Lặc (274-333): vị vua sáng lập nhà Hậu Triệu. Ông gốc người Yết, một dân tộc ít người. Tuy xuất thân là nô lệ hèn kém, thất học, nhưng ông có tài vũ dũng, gặp thời loạn lạc nên nhờ chinh chiến mà giành được quyền lực. Ông lập nên nhà Hậu Triệu và cầm quyền cai trị trong 15 năm, xây dựng đất nước hùng mạnh. Ông bị bệnh mất năm 333, thọ 60 tuổi.

³ Chuyện này trích từ sách Tấn thư.

⁴ Tức Lưu Úc (439-472), lên ngôi từ năm 465.

⁵ Chuyện này trích từ sách Nam sử.

Những mối nghi về sự hiện hữu của ba đường ác¹

Hỏi: Con người là giống tối linh trong muôn vật, thế nhưng chuyện đền ơn trả oán vẫn thường điên đảo mơ hồ, huống chi loài súc sinh hết sức ngu si, sao có thể biết báo oán trả ơn [một cách chính xác] được?

Đáp: Trong sự đền ơn báo oán, có những chuyện có thể suy xét mà biết, cũng có những chuyện không thể suy xét mà biết được.

Những ân oán mà mình biết để báo đáp, đó là trường hợp có thể suy xét mà biết được. Lại có những trường hợp người làm ơn mà mình không hề biết, nhưng do duyên lành đời trước như thế nên ngày nay vừa gặp nhau đã thấy hoan hỷ vui mừng; hoặc người có oán cừu mà mình không hề biết, nhưng do duyên xấu ác trong quá khứ nên ngày nay vừa gặp nhau đã tự nhiên sinh lòng giận ghét. Đó là những trường hợp không thể suy xét mà biết được.

Cho nên, nói chung thì nghiệp giết hại có quả báo nhanh chậm khác nhau, một khi nghiệp duyên đã đến thì bất luận là trời, người hay quỷ thần cũng đều không thể trốn tránh. Lấy ví dụ, nếu như người gây nghiệp giết hại rồi tương lai sinh làm người, kẻ bị giết hại lại sinh vào loài súc sinh, ắt sẽ có những việc như rắn mổ, chó cắn, cọp vồ... Nếu người giết hại sinh làm người, kẻ bị giết hại lại sinh làm quỷ thần, ắt sẽ có những việc như dịch lệ, bắt hồn, chết bất đắc kỳ tử, chết yếu... Nếu người giết hại sinh làm người, kẻ bị giết hại sinh lên cõi trời, ắt sẽ có những việc như tai ương, tật bệnh, bạo tử... Nếu người giết hại sinh làm dân thường, kẻ bị giết hại lại sinh làm quan lại, ắt sẽ có những việc như lao ngục, gông cùm, khép tội chết oan uổng... Nếu người giết hại sinh làm quân lính, kẻ bị giết hại sinh làm quan binh, võ tướng, ắt sẽ có những chuyện như đao thương

¹ Phần này có 4 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

giao đấu, đạn lạc tên bay, bỏ mạng sa trường... Nếu người giết hại sinh lên cõi trời, kẻ bị giết hại sinh vào loài a-tu-la, hoặc ngược lại, ắt sẽ có những chuyện như núi lay biển động, chiến đấu không ngừng...

Người đời mỗi khi gặp phải tai ương hoạn nạn thì lập tức oán trời trách người, không biết rằng mỗi việc như thế đều có nguyên do, chẳng phải tự nhiên mà đến.

Hỏi: Thuyết địa ngục chẳng qua cũng chỉ để khuyên người tránh ác làm thiện mà thôi, lẽ nào lại là có thật?

Đáp: Cõi dương gian cũng có lao ngục, vì sao riêng ở cõi âm lại không có? Đức Phật tuy khuyên người làm thiện nhưng lẽ nào [vì thế mà] nói dối, lừa gạt người sao? Ông Vương Long Thu¹ có nói rằng: “Người đời nói dối có hai nguyên do, một là để tranh lấy điều lợi, hai là để tránh né điều hại. Đức Phật xem địa vị của vua trời Đế Thích như chiếc giày rách, xem vàng ngọc châu báu như gạch ngói đá sỏi, thế thì có điều lợi nào để tranh lấy? Phật xem đao kiếm cắt xẻo thân thể chỉ như vẽ vào hư không, lửa dữ thiêu đốt thân hình chỉ như thiêu đốt hình ảnh, thế thì có điều hại nào phải tránh né? Cho nên, không chỉ là Phật không nói dối, mà là chẳng cần phải nói dối để làm gì cả.”

Thuở xưa, trong vô số kiếp về trước, đức Thế Tôn từng ở nơi thế giới này làm vị Thiên vương cõi trời Đao-lợi, tên là Thiện Nhật Quang Minh,² còn thế giới này lúc ấy tên là San Hô Trì. Khi ấy, đức Thiên Vương nhìn xuống cõi Diêm-phù-đề³ thấy người người đều ưa thích việc giết hại, liền hiện xuống hóa hình làm quỷ dạ-xoa, đến chỗ con người đòi hỏi thức ăn. Mọi người

¹ Túc Cư sĩ Vương Nhật Hưu, hiệu Long Thu, sống vào đời Nam Tống.

² Trích từ Kinh Bi Hoa, quyển 10, được xếp vào Đại Chánh, thuộc Tập 3, kinh số 157. Câu chuyện này bắt đầu từ dòng thứ 17, trang 229, tờ a. Tên vị Thiên vương này là Thiện Nhật Quang Minh, nhưng An Sỹ toàn thư chép là Thiện Nhật Quang. Chúng tôi căn cứ vào kinh văn để điều chỉnh.

³ Theo kinh văn thì tiên thân đức Thế Tôn khi ấy từ cung trời nhìn thấy người ở cõi Diêm-phù-đề ưa thích giết hại nên mới hiện xuống giáo hóa. An Sỹ toàn thư chỉ chép là “khắp cõi thế gian đều ưa thích giết hại” (cử thế hiếu sát). Chúng tôi căn cứ vào kinh văn để điều chỉnh.

đều kinh hãi, liền hỏi muốn ăn gì, quý dạ-xoa đáp: “Ta chỉ ăn thịt những kẻ giết hại thôi.” Rồi ngài đến những nơi lò mổ sát sinh, biến hóa ra các hình nhân trông như thật, xé xác mà ăn. Mọi người thấy thế đều kinh sợ, tất cả đều xin giữ giới không giết hại nữa.

Qua câu chuyện ấy, đức Phật có dạy rằng: “Ta tuy hóa độ được vô số chúng sinh bằng cách ấy, nhưng do quả báo của việc nói dối và đe dọa chúng sinh nên khi ta ngồi dưới cội Bồ-đề sắp thành quả Phật thì bị thiên ma Ba-tuần cùng với chúng ma kéo đến khủng bố, muốn cho ta rối loạn mà không thể chứng đạo Bồ-đề.”¹

Theo chuyện này mà xét thì biết đức Phật không hề nói dối về chuyện có cảnh giới địa ngục.

Hỏi: Thuyết nói về địa ngục hẳn là [hàm ý chỉ đến những nỗi khổ] ngay trong cõi dương gian này đó thôi. Như kẻ đói thiếu khốn cùng phải đi xin ăn, cơm không đủ no, áo không đủ mặc, ấy chính là cảnh giới nạ quý. Như kẻ bị giam nơi tù ngục, gông cùm xiềng xích quanh thân, đó chính là địa ngục. Còn như núi đao rừng kiếm, chẳng phải chính là [cái khổ mà] những con vật bị mang ra giết mổ phải chịu đó sao? Vạc dầu sôi, lò lửa nóng, chẳng phải chính là [cái khổ mà] những con vật bị nấu nướng chiên xào phải chịu đó sao?

Đáp: Nói như thế nghe qua tưởng chừng như đúng, nhưng thật ra không phải vậy. Nếu nói ở cõi dương gian này có cảnh khổ như địa ngục thì cũng đúng, nhưng nếu nói cảnh giới địa ngục chỉ có ở cõi dương gian này thôi thì không đúng.

Ví như những kẻ quá thấp hèn ngu si, người đời thường ví như súc sinh, nhưng lẽ nào vì thế mà cho rằng hạng người ấy

¹ Trích từ kinh Đại Bi Liên Hoa. (Chú giải của soạn giả) Túc kinh Bi Hoa như vừa dẫn trên. An Sỹ toàn thư chỉ lược kể chứ không trích dẫn nguyên văn kinh. Tuy nhiên, có một vài chi tiết sai lệch nên chúng tôi đã căn cứ theo kinh văn để điều chỉnh.

chính là súc sinh, rồi phủ nhận rằng không có súc sinh thật vốn là những loài mang lòng đội sừng?

Thuở xưa Tư Mã Ôn Công có lần giảng giải kệ thiên, nói rằng “người quân tử thanh thản an nhiên, đó là thiên đường, kẻ tiểu nhân thường buồn lo đau khổ, ấy là địa ngục”. Đại sư Liên Trì hết sức quở trách cách hiểu này, cho rằng nói như vậy thì hàm ý sâu xa sẽ đi đến chỗ bác bỏ nhân quả. Nếu điều ông nói đó mà đúng, ắt những điều truyền lại trong Kinh điển đều là dối trá cả sao?

Hỏi: [Vậy cứ xem như] địa ngục ắt là có thật, nhưng chỉ thấy ghi trong các sách vở khác mà không có trong sách vở của Nho gia, nên người học Nho hẳn là không nên đề cập đến?

Đáp: Nếu miệng tránh không muốn nói đến địa ngục, sao bằng trước hết giữ thân tránh không cho rơi vào địa ngục? Nếu hiểu được con đường tránh xa địa ngục thì khi gặp người khác có khuyên bảo, khuyến khích cũng là điều tốt. Bằng như không hiểu được, thì dù ngậm miệng không nhắc đến địa ngục, liệu có ích lợi gì chẳng?

*Những mối nghi về ăn chay, không ăn thịt*¹

Hỏi: Giết hại vật mạng đương nhiên là có tội nặng, còn như việc ăn thịt dường như không có tội, nhưng kinh Phật dạy rằng người ăn thịt ắt phải chịu quả báo xấu ác, thế thì luật pháp ở cõi âm ty có phải là quá mức khắc nghiệt chẳng?

Đáp: Không chỉ là ở cõi âm ty, mà luật pháp ở cõi dương gian này cũng giống như thế mà thôi. Người giết hại vật mạng cũng ví như kẻ cướp, còn người ăn thịt cũng giống như kẻ tòng phạm chứa chấp tang vật, che giấu tội phạm, tội lỗi có khác nhau là mấy?

¹ Phần này có 8 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

Đức Thế Tôn từng nói với Bồ Tát Đại Tuệ rằng: “Có vô số lý do để chúng sinh không nên ăn thịt. Hết thảy chúng sinh [luân chuyển trong chốn luân hồi] nên thường thay đổi qua lại làm cha mẹ, quyến thuộc của nhau. Chúng sinh nếu nghĩ tưởng đến cha mẹ thân quyến của mình thì không nên ăn thịt. Máu thịt vốn là nhơ nhớp không sạch, vì thế không nên ăn thịt. Người ăn thịt luôn bị chư thiên cõi trời chán ghét xa lánh, [không được sự hộ trì giúp đỡ,] vì thế không nên ăn thịt. Ăn thịt làm cho hơi thở hôi hám, vì thế không nên ăn thịt. Người ăn thịt trong giấc ngủ thường bị nhiều ác mộng, vì thế không nên ăn thịt. Người ăn thịt khi đi vào chốn rừng núi, các loài hổ báo có thể ngửi mùi [tìm đến hại mạng], vì thế không nên ăn thịt. Nếu nói rằng ta cho phép [các đệ tử] ăn thịt, thật không thể có chuyện đó.”¹

Hỏi: Việc ăn mặc hưởng thụ đời này đều do kết quả việc làm từ đời trước, nên người tạo nhiều phước đức ắt sẽ được hưởng thụ nhiều. Xem thế thì biết những người ăn chay [không hưởng thụ được bao nhiêu,] ắt là phước đức rất mỏng manh ít ỏi?

Đáp: [Đối với các món rượu thịt mà nói], được thụ hưởng ấy là người có lộc, nhưng không hưởng thụ mới chính là phước lớn. Nên người ăn chay giữ giới không giết hại, phải thấy rằng phước đức của họ rất sâu dày. Nếu như cho rằng được ăn vào miệng gọi là có phước, thì như con gà ăn con rết, chim khách mổ nuốt giun đất, [lúc nào cũng sẵn có món ăn,] so ra con người thật kém phước hơn những con vật ấy hay sao?

Hỏi: Nay tin những lời ông nói, ắt phải khuyên người ăn chay thôi. Nhưng xin hỏi Khổng tử xưa kia có ăn chay hay không?

Đáp: Khổng tử thật có ăn chay. Kinh Thư nói: “*Khi ăn chay*

¹ Trích từ kinh Lăng-già. (Chú giải của soạn giả) Nội dung tương tự được tìm thấy trong kinh Đại thừa Nhập Lăng-già (大乘入楞伽經), quyển 6. (Đại Chánh tạng, Tập 16, kinh số 672, trang 623, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 3). Tuy nhiên, căn cứ theo câu chữ được trích dẫn thì An Sỹ toàn thư thật ra đã dẫn lại nội dung này từ Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo Kinh Hội dịch (楞伽阿跋多羅寶經會譯), quyển 4. (Van tân toàn Tục tạng kinh, Tập 1, kinh số 8, trang 347, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 15.) Chúng tôi đã căn cứ theo kinh văn ở đây để điều chỉnh một vài chi tiết cho chuẩn xác hơn.

nhất định phải dùng thức ăn thanh khiết khác với bình thường.”¹ Khổng tử rất thận trọng trong việc giữ gìn trai giới. Sách Lễ Ký có nói: “Trai giới thành tựu từ trong nội tâm, biểu hiện ra thành hình thức bên ngoài.” Như vậy, sách vở Nho gia nói về điều này rất rõ ràng, có thể tự khảo chứng. [Khổng tử còn nói rằng] người giữ gìn trai giới thanh tịnh thì sau đó mới có thể giao cảm với thần minh, còn người ăn thịt thì tâm trí mê muội hôn ám, có thể thấy rõ.

Người đời nay hết thảy mọi việc làm đều hoàn toàn không được như Khổng tử, nhưng khi không muốn ăn chay thì viện dẫn rằng Khổng tử không ăn chay, lẽ nào lại muốn dùng việc ăn thịt để bước vào cửa thánh được sao?

Hỏi: Bậc Nho gia ứng xử ở đời tất yếu phải đặt chí hướng của mình nơi lý tưởng cao xa rộng lớn, nếu chỉ cố chấp vào việc không uống rượu ăn thịt, thì có khác biệt gì so với hạng phàm ngu nam nữ ở đời?

Đáp: Hạng nam nữ phàm ngu ở đời, trong mười người ắt khó tìm được một vài người biết ăn chay giữ giới, mà những kẻ ăn thịt thì đầy đầy khắp chốn, làm sao có thể nói rằng chỉ những người ăn chay mới là phàm ngu, còn những kẻ ăn thịt không phải phàm ngu chẳng? Xin thử hỏi từ xưa đến nay, trong số những kẻ đại gian đại ác, có thấy người nào ăn chay hay chẳng? Quả thật không có. Vậy lại xin hỏi, trong số những kẻ cầm dao giết mổ, cho đến những phường vô lại đó đây nơi phố chợ, có thấy người nào ăn chay hay chẳng? Quả thật cũng không. Như thế thì nhân phẩm của người ăn chay là như thế nào, tướng cũng đã thấy được quá rõ rồi.

Hỏi: Ăn chay giữ giới là hiền thiện, nay tôi đã rõ, nhưng

¹ Thật ra câu này xuất hiện trong sách Luận ngữ, chương Hương đảng, tiết thứ 7, nguyên văn là: “齊必變食，居必遷坐。 - Trai tất biến thực, cư tất thiên tọa.” (Giữ trai nhất định thay đổi thức ăn, chỗ ở cũng đổi sang nơi khác.) Ở đây ngụ ý là ăn những thức rau củ, chay lạt khác với bình thường, và sống tĩnh lặng trong một căn phòng riêng, không quan hệ như thường ngày với vợ con.

người ăn chay hình dung thường tiêu tụy khô héo, như vậy biết làm sao?

Đáp: Thân chân thật mới là quan trọng, còn thân xác giả tạm này không cần xem nặng.

Hỏi: Năm món gia vị cay nồng cũng là từ đất sinh ra, vì sao cũng kiêng cử không ăn?

Đáp: Đó là vì mùi vị hôi hám, cay nồng, có thể làm chướng ngại việc tu đạo Bồ-đề. Người ăn các món ấy thì chư thiên cõi trời ghét bỏ lánh xa. Lại nữa, các món ấy nếu ăn chín thì kích thích tăng thêm sự dâm dục, nếu ăn sống thì làm tăng thêm sự sân hận nóng nảy. Người ăn các món ấy thì tà ma, ngạ quỷ người mùi thường kéo đến, thè lưỡi liếm môi người ấy. Vì những lý do ấy mà không nên ăn.

Hỏi: Có người nói rằng, tuy tôi không ăn chay, vẫn còn hơn những người ăn chay mà phá giới. Lại có người khác nói ngược lại rằng, tôi tuy ăn chay mà phá giới, vẫn còn hơn những người hoàn toàn không ăn chay. Xin phân biệt sự hơn kém thế nào trong những trường hợp ấy?

Đáp: Việc ấy cũng tương tự như trên con đường công danh quan tước. Người không ăn chay ví như kẻ chưa từng được nhận quan tước. Người ăn chay rồi phá giới, cũng giống như kẻ nhận được quan tước rồi sau đó bị truất phế. Nếu vừa ăn chay đã phá giới, cũng giống như kẻ vừa được bổ nhiệm chức quan đã bị cách chức đuổi về ngay, còn ăn chay lâu rồi mới phá giới, cũng giống như người nắm quyền hạn đã lâu, nay bị tước bỏ phải quay về vườn ruộng.

Hỏi: Chúng tôi cũng rất muốn ăn chay, chỉ có điều món ngon vị ngọt bày ra trước mắt thật khó kiềm chế, vậy biết phải làm sao?

Đáp: Nên dùng phép quán “năm điều bất tịnh” thì nhất định có thể tự chế được. Những gì là năm điều?

Thứ nhất là quán xét chủng loại bất tịnh. Các món cá thịt đều là máu thịt của chúng sinh nên không hề sạch sẽ, thấy đều như nhớp bất tịnh.

Thứ hai là quán xét những món mà súc vật ăn vào đều bất tịnh. Món ăn của các loài dê, lợn... không gì khác hơn là cám, bã rượu, đồ như nhớp. Vậy thì máu thịt của chúng làm sao có thể không như nhớp?

Thứ ba là quán xét chỗ ở của chúng thật bất tịnh. Những con vật ấy ở trong chuồng trại hôi hám, đại tiểu tiện cùng chung một chỗ, thật vô cùng như nhớp, bất tịnh.

Thứ tư là quán xét trong ruột gan của chúng bất tịnh. Bên trong thân thể chúng chỉ cần nhìn kỹ sẽ thấy toàn những thứ ô uế bất tịnh như máu mủ, phần dơ, nước tiểu, đờm dãi...

Thứ năm là quán xét sự bất tịnh sau khi chết của những con vật ấy. Vì sau khi chúng bị giết chết đi rồi thì thân xác bắt đầu phân rã thối nát, so với xác người chết cũng không có gì khác, thật là như nhớp bất tịnh.

Quán xét năm điều bất tịnh như thế thì không còn thấy tham muốn những món thịt cá nữa, mà sẽ thấy việc ăn chay thanh khiết là nên làm.

Những mối nghi rằng đạo Phật khó tin nhận¹

Hỏi: Ông bàn luận về đạo lý không nên giết hại, thường trích dẫn kinh Phật, xem ra giáo lý đạo Phật là rất đáng tin cậy. Nhưng [theo sử sách chép lại thì vào thời Đông Hán] Sở Vương Anh² hết sức tín phụng Phật pháp, sao lại bị tội cho đến phải

¹ Phần này có 5 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

² Sở Vương Anh: tức Lưu Anh, là anh em khác mẹ với Hán Minh Đế, được phong làm Sở vương ở đất Bành Thành (nay là Từ Châu thuộc tỉnh Giang Tô). Theo truyện Sở Vương Anh được chép trong Hậu Hán thư thì vào niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 8 (tức năm 65), ông từng dâng lên 30 cây vải lụa để chuộc tội, nhưng Hán Minh Đế ban chiếu thư khen ngợi ông là người biết “sùng kính đạo Lão, học theo đức nhân từ của Phật”, liền trả hết số lụa ấy cho ông để cúng dường Tam bảo. Các nhà nghiên cứu thường

mang họa?

Đáp: Sở vương gặp tai họa,¹ chính là vì không làm theo Phật pháp. Người đã đem tâm hướng theo cửa Phật thì phải cung kính làm theo lời Phật dạy. Đức Phật đối với người làm con dạy đạo hiếu thuận, đối với kẻ bề tôi dạy nét trung lương, những thánh giáo ấy đều được ghi chép rõ ràng trong kinh luận. Sở vương là người đã kính tin Phật pháp còn trái nghịch mưu tính chuyện phản loạn, nên đối với Phật pháp thì ông là kẻ có tội, lại còn mong có được sự gia hộ giúp đỡ từ Phật pháp được sao? Lời nói không hợp đạo lý, người quân tử còn không chấp nhận nói ra, huống chi đức Phật là bậc cao quý nhất trong chư thiên, là bậc đại thánh trong tất cả các thánh, lẽ nào có thể có lòng riêng tư với kẻ phản nghịch?² Những kẻ thiển cận muốn dựa vào việc này để hủy báng Phật pháp, quả thật là kiến thức vô cùng nông cạn, nhỏ hẹp.

Hỏi: Sở Vương Anh gặp tai họa, nay đã được nghe lời giải thích của ông. Nhưng còn trường hợp Lương Vũ Đế kính phụng Phật pháp, cuối cùng vẫn phải chết đói ở Đài thành thì sao?

Đáp: Chuyện Lương Vũ Đế chết đói ở Đài thành chỉ là thuyết của bọn hủ nho thiển cận. Nay khảo cứu trong sách Thông giám,³ thấy chép việc Hầu Cảnh vây đánh Đài thành, nhìn thấy

dựa trên câu chuyện này để chứng minh rằng từ thế kỷ I, nghĩa là còn rất sớm, đạo Phật đã chiếm được vị trí quan trọng trong tầng lớp cai trị tại Trung Hoa.

¹ Hán Minh Đế vốn là con trai thứ tư của Hán Quang Vũ Đế được lập làm thái tử nên nhiều người không phục. Sau khi lên ngôi, ông âm thầm muốn củng cố quyền lực, thanh trừng những người chống đối. Khoảng năm 70, có người vu cáo Sở vương Lưu Anh mưu phản. Minh Đế tuy biết Sở vương bị vu oan, nhưng muốn nhân cơ hội này để tiêu diệt những người bị nghi ngờ là có ý chống đối ông nên biến vụ này thành một án lớn, liên quan đến hàng ngàn người.

² Theo những lời này của tiên sinh An Sỹ thì có lẽ ông tin rằng Sở vương Lưu Anh thực sự mưu phản. Tuy nhiên, hầu hết các sử gia ngày nay đều đồng ý xem đây là một vụ án oan, và Lưu Anh chỉ là cái cơ để Hán Minh Đế dựa vào đó mà làm cuộc thanh trừng củng cố quyền lực.

³ Tức là sách Tư trị thông giám (資治通鑒), một bộ sử rất lớn do Tư Mã Quang chủ trì việc biên soạn vào đời Tống, hoàn tất vào năm 1084. Bộ sách trình bày khái quát một thời kỳ lịch sử dài 1.362 năm, từ năm 403 trước Công nguyên (thời Chiến quốc) đến năm 959 (hết thời Hậu Chu). Toàn bộ tác phẩm có 294 quyển, khoảng 3 triệu chữ, ngoài ra còn có 30 quyển mục lục, 30 quyển khảo dị (khảo sát những điểm giống nhau và khác nhau).

Lương Vũ Đế tại Thái cực Đông cung, thân sắc không hề thay đổi, Hậu Cảnh sợ không dám nhìn lên, quay lại nói với Vương Tăng Quý: “Có câu rằng ‘uy trời thật khó phạm vào’, ta không dám đến nhìn lần nữa.” Sau đó, mỗi khi Vũ Đế yêu cầu điều gì, phần lớn đều không được đáp ứng, món ăn thức uống cũng bị Hậu Cảnh hạn chế cắt giảm. Vương Luân dâng lên mấy trăm quả trứng gà. Vũ Đế thấy đấng miêng bảo dâng mật ong, cuối cùng không có, Vũ Đế mấy lần bật ra tiếng kêu “hà hà” rồi chết.

[Nay phân tích những dòng chép lại trong sử thì có thể biết.] Nói vua đấng miêng, ắt biết rằng không thể bụng trống; nói vua đòi mật ong, ắt có thể biết vua không bị đói; nói rằng món ăn thức uống bị hạn chế, ắt có thể biết là không phải hoàn toàn không có. Thức ăn trong nhà của bậc đế vương, cho dù chỉ cơm thừa canh cặn cũng có thể đủ cho nhiều người ăn no, lẽ nào lại giống như thân phận nô tỳ vừa cắt giảm thức ăn đã rơi ngay vào cảnh chết đói? Trứng gà đến mấy trăm quả, ắt còn những thứ khác số lượng không ít. Hơn nữa, còn có đến mấy trăm quả trứng gà thì làm sao có thể chết đói?

Than ôi, thiên hạ xưa nay những kẻ xưng là trượng phu nam tử vẫn tin theo thuyết ấy, số lượng rất nhiều, nhưng chỉ mới xem qua một đoạn văn trong sử sách thôi, đã thấy rằng bọn họ hoàn toàn không có sự phân tích sáng suốt, nhằm lẫn lộn lấy tai làm mắt, hướng chỉ là đối với những kinh văn mang ý nghĩa thâm sâu uyên áo khác?

Hỏi: Người đời sau khi luận về cuộc đời Lương Vũ Đế đều cho rằng việc ông ta xả thân [vào chùa] cũng là xả bỏ cả thiên hạ.¹ Tôi cho rằng việc ấy là không thể chấp nhận được.

Đáp: Từ xưa đến nay, từ kẻ phạm ngu cho đến bậc thánh hiền,

¹ Vào năm 527, Lương Vũ Đế lần đầu tiên đến “xả thân” tại chùa Đông Thái ở kinh thành Kiến Khang, nghĩa là vào ở hẳn trong chùa sống như một vị tỳ-kheo, buông bỏ hết mọi việc triều chính cũng như gia đình. Sau đó, các quan trong triều đến chùa xin đón vua về, ông yêu cầu phải nộp tiền “chuyện thân” cho nhà chùa. Trong cuộc đời mình, Lương Vũ Đế còn tiếp tục xả thân vào chùa nhiều lần sau đó nữa.

chưa từng có ai là không xả bỏ thân mạng:

*Ba tấc hơi còn, muôn việc tính,
Một phút vô thường, vạn sự thôi.*

Người đời sau tuy cười chê việc Vũ Đế xả thân, nhưng thật không biết rằng chính tấm thân của mình đây từ lâu cũng đã xả bỏ. Như bản thân ông, hôm nay hết sức cho rằng việc xả thân của Vũ Đế là sai lầm, thật không biết rằng trong tương lai cũng nhất định có một ngày rồi ông cũng phải xả thân mà thôi. Kẻ hủy báng Phật thì xả thân trong địa ngục, kẻ hủy báng Chánh pháp thì xả thân trong cảnh giới nạ quý, kẻ hủy báng Tăng-già thì xả thân trong các loài súc sinh, chỉ e lúc ấy dù muốn được xả thân nơi chùa Đồng Thái [như Võ Đế] cũng không thể được.

Căn cứ theo các sách Cựu giám, Tăng sử, Kim thang biên,¹ đều thấy chép rằng, vào năm đầu niên hiệu Đại Thông,² sau khi xây dựng vừa hoàn thành chùa Đồng Thái, Lương Võ Đế đích thân đến chùa xả thân vào ở trong chùa ba ngày, các quan lớn nhỏ trong triều đều tùy ý thí xả tiền bạc, cúng dường vào chùa. Đến năm đầu niên hiệu Trung Đại Thông,³ Võ Đế lại đích thân đến chùa Đồng Thái, vì đại chúng giảng giải đề kinh Đại Bát Niết-bàn, lần này không phải là vua đến xả thân. Người đời cho rằng Võ Đế ba lần xả thân, điều đó sai lầm, lại còn thêm vào mấy chữ “làm nô dịch”, lại cho rằng quần thần phải mang nhiều tiền đến chuộc vua ra khỏi chùa, thật không khỏi rơi vào chỗ văn chương thêm thắt, lệch lạc hủy báng.

Than ôi, vào thời đức Khổng tử mà kẻ chép sử đã không có người hoàn toàn trung thực, làm sao có thể mong đợi những sử quan của thời suy mạt lại không tùy theo lòng dạ người đời mà khen chê thêm bớt?

¹ Tức sách Phật Pháp Kim Thang Biên (佛法金湯編) do Tâm Thái soạn vào đời Minh, được xếp vào Vạn tân toàn Tục tạng kinh, Tập 87, kinh số 1628, tổng cộng có 16 quyển.

² Tức là năm 527.

³ Tức là năm 529.

Hỏi: Về việc Lương Võ Đế chết đói, hẳn là sai lầm, nay tôi đã hiểu rõ ràng không nghi ngờ nữa, nhưng [trong kinh dạy rằng] chư Phật, Bồ Tát đều lắng nghe âm thanh kêu cứu của chúng sinh mà cứu khổ, Lương Võ Đế xả thân kính phụng Phật pháp, vì sao khi gặp nạn lại không được cứu?

Đáp: Việc buông xả quan trọng là ở trong tâm, chẳng phải ở ngoài thân. Lương Võ Đế tuy thật có xả thân nhưng trong tâm chưa thật buông xả. Nếu trong tâm hoàn toàn buông xả, ắt có thể vất bỏ thiên hạ như chiếc giày rách, sao lại có việc đến tuổi già còn chiêu nạp Hầu Cảnh, mưu việc giành lấy Trung Nguyên? Cho nên có thể biết rằng, ba ngày xả thân của Võ Đế chưa hẳn đã không khởi rơi vào ý niệm mong cầu phước báo, chẳng phải hoàn toàn là tâm xuất thế. Tuy nhiên, bao nhiêu việc làm của ông ta như xây chùa, chép kinh, tạo mọi công đức cũng không phải là vô ích. Vì thế mà tuy gặp phải kẻ phản nghịch [là Hầu Cảnh] nhưng vẫn qua đời khi tuổi thọ đã cao, cũng không thể nói là không nhờ có phước báu. Vào thời Xuân Thu, những kẻ căm ghét Khổng tử không ai hơn Đạo Chích, Hoàn Đồi, nhưng hai kẻ ấy một người thì sống thọ, một người thì làm quan đến chức Tư mã; còn những người cung kính tin theo Khổng tử, không ai được như Nhan Uyên,¹ Nhiễm Bá Ngưu, Tử Lộ, nhưng ba người ấy kẻ thì đoán mệnh,² người mang bệnh ngặt nghèo, kẻ lại chịu nhục hình bãm xác.³ Những việc như thế phải giải thích thế nào?

Định nghiệp [là nghiệp báo đã tạo thành nghiệp xác định,] ắt khó thay đổi, trong nhiều kinh điển đều có nói rất rõ.⁴ Chuyện biến loạn ở Đài thành [chính là định nghiệp,] không thể nghi ngờ gì. Khi

¹ Túc Nhan Hối, người được Khổng tử hết sức ngợi khen và được đời sau tôn xưng là Á thánh.

² Túc Nhan Hối, qua đời ở tuổi 31.

³ Chỉ việc Tử Lộ bị hại chết rất thê thảm.

⁴ Kinh Đại Bát Niết-bàn phân biệt hai loại nghiệp báo là định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp là nghiệp báo đã có đủ các yếu tố nhân duyên xác định cụ thể, nên nhất thiết xảy ra như thế, không thể thay đổi. Bất định nghiệp là loại nghiệp báo tuy sẽ xảy ra nhưng còn tùy thuộc các yếu tố nhân duyên tác động, và do đó người thọ nghiệp vẫn có thể nỗ lực để làm thay đổi theo hướng tốt hơn.

thiền sư Chí Công sắp thị tịch, vào cung từ biệt Võ Đế. Vua kinh hãi, nhân đó thưa hỏi về việc vận nước dài ngắn thế nào. Thiền sư không đáp, chỉ đưa tay chỉ vào cuống họng và cổ,¹ ý muốn ám chỉ đến Hầu Cảnh. Nhưng Võ Đế không hiểu, lại hỏi nữa, thiền sư liền nói: “Khi tháp của lão tăng hư hoại thì xã tắc của bệ hạ cũng sẽ diệt mất.”

Thiền sư viên tịch, Võ Đế vì ngài xây tháp thờ ở Chung Sơn. Khi đã hoàn tất, vua chợt nghĩ: “Tháp bằng gỗ làm sao có thể lâu bền?” Liền ban lệnh phá tháp ra xây lại bằng đá. Tháp vừa bị phá xong [chưa kịp xây lại] thì quân Hầu Cảnh cũng vừa đến.² Ấy là sự việc đã xác định phải xảy ra như thế [nên thiền sư Chí Công mới có thể biết mà nói trước].

Hỏi: Chúng ta học Nho, học thuộc kinh thư, làm theo Khổng tử, phải xem việc bài trừ mê tín dị đoan là nhiệm vụ của mình, nay ông ngược lại muốn biện giải bênh vực cho những việc như thế là sao?

Đáp: Ông nói thế thật chưa hiểu thế nào là dị đoan. [Chữ đoan (端) là đầu mối xuất phát, là căn bản của sự việc, chữ dị (異) là khác biệt, cho nên] nói dị đoan (異端) là chỉ những điều mà căn bản xuất phát khác hẳn với lời dạy của thánh nhân. Chẳng hạn như lòng trắc ẩn là căn bản của đức nhân, nên không có lòng trắc ẩn tức là dị đoan; biết hổ thẹn với điều xấu ác là căn bản của nghĩa, nên không biết hổ thẹn chính là dị đoan; tâm của bậc thánh nhân không có bốn điều: *ý, tất, cố, ngã*,³ nếu có những điều này tức là dị đoan; [Khổng tử lại có nói rằng:] “Đạo của ta chỉ một mối mà suốt thông tất cả”, nếu không phải “một mối suốt thông”, ắt là dị đoan.

¹ Trong chữ Hán, cuống họng là hầu (喉) và cổ là cảnh (頸), chính là thiền sư muốn mượn âm đọc giống nhau để chỉ tên Hầu Cảnh (侯景), người sắp gây ra biến loạn.

² Xem trong các sách Hộ pháp luận (護法論), Kim thang biên (金湯編) và Cựu thông giám (舊通鑑). (Chú giải của soạn giả)

³ Đây là thuyết của các nhà Nho thời Hán, Tống, cho rằng Khổng tử dứt tuyệt hẳn 4 điều (子絕四 - Tứ tuyệt tứ) là ý (chỉ ý nghĩ), tất (sự thiên lệch), cố (sự cố chấp) và ngã (bám chấp vào bản ngã).

Tống Hiếu Tông¹ nói rằng: “Ngũ giới của nhà Phật chính là Ngũ thường của Nho gia.” Như vậy, đạo của Khổng tử [so với Giáo pháp của Phật] nào phải xa cách nhau?

Người đời nay không suy xét kỹ việc ấy, vừa nghe đến thuyết từ bi là do Phật dạy liền lập tức phản đối thuyết ấy, khiến cho đức nhân của đạo Nho cũng do nơi sự phản đối ấy mà diệt mất; vừa nghe những giới không trộm cắp, không tà dâm là do Phật dạy, liền lập tức phản đối các giới ấy, khiến cho đạo nghĩa của nhà Nho cũng do nơi sự phản đối ấy mà tiêu tan; vừa nghe đến giới không nói dối là do Phật dạy, liền lập tức phản đối giới ấy, khiến cho đức trung tín của nhà Nho cũng do nơi sự phản đối ấy mà diệt mất.

Như vậy chẳng phải là muốn bảo vệ đạo Nho mà ngược lại thành ra tổn hại đạo Nho đó sao?

Huống chi, đạo lớn của thánh hiền luôn vì lợi ích chung mà không vì lợi riêng, vua Nghiêu chí thành cung kính, thường khiêm tốn hạ mình cầu bậc hiền tài;² vua Thuấn bỏ ý mình, theo ý người;³ vua Vũ không tự khoe mình tài giỏi, không tự đề cao công trạng của mình; Văn vương luôn cầu học được chỗ chưa biết trong đạo lý, không lúc nào dừng; lời dạy của tất cả những vị ấy có bao giờ phản bác, bài xích lẫn nhau đâu?

Mạnh tử phản bác Dương Chu, Mặc Địch, đó là chuyện vạn bất đắc dĩ, cũng ví như các vị thuốc đại hoàng, ba đậu,⁴ thầy thuốc giỏi chỉ thỉnh thoảng mới dùng đến một lần, không thể mỗi ngày đều dùng. Nếu nói rằng công lao của Mạnh tử [đối

¹ Tống Hiếu Tông (1127 - 1194): hoàng đế thứ 11 của triều Tống, nắm quyền cai trị trong thời gian từ năm 1162 đến năm 1189.

² Ý này trích từ Nghiêu điển, tức là phần kể chuyện vua Nghiêu trong sách Thượng thư.

³ Nghĩa là sẵn sàng chấp nhận những ý kiến đúng của người khác mà không cố chấp vào quan điểm sẵn có của mình. Câu này cũng có hàm ý từ sách Mạnh tử, chương Công Tôn Sửu thượng, tiết thứ 8: “善與人同，舍己從人，樂取於人以為善。 - Thiện dữ nhân đồng, xả kỷ tòng nhân, nhạo thủ ư nhân dĩ vi thiện.” (Điều thiện của mình và người ngang nhau thì bỏ của mình chọn lấy của người, ưa thích học lấy điều hay tốt của người, lấy đó là thiện.)

⁴ Đại hoàng và ba đậu là những vị thuốc phải thận trọng khi dùng vì có thể gây các tác dụng không tốt nếu dùng thường xuyên. Hai vị này có thể kết hợp để trị chứng kiết lỵ đi tiêu ra máu.

với hậu thế] chỉ hoàn toàn ở nơi việc phản bác Dương, Mặc, vậy nếu như không có hai người ấy, lẽ nào Mạnh tử lại không đáng tôn xưng, kính trọng hay sao? Lẽ nào việc Mạnh tử được hậu thế muôn đời thờ phụng cung kính hóa ra lại là nhờ vào phúc ảm của Dương, Mặc hay sao?

Nho gia đời Tống thật không theo kịp Mạnh tử, nhưng tánh khí nóng nảy phần hận thì ngược lại vượt xa Mạnh tử. Người đời nay không theo kịp Nho gia đời Tống, nhưng tánh khí nóng nảy phần hận thì cũng vượt xa các Nho gia đời Tống. Từ nay về sau, thật không biết sẽ còn suy vi cho đến mức nào nữa. Tôi vì lo sợ việc ấy nên mới buộc lòng phải nói ra những lời này. Người đời ví như hiểu được lòng tôi [thì tốt], bằng ngược lại chê trách buộc tội tôi, cũng không có gì quan trọng.

Những điều khi làm quan nên cấm

Người được làm quan là nhờ trải qua nhiều đời tu tập lòng từ, tu sửa đức độ, nên ngày hôm nay mới nhất thời được hưởng quan tước vinh hiển. Vì thế nên phải nhận lấy trách nhiệm hết lòng thương yêu nhân dân, bảo vệ muôn vật để không phụ ân sủng của triều đình.

Chỉ lấy riêng một việc cấm giết mổ súc vật mà nói, trong đó cũng che giấu nhiều điều lọc lừa dối trá khó nói hết. Xưa nay nha dịch thường quen thói dối lừa không thật, khiến cho quan trên dù sáng suốt vẫn thường rơi vào cảnh bị người giễu cợt.

- Người làm quan gặp những ngày như sinh nhật hoàng đế, lễ tiết trong năm, cho đến những ngày kỵ giỗ chung của cả nước,¹ thì cần phải dự tính và ban lệnh cấm giết mổ từ trước đó.

- Cấm giết thịt trâu cày, vốn là lệnh cấm theo chiếu lệnh triều đình, bất kỳ vương công, quan thuộc, tất cả các cấp đều phải vâng theo nghiêm túc, không thể chỉ làm chiếu lệ. Cho nên, ngay khi vừa

¹ Tục kỵ giỗ trong hoàng tộc, như ngày tưởng niệm các vua trước, hoàng hậu...

mới nhận chức quan, cần phải tập hợp tất cả nhân dân trong địa hạt mà ban bố, giải thích rõ lệnh cấm này.

- Cấm nhà đồ tể giết mổ trâu bò, không bằng ban lệnh cấm tất cả các nhà chung quanh [không được mua bán thịt trâu bò]. Các nhà chung quanh đã sợ tội [không dám mua bán], thì nhà giết mổ tự nhiên cũng phải buông dao.

- Các loại da trâu, xương trâu, sừng trâu, dây gân trâu... cần dùng trong quân đội chỉ một, hai phần, nhưng được dùng trong dân gian đến tám, chín phần. Nhu cầu lớn, ắt sẽ có người lén lút giết mổ. Vì thế, các vật dụng có dùng đến da trâu, xương trâu, sừng trâu... mà có thể dùng các loại tre trúc, cây gỗ để thay thế, nên hiểu dụ các nơi chế tạo, khuyến khích họ sử dụng các vật liệu thay thế này.

- Vào thời bình, không nên cho phép dân thường chứa giữ các loại binh khí đao kiếm, cung tên. Nên ban lệnh cấm đến các địa phương, không được phép tự ý chế tạo, mua bán đao kiếm, cung tên...

- Chó giữ nhà cùng những loài vật dưới nước như lươn, ếch, rùa, ốc... các loại xét thấy có thể cấm hẳn việc giết mổ, đánh bắt, thì cũng nên chính thức đưa vào bảng cấm.

- Đối với các nha dịch làm nhiệm vụ truy bắt, phải chọn người có tài đức, năng lực, phân công thay nhau tuần sát cũng như bí mật dò xét, nếu bắt được kẻ vi phạm lệnh cấm, nên áp dụng chế độ phạt tiền và dùng tiền đó thưởng cho người có công bắt được.

- Dân chài lưới sống trên thuyền bấp bênh không nơi nương tựa, sở dĩ không thể cấm hẳn được là do những vùng sông nước hiện nay áp dụng thuế khóa cao. Nếu có thể tâu xin triều đình miễn trừ thuế khóa, lại khuyến khích ngư dân khai khẩn đất hoang ven sông, ắt lợi tức thu hoạch được từ ruộng đất sẽ vượt xa hơn hẳn việc đánh bắt tôm cá trên sông. Như vậy, chẳng những vĩnh viễn chấm dứt được sự tàn hại sinh linh, mà còn làm tăng được nguồn thu thuế ruộng cho đất nước, đó là một việc làm mà được lợi cả đôi đường.

- Những vị quan nào biết quý tiếc, thương xót vật mạng thì trong khắp địa phương do mình cai quản, ở những nơi sông suối ven đô, ngoại thành, đều nên thiết lập những khúc sông dành cho việc phóng sinh, khắc bia đá ghi chép rõ ràng để lại cho người đời sau được biết.

- Mỗi năm vào tháng mùa đông nên thông báo cho cư dân địa phương đều được rõ, không cho phép ngăn dòng tát nước bắt tôm cá. Nếu đã thiết lập những khúc sông dành cho việc phóng sinh, cần phải thường xuyên cho người kiểm soát.

- Những khi nước lớn vừa rút, người dân thường dựng đặng tre trên sông bắt cá, không biết rằng việc ấy làm ảnh hưởng dòng chảy của sông. Khi có nhiều người dựng đặng thả lờ, dòng nước nhất định sẽ chảy chậm lại, nếu có mưa lớn bất ngờ đổ xuống, nước không rút kịp, lúa thóc trên đồng ruộng ắt phải chịu thiệt hại lớn. Vì thế, trong khoảng giao thời giữa mùa hạ và mùa thu phải có sự kiểm tra hằng ngày, vừa phát hiện thì phá bỏ ngay.

- Những chốn núi sâu đồng hoang thường là nơi bọn tội phạm, kẻ gian tà lẩn trốn. Bọn chúng thường trang bị vũ khí như quân đội nhưng giả danh làm người săn bắn. Nếu có thể áp dụng lệnh cấm [săn bắn], ấy là bảo vệ được sinh linh, mà kỳ thật cũng là chặn đứng được mưu đồ của bọn chúng.

- Bọn người bắt chó bắn chim, hầu hết đều là những kẻ du thủ du thực, nếu bắt được nên khuyên bảo họ tìm nghề chân chánh mưu sinh. Nếu khuyên bảo nhiều lần không nghe, vẫn còn tái phạm, nên trị tội thật nghiêm khắc.

- Việc cấm giết mổ là điều tốt lành, không ngại làm nhiều lần, nếu gặp những khi trời khô hạn ít mưa, hoặc nhân ngày sinh của cha mẹ cũng nên áp dụng.

- Các vị thần linh dưới nước trên bộ, người quân tử chỉ nên cung kính mà tránh xa. Thân là mệnh quan triều đình, không nên trực tiếp đến thắp hương cầu đảo, cúng tế, làm khơi dậy ý tưởng giết hại vật

mạng [để cúng tế] nơi người khác. Ví như có những người dân trong địa phương cùng nhau đứng tên cáo trình, xin lập miếu thờ các hạng thần linh nhận cúng tế bằng máu thịt chúng sinh, nhất định không thể chuẩn thuận.

- Vào những ngày cúng tế các vị thần, thường có những thị dân cùng nhóm họp thành hội, thành toán, [quyên góp tiền bạc,] giết mổ vật tế, trịnh trọng tế lễ cầu đảo. Tế lễ xong thì cùng nhau rượu thịt no say, rồi rước tượng thần đi dạo quanh phố chợ, khiến cho những người dân hiếu kỳ chen nhau đi xem, giẫm đạp lẫn nhau, thật là đau đớn đáng giận. Quan phủ địa phương nên nghiêm cấm việc này, đừng để lâu ngày thành hủ tục khó dứt.

- Những bọn đồng cốt, bói toán, thường dối gạt bịa đặt chuyện họa phúc, xui người cầu đảo cúng tế, nhưng người bình dân ít học lại hết sức tin theo, vì thế nên đối với lời nói của bọn họ đều không dám bỏ qua, khiến cho kẻ mang bệnh thì không thuyên giảm, kẻ không có bệnh lại sớm rơi vào cảnh đói nghèo túng thiếu, thường thường vẫn là như vậy. Quan phụ mẫu có đức hiếu sinh nên dùng pháp luật mà trừng trị những trường hợp này.

- Những bậc có lòng trung hiếu tiết nghĩa, người dân vì họ xây dựng miếu thờ, tất nhiên rất đáng ngợi khen khích lệ, để tạo thành phong tục tốt đẹp. Tuy nhiên, đã có miếu thờ ắt theo lệ xưa nay sẽ có hai kỳ tế tự xuân thu, nên từ đó về sau sẽ giết hại vật mạng nhiều vô số, không lúc nào dừng, như thế đâu phải là ý muốn của kẻ nhân từ đức độ? Vì thế, nếu là quan phủ có đức hiếu sinh, nên có sự thay đổi, cho phép những trường hợp ấy được ghi vào sử sách nhưng không nhất thiết phải dựng thành miếu thờ.

- Những nhà có việc thưa kiện, trước hết vì việc chiêu đãi kẻ chức quyền nên không một ngày nào mà không giết hại vật mạng. Vì thế, việc thưa kiện càng ít, ắt vật mạng bị giết hại cũng ít. Cho nên, quan phụ mẫu có đức hiếu sinh không thể xem nhẹ việc chuẩn nhận các đơn thưa kiện.

- Quan viên có đức hiếu sinh thì trước khi chuyển đi nơi khác, vào ngày cuối cùng nên đem những phương pháp bảo vệ vật mạng mà mình đã áp dụng, khẩn thiết ân cần chuyển giao, dặn dò lại vị quan kế nhiệm.

Những điều nên áp dụng trong gia đình

Thế gian suy mạng ít có nhà hiền lương tốt đẹp, cõi thiên cung thì phúc báu càng tăng. Tôi thường nghe rằng, một việc lành có thể hóa giải điềm dữ, hướng chi có thể ban ơn cứu nhiều mạng sống? Ông bà cha mẹ trước có kiên trì giữ giới không giết hại, thì cháu con về sau mới có thể noi theo khuôn phép. Đừng xem nhẹ sinh mạng nhỏ nhoi của muôn loài vật, xin hãy thử lắng nghe kẻ quê mùa này.

- Người có đức hiếu sinh thì ngay trong gia đình mình nên có sự giáo hóa bằng đạo lý nhân từ, khiến cho tất cả mọi người, trên dưới già trẻ lớn bé đều không bao giờ nghĩ đến việc giết hại vật mạng, đó là điều đáng quý nhất.

- Vào những ngày kỵ giỗ, sinh nhật, nên thiết lập thành thông lệ, thường mua vật mạng phóng sinh.

- Gia đình tu tích phúc đức nhiều đời, nếu muốn cảm hóa những người trong tộc họ, không gì hơn là ngay trong gia phả của tộc họ cùng thảo luận đưa vào một bản công ước để tất cả mọi người cùng tuân theo. Trong đó quy định rõ, người trong tộc họ dù nghèo khổ phải tìm việc mưu sinh cũng nhất quyết không được làm các nghề đồ tể, mua bán rượu thịt, làm đầu bếp, lưới cá, săn bắn, bẫy thú... hết thảy các nghề liên quan đến giết hại vật mạng đều không được làm. Cũng không được làm nghề chế tạo các công cụ giết hại chim cá cầm thú như lưới, nơm, chia dâm, cung tên, súng, lồng nhốt thú... Nếu có người trong tộc họ vi phạm vào công ước này thì vị trưởng tộc sẽ nhóm họp tất cả mọi người nơi từ đường của tộc họ và nghiêm trị kẻ vi phạm về tội bất hiếu.

- Đối với những người giúp việc trong gia đình, nếu có ai theo các

nghề nghiệp giết hại vật mạng, phải khuyên bảo họ gấp rút sửa đổi, nếu không nghe liền trục xuất ra khỏi nhà.

- Người dân thường sờ di dám dựng đặng, đặt lờ bắt cá giữa sông [vi phạm lệnh cấm], thường là dựa vào các nhà hào phú quyền thế. Nhà quyền thế tham mối lợi từ những lễ vật biếu xén nên buông thả cho họ phạm pháp, tạo nghiệp giết hại. Người có đức hiếu sinh phải thận trọng giữ mình, chớ tham mối lợi ấy.

- Một số vùng ven biển có lệ, điền chủ khi thu tô thuế của tá điền, mỗi mẫu đất đều kèm theo một số gà vịt. Nên khuyên các nhà có ruộng thay đổi lệ ấy, chuyển sang dùng các vật phẩm thay thế khác.

- Gà, chó, chim ung, mèo, cá vàng, dế đá... cùng những con vật làm hại đến vật khác, đều không nên nuôi dưỡng trong nhà.

- Lúa chưa xay thành gạo thì dù để qua năm cũng không thay đổi mùi vị, sang mùa hạ mùa thu, cần dùng lúc nào thì xay ra lúc ấy, mùi vị không khác gạo mới, lại không có sâu mọt sinh ra. Vì thế, thay vì tích trữ gạo thì nên tích trữ lúa.

- Sâu mọt sinh ra trong gạo, đa phần đều bị chết trong lúc mang ra làm sạch, vo gạo nấu thành cơm. Vì thế, nên tính toán trước số gạo sẽ dùng mỗi ngày, lấy ra trước đó vài ba hôm, trải mỏng hong trên mặt đồ chứa, để cho sâu mọt có cơ hội bò thoát đi hết rồi mới dùng đến. Nếu vẫn còn sót lại con nào, nên dùng một món đồ chứa đã bỏ đi để cho chúng vào đó.

- Trong gạo còn có một loại trùng cực nhỏ, chỉ như lớp phấn bao quanh hạt gạo, số lượng nhiều vô cùng. Loại trùng này thường do gạo để gần chất gỗ ẩm ướt mà sinh ra. Vì thế, nắp gỗ đậy trên khạp gạo phải giữ thật khô ráo. Dụng cụ để hong gạo trước khi nấu cũng vậy.

- Nắp gỗ đậy khạp gạo nên cất riêng một nơi, sang năm sau dùng lại, [đùng đùng làm củi đốt]. Như vậy không chỉ tránh cho trùng sinh ra trong gỗ không bị đốt cháy, mà còn giúp giữ cho gạo có màu trắng

sạch.

- Không nên chắt củi ở gần nơi đặt khạp gạo, vì trong gạo có rất nhiều những con trùng nhỏ, nếu đặt gần củi, chúng sẽ chui vào trong củi [sau đó phải bị đốt cháy].

- Lúa mạch chứa trấu rất dễ sinh ra sâu bướm, nên mang phơi ngoài nắng nóng khoảng vài ba hôm cho chúng đi hết rồi mới chừa vào vựa. Sau khi cất chừa trong vựa, phải tránh không cho gió vào [gây ẩm]. Nếu số lượng quá ít không đủ cho vào vựa, phải chừa trong khạp thì nên rải một ít tro trên bề mặt để hút ẩm. Trong trường hợp lúa mạch sinh ra quá nhiều sâu bướm, nên cho vào một vật chứa riêng biệt để đợi chúng đi hết.

- Chừa củi trong bếp nên chọn nơi thật khô ráo. Phần củi ở dưới cùng thường ẩm thấp sinh trùng, mỗi ngày nên mang ra phơi nắng một lần trước khi dùng để nấu nướng. Mỗi khi cần dập lửa, không được dùng nước có trùng trong đó, cũng không được ném củi cháy vào chỗ đất có trùng sinh sống.

- Vào mùa hè cúng tế táo thần, hoặc nơi phân mộ tổ tiên, thường đốt giấy vàng bạc có thể làm hại đến sinh mạng những loài côn trùng nhỏ trên mặt đất bị đốt. Vì thế, nên chọn chỗ đất cứng chắc, quét sạch đôi ba lượt rồi nhanh chóng đốt ở trên đó, để côn trùng không kịp tìm đến mà bị hại.

- Khi làm tương nếu dùng nước mưa hứng vào tiết vũ thủy thì vị ngọt mà ít sinh trùng.¹ Nếu phát hiện trong tương có trùng, nên chừa riêng ra một khạp, tìm cách tách hết trùng ra rồi mới cho vào lại. Nếu trong giấm ăn có sinh trùng cũng làm như vậy.

- Trong mùa hè, các loại bột mì, bột gạo, bánh bột cùng các loại thức ăn ngon được lưu trữ, thỉnh thoảng đều nên mang ra phơi nắng [để tránh sinh trùng].

¹ Nước mưa hứng vào tiết vũ thủy gọi là “mai hoa thủy”. Ngoài ra, nếu thu chừa lại một số tuyết rơi vào khoảng cuối xuân đầu hạ, rồi dùng nước ấy làm tương, giấm thì cũng không sinh trùng. (Phụ đính của tiên sinh Tuồng Tân Ngu.)

- Vào mùa hè, các dược liệu chứa trữ cũng rất dễ sinh trùng, người bào chế thuốc phải hết sức thận trọng.
- Mỗi khi cắt tóc vụn không nên ném bỏ xuống sông, vì tóc vụn vào bên trong vỏ các loại sò, ốc, hến thì chúng sẽ bị tóc đâm mà chết.
- Những nô tỳ giúp việc thường ghét kiến bò lên bếp, một khi nhìn thấy ắt ra tay giết sạch. Nếu mỗi buổi chiều đều chứa đầy nước trong nồi thì kiến sẽ không thể vào nồi rồi bò qua bếp.
- Vào mùa hè, những người giúp việc trong nhà thường nhóm lửa trong các phòng để xua muỗi, nhân đó rất dễ gây ra hỏa hoạn, nên phạt nặng việc này.
- Nước gội đầu hoặc tắm rửa đều có hơi nóng, không được tùy tiện đổ tràn trên đất, vì các tháng mùa hè thì khắp nơi trên mặt đất đều có các loại trùng nhỏ sinh sống.
- Khi rửa các thứ ướp muối cũng như đồ vật đựng muối, phải dùng nước trong pha loãng đi rồi mới được đổ lên mặt đất.

Những điều nên áp dụng vào các dịp lễ mừng

Con người gặp dịp mừng vui thì chúng sinh nhiều loài phải rơi lệ đối mặt với bi thương thảm khốc. Tắm thân nhỏ nhoi một khi đã bị chủ quyết định phải dâng lên đãi khách thì mỗi đêm còn được sống phải ngàn lần run sợ. Ai biết trước chuyện nghiệp duyên rồi sẽ gặp lại, oán cừu lần lượt tìm nhau? Khi ấy e rằng đã mang lông đội sừng, có miệng không thể nói thành lời, rồi cũng phải cúi đầu chịu dắt lôi vào chỗ chết, [có khác gì những con vật hôm nay]?

- Người có đức hiếu sinh, khi bản thân đang được vinh hiển phú quý, gặp những dịp lễ mừng của quan chức đương triều, nếu có thể dùng các món lễ vật khác để chúc mừng thay cho rượu thịt thì nên làm như vậy.
- Quan chức từ xa xôi tìm đến thăm, nên dùng các bức họa, thư

pháp, đồ cổ quý giá cùng các sách khuyến thiện để trao tặng. Nếu bắt đắ dỉ phải bày tiệc khoản đái cũng không đượ giết hại vật mạng.

- Quan phủ lui tới nên cung kính đủ lễ, nhưng không đượ dùng lễ vật là những con vật còn sống.

- Lễ mừng thọ của cha mẹ, nếu thân hữu có góp tiền mừng thọ, nên mang số tiền ấy làm việc thiện, phải liệt kê đầy đủ họ tên những người góp tiền.

- Lễ chúc thọ ngày nay thường liên hệ đến phong thái kiêu căng của con người thời suy mạt. Người xưa hơn sáu mươi tuổi còn chưa chúc thọ, huống chi những kẻ chỉ mới ba, bốn mươi tuổi? Nếu không muốn làm trái thế tục, ít nhất cũng nên đợi trên sáu mươi tuổi, sau đó cứ mười năm mừng thọ một lần còn có thể đượ.

- Bạn bè thân quyến nếu có người sắp lên đường dự thi, hoặc đi nhậm chức, hoặc đi buôn bán xa, không thể không có sự tiễn biệt, nên dùng tiền bạc, quà biếu để thay cho yến tiệc linh đình, như vậy thì đôi bên đều đượ phước [vì tránh đượ sự giết hại] .

- Khi người thân gặp chuyện tốt đẹp, lúc đã đạt đượ rồi cũng không cần phải hối hả chúc mừng. Vì nếu điều tốt đẹp quả thật thuộc về mình, càng không nên phô trương ra bên ngoài.

- Học trò chuẩn bị đi thi Hương, thi Hội, phần lớn là bạn bè thân quyến cùng nhau góp tiền rồi tổ chức cúng tế cầu đảo Văn Xương Đế quân, Quan Thánh Đế quân. Người thấu hiểu lý lẽ phải hết sức từ chối, ngăn chặn việc này.

- Trong nhà gặp chuyện tốt đẹp, bắt đắ dỉ phải bày tiệc mừng, nên hạn định trước số bàn tiệc. Nếu nhằm các ngày rằm, mồng một, nên dùng các loại rau quả tinh sạch [thay cho thịt cá].

- Vùng Giang Bắc có tục lệ mỗi khi bày tiệc đái khách luôn chuẩn bị sẵn mấy mâm cơm chay. Như vậy chẳng những tu tích phước đức, mà cũng tiện cho những thân hữu ăn chay. Cách làm đó rất tốt, người có đức hiếu sinh nên bắt chước làm theo, duy trì

thành một phong tục tốt đẹp.

- Thân hữu ở xa có việc mừng, bắt đắ dĩ phải thân hành đến chúc mừng, không nên mang theo quá đông người.

- Nếu thân hữu đặc biệt muốn bày tiệc chiêu đãi riêng mình thì trước đó vài ba hôm nên tìm cách nói rõ cho người ấy biết, hoặc từ chối vì mình gặp kỳ ăn chay, hoặc từ chối rằng mình chỉ ăn đúng bữa, hoặc từ chối vì không ăn con vật giết riêng để đãi mình, nhờ đó có thể giúp giảm bớt rất nhiều sự giết hại.

- Đến dự tiệc ở nhà người khác, nếu thấy họ vì mình mà giết hại vật mạng rất nhiều, người có đức hiếu sinh nên buông đũa đứng dậy, vái chào mà về.

- Nếu có bạn bè thân quyến mắc bệnh, người có đức hiếu sinh không nên bày chuyện thu góp tiền bạc cúng tế cầu đảo tà thần ác quỷ. Nếu có người khác đem việc ấy bàn bạc kêu gọi mình đóng góp, nên đem lời Phật dạy mà trình bày rõ ràng với họ, chỉ rõ lẽ nhân quả, nói cho họ biết việc quý thân không hưởng đồ phi lễ, nêu rõ việc sống chết đều do nghiệp lực đã tạo quyết định, khiến cho người ấy tự biết nghĩ lại mà từ bỏ việc ấy, được như vậy là tốt nhất.

- Nhà giàu có những khi nạp thê thiếp, người đến chúc mừng thường có cả những bọn không biết xấu hổ, đòi bày tiệc rượu mừng. Thói xấu ấy phải thận trọng không được tán thành nuôi dưỡng.

Những điều nên áp dụng trong việc cưới hỏi

Nam nữ đôi bên, do nhân duyên ngẫu nhiên hòa hợp kết thành hôn nhân, nguyện sống cùng nhau đến răng long đầu bạc. Ngày hợp hôn tốt đẹp, khí lành bao phủ khắp nhà trong sân trước, nhưng tiếc thay chuyện nấu nướng giết hại vật mạng lại càng thêm quá độ. Thương thay cho những lứa đôi trong loài vật, cũng là duyên vợ chồng thắm thiết, nhưng chỉ do đời trước thiếu tâm từ nên hôm nay phải cùng nhau đền mạng.

- Con em nhà mình lo việc cưới hỏi chưa xong thì không nên để

đuôi lui tới bên nhà gái, [vì khiến họ phải lo việc đãi đằng mà giết hại vật mạng].

- Nhà giàu có quan quyền, mỗi khi có việc hôn sự thường thết đãi tiệc rượu linh đình, nhân đó mà trai gái đùa bỡn cột nhà trở thành hỗn tạp không nghiêm túc, gây hại không nhỏ. Chỉ vì người ta không nghĩ đến việc hôn nhân là một nghi lễ tốt đẹp mà ngay từ ngày khởi đầu đã khởi ra cả một cuộc bỡn cột hí lộng, liệu còn điều gì có thể là chẳng lành hơn thế nữa, thật đáng ngăn ngừa biết bao!

- Mỗi khi cưới vợ, người ta thường có tục dùng vật sống cúng tế cầu đảo các thần Ngũ thánh.¹ Cúng tế cầu đảo xong rồi mới làm lễ thành hôn, bày tiệc đãi khách. Sở dĩ có việc tạc tượng gỗ mà thờ các tà thần này, chỉ nhân vì có truyền thuyết “ngũ thánh gặt lúa”, dân gian dựa vào đó mà cúng tế không thôi. Nếu là người tốt, có hiểu biết, sao có thể làm theo như vậy? Nên dứt bỏ hoàn toàn hủ tục ấy đi.

- Mỗi khi tổ chức hôn nhân, bày tiệc đãi khách cũng là lễ tục không thể bỏ, nhưng cách làm mỗi ngày một thêm xa xỉ, khách mời càng thêm đông đúc. Nếu muốn duy trì phong tục tốt đẹp, nên lấy việc kiệm ước làm quy tắc.

- Trong việc hôn nhân, lễ tục xưa quy định nhiều lễ như lễ thân nghênh, lễ tam triều, lễ mãn nguyệt, lễ quy trũ...² đều có thể tổ chức giản dị hơn, không nhất thiết phải bày tiệc đãi khách.

- Trong việc tổ chức hôn lễ, trừ ra những người thân thích cố cựu, bắt buộc dĩ không thể không mời, ngoài ra không nên lạm dụng dịp này để mời mọc quan khách quá nhiều.

- Những người mai mối, những kẻ làm bếp, khi đến nhà trai

¹ Những vị thần theo mê tín của dân gian, phổ biến ở vùng Giang Nam, còn có nhiều tên gọi khác như Ngũ hiền linh công, Ngũ lang thần. Trong khoảng niên hiệu Khang Hy triều Thanh, quan phủ từng có lần tích cực bài trừ, hủy bỏ tượng thần, đập phá các miếu thờ.

² Phần lớn các lễ tục này ngày nay không còn nữa hoặc đã giản lược đi. Như *thân nghênh* là lễ gia đình nhà chồng sang tận nhà cô dâu để đón về (ruốc dâu) tuy vẫn còn giữ nhưng đơn giản hơn nhiều; lễ *tam triều* còn gọi là lễ phân diện, quy định 3 ngày sau khi cưới thì cô dâu trở về nhà thăm cha mẹ, lễ *mãn nguyệt* là sau một tháng, lễ *quy trũ* cũng là nghi lễ cô dâu về thăm lại cha mẹ ruột...

thường nói nhiều về việc nhà gái tổ chức đãi đằng linh đình thịnh soạn, đến nhà gái lại cũng nói về nhà trai như vậy. Qua lại giữa hai nhà, chung quy đều muốn xúi giục việc tổ chức ăn uống cho thật linh đình. Phải thận trọng đừng để họ mê hoặc lừa bịp.

- Đối với những người giúp việc nghi lễ, âm nhạc, bếp núc... trong hôn sự, nên đơn giản chuyện ăn uống, đừng quá thịnh soạn linh đình, nhưng tặng thưởng tiền bạc xứng đáng cho công lao của họ.

Những điều nên áp dụng trong việc tang ma

Một khi có người thân qua đời, chỉ cần nghĩ đến việc giọng nói tiếng cười của người ấy từ nay không bao giờ còn được nghe lại nữa, thì sự buồn rầu đã bao trùm như sương mùa thu, như móc mùa xuân. Trong lúc ấy lại giết hại vật mạng dâng lên cúng tế để mong hương hồn người chết quay về thọ hưởng, thật chẳng biết rằng như thế chỉ ngược lại làm tăng thêm oan nghiệt cho người đã khuất. Sao bằng kính vâng lời Phật dạy, kiên trì giữ theo Năm giới, quy y Tam bảo. Người đã khuất như còn chưa siêu độ, tấm lòng con cái vẫn chưa yên. Phận làm con phải khắc cốt ghi tâm như vậy.

- Một khi cha mẹ qua đời, phải kiêng giữ không làm chuyện phòng the, dứt bỏ hoàn toàn rượu thịt, tất cả người thân trong gia đình đều phải ăn chay ít nhất trong 49 ngày, chí thành tụng kinh niệm Phật, việc cúng tế chỉ được dùng rau quả.

- Người giàu có quyền thế, một khi gặp tang sự ắt có rất nhiều khách đến điếu viếng, cúng tế người chết, giết hại vật mạng nhiều không kể xiết. Vì thế, trước hết nên cho viết bốn chữ lớn "*không cúng đồ mặn*" dán ngay trước cửa. Nếu có người vẫn mang những đồ cúng như heo quay, gà luộc v.v... thì phải nhất quyết cự tuyệt.

- Người xưa thọ tang cha mẹ, sau ngày tuần giáp năm mới bắt đầu ăn uống rau quả bình thường. Trong thời gian một năm thọ

tang, cơm rau còn không muốn ăn, huống chi lại có thể thỏa thích với những món cao lương mỹ vị hay sao? Vì thế, người làm con nếu thực sự nghĩ đến công ơn cha mẹ thì để tang cha mẹ nên phát nguyện ăn chay trong vòng ba năm.

- Những ngày lễ tiết, kỵ giỗ trong năm, nên hết lòng làm thiện tích phúc, hoặc tụng kinh, bố thí thức ăn, hoặc tạo tác thánh tượng, hoặc mua vật phóng sinh, nên tùy sức mà làm, nhưng nhất định không được giết hại vật mạng để cúng tế.

- Cha mẹ dù đã khuất, những ngày tưởng niệm, kỵ giỗ nên làm nhiều việc thiện, hồi hướng phước lành cho cha mẹ.

- Khi xây dựng hoặc tu sửa phần mộ cha mẹ, đối với công nhân xây dựng nên đợi xong việc rồi thưởng công bằng tiền xứng đáng, tuyệt đối không vì chiêu đãi họ mà giết hại vật mạng.

- Trong nghi lễ cúng tế phần mộ tổ tiên, việc dâng cúng chỉ nên dùng lụa giấy, không được nghe theo người khác bày chuyện hiến tế vật mạng. Bậc thiên tử thờ phụng tổ tiên còn hạn định không quá bảy đời, ngoài ra các đời trước nữa đều chuyển vào thờ chung với tông miếu tổ tiên. Đối với thường dân cúng tế tổ tiên xa xôi đời trước mà bày chuyện giết hại vật mạng hiến tế, đó là lạm dụng lễ nghi tế tự. Huống chi phong tục cúng tế nơi phần mộ theo nghi lễ thời xưa vốn thật không có, nay dù có muốn tùy thuận theo người đời nay mà cúng kính, cũng đâu nhất thiết phải giết hại vật mạng? Người con hiếu biết thương yêu cha mẹ ắt phải lấy việc tự mình nỗ lực tu sửa đức hạnh làm chính, không thể tin theo những việc sai lầm như vậy.

Những điều nên làm trong việc xây dựng

Trong việc xây dựng, lớn thì như thành quách, cung điện, dinh thự, nhỏ thì như mái tranh giậu trúc, chỉ riêng việc vận chuyển ngói gạch, vật liệu cũng đã gây họa lớn cho biết bao côn trùng kiến, dế... Xin đừng giết hại để khao đãi nhân công, khiến

loài vật phải tan đàn xẻ nghé. Kẻ mê muội nghe qua lời này ắt phải sinh nghi, người có trí lo tu sửa vun bồi đức tốt.

- Việc tu sửa cung điện, đền đài, nhà cửa cho đến hết thảy những công trình xây dựng trong dân gian, nên chọn làm vào mùa đông, là lúc trăm loại côn trùng đều diệt mất.

- Hết thảy cầu đường, tự viện v.v... nếu không liên quan đến Tam bảo, lợi ích cho đời sống của người dân thì không nên khởi công xây dựng, tu sửa.

- Mỗi khi khởi công xây dựng thường có lệ dâng rượu cúng thổ thần, tốt nhất chỉ nên dùng rau quả.

- Khai mở hoặc nạo vét tu sửa kênh rạch sông ngòi, theo lệ thường phải tát cạn nước ở nơi thi công. Người phụ trách trước đó nên có sự chuẩn bị, yết bảng cấm rõ ràng, tránh tình trạng dân cư quanh vùng thừa dịp nước cạn đến bắt cá tôm.

- Trong lớp bùn dưới sông có rất nhiều loài vật sinh sống như ốc, trai, sò, hến... Nếu lớp bùn ấy bị đưa ra khỏi nước sông, tất cả đều phải chết. Vì thế, nếu phải tu sửa, đắp đê ven sông, nên chọn một nơi chuyên biệt lấy đất [thay vì vét bùn dưới sông để đắp]. Nếu không thể làm được như thế, thì nên chú ý trong lúc thi công có nhìn thấy con vật nào liền tìm cách cứu vớt.

- Tu sửa xây dựng phân mộ, phía trước nên chôn một tảng đá vuông lớn làm chỗ để đốt lượ giấy, nếu ngày sau quanh đó mọc đầy cỏ khô, có thể đốt giấy ở giữa tảng đá, cẩn thận không gây cháy lan. Nếu ở gần nhà dân, khi đốt giấy trước quan tài còn quần tạt, càng phải hết sức thận trọng.

- Các loại thuyền bè bằng gỗ, bằng tre, khi dùng lâu dưới nước nhất định sẽ có các loại ốc bám vào bên dưới. Vì thế, trước khi có việc phải đưa lên cạn, cần chú ý gỡ sạch chúng ra thả xuống sông.

- Khi đập phá tường rào cũ, hoặc đốn cây lớn, nếu thấy các loài rắn, rết, bọ cạp... bò ra, nên lưu ý dặn dò những người làm công hãy

thả cho chúng đi.

- Tháo dỡ nhà cũ, bên trong những kèo, cột, đòn tay v.v... thường có những chỗ gỗ mục, nhiều loại trùng, mối, mọt... sinh sống trong đó, không nên dùng ngay làm củi đốt. Đối với giậu tre, rào trúc... cũng tương tự như vậy.

- Khi tôi vôi bằng cách cho vôi sống vào nước, nên chọn chỗ đất sạch, không có trùng bọ. Nên sử dụng nước lấy từ dòng chảy, không nên dùng nước trong các ao, vũng tù đọng, vì nước tù đọng thường có nhiều loại thủy trùng sinh sống trong đó.

- Khi dùng bùn đắp vách, trong bùn thường có nhiều trùng nhỏ sinh sống. Thay vì vậy, nên chọn chỗ đất sạch, đào [bỏ lớp đất mặt, lấy sâu] xuống khoảng 6 tấc thì không có trùng, có thể dùng đất ấy nhồi thành bùn để sử dụng. Không được chọn những nơi gần ngòi rãnh, giếng nước đang sử dụng.

- Chung quanh các khoảng sân rộng nên khai nhiều mương rãnh thoát nước để không có nước đọng, không sinh ra các giống thủy trùng.

- Gạch, ngói, gỗ, đá dùng trong xây dựng, nếu chất chứa ở nơi ẩm thấp sẽ có nhiều côn trùng nhỏ chui rúc vào sống. Khi sử dụng đến cần có phương tiện khéo léo để bảo vệ chúng.

- Khi đắp bếp nấu ăn, nên dùng ba phần vôi khoáng, bảy phần bùn cát, trộn đều rồi đắp nền bên dưới, đặt bếp phía trên, như vậy thì về sau loài kiến sẽ không bò lên bếp.

- Bếp cũ dùng lâu năm thường có kiến chui rúc bên trong. Khi tu sửa, đắp bếp mới, trước đó một ngày nên đập vỡ bếp cũ, để cho kiến bò đi hết rồi hãy khởi công đắp bếp mới.

- Đòn tay bằng tre dưới mái tranh, ở những chỗ cong xuống vào mùa mưa thường đọng nước, nhân đó dễ sinh thủy trùng, nên dùng các đoạn tre thẳng chẻ ra thắp vào những nơi đó để hạn chế.

- Những nơi gần bờ sông không được làm nhà vệ sinh, vì sợ

những loài trùng nhỏ trong sông nếu theo nước vào sẽ chết trong phần ấ.

- Đối với việc ăn uống của nhân công khi xây dựng, tất nhiên rất khó để giảm bớt rượu thịt, nhưng nên dùng cá, thịt mua số nhiều ở chợ về ướp muối để dùng dần, [tránh được việc trực tiếp giết hại].

Những điều cần lưu ý khi sử dụng đồ chứa

Quan sát kỹ các loại đồ dùng để chứa đựng, [nếu có chứa nước thì] vào những tháng mùa hạ đều có nhiều loài trùng rất nhỏ sống trong đó. Một khi ngọn gió bắc sang mùa vừa thổi đến thì tất cả đều bỏ mạng, không thể sống qua đến tiết đông lạnh giá. Tuy nhiên, đang khi vẫn còn được sống thì chúng cũng biết tham sống sợ chết chẳng khác chi con người, nên đừng cho rằng việc bảo vệ mạng sống những sinh vật nhỏ nhoi ấy chẳng có công đức gì. Nên biết, tuy thân hình lớn nhỏ có khác nhau, nhưng sự tri giác, cảm nhận của vạn loại sinh linh đều không khác.

- Hết thảy các loại lu, hũ, vò chứa để ngoài sân, nếu không dùng đến đều nên úp xuống để chúng không tích chứa nước bên trong, sinh ra thủy trùng.

- Trong bếp thường có nhiều kiến là do mùi hôi tanh của thức ăn mời gọi chúng đến. Nên dặn dò những người làm bếp phải luôn giữ cho nhà bếp thật sạch sẽ, đó là cách để tránh được việc giết kiến.

- Các loại chén bát, mâm, nồi, chảo... từng chứa qua dầu mỡ hoặc thức ăn tanh, không nên để ở những nơi thấp.

- Khi cất rượu, người thợ thường dùng nước sôi tráng rửa vò rượu. Nếu thấy trong vò có tích nước, chắc chắn có thủy trùng, nên nghiêng đổ nước ấy vào sông, hồ trước khi cho nước sôi vào rửa vò. Nếu có những con nhện nhỏ sống trong vò, nên bắt chúng thả ra bên ngoài.

- Loài muỗi rất ưa thích mùi rượu, thường chết chìm trong những nơi chứa rượu. Vì thế, các vò, hũ, bình đựng rượu đều nên đậy kỹ.

- Nước nóng, nước sôi không được đổ bừa lên những chỗ đất có côn trùng sinh sống hoặc bụi cỏ xanh tốt rậm rạp.

- Trước khi pha trà, nên mang những bồn đồng, chậu gỗ... dùng trong việc pha trà rửa trong nước hồ, sau đó hãy cho nước sôi vào pha trà.

- Vào mùa hè, trên mặt than củi thường có nhiều loại trùng nhỏ sinh sống, nên mang ra phơi nắng [để chúng tránh đi] trước khi cho vào lò đốt.

- Múc nước cho vào vò để cất rượu, tốt nhất nên dùng bát sứ màu trắng sạch.

- Lần đầu tiên chứa nước mưa vào lu, vại... nên cho vào một ít than sạch đang cháy đỏ, như vậy sẽ không sinh trùng. Nếu đã lỡ sinh trùng rồi thì nên dùng một khăn lụa mỏng bọc quanh bên ngoài giỏ tre rồi nhẹ nhàng đặt giỏ vào nước, lấy nước bên trong giỏ ấy mà dùng sẽ không có trùng, cứu được lũ trùng không bị mang đi nấu nước pha trà.

- Nước trong lu, vại... nếu có mùi hôi không thể dùng pha trà, gặp nơi sông, suối đều xa, đi lại không tiện, nên dùng giỏ tre bọc vải lụa mỏng chung quanh để lọc nước sẽ giảm thiểu được trùng trong nước, không phải vất vả ra sông ngay. Nếu làm thế vẫn không được, nên cho nước ấy vào một cái vại riêng rồi để mặc cho trùng sinh sống trong đó.

- Các lu, vại chứa nước đã sinh trùng nhiều trong đó, nên đậy kỹ không cho nước mưa từ mái nhà chảy vào, vì sợ khi mưa lớn nước tràn, thủy trùng bị cuốn theo ra ngoài sẽ chết.

- Hộp thiếc, bình sứ... nếu trước đây từng dùng chứa các loại thức ăn, mùi vị chưa thể mất hết, vào mùa nắng nóng ắt phát sinh các loại

trùng nhỏ, nên khi dùng không được rót nước sôi vào ngay, [nên rửa qua trước bằng nước lạnh].

- Bình hoa, chén nước... đặt trên bàn, chỉ cần để qua vài hôm trong mùa nắng nóng là đã sinh trùng trong nước, vì thế không được mang đồ bừa ra đất.

- Đèn lửa thấp trong mùa hè thường có rất nhiều loại bướm đêm, thiêu thân bay vào chết, nên làm một cái giá gỗ nhỏ có khung bao quanh đèn, dùng lụa cực mỏng phủ kín lại. Nếu không, có thể dùng một chụp đồng mỏng có lỗ thông khí che kín phía trên đèn.

- Khi chế tạo các vật dụng, đồ chứa bằng tre trúc, cây gỗ, nên dùng các loại xuyên tiêu, lưu hoàng cho vào nước đun lên luộc qua, sẽ tránh không bị mọt ăn vào trong.

- Cán bút dùng vải xanh bọc kín sẽ không bị mọt ăn.

- Các loại áo, mũ bằng lông cừu, lông chồn, chỉ cần treo ở nơi thoáng gió, không gần chỗ có phấn hoa dương liễu, không gần chỗ chứa lúa gạo, thì không bị mọt ăn.

- Áo dạ dùng *sinh dụ*¹ xát vào sẽ không bị mọt ăn.

- Các loại tre, trúc, cây gỗ, nếu muốn ngâm vào nước sông để tẩy rửa thì trước hết phải quan sát làm sạch những con vật nhỏ đang bám vào chúng. Khi ngâm dưới sông cũng không nên để qua đêm.

- Các vật dụng, đồ chứa sau khi ngâm rửa xong [phải úp xuống cho khô ráo,] không được chứa đầy nước sông bên trong.

Những điều cần lưu ý khi trồng cây

Hoa tươi rực rỡ khắp nơi, cỏ đẹp đầy sân xanh tốt, tinh tâm suy xét, đều có thể là nguyên nhân dẫn đến giết vật hại mạng, nhất là đến tiết thu mát mẻ thì càng xảy ra nhiều hơn nữa. Một

¹ Sinh dụ (生芋): chúng tôi chưa tìm biết được cụm danh từ này có chỉ đến một loại thực vật đặc biệt nào không. Nếu hiểu theo nghĩa thông thường thì đây là củ khoai sọ để sống.

khi nhìn thấy hoa thơm cỏ lạ, liền nghĩ ngay đến việc bày tiệc rượu đãi khách. Kẻ tham ăn thấy vậy đều hân hoan, còn loài vật thì do đó mà bỏ mạng!

- Có đến một nửa số điền chủ dùng bùn sông bón ruộng, như vậy hại chết rất nhiều vật mạng. Nếu có thể thay thế bằng loại phân bón khác thì rất nên làm.

- Những vùng ven biển, loài cây sinh sống rất nhiều, người làm ruộng thường bắt lấy giã nát đem bón ruộng cho tốt lúa. Nếu có thể cấm được việc này thì rất nên ban lệnh cấm.

- Người trồng trúc thường dùng bùn sông bón lót cho tốt cây, không biết rằng bùn sông thật không tốt bằng tro ảm. Hơn nữa, tro có thể làm xối đất, còn bùn sông lại thường sinh ra các loài mối mọt.

- Trúc vừa nảy mầm con, lúc muốn bứng trồng cần phải hết sức chú ý, vì vào mùa xuân thì dưới đất đâu đâu cũng có côn trùng. Khi muốn bứng dời các loại hoa cỏ đi nơi khác, cũng phải chú ý như vậy.

- Các loại cây thân gỗ như hoa đào, hoa mai, cây du, cây liễu... thường sinh ra một loại sâu lông nhỏ. Nếu vào ngày tiết thanh minh, lúc nửa đêm dùng một cọng lúa ma¹ buộc quanh thân cây thì sẽ rất ít hóa sâu.

- Trên thân cây quế nếu dùng một nhánh mè buộc vào sẽ hạn chế không sinh mọt trong thân.

- Muốn chặt tia bớt cành nhánh um tùm trên cây, chỉ nên làm vào mùa xuân, mùa đông, không nên làm vào mùa hạ, mùa thu. Bởi vì vào mùa hạ, mùa thu, ở mặt sau của lá cây thường sinh các loại trùng nhỏ sống bám vào lá. Lá sinh nhiều thì trùng cũng nhiều, tia cành chết lá ắt trùng cũng chết.

- Cây trong vườn có chim bay đến làm tổ, nếu ở những cành thấp sẽ rất dễ bị người làm hại, nên xua đuổi chúng đi, chớ để cho

¹ Lúa ma: một loại cỏ thân bụi giống hạt lúa, cũng trở bông như lúa nhưng không ăn được.

làm thành tổ. Nếu đã lỡ thành tổ rồi thì nên hết sức chú ý bảo vệ.

- Khi dùng vại sành lớn cho bùn vào để trồng hoa sen, trong bùn ấy có rất nhiều trùng nhỏ sinh sống. Vì thế không được để khô kiệt nước, cũng không được đổ bùn ấy ra bờ bãi [vì sẽ làm chết trùng].

- Cây tường vi¹ sau khi nở hoa thường có rất nhiều loại sâu nhỏ màu xanh bám trên lá, không nên cắt mang đi trồng.

- Trên các đóa hoa cúc thường sinh ra loại trùng độc, chạm tay vào thì chảy ra chất dịch màu đỏ như máu, nên dứt hẳn thú chơi thường ngoạn này. Trên các loại rau quả nếu phát hiện có loại trùng này thì nên bỏ lại đừng thu hoạch.

- Bùn đọng dưới đáy ngòi, rãnh, nếu dùng làm phân bón cho hoa cỏ, hoặc đắp vào gốc biển đậu, dưa, tiêu... các loại, vào mùa thu sẽ sinh ra rất nhiều loại trùng độc.

- Tưới nước cho cây cỏ, không nên dùng nước có nhiều thủy trùng sinh sống trong đó.

- Vườn rau ở gần hồ, nếu dùng nước hồ để tưới thì trước khi lấy nước nên khua động mặt hồ một lúc [để các loài thủy trùng kịp thoát đi].

- Các nhà phong lưu chơi hoa thường ngâm lông gà, đậu thối rồi dùng nước đó thường xuyên tưới bón cho cây, không biết rằng trong nước ấy sinh rất nhiều trùng, một khi được tưới vào rễ cây, những con trùng ấy lại thu hút đàn kiến tìm đến, chẳng những làm hại rất nhiều vật mạng, mà cũng khiến cho cây hoa không phát triển tốt. Vì thế, nên dùng một cái giỏ tre bọc vải lụa mỏng chung quanh, thả vào nước rồi múc nước trong giỏ mà tưới sẽ không có trùng. Mỗi lần dùng xong phải lấy giỏ ra khỏi nước treo lên ngay, không được ngâm trong nước.

- Nước mưa chứa lại cũng thường sinh rất nhiều thủy trùng,

¹ Tức cây hoa dâm bụt thường trồng làm bờ rào.

lãng quăng trong đó, nếu dùng tưới cây cũng nên áp dụng cách lọc nước bằng giỏ tre. Muốn dùng nấu nước pha trà cũng phải lọc như vậy.

- Các loại hoa thơm có đẹp thường trồng với mục đích cúng người khác thường ngoạn, vì thế nên trồng ngoài sân vườn, không nên đặt ở khuôn viên bên trong nhà.

Những điều cần lưu ý trong phép dưỡng sinh

Thức ăn từ ngũ cốc, rau đậu vẫn đủ nuôi dưỡng thân thể lẫn tinh thần, không nên ăn nhiều các món thịt. Bao nhiêu bệnh tật đều từ nơi thức ăn vào miệng mà sinh ra, nhưng lý lẽ này những kẻ tham ăn không sao hiểu được. Họ chỉ biết quan tâm thỏa mãn vị ngon nơi ba tấc lưỡi, mà không nghĩ gì đến việc bảo vệ sức khỏe cho thân thể. Những người như thế thật đáng thương, nhưng [họ tự làm khổ mình nên dù chết cũng] không đáng tiếc, chỉ tội cho vợ con phải buồn đau khổ sở vì họ.

- Theo phép dưỡng sinh thì không nên ăn thịt trâu, vì dễ làm tái phát bệnh cũ. Người bệnh sốt rét mới khỏi thì sau khi ăn có thể sẽ không ngối dậy nổi. Hơn nữa, ăn thịt trâu không nên uống rượu trắng hoặc ăn cùng với rau họ, hạt dẻ, do tính chất những thứ ấy ngược nhau.

- Thịt chó có thể khiến người trúng độc, sinh ung nhọt. Phụ nữ có thai ăn thịt chó có thể sinh con không nói được. Ngoài ra, thịt chó không nên ăn cùng với ruột dê hoặc tỏi tây, tỏi ta.

- Phụ nữ có thai ăn gan dê thì sinh con sau này nhiều bệnh, càng không thể ăn món này chung với thịt lợn hoặc với hạt tiêu. Ruột dê cũng không được ăn chung với mơ chua, đậu đỏ. Thịt dê không được ăn cùng với chả cá, sữa đông.

- Bệnh sốt rét vừa khỏi ăn thịt lợn có thể tái phát, nếu ăn chung với thịt trâu, rau mùi có thể khiến cho đường ruột bóng rát. Nếu ăn chung với kiều mạch, lúa mì có thể làm rụng lông mày, râu.

- Người thích ăn thịt hươu nai, phần nhiều thân hình đều gầy ốm, túi mật nhỏ lại nên rất dễ kinh sợ. Mỡ hươu nai không được ăn chung với quả mơ, quả mận. Thịt hươu nai không được ăn chung với cá ngói¹ hoặc tôm.

- Thịt thỏ ăn vào có thể gây yếu sinh lý. Phụ nữ có thai ăn thịt thỏ thì sinh con dễ bị sút môi. Nếu ăn chung với thịt gà có thể gây bệnh lý, ăn chung với củ gừng có thể gây tiêu chảy, ăn chung với cải xanh sẽ làm tái phát bệnh cũ.

- Thịt ngỗng, trứng ngỗng ăn vào có thể khiến cho bệnh thành khó chữa. Không được ăn chung với các loại như thịt vịt nhà, vịt trời, thịt ba ba, quả hồ đào, vân nhĩ,² tương đậu nành.

- Gà có bệnh phong không được ăn chung với các món như tỏi tây, rau cải, quả nài.³

- Thịt chim trĩ ăn vào dễ sinh ung nhọt, phát bệnh trĩ, người có bệnh về máu huyết chữa lâu không khỏi phải hết sức thận trọng không nên ăn. Không được ăn cùng với các món như cá giếc, cá trống, nấm rơm, quả hồ đào.

- Phụ nữ có thai ăn thịt gà với cơm nếp thì đứa con sinh ra dễ bị giun sán trong ruột. Trứng gà ăn chung với cá chép thì sinh con ra dễ bị ung nhọt. Thịt gà ăn chung với cá tươi thì sinh con dễ bị câm điếc. Trẻ con thường ăn trứng vịt thì xương cẳng chân dần dần mất độ cứng, ăn nhiều tôm thì xương cẳng chân dần cong lại, đi đứng khó khăn.

- Phụ nữ có thai ăn óc chim sẻ thì sinh con hay bị quáng gà, nếu hòa với rượu để ăn thì đứa con về sau mắc bệnh đa dâm, nếu ăn với tương đậu nành thì đứa con về sau dễ bị nhiều nốt tàn nhang trên da. Ngoài ra, không được ăn chung với quả mận.

- Thịt ba ba rất độc, tương truyền trong loài này có nhiều con do rắn

¹ Cá ngói: một loại cá giống như cá niêm nhưng to lớn hơn, tên khoa học là *Leiocassis longirostris*.

² Vân nhĩ: hay mộc nhĩ trắng, một loại nấm ăn được giống như nấm mèo (mộc nhĩ đen) nhưng có màu trắng.

³ Quả nài: trái cây thuộc loại táo tây.

đỏ hóa thành. Phụ nữ có thai ăn vào thì sinh con cổ ngắn đầu rụt. Ngoài ra, không thể ăn chung với các loại thịt gà, trứng gà, rau dền.

- Phụ nữ có thai ăn nhiều cua, khi sinh thai nhi thường nằm ngang mà ra, nếu ăn nhiều cá chình, cá chầy, lươn thì đa số trường hợp sẽ sinh khó. Nếu ăn trứng vịt cùng với quả dàu, khi sinh thường bị thai ra ngược.

- Cá nóc là món ăn cực độc, vĩnh viễn không nên ăn.

- Ăn cá cháy nhiều dễ bị nhiễm ô nhiễm, ăn nhiều cá đao dễ sinh chứng nóng nhiệt hóa đàm, sinh ghẻ lở, ăn nhiều tôm dễ sinh ung nhọt, phong động, ăn nhiều cá trê dễ phát bệnh nóng nảy bồn chồn. Đó đều là những món ăn trong loài thủy tộc không có lợi cho người.

- Cá chép không được ăn chung với thịt chó, trứng cá chép không được ăn chung với gan lợn, cá trích không được ăn chung với rau quỳ, tỏi tây. Cá trống không được ăn chung với kiêu mạch, lúa mì. Cá lư không được ăn chung với sữa đông. Cá giếc không được ăn chung với gan lợn, thịt gà, thịt chim trĩ, cải xanh, đường cát. Những kiêng kỵ ấy đều là do các món ăn này có tính chất tương phản nhau.

Những điều cần lưu ý trong hành xử

Mọi sự tốt đẹp trên thế gian này, cần phải lấy sự phương tiện khéo léo giúp người làm điều trước nhất. Ngày nay nếu để mắc vào lỗi lầm, lại đợi sang năm sau sửa chữa, thật chỉ tiếc rằng thời gian thấm thoát qua nhanh không chờ đợi. Cho nên, hết thảy mọi lời nói việc làm trong ngày đều nên suy xét làm sao để luôn mang lại lợi ích lâu dài cho người sau và phát huy hơn nữa chỗ sáng suốt tốt đẹp của người đi trước. [Lấy ví dụ như] phương tiện bảo vệ sự sống vốn không giới hạn, chỉ do nơi mỗi người tùy cơ duyên mà tự mình nỗ lực.

- Trên đường dài dùng sức lừa sức ngựa, chốn nông thôn bò kéo trâu cày, nên chú tâm đến sự lao nhọc của chúng mà giữ cho vừa phải, cũng như cần lưu tâm đến sự nóng bức hay rét lạnh, đói khát của chúng.

- Cá tôm nhảy lên khỏi nước, kẻ si mê trông thấy liền nghĩ ngay đến việc giăng lưới bắt lấy. Người có đức hiếu sinh ắt phải nghĩ cách sao cho chúng được trở lại trong nước, lại xem như vừa cứu được người thân của mình thoát nạn, phải giấu kỹ không để cho người khác biết, [vì sợ rằng họ tìm cách bắt lại.] Nếu gặp người muốn lưới bắt chim, cũng phải tìm cách cứu vớt như vậy.

- Vào mùa thu ruộng đất khô kiệt, chỉ còn những chỗ vũng sâu đọng lại đôi chút nước, cá tôm tụ lại trong đó nhiều không kể xiết, thảy đều đợi chết khi nước kiệt. Nhìn thấy tình cảnh khốn cùng của chúng, nên cố sức cứu vớt hoặc bỏ tiền thuê người cứu vớt, [mang chúng đến những nơi có nước,] chính là việc làm tu tích phước đức. Mỗi khi ra khỏi nhà, tốt nhất là nên dự trữ mang theo một cái gáo nhỏ [để khi gặp thì có thể vớt lấy tôm cá trong vũng nhỏ].

- Ven bờ sông nếu nhìn thấy những con ốc có thể đưa tay xuống bắt dễ dàng thì nên vớt lấy ném ra giữa dòng [để tránh cho chúng khỏi bị người khác bắt].

- Vào mùa nắng nóng, sau mỗi cơn mưa nếu thấy trong sân có nước đọng phải lập tức làm khô ngay [để tránh sinh trùng trong đó].¹

- Trong những tháng mùa hè, bùn đọng dưới ngòi rãnh có vô số trùng nhỏ tụ tập trong đó, một khi trải qua nắng nóng đều phải chết thảm không đường tránh né, nên tìm cách che chắn.

- Vào mùa hè, khi mang phơi những món có trùng mọt, nên bắt đầu mang ra phơi từ sáng sớm, để khi nắng nóng lên dần dần thì trùng mọt có thể tìm đường thoát ra.²

- Khi vất bỏ những đồ vật đã hư thối, nên vất ở nơi không có ánh nắng chiếu vào.

- Vào mùa hè, tổ chức ăn uống ban đêm thì có rất nhiều bướm đêm, thiêu thân sẽ bay vào ngọn đèn mà chết. Vì thế, nếu mở tiệc

¹ Vì nước đọng sẽ sinh trùng, sau đó chắc chắn phải chết khi nước khô.

² Nếu đợi khi nắng lên cao mới mang ra phơi, hơi nóng trực tiếp sẽ làm những con trùng chui rúc sâu vào trong để trốn, tiếp đó gặp nắng ngày càng nóng hơn, chúng phải chịu chết mà không thể thoát ra được.

nên bắt đầu từ sau trưa và chấm dứt trước khi trời tối.

- Sau mỗi bữa tiệc, những thức ăn rơi rớt trên mặt đất thường sẽ hấp dẫn bầy kiến tìm đến. Vì thế, khi bày tiệc nên chuẩn bị sẵn vật chứa thức ăn thừa để cho tất cả vào đó. Nếu không, ngay sau khi khách vừa ra về phải lập tức quét dọn sạch sẽ mặt đất, tuyệt đối không để qua đêm.

- Trong mùa hè, khi dùng các loại trái cây, những thứ mà vỏ và hạt có vị ngọt đều không nên vất bừa bãi trên đất.

- Vào mùa nắng nóng, khi ướp cá thịt phải đủ lượng muối. Khi chế biến thịt khô có ướp rượu, nên dùng loại rượu có độ cồn cao.

- Khi thu thập giấy vụn để đốt đi, trước tiên phải xem kỹ trong đó có trùng kiến hay không và làm sạch đi trước khi đốt.

- Khi đi đường thấy kiến tụ tập trên đường nên chỉ cho người khác thấy [để khỏi giẫm đạp]. Nếu muốn bỏ thức ăn cho chúng, nên chọn chỗ vắng vẻ không ngăn trở người đi đường.

- Trong sân nhà phát hiện có nhện giăng lưới, không nên dùng tay phá đi.

- Người thực sự có đức hiếu sinh, khi thấy trong bụng người khác có muỗi đã cắn no máu thì tự mình lặng lẽ đến xua nó thoát đi nơi khác.¹

- Người có đức hiếu sinh, tự mình tuy không làm tổn hại vật mạng, nhưng một mai khi đã qua đời cũng không thể biết chắc con cháu sau này có làm theo như mình hay không. Vì thế, người tu tập hướng thiện thì khi tuổi cao sức yếu nên chuẩn bị di chúc để lại, dặn dò con cháu về sau phải giữ giới không giết hại, tu tập tâm từ, vĩnh viễn không được cúng tế bằng các món cá thịt.

¹ Chúng tôi có lược bỏ hai điều trong nguyên tác theo sau điều này, vì nội dung không còn phù hợp với kiến thức khoa học hiện nay.

Những điều cần lưu ý trong lời nói

Cầm thú muôn loài vào lúc bị giết hại cắt xẻ, tiếng kêu thét bi ai thật đáng thương biết bao. Loang loáng bóng dao vung, sôi sục nổi nước nóng, những nhục hình ấy bày ra trước mắt mà không có cơ hội để nói lên dù chỉ một lời biện bạch. Có thể hình dung những con vật ấy hẳn trong đời trước, có miệng mà chưa từng nói ra một điều gì hiền thiện tốt đẹp [nên nay mới phải chịu quả báo như thế]. Nay ta đã thấy nổi oan khuất đến như thế của muôn loài, thì mở miệng ra phải hết sức lưu tâm nói lời giúp đỡ, cứu vớt cho muôn loài.

- Người có đức hiếu sinh, mỗi khi giúp việc bên cạnh chủ nhân, không nên đề cập đến những việc như ăn món này tốt [cho sức khỏe] hoặc món kia không tốt, khiến cho chủ nhân vì lưu tâm đến chuyện ăn uống [mà giết hại vật mạng].

- Người giữ giới không giết hại thì phải lưu tâm không bàn nói đến những việc đào sông khơi rạch, tu sửa miếu thờ tà thần ác quỷ, hoặc khuyên người cúng tế quỷ thần, khuyến khích giao du với quan lại, hoặc tu sửa ruộng vườn, bởi đó đều là những việc dẫn đến giết hại nhiều vật mạng.

- Người thấu hiểu lý nhân quả thì tuyệt đối không nói ra những lời như người này có đức hiếu sinh, lẽ ra phải trường thọ nhưng lại chết yểu, người kia thường giết hại, lẽ ra phải chết yểu nhưng lại trường thọ, người này ăn mặn nên khí lực thân thể tráng kiện, người kia ăn chay nên hình dung tiêu tụy gầy ốm...

- Cha mẹ hoặc người thân có bệnh, nên mời thầy thuốc giỏi đến điều trị, đồng thời khuyên người bệnh phải chuyên tâm niệm Phật, đừng bày vẽ ra những chuyện như bói toán, cầu đảo quỷ thần.

- Khi gặp người có bệnh, nên đem lý lẽ chân chánh mà khuyên giải an ủi, không được nói những lời như nhà kia nhờ cầu đảo mà được sống, nhà nọ vì không cầu đảo mà phải chết...

- Các phương thuốc trị bệnh mà phải giết hại vật mạng để bào chế thì không truyền bá cho người khác. Cho đến những phương pháp ươm hoa trồng cây mà gây hại đến vật mạng cũng không được lưu truyền.

- Những người làm nghề nghiệp giết hại vật mạng, cho dù thấy họ đang lúc phát đạt giàu có cũng nên lựa lời khuyên họ đổi nghề, đừng bao giờ khen ngợi rằng làm nghề ấy là tốt đẹp.

- Thấy người khác làm việc phóng sinh phải hết sức ngợi khen tán thán, tạo điều kiện giúp họ hoàn thành việc tốt đẹp ấy, không được nói ra những lời gây cản trở, khiến họ phải thối chí mà đánh mất đi tâm hiền thiện.

- Trước mặt người thân, không được nói mình thích ăn thịt con vật này hoặc con vật kia. Lúc gặp người đầu bếp đang giết mổ, không được nói những lời chỉ bày như con vật này phải mổ như thế này, con vật kia phải mổ thế nọ...

- Thấy nghe những việc ăn uống thịnh soạn của nhà giàu sang, không được nói ra những lời ưa thích, vui mừng.

- Trên đường đi gặp những con vật sắp bị giết, dù là giống loài trên cạn dưới nước, đều nên khởi tâm thương xót cứu giúp như nhau, đừng phân biệt nặng nhẹ, tốt xấu, giá cả cao thấp.

- Người có đức hiếu sinh khi trò chuyện với người khác đừng bao giờ nói ra những lời như: chỗ kia dưới sông nhiều cá, chỗ nọ trong rừng nhiều chim, hoặc ở nơi ấy có bán con vật ấy...

- Những nơi nhà cao, miếu hoang phát hiện thấy có chim sẻ đến làm tổ đẻ trứng, phải đặc biệt lưu tâm bảo vệ. Cũng không được nói cho trẻ con biết rằng trên cây kia hoặc ở chỗ nọ có ve, bướm, chuồn chuồn...

- Nếu gặp các loài vật như rắn rết, thằn lằn, ong, sâu độc, không được nói cho người khác biết nơi đã gặp chúng. Gặp các loài kiến độc tụ tập, cũng không được chỉ nơi ấy cho người khác biết.

- Các phương thuốc độc để giết cá, giết chuột, phải thận trọng không được chỉ bày cho người khác. Nếu nhìn thấy ở đâu, phải tìm cách tiêu hủy ngay. Đối với các loại sách bài bác, hủy báng Phật pháp cũng vậy.

- Người có đức hiếu sinh thì không khuyến khích người khác nuôi dưỡng những loài vật như gà, vịt, dê, lợn, chim ưng, mèo, chó săn... cũng như tất cả những loài vật làm hại đến loài khác.

Bàn về sự khuyến khích, khuyên bảo

Họ Cừ¹ hổ thẹn vì chỉ có riêng mình là người quân tử,² vua Thuấn nguyện được cùng mọi người trong thiên hạ làm việc thiện. Người phát tâm cứu nhân độ thế, quý ở tấm lòng bao dung rộng khắp, dù ở đâu cũng khiến cho nhiều người khác phải cảm động. Nếu chỉ dựa vào sức riêng của mỗi một mình, thì dù mỗi miệng cũng chỉ uống làm người khác điếc tai, không tác dụng gì. Nếu có thể khiến cho nhiều người cùng tin nhận rồi tiếp nối khuyên bảo người khác nữa, thì sự khuyên bảo dẫn dắt mới có hiệu quả, nhân đó mà không cần phải gắng gổ quá sức.

- Người có đức hiếu sinh, nếu được giữ địa vị ở gần bậc vua chúa, nên thường đem lễ nhân từ khuyên nhủ, khuyến khích việc thôi dứt binh đao, mở mang văn nghiệp, giảm nhẹ thuế khóa lao dịch, ban chiếu ra khắp thiên hạ, mỗi phủ mỗi huyện đều lập ao hồ làm chỗ phóng sinh, khắc bia đá lưu lại để muôn đời đều biết mà không thay đổi.

- Bạn bè thân hữu lên đường nhậm chức cai quản ở các địa

¹ Họ Cừ: tức Cừ Bá Ngọc, tên thật là Cừ Viện (蘧瑗), hiệu Bá Ngọc (伯玉), làm quan Đại phu nước Vệ thời Xuân Thu, trải qua 3 triều vua là Vệ Hiến Công, Vệ Tương Công và Vệ Linh Công. Cừ Bá Ngọc nổi tiếng hiền đức, sau khi mất được ban tên thụy là Thành Tử (成子).

² Câu này có lẽ lấy ý từ câu chuyện Cừ Bá Ngọc đi ngang cửa cung Vệ Linh Công trong đêm khuya vẫn dừng lại xuống xe theo đúng nghi lễ. Phu nhân của Vệ Linh Công chỉ nghe tiếng xe dừng trong đêm mà đoán là ông. Vệ Linh Công cho người dò hỏi quả nhiên đúng vậy, liền giả vờ nói với phu nhân: “Nàng đoán sai rồi.” Phu nhân Vệ Linh Công liền nói: “Xin chúc mừng Chúa công. Thiếp vẫn tưởng nước Vệ chỉ có duy nhất Cừ Bá Ngọc là người hiền, không ngờ còn có người thứ hai cũng hiền đức như ông ấy.” Vệ Linh Công liền cười, nói ra sự thật.

phương, nên khuyên bảo có phương án dự trừ áp dụng ngay khi đến nơi, đó là ban hành lệnh cấm giết mổ chó, trâu; nếu địa phương ấy có sông dài đầm rộng, nên thiết lập ngay các ao phóng sinh, khuyến khích người dân khắc bia đá đặt nơi ấy để bảo tồn vĩnh viễn.

- Đối với miếu thờ các loại quý thần hưởng sự cúng tế bằng máu thịt, ở những nơi mà người cầu đảo tế tự thường tụ họp đông đảo, nên khắc một bia đá dựng lên, nội dung nêu rõ những căn nguyên đọa lạc của quý thần, những lý lẽ sống chết đều có số mệnh, việc giết hại vật mạng cuối cùng phải thường mạng, hoặc dẫn lời Phật dạy, hoặc kể chuyện nhân quả báo ứng, để tất cả mọi người đều được xem thấy.

- Tại những chỗ cổng thành, chùa chiền, miếu thờ, cùng những nơi có nhiều người qua lại, đều nên viết những lẽ nhân quả báo ứng, khuyên người không nên giết hại, niêm yết mọi người có thể nhìn thấy.

- Vào những dịp mừng ngày sinh của bạn bè thân hữu, nên nhân đó khuyến khích họ mua vật phóng sinh, khiến cho việc ấy trở thành một thông lệ vĩnh viễn.

- Những người cầu sinh con, cầu công danh sự nghiệp, đối với chỗ mong cầu chí thiết của họ, đều nên đem lễ không nên giết hại mà khuyên bảo.

- Những lúc đi chơi xa, đến nhà thân hữu, nên mang theo để tặng họ một bản văn khuyến thiện, khuyên việc không giết hại.

- Người ta đến lúc cùng khốn nguy cấp thường quay về với nguồn cội bản tâm của mình, lẽ ấy là đương nhiên. Vì thế, với những người có bệnh nên hết lời khuyên họ phải giữ giới không giết hại.

- Khi đến nhà những người xem bói toán, nên khuyên họ đừng bảo người khác cúng tế cầu đảo.

- Gặp những người làm nghề chế tạo khí giới, công cụ để giết hại vật mạng, nên lựa lời khuyên họ đổi nghề.

Bàn về sự trì tụng thần chú

Thần chú là mật ngữ của chư Phật, được truyền về phương Đông này, [là tinh túy trong kinh văn nên] thật rất đáng xem là quý báu như sữa đông, như đề hồ; là phương thần dược A-già-đà trị được muôn chứng bệnh, là chất cam lộ làm dịu mát trong rừng phiền não. Nếu tin nhận thọ trì chỉ một câu hay nửa bài kệ cũng đã có khả năng dứt trừ khổ não, cứu giúp khắp trong ba đường dữ. Không phải tốn kém nhiều tiền bạc mà cứu giúp sinh linh nhiều vô kể, vì thế nên phải lưu tâm thường trì tụng, đừng bỏ phí thời gian.

- Sáng sớm vừa thức dậy nên trì tụng 7 lần bài kệ và chú không làm tổn hại côn trùng, sau đó mới đặt chân xuống giường bước đi, với sự tỉnh giác sẽ không giẫm đạp nhằm các loại côn trùng, kiến, gián... Bài kệ và chú như sau:

*Tùng triều dần dần đán trực chí mộ,
Nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ.
Nhuộc ư túc hạ ngộ thương thời,¹
Nguyện nhữ túc thời sinh Tịnh độ.
Dịch nghĩa:
Sáng sớm đến chiều tối,
Nguyện muôn loài chúng sinh,
Thầy thầy tự phòng hộ.
Chúng sinh nào vô tình,
Bị giẫm đạp mất mạng,*

¹ Bài kệ này chúng tôi ghi theo nguyên bản Hán văn của An Sỹ toàn thư. Theo Sa-di luật nghi yếu lược tăng chú (沙彌律儀要略增註), thuộc tập 60 của Tục tạng kinh, kinh số 1118 (tổng cộng có hai quyển), bắt đầu từ dòng thứ 10, trang 258, tờ a, quyển 2, thì câu kệ này là: 若於足下喪身形 - Nhuộc ư túc hạ tán thân hình. (Nếu dưới chân tôi bị tan nát hình hài.) Nhiều bản văn khác cũng chép giống như câu này, hoặc theo Tỳ-ni nhật dụng thiết yếu (毗尼日用切要 - quyển 1) thì là: 若於足下喪其形 - Nhuộc ư túc hạ tán kỳ hình.

Xin nguyện cho tất cả,

Đều sinh về Tịnh độ.

Án, địa lợi chi lợi ta bà ha.¹

- Người có đức hiếu sinh nên thường niệm danh hiệu Bảo Thắng Như Lai, cùng viết thần chú hộ sinh thả xuống những nơi sông, giếng, có thể giúp các loài côn trùng ở đó sau khi chết đều được sinh về cảnh giới lành. Thần chú như sau:

“Án phọc tất ba la ma ni sa ha.”

- Khi gieo trồng các loại ngũ cốc, nên lấy ra một thăng² hạt giống, gia trì vào đó 21 biến thần chú, rồi trộn lẫn vào với số giống đem gieo, sẽ không bị trùng kiến ăn hạt giống, sau đó cũng không bị các nạn sâu rầy phá hại. Thần chú như sau:

“Đa trịch tha, sa la bạt đề, na xà bà đề.”

- Nếu là người có đức hiếu sinh, trong lòng rất muốn ăn chay nhưng do hoàn cảnh khó khăn mà không thể thực hiện được, thì trước khi ăn các món thịt cá nên tụng thâm ba lần câu chú này:

“Đa điệt tha, a nại ma a nại ma, a thị bà đa, a thị bà đa, na xá na xá, đà ha đà ha, bà phát bà phát, kha phiêu đa nhi, sa ha.”

- Nhìn thấy người khác lưới cá, bắt chim, giết mổ loài vật, nên phát khởi tâm đại từ, trong lòng âm thầm niệm danh hiệu chư Phật, Bồ Tát, hoặc trì thần chú Đại bi, thần chú Vãng sinh, thần chú Chuẩn Đề... được lợi ích vô cùng. Có rất nhiều thần chú, không thể kể hết nơi đây.

Bàn về sự cảm thông đối với loài vật

Con người chúng ta chỉ một ngón tay bị ngập vào nước sôi, ắt

¹ Câu chú này cũng được ghi theo An Sĩ toàn thư: 唵地利日 (音支) 利娑婆訶 - nhưng theo Tỳ ni nhật dụng thiết yếu (毗尼日用切要), thuộc tập 60 của Tục tạng kinh, kinh số 1115, có một quyển, thì câu chú này là: 唵逸帝律尼莎訶 - Án dật đế luật ni sa ha.

² Thăng: đơn vị đo lường, bằng một phần mười của đấu, tương đương với khoảng 1 lít ngày nay.

đau đớn như toàn thân đều bị dao cắt, [huống chi lại ra tay giết hại vật mạng bằng cách đâm chém, cắt xẻ, nấu nướng đủ cách.] Quả báo của việc giết hại như thế thật khó lòng tránh khỏi, dù trải qua muôn kiếp vẫn phải đền trả đủ. Cho nên, một ý niệm giết hại vừa manh nha sinh khởi, phải lập tức mạnh mẽ hồi tâm ngăn chặn. Nỗ lực làm việc thiện phải như người đói khát [cần ăn uống], dần dần mới có thể trở nên hợp với đức nhân từ.

- Người có đức hiếu sinh, muốn dứt trừ hẳn nghiệp giết hại, trước hết nên tĩnh tâm suy nghĩ về việc tất cả các loài vật khi mẹ con được ở bên nhau, đều quyến luyến thương yêu một phút không rời, so với tình mẫu tử bịn rịn khó dứt trong loài người cũng không có gì khác biệt. Suy nghĩ như vậy rồi, ắt tâm từ sẽ sinh khởi, [không thể nào xuống tay giết hại vật mạng].

- Nên tĩnh tâm quán sát hết thảy các loài vật, miếng ăn thức uống thường không đủ, vất vả bôn tẩu khắp nơi chỉ cầu được no lòng, thật đủ điều khốn khổ. Lại nghĩ ví như chúng ta gặp phải những năm mất mùa đói thiếu, thật cũng khổ sở không khác gì chúng. Suy nghĩ như vậy rồi, ắt tâm từ sẽ sinh khởi, biết thương xót loài vật.

- Lại tĩnh tâm quán sát loài vật, vào những lúc bị người đuổi bắt, hoặc kinh hãi trốn chạy, hoặc kêu thét đớn đau, thậm chí cố sức leo tường vượt rào, chui vào hang sâu, trốn ra đồng rộng, tìm đủ cách thoát thân. Nếu so với loài người chúng ta khi bị vua quan đuổi bắt, hốt hoảng kinh sợ, thật cũng không khác gì chúng. Suy nghĩ như vậy rồi, ắt tâm từ sẽ sinh khởi, biết thương xót loài vật.

- Lại tĩnh tâm quán sát loài vật, vào những lúc bị người mang ra giết mổ, hoặc ruột gan đã bị mổ tung mà đôi mắt còn mở trừng trừng căm hận không muốn nhắm, hoặc cổ họng đã cắt lìa mà tứ chi còn co giật đau đớn. Nếu so với con người chúng ta khi bệnh nặng sắp chết, những biểu hiện gắng gượng cuối cùng trước khi tắt hơi thật cũng không khác gì chúng. Suy nghĩ như vậy rồi, ắt tâm từ sẽ sinh khởi, biết thương xót loài vật.

- Lại tỉnh tâm quan sát loài vật sau khi bị người giết mổ. Giết một con dê, ắt cả bầy dê đều khiếp sợ. Bắn một con chim, ắt cả đàn chim đều sợ hãi bay tán loạn. Nếu so với con người chúng ta, lúc bị nạn giặc cướp tràn đến thảm sát cả một vùng, nhìn thấy cha mẹ máu thịt vung vãi, hoặc thấy vợ con lần lượt bị bắt dẫn đi, nỗi đau đớn kinh sợ trong lòng thật cũng không khác gì chúng. Suy nghĩ như vậy rồi, ắt tâm từ sẽ sinh khởi, biết thương xót loài vật.

Bàn về sự sám hối lỗi lầm

Đáng sợ thay [khi sinh ra trong] cõi Ta-bà uest trước. Ở cõi này, phạm phu thì điên đảo, hôn ám, si mê, lại thêm các duyên xấu ác ngày một mạnh mẽ hơn, trong khi các duyên lành thì ngày càng ít ỏi, nhỏ nhoi. Đau buồn sâu não thường vây phủ đến mức tưởng chừng như không sao chịu nổi.

Con người đời nay cứ mãi trì trệ lần lữa, quen theo thói cũ mà không chịu sám hối lỗi lầm, đợi đến đời sau muốn sám hối e không còn cơ hội. Oán cừu gây tạo trước sau đều phải dần dần đền trả không sai chạy, xưa nay nào có ai tránh thoát được?

- Người có đức hiếu sinh, khi gặp cảnh binh lửa can qua, giặc cướp nhiễu nhương, thấy xác chết nằm phơi khắp nơi, nên nghĩ rằng đó chính là do tội báo của việc giết hại mà thành. Lại nghĩ rằng chúng ta đây, đời này cũng như đời trước, đã từng tạo nghiệp giết hại chúng sinh như thế, ắt tương lai rồi cũng phải gánh chịu quả báo chết thảm phơi thây như thế. Nghĩ như vậy rồi liền lập tức sám hối.

- Khi gặp phải thời đói thiếu, nhìn thấy mọi người giành giật ăn nuốt lẫn nhau, nên nghĩ rằng đó là do việc tàn hại thiên nhiên vạn vật mà nay phải chịu quả báo là cảnh đói thiếu khổ sở như thế. Lại nghĩ rằng, mình cũng đã từng phạm vào nghiệp xấu ác như thế, trong tương lai ắt khó tránh khỏi rồi cũng sẽ phải chịu cảnh đói thiếu tương tàn như thế. Nghĩ như vậy rồi liền lập tức sám hối.

- Nhìn thấy người khác gặp nạn lửa thiêu, hoặc bị chết đuối, người thân cốt nhục phải chịu chia lìa, nên nghĩ rằng đó chính là quả báo của những việc làm như lấp hang thú, phá tổ chim, luộc nấu chúng sinh trong nước sôi dầu nóng. Chính mình đã từng làm những việc như thế, nên trong tương lai nhất định cũng sẽ phải chịu cảnh như thế. Nghĩ như vậy rồi liền lập tức sám hối.

- Nhìn thấy cảnh những người mẹ trẻ sinh con khó khăn, cuối cùng mẹ con đều yếu mạng, nên nghĩ rằng đó chính là quả báo của những việc trước đây đã từng phá trứng hoại thai động vật. Lại nghĩ chính mình trước đây cũng có thể đã từng làm như thế, ắt sẽ phải chịu quả báo như thế. Nghĩ như vậy rồi liền lập tức sám hối.

- Nhìn thấy cảnh những người bệnh tật, thân thể phải chịu muôn ngàn nỗi khổ, máu mủ như nhọt khắp người, nên nghĩ rằng đó chính là quả báo của việc trước đây từng đánh đập hành hạ chúng sinh. Lại nghĩ rằng chính mình nếu từng làm như thế, một khi nghiệp báo đến ắt cũng không khỏi phải chịu như thế. Nghĩ như vậy rồi liền lập tức sám hối.

- Nhìn thấy những tù nhân chịu tội nặng nề, thân thể bị giam cầm trong lao ngục, suốt nhiều năm phải chịu gông cùm, nên nghĩ rằng đó chính là quả báo của việc trước đây từng giam nhốt hành hạ chúng sinh. Lại nghĩ rằng, trong những đời trước rất có thể mình cũng đã từng phạm tội như thế, ắt rồi cũng sẽ chịu quả báo như vậy không khác. Nghĩ như vậy rồi liền lập tức sám hối.

- Nhìn thấy những người bị cạo râu, rấn cằm, hoặc treo cổ, uống thuốc độc tự vẫn, nên nghĩ rằng đó chính là quả báo của việc trước đây từng dùng dao gậy, thuốc độc bức hại chúng sinh. Lại nghĩ rằng, cũng không dám chắc chính mình ngày sau có thể không gặp những quả báo như vậy. Nghĩ như vậy rồi liền hết sức nỗ lực sám hối.

Bàn về sự phát tâm Bồ-đề

Mênh mang vô số cõi nước mười phương, hết thảy đều bao hàm trong tự tánh. Vì thế, chúng sinh còn chưa được cứu độ hết chính là do lỗi của ta. Muốn phát đại nguyện cứu độ khắp thảy chúng sinh trong Ba cõi, nhất thiết phải hướng tâm đến đại chúng hai cõi trời người, trải qua suốt nhiều đời nhiều kiếp cứu độ chu toàn. Hai chữ “phát tâm” có ý nghĩa rộng lớn vô cùng, hết thảy chư Phật đều hiển hiện rõ ràng trong đó.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật khi ở trong thai mẹ phải chịu khổ não vô cùng. Một khi con thú mẹ bị giết, thú con cũng phải chết theo. Nhìn thấy như vậy, nên hình dung quán tưởng như đó là quyến thuộc của mình trong đời trước, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều được hóa sinh từ hoa sen, không phải chịu muôn vàn nỗi khổ sở trong bào thai.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật mang lông đội sừng, xoay lưng hướng lên trời xanh, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, uy đức oai nghiêm, hào quang chiếu khắp các cõi nước không cùng tận.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật bị giam nhốt trong lồng chậu, không được tự do, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều có oai lực lớn, đi lại bay nhảy tự do tùy ý, biến hóa dạo chơi khắp mười phương không hề sợ sệt.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật ngồi nằm trong phần ướn nhưng cam tâm chịu đựng không oán thán, ăn uống không ngoài những món như cặn bã tẩm cám, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều lấy niềm vui trong thiên định

làm thức ăn, có đầy đủ các món ăn ngon của cõi trời, tùy ý đều có đủ, lại được tự nhiên sinh ra trong lầu đài bằng bảy món báu, có đủ muôn vạn phước lành trang nghiêm không thể nói hết.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật được nuôi ăn đó rồi mang ra giết đó, thường phải nơm nớp ôm lòng lo sợ hoảng hốt, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều sống hiền hòa vui vẻ cùng nhau, đều thương yêu kính trọng lẫn nhau, thậm chí dù trong giấc mộng cũng không hề nảy sinh tâm niệm hiềm khích.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật phải mang vác lời kéo nặng nề để đền trả nghiệp báo đã vay của người khác từ đời trước, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều được tiêu trừ tất cả tội nặng trong nhiều đời, ngay cả đối với những kẻ mang nặng nợ nần thù oán cũng đều đối xử với nhau như thân bằng quyến thuộc.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật tuy phát ra được tiếng kêu mà không thể nói thành lời có ý nghĩa, cho đến lúc bị mang ra giết cũng chỉ biết kêu tiếng bi ai mà không thể cáo kiện khiếu nại gì, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều có được trí tuệ và tài biện thuyết, có thể khéo léo phân biệt được đạo thế gian với đạo xuất thế gian.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật khi bỏ mạng dưới mũi dao sắc, chỗ này kêu rống bi ai, chỗ kia máu phun ăng ặc, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, đối với hết thảy chúng sinh trong mười phương, những ai đang phải chịu nỗi khổ binh đao ta đều cứu thoát tất cả, khiến cho đều được tuổi thọ đến vô cùng vô tận, thậm chí bên tai chẳng bao giờ còn phải nghe đến hai tiếng sống chết.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật phải mẹ con chia rẽ, đôi lứa phân ly, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều được mẹ con đoàn tụ, vợ chồng chung sống đến đầu bạc răng long, thấu rõ được chuyện ân ái lứa đôi như gong cùm trời buộc.

- Người phát tâm Bồ-đề, nhìn thấy loài vật bị chiên xào nấu nướng để phục vụ miếng ăn vào miệng cho con người, liền phát thệ nguyện lớn lao sâu rộng: Nguyện ta sớm thành quả Phật, sẽ khiến cho hết thảy chúng sinh trong mười phương đều được bốn đại trong thân điều hòa thích hợp, không có mọi sự khổ sở đau đớn, vĩnh viễn không còn ưa thích những món ăn bằng máu thịt chúng sinh, rốt cùng đều được trọn thành quả Phật.

LỜI BẠT

Sách Vạn thiện tiên tư này chính là tác phẩm của Cư sĩ Hoài Tây,¹ ông cố nội của tôi. Thuở còn trẻ, khi tôi xem lại mục lục trước thuật các sách khuyến thiện của ngài, trong đó thấy được sách *Vạn thiện tiên tư* và *Dục hải hồi cuồng*, bản gốc bị mất đã lâu, bản in cũng không còn thấy nữa. Tôi đã cố tìm nhưng không tìm được.

Trải qua hơn 30 năm sau, vào mùa đông năm Giáp Dần,² tôi mới tìm lại được một bản in của sách *Dục hải hồi cuồng*, thật vui mừng như được viên ngọc bích quý giá. Tôi liền mang sách trình lên tiên sinh Nam Thôn, ông mừng rỡ lập tức cho tiến hành việc khắc bản in lại để lưu truyền rộng rãi. Nhưng khi

¹ Cư sĩ Hoài Tây là hiệu của tiên sinh Chu An Sỹ.

² Tức năm 1794. Tiên sinh Huệ Điển là cháu gọi tiên sinh An Sỹ bằng ông cố nội, nhắc đến mục lục của ông cố từ cách đó hơn 30 năm, tức là trước năm 1764 và đã ở vào độ tuổi có thể đọc sách. Từ đó có thể suy đoán vị này sinh ra trước năm 1764 khoảng 15 – 20 năm, tức vào khoảng thập niên 1740. Tiên sinh An Sỹ mất năm 1739, và người cháu này có thể chưa từng biết mặt ông cố.

ấy còn chưa tìm được sách *Vạn thiện tiên tư* nên trong lòng vẫn thường ưu tư lo lắng.

Đến mùa xuân năm Ất Sửu,¹ tiên sinh Hạ Mặc, là anh em với Lâm Giám Đường, mang một bản sách này đến tặng cho tôi, thật vui mừng như chính tự thân được nhìn thấy Phật. Tôi nghĩ đến trước tác của tiền nhân, ngày nay đã tìm lại được đầy đủ, thật mừng vui không sao nói hết.

Nói đến việc giữ giới không giết hại, tuy là lời dạy của đức Phật, nhưng so với ý nghĩa “không nở lòng”² của nhà Nho chúng ta vẫn là chung một cội nguồn tâm niệm. Sách *Vạn thiện tiên tư* này khuyến khích, khuyên răn mỗi việc đều rõ ràng sáng tỏ, biện giải nghi ngờ mọi điểm đều chi ly cẩn trọng, quả thật hết sức tường tận đầy đủ. Nếu ai có thể làm theo ắt đạt được đức lớn, cùng một thể như trời đất, nếu người người đều làm theo, ắt có thể cùng một công dụng [với tâm đại bi] cứu độ cho hết thảy các loài chim, thú, cá, rùa... từ xưa đến nay.

Nếu chưa được như vậy, nên chí thành sớm tối thường đọc sách này mà tự cảnh tỉnh, quán xét xem trong tấm lòng trắc ẩn của mình, lẽ nào không có chút áy náy băn khoăn [khi giết hại ăn thịt muôn loài] hay sao? Chỉ cần [có chút áy náy băn khoăn] như thế cũng đã là một sự hữu ích cho ta trên con đường hướng thiện.

Tuy nhiên, lòng tôi vẫn luôn hy vọng người đọc sách này một khi đã tĩnh tâm quay lại quán xét, biết thương xót cho muôn loài đều tham sống sợ chết, liền so sánh với khuynh hướng tâm lý của con người tìm về chỗ an ổn, tránh né chỗ nguy nan, nhân đó có thể cảm thông hiểu được. Ta đã không nở lòng làm tổn hại sinh mạng của loài vật, lẽ nào đối với đồng loại lại nở lòng gây tổn hại, khiến

¹ Tức là năm 1805.

² Không nở lòng: Lấy ý từ lời dạy của Nho gia: “Kiến kỳ sinh bất nhân kiến kỳ tử, văn kỳ thanh bất nhân thực kỳ nhục.” (Đã thấy con vật sống thì không nở thấy nó phải chết, nghe tiếng nó kêu [bi thương] thì không nở ăn thịt nó.)

cho họ không đạt được chỗ mong muốn? Đại nguyện cứu giúp lợi lạc chúng sinh không nằm ở chỗ nghèo cùng khổ hay vinh hiển phú quý khác biệt nhau, mà chỉ là ở chỗ đối với nội dung sách này có sự khéo léo nhận hiểu tiếp nhận hay không mà thôi.

Vào mùa thu năm nay, có những vị thân hữu cùng chí hướng được nhìn thấy sách này, đều vui mừng cùng nhau đóng góp tiền bạc, dùng vào việc khắc bản in ra. Trải qua ba tháng thì việc in ấn hoàn tất. Thấy được tấm lòng ham thích làm điều thiện của các vị hiền nhân quân tử, ắt rằng ông cố nội tôi cũng sẽ mỉm cười nơi Tây phương Tịnh độ.

*Năm Mậu Thìn, niên hiệu Gia Khánh
năm thứ 13,¹ ngày 16 tháng Chạp,
cháu cố nội là Huệ Điền
cúi lạy trăm lạy,
kính cẩn đề lời bạt*

¹ Tức là năm 1808.

PHỤ ĐÍNH

Lời tựa văn Giới sát phóng sinh

Đại sư Liên Trì thừa thiếu thời đã tinh thông lục nghệ,¹ văn chương lưu truyền nổi tiếng khắp gần xa. Ngài khổ công nghiên cứu sâu xa giáo pháp cả Ba thừa,² nắm được tông chỉ, đạt được chứng ngộ, siêu việt thường tình. Ngài dũng mãnh khoác áo giáp tinh tấn, sáng suốt nắm giữ bảo châu trí tuệ, hết sức xót thương những người còn mê muội nên đối với Giới luật lại đặc biệt lưu tâm nhắc nhở nhiều nhất về giới không giết hại.

Hết thấy muôn loài mang máu huyết thân khí đều có tri giác cảm nhận, hết thấy những sinh vật động đậy bay nhảy đều cùng chung một thể tánh với ta. Để làm đầy bụng mình, có lẽ nào lại nên giết hại muôn vật? Trời cao sẵn đức hiếu sinh, thể theo đó nên dẫn dắt người còn lạc lối.

Ôi, tấm lòng trắc ẩn thì người người đều có, mà cái thảm cảnh cắt xẻ nấu nướng lại xảy ra rõ ràng ở khắp mọi nơi. Giam nhốt giết mổ muôn loài, xưa nay người ta vẫn luôn xem như chuyện thường tình, vẫn xoay giết hại vật loại, xem ra ta có khác chi loài cầm thú? Ong châm muỗi đốt còn sinh bực dọc, sao nữ cắt xẻ băm vằm loài vật chẳng đoái thương? Phân thây xẻ thịt muôn loài rồi cho vào miệng làm no bụng, thử tỉnh tâm xét lại xem đức nhân của mình nằm ở chỗ nào? Thử nghĩ đến quả báo ngày sau, oán cừu đối mặt làm sao chối chạy? Một khi đã trôi giạt vào vòng xoáy mạnh được yếu thua, xoay vòng ăn nuốt lẫn nhau, ắt phải đi mãi theo đường vay trả, trả vay mà

¹ Có 2 cách hiểu về lục nghệ. Một là chỉ sáu môn kiến thức được thời cổ đại xem là phổ thông, bao gồm: lễ (nghỉ lễ), nhạc (âm nhạc), xạ (bắn cung), ngữ (đánh xe), thư (văn chương chữ nghĩa) và số (toán pháp). Tuy nhiên, do ý câu tiếp theo nên chúng tôi nghiêng về cách hiểu thứ hai, cũng gọi là Lục kinh, chỉ sáu bộ sách mang tinh giáo khoa cổ điển của Nho gia, bao gồm: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

² Ba thừa: bao gồm Tiểu thừa (hay Thanh văn thừa), Trung thừa (hay Duyên giác thừa) và Đại thừa (hay Bồ Tát thừa).

đắm chìm vĩnh viễn trong luân hồi sinh tử.

Vì thế, đức Như Lai đã thắp lên ngọn đuốc trí tuệ rực sáng giữa chốn trùng trùng u tối, cứu chúng sinh khổ đau thoát khỏi tám nạn, dạy người chấm dứt nhân giết hại, ắt không còn bị trói buộc vào nghiệp quả xấu ác. Thời nay giáo pháp ngày càng suy nhạt, người ta đã từ lâu mê mờ quên mất lời dạy nhiệm mầu của đức Như Lai. Đại sư Liên Trì một mình quét sạch bùn nhơ năm dục,¹ giảng rõ giảng mỗi nơi Ba cõi, trong biển âm thanh xướng lên [bài văn này như] con thuyền trí tuệ nguyện lực, cứu giúp người đang đắm chìm trong bể khổ, đưa hết thầy về nơi chân thật nhất như.

Ôi, ý chỉ tốt đẹp thay! Pháp vốn không phân đốn tiệm, chúng nhập rồi đều đạt cảnh giới chẳng phân hai; đạo vốn không chia thánh phàm, quan trọng nhất là đức tin sâu vững. Chỉ cần có thể vâng giữ làm theo giới không giết hại của thầy trao, rồi quán xét thật kỹ xem nguyên nhân khởi lên ý niệm giết hại trong lòng ta là từ đâu đến.

Là từ tâm linh diệu nhận biết này chăng? Hay từ thân thể xương da máu thịt này? Nhưng gốc của tâm vốn là từ bi, do đâu khởi sinh ý niệm tàn độc giết hại? Thân thể xương thịt vốn không có thức rõ biết, sao có thể chứa đủ tham, sân? [Xét rằng khi] tâm rỗng không ắt lời khen tiếng chê đều không biết đến, nên sự ham thích mùi vị đó không do nơi thân xác thịt. Nhưng khi thân thể tịch lặng thì sự yêu thích hay ghét bỏ cũng không thể tự sinh khởi, nên chỗ muốn giết hại lại không thật do nơi tâm.

Cả thân và tâm đều không phải chỗ khởi sinh, vậy trong đó [ý niệm giết hại] từ đâu mà đến? Cho nên biết rằng, cả thân và tâm vốn đều thanh tịnh, chỉ do từ lâu huân tập những điều

¹ Năm dục (ngũ dục): tức sự thích ý hài lòng khi được thỏa mãn năm giác quan, bao gồm mắt ưa thích hình sắc đẹp (sắc dục), tai ưa thích âm thanh êm dịu (thanh dục), mũi ưa thích hương thơm (huương dục), lưỡi ưa thích vị ngon (vị dục) và thân thể ưa thích sự xúc chạm mềm mại (xúc dục). Năm dục là nguyên nhân căn bản nhất đẩy con người lún sâu vào tội lỗi, chỉ vì muốn được thụ hưởng chúng. Vì thế, đạo Phật xem năm dục như bùn nhơ cần phải tránh xa thay vì buông thả phóng túng chạy theo.

huyền hoặc mê vọng mà thành trói buộc. Đạt đến chỗ diệu huyền của bản thể thanh tịnh, ắt việc giữ giới [không giết hại] này chẳng còn do nơi ngoại cảnh; giải trừ được sự trói buộc che lấp của huyền hoặc mê vọng, ắt lòng đại bi không còn bị ngăn ngại trong tâm. Nhập vào đại định, thành tựu quả Phật, đều do từ chỗ này.

Tôi thuở nhỏ từng được nghe lời dạy của Mạnh tử rằng “Người quân tử tránh xa chốn bếp núc”,¹ đó là do lòng từ hết sức thương yêu loài vật, [không muốn nhìn thấy sự giết hại]. Nay lại được đọc thêm bản văn Giới sát này của Đại sư Liên Trì, thật là một ý niệm lợi ích đến cả côn trùng, bảo vệ sự sống cho muôn vật. [Xem qua bản văn này rồi] liền dạy con cháu phải học lấy làm theo, lại mong mỗi có thể gìn giữ rộng truyền ra khắp mọi nơi.

*Tứ tiến sĩ xuất thân,² Quang lộc Đại phu,
Thái tử Thái bảo,³ Lại bộ Thượng thư,
Vũ Anh Điện Đại học sĩ,
Tri chế cáo quốc sử điển chí tổng tài quán,
người trấn Hải Ngu⁴ là Nghiêm Nột soạn⁵*

¹ Câu này trích từ sách Mạnh tử, chương Lương Huệ Vương thượng, tiết thứ 7. Nguyên văn đoạn này là: 君子之於禽獸也，見其生，不忍見其死；聞其聲，不忍食其肉。是以君子遠庖廚也。- Quân tử chi ư cầm thú dã, kiến kỳ sinh bất nhân kiến kỳ tử, văn kỳ thanh bất nhân thực kỳ nhục. Thị dĩ quân tử viễn bào trù dã. (Người quân tử đối với cầm thú, đã thấy nó sống thì không nỡ nhìn thấy nó chết, đã nghe tiếng nó kêu [khi bị giết] thì không nỡ ăn thịt nó. Vì vậy nên người quân tử tránh xa chốn bếp núc.)

² Theo quy chế thi cử áp dụng vào triều Minh, những người đỗ tiến sĩ được phân ra từ cao xuống thấp bao gồm: 1. Hàng Nhất giáp (3 người) bao gồm Trạng nguyên (đệ nhất), Bảng nhãn (đệ nhị), Thám hoa (đệ tam) đều gọi chung là *Tứ tiến sĩ cập đệ*; 2. Hàng Nhị giáp (17 người) gọi là *Tứ tiến sĩ xuất thân*; 3. Hàng Tam giáp (80 người, sau tăng lên đến 130 người) gọi là *Đông tiến sĩ xuất thân*. Như vậy, vị này đỗ tiến sĩ vào hàng Nhị giáp.

³ Thái bảo là chức quan phụ trách dạy học trong cung. Thái tử Thái Bảo phụ trách dạy Thái tử học.

⁴ Hải Ngu (海虞): thuộc huyện Thường Thục, tỉnh Giang Tô.

⁵ Nghiêm Nột, tên tự là Mẫn Khanh, sinh năm 1511, mất năm 1584, người huyện Thường Thục, tỉnh Giang Tô, sau khi mất được vua ban tên thụy là Văn Tinh. Ông đỗ tiến sĩ năm 1541, triều vua Minh Thế Tông, từng làm quan thăng đến các chức Lễ bộ Tà thị lang, Lễ bộ Hữu thị lang, Lại bộ Thượng thư.

VĂN GIỚI SÁT PHÓNG SINH

*Triều Minh, chùa Vân Thê, đất Cổ Hàng,
sa-môn Chu Hoàn soạn văn và chú thích¹*

1. Văn giới sát

Nhập đề:

Người đời ăn thịt cá, đều cho là chuyện đương nhiên, do đó mà phóng túng ra tay giết hại, tạo nghiệp oán cừu sâu nặng rộng khắp. Cứ thế lâu dần, đời này sang đời khác, tập mãi thành thói quen, đến nỗi tự mình không còn nhận biết đó là sai trái. Quả đúng như lời người xưa từng nói: “Thật đáng cho ta phải đau đớn rơi lệ, than tiếc khôn nguôi!”

Những điểm mê muội cố chấp không hiểu đúng của người đời, có thể lược phân ra bảy điều trình bày dưới đây, còn ngoài ra nữa cũng có thể từ đó suy rộng ra mà biết được.

Giải rộng:

Muôn loài có tri giác đều đồng một thể tánh, nhưng con người lại ăn thịt muôn loài là điều hết sức quái lạ. Sở dĩ không thấy đó là quái lạ, vì trong gia đình tập quen theo thói ấy đã nhiều đời, lối xóm láng giềng cũng bắt chước theo nhau lâu ngày thành tục lệ. Khi quen làm như thế đã lâu thì không còn biết là sai trái nữa, mà ngược lại cho là đúng đắn, hợp lý, làm sao còn có thể thấy đó là việc quái lạ? Nếu ngày nay có kẻ giết người rồi xẻ thịt mà ăn, mọi người ắt đều kinh hãi mà bắt lấy xử ngay tội chết. Vì sao? Đó là vì xưa nay không quen làm như vậy.

Ví như việc giết người không bị nghiêm cấm, mọi người đều làm theo trong nhiều năm, ắt là khắp trong thiên hạ không khỏi

¹ Sa-môn Chu Hoàn tức là Đại sư Liên Tri. Các chú giải của nguyên tác chính là phần giảng rộng, còn các chú thích cuối trang là của chúng tôi (người Việt dịch).

đều thấy món thịt người bị đưa vào bếp nấu nướng!

Cho nên mới nói rằng: “Hết thầy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, thật đáng cho ta phải roi lê đầu đón, than tiếc khôn nguôi!”

Điều sai lầm thứ nhất: Mừng ngày sinh không nên giết hại

Cha mẹ sinh ra ta vất vả nhọc nhằn biết bao! Ngày ta bắt đầu có được tấm thân này, cũng chính là ngày cha mẹ phải bắt đầu đối mặt với khó khăn, đến gần hơn với cái chết. Cho nên, đây chính là ngày ta nên ăn chay, giữ giới không giết hại, rộng làm các việc lành, cầu cho cha mẹ nếu đã qua đời sớm được siêu thoát, nếu còn hiện tại được phước thọ tăng thêm. Sao có thể vội quên đi khổ nạn hiểm nguy của mẹ [trong ngày sinh ta] mà ra tay giết hại sinh linh, trên thì gây nghiệp ác liên lụy đến mẹ cha, dưới lại khiến bản thân mình phải chịu nhiều bất lợi?

Sai lầm này hết thầy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, chính là điều thứ nhất thật đáng cho ta phải roi lê đầu đón, than tiếc khôn nguôi!

Giảng rộng:

Đường Thái Tông ngày xưa ở ngôi vua tôn quý, giàu có không ai bằng,¹ nhưng vào ngày sinh còn không lấy làm vui. Điền chủ nghênh ngang² chỉ bội thu mười đấu thóc mà khách mừng đến chật cả nhà, yến tiệc liên tục nhiều ngày, thật không biết như thế thì có thể làm được gì?

Hiện nay cũng có những người vào ngày sinh tổ chức cúng

¹ Nguyên tác dùng “萬乘之主 - vạn thừa chi chủ” (làm chủ một vạn cỗ xe), có ý mô tả sự giàu có.

² Nguyên tác dùng “田舍翁 - điền xá ông” để chỉ người điền chủ sở hữu đất ruộng nhưng cũng hàm ý quê mùa, thiếu tri thức. Bạch Cư Dị trong bài thơ Mua hoa (買花) có câu: “有一田舍翁，偶來買花處。” (Hữu nhất điền xá ông, ngẫu lai mai hoa xứ. – Có một ông điền chủ [chẳng biết gì nhưng] ngẫu nhiên đi đến chỗ mua hoa.)

đường chư tăng, trì tụng Kinh điển, làm các việc thiện, thật quý hóa tốt đẹp thay!

Điều sai lầm thứ hai: Mừng sinh con không nên giết hại

Người đời không có con thì buồn rầu, sinh được con thì mừng rỡ. Thế nhưng lại không chịu nghĩ đến việc hết thảy muôn loài cũng đều biết thương yêu con không khác gì mình.

Mừng vui vào ngày con ta sinh ra, lại khiến cho con cái của loài vật phải chết, liệu có thể an ổn trong lòng được chăng?

Con cái vừa mới sinh ra, đã không biết vì nó tu tích phúc đức, ngược lại còn giết hại sinh mạng tạo nghiệp xấu ác, thật là quá sức mê muội.

Sai lầm này hết thảy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, chính là điều thứ hai thật đáng cho ta phải rơi lệ đau đớn, than tiếc khôn nguôi!

Giải rộng:

Xưa có người thợ săn, một đêm nọ uống rượu quá say, nhìn đứa con nhỏ của mình mà tưởng là con mang,¹ liền mài dao giết thịt. Người vợ khóc lóc cản lại, nhưng anh ta không nghe, cứ việc mổ bụng làm thịt, xong để đó đi ngủ.

Sáng hôm sau, anh ta thức dậy gọi con trai cùng đi vào chợ bán thịt mang. Người vợ khóc nói rằng: “Đêm qua ông đã giết con rồi.” Người thợ săn nghe vậy thì ngã nhào xuống đất, ruột gan như bị ai xé nát! Than ôi, người và vật tuy rằng khác nhau, nhưng lòng thương con không khác, có thể nhẫn tâm giết hại được sao?

¹ Con mang (con chương): một loài thú rừng giống con hươu nhưng nhỏ hơn nhiều.

Điều sai lầm thứ ba: Ngày cúng giỗ không nên giết hại

Những ngày cúng kỵ ông bà tổ tiên cũng như ngày giỗ những người thân đã khuất, hoặc các lễ tế xuân thu hai mùa trong năm,¹ đều không được giết hại vật mạng. Muốn cầu phúc cho người ở cõi âm, lại giết hại vật mạng để cúng tế, chỉ làm tăng thêm nghiệp ác mà thôi. Ôi, [giết hại vật mạng để làm ra] bao nhiêu món ăn bày la liệt trên bàn, nhưng làm sao có thể gọi đây nắm xương tàn của người chết từ chín tuổi về ăn? Thật vô ích mà lại gây bao họa hại, nên người có trí tuệ quyết chẳng ai làm như vậy.

Sai lầm này hết thấy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, chính là điều thứ ba thật đáng cho ta phải rơi lệ đau đớn, than tiếc khôn nguôi!

Giải rộng:

Có kẻ nói, Lương Vũ Đế lấy bột làm thành hình vật tế thay cho những con vật sống để cúng tế, người đời đều chê bai rằng như vậy là khiến cho tổ tiên không được hưởng rượu thịt. Than ôi, thịt cá chưa chắc đã là ngon quý, rau dưa không hẳn đã là kém cõi. Đạo làm con đối với cha mẹ, điều quý nhất là phải thận trọng tu sửa bản thân, dù có chút thiếu sót trong cúng tế tổ tiên cũng vẫn là tốt đẹp, đâu nhất thiết mỗi khi cúng tế đều phải dùng máu thịt chúng sinh? Kinh Dịch có dạy rằng: “Cúng kính đơn sơ nhưng chân thành còn hơn kẻ giết trâu.” Bậc thánh nhân có dạy, nuôi vật để cúng tế là bất hiếu. Đâu nhất thiết mỗi khi cúng tế đều phải dùng máu thịt chúng sinh?

¹ Tục lệ Trung Hoa ngày xưa có hai lễ tế lớn trong năm vào mùa xuân và mùa thu. Việt Nam không có tục lệ này, nhưng có một số lễ tiết khác mà người dân thường cúng kính ông bà tổ tiên, như tục cúng rước ông bà trước giao thừa, hoặc cúng vào mồng năm tháng năm, rằm tháng bảy v.v...

Điều sai lầm thứ tư: Hôn lễ không nên giết hại

Người đời tổ chức các nghi lễ trong hôn nhân, từ khi dạm hỏi, nạp lễ... cho đến chính thức thành hôn, thật không biết đã giết hại bao nhiêu là vật mạng. Ôi, hôn nhân là khởi điểm của việc sinh con về sau, nhưng khởi đầu của sự sinh sản mà lại làm việc giết hại sự sống, thật là trái lẽ biết bao!

Hơn nữa, hôn nhân là việc tốt lành, nhưng trong ngày lành lại làm việc chẳng lành, giết hại loài vật, chẳng thấy đáng thương lắm sao?

Sai lầm này hết thấy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, chính là điều thứ tư thật đáng cho ta phải rơi lệ đau đớn, than tiếc khôn nguôi!

Giải rộng:

Người đời khi gặp hôn sự đều cầu chúc cho đôi vợ chồng được chung sống cùng nhau đến răng long đầu bạc. Mình thì mong cho được sống cùng nhau đến tận tuổi già, vậy các loài chim thú há lại mong chia lìa, chết sớm hay sao? Nhà có con gái gả đi thì ba đêm không ngủ được, vì nghĩ tưởng đến việc sắp phải chia lìa xa cách.¹ Mình thấy việc chia lìa xa cách là khổ, các loài chim thú phải xa nhau lẽ nào lại vui sao? Cho nên có thể tin được rằng, hôn nhân quả thật không nên giết hại vật mạng.

Điều sai lầm thứ năm: Đãi khách không nên giết hại

Trời đẹp cảnh đẹp, chủ nhà hiền thiện tiếp khách hiền lương, dù cơm rau đạm bạc cũng không ngăn trở niềm vui thanh nhã, đâu cần phải ra tay giết hại vật mạng sinh linh, cầu miếng ăn

¹ Câu này lấy ý từ lời nói của Khổng tử: 嫁女之家，三夜不息燭，思相離也 - Giá nữ chi gia, tam dạ bất túc chúc, tư tương ly dã. (Nhà có con gái gả chồng, ba đêm liền không tắt được [đi ngủ], vì suy nghĩ đến việc sắp phải chia lìa.)

ngon ngọt béo bổ, no nê ca hát quanh bàn tiệc mà khiến muôn loài bị giết mổ phải oán hận gào thét bên dao thớt. Than ôi, nếu thật có tính người, sao có thể không thương xót?

Sai lầm này hết thấy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, chính là điều thứ năm thật đáng cho ta phải rơi lệ đau đớn, than tiếc khôn nguôi!

Giảng rộng:

Nếu biết rằng những món ăn bày ra trên bàn kia là có được từ những tiếng kêu gào oán hận bên dao thớt, ắt phải thấy rằng đã lấy sự đau đớn khổ sở cùng cực của muôn loài mà làm sự vui sướng khoái lạc cho mình, thì dù có gượng cho vào miệng cũng không thể nào nuốt trôi qua cổ! Có thể không đau buồn được sao?

Điều sai lầm thứ sáu: Cúng cầu an không nên giết hại

Người đời khi có bệnh tật liền giết hại vật mạng, cúng tế thần linh để cầu phúc cho mình, nhưng không nghĩ đến việc mình cúng tế thần linh là vì muốn khỏi chết được sống, lại giết hại sinh mạng khác để mong kéo dài mạng sống của mình, thật không còn điều gì có thể trái nghịch lòng trời, ngược với lý lẽ hơn thế nữa.

Ôi, những người chính trực [sau khi chết mới] được làm thần, vậy lẽ nào thần linh lại có ý thiên lệch riêng tư? Mạng sống thật không thể kéo dài thêm [bằng cách ấy], nhưng nghiệp giết hại tạo ra thì còn đủ không mất, [nhất định phải đền trả. Không riêng gì việc cầu khỏi bệnh sống lâu,] hết thấy sự tế lễ cầu đảo tà thần ác quỷ để mong cầu những điều khác cũng đều như vậy.

Sai lầm này hết thấy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, chính là điều thứ sáu thật đáng cho ta phải rơi lệ

đau đớn, than tiếc khôn nguôi!

Giảng rộng:

Kinh Dược Sư dạy rằng: “Giết hại muôn loài chúng sinh để cúng tế dâng lên thần linh, hô gọi yêu ma quỷ quái, cầu xin ban phúc giúp đỡ cho mình, muốn tăng thêm tuổi thọ, rốt cùng đều không thể được.”¹

Cho nên nói rằng, sinh mạng thì không thể kéo dài, mà nghiệp giết hại gây ra thì còn mãi. Hết thấy những sự cầu đảo tà thần như giết hại vật mạng cúng tế cầu sinh con, cầu tiền tài của cải, cầu quan chức bổng lộc, ví như có được sinh con, được tài lộc, được quan chức, vốn đều là do nghiệp riêng của người ấy mà được, không phải do quỷ thần. Có những lúc ngẫu nhiên được thỏa nguyện, lại cho đó là có sự linh thiêng, nên niềm tin sai lệch càng thêm kiên cố, lại càng dốc lòng làm việc cúng tế như vậy nữa. Những kẻ rơi vào tà kiến quá nặng nề như vậy thật không thể cứu nổi, đáng thương thay!

Điều sai lầm thứ bảy: Mưu sinh không nên giết hại

Người đời chỉ vì miếng cơm manh áo mà chọn theo những nghề như săn bắn, đánh cá, hoặc giết mổ trâu, dê, lợn, chó... Nhưng theo sự quan sát của tôi, ví như không làm những nghề nghiệp ấy cũng có thể kiếm được cơm áo, chưa hẳn đã đến mức phải đói rét mà chết. Chọn nghề giết hại để mưu sinh, không khỏi bị thần minh trách phạt. Lại như theo nghề giết hại mà được giàu có, trăm người chưa từng thấy một! Nếu xét đến việc gieo nhân sâu nặng phải vào địa ngục, chịu nghiệp báo xấu ác trong nhiều đời sau, thì quả thật không gì ác hại hơn làm những nghề này. Vì sao phải khổ nhọc đeo đuổi mà không chịu tìm lấy

¹ Trích từ kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyên Công Đức (藥師琉璃光如來本願功德經), được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 14 kinh số 450 (1 quyển). Đoạn trích này nằm ở trang 408, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 7.

một nghề hiền thiện khác để mưu sinh?

Sai lầm này hết thấy người đời đều làm theo nhau mà không biết là sai trái, chính là điều thứ bảy thật đáng cho ta phải roi lê đầu đón, than tiếc khôn nguôi!

Giảng rộng:

Chính tôi từng nhìn thấy một người làm nghề mổ dê, khi sắp chết bỗng kêu tiếng be be như con dê, một người làm nghề bán lươn, khi sắp chết chột thấy trên đầu như bị lươn cắn rút. Cả hai việc này đều xảy ra trong xóm nhà gần tôi, hoàn toàn không phải nghe theo truyền thuyết. Xin khuyên hết thấy mọi người, nếu gặp phải lúc không biết làm gì để sống, thà đi xin ăn. Nếu phải tạo nghiệp giết hại để mưu sự sống cho mình, thà nhịn đói mà chết còn hơn. Than ôi, có thể nào không dứt bỏ sự giết hại được sao?

Những gì trình bày trên là bảy điều hết sức phi lý, nhưng người đời lại rất thường làm. Người thông đạt xem qua, ắt phải thấy đều là những lập luận xác đáng. Ví như có thể rắn ngứa được tất cả thì không còn gì tốt đẹp hơn. Bằng như chưa được vậy, cũng có thể tùy sức mà giảm dần, hoặc bỏ đi bốn năm việc, hoặc rắn ngứa đôi ba việc...

Bỏ đi một việc ắt tiêu trừ được một phần ác nghiệp, giảm một lần giết hại ắt bớt được một mối oán cừu. Ví như còn chưa thể ăn chay bỏ hẳn thịt cá, thì trước hết nên chuyển sang mua dùng những món được bán sẵn, tránh không tự mình ra tay giết hại, cũng giảm bớt được một phần tội lỗi. Biết nuôi dưỡng tâm từ ắt dần dần rồi cũng sẽ đạt được đến chỗ tốt đẹp.

Mong sao những ai có duyên may gặp được bản văn này, sẽ chuyển tay nhau truyền rộng khắp nơi, thay nhau khuyến khích, khuyên bảo người đời. Khuyên được một người thôi giết hại tức là cứu sống được trăm vạn sinh linh. Khuyên đến mười

người, trăm người, cho đến muôn ngàn vạn người thì âm đức thật hết sức lớn lao, quả lành không cùng tận. Chỉ cần có lòng tin chắc chắn làm theo, những điều này quyết không sai dối.

Thực hành giữ giới sát¹

Mỗi năm nên viết đủ tên mười hai tháng dán lên tường nhà. Trong một tháng mà giữ được hoàn toàn không giết hại, thì bên dưới chỗ tên tháng ấy ghi vào mấy chữ “không giết hại”. Giữ trọn được một tháng không giết hại, đó là làm thiện được vào bậc hạ. Giữ trọn được một năm không giết hại, đó là làm thiện được vào bậc trung. Giữ trọn được một đời không giết hại, đó là làm thiện được vào bậc thượng. Giáo huấn được con cháu nhiều đời đều nối tiếp nhau giữ giới không giết hại, đó lại càng là bậc hiền thiện cao trội trong những người hiền thiện.

Nguyện cho người người đều giữ giới không giết hại, nhà nhà đều bỏ thịt cá mà ăn chay, ắt chư Phật đều hoan hỷ, muôn vị thần linh gia hộ, chuyện binh đao chiến tranh sẽ nhờ đó mà vĩnh viễn chấm dứt, những hình phạt nặng nề không cần dùng đến, địa ngục trống rỗng không còn tội nhân, người người nhờ đó được mãi mãi xa rời biển khổ.

Lời nguyện sau khi giữ giới sát

Nếu có thể giữ trọn trong một tháng hoàn toàn không giết hại vật mạng, thì vào đêm cuối tháng ấy, hoặc sáng sớm ngày đầu tháng tiếp theo, có thể đến trước bàn thờ Phật, chí tâm lễ bái hình tượng Phật rồi khấn nguyện như sau:

“Đệ tử tên là... (*khấn tên họ, pháp danh*) ..., xin đem hết tâm thành quy y đức Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực Lạc. Đệ tử ngày nay vâng theo lời Phật dạy trước đây, thực hành giữ giới không giết hại, vừa trọn được một tháng. Nhờ công đức

¹ Tiêu đề phần này do chúng tôi thêm vào dựa theo nội dung, để người đọc tiện theo dõi.

này, xin nguyện cho đệ tử được tiêu trừ tội lỗi nghiệp chướng, giải trừ mọi oán thù oan trái, căn lành tu tập ngày càng tăng trưởng, đến phút lâm chung được thân tâm an ổn, chính niệm rõ ràng, nhờ ơn Phật tiếp dẫn được sinh về cõi nước Cực Lạc, hóa sinh từ giữa hoa sen trong ao bảy báu, hoa nở liền được gặp Phật, chúng đắc pháp nhãn vô sinh, được đầy đủ trí tuệ Phật, dùng thần lực lớn lao có thể khiến cho những chúng sinh trong nhiều đời trước từng bị đệ tử giết hại, cùng tất cả chúng sinh bị giết hại trong khắp mười phương, thảy đều được cứu độ giải thoát, thành đạo Vô thượng. Nay phát lời nguyện này, xin đức Phật từ bi xót thương tiếp nhận.”

Phát nguyện như trên rồi, tiếp đó niệm danh hiệu Phật một trăm lần, hoặc ngàn lần hay vạn lần, nhiều ít tùy ý.

2. Văn phóng sinh

a. Toàn văn

Thường nghe rằng, điều quan trọng nhất ở thế gian là mạng sống, việc thảm thiết nhất trong đời là bị giết. Vì thế, khi bị bắt ắt phải tìm đường trốn chạy. Chấy rận còn biết né tránh cái chết, loài kiến, dế cũng biết tham sống nên gặp lúc trời mưa liền vội vã kéo nhau đi tránh.

Sao con người lại có thể giăng lưới nơi rừng núi, đánh bắt dưới vũng sâu, tìm đủ mọi phương cách mà bắt lấy, cong khuất thì thả câu, ngay thẳng thì bắn tên, trăm mưu ngàn kế truy lùng lưới bắt? Khiến cho muôn loài phải kinh sợ hồn xiêu phách lạc, mẹ con chia lìa ly tán. Hoặc giam nhốt trong chuồng trong cũi, ắt cũng giống như người ở trong lao ngục; hoặc dùng dao đâm cối giã, ắt chẳng khác chi người chịu tội lóc thịt phanh thây.

Hương thương con [bị bắn], thè lưới liếm vết thương mà ruột đứt thành từng đoạn. Vượn sợ chết, xa trông thấy bóng cung tên

mà hai dòng lệ đổ. Đó là cây mình mạnh mà hiệp kẻ yếu, theo lý chỉ e rằng không đúng, ăn thịt muôn loài để bổ dưỡng thân mình, nỡ lòng nào lại thế?

Do đó mà cảm động đến trời cao rủ lòng xót thương muôn vật, bậc thánh nhân xưa ra đời thi hành đức nhân từ. Việc mở lưới bắt đầu từ thánh vương Thành Thang, việc phóng sinh thả cá vào ao nuôi khởi sự từ hiền nhân Tử Sản.

Thánh thiện thay trưởng giả Lưu Thủy, dùng túi chở nước cứu cá khô hạn. Bi mẫn thay đức Phật Thích-ca, cứu con vật nguy vong tự cắt thịt. Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai, cổ súy việc đào ao phóng sinh. Tiên nhân ngồi thiền dưới gốc đại thụ, che chở con chim đậu trên thân mình. Chuộc cá phóng sinh về sau giải thoát, tâm bi mẫn của Thiền sư Diên Thọ hãy còn. Cứu con Long vương được phương thuốc hay, lòng từ ái của Tôn chân nhân chưa dứt.

Một lần ra tay cứu kiến, sa-di chết yếu chuyển thành trường thọ, thư sinh hèn kém hóa khôi nguyên. Một bận giải thoát cho rùa, Mao Bảo lâm nguy thoát nạn, Khổng Du được hưởng phong hầu. Khuất Sư thả cá chép nơi thôn Nguyên, tuổi thọ tăng thêm một kỷ. Tùy hầu cứu rắn trên đất Tề, được hạt châu đáng giá ngàn vàng.

Vót ruồi chết đuối, người nấu rượu thoát tội tử hình. Cứu ba ba sắp bị giết, nô tỳ bệnh nặng được khỏi. Mua vật sắp chết nơi lò mổ, Trương Đề Hình chết sinh cõi trời. Đổi mạng sống cá tôm trên thuyền chài, Lý Cảnh Văn được giải độc đan sa.

Tôn Lương Tự cứu mỗi nguy giam nhốt, lúc mai táng có bầy chim đến giúp. Huyện lệnh Phan cấm bắt cá ở sông hồ, lúc chuyển đi tôm cá khóc đưa.

Đại sư Tín phá trừ tục giết vật hiến tế, ban điềm lành trời đổ mưa to. Tổ Tào Khê mở lưới thợ săn, đạo từ bi truyền ra khắp chốn.

Hoàng tước được cứu ngậm vòng ngọc báo ơn, chôn xuống giếng truyền thuật trả nghĩa. Cho đến vật thân tàn được cứu, sau cũng bò trên vách nghe kinh. Gặp cảnh khốn mong cầu được sống, lươn hiện hình người áo vàng báo mộng.

Những sự bố thí đều có phước báo, mọi việc rõ ràng, không phải không chứng cứ. Hoặc được ghi chép trong sách vở, hoặc rõ ràng tai nghe mắt thấy. Nguyên cho tất cả mọi người mỗi khi nhìn thấy vật [mạng sắp bị giết hại] đều phát tâm từ bi, xả bỏ tài sản không bền chắc để thực hành phương tiện cứu giúp.

Nếu bảo vệ được nhiều mạng sống, ắt tích chứa âm đức lớn lao, nhưng dù chỉ cứu sống được một con sâu nhỏ, đó cũng là việc thiện. Ngày ngày đều thêm việc thiện, tháng tháng tích lũy càng nhiều, thực hành càng rộng thì phước báo càng cao.

Lòng từ phủ khắp nhân gian, tiếng lành cảm thông thiên giới. Rửa sạch trong lòng không oán cừu nghiệp chướng, phước lành tụ hội trong đời này; vun bồi tưới tắm căn lành, an vui còn mãi đến đời sau.

Nếu được thì [khi phóng sinh] nên niệm Phật trợ lực, tụng đọc Kinh điển. Nên vì những con vật được thả ra mà hồi hướng công đức, nguyện cho chúng sau khi chết sẽ được sinh về Tây phương Cực Lạc, vĩnh viễn thoát khỏi ba đường ác. Được như thế ắt tâm lượng càng thêm lớn lao, cội đức càng sâu hơn nữa. Nhờ đó nhanh chóng thành tựu đạo nghiệp, được sinh về chín phẩm đài sen cõi Phật.

Nay xin rộng khuyên hết thầy người đời, mong đừng vì thấy bản thân tôi đức hạnh mỏng manh, thân phận nhỏ nhoi mà ngờ vực không tin nhận.

b. Giảng giải từng phần

Thường nghe rằng, điều quan trọng nhất ở thế gian là mạng sống, việc thảm thiết nhất trong đời là bị giết.¹

Giảng rộng:

Nói rằng quan trọng nhất, điều đó có hai nghĩa. Thứ nhất, người đời đối với vàng bạc châu báu, quan chức tước vị, gia đình vợ con, cho đến tự thân mình, đều xem là quan trọng. Nhưng khi không thể có được tất cả, ắt phải chọn lấy trong số đó thứ nào là quan trọng hơn. Thế nên, nếu cần cứu lấy mạng sống của mình ắt không tiếc gì vàng bạc châu báu. Để cứu mạng mình, cũng không tiếc quan chức tước vị. Thậm chí có lúc cần phải cứu lấy mạng mình thì cả gia đình vợ con cũng không quan tâm đến nữa. Vì thế nên nói rằng mạng sống là quan trọng nhất.

Nghĩa thứ hai là, theo lời Phật dạy thì tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật. Như vậy, mạng sống chính là hạt giống, là điều kiện để có thể thành Phật. Do đó nên nói rằng mạng sống là quan trọng nhất.

Lại nói rằng thảm thiết nhất, đó là ví như việc đánh đập hành hạ đủ cách, tuy có làm cho người hết sức khổ sở, nhưng vẫn chưa đến mức dứt mất mạng sống. Thế nên chỉ có việc giết hại là thảm thiết nhất, [vì dứt cả mạng sống của muôn loài].

Vì thế, khi bị bắt ắt phải tìm đường trốn chạy. Chấy rận còn biết né tránh cái chết, loài kiến, dế cũng biết tham sống nên gặp lúc trời mưa liền vội vã kéo nhau đi tránh.

Giảng rộng:

Vì mạng sống là quan trọng nhất, nên muôn loài đều cố giữ lấy mạng sống. Vì bị giết là thảm thiết nhất nên muôn loài đều chạy

¹ Phần chính văn được in nghiêng trước khi giảng rộng.

trốn cái chết. Cho nên đến chấy, rận, kiến, dế cũng đều biết tham sống sợ chết. Xét như những sinh mạng nhỏ nhoi mà còn thế thì đối với những loài lớn hơn ắt có thể biết rõ.

Sao con người có thể giăng lưới nơi rừng núi, đánh bắt dưới vũng sâu, tìm đủ mọi phương cách mà bắt lấy, cong khuất thì thả câu, ngay thẳng thì bắn tên, trăm mưu ngàn kế truy lùng lưới bắt?

Giảng rộng:

Đã biết hết thấy chúng sinh đều tham sống sợ chết, sao có thể che mờ lương tâm, làm những việc tàn độc? Giăng lưới chim thú trên rừng núi, đánh bắt tôm cá dưới sông hồ, cúi xuống nước thì buông câu bắt cá, ngẩng lên trời thì giương cung bắn chim, thậm chí còn lén lút ám muội đào hố, đặt bẫy, tìm trăm phương ngàn kế không thể kể hết [để giết hại muôn loài], thật hết sức đáng giận!

Khiến cho muôn loài phải kinh sợ hồn xiêu phách lạc, mẹ con chia lìa ly tán.

Giảng rộng:

Như trên đã nói, con người dùng đến đủ các loại lưới giăng trên cạn dưới nước, rồi móc câu, tên bắn... vừa nhìn thấy thoi đã táng đờm kinh hồn, nếu vướng phải rồi thì táng thân mất mạng, ắt phải mẹ con chia lìa ly tán. Nếu so [hoàn cảnh những con vật ấy] với cảnh người gặp thời giặc loạn, binh lửa tràn đến, thật có khác gì nhau?

Hoặc giam nhốt trong chuồng trong cũi, ắt cũng giống như người ở trong lao ngục; hoặc dùng dao đâm cối giã, ắt chẳng khác chi người chịu tội lóc thịt phanh thây.

Giảng rộng:

Trói buộc giam nhốt, ắt bị cấm hản sự đi lại, mất hản sự tự do, không khác gì người bị giam vào lao ngục. Giết mổ cắt xẻ, ắt đau đớn khổ sở cũng như người bị lóc thịt phanh thây. Thử đặt mình vào những hoàn cảnh ấy, ắt có thể biết được tình cảnh của muôn loài bị giết hại là như thế nào.

Hươu thương con [bị bắn], thè lưỡi liếm vết thương mà ruột đứt thành từng đoạn. Vượn sợ chết, xa trông thấy bóng cung tên mà hai dòng lệ đổ.

Giảng rộng:

Chuyện hươu thương con, là nói đến việc Hứa Chân Quân ngày xưa, thuở còn trẻ rất thích việc săn bắn. Một hôm, ông bắn trúng con hươu con, hươu mẹ [không bỏ chạy mà đứng bên] thè lưỡi liếm vết thương cho con. Một lúc lâu, hươu con chết, hươu mẹ cũng chết theo. Hứa Chân Quân mổ bụng hươu mẹ ra xem, thấy ruột nó đứt thành từng đoạn. Đó là vì nó quá thương hươu con bị chết, đau đớn quá độ đến nỗi ruột đứt thành từng đoạn. Hứa Chân Quân hết sức ân hận, sám hối tội lỗi của mình, liền bẻ gãy cung tên, bỏ vào núi sâu tu đạo, sau chứng được đạo quả, cả nhà cùng bay lên trời.¹ Câu chuyện này làm rõ ý “*mẹ con chia liạ ly tán*” vừa nói ở đoạn văn trước.

Chuyện vượn sợ chết, là nói đến việc Sở vương đi săn cùng với Dương Do Cơ. Khi ấy nhìn thấy một con vượn, Sở vương liền ra lệnh cho Dương Do Cơ giương cung bắn. Con vượn vừa nhìn thấy Dương Do Cơ liền rơi lệ khóc. Đó là vì giống vượn này có đôi tay nhanh nhẹn mềm mại, có thể chộp bắt được cả

¹ Ý này dẫn theo sách Thái bình quảng ký (太平廣記), quyển 14, truyện Hứa Chân Quân trong phần Thập nhị chân quân. Theo sách này thì dưới triều Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn, niên hiệu Thái Khang (太康) năm thứ hai, ngày mồng 1 tháng 8, tại Tây Sơn ở Hồng Châu, cả nhà Chân Quân có đến 42 người cùng bay lên trời đi mất. Tuy nhiên, sách này có lẽ nhầm về niên hiệu, vì đời Tấn Hiếu Vũ Đế chỉ có niên hiệu Ninh Khang (寧康 - 373-375) và Thái Nguyên (太元 - 376-396) chứ không có niên hiệu Thái Khang (太康 - 280-289), vốn thuộc đời Tây Tấn.

mũi tên đang bay. Nhưng Dưỡng Do Cơ là tay thần xạ thời bấy giờ, nên nó biết là không thể bắt kịp mũi tên ông bắn, chắc chắn sẽ phải chịu chết, vì thế nên rơi lệ khóc. Câu chuyện này làm rõ ý “*kinh sợ đến hồn xiêu phách lạc*” vừa nói ở đoạn văn trước.

Đó là cây mình mạnh mà hiệp kẻ yếu, theo lý chỉ e rằng không đúng, ăn thịt muôn loài để bổ dưỡng thân mình, nữ lòng nào lại thế?

Giảng rộng:

Xét theo hai chuyện vừa kể trên thì biết rằng việc giết hại hết sức không nên làm. Người đời luôn nói rằng thịt của muôn loài cầm thú đều là món người có thể ăn, nhưng không biết đó chẳng qua chỉ là ý mạnh hiệp yếu mà thôi. Nếu không phải vậy, ắt hổ dữ ăn thịt người rồi cũng có thể cho rằng thịt người là món hổ có thể ăn. Bọ ngựa ăn ve sầu, chim sẻ lại ăn bọ ngựa, rồi chim ưng lại bắt chim sẻ mà ăn. Kẻ yếu bị ăn thịt, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, lý lẽ mạnh được yếu thua thật quá rõ ràng, không còn gì phải ngờ vực cả.

Người đời lại cho rằng ăn rau cải thì gây ốm, ăn thịt cá mới được mập mạnh. Ôi, muốn cho thân mình béo mập mà không nghĩ đến cái khổ của muôn loài, như vậy thì tính người ở đâu?

Do đó mà cảm động đến trời cao rủ lòng xót thương muôn vật, bậc thánh nhân xưa ra đời thi hành đức nhân từ.

Giảng rộng:

Do người đời mê lầm làm việc giết hại như thế, nên sát khí ngùn ngụt động đến trời cao. Trời cao vốn có đức hiếu sinh, vẫn thường hiện nhiều điềm báo để chỉ bày cho người đời. Người đời mê mờ không biết nên vẫn tiếp tục việc giết hại ngày càng nặng nề hơn, ắt phải đưa đến những việc mưa gió thất thường, mùa màng thất bát, đao binh chiến loạn khởi lên khắp nơi. Nếu người biết tu hạnh lành, ắt mưa thuận gió hòa, mùa màng bội

thu, bể yên sóng lặng.

Cho nên, việc con người giết hại chính là trái nghịch ý trời. Bậc thánh nhân xưa kia, trên thuận với lòng trời, dưới xót thương cho sinh mạng muôn loài, mới ra sức thi hành đức nhân từ để cứu giúp. Những việc thánh nhân đã làm, xin xem tiếp ở phần dưới đây.

Việc mở lưới bắt đầu từ thánh vương Thành Thang, việc phóng sinh thả cá vào ao nuôi khởi sự từ hiền nhân Tử Sản.

Giảng rộng:

Việc mở lưới là nói đến chuyện vào đời nhà Thương, vua Thành Thang một hôm đi tuần thú nhìn thấy các thợ săn giăng lưới kín bốn bề để bắt thú, đọc lời chú nguyện rằng: “Từ trên trời mà xuống, từ dưới đất mà lên, từ bốn phương cùng lại, hết thảy đều chui vào lưới ta.” Vua thấy vậy rồi liền sai mở trống ra ba hướng, chỉ để lại một và sửa lời chú nguyện lại thành: “Muốn sang bên trái thì chạy sang trái, muốn sang bên phải thì chạy sang phải, muốn lên cao thì bay lên, muốn xuống đất thì chui xuống, không muốn sống nữa thì hãy chui vào lưới ta.”

Việc thả cá vào ao nuôi là nhắc chuyện Tử Sản, quan Đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu. Có người đem đến biếu một con cá còn sống, Tử Sản không nỡ ăn, sai người mang thả vào nuôi trong ao.

Xem qua hai chuyện này thì biết việc phóng sinh không phải chỉ riêng có trong đạo Phật, mà người quân tử trong đạo Nho ai ai cũng vâng làm theo.

Thánh thiện thay trưởng giả Lưu Thủy, dùng túi chở nước cứu cá khô hạn. Bi mẫn thay đức Phật Thích-ca, cứu con vật nguy vong tự cắt thịt.

Giảng rộng:

Dùng túi chở nước, đó là nói đến câu chuyện trong kinh Kim Quang Minh.¹ Ông Lưu Thủy là con trai một vị trưởng giả,² một hôm đi xa gặp mười ngàn con cá mắc kẹt trong một hồ nước đã gần cạn, tất cả đều sắp phải chết khô. Ông liền dùng voi chở nước chứa trong các túi đến đổ vào hồ, cứu sống được đàn cá. Ông lại vì đàn cá mà thuyết pháp. Sau khi chết, tất cả đều được sinh lên cõi trời.³

Tự cắt thịt, đó là nhắc chuyện trong một tiền thân của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, khi ngài còn là một vị Bồ Tát. Khi ấy, có chim ưng đuổi bắt con chim câu, chim câu kinh sợ bay đến chỗ Bồ Tát mong được che chở. Chim ưng đuổi tới liền nói: “Ngài muốn cứu con chim câu, chẳng phải là khiến cho tôi phải chịu đói mà chết hay sao?”

Bồ Tát liền hỏi: “Người ăn những món gì?” Chim ưng đáp: “Chỉ ăn thịt mà thôi.” Bồ Tát liền tự cắt thịt đùi cho chim ưng ăn để thay phần thịt chim câu. Chim ưng nói: “Ngài muốn trao đổi như thế thì phải cắt số thịt cân nặng bằng với con chim kia.” Bồ Tát đồng ý, nhưng cắt mãi mà số thịt vẫn còn nhẹ hơn con chim câu, cho đến sắp hết cả thịt trên người mà vẫn chưa đủ. Khi ấy, chim ưng liền hỏi: “Bây giờ ngài có hối hận chẳng?”

Bồ Tát đáp: “Lòng ta quyết cứu chim câu, không hề có chút hối hận nào.” Rồi Bồ Tát lại phát nguyện: “Nếu lời ta nói là đúng thật không hư dối, nguyện cho da thịt trên thân ta trở lại như cũ.” Vừa lập nguyện xong, quả nhiên thân thể hoàn toàn bình phục như trước. Chim ưng khi ấy hiện nguyên hình là một

¹ Chuyện này kể theo nội dung trong kinh Kim Quang Minh (金光明經), được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 16, kinh số 663, tổng cộng có 4 quyển, do ngài Đàm-vô-sấm dịch sang Hán ngữ vào đời Bắc Lương. Câu chuyện này thuộc quyển 4, nằm ở trang 352, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 22.

² Trong văn này chép là “Lưu Thủy trưởng giả”, nhưng căn cứ kinh văn thì là “trưởng giả tử”, nghĩa là con trai ông trưởng giả.

³ Theo kinh văn thì ông này đã thuyết pháp Thập nhị nhân duyên cho đàn cá nghe cùng niệm danh hiệu đức Bảo Thắng Như Lai. Nhờ đó, sau khi bỏ mạng, tất cả đều được sinh lên cung trời Đao Lợi.

vị Thiên Đế,¹ bay lên giữa không trung lễ bái tán thán lòng đại bi của Bồ Tát.

Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai, cố súp việc đào ao phóng sinh. Tiên nhân ngồi thiền dưới gốc đại thụ, che chở con chim đậu trên thân mình.

Giảng rộng:

Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai, tên húy là Trí Khải, Tùy Dạng Đế tôn xưng hiệu ngài là Trí Giả. Ngài từng đào ao khuyến khích mọi người thả cá phóng sinh. Nhưng không chỉ riêng ngài Trí Giả, xưa nay cũng rất nhiều người làm việc ấy. Như Tây Hồ ngày nay, vốn xưa cũng từng là một ao phóng sinh. Trải qua nhiều năm, người xưa đã mất, thời thế đổi thay, giáo pháp suy nhạt, nay thấy người ta thả đèn bắt cá nhiều như sao trời bay đầy trên mặt hồ, thật đáng thương thay!

Về việc che chở cho chim, đó là chuyện một vị tiên nhân thuở xưa tu tập thiền định, thường tọa thiền dưới gốc một cây đại thụ. Một hôm ngài nhập định quá lâu, thân hình bất động đến nỗi một con chim từ xa bay đến không nhận ra, liền đậu lại trú ngụ ngay trong lòng ngài. Vì sợ con chim bị kinh hoảng nên ngài ngồi yên không lay động, đợi đến khi con chim bay đi rồi ngài mới xuất định. Lòng từ bi thương xót muôn loài đạt đến mức như thế!

Chuộc cá phóng sinh về sau giải thoát, tâm bi mẫn của Thiền sư Diên Thọ hãy còn. Cứu con Long vương được phương thuốc hay, lòng từ ái của Tôn chân nhân chưa dứt.

Giảng rộng:

Chuộc cá phóng sinh là kể chuyện Đại sư Vĩnh Minh, tên

¹ Vì con chim ung này vốn thật là Thiên Đế hóa thành, để thử thách tâm đại bi của Bồ Tát.

húy là Diên Thọ. Lúc Ngô Việt Vương trấn nhậm Hàng Châu, ngài đang làm chức quan giữ kho ở huyện Dư Hàng, nhiều lần xuất tiền trong kho để mua cá tôm đủ loại phóng sinh. Sau vì việc ấy mà ngài bị bắt giam, khép tội ăn trộm công quỹ, theo pháp luật phải bị chém vát xác giữa chợ.¹

Ngô Việt Vương vốn đã biết ngài dùng tiền ấy mua vật mạng phóng sinh, nên dặn trước người hành hình phải chú ý quan sát lời nói, sắc mặt để báo lại. Ngài đến lúc sắp chết mặt không biến sắc, người chung quanh đều lấy làm quái lạ, gạn hỏi. Ngài nói: “Ta đối với số tiền lấy từ trong kho không dùng vào việc riêng một xu nào, tất cả đều mua vật mạng để phóng sinh, nhiều không tính hết. Nay sau khi chết sẽ sinh thẳng về thế giới Tây phương Cực Lạc, chẳng vui lắm sao?”

Ngô Việt Vương nghe báo lại lời ấy liền truyền tha tội cho ngài. Sau đó ngài xuất gia, tu tập thiền pháp, chuyên cần lễ sám, đạt được biện tài không ngăn ngại.

Sau khi ngài viên tịch, có một vị tăng nhân lúc thần thức đi đến chốn âm ty, nhìn thấy Diêm vương thường ra vào lễ bái hình tượng một vị tăng, hỏi ra mới biết đó chính là ngài Vĩnh Minh Diên Thọ. Ngài đã vãng sinh về Tây phương, vào hàng Thượng phẩm thượng sinh,² Diêm vương vì kính trọng đức độ của ngài nên thường lễ bái.

Cứu con Long vương, đó là chuyện của Tôn chân nhân lúc còn chưa thành tiên. Một hôm, ông đi đường gặp đứa trẻ trong thôn bắt được một con rắn nước, đùa nghịch đến nỗi con rắn lờ đờ sắp chết. Tôn chân nhân liền bỏ tiền mua con rắn, mang thả xuống nước.

¹ Chém vát xác giữa chợ (棄市 - khí thị): một hình phạt ngày xưa, áp dụng cho những tội nặng cần phải răn dọa nhiều người.

² Người vãng sinh Tây phương tùy theo công phu tu tập mà phân làm 9 phẩm (cửu phẩm), trong đó Thượng phẩm thượng sinh là bậc cao nhất: 1. Thượng phẩm thượng sinh, 2. Thượng phẩm trung sinh, 3. Thượng phẩm hạ sinh, 4. Trung phẩm thượng sinh, 5. Trung phẩm trung sinh, 6. Trung phẩm hạ sinh, 7. Hạ phẩm thượng sinh, 8. Hạ phẩm trung sinh, 9. Hạ phẩm hạ sinh.

Hôm sau, chân nhân đang ngồi tĩnh tọa bỗng thấy có một người áo xanh mời đi theo, đến một chỗ dinh thự xem ra có vẻ như người đời vẫn gọi là Thủy tinh cung. Vị vua trong cung ra tiếp đón, mời chân nhân đến ngồi trên một tòa cao, nói rằng: “Con ta hôm qua ra ngoài chơi, nếu không gặp được tiên sinh chắc là đã chết.” Liền cho bày yến tiệc chiêu đãi, xong lại mang ra đủ các loại châu báu quý giá để tạ ơn. Chân nhân từ chối không nhận, nói: “Tôi nghe Long cung có nhiều phương thuốc hay bí truyền, xin truyền cho tôi để cứu người giúp đời, như vậy còn hơn là những châu báu này.” Long vương liền mở hòm ngọc lấy ra ba mươi sáu phương thuốc trao cho, Tôn chân nhân nhờ đó mà y thuật càng thêm tinh thông. Về sau tu hành chúng được tiên phẩm.

Một lần ra tay cứu kiến, sa-di chết yếu chuyển thành trường thọ, thư sinh hèn kém hóa khôi nguyên. Một bận giải thoát cho rùa, Mao Bảo lâm nguy thoát nạn, Khổng Du được hưởng phong hầu.

Giảng rộng:

Có hai câu chuyện cứu kiến. Chuyện thứ nhất là sa-di chết yếu chuyển thành trường thọ. Xưa có chú sa-di theo hầu thầy là một vị trưởng lão tôn túc. Vị này biết chú sa-di trong bảy ngày nữa mạng số chấm dứt, liền bảo chú về nhà thăm mẹ, dặn chú đến ngày thứ tám phải trở về chùa, trong ý muốn chú được chết ở nhà. Không ngờ đến ngày thứ tám vẫn thấy chú trở lại chùa. Thầy chú lấy làm quái lạ, liền nhập định quán sát mới biết, chú sa-di trên đường về nhà, gặp một đàn kiến sắp bị nước trôi, liền bắc cầu cho chúng theo sang, đàn kiến nhờ đó đều thoát chết. Nhờ việc ấy mà chú không bị chết yếu, về sau lại sống thọ.

Chuyện thứ hai, thư sinh hèn kém hóa khôi nguyên, chính là chuyện Tống Giao. Ông có một người em trai, cả hai anh em cùng lên kinh dự thi. Tống Giao có lần thấy đàn kiến sắp bị

nước ngập, liền lấy một cành trúc làm cầu để chúng bò lên mà thoát. Bấy giờ có vị tăng người Ấn Độ nhìn thấy dung mạo của Tống Giao liền kinh hãi nói: “Ông đã từng cứu sống đến trăm vạn sinh mạng.” Tống Giao nói: “Tôi là học trò nghèo, sức đâu làm được những việc như thế?” Vị tăng nói: “Không phải vậy, dù loài vật nhỏ nhoi cũng kể là sinh mạng.” Tống Giao liền đem chuyện cứu kiến kể lại. Vị tăng nói: “Đúng là việc ấy rồi. Em trai ông khoa này sẽ đỗ đầu, nhưng ông rồi cũng không thể kém hơn.” Đến khi có kết quả thi, quả nhiên người em đỗ đầu, nhưng triều đình cho rằng em không thể đặt trên anh, nên sửa kết quả thành “đệ thập” mà chọn Tống Giao thành đệ nhất, quả đúng như lời vị tăng.

Về việc giải thoát cho rùa có hai chuyện. Chuyện thứ nhất là Mao Bảo lâm nguy thoát nạn. Mao Bảo vào thuở còn hàn vi, đi đường gặp người mang một con rùa đem bán, liền bỏ tiền mua thả cho đi. Sau ông làm tướng, một lần thua chạy rơi xuống nước, bỗng cảm thấy có vật gì đó nâng mình lên, nhờ đó không phải chết chìm. Đến khi vào được trong bờ rồi, nhìn lại mới biết con vật đã đưa ông vào bờ chính là con rùa ngày trước được ông cứu.

Chuyện thứ hai là cứu rùa được phong hầu. Khổng Du vốn chỉ là một chức quan nhỏ, cũng từng mua rùa thả xuống nước. Rùa nổi lên bơi đi trong nước còn ngoái đầu hướng về phía ông nhiều lần như cảm tạ. Sau Khổng Du có công được phong tước hầu, lúc thợ đúc ấn ra bỗng thấy hình con rùa trên nùm ấn¹ ngoái đầu về phía sau, liền phá đi đúc lại, cho đến lần thứ tư, nhìn kỹ trong khuôn thì đầu rùa thẳng nhưng đúc ấn ra vẫn là ngoái về phía sau. Thợ đúc ấn lấy làm quái lạ, liền đem việc này báo với Khổng Du. Ông nhớ lại lúc thả con rùa năm xưa, nó cũng ngoái đầu nhìn lại như vậy, liền hiểu ra chuyện phong hầu ngày nay chính là nhờ phước báo của việc cứu rùa.

¹ Quà ấn ngày xưa có hình con rùa trên nùm ấn.

*Khuất Sư thả cá chép nơi thôn Nguyên, tuổi thọ tăng thêm một kỷ.
Tùy hầu cứu răn trên đất Tề, được hạt châu đáng giá ngàn vàng.*

Giảng rộng:

Về chuyện thả cá chép, đó là Khuất Sư khi ở thôn Nguyên gặp người bán một con cá chép đỏ, liền mua thả xuống sông. Sau đó, ông nằm mộng thấy Long vương mời đến cung điện, nói rằng: “Ông vốn tuổi thọ đã hết, nhưng nhờ cứu sống con rồng nên được sống thêm một kỷ.”¹

Về chuyện cứu răn, đó là Tùy hầu khi sang nước Tề, trên đường nhìn thấy một con rắn gặp nạn trong bãi cát, máu chảy trên đầu, liền dùng gậy nâng rắn mang đến bờ nước rồi mới đi. Khi quay về đến chỗ ấy thì thấy rắn ngậm một hạt châu nằm bên đường, hướng về phía ông như muốn đưa tặng, nhưng ông không dám nhận. Đêm ấy, ông nằm mộng thấy mình giẫm phải một con rắn, kinh sợ thức giấc thì nhìn thấy trên giường có hai hạt châu rất quý.

Vót ruồi chết đuối, người nấu rượu thoát tội tử hình. Cứu ba ba sắp bị giết, nô tỳ bệnh nặng được khỏi.

Giảng rộng:

Chuyện vót ruồi là nói đến một người thợ nấu rượu, mỗi khi có ruồi rơi vào vò rượu liền vót ra, thả vào chỗ đất khô, lại rắc tro quanh thân ruồi để rút hết nước, nhờ đó ruồi được sống. Ông làm như thế đã lâu ngày, cứu sống được rất nhiều ruồi. Về sau, ông bị vu cáo tội ăn trộm nhưng không làm sao tự biện bạch được. Lúc đã thành án, vị quan phụ trách hình sự chuẩn bị phê duyệt án tử hình ông, bỗng ruồi ở đâu bay đến bám đầy lên ngọn bút, không thể viết được. Đuổi đi rồi chúng lập tức quay trở lại, nhiều lần như vậy nên không sao đặt bút phê án. Nhân

¹ Một kỷ: theo cách tính ngày xưa tức là 12 năm.

đó vị quan chột nghĩ lại, ngờ rằng án này có sự oan khuất, liền tra hỏi kỹ mới biết là ông bị vu cáo. Quan truyền đòi những kẻ đã vu oan cho ông đến, quát hỏi một lần thì chúng nhận tội ngay, liền thả ông về. Ôi, chuyện này thật lạ lùng biết bao!

Về việc cứu ba ba, là chuyện một nữ tỳ hầu hạ trong nhà họ Trình. Hai vợ chồng chủ nhà đều thích ăn thịt ba ba, một hôm tình cờ bắt được con ba ba rất lớn, có việc đi ra ngoài liền dẫn dò nữ tỳ ở nhà làm thịt ba ba. Khi ấy, nữ tỳ suy nghĩ thấy tự tay mình đã giết không biết bao nhiêu con ba ba, nay thấy con ba ba lớn này rất muốn thả ra, cho dù bị chủ đánh chửi cũng cam chịu. Nghĩ rồi liền mang ba ba ra hồ thả. Hai vợ chồng chủ nhà trở về hỏi thịt ba ba, nữ tỳ liền nói đã lỡ để chạy mất. Do đó mà bị đánh đập rất đau đớn.

Về sau, nữ tỳ ấy mắc phải bệnh dịch, đến lúc nguy kịch sắp chết, chủ nhà sai người mang bỏ nơi một căn lều bên bờ nước, nằm đó chờ chết. Giữa đêm bỗng có một con vật từ trong hồ bò lên, mang bùn ảm trong hồ đến bôi lên thân thể nữ tỳ, nhân đó cô liền cảm thấy mát mẻ, tật bệnh tiêu mất. Chủ nhà thấy cô khỏi bệnh không chết lấy làm quái lạ, tra hỏi, cô liền đem sự thật kể lại nhưng chủ nhà không tin. Đêm đó liền lên nhìn xem, quả nhiên nhìn thấy đúng là con ba ba lớn ngày trước cô nữ tỳ đã thả đi mất. Cả nhà họ Trình đều kinh sợ, từ đó vĩnh viễn không ăn thịt ba ba nữa.

*Mua vật sắp chết nơi lò mổ, Trương Đề Hình chết sinh cõi trời.
Đổi mạng sống cá tôm trên thuyền chài, Lý Cảnh Văn được giải độc đan sa.*

Giải rộng:

Mua vật sắp chết là nói chuyện Trương Đề Hình thường đến nơi lò mổ, bỏ tiền mua những con vật sắp bị giết mà thả ra. Sau đến lúc sắp chết, ông nói với người nhà: “Ta làm việc phóng

sinh, tích đức sâu dày, nay côi trời có người đến đón, ta sắp sinh lên đó.” Nói rồi thản nhiên mà qua đời.

Đổi mạng cá tôm trên thuyền chài là chuyện Lý Cảnh Văn, thường đến chỗ những người chài lưới, mua hết những cá tôm họ bắt được rồi mang thả xuống sông. Lý Cảnh Văn ưa thích sử dụng đan dược, thường dùng đan sa luyện qua lửa mà ăn, tích tụ nhiệt nóng trong người lâu ngày thành bệnh, mọc nhọt trên lưng, thuốc men đều không chữa khỏi. Cảnh Văn trong lúc mê man không biết gì bỗng cảm thấy như có cả một bầy cá dùng nước bọt thoa lên chỗ nhọt độc, trong người liền thấy mát mẻ sáng khoái, tình dẫy liền khỏi bệnh. Câu chuyện này cũng thuộc loại tương tự như chuyện ba ba báo ơn nữ tỳ cứu mạng.

Tôn Lương Tự cứu mối nguy giam nhốt, lúc mai táng có bầy chim đến giúp. Huyện lệnh Phan cấm bắt cá ở sông hồ, lúc chuyển đi tôm cá khóc đưa.

Giải rộng:

Cứu mối nguy giam nhốt là nói chuyện Tôn Lương Tự, mỗi khi thấy chim chóc bị người bắt giam nhốt đều bỏ tiền mua để thả cho bay đi. Sau đến lúc chết, nhà nghèo quá không biết làm sao tổ chức việc mai táng cho ông, bỗng có bầy chim hàng trăm con kéo đến, cùng nhau ngậm bùn đắp mộ cho ông, những người trông thấy ai cũng cho là chuyện lạ. Đó là do lòng từ ái cảm động loài vật mà thành như vậy.

Cấm bắt cá ở sông hồ là nói chuyện quan huyện lệnh họ Phan, lúc đương quyền có ban lệnh cấm không cho người dân bắt cá tôm ở sông hồ trong vùng ông cai quản, những người vi phạm đều bị trị tội. Sau đến lúc ông thuyên chuyển đi nơi khác, cá tôm trong nước đều trôi lên phát tiếng kêu khóc lớn, hệt như người khóc cha mẹ chết, người người đều nghe thấy, ai cũng cho là chuyện quái lạ.

Đại sư Tín phá trừ tục giết vật hiến tế, ban điềm lành trời đổ mưa to. Tổ Tào Khê mở lưới thợ săn, đạo từ bi truyền ra khắp chốn.

Giảng rộng:

Phá tục hiến tế là nói chuyện Đại sư Tín gặp lúc trời nắng hạn, thấy dân quê mê muội theo lệ cũ muốn giết vật hiến tế để cầu mưa, Đại sư xót thương cho sự mê muội ấy nên liền dạy rằng: “Nếu các người chịu thả những con vật tế ra đừng giết, ta sẽ vì các người mà cầu mưa.” Người dân đồng ý làm theo. Đại sư chí thành cầu nguyện, trời liền đổ mưa rất lớn. Nhân việc đó mà người người ở khắp xa gần đều được ngài cảm hóa.

Mở lưới thợ săn là nói chuyện Lục tổ sau khi nhận tâm ấn từ Ngũ tổ ở Hoàng Mai, vẫn làm người thế tục đến sống với một nhóm thợ săn. Thợ săn giao cho ngài giữ lưới, ngài nhân lúc bọn họ vắng mặt liền xem trong lưới có mang, thỏ... các loại, con nào thả được liền lập tức thả ngay. Như vậy trải qua đến 16 năm. Sau ngài đến đạo trường Tào Khê, rộng độ chúng đệ tử thuộc đủ mọi thành phần, giáo pháp truyền lại phân thành năm tông,¹ lợi lạc đến muôn đời sau.

Hoàng tước được cứu ngậm vòng ngọc báo ơn, chôn xuống giếng truyền thuật trả nghĩa.

Giảng rộng:

Hoàng tước ngậm vòng ngọc, là nói chuyện Dương Bảo thuở thiếu thời có lần thấy một con chim hoàng tước bị chim cắt rượt

¹ Lục tổ Huệ Năng có rất nhiều cao đồ, nhưng trong số đó đặc biệt có hai vị lập tông là Nam Nhạc Hoài Nhượng (南岳懷讓) và Thanh Nguyên Hành Tư (青原行思). Truyền thừa từ hai vị này về sau phân thành năm tông lớn là: 1. Quy Ngưỡng tông, do hai Thiên sư khai lập là Quy Sơn Linh Hựu (771-853) và môn đệ Quy Sơn Huệ Tịch Thiên sư (807-883 hoặc 813/814-890/891); 2. Lâm Tế tông, do Thiên sư Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-866) khai sáng; 3. Tào Động tông, do hai Thiên sư khai sáng, đó là Động Sơn Lương Giới (807-869) và Tào Sơn Bản Tịch (840-901); 4. Vân Môn tông, được Thiên sư Vân Môn Văn Yến (864-949), môn đệ của Tuyết Phong Nghĩa Tôn Thiên sư thành lập; 5. Pháp Nhân tông, do Thiên sư Pháp Nhân Văn Ích (885-958) thành lập (trước đó tông này cũng được gọi là Huyền Sa tông, gọi theo tên của Thiên sư Huyền Sa).

vô bị thương nặng rơi xuống đất, lại bị kiến bâu lại cắn. Dương Bảo liền mang chim về nuôi, dùng thuốc trị thương, đợi vừa khỏi hẳn thì thả cho bay đi. Đêm hôm ấy ông nằm mộng thấy một bé trai mặc áo vàng đến bái tạ, biếu tặng bốn cái vòng ngọc, nói rằng: “Tôi là sứ giả của Vương Mẫu, nhờ ơn ông cứu mạng, xin nguyện cho ông về sau con cháu đều liêm khiết thanh bạch, làm quan đến tước Tam công, bền đẹp như những chiếc vòng ngọc này.” Sau quả nhiên con cháu của Dương Bảo trải qua bốn đời đều được sang quý hiển vinh.

Chồn xuống giếng, đó là nói chuyện xưa có một ông tăng giả danh, tánh tình bất lương, nghe nói vị thuốc hoàng tinh có thể giúp người trường thọ, muốn thử nghiệm xem có đúng thật không. Ông ta liền bỏ hoàng tinh xuống giếng cạn, rồi lừa một người kia xuống giếng, dùng cái mâm cối xay lớn bằng đá đập lên miệng giếng. Người kia bị nhốt trong giếng hoảng hốt không biết làm sao, bỗng thấy có một con chồn chui xuống giếng, nói rằng: “Ông đừng sợ, tôi sẽ truyền cho ông một thuật này. Loài chồn chúng tôi có thuật thông thiên, thường ở giữa mộ người đào lỗ chui xuống, rồi nằm trong mộ chăm chú nhìn lên giữa miệng lỗ, lâu ngày ắt có thể bay ra khỏi mộ. Trong sách của đạo tu tiên nói rằng ‘thần trí có thể bay được’, chính là nói đến chuyện này. Nay ông có thể học làm theo thuật ấy bằng cách chăm chú nhìn lên lỗ trống ở giữa cái mâm cối xay. Tôi trước đây từng bị thợ săn bắt được, nhờ ông bỏ tiền ra cứu mạng tôi, nên hôm nay đến đây để báo ơn.”

Người kia tin lời con chồn, chú tâm làm theo, khoảng hơn mười ngày thì quả nhiên bay được ra khỏi giếng, thoát nạn. Lão tăng bất lương mừng lắm, cho rằng đó là nhờ công hiệu của vị thuốc hoàng tinh. Ông ta liền từ biệt mọi người mang theo một số hoàng tinh xuống giếng, dặn mọi người bịt giếng lại, qua một tháng sẽ mở ra xem. Đúng ngày, người ta mở giếng ra xem thì ông ta đã chết. Ông ta không biết rằng, trước đó người kia thoát

ra khỏi giếng được vốn là nhờ sự giúp sức của con chồn. Thật đáng thương thay!

Cho đến vật thân tàn được cứu, sau cũng bò trên vách nghe kinh. Gặp cảnh khốn mong cầu được sống, vật hiện hình người áo vàng báo mộng.

Giảng rộng:

Vật bò trên vách nghe kinh, đó là chuyện có lần tôi¹ ghé ngụ ở một am kia, thấy người bắt rất nhiều rết, dùng thanh tre cong ghim dính đầu vào đuôi, tôi liền mua để thả ra, nhưng hầu hết bị thương tổn đều đã lờ đờ sắp chết, chỉ duy nhất có một con còn đủ sức hồi hả bò đi.

Về sau, có lần tôi đang ngồi với một người bạn lúc đêm tối, bỗng thấy trên tường có một con rết, liền dùng cây thước gỗ gõ mạnh gần đó để xua nó đi, nhưng nó không chịu đi. Tôi liền nói: “Phải chăng người chính là con rết ta đã thả trước đây? Người đến tạ ơn ta đó chăng? Nếu đúng vậy, ta sẽ vì người thuyết pháp, người hãy lắng nghe đừng vội đi.”

Khi ấy, tôi giảng với nó rằng: “Hết thầy chúng sinh hữu tình đều do tâm tạo tác. Tâm tàn nhẫn thì hóa thành hổ báo, chó sói. Tâm độc ác thì hóa thành rắn rết, bọ cạp. Nếu người có thể bỏ được tâm độc ác, ắt có thể thoát khỏi được thân hình hiện nay.”

Tôi giảng xong liền bảo nó đi đi. Nó nghe lời, không cần phải xua đuổi, tự nhiên từ từ bò ra khỏi song cửa sổ mà đi. Người bạn tôi khi ấy thấy hết mọi việc, voo cùng kinh ngạc, cho là chuyện lạ lùng ít có. Chuyện này xảy ra vào niên hiệu Long Khánh năm thứ tư.²

Về việc người áo vàng báo mộng, đó là chuyện ở ngoại thành

¹ Tức Đại sư Liên Trì tự xưng.

² Tức là năm 1570, đời vua Minh Mục Tông. Đại sư vào năm ấy 38 tuổi, sang năm sau mới đến núi Vân Thê, Hàng Châu.

Hàng Châu, có một nhà nợ hàng xóm bị mất trộm, đứa con gái [đã lấy chồng] nghe tin về thăm, mua cho mẹ mười con lươn để làm quà. Bà mẹ mang lươn bỏ vào chum rồi quên mất. Đêm nợ, bà nằm mộng thấy có mười người mặc áo vàng, đội mũ nhọn, đến quỳ trước mặt bà xin tha mạng. Tỉnh dậy trong lòng sinh nghi, chẳng biết chuyện gì, bà liền đi xem bói. Thầy bói nói: “Có vật sống đang cầu xin bà thả ra.”

Bà về lục soát khắp trong nhà, mới thấy lươn trong chum, đếm vừa đúng mười con. Bà kinh hãi, lập tức mang thả hết đi. Chuyện này xảy ra vào niên hiệu Vạn Lịch năm thứ 9.¹

Những sự bố thí đều có phước báo, mọi việc rõ ràng, không phải không chứng cứ.

Giải rộng:

Những người làm việc phóng sinh, hoặc được thêm phúc lành, hoặc được tăng tuổi thọ, hoặc tránh được tai nạn, hoặc tật bệnh tiêu trừ, hoặc sinh về cõi trời, hoặc chứng đắc đạo quả, tùy theo sự bố thí khác nhau mà được phước báo, hết thấy đều có chứng cứ rõ ràng. Tuy nhiên, làm việc thiện thì chiêu cảm điều lành chỉ là chuyện tất nhiên, người có tâm tu thiện lẽ nào lại mong chờ phước báo? Không mong đợi phước báo mà phước báo tự đến, lẽ nhân quả là như vậy, người phóng sinh cần phải biết.

Hoặc được ghi chép trong sách vở, hoặc rõ ràng tai nghe mắt thấy.

Giải rộng:

Những sự việc được dẫn ra trên đây, chuyện đã qua thì được ghi chép trong sách vở, có nguồn gốc chứng cứ, chuyện gần đây thì rõ ràng tai nghe mắt thấy, có nhiều người cùng thấy cùng

¹ Tức là năm 1581, vào đời vua Minh Thần Tông.

nghe. Khảo xét chuyện đời xưa, chứng nghiệm chuyện đời nay, nhất định không thể là hư dối sai lệch.

Nguyên cho tất cả mọi người mỗi khi nhìn thấy vật [mạng sắp bị giết hại] đều phát tâm từ bi, xả bỏ tài sản không bền chắc để thực hành phương tiện cứu giúp.

Giảng rộng:

Câu văn này rộng khuyên tất cả người đời nên phát tâm từ bi, xả bỏ tài sản ở thế gian để thực hành những phương tiện cứu giúp muôn loài.

Nói tài sản không bền chắc, là vì tài sản thế gian có thể bị lũ lụt cuốn trôi, có thể bị hỏa tai thiêu rụi, có thể bị vua quan tịch thu, có thể bị giặc cướp cướp mất, thật mong manh vô thường, không phải là loại tài sản bền chắc. Nay xả bỏ loại tài sản không bền chắc ấy để làm việc phúc đức, chính là đổi tài sản không bền chắc để có được tài sản bền chắc.

Nếu là người không có tiền bạc, chỉ cần phát tâm từ bi đối với muôn loài, đó cũng là tạo được phúc đức. Hoặc khuyên bảo khuyến khích người khác làm việc phóng sinh, hoặc nhìn thấy người khác phóng sinh thì ngợi khen, tán thán, vui mừng theo với việc làm ấy, khiến cho tâm niệm lành của họ càng thêm tăng trưởng, đó cũng là tạo được phúc đức.

Nếu bảo vệ được nhiều mạng sống, ắt tích chứa âm đức lớn lao, nhưng dù chỉ cứu sống được một con sâu nhỏ, đó cũng là việc thiện.

Giảng rộng:

Người có khả năng thì ra tay cứu sống nhiều vật mạng, tất nhiên được âm đức lớn lao. Đến như người không có khả năng, dù chỉ cứu sống một con sâu nhỏ, cũng là việc thiện. Đừng cho rằng việc thiện nhỏ không mang lại lợi ích nên không làm. Người

đời không hiểu được lý lẽ này, nên thường chọn những loài nhỏ bé để có thể mua được nhiều con mà phóng sinh, đối với những con vật to lớn thì dù gặp nó sắp chết giữa đường cũng đưa mắt nhìn rồi đi qua. Như thế chỉ là tham muốn phúc đức cho bản thân mình, không phải là thương xót nỗi khổ của chúng sinh. Tâm địa như thế thì phước báo hết sức nhỏ nhoi, phải hết sức cẩn thận, không nên suy nghĩ theo cách như vậy!

Ngày ngày đều thêm việc thiện, tháng tháng tích lũy càng nhiều, thực hành càng rộng thì phước báo càng cao.

Giảng rộng:

Việc thiện không phân biệt lớn nhỏ, quý nhất ở chỗ có thể kiên trì thực hiện lâu dài. Ngày ngày đều có tăng thêm thì tháng tháng đều có sự tích lũy. Việc thiện nhiều, tất nhiên phạm vi làm thiện càng mở rộng, thực hành càng rộng thì phước báo càng cao.

Lòng từ phủ khắp nhân gian, tiếng lành cảm thông thiên giới.

Giảng rộng:

Khởi tâm từ làm việc thiện lâu dài, công đức tích lũy sâu rộng nên khắp cõi người đều hay biết. Lòng người đã kính phục tin theo, ắt lòng trời cũng yêu cũng quý. Có người cho rằng, trời cao lồng lộng mệnh mang xa tít, làm sao có thể cảm thông với việc làm ở cõi người? Đó là họ không biết rằng, các vị Thiên vương vào những ngày Lục trai¹ đều xem xét khắp nhân gian, tất cả việc thiện đều biết, tất cả những việc xấu ác đều thấy rõ. Hơn nữa, người tu theo mười nghiệp lành thì cõi trời được ưu thế, người làm mười nghiệp ác thì a-tu-la được ưu thế, nên

¹ Lục trai: là những ngày mồng 8, 14, 15, 23, 29 và 30 (tháng thiếu là 28 và 29). Theo kinh Tứ Thiên vương thì vào những ngày đó, Tứ Thiên vương xem xét việc lành dữ ở cõi người. Một số người nguyện ăn chay mỗi tháng 6 ngày vào các ngày này, nên gọi là Lục trai.

Thiên đế lúc nào cũng muốn người làm điều thiện.¹ Chỉ cần có một người làm việc thiện, các vị thần vương liền lập tức báo lên Thiên đế. Những điều này trong Kinh điển có ghi chép rõ ràng, không phải nói theo suy đoán.

Rửa sạch trong lòng không oán cừu nghiệp chướng, phước lành tụ hội trong đời này; vun bồi tưới tắm căn lành, an vui còn mãi đến đời sau.

Giảng rộng:

Không giết hại, chỉ làm việc phóng sinh, đối với muôn loài không có oán cừu. Không chỉ được an vui trong đời hiện tại, mà nhờ căn lành này nên trong nhiều đời sau cũng sẽ được sống lâu hưởng phúc lâu dài, cho đến tương lai trọn thành quả Phật, hết thảy muôn loài chúng sinh hữu tình đều kính phục nương theo, như thế đều là những an vui còn mãi đến đời sau.

Nếu được thì [khi phóng sinh] nên niệm Phật trợ lực, tụng đọc Kinh điển.

Giảng rộng:

Gặp sinh mạng [sắp chết] có thể ra tay cứu sống, tuy là công đức hiền thiện, nhưng như thế chỉ cứu được cái thân xác thịt của chúng sinh, không giúp ích được cho sinh mạng trí tuệ sẵn có trong mỗi chúng sinh ấy. Vì thế, [trong khi làm việc phóng sinh] rất nên xưng niệm hồng danh đức Phật A-di-đà, vốn có đủ muôn vạn đức tốt, và cung kính trì tụng các phẩm Kinh điển Đại thừa. Tuy nhiên, cứu vật phóng sinh phải làm gấp rút như cứu lửa, nên việc trì tụng Kinh điển rất bất tiện, chỉ có thể dùng pháp niệm Phật [mới thật khả thi], giúp ích được những con

¹ Vì người làm thiện sinh lên cõi trời thì chư thiên đồng đạo. Người làm ác sinh vào cõi a-tu-la thì a-tu-la càng đông hơn. A-tu-la vẫn thường xuyên gây chiến với chư thiên nên Thiên đế lúc nào cũng muốn có nhiều người sinh lên cõi trời mà không muốn có người sinh vào cõi a-tu-la.

vật được phóng sinh. Nếu đã mua được vật sống rồi lại để qua đêm, chờ sáng mới thả, hoặc sáng sớm mua về, đến sau trưa vẫn còn giam giữ, chờ đợi thiết lập đạo trường, tụ tập kẻ nam người nữ, kéo dài thời gian như thế ắt vật mạng chịu không nổi phải chết đi phần lớn. Làm việc phóng sinh mà như thế chỉ là hư rỗng, không thật lòng.

Nên vì những con vật được thả ra mà hồi hướng công đức, nguyện cho chúng sau khi chết sẽ được sinh về Tây phương Cực Lạc, vĩnh viễn thoát khỏi ba đường ác.

Giảng rộng:

Nhờ công đức niệm Phật, nguyện cho các con vật được phóng sinh một khi chấm dứt đời sống hiện tại sẽ được vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc, được hóa sinh từ hoa sen, đạt quả vị không còn thối chuyển, vĩnh viễn xa lìa các đường ác, mãi mãi chấm dứt vòng luân chuyển khổ đau.

Ba đường ác, đó là nói trong sáu đường luân hồi thì có ba đường là xấu ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.¹

Được như thế ắt tâm lượng càng thêm lớn lao, tội đức càng sâu hơn nữa.

Giảng rộng:

Thấy sự khổ não của chúng sinh [sắp chết] mà ra tay làm việc phóng sinh, thì đối với người sẵn có tâm lành sẽ nuôi lớn thành tâm Bồ-đề lớn lao hơn nữa, cho nên nói là “càng thêm lớn lao”.

Phóng sinh ắt được phước báo, đối với người đã gieo trồng phước đức thế gian, ắt nay thành đức hạnh xuất thế, cho nên nói

¹ Ba cảnh giới còn lại là cõi trời, cõi người và cõi a-tu-la, do không có quá nhiều khổ đau như ba đường ác, lại có điều kiện cho sự tu tập tăng tiến, nên được xem là những cảnh giới lành.

là “càng sâu hơn nữa”.

Nhờ đó nhanh chóng thành tựu đạo nghiệp, được sinh về chín phẩm đài sen cõi Phật.

Giảng rộng:

Tâm lượng lớn lao, cội đức sâu vững, việc ấy làm sao suy nghiệm để biết? Nói chung, làm việc lợi tha chính là tâm hạnh của Bồ Tát. Thực hành pháp phóng sinh này để hỗ trợ thêm cho sự nghiệp tu tập đạo pháp, ắt sẽ như thuyền buồm thuận gió, nhanh chóng thẳng đến bờ bến là Niết-bàn. Trong ba phước lành của nghiệp thanh tịnh thì việc nuôi dưỡng tâm từ không giết hại là cao quý nhất. Nay đã có thể giữ giới không giết hại, lại thêm làm việc phóng sinh; đã có thể làm việc phóng sinh, lại thêm dùng Chánh pháp cứu chúng sinh [sau khi chết] được sinh về Tịnh độ; người dụng tâm tu tập được như thế, một khi đã trọn hết báo thân này, quyết định sẽ được sinh về chín phẩm đài sen nơi Cực Lạc, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa.

Nay xin rộng khuyên hết thầy người đời, mong đừng vì thấy bản thân tôi đức hạnh mỏng manh, thân phận nhỏ nhoi mà ngờ vực không tin nhận.¹

Nghi thức phóng sinh

Nghi thức này căn cứ theo bản văn cũ của Pháp sư Lê² ở Tứ Minh, có đôi chút thêm bớt cho giản tiện, dễ thực hành. Về cuối có thêm vào phần thay cho những con vật được phóng sinh mà phát nguyện vãng sinh, lại thêm phẩm Thập hồi hương trong

¹ Đây là lời khiêm tốn của Đại sư Liên Trì.

² Tức Tổ sư đời thứ 17 của tông Thiên Thai, thường được tôn xưng là Tứ Minh Tri Lê Đại sư (四明知禮大師), Tứ Minh Tôn giả (四明尊者) hay Tứ Minh Đại Pháp sư (四明大法師). Ngài sinh năm 960, viên tịch năm 1028, quê ở Tứ Minh thuộc huyện Ngán, tỉnh Chiết Giang.

kinh Hoa Nghiêm vào để kết thúc, lấy ý nghĩa là trước hết cầu sinh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A-di-đà, sau đó thể nhập vào Hoa tạng huyền môn của đức Phật Tì-lô-giá-na.¹

Thêm nữa, vào mùa nắng nóng thì vừa bắt đầu lễ phóng sinh có thể tụng niệm theo nghi thức này, vừa xong thì phóng sinh. Khi có người tiếp tục đến phóng sinh nữa, chỉ cần niệm chú Đại bi một lần, chú Vãng sinh ba lần, rồi vừa xưng niệm hồng danh Phật A-di-đà vừa thả vật đi, không cần phải hết sức nghiêm túc theo nghi thức chính tề, kéo dài thời gian sẽ tổn hại vật mạng. Nếu có người lại tiếp tục đến, cũng thực hiện giản lược như vậy.

Tại nơi phóng sinh, bày hương án trang nghiêm, có cảnh dương và nước sạch. Những người tham gia phóng sinh đều phát khởi tâm từ, dùng ánh mắt từ hòa mà nhìn những con vật được phóng sinh, trong tâm quán niệm đến sự chìm đắm luân hồi của chúng, liền khởi lòng thương xót sâu xa, rồi lại quán niệm Tam bảo có oai lực hết sức lớn lao, có thể cứu thoát khổ nạn cho chúng.

Quán niệm như vậy rồi, tay bưng chén nước, trong tâm thâm niệm:

“Nhất tâm phụng thỉnh Thập phương Từ phụ Quảng Đại Linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát, xin giáng lâm đạo tràng, gia trì cho chén nước này có đủ công năng lớn lao, vừa rảy lên thân thể chúng sinh vật loại liền khiến cho chúng đều được thanh tịnh thân tâm, đủ sức lắng nghe Chánh pháp nhiệm mầu.”

Nguyện thâm như vậy rồi, liền bắt đầu tụng thần chú Đại bi một lượt, sau đó dùng nước sạch trong chén ấy rảy lên thân thể những con vật được phóng sinh ba lần. Tiếp đến hai tay nâng lư hương cung kính bạch rằng:

“Ngưỡng bạch Thập phương Tam bảo, Bốn sư Thích-ca, Từ phụ Di-đà, Như Lai Bảo Thắng, Bồ Tát Quán Âm, Trưởng giả

¹ Phiên âm từ Phạn ngữ Mahā Vairocana Buddha, danh xưng dịch nghĩa là Đại Nhật Như Lai.

tử Lưu Thủy, Thiên Thai, Vĩnh Minh cùng các bậc Đại sĩ... xin nguyện các ngài từ bi chúng biết và hộ niệm cho. Hôm nay có các loài chúng sinh hoặc bay trên không trung, hoặc sống trên đất liền, hoặc lặn dưới sông nước, bị người khác đặt bẫy giăng lưới bắt được, sắp phải rơi vào chỗ chết, chúng con là tỳ-kheo (hoặc tỳ-kheo ni)... ... (*khẩn pháp hiệu*)... cùng các thiện nam tín nữ là... ... (*khẩn tên họ, pháp danh những người tham gia phóng sinh*)... ... nhìn thấy như vậy liền khởi tâm tu theo hạnh Bồ Tát, phát tâm từ bi, gieo nhân lành trường thọ, thực hành phóng sinh, bỏ tiền chuộc lấy thân mạng của những chúng sinh này, trả chúng về đời sống tự do, cùng vâng làm theo Kinh điển Phương đẳng Đại thừa, giúp cho chúng được thọ pháp Tam quy, xưng niệm mười danh hiệu Phật, lại vì chúng giảng thuyết Giáo pháp Mười hai nhân duyên. Chỉ vì các loài chúng sinh này tội chướng sâu nặng, thần thức si mê hôn ám, nên ngưỡng cầu Tam bảo oai đức gia trì, xót thương tiếp độ.”

Tiếp đó lại bạch rằng:

“Hôm nay những chúng sinh có mặt ở đây đều xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.” (Lặp lại ba lần)

“Hôm nay những chúng sinh có mặt ở đây đều đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng.” (Lặp lại ba lần)

“Từ nay về sau, những chúng sinh hôm nay đã quy y Tam bảo, trở thành Phật tử, thờ Phật làm thầy, vĩnh viễn không quy y tà ma ngoại đạo.” (Lặp lại ba lần)

“Hết thầy các Phật tử¹ đã quy y Tam bảo, nay chúng tôi sẽ vì quý vị mà xưng tụng mười danh hiệu của đức Như Lai Bảo Thắng, nhờ công đức ấy khiến cho quý vị sau khi được nghe rồi sẽ giống như mười ngàn con cá [trước đây được Trưởng giả tử Lưu Thủy cứu sống, sau khi mạng chung sẽ được] sinh về cõi trời, không hề khác biệt.”

¹ Nói với tất cả những con vật được phóng sinh, vì vừa rồi đã giúp chúng thọ Tam quy, trở thành Phật tử.

Tất cả những người tham gia phóng sinh đồng niệm:

“Nam mô Bảo Thắng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.” (Lặp lại ba lần)

Sau đó, [vị chủ lễ] thuyết pháp với những con vật được phóng sinh:

“Này các Phật tử, hôm nay tôi sẽ vì quý vị mà thuyết giảng giáo pháp Mười hai nhân duyên, chỉ rõ các tướng sinh, tướng diệt, giúp cho quý vị thấu hiểu được pháp sinh diệt, chúng ngộ được pháp không sinh diệt, đồng như chư Phật, chúng Đại Niết-bàn. Đó là: Vô minh duyên theo hành, hành duyên theo thức, thức duyên theo danh sắc, danh sắc duyên theo sáu nhập, sáu nhập duyên theo xúc, xúc duyên theo cảm thụ, cảm thụ duyên theo ái luyến, ái luyến duyên theo chấp thủ, chấp thủ duyên theo hữu, hữu duyên theo sinh, sinh duyên theo già chết, ưu bi khổ não. Như vậy, khi vô minh diệt mất thì hành diệt theo, hành diệt mất thì thức diệt theo, thức diệt mất thì danh sắc diệt theo, danh sắc diệt mất thì sáu nhập diệt theo, sáu nhập diệt mất thì xúc diệt theo, xúc diệt mất thì cảm thụ diệt theo, cảm thụ diệt mất thì ái luyến diệt theo, ái luyến diệt mất thì thủ diệt theo, thủ diệt mất thì hữu diệt theo, hữu diệt mất thì sinh diệt theo, sinh diệt mất thì già chết, ưu bi khổ não đều diệt theo.”

Thuyết pháp xong, lại nói:

“Này các Phật tử, nay tôi y theo Kinh điển Đại thừa, đã trao cho quý vị Tam quy, đã vì quý vị xưng niệm Mười danh hiệu Phật, cũng đã thuyết giảng cho quý vị nghe xong giáo pháp Mười hai nhân duyên. Bây giờ tôi sẽ vì quý vị mà đối trước Tam bảo phát lộ mọi tội lỗi trong quá khứ, chí thành cầu xin sám hối, nguyện cho bao nhiêu tội lỗi nghiệp chướng của quý vị, trong một niệm đều hết thảy tiêu trừ, được sinh về cảnh giới lành, được gần Phật nhận lời thọ ký. Quý vị nên hết sức chí thành cùng nương theo

những lời sám hối sau đây.”

Tiếp đọc lời sám hối:

*“Xưa nay con tạo bao nghiệp ác,
Đều do muôn kiếp tham, sân, si.
Từ thân, miệng, ý khởi sinh ra,
Hết thấy con nay xin sám hối.”*

(Lặp lại ba lần)

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát. (Ba lần)

“Nguyên cho tất cả quý vị từ sau khi được phóng sinh rồi, vĩnh viễn không gặp ác ma, không bị ăn nuốt, không sa vào lưới bẫy, được sống đời thông dong tự tại, hưởng trọn tuổi trời. Sau khi mạng chung thì nương nhờ oai lực Tam bảo cùng nguyện lực từ bi của đức Như Lai Bảo Thắng, hoặc sinh về cõi trời Đạo Lợi, hoặc sinh ra trong cõi nhân gian, đều biết tu hành, giữ theo giới luật, không quay trở lại làm việc ác như xưa, đem tâm thành tín niệm Phật, được tùy nguyện vãng sinh.”

Tiếp đó cầu nguyện cho những người phóng sinh:

“Lại nguyện cho các đệ tử tham gia việc phóng sinh hôm nay là... .. (khẩn tên họ, pháp danh những người tham gia phóng sinh)... .. từ nay về sau hạnh nguyện Bồ-đề được tăng trưởng, sáng suốt trong từng niệm tưởng, cứu khổ chúng sinh như cứu chính mình. Nhờ nhân duyên ấy được sinh về Tây phương Cực Lạc,¹ được gặp đức Phật A-di-đà và các vị Thánh chúng, chứng đắc pháp nhãn vô sinh, hóa hiện phân thân nhiều như số hạt bụi nhỏ, rộng độ hết thấy chúng sinh hữu tình đều được thành Chánh giác.”

Tất cả đại chúng đồng thanh tụng niệm phẩm Hồi Hương trong kinh Hoa Nghiêm, cùng thần chú Vãng sinh Tịnh độ.

¹ Nguyên tác dùng An Dương, là một tên khác của cõi Tây phương Cực Lạc.

“Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, phẩm Thập Hồi Hương. Tùy thuận kiên cố hồi hương hết thảy căn lành.¹

“Phật tử, Đại Bồ Tát, khi sinh làm vị Đại quốc vương, đối với Chánh pháp thông hiểu tự tại, rộng làm theo lời dạy của Phật, khiến cho trong cõi nước được dứt trừ nghiệp giết hại. Khắp trong cõi Diêm-phù-đề, những nơi thành ấp, xóm làng, đều ban lệnh cấm hết thảy mọi sự giết mổ. Đối với muôn loài chúng sinh dù là những loài không có chân, hoặc có hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân, đều ban cho sự an ổn không sợ sệt, không hề khởi tâm muốn cướp đoạt [mạng sống của chúng]. Rộng tu hết thảy hạnh nguyện Bồ Tát, ban rải đức nhân từ đến muôn loài vật, không làm những việc xâm hại náo loạn, phát khởi tâm nhiệm màu quý báu đem sự an ổn đến cho mọi chúng sinh. Đối trước chư Phật khởi tâm mừng vui sâu xa cùng cực, thường tự mình trụ yên trong ba loại giới hạnh thanh tịnh, lại cũng khiến cho tất cả chúng sinh đều được trụ yên như vậy.

“Đại Bồ Tát khiến cho chúng sinh trụ yên trong Năm giới, vĩnh viễn dứt trừ không làm việc giết hại, lại dùng căn lành đó hồi hương như sau:

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề, được đầy đủ trí tuệ, vĩnh viễn giữ được thọ mạng, không có lúc chấm dứt.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh sống lâu vô lượng kiếp, cúng dường hết thảy chư Phật, chuyên cần cung kính tu tập, cuối cùng càng được tăng thêm tuổi thọ.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh tu tập hành trì trọn đủ, lìa khỏi các pháp già chết, hết thảy tai nạn, chất độc đều không làm hại đến sinh mạng.

¹ Nội dung từ sau đoạn này trở xuống cho đến phần tụng thần chú Vàng sinh được trích nguyên văn từ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm (大方廣佛華嚴經), quyển 27, phẩm Thập hồi hương (phẩm thứ 25), phần thứ 5, bản Hán dịch của ngài Thật-xoa-nan-đa. Kinh này được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 10, kinh số 279. Phần kinh văn trích dẫn này bắt đầu từ trang 149, tờ b, dòng thứ 16.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh thành tựu đầy đủ thân không tật bệnh, phiền não, được thọ mạng tự tại, có thể tùy ý sống trên đời.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh được thọ mạng vô tận, đến cùng kiếp trong tương lai, trụ yên trong hạnh nguyện Bồ Tát, giáo hóa điều phục hết thảy chúng sinh.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh luôn được tăng trưởng căn lành Thập lực trong suốt đời sống của mình.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh được trọn đủ căn lành, được đời sống vô tận, thành tựu trọn vẹn đại nguyện.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh đều được gặp chư Phật, cúng dường phụng sự, an trụ trong đời sống vô tận mà tu tập căn lành.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh từ chỗ của đức Như Lai khéo học được các môn học của mình, đạt được niềm vui từ Phật pháp, thọ mạng vô tận.

- Nguyện cho hết thảy chúng sinh được căn mạng thường còn không già, không bệnh, dũng mãnh tinh tấn thể nhập trí tuệ chư Phật.

“Như thế là Đại Bồ Tát trụ yên trong ba tụ tịnh giới, vĩnh viễn dứt trừ nghiệp giết hại, hồi hướng căn lành cho tất cả chúng sinh đều được đầy đủ Mười sức của Phật.”

Tiếp theo trì tụng thần chú Vãng sinh ba lần. Tụng xong, vị chủ lễ tác bạch rằng:

“Chúng con hôm nay làm việc phóng sinh được bao nhiêu công đức, xin dùng để báo đáp rộng khắp bốn ơn nặng, lợi lạc đồng đều trong Ba cõi, nguyện cho hết thảy chúng sinh trong pháp giới đều được thành tựu trọn vẹn trí tuệ giải thoát. Nam-mô Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật, nhất thiết chư Đại Bồ Tát, Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật.”

Lời nguyện sau khi phóng sinh

Sau khi hoàn tất việc phóng sinh, đến trước bàn thờ Phật, chí tâm lễ bái hình tượng Phật rồi khấn nguyện như sau:

“Đệ tử tên là... (khấn tên họ, pháp danh)..., xin đem hết tâm thành quy y đức Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực Lạc. Đệ tử vâng theo lời Phật dạy trước đây, hôm nay thực hành việc phóng sinh, được số lượng vật mạng là... ...(kể ra số lượng)... ..

Nhờ công đức này, xin nguyện cho đệ tử được tiêu trừ tội lỗi nghiệp chướng, giải trừ mọi oán thù oan trái, căn lành tu tập ngày càng tăng trưởng, đến phút lâm chung được thân tâm an ổn, chính niệm rõ ràng, nhờ ơn Phật tiếp dẫn sinh về cõi nước Cực Lạc, hóa sinh từ giữa hoa sen trong ao bảy báu, hoa nở liền được gặp Phật, chúng đấng pháp nhãn vô sinh, được đầy đủ trí tuệ Phật, dùng thần lực lớn lao có thể khiến cho những chúng sinh được con phóng sinh, cùng tất cả vô số chúng sinh trong khắp mười phương, thấy đều được cứu độ giải thoát, thành đạo Vô thượng. Nay phát lời nguyện này, xin đức Phật từ bi xót thương tiếp nhận.”

Phát nguyện như trên rồi, tiếp đó niệm danh hiệu Phật một trăm lần, hoặc ngàn lần hay vạn lần, nhiều ít tùy ý.¹

¹ Nguyên tác ghi là “宋慈雲懺主遵式《戒酒肉慈悲法門偈》- Tống Từ Vân Sám chủ Tuân Thức ‘Giới từu nhục từu tuệ pháp môn kệ’” (‘Kệ pháp môn từu bỏ rượu thịt, tu tập từu bi trí tuệ’ của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức đời Tống. Theo tra cứu của chúng tôi thì toàn văn trích dẫn ở đây được An Sỹ toàn thư trích lại từ Kim viên tập (金園集) của ngài Tuân Thức (遵式), tổng cộng có 3 quyển, bài này nằm ở quyển 3. Kim viên tập hiện còn được lưu giữ trong Vạn tục tạng, thuộc Tập 57, kinh số 950. Bài “Giới từu nhục từu tuệ pháp môn kệ” này bắt đầu từ dòng thứ 12, trang 13, tờ a. Khi chuyển dịch chúng tôi có tham khảo toàn văn trong sách này và những Kinh điển được trích dẫn.

Kệ khuyên người từ bỏ rượu thịt¹

Lời tựa

Những bài kệ này được biên soạn từ các Kinh điển Đại thừa, Tiểu thừa như: kinh Lăng-già, kinh Ương-quật, kinh Niết-bàn, kinh Tát-già-ni-kiền, kinh A-hàm, kinh Chánh pháp niệm, kinh Hoa Nghiêm thập trụ...

Nhân khi đọc qua [các kinh ấy], tôi trích soạn thành 100 bài kệ,² đặt tên là “*Kệ từ bỏ rượu thịt, tu tập trí tuệ từ bi*”, để trình bày với những ai còn chưa nghe biết, [làm được theo đúng như kệ này] cũng đủ để tự răn nhắc.

Mong sao những ai đủ lòng tin có thể dành thời gian thư thả đọc kỹ kệ này, suy xét sâu xa về những nghiệp hiện nay đang tạo ra mà hết sức kinh sợ về sự báo ứng trong tương lai, đâu dễ chịu đựng nổi những cực hình ngấm chảo nước đồng sôi, nuốt hòn sắt nóng!

¹ Nguyên tác ghi là “宋慈雲懺主遵式《戒酒肉慈悲法門偈》- Tống Từ Vân Sám chủ Tuân Thức ‘Giới từu nhục từu tuệ pháp môn kệ’” (‘Kệ pháp môn từ bỏ rượu thịt, tu tập từ bi trí tuệ’ của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức đời Tống. Theo tra cứu của chúng tôi thì toàn văn trích dẫn ở đây được An Sỹ toàn thư trích lại từ Kim viên tập (金園集) của ngài Tuân Thức (遵式), tổng cộng có 3 quyển, bài này nằm ở quyển 3. Kim viên tập hiện còn được lưu giữ trong Vạn tục tạng, thuộc Tập 57, kinh số 950. Bài “Giới từu nhục từu tuệ pháp môn kệ” này bắt đầu từ dòng thứ 12, trang 13, tờ a. Khi chuyển dịch chúng tôi có tham khảo toàn văn trong sách này và những Kinh điển được trích dẫn.

² Tuy nói là 100 bài kệ nhưng thực ra không có sự phân biệt rõ rệt.

Chính văn

Thành tâm kính lễ Phật, Pháp, Tăng,
 Tam bảo lòng từ như biển rộng.
 Con nay mong muốn y Chánh pháp,
 Rộng khuyên hết thảy mọi chúng sinh:

Không giết hại ăn thịt muôn loài.
 Cùng tích tụ nhân lành từ ái,
 Được sống thọ dứt trừ bệnh khổ,
 Trong tương lai quả Phật trọn thành.

Mười phương chư Phật, Đại Bồ Tát,
 Thường vì cứu độ mọi chúng sinh,
 Xả bỏ thân mạng cùng đầu, mắt,
 Trái qua vô lượng, vô số kiếp.

Khi làm vua, cắt thịt cứu chim ưng,
 Lúc sinh làm rồng, xả thân cứu kiến.
 Trưởng giả Lưu Thủy, cứu cá chết khô,
 Bồ Tát bỏ thân, nuôi cọp đói lả.
 Bao kiếp thường tu hành đạo từ,
 Thành tựu sức từ bi, hiền thiện.
 Chư Phật đã trừ mọi vọng tâm,
 Chỉ còn duy nhất một tâm từ.

Người thường tu tập hạnh từ bi,

*Không giết hại, ăn thịt muôn loài.
Ngưỡng nguyện sức oai thần chư Phật,
Đời đời vẫn thường luôn gia hộ.*

*Lời Phật dạy: Nếu giết chúng sinh,
Tức giết mẹ cha nhiều đời trước,
Hoặc như tự giết vợ, con mình,
Hoặc giết anh, chị, em trai, gái.
Hết thấy chúng sinh dù nam nữ,
Đều từng là cha, mẹ chúng ta.
Mỗi kiếp sinh ra từ thai bào,
Ta đều nhờ họ được thân thể.*

*Ta sinh làm mỗi loài súc sinh,
Xương cao như núi, máu như biển.
Lại mang thân mỗi loài như vậy,
Đều qua số kiếp không kể xiết.*

*Trôi lăn trong sáu đường luân hồi,
Thay đổi làm thân thuộc của nhau.
Cho nên giết vật để ăn thịt,
Nào khác gì ăn thịt cha mẹ?
Lại quán xét, có bao nhiêu thân xác,
Đều cũng đồng một bản thể như ta.
Xương thịt ta so với muôn loài,
Thật ra cũng là một xương thịt.
Cũng như phòng trước với bếp sau,*

Vấn đều gọi chung là nhà ta.
Nên biết những kẻ thường ăn thịt,
Chính là ăn nuốt tự thân mình.
Thế Tôn quán xét tạng Như Lai,
Thấy cảnh giới Phật và chúng sinh,
Chỉ là một cảnh giới, không hai,
Hết thầy xương thịt đồng một loại.

Như diễn viên tạm thay hình dạng,
Nhưng thật ra vốn chỉ một người.
Nếu khởi tâm giết hại chúng sinh,
Nên quán tưởng đó là chư Phật.

Những kẻ săn bắn, người đồ tể,
Hoặc người thường lưới bắt cá, chim,
Chúng sinh từ xa vừa trông thấy,
Đều tự nhiên run rẩy, sợ chết.

Vì những kẻ ấy tâm ác độc,
Chỉ biết háms lợi, ưa ăn thịt.
Tay cầm dao sắc hoặc cung tên,
Chỉ muốn giết hại sinh mạng chúng.
Nên chúng sinh trốn kỹ, bay cao,
Hốt hoảng kinh hãi mà xa lánh.
Những kẻ ấy thường đối chúng sinh,
Khởi lên tâm niệm đại oán cừu.
Chúng sinh đều yêu tiếc thân mạng,

Dù người hay vật đều không khác.
Nếu muốn ăn nuốt thịt chúng sinh,
Trước tiên hãy thử cắt thịt mình.

Chết là nỗi khổ không gì hơn,
Có chúng sinh nào chẳng khiếp sợ?
Chỉ cần tự quán xét chính mình,
Vì sao lại ăn thịt muôn loài?

Vì lợi mà giết hại vật mạng,
Hoặc tham tiền lưới bắt chúng sinh,
Hai nghiệp ấy đều là giết hại,
Chết đọa vào địa ngục khóc la.

Hãy nghe đây: Những kẻ giết hại,
Bỏ thân này, địa ngục sẵn chờ,
Có thành sắt vây quanh giam hãm,
Vút cao hơn tám vạn do-tuần.
Chiều dài, rộng cũng đều như vậy,
Lại ngập tràn lửa dữ đốt thiêu,
Cả trong ngoài một màu đỏ rực,
Bốn cửa thành, chó dữ đứng canh.
Tiếng ngục tốt quát la như sấm,
Hai mắt như chớp điện chiếu soi,
Rượt đuổi kẻ mang tội giết hại,
Bắt đưa vào chịu khổ trăm bề.

Có lực sĩ tay cầm giáo sắt,
 Với cán dài mười thước khiếp thay,
 Mũi sắc nhọn bề ngang tám tấc,
 Đâm thẳng vào giữa ngực tội nhân.

Vết đâm sâu xuyên ngực thấu lưng,
 Khổ sở đớn đau không nói hết,
 Kéo dài trong muôn ức ngàn năm,
 Chịu khổ đau cùng cực như vậy.

Hãy nghe đây: Những kẻ ăn thịt,
 Bỏ thân này, đọa ngục A-tỳ,
 Nhà ngục sắt vừa cao vừa rộng,
 Mỗi bề hơn tám vạn do-tuần.
 Bốn cửa ra lửa dữ thiêu đốt,
 Suốt hai bề nam bắc thông nhau,
 Tường vây quanh, lưới sắt bủa giăng,
 Cổ mang gông, chân thêm xiềng sắt,
 Hết thảy đều bị lửa đốt thiêu,
 Nóng cháy lên một màu đỏ rực,
 Tội ăn thịt chịu khổ như vậy,
 Trong trăm ngàn muôn ức năm dài.
 Hãy nghe đây: Những người nấu thịt,
 Đọa vào ngục có chảo nước sôi.
 Chảo lớn ấy hai bề sâu rộng,
 Đều tính ra hơn vạn do-tuần.

Ngày đêm luôn có lửa nung nấu,
Nước không ngừng sôi sục bên trong.
Tội nấu thịt, bị vào chảo ấy,
Chịu khổ này mười bảy ngàn năm!

Hãy nghe đây: Những người nướng thịt,
Chết đọa vào ngục có giường sắt.
Ngục ấy rộng hai bề ngang dọc,
Mỗi bề đều tám vạn do-tuần.

Dưới giường sắt có lửa nung nóng,
Tội nhân bị ép nằm lên giường.
Tim, gan, da thịt đều cháy bỏng,
Như vậy suốt mười hai ngàn năm.

Hãy nghe đây: Những người cắt thịt,
Chết đọa vào ngục bị băm vằm.
Trong ngục có năm trăm lục sĩ,
Luôn cầm dao sắc chặt, băm vằm.

Băm nát mãi thành muôn mảnh vụn,
Gió nghiệp thổi vào, sống lại như xưa,
Chết đi sống lại, mãi như vậy,
Kéo dài qua mười hai ngàn năm.

Hãy nghe đây: Những kẻ nuôi gà,
Vì tham cho thịt béo mỡ nhiều,
Nên mỗi ngày gà ăn trùng sống,
Mỗi con đều đến số năm trăm.

Tội lỗi ấy, người, gà cùng chịu,
Sau khi chết địa ngục sẵn chờ.
Trong ngục ấy chứa đầy phần nóng,
Mỗi chiều đo tám vạn do-tuần.
Người với gà cùng vào trong ngục,
Chịu giam cầm năm vạn ngàn năm.
Hãy nghe đây: Những người săn bắn,
Bủa lưới giăng, đặt bẫy muôn loài,
Đào hố, căng dây rình bắt vật,
Hoặc phóng lao, giết thú giết chim.
Hoặc bôn bề vây chặt, đuổi xô,
Dồn bức muôn loài vào cửa tử.
Chết phải đọa địa ngục trục sắt,
Mỗi trượng vương có vạn mũi đinh.
Trục ấy lăn đề lên tội nhân,
Một vòng, mũi nhọn đâm khắp người,
Toàn thân như bị đinh xuyên thấu,
Đau đớn cùng cực không chịu nổi.
Trải qua đến trăm ngàn vạn năm,
Chịu khổ báo không ngừng như thế.
Những kẻ giết hại và ăn thịt,
Chịu khổ đau ở địa ngục xong,
Lại sinh làm ngựa quý, la-sát,
Hoặc sư tử, cọp beo, chó sói...
Hoặc cáo, chồn, mèo, cú, điều dâu...

Chỉ uống máu tươi, ăn thịt sống,
 Thường bị người lòng bắt phanh thây,
 Chẳng được sống tự do yên ổn.
 Lửa đói khát suốt đời nung nấu.
 Thấy muôn loài, chỉ muốn giết ăn,
 Tâm xấu ác ngày càng thêm lớn,
 Hạt giống đại từ dứt mất thương thay!
 Ví như lại được sinh làm người,
 Ất phải chịu tàn tật, chết yếu.
 Hoặc ngu si bài bác nhân quả,
 Lại trở vào địa ngục ngay thôi!
 Khi Thế Tôn thuyết dạy kinh này,
 Vô số quý la-sát kinh sợ,
 Cùng than khóc, thề không ăn thịt,
 Nguyên đi theo bảo vệ người lành.

Những ai đã được nghe kinh này,
 Vì có sao chẳng sửa lỗi xưa?
 Như thế thật uống sinh kiếp người,
 Vì chẳng được như loài la-sát.¹
 Hãy thận trọng, không đốt rừng núi,²
 Không phá bờ đê ngăn nước sông,

¹ Nguyên tác dùng “食人鬼 - thực nhân quỷ” (quỷ ăn thịt người), chính là chỉ đến các quý la-sát vừa nói ở đoạn trên. Quý la-sát vốn tính hung ác, thích ăn thịt người, nhưng sau khi nghe đức Phật thuyết dạy những nội dung trên thì kinh sợ thề không ăn thịt nữa. Nếu con người được nghe kinh mà vẫn không bỏ việc ăn thịt thì không bằng những quý la-sát ấy.

² Vì khi cháy rừng thì có rất nhiều loài vật không thể thoát được, phải chết cháy.

Không đốn cây có chim làm tổ,
 Không đốt củi có nhiều mối, mọt...
 Nếu thấy chúng sinh bị giết hại,
 Phải khéo tìm phương cách cứu nguy.

Cung kính đánh lễ mười phương Phật,
 Bạc Đại Bi Trí Đức Thế Tôn.
 Nay con muốn khuyên người thế tục,
 Bỏ men say, cầu trí xuất trần.

Như trong kinh đức Phật có dạy,
 Uống rượu vào sinh vạn lỗi lầm.
 Trong tám vạn trần lao uest trước,
 Ba mươi lăm đầu mối sai lầm,
 Đầu nảy sinh từ việc uống rượu.
 Xin mọi người chú tâm xét kỹ,
 Rượu say sưa tâm huyễn loạn sinh.
 Sáu thức đều ám hôn mê muội.
 Nghĩa cha con dứt đường tôn kính,
 Đạo vua tôi đảo ngược kỷ cương,
 Tình mẹ con, nếp nhà rối loạn.
 Chẳng còn theo khuôn phép lễ nghi.
 Như thuở xưa nước Xá-bà-đề,
 Có người tên Ương-quật-ma-la,
 Uống rượu say loạn dâm cùng mẹ,
 Nhân đó rồi lại giết cả cha.
 Khi bà mẹ thông dâm người khác,

Lại vung đao giết mẹ không tha.
 Lại nhớ chuyện ông Sa-già-đà,¹
 Đại A-la-hán chứng thần thông.
 Khi vân du ngang nước Chi-đề,
 Làng Bạt-đà² nhân duyên tìm đến.
 Nơi ấy có con rồng độc lớn,
 Xung tên là Am-bà-la-đề.³
 Rồng hết sức bạo tàn, độc ác,
 Hại bao người hiền thiện trong thôn.⁴
 Vị La-hán hiện sức thần thông,
 Rồng độc kia liền khuất phục ngay.
 Dân làng hoan hỷ, muốn báo ơn,
 Dâng tiệc chay, cháo sữa thơm ngon.
 Có cô gái dâng cháo sữa rồi,
 Lòng lo nghĩ sợ ngài rét lạnh,⁵
 Liền dùng rượu có màu giống nước,
 Tiếp dâng lên La-hán ấm lòng.
 Vị La-hán ngỡ là nước sạch,

¹ Nguyên văn câu chuyện này được ghi chép trong kinh Phật thuyết Ưu-bà-tác ngũ giới tướng (佛說優婆塞五戒相經), được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 24, kinh số 1476. Câu chuyện bắt đầu từ dòng thứ 17, trang 943, tờ b. Kinh văn kể chuyện chi tiết hơn so với trong bài kệ này chỉ lược nói một số điểm chính. Vị A-la-hán này được đề cập đến trong kinh với tên gọi là Trưởng lão Sa-già-đà.

² Theo kinh văn thì thôn này tên là Bạt-đà-la-bà-đề (跋陀羅婆提).

³ Theo kinh văn thì con rồng này tên là Am-bà-la-đề-đà (菴婆羅提陀).

⁴ Theo kinh văn thì con rồng này hết sức hung dữ, phá hoại hết mùa màng trong thôn, lại xua đuổi hết các loài ngựa, dê, trâu, lừa... phải tránh xa nơi nó ở.

⁵ Theo kinh văn thì có nhiều người dân phụng thờ Trưởng lão Sa-già-đà đến cúng dường. Cô gái này là một trong số đó, và ngài đã nhận lời đến nhà cô thọ trai. Vì lòng thành kính, cô đã tìm mua cho được món cháo sữa thơm ngon bổ dưỡng nhất. Sau đó lại suy nghĩ sợ rằng ngài ăn món cháo sữa này có thể sẽ phát lạnh. (女人思惟：是沙門噉是名酥乳糜或當冷發。-Nữ nhân tư duy: Thị sa-môn đạm thị danh tô như mi, hoặc đương lạnh phát.)

Liên uống vào, say đến ngã nghiêng.
 Lão đảo đến cổng chùa ngả gục,
 Y bát đều vất bỏ ngổn ngang.
 Cho hay lúc tỉnh hiện thân thông,
 Hàng phục được cả rông độc lớn,
 Rượu say vào nằm như xác chết,
 Chịu ễnh ương, cóc nhái khinh thường.
 Đức Thế Tôn nhân sự việc này,
 Truyền tụ tập chúng tăng đông đủ,
 Ngay nơi Sa-già-đà say rượu,
 Để khuyên răn, chế định giới điều.¹
 Người Phật tử vâng điều giới ấy,
 Quyết không dùng chất có men say.²
 Kinh Chánh Pháp Niệm³ có dạy rằng:
 Vua Diêm-la quả trách tội nhân,
 Trước khi đưa vào ngục trị tội,
 Đọc cho nghe bài kệ dưới đây:⁴
 Rượu uống vào rối loạn trong tâm,
 Khiến con người chẳng khác loài dê...

¹ Theo kinh vân thi đức Phật đã nhân sự việc này chế định giới “không uống rượu”. Sau khi giảng rõ các mối nguy hại, đức Phật đã dạy rằng: “從今日若言我是佛弟子者，不得飲酒，乃至小草頭一滴，亦不得飲。 - Từng kim nhật, nhược ngôn ngã thị Phật đệ tử giả, bất đắc ẩm tửu, nãi chí tiểu thảo đầu nhất trích, diệc bất đắc ẩm.” (Kể từ hôm nay, những ai nhận mình là đệ tử Phật đều không được uống rượu, thậm chí chỉ một giọt nhỏ như giọt sương đầu ngọn cỏ cũng không được uống.)

² Câu chuyện này cũng được kể lại trong Thập tụng luật (十誦律), quyển 17, thuộc Đại Chánh tạng, Tập 23, kinh số 1435. Chuyện được bắt đầu từ dòng thứ 29, trang 120, tờ b.

³ Túc kinh Chánh pháp niệm xứ (正法念處經), tổng cộng 70 quyển, do ngài Cù-đàm Bát-nhà-lưu-chi dịch sang chữ Hán. Kinh này được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 721. Nội dung liên quan đến trích dẫn nằm trong quyển 8, bắt đầu từ dòng thứ 4, trang 44, tờ c.

⁴ Bài kệ trong kinh vân có nội dung dài hơn, ở đây chỉ lược trích, bắt đầu trích từ dòng thứ 12, trang 44, tờ c.

Mọi việc làm không còn tự biết,
 Nên dứt bỏ, không được uống rượu.
 Lại rượu vào, thân thể cứng đờ,
 Nằm bất động, khác nào xác chết.
 Những ai muốn giữ tâm tỉnh táo,
 Phải dứt ngay, không được uống rượu.
 Rượu là nơi tụ tập lỗi lầm,
 Chẳng mang đến điều gì lợi ích.
 Chỉ khiến ta đi vào đường ác,
 Và những nơi hôn ám tối tăm.
 Uống rượu vào, địa ngục sẵn chờ,
 Hoặc có thể sinh làm quỷ đói,
 Hoặc sinh vào súc sinh cầm thú,
 Hết thảy đều do rượu dẫn dắt.
 Phật có dạy, người đời nên biết:
 Trong các độc, rượu là kịch độc,
 Là địa ngục khổ hơn các ngục,
 Là bệnh nặng nhất trong muôn bệnh.¹
 Người một khi đã uống rượu vào,²
 Lúc mừng vui đều không duyên cố,
 Lại vô cố nổi cơn sân hận,
 Hoặc bỗng dung việc ác làm cần.
 Đối trước Phật sinh lòng nghi ngại,

¹ So với kinh vân thi đoạn trích tiếp theo đây có lược bỏ 17 câu kệ.

² So sánh kinh vân thi từ đây bắt đầu một đoạn trích mới, từ dòng đầu tiên của trang 45, tờ a, sách đã dẫn trên.

Cả việc đời, việc đạo phá tan,
 Lại như lửa đốt thiêu giải thoát,
 Đều chỉ là do rượu mà thôi.
 Những ai từ bỏ việc uống rượu,
 Sẽ luôn theo nẻo chánh đường ngay,
 Thẳng đến nơi tốt lành đệ nhất,
 Chúng đắc ngay quả vị vô sinh.¹

Đừng uống vào chất rượu vô minh,
 Vì đó là nguyên nhân các khổ.
 Hàng Thanh văn trụ bậc Minh thoát,²
 Do rượu say trở lại phạm phu.

Nếu gặp lúc thân mang bệnh khổ,
 Quán xét tìm gốc bệnh khởi sinh.
 Từ si mê, chấp hữu, ái luyến,
 Tích tạo nhân phải chịu quả bệnh.
 Dẫu Kỳ-bà³ dùng hết y thuật,
 Cũng không làm thay đổi nghiệp kia.
 Huống chi thuốc rượu của thế gian,
 Sao có thể tiêu trừ bệnh khổ?
 Rượu là nguồn gốc sự buông thả,
 Không uống rượu, là đóng cửa ác.

¹ So sánh kinh văn thì từ đây hết phần trích dẫn từ kinh Chánh pháp niệm xứ.

² Minh thoát (明脱): chỉ vị Thanh văn đã có sự tu chứng, theo ý nghĩa dứt trừ ngu si nên gọi là minh (sáng suốt), dứt trừ tham ái nên gọi là thoát (không bị trói buộc).

³ Kỳ-bà (耆婆): phiên âm từ Phạn ngữ là Jivaka, tên của một vị danh y đệ tử Phật, là ngự y của vua Tần-bà-sa-la. Ông chính là người phụ trách việc chữa bệnh cho chư tăng vào thời đức Phật.

*Thà bỏ đi trăm ngàn thân mạng,
Còn hơn phá giới, uống rượu say.*

*Dù phải chịu thân này khô héo,
Quyết trọn đời không uống rượu vào.
Ví như kẻ hủy phạm giới này,
Mà được tăng thêm trăm tuổi thọ,
Cũng không bằng thà giữ trọn giới,
Chịu tức thời tan nát toàn thân.*

*Dù biết chắc uống rượu lành bệnh,
Người khôn ngoan vẫn chẳng uống vào.
Hướng chi còn phân vân chưa biết,
Liệu uống vào khỏi bệnh hay không.
Phát khởi tâm quyết định giữ giới,
Liên thấy lòng hoan hỷ vô cùng.
Do sáng suốt chứng đạt lẽ thật,
Bệnh khổ kia tức khắc tiêu trừ.
Hãy nghe đây: Những người nấu rượu,
Chết đọa vào địa ngục bã hèm,
Cùng địa ngục chứa đầy tro nóng,
Chịu đọa đầy mười tám ngàn năm.
Hãy nghe đây: Người buôn bán rượu,
Chết đọa vào ngục có ao rượu,
Rượu đầy ao như nước đồng sôi,*

Bị ném vào trong ao chịu khổ.

*Hãy nghe đây: Những người uống rượu,
Chết đọa vào địa ngục rớt nước,
Ngày đêm phải tự tay rót lấy,
Nước đồng sôi đổ vào miệng mình.*

*Hãy nghe đây: Những người chuốc rượu,
Thường mang rượu ép người phá giới,
Chết đọa vào ngục có ao băng,
Đủ tám ngàn vạn năm chịu khổ,
Da thịt bị xé ra tan nát,
Mỗi ngày đêm sống chết trăm lần.
Ra khỏi ngục, năm trăm đời sau,
Sinh ra đều chẳng có hai tay.
Hãy nghe đây: Nếu dùng sức mạnh,
Hoặc nhân lúc chơi đùa giấu cọt,
Mang rượu đến chỗ hàng tăng ni,
Rồi thúc ép, bắt buộc phải uống,
Chết đọa vào địa ngục chặt chân.
Phải chịu khổ sáu trăm vạn năm,
Thường có năm trăm đại lực sĩ,
Chặt đứt ngang hai gối tội nhân.
Thậm chí kẻ trao tay bình rượu,*

Năm trăm đời chịu đọa không tay.
 Thường mang thân kiến, rận nhỏ nhoi,
 Hoặc sinh làm giòi bọ, ruồi nhặng,
 Hoặc côn trùng mê muội ngu si,
 Mỗi loại như vậy năm trăm đời.
 Hãy nghe chuyện xưa Cát-đà-bà,
 Mua rượu, vấp ngã, đổ xuống giếng.
 Các vị La-hán uống nước giếng,
 Tám vạn vị thánh đều bị say.
 Kết thành tội quấy nhiễu bậc thánh,
 Chết đọa vào địa ngục của giường.¹
 Như thế trong tám vạn đại kiếp,
 Thường phải chịu nỗi khổ của xẻ.
 Ra khỏi ngục được sinh làm người,
 Thân hình ngắn chỉ vừa ba thước,²
 Mặt mũi xấu xí màu xanh đen,
 Lỗ tai, lỗ mũi đều bít kín,
 Mắt mù, môi sứt dị dạng thay,
 Tay chân lại không có các ngón.
 Hướng chi người cố tình phá giới,
 Mang rượu ép buộc người khác uống?
 Thường thấy người đời thật ngu muội,
 Ép kẻ khác ăn thịt uống rượu,

¹ Địa ngục của giường (cú sàng ngục - 鋸床獄): trong ngục này tội nhân bị đặt nằm trên giường, có cửa sắt của đứt ngang cả giường, khiến thân hình tội nhân cũng bị đứt lìa ra.

² Ba thước cổ, mỗi thước khoảng 0,33 mét, tức là thân hình chỉ cao khoảng 1 mét.

Tự mình đã không giữ thanh tịnh,
 Cũng không chút hổ thẹn trong lòng,
 Lại mang những món ăn bất tịnh,
 Cường bức, ép buộc người phá giới.
 Thà phạm tội giết hại mạng người,
 Vẫn còn hơn ép người phá giới.
 Người bị giết mất đi mạng sống,
 Đã chắc đâu phải đọa ba đường?¹
 Nhưng phá giới không sinh trời, người,
 Lại dứt mất con đường giải thoát.

Hãy nghe đây: Người dứt rượu thịt,
 Được phước đức lợi lạc lớn lao.
 Ví như có người dùng bảy báu,
 Bố thí cùng sở hữu, vợ con,
 Dem so với người bỏ rượu thịt,
 Công đức ấy vạn lần thua kém.
 Thậm chí người mang ra bố thí,
 Bảy báu đầy thế giới đại thiên,
 Dem so với người bỏ rượu thịt,
 Cũng vẫn thua kém đến vạn lần.
 Ví như có người muốn cầu phước,
 Dùng vàng ròng đúc thành hình người,
 Số lượng nhiều đến trăm ngàn vạn,
 Đều mang ra bố thí khắp nơi.

¹ Túc ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Dem so với người bỏ rượu thịt,
 Công đức ấy vạn lần thua kém.
 Ví như có Phật tử tâm thành,
 Làm ra nhiều lọng quý, cờ hoa,
 Đầy khắp cõi đại thiên thế giới,
 Rồi dâng lên cúng dường đức Phật.
 Dem so với người bỏ rượu thịt,
 Công đức ấy vạn lần thua kém.
 Rượu thịt mắc vào, tội rất nặng,
 Trừ bỏ đi, phước báo sâu dày.
 Thiện ác đôi bên, hình dung rõ,
 Khổ vui hai cảnh, tùy việc làm.
 Hãy mạnh mẽ, nhanh chóng quay đầu,
 Sớm định việc tu tâm sửa lỗi.
 Chớ đợi lúc vô thường chợt đến,
 Như bình kia đầy nước tự chìm.

 Hãy gắng lên, mọi người nỗ lực,
 Hẹn ngày mai, vui cảnh Tây phương.¹

Những bài kệ này được trích soạn từ Kinh điển, người đọc tụng phải thường gìn giữ cẩn thận. Nếu khởi tâm xem thường

¹ Câu này An Sỹ toàn thư chép là “同待七寶林 - đồng thị thất bảo lâm”, chữ thị (hầu hạ) ở đây không hợp nghĩa. Chúng tôi tham khảo bản văn gốc có lẽ đã được An Sỹ toàn thư sử dụng là Kim viên tập (金園集 - sách đã dẫn) thì thấy câu này được khác là “同待七寶林 - đồng đãi thất bảo lâm”. Có lẽ chữ đãi (待 - chờ đợi) đã bị khác nhầm thành chữ thị (侍 - hầu hạ) vì tương tự như nhau. Chúng tôi dịch theo Kim viên tập. Thất bảo lâm hay thất bảo thụ lâm (七寶樹林) được dùng để chỉ cho khu rừng có cây bằng bảy báu ở cõi Tây phương Cực Lạc của đức Phật A-di-đà.

khinh rẻ kệ này, tức xem thường khinh rẻ các kinh điển Đại thừa, đắc tội không nhỏ.

Luận về ý nghĩa bảo vệ sự sống¹

Có người khách hỏi: “Trong kinh² nói rằng: Người ăn dê, dê ăn người, đời đời kiếp kiếp ăn nuốt qua lại với nhau. Do nhân duyên ấy mà trải qua trăm ngàn kiếp vẫn ở mãi trong luân hồi sinh tử. Từ đó suy ra đối với những con vật khác nữa ắt cũng không khác. Như vậy thì con người ta sống trong đời này, chạm tay cũng đủ thành tội, thật đáng sợ thay. Liệu có thể tin được như thế chăng?”

Tôi giải thích rằng: Lời dạy của bậc thánh luôn đúng thật, ý chỉ trong kinh điển không hề hư dối. Những thuyết luân hồi, chuyện [thiện ác] báo ứng, nếu chỉ dựa theo sự việc thì tợ hồ như không thật, nhưng suy tìm theo lý lẽ thì quả thật đúng như thế.

Nói về sức mạnh của con người, không gì hơn được sức mạnh của tâm ý. Tâm ý đã dẫn dắt thì hình thể không sao chống lại được. Cho nên, tâm đau buồn thì mặt mày nhăn nhó, tâm vui mừng thì diện mạo thư thái. Những tình cảm nhất thời mà còn có thể làm thay đổi diện mạo, thì sự tập trung toàn bộ tâm lực đương nhiên có thể làm thay đổi cả hình thể.

Mạnh tử nói: “Sự khác biệt giữa con người với cầm thú rất ít, nên kẻ tầm thường [dễ dàng] đánh mất, người quân tử thì luôn

¹ Nguyên tác là Hộ sinh thiên (護生篇), được khắc chung với tên tác giả là cư sĩ Tăng Đại Kỳ (曾大奇), tên tự là Đao Phủ (端甫). Ông sống vào đời Minh, không rõ năm sinh năm mất, chỉ biết là người huyện Thái Hòa (nay thuộc tỉnh Giang Tây). Bài văn này cũng được tìm thấy trong sách Cư sĩ truyện (居士傳), được xếp vào Tục tạng kinh, Tập 88, kinh số 1646, tổng cộng có 56 quyển. Phần nói về cư sĩ Tăng Đại Kỳ nằm ở đầu quyển 47, trang 272, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 7. Rất có thể bản khắc An Sý toàn thư đã lấy nguồn từ đây để khắc lại.

² Ở đây không dẫn chú, nhưng nội dung này được dẫn ý từ kinh Thủ Lăng Nghiêm.

giữ được.”

Chỗ khác biệt rất ít đó, nếu đánh mất đi thì bản thể con người ắt cũng đồng như cầm thú. Nếu đã đồng như cầm thú, thì hình thể dáng vẻ ắt cũng hướng theo tinh thần mà thay đổi. Nếu sức mạnh hướng theo đó thật mãnh liệt thì sẽ làm thay đổi hình thể ngay trong đời này, nếu yếu ớt không thúc bách thì sẽ thay đổi sau khi chết [sinh vào đời khác]. Chậm hay nhanh có khác biệt nhau, nhưng xét đến cùng vẫn theo cùng một lý ấy.

Như Họa Sư hóa làm ngựa, Cận Thượng hóa mãng xà,¹ đó là sự thay đổi sau khi chết [sinh vào đời khác]. Phong Thiệu hóa cạp, Minh Sâm hóa rắn, đó là sự thay đổi ngay trong đời này.

Sự biến hình của Minh Sâm với Họa Sư là theo cùng một nguyên lý. Họa Sư do lúc đưa ngọn bút vẽ, dồn hết tinh thần vào hình thể ngựa quý,² còn Minh Sâm do khi lập thành luận thuyết, để cả tâm tưởng vào hình dạng uyển chuyển của rắn. Tinh thần đã hướng về nơi đâu ắt hình thể cũng tùy theo đó; tâm tưởng đã hình thành ắt tự ngã phải đổi thay, do đó mà hóa thành ngựa, thành rắn. Nhưng sự biến hóa nhanh chóng hay chậm chạp thọ hình ắt do nơi [sức mạnh của tâm ý] mãnh liệt hay yếu ớt.

Sự hóa hình của Phong Thiệu với Cận Thượng là cùng một lý. Phong Thiệu hung bạo, tính cách giống như loài cạp; Cận Thượng trong lòng độc ác oán hận, chỗ hướng tâm giống như loài mãng xà. Tính cách giống nhau ắt hình thể phù hợp như nhau, hướng tâm như nhau thì hình dáng phải giống nhau, do đó mà hóa hình giống cạp, giống mãng xà. Nhưng sự biến hóa nhanh chóng hay chậm chạp thọ hình lại cũng do nơi [sức mạnh

¹ Nguyên tác chỉ khác chữ “mãng” (蟒), theo đúng nghĩa phải hiểu là con trăn, nhưng trong đoạn văn sau khi lập lại thì khác là “độc mãng” (毒蟒), nên chúng tôi hiểu là đang đề cập đến mãng xà, loài rắn lớn có độc, vì con trăn không có độc. Hơn nữa, hình ảnh rắn độc mới phù hợp với ý nghĩa đang nói.

² Nguyên tác dùng chữ lục (驥), là tên một con ngựa quý, một trong 8 con ngựa được gọi là “bát tuấn” của Chu Mục Vương.

của tâm ý] mãnh liệt hay yếu ớt.

Dựa theo đó mà nói thì những điều trong thuyết luân hồi là đúng thật, không có gì phải nghi ngờ. Đã không nghi ngờ thuyết luân hồi, thì việc chúng ta sinh ra đời này nối sang đời khác [thay hình đổi dạng] cũng không thể bác bỏ.

Vì sao vậy? Việc tốt đẹp hiền thiện khó giữ làm theo, đường xấu ác dễ quen chân bước. Vậy nên trong lòng chúng ta hiện nay những tâm niệm tham lam, sân hận, ác độc, tranh giành, ganh ghét, đố kỵ, ái luyến, kiêu mạn, vọng tưởng, cao ngạo, tham danh, tham lợi, ưa giết hại, tham dâm dục... chỉ cần gặp việc là hiển lộ ra ngay, nối nhau không dứt, liệu có ai không sẵn mang các tướng rắn, tướng mãng xà, cũng như hết thảy [những tâm niệm] đó đều là nhân để thành cọp, thành ngựa.

Cho nên, dù hiện nay có đủ tay chân, trên thân chín lỗ,¹ tạm thời được mang hình thể con người,² hết lòng thương con yêu vợ, niệm niệm quyến luyến thân thuộc. Nhưng chỉ cần một hơi thở dừng lại thì người với vật có gì khác biệt? Xét như thế nên giữ tâm điềm đạm là chỗ xem thường quyền cao chức trọng của Y công,³ sống theo ý thích không gò bó là nếp nhà Chu Hối.⁴ Vất cạn sức muôn nơi vì đãi khách, hao phí tiền bạc chỉ vào

¹ Chín lỗ (cửu khiếu): chỉ chín lỗ thông ra từ bên trong cơ thể, bao gồm hai lỗ tai, hai mắt, hai lỗ mũi, miệng và hai lỗ đại, tiểu tiện.

² Con người có tay chân (tứ chi) và chín lỗ (cửu khiếu), hình thể loài vật tuy khác biệt nhưng cũng có đủ tứ chi và cửu khiếu như vậy.

³ Y công: tức danh xưng tôn kính đối với Y Doãn, một bậc hiền sĩ đời nhà Thương. Ông là vị công thần trải bốn triều vua, giúp vua Thang dựng nên cơ nghiệp nhà Thương, rồi cũng giúp 3 vị vua tiếp theo gìn giữ và phát triển cơ nghiệp đó, mang lại thái bình thịnh trị cho người dân. Ông đối với quyền cao chức trọng vẫn giữ tâm điềm đạm không hề tham muốn. Khi vua Thái Giáp không chăm lo việc nước, ông từng đẩy vua ra Đổng Cung ba năm để sửa sai, rồi tự mình nắm quyền cai trị đất nước. Sau ba năm, thấy vua đã có sự hối cải, ông liền đón vua về và trả lại quyền cai trị.

⁴ Chu Hối: người nước Ngụy thời Chiến quốc, vốn có dũng lực nhưng sống ẩn cư không ra làm quan. Lúc còn trẻ ông từng ở Đại Lương (nay là Khai Phong thuộc Hà Nam) làm nghề đồ tể. Đời vua Ngụy là Yên Ly Vương năm thứ 19 (258 trước Công nguyên), Hầu Doanh tiến cử ông với Tín Lăng Quân, ông thân nhiên không đáp lễ. Ông sống thẳng thắn, xem thường lễ nghi tiểu tiết, nhưng trọng tình Tín Lăng Quân đối đãi chân thành với mình nên về sau ông đã giúp Tín Lăng Quân nhiều việc quan trọng, như giết Tấn Bi để giúp Tín Lăng Quân đoạt binh quyền rồi đẩy lui quân Tần, cứu nước Triệu, giữ yên nước Ngụy. Tuổi già ông về ẩn cư ở trấn Chu Tiên. Nhà thơ Lý Bạch trong bài Hiệp khách hành đã khen ngợi khi phách Chu Hối.

miếng ăn, bắt chước [sự thịnh vượng] đời Tần xe cộ nối nhau vận chuyển,¹ ngợi khen [sự giàu sang] nước Tấn [chất thịt cao] như núi,² tôi chỉ sợ đó là những điều bi thảm thương tâm mà thôi. Bước chân đi ắt tự có nơi đến, những lời khuyên của Chu Ngung há chẳng đầy lòng thương xót đó sao? ³

Nói chung, [trong việc giết hại thì giết] người với [giết con] vật cũng chẳng khác gì nhau. Nhưng sở dĩ người không ra tay giết người là có ba lý do. Một là không dám, hai là không nỡ, ba là theo thói quen tích tập lâu đời.

Dù là kẻ thường dân hay trang hiệp khách, ai ai cũng muốn công kích người bất đồng, muốn đâm chém kẻ cừu địch. Thế nhưng vẫn phải dừng tay không làm, kìm giữ tâm niệm xấu ác trong lòng mà không dám biểu lộ ra. Đó là vì đọc trong sách vở [phân biệt thiện ác] mà sợ sệt, thấy những hình phạt nghiêm khắc của pháp luật mà e dè, như thế gọi là không dám.

Kẻ làm vua một nước, tự nắm quyền sinh sát, oai thế có thể mặc sức hung bạo, quyền lực có thể làm theo ý thích, thế nhưng bắt một kẻ vào ngục rồi thì ngoài nhìn chẳng muốn bước đi, giết chết một người rồi thì trong lòng buồn thảm không yên ổn. Đó là vì xương thịt giống nhau, đồng một hình thể nên sinh lòng xót xa thương cảm, nghĩ đến việc [gây ra cảnh] vợ góa con côi, linh đình cô độc thật đáng thương, như thế gọi là không nỡ.

¹ Nguyên tác là “Tán cung chi liên kỵ - 秦宮之連騎”, lấy ý từ câu mô tả trong Chiến quốc sách: “Đương Tần chi long, hoàng kim vạn dật vi dụng, chuyển cốc liên kỵ, huyền hoàng ư đạo. - 當秦之隆，黃金萬鎰為用，轉穀連騎，炫熿於道。” (Đang lúc nhà Tần thịnh vượng, vàng ròng dùng đến vạn dật, xe cộ vận chuyển nối nhau không dứt, rực rỡ khắp trên đường.)

² Nguyên tác là “Tán quốc chi như đê - 晉國之如坻”, lấy ý từ một câu thơ mô tả cảnh được mùa sung túc của người dân: “有酒如淮肉如坻 - hữu tửu như hoài nhục như đê” (Có rượu nhiều như nước sông Hoài, thịt chất cao như núi.) Ý nói thức ăn thức uống được dư dật thừa thãi.

³ Chu Ngung: không rõ năm sinh năm mất, nhưng ông làm quan vào thời Lưu Tống Minh Đế và từng dùng cách tụng đọc những đoạn kinh điển nói về luật nhân quả cho vua nghe, khiến ông vua này bớt đi phần nào những hành vi tàn nhẫn. Chu Ngung văn chương lỗi lạc, ứng đối lưu loát, làm quan trải qua nhiều chức vụ, được trọng dụng nhưng không tham phú quý, sống ẩn cư thanh đạm. Vệ tướng quân Vương Kiệm có lần hỏi ông: “Ông sống trong núi, ăn những món gì?” Ông đáp: “Gạo đỏ, muối trắng, rau quỳ xanh, rau đắng tím.” Chu Ngung uyên bác Lão học, Dịch học, hành trì sâu xa theo Phật giáo, có trước tác các sách Tam tông luận (三宗論), Tứ thanh thiết vận (四聲切韻)... lưu hành rất rộng. Ông thường hết lời khuyên bảo khuyến khích người khác ăn chay, làm lành lánh dữ.

Đã không dám, lại không nỡ, do đó mà việc giết người là rất hiếm có ở đời. Những việc như máu đổ nơi sông Vị, có thể cả đời chưa từng thấy, hành hình tại Hà Nam, cũng có thể sống hết tuổi đời chưa được nghe.

Việc trong nhà tập lâu thành nếp, chuyện ở đời làm mãi thành phong tục. Dù là kẻ [thắng thắn] như Dục Tung,¹ cứng rắn xúc phạm cả Hán Minh đế,² hoặc [tham danh] như Cát Húc,³ sai lầm chọc giận đến Võ Tắc Thiên,⁴ nhưng khi giơ gậy đánh cũng chân chừ không quật xuống, vung dao lên cũng do dự chẳng đâm tới, tâm ý khiếp sợ khi ra tay giết hại, tay chân bủn rủn lúc đối diện cái chết, như thế gọi là thói quen tích tập lâu đời.

Nhờ có ba việc như thế cùng góp sức tác động mà mạng sống của con người khắp nơi được bảo vệ.

Nhưng đối với loài vật thì hoàn toàn khác. Kẻ làm nghề giết mổ [súc vật], dẫu những năm được mùa no đủ⁵ cũng chẳng bị cấm đoán; ngư dân [đánh bắt cá tôm], dù trong đời Nghiêu Thuấn cũng không hề bị buộc phải thường bồi. Tâm giết hại mạnh mẽ hơn đối với loài mang hình thể khác, lòng thương yêu lại giấu kín đi khi khác biệt hình hài. Âm thanh [loài vật] phát ra duyên theo nghiệp ác cũ, nên lúc bị giết phơi thây còn chưa chết, tiếng kêu la như thảm thiết, như tắt dẫu mà người nghe không chút xót thương. Xương thịt đền trả nợ xưa, nên tuy

¹ Dục Tung người đời Đông Hán, quê ở Hà Nội (nay là Vũ Trắc thuộc Hà Nam). Ông làm quan trải nhiều chức vụ, lên đến Thái thú Nam Dương. Do tính tình cương trực thẳng thắn, ông từng có lần thẳng thừng cãi nhau với Hán Minh Đế.

² Nguyên tác dùng tào quân - 躁君 (ông vua nóng tính), chỉ Hán Minh Đế, là người nổi tiếng hà khắc, nóng nảy, từng thanh trừng hàng loạt những người bị nghi ngờ chống đối ông.

³ Cát Húc người Lạc Châu, Hà Nam (nay là Lạc Dương, Hà Nam), xuất thân tiến sĩ, làm quan đến chức Tế tướng đời Đường. Sau ông được Võ Tắc Thiên tin dùng, giữ nhiều chức vụ quan trọng. Niên hiệu Cửu Thị năm đầu tiên (700), ông vì tranh công với Võ Ý Tông mà xúc phạm đến Võ Tắc Thiên, bị giáng chức rồi không lâu sau thì chết.

⁴ Nguyên tác dùng chí hậu - 鸞后 (bà hoàng hậu dữ tợn), chỉ Võ Tắc Thiên, nổi tiếng tàn độc và hung ác, từng tự tay giết chết cả con ruột của mình.

⁵ Nguyên tác dùng “cao tô chi niên - 皋蘇之年”. Cao tô là tên một loài cây, theo truyền thuyết thì đây là một loại thuốc quý, người ăn vào sẽ không còn biết đói, lại có khả năng giải trừ sự mệt nhọc. Vì thế, ở đây dùng “cao tô chi niên” với ý là những năm được mùa no đủ, người dân không biết đến sự đói thiếu.

chẳng phải sâm quý mà người ăn vào không thấy tanh hôi lại hết sức ngon ngọt.

Mạng sống con vật kia bị giết, do nhân nó đã tạo từ quá khứ nên khó thấy. Mỗi oán thù ta vừa kết thành [khi giết nó], quả báo đến trong tương lai thì ai biết được? Nhân quả đều dứt mất, dao thớt cùng bỏ đi, nhưng tai mắt lại vẫn không ngừng nghe, không ngừng thấy những chuyện giết hại. Tự mình giết, sai bảo người khác giết, những việc như thế trong suốt một đời không lúc nào gián đoạn. Bạc xuất gia có được lòng từ [uống nước] lược trùng,¹ [đi lại] bảo vệ từng ngọn cỏ, vốn đã rất ít, người thế tục hiền thiện như Cao Sài,² Hạnh Linh³ lại càng không có.

Nhưng lời dạy [phải biết thương yêu] tiết giảm tiêu dùng, tùy thời [sai khiến]⁴ của các nhà Nho gần đây, cho đến những lời trung thực chính nghĩa của đạo Nho xưa vẫn thường rót mãi vào tai, hun đúc tưới tẩm trong tâm. Vậy mà khi thấy hàng ngàn sinh mạng chết nơi đầu đũa, lại chưa từng động lòng đổi sắc, khi nhìn hàng trăm vật loại bị xua vào đầy bếp, vẫn không chút nghĩ suy. Nơi nơi đều buông thả mặc sức làm điều hung bạo, muôn loài phải oan uổng mạng vong. Kẻ mạnh hiếp yếu, bất ngờ tranh cướp đi mạng sống; kẻ yếu ghen ngào kêu không thành tiếng, đành chịu bỏ mình trong bụng muôn người.

Nếu không nương dựa vào con người để kiếm miếng ăn thì

¹ Vì trong nước ao hồ sông suối thường có nhiều trùng nhỏ li ti sinh sống, nên đức Phật có chế định vị tỳ-kheo phải luôn mang theo một túi vải lược nước, trước khi uống nước thì lược qua túi ấy để không uống phải trùng vào bụng.

² Cao Sài (高柴): tên tự Tử Cao (子羔), là một trong 72 đệ tử của đức Khổng tử, sinh vào khoảng năm 521 trước Công nguyên, không rõ năm mất. Niên hiệu Gia Tĩnh năm thứ 9 (1530), ông được triều đình tôn xưng là bậc Tiên hiền (先賢).

³ Hạnh Linh (幸靈): người đời Tấn, không rõ năm sinh năm mất. Chuyện của ông được chép lại trong sách Tấn thư (晉書), phần Hạnh Linh truyện. Theo đó, ông là người Kiến Xương, Dự Chương (nay là huyện Vĩnh Tu thuộc tỉnh Giang Tây), từ nhỏ tính tình trầm mặc, hiền lành ít nói. Một lần, cha mẹ sai ông giữ ruộng lúa, trâu đến ăn lúa ông không đuổi. Cha ông giận rầy la, ông nói: “Trời đất sinh ra muôn vật, loài nào cũng muốn ăn để sống. Trâu cũng muốn ăn, vì sao lại đuổi?” Ông lớn lên vẫn giữ tính hiền hậu, có nhiều dị thuật, trị bệnh cứu người khắp nơi thành nổi tiếng.

⁴ Câu này lấy ý từ lời dạy của Khổng tử trong sách Luận ngữ, thiên Học nhi, tiết thứ 5: “節用而愛人，使民以時。” - Tiết dụng nhi ái dân, sử dân di thời.” (Tiêu dùng phải tiết kiệm mà thương yêu dân, sai khiến dân phải chọn lúc thích hợp.)

trốn chạy vào rừng sâu núi thẳm, thà chấp nhận việc bị thú dữ cắn xé, mười phần chết cũng còn có được một vài phần sống sót. Nhưng buộc phải nương dựa vào con người để kiếm miếng ăn, ắt được nuôi dưỡng trong chuồng trong cũi, đợi khi người muốn ăn [thì mang ra giết] bất cứ lúc nào, vạn phần chết không có được lấy một phần sống sót. Than ôi, vào đời Đường có người từng nói rằng: “Sinh ra ơn trọng biết bao, giết đi tội lỗi lắm thay, có sao lại đẩy muôn loài đến chỗ khốn khổ cùng cực như vậy?”

Tuy nhiên, như trên đã nói, ắt phải có chuyện báo ứng đền trả nơi chốn u minh, chẳng khác gì pháp luật thế gian. Ngày đền trả càng trì hoãn về sau, hình phạt càng tăng thêm gấp vạn lần tàn khốc. Lê nào chỉ vì chút miếng ăn vào miệng mà phải cam chịu nỗi khổ đến như vậy? Nếu có thể không làm thế, ắt nên quý trọng lòng từ, chấm dứt việc giết hại, kiềm chế ham muốn, giữ trọn đức nhân ái, quán xét trong các loài không giống ta mà thấy được sự tương đồng hình dạng, suy tưởng bên ngoài chỗ khác biệt về hình thể mà thấy ra chỗ cùng một thể tánh. Quán xét niệm tưởng thật lâu ngày thì tâm lực từ bi tự nhiên thành tựu. Đến như quán tưởng [việc ăn thịt loài vật như ăn] thịt con mình cũng không cần nữa, huống chi lại có sự phân biệt giữa người với vật hay sao?

Nếu như bị tập khí lâu đời trong tâm sai sử, lại càng phải nỗ lực trừ bỏ. Xưa có tục xấu ác, sinh ra con gái thì không giữ lại. Dân Khương, Hồ thì đối với con trai cũng giết. Do thói tục lâu ngày khiến cho đến nỗi như thế, chẳng còn phân biệt được cốt nhục của chính mình. Nhưng thế thì đối với tâm không giết hại, nếu được huân tập lâu ngày cũng sẽ như vậy, dù là con vật còn không nỡ giết, huống chi con ruột của mình? Nếu để tâm quen theo việc giết hại, thì dù con ruột của mình còn giết được, huống chi đối với loài vật?

Cái tâm tích tập lâu đời theo thói quen như thế chính là căn bản của sự trói buộc vào nghiệp ác. Nếu muốn dứt trừ sự giết

hại, trước hết phải quán chiếu vào tập khí, quán chiếu vào tự tâm, một khi thành tựu thì thói quen [giết hại] tích tập từ xưa tự nhiên dứt sạch.

Đến như sai lầm của các nhà Nho gần đây, ắt không biết đến việc quán tâm mà cố cầu đạo nhân ái, thật cũng dễ nhận biết. Mạnh tử nói: “Nhân từ với dân, thương yêu loài vật.”¹ Trong câu nói đó đã thấy sự thương yêu phân ra có chỗ trì hoãn, có phần cấp thiết. Nếu người giết loài vật để ăn thịt mà vẫn nói đó là thương yêu, thì so với câu chuyện la-sát nữ trong kinh Phật đâu có gì khác biệt? La-sát nữ ấy bắt người ăn thịt, nói rằng: “Ta nghĩ đến các người, nên ăn thịt các người.” Ôi, ăn thịt người mà nói rằng biết nghĩ đến người, so với [Mạnh tử] ăn thịt loài vật mà nói là thương yêu loài vật, như vậy thì có khác gì nhau?

Ý nghĩa trung chính, theo tâm chính trực mà làm,² nếu [lìa bỏ ý nghĩa chân chánh, chỉ] chạy theo sự việc mà tìm cầu, ắt phải xa rời đánh mất đạo nghĩa. Như nói rằng ít giết hại là hợp đạo, điều ấy ghi chép trong kinh điển nào? Nói như thế thật chỉ đủ cho người hiểu biết cười chê. Tử Lộ gậy đàn, tâm giết hại biểu lộ ra tiếng đàn, liền bị Khổng tử quở trách, bạn đồng môn không còn kính trọng.³ Từ xưa đến nay, lẽ nào lại có người chưa

¹ Câu này được trích từ sách Mạnh tử, chương Tận tâm thượng, tiết thứ 45. Nguyên văn toàn đoạn như sau: “孟子曰：君子之於物也，愛之而弗仁；於民也，仁之而弗親。親親而仁民，仁民而愛物。- Mạnh tử viết: Quân tử chi ư vật dã, ái chi nhi phát nhân. Ư dân dã, nhân chi nhi phát thân. Thân thân nhi nhân dân, nhân dân nhi ái vật.” (Mạnh tử nói: Người quân tử đối với loài vật thì thương yêu mà không nhân từ, đối với dân thì nhân từ mà không thân thiết. Thân thiết với người thân, nhân từ với dân mà thương yêu loài vật.) Như vậy, theo đoạn văn này thì tình thương của Mạnh tử được chia thành ba mức độ với ba đối tượng. Ba đối tượng là người thân, người không thân (dân) và loài vật. Đối với người thân phải có tình thân, đối với người không thân (dân) phải có lòng nhân từ, và đối với loài vật thì thương yêu. Ông cũng quan niệm rằng người quân tử không thân với người không phải người thân, không nhân từ với loài vật chỉ thương yêu thôi (!?!). Qua đây ta thấy được sự phân biệt khá lung củng trong quan niệm của ông. Đoạn tiếp theo sẽ bác bỏ quan niệm này.

² Nguyên tác dùng “緣督以為經 – duyên đốc dĩ vi kinh”, được trích ý từ một câu trong sách “Duơng sinh chủ” của Trang tử. Nguyên văn câu này là: “為善無近名，為惡無近刑，緣督以為經 - vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình, duyên đốc dĩ vi kinh” (Làm điều thiện không phạm vào sự tham danh, làm điều ác không phạm vào hình luật, [nên giống như người luyện khí công] luôn noi theo mạch đốc mà vận khí.) Hàm ý phải có sự chọn lọc điều chân chánh thích hợp mà làm, không quá chạy theo những quy định hay thói tục.

³ Đoạn này lấy ý từ sách Luận ngữ, chương Tiên tiến, tiết thứ 14, nguyên văn là: “子曰：由之瑟，奚為於丘之門？門人不敬子路。- Tử viết: “Do chi sát, hê vi ư Khâu chi môn?” Môn nhân bất kính Tử Lộ.” (Khổng

dứt hết tâm giết hại mà thành bậc thánh?

Nay tà thuyết hoành hành quá thịnh nơi đất Trung Hoa này. Đức Phật xưa thường dạy rằng: “Trong đời mạt pháp, đạo của ma hết sức mạnh mẽ thịnh hành.” Do ma lực nên khiến người ta không thể nhận biết được tà thuyết hiện nay, đó cũng là điều có thể dễ dàng tự hiểu. Nhưng thiên hạ mê mông muôn ngàn dặm, thời gian trải qua đã mấy ngàn năm, trong đó người thông minh trí tuệ liễu đạt cũng dễ tương đồng như kẻ mê mờ không giác ngộ. Lời Phật đã dạy, tin chắc không dối gạt.

Xưa, Đào Hoành Cảnh ẩn cư¹ tu tập cầu được thành tiên, trải qua đã nhiều năm mà chẳng thấy dấu vết chim loan chim hạc,² trong lòng hết sức ngờ vực. Ngày nọ, có người học trò của ông vốn đã thành tựu tiên đạo, từ trên trời hiện xuống báo ông: “Thượng đế thấy sách ‘Bản thảo’ của thầy soạn giải có nhiều phương thuốc sử dụng côn trùng, giết hại sinh mạng rất nhiều, nên sự tu tập của thầy tuy đã trọn vẹn nhưng do điều này phải bị trách phạt.” Họ Đào hiểu ra điều đó, lập tức [biên soạn lại sách], thay dùng các vị thuốc bằng cây cỏ.

Các nhà Nho gần đây khi chú giải sách xưa, thật không may chẳng được chư thiên nhắc nhở, nên cuối cùng khiến cho người đời đều tin theo thuyết của họ [mà xem thường mạng sống loài vật], khiến muôn vật đành chịu bỏ mạng, kêu với trời chẳng được trời nghe, muốn chui xuống đất cũng không tìm được kẽ hở. Người đời ít kẻ noi theo Mạnh tử, nào ai động lòng thương những con vật mồ côi. Khắp nơi chẳng tìm được vua nước Giới

tử nói: Tiếng đàn của trò Do sao lại ở của nhà Khâu này? Mòn nhân [vì thế] không kính trọng Tử Lộ.) Do là tên của Tử Lộ, Khâu là tiếng Khổng tử tự xưng. Trong đoạn này, Khổng tử chỉ có ý nói tiếng đàn của Tử Lộ không thích hợp nơi nhà ông. Hậu Nho luận giải cho rằng tinh tinh Tử Lộ cương cường, cứng rắn, nên trong tiếng đàn có hàm ý sát phạt.

¹ Có sách ghi tên ông này là Đào Hoàng Cảnh. Ông tên tự là Thông Minh, sống đồng thời và từng là bạn của Lương Vô Đế, bỏ quan tước về ẩn cư ở động Hoa Dương, núi Cú Khúc.

² Người tu tiên đạo khi thành tựu thì cõi được chim loan, chim hạc, nên lấy đó làm biểu tượng của sự chứng đạo.

Thị,¹ biết ai giải được mối hận những con vật bị người giết tế?² Mẹ trơ mắt nhìn con bỏ mạng, con đau lòng nhìn mẹ tử vong. Hoặc con nhìn roi quất da mẹ liền xuống cây chịu bắt, hoặc mẹ biết mình sắp chết liền vắt sữa cho con lúc tàn hơi.³ Hoặc lúc lâm nguy cố giữ lấy con trong bụng,⁴ hoặc hình hài chết rồi vẫn hướng theo con. Mắt nhìn thấy những cảnh ấy càng thêm thâm, nói ra càng động mối thương tâm.

Lại còn những khi hàng công tử vây rừng đuổi thú, bậc tướng quân sẵn bắn lúc thanh nhàn, muôn loại thịt phải chịu lên dao thót, trăm loài thú lâm vào cảnh lạc bầy. Kia chim mái cất tiếng kêu đêm, bi thương như ôm mối sầu hoàng học,⁵ nọ chim trống sáng sáng hót giọng buồn thương, như viết bài ca ôm hận Thương Lăng,⁶ nhớ ngày nào riu ra riu rít, giờ đây cô độc lẻ loi. Nên biết những tình cảm yêu thương quẩn quít, đâu chỉ riêng con người mới có, mà muôn loài hữu tình, dù trùng kiến nhỏ nhoi cũng đều như thế. Cho đến ngũ thường cũng đâu riêng ở con người, mà sinh linh muôn loài đều là vậy.

Suy xét đến chỗ [tương đồng] như thế thì tập khí [giết hại] đã huân tập muôn đời trong tâm thức ắt có thể nhất thời nguội

¹ Giới Thị: tên một quốc gia thời cổ trong truyền thuyết, ở đó người dân nghe hiểu được tiếng nói của các loài thú.

² Nguyên tác dùng “tam sinh - 三牲” chỉ ba con vật bị mang ra giết để cúng tế theo cổ lệ, đó là trâu, dê và lợn.

³ Lấy ý từ câu chuyện có người thợ săn dùng tên bắn trúng con vượn mẹ, nó biết mình không sống nổi liền cố vắt sữa tươi lên cây để con được liếm lấy rồi mới chết. Thợ săn giết vượn mẹ rồi liền lột da, mang đến chỗ cây ấy dùng roi quất vào bộ da, vượn con thấy thế không nỡ bỏ chạy, lập tức xuống khỏi cây chịu cho người bắt.

⁴ Chu Dự thường ăn thịt lươn. Một lần nấu lươn trong nồi thấy con lươn khi chết vẫn cố cong mình đưa phân bụng lên khỏi mặt nước. Ông lấy làm lạ mổ ra xem thì hóa ra trong bụng nó có lươn con. Ông hết sức cảm động, từ đó về sau ăn chay, bỏ hẳn không ăn thịt cá.

⁵ Mối sầu hoàng học (hoàng học chi ai): lấy ý từ câu chuyện trong Liệt nữ truyện, có câu ca rằng: “悲黃鵠之早寡兮七年不雙 - Bi hoàng học chi tảo quả hể thất niên bất song.” (Buồn thương chim hoàng học sớm mất chồng, ôi bảy năm chẳng được sánh đôi.) Người đời sau nhân đó dùng hình ảnh chim hoàng học để chỉ người con gái thủ tiết thờ chồng, đêm đêm phòng không gối chiếc.

⁶ Hận Thương Lăng (Thương Lăng chi hận): lấy ý từ câu chuyện Mục tử ở Thương Lăng cưới vợ đã 5 năm vẫn chưa có con, cha mẹ ép bỏ vợ cưới vợ khác. Người vợ nghe được chuyện ấy giữa đêm thức dậy buồn khóc, Mục tử liền cầm đèn sáng tác ngay bài ca nói lên nỗi hận không được chung sống với người mình yêu thương.

lạnh tiêu tan. Tập khí đã tiêu tan, thì sự nhẫn tâm hay liều lĩnh [dám làm việc giết hại] cũng không còn nữa. Ba đường cùng rộng lớn, người với vật [đều xem] như nhau.

Lại lấy Đại thừa làm tâm nguyện, gấp rút mong sao cho mọi người đều [thấu đạt lý không giết hại] giống như mình, một người khuyên bảo trăm người, trăm người khuyên bảo ngàn người, nối tiếp mà khuyên bảo nhau, truyền rộng đến vô số, giáo thuyết đại từ đại bi liền rõ ràng sáng tỏ khắp thế gian, dù đời sau có kẻ bác bỏ, cho là hão huyền, cũng không thể làm cho suy yếu; có người công kích lẽ chân thật, cũng không thể làm cho bế tắc; tuy vẫn có sự suy giảm vì truyền nối qua nhiều đời, nhưng nhờ noi theo cội gốc, nối theo người xưa nên muôn loài vật được thoát nạn giết hại cũng sẽ nhiều không tính hết.

Than ôi, những con vật kia đã chịu quả báo nhất định phải bị giết, thì người giết chúng cũng có cái nhân xấu ác nhất định phải tạo ra. Những lời của tôi tuy chẳng được ngọt ngào êm dịu, nhưng cũng đáng để mọi người hồi tâm suy xét lại.

Học thuyết của các nhà Nho gần đây cũng không nói những điều khác với Khổng Mạnh, nên biết rằng họ cũng xem thuyết của Khổng Mạnh là đúng thật. Nhưng Phật dạy như thế này, Khổng Mạnh lại nói như thế kia, một bên trong như nước sông Vị, một bên đục như nước sông Kinh, người thấu hiểu thì tự nhiên phân biệt được. [Nếu như] vua Nghiêu vua Vũ cùng ra đời,¹ lòng người ắt phải nghiêng về theo vua Nghiêu; [ví bằng] Khổng tử với đức Phật cùng xuất thế, làm sao có thể không quy y Phật?

Đó chính là lý do đức Phật được tôn xưng là Pháp vương trong Ba cõi, là đấng cha lành của chúng sinh trong khắp cõi thế giới đại thiên, là mẹ hiền của tất cả những người mẹ hiền.

¹ Vua Nghiêu là bậc thánh vương, cai trị thiên hạ thái bình. Vua Vũ hay Vũ vương là người dựng nghiệp nhà Chu, dùng vũ lực diệt vua Trụ nhà Thương mà lên ngôi.

Xưa Mặc tử lập thuyết kiêm ái, có người chỉ trích, Mặc tử liền nói: “Ví như ở đây có người theo thuyết kiêm ái, phụng dưỡng cha mẹ người khác như cha mẹ mình, thương yêu bảo bọc vợ con người khác như vợ con mình, lại có người không theo thuyết kiêm ái nên làm ngược lại. Xin hỏi, nếu ông có việc đi xa phải gửi gắm vợ con mình, ông sẽ chọn gửi gắm cho ai?” Người kia đáp: “Tôi gửi gắm cho người theo thuyết kiêm ái.” Mặc tử cười nói: “Ông vừa chọn gửi gắm vợ con cho người theo thuyết kiêm ái, lại nói là không theo thuyết ấy, như vậy là thế nào?”

Nay những người nói rằng giết hại loài vật là theo lẽ trung chính, mà cấm hẳn không giết hại là quá đáng, thật may mắn thay là họ được sinh ra làm người [nên mới nói thế]. Ví như họ phải sinh làm những loài mang lông đội sừng, ắt phải bỏ mạng treo thân trong nhà bếp, hoặc hồn phách tiêu tan vì cung nỏ.

Phục Hy trước đã ra tay đánh cá, Khổng tử về sau mới noi dấu bắn chim. Thành Thang tuy có lòng nhân nhưng vẫn từng đan lưới bắt chim thú, Tử Dư dù [nói là] thành thật thương yêu, liệu có từng nghe tiếng [kêu của con vật bị giết]?¹

Vào những lúc ấy, nếu có bậc Đại giác Thế Tôn rủ lòng lân mẫn, hốt nhiên xuất hiện giữa đời, ắt người người đều hoan hỷ, mừng mừng tủi tủi mà cung kính đánh lễ nương theo, khác nào như chim bồ câu đang ôm lòng kinh sợ, được bóng mát che chở liền an ổn,² hoặc như dê kia sắp chết, dưới lưới dao cầu xin người cứu mạng. [Những lý lẽ rõ ràng như thế,] cần chi phải mất thời gian níu kéo theo luận thuyết sai lầm của người đi trước mà so sánh giữa Phật với Khổng xem ai hơn ai kém!

¹ Tử Dư (子與 - 372-289 trước Công nguyên): tức Mạnh tử, tên tự là Tử Dư. Ông cố sùỵ cho đức nhân ái, cũng là người đưa ra câu “quân tử viên bào trù” (người quân tử tránh xa chỗ bếp núc), cho rằng như thế là có lòng nhân ái, vì khi nhìn thấy hoặc nghe tiếng con vật kêu thì không nỡ ăn thịt nó. Quan điểm này bị tác giả cho là mơ hồ, vì liệu cả đời có thể nào chưa từng nghe tiếng những con vật bị giết kêu la chăng? Cho nên, chi tránh đi để không nghe tiếng kêu, mà không kiên quyết chấm dứt sự giết hại ăn thịt muôn loài thì không thể gọi là nhân.

² Có lần chim bồ câu bị diều hâu rượt bắt kinh sợ bay đến chỗ đức Phật, nép vào dưới cái bóng của ngài liền lập tức hết run sợ.

Việc giữ giới không giết hại, thực hành phóng sinh, [hình thức bên ngoài] thì cạn cợt dễ thấy, nhưng chân lý ý nghĩa thâm sâu thì không dễ thấu hiểu rõ ràng. Nếu không thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa, thì ví như có thực hành được theo hình thức bên ngoài, trong tâm chắc chắn cũng không thể có được sự chí thành khởi lòng thương xót vật loại. Lợi lạc phúc đức từ việc phóng sinh cũng sẽ do tâm lượng hẹp hòi như thế mà trở thành nhỏ nhoi cạn cợt. Ví như gặp người kém hiểu biết ngăn cản chệch lạc, liền có thể vì thế mà thối thất, đánh mất tâm nguyện. Do đó mà đã có rất nhiều người để mất tâm lành, buông xuôi theo kẻ xấu.

Tôi vì thế nên không ngại [bị chệch lạc là] lắm lời, [soạn văn này] giải bày rõ ràng ý nghĩa [của việc phóng sinh], muốn cho muôn loài vật đều được tắm gội ân đức từ bi, người người đều được vun bồi phước báu, lấy tâm thành khẩn mà đạt đến đức nhân ái sâu xa, dứt trừ nghiệp giết hại cho cả bản thân mình và muôn vật, thấy đều được sống lâu an ổn, vui hưởng tuổi trời. Lại mong có thể đem chút công đức này hồi hướng về Tây phương Cực Lạc, ắt sẽ được vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt ra ngoài ba cõi, được làm đệ tử đức Phật A-di-đà, được làm bạn lành khắp trong thánh chúng. Mong rằng người đọc văn này sẽ có sự lưu tâm chú ý, nỗ lực thực hành.

Xưa nay, mỗi một niệm chân tâm tự tính của các loài chúng sinh trên cạn dưới nước, nếu đem so với chư Phật ba đời¹ đều không khác biệt, chỉ do nghiệp lực xấu ác tích tụ nhiều đời, che chướng đi sự sáng suốt nhiệm mầu, khiến cho không thể hiển lộ rõ ràng nên phải chịu lưu chuyển trong kiếp cầm thú, lại khiến cho tri thức trở nên kém cỏi hẹp hòi, ngoài việc kiếm miếng ăn, chạy tránh cái chết thì không còn biết thêm gì khác.

Ví như có một tấm gương báu bằng đồng rất lớn, trải qua nhiều kiếp bụi bặm phủ dày, chẳng những không còn chiếu sáng, mà

¹ Chư Phật ba đời: chư Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

cho đến cái hình thể bằng đồng của nó cũng không lộ ra được, thật chẳng khác gì một món đồ bỏ đi.

Bỗng gặp một người khôn ngoan trí tuệ, biết được đây là tấm gương báu có khả năng chiếu sáng khắp trong trời đất, liền ngày ngày ra công lau chùi bụi bặm. Ban đầu ắt có thể làm lộ ra phần nào hình thể của gương, sau đó dần dần có thể khiến cho bất đầu phát sáng. Đến khi đã lau sạch được hoàn toàn bụi bặm, ắt có thể chiếu sáng khắp trong trời đất, mà hình thể của gương cũng hiển lộ trọn vẹn. Những kẻ ngu si không có trí tuệ, đến lúc ấy mới biết quý trọng tấm gương, xem đó là vật quý báu nhất.

Nên biết rằng, sự chiếu sáng vốn là khả năng sẵn có của gương, không phải do lau chùi mà có. Nhưng tuy sẵn có khả năng ấy, nếu không gặp duyên được lau chùi bụi bặm thì dù trải qua muôn kiếp tiếp nối nhau cũng không thể có ngày tỏa sáng.

Hết thảy loài người, chư thiên cho đến tất cả chúng sinh trong sáu đường luân hồi¹ cũng đều giống như vậy. Do nghiệp đã tạo từ vô thủy đến nay che chướng, không thể nào phát khởi hiển lộ sự sáng suốt nhiệm mầu vốn luôn sẵn có, [do đó mà] mê lầm đi ngược lại với bản tính chân thật của mình, tiếp tục tạo nghiệp phải lưu chuyển mãi trong sinh tử.

Đấng Đại Giác Thế Tôn rõ biết mỗi một niệm chân tâm tự tính của hết thảy chúng sinh so với chư Phật đều không khác biệt, do đó mới khéo léo dùng đủ mọi phương tiện, tùy theo căn cơ mà thuyết giảng Chánh pháp, khiến cho tất cả đều biết tu tập theo con đường Giới, Định, Tuệ, nhờ đó có thể dứt trừ nghiệp chướng mê lầm mà tìm lại được bản tâm vốn có, thành tựu trọn đủ phước đức trí tuệ, chứng đắc Pháp thân.

Ngài cũng dạy người đời phát khởi tâm từ bi, giữ giới không giết hại, thực hành phóng sinh, tin chắc việc bản thân mình cùng

¹ Sáu đường luân hồi: bao gồm tất cả chúng sinh thuộc các cảnh giới: cõi người, cõi trời, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

với hết thảy chúng sinh lưu chuyển trong luân hồi từ vô thủy đến nay, đã từng thay đổi sinh dưỡng và giết hại lẫn nhau, cho nên mỗi một chúng sinh kia đều đã từng là cha mẹ, anh chị em, con cái của ta, mà bản thân ta cũng từng là cha mẹ, anh chị em, con cái của những chúng sinh khác.

Những chúng sinh ấy, do nghiệp lực xấu ác nên thường sinh ra làm người hoặc làm súc sinh, luôn bị ta giết hại. Bản thân ta cũng do nghiệp lực xấu ác nên thường sinh ra làm người hoặc làm súc sinh, luôn bị những chúng sinh khác giết hại. Trải qua nhiều đời nhiều kiếp, cùng thay đổi mà sinh dưỡng, giết hại lẫn nhau như thế, không có lúc dừng.

Những việc như thế, người phàm si mê không biết, nhưng đức Như Lai nhìn thấy rõ ràng. Không suy xét đến thì thôi, nếu suy xét đến những điều như thế, ắt không sao kiềm được sự hổ thẹn [về những lỗi lầm xưa] cũng như khỏi tâm thương xót biết bao cho hết thảy muôn loài.

Chúng ta may mắn có phước lành từ đời trước, nay mới được sinh làm người, nên giải trừ cừu hận, tháo gỡ oán kết, giữ giới không giết hại, thực hành phóng sinh, khiến cho hết thảy muôn loài có sinh mạng đều được quay lại sống an ổn trong môi trường của chúng, lại vì chúng mà niệm Phật, hồi hướng cầu sinh Tịnh độ, giúp chúng được độ thoát. Ví như những chúng sinh ấy do nghiệp xấu ác nặng nề nên khó được vãng sinh, chúng ta nên hồi hướng công đức của việc làm hiền thiện này cho chúng, thì nhất định khi lâm chung chúng cũng sẽ được vãng sinh về Tây phương Tịnh độ. Đã được vãng sinh rồi, ắt vượt khỏi phàm tình, nhập hàng thánh giả, thoát khỏi sinh tử, mãi mãi ra khỏi luân hồi, dần dần chúng được quả Phật.

Hơn nữa, thương yêu muôn vật, cứu thoát mọi sinh mạng là điều mà các bậc hiền thánh thuở xưa vẫn thường làm. Cho nên,

kinh Thư¹ có đoạn văn dạy rằng “chim, thú, cá, rùa... muôn loại, đều nên giữ cho được sống yên vui”. Văn vương từng ban ân trạch đến cả xương khô,² hướng chi đối với những loài vật có tri giác? Đến như Giản Tử cứu chim cuu,³ Tử Sản nuôi cá,⁴ Tùy hầu giúp rắn,⁵ Dương Bảo cứu chim hoàng tước,⁶ đều cho thấy tâm địa các bậc thánh hiền nhân từ chẳng khác gì nhau, cho dù họ không hề biết đến những ý nghĩa như: muôn loài sinh linh đều sẵn có tánh Phật, lưu chuyển lên xuống trong sáu cõi luân hồi, thay đổi làm kẻ oán người thân của nhau, cho đến việc tất cả chúng sinh trong tương lai đều nhất định rồi sẽ thành Phật. Phải đợi khi Phật pháp được truyền về phương Đông, thì những giáo lý về nhân quả ba đời, cũng như “chân tâm tự tính của hết thảy chúng sinh cùng với chư Phật đều bình đẳng không sai khác” mới được tỏa sáng khắp nơi.

Xưa nay những bậc đại thánh đại hiền, không ai là không từ bỏ sự giết hại, thực hành phóng sinh, xem đó như phương cách để xoay chuyển, ngăn cản khuynh hướng giết hại của người đời, nhằm vun bồi quả phúc, làm nền tảng cho việc chấm dứt nạn đao binh, để người người cùng được vui hưởng tuổi trời.

¹ Kinh Thư, còn gọi là sách Thượng thư. Nội dung trích dẫn này nằm trong thiên Y huấn.

² Theo sách Thông sử, Văn vương có lần tuần thú vùng đồng nội, thấy một bộ xương khô, lệnh tùy tùng chôn cất, người ấy nói: “Đó là xương vô chủ.” Văn vương nói: “Người trong thiên hạ thì thiên hạ là chủ, người trong nước thì đất nước này là chủ, nay ta chính là chủ của bộ xương ấy.” Nói rồi sai dùng quan tài khâm liệm, chôn cất tử tế. Chuyện này truyền khắp thiên hạ, người người đều nói: “Ân trạch của Văn vương thấm nhuần đến cả bộ xương khô, hướng chi là người sống.”

³ Giản Tử, tức Triệu Giản tử (趙簡子), tên thật là Triệu Ủng (趙鞅) không rõ năm sinh, mất vào năm 475 trước Công nguyên, là tông chủ thứ 8 của họ Triệu, một trong sáu họ lớn (Lục khanh) của nước Tấn, sau này khai sinh ra nước Triệu thời Chiến quốc. Vào thời ông, người nước Tấn vào dịp tết Nguyên đán thường có tục bắt rất nhiều chim cuu làm thịt uống rượu. Ông thấy vậy thương xót, bỏ tiền mua hết chim cuu trong ngày ấy thả cho tự do. Có người thấy vậy nói với ông: “Ông chỉ cứu chim cuu mỗi một ngày trong năm, như vậy chưa phải thực sự nhân từ.” Ông thừa nhận người ấy nói đúng, liền ban hành lệnh cấm người trong nước không được bắt chim cuu, đồng thời còn ban thưởng cho những ai biết làm việc phóng sinh cứu vật.

⁴ Xem chuyện Tử Sản thả cá vào ao nuôi ở trang 294.

⁵ Xem chuyện Tùy hầu giúp rắn ở trang 301.

⁶ Xem chuyện Dương Bảo cứu chim hoàng tước ở trang 305.

Người xưa có nói:

Muốn biết vì sao thế gian,
Triền miên binh lửa, ngút ngàn nạn tai,
Hãy nghe vang vọng đêm dài,
Tiếng kêu thảm thiết vạn loài sinh linh.

Lại cũng dạy rằng:

Muốn cho thiên hạ thái bình,
Phải ngưng ăn thịt chúng sinh các loài.

Cho nên có thể biết rằng, việc giữ giới không giết hại và thực hành phóng sinh chính là phương thức cứu đời tốt nhất, nhổ tận gốc rễ, lấp tận cội nguồn của mọi khổ đau trong đời sống.

Vì thế, Đại sư Trí Giả¹ vào đời Trần² từng mua đất đai ở những nơi rừng núi, sông hồ, khe suối... có đến hơn sáu mươi nơi, rộng hơn bốn trăm dặm, đều dùng để kiến lập các ao phóng sinh, lại thỉnh vua ban sắc chỉ, lập bia đá khắc vào dựng ở mỗi nơi, nghiêm cấm hẳn việc bắt cá tôm, những kẻ lén lút bắt trộm đều lập tức gặp họa. Cho đến khoảng niên hiệu Trinh Quán đời Đường,³ những nơi ấy vẫn còn nguyên vẹn.

Niên hiệu Càn Nguyên năm thứ hai⁴ đời Đường Túc Tông, vua ban chiếu lệnh cho các châu trong thiên hạ mỗi nơi đều phải lập ao phóng sinh, lại ra lệnh cho Nhan Chân Khanh⁵ soạn

¹ Đại sư Trí Giả họ Trần, tên tự Đức An, hiệu Trí Khải. Ngài sinh năm 538, viên tịch vào năm 597. Do ngài tu hành ở núi Thiên Thai, sáng lập tông Thiên Thai nên thường được tôn xưng là Thiên Thai Trí Giả Đại sư.

² Đời Trần: kéo dài trong khoảng năm 557 đến năm 589, thuộc triều đại thuộc Nam Bắc triều của Trung Hoa.

³ Niên hiệu Trinh Quán đời Đường kéo dài trong khoảng từ năm 627 đến năm 649.

⁴ Tức là năm 759. Có nơi khác chép rằng việc này xảy ra vào niên hiệu Càn Nguyên năm thứ ba, tức năm 760.

⁵ Nhan Chân Khanh (顏真卿): Nhan Chân Khanh sinh năm 709, mất năm 785, quê ở Lâm Nghi, thuộc tỉnh Sơn Đông, từng được phong tước Lỗ quận công nên còn có tên gọi là Nhan Lỗ Công. Ông là cháu 7 đời của học giả Nhan Sư Cổ đời Bắc Tề, và là cháu 5 đời của Nhan Chi Thôi, tác giả sách Nhan thị gia huấn. Ông đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền Tông, làm quan trải qua 4 triều vua, lên đến các chức vụ như Thị lang bộ Hộ, Thượng thư bộ Hình, Ngự sử Đại phu... Ông cũng là một nhà

văn bia rồi dùng chu sa làm mực đỏ viết lên bia đá, trong đó có đoạn: “Vua ta cho lập ao phóng sinh khắp thiên hạ, khiến [muôn loài] trong bờ cõi đều được hưởng nhờ ơn phước, nương sức gia trì của đà-la-ni, làm khô kiệt dòng sinh tử trong biển phiền não. So ra từ trước đến nay thật chưa từng có ai làm được điều tương tự như vậy.”

Vào năm đầu niên hiệu Thiên Hi¹ đời Tống Chân Tông, vua cũng ban chiếu yêu cầu lập ao phóng sinh trong khắp thiên hạ, như Tây Hồ ở Hàng Châu cũng chính là một ao phóng sinh được lập ra vào lúc ấy.

Đời Minh, Đại sư Liên Trì lập ao phóng sinh ở hai nơi là Thượng Phương và Trường Thọ. Ngài cũng soạn bài văn “Giới sát phóng sinh” lưu truyền khắp trong thiên hạ. Từ đó đến nay đã hơn ba trăm năm, hàng xuất gia cũng như người thế tục, kính ngưỡng vâng theo phong cách đạo hạnh cao vời của ngài mà phát tâm từ bi cứu sống sinh mạng muôn loài, quả thật số nhiều không thể kể xiết.

Có người hỏi: “Những người cô độc, những kẻ khốn cùng nghèo đói, ở đâu cũng có, sao không lo chu cấp cứu giúp cho họ, mà chỉ chuyên tâm gấp rút lo cho những loài vật chẳng liên quan gì đến ta, như vậy chẳng phải là đã đảo ngược lấy nhẹ làm nặng, bỏ việc gấp mà làm việc hoãn đó sao?”

Đáp rằng: “Nói như vậy là vì chưa rõ biết được nguyên nhân vì sao đức Như Lai dạy người phải giữ giới không giết hại, thực hành phóng sinh. Người với muôn vật tuy [hình dạng] khác nhau, nhưng tánh Phật vốn đồng như nhau. Những chúng sinh kia do tạo nghiệp xấu ác nên nay phải luân chuyển trong loài cầm thú, chúng ta nhờ có nghiệp lành đã tạo nên may mắn được sinh làm người, nếu không biết khởi lòng lân mẫn xót thương

thư pháp rất nổi tiếng.

¹ Tức là năm 1017.

muôn vật, lại buông thả theo thể tục mà ăn nuốt xương thịt chúng sinh, thì một mai khi phước lành đã hết, nghiệp ác của những chúng sinh [bị ta ăn thịt] cũng hết, ắt khó lòng tránh khỏi phải đối mặt đền trả, chịu giết hại và bị ăn nuốt lại.

“Nên biết, nạn binh đao tai kiếp vốn đều do nghiệp giết hại [của chúng sinh] chiêu cảm mà có. Nếu không có nghiệp giết hại, cho dù tự thân có gặp phải bọn giặc cướp, ắt chúng cũng khởi tâm lành mà không giết hại ta. Hơn nữa, những nạn khổ như ôn dịch, lũ lụt, lửa cháy hoặc những tai nạn bất ngờ đều rất ít xảy ra với những người giữ giới không giết hại, thực hành phóng sinh. Cho nên biết rằng, việc bảo vệ sự sống của chúng sinh vốn cũng là bảo vệ chính mình. Người giữ giới không giết hại thì bản thân không bị chu thiên giết hại, không bị quỷ thần giết hại, không bị giặc cướp giết hại, cũng không bị giết hại bởi sự báo oán qua lại trong tương lai.

“Những người cô độc, những kẻ khốn cùng, nghèo đói, tất nhiên cũng nên tùy sức mình mà chu cấp, giúp đỡ, có lẽ nào những người giữ giới không giết hại, thực hành phóng sinh thì lại không làm những việc tạo công đức như thế hay sao? Nhưng cho dù những người cô độc đơn chiếc thật hết sức đáng thương, họ cũng chưa đến nỗi bị dồn vào chỗ chết. Còn những con vật kia nếu không có người bỏ tiền cứu gấp, ắt phải lập tức chịu lên dao thớt, bị nấu nướng đưa vào bụng người.”

Lại hỏi rằng: “Số lượng vật loại không thể tính đếm, liệu khả năng chúng ta cứu được bao nhiêu?”

Đáp: “Nên biết rằng, việc phóng sinh đó là để làm phát khởi nơi những người đồng cảm với ta cái thiện tâm tối thắng, biết bảo vệ sinh mạng muôn loài, mong cho mọi người nhận hiểu được ý nghĩa sâu xa của việc phóng sinh mà ta đang thực hiện, thì trong lòng họ mới khởi sinh sự thương xót trắc ẩn, không nỡ ăn thịt muôn loài nữa. Người ăn thịt đã thôi không ăn, người

đánh bắt vật mạng ắt cũng phải tự nhiên chấm dứt. Mong rằng khi ấy thì muôn loài dưới nước trên cạn, cho đến giữa không trung, hết thảy đều được yên ổn tự do bơi lội bay nhảy trong môi trường của chúng. Như vậy thì không cần làm việc phóng sinh nữa, mà đã là phóng sinh ở khắp mọi nơi, chẳng phải cả thiên hạ này đều trở thành một ao phóng sinh lớn rồi sao?

“Nhưng ví như không thể làm cho tất cả mọi người đều được như vậy, thì chỉ cần một người không nỡ ăn thịt, cũng đã có vô số con vật trên cạn dưới nước được thoát chết, huống chi nào phải chỉ có một người? Hơn nữa, khuyến khích phóng sinh chính là vì hết thảy những người quanh ta trong hiện tại cũng như tương lai mà dứt trừ nhân xấu dẫn đến sự cô độc, khốn cùng, nghèo khó, hoạn nạn, lại tạo duyên lành để được sống lâu không bệnh tật, được giàu sang phú quý, được sống an vui, cha con, chồng vợ sum họp dài lâu cho đến tuổi già. Đó mới chính là sự chuẩn bị chu cấp cứu giúp lâu dài, khiến cho mọi người trong tương lai đời đời kiếp kiếp sẽ vĩnh viễn không bao giờ gặp phải những nỗi khổ cô độc, khốn cùng, nghèo đói... lại được thọ hưởng dài lâu những niềm vui của sự sống thọ, giàu sang... Đó chẳng phải là giúp cho trong khắp bờ cõi đều được hưởng nhờ ơn phước đó sao? Việc [tốt đẹp lớn lao] như thế, há có thể xem thường mà bác bỏ được sao?

“Hãy suy xét cho kỹ, việc giữ giới không giết hại, thực hành phóng sinh, xét cho cùng chính là chuyên tâm gấp rút lo cho muôn người, đâu chỉ là chuyên tâm gấp rút lo cho loài vật, sao lại cho rằng đó là đảo ngược lấy nhẹ làm nặng, bỏ việc gấp mà làm việc hoãn?”

Bên ngoài chùa Cực Lạc trước đây vốn đã có ao phóng sinh, nhưng do bốn phía bờ vách chưa được xây nên đất thường sụp lở, lại đã quá lâu không được nạo vét nên đáy hồ bùn đất lấp đầy [không dùng được nữa. Vì thế nên] mỗi khi có người hiền thiện muốn thực hành phóng sinh đều phải mang ra sông, tuy phát tâm lành nhưng thật khó mang lại lợi ích cho sinh mạng muôn loài. Thường thì buổi sáng thả ra, buổi chiều đã bị người khác bắt lại đến hơn một nửa. Nếu như được ở gần sông lớn, tất nhiên rất nên mang ra sông thả, nhưng với những đoạn sông nhỏ thì thật không thích hợp, [vì rất dễ bị người khác bắt lại].

Đại sư Viên Lâm thấy sự tình như vậy thì trong lòng bất nhẫn, nên mới nghĩ đến việc nạo vét lại đáy hồ này cho sâu, chung quanh đắp đất lên thành tường bảo vệ, để có nơi thuận tiện cho việc phóng sinh, mà những kẻ xấu muốn vào bắt trộm cũng không thể được. Ý định như thế thật hết sức tốt đẹp sâu xa, nhưng vẫn còn chưa khởi công thực hiện được. Nhân khi có Đại sư Giác Tam từ núi Phổ Đà đến, ngài vừa gặp qua một lần đã thấy đạo tình tương thông khế hợp, liền mang hết công việc trong chùa giao phó lại, còn tự bản thân mình thì buông xả mọi sự, chuyên tâm tu tập tịnh nghiệp.

Đại sư Giác Tam từ khi tiếp nhận mọi việc trong chùa, lập tức muốn nhanh chóng tiến hành ngay công trình tu sửa ao phóng sinh. Nhưng công việc ấy quá lớn lao, nên sức một người thật khó thành tựu, thầy liền nghĩ đến việc kêu gọi thiện nam tín nữ trong vùng, cùng góp sức làm việc tốt đẹp này. Vì thế mới nhờ tôi viết cho đôi lời.

Tôi vẫn thường đau lòng nghĩ đến thời cuộc gần đây thật quá nhiều chuyện giết chóc thảm thương, tuy muốn cứu vãn nhưng thật bất lực. Nay nhân sự thỉnh cầu của thầy, thật xúc động đến nỗi lòng lo nghĩ của tôi, liền đem những ý nghĩa như con người với loài vật vốn đều sẵn có chân tâm bản tánh, đều tùy theo nghiệp lực mà lưu chuyển thăng trầm, cùng với những

quả báo thiện ác khác nhau giữa việc giết hại và bảo vệ sinh mạng muôn loài, lược nói ra trong bài văn này.

Mong sao các vị thiện nam tín nữ cùng phát niệm lành, cùng quyên góp tài vật công sức, khiến cho công việc này được nhanh chóng thành tựu, để những con vật được phóng sinh có chỗ yên ổn sống. Những lợi ích, công đức của việc làm ấy thật vô lượng vô biên, đâu chỉ là trong một đời này được tiêu trừ tai họa, hưởng mọi phúc lành, mà trong tương lai còn sẽ được báo đền ân đức, thật không biết đến bao nhiêu ngàn muôn ức kiếp mà kể.



2

KHUYÊN NGƯỜI BỎ SỰ THAM DỰ

Nguyên tác: Dục Hải Hồi Cường

Lời tựa

Vào khoảng cuối mùa hạ năm Tân Dậu,¹ tôi và Chu tiên sinh² cùng ngồi hóng mát trong một cái đình nhỏ ven hồ sen, tay nắm tay trao đổi tâm tình, luận bàn những việc được mất trong đời từ xưa đến nay, nhân đó đề cập đến những lẽ thiện ác báo ứng, Chu tiên sinh bỗng xúc động thở dài than rằng: “*Sắc dục làm mê hoặc con người thật quá lắm, đến bậc hiền trí còn không thoát khỏi, huống chi là những người khác!*”

Tôi nghe lời ấy thì lặng thinh hồi lâu, suy nghĩ đến việc [dùng lời nói] khuyên người trong một lúc sao bằng [viết sách] khuyên người, [lưu truyền đến] muôn đời sau, liền đem việc muốn biên soạn sách này³ ra thỉnh ý tiên sinh.

Chu tiên sinh nói: “Tôi lo việc khắc in sách *Vạn thiện tiên tu* đã gần hai năm rồi vẫn chưa xong, đâu dám nghĩ đến việc khác.”

Tôi nói: “Chỉ cần là việc lợi ích cho muôn người, tôi đây không tiếc [đóng góp] tiền bạc.”

Chu tiên sinh nghe vậy rất hoan hỷ, liền phát tâm biên soạn sách này. Ngày lại ngày qua, thoáng chốc đến mùa thu năm nay,⁴ vào ngày Canh Ngọ trong tháng bảy, tôi tìm đến nhắc lại lời nói năm xưa. Tiên sinh liền ngay trong ngày ấy đốt hương trang nghiêm, rửa tay sạch sẽ, phóng bút viết ra.

Tiên sinh biên soạn sách này, mỗi khi nêu ra một phần nghị

¹ Tức là năm 1681.

² Tức Tiên sinh Chu An Sỹ.

³ Tức là sách *Dục hải hồi cuồng* này. Người viết lời tựa muốn đề cập đến nguyên nhân đầu tiên phát khởi ý định biên soạn sách này là do ông đề xướng và tiên sinh Chu An Sỹ thực hiện.

⁴ Tức là năm viết lời tựa này, 1682, có ghi ở cuối bài.

luận đều cứu xét thật rõ trong nguyên bản, để giúp cho người đọc có thể nhận hiểu rõ ràng, lại khảo cứu rộng thêm đến cả những sách vở, kinh điển của Nho, Lão, Phật, lấy đó làm chỗ tham khảo [để bổ sung] đầy đủ. Tiên sinh chịu khó nhọc, đêm ngủ không yên giấc, ngày ăn chẳng thấy ngon, [để hết cả tâm ý vào công việc]. Bản thảo viết ra mất ba tháng mới hoàn tất, tôi liền tuyển chọn thợ khéo khắc bản in để có thể lưu truyền rộng rãi.

Chỉ mong sao những người đọc được sách này có thể xem đây như một tiếng chuông trong đêm khuya thanh vắng [giúp người tỉnh ngộ], như lương thực lúc đói thiếu [giúp người no lòng], ngày ngày đặt sách ngay nơi thuận tiện để thường xem đi xem lại, ắt trí tuệ sẽ được khai mở, phúc duyên tự nhiên vững chắc sâu dày. Đến như những chỗ dò tận nguồn cội, hiển lộ nghĩa uyên áo của sách này, rục rỡ sáng tỏ muôn phần, thì đương thời ắt không thiếu những bậc thức giả sáng suốt [tự nhận biết], tôi đâu cần phải ngợi khen xưng tán.

Niên hiệu Khang Hy năm thứ 21¹

Nhâm Tuất, ngày 16 tháng 11²

Cô Tô³ - Cố Ngạc Thanh Lâm thị kính đề

Đức hạnh đáng khâm phục⁴

Vào đời Nguyên, Tần Chiêu là người Dương Châu, vào độ tuổi đôi mươi có dịp đi chơi đến kinh thành. Lúc lên thuyền rồi, có người bạn họ Đặng mang rượu đến đưa tiễn. Đặng lúc cả hai

¹ Tức là năm 1682.

² Duyên khởi sách này từ tháng 6 (cuối mùa hạ) năm 1681, đến lúc hoàn thành viết lời tựa này là tháng 11 năm 1682, như vậy tiên sinh An Sỹ phải mất gần một năm rưỡi để soạn thành, trong đó thời gian viết bản thảo mất ba tháng.

³ Tức thuộc vùng Tô Châu.

⁴ Chuyện này được ghi chép tại huyện Cam Tuyền, tỉnh Dương Châu.

cùng nâng ly, bỗng có một cô gái tuyệt đẹp bước đến. Người bạn họ Đặng liền bảo cô ấy thi lễ với Tần Chiêu, rồi nói: “Cô gái này nguyên là nô tỳ, có vị đại nhân ở một bộ [nơi kinh thành] đã bỏ tiền mua về làm thiếp. Nhân tiện chuyến đi này của anh, xin giúp đưa cô ấy đến [chỗ ông ta ở] kinh thành.”

Tần Chiêu ba lần từ chối không nhận, họ Đặng giận đỏ sắc mặt, nói: “Sao anh lại cố chấp đến thế? Ví như không tự giữ mình được thì cứ xem như cô gái này sẽ về làm vợ anh, bất quá chỉ mất hai ngàn năm trăm quan tiền mà thôi.” Tần Chiêu bất đắc dĩ phải nhận lời [đưa cô gái đi cùng].

Khi ấy tiết trời nóng bức, ban đêm nhiều muỗi, cô gái khổ sở không ngủ được vì không có mùng. Tần Chiêu liền bảo cô vào ngủ chung mùng với mình. Hành trình theo đường sông phải mất mười ngày như vậy mới đến kinh thành.

Tần Chiêu gửi cô gái cho bà chủ quán trọ, rồi tự mình mang thư của người bạn họ Đặng đến cho vị đại nhân kia. Ông ta dò hỏi: “Anh đi như thế, có người nhà cùng đi chẳng?” Tần Chiêu đáp: “Không, chỉ có mỗi mình tôi thôi.” Ông ta nghe vậy bỗng nhiên biến sắc, lộ vẻ giận ra mặt, nhưng vì có thư của họ Đặng nên phải miễn cưỡng cho người đón cô gái kia về nhà.

Đêm ấy, ông ta mới biết cô gái chưa từng thất thân, trong lòng tự thấy hết sức xấu hổ. Hôm sau lập tức viết thư cho họ Đặng, hết lời ngợi khen đức hạnh của Tần Chiêu. Ông lại đến thăm Tần Chiêu, nói: “Ông quả là người quân tử đức độ cao vời, xưa nay ít có. Hôm qua tôi hết sức nghi ngờ [việc ông đi chung thuyền nhiều ngày với người thiếp của tôi], quả thật là đã lấy bụng tiểu nhân đo lòng quân tử. Tôi lấy làm hổ thẹn vô cùng.”

Lời bàn

Tâm địa của Tần Chiêu, nếu chẳng phải hoàn toàn không bị dục tính của con người chi phối, chỉ một mực vâng theo lẽ trời,

thì khi cùng với một cô gái tuyệt đẹp như thế ăn cùng mâm, ngủ cùng chiếu trong suốt mười ngày dài, làm sao có thể không khởi lên chuyện dục tình?

Tần Chiêu như thế cố nhiên đã là một bậc quân tử đức hạnh, nhưng cô gái kia cũng là một trang thực nữ trong trắng thanh cao. Đức hạnh cao vời và tấm lòng trinh trắng thanh cao ấy thật khiến cho người ta phải hết sức khâm phục ngưỡng mộ. Vì thế nên cho khắc in thêm vào đây để lưu truyền rộng rãi.

*Năm Dân quốc thứ 11 (Nhâm Tuất)¹
Thích Ấn Quang kính ghi*

Thể lệ chung khi biên soạn sách này²

- Sách này được phân làm ba quyển. Quyển thứ nhất sưu tầm các tích truyện xưa, nhằm khơi dậy tâm niệm răn ngừa sự dâm dục. Quyển thứ hai phân tích chi tiết lý lẽ, nhằm khai mở, trình bày rõ về phương pháp, cách thức để răn ngừa sự dâm dục. Quyển thứ ba gồm các phần hỏi đáp, nhằm củng cố vững chắc căn bản của sự răn ngừa dâm dục. Trình bày như thế là để đi dần từ cạn đến sâu, không thể đảo ngược.

- Những chuyện nhân quả được dẫn ra trong sách này, cùng với những ý kiến luận bàn của người xưa, được trích từ sách nào đều có cước chú rõ ràng, để người đọc có thể khảo chứng. Nếu có tham khảo thêm các bản khác, ắt sẽ nêu ra những chỗ sai khác để làm căn cứ so

¹ Tức là năm 1922.

² Gồm có 12 điều. (Chú giải của soạn giả)

sánh làm rõ.

- Xưa nay những chuyện liên quan đến trinh tiết và dâm dục, phần nhiều dễ được mọi người truyền miệng khắp nơi, nếu xét thấy không có sự tích chứng cứ rõ ràng thì đều loại bỏ. Đối với những chuyện nhân quả rõ ràng trong hiện tại, chưa từng có ai ghi chép thì thu thập đưa thêm vào.

- Người xưa ghi chép sự việc thường trình bày theo lối trường thiên, liên tục nối tiếp nhau không phân chương mục, khiến người đọc dễ chán. Trong sách này dựa theo mỗi sự việc mà đặt tiêu đề, dựa theo tiêu đề mà có lời khuyên bảo khuyến khích, mỗi chỗ đều rõ ràng, giúp người đọc dễ dàng phân biệt nhận hiểu.

- Những sự tích đưa vào quyển thứ nhất có xuất xứ từ tác phẩm của rất nhiều tác giả khác nhau, nên nguyên bản vốn có nhiều sự khác biệt về cách trình bày, giọng văn... Nay khi đưa vào sách này đều chỉnh sửa, thay đổi đôi chút để có sự nhất quán.

- Những sách khuyên nhắc răn ngừa sự dâm dục thì người xưa trước tác cũng đã nhiều, nhưng đa phần chỉ trích dẫn sự tích xưa, lấy đó làm điều răn nhắc mà thôi. Còn như vì người thực sự muốn hạ thủ công phu mà trình bày phương pháp cụ thể chi ly, [vận dụng vào những trường hợp trong đời sống hằng ngày như trong sách này] ắt xưa nay chưa từng có.

- Những văn chương khuyến thiện, khuyên đời thực sự rất nhiều, thoạt nhìn qua như trường giang đại hải, thật rất đáng mừng. Nhưng khảo sát cho thật kỹ thì mới thấy gần như chỉ cần một vài câu đã tóm lược được hết ý tứ. Sách này nỗ lực vượt qua hạn chế đó, nên trong phần “Phương pháp tu tập” (Quyển hai) cố gắng dùng lời đơn giản mà ý hàm súc, tuy chỉ nói là răn nhắc sự dâm dục nhưng cũng gồm đủ hết thảy những phương pháp ứng xử, tu tập ở đời. Mong rằng người xem đừng như cưỡi ngựa xem hoa, sẽ uổng phí đi sự dụng tâm khó nhọc của người biên soạn.

- Nguồn gốc của dâm dục chính là nằm ở sự tham ái. Nếu tâm

tham ái chưa đoạn trừ [thì dù có chế ngự được] cũng chỉ như cỏ chưa nhổ gốc, đến mùa xuân ắt lại mọc lên xanh tốt. Vì thế, trong quyển hai, ở phần quán bất tịnh và các phép quán khác đều chú ý đến việc đoạn trừ ngay từ lúc tâm tham dục còn chưa sinh khởi. Những ai thực sự ra sức thực hành mới có thể thấy được sự kỳ diệu của phương pháp này. Bằng như đem tâm hối hận mà đọc qua loa, cho rằng không có sự liên quan đến ý chỉ căn bản, ắt người soạn sách này cũng đành như Bá Nha xưa [lúc chưa gặp được Tử Kỳ, chỉ có thể] ôm đàn mà khóc.

- Trong hai quyển đầu thì phương pháp răn ngừa dâm dục cũng đã đầy đủ, nhưng chỉ nêu lên rồi cho là đúng thật, ắt không thể không làm khởi sinh nghi vấn. Vì thế, trong quyển cuối nêu ra một trăm câu hỏi đáp, đề cập tổng quát đến hết thảy mọi vấn đề.

- Vấn đề quan trọng thiết yếu nhất đối với người đời thật không gì hơn việc sống chết, bất kể là đạo Nho hay đạo Phật cũng đều quan tâm đến. Người đời nay cho rằng đây chỉ là vấn đề của đạo Phật, nên từ lâu thường né tránh không đề cập đến. Sách này nhắm đến việc làm lợi ích cho muôn người, nên đâu dám sợ sệt tránh né mà không đề cập? Vì thế, trong cả quyển hai và quyển ba, đối với những việc như nguyên nhân của sự sống chết cho đến các thuyết về u minh, đều tạm đem chỗ kiến thức hạn hẹp của soạn giả mà luận bàn, thuật lại.

- Cả ba quyển trong sách này đều chia nhỏ thành nhiều mục, hết thảy đều có phân chia thứ tự rõ ràng, từ mục đầu cho đến mục cuối. Như thế không chỉ thuận tiện cho [độc giả trong] việc bổ sung, [ghi chú nội dung từng mục], mà còn có thể trích ra từng phân đoạn để ghi thành những tấm bảng nhỏ [treo nơi chỗ ngồi, nằm hoặc trên tường], nhằm nhắc nhở sự thực hành hằng ngày.

- Viết sách lưu hành ở đời là điều hết sức khó khăn. Nếu dùng lời thô thiển ắt không hợp với hàng văn nhân trí thức, nhưng chuộng thanh nhã quá ắt không phù hợp với giới bình dân đại chúng. Đối với người kém trí thì dù nói hết sức rõ ràng họ cũng vẫn còn nghi ngại,

nhưng với hạng trí thức thì dù chỉ nêu phần hết sức tinh túy cũng vẫn bị chê là thô lậu. Cho dù là những bậc thánh hiền tái thế, e cũng khó lòng thỏa mãn ý riêng của tất cả mọi người, huống chi hàng hậu học như chúng tôi? Những phần luận về răn ngừa sự dâm dục trong sách này, có những điều vì giúp bảo vệ hạnh phúc gia đình mà nêu ra, có những điều vì giúp giữ gìn sức khỏe kháng kiện mà nêu ra, có những điều nhằm tạo phúc tiêu tai, có những điều nhằm tu tâm dưỡng tánh, lại cũng có những điều nhắm đến chỗ siêu việt tử sinh, vượt thoát ra ngoài Ba cõi. Cũng giống như các phương thuốc khác nhau được bày ra đủ cả, nhưng mỗi người phải tự biết bệnh mình, để chọn dùng những gì thích hợp.

Kinh sách tham khảo

Tham khảo trong Đại tạng kinh

1. Chính ngoa tập
2. Chuẩn Đề tịnh nghiệp
3. Hiền mật viên thông
4. Hiện quả tùy lục
5. Kê cổ lược
6. Kinh A-hàm
7. Kinh Bảo Tích
8. Kinh Bát Sư
9. Kinh Bát-nhã
10. Kinh Chánh pháp niệm xứ
11. Kinh Duy-ma
12. Kinh Đại A-di-đà
13. Kinh Đề vị
14. Kinh Giới đức hương
15. Kinh Hiền ngu nhân duyên
16. Kinh Hoa Nghiêm
17. Kinh Khởi thế nhân bản
18. Kinh Lăng Nghiêm
19. Kinh Lâu thán Chánh pháp¹

¹ Chúng tôi phát hiện An Sữ toàn thư đã có sự nhầm lẫn khi dẫn chú lại từ sách Pháp uyển châu lâm nhưng ghi sai lệch. Thật ra không hề có kinh Lâu thán Chánh pháp như được ghi ở đây, mà chỉ có 2 tên kinh khác nhau: kinh Lâu thán (hay kinh Đại lâu thán) và kinh Chánh pháp niệm (hay kinh Chánh pháp niệm xứ).

20. Kinh Liên Hoa Điện
21. Kinh Ma-da
22. Kinh Ma-đăng nữ
23. Kinh Mật Nghiêm
24. Kinh Nghiệp báo sai biệt
25. Kinh Nguyệt Thượng nữ
26. Kinh Bồ Tát Nhật Minh
27. Kinh Niết-bàn
28. Kinh Ni-kiên tử
29. Kinh Phạm vông
30. Kinh Pháp cú dụ
31. Kinh Pháp Hoa
32. Kinh Phật bản hạnh
33. Kinh Phật bát Nê-hoàn
34. Kinh Phổ diệu
35. Kinh Quá khứ nhân quả
36. Kinh Quán phật Tam-muội
37. Kinh Tam giới
38. Kinh Tăng hộ
39. Kinh Tạo tượng
40. Kinh Tạp thí dụ
41. Kinh Thập nhị nhân duyên
42. Kinh Thất phật diệt tội
43. Kinh Thiên bí yếu
44. Kinh Thiên yếu A-dục

45. Kinh Tu hành đạo địa
46. Kinh Tứ thập nhị chương
47. Kinh Ưu Điền Vương
48. Kinh Ưu-bà-tắc giới
49. Kinh Uy đức đà-la-ni
50. Kinh Viên Giác
51. Kinh Xử thai
52. Kinh Xuất diệu
53. Luận Câu-xá
54. Luận Du-già
55. Luận Trí độ
56. Pháp hỉ chí
57. Pháp uyển châu lâm
58. Quán kinh số sao
59. Thích-ca phổ
60. Tịnh độ văn
61. Trúc song tam bút

Sách tham khảo của Nho giáo¹

1. Bắc sơn lục
2. Bắc sử
3. Bắc tề thư
4. Bất khả bất khả lục
5. Cảm ứng thiên đồ thuyết

¹ Có phụ thêm sách của Đạo giáo.

6. Cảm ứng thiên dục chú
7. Cảm ứng thiên quang số
8. Cảm ứng thiên tập giải
9. Cảm ứng thiên thuyết định
10. Chu thư
11. Chu thư di ký
12. Dịch cát lục
13. Dịch kinh
14. Dục hải thần chung
15. Đường thị phổ
16. Đường thư
17. Giới dâm vụng thuyết
18. Hậu hán thư
19. Hoài nam tử
20. Hoàng minh thông kỷ
21. Khoa danh khuyến giới lục
22. La Trạng nguyên truyện
23. Lễ kí
24. Liệt tử
25. Lương thư
26. Mạo Hiến phó kỷ sự
27. Mao lộc môn tập
28. Nam sử
29. Nam tề thư
30. Ngụy thư

31. Nguyên sử
32. Quảng nhân lục
33. Quảng nhân phẩm
34. Sử ký chính nghĩa
35. Tả truyện
36. Tam giáo bình tâm luận
37. Tấn thư
38. Thư kinh
39. Tiên hán thư
40. Tiết nghĩa truyện
41. Tống sử
42. Tống thư
43. Trần thư
44. Trang tử
45. Tri phi tập
46. Trịnh cảnh trọng tập
47. Trương tử ngữ lục
48. Tứ thư
49. Tục bút thừa
50. Tùy thư
51. Văn hiến thông khảo
52. Văn Xương bảo huấn
53. Văn Xương hóa thư
54. Ý hành lục

LỜI KHUYÊN CHUNG¹

Theo chỗ thường nghe mà luận, trong biển nghiệp mê mang, không gì khó đoạn trừ hơn sắc dục, trần thế nhiều nhưng, không gì dễ mắc phải hơn việc tà dâm. Xưa nay những bậc anh hùng cái thế, lập biển đời non, thường do nơi đây mà bỏ thân mất nước. Bao kẻ tài hoa lắm lời hay ý đẹp, lại cũng do việc này mà bại hoại danh tiết.

Từ xưa đến nay đều như thế, dù kẻ hiền tài hay người ngu muội, vẫn cùng một vết xe đổ ấy mà nối nhau giẫm vào. Huống chi hiện nay thói đời cao ngạo ngày càng bạo phát, đạo thánh hiền xưa ngày một suy vong. Những kẻ tiểu tâm hèn kém nông cuồng, tất nhiên là dễ đắm mê nơi lầu hoa gác phấn, nhưng ngay cả những bậc văn nhân trau dồi trí tuệ, cũng không khỏi sa đọa vào chốn phòng the yếm thắm.

Miệng luôn nói lời kiềm chế dục tình, nhưng lòng nghĩ đến sắc dục ngày càng mãnh liệt. Tai vẫn nghe lời khuyên răn ngừa tính dâm, nhưng ngọn lửa dâm ngày thêm hùng hực. Vừa gặp gái đẹp bên đường, mắt dính chặt ngàn lần không chớp; thấy bóng hồng thoáng qua trong rèm cửa, lòng miên man trăm mối tơ tình.

Hết thấy những điều ấy đều do tâm không sáng suốt, chịu sự chi phối của hình sắc bên ngoài; thức mê muội bị những cảm tình xúc động nhất thời dẫn dắt. Dung nhan tàn tạ già nua, một khi điểm phấn tô son, liền tưởng như Tây Thi tái thế. Gái quê thô kệch vụng về, trang điểm vào thêm hương đối sắc, liền quên ngay hình bóng vợ nhà.

Thật không biết rằng, [kẻ buông thả theo dục tình thì] trời đất khó dung tha, quỷ thần đều phẫn nộ. Có kẻ vì hủy hoại

¹ Phán này có hai chuyện, nêu ra một gương tốt và một gương xấu.

trình tiết của người khác mà khiến vợ con mình phải chịu nạn đền trả. Lại có kẻ vì làm ô nhục thanh danh người khác mà khiến con cháu mình phải chịu báo ứng. Những phần mộ tuyệt tự không người hương khói, chính là những kẻ khi sống khắt khe nông cuồng bạc bẽo. Cha ông những cô gái lầu xanh, phần nhiều đều là những lãng tử dập liểu vui hoa. Nếu [đã từng tạo phúc] đáng được giàu sang, nay [tà dâm] ắt phải bị trời cao đổi mệnh. Nếu [sẵn nghiệp xưa đáng được] vinh quý, nay [tà dâm] ắt bằng vàng phải bị gạch tên. [Kẻ tà dâm thì] trong đời này ắt phải chịu những hình phạt như bị đánh bằng roi vọt, gậy gộc, bị hành hạ lao dịch, lưu đày, hoặc thậm chí phải chịu tử hình.

Đến khi chết đi lại phải đọa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, chịu đựng những quả báo khổ sở. Bao nhiêu ân ái ngọt ngào trước đây, đến lúc ấy chẳng còn gì cả. Cái tâm ý hùng hổ mạnh mẽ [lao vào việc việc tà dâm] ngày trước, nay còn thấy đâu?

Xin rộng khuyên các chàng trai đang tuổi thanh xuân, những bậc văn nhân chí sĩ, tài học vang danh cõi thế, hãy phát khởi tâm giác ngộ sáng suốt, phá trừ sự che chướng của con ma sắc dục xấu ác. Mặt hoa da phấn, nên biết vẫn mang những xương thịt, đầu lâu ô uế; má thắm môi hồng, dưới lớp áo kia cũng chỉ là chín lỗ¹ thường chảy ra những chất nhớt nhờn. Ví như có gặp trang hồng nhan xinh như ngọc, đẹp như hoa, cũng nên khởi tâm nghiêm túc, tưởng đó như chị, như mẹ của mình. Kẻ chưa phạm vào việc tà dâm, phải hết sức cẩn thận để phòng sự lỗi lầm hoặc thái quá. Người đã phạm lỗi rồi, quan trọng nhất là phải biết quay đầu cải hối.

Xin mọi người hãy cùng nhau tiếp nối lưu chuyển văn này, cùng khuyên nhau noi theo chánh đạo, để ai nấy đều đi theo đường sáng, người người đều ra khỏi bến mê.

¹ Chín lỗ: hai lỗ tai, hai lỗ mắt, hai lỗ mũi, một lỗ miệng và hai lỗ đại, tiểu tiện.

Nếu cho những lời răn nhắc này chỉ là vu vơ vô nghĩa, mời xem báo ứng tốt đẹp của họ Mạo dưới đây. Bằng như vẫn lấy việc phong lưu cho là tốt đẹp, xin hãy nhìn lại vết xe đổ của chàng Kim ngày trước.

*Mạo Tung Thiếu*¹

Tiên sinh Mạo Tung Thiếu người huyện Như Cao, tỉnh Giang Tô, vốn tên là Mạo Khởi Tông. Vào năm Kỷ Mùi,² tiên sinh dự thi không trúng tuyển, quay về lo việc chú giải sách *Thái Thượng cảm ứng thiên*. Đến câu “*Thấy vợ người khác xinh đẹp*”,³ ông hết sức lưu tâm chú giải ý nghĩa chỗ ấy thật kỹ lưỡng [để khuyên răn người]. Lúc đó, người trợ giúp việc ghi chép bản thảo cho ông là một thầy giáo được ông mời đến, tên La Hiến Nhạc, [có biết việc này].

Về sau, La Hiến Nhạc về quê ở Nam Xương. Vào tháng giêng năm Mậu Thìn thuộc niên hiệu Sùng Trinh,⁴ La Hiến Nhạc nằm mộng thấy một ông lão trang phục ra dáng đạo nhân, có hai thiếu niên theo hầu hai bên. Lão nhân tay cầm một quyển sách, gọi thiếu niên đứng hầu bên trái bảo đọc lên. La Hiến Nhạc chú ý lắng nghe, nhận ra chính là phần chú giải câu “*Thấy vợ người khác xinh đẹp*” do tiên sinh Mạo Tung Thiếu biên soạn trước đây. Thiếu niên ấy đọc xong, lão nhân nói: “Đáng thi đỗ lắm.” Tiếp đó lại gọi thiếu niên đứng bên phải, bảo làm một bài thơ vịnh. Thiếu niên ấy lập tức đọc thơ rằng:

Tham lam muốn bẻ quế cung Hằng,

Đâu biết trần lao sắc tức không.

¹ Trích từ sách Mạo Hiến phó kí sự (冒憲副紀事). (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1619.

³ Nguyên văn câu này trong Thái thượng cảm ứng thiên là: “見他色美，起心私之 - Kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi.” (Thấy vợ người khác xinh đẹp, liền khởi tâm muốn chiếm đoạt lấy.) Bài văn chỉ ra điều này như một trong những điểm cần phải tránh đi. An Sỹ toàn thư chỉ trích về đầu tiên để nói đến ý này.

⁴ Tức là năm 1628. Sách này biên soạn hoàn tất và khắc bản in năm 1682. Như vậy câu chuyện họ Mạo chỉ vừa xảy ra cách đó hơn 50 năm, có thể nói là không xa lắm.

Thấu rõ thế gian toàn huyễn tướng,

Bảng vàng tên ngọc khắp trời hồng.

La Hiến Nhạc tỉnh mộng, tin chắc rằng Mạo tiên sinh sẽ thi đỗ, liền đem giấc mộng ấy kể lại với đứa con trai. Đến kỳ thi năm ấy, quả nhiên Mạo Tung Thiếu đỗ tiến sĩ, sau làm quan thăng đến chức Hiến phó.

Kim Thánh Thán¹

Kim Thánh Thán² là người Giang Nam, tên là Vị, học rộng biết nhiều, ưa thích tìm hiểu những chuyện khác thường trong đời. Ông có tài văn chương lưu loát hơn người, tự cho là trong thiên hạ không ai hơn mình.

Ông soạn ra nhiều sách khiêu dâm, cho đó là cách để biểu hiện sự tài hoa của mình. Các bản văn bình giải truyện Tây sương, Thủy hử... của ông đều đầy dẫy những chỗ hết sức tục tĩu dâm uế. Ông lại thường trích dẫn kinh Phật trong văn chương của mình [nhưng giảng giải hoàn toàn sai lệch], khiến không ít người [vì không hiểu rõ nên] khâm phục văn tài của ông, mang những chuyện ấy lưu truyền khắp nơi. Ông lại soạn ra sách “Pháp Hoa bách vấn”, lấy chỗ nhận hiểu sai lầm của mình mà đo lường ý nghĩa sâu xa trong Kinh điển, khiến nhiều người do đó mà sai lầm theo ông.

Vào năm Tân Sửu thuộc niên hiệu Thuận Trị,³ ông bỗng nhiên vì chuyện của người khác mà phải bị bắt giam vào ngục, cuối cùng lại bị xử tội tử hình, bêu thây giữa chợ.⁴

¹ Chuyện này ở Tô Châu lưu truyền rộng rãi, người người đều biết. (Chú giải của soạn giả) Kim Thánh Thán sinh khoảng năm 1608 (có sách nói là 1610) và mất năm 1661 vì chịu tội tử hình.

² Câu chuyện này trong nguyên bản [khi đề cập đến tên người chỉ] ghi là “ông họ”, đó là vì húy kỵ không dám nói thẳng ra. Nay thời gian trôi qua đã lâu, không cần kiêng tránh, nên đặc biệt chỉnh sửa lại cho đúng. (Chú giải của soạn giả)

³ Tức là năm 1661, niên hiệu Thuận Trị năm thứ 18 đời Thanh Thế tổ. Như vậy, Kim Thánh Thán bị tử hình trước lúc biên soạn sách này chỉ khoảng 20 năm.

⁴ Nguyên văn là “khí thị - 棄市”, một án tử hình tàn khốc ngày xưa, chỉ dành cho những tội phạm hết sức nặng nề. Tội nhân bị xử chém công khai nơi chỗ đông người, rồi thi thể bị vất giữa chợ hoặc ngã tư đường,

KHUYỀN NGƯỜI ĐANG LÀM QUAN¹

Cùng là con người với nhau, có kẻ làm việc bằng tâm trí, có kẻ làm việc bằng sức lực tay chân; có người được giàu sang vinh hiển tôn quý, có kẻ phải nghèo hèn đói khổ khốn cùng, lẽ nào lại do đạo trời không công bằng hay sao?

Đó chẳng qua do chính mỗi người tự chuốc lấy mà thôi. Kinh Thi nói rằng: “Vĩnh viễn [làm điều gì cũng] hợp với mệnh trời, biết tự [sửa mình] cầu được nhiều phúc lành.”² Kinh Dịch nói: “Nhà làm nhiều việc thiện ắt có thừa niềm vui.”³ Những người đời nay được giàu sang phú quý, nói chung đều là nhờ đời trước đã từng tu tạo phúc đức. Con cháu được hưởng vinh hoa, đều là nhờ cha ông có nhiều ân trạch để lại.

Những việc như thế vốn là lẽ đương nhiên. Chỉ có điều là trong khi được hưởng phúc, nếu lại tiếp tục tu tạo phúc đức, ắt sẽ như người làm ruộng, mỗi năm đều được thu hoạch thì mỗi năm cũng đều gieo trồng. Bằng như cấy vào quyền thế hiện nay mà hống hách, buông thả phóng túng theo những chuyện trăng hoa sắc dục, đó chẳng phải là [như Mạnh tử nói,] được tước vị của người mà lại vất bỏ tước vị của trời đó sao?⁴

mục đích là để người dân thấy vậy mà khiếp sợ, không dám phạm tội như người ấy. Kim Thánh Thán bị xử tội này cùng với khoảng 30 nho sinh, khi họ đến Quốc tử giám để khiếu nại về việc làm sai trái của một viên quan huyện lệnh. Lúc ấy Giang Nam đang có giặc loạn, quan Tuán phủ là Châu Quốc Trị liên khép số nho sinh này (có cả Kim Thánh Thán) vào tội thông đồng với giặc nổi loạn, do đó bị xử hình phạt nặng nhất.

¹ Phụ khuyên các nha dịch, thư lại. Phán này có năm chuyện, nêu ra bốn gương tốt và một gương xấu. (Chú giải của soạn giả)

² Nguyên tác trong Kinh Thi, phán Đại nhã, Văn vương: “永言配命，自求多福 – Vinh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc”.

³ Nguyên tác trong Kinh Dịch: “積善之家，必有餘慶。- Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh.”

⁴ Câu này lấy ý từ sách Mạnh tử, chương Cáo tử thượng, tiết thứ 16, nguyên văn như sau: “孟子曰：有天爵者，有人爵者。仁義忠信，樂善不倦，此天爵也。公卿大夫，此人爵也。古之人，修其天爵而人爵從之。今之人，修其天爵以要人爵。既得人爵而棄其天爵，則惑之甚者也，終亦必亡而已矣。- Mạnh Tử viết: “Hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả. Nhân, nghĩa, trung, tín, nhạo thiện bất quyện, thử thiên tước dã. Công, khanh, đại phu, thử nhân tước dã. Cổ chi nhân tu kỳ thiên tước, nhi nhân tước tùng chi. Kim chi nhân tu kỳ thiên tước dĩ yêu nhân tước. Kỳ đắc nhân tước nhi khí kỳ thiên tước, tác hoặc chi thậm giả dã. Chung diệc tất vong nhi dĩ hỹ.” (Mạnh tử nói rằng: “Có tước vị của trời, có tước vị của người. Nhân, nghĩa,

Điều khó khăn ở đây là, gặp hoàn cảnh thuận lợi thì thường vui mừng, vui mừng ắt thường quên mất tâm thiện, không có tâm thiện thì tâm tham dâm sinh khởi. Nếu vào lúc ấy mà có thể hốt nhiên phản tỉnh, tâm địa sáng suốt, ắt sẽ bồi đắp được nền phúc sâu dày.

*Hàn Ngụy công*¹

Đời Tống, Hàn Kỳ được phong tước Ngụy công, lúc đang giữ chức Tế tướng² có bỏ tiền mua một phụ nữ về làm thiếp. Người phụ nữ ấy họ Trương, hết sức xinh đẹp. Lúc viết giấy bán thân đã xong, cô Trương bật khóc. Hàn Kỳ gạn hỏi nguyên do, cô nói: “Tôi vốn là vợ của quan Cung chức lang³ tên Quách Thủ Nghĩa. Năm trước chồng tôi bị một kẻ thuộc hạ vu cáo, nên hôm nay mới rơi vào tình cảnh này.” Hàn Kỳ động lòng thương xót, bảo cô gái mang tiền bán thân quay về nhà, hẹn khi nào làm rõ sự việc sẽ quay lại.

Cô gái họ Trương về rồi, Hàn Kỳ xem xét lại vụ việc và giải được mối oan cho người chồng của cô, lại thu xếp cho anh ta được nhận lại quan chức. Cô gái họ Trương đúng theo lời hẹn liền quay lại, Hàn Kỳ không gặp mặt, chỉ sai người đến chuyển lời rằng: “Ta là Tế tướng đương triều, không thể lấy vợ người khác làm thiếp của mình. Số tiền bán thân lúc trước, cô có thể giữ lấy không cần trả lại.” Rồi ông trả lại giấy bán thân, còn giúp thêm hai mươi lượng bạc làm lộ phí đi đường, bảo cô ta hãy quay về đoàn tụ gia đình. Cô họ Trương cảm động rơi lệ, quỳ xuống lạy tạ từ xa rồi ra về.

trung, tín, ưa thích làm việc thiện không chán mệt, đó là tước vị của trời. Được phong làm công, khanh, đại phu... đó là tước vị của người. Người xưa tu sửa tước vị của trời mà tước vị của người tự nhiên có được. Người đời nay tu sửa tước vị của trời chỉ để mong cầu được tước vị của người. Khi được tước vị của người rồi thì vất bỏ tước vị của trời, đó là điều sai lầm hết sức nặng nề. Cuối cùng sẽ mất hết tất cả mà thôi.”

¹ Trích từ sách Tống sử. (Chú giải của soạn giả)

² Hàn Kỳ làm Tế tướng vào đời Tống, trải qua cả ba triều vua, đức độ khiến người người đều cảm phục. Ông nhiều lần tổ chức cứu tế cho dân vào những năm mất mùa.

³ Cung chức lang: một chức quan thuộc hàng lục phẩm.

Sau, Hàn Kỳ được phong đến tước Ngụy quận vương, tên thụy là Trung Hiến, con cháu nhiều đời vinh hiển không ai bằng.

LỜI BÀN

Thuở xưa, Tư Mã Ôn Công¹ lúc chưa có con trai, vợ ông [vì muốn ông có con nối dõi nên] âm thầm mua một phụ nữ về cho ông làm thiếp, chọn lúc thích hợp đưa vào phòng đọc sách của ông. Ông phớt lờ như không nhìn thấy. Người thiếp muốn thử lòng ông, cố ý cầm lên một pho sách hỏi: “Đây là sách gì thế?” Ông giữ sắc mặt nghiêm trang, chấp tay cung kính trả lời: “Đó là sách Thượng thư.” Người thiếp [biết ông thực sự không quan tâm đến mình,] đành rụt rè lui ra.

Nhìn chung, một khi tâm ham muốn sắc dục đã lạnh nhạt đi thì người ta có thể tự chế được. Bản lĩnh của Hàn Kỳ [có thể làm được việc nghĩa khí cao thượng như thế], hoàn toàn đều nhờ ở chỗ ít ham muốn.

*Tào Văn Trung công*²

Trong khoảng niên hiệu Tuyên Đức,³ Tào Nãi giữ chức Thái Hòa Điện Sứ. Nhân một lần truy bắt bọn cướp trong đêm, giải cứu được một cô gái đẹp bị chúng giam giữ nơi nhà trọ. Cô gái ấy có ý thân cận, muốn gần gũi ông. Tào Nãi nói: “Ta làm sao có thể xâm phạm đến con gái nhà lành trong trắng?” Liền lấy ra một mảnh giấy, ghi vào bốn chữ “Tào Nãi không thể” rồi đốt đi. Suốt đêm ấy ông không hề động tâm. Sáng ra, ông sai người tìm gọi gia đình cô gái ấy đến nhận con về.

¹ Túc Tư Mã Quang, sinh năm 1019, mất năm 1086, là danh si trải qua bốn triều vua: Tống Nhân Tông, Tống Anh Tông, Tống Thần Tông và Tống Triết Tông. Ông là một nhà chính trị, văn học, sử học nổi tiếng. Chính ông đã chủ trì biên soạn bộ biên niên sử vĩ đại của Trung quốc là Tư trị thông giám.

² Trích từ sách Quảng nhân phẩm. (Chú giải của soạn giả)

³ Niên hiệu Tuyên Đức kéo dài từ năm 1426 đến năm 1435, đời vua Minh Tuyên Tông.

Về sau, Tào Nãi tham gia Điện thí,¹ đang làm bài bồng có cơn gió thổi bay đến trước mặt ông một mảnh giấy, trên đó thấy ghi rõ bốn chữ: “Tào Nãi không thể”. Ngay lúc đó, ông bỗng thấy tinh thần sáng suốt, ý văn dồi dào tuôn tràn. Kỳ thi ấy ông đỗ Trạng nguyên.

LỜI BÀN

Người ta trước phải [biết kiểm chế đối với những việc] “không thể”, rồi sau mới làm được những chỗ “có thể”. Trong hai chữ “không thể” đó, thật có sức mạnh vô cùng.

*Vương Khắc Kính*²

Vương Khắc Kính làm quan Diêm vận sứ³ vùng Lương Chiết.⁴ Vùng Ôn Châu cho áp giải tội phạm đến, trong số đó có một phụ nữ cũng bị áp giải chung. Vương Khắc Kính nổi giận quát: “Sao có thể áp giải phụ nữ cùng đi trên đường xa ngàn dặm, phải chung đụng với quân binh sai dịch hỗn tạp như thế này? Làm như vậy thật hết sức nhơ nhớp cho lễ giáo. Từ nay về sau không được bắt bớ phụ nữ nữa.”

LỜI BÀN

Trong chốn quan trường, mỗi khi bắt bớ can phạm vẫn thường giải người đi chung đụng với phụ nữ, việc ấy thật không còn gì tổn hại đạo đức hơn nữa, bởi vì lòng hổ thẹn của nữ giới thật gấp trăm lần so với nam nhân.

Chưa nói đến những sự quát mắng nhục mạ, bức bách có thể đẩy họ đến chỗ xem thường cả mạng sống, chỉ cần dùng lời

¹ Điện thí: kỳ thi tuyển cao nhất trong hệ thống thi cử thời phong kiến Trung Hoa, thường do chính nhà vua ra đề hoặc đích thân chấm thi. Người đỗ đầu kỳ thi này là Trạng nguyên.

² Trích từ sách Bất khả bất khả lục. (Chú giải của soạn giả)

³ Diêm vận sứ: chức quan chủ quản những việc liên quan đến sản xuất và vận chuyển muối.

⁴ Lương Chiết: vùng bao gồm cả hai tỉnh Chiết Đông và Chiết Tây.

nhẹ nhàng tra vấn mà thôi, nhưng một khi bị bắt đến trước cửa quan, ắt họ đã sớm hồn xiêu phách lạc, xem đó như một vết nhơ suốt đời không sao rửa sạch.

Than ôi, vợ của quan chức so với vợ dân thường, bất quá chỉ có sự sang hèn khác nhau đôi chút. Hãy hình dung như vợ ta đang phải quỳ dưới công đường, rồi quan phủ hống hách bước đến, trăm ngàn con mắt đều đổ dồn vào, thử hỏi trong tình cảnh ấy thì cảm xúc của họ sẽ ra sao?

Nếu biết suy xét ứng xử được như Vương Khắc Kính, ắt con cháu đời sau có thể nhờ phúc trạch mà vô cùng vinh hiển.

Cố Đề không¹

Có người họ Cố làm quan Đề không ở huyện Thái Thương (tỉnh Giang Tô), mỗi khi lo việc đưa đón quan chức các nơi đến phủ, đều tạm ngụ ở nhà một người bán bánh họ Giang nơi ngoại thành. Về sau, ông Giang bị vu cáo là có dính líu đến bọn trộm, bị bắt vào ngục. Ông Cố vì ông Giang mà biện bạch, làm rõ được sự oan tình. Ông Giang nhân đó hết sức cảm kích, liền mang đứa con gái mười bảy tuổi đến nhà ông Cố, bảo lo coi sóc việc nhà, [có ý cho làm thiếp của ông Cố]. Ông Cố không nhận, biện lễ vật theo đúng nghi lễ đưa cô gái trở về nhà ông Giang. Ông Giang lại cố ép, đến ba lần như vậy, [ông Cố vẫn từ chối].

Về sau, nhà ông Giang ngày càng sa sút túng quẫn, đến nỗi phải bán cô con gái này cho một thương gia. Lại nhiều năm sau đó, ông Cố hết hạn kỳ làm việc ở Thái Thương, được điều về kinh thành, đến làm việc dưới quyền quan Thị lang họ Hàn.

Một hôm, quan Thị lang có việc đi vắng, ông Cố lúc ấy tình cờ đang ngồi trước cửa phủ thì nghe có phu nhân quan Thị lang đến, ông vội quỳ mọp xuống giữa sân trước, không dám ngẩng lên

¹ Trích từ sách Ý hành lục. (Chú giải của soạn giả) Đề không là một chức quan trợ lý cho quan phủ địa phương, thường phụ trách những công việc như chương quản, quản lý.

nhìn. Phu nhân vừa trông thấy ông liền nói: “Xin mau đứng dậy, ngài chẳng phải là quan Đề khống họ Cố ở huyện Thái Thương ngày xưa đó sao? Tôi chính là con gái nhà họ Giang đây. [Khi xưa tôi bị bán cho một thương gia,] nhờ ông ấy thương yêu xem tôi như con gái, gả cho quan Thị lang làm vợ lẽ, chẳng bao lâu lại được thành vợ chính. Giàu sang phú quý của tôi hôm nay, đều là nhờ ơn ngài cứu giúp ngày trước. Tôi vẫn thường ân hận không biết làm sao báo đáp ơn sâu của ngài, thật may mắn thay hôm nay được gặp lại ngài ở đây. Tôi sẽ đem việc này thưa với chồng tôi.”

Quan Thị lang trở về phủ, phu nhân liền đem hết ngọn ngành chuyện xưa kể lại. Thị lang khen: “Quả là một người có đức nhân.” Liền mang việc ấy trình lên Hoàng đế Hiếu Tông,¹ vua cũng hết lời ngợi khen, lập tức truyền lệnh tra xét các bộ xem nơi nào còn thiếu quan chức. Tìm được chức quan Chủ sự ở Hình bộ đang khuyết, liền phong cho ông Cố.

LỜI BÀN

Làm ơn không mong được báo đáp, đó là lòng nhân của Cố Đề khống. Chịu ơn người phải lo nghĩ đến việc báo đáp, đó là tình nghĩa của Giang phu nhân. Tiến cử người hiền cho đất nước, đó là lòng trung của Hàn Thị lang. Được người hiền tài thì dùng ngay không câu nệ quy cách, đó là sự [sáng suốt] quyết đoán của bậc thiên tử.

Nha dịch họ Lưu²

Vào năm Nhâm Thìn thuộc niên hiệu Thuận Trị,³ có người họ Lưu làm nha dịch ở Giang Trữ, đi Giang Bắc bắt người. Sau

¹ Chuyện này không ghi rõ niên đại. Có hai vị hoàng đế xưng hiệu Hiếu Tông. Nếu là đời Tống thì Tống Hiếu Tông trị vì từ năm 1162 đến năm 1189. Nếu là đời Minh thì Minh Hiếu Tông trị vì từ năm 1487 đến năm 1505.

² Chính người anh của người này kể lại câu chuyện với một người họ Vương. (Chú giải của soạn giả)

³ Niên hiệu Thuận Trị thuộc đời Thanh, từ năm 1644 đến năm 1661. Năm Nhâm Thìn này tức là năm 1652, niên hiệu Thuận Trị năm thứ 9.

khi bắt giam vào ngục, chiếu theo lệ nếu có hơn mười lượng bạc thì được chuộc phạm nhân ra. Một người tù nói với họ Lưu: “Tôi có đứa con gái, nhờ ông báo tin về nhà tôi, bán nó đi lấy tiền chuộc tôi về.” Họ Lưu nhận lời, liền sang bên kia sông tìm gặp vợ người ấy chuyển lời về việc bán con. Người vợ đồng ý bán đứa con gái được hai mươi lượng bạc, đưa hết cho họ Lưu.

Họ Lưu nhận tiền rồi chiếm lấy làm của mình, [không nói gì đến việc chuộc người.] Người tù kia biết chuyện, uất ức quá mà chết. Mười ngày sau, họ Lưu bỗng ngã bệnh, tự nói ra rằng: “Người tù kia đến Đông Nhạc tố cáo tôi, lưỡi tôi sắp bị móc sắt lôi ra rồi!” Chốc lát sau, bỗng thè lưỡi ra dài đến mấy tấc, mắt mũi tai miệng... đều ứa máu ra mà chết.

LỜI BÀN

Người làm việc nơi cửa công đứng ra càng phải tu tạo phúc đức. Những ai giống như họ Lưu, nhất định rồi sẽ phải gặp nhau trong ba đường ác.

KHUYÊN CÁC BẠC TƯỚNG SOÁI¹

Vũ trụ rộng lớn mênh mang, hết thảy đều là sinh linh trong trời đất, [người người] đều là con dân trong nước. Nếu không may gặp phải những ngày binh lửa nhiều nhưong, vợ chồng chia lìa, mẹ con ly tán, khi ấy thì người có thể mở ra một con đường sống, cứu muôn dân khỏi phải nhanh chóng bị dồn vào chỗ chết trong đám loạn quân, duy nhất chỉ có bậc tướng soái mà thôi. Một khi gặp phải vị tướng quân không giữ nghiêm được quân kỷ, ắt [người dân phải chịu cảnh] bị hút kiệt máu xương, bị hủy hoại danh tiết, bị cướp mất sinh mạng... [Những

¹ Phần này có hai chuyện, nêu ra một gương chung (có tốt có xấu) và một gương xấu.

hoàn cảnh bi đát thê lương ấy thật chẳng khác gì] tuyết trắng thêm sương, lửa hồng thêm củi.

Nay tôi thay mặt cho những người dân nghèo cùng khổ [từ nay cho đến] trăm ngàn năm sau, xin lễ bái khẩn cầu các bậc tướng soái [từ nay cho đến] trăm ngàn năm sau, xin [quý vị] đừng bao giờ tận sát dân trong thành quách,¹ đừng cướp bóc nơi xóm làng, đừng đốt phá nhà dân, đừng chiếm đoạt cưỡng hiếp phụ nữ. Mỗi khi nhìn thấy cha mẹ người khác phải lâm vào cảnh hoảng hốt trốn chạy, nên hình dung đó như cha mẹ của chính mình đang lúc hoang mang không biết phải làm gì. Thấy vợ con người khác khổ đau phiêu dạt, nên hình dung đó như chính vợ con mình lúc tình thân bị rạn nứt chia lìa.

Người xưa có nói: “Giàu sang phú quý, há phải do tài sản sở hữu trong nhà thôi sao?” Đang lúc nắm quyền thế trong tay, nếu không nỗ lực dùng phương tiện khéo léo cứu giúp người, thật chẳng khác gì kẻ vào được núi châu báu lại quay về với hai tay không. Làm bậc tướng soái, nếu như không nghĩ đến việc vì sinh linh tạo phước, vì muôn dân trong nước mưu sự bình an, chẳng phải là đã không nghĩ đến con cháu mai sau của chính mình đó sao? Nếu như có thể sớm tự hiểu ra được những điều này, quả thật phước báo ngày sau không thể đo lường được hết.

Hai vị tướng họ Tào²

Tào Bân³ là tướng quân đời Tống, tính tình khiêm nhượng hiền hòa, chưa từng giết người vô tội. Lúc mới đánh được thành Toại Châu, các tướng dưới quyền đều muốn tận sát dân trong thành, ông cương quyết không đồng ý. Khi bắt được phụ nữ trong lúc

¹ Nguyên bản dùng “屠城 - đô thành”, chỉ một chủ trương của tướng lãnh ngày xưa, khi đánh thành gặp nhiều khó khăn thì lúc hạ được thành giết sạch dân chúng già trẻ lớn bé... Nếu thành nào chịu đầu hàng ngay thì không giết. Mục đích là để đe dọa những thành họ sắp đánh tới phải khiếp sợ mà không dám chống trả.

² Trích từ sách Tống sử. (Chú giải của soạn giả)

³ Tào Bân: tên tự là Quốc Hoa, sinh năm 931 và mất năm 999, là danh tướng của triều Bắc Tống.

đánh nhau, ông ra lệnh đưa hết về một nơi, bí mật sai người bảo vệ. Sau khi trận chiến kết thúc, ông cho hỏi quê quán từng người để trả về. Đối với những người không có ai thân thích, ông lại chuẩn bị đủ lễ vật mà gả chồng cho.

Đến khi đánh thành Kim Lăng, trước hết ông thắp hương khẩn nguyện rằng: Ngày hạ được thành ấy sẽ không giết bất cứ người nào cả.

Sau này các con của ông như Tào Vĩ, Tào Tông, Tào Xán đều nổi nghiệp, nhận lãnh búa việt cờ mao,¹ điều binh khiển tướng. Con út của ông là Tào Khí sau được truy phong đến tước [Ngô] vương và có người con gái là Thái hậu Quang Hiến,² con cháu nhiều đời sau đều vinh hiển phát đạt không ai bằng.

Vào thời ấy lại có một vị tướng khác cũng họ Tào là Tào Hàn.³ Khi đánh thành Giang Châu, bị kháng cự lâu ngày không hạ được nên ông nổi giận, hạ lệnh tận sát dân chúng trong thành, lại buông thả cho quân sĩ tha hồ cướp bóc hãm hiếp. Sau khi ông chết chưa được ba mươi năm thì gia đình ông suy vi tan nát, con cháu có người trôi giạt đến vùng ven biển, phải đi ăn xin mà sống.

LỜI BÀN

[Một vị tướng quân có thể] tự mình không tham lam làm việc sai trái, tất nhiên là rất tốt, nhưng làm sao có thể sánh bằng việc nghiêm cấm quân sĩ của mình không cướp bóc? Như việc Tào Ân [bắt giữ tất cả phụ nữ rồi] bí mật sai người bảo vệ, nhất định là vì ông sợ có sự xâm hại từ các tướng lãnh của ông, quyết không phải do ông [có ý xấu định] bắt lấy [làm của mình] rồi sau đó [đổi ý mà] thả ra, huống chi ông lại còn tự mình lo việc gả chồng cho họ. Tào

¹ Búa việt cờ mao: những biểu tượng quyền lực của một vị tướng soái, được vua ban cho.

² Tức là hoàng hậu Từ Thánh Quang Hiến của Tống Nhân Tông. Bà sinh năm 1016 và mất năm 1079.

³ Tào Hàn: sinh năm 924, mất năm 992, cũng là danh tướng triều Bắc Tống, sau được vua truy tặng đến chức Thái úy, ban thụy hiệu là Vũ Nghị.

Bân có thể xem là mẫu mực muôn đời của những vị tướng soái có lòng nhân từ.

Người họ Chi¹

Huyện Gia Thiên² có một nho sinh họ Chi, vào mùa xuân năm Kỷ Dậu thuộc niên hiệu Khang Hy,³ một hôm bỗng nói với người bạn họ Cố rằng: “Sao tôi bỗng nhiên thấy tinh thần hoang mang hoảng hốt, dường như có oan hồn báo oán đang đi theo tôi.”

Tiếp đó họ Chi liền ngã bệnh. Vì thế, người bạn họ Cố liền thỉnh một vị tăng là Pháp sư Tây Liên đến thưa hỏi. Lúc ấy họ Chi bỗng phát ra tiếng nói từ trong bụng như tiếng hồn ma, nói rằng: “Tôi trước đây vốn là một viên phó tướng hồi đầu triều Minh, họ Hồng tên Thù. [Tên họ Chi này khi ấy là] chủ tướng của tôi, họ Diêu, thấy người vợ họ Giang của tôi xinh đẹp liền khởi tâm tham muốn. Nhân khi ấy có một nơi kia làm phản, liền sai tôi đi chinh phạt [nhưng cố ý chỉ] giao cho bảy trăm tên lính già yếu. [Do quân binh yếu ớt], tôi không đủ sức dẹp loạn, phải bỏ mạng cùng cả đám quân sĩ ấy. Họ Diêu liền chiếm lấy vợ tôi, nhưng nàng [không thuận nên] treo cổ tự vẫn. Tôi ôm mối thù sâu nặng đó quyết đi theo báo oán. Nhưng họ Diêu thuở ấy đến tuổi già xuất gia tu hành, đời sau đó sinh ra thành một vị cao tăng, đời tiếp theo lại làm một vị đại học sĩ trong Hàn lâm viện, đời thứ ba lại làm một vị tăng giới hạnh, đời thứ tư sinh làm người hết sức giàu có, ưa thích bố thí, nên không một đời nào tôi có thể báo oán được cả. Nay là đời thứ năm, kẻ oan gia này của tôi lẽ ra đã được thi đỗ liên tiếp cả hai khoa thi, nhưng vì vào năm ấy trở tài văn chương hý lộng, hại chết bốn người thương gia buôn trà, bị trời cao tước lộc, không cho thi đỗ nữa.

¹ Trích từ sách Hiện quả tùy lục. (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Chiết Giang.

³ Tức là năm 1669.

Vì thế hôm nay tôi đến đây báo oán.”

Pháp sư Tây Liên nghe lời hồn ma kể rõ ngọn ngành, liền khuyên bảo [nên buông bỏ oán cừu,] hứa sẽ vì hồn ma mà tụng kinh lễ sám. Hồn ma liền chấp nhận. Người nhà thỉnh Pháp sư Tây Liên tụng kinh lễ sám, hóa giải oán cừu. Quả nhiên, không bao lâu họ Chi khỏi bệnh.

Sau đó một thời gian, họ Chi lại phát ra tiếng nói trong bụng như hồn ma. Pháp sư Tây Liên liền quở trách. Hồn ma nói: “Tôi nương nhờ Phật lực đã được siêu sinh, quyết không trở lại. Nay đến đòi mạng ông Chi chính là bốn người thương gia buôn trà bị ông ấy hại chết trước đây, thật không phải tôi. Vì sợ thầy trách tôi không giữ lời hứa nên mới đặc biệt trở lại đây nói rõ.” Nói xong liền đi mất. Chỉ trong chốc lát, họ Chi phát bệnh, chưa được hai ngày thì qua đời.

LỜI BÀN

Kinh Phật dạy rằng: “Dù có trải qua trăm ngàn kiếp, những nghiệp đã tạo ra đều không tự nhiên tiêu mất. Khi có đủ nhân duyên gặp nhau thì những quả báo của việc mình làm đều phải tự mình nhận lấy.” Việc đền trả một món nợ đã vay trước đây hai, ba trăm năm, so [với thời gian trăm ngàn kiếp] cũng không phải là quá xa xôi.

KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI CẦU CÔNG DANH¹

Sắc đẹp là thứ mà người thế gian luôn mong muốn, khoa cử thành đạt công danh lại cũng là điều người thế gian mong muốn. Nếu muốn cho cả hai điều này cùng đạt được, thì có khác chi người lưng đeo vạn

¹ Phần này có tám chuyện, nêu ra bốn gương tốt, hai gương xấu và hai gương chung (có tốt có xấu). (Chú giải của soạn giả)

đồng tiền còn muốn cưới hạc Dương Châu?¹ Tuy nhiên, trong thế gian này thì điều làm mê hoặc lòng người nhất không gì hơn sắc dục, mà tương khắc với công danh sự nghiệp như nước với lửa, cũng không gì hơn [sự đam mê] sắc dục. Từ xưa đến nay những người tài ba lấy tri thức làm sự nghiệp từng bị con sông lớn ái dục cuốn trôi nhận chìm, thật không thể kể hết. Nếu là những kẻ được chăng hay chớ, bình thường không chú tâm gì đến sự nghiệp công danh khoa bảng thì như thế cũng được, chẳng nói làm gì. Nhưng với những người tàn đêm tuyết lạnh, chong đèn một bóng dùi mài kinh sử; cha mẹ ơn sâu, mỗi khi nhìn bóng trăng lạnh thì tinh thần đau xót [thương con khó nhọc sớm hôm đèn sách]; vợ hiền nghĩa nặng, những lúc nghe tiếng gà gáy sớm lại rơi lệ [nhớ chồng vất vả dùi mài kinh sử]. Thế rồi chỉ trong một sớm quan phục² không được nhận, bảng vàng chẳng thấy tên, vợ con bao ngày luống công mong đợi, ân đức cha mẹ sâu dày đành chưa báo đáp, thử hỏi xem trong tình cảnh ấy sẽ cảm thấy thế nào?

Nên có lời thơ rằng:

*Làm trai muốn thỏa chí công danh,
Má thắm môi hồng đừng vương bận.*

Lâm Mậu Tiên³

Lâm Mậu Tiên là người Tín Châu, [học hành chăm chỉ], hàng ngày chỉ đóng cửa đọc sách. Sau khi thi Hương đỗ cử nhân, hàng xóm có một nhà rất giàu, người vợ chê ông chồng thất học, ngưỡng mộ tài danh của Lâm Mậu Tiên, chủ động tìm dịp sang

¹ Câu này lấy ý từ một câu chuyện trong phân chú giải tập thơ Lục quân hiền của Tô Thức đời Tống: “Khách đến chơi cùng nói ra chí hướng, có người muốn được giàu có nhiều tiền bạc, có người muốn được làm quan Thử sử Dương Châu, lại có người muốn cưới hạc bay lên trời. Một người khác liền nói: Tôi muốn quán ngang lưng một vạn đồng tiền, cưới hạc bay trên bầu trời Dương Châu. Ấy là bao gồm được hết cả ý muốn của ba người kia.” Vì thế, thành ngữ “cưới hạc Dương Châu” thường được dùng để chỉ những sự tham muốn vô độ, phi lý.

² Nguyên tác dùng “朱衣- chu y”, y phục màu đỏ như son, chỉ quan phục của những người thi đỗ được bổ làm quan.

³ Trích từ sách Văn Xương hóa thư. (Chú giải của soạn giả)

nhà, muốn dan díu với ông. Lâm Mậu Tiên nói: “Nam nữ có sự phân biệt, [cô làm như thế] lễ giáo không cho phép. Quý thần trong trời đất đầy khắp quanh đây, sao cô có thể làm vậy bản [sự trong sạch] tôi.” Người phụ nữ kia xấu hổ ra về.

Kỳ thi sau đó, Lâm Mậu Tiên đỗ tiến sĩ. Về sau, ông sinh ba người con trai cũng đều đỗ tiến sĩ.

LỜI BÀN

Ngay từ đoạn mở đầu, sách Trung dung đã nói đến [người quân tử luôn] “thận trọng răn ngừa” và “lo lắng sợ sệt”.¹ Khi bàn luận đến kẻ tiểu nhân thì nói “không có chỗ nào kiêng sợ cả”.² Qua đó có thể thấy, trong việc tu sửa bản thân thì quan trọng nhất chỉ có hai điều là biết “cung kính” và “sợ sệt”.

[Lâm Mậu Tiên nói rằng:] “Nam nữ có sự phân biệt, lễ giáo không cho phép”, đó là biết cung kính; lại nói: “Quý thần trong trời đất đầy khắp quanh đây”, đó là biết sợ sệt. Như thế có thể biết rằng, sự tu dưỡng từ lâu của ông thật đã hết sức thâm hậu.

La Văn Nghị Công³

La Luân khi trên đường dự kỳ thi Hội, thuyền dừng lại nghỉ ở bến Cô Tô, đêm ấy mộng thấy Phạm Văn Chính Công⁴ đến chào hỏi, rồi nói rằng: “Danh hiệu trạng nguyên năm tới đã thuộc về ông rồi.” Họ La khiêm nhường không dám nhận, Phạm Văn Chính Công liền nói: “Sự việc vào năm ấy... nơi lâu ấy... đã thấu đến lòng trời.”

¹ Nguyên văn câu này trong đoạn mở đầu sách Trung dung là: “君子戒慎乎其所不睹，恐懼乎其所不聞。 - Quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đố, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn.” (Người quân tử thận trọng răn ngừa ở cả những nơi không ai nhìn thấy, lo lắng sợ sệt ở cả những nơi không ai nghe biết.)

² Chỗ này lấy ý từ chương 2 sách Trung dung: “小人之反中庸也，小人而無忌憚也。 - Tiểu nhân chi phản trung dung dã, tiểu nhân nhi vô sở kỵ đạn dã.” (Kẻ tiểu nhân làm trái với đạo trung dung, đó là nói kẻ tiểu nhân không biết kiêng sợ gì cả.)

³ Trích từ La Trạng nguyên bản truyện. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Túc Phạm Trọng Yêm (范仲淹), sinh năm 989, mất năm 1052, tên tự là Hy Văn, tên thụy là Văn Chánh.

Họ La [khi tỉnh dậy] nhân câu nói đó liền nhớ lại năm xưa nơi lâu ấy quả thật đã từng cự tuyệt với một cô gái muốn cùng ông dan díu. Vì thế nên ông tin rằng giấc mộng này chẳng phải hư vọng. Đến kỳ thi Đình [năm sau] quả nhiên ông đỗ trạng nguyên.

LỜI BÀN

Ở những nơi khuất tất không ai nhìn thấy, con mắt theo dõi của quỷ thần vẫn sáng như điện. Cho nên, người quân tử luôn phải thận trọng ngay cả những khi ở một mình không ai biết đến.

*Dương Hy Trọng*¹

Dương Hy Trọng quê ở Thành Đô, khi còn chưa đỗ đạt, xa quê lo việc học hành đèn sách. Có một cô gái xinh đẹp theo ga gắm muốn gần gũi ông, Hy Trọng không chấp nhận.

Đêm ấy, vợ ông ở quê nhà nằm mộng thấy một vị thần đến nói: “Chồng cô ở nơi đất khách quê người có thể giữ gìn tiết tháo đức độ, rồi đây sẽ được vượt trội nhất trong hàng sĩ tử.”

Người vợ tỉnh dậy hoang mang không hiểu gì cả. Đến cuối năm Hy Trọng về quê, lúc ấy bà mới biết được sự việc. Sang năm sau Dương Hy Trọng dự kỳ thi Hương, quả nhiên đỗ đầu trong toàn vùng Tứ Xuyên.²

LỜI BÀN

Kinh Ưu-điền vương dạy rằng: “[Đam mê] nữ sắc là điều xấu ác nhất, rất khó tạo thành nhân duyên [tốt đẹp]. Một khi đã bị sợi dây ân ái buộc vào, ắt sẽ lôi kéo người ta đi vào tội lỗi.”

Được như Dương Hy Trọng, có thể nói là bị lôi kéo mà không

¹ Trích từ sách Khoa danh khuyến giới lục. (Chú giải của soạn giả)

² Nguyên bản dùng chữ Thục (蜀), đất Thục tức là vùng Tứ Xuyên.

hề lay động.

Người họ Tào¹

Có người họ Tào quê ở Tùng Giang, trên đường về Nam đô dự thi ở trọ trong một nhà nọ. Trong nhà có một phụ nữ [vừa gặp ông thì nảy sinh tư tình, muốn cùng ông] dan díu. Họ Tào vội vã lánh ra khỏi nhà, [tìm ngụ nơi khác], trên đường bỗng gặp [một toán quan quân] đèn đuốc sáng rực, có kẻ quát người đi đường tránh ra nhường đường. Đoàn người ấy cùng nhau kéo vào một ngôi miếu cổ. Họ Tào liền đến gần miếu, ý muốn lắng nghe xem bên trong nói gì, liền nghe thấy tiếng hô tên những người sẽ đỗ khoa này. Hô đến tên người đỗ thứ sáu, có tiếng một viên chức bậm lên rằng: “Người này đức hạnh suy tởn, đã gạch tên rồi, giờ sẽ thay ai vào?” Có tiếng thần đáp: “Họ Tào không chịu dâm ô với bà chủ nhà trọ, đức hạnh tốt lắm, nên ghi tên vào.”

Đến khi công bố kết quả thi, quả nhiên họ Tào đỗ thứ sáu.

LỜI BÀN

Những kẻ háo sắc, nếu có phụ nữ tìm đến với họ ắt không chỉ là điềm báo tai họa. Những người đức độ, nếu có phụ nữ muốn lôi kéo chuyện mây mưa, [nhất định thế nào cũng cự tuyệt, nên] đó chính là điềm lành được hưởng phúc. Vì thế mới nói rằng, phúc hay họa đều do chính mình tự cầu mà có.

Lưu Nghiêu Cử²

Lưu Nghiêu Cử là người ở Long Thư, thuê một chiếc thuyền đi lên tỉnh thành dự kỳ thi Hương.³ Trên đường đi đùa cợt trêu

¹ Trích từ sách Bất khả bất khả lục. (Chú giải của soạn giả)

² Trích từ sách Quảng nhân lục. (Chú giải của soạn giả)

³ Thi Hương: kỳ thi được tổ chức ở mỗi tỉnh thành, người thi đỗ lấy học vị cử nhân.

chọc người con gái của chủ thuyền, nên ông này lưu tâm đề phòng rất kỹ.

Đến khi Nghiêu Cử đã vào dự thi, chủ thuyền thấy trường thi cửa đóng then cài nhiều lớp, canh phòng hết sức nghiêm mật, nên cho rằng chẳng có gì phải lo nữa, liền vào trong phố chợ chơi một thời gian rất lâu. Không ngờ đề thi thuộc phạm vi Nghiêu Cử đã học kỹ nên anh ta làm xong và trở về thuyền rất sớm, liền [nhân cơ hội ấy] tư thông với đứa con gái chủ thuyền.

Khi ấy, ở quê nhà cha mẹ Lưu Nghiêu Cử đều nằm mộng thấy một người áo vàng mang bảng danh sách đến, báo tin Lưu Nghiêu Cử đỗ đầu. Họ vội vã chạy đến bên đình xem bảng, bỗng có một người giật bảng lại, nói: “Họ Lưu gần đây làm điều gian dối, đã bị tước bỏ tư cách dự thi.” Hai người tỉnh dậy kể lại giấc mộng giống nhau, do đó đều sinh lòng lo lắng.

Không bao lâu đến lúc chấm quyển thi, Lưu Nghiêu Cử vì phạm quy nên bị tước bỏ tư cách thi, các quan chấm thi đều tiếc cho văn chương của ông.

Lúc về nhà, cha mẹ Lưu Nghiêu Cử đem chuyện trong mộng kể lại và cật vấn, Nghiêu Cử lặng thinh không dám nói lời nào.

Kỳ thi sau, Nghiêu Cử cuối cùng cũng đỗ được cử nhân, nhưng vĩnh viễn không đỗ được tiến sĩ.

LỜI BÀN

Ham vui chốc lát trên thuyền mà vĩnh viễn không được thi đỗ tiến sĩ, thật không còn gì ngu xuẩn hơn!

Người nho sinh ở Phụng Dương¹

Huyện Phụng Dương có nho sinh nọ, nhà có một cái hồ nhỏ trồng sen nhưng đã nhiều năm không nở hoa. Vào năm Kỷ Dậu

¹ Một người bạn của người này trực tiếp kể lại với tôi. (Chú giải của soạn giả)

thuộc niên hiệu Khang Hy,¹ nho sinh này sắp đi đến Cú Khúc để tham dự kỳ thi lục di² thì trong hồ bỗng nhiên trở lên một cảnh sen tuyệt đẹp. Cha mẹ anh ta thấy vậy hết sức vui mừng, cho rằng đó là điềm báo tốt lành cho kỳ thi Hương sắp tới,³ liền quyết định sáng sớm hôm sau bày tiệc rượu ven bờ hồ để thưởng ngoạn.

Đêm hôm đó, vợ chồng nho sinh này đang cùng nhau vui vẻ, trong nhà có đứa tỳ nữ đi ngang qua, nho sinh buông lời đùa cợt trêu ghẹo, người vợ cũng không ngăn cản gì, cuối cùng đêm ấy anh liền cùng đứa tỳ nữ dan díu.

Sáng hôm sau ra xem thì cảnh hoa sen đã bị bẻ mất rồi. Cha mẹ nho sinh hết sức kinh sợ, tra hỏi mới biết chính là đứa tỳ nữ kia đã bẻ cảnh sen, hai người hết sức buồn rầu vì việc ấy.

Ngay đêm hôm đó, người nho sinh nằm mộng thấy mình được đến bái kiến Đế Quân, thấy tên mình đã ghi trên bảng những người thi đỗ, bỗng Đế Quân bước đến gạch xóa đi. Anh ta liền khóc lóc quỳ lạy hết lời cầu xin, van xin đến lần thứ ba thì bị đuổi ra.

Tỉnh dậy, nho sinh này tự biết đó là điềm chẳng lành, lên đường đi thi mà trong lòng hết sức buồn bực không vui. Thông thường, kỳ thi lục di ở phủ tuyển lấy ba người, mà về Cú Khúc dự thi năm ấy cũng chỉ có ba người, nhưng duy nhất chỉ có nho sinh này bị đánh rớt. Anh ta dự thi tiếp tục ba lần, cho đến lần cuối cùng kết quả vẫn như vậy, đành gặt lệ quay về.

LỜI BÀN

Giá như người vợ của nho sinh kia cứng rắn ngăn cản, ắt

¹ Tức là năm 1669.

² Theo chế độ thi cử triều Thanh thì kỳ thi “lục di” được tổ chức để bổ sung cho kỳ thi “lục khoa” trước đó. Người đi thi lục khoa không đỗ thì có thể tham gia thi lục di, nếu đỗ thì vẫn có tư cách để tham gia thi Hương như người đỗ lục khoa.

³ Cha mẹ nho sinh này cho rằng đây là điềm báo anh sẽ thi đỗ kỳ thi lục di.

người chồng sẽ giận ghét, nhưng biết đâu nhờ vậy mà trong chốn u minh vẫn bảo toàn được công danh khoa cử cho chồng. Thuở xưa, người mẹ của Thúc Hương¹ vì nghe lời con can gián, muốn tránh tiếng xấu ghen hờn nhưng rồi lại khiến cho họ Dương Thiệt gặp nạn. Cho nên, chuyện ghen hờn của người vợ, đâu thể một lời mà nói hết? ²

Hai nho sinh ở Trục Lê ³

Vào triều Minh, có một nho sinh về dự thi ở Nam kinh, phòng trọ nằm đối diện với nhà của một viên võ quan chỉ huy. Viên chỉ huy này có một người con gái, thường lên nhìn sang thấy nho sinh ấy rồi đem lòng yêu mến. Khi anh ta vừa thi xong, cô gái sai một tỳ nữ sang ngõ ý, hẹn đêm hôm ấy sẽ gặp nhau. Nho sinh ấy sợ tổn hại âm đức, liền từ chối.

Có một người bạn ở trọ cùng phòng với anh ta, vốn là người để đuôi phóng túng, biết chuyện này liền giả dạng bạn mình, đêm ấy tìm đến chỗ hẹn với cô gái kia. Trời tối, con tỳ nữ không phân biệt được, liền đưa anh ta vào trong nhà gặp cô chủ, hai người cùng ăn nằm với nhau. Tình cờ quên đóng cửa, sáng sớm người cha đã về, bước vào nhìn thấy liền nổi trận lôi đình, vung kiếm chém chết cả hai rồi đến tự thú với quan phủ.

Hôm sau yết bảng, anh nho sinh kia được đỗ đầu.

LỜI BÀN

Một người tên đề lên đầu bảng, một người danh liệt xuống

¹ Thúc Hương sinh vào thời Xuân Thu, không rõ năm sinh, mất vào khoảng năm 528 trước Công nguyên. Ông tên Hạt, tự Thúc Hương, được phong ở đất Dương nên lấy Dương Thiệt làm họ. Cha Thúc Hương có người vợ lẻ, mẹ ông vì ghen hờn nên cản trở không cho gặp cha ông. Thúc Hương khuyên can vì sợ bà mang tiếng xấu là người ghen hờn. Bà nghe theo, do đó người vợ lẻ kia mới có cơ hội sinh ra Thúc Hồ, về sau gây nạn Loạn Doanh khiến họ Dương Thiệt tan nát, bản thân Thúc Hương cũng bị giam vào ngục.

² Xem rõ chuyện này trong Tả truyện. (Chú giải của soạn giả)

³ Trích từ sách Giới dâm vụng thuyết. (Chú giải của soạn giả) Địa danh này ngày nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

thành quý oan hồn. So hai người ấy, sự sướng khổ, vinh nhục thật cách xa nhau một trời một vực. Ý niệm khác nhau ẩn khuất khó thấy, nhưng chỉ trong sớm chiều đã phải nhận lấy quả báo tương ứng, thật đáng sợ thay!

*Hai anh em ở Nam Xương*¹

Ở Nam Xương có hai anh em sinh đôi, giống nhau như đúc, từ hình dạng cho đến giọng nói, nên ngay cả cha mẹ họ cũng khó phân biệt, phải dùng y phục khác biệt để nhận biết. Lớn lên lại cưới vợ cùng lúc, vào trường học cũng cùng lúc, cho đến những chuyện nên hư được mất của hai người, hầu như cũng đều tương tự như nhau.

Đến ngày hai người đi dự thi, lại cùng ở trọ chung một nhà. Có cô gái ở gần nhà ấy có ý trêu chọc người anh, anh ta liền cự tuyệt, lại răn nhắc người em phải đề phòng. Người em giả vờ vâng dạ, nhưng lại lén lút giả danh người anh đến gặp cô gái kia, lại có lời ước hẹn sau khi thi đỗ sẽ đến cưới.

Đến khi yết bảng, người anh đỗ, người em rớt. Cô gái kia không phân biệt được hai người, tưởng rằng người thi đỗ là người đã dan díu với mình nên trong lòng hết sức mừng vui, còn lo tiền đưa cho anh ta làm lộ phí đi đường về quê.

Mùa xuân năm sau, người anh lại thi đỗ tiếp tiến sĩ. Cô gái kia nghe tin mừng rõ, lo chuẩn bị hành trang đợi người ấy đến cưới. Trông đợi hoài chẳng thấy tin tức gì, cuối cùng ôm hận mà chết. Về sau, người anh được sống thọ, con cháu đều vinh hiển. Còn người em đã chết sớm lại không con nối dõi.

LỜI BÀN

Tướng mạng tốt xấu của con người đều do tâm thức trong đời trước tạo thành. Đời trước làm lành, ắt khi vào thai tự nhiên

¹ Trích từ sách Cầm ứng thiên quang số. (Chú giải của soạn giả)

có đủ tướng tốt, lúc sinh ra đời cũng nhằm giờ tốt. Đời trước nếu làm ác, ắt kết quả đời này ngược lại. Chuyện tướng mạng tốt xấu vì thế không thể bác bỏ được. Tuy nhiên, tướng mạng tốt xấu khi đã sinh ra rồi thì cố định, nhưng tâm người lại không cố định. Cho nên những điều tai họa hay phước lành đều do tâm tạo ra chứ không do tướng mạng tạo ra. Chuyện tướng mạng tốt xấu vì thế không thể xem là tuyệt đối. Cứ xét như việc của hai anh em ở Nam Xương [tướng mạng giống nhau mà kết quả cuộc đời khác nhau] thì có thể hiểu ra được lẽ này.

KHUYÊN NGƯỜI LÀM THẦY GIÁO¹

Những việc làm bại danh hoại tiết, dù là người nơi thị phi phố chợ cũng không nên làm, huống chi đối với kẻ đã được người đời tôn xưng một tiếng “tiên sinh”, ngày ngày lại đem lễ nghĩa răn dạy học trò? Thà mắc lỗi khờ khạo, không mắc lỗi quá khôn lanh. Thà để người xem mình là thư sinh ngờ nghệch chân chất, đừng để người khen là bậc phong lưu tài tử. Như thế có thể xem là tạm được.

Người nho sinh ở Chiết Giang²

Vào khoảng cuối triều Minh, ở Chiết Giang có một nho sinh được mời làm gia sư ở nhà một viên võ quan chỉ huy. Một hôm bị cảm lạnh, sai đưa học trò vào nhà trong lấy tấm chăn. Đưa học trò sơ ý khi ôm chăn ra vướng theo chiếc hài của người mẹ, làm rơi bên dưới giường nằm của thầy. Cả hai thầy trò đều không hay biết.

Viên chỉ huy về nhà tình cờ nhìn thấy chiếc hài của vợ ở chỗ

¹ Phần này có hai chuyện, nêu ra một gương tốt và một gương xấu.

² Trích từ sách Giới dâm vụng thuyết. (Chú giải của soạn giả)

dưới giường nằm thầy giáo, nghi ngờ vợ mình tư thông cùng thầy liền tra hỏi. Người vợ cương quyết phủ nhận. Ông liền lập kế sai đưa tỳ nữ giả nói là do phu nhân sai đến, mời thầy gặp mặt. Xong, ông cầm đao đứng rình ngoài cửa, định bụng rằng nếu thấy thầy giáo nhận lời đi gặp vợ mình thì lập tức chém chết ngay cả thầy với vợ mình.

Thầy giáo nghe tiếng gõ cửa, từ trong hỏi vọng ra chuyện gì. Đưa tỳ nữ lớn tiếng nói: “Phu nhân con muốn mời thầy gặp mặt.” Thầy giáo nghe vậy nổi giận, quát đuổi con nô tỳ về. Viên chỉ huy lại buộc vợ mình phải đích thân đến gọi cửa mời thầy. Thầy giáo nghe rồi từ trong nhà nói vọng ra: “Tôi dẫu hèn kém cũng được mời về đây làm một thầy giáo, đâu dám làm những chuyện không minh bạch? Xin phu nhân hãy về ngay cho.” Viên chỉ huy thấy rõ mọi việc, cơn giận dần tan biến.

Hôm sau, thầy lập tức xin từ biệt ra đi. Viên chỉ huy biết mình sai, liền tạ lỗi với thầy và kể hết nguyên nhân khiến ông nghi ngờ.

Thầy giáo ấy về sau đỗ tiến sĩ, địa vị cao tột vinh hiển vô cùng.

LỜI BÀN

*Bóng hồng bên cửa,
Đao sắc sẵn chờ,
Một chút buông thả,
Bao người chết oan.*

Trương Đức Tiên¹

Ở Côn Sơn có người tên Trương Đức Tiên, khi làm thầy dạy học trong làng lại dan díu với đứa con gái nhà hàng xóm, bị người

¹ Chuyện này lúc tôi còn nhỏ có biết tin ông này chết. (Chú giải của soạn giả) Vào lúc ông này chết, tiên sinh An Sỹ được 6 tuổi.

chồng phát hiện, cuối cùng phải bỏ quê mà đi.

Đến năm Nhâm Dần thuộc niên hiệu Khang Hy,¹ Trương Đức Tiên lại về qua làng ấy, muốn nối lại tình xưa, nhân lúc đêm tối tìm đến gõ cửa. Không ngờ người chồng một lần nữa lại phát hiện, bắt giữ mà đánh, hàng xóm cùng kéo đến hòa vào đánh, Trương Đức Tiên chết ngay tại chỗ, bị đám người ấy cùng nhau mang xác đi vất bỏ, sau chẳng ai biết được việc ấy cả.

LỜI BÀN

Đức Phật có dạy: “Chánh pháp của chư Phật, hàng quốc vương, đại thần đều không có khả năng phá hoại, chỉ có chính tăng chúng trong Phật giáo mới có thể làm hư hoại, cũng giống như con trùng sinh ra trong thân sư tử, quay lại ăn thịt con sư tử ấy.” Đối với nhà Nho, cũng có thể nói giống như vậy, [chính những người học Nho mới có thể phá hoại đạo Nho.]

KHUYÊN HÀNG THANH THIẾU NIÊN²

Đang khi tuổi trẻ, có ai không muốn được giàu sang phú quý, nhưng kẻ tham dâm lại thường nghèo cùng trắng tay. Đang khi tuổi trẻ, có ai không muốn đỗ đạt, công danh rộng mở, nhưng kẻ tham dâm lại thường đi vào bế tắc trắc trở. Đang khi tuổi trẻ, có ai không muốn ngày sau được sống thọ dài lâu, nhưng kẻ tham dâm lại thường chết yểu. Đang khi tuổi trẻ, có ai không muốn sinh con yêu quý, nhưng kẻ tham dâm lại thường không con nối dõi. Một ngày hưởng thói phong lưu ong bướm mà phải khốn khổ suốt đời. Người có chí khí không thể đem tấm thân hiếu dưỡng cha mẹ, bảo bọc vợ con mà mê đắm vào chuyện ong lơ bướm lả trong nhất

¹ Tức là năm 1662.

² Phần này có bốn chuyện, nêu ra hai gương tốt, một gương xấu và một gương chung (có tốt có xấu).

thời. Các bạn trẻ phải biết sợ sệt, hết sức thận trọng đối với việc này.

*Đường Cao*¹

Đường Cao người huyện Hấp,² thuở còn thiếu thời, đang lúc bên đèn đọc sách đêm khuya, có người thiếu nữ đến trêu ghẹo, nhiều lần [áp mặt vào cửa sổ], liếm rách giấy dán.³ Anh ta lấy giấy khác dán bồi chỗ ấy, nhân đó đề lên hai câu thơ:

*Giấy song liếm rách dễ bồi,
Hai người thất đức vãn hồi khó thay.*

Đêm nọ, có một vị tăng đi ngang qua cửa nhà Đường Cao, nhìn thấy trên cổng nhà có tấm biển lớn đề hai chữ “Trạng nguyên”, hai bên có treo hai ngọn đèn, lại thấy hai bên cổng đề hai câu thơ của Đường Cao như trên. Vị tăng thấy lạ bước vào trước sân dò hỏi, [bỗng thấy biển, đèn đều biến mất,] mới hay những thứ ấy là [điềm báo] của thần [chứ không phải thật]. Về sau, quả nhiên Đường Cao chiếm bảng khôi nguyên, đỗ đầu trong thiên hạ.

LỜI BÀN

*Bên song cửa đề thơ,
Ngoài cổng đèn tự sáng.
Đạo trời cảm ứng ngay,
Như đánh trống vang tiếng.*

¹ Trích từ sách Đường thị phổ. (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh An Huy.

³ Thời xưa không có cửa kính, người ta thường dùng giấy dán lên các cửa sổ để che chắn gió.

*Mao Lộc Môn*¹

Mao Lộc Môn quê ở Quy An,² khoảng hai mươi tuổi lên đường cầu học phương xa, theo làm học trò tiên sinh Tiền Ứng Dương. Có một cô tỳ nữ lên để ý Lộc Môn, giả vờ đến phòng đọc sách của ông bắt con mèo, trong ý là muốn cùng ông đàn dít. Lộc Môn nghiêm sắc mặt nói: “Tôi từ phương xa đến đây cầu thầy, nếu phạm vào việc không đúng lễ nghĩa, sao có thể quay về gặp mặt cha mẹ? Lại còn mặt mũi nào mà nhìn chủ nhân của cô?” Tỳ nữ ấy xấu hổ rút lui.

Về sau, Lộc Môn đỗ tiến sĩ, văn chương nổi tiếng khắp thiên hạ.

LỜI BÀN

Luôn nhớ đến cha mẹ, đó là nhân. Kính trọng thầy, đó là nghĩa. Giữ tiết tháo trong sạch, đó là lễ. Không bị sắc dục mê hoặc, đó là trí. Chỉ một việc không phạm vào tà dâm mà có đủ cả bốn đức lành: nhân, nghĩa, lễ, trí.

*Lục Trọng Tích*³

Trong khoảng niên hiệu Gia Tĩnh,⁴ Lục Quý Trai có người con trai là Lục Trọng Tích tài hoa khác thường. Trọng Tích học với một vị thầy họ Khâu, theo thầy đến kinh thành ngụ lại.

Nhà đối diện chỗ họ ở ngụ có một cô con gái rất xinh đẹp, Trọng Tích thường nhìn trộm. Ông thầy họ Khâu biết chuyện, đã không răn cấm, lại dạy rằng: “Thành hoàng chốn kinh đô rất linh thiêng, sao con không đến cầu thần [cho được như ý nguyện]?”

¹ Trích từ sách Mao công văn tập hậu tự. (Chú giải của soạn giả)

² Mao Lộc Môn: tức Mao Khôn, hiệu Lộc Môn, một nhà văn lớn vào triều Minh.

³ Trích từ sách Quảng Nhân Phẩm. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Niên hiệu Gia Tĩnh thuộc triều Minh, kéo dài từ năm 1522 đến năm 1566.

Trọng Tích nghe lời thầy, đến miếu Thành hoàng cúng tế cầu đảo. Đêm hôm đó, Trọng Tích đang ngủ bỗng khóc lớn vùng dậy. Mọi người kinh hãi hỏi nguyên nhân, Trọng Tích nói: “Thành hoàng kinh đô đang truy bắt hai thầy trò tôi.” Mọi người lại theo gạn hỏi, Trọng Tích khóc lóc kể lại: “Thành hoàng tra xét lại phúc lộc tước vị của hai thầy trò tôi, thấy tên tôi có ghi sẽ đậu trạng nguyên năm Giáp Tuất, còn thầy tôi thì không có phúc lộc gì. Thành hoàng đã trình tấu lên Thượng đế tước bỏ lộc của tôi, còn thầy tôi ắt sẽ tắc ruột mà chết, để cho mọi người đều thấy rõ sự trừng phạt mà tự răn mình.” Nói rồi lại than khóc bi thương, không sao ngừng được.

Ngay khi ấy, đứa nhỏ giúp việc trong quán trọ đến gõ cửa, báo tin thầy Khâu đã chết vì chứng bệnh tắc ruột.

Về sau, Lục Trọng Tích quả nhiên nghèo cùng khốn khó cho đến hết đời.

LỜI BÀN

Chọn thầy để mời dạy học cho con phải hết sức thận trọng. Tấm gương của thầy trò họ Khâu, họ Lục cũng chẳng xa xôi gì, có thể soi vào đó để thấy rõ mà tránh.

Hai nho sinh ở Bồ Điền¹

Huyện Bồ Điền² có hai anh em con nhà cô cậu, cùng theo học một nơi, cùng chơi với nhau hết sức thân thiết. Một người tướng mạo xấu xí nhưng rất giàu có, một người khôi ngô tuấn tú nhưng lại hết sức nghèo khó.

Anh chàng xấu trai [chết vợ], muốn cưới vợ sau là con gái một nhà giàu. Nhà này đòi xem mặt con rể trước rồi mới chịu gả. Anh ta liền khẩn khoản nhờ chàng đẹp trai đi thay mình. Nhà kia xem mặt rồi liền hứa gả. Đến ngày cưới, lại đòi hỏi

¹ Trích từ sách Dục hải thân chung. (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Phúc Kiến.

chàng rể phải đích thân đi rước dâu. Chàng xấu trai lại một lần nữa khẩn khoản nhờ bạn mình đi thay. Anh ta vừa đến nhà gái thì trời đổ mưa to, hai nhà lại cách nhau một rặng núi nên đường khó đi, [phải dừng việc rước dâu, mời] chàng rể ở lại qua đêm nơi nhà gái. Anh đẹp trai mấy lần từ chối, nhưng lại không dám nói ra sự thật vì sợ xấu hổ. Nhà giàu kia sợ lỡ mất ngày tốt giờ tốt, nên thúc giục làm lễ thành thân tại nhà gái. Anh đẹp trai hết sức thối thác, nhưng họ không chịu, cứ tiến hành.

Lễ cưới xong, đến tối đi ngủ, anh ta không dám cởi áo, để nguyên như vậy mà ngủ. Hôm sau trời lại mưa càng lớn hơn, đành phải ở lại thêm một ngày nữa, đêm ngủ anh ta cũng không dám đến gần cô dâu. Ngày thứ ba mới rước dâu về đến nhà. Anh xấu trai [trong lòng sinh ngờ vực,] tức giận đưa đơn kiện lên quan huyện.

Quan huyện bấy giờ là Lô Ứng Long, đích thân tra xét sự việc. Anh chàng đẹp trai liền đem hết sự tình thành thật kể ra. Quan huyện thẩm xét thấy lời khai của anh hoàn toàn đúng thật, liền nói với chàng xấu trai: “Cô gái này đã cùng người khác ngủ chung qua đêm, theo lẽ nghĩa không thể về làm vợ của anh được, nhưng anh cũng đừng lo không cưới được vợ khác.”

Lại nói với chàng đẹp trai: “Anh có thể giữ lòng trong sạch nơi chỗ khuất tất không ai biết, vẫn không làm chuyện sai trái mờ ám, nay trời tác hợp cô gái này cho anh. Toàn bộ số tiền sính lễ, ta sẽ thay anh trả lại cho anh kia.”

Quan huyện phán xét như vậy rồi, mang ra ba mươi lượng bạc trả cho anh xấu trai [để đền tiền sính lễ], đồng thời tác hợp cho anh đẹp trai với cô gái con nhà giàu kia thành chồng vợ.

LỜI BÀN

Kẻ muốn dối lừa bên vợ, cuối cùng chuyện thật hóa giả. Kẻ không lừa dối bạn bè, cuối cùng chuyện giả hóa thật!

KHUYÊN CÁC GIA ĐÌNH BẤT HÒA¹

Vợ chồng có chuyện bất hòa, nếu không phải do người chồng, ắt cũng có lỗi nơi người vợ, nhưng đa phần thì chuyện đúng sai phải trái vẫn thường có ở cả đôi bên. Nếu không có sự tận tâm nỗ lực xây dựng của cả hai người, ắt sẽ dẫn đến cảnh đôi bên cùng ôm lòng oán hận lẫn nhau.

Tuy nhiên, ngày nay cai trị thiên hạ vẫn là nam giới, chẳng phải nữ giới,² nên trong gia đình mà có chuyện bất hòa, tất nhiên phải quy lỗi về phía người đàn ông. Tục ngữ có câu:

Chớ sinh làm kiếp đàn bà,

Buồn vui sướng khổ chẳng qua tùy chồng.

Người phụ nữ theo chồng xa cha cách mẹ, đem thân sống chết giao phó nơi chồng, từ hành vi cử chỉ cho đến nói năng cười cợt chỉ biết có chồng là người duy nhất chia sẻ. Lúc đói chẳng dám một mình ngồi ăn, lúc rét lạnh chẳng dám một mình khoác áo ấm, có chân mà chẳng dám tự tiện ra khỏi nhà, có miệng nhiều khi chẳng dám kêu oan. Người ấy quên thân mình mà chăm sóc cho ta, bỏ cha mẹ mình mà phụng dưỡng cha mẹ ta. Nếu gặp phải người chồng làm ăn trôi giạt xứ người, hoặc du học phương xa, phải đêm đêm phòng không chiếc bóng, ôm sầu cô độc, một hình một bóng tự cảm thương mình, thật là một tình cảnh không dễ chịu đựng!

Người chồng nếu đem tình ái trêu hoa gheo liễu, sẽ tạo nghiệp xấu ác vô cùng. Ở nơi hẹn hò khuất tất³ một mình tìm hưởng thú vui, một khi trời cao trách phạt ắt cả nhà phải chịu tai họa, lúc ấy cho dù lòng dạ sắt đá cũng không khỏi phải nhỏ

¹ Phần này cũng phụ khuyên nữ giới, cả thầy có sáu chuyện, nêu ra hai gương tốt, bốn gương xấu. (Chú giải của soạn giả)

² Đây nói vào thời tiền sinh An Sỹ, tức là thời phong kiến, phụ nữ nói chung không được nắm quyền cai trị đất nước.

³ Nguyên tác dùng “桑濮之地 - tang bực chi địa”, đó là cách nói khác của thành ngữ “桑間濮上 - tang gian bực thượng” (trong ruộng dâu hoặc ven bờ sông), chỉ nơi trai gái hẹn hò âm muội.

lệ sâu đau.

Hoặc đến lúc được hưởng vinh hoa phú quý, liền đua theo cảnh vợ hai vợ ba mà bạc bẽo với người đã cùng mình gấn bó thuở hàn vi. Những lúc khó khăn lo toan trăm việc thì chỉ một vợ một chồng, đến khi vui hưởng sang giàu thì phụ bạc người xưa, thật không thể chấp nhận được.

Xin rộng khuyên hết thầy người đời, thà cam chịu cảnh hàn vi đạm bạc, quyết không buông thả theo thói đa tình. Dù có gặp giai nhân tuyệt thế, trước tiên xin hãy nhớ đến tình nghĩa kết tóc se tơ. Đừng để đời sau phải [chịu quả báo] sinh làm kiếp đàn bà, phòng không chiếc bóng, ôm hận nuốt lệ.

Ổ Ưc Xuyên¹

Ổ Ưc Xuyên là người ở Tứ Minh, tên húy là Mạnh Chấn. Năm ông hai mươi chín tuổi, vợ là Hà thị qua đời, Xuyên thề không cưới vợ khác, suốt đời cũng không bàn đến chuyện ái tình nam nữ nữa. Có người đàn bà đã tái giá, mang nhiều tiền của đến muốn dan díu cùng ông. Ông đổi sắc mặt giận dữ nói: “Tự cô đã phải xấu hổ làm người vợ không giữ tiết hạnh, sao lại còn đến đây muốn làm ô nhục tôi?”

Ban đêm có người phụ nữ tìm đến muốn làm việc dâm ô với ông, ông nghiêm khắc quát đuổi ra, rồi cũng không nói lại việc ấy cho ai biết cả. Đêm đêm ông ngủ cùng hai đứa con, giữ mình nghiêm cẩn không khác gì phụ nữ tiết hạnh.

Quan phủ bấy giờ biết chuyện, ban thưởng lúa thóc và vải lụa cho ông, lại cấp một tấm biển lớn đặt ở cổng nhà ông, đề hai chữ “Nghĩa phu” (người chồng có nghĩa). Con trai ông là Ổ Nguyên Hội, về sau làm quan đến chức Thái thú Tân An.

¹ Trích từ sách Tiết nghĩa truyện. (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

[Sách Lễ ký, thiên] Hôn nghĩa nói rằng: “Khi cử hành hôn lễ, chàng rể phải đích thân đến nhà gái đón rước cô dâu, lễ bái cha mẹ bên vợ, dâng lên một con nhận lớn để làm tín vật, mang ý nghĩa xin thề chung sống cùng nhau, suốt đời giữ nghĩa vợ chồng không thay lòng đổi dạ.” Cho nên, đâu phải chỉ riêng phụ nữ mới có đạo lý thủ tiết thờ chồng mà đàn ông cũng phải như thế.

Nhưng người đàn ông phải xem trọng việc nối dõi tông đường, nên một khi gặp cảnh gậy gánh giữa đường, việc nhà không người coi sóc ắt không giữ trọn được đạo nhà. Vì thế nên sau khi đã hết thời gian để tang, bất đắc dĩ mới mở ra con đường cho phép họ tái hôn. Đó không phải là do người đời xem trọng nam nhân mà dễ dãi riêng cho họ. Than ôi, người đàn ông nếu rơi vào cảnh không con nối dõi, hoặc việc nhà rối rắm không thể tự lo toan, thì quả thật là đường cùng không thể làm khác. Bằng không thì nên biết rằng, tình nghĩa vợ chồng vốn là khởi nguyên của đạo làm người, sao có thể để cho khí tiết chính nghĩa trong trời đất này chỉ riêng có phụ nữ chủ trương làm theo, còn các đấng mày râu đều lạng hơi trốn tránh? Tiên sinh họ Ổ thật có phẩm hạnh cao vời thay! Tôi xin cúi đầu bái phục.

*Quan ngự sử họ Giả*¹

Triều Minh có một vị quan ngự sử họ Giả, lúc nhỏ gia đình đã cho đính hôn với một cô gái con nhà thanh cao, họ Ngụy.² Nhiều năm sau, cô gái bị mù, gia đình họ Ngụy định mang lễ vật đến trả lại, [ý muốn hủy cuộc hôn nhân vì không muốn làm khó cho họ Giả]. Ngự sử họ Giả biết chuyện liền gấp rút mang lễ đến xin cưới ngay.

¹ Trích từ sách Ý hành lục. (Chú giải của soạn giả)

² Nguyên tác dùng “魏处士 - Ngụy xử sĩ”. Chữ xử sĩ hàm chứa hai nghĩa, hoặc là người có tài nhưng ở ẩn không muốn ra làm quan, hoặc là người chưa ra làm quan. Trong cả hai trường hợp đều có ý chỉ người tốt, thanh cao.

Sau khi cưới về, phu nhân ngụ sử ngày nào cũng thỉnh cầu ông cưới thêm thê thiếp, nhưng ông nhất định không chịu. Bấy giờ, Giả ngụ sử có một người anh làm ở bộ Hộ, vừa cưới một người thiếp tại kinh thành. Giả phu nhân nghe thế lại càng hối thúc Giả ngụ sử cưới thêm vợ khác [nhưng ông nhất định không nghe].

Ngụ sử sinh được một con trai tên Giả Hành, hai mươi tuổi đã đỗ tiến sĩ, sau thăng đến chức chủ sự Hình bộ.

LỜI BÀN

Xưa nay những người cưới vợ mù thì đời Đường chỉ có Tôn Thái, đời Tống có mấy người là Chu Thế Nam, Lưu Đình Thúc, Chu Cung Thúc, Trương Hán Anh (xem rõ trong Đường sử và Tống sử), ngoài ra không nhiều. Cách hành xử của Giả ngụ sử, dù là người xưa cũng khó theo kịp, còn Giả phu nhân cũng hiền thực xứng đáng với chồng, thật đáng khâm phục.

Sử Đường¹

Sử Đường vào thuở hàn vi đã có vợ. Đến khi đỗ tiến sĩ, tự giận mình không cưới được con nhà giàu có, dần dần ngày càng xa cách khó chịu với vợ, cho đến không ngủ cùng phòng nữa. Người vợ uất ức sinh bệnh, nằm liệt giường nhiều năm, Sử Đường cũng không một lần ngó đến. Đến lúc sắp chết, Sử Đường đang ở bên kia vách tường, bà lớn tiếng nói vọng sang: “Tôi sắp chết rồi, ông nở lòng chẳng nhìn tôi một lần cuối hay sao?” Sử Đường vẫn thản nhiên không quan tâm đến.

Người vợ chết, Sử Đường trong lòng bất an, liền tin theo tà thuyết, dùng bát sành úp lên che mặt xác chết, lại dùng gông cùm đeo buộc vào.

Đêm đó, người vợ hiện về báo mộng cho cha của Sử Đường,

¹ Trích từ sách Cầm ứng thiên đó thuyết. (Chú giải của soạn giả)

nói rằng: “Con vô phước gửi thân nhằm kẻ chẳng có tính người, lúc sống đã bị ngược đãi, chết đi lại bị tà thuật trấn áp. Tuy nhiên, ông ta cũng vì đối đãi như thế với con mà thọ mạng với phước lộc đều bị tước sạch hết rồi.”

Qua năm sau, quả nhiên Sử Đường đột ngột qua đời.

LỜI BÀN

Trong khoảng niên hiệu Thiên Thuận,¹ quan Đô chỉ huy sứ là Mã Lương được hoàng đế hết sức tin yêu. Vợ ông ta qua đời, hoàng đế vẫn thường có lời an ủi. Trải qua mấy hôm, bỗng nhiều ngày liền không thấy Mã Lương ra khỏi nhà, vua lấy làm lạ liền gạn hỏi, người hầu thưa rằng Lương vừa cưới vợ khác. Vua nổi giận nói: “Tên này đối với đạo vợ chồng mà còn bạc bẽo như vậy, làm sao có thể thờ vua?” Liền sai người dùng trượng phạt đánh, rồi từ đó xa lánh không tin dùng nữa.

Như câu chuyện của vợ chồng Sử Đường, biết đâu lại chẳng phải oan gia từ đời trước tìm nhau? Đại sư Liên Trì có nói: “Muốn phá trừ oan gia, mỗi người nên tự tìm đường mà đi.” Nhân đây chợt hiểu ra ý nghĩa lời dạy của ngài.

*Bùi Chương*²

Bùi Chương quê ở Hà Đông, khi cha ông trấn nhậm Kinh Châu, có vị thần tăng hiệu Đàm Chiếu nói rằng Bùi Chương sau này chức vị cao hơn cả cha.

Năm hai mươi tuổi, Bùi Chương cưới vợ họ Lý. Đến khi nhận chức ở Thái Nguyên, liền bỏ vợ ở lại Lạc Dương một mình, riêng đưa người phụ nữ khác đi cùng. Lý thị tự thấy mình phận bạc, từ đó ăn chay trường, mặc áo vải thô, ngày ngày tụng đọc kinh Phật.

¹ Niên hiệu Thiên Thuận là từ năm 1457 đến năm 1464.

² Trích từ sách Khoa danh khuyến giới lục. (Chú giải của soạn giả)

Trải qua mười năm, Bùi Chương bỗng tình cờ gặp lại thầy Đàm Chiếu. Thầy kinh ngạc nói: “Ta trước đây từng nói sau này ông sẽ được phú quý vinh hiển, nay lại thấy phước lộc chẳng còn gì cả. Nguyên nhân là do đâu?”

Bùi Chương không thể giấu được, kể lại sự việc [bỏ vợ]. Thầy nói: “Việc [ông bạc bẽo với] phu nhân đã cảm đến trời cao, e rằng ông sắp gặp đại nạn.”

Khoảng mười ngày sau, Bùi Chương quả nhiên bị một tên thuộc hạ giết chết lúc đang ở trong bồn tắm.

LỜI BÀN

Như Lý thị có thể nói là đã biết làm theo câu: “Muốn phá trừ oan gia, mỗi người nên tự tìm đường mà đi.”

Công tử họ Trần¹

Công tử họ Trần là người ở Gia Định, cưới vợ là con gái Từ tiên sinh. Trần công tử đem lòng yêu chuộng một tỳ nữ tên Nguyệt Lan, khiến cho vợ chồng bất hòa.

Một hôm có bà thầy bói đến nhà, biết chuyện liền đòi giá thật cao rồi đưa cho cô vợ họ Từ một hình nhân nhỏ bằng gỗ, trên thân có ghim bảy cây kim, dặn cô bí mật bỏ vào trong gối ngủ của người chồng rồi khâu lại, đoán chắc rằng chỉ qua ba đêm Trần công tử sẽ không còn yêu chuộng tỳ nữ kia nữa.

Cô vợ họ Từ làm theo, đến nửa đêm người chồng bỗng nhiên kêu thét điên cuồng rồi mưa ra máu. Người vợ sợ quá, hết sức hối hận, liền lấy hình nhân gỗ ra bằm nát vứt đi. Không bao lâu, người vợ cũng bỗng dưng kêu thét điên cuồng, miệng nói lảm nhảm những lời vô nghĩa, được mười ngày thì chết. Gia đình từ đó tan nát.

¹ Một người bạn của ông họ Trần đã kể lại câu chuyện này với cha tôi. (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Người chồng như vậy tất nhiên là không tốt, nhưng người vợ cũng là tự chuốc lấy tai họa. Nghiệp báo của Trần công tử với người tỳ nữ kia cũng khó lòng trốn tránh.

Vợ người bà-la-môn¹

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một người bà-la-môn cưới vợ không sinh con. Ông có người thiếp sinh được một đứa con trai nên hết sức thương yêu. Người vợ thấy vậy ganh ghét, liền giả vờ như yêu thương đứa bé, rồi lúc đến gần lén dùng một cây kim nhỏ kín đáo đâm sâu vào thóp mềm trên đỉnh đầu đứa bé. Cây kim được đâm sâu lút vào trong sọ, cả nhà không ai hay biết. Đứa bé đau khóc mãi rồi chết.

Người thiếp mất con đau đớn khôn nguôi, lâu dần về sau mới biết ra sự việc. Bà liền tìm đến một vị tăng thưa hỏi: “Trong lòng con có ý nguyện, muốn thành tựu thì nên tu công đức gì?” Vị tăng đáp: “Nếu thọ trì giới Bát quan trai thì chỗ mong cầu đều được như ý.”

Người thiếp ấy liền thọ giới Bát quan trai, bảy ngày sau qua đời, lập tức sinh làm con gái vợ người bà-la-môn. Đứa bé dung mạo hết sức xinh đẹp, nhưng chỉ sống được một năm thì mất. Vợ người bà-la-môn đau đớn vô cùng, khóc lóc còn thê thảm hơn cả trước đây người thiếp kia khóc con. Rồi bà lại sinh được một đứa con gái khác, còn xinh đẹp hơn cả đứa con đã chết, nhưng rồi cũng chẳng bao lâu thì chết. Cứ như vậy lặp lại đến bảy lần.

Đến đứa con gái cuối cùng thì sống được đến mười bốn tuổi, vừa sắp gả chồng thì chết. Vợ người bà-la-môn đau đớn than khóc bi ai, bỏ ăn bỏ uống, quàn xác con lại mà không nỡ đập nắp áo quan. Mỗi ngày bà đều nhìn ngắm thi thể đứa con, cảm

¹ Xem chi tiết tường tận trong kinh Tạp thí dụ (雜譬喻經). (Chú giải của soạn giả)

thấy như vẫn tươi nhuận xinh đẹp, cho đến hơn hai mươi ngày như vậy.

Khi ấy, có vị A-la-hán hóa làm một sa-môn, đến cửa nhà người bà-la-môn xin vào gặp, dùng lời thẳng thắn chỉ dạy. Vợ người bà-la-môn khi ấy mới bừng ngộ ra, quay nhìn lại thì thể đứa con thì thấy quá mức hôi thối, không thể đến gần. Bà liền thỉnh cầu vị sa-môn truyền giới.

Hôm sau, bà vừa định đến chùa, bỗng thấy có một con rắn độc chặn ngang giữa đường đi. Vị sa-môn biết con rắn đó chính là người thiếp ngày xưa tái sinh, liền thay nó sám hối, hóa giải mối oán thù giữa hai bên. Con rắn nhờ đó liền qua đời, được tái sinh làm người.

LỜI BÀN

Làm chồng bạc bẽo, trước đây đã có nói rõ. Làm vợ ghen tức hung bạo, sự ác độc ấy liệu có thể chấp nhận được chăng? Kinh Chánh pháp niệm xứ nói rằng: “Tính tình phụ nữ thường nhiều sự ghen tức. Do sự ghen tức mà sau khi chết có nhiều người phải sinh làm ngạ quỷ.” Vì thế nên ở đây lược nêu một chuyện trong kinh điển để cảnh tỉnh rắn ngứa.

KHUYÊN NGƯỜI CẦU CON NỐI DỐI¹

Về đường con cái, có người chỉ biết là do mình tạo ra mà không biết rằng sự quyết định còn do mệnh trời; lại có người chỉ biết rằng sự quyết định do mệnh trời mà không biết rằng cũng do chính mình tạo ra.

Thế nào là sự quyết định do nơi mệnh trời? Ở đời có những

¹ Phần này có năm điều, đều nêu ra những gương tốt. (Chú giải của soạn giả)

người thê thiếp đầy nhà mà không con, lại có những người chỉ duy nhất một vợ nhưng con cái đông đúc, rất thường thấy như vậy. Lại [trong số những người không con], có người tìm cầu đủ mọi phương thuốc nhưng đều vô hiệu, lại có người chưa dùng hết một thang thuốc đã sớm có con; có người thử qua trăm phương ngàn cách cũng không tác dụng gì, nhưng có người chỉ tạm chung chăn gối lại sinh con. Những trường hợp như thế đều do trời quyết định, chẳng phải do ý người.

Thế nào là do chính mình tạo ra? Nói chung, nếu phải chịu cảnh không con nối dõi, đó thường không phải do nghiệp vừa tạo ra trong đời này, mà là nghiệp quả chiêu cảm từ đời trước. Trời cao sáng suốt, có lẽ nào chỉ riêng ghét bỏ một mình ta? Ấy chỉ là chuyện làm ác ắt phải gặp ác, làm lành tất nhiên được hưởng quả lành đó thôi. Ví như đeo chuông vào cổ cọp, ai buộc vào được ắt phải chính người ấy mới có khả năng gỡ ra được. Lại cũng như trong đầm lạnh chứa nước, nước ấy có thể đông lại thành băng, băng ấy có thể tan ra thành nước. Đó gọi là [thiện ác tốt xấu đều] do chính mình tạo ra, không phải do trời.

Người khéo biết cách cầu con, thường là trong chỗ không cầu mà được, trong chỗ thường làm phương tiện giúp người mà được, trong chỗ tu tập lòng từ bi, bình đẳng đối với tất cả chúng sinh mà được. Hiện nay đã thấy người xưa đạt được những kết quả như thế, sao không noi theo đó mà làm?

*Cận Du*¹

Vùng Trấn Giang có người tên Cận Du, đã năm mươi tuổi mà chưa có con. Ông đi dạy học ở Kim Đan, người vợ ở nhà liền bỏ tiền mua một cô gái ở gần nhà về làm thiếp cho ông. Khi ông về nhà, bà sắp đặt tiệc rượu trong phòng, đưa cô gái vào hầu rượu rồi mới nói cho ông biết. Ông vừa nghe thì đỏ mặt, bà nghĩ là vì có mặt mình ở đó, nên liền ra khỏi phòng rồi đóng cửa, cài then lại. Ông

¹ Trích từ sách Ý hành lục. (Chú giải của soạn giả)

liền theo cửa sổ leo ra ngoài, nói với bà: “Tâm ý bà rất tốt, nhưng cô gái này thuở còn bé tôi từng bông bế, vẫn mong sau này cô ấy có được tấm chồng nương thân. Nay tôi đã già lại nhiều bệnh, không thể bắt cô ấy phải chịu đựng tôi.” Liền đưa cô gái trả về gia đình.

Năm sau, bà liền sinh được con trai, [sau này] là Văn Hy Công, mới mười bảy tuổi đã đỗ Giải nguyên,¹ cuối cùng làm đến chức quan Tể tướng.

LỜI BÀN

Vì không con nên xếp đặt chuyện cưới thiếp. Nhờ trả thiếp về nhà hóa ra lại sinh được con. Ví như không trả cô gái ấy về nhà, chưa hẳn đã sinh được con. Người đời nay, không có con liền nghĩ ngay đến việc cưới thiếp, không biết rằng lửa dục càng mạnh thì phước đức càng mỏng đi, chẳng khác nào khát nước lại uống nước muối, càng uống càng thêm khát. Chỉ tiếc thay cho người đời không hiểu ra được điều ấy.

Mã Phong ông²

Mã Phong ông³ trước đây đến tuổi trung niên vẫn chưa có con, cưới được một người thiếp hết sức xinh đẹp. Mỗi khi chải tóc, nhìn thấy ông liền tránh mặt đi. Ông gạn hỏi, cô nói: “Cha tôi chết trong lúc đang làm quan, hài cốt vẫn chưa đưa về quê được, chính vì thế gia đình mới phải bán tôi làm thiếp cho ngài [để có tiền đưa hài cốt cha về quê]. Tôi vẫn chưa hết thời gian khóc tang cha, dùng lụa trắng búi tóc. Vì thế mỗi khi [chải tóc] thấy ngài thì tránh đi, [không muốn cho ngài biết].”

Ông nghe chuyện như thế hết sức cảm động, liền ngay trong

¹ Giải nguyên: Vào các triều Minh, Thanh, triều đình ba năm tổ chức thi Hương một lần ở các tỉnh, người thi đỗ được nhận danh hiệu cử nhân, có thể tiếp tục tham gia thi Hội. Người dự thi Hương đỗ đầu trong một tỉnh được gọi là Giải nguyên.

² Trích từ sách Dịch cát lục. (Chú giải của soạn giả)

³ Phong ông (封翁): tước hiệu do triều đình ban tặng cho những người có con được phong chức tước cao. Ông này sau có người con đỗ Trạng nguyên nên được ban tặng tước hiệu Phong ông.

ngày ấy đưa cô gái trở về với người mẹ, chẳng những không đòi lại số tiền trước đây mà còn giúp thêm lộ phí cho họ đi đường. Hai mẹ con cùng khóc mà từ biệt ông.

Đêm ấy, Mã Phong ông nằm mộng thấy một vị thần đến bảo ông rằng: “Trời ban cho ông một đứa con trai, phúc lành từ nay thường đến, như dòng nước chảy mãi không dứt.”

Qua năm sau, quả nhiên ông sinh được một đứa con trai, [nhớ lại điềm mộng cũ,] liền đặt tên con là Mã Quyên, [vì chữ quyên (涓) có nghĩa là dòng nước]. Về sau, Mã Quyên thi đỗ Trạng nguyên.

LỜI BÀN

Ở Nhạc Châu, người cha của Phùng Trạng nguyên trước đây cũng vì không con nên bỏ tiền cưới thiếp, gặp người thiếp là con nhà đang lúc hoạn nạn khốn cùng, liền trả cho về nhà. Không bao lâu vợ ông liền có thai. Người trong làng khi ấy có nhiều người đều nằm mộng nghe thấy tiếng trống nhạc đưa đón Trạng nguyên.

So với câu chuyện của Mã Phong ông cũng tương đồng.

Cao Phong ông¹

Có người họ Cao ở Dương Châu, trước đây vốn không có con. Một lần đến kinh thành ngụ lại buôn bán, ông [ở trong phòng trọ] nghe thoảng mùi hương thơm cánh kiến trắng.² Một hôm bỗng thấy chỗ gần vách tường mọc nhú ra một mầm cây ấy, ông bước lại kể bên quan sát, chợt thoảng thấy bên kia vách tường có người con gái đang ngồi một mình. Nhân đó liền hỏi thăm chủ nhà, hóa ra đó là con gái ông chủ. Ông liền hỏi: “Sao chưa gả chồng cho cô ấy?” Chủ nhà đáp: “Kén rể còn khó quá!”

¹ Trích từ sách Câm ứng thiên dưc chú. (Chú giải của soạn giả)

² Cánh kiến trắng (an tức hương): một loại cây gỗ có mùi thơm, dùng chế hương liệu.

Mấy hôm sau, ông Cao dò tìm ở vùng quanh đó được một người thích hợp, giới thiệu với người chủ nhà trọ. Ông ta đồng ý nhưng chê nhà ấy quá nghèo, e không tiền cưới vợ. Ông Cao liền nói: “Tôi có thể giúp tiền cho họ.” Nói rồi ngay trong ngày ấy nhận làm mai mối cho nhà trai, lại đưa tặng mấy chục lượng bạc [để lo việc cưới xin].

Lúc ông Cao quay về nhà, liền nằm mộng thấy một vị thần đến nói: “Nhà ngươi lẽ ra không có con, nhưng nay ban cho ngươi một đứa, có thể đặt tên là Thuyên.”

Qua một năm, quả nhiên sinh được người con, về sau đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Thượng thư.

LỜI BÀN

[Nhìn thấy nữ sắc] không khởi lòng tà, đã là rất khó. Vì người khác kén rể thích hợp, lại càng khó hơn.

Kén rể giúp người đã là rất khó, bỏ tiền giúp cho sự sống của người lại càng khó hơn.

Người có đức nhân từ, mỗi khi khởi tâm ắt phải giống như thế.

Trưởng giả họ Tiên¹

Ở Tỳ Lăng có người họ Tiên, giàu có nhất trong quận, thường làm việc thiện nhưng chưa có con. Trong làng có một nhà họ Dụ, bị kẻ quyền thế bức bách đến bước đường cùng, khẩn khoản nhờ ông Tiên giúp đỡ. Ông Tiên chẳng cần viết giấy nợ, cứ y theo số tiền họ Dụ đang cần mà đưa cho đủ số. Nhà ông Dụ nhờ đó mà được bình an thoát nạn, ông liền dắt cả vợ con đến nhà ông Tiên cảm tạ. Tiên phu nhân thấy con gái ông Dụ xinh đẹp, ý muốn ông Tiên cưới về làm thiếp, nhà họ Dụ nghe vậy mừng

¹ Trích từ sách Ý hành lục. (Chú giải của soạn giả)

lắm. Ông Tiên nói: “Nhân lúc người ta có việc nguy khốn mà giúp để được việc mình, đó là bất nhân. Mình vốn muốn làm thiện, lại để chuyện ái dục xen vào, đó là bất trí.” Nói rồi lập tức trả cô gái về với gia đình.

Đêm hôm ấy, Tiên phu nhân nằm mộng thấy một vị thần đến báo: “Chồng bà đức độ sâu dày lắm, nay sẽ ban quý tử cho gia đình bà.”

Qua một năm sau quả nhiên sinh được con trai, đặt tên là Thiên Tích, vừa mười tám tuổi đã đỗ kỳ thi Hương, năm sau đỗ tiếp kỳ thi Hội.¹

LỜI BÀN

Trong kinh dạy rằng: “Những kẻ tà dâm với vợ người khác, phải chịu quả báo không con nối dõi.” Theo đó mà xét điều ngược lại thì hiểu được lý lẽ trong chuyện này.

Chuyện phú ông²

Tỉnh Phúc Kiến có một phú ông nọ, không con, tuy nhiều vợ nhưng không người nào sinh con cả.

Bấy giờ, có vị quan trên đường đi nhậm chức ngang qua đó thì vợ chết, tiền đi đường cũng đã cạn hết. Đứa con gái khóc nói: “Thi thể mẹ con sắp hư hoại cả rồi, chi bằng cha bán con đi lấy tiền an táng mẹ, còn lại dùng làm lộ phí đi đường. Khi nào cha xong việc quan, có thể đến chuộc con về.”

Người cha nói: “Cha chỉ có mỗi mình con, nỡ lòng nào làm như thế được?” Đứa con gái đáp: “Không làm thế thì chẳng còn cách nào khác cả.” Người cha đành gạt lệ đưa con đến bán cho phú ông kia, được ba trăm ngàn đồng tiền.

¹ Theo chế độ thi cử thời Minh, Thanh, đỗ kỳ thi Hương được gọi là cử nhân, mới có tư cách được tham gia thi Hội. Đỗ kỳ thi Hội được xưng là cống sĩ, mới có tư cách tham gia Điện thí, là kỳ thi cao nhất. Những người thi đỗ Điện thí là tiến sĩ.

² Trích từ sách Dịch cát lục. (Chú giải của soạn giả)

Phú ông tuy bỏ tiền mua nhưng chẳng biết gì hoàn cảnh nhà ấy cả. Đến khi thấy cô gái này đoan trang hiền thực, cử chỉ hành vi đều khác hẳn những cô gái thông thường, tuy cũng trang điểm búi tóc nhưng không che giấu được vẻ buồn đau rười rượi. Phú ông gạn hỏi không nói, liền tìm hỏi người trung gian giới thiệu mới biết rõ sự tình.

Phú ông lập tức đưa cô gái trở về với người cha. Người cha lo lắng không có tiền trả lại, ông nói: “Không cần phải trả lại.” Lại còn giúp thêm cho hai trăm ngàn đồng tiền làm lộ phí đi đường.

Không bao lâu sau, người vợ chính của ông [liên tiếp] sinh được hai con trai, đều đỗ tiến sĩ từ khi còn trẻ.

LỜI BÀN

Người thiệp mà Mã Phong ông bỏ tiền mua là bán thân lấy tiền an táng hài cốt của cha. Người thiệp mà phú ông này bỏ tiền mua là bán thân lấy tiền mai táng mẹ. Nếu không gặp được những người hiền thiện [như Mã Phong ông với phú ông] này, thì thật chẳng lấy gì để khuyến khích những người con gái có hiếu với cha mẹ. Nếu các vị ấy lại không sinh được quý tử, thì chẳng lấy gì để khuyến khích những bậc trượng nghĩa.

KHUYÊN NGƯỜI CẦU SỐNG LÂU¹

Con người có tinh dịch cũng giống như cây có nhựa, như đèn có dầu. Nhựa nhiều thì cây tốt, đủ dầu thì đèn sáng, nếu nhựa khô, dầu hết ắt cây chết, đèn tắt. Sách *Giải thoát yếu môn* có nói: “Người tu hành trải qua nhiều chục năm không động tâm dục, ắt tinh tủy ngưng kết lại, dần dần tạo thành xá lợi.” Sách của Đạo gia nói rằng: “Dục niệm không sinh khởi thì tinh khí phát

¹ Phần này có ba chuyện, nêu ra một gương tốt, một gương xấu và một gương chung (có tốt có xấu). (Chú giải của soạn giả)

ra ở tam tiêu, nuôi dưỡng mạnh mẽ tất cả kinh mạch trong cơ thể.” Tô tử¹ nói rằng: “Gây hại đến sự sống con người không chỉ có một việc duy nhất, nhưng người háo sắc thì nhất định phải chết sớm.”

Dù vậy, người đời đứng trước cửa ải dâm dục, cho đến tuổi già vẫn còn chưa hiểu ra được đạo lý. Đang lúc lửa dục bốc cao, liền khởi ý niệm dâm dục. Ý niệm dâm dục khởi lên thì tinh khí hao tổn. Tinh khí đã hao tổn, mà lửa dục lại càng thêm mạnh mẽ. Tác động qua lại với nhau như thế mà khiến cho con người phải nhanh chóng tìm đến cái chết. Có người còn dùng thêm các loại thuốc tráng dương kích dục, nung đốt nội tạng, tai họa càng thêm bi thảm. Lại còn những tác hại như làm suy tổn âm đức, rút ngắn thọ mạng, thật không thể nói hết. Những ai muốn sống lâu khỏe mạnh, lẽ nào lại có thể giẫm vào những vết xe đổ ấy?

Quan huyện họ Phạm²

Đời nhà Đường có người họ Phạm tinh thông thuật số, tự đoán số mình đến mùa thu năm sau thì thọ mạng cũng như phước lộc đều hết. Lúc bấy giờ, họ Phạm sắp đi Giang Tây nhậm chức, đến hỏi một người giỏi bói toán. Người này nói: “Tháng bảy năm tới ông có đại nạn, sao còn tính chuyện nhận chức quan ở xa?” Người họ Phạm nói: “Tôi cũng tự biết được điều đó, chỉ là muốn nhận được bổng lộc để dùng vào việc gả chồng cho đứa con gái.”

Đến khi nhậm chức rồi, mua được một đứa nữ tỳ, hỏi ra là họ Trương, con của một người đã từng làm quan địa phương, vốn là bạn cũ của ông Phạm. Ông liền than rằng: “Con ta thôi cũng không lo gì chuyện không gả được chồng.” Liền tìm chọn được

¹ Tô tử: tức Tô Đông Pha, tên thật là Tô Thúc, sinh năm 1037, mất năm 1101. Ông là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng triều Tống, được xếp vào Đường Tống Bát đại gia.

² Trích từ sách Dịch cát lục. (Chú giải của soạn giả)

một người xứng đáng làm rể hiền, dùng số tiền bạc nữ trang đã chuẩn bị cho con gái mình mà lo chu tất việc gả chồng cho đứa con gái của người bạn cũ vừa gặp lại.

Đến khi mãn hạn quan chức ở Giang Tây, quay về kinh thành, gặp lại người bói toán ngày trước, ông này hết sức kinh ngạc [vì nghĩ ông Phạm lẽ ra đã chết rồi], gạn hỏi nguyên do. Ông Phạm kể lại sự thật, người bói toán liền nói: “Phúc lộc và tuổi thọ của ông bây giờ, thật không thể biết được.” Ông Phạm về sau trải qua nhiều lần nhậm chức quan rồi mới chết.

LỜI BÀN

Con người đang lúc khỏe mạnh nếu thường biết nghĩ đến một ngày kia mình sẽ chết, thì có việc thiện nào lại không cố làm, có việc ác nào lại không răn tránh? Chỉ tiếc là người đời đa phần không biết nghĩ đến hạn cuối phải quay về. Cho nên, trong tám điều thường nhớ nghĩ của Bồ Tát có một điều là nhớ nghĩ đến cái chết,¹ ý nghĩa đó thật thâm sâu biết bao!

Người họ Vương²

Ở Côn Sơn có người tú tài họ Vương, năm hai mươi tuổi đã cùng hẹn ước với một cô gái gần nhà, quan hệ qua lại với nhau nhiều lần. Người cha nhiều lần đánh phạt rất nặng, nhưng rốt cùng tú tài họ Vương vẫn chứng nào tật nấy. Một hôm [do lúc hai người gần nhau cử động quá mạnh] bị tổn thương trong vùng ngực, từ đó mắc chứng thổ huyết, thuốc thang chạy chữa đủ cách vẫn không công hiệu. Sau cưới nhau vừa được ba năm thì chết. Người vợ buồn thương đau đớn trong mấy năm rồi cũng chết.

¹ Tám điều thường nhớ nghĩ của Bồ Tát (Bồ Tát bát niệm): bao gồm (1) nhớ nghĩ đến chư Phật, (2) nhớ nghĩ đến Chánh pháp, (3) nhớ nghĩ đến Tăng-già, (4) nhớ nghĩ đến giới luật, (5) nhớ nghĩ đến sự thí xả, (6) nhớ nghĩ đến chư thiên hay các việc thiện, (7) nhớ nghĩ đến hơi thở vào ra, (8) nhớ nghĩ đến cái chết.

² Chuyện này do tôi trực tiếp chứng kiến. (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Xưa có nhiều tỳ nữ trong nội cung do ức chế tâm sinh lý¹ nên thường mang bệnh. Gọi thầy thuốc đến, họ nói rằng: “Cần phải dùng khoảng vài chục trai tráng còn ít tuổi để làm thuốc chữa trị.” Hoàng đế chuẩn y cho thực hiện. Qua một tháng sau, các tỳ nữ ấy đều khỏe mạnh, tươi tỉnh, cùng lạy tạ ơn vua. Hoàng đế lại nhìn thấy phía sau họ có nhiều kẻ đang quỳ, dáng vẻ phờ phạc gầy đét không ra hình người, liền hỏi: “Đó là gì thế?” Thầy thuốc thưa: “Đó đều là những bã thuốc đã dùng qua.”

Than ôi, họ Vương tự mình đã làm bã thuốc, lại uống thuốc vào thì còn có tác dụng gì?

Họ Vương và họ Thẩm²

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hy triều Tống,³ có vị tiến sĩ người Giản Châu là Vương Hành Am, vốn người ốm yếu nhưng biết tiết chế sắc dục. Ông có người em con nhà cô cậu họ Thẩm, thân thể cường tráng, nhưng thường buông thả phóng túng chuyện sắc dục. Ông Vương nhiều lần khuyên can nhưng ông Thẩm không nghe.

Một hôm, ông Thẩm từ bên ngoài quay về nhà, bỗng tận mắt chứng kiến vợ mình đang gian dâm với người khác. Ông vừa muốn đưa tay lấy khí giới vung lên để đánh, thì bỗng nhiên cánh tay không thể nào cử động được nữa, chỉ thét lên một tiếng lớn rồi chết. Năm ấy ông vừa mới ba mươi một tuổi.

Mùa đông năm Đinh Mão,⁴ ông Vương ngẫu nhiên có bệnh, liền mời đạo sĩ đến thiết đàn làm lễ cầu an. Đạo sĩ đốt sớ xong, nằm phục xuống đất hồi lâu rồi bỗng nhiên vùng dậy nói: “Ta

¹ Nguyên tác dùng chữ “懷春 - hoài xuân” để chỉ trạng thái tâm sinh lý của những cô gái đến tuổi muốn lấy chồng. Những cung nữ phục vụ trong cung vua phải bị ức chế điều này.

² Trích từ sách Cảm ứng thiên tập giải. (Chú giải của soạn giả)

³ Niên hiệu Khai Hy từ năm 1205 đến năm 1207.

⁴ Tức là năm 1207.

tra xem tuổi thọ của ông, thấy chỉ sống được đến năm mươi tuổi. Nhưng vì cân nhắc đến việc ông không khởi niệm tà dâm, nên được sống thêm ba kỷ nữa.¹ Quả nhiên, về sau ông Vương sống đến tám mươi sáu tuổi mới qua đời.

LỜI BÀN

Những chuyện trên hoa gheo liễu nơi lầu xanh gác tía cố nhiên là phải vĩnh viễn dứt trừ, nhưng ngay cả trong đạo vợ chồng, những lúc quan hệ cũng phải giữ sự nghiêm túc, kính trọng nhau như khách quý.

Tiết Xương Tự sống vào đời Đường, mỗi khi đến gặp vợ đều nghiêm trang đúng lễ. Trước tiên ông phải sai người hầu gái đến báo trước nhiều lần, sau đó mới cầm đuốc sáng đi vào phòng vợ, cùng nhau chuyện trò, chỉ nói đến những việc cao thượng, thanh nhã, sau khi dùng trà xong thì từ biệt quay về phòng mình. Nếu hôm nào muốn ngủ lại chung phòng cùng vợ thì nghiêm chỉnh mở lời rằng: “Xương Tự này lấy việc nối dõi tông đường làm trọng, xin được cầu may một dịp gần gũi.”

Chuyện này nghe qua có vẻ gần như hoang đường thái quá. Tuy nhiên, muốn uốn nắn chỗ cong lệch sai lầm thì trước tiên cũng phải hơi thái quá trong sự ngay thẳng chính đáng. Vì thế nên trích ghi vào đây để sự răn nhắc được thêm đầy đủ.

KHUYÊN NGƯỜI GẶP KẸ HOẠN NẠN²

Vào những lúc đảo điên lưu lạc, nếu có thể góp phần giúp bảo toàn tiết hạnh phụ nữ, ắt công đức lớn gấp bội phần. Ngược lại, nếu làm tổn hại đến tiết hạnh phụ nữ trong những lúc ấy, thì

¹ Mỗi kỷ là 12 năm. Ba kỷ tức là 36 năm.

² Phần này có ba chuyện, nêu ra hai gương tốt và một gương xấu.

tội lỗi cũng nặng hơn gấp bội.

Chỗ được mất hơn kém, so với nhau thật chênh lệch một trời một vực, phải hết sức thận trọng giữ gìn, nỗ lực mà làm theo việc thiện là tốt.

*Uông Nhất Thanh*¹

Vào khoảng cuối niên hiệu Gia Tĩnh,² ở Chương Tường có một người tên Uông Nhất Thanh, bị bọn giặc bắt trong lúc loạn lạc. Ông nhìn thấy bọn giặc cướp bắt được một người phụ nữ đang dẫn đến, nhận ra là vợ một người bạn học của ông. Ông liền nhận cô này là em gái mình và hứa với bọn giặc cướp là sẽ mang tiền đến chuộc. Bọn giặc nghe vậy liền giam ông với cô này chung vào một phòng trong hơn một tháng trời, ông không hề khởi lên chút tà niệm nào. Về sau khi cô này được chuộc về, người bạn học của ông khóc mà lạy tạ.

Không lâu sau việc ấy, Uông Nhất Thanh thi đỗ tiến sĩ.

LỜI BÀN

Nghĩa khí của người [cầm đuốc] đợi sáng³ đến nay lại thấy ở Uông Nhất Thanh. Từ xưa đến nay có mấy ai được như thế?

*Trương Văn Khải*⁴

Vào khoảng cuối triều Minh, ở Phúc Kiến có người tên Trương Văn Khải, cùng với một người họ Chu cùng chạy vào núi tránh giặc loạn, gặp một cô gái đã đến đó trước. Cô gái nhìn thấy hai

¹ Trích từ sách Tục bút thừa. (Chú giải của soạn giả)

² Niên hiệu Gia Tĩnh triều Minh, kéo dài từ năm 1522 đến năm 1566.

³ Nguyên tác dùng hai chữ “達旦 - đạt đán” để chỉ đến điển tích Quan Vân Trường “binh chúc đạt đán” (秉燭達旦). Trong thời gian Quan Vân Trường (Quan Công) bị Tào Tháo giữ lại, họ Tào cho Quan Vân Trường ở chung phòng với hai người chị dâu (vợ của Lưu Bị), dụng ý là muốn Quan Vân Trường làm điều bất nghĩa với hai người thì sau này sẽ không thể nào quay về với Lưu Bị. Không ngờ suốt đêm Quan Vân Trường cầm đuốc đứng nơi cửa phòng đợi sáng. Câu chuyện “binh chúc đạt đán” (cầm đuốc đợi sáng) này được lưu truyền vì mọi người đều ca ngợi nghĩa khí của Quan Vân Trường.

⁴ Trích từ sách Bất khả bất khả lục. (Chú giải của soạn giả)

người thì hết sức hoảng sợ, muốn bỏ chạy đi nơi khác. Văn Khải liền nói: “Nếu cô đi khỏi đây ắt gặp phải bọn giặc loạn. Chúng tôi đều là những người chân thật, quyết không làm hại cô đâu.”

Giữa đêm, họ Chu có ý muốn xâm phạm cô gái, Văn Khải liền hết sức ngăn cản nên không làm gì được. Đến sáng, Văn Khải sợ có họ Chu ở đó [sinh chuyện không hay, liền] đưa cô gái cùng ra khỏi núi, mới biết bọn giặc đã rút đi. Văn Khải dò hỏi tìm được người nhà cô gái, giao cho họ đưa cô về nhà.

Về sau, Văn Khải cưới vợ là con gái nhà họ Hoàng, của hồi môn đưa theo rất nhiều, đến khi gặp mặt mới biết, hóa ra chính là cô gái đã gặp trong núi. Họ sinh được hai người con trai, về sau đều đỗ tiến sĩ.

LỜI BÀN

Nghiệp báo xấu ác của họ Chu kia ắt rồi sau cũng tự đến, chỉ tiếc là [không được ghi chép nên] chúng ta chưa được biết mà thôi.

Người chủ thuyền ở Trì Châu¹

Vào năm Quý Mão thuộc niên hiệu Khang Hy,² vùng Trì Châu bị nạn lụt lớn. Có người chủ thuyền vớt được một thiếu nữ, định xâm hại cô. Thiếu nữ lập tức nhảy xuống nước, may bám được vào một thân cây mà thoát chết.

Một năm sau, thiếu nữ lấy chồng là một người trong thôn ấy. Sau đêm động phòng, sáng ra mới nhận biết cha chồng chính là người năm trước đã định xâm hại mình. Cô giận lắm, khóc lóc kể hết sự tình với người đi theo đưa dâu, rồi tự treo cổ mà chết.

¹ Chuyện này do người dân ở Trì Châu kể lại. (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1663.

LỜI BÀN

Về sau, gia đình cô gái mang sự việc khiêu kiện lên quan huyện nên mọi người trong vùng mới biết rõ.

KHUYÊN NGƯỜI LÀM THẦY THUỐC¹

Đứng trước cửa ải dâm dục, người đời vượt qua rất khó, nhưng người thầy thuốc vượt qua rất dễ. Vì sao vậy? Người đời thường mỗi khi nghĩ tưởng đến bệnh tật thì tâm tham dục tự nhiên lắng xuống, mà đối với thầy thuốc thì mỗi ngày đều gặp gỡ toàn là bệnh nhân, [tất nhiên phải luôn nghĩ tưởng đến bệnh tật], đó là điều dễ dàng thứ nhất.

Người đời chỉ vì không biết phép dưỡng sinh [nên mới buông thả phóng túng], gây hại cho thân thể, thầy thuốc thì tinh thông các phương pháp điều phục thân thể, đó là điều dễ dàng thứ hai.

Thân thể con người dù nam hay nữ, chẳng qua chỉ là một cái túi da, bên trong chứa đầy những thứ xú uế. Chỉ vì được che kín bên trong nên lừa dối hết thảy các bậc anh hùng trong thiên hạ [đắm say mê muội]. Đối với người thầy thuốc, không chỉ thấy biết thấu suốt lục phủ ngũ tạng bên trong cơ thể con người, mà còn hiểu rõ cả mọi căn nguyên gây bệnh, đó là điều dễ dàng thứ ba.

[Đã có những điều thuận lợi dễ dàng như thế, nên phải] tự mình cố gắng nỗ lực vượt qua [sự tham dục].

Nhiếp Tông Chí²

Trong khoảng niên hiệu Gia Hựu,³ Hoàng Tĩnh Quốc làm

¹ Phán này có hai chuyện, nêu ra hai gương tốt. (Chú giải của soạn giả)

² Trích từ sách Văn Xương bảo huấn. (Chú giải của soạn giả)

³ Niên hiệu Gia Hựu triều Tống kéo dài từ năm 1056 đến năm 1063.

phán quan ở Nghi Châu, một hôm [tự thấy mình] bị bắt đưa đến âm phủ. Diêm vương hỏi: “Ông làm quan ở Nghi Châu, có một việc tốt đẹp này ông có biết hay không?” Nói rồi lấy sổ sách đưa cho xem, trong đó thấy ghi chép chuyện thầy thuốc Nhiếp Tông Chí, vào ngày ấy tháng ấy năm ấy... đến nhà họ Dương ở Hoa Đình trị bệnh, có dâm nữ họ Lý muốn cùng ông làm chuyện đồi bại, ông cự tuyệt. Thượng đế nhân việc ấy ban cho ông được tăng tuổi thọ thêm ba kỷ, con cháu ba đời đỗ đạt.

Những điều Hoàng Tĩnh Quốc được nghe thấy đó, về sau đều ứng nghiệm.

LỜI BÀN

Ngăn dứt được sự tà dâm, quý thần lập tức ngợi khen đó là điều tốt đẹp. Như vậy, nếu làm điều ngược lại sẽ bị thế nào, có thể tự suy xét mà biết.

*Thầy thuốc họ Trần*¹

Huyện Dư Can² có một người họ Trần, từng dùng y thuật cứu sống một thư sinh nghèo, anh ta hết sức cảm kích ơn cứu mạng. Một hôm, họ Trần đến chơi gặp lúc trời vừa tối, ở lại qua đêm. Thư sinh kia cũng có việc vắng nhà, người vợ ra tiếp đón ông, tỏ ý muốn cùng ông làm chuyện ân ái. Họ Trần ngăn lại. Người vợ thư sinh liền nói: “Quả thật đây là ý của mẹ chồng tôi [muốn báo ơn thầy].” Thầy thuốc họ Trần nói: “Không thể như thế được.”

Người vợ thư sinh cúi đầu hồi lâu, vẫn không đi. Thầy thuốc họ Trần lại liên tục nói: “Không được, không được...” Lát sau, thấy mình gần như không tự kiềm chế được nữa, ông liền lấy giấy bút viết ra rằng: “Hai chữ ‘không được’ thật hết sức khó

¹ Trích từ sách Cảm ứng thiên quảng sở. (Chú giải của soạn giả)

² Thuộc tỉnh Giang Tây.

thay!” Nhờ đó mà kiếm chế được, đợi đến vừa sáng thì cáo biệt đi ngay.

Về sau, con trai của thầy thuốc họ Trần dự thi, quan chủ khảo đọc qua bài văn muốn đánh rớt, bỗng nghe có tiếng hô liên tiếp: “Không được, không được...” Ông liền mang bài ra đọc thật kỹ lại, rồi quyết ý đánh rớt, lại nghe có tiếng hô rất lớn trong không trung rằng: “Hai chữ ‘không được’ thật hết sức khó thay!” Quan chủ khảo [lấy làm hoang mang,] bất đắc dĩ phải chấm cho bài ấy đỗ.

Sau khi yết bảng, những người thi đỗ đều đến yết kiến quan chủ khảo, ông mới dò hỏi hiểu ra được nguyên nhân.

LỜI BÀN

Đứa con trai suýt nữa bị đánh rớt, ấy là vì ngày trước thầy thuốc họ Trần cũng đã suýt nữa thì không tự kiềm chế được.

KHUYÊN NGƯỜI BUÔN BÁN, NÔNG PHU, THỢ THUYỀN¹

Những người buôn bán, nông phu, thợ thuyền, nên thường suy nghĩ rằng: Chúng ta đây hoặc theo việc kinh doanh, hoặc dựa vào nghề này nghiệp khác, gió sương từng trải, dãi nắng dầm mưa, chẳng qua chỉ vì muốn tích lũy được đôi chút tiền bạc mà thôi.

Người khác có vợ con, chúng ta cũng có vợ con; người khác có chị, em gái, chúng ta cũng có chị, em gái. Người khác nếu khởi tâm xấu ác [muốn xâm hại người thân của ta], ắt ta phải ghiến răng oán hận. Vậy nếu ta khởi lên một chút niệm tà ác [muốn xâm hại người thân của họ], ắt họ cũng phải tức giận chẳng khác

¹ Phụ khuyên những người giúp việc cho chủ. Phần này có sáu chuyện, đều nêu ra những gương xấu cần phải tránh. (Chú giải của soạn giả)

gì ta.

Hiện nay chúng ta có thể tận mắt chứng kiến kẻ nọ người kia, vì sự gian dâm mà mang bệnh tật bỏ mạng, hoặc bị pháp luật trừng trị, gia đình tan nát, thậm chí con cái phải bán cho người khác. Gia đình nghiêng ngả, sản nghiệp tiêu tan, chung quy cũng chỉ vì một ý niệm sai trái mà phải rơi vào tình cảnh như thế.

Nay chúng ta nên sớm tự hiểu rõ vấn đề, phải dứt trừ ngay những tâm niệm tà dâm xấu ác như thế. Nhìn thấy người phụ nữ tuổi cao, nên hình dung đó như mẹ mình. Thấy phụ nữ lớn tuổi hơn mình, nên hình dung đó như chị mình, nếu ít tuổi hơn, nên nghĩ tưởng đó là em gái mình, hoặc còn nhỏ tuổi hơn nữa, nên hình dung đó như con gái mình. Hằng ngày chớ nên bàn luận trao đổi những chuyện phòng the, chớ nên đọc những sách khiêu dâm.

Thêm nữa, mỗi một việc làm đều phải cố gắng tích lũy âm đức, thường xuyên nghĩ đến việc thực hành phương tiện lợi ích giúp người. Được như vậy thì phúc báu cũng như tuổi thọ đều ngày một tăng thêm, cháu con đời sau tự nhiên được vinh hiển phát đạt. Chuyện tốt đẹp nên làm ở đời, còn gì hơn thế nữa?

Chuyện người buôn gỗ¹

Vào khoảng cuối niên hiệu Gia Tĩnh,² huyện Nghi Hưng có một quả phụ họ Trần thủ tiết thờ chồng, dung mạo xinh đẹp. Có một người buôn gỗ từ xa đến nhìn thấy sinh lòng ưa thích, tìm đủ cách dụ dỗ nhưng đều bị cô ấy từ khước. Ông ta liền lập mưu mang gỗ đến bỏ trong nhà quả phụ họ Trần rồi đến báo quan rằng gỗ ấy bị ăn cắp, lại hối lộ cho bọn nha dịch để chúng bức bách làm nhục cô ta, trong lòng dự tính là khi bị khốn quẫn như thế rồi, cô ta sẽ chịu khuất phục chiều theo ý mình.

¹ Trích từ sách Giới dâm vụng thuyết. (Chú giải của soạn giả)

² Niên hiệu Gia Tĩnh thuộc triều Minh, từ năm 1522 đến năm 1566.

Quả phụ họ Trần gặp nạn ấy, ngày đêm cầu khẩn trước tượng thần Huyền Đàn.¹ Một đêm, cô mộng thấy thần Huyền Đàn hiện ra bảo: “Ta đã ra lệnh cho cọp đen rồi.”

Không bao lâu, người buôn gỗ kia vào núi, bỗng có con cọp đen bất ngờ xông ra, bỏ qua nhiều người khác mà chỉ bắt lấy người buôn gỗ mang đi ăn thịt.

LỜI BÀN

Loại người gian ác như thế, dẫu có ném cho sài lang hổ báo xé xác cũng chưa xứng tội, chỉ thương tiếc cho cha mẹ hãn ta già nua tóc bạc, vợ nhà còn trẻ tuổi ngàn dặm trông ngóng, nuốt lệ hướng về phương xa biệt tin bật tức, cho đến nắm xương tàn bỏ lại cũng chẳng thấy đâu. Những người làm ăn xa xứ, đối với việc này phải biết đau lòng mà khắc cốt ghi tâm, [tự răn mình chớ phạm vào những việc xấu ác gian tà].

Vương Cần Chánh²

Vương Cần Chánh là người ở Trừ Dương, cùng một phụ nữ kia thông gian. Cả hai người đều muốn làm chuyện gian dâm với nhau, nhưng chỉ lo sợ người chồng của cô kia phát hiện mà thôi. Không bao lâu sau, người chồng ấy bị vợ hại chết, Vương Cần Chánh nghe tin hoảng sợ bỏ trốn đến huyện Giang Sơn, nghĩ là đã thoát được rồi. Lúc ấy đói bụng liền vào một quán ăn, người phục vụ mang ra hai phần cơm. Vương Cần Chánh ngạc nhiên gạn hỏi, người ấy nói: “Vừa thấy có một người cùng đi với ông, chẳng phải là hai người sao?”

Cần Chánh biết là oan hồn người chồng đi theo mình, sợ quá liền đi đến quan huyện tự thú mà chịu tội.

¹ Huyền Đàn: tức Chánh Nhất Huyền Đàn Nguyên Soái Tài thần Triệu Công Minh, theo niềm tin của Đạo giáo. Tượng thờ của ông thường vẽ ông cười trên con cọp đen, nên cũng thường tôn xưng Hắc Hồ Huyền Đàn.

² Trích từ sách Cầm ứng thiên đồ thuyết. (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Oan hồn đã đi theo ắt không thể tự mình làm chủ được nữa. Quyết định đi đến quan huyện tự thú, đó cũng là do oan hồn xúi giục mà phải làm.

Hai người ở thôn Ma¹

Ở thôn Ma có hai người nọ, sống không xa nhau lắm. Một người (tạm gọi là Giáp) say mê đeo đuổi một người đàn bà góa, khiến cho vợ anh ta hết sức oán hận. Người kia (tạm gọi là Ất) [nhân lúc vợ Giáp có lòng oán hận chồng, liền] sai vợ mình dụ cô ta đến nhà rồi đôi bên thông dâm. Được một thời gian, vợ Ất cũng lấy làm oán hận chuyện chồng mình gian dâm với vợ Giáp.

Một đêm nọ, Giáp đến chơi nhà góa phụ kia, bỗng khát nước quá quay về nhà, vừa đến ngoài cửa thì chợt nghe tiếng Ất trò chuyện âu yếm với vợ mình. Giáp nổi giận, lập tức quay lại nhà góa phụ kia, lấy một cái búa [định về nhà chém Ất], trên đường đi ngang qua nhà Ất, liền nghĩ trước tiên hãy vào thông dâm với vợ Ất để trả thù. Vợ Ất đang lúc oán hận chồng không về nhà với mình, liền chiều theo ý Giáp.

Bấy giờ, Ất đang ở tại nhà Giáp, độ chừng đã đến lúc Giáp sắp về, có ý muốn giết đi nên liền cầm một cái búa quay về đứng ở cửa nhà mình mà đợi Giáp. Bỗng lúc ấy nghe trong nhà có tiếng đàn ông, liền gấp rút gọi cửa. Giáp từ bên trong nhà cầm búa nhảy ra, Ất từ bên ngoài cầm búa nhảy vào chém, hai người trong bóng tối cùng kêu thét lên. Hàng xóm nghe tiếng cùng nhau đốt đuốc kéo đến. Khi ấy, Ất mới nhận ra tên gian phu chính là Giáp, hết sức kinh ngạc, liền hỏi: “Sao mày lại cầm búa ở đây?” Giáp nói: “Tao cầm búa đến chặt đầu đứa gian phu là mày, nhưng vì muốn làm nhục vợ mày trước nên còn tạm chưa lấy mạng mày.” Ất nói: “Tao

¹ Trích từ sách Bất khả bất khả lục. (Chú giải của soạn giả)

có đan diu với vợ mày bao giờ đâu?” Giáp liền chỉ cái búa, nói: “Đó chẳng phải cái búa ở trong bếp nhà tao, có khuyết một chút nơi cán búa đó sao?” Ất cứng miệng không chối cãi gì được. Những người chứng kiến sự việc đều nói: “Quả đúng là trời trả báo!” Xôn xao một lát rồi giải tán hết.

LỜI BÀN

Gian dâm với vợ người, vợ mình lại bị người gian dâm, so với chuyện Khánh Phong hoán đổi thê thiếp ngày xưa đâu có gì khác?¹

*Qua A Kỳ*²

Vào năm Kỷ Dậu thuộc niên hiệu Khang Hy,³ ở Côn Sơn có người tên Qua A Kỳ, gian dâm với vợ của một người họ Khâu, thường qua lại. Một hôm, ông ta nói: “Tôi định giết chồng cô, cô nghĩ sao?” Người vợ của họ Khâu nghe vậy nổi giận, ông ta liền thôi.

Đêm hôm đó, A Kỳ vẫn mang dao đến, người vợ họ Khâu không hay biết. Nhân lúc đêm tối, hẩn rình vung dao chém, không ngờ lúc ấy họ Khâu đã đi ra nhà xí, nên giết nhầm đứa con gái ông ta. Họ Khâu báo lên quan huyện, Qua A Kỳ bị xử tội lỗi ra chém giữa chợ.

LỜI BÀN

Đã gian dâm với vợ người, còn quay lại giận ghét người, chỉ một ý niệm xấu ác như thế đã khó thoát khỏi lưới trời.

¹ Chuyện về Khánh Phong được ghi chép trong Tả truyện. Ông là nhân vật thời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Tề. Sau khi hại chết cả nhà Thôi Thu đoạt lấy quyền chính, ông đam mê sắc dục, giao hết việc nước cho con trai là Khánh Xá. Ông có người thuộc hạ là Lư Bó Miết, có người vợ rất đẹp. Khánh Phong ưng ý liền đưa hết vợ con đến ở chung nhà, cùng Lư Bó Miết hưởng lạc, mỗi người đều tư thông qua lại với thê thiếp của người kia. Người đời đều cười chê cho là chuyện chua tưng có. Về sau Khánh Phong bị tội diệt tộc, cả họ đều chết chém.

² Chính tôi được thấy bản án của người này. (Chú giải của soạn giả)

³ Tức là năm 1669.

Người thợ Nam Kinh¹

Vào mùa đông năm Tân Hợi thuộc niên hiệu Khang Hy,² có một người thợ mộc ở Nam Kinh đến ngụ cư tại Côn Sơn. Ông ta gian dâm với vợ của một người bán mì. Người chồng phát hiện, đưa cả gia đình tránh đi, đến ở một thôn khác. Chẳng bao lâu, người thợ mộc lại cũng tìm đến thôn ấy.

Một đêm nọ, người chồng đi ra ngoài quay về nhà, bỗng nghe tiếng vợ mình tư tình với người thợ mộc trong nhà, liền tự mình mở cửa lén vào, trong bóng tối tay cầm con dao chém xuống, đúng ngay giữa đỉnh đầu người thợ mộc, anh ta cuộn cả tấm chăn mà lăn rớt xuống dưới chân giường.

Người bán mì nghĩ rằng người thợ mộc đã chết, lớn tiếng kêu la hàng xóm mang đèn đuốc tới, vừa có ánh sáng đến liền chém chết luôn người vợ, nhưng đến khi nhìn lại thì tên gian phu đã biến mất.

Sáng hôm sau, có người báo [lên quan phủ] nhìn thấy ở một chỗ nọ, giữa bụi cỏ lau có một xác chết, trên người không có quần áo gì, chỉ thấy có một tấm chăn bị băng đóng cứng lại như keo. Cho người đến xem thì chính là người thợ mộc kia. Chỗ ấy cách nhà người bán mì một con sông lớn, hóa ra đêm trước ông ta ôm tấm chăn mà bơi qua sông, nước sông lạnh thấm vào vết thương trên đầu đóng băng, chịu không nổi mà chết.

LỜI BÀN

Bị dao chém vào đầu, thật quá đau đớn. Bơi qua sông băng [giữa đêm], thật quá rét buốt. Thi thể chết rồi lỏa lồ phơi ra, thật quá xấu hổ. Vĩnh biệt vợ con, thật quá thê thảm!

Mà tất cả những điều [đau đớn, rét buốt, xấu hổ, thê thảm] đó đều chỉ do một niệm tà dâm đưa đến, khiến phải chịu như

¹ Chuyện này chính tôi được nghe vào độ tuổi thiếu niên. (Chú giải của soạn giả)

² Tức là năm 1671.

vậy. Cho nên kinh Lăng nghiêm dạy rằng: “Bồ Tát thấy sắc dục thì tránh xa như tránh hầm lửa.”

*Trương Phú*¹

Ở huyện Thái Thương có người tên Trương Phú, thường cưỡng dâm phụ nữ, ngay cả những phụ nữ con nhà hiền lương cũng bị hắn cưỡng hiếp. Về sau, hắn đến phục vụ trong nhà một quan chức cao cấp ở huyện, dựa thế lực nên càng ngang ngược hơn.

Vào mùa thu năm Nhâm Tuất thuộc niên hiệu Khang Hy, những người bị hại mang hết việc làm xấu ác xằng bậy của hắn tố cáo lên [vị đề đốc chỉ huy] quân đội, [đề đốc] cho tra xét kỹ thấy những điều tố cáo đều là sự thật, liền dùng hình phạt đánh khảo [cho đến lúc nhận tội], rồi bắt phải mang gông cùm đi diễu tại Xương Môn cho dân chúng đều nhìn thấy, đồng thời kết án chung thân, tù đầy cho đến chết.

LỜI BÀN

Khi tôi ở Xương Môn đích thân nhìn thấy sự kiện này, trở về lại vừa lúc sách khắc bản còn chưa xong, nên nhân đó mới kịp đưa thêm sự việc này vào.

KHUYÊN NHỮNG KẺ MÊ ĐÁM LẬU XANH²

Sự độc hại lan tràn của những kẻ bán dâm thật đáng sợ lắm thay! Họ làm cho người khác tinh khí phải cạn kiệt, tài sản phải hao tổn, vợ chồng phải chia lìa. Những kẻ chơn chất thật thà, nhưng gần gũi họ thì thành ra dâm đảng; những người trí thức

¹ Chuyện này có rất nhiều người [ở Thái Thương] đều thấy biết. (Chú giải của soạn giả)

² Phần này có hai chuyện, nêu ra hai gương xấu. (Chú giải của soạn giả)

khôn ngoan, nhưng say đắm họ thì thành mê muội. [Chốn lầu xanh của] họ bao giờ cũng đưa người của trước, rước người của sau, chất chứa bao điều nhơ nhớp. Đó thật là chốn ô uế nhất trong thiên hạ, nhưng bao người thế tục lại cam chịu [nhơ nhớp mà chui vào], thật kỳ lạ thay! Đến như những người nam đồng tính luyến ái thì sự mê luyến lại càng nặng hơn.

Đã may mắn sinh ra làm thân nam tử, không thể chấp nhận bị người làm cho ô nhục. Nếu đã ở cương vị không thể chấp nhận bị ô nhục, mà lại tìm đến con đường nhơ nhớp của những kẻ bán dâm, chẳng phải tự mình chuốc lấy phiền não đó sao? Thật chẳng biết thói tục xấu [mua bán dâm] này bắt đầu từ ai, nhưng đến nay vẫn còn tồn tại. Những người trong sạch thanh cao, phải biết răn ngừa tránh xa.

*Hai chàng Triệu, Lưu*¹

Triệu Lâm quê ở Uyển Bình, có lần cùng Lưu Phương Viễn đi chơi uống rượu với một kỹ nữ trong lầu xanh, bỗng có người tình cũ của cô ta là Vương Tông Nghĩa tìm đến. [Đôi bên gây gổ,] Lưu Phương Viễn đánh anh ta ngã xuống chết ngay.

Sự việc được báo lên quan huyện. Lưu Phương Viễn [mua chuộc] cô kỹ nữ vu cáo cho Triệu Lâm việc giết họ Vương. Triệu Lâm phải chịu tội chết.

Sau đó, một hôm Lưu Phương Viễn đang bày tiệc đãi khách, có người khách bỗng xông tới túm chặt tóc trên đầu Lưu Phương Viễn, rồi phát ra giọng nói hết như Triệu Lâm, nói rằng: “Người là do mày giết, mày lại vu oan cho tao. Tao đã tố cáo mày tại âm phủ rồi, cả hai đứa bọn mày rồi sẽ bị bắt.”

Không lâu sau đó, Lưu Phương Viễn cùng với cô kỹ nữ kia đều đột nhiên ngã lăn ra chết.

¹ Khắp chốn kinh thành đều kể cho nhau nghe chuyện này. (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Dương Bang Nghệ¹ thuở xưa không bao giờ vào những nơi trà đình tửu điểm. Một lần bị người bạn lừa dẫn vào kỹ viện, ông về đem y phục [mặc hôm đó] đốt hết đi và tự trách mình một cách nghiêm khắc. Đem tấm gương này so với Triệu Lâm và Lưu Phương Viễn, tốt xấu thật khác biệt biết bao.

Trương Sùng Nghĩa²

Vào năm Tân Hợi thuộc niên hiệu Khang Hy,³ tại châu Vĩnh Ninh thuộc tỉnh Sơn Tây có người thợ bạc tên Trương Sùng Nghĩa, luyện ái đồng tính với một thiếu niên giúp việc cứng đầu hư hỏng, tên là Vũ Căn Nhĩ Tử, khi ăn lúc ngủ đều không rời xa nhau.

Một hôm, họ Trương uống rượu say vào giường ngủ trước. Vũ Căn Nhĩ Tử nhìn thấy trong người Trương Sùng Nghĩa có giấu vật quý giá, đêm ấy liền giết ông để đoạt lấy rồi trốn đi. Lúc ấy vừa canh năm, Nhĩ Tử chạy trốn đến cửa thành phía đông, nhưng cửa thành vẫn còn chưa mở [nên không thoát ra được]. Đến sáng thì bị quan quân bắt được, kết án tử hình ngay lập tức.

LỜI BÀN

Nuôi trẻ giúp việc là thiếu niên tuần tú đẹp đẽ trong nhà, thường sinh luyện ái với phụ nữ thành chuyện đồi bại. Tai họa của họ Trương chính là do mê luyện dáng vẻ bên ngoài.

¹ Dương Bang Nghệ: trung thân thời Bắc Tống, thuộc phe ủng hộ việc chống giặc Kim thay vì nghị hòa.

² Câu chuyện này do một người bạn tôi tận mắt chứng kiến kể lại. (Chú giải của soạn giả)

³ Tức là năm 1671.

KHUYÊN NGƯỜI PHẢI BIẾT SÁM HỐI LỖI LẦM¹

Những chuyện tà dâm, người đời mắc phải rất nhiều. Tuy ngay trước mắt không thấy quả báo xấu ác, nhưng trong chốn u minh mờ mịt, vẫn có người âm thầm bị mất hết phước lành, có người ngấm ngầm bị tước đi tuổi thọ, có người bị loại khỏi đường công danh khoa cử, lại có người bị chết vì rắn độc, hổ báo, hoặc chết vì đao binh, vì bị kết tội ở cửa quan, hoặc vì những khổ nạn lũ lụt, nắng hạn. Ví như bản thân mình hiện nay có tạm thời thoát được, thì báo ứng ngày sau cũng sẽ đến với cháu con; nếu đời này không đền trả tội lỗi, thì đời sau phải trả đủ mà thôi. Cũng giống như chim nằm trong lưới, dù vùng vẫy hướng nào cũng không thoát được, như cá nằm trong chậu thủng, nước cạn dần nhất định phải chết.

Người đời nay động tay nhắc chân đều rơi vào hố sâu hầm kín, [dẫy đầy nguy hiểm], thế mà vẫn điềm nhiên không biết sợ sệt, một khi nghiệp báo đã đến, tay chân cuống cuống, khác nào như con cua rơi vào chảo nước sôi, lúc ấy mới than khóc thì sao còn kịp nữa?

Xin rộng khuyên hết thầy mọi người, nên sớm tự rõ biết [nhân quả thiện ác], hết lòng sợ sệt [quả báo xấu ác], hết lòng hổ thẹn [những việc bất thiện], khởi tâm dũng mãnh đối trước chư Phật và Bồ Tát, mỗi mỗi [sự việc lỗi lầm] đều thành tâm sám hối. Được như vậy thì tội từ nơi tâm [xấu ác] sinh khởi, ắt cũng sẽ theo tâm [chỉ thành sám hối] mà diệt mất. Làm thiện tích đức đủ lâu thì [tội chướng] có thể tự nhiên [tiêu diệt,] thân tâm trong sạch như xưa.

Nếu muốn siêu việt ra khỏi ba cõi,² cần phải phát khởi thệ

¹ Phần này có ba chuyện, đều nêu ra những gương tốt. (Chú giải của soạn giả)

² Ba cõi (tam giới): tức cõi Dục (Dục giới), cõi Sắc (Sắc giới) và cõi Vô sắc (Vô sắc giới). Tất cả chúng sinh tùy theo nghiệp lực thọ sanh trong luân hồi, đều không ra ngoài ba cõi này.

nguyện Bồ Tát, nguyện trong đời tương lai sẽ cứu độ cho hết thảy chúng sinh, đối với tất cả những chúng sinh nào mắc phải tội báo của nghiệp dâm dục, đều dùng phương tiện cứu thoát, khiến cho họ được hóa sinh từ hoa sen [nơi cõi Tịnh độ], không phải chịu cảnh tù ngục ở trong thai mẹ.

Phát tâm như thế thì không chỉ tiêu trừ tất cả nghiệp chướng xấu ác, mà còn được vô lượng phước báu. Cho nên trong kinh Niết-bàn có dạy rằng: “Ví như bông vải, dù có đến ngàn cân, giá trị cũng không thể sánh bằng chỉ một cân vàng ròng. Lại ví như giữa dòng nước sông Hằng mà đổ xuống một bát muối, thì nước sông hoàn toàn không thể có vị mặn.” [Đối với tâm Bồ-đề cứu độ hết thảy chúng sinh, thì bao nhiêu nghiệp chướng cũng đều không thể làm cho vấy bẩn.]

Buông dao đồ tể, liền được lại chân thân bất hoại; quay đầu là bờ, lập tức vững vàng trên bờ giác. Phải nhanh chóng gấp rút tiến bước, vì thời gian trôi qua chẳng đợi người. Dù kẻ trí người ngu, đều nên tự mình nỗ lực gắng sức.

*Hồng Đáo*¹

Vào triều Minh có người tên Hồng Đáo, là con thứ của Văn Trung công. Một hôm, trong lúc ông đi ra nhà xí thì bị vong hồn một người đầy tớ đã chết lôi kéo xuống âm phủ, thấy có một người dáng tôn quý mặc áo lụa ngồi giữa, hai bên có hai người mặc áo xanh đứng hầu.

Hồng Đáo đem việc sắp tới thưa hỏi, người áo xanh liền lấy trong tay áo ra một tập sách đưa cho xem, nhìn vào thấy chữ nhỏ li ti khó đọc. Hồng Đáo nhìn thấy được tên mình nhưng không thể đọc hết những dòng chữ bên dưới, cuối cùng đọc thấy một dòng chú thích ghi rằng: “Lẽ ra đáng nhận chức Tham tri chính sự, nhưng vào ngày ấy tháng ấy gian dâm với một tỳ nữ trong

¹ Trích từ sách Dịch cát lục. (Chú giải của soạn giả)

nhà, nên giáng chức sang Thượng thư tỉnh, làm Chuyển vận phó sứ.”

Hồng Đảo sợ sệt khóc lóc, người mặc áo xanh liền nói: “Chỉ cần nỗ lực làm việc thiện thì vẫn có thể chuộc lỗi được.”

Rồi Hồng Đảo sống lại, mới biết mình chết đã ba ngày. Từ đó hết sức tinh tấn làm việc thiện. Về sau quả nhiên ông bị chuyển sang Thượng thư tỉnh, làm chức quan Chuyển vận sứ vùng Lương Chiết. [Nhớ lại chuyện cũ,] trong lòng ông hết sức hoảng sợ, nhưng rồi cuối cùng cũng được vô sự. Ông sống thọ, quan chức lên đến Đoan minh điện học sĩ.

LỜI BÀN

Dễ phạm vào tà dâm nhất là quan hệ với tỳ nữ, đâu biết rằng điều đó làm hao tổn đi phúc lộc của mình? Cho nên, phải hết sức thận trọng việc này.

*Hạng Mộng Nguyên*¹

Hạng Mộng Nguyên quê ở Bắc Trục, trước đây có tên là Hạng Đức Phân. Một hôm, ông nằm mộng tự thấy mình lẽ ra được đỗ cử nhân trong khoa thi Hương năm Tân Mão, nhưng vì dan díu với hai cô tỳ nữ nên bị xóa tên.

Tỉnh dậy, ông thề từ đó giữ giới không tà dâm, lại mỗi năm đều khắc kinh Kim cang ấn tống. Về sau, ông nằm mộng đi đến một chỗ nọ, nhìn thấy một tờ giấy vàng trên đó ghi tên người đỗ thứ tám họ Hạng, ở giữa có một chữ không đọc rõ, bên dưới lại thấy một chữ “nguyên”. Nhân giấc mộng ấy, ông tự đổi tên thành Hạng Mộng Nguyên.

Năm Nhâm Tý dự khoa thi Hương, ông đỗ thứ hai mươi chín. Đến năm Kỷ Mùi ông dự khoa thi Hội, đỗ thứ hai, trong

¹ Trích từ sách Tri phi tập. (Chú giải của soạn giả)

lòng hết sức hoài nghi [vì không hợp với giấc mộng xưa]. Đến khi dự kỳ Điện thí, ông đỗ hàng Nhị giáp, thứ năm, mới biết khi tính cả ba người đỗ hàng Nhất giáp¹ thì đúng là ông đỗ thứ tám, hoàn toàn đúng như trong mộng đã thấy. Sau ông làm quan đến chức Phó Hiến.²

LỜI BÀN

Lập lời thề giữ giới không tà dâm, đó là điều rất tốt. Khắc in Kinh điển lưu hành, lại càng tốt đẹp hơn nữa. Đâu chỉ là trừ dứt tội lỗi mà thôi, [ắt còn được phước lành vô lượng].

Người họ Điền³

Vào khoảng cuối đời Minh, có một người họ Điền, phong lưu tuấn tú, phụ nữ theo ve vãn muốn gần gũi ông rất nhiều. Họ Điền trong lòng tự biết là sai trái, chỉ có điều không tự giữ mình được.

Một hôm, ông đến đọc sách ở chùa Nam Sơn, có một vị thần ngay giữa ban ngày hiện ra nói với ông: “Nhà ngươi có phúc lớn, chỉ vì chuyện ong bướm đa tình mà hao tổn hết sạch rồi. Từ nay nếu biết ăn năn sửa lỗi, may ra có thể sẽ được đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức ngự sử.”

Họ Điền từ đó nỗ lực tu tỉnh sám hối, về sau quả được như lời thần nói.

LỜI BÀN

Sách Giải thoát yếu môn dạy rằng: “Nếu muốn sám hối nghiệp dâm dục đã tạo, nên quán chiếu nữ căn [nguy hại] như miệng rắn độc, tội cũ tự nhiên tiêu diệt.” Người đã phạm vào

¹ Hàng Nhất giáp lấy ba người đỗ đầu là Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa. Từ người thứ tư xếp vào hàng Nhị giáp.

² Phó Hiến: tức là Phó Đô ngự sử của Đô Sát Viện.

³ Trích từ sách Bất khả bất khả lục. (Chú giải của soạn giả)

tội dâm dục, không thể không biết điều này.

KHUYÊN NGƯỜI LỠ PHẠM CÁC TỘI NẶNG¹

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Tội tà dâm có thể khiến cho chúng sinh phải đọa vào trong ba đường ác. [Sau khi ra khỏi ba đường ác, nếu] được sinh làm người, cũng phải chịu hai loại quả báo. Một là vợ không giữ được trinh tiết, hai là quyến thuộc không được như ý muốn.” Kinh Tội phước báo ứng² dạy rằng: “Tà dâm với vợ người khác, chết đọa vào địa ngục, gian phu phải ôm cột đồng [cháy đỏ], gian phụ nằm trên giường sắt [bị lửa nung bên dưới]. Sau khi ra khỏi địa ngục, phải sinh vào những xứ sở hạ tiện, đọa làm các loài gà vịt.”

Tuy nhiên, trên đây chỉ là nói chung về tội tà dâm. Nếu là đối với những bậc tôn trưởng chí thân của mình, hoặc đối với tăng ni tu hành thanh tịnh mà dở trò dâm loạn làm ô uế các vị, thì đó gọi là các tội nặng căn bản, sau khi chết phải đọa vào địa ngục Vô gián, liên tục bị cắt xẻ, thiêu đốt, xay nghiền, không một lúc nào được tạm dừng. Cho đến khi thế giới này đã hoại diệt, lại phải sinh vào thế giới khác [tiếp tục chịu tội]. Khi thế giới khác bị hoại diệt, lại phải sinh vào các thế giới thuộc phương khác nữa [để tiếp tục chịu tội]. Trong kinh có nói đầy đủ những việc như thế, nếu đã nghe qua không khỏi khiếp sợ.

Nếu có những người do không hiểu biết mà từng phạm vào các tội nặng ấy, hoặc tuy chưa phạm vào nhưng đã có khởi tâm niệm xấu như thế, cũng gọi là phạm tội. Nên biết rằng những người như thế, chỉ đợi khi ba tác hơi dừng, vừa mạng chung ắt đọa ngay vào địa ngục Vô gián, cho đến muôn ngàn vạn kiếp,

¹ Phần này có ba chuyện, đều nêu ra những gương xấu phải tránh. (Chú giải của soạn giả)

² Tức là Kinh Phật thuyết Tội phước báo ứng (佛說罪福報應經), 1 quyển, do ngài Câu-na-bạt-đa-la dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 747.

mong muốn thoát ra cũng không có kỳ hạn.

Những người ấy nên tận dụng ngay thời gian còn được sống khỏe mạnh trên dương gian, đối trước Tam bảo mà phát tâm tha thiết chí thành sám hối, phát lời thệ nguyện cứu độ hết thảy chúng sinh, khiến cho tất cả đều được vượt thoát ba cõi, sau đó tự mình mới thành Chánh giác.

Nếu phát khởi được nguyện lực thiết tha, lớn lao như thế, tuy có nghiệp nhất định phải chịu, ắt cũng được tiêu trừ. Thuở xưa, vua A-xà-thế phạm vào tội đại nghịch, nhờ khẩn thiết sám hối nên khi vào địa ngục, bất quá chỉ phải chịu khổ như lao ngục của thế gian trong vòng năm trăm ngày mà thôi.¹ Qua đó đủ thấy rằng công đức của sự sám hối quả thật không thể nghĩ bàn. Bằng như lần lửa lười nhác không chịu quyết tâm nỗ lực, ắt khó tránh khỏi phải chịu khổ đau trong muôn kiếp.

Họ Chu chấm thi²

Quan huyện lệnh Tú Tùng là Chu Duy Cao, vào năm Kỷ Dậu thuộc niên hiệu Khang Hy³ được điều về Giang Nam làm quan chấm thi. Sau khi ông chấm đỗ cho bài thi của một thí sinh nọ, đêm ấy liền nằm mộng thấy có con quỷ hiện đến nói: “Người ấy không thể chấm đỗ.” Nói rồi đưa tay viết ra một chữ “dâm”. Chu Duy Cao không hiểu, gạn hỏi, quỷ đáp: “Người ấy gian dâm với con gái của mẹ kế, vì chuyện đó đã bị trời trách phạt.”

Hôm sau, Chu Duy Cao quên mất chuyện trong giấc mộng, vẫn mang bài thi ấy trình lên. Quan chủ khảo hết sức khen ngợi bài ấy, rồi phóng bút gạch xóa bớt hai chữ “hiểm trở”. Chu Duy Cao thấy vậy liền thưa: “Trong bài thi của các thí sinh ở vòng

¹ Chuyện này xem đầy đủ trong kinh Bồ Tát bản hạnh. (Chú giải của soạn giả) Tức là kinh Phật thuyết Bồ Tát bản hạnh (佛說菩薩本行經), 3 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 3, kinh số 155. Đoạn trích này nằm ở quyển 2, trang 116, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 19.

² Chuyện này do một người đồng chấm thi với ông Chu là Ngô Lý Thanh kể lại. (Chú giải của soạn giả)

³ Tức là năm 1669.

này, rất nhiều người dùng hai chữ ấy, có lẽ không nên xóa.” Quan chủ khảo nghe lời thì đổi ý, lệnh cho Chu Duy Cao tẩy xóa chỗ gạch bỏ ấy đi. Đến lúc tẩy, bỗng thấy vết mực thấm sâu qua đến mấy lớp giấy, Chu Duy Cao nhân đó chợt nhớ lại giấc mộng đêm qua, liền quyết định đánh rớt bài thi ấy.

LỜI BÀN

Người ở châu Bắc Câu-lô, khi nam nữ muốn gần gũi nhau thì cùng đi đến dưới một gốc cây. Lúc ấy, tán cây bốn phía liền hạ thấp xuống che kín cho họ, rồi bên trong tự nhiên có đủ giường gối. Nếu người phụ nữ ấy lại chính là mẹ, dì hoặc chị em gái của người nam, thì tán cây nhất định không che xuống. Nếu cố cưỡng bức làm chuyện loạn dâm, thì cây ấy sẽ chết khô.¹

Xem đó có thể thấy rằng việc gian dâm với người cùng huyết hệ là tối kỵ đối với đạo trời. Chỉ bị đánh rớt bài thi² thì đâu đã đủ để trừng phạt tội lỗi ấy!

*Hứa Triệu Hình*³

Hứa Triệu Hình là người ở Tân Giang, thi đỗ cử nhân vào năm Mậu Ngọ, lên đường đến châu Phúc Ninh để bái kiến quan chủ khảo của kỳ thi. Khi tình cờ đi ngang qua một cái am nhỏ, anh ta nhìn thấy một ni cô còn ít tuổi thì ưa thích, buông lời trêu ghẹo nhưng bị ni cô cự tuyệt, liền dùng sức mạnh cưỡng hiếp.

Qua ngày hôm sau, Triệu Hình bỗng nhiên phát cuồng, từ cắn đứt lưỡi mình mà chết.

¹ Xem trong kinh Khởi thế nhân bản. (Chú giải của soạn giả)

² Nguyên tác dùng “thần xuất Tôn sơn - 擯出孫山” (đuổi ra khỏi núi Tôn) để chỉ việc đánh rớt thi sinh. Điển cố này xuất phát từ một cách nói trong tập Qua đình lục (过庭录) của Phạm Công Xung (1126-1158) vào triều Nam Tống. Người đời sau cũng thường nói “danh lạc Tôn sơn” hay “Tôn sơn chi ngoại”, đều là để chỉ người thi rớt.

³ Trích từ sách Cảm ứng thiên thuyết định. (Chú giải của soạn giả)

LỜI BÀN

Đó chẳng qua chỉ là hoa báo¹ hiện tiền, còn quả báo thực sự đang chờ nơi địa ngục.

Người đi thuyền dâng hương²

Vào năm đầu niên hiệu Thuận Trị,³ có một đôi vợ chồng cùng đi thuyền đến dâng hương ở núi Cửu Hoa, ban đêm ngủ lại trên thuyền. Có kẻ xấu thấy người vợ xinh đẹp, nên khoảng nửa đêm giả dạng làm người chồng vào ăn nằm với người vợ. Sáng sớm ra người vợ mới biết, quá xấu hổ nên treo cổ mà chết. Người chồng hết sức đau khổ, mua quan tài tạm táng xác vợ bên đường, đợi lên núi hoàn tất khóa lễ dâng hương rồi lập tức đưa linh cữu về quê.

Về đến nhà, bỗng thấy người vợ đã ở đó rồi. Người chồng kinh hãi ngỡ là mình đang thấy ma quỷ, nhưng người vợ nói: “Chính anh đã đưa tôi về trước kia mà.” Người chồng càng thêm hoảng sợ, liền mở nắp quan tài ra xem, hóa ra trong ấy chính là người đi cùng thuyền [đã làm chuyện xấu đêm hôm nọ], ở cổ có dấu hằn như người treo cổ.

Câu chuyện ly kỳ này truyền khắp xa gần, do đó mà những người đến núi Cửu Hoa dâng hương ngày càng thêm cung kính, đông đảo.

LỜI BÀN

Người đi dâng hương, nhất định phải là hàng thiện nam tín nữ, chính vì thế mà báo ứng đến với kẻ kia mới nhanh chóng thần kỳ như vậy.

¹ Hoa báo: những quả báo xấu ác phải chịu tức thời, ví như cây ra hoa rồi sau mới kết quả. Những việc làm xấu ác phải chiêu cảm quả báo hiện tiền gọi là hoa báo, cũng như cây ra hoa, sau đó nhân duyên hội đủ phải chịu quả báo thực sự, cũng như cây đủ thời gian kết quả.

² Chuyện này do một người ở Tô Châu cùng đi dâng hương kể lại. (Chú giải của soạn giả)

³ Tức là năm 1644.

KHUYÊN NGƯỜI PHÁT TÂM XUẤT THẾ¹

Vào thời đức Phật còn tại thế, một hôm tại tinh xá Kỳ Viên có bốn vị tỳ-kheo cùng nhau bàn luận xem trong thế gian này điều gì là khổ nhất. Một vị cho là sự dâm dục khổ nhất, một vị cho đó là sự đói khát, vị khác lại cho là sự sân hận, còn vị cuối cùng cho là sự kinh hãi sợ sệt. Bốn vị tranh luận không ngừng. Nhân đó, đức Phật dạy rằng: “Những điều các ông nêu ra để tranh luận đó, đều chưa phải là ý nghĩa cứu khổ. Sự khổ trong thế gian này, không gì hơn việc sở hữu cái thân. Những việc như đói khát, dâm dục, sân hận, oán cừu, thảy đều nhân nơi thân này mà khởi sinh. Cho nên, thân là gốc của mọi sự khổ não, là cội nguồn của tất cả những tai họa hoạn nạn.”²

Xét riêng về chuyện dâm dục, có thân nữ ắt tự nhiên luyện ái với nam, có thân nam ắt tự nhiên luyện ái với nữ. Thanh danh bại hoại, tiết tháo tiêu tan, phước lộc hao tổn, tuổi thọ giảm thiểu, hết thảy đều do việc ấy. Ví như giữ được sự trong sạch đức hạnh, ắt nhờ đó được hưởng phú quý. Nhưng lúc được hưởng phú quý rồi, lại rất dễ tạo nghiệp ác. Chỉ cần một ngày làm ác đã phải chịu quả báo trong ngàn vạn kiếp, nên chỗ được không sao bù chỗ mất. Lại ví như lúc hưởng phúc vẫn siêng tu các nghiệp lành, ắt sẽ được sinh lên cõi trời. Nhưng một khi phước báo cõi trời đã hết, lại cũng phải quay trở lại luân hồi. Cho nên, trong kinh có nói: “Chuyển luân Thánh vương cai trị khắp bốn châu thiên hạ, có thể tùy ý bay trên hư không, nhưng hết phước rồi lại sinh làm một con trùng nhỏ sống bám nơi cỏ trâu.”

Cho nên biết rằng, dù là nghiệp duyên phước báo, hết thảy

¹ Phần này trích dẫn kinh điển mười chuyện, nêu ra tám gương tốt và hai gương xấu. (Chú giải của soạn giả)

² Trích từ kinh Pháp cú. (Chú giải của soạn giả) Đúng ra nội dung này được trích từ kinh Pháp cú thi dụ (法句譬喻經), tổng cộng 4 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 4, kinh số 211. Phần được trích dẫn nằm ở quyển 3, trang 595, từ a, bắt đầu từ dòng thứ 13.

rồi cũng quy về thành nguyên nhân của sự đọa lạc, dù là địa ngục hay cõi trời, hết thủy cũng không ra khỏi luân hồi. Nếu không mạnh mẽ phát tâm xuất thế, một lòng hướng theo con đường giác ngộ, chỉ uống công làm chuyện vụn vặt tầm thường, hôm nay làm thiện, ngày mai tạo ác, loay hoay xoay chuyển mãi trong ba đường ác, không thoát khỏi tám nan xú,¹ thật không phải chỗ hướng đến của bậc nam tử trượng phu.

Tuy nhiên, khúc nhạc thanh cao hiếm người hòa nhịp, những lời này chỉ có thể nói với bậc thượng căn trí tuệ mà thôi.

Đức Phật đản sinh²

Đức Phật Bốn sư Thích-ca Mâu-ni vốn đã thành đạo từ vô lượng kiếp trước đây. Vì muốn cứu độ chúng sinh nên ngài đã phân thân thành vô số ứng hóa thân, ở khắp các thế giới khác nhau đều thị hiện đản sinh. Chỉ lấy riêng sự kiện hóa thân của đức Thích-ca [đản sinh] ở thế giới này mà nói, thì chính là thái tử [Tất-đạt-đa] con vua Tịnh Phạn ở nước Thiên Trúc.³ Trước khi đản sinh, ngài ở tại cung trời Đâu-suất, hiệu là Bồ Tát Thiện Tuệ.

Thuở ấy, nước Thiên Trúc có vị thánh vương là vua Tịnh Phạn, thánh hậu là phu nhân Ma-da, đều là những vị cổ Phật trong quá khứ, hiện thân làm bậc quốc vương, quốc mẫu. Bồ Tát cưỡi con voi trắng sáu ngà, từ trên hư không giáng hạ, nhập vào hông bên phải của đức thánh mẫu, sau đó bà lập tức cảm thấy thân thể an vui khinh khoái như được uống nước cam lộ, trí tuệ biện tài cũng đồng thời tự nhiên có đủ. Những món ăn kỳ diệu của chư thiên cõi trời cũng tự nhiên hiện đến đầy đủ cho bà.

¹ Tám nan xú: Tám hoàn cảnh rất khó khăn cho việc tu tập theo Phật pháp.

² Trích từ sách Thích-ca Như Lai phổ (釋迦如來譜). Phần này có vẻ như chẳng liên quan đến việc răn ngừa dâm dục, nhưng vì muốn mở bày cho phân tiếp theo nên không thể không thuật rõ nguyên do ứng hóa ra đời của đức Bốn Sư, hơn nữa cũng là để không mai một đi một đoạn văn kể về đại sự nhân duyên này. (Chú giải của soạn giả)

³ Thiên Trúc: một tên gọi người Trung Hoa dùng để gọi nước Ấn Độ.

Đến kỳ sinh nở, thánh mẫu cùng cung nữ dạo chơi trong vườn, tình cờ đưa tay phải lên vịn cành hoa ba-la-xoa.¹ Ngay lúc ấy, thái tử từ hông bên phải của thánh mẫu đản sinh, phóng tỏa hào quang chói sáng khắp trong trời đất, có ngàn vạn thánh chúng đồng thời hiện ra vui mừng tán thán. Từ trong lòng đất bỗng tự nhiên nổi lên hai hồ nước thơm, một hồ nước lạnh, một hồ nước nóng, để tắm thân thái tử. Trên không trung lại hiện ra chín con rồng phun nước xuống, bốn vị thiên vương cùng hiện ra bế thân thái tử, vua trời Đạo-lợi dùng y phục cõi trời bọc đón lấy.

Khi ấy, thái tử liền hướng về các phương, mỗi phương đều tự mình bước đi bảy bước, nói lên rằng: “Trên trời dưới trời, chỉ có Ta là tôn quý nhất.”

Khi ấy, đức vua Tịnh Phạn đang ngồi trên bảo điện cùng quần thần bàn việc nước, bỗng nghe có vị đại thần nổi trống hoan hỷ, tâu lên việc đản sinh thái tử. Mọi người muốn đưa xe báu [của thánh mẫu và thái tử] quay lại nhập cung, thiên thần Tỳ-thủ-yết-ma lập tức hóa hiện ra xe bằng bảy món báu, bốn vị thiên vương làm người đánh xe. Chư thiên cõi trời đều hiện xuống giữa hư không, đốt lên những hương thơm nhiệm mầu kỳ diệu để cúng dường thái tử.

Thái tử sinh ra có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Mười chín tuổi ngài xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Đó là chỉ nói qua những điều sơ lược nhất, chi tiết tường tận xin xem tại các kinh trong Đại tạng, ở đây không thể nói hết.

KHÔNG NHIỆM DUYÊN TRẦN²

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn mang đầy đủ lễ vật hỏi cưới công chúa Da-du-đà-la về làm thái tử phi, cùng với hai thứ phi khác

¹ Tức là hoa vô ưu.

² Trích từ kinh Phật bản hạnh (佛本行經) và kinh Quá khứ nhân quả (過去因果經). (Chú giải của soạn giả)

nữa tên là Cù-di và Lộc-dã. Như vậy, thái tử có ba người phi.¹

Vua lại cho xây dựng ba cung điện, số cung nữ hầu hạ là ba ngàn người. Cung nữ thuộc cung thứ nhất lo việc hầu hạ thái tử từ lúc đầu hôm, cung thứ hai hầu hạ trong khoảng giữa đêm, cung thứ ba hầu hạ trong khoảng sau giữa đêm về sáng. Trong cung lúc nào cũng tấu lên ngàn vạn khúc nhạc du dương, ngày đêm không dứt.

Thái tử vẫn thường cùng với các phi tần đi đứng nằm ngồi, nhưng tuyệt nhiên không hề khởi lên những ý niệm thế tục. Trong đêm thanh vắng ngài chỉ chuyên tu tập thiền quán, chưa từng cùng với các phi tần làm chuyện như vợ chồng.

Bồ Tát hàng ma²

Khi thái tử đến ngồi dưới gốc cây bồ-đề nhập vào thiền định, Ma vương Ba-tuần thấy thái tử tu hành dũng mãnh, muốn phá hoại đạo hạnh của ngài, liền tập trung hết thầy thiên ma, rồng độc, ác quỷ, cùng kéo đến nơi thái tử đang tu tập, hiện vòng

¹ Chúng tôi tìm thấy nguyên văn đoạn văn trích này trong sách Thích-ca Như Lai ứng hóa lục (釋迦如來應化錄) do Bảo Thành biên soạn vào đời Minh, được xếp vào Vạn tục tạng, Tập 75, kinh số 1511. Đoạn trích này thuộc trang 63, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 23, mang tiêu đề của đoạn là Tất-đạt nạp phi (悉達納妃). Đoạn này mở đầu bằng câu “Nhân quả kinh vân” (因果經云). Điều này chứng tỏ An Sỹ toàn thư đã trích từ sách này và dựa vào câu mở đầu để dẫn chú, chứ không phải trích từ kinh Nhân quả như ghi trên. Tuy nhiên, về người thái tử phi thứ hai tên Cù-di, trong sách Thích-ca phổ (chính là sách mà An Sỹ toàn thư trong đoạn trước gọi là Thích-ca Như Lai phổ), có đoạn này: “太子年十七。王為納妃簡選數千。最後一女名曰裘夷端正第一禮義備舉。是則宿命賣花女也。” - Thái tử niên thập thất, vương vi nạp phi, giản soát số niên. Tối hậu nhất nữ danh viết Cù-di, đoạn chánh đệ nhất, lễ nghĩa bị cử. Thị tác túc mạng mai hoa nữ dã. “ (Thái tử được mười bảy tuổi, vua muốn tuyển thái tử phi, tìm kiếm trong nhiều năm. Cuối cùng tìm được một cô gái tên Cù-di, xinh đẹp đoan trang không ai bằng, lại đủ cả lễ nghĩa đức hạnh. Đây chính là cô gái bán hoa [đã có duyên với thái tử] trong tiền kiếp.) (Đại Chánh tạng, Tập 50, kinh số 2040, trang 6, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 3) Theo mô tả như vậy kết hợp câu chuyện tiền thế bán hoa sen thì có thể chắc chắn sách này đang đề cập đến công nương Da-du-đa-la, nhưng không hiểu sao lại dùng tên Cù-di (cũng sách này, trong một đoạn khác ghi Cù-di 裘夷 / 瞿夷). Qua đây chúng tôi có mấy nghi vấn về việc thái tử có 3 người vợ. Thứ nhất, việc này không thấy đề cập ở kinh sách nào khác, chỉ thấy riêng sách Thích-ca Như Lai ứng hóa lục nêu ra, nhưng dẫn chú lại không chính xác. Thứ hai, đối chiếu với Thích-ca phổ thì thấy sách này có dấu hiệu nhầm lẫn nếu như Da-du-đa-la với Cù-di thật ra chỉ là một người. Thứ ba, tên cô Lộc-dã không thấy nhắc đến ở bất kỳ kinh sách nào khác, nên căn cứ vào hai nghi vấn trước thì việc sách Thích-ca Như Lai ứng hóa lục nêu ra tên này chưa đủ tin cậy.

² Trích từ kinh Quán Phật tam-muội hải (觀佛三昧海經). (Chú giải của soạn giả)

đao, tên lửa từ bốn phía cùng ồ ạt tiến vào. Thái tử nhập tam-muội khởi tâm đại từ, [khiến chúng ma] không thể làm hại gì được.

Ma vương Ba-tuần hết sức tức giận, liền sai ba đứa con gái mình, đội mũ cỡi trời, thân đeo chuỗi anh lạc, dung nhan hết sức xinh đẹp rực rỡ, đi trên xe bằng bảy báu có che màn báu, cùng vô số ngọc nữ theo hầu, tấu lên âm nhạc cỡi trời êm dịu du dương, lại tỏa ra mùi hương thơm quyến rũ từ mỗi lỗ chân lông trên người. Các ma nữ ấy đi đến chỗ thái tử liền dừng xe bước xuống, dáng đi khoan thai, cùng đến chấp tay lễ kính thái tử, sau đó cầm bình báu trong tay có đựng đầy nước cam lộ cỡi trời dâng lên cho thái tử, nói rằng: “Thái tử từ lúc sinh ra đã có muôn ngàn thiên thần hộ vệ, sao lại vất bỏ địa vị tôn quý như vậy mà đến ngồi dưới gốc cây này? Chúng tôi là con gái Thiên vương, trong sáu tầng trời [của Dục giới] không ai hơn được, nay nguyện đem thân phụng sự thái tử, cúi mong ngài nhận lời cho.”

Bấy giờ thái tử không chút dao động thân tâm, chỉ từ nơi khoảng giữa hai chân mày màu trắng [phóng ra ánh sáng] hướng về phía ba cô ma nữ, khiến họ tự nhiên nhìn thấy được [sự thật] trong thân thể mình toàn là máu, mủ, đờm dãi, gân mạch, cho đến chín lỗ thông ra bên ngoài, rồi ruột già, ruột non, gan, mật, pèo phổi... mỗi phần đều có vô số những con trùng nhỏ li ti sinh sống, bơi lội qua lại trong đó. Ba ma nữ [nhìn thấy vậy rồi] lập tức [ghê tởm] nôn mửa. Họ lại tự thấy một người hóa thành đầu rắn, một người hóa ra đầu chồn, còn một người thì hóa ra đầu chó. Trên lưng mỗi người đều cõng một bà già tóc bạc, da mặt nhăn nheo, thân thể như xác người đã chết cứng. Trước bụng mỗi người đều thấy đang bế một đứa bé, mắt tai mũi miệng đều chảy ra chất mủ hôi hám. Ba ma nữ kinh hãi khôn xiết, líu ríu bỏ chạy về.

CHỈ RA CHỖ XẤU CỦA MỸ NỮ¹

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một người bà-la-môn sinh được cô con gái đoan trang xinh đẹp vô cùng. Ông ta treo một bảng cáo thị trước nhà nói rằng, nếu ai có thể chỉ ra được chỗ xấu của con gái ông thì sẽ được thưởng bằng vàng. Trong vòng 90 ngày, không thấy có ai đến chỉ trích cả.

Bấy giờ, người bà-la-môn kia dẫn cô con gái đến chỗ đức Phật. Đức Phật liền chê rằng: “Cô gái này quá xấu, chẳng có gì đẹp.” Ngài A-nan bạch Phật: “Cô gái đẹp thế này, vì sao Phật nói là quá xấu?”

Đức Phật liền dạy: “Mắt không bị huyễn hoặc bởi hình sắc giả tạm, ấy gọi là mắt đẹp; tai không nghe những tiếng tà mị xấu ác, ấy gọi là tai đẹp; lưỡi không tham muốn vị ngon, ấy gọi là lưỡi đẹp; thân không ưa thích những thứ lụa là mềm mại, ấy gọi là thân đẹp; tay không trộm cắp tài sản người khác, ấy gọi là tay đẹp. Cô gái này hiện nay mắt thì đam mê hình sắc, tai thích nghe tiếng thị phi, mũi tham muốn hương thơm, thân ưa thích lụa là, tay muốn lấy tài sản người khác, chỉ sơ lược kể ra như vậy đã thấy không có gì là đẹp cả.”

PHẬT PHÁ TRỪ LÒNG DỤC CỦA NAM GIỚI²

Thuở xưa, ở nước Câu-thiểm-di³ có người tên là Ma-nhân-đề, sinh được một cô con gái đoan trang xinh đẹp, liền đưa đến chỗ đức Phật, tự nguyện cho con mình theo Phật nâng khăn sửa túi.

¹ Trích từ kinh Tạp thí dụ (雜譬喻經). (Chú giải của soạn giả) Thật ra câu chuyện này được trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc tập 53, kinh số 2122, tổng cộng có 100 quyển, do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường. Đoạn trích này nằm trong quyển 75, bắt đầu từ dòng thứ 22, trang 848, tờ b, với câu mở đầu là “又雜譬喻經云” (Hựu Tạp thí dụ kinh văn - Kinh Tạp thí dụ lại có nói rằng). An Sỹ toàn thư đã căn cứ vào câu này để dẫn chú.

² Trích từ kinh Xuất diệu (出曜經). (Chú giải của soạn giả) Thật ra câu chuyện này được trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm (sách đã dẫn trên), quyển 21, bắt đầu từ dòng thứ 19, trang 444, tờ a. Phần trích này có đoạn mở đầu trước đó ghi là: 如出曜經云 (Như Xuất diệu kinh văn - Như trong kinh Xuất diệu có nói rằng). An Sỹ toàn thư đã căn cứ vào câu này để dẫn chú.

³ Câu-thiểm-di: phiên âm từ Phạn ngữ *Kausāmbī*, là một quốc gia thời cổ đại thuộc miền trung Ấn Độ, vị trí ngày nay nằm cách khoảng hơn 40 dặm về phía tây bắc của thành phố Allahabad.

Đức Phật liền hỏi: “Ông cho rằng con gái ông thật xinh đẹp lắm sao?” Ma-nhan-đề đáp: “Đúng vậy, con tôi thật rất đẹp, nhìn kỹ từ đầu xuống chân không có chỗ nào là không đẹp cả.”

Đức Phật dạy: “Thật sai lầm thay cái nhìn bằng mắt thịt. Nay ta nhìn con gái ông từ đầu xuống chân, chẳng thấy có chỗ nào đẹp cả. Ông nhìn thấy trên đầu là tóc, nhưng tóc ấy cùng loại với lông, cũng không khác gì lông nơi đuôi ngựa. Bên dưới tóc là hộp sọ, nhưng sọ ấy tức là xương, nếu so với xương trong đầu lợn đã giết mổ ra, thật cũng không khác. Trong sọ là não, hình dạng nhão nhoẹt chẳng khác chất bùn, nhưng lại có mùi hôi tanh khó ngửi, nếu như đổ tràn trên đất thì ai ai cũng ghê sợ không dám giẫm đạp lên. Cặp mắt đó lại giống như hồ nước, thường chảy ra nước mắt. Trong mũi đầy nước mũi, trong miệng là đờm dãi... Bên trong thân là gan thận phèo phổi hết thảy đều tanh hôi. Trong ruột già, bàng quang thì chứa đầy phân dơ, nước tiểu. Chân tay chẳng qua là những đốt xương, gân tủy bọc trong lớp da, phải dựa vào hơi thở vào ra mà cử động, khác nào người máy bằng gỗ, cử động được là nhờ máy móc bên trong, nếu máy móc ngừng hoạt động ắt toàn thân đều tan rã, từng chi tiết bị tháo rời, chân tay vứt ra bừa bãi... Con người mà ta nhìn thấy bất quá cũng chỉ là như vậy, có chỗ nào là đẹp?”

Phật phá trừ lòng dục của nữ giới¹

Đức Phật hỏi cô Ma-đăng-già:² “Ngươi thương yêu A-nan, đó là thương những gì [của A-nan]?”

Ma-đăng-già thưa: “Con thương mắt, mũi, miệng, tai của A-nan, con thương dáng đi đứng của A-nan.”

¹ Trích từ kinh Ma-đặng nữ (摩鄢女經). (Chú giải của soạn giả) Tức là Phật thuyết Ma-đặng nữ kinh (佛說摩鄢女經).

² Nguyên tác dùng tên Ma-đặng nữ, có nghĩa là “con gái của bà Ma-đặng”, vì Ma-đặng là tên người mẹ của cô này. Nhưng cô gái này thường được biết hơn với tên gọi trong kinh Thủ Lăng Nghiêm là Ma-đăng-già (摩登伽). Ma-đăng-già là cô gái đã dùng chú thuật để mê hoặc ngài A-nan. Xem chuyện này trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Phật dạy: “Trong con mắt chứa đầy nước mắt, trong mũi là nước mũi, trong miệng là nước bọt, trong tai đầy ghét bẩn, trong thân thể chứa phân và nước tiểu, hết thủy đều hôi thối không trong sạch. Vợ chồng hòa hợp liền tiết ra những chất ô uest, trong chất tiết ô uest đó mà hình thành con cái. Sinh ra con cái ắt có lúc chết đi, có chết đi ắt có khổ đau than khóc. Cái thân như thế, [đem lòng thương yêu] nào có ích lợi gì?”

Mục-kiền-liên khước từ phụ nữ¹

Trưởng lão Mục-kiền-liên sau khi xuất gia, tu hành chứng quả A-la-hán. Người vợ cũ trước đây của ngài muốn nối lại tình xưa nên ăn mặc trang điểm thật xinh đẹp tìm đến, cố hết sức quyến rũ ngài. Trưởng lão Mục-kiền-liên liền đọc kệ dạy rằng:

*Thân nhờ gân, xương đứng,
Da, thịt cùng che nhau,
Bên trong đầy nhơ nhớp,
Có gì tốt đẹp đâu?
Tâm ta đồng hư không,
Hoàn toàn không vương mắc.
Dù gặp tiên giáng thế,
Cũng không hề đắm nhiễm.*

Sa-di giữ giới²

Thuở xưa,³ ở nước An-đà có một người ưu-bà-tắc,⁴ cúng dường một vị tỳ-kheo và một sa-di, ngày ngày lo việc cung cấp thức ăn. Một hôm, cả nhà đều đi vắng, chỉ còn một cô gái mười

¹ Trích từ kinh Thiên bí yếu (禪祕要經). (Chú giải của soạn giả)

² Trích từ kinh Hiền ngu nhân duyên (賢愚因緣經). (Chú giải của soạn giả)

³ Nguyên tác ghi “佛世 - Phật thế”, nhưng đoạn cuối câu chuyện cho thấy đức Phật đã nhập Niết-bàn, vì thế chúng tôi chỉ dịch là “thuở xưa” mà không dịch là “Phật còn tại thế”.

⁴ Tức là cư sĩ nam, người đệ tử Phật tu tại gia.

sáu tuổi ở nhà, dung mạo xinh đẹp vô cùng. Tình cờ, hôm ấy cô gái quên mất chuyện mang thức ăn đến chùa cúng dường. Đến giờ ăn, vị tỳ-kheo liền sai chú sa-di tự đi đến nhà người ưu-bà-tắc ấy để nhận thức ăn.

Cô gái nghe tiếng gõ cửa, biết là chú sa-di đến, mừng rỡ ra đón vào nhà, cử chỉ hết sức đa tình quyến rũ, lại nói với sa-di: “Tài sản nhà tôi nhiều lắm, không thể tính xuể, nếu anh chịu thương tôi, tôi sẽ làm vợ anh ngay.”

Chú sa-di tự suy nghĩ: “Không biết ta đã tạo tội gì mà nay gặp phải chuyện xấu ác này. Ta thà bỏ mạng cũng không thể hủy phá giới luật. Nhưng nếu giờ ta bỏ chạy khỏi nơi này, cô ta chắc chắn sẽ lôi kéo, chạy theo, người đi đường nhìn thấy thì hóa ra chuốc lấy sự ô nhục.”

Nghĩ như vậy rồi liền dùng phương tiện khéo léo, bảo cô gái: “Vậy cô hãy đóng cổng lại, để ta vào phòng nghỉ ngơi một lát rồi sẽ chiều theo ý cô.”

Cô gái nghe lời liền đi ra đóng cổng. Sa-di bước vào phòng, nhìn thấy một con dao cắt tóc thì mừng rỡ, liền cởi bỏ y ngoài, quỳ xuống chấp tay cung kính quay về hướng thành Câu-thi-na là nơi đức Phật nhập Niết-bàn, rơi nước mắt phát lời nguyện rằng: “Con nay không thể hủy phá giới luật của chư Phật, Bồ Tát [chế định], cũng như giới luật hòa thượng [đã truyền trao], nên quyết định tự xả bỏ thân này. Nguyện cho con được đời đời kiếp kiếp sinh ra đều xuất gia tu tập Chánh đạo, trọn thành Phật đạo.”

Sa-di phát lời nguyện như thế rồi liền dùng dao tự đâm vào cổ mà chết, máu chảy lênh láng. Cô gái quay vào nhìn thấy, tâm tham dục lập tức nguội lạnh, hết sức hối hận, liền dùng dao tự cắt tóc mình.

Khi người cha quay về gọi cửa, không thấy ai ra mở, liền sai người leo qua cổng vào mở cửa. Vào nhà rồi, nhìn thấy con

gái như vậy liền kinh hãi truy vấn nguyên do. Cô gái im lặng không đáp, suy nghĩ: “Nếu mình nói thật thì xấu hổ, nhục nhã quá. Nhưng nếu vu oan cho sa-di làm nhục mình thì chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục, chịu khổ vô cùng.” Suy nghĩ hồi lâu như thế, liền quyết định nói ra sự thật.

Người cha nghe rồi liền vào phòng, chấp tay cung kính lễ bái di thể. Đức vua nghe biết chuyện này cũng đến lễ bái, hết lời xưng tán ngợi khen. Những người nghe biết chuyện này, hết thảy đều phát tâm Bồ-đề, [cầu thành quả Phật].

Quả báo của tội sa-di ôm nhau ngủ¹

Tỳ-kheo Tăng Hộ sau khi ra khỏi cung điện của Long vương, đi đến một chỗ kia, thấy đủ hết thấy mọi chuyện rất đáng kinh sợ, như có những tòa nhà mà tường vách trụ cột đều do máu thịt chất thành, [tội nhân trong đó] bị lửa dữ thiêu đốt khổ sở, cộng tất cả có 56 việc đáng sợ như vậy.² Trong đó nhìn thấy có hai sa-di ôm nhau nằm ngủ, lửa dữ thiêu đốt khổ sở, không một lúc nào được tạm dừng.

Tỳ-kheo Tăng Hộ ra khỏi nơi ấy liền đến thưa hỏi Phật, được Phật ân cần giải đáp nguyên nhân từng việc.³ Đức Phật lại dạy rằng: “Ông nhìn thấy hai sa-di đó, chính là người đã đọa vào địa ngục. [Hai người ấy] vào thời đức Phật Ca-diếp xuất gia tu hành, lại cùng nhau đắp chung một tấm chăn và ôm nhau ngủ. Vì tội ấy mà nay bị đọa vào địa ngục, nằm trong một tấm chăn bị lửa thiêu đốt không ngừng, cùng ôm nhau chịu khổ, đến nay vẫn chưa dứt tội.”

¹ Trích từ kinh Tăng Hộ (僧護經). (Chú giải của soạn giả) Tên kinh đầy đủ là kinh Phật thuyết nhân duyên Tăng Hộ (佛說因緣僧護經), được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 17, kinh số 749, 1 quyển, đã mất tên người dịch. Câu chuyện này nằm ở trang 589, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 9.

² Xem chi tiết tường tận trong kinh. (Chú giải của soạn giả)

³ Xem chi tiết trong kinh. (Chú giải của soạn giả)

Nghiệp thức hóa làm trùng¹

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một vị cư sĩ tu hành thanh tịnh, tin sâu, cúng dường Tam bảo. Vào lúc ông lâm chung, người vợ ở bên cạnh than khóc thảm thiết, ông nghe như vậy sinh lòng luyến ái, ngay lúc ấy qua đời, thần thức liền không đi đâu được, lập tức hóa sinh làm một con trùng nhỏ ở trong mũi người vợ.

Bấy giờ có một vị tăng² đi ngang qua, thấy người vợ khóc than quá thảm thiết liền ghé vào dùng lời khuyên nhủ, an ủi. Khi ấy người vợ khóc nhiều, nước mắt nước mũi cùng tuôn ra, con trùng cũng theo đó mà rơi xuống đất. Người vợ nhìn thấy con trùng [từ trong mũi mình ra] thì hổ thẹn, muốn dùng chân đạp lên. Vị tăng thấy vậy gấp rút ngăn cản, nói: “Đừng, đừng giết nó. Đó chính là chồng cô vừa mới hóa sinh đó.”

Người vợ ngạc nhiên nói: “Chồng tôi là người tụng kinh, giữ giới, tu tập tinh tấn khó có người theo kịp, vì nhân duyên gì lại có chuyện [hóa sinh làm trùng]?”

Vị tăng liền đáp: “Do tình ân ái của cô, lúc ông ấy lâm chung lại than khóc thảm thiết, khiến trong lòng ông ấy khởi sinh sự luyến ái quá mạnh, phải đọa làm thân trùng.”

Nhân đó vị tăng liền thuyết pháp cho con trùng nghe. Nghe xong, con trùng khởi tâm sám hối, vừa bỏ thân trùng liền sinh về cõi trời.

LỜI BÀN

Lúc lâm chung là thời điểm hết sức khẩn thiết và quan trọng, chỉ cần một ý niệm sai lầm thì bao nhiêu công phu tu tập trước đó

¹ Trích từ kinh Pháp cú dụ (法句喻經). (Chú giải của soạn giả) Đứng ra là kinh Pháp cú thí dụ (法句譬喻經).

² Nguyên bản dùng “道人 - đạo nhân” (người tu đạo), nhưng xét theo nội dung trò chuyện và việc vị này vì con trùng thuyết pháp thì biết đạo nhân này chính là một vị tăng si Phật giáo.

đều mất hết. Phải hết sức thận trọng với điều này.

Trong muôn điều ác [của con người], chỉ duy nhất có tà dâm là nghiêm trọng nhất. Huống chi [người làm quan] ở địa vị cao, bản thân mình là khuôn mẫu phép tắc để giáo hóa muôn dân noi theo, càng không thể xem nhẹ. [Người làm quan] là bề tôi tay chân giúp dật cho vua, phải thường nỗ lực chuyên cần đem những lời tốt đẹp mà khuyên răn can gián, là cha mẹ của muôn dân, phải thường ân cần dạy bảo giáo hóa, giúp cho phong tục xã hội ngày càng tốt đẹp.

[Nay vì lợi ích quần sinh, xin] liềm lĩnh đem hết những lời quê kệch hiển dâng lên cho các vị [quan chức], mong có thể [nỗ lực thực hành theo đó rồi] mở rộng, bổ sung thêm, làm lợi ích cho muôn người.

Phần thứ nhất: Ra sức giúp vua trị nước tốt đẹp.

1. Trong việc giúp vua, trước hết là phải giữ lòng trong sạch, giảm thiểu sự ham muốn;
2. Tiếp đến phải thường trình bày với vua những lý lẽ về nhân quả thiện ác, hiển thiện được phước báo và tà ác phải chịu họa hại;
3. Thứ ba, không dâng lên vua những sách khiêu dâm;
4. Thứ tư, không hiến cho vua những cô gái đẹp;
5. Thứ năm, thường khuyên vua tuyển ít phi tần, cung nữ;
6. Thứ sáu, thỉnh cầu vua ban lệnh cấm khắp trong thiên hạ không được biên soạn in ấn các sách khiêu dâm;
7. Thứ bảy, hạn chế những phường trò, ca kỹ hý lộng;
8. Thứ tám, thực hiện việc in ấn lưu hành kinh điển, sách vở của

Tam giáo.¹

Tám điều nêu trên, những điều trước tiên có thể giúp thành tựu đức độ của bậc quân vương, tiếp theo là nỗ lực trọn vẹn đạo nghĩa của người bầy tôi, tạo phúc lành trong cung nội, và những điều cuối cùng là ban ân điển rộng khắp cho nhân dân cả nước.

Phần thứ hai: Khuyến khích phát triển phong tục tốt đẹp.

1. Phải tăng thêm việc ghi chép truyền bá những tấm gương tiết hạnh, nghĩa khí [trong nhân dân];

2. Đối với những phụ nữ tiết hạnh hoặc nam giới có nghĩa khí, phải ban tặng biển ngạch² để khích lệ, tưởng thưởng, nhưng không cho phép bày tiệc rượu chúc mừng;

3. Thực hiện in ấn lưu truyền các sách khuyến thiện;

4. Nghiêm khắc thực hiện lệ cấm không được cưới vợ hoặc sinh con trong thời gian đang để tang vợ hoặc tang chồng;

5. Nghiêm cấm việc nuôi kỹ nữ, phường trò trong nhà [để phục vụ ăn chơi];

6. Nghiêm cấm việc biên soạn, in ấn lưu truyền các sách khiêu dâm;

7. Nghiêm cấm mua bán, lưu hành các loại tiểu thuyết phong tình, [khêu gợi tình cảm nam nữ có hại cho phong hóa];

8. Nghiêm cấm việc tạo vẽ các bức tranh miêu tả chuyện tình cảm nam nữ;

9. Nghiêm cấm việc tạo tượng mỹ nữ;

¹ Tam giáo: chỉ Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo.

² Biển ngạch: tấm bảng lớn trước cổng nhà hoặc tấm hoành phi treo trong nhà, trên đó ghi những chữ lớn do vua hoặc quan địa phương ban tặng để ghi nhận đức hạnh hoặc công lao đóng góp của một người dân.

10. Nghiêm cấm việc mua bán lưu hành các loại thuốc kích dục hoặc dụng cụ kích dâm;
11. Nghiêm cấm tất cả các trò cờ bạc;
12. Nghiêm cấm việc dùng thế lực cướp đoạt hoặc mua bán người, bất kể nam hay nữ;
13. Nghiêm cấm việc rước tượng thần đi diễu trên đường phố, những chỗ đông người;
14. Nam nữ nếu không có lý do chính đáng không được cho vào các tu viện, ni viện;
15. Phụ nữ không được ăn mặc khêu gợi đi ra bên ngoài.
16. Hâu thiếp không được dùng y phục bằng tơ lụa mỏng manh, khêu gợi.
17. Tỳ nữ không được dùng dầu nhuộm tóc, tô điểm phấn sáp.
18. Đánh thuế nặng vào việc sản xuất, mua bán rượu.

[Quan chức địa phương nên thực hiện] mười tám điều nêu trên. Những điều trước tiên là tôn trọng thực hiện theo lễ giáo, tiếp theo là ngăn cấm những khuynh hướng khêu gợi dâm tà trong xã hội, và những điều cuối cùng là giúp người dân tiết kiệm việc chi tiêu.

Phần thứ ba: Giữ kỷ luật, kiểm soát binh sĩ.

1. Nghiêm cấm việc cưỡng bức hãm hiếp người dân.
2. Không cho phép tùy tiện đi vào những nơi tu hành của ni chúng.

Hai điều nêu trên, điều thứ nhất áp dụng chung trong toàn quân đội, điều thứ hai áp dụng riêng cho các trường hợp liên quan.

Phần thứ tư: Không dễ dãi xem nhẹ việc chấp nhận đơn thư cáo trạng.¹

[Phải hết sức thận trọng lưu tâm đến các trường hợp khiếu kiện:]

1. Đưa đến việc vợ chồng ly dị nhau.
2. Có liên quan đến ni cô hoặc góa phụ.
3. Những chuyện dan díu nam nữ không có chứng cứ xác thực.
4. Nguyên đơn hoặc bị đơn là người còn ở độ tuổi vị thành niên.

Bốn điều nêu trên, trước là giữ gìn đức trung hậu, sau là bảo vệ tình người.

Phần thứ năm: Không bắt bớ phụ nữ.

[Không được bắt giam phụ nữ nếu rơi vào các trường hợp sau đây:]

1. Không liên quan đến các tội phản nghịch nghiêm trọng.
2. Phụ nữ phạm tội ngay trước thời gian có lệnh đại xá trong khắp nước.
3. Phụ nữ có chồng hoặc con trai có thể chịu tội thay.
4. Phụ nữ sắp sửa lấy chồng.
5. Phụ nữ vừa mới kết hôn.
6. Phụ nữ đang mang thai sắp đến kỳ sinh nở.
7. Gặp lúc bản thân mình sắp đi xa, không thể thẩm xét kỹ trước khi ra lệnh bắt.

¹ Theo pháp luật thời xưa, khi người dân nộp cáo trạng (đơn khiếu kiện) thì vị quan địa phương có quyền xem xét nội dung để chấp nhận hoặc bác bỏ. Nếu nhận thì phải tra xét rồi mời đôi bên nguyên cáo và bị cáo cùng đến giải quyết, nếu không thì xem như không có việc đó. Quan địa phương nếu dễ dãi chấp nhận mọi cáo trạng sẽ dẫn đến nhiều trường hợp người khiếu kiện không đủ chứng cứ vẫn gây phiền nhiễu cho người khác, nhất là bốn trường hợp được nêu ở đây.

8. Gặp lúc bản thân mình đang có sự tức giận hoặc sau khi uống rượu [thì không ra lệnh bắt].

Tám điều nêu trên, trước là luận xét hợp lý theo sự việc, sau là có châm chước theo tình người, cuối cùng là có sự tự xét bản thân mình.

Phần thứ sáu: Phải xét kỹ trước khi bắt phụ nữ.

[Các trường hợp sau đây trước khi quyết định ra lệnh bắt phụ nữ phải cân nhắc, xem xét thật kỹ:]

1. Vào các ngày lễ tiết quan trọng trong năm.
2. Đang lúc thời tiết quá nóng bức hoặc quá rét buốt.
3. Sự việc không quá gấp, vẫn còn có thể trì hoãn [để xem xét lại].
4. Khoảng cách quá xa, nếu bắt giải đi phải ngủ qua đêm giữa đường.
5. Sự việc có thể tìm được phương cách hòa giải.
6. Nguyên đơn là nhà giàu có quyền thế.
7. Đương sự hành động do thiếu suy nghĩ chín chắn, [không cố tình gây tội].
8. Vào lúc muốn bắt thì đương sự đang là người xuất gia làm ni cô.
9. Đương sự là người tiết hạnh, đã thủ tiết thờ chồng qua nhiều năm.
10. Đương sự là con nhà hiền lương.
11. Đương sự hiện đang mang thai.
12. Đương sự vừa trải qua các tai nạn như bị cướp bóc, bị cháy nhà v.v...

Mười hai điều nêu trên, trước hết là cân nhắc yếu tố thời tiết, tiếp đến xem xét địa hình đường xá, sau đó khảo sát kỹ các yếu

tổ liên quan đến sự việc phạm tội, và cuối cùng cân nhắc, xem xét hoàn cảnh thực tế của đương sự.

Phần thứ bảy: Thận trọng những điều có thể gây dị nghị.

[Người làm quan phải tránh không làm những việc sau đây:]

1. Không dùng gái đẹp, trai tơ hiến tặng để kết giao những nơi quyền quý [nhằm tạo thế lực].

2. Không dung túng, không cho phép thuộc hạ, người hầu cận hoặc con em, thân quyến của mình đến chơi những nơi lầu xanh, kỹ viện.

3. Không cười thêm thê thiếp ở nơi mình đang trấn nhậm.

4. Không thường xuyên thưởng hoa, ngắm trăng.

5. Không sử dụng các loại thuốc hay phương tiện kích dục.

6. Không tuyển ca kỹ, vũ nữ để phục vụ riêng trong phủ.

7. Không dự các yến tiệc có ca múa, vũ nhạc, kỹ nữ giúp vui hầu rượu.

Bảy điều nêu trên, trước là giữ gìn không để mất danh tiết, sau là thận trọng không để mất uy vọng của mình đối với người dân.

Phần thứ tám: Phải giữ lòng nhân khi dùng hình phạt.

[Khi buộc phải dùng đến hình phạt, nên chú ý những điều sau:]

1. Thụ sinh còn đang học tập, nếu phạm tội nên giao cho giáo

quan¹ xử phạt.

2. Người tu hành như tăng sĩ, đạo sĩ... nếu phạm tội, trước tiên phải bắt họ cởi áo hoàn tục, sau đó mới áp dụng hình phạt.

3. Phụ nữ nếu phạm tội chịu phạt trọng, khi chịu đòn phải cho họ mặc đủ y phục.

4. Phụ nữ phạm tội nặng phải giam ở ngục riêng, [không chung chạ cùng người khác].

Bốn điều nêu trên, trước là có sự áp dụng thích hợp với kẻ cao quý, người hạ tiện, sau là có xét đến sự khác biệt giữa nam nữ.

Phần thứ chín: Không cưới thêm thê thiếp.

[Người làm quan trong các trường hợp sau đây không được cưới thêm thê thiếp:]

1. Đã có con nối dõi.
2. Đã già yếu.
3. Đã có nhiều thê thiếp.
4. Đã tạo nghiệp tà dâm.
5. Vợ nhà tánh tình hung dữ.
6. Trong nhà có người giúp việc đẹp trai tuấn tú.
7. [Tuy chưa có con nhưng] đã áp dụng nhiều phương cách để cầu có con mà không hiệu quả.
8. Bản thân được phú quý vinh hiển nhưng vợ mình còn ở nơi quê nhà.

Tám điều nêu trên, trước hết luận về lý lẽ, sau đó xét đến tình trạng thực tế, cuối cùng dựa theo tình cảm thông thường mà ứng xử.

¹ Giáo quan: quan lại phụ trách việc giáo dục ở địa phương.

Phần tiếp theo dưới đây [không chỉ dành riêng cho người làm quan, mà] áp dụng cho cả hàng nho sĩ hoặc dân thường.

Phần thứ mười: Những trường hợp không nên cưới làm thiếp.

1. Phụ nữ cùng họ với mình.
2. Con gái nhà có học.
3. Ni cô hoặc góa phụ thủ tiết.
4. Trước đây từng làm tỳ nữ hầu hạ cha hoặc ông nội mình.

Bốn điều nêu trên, trước là nói đến những trường hợp bên ngoài, sau là nói về những trường hợp trong gia đình.

PHƯƠNG PHÁP ỨNG XỬ TRONG GIA ĐÌNH¹

Đã sinh ra làm một đấng mày râu, đường đường bậc trượng phu nam tử, trong gia đình tất cả mọi người đều tôn trọng kính ngưỡng noi theo, nếu bản thân mình phạm sai lầm, làm việc bất chính, ắt mọi việc trong nhà cũng theo đó mà sai lệch, đi vào đường xấu ác.

Xưa nay lòng trời vẫn ghét kẻ dâm tà, khác nào như ta nhỏ bỏ nước bọt. Những trường hợp chịu quả báo xấu của sự tà dâm thật nhiều đến không thể tính đếm. Nói ra chỉ khiến trong lòng càng thêm thương cảm tội nghiệp, nghe đến việc này lại càng tê thảm đốn đau. Vì thế nên tôi không ngại khó nhọc, chỉ một lòng thương xót muôn người, đem hết những chỗ thấy biết hẹp hòi của mình trình bày ra dưới đây. Nếu ai có thể theo

¹ Chương này chia làm mười phần, tất cả có một trăm điều, đa phần thuộc phạm vi ứng xử, sửa trị trong gia đình.

đúng như vậy mà ứng xử, sửa trị trong gia đình, nhất định sẽ để lại danh thơm tiếng tốt đến muôn đời.

Phần thứ nhất: Ngăn dứt mọi điều kiện dẫn đến tà dâm.

1. Không cho phép kỹ nữ vào nhà.
2. Không cho những kẻ diễn trò ca kịch hát xướng vào nhà.
3. Không cho những kẻ cờ bạc, ăn chơi đàng điếm vào nhà.
4. Không cho những người hành nghề đồng cốt, bói toán vào nhà.
5. Không cho những người bán thuốc kích dục vào nhà.
6. Không cho những người bán dụng cụ kích dâm vào nhà.

Sáu điều nêu trên, trước là ngăn chặn những đối tượng có thể tà dâm, sau là dứt hẳn những duyên xấu có thể hỗ trợ cho việc tà dâm.

Phần thứ hai: Tránh những điều có thể làm nảy sinh sự hiềm nghi.

1. Anh em ruột thịt, người này không được vào phòng ngủ của người kia.
2. Chị dâu, em chồng khi gặp nhau, cười nói không được để lộ răng.
3. Con trai, con gái từ sau 5 tuổi không được ngủ cùng giường, sau 10 tuổi không được cùng ngồi ăn.
4. Người trong nhà không được đổi mặc đồ lót của nhau.
5. Chị em gái sau khi đã có chồng, người này không được đến phòng ngủ của người kia.

6. Chị em gái, chị dâu, em chồng sống chung một nhà không được gặp gỡ riêng tư [khi không có người khác].

7. Chị em gái đang mặc áo tang không gặp gỡ riêng với nhau.

8. Con trai khi bông bế em gái nhỏ tuổi hoặc cháu gái, phải mặc y phục kín đáo, không được để thân trần, không hôn hít lộ liễu.

9. Con dâu trong nhà vô cớ không được gặp gỡ anh rể, em rể.

10. Chàng rể không được tự mình đến gặp riêng chị vợ, em vợ.

11. Chàng rể đến nhà vợ, không được tự mình đi vào nhà trong.

12. Anh hoặc em trai của người vợ lẽ không được vô cớ gặp gỡ người vợ chính.

13. Con dâu được nhận nuôi từ nhỏ,¹ tuy lúc còn nhỏ tuổi cũng không được phép ngồi ăn cơm chung với cha chồng.

14. Nếu không phải họ hàng thân thích, thê thiếp trong nhà không được ra trò chuyện với khách đến chơi.

15. Nếu không phải những ngày lễ tiết quan trọng, thê thiếp trong nhà không được ra tiếp xúc trò chuyện với khách đến nhà.

Mười lăm điều nêu trên, trước là ngăn ngừa trường hợp giữa những người trong cùng họ, tiếp đến là trường hợp với những người khác họ, cuối cùng là những điều cần chú ý đối với cả người cùng họ và khác họ.

Phần thứ ba: Răn dạy người trong nhà.

1. Phụ nữ trong nhà không nên quát la to tiếng.

2. Phụ nữ không nên trang điểm xinh đẹp, không xông ướp nước hoa, dầu thơm.

3. Phụ nữ không ra ngoài xem rước đèn, diễn kịch.

¹ Đây nói theo tục lệ ngày xưa, hai nhà kết hôn ước từ lúc đôi bên trai gái còn thơ ấu. Trường hợp này là nhà chồng nhận đón con dâu về nuôi từ thuở nhỏ (童养媳 - đồng dương tức).

4. Phụ nữ không được từ trong nhà nhìn lên ra ngoài qua khe cửa.
5. Phụ nữ nếu phải uống rượu, chỉ uống rất ít.
6. Phụ nữ không được nói năng thô tục, thiếu sự thanh nhã.
7. Vợ chồng phải kính trọng lẫn nhau, đối xử theo lễ nghi nghiêm trang như với khách đến nhà.
8. Phụ nữ cười nói không được để lộ răng.
9. Dù tiết trời nóng nực cũng không được cởi áo ngoài.
10. Vào mùa hè nóng bức, đàn ông thân dưới vẫn phải mặc ít nhất hai lớp y phục, phụ nữ phải đủ ba lớp.
11. Y phục của phụ nữ không được mang phơi những nơi bên ngoài nhìn thấy, không được ướp hương thơm.
12. Thư từ, văn bản giao dịch, không nên để vợ viết thay chồng.
13. Vợ lẽ không được tiếp xúc gần gũi với trẻ hầu nam.
14. Đây tớ trai không được cởi trần.
15. Tỳ nữ không được vào chợ mua sắm.

Mười lăm điều trên đây, trước là răn dạy vợ và tỳ thiếp, sau là răn dạy những người giúp việc nam, nữ trong nhà.

Phần thứ tư: Dạy dỗ con em.

1. Trước mặt con cái, vợ chồng không đùa cợt với nhau.
2. Con trai được mười tuổi trở lên không cho phép tiếp xúc với hầu gái.
3. Khi [đưa con] đến chơi nhà bạn bè, không cho phép tự ý vào nhà trong.
4. Khi đi trên đường, dạy con chỉ nhìn thẳng phía trước, [không liếc ngó hai bên].
5. Con trai không cho phép uống nhiều rượu.

6. Không cho phép đi xem rước đèn, xem diễn kịch, đi chơi xuân.

7. Không cho tập chơi các trò cờ bạc, cá độ ăn thua.

8. Không cho phép giao du, thân cận với những kẻ hung bạo ngông nghênh.

9. Không cho theo học với những thầy giáo hủy báng Tam bảo.

10. Sớm dạy cho con cái biết tu tập các phép quán như quán bất tịnh, [quán từ bi] v.v...

11. Thường dạy cho con biết những lẽ thiện ác báo ứng, tai họa hay phúc báo đều do mình tự tạo.

12. Con gái còn nhỏ không cho người giúp việc phái nam bông bế.

13. Con gái từ sau khi được sáu tuổi không cho đi ra khỏi nhà [một mình].

14. Cấm con gái uống rượu.

15. Không cho con đọc các loại tiểu thuyết mô tả, kêu gọi tình cảm luyến ái.

16. Con gái không cho học các môn chơi đàn, đánh cờ, làm thơ, vẽ tranh.

17. Thường khuyên con biết tụng kinh, niệm Phật.

18. Dạy con gái ghi nhớ noi theo tam tông, tứ đức.¹

Mười tám điều nêu trên, những điều trước hết nêu việc [cha mẹ phải sửa mình] nghiêm chỉnh theo khuôn phép để làm căn bản, tiếp theo là dạy dỗ con trai, cuối cùng là dạy dỗ con gái.

¹ Tam tông tứ đức: khuôn mẫu của nền giáo dục Nho giáo đối với người con gái. Tam tông bao gồm: tại gia tông phụ (sống trong nhà phải vâng lời cha), xuất giá tông phu (sau khi lấy chồng phải theo chồng), phu tử tông tử (nếu chồng mất đi phải sống vì con). Tứ đức bao gồm: công (các kỹ năng thêu thùa, bếp núc...), dung (giữ gìn dáng vẻ, diện mạo, đi đứng nghiêm trang), ngôn (nói năng khéo léo biết lựa lời, hợp lúc, hòa nhã...), hạnh (luôn tu sửa đức hạnh của bản thân).

Phần thứ năm: Con cái trưởng thành, xây dựng gia đình.

1. Con trai chưa đến tuổi trưởng thành¹ thì chưa tiến hành hôn sự.
2. Con rể đến ở nhà gái, con dâu được nhà chồng nhận nuôi từ nhỏ, khi chưa thành hôn thì chưa được gặp mặt nhau.
3. Khi tổ chức hôn lễ, đêm động phòng vợ chồng không được cười đùa to tiếng.
4. Con trai đã trưởng thành (sau 20 tuổi), người cha phải tiết giảm tình dục.
5. Con trai đã thành hôn, người cha phải dứt hẳn chuyện tình dục.

Năm điều vừa nêu trên, trước là nói về đạo làm chồng, sau nói đến đạo làm cha.

Phần thứ sáu: Nghi lễ tang ma, cúng giỗ.

1. Trong thời gian để tang [cha mẹ] ba năm, không được cưới vợ, nạp thiếp.
2. Trong thời gian để tang [cha mẹ] ba năm, vợ chồng không ngủ chung một phòng.
3. Trong thời gian để tang một năm [đối với các người thân khác], vợ chồng tuy có thể ngủ chung phòng nhưng phải tiết chế chuyện ân ái.
4. Cha mẹ đã qua đời, ngày kỵ giỗ vợ chồng không được ngủ chung một phòng.
5. Trong thời gian ba ngày trước ngày giỗ cha hoặc mẹ, vợ chồng tuy có thể ngủ chung phòng nhưng phải tiết chế chuyện ân ái.

¹ Theo tục lệ thời xưa, con trai đủ hai mươi tuổi thì tổ chức lễ đội mũ (冠禮 - quán lễ), sau đó mới được xem là trưởng thành.

Năm điều nêu trên đây, trước là những sự tiết chế khi để tang, sau là những sự tiết chế khi ky giỗ.

Phần thứ bảy: Tổ chức yến tiệc.

1. Khi tổ chức tiệc tùng chiêu đãi, không kèm theo âm nhạc ca hát.
2. Không say sưa ca hát, uống quá chén.
3. Không để tỳ thiếp hầu rượu, chúc rượu cho khách.
4. Phụ nữ góa chồng nếu không phải là người quá thân thiết trong gia tộc thì không được mời đến nhà uống rượu, càng không được giữ lại nhà qua đêm.
5. Trong nhà có con gái, nếu có khách nam ở lại qua đêm, phải bố trí phòng ngủ cách xa.
6. Nếu khách có tỳ nữ đi theo, nên bố trí cho nghỉ cùng phòng với bà chủ của họ.
7. Nữ tỳ [đã có chồng] còn ít tuổi, nếu phải sai đi mời khách ở xa, nên để người chồng cùng đi.

Bảy điều nêu trên, trước là những điều nam giới cần chú ý, sau là những việc cần sắp xếp thỏa đáng cho phụ nữ.

Phần thứ tám: Biết lo xa.

1. Người chủ trong một nhà phải thường thức khuya dậy sớm [coi sóc công việc], cửa nẻo phải luôn cẩn thận.
2. Không tham dự những lễ hội tà vạy như nghênh rước tượng thần...
3. Con trai, con gái xét thấy tính tình nghiêm cẩn thật thà thì nên chậm việc hôn nhân, nếu thấy tính tình năng động nhanh nhẹn thì nên sớm định việc cưới gả.

4. Con trai còn quá nhỏ không nên định trước chuyện hôn sự; không quá tin vào người mai mối.

5. Nếu nhận nuôi con dâu từ nhỏ, không được để dài xem giống như con gái.

6. Nếu vợ chết lúc đã có hai con rồi, không cưới vợ khác.

7. Nếu vợ chết lúc có một con, chỉ nên nạp thiếp mà không cưới vợ kế, để tránh tình trạng vợ kế sẽ ngược đãi con của vợ trước.

8. Con gái còn ít tuổi mà góa chồng, nếu xét thấy là người có ý chí thì cho thủ tiết, nếu thấy là người yếu ớt không kiên định thì nên tính chuyện tái giá.

9. Nuôi bà vú [nhờ giữ con], không nên chọn người có nhan sắc.

10. Không công khai ngợi khen sắc đẹp của tỳ thiếp.

11. Người hầu trong nhà, trai gái không cho phép ăn cùng mâm, ngủ cùng phòng.

12. Không chọn những người hầu tuấn tú, đẹp trai.

13. Không cất giữ trong nhà những loại tiểu thuyết, hí kịch.

14. Không sưu tầm cất giữ tranh tượng mỹ nữ.

15. Không sưu tầm cất giữ các loại nhạc khí.

Mười lăm điều nêu trên, trước là lưu ý đề phòng bên ngoài, sau bàn đến chuyện hôn nhân cưới gả, tiếp nữa là việc chọn hầu thiếp, cuối cùng là nói về các món vật giải trí.

Phần thứ chín: Những điều cấm kỵ [phải đề phòng].

1. Cha con cùng chung sống, phải đề phòng xảy ra chuyện loạn luân.

2. Anh em sống chung với nhau, phải đề phòng xảy ra chuyện

dâm loạn.

3. Thân thích sống chung với nhau, phải đề phòng xảy ra chuyện dâm loạn.

4. Con gái chưa có chồng mà giao tiếp với bên ngoài, phải đề phòng chuyện xấu trong phòng the.

Bốn điều nêu trên, trước là đề phòng sự băng hoại luân thường, sau là giữ gìn đức hạnh, danh tiếng.

Phần thứ mười: Sai khiến, đối đãi với kẻ dưới.

1. Đối đãi khoan dung với nô bộc trong nhà, thường xem như con trai của mình.

2. Đối với tỳ nữ, thường xem như con gái của mình.

3. Bà chủ vắng nhà, tỳ nữ không được phép vào nằm trong phòng ngủ.

4. Những việc như cời giày, mũ, thay y phục, đàn ông không được sai tỳ nữ giúp mình.

5. Đổ rửa bô tiểu của người nam, không được sai tỳ nữ.

6. Nô bộc trong nhà, khi đến tuổi nên sớm lo liệu hôn nhân; sau khi vừa mới kết hôn, không được sai khiến những việc phải đi xa.

7. Tỳ nữ nếu được cha mẹ mang tiền đến chuộc, phải nhanh chóng hoàn trả giấy bán thân cho họ.

8. Nô bộc trong nhà sinh con gái, chuyện cưới gả nên cho phép họ đứng ra làm chủ.

9. Người hầu trai, hầu gái trong nhà dan díu với nhau phải trục xuất ra khỏi nhà, nhưng không được dùng đòn roi đánh đập.

10. Khi trách mắng người hầu, nam cũng như nữ, không được nặng lời xúc phạm đến cả cha mẹ, vợ hoặc chồng của họ. Cũng phải nghiêm cấm việc người hầu của mình mắng chửi, xúc phạm người

khác.

Mười điều trên đây, trước nói chung về việc giữ tâm nhân hậu, sau nêu rõ những sự khoan thứ trong khuôn phép của gia đình.

PHƯƠNG PHÁP TU SỬA, RĂN NGỪA TỔNG QUÁT¹

Trong kinh A-hàm có ghi lại lời ngài A-nan [dẫn bài kệ do Phật thuyết] ân cần khuyên dạy:

*Không làm các việc ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Giữ tâm ý trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.²*

Những điều răn ngừa tổng quát tôi soạn ra đây, vốn cũng xuất phát từ tâm Bồ-đề như thế, xin đừng vì thấy bản thân tôi kém cỏi tài đức mà cho rằng những lời này cũng không đáng xem trọng. Xin tất cả các vị quân tử cùng lắng lòng thanh tịnh, rửa tai lắng nghe.

¹ Chương này có mười phần, tổng cộng một trăm hai mươi điều, đều là những việc tu sửa tự thân, giữ tâm chân chánh.

² Bài kệ này có xuất xứ từ kinh Đại Bát Niết-bàn (40 quyển), quyển 14 (Đại Chánh tạng, Tập 12, kinh số 375, trang 693, tờ c, dòng thứ 12-13). Ở đây dẫn theo kinh Tăng nhất A-hàm (51 quyển), quyển 1 (Đại Chánh tạng, Tập 2, kinh số 125, trang 551, tờ a, dòng thứ 11-14). Trong đoạn kinh này, ngài A-nan dẫn bài kệ trên để trả lời câu hỏi của ngài Đại Ca-diếp: “Phải chăng từ kinh Tăng nhất A-hàm này có thể xuất sinh tất cả giáo pháp về 37 phẩm đạo cùng tất cả các pháp?” Ngài A-nan đáp: “Đúng vậy thưa ngài. Nhưng không chỉ từ kinh này có thể xuất sinh như vậy, mà chỉ từ một bài kệ [do Phật dạy thôi] cũng có thể xuất sinh tất cả giáo pháp về 37 phẩm đạo cùng tất cả các pháp.” Theo nội dung này, chúng ta cần lưu ý hai điều. Thứ nhất, bài kệ này không phải lời ngài A-nan, mà là do ngài dẫn lại lời Phật dạy. Thứ hai, An Sỹ toàn thư đã dẫn chú từ kinh Tăng nhất A-hàm, nhưng nội dung này trong A-hàm lại dẫn lời Phật dạy vốn được ghi chép trong kinh Đại Bát Niết-bàn như chúng tôi vừa nêu trên. Ngoài ra, theo Diệu Pháp Liên Hoa kinh huyền nghĩa của Đại sư Trí Khải (Đại Chánh tạng, Tập 33, kinh số 1716, trang 695, tờ c, dòng thứ 26-28) thì bài kệ này nằm trong Thất Phật thông戒偈 (七佛通戒偈).

Phần thứ nhất: Giữ gìn thân thể.

1. Không dám sử dụng thân thể do cha mẹ ban cho để làm những việc bại hoại danh tiết, khiến người khác khinh rẻ.

2. Không dám sử dụng thân thể do cha mẹ ban cho để chơi bời hoa liễu từ lúc thiếu niên, tham dâm háo sắc tổn hại sức khỏe, vướng nhiều bệnh tật rồi phải chết yếu.

3. Không dám sử dụng thân thể cha mẹ ban cho để làm chuyện vi phạm pháp luật, phải bị giam cầm trừng trị.

4. Không dám sử dụng thân thể cha mẹ ban cho để làm những chuyện trái nghịch đạo trời, phải bị trời trách phạt, khiến cho bao nhiêu phước lộc sẵn có đều tiêu tan hết.

5. Không dám sử dụng thân thể cha mẹ ban cho để làm những việc xấu ác, tạo nhân phải bị tuyệt tự, không con nối dõi.

Năm điều nêu trên đây, trước nói về danh tiết, tuổi thọ, sau bàn đến pháp luật quốc gia, cuối cùng lưu ý quả báo của việc làm.

Phần thứ hai: Giữ tâm chân chánh.

1. Cốt yếu trong việc giữ tâm chân chánh là phải dứt tuyệt tham dục.

2. Dứt tuyệt lòng tham lam.

3. Dứt tuyệt lòng kiêu ngạo.

4. Dứt tuyệt sự tùy tiện tiêu xài hoang phí.

5. Dứt tuyệt lòng tham muốn hưởng lạc và lười nhác phóng dật.

6. Dứt tuyệt lòng ganh ghét đố kỵ.

7. Dứt tuyệt khuynh hướng xấu ác do tập khí lâu đời.

8. Dứt tuyệt lòng si mê luyến ái.
9. Dứt tuyệt lòng xu phụ, không kiên định, chỉ hành xử theo người khác.
10. Dứt tuyệt tâm lừa nhác thối chí.
11. Thường phát khởi tâm từ ái thương yêu muôn loài.
12. Thường phát khởi tâm bi mẫn, muốn cứu vớt chúng sinh khỏi mọi khổ đau.
13. Thường phát khởi tâm bao dung khoan thứ, cảm thông với người khác.
14. Thường phát khởi tâm trí tuệ sáng suốt.
15. Thường phát khởi tâm chê bỏ chán ghét mọi điều xấu ác.
16. Thường phát khởi tâm tâm quý, hổ thẹn, biết xấu hổ khi làm những việc sai lầm, xấu ác.
17. Thường phát khởi tâm sợ sệt đối với những quả báo xấu ác.
18. Thường phát khởi tâm chân thành sám hối đối với những lỗi lầm đã mắc phải.
19. Thường phát khởi tâm kiên định, vững chắc, không thối chuyển trong sự tu tập hoàn thiện.
20. Thường phát khởi tâm xuất thế, muốn giải thoát khỏi mọi khổ đau trong đời sống trần tục.

Hai mươi điều nêu trên, trước là loại bỏ tâm mê vọng, sau là giữ gìn và phát triển tâm chân thành.

Phần thứ ba: Cẩn thận lời nói.

1. Nói chuyện với phụ nữ không được biểu lộ ham muốn dục tình.
2. Không nói đến những chuyện vợ chồng, chuyện thai nghén, sinh sản.

3. Không kể lại cho người khác nghe những lời trong chốn phòng the.

4. Không [nói những lời] gây chia rẽ, làm tan vỡ chuyện hôn nhân của người khác.

5. Không thay người khác làm chuyện mai mối, sắp đặt việc hôn nhân.

6. Không môi giới chuyện mua bán tỳ thiếp.

7. Không dùng những lời thô tục, nhơ nhớp để nhục mạ, mắng chửi những kẻ mình thù ghét.

8. Không nói những lời hàm ý khêu gợi sự phong lưu, đa tình.

9. Tình cờ gặp phụ nữ đi ra khỏi nhà, không mang việc ấy kể lại với người khác [khiến họ khởi tâm tham muốn].

10. Không nói những chuyện nơi này hoặc nơi kia có diễn kịch, hát tuồng...

11. Không bàn tán những chuyện về người phụ nữ như trình tiết hay dâm loạn, xinh đẹp hay xấu xí...

12. Không bàn luận về y phục của người phụ nữ đẹp hay xấu, hợp thời hay cổ lỗ.

13. Không nói chuyện nhà nọ, nhà kia có con gái hiền thực, con gái đã lớn, con gái đẹp v.v...

14. Không hỏi chuyện con gái nhà nọ, nhà kia đã có thai hay chưa.

15. Không nói lời ngợi khen, khuyến khích những sách khiêu dâm.

16. Thường nói về lẽ nhân quả, thiện ác báo ứng rõ ràng, rằng sau khi chết không phải chấm dứt tất cả vì thân thức vẫn tiếp tục tồn tại không diệt mất.

Mười sáu điều nêu trên, trước là có thể giúp mình tự tích tạo âm đức, phước báo, sau là có thể giúp trừ bỏ những ý niệm tà vạy, xấu ác của người khác.

Phần thứ tư: Trước tác văn chương.

1. Thường đọc nhiều Kinh sách Phật học.
2. Hạn chế việc làm thơ phú, [ngâm vịnh phong cảnh trăng hoa mây nước].
3. Khi đọc thấy những gương trình tiết trong sách vở, thường khởi tâm kính trọng.
4. Khi xem những đoạn mô tả phụ nữ đẹp trong thơ văn, không khởi tâm ham muốn nhiễm ô.
5. Khi đọc thấy những chuyện trái lẽ giáo trong sách vở, không khởi tâm tán thành cho đó là thích đáng.
6. Đối với những thơ văn chúc mừng hôn sự của anh chị em, chú bác, cha, ông... không cần chú tâm nghiền ngẫm, ngâm vịnh.
7. Thường đem những quan điểm tốt đẹp viết thành sách [để lưu hành giúp đời].
8. Không say mê việc phê bình, phân tích, hý luận đối với các loại truyện tích, ký sự.
9. Khi viết truyện ngợi khen phụ nữ trình tiết, không được chú trọng vào việc mô tả nhan sắc, hình dáng.
10. Đối với những câu chuyện phụ nữ trình tiết đã được người đời truyền tụng ngợi khen, không sai lầm phân tích khảo xét rồi khởi tâm ngờ vực hoặc thay đổi cho khác trước.
11. Không giúp vào việc sao chép, in ấn, lưu hành những thơ văn do phụ nữ làm ra.
12. Biên soạn ghi chép sử sách, nếu gặp những câu chuyện có thể khêu gợi, dẫn dắt người khác vào sự dâm loạn, nên cố sức loại bỏ đi; nếu là những chuyện phi báng tăng ni thì càng phải tức thời loại bỏ ngay.

Mười hai điều nêu trên, trước là nuôi dưỡng tâm hiền thiện,

sau là giúp ngăn ngừa sự nhiễm ô vi tế, cuối cùng là nghĩ đến việc làm lợi lạc cho nhiều người.

Phần thứ năm: Thận trọng lúc đi ra ngoài.

1. Không lui tới những nơi phòng trà, quán rượu.
2. Không tham gia những buổi tiệc tùng ca hát nhảy múa.
3. Không tham gia những chuyến đi chơi xuân.
4. Không đi xem những cuộc xét xử nam nữ phạm tội gian dâm.
5. Không ngủ lại qua đêm ở nhà có đàn bà góa chồng.
6. Đến thăm bạn bè thân hữu, không được lạng yên đi thẳng vào trong nhà.
7. Không được nhìn lên [qua khe cửa] vào phòng trong.
8. Không bông ảm trẻ em gái con nhà người khác.
9. Không được nói cười đùa cợt với hầu gái, tỳ nữ nhà người khác.
10. Khi gặp phụ nữ không cố ý chỉnh sửa trang phục hình dung cho đẹp để, hấp dẫn hơn.
11. Khi nhìn thấy phụ nữ không khởi tâm suy đoán xem người đó là vợ của ai, con của ai, có chồng hay chưa, có mang thai hay không, có hiền đức hay không...
12. Nhìn thấy những y phục, đồ trang sức của phụ nữ như vòng ngọc, trâm cài đầu, bông tai... không suy nghĩ tìm hiểu xem những vật đó là sở hữu của ai.
13. Đến nhà người khác, nếu thấy trong nhà có ảnh tượng người phụ nữ đã mất, không được chăm chú nhìn thẳng vào, không được nghĩ đến việc người ấy đẹp hay xấu.
14. Nếu nhìn thấy cảnh hành dâm của người khác hoặc của loài vật, trong lòng không được khởi lên ý nghĩ khoái trá, thích thú.
15. Dù là đàn ông với nhau, khi nằm ngủ đắp chung chăn mền

cũng không được coi quân dài.

16. Dù là đàn ông với nhau cũng không được cùng lúc vào nhà tắm hoặc nhà vệ sinh.

Mười sáu điều nêu trên, những điều trước hết là thận trọng về những nơi đi đến, tiếp đó giữ gìn ý tứ để tránh được mọi sự hiềm nghi, kế đến là giữ cho tâm ý được trong sạch, và cuối cùng là tu sửa về hình dung, cử chỉ.

Phần thứ sáu: Quan hệ giao tiếp.

1. Không kết bạn với những kẻ hủy báng Tam bảo.
2. Không kết bạn với những kẻ viết sách khiêu dâm.
3. Không kết bạn với những kẻ thường bàn tán chuyện trong phòng the.
4. Không kết bạn với những kẻ ăn chơi nơi lầu xanh hoặc những kẻ đồng tính luyến ái.
5. Không kết bạn với những kẻ rượu chè say sưa, đam mê cờ bạc.
6. Thường khuyên người quy y Tam bảo.
7. Thường khuyên người sao chép, in ấn lưu hành các sách khuyến thiện.
8. Thường khuyên người tin sâu lẽ nhân quả, thiện ác đều có báo ứng.
9. Thường khuyên người giữ giới không tà dâm, không quan hệ tình dục với người không phải vợ hoặc chồng mình.
10. Thường khuyên người tu tập pháp quán bất tịnh.

Mười điều nêu trên, trước là biết chọn lọc trong sự giao tiếp, sau đó là [khi đã giao tiếp] phải dùng lời chân thành tốt đẹp khuyên người.

Phần thứ bảy: Những ngày kiêng kỵ.

[Vào những ngày tháng, điều kiện nêu ra dưới đây cần phải kiêng kỵ, không được hành dâm:]

1. Ngày đức Phật đản sanh.¹
2. Ngày đức Phật thành đạo.²
3. Ngày trời đất giao hội.³
4. Ngày giỗ chung của cả nước.⁴
5. Dưới ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và các vì sao.
6. Vào lúc đang có gió mưa, sấm sét.
7. Vào những ngày lục trai⁵ hoặc thập trai.⁶
8. Vào các ngày tam nguyên,⁷ ngũ tịch.⁸
9. Vào các ngày bát vương.⁹
10. Vào các ngày đại hàn, đại thử.¹⁰

¹ Trước đây là ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch, nhưng khuynh hướng ngày nay thống nhất là ngày rằm tháng 4 âm lịch, vì tương ứng với ngày trăng tròn.

² Tức là ngày mồng 8 tháng Chạp âm lịch.

³ Thường được hiểu là đêm giao thừa cuối năm âm lịch.

⁴ Như ngày giỗ tổ của dân tộc Việt Nam là ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch.

⁵ Lục trai: 6 ngày ăn chay trong mỗi tháng, tính theo âm lịch bao gồm các ngày mồng 8, 14, 15, 23 và 2 ngày cuối tháng (29, 30 hoặc 28, 29 nếu tháng thiếu).

⁶ Thập trai: 10 ngày ăn chay trong mỗi tháng, tính theo âm lịch bao gồm các ngày mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24 và 3 ngày cuối tháng (28, 29, 30 hoặc 27, 28, 29 nếu tháng thiếu).

⁷ Tam nguyên: bao gồm *thượng nguyên* là ngày rằm tháng giêng, *trung nguyên* là ngày rằm tháng bảy và *hạ nguyên* là ngày rằm tháng mười. Thật ra, cả ba ngày này đều đã được bao gồm trong các ngày lục trai và thập trai.

⁸ Ngũ tịch: bao gồm *thiên tịch* là ngày mồng một tháng giêng, *địa tịch* là ngày mồng năm tháng năm, *đạo đức tịch* là ngày mồng bảy tháng bảy, *dân tuế tịch* là ngày mồng một tháng mười, *hầu vương tịch* là ngày mồng tám tháng chạp.

⁹ Bát vương: chỉ 8 ngày phân tiết trong năm theo lịch pháp phương Đông. Đặc biệt, do các ngày này được xác định dựa theo quỹ đạo của trái đất xoay quanh mặt trời, nên có sự tương ứng với các ngày dương lịch như sau đây (với sai số có thể là ± 1 ngày): ngày lập xuân (4 tháng 2), xuân phân (21 tháng 3), lập hạ (6 tháng 5), hạ chí (21 tháng 6), lập thu (7 tháng 8), thu phân (23 tháng 9), lập đông (7 tháng 11) và đông chí (22 tháng 12).

¹⁰ Tiết đại hàn thường rơi vào ngày 21 tháng 1 dương lịch, tiết đại thử thường rơi vào ngày 23 tháng 7 dương lịch. Tuy theo năm, các ngày này có thể sai lệch đi đôi chút.

11. Ngày giỗ cha, mẹ đã qua đời.

12. Ngày sinh của chồng hoặc vợ.

Mười hai điều kiêng kỵ nêu trên, trước là nói về những kiêng kỵ chung cho tất cả mọi người, sau nói đến những ngày kiêng kỵ riêng của mỗi người.

Phần thứ tám: Kiêng kỵ khi mang thai.

1. Khi đang mang thai phải kiêng kỵ việc hành dâm. Nếu không, sinh con ra thường sẽ bị bệnh đậu mùa.

2. Đang lúc thân thể suy nhược ốm yếu phải kiêng kỵ việc hành dâm. Nếu không, sinh con ra dễ mắc chứng động kinh.

3. Đang lúc tinh thần hao tổn mệt mỏi phải kiêng kỵ việc hành dâm. Nếu không, sinh con ra dễ mắc chứng tham dâm quá độ.

4. Đang uống thuốc trong người nóng nảy phải kiêng kỵ việc hành dâm. Nếu không, sinh con ra thường dễ bị mụn nhọt ghẻ độc cùng những chứng bệnh về máu huyết.

5. Đang mang thai mà đi đứng không khoan thai chững chạc thì sinh con ra hình thể không được cân đối, xinh đẹp.

6. Đang mang thai mà uống rượu thì sinh con ra thường dâm dục quá độ.

7. Đang lúc tinh khí hao tổn mà hành dâm thì sinh con ra thường yếu ớt, khiếm nhược, dễ sợ sệt.

8. Sau khi sinh con mà hành dâm ngay thì cả vợ và chồng đều dễ bị các chứng suy nhược cơ thể¹ và tổn thương sức khỏe.²

¹ Nguyên tác dùng lao thương (癆傷) để chỉ ngũ lao và thất thương. Ngũ lao (五癆) chỉ năm chứng bệnh do lao nhọc quá độ, bao gồm: chí lao (志癆), tư lao (思癆), tâm lao (心癆), ưu lao (憂癆) và bì lao (疲癆). Có thể hiểu chung là các chứng suy nhược cơ thể do nhiều nguyên nhân khác nhau.

² Thất thương (七傷) chỉ bảy trường hợp thương tổn do các nguyên nhân khác nhau, gồm thương tì (傷脾), thương can (傷肝), thương thận (傷腎), thương phế (傷肺), thương tâm (傷心), thương hình (傷形) và thương chí (傷志). Có thể hiểu chung là những thương tổn khác nhau gây hại đến sức khỏe.

Tám điều nêu trên, trước đề cập đến giai đoạn mang thai, tiếp đến là giai đoạn sau khi sinh nở.

Phần thứ chín: Những điều kiêng kỵ đối với thê thiếp.

[Không hành dâm với vợ trong những trường hợp sau đây:]

1. Ở những nơi không thích hợp.¹
2. Phương thức không thích hợp.²
3. Lúc vợ đang mang thai.
4. Sau khi vợ sinh nở chưa được bốn tháng.
5. Lúc vợ đang trong giai đoạn bồng bế con nhỏ.
6. Lúc vợ đang trong giai đoạn cho con bú.
7. Lúc vợ đang có bệnh.
8. Vào ngày sinh hoặc ngày kỵ giỗ của cha, mẹ vợ.
9. Phải tôn trọng vợ, thường nhớ nghĩ đến việc người ấy là con gái của cha mẹ vợ mình.³
10. Phải tôn trọng vợ, thường nhớ nghĩ đến việc người ấy chính là con dâu của cha mẹ mình.⁴

Mười điều nêu trên, trước giúp ngăn ngừa những tội lỗi nơi thân, sau ngăn ngừa tội lỗi phát sinh từ tâm ý.

¹ Nơi thích hợp chỉ phòng riêng của vợ chồng, nơi không thích hợp là những nơi khác trong nhà.

² Nghĩa là không dùng các phương thức như qua đường hậu môn, đường miệng v.v...

³ Nghĩa là nghĩ đến các bậc trưởng thượng nên không dám khinh thường trong quan hệ vợ chồng.

⁴ Nghĩa là nghĩ đến cha mẹ mình mà không dám khinh thường người vợ đã được cha mẹ mình chính thức công nhận.

Phần thứ mười: Một số những điều khác.

1. Tình cờ gặp phụ nữ trên đường, không liếc mắt nhìn theo, không nói những lời thô tục.
2. Khi dạo chơi hóng gió, không cùng đi với phụ nữ.
3. Không đi xem nghi lễ rước dâu nhà người khác.
4. Không khiếm nhược sợ vợ.
5. Không ngược đãi vợ.
6. Khi tiểu tiện không nhìn xuống.
7. Không cố ý [thủ dâm để] xuất tinh.
8. Tìm cách dẹp bỏ, trừ dứt những phương tiện truyền bá các phương thức trợ dâm được phổ biến nơi phố chợ hoặc chỗ đông người.
9. Đi qua các nhà có phụ nữ góa chồng hoặc ni viện, không dừng lại quay vào vách tường tiểu tiện.
10. Thoáng nhìn thấy phụ nữ từ xa thì không tiểu tiện.
11. Trong chỗ tối tăm ẩn khuất cũng không cởi bỏ hoàn toàn y phục.

Mười một điều nêu trên, trước là giúp trừ bỏ những hành vi, thái độ khinh bạc thô bỉ, sau là giúp nuôi dưỡng lâu dài tấm lòng nhân hậu chân chánh.

PHƯƠNG PHÁP DỨT TRỪ TỘI LỖI¹

Thời gian trôi đi như tên bắn, ngày tháng như dòng nước chảy [không bao giờ quay lại]. Nghiệp báo một khi đã đến, dù

¹ Chương này có bảy phần, tổng cộng sáu mươi điều, đa phần đề cập đến ý niệm chân thành.

muốn trốn tránh cũng không có phương cách nào. Nên biết nhân lúc sức vóc còn khỏe mạnh, dũng mãnh quay đầu hướng thiện, từ bỏ việc xấu ác. Sáu căn nếu không còn xao động chạy theo trần cảnh, thì tám nỗi khổ¹ liền đồng thời dứt hết.

Phần thứ nhất: Thân cận Tam bảo.

1. Thường nghiên tâm học hỏi đạo thiên [để đạt đến trí tuệ sáng suốt].

2. Thường tu tập tinh tấn pháp môn Tịnh độ [để thành tựu viên mãn quả Phật].

3. Thường xiển dương Phật pháp, làm hưng thịnh đạo Phật.

4. Thường tôn tạo, trang nghiêm hình tượng Phật.

5. Thường tu sửa, kiến tạo chùa chiền, tự viện.

6. Thường dốc sức sao chép, in ấn lưu hành Kinh điển.

7. Thường chuyên tâm trì tụng thân chú [do chư Phật truyền dạy].

8. Thường tham bái, học hỏi với các vị đại đức, cao tăng, cung kính cúng dường bốn món nhu yếu.²

9. Không nghi đến lỗi lầm của các vị tăng, ni.

10. Nếu đang giữ chức quan, phải luôn hết sức hộ trì Chánh pháp.

Mười điều nêu trên, trước tiên đề cập tổng quát việc quy y Tam bảo, sau bàn chi tiết đến Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, cuối cùng đúc kết lại [là phải hộ trì Chánh pháp].

¹ Tám nỗi khổ: 1. Sinh là khổ; 2. Già là khổ; 3. Bệnh là khổ; 4. Chết là khổ; 5. Mong cầu không được là khổ; 6. Năm ấm phát triển bất thường là khổ; 7. Xa lìa người mình thương yêu là khổ; 8. Gặp gỡ, gần gũi kẻ mình oán ghét là khổ.

² Bốn món nhu yếu: bao gồm thức ăn, y phục, thuốc men trị bệnh và phương tiện ngủ nghỉ.

Phần thứ hai: Phát nguyện sâu rộng.

1. Chúng sinh số lượng nhiều không kể xiết, xin phát thệ nguyện cứu độ tất cả.
2. Phiền não nhiều vô tận, xin phát thệ nguyện [tu tập] dứt trừ tất cả.
3. Pháp môn tu tập nhiều không thể đo lường, xin phát thệ nguyện tu học tất cả.
4. Phật đạo cao quý không gì hơn được, xin phát thệ nguyện [tu tập] thành tựu.

Bốn điều nêu trên, trước nói về tâm bi mẫn, tiếp đến nói về tâm trí tuệ, cuối cùng là tâm thành tựu viên mãn.

Phần thứ ba: Sám hối dứt trừ nghiệp chướng.

1. Nguyện chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với các bậc tôn trưởng và lục thân quyến thuộc.¹
2. Nguyện chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với các vị xuất gia nói riêng, hoặc với bốn chúng² nói chung.
3. Nguyện chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với bạn bè thân hữu, vợ cả, vợ lẽ.
4. Nguyện chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với nô bộc, người hầu, tỳ nữ.
5. Nguyện chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với hạng ca kỹ lầu xanh.
6. Nguyện chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với các vị thần nữ, tiên cô.

¹ Lục thân: chỉ những người thân thiết nhất, bao gồm cha, mẹ, anh chị, em, vợ, con.

² Bốn chúng (tứ chúng): chỉ tất cả đệ tử Phật, bao gồm hai chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, hai chúng tại gia là cư sĩ nam và cư sĩ nữ.

7. Nguyên chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với hàng trời, rồng, tám bộ chúng.¹

8. Nguyên chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với các loài yêu ma, quỷ my.

9. Nguyên chí thành sám hối tội tà dâm từ vô thủy đến nay đối với các loài ngựa quý, súc sinh.

10. Tất cả những tội lỗi như nhóm như trên đã chí thành sám hối, nguyện được tiêu trừ, dứt sạch hết thảy.

11. Nguyên thay mặt cho cha mẹ, lục thân quyến thuộc trong đời này và các đời trước, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

12. Nguyên thay mặt cho các vị quốc vương, sư trưởng, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

13. Nguyên thay mặt cho các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

14. Nguyên thay mặt cho các vị bằng hữu, các bậc tri thức, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

15. Nguyên thay mặt cho tất cả những kẻ có oán thù ngang trái với mình từ vô lượng kiếp đến nay, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

16. Nguyên thay mặt cho tất cả chúng sinh trong các cảnh giới địa ngục, ngựa quý và súc sinh, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

17. Nguyên thay mặt cho tất cả chúng sinh [đã tạo các ác nghiệp phải sinh ra vào lúc có nạn] đao binh, mất mùa đói kém, bệnh dịch lan tràn, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

18. Nguyên thay mặt cho chư thiên các cõi trời và các vị tiên nhân,

¹ Tám bộ chúng: chỉ chung các loài chúng sinh bao gồm: 1. chư thiên, chúng sinh ở các cõi trời; 2. loài rồng; 3. dạ-xoa, loài quỷ thần; 4. càn-thát-bà, loài quỷ thần giới âm nhạc; 5. a-tu-la, loài á thần hung bạo, nóng nảy; 6. ca-lâu-la, loài chim cánh vàng (kim sí điểu); 7. khẩn-na-la, loài chúng sinh minh người đầu ngựa; 8. ma-hầu-la-già, loài rắn thần.

chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

19. Nguyên thay mặt cho tất cả chúng sinh hữu tình đang chịu khổ não trong cõi pháp giới cùng khắp cả hư không, chí thành sám hối tất cả những tội lỗi như trên.

20. Tất cả những tội lỗi nhơ nhớp [của hết thảy những chúng sinh khác nhau] như trên đã chí thành sám hối, nguyên được tiêu trừ, dứt sạch tất cả.

Hai mươi điều nêu trên, trước là tự mình sám hối tội lỗi của bản thân, sau là thay mặt cho [tất cả các loài chúng sinh] để sám hối.

Phân thứ tư: Tu tích phước lành lợi ích cho người khác.

1. Biếu tặng [để lưu hành rộng rãi] các sách răn ngừa sự dâm dục [thái quá].

2. Đốt bỏ những sách khiêu dâm, [ngăn cản không để cho lưu hành rộng rãi].

3. Ra sức giúp đỡ bảo toàn tiết hạnh trong sạch cho phụ nữ.

4. Giúp đỡ tiền bạc [cho người nghèo để họ có thể] gả con lấy chồng.

5. Bỏ tiền thay người chuộc tự do cho những con gái nhà lành [đã bị bán làm tỳ nữ, kỹ nữ].

6. Nhận nuôi dưỡng những trẻ em [không nơi nương tựa].

7. Bổ thí thuốc men cần thiết cho phụ nữ mang thai.

Bảy điều nêu trên, trước là bổ thí [những điều nuôi dưỡng] trí tuệ, tiếp đến là bảo vệ thanh danh cho người, cuối cùng là bổ thí tài vật.

Phần thứ năm: Tỉnh giác nhận biết trong hiện tại.

1. Nhìn thấy vợ mình chịu đựng nhiều sự khổ não khi sinh nở và nuôi nấng con cái, nên quán tưởng đó là do chính mình đã khiến người ấy phải chịu khổ, nhân đó liền thâm niệm danh hiệu Phật, nguyện cho người ấy được đời đời kiếp kiếp về sau không phải sinh làm thân nữ, [sau khi chết] được vãng sinh về cõi Phật thanh tịnh.

2. Nhìn thấy con cái mình chịu bệnh khổ, cho đến những nỗi khổ khi sinh nở, nuôi con, lại cũng quán tưởng đó là do chính mình đã gây ra những nỗi khổ ấy, nhân đó liền phát nguyện cứu độ cho tất cả đều được thoát khỏi khổ não luân hồi.

3. Nhìn thấy các tỳ nữ, nô tỳ khổ nhọc bồng bế chăm sóc con cái của mình, lại cũng quán tưởng đó là do chính mình đã gây ra những nỗi khổ ấy, nhân đó liền phát nguyện cứu độ cho tất cả đều được thoát khỏi khổ não trong luân hồi.

4. Nghĩ đến việc lâu xa về sau nữa, con cháu nhiều đời của mình rồi cũng sẽ đời này sang đời khác cưới vợ, gả chồng, lại cũng đời này sang đời khác sinh con rồi nuôi dưỡng khó nhọc, cho đến đời đời kiếp kiếp phải lưu chuyển mãi mãi trong sinh tử luân hồi, lại cũng quán tưởng đó là do chính mình đã gây ra những nỗi khổ ấy, nhân đó liền phát nguyện cứu độ cho tất cả đều được thoát khỏi khổ não luân hồi.

Bốn điều nêu trên, trước là nhân nơi những việc nhìn thấy trước mắt mà tỉnh giác nhận biết, sau là do sự suy xét quán tưởng mà tỉnh giác nhận biết.

Phần thứ sáu: Vui theo niềm vui của người khác.

[Gặp những trường hợp như sau đây nên khởi tâm hoan hỷ tán thành, trợ giúp cho thành tựu và cùng vui theo với niềm vui của người:]

1. Nhìn thấy những gương trinh tiết của phụ nữ.
 2. Nhìn thấy con gái nhà nghèo hoặc đã lớn tuổi có thể lấy được chồng, yên bề gia thất.
 3. Nhìn thấy vợ chồng người khác [chia lìa rồi lại] được đoàn tụ như xưa.
 4. Nhìn thấy những sách khuyến thiện, khuyên người tránh ác làm thiện [được lưu hành rộng].
 5. Nhìn thấy người khác có thể dứt lìa tham dục, xuất gia tu hành.
- Năm điều nêu trên, trước là nói về công đức [tùy hỷ] của thế tục, sau nói về công đức [tùy hỷ với] việc xuất thế.

Phần thứ bảy: Biểu hiện của sự dứt trừ tội lỗi.

[Khi sự tu tập thành tựu, tội lỗi được dứt trừ, người tu sẽ nhận thấy có các biểu hiện như sau:]

1. Tự nhiên không còn nghi tưởng đến chuyện ái dục nam nữ.
2. Tự nhiên nhận biết được những sự uế trước nơi thân người nữ.
3. Tự nhiên thấy chán ghét, không ưa thích những chuyện xướng ca múa hát.
4. Tự nhiên muốn trừ bỏ hết những sách khiêu dâm, tiểu thuyết gợi tình.
5. Tự nhiên phát khởi tâm từ bi [đối với tất cả chúng sinh].
6. Tự nhiên thấy vững tin sâu sắc vào nhân quả.
7. Tự nhiên thấy ưa thích, hoan hỷ làm chuyện bố thí.
8. Tự nhiên thấy tôn trọng, kính tin Tam bảo.
9. Tự nhiên tỉnh giác nhận biết về việc mình sẽ chết.
10. Tự nhiên thấy chán ghét thân xác [giả tạm] này, liền phát khởi ý tưởng muốn [tu tập pháp môn] xuất thế.

Mười điều nêu trên, trước là nói những chuyển biến liên quan đến ái dục, sau nói đến những chuyển biến khác khi đã lìa bỏ được ái dục.

NHỮNG ĐIỂM CỐT YẾU TRONG KINH ĐIỂN¹

Tôi từng nghe chuyện thuở xưa, ngài Cưu-ma-la-thập khi sắp viên tịch có phát lời nguyện rằng: “Tôi phiên dịch Kinh điển, mỗi chữ mỗi câu đều cố gắng chân thành đúng thật. Nếu như trong đó có câu chữ nào hư dối sai lệch, nguyện cho lưỡi tôi sẽ vì thế mà thối nát.”

Sau khi ngài viên tịch, đến lúc làm lễ trà-tỳ nhục thân có hàng vạn người chứng kiến, thấy lưỡi ngài chẳng những không hề thối nát, mà ngược lại còn đỏ thắm như màu hoa sen.

Những lời chân thật trong ba tạng Kinh điển có uy lực lớn lao đến như thế, nên từ Thiên cung cho đến Long cung đều hết sức trân quý không để mất đi, lại thường dùng hương hoa, tháp báu ngàn tầng cúng dường cung kính.

Đau đớn thay cho những kẻ phàm phu có mắt không trông, được đối diện với Kinh điển lại sai lầm bỏ luống qua [không biết học hỏi tu tập], thật đáng tiếc thay!

Nay tôi xin rửa tay sạch sẽ, cung kính trích ghi một số điều trong Kinh điển, khắc bản in ấn, lưu truyền rộng rãi đến muôn người, [mong sao mọi người] cùng nhau trừ diệt con ma dâm dục, để được an nhiên tự tại giữa dòng ái luyến.

Phần thứ nhất: Bồ Tát quả trách sự dâm dục.

Kinh Đại Bảo Tích² dạy rằng: “Bồ Tát quán sát trong chốn thế gian, thấy những chúng sinh ngu si điên đảo, đối với sự dâm dục đem lòng tham luyến, si mê, đối với mẹ hay chị, em

¹ Những trích dẫn Kinh điển trong chương này được chia thành bốn phần, tổng cộng 24 điều, phần nhiều thuộc về những chuyện do quán sát, suy xét theo đúng đạo lý mà nhận hiểu được.

² Kinh Đại Bảo Tích (大寶積經), tổng cộng 120 quyển, do ngài Bồ-đề-luu-chi dịch sang Hán ngữ vào đời Đường, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 11, kinh số 310. Đoạn trích này thuộc quyển 41, trang 236, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 18.

gái của mình còn dám xâm hại làm nhục, huống chi đối với những người phụ nữ khác. Quán sát thấy rõ thực trạng như thế, Bồ Tát liền khởi tâm suy nghĩ rằng: ‘Thế gian này thật là chốn khổ sở thay! Những chúng sinh ngu si kia vốn từng ở trong bào thai của mẹ, được nuôi dưỡng lớn dần lên trong đó, lại sinh ra qua cửa mình người mẹ, sao không biết hổ thẹn mà còn làm chuyện loạn luân như thế? Thật đáng thương xót thay, những kẻ ấy rồi sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, [chịu hành hình] không một lúc nào được tạm dừng. Như một người mù bị bầy chó hung dữ rượt đuổi, nhất định phải rơi xuống hầm sâu, những chúng sinh si mê kia cũng giống như vậy, [chắc chắn rồi sẽ phải rơi vào những cảnh giới đọa lạc]. Lại như con lợn nuôi trong chuồng trại nhớp nhúa, sống giữa đồng phần dơ hôi hám, ăn uống trong đó mà không hề biết ghê tởm chán ghét, những chúng sinh si mê kia [sống giữa tội lỗi mà không ghê sợ,] cũng giống như vậy. Nay ta sẽ vì những chúng sinh si mê tội nghiệp ấy mà tuyên thuyết giảng bày Chánh pháp mâu nhiệm, khiến cho họ [nghe theo rồi] liên vĩnh viễn dứt trừ tham dục, không còn phiền não.’”

Kinh Nguyệt thượng nữ¹ dạy rằng: “[Trong vô số kiếp luân hồi,] hoặc các người đã từng sinh ra làm cha ta, hoặc ta đã từng sinh ra làm mẹ các người, chúng ta đều đã từng là cha mẹ, anh em của nhau, làm sao có thể khởi tâm muốn làm chuyện dâm dục với nhau? [Trong vô số kiếp luân hồi,] ta cũng từng giết hại các người, hoặc các người đã từng giết hại ta, chúng ta đều đã từng có mối oán cừu giết hại lẫn nhau, làm sao có thể khởi tâm muốn làm chuyện dâm dục với nhau?”

Luận Trí độ² nói: “Bồ Tát quán xét thấy trong tất cả các mối

¹ Tên đầy đủ là kinh Phật thuyết Nguyệt thượng nữ (佛說月上女經), tổng cộng 2 quyển, do ngài Xà-na-quật-đa dịch sang Hán ngữ vào đời Tùy, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 14, kinh số 480. Đoạn trích này thuộc quyển 1, trang 618, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 3.

² Túc luận Đại trí độ (大智度論), tổng cộng 100 quyển, do Bồ Tát Long Thụ trước tác, ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 25, kinh số 1509. Đoạn trích này thuộc quyển 14, trang 165, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 27.

nguy hại thì [sự nguy hại đến từ] nữ sắc là nghiêm trọng nhất. Những mối nguy như đao kiếm, lửa thiêu, sấm sét, kẻ thù, rắn độc, vẫn còn có thể tạm thời gãn gũ [mà chưa bị hại ngay], nhưng người phụ nữ có những tính xấu như keo kiệt, đố kỵ, sân hận, siểm nịnh, yêu mị, ô uế, ưa tranh chấp, tham lam thì không thể gãn gũ được.”

Kinh Tăng nhất A-hàm¹ dạy rằng: “[Người xuất gia] đừng tới lui quan hệ thường xuyên với nữ nhân, cũng đừng cùng họ nói năng bàn luận. Ai có thể xa lìa được nữ sắc, ắt có thể lìa xa được tám hoàn cảnh khó tu tập.”²

Kinh Trường A-hàm³ chép rằng: “Ngài A-nan thưa hỏi Phật: “Sau khi Phật diệt độ, nếu có người nữ đến thưa hỏi giáo pháp, nên làm thế nào?” Phật dạy: ‘[Chỉ dạy cho họ nhưng] không nên gặp mặt.’ Ngài A-nan lại hỏi: ‘Nếu phải gặp mặt thì nên làm thế nào?’ Phật dạy: ‘Không nên cùng họ chuyện trò qua lại.’ Ngài A-nan lại hỏi: ‘Nếu phải trò chuyện thì nên thế nào?’ Phật dạy: “Phải luôn biết tự kiểm thúc tâm mình.”

Kinh Mật nghiêm⁴ dạy rằng: “Nam nữ cùng đắm mê ái dục, tinh huyết cùng hòa hợp sinh con. Như loài trùng sinh ra trong bùn nhơ, người sinh từ bào thai của mẹ cũng nhơ nhớp như

¹ Kinh Tăng nhất A-hàm (增壹阿含經), tổng cộng 51 quyển, do ngài Cù-đàm Tăng-già-đế-bà dịch sang Hán ngữ vào đời Đông Tấn, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 2, kinh số 125. Đoạn trích này thuộc quyển 36, trang 751, tờ b, dòng 23 và 24.

² Tám hoàn cảnh khó tu tập (bát nan xứ): do tạo nhân xấu ác mà chúng sinh phải rơi vào tám hoàn cảnh rất khó tu tập Phật pháp, bao gồm: 1. Địa ngục (地獄); 2. Súc sanh (畜生); 3. Ngạ quỷ (餓鬼); 4. Trường thọ thiên (長壽天), là cõi trời thuộc Sắc giới với thọ mạng cao. Thọ mạng cao cũng là một chương ngại vì nó làm mê hoặc người tu, làm cho dễ quên những nỗi khổ của sanh lão bệnh tử trong luân hồi; 5. Biên địa (邊地), là những vùng không nằm nơi trung tâm, không thuận tiện cho việc tu học Chánh pháp; 6. Căn khuyết (根缺), không có đủ giác quan hoặc các giác quan bị tật nguyên như mù, câm, điếc... 7. Tà kiến (雅見), những kiến giải sai lệch, bất thiện; 8. Như Lai bất xuất sanh (如來不出生), nghĩa là sanh ra vào thời gian không có Phật hoặc giáo pháp của Phật xuất hiện.

³ Kinh Trường A-hàm (長阿含經), tổng cộng 22 quyển, do ngài Phật-đa-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 1, kinh số 1. Đoạn trích này thuộc quyển 4, trang 26, tờ a, từ dòng thứ 22 đến dòng thứ 26.

⁴ Kinh Mật nghiêm, tên đầy đủ là kinh Đại thừa Mật nghiêm (大乘密嚴經), tổng cộng 3 quyển, có 2 bản Hán dịch. Một bản do ngài Địa-bà-ha-la dịch, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 16, kinh số 681. Bản còn lại do ngài Bát Không dịch, được xếp vào Tập 16, kinh số 682. Căn cứ theo kinh văn thì đoạn trích này thuộc bản dịch của ngài Địa-bà-ha-la, nằm trong quyển 2, trang 735, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 13.

vậy.”

Trên đây có sáu phần được trích dẫn từ kinh luận. Hai phần đầu tiên dạy khởi tâm bi悯 đối với tất cả chúng sinh. Các phần thứ ba, thứ tư và thứ năm dạy người đoạn tuyệt cội gốc dâm dục. Phần cuối cùng kết lại bằng cách chỉ rõ sự bất tịnh của xác thân máu thịt giả tạm này.

Phần thứ hai: Quả báo của tội tà dâm.

Sách Pháp uyển châu lâm¹ chép: “Đức Phật dạy rằng tà dâm có mười tội báo. Một là [gian dâm với người vợ] nên thường phải lo sợ bị người chồng giết hại. Hai là khiến cho vợ chồng nhà mình không hòa thuận. Ba là điều ác ngày càng tăng thêm, điều lành ngày càng giảm bớt. Bốn là [chết sớm khiến cho] vợ con phải cô độc không người chăm sóc. Năm là tài sản gia đình mỗi ngày một hao tổn. Sáu là mỗi khi có chuyện xấu ác xảy ra, thường bị người khác nghi ngờ cho mình. Bảy là bị bạn bè thân hữu khinh bỉ phỉ báng. Tám là rộng kết oán thù với nhiều người. Chín là sau khi chết phải đọa vào địa ngục. Mười là sau khi chịu tội ở địa ngục xong, nếu sinh làm thân nam thì gặp phải người vợ không trinh tiết, nếu sinh làm thân nữ thì gặp phải người chồng đa thê.”

Kinh Bát sư² dạy rằng: “Kẻ tà dâm dan díu với vợ người khác, hoặc bị người chồng bắt được, lập tức phải gặp tai ương, gây họa lây đến cho cả người trong gia đình, thân tộc; hoặc bị pháp luật trừng trị, phải chịu hình phạt đau đớn khổ sở. Sau khi chết lại phải đọa vào những cảnh giới địa ngục, súc sinh, tùy theo mức độ mà chịu tội. Ví như sau đó còn chút may

¹ Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), tổng cộng 100 quyển, do ngài Đạo Thế soạn vào đời Đường, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 53, kinh số 2122. Đoạn trích này thuộc quyển 73, trang 839, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 11.

² Kinh Bát sư, tên đầy đủ là kinh Phật thuyết Bát sư (佛說八師經), 1 quyển, do ngài Chi Khiêm dịch sang Hán ngữ vào đời Ngô, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 14, kinh số 581. Đoạn trích này nằm ở trang 965, tờ b, bắt đầu từ dòng 10.

mắn được sinh trở lại làm người, ắt phải rơi vào cảnh nhục nhã xấu hổ vì vợ con dâm loạn. Nay ta thấy rõ [những sự báo ứng] như vậy nên không dám phạm vào tà dâm.”¹

Kinh Tát-già Ni-kiền tử² dạy rằng: “Người nào không biết đủ với vợ nhà, tham muốn dâm dục với vợ người khác, đó là không biết hổ thẹn, sẽ phải thường chịu khổ não, không được an vui.”³

Kinh Ưu-bà-tắc giới⁴ dạy rằng: “Nếu người nào có quan hệ tình dục vào thời gian không thích hợp, hoặc ở địa điểm không thích hợp, hoặc quan hệ với người đồng tính, hoặc với phụ nữ chưa chồng, đều gọi là tà dâm. Nếu quan hệ với vợ mình mà nghĩ tưởng đến vợ người khác, hoặc quan hệ với vợ người khác mà nghĩ tưởng xem như vợ mình, đó cũng là tà dâm. Những sự tà dâm như thế cũng có phân ra nặng nhẹ khác nhau. Do phiền não nặng nề, ắt phải chịu tội báo nặng nề. Do phiền não kém nặng nề hơn, ắt chịu tội báo kém nặng nề hơn.”

¹ Trong kinh Bát sư (tám vị thầy), đức Phật dạy về tám vị thầy có thể giúp chúng ta tu tập. Quán xét thấy rõ quả báo của việc giết hại nên không dám phạm vào, đó là vị thầy thứ nhất. Quán xét thấy rõ quả báo của việc trộm cướp nên không dám phạm vào, đó là vị thầy thứ hai. Quán xét thấy rõ quả báo của việc tà dâm nên không dám phạm vào, đó là vị thầy thứ ba. Quán xét thấy rõ quả báo của những việc nói lời ác độc, nói hai lưỡi, nói dối trá, nói vô nghĩa, nên không dám phạm vào, đó là vị thầy thứ tư. Quán xét thấy rõ quả báo của việc uống rượu nên không dám phạm vào, đó là vị thầy thứ năm. Quán xét thấy rõ nỗi khổ của sự già yếu, vô thường trong đời sống nên phải nỗ lực tu tập cầu đạo, đó là vị thầy thứ sáu. Quán xét thấy rõ nỗi khổ của bệnh tật nên phải nỗ lực tu tập cầu đạo, đó là vị thầy thứ bảy. Quán xét thấy rõ nỗi khổ của sự chết nên phải nỗ lực tu tập cầu đạo, đó là vị thầy thứ tám.

² Kinh Tát-già Ni-kiền tử, tên đầy đủ là kinh Đại Tát-già Ni-kiền tử sở thuyết (大薩遮尼乾子所說經), tổng cộng 10 quyển, do ngài Bồ-đề-luu-chi dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 9, kinh số 272. Đoạn trích này nằm ở quyển 5, trang 340, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 8 đến dòng thứ 11, nội dung kinh vẫn có khác biệt vì nói đầy đủ hơn.

³ So sánh với nguyên bản kinh văn như sau: 自妻不生足，好姪他婦女，是人無慚愧，[常被世呵責。現在未來世，受苦及打縛，捨身生地獄，]受苦常無樂。- Tự thê bất sinh túc, hảo dâm tha phụ nữ, thị nhân vô tâm quý, [thường bị thế ha trách. Hiện tại vị lai thế, thụ khổ cập đả phục, xả thân sinh địa ngục,] thụ khổ thường vô lạc. (Đối với vợ mình không sinh tâm thỏa mãn, tham muốn gian dâm với vợ người khác, người như thế không có lòng hổ thẹn, [thường bị người đời chê trách. Hiện tại cũng như tương lai thường bị đánh đập, buộc tội, khi chết rồi phải đọa vào địa ngục,] thường chịu khổ não không được an vui.) An Sỹ toàn thư đã lược bỏ phần chúng tôi đặt trong ngoặc vuông.

⁴ Kinh Ưu-bà-tắc giới (優婆塞戒經), tổng cộng 7 quyển, do ngài Đàm-vô-sấm dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 24, kinh số 1488. Phần trích này nằm ở trang 1069, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 4, được lược trích từ kinh văn, không chép nguyên văn.

Kinh Niết-bàn¹ dạy rằng: “[Nếu có] Bồ Tát nào, tuy không cùng nữ nhân làm chuyện dâm dục, nhưng khi nhìn thấy những cặp nam nữ mê đắm theo đuổi nhau liền khởi sinh tâm tham muốn vương chấp, đó gọi là hủy phạm giới hạnh thanh tịnh.”

Kinh Tạo tượng công đức² chép rằng: “Phật dạy Bồ Tát Di-lặc: ‘Có bốn nhân duyên khiến cho nam giới phải chịu thân bất lực, không có khả năng hành dâm. Một là hủy hoại tàn khốc thân thể người khác, hoặc thậm chí là các loài súc sinh. Hai là đối với các vị tỳ-kheo trì giới mà khởi tâm sân hận hoặc chê cười, hủy báng. Ba là buông thả tâm ý tham dâm quá độ, cố ý phạm giới. Bốn là gần gũi kết giao với người phạm giới, lại khuyến khích, xúi giục người khác phạm giới. Nếu có người đã lỡ phạm vào bốn điều ấy, nhưng sau đó khởi tâm thành tín tin sâu Tam bảo, tạo tác hình tượng Phật, [nhờ công đức ấy sẽ] không phải chịu quả báo như trên. Lại có bốn loại nghiệp có thể khiến cho nam giới phải chịu thân lương căn, trong người mang cả hai căn nam nữ. Một là dâm loạn với các bậc tôn túc trưởng thượng của mình. Hai là quan hệ tình dục với người đồng tính. Ba là tự mình thủ dâm. Bốn là làm việc môi giới mua bán dâm. Nếu có người đã lỡ phạm vào bốn điều ấy, nhưng sau đó khởi tâm thành tín tin sâu Tam bảo, tạo tác hình tượng Phật, [nhờ công đức ấy sẽ] không phải chịu quả báo như trên.’”

Trên đây có sáu phần được trích dẫn từ Kinh điển, ba phần đầu tiên nói về [những sai lầm tội lỗi] của người xấu ác, phần thứ tư nói về [sai lầm tội lỗi] của người phát tâm tu thiện, phần thứ năm nói về [sai lầm tội lỗi] của người xuất gia, phần cuối cùng khuyên sám hối nếu đã lỡ phạm vào tội lỗi.

¹ Tên đầy đủ là kinh Đại Bát Niết-bàn (大般涅槃經), tổng cộng 40 quyển, do ngài Đàm-vô-sấm dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 374. Đoạn trích này chỉ lấy ý kinh, nằm ở trang 549, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 24.

² Tên đầy đủ là kinh Phật Thuyết Đại Thừa Tạo Tượng Công Đức (佛說大乘造像功德經), tổng cộng 2 quyển, do ngài Đề-vân Bát-nhà dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 16, kinh số 694. Đoạn trích này nằm ở trang 795, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 17.

Phần thứ ba: Công đức của việc giữ giới không tà dâm.

Kinh Thất Phật diệt tội¹ nói rằng: “Người thọ trì giới không tà dâm có năm vị thiện thần đi theo bảo vệ. Các vị ấy có tên là Trinh Khiết, Vô Dục, Tịnh Khiết, Vô Nhiễm và Đăng Địch.”

Kinh Phật bát Nê-hoàn chép: “Phật dạy Nại nữ:² ‘Người không tà dâm có năm điều phước lành tăng trưởng. Một là được nhiều người khen ngợi, hai là không sợ quan quyền, ba là được sống yên ổn, bốn là sau khi chết được sinh lên cõi trời, năm là tu tập theo đạo thanh tịnh, chứng đắc Niết-bàn.’”³

Kinh Giới đức hương⁴ dạy rằng: “Người không tà dâm, không xâm phạm đến vợ người khác, dù sinh ra ở đâu cũng được hóa sinh từ hoa sen.”

Kinh Lăng nghiêm⁵ dạy rằng: “Nếu chúng sinh trong sáu đường luân hồi giữ tâm không tham dâm, ắt không bị lôi cuốn mãi trong tướng trạng sinh tử. [Tỳ-kheo] các ông tu tập pháp Tam-muội, vốn là để thoát ra khỏi chốn trần lao, nhưng nếu

¹ Hiện chúng tôi không tìm thấy tên kinh này, chỉ có kinh Thất Phật (七佛經), nhưng nội dung ở đây được tìm thấy trích dẫn gián tiếp từ sách Pháp uyển châu lâm, Đại Chánh tạng, Tập 53, kinh số 2122, trang 930, tờ b, dòng thứ 27, mở đầu bằng câu: “依七佛經云” (Y Thất Phật kinh vân). Phần này có tên là Thần vệ bộ (神衛部), nói đủ về 25 vị thiện thần theo bảo vệ cho người thọ trì Năm giới, trong đó mỗi giới có 5 vị.

² Nại nữ: tên một cô gái. Chữ nại (柰) chỉ một loài cây, do cô gái này khi sinh ra bị vất bỏ dưới gốc cây nại, được một người bà-la-môn nhặt về nuôi dưỡng nên đặt tên cô là Nại nữ.

³ Kinh Phật bát Nê-hoàn (佛般泥洹經), tổng cộng 2 quyển, do ngài Bạch Pháp Tổ dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 1, kinh số 5. Tuy nhiên, An Sý toàn thư đã dẫn chú nhầm lẫn, vì đoạn trích này không tìm thấy trong kinh Phật bát Nê-hoàn mà thực sự nằm trong kinh Bát Nê-hoàn (般泥洹經), tổng cộng 2 quyển, mất tên người dịch, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 1, kinh số 6. Phần trích dẫn thuộc quyển 1, nằm ở trang 179, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 27. Sách Pháp uyển châu lâm, quyển 75, cũng trích dẫn nội dung này và ghi dẫn chú sai là “又佛般泥洹經云” - Hựu Phật bát Nê-hoàn kinh vân” (Đại Chánh tạng, Tập 53, kinh số 2122, trang 848, tờ c, dòng thứ 22.) Chúng tôi ngờ rằng An Sý toàn thư đã trích lại từ sách này nên bị nhầm lẫn theo.

⁴ Tên đầy đủ là kinh Phật thuyết Giới đức hương (佛說戒德香經), 1 quyển, do ngài Trúc Đàm-vô-lan dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 2, kinh số 116. Đoạn này trích theo ý kinh, không trích nguyên văn, thuộc trang 507, tờ c, dòng thứ 20 và 21.

⁵ Tên đầy đủ là kinh Đại Phật đỉnh Như Lai Mật nhân tu chứng liễu nghĩa chư Bồ Tát vạn hạnh Thủ lăng nghiêm (大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴經), tổng cộng 10 quyển, do ngài Bát-thích-mật-đế dịch sang Hán ngữ vào đời Đường, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 19, kinh số 945.

không trừ tâm dâm dục thì không thể thoát ra được. Ví như hiện tại có được nhiều trí tuệ thiền định, nhưng nếu không trừ dứt tâm dâm dục ắt sẽ bị lạc vào ma đạo. Nếu như cả thân và tâm đều dứt sạch động cơ hành dâm, cho đến dứt cả ý niệm về sự đoạn trừ, may ra mới có khả năng chứng đắc quả Phật Bồ-đề.”¹

Kinh Đề-vị² dạy rằng: “Mỗi năm vào 3 tháng ăn chay,³ mỗi tháng vào 6 ngày ăn chay,⁴ hoặc dưới ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và các vì sao, cùng với các ngày bát vương,⁵ đều phải giữ gìn kiêng kỵ [không được hành dâm].”

Kinh Thiên yếu ha dục⁶ dạy rằng: “Người tu tập cầu đạo giải thoát, trì giới tu định, phải trừ dứt sáu sự ham muốn. Một là ham muốn ngoại hình xinh đẹp, hai là ham muốn dung mạo xinh đẹp, ba là ham muốn dáng vẻ xinh đẹp, bốn là ham muốn âm thanh tiếng nói dịu ngọt, năm là ham muốn sự xúc chạm mềm mại êm ái, sáu là ham muốn cử chỉ hành vi dịu dàng. Nếu rơi vào những sự ham muốn như thế, nên quán tưởng sự bất tịnh, ô uế [của đối tượng].”

Trên đây có sáu phần được trích dẫn từ Kinh điển. Hai phần đầu tiên nêu những phước lành hội tụ [đến với người giữ giới

¹ Thật ra An Sỹ toàn thư đã dẫn chú không chính xác, vì đoạn trích này không nằm trong kinh Lăng nghiêm, mà được tìm thấy trong Thủ lăng nghiêm nghĩa sơ chú kinh (首楞嚴義疏注經), tổng cộng 20 quyển, do ngài Từ Tuyên soạn vào đời Tống, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 39, kinh số 1799. Phần trích dẫn này thuộc về quyển 6, trang 912, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 19.

² Kinh Đề-vị (提謂經), 2 quyển, do ngài Đàm Tinh soạn vào đời Bắc Ngụy, hiện nay đã thất bản, chỉ còn thấy được trích dẫn trong các kinh luận khác. Đoạn trích này được An Sỹ toàn thư trích lại từ sách Pháp uyển châu lâm, quyển 88 (Đại Chánh tạng, Tập 53, kinh số 2122), trang 928, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 13, mở đầu bằng câu “又提謂經云 – Hựu Đề-vị kinh vân” (Kinh Đề-vị lại có nói rằng).

³ Tức là tháng giêng, tháng năm và tháng chín âm lịch.

⁴ Tức lục trai, bao gồm các ngày mồng 8, 14, 15, 23, và 2 ngày cuối tháng theo âm lịch.

⁵ Bát vương: 8 ngày phân tiết trong năm, gồm các ngày lập xuân (4 tháng 2), xuân phân (21 tháng 3), lập hạ (6 tháng 5), hạ chí (21 tháng 6), lập thu (7 tháng 8), thu phân (23 tháng 9), lập đông (7 tháng 11) và đông chí (22 tháng 12). Ngày dương lịch tương ứng có thể sai lệch sớm hoặc muộn hơn một ngày.

⁶ Căn cứ nội dung trích dẫn thì đây là kinh Thiên yếu (禪要經), 1 quyển, đã mất tên người dịch, hiện được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 15, kinh số 609. Nội dung trích dẫn nằm ở trang 237, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 21.

không tà dâm]. Các phần thứ ba và thứ tư nói đến việc xuất ly sinh tử [nhờ giữ giới không dâm dục]. Hai phần cuối cùng nêu rõ thêm phương pháp giữ giới.

Phân thứ tư: Tỉnh giác răn ngừa trong đời sống thế tục.

Kinh Bồ Tát ha sắc dục pháp¹ có nói: “Sắc đẹp nữ nhân là gông cùm của người thế gian, những kẻ phạm phu tham luyến vướng mắc rồi không thể tự thoát ra được. Sắc đẹp nữ nhân là khổ nạn nặng nề của người thế gian, những kẻ phạm phu bị vây khốn vào đó thì cho đến chết cũng không dứt được. Sắc đẹp nữ nhân là mối tai họa nguy hiểm của người thế gian, những kẻ phạm phu đã vướng phải rồi thì mọi thứ tai ách khổ nạn đều theo nhau kéo đến. Người tu tập một khi buông bỏ được [sự tham luyến sắc dục] rồi, nếu lại còn khởi lên tà niệm thì chẳng khác nào vừa từ trong lao ngục được thoát ra đã quay trở vào, như người điên loạn vừa được tỉnh táo lại tái phát bệnh cuồng điên như cũ.”²

Lại cũng nói rằng: “[Quán xét] tướng trạng của sắc dục, lời nói thì dịu dàng như mật ngọt, nhưng bên trong ẩn chứa sự nguy hiểm độc hại, khác nào như vực sâu nước trong vắt im lìm nhưng có loài thường luồng dữ tợn ẩn náu [chực chờ hại mạng], lại cũng như núi vàng hang báu nhưng có sư tử hung bạo nằm phục [sẵn sàng giết người]. Gia đình bất hòa, nguyên do thường phát sinh từ sự đam mê sắc dục. Gia tộc suy bại là tội lỗi của sắc dục. Sắc dục chính là kẻ giặc nghịch ngấm ngầm diệt mất sự sáng suốt trí tuệ của người. Ví như tấm lưới giăng cao ngang trời, bầy chim vướng phải thì không còn được tự do bay nhảy.

¹ Kinh Bồ Tát ha sắc dục pháp (菩薩訶色欲法經), 1 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 15, kinh số 615.

² Phân trích dẫn này nằm ở trang 286, tờ a (sách đã dẫn trên), bắt đầu từ dòng thứ 19.

Lại như tấm lưới bủa dày dưới sông, cá tôm đã mắc vào thì chắc chắn phải bỏ mạng vì dao thót. Cho nên, người có trí tuệ nhận biết rõ ràng sự nguy hại như thế mà khéo tránh xa, không để cho sắc dục mê hoặc.”¹

Kinh Đại Bảo Tích² dạy: “Nên biết rằng sự đam mê sắc dục là cội gốc của muôn điều khổ não, là căn bản của mọi chướng ngại, là gốc rễ của sự giết hại, của sự trói buộc, của sự oán thù đối địch, của sự mù quáng si mê. Nên biết rằng, sự đam mê sắc dục sẽ diệt mất con mắt trí tuệ của bậc thánh. Nên biết rằng, sự đam mê sắc dục là đống lửa [văng ra khi đập] sắt nóng, nằm vung vãi trên mặt đất đời chân người giẫm phải [gây bỏng].”³

Lại cũng dạy rằng: “Vì sao gọi là mê đắm [sắc dục]? Nói mê đắm có nghĩa là khiến cho người ta như mang vác thêm vật nặng, phải chìm đắm [trong dòng đời], boi lội tới lui đều phải vất vả mang theo.”⁴

Lại cũng nói rằng: “Ta quán xét trong cùng khắp các cõi thế giới, mối oán cừu lớn lao nhất của tất cả chúng sinh không gì hơn sự đam mê tham muốn sắc dục. Vì đối với nữ sắc bị đam mê trói buộc nên hướng về các pháp lành nảy sinh rất nhiều chướng ngại.”⁵

¹ Đoạn trích này thuộc trang 286, tờ a (sách đã dẫn), bắt đầu từ dòng thứ 29.

² Kinh Đại Bảo Tích (大寶積經), tổng cộng 120 quyển, do ngài Bồ-đề-luu-chí dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 11, kinh số 310.

³ Đoạn trích này thuộc quyển 44 (sách đã dẫn), trang 258, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 2.

⁴ Đoạn trích này thuộc quyển 44 (sách đã dẫn trên), trang 258, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 7. Kinh văn dùng cách so sánh chữ *phụ* (婦) chỉ phụ nữ với chữ *phụ* (負) có nghĩa là mang vác, gánh nặng. Để tái hiện sự đồng âm dị nghĩa này trong tiếng Việt, chúng tôi dùng chữ “đắm” trong mê đắm để liên hệ ý nghĩa với chữ “đắm” trong chìm đắm. Do đó, đoạn văn này xin được hiểu là chuyển dịch theo ý chữ không sát theo từ ngữ. Hòa thượng Trí Tịnh dịch đoạn tương ứng này trong Kinh Đại Bảo Tích là: “Có gì gọi là phụ nhon? Chữ phụ ấy có nghĩa là mang gánh nặng. Vì hay khiến chúng sanh vác gánh nặng đi khắp nơi.” Đoạn văn này e rằng rất khó hiểu với độc giả người Việt, vì trong tiếng Việt không có ý nghĩa đó. Ngoài ra, chúng tôi hiểu ý Kinh văn theo hướng “sự say đắm sắc đẹp” mới là nguyên nhân dẫn đến tội lỗi, chứ bản thân sắc đẹp hay người phụ nữ không phải là tội lỗi.

⁵ Đoạn trích này thuộc quyển 44 (sách đã dẫn), trang 258, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 18. Nội dung trích dẫn được lược ý từ kinh văn, không dẫn nguyên vẹn.

Kinh Tứ thập nhị chương¹ nói: “[Đức Phật dạy rằng:] Con người bị vương mắc trói buộc với vợ con, tài sản còn ghê gớm hơn cả tù ngục giam cầm. Tù ngục giam cầm còn có kỳ hạn được thả ra, trói buộc với vợ con thì [vĩnh viễn] chẳng lúc nào nghĩ đến sự xa lìa.”²

Kinh Đạo hạnh Bát-nhã³ dạy rằng: “Người tại gia ngày ngày đối diện với nữ sắc, trong lòng không được vui vẻ an ổn, thường phải lo lắng sợ sệt. Cũng giống như người phải đi qua vùng hoang vu rộng lớn, trong lòng thường lo sợ bọn giặc cướp.”

Trên đây có sáu phần được trích dẫn từ Kinh điển. Ba phần đầu tiên luận tổng quát về những mối nguy hại của sự đắm mê sắc dục. Các phần thứ tư và thứ năm nói đến việc chúng sinh bị sắc dục trói buộc. Phần cuối cùng khơi dậy sự tỉnh giác sợ sệt đối với sắc dục.

Các chương tiếp theo dưới đây đều đi vào pháp môn quán tưởng, công phu đạt đến mức thâm sâu tinh tế ắt có thể lắng tâm thanh tịnh, lặng lẽ soi chiếu, cho đến lúc thuần thực mới có thể vĩnh viễn dứt trừ được cội gốc của sự dâm dục.

QUÁN TƯỚNG BÀO THAI NHƯ TÙ NGỤC

Phép quán này thành tựu thì thấy rõ được đủ mọi thảm trạng [của chúng sinh] khi ở trong bào thai. Đây chính là phương tiện đầu tiên để ngăn dừng sự tham muốn dâm dục.

Khi cha mẹ còn chưa sinh ta ra, nào biết mặt mũi lúc ấy ở nơi

¹ Kinh Tứ thập nhị chương (四十二章經), 1 quyển, do ngài Ca-diếp Ma-dăng và Pháp Lan cùng dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 784.

² Đoạn trích này thuộc trang 723, tờ a (sách đã dẫn), bắt đầu từ dòng thứ 27.

³ Kinh Đạo hạnh Bát-nhã (道行般若經), 10 quyển, do ngài Chi-lâu-ca-sấm dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 8, kinh số 224. Đoạn trích này thuộc quyển 6, trang 455, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 20, chỉ lược ý kinh chứ không trích nguyên văn.

nào? Chỉ vào thời điểm đầu thai, chợt nhìn thấy cảnh [cha mẹ] hành dâm mà khởi tâm tham muốn ái luyến. Lòng dâm một khi sinh khởi, lập tức bị bao trùm giữa tinh cha huyết mẹ. Từ đó chịu giam hãm trong bào thai mười tháng, lần lượt [chịu các nỗi khổ để] đền trả những món nợ [ngiệp báo] đã vay. Khi người mẹ ăn các món nóng nảy, thai nhi phải chịu khổ như ngâm trong nước nóng. Khi người mẹ uống nước lạnh vào, thai nhi phải chịu rét buốt như nằm giữa khối băng. Khi người mẹ ăn no bụng, thai nhi [bị ép chặt đến nỗi] đỉnh đầu như có treo túi sắt nặng. Lúc mẹ đói chưa ăn, trong bụng trống rỗng, thai nhi [sợ sệt vì] như lơ lửng giữa khoảng không, không nơi bám víu.

Đến kỳ sinh nở, mẹ đối mặt với hiểm nguy, cha kinh hãi sợ sệt, quỵn thuộc tụ hội quanh giường sản phụ cầu trời khẩn đất, thai nhi lúc ấy như bị kẹp chặt giữa hai quả núi, thật khó khăn như không thể thoát ra. Bà mẹ đưa tay vào nắm đầu lồi, thai nhi cảm thấy như đao kiếm cắt đâm vào da thịt. Vừa thoát được ra bên ngoài liền bật lên tiếng kêu khóc lớn, đau đớn khi ấy tưởng như không sao chịu nổi. Những người chung quanh không biết được việc này, [nhìn thấy trẻ được sinh ra thì] đều vỗ tay mừng vui, đâu biết rằng chính những người hôm nay vui mừng đó, ngày trước cũng đã từng trải qua đau đớn khổ não như vậy không khác.

Đêm khuya thanh vắng, lắng lòng suy nghĩ mới thấy rằng, [người đời phải chịu đựng bao nỗi thống khổ như thế mà không hề nghĩ đến việc làm sao để thoát ra,] thật là điều kỳ quái biết bao!

Những điều nói trên không phải do ước đoán, mà có ghi chép rõ ràng trong kinh Ngũ vương.¹ Kẻ phàm phu đắm mê ái dục, do đó mà đời đời kiếp kiếp phải chìm đắm trong khổ não khôn

¹ Tên đầy đủ là kinh Phật thuyết Ngũ vương (佛說五王經), 1 quyển, đã mất tên người dịch, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 14, kinh số 523. Đoạn văn trên trích lấy ý kinh, không dẫn nguyên văn, phần được trích nằm ở trang 796, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 28.

cùng, trải qua vô số kiếp đều phải tự mình gánh chịu, không ai thay thế được. Nếu muốn phá trừ quân ma phiền não, người có trí phải bắt giữ được ngay tên chủ soái của giặc. Chủ soái đó chính là con ma dâm dục. Ma dâm dục đã bị giết chết thì bao nhiêu quân ma còn lại đều sẽ đại bại.

Tiếp theo đây sẽ [căn cứ vào kinh văn] để miêu tả rõ ràng những thảm trạng con người phải trải qua khi ở trong bào thai. Mong sao người đời khi hiểu thấu được rồi sẽ sớm phát tâm mong cầu giải thoát, chỉ một lần này đã sinh ra, quyết [tu tập chứng ngộ để] không còn phải tiếp tục phải chịu nỗi khổ trong bào thai như tù ngục.

Kinh Tu hành đạo địa¹ dạy rằng: Bào thai hình thành trong thời gian 7 ngày đầu tiên không có sự tăng giảm. Sang tuần thứ hai, hình trạng như khối cao sữa loãng.

Đến tuần thứ ba hình trạng [hơi sệt] như khối cao sữa sũng, qua tuần thứ tư chuyển thành như khối cao sữa đã ủ chín.

Đến tuần thứ năm thì hình trạng chỉ như khối bơ sũng, tuần thứ sáu thì có da thịt hình thành bao quanh như lớp màng bọc.

Đến tuần thứ bảy thì hình trạng như khối thịt, sang tuần thứ tám thì độ cứng chắc của bào thai chỉ tựa như khối đất sét còn chưa nung.

Đến tuần thứ chín, thai nhi bắt đầu hình thành năm bọc dịch, tức là [nền tảng để sau này] tạo thành hai đùi, hai khuỷu tay và cổ.

Sang tuần thứ mười thì hình thành đủ tứ chi và đầu.

Vào tuần thứ mười một, bào thai hình thành cả thấy 26 bọc dịch [ở những vị trí sẽ phát triển thành] mười ngón tay, mười ngón chân và hai mắt, hai tai cùng với mũi và miệng.

¹ Kinh Tu hành đạo địa (修行道地經), tổng cộng 7 quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 15, kinh số 606. Phần trích dẫn này thuộc quyển 1, trang 187, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 10.

Sang tuần thứ mười hai, hình dạng bên ngoài hoàn chỉnh.

Vào tuần thứ mười ba, hình dáng của ruột đã hình thành bên trong bào thai, sang tuần thứ mười bốn thì hình thành ngũ tạng.¹

Đến tuần thứ mười lăm thì hình thành ruột già, tuần thứ mười sáu hình thành ruột non.

Tuần thứ mười bảy, trong bào thai đã có dạ dày, sang tuần thứ mười tám hình thành hai tạng.²

Tuần thứ mười chín sinh ra hai bàn tay, bàn chân, các phân đoạn cánh tay.

Đến tuần thứ hai mươi, sinh ra bộ phận sinh dục, rốn, gò má và vú.

Tuần thứ hai mươi mốt, bào thai hình thành 300 đốt xương mềm, hình trạng giống như quả bầu non.

Tuần thứ hai mươi hai, hình trạng giống như quả bầu [đã lớn nhưng] chưa già.

Đến tuần thứ hai mươi ba, bào thai đã có hình trạng cứng cáp như quả bầu già.

Tuần thứ hai mươi bốn, bào thai hình thành một trăm đường gân [trong toàn cơ thể].

Tuần thứ hai mươi lăm, bắt đầu hình thành 7.000 kinh mạch nhưng chưa hoàn thành trọn vẹn, sang tuần thứ hai mươi sáu thì kinh mạch đã lớn dài hoàn hảo, hình tượng như những sợi tơ ngó sen.

Tuần thứ hai mươi bảy, bào thai đã hình thành được ba trăm sáu mươi ba đường gân.

Tuần thứ hai mươi tám, bắt đầu hình thành các lớp thịt.

¹ Ngũ tạng: bao gồm tâm (tim), can (gan), ti (lá lách), phế (phổi) và thận (thận).

² Chỉ sinh tạng và thực tạng.

Tuần thứ hai mươi chín, các lớp thịt đã hình thành khá dày.

Tuần thứ ba mươi, mới bắt đầu có hình tượng lớp da bao quanh. Tuần thứ ba mươi mốt, lớp da đã có độ dày và chắc hơn.

Tuần thứ ba mươi hai, lớp da bao quanh bào thai phát triển hoàn chỉnh.

Tuần thứ ba mươi ba, những bộ phận như lỗ tai, lỗ mũi, hai vai, các ngón tay, đầu gối đều hình thành.

Tuần thứ ba mươi tư, bào thai khởi sinh 99 vạn lỗ chân lông, nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh.

Tuần thứ ba mươi lăm, các lỗ chân lông phát triển hoàn thành.

Tuần thứ ba mươi sáu, hình thành đầy đủ các móng chân, móng tay.

Tuần thứ ba mươi bảy, trong bụng mẹ có gió nổi lên, thổi thông suốt qua bảy lỗ¹ trên thân thai nhi.

Tuần thứ ba mươi tám, tùy theo nghiệp thiện ác đã tạo trong đời trước của thai nhi mà hình thành hai loại gió, có hương thơm hoặc hôi hám, do đó xác định dung mạo, cốt cách [sau này] của thai nhi là sang quý hay hèn hạ.

Vào lúc này, thai nhi còn thiếu 4 ngày mới được tròn 9 tháng. Sau 4 ngày đó, có gió nổi lên [trong bụng mẹ], thổi vào thai nhi khiến cho phải đảo lộn tư thế, xoay đầu về phía dưới, hướng đến cửa mình người mẹ. Nếu là người có nhiều phúc đức, khi ấy sẽ có cảm giác [thoải mái] như vào hồ tắm, hoặc tự thấy mình đi đến nơi có nhiều hương thơm hoa đẹp. Nếu là người vô phúc, khi ấy sẽ có cảm giác [hốt hoảng] như từ trên đỉnh núi cao rơi xuống, hoặc tự thấy như mình bị treo trên cây, bên dưới có đầy đao sắc kiếm nhọn, trong lòng khổ não không vui.

Vào thời điểm ra khỏi lòng mẹ, thai nhi cảm thấy như có

¹ Bảy lỗ: gồm 2 lỗ mắt, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi và lỗ miệng.

hai quả núi ép vào thân thể mình, đau đớn khổ sở khôn lường, do đó thần thức trở nên hôn mê rối loạn, không thể nhớ được những chuyện đã qua.

Hài nhi sinh ra rồi lớn dần lên, do ăn uống vào người đủ loại thực phẩm, nên bên trong cơ thể liền sinh ra tám mươi loại trùng. (Trong phép quán tiếp theo sau sẽ trình bày chi tiết.)”¹

QUÁN KÝ SINH TRÙNG

Phép quán này thành tựu thì thấy rõ bên trong thân thể mình là nơi các loại trùng tụ tập sinh sản đầy dẫy. Đây chính là pháp môn phương tiện khởi đầu để quán bất tịnh.

Ô uế thay thân thể máu thịt này, là nơi vô số loại trùng tụ tập ký sinh. Ẩn nấp bên trong thân tứ đại, những loại trùng ấy có hình thể cực kỳ nhỏ bé nên phàm phu hoàn toàn không thấy biết, chỉ bậc chứng đắc thiên nhãn mới nhìn rõ được. Nếu dùng tâm thanh tịnh quán sát, ắt sẽ thấy việc nam nữ đam mê bám chấp vào thân thể của nhau thật đáng chê cười.

Kinh Chánh pháp niệm xứ² dạy rằng: Bên trong xương sọ có hai loại trùng, di chuyển bên trong phạm vi hộp sọ, thường ăn vào não người.

Lại có một loại trùng không bị kiểm chế, thường ở yên trên đỉnh đầu, khiến người sinh bệnh.

Có loại trùng tóc, sống ở phía ngoài xương sọ, thường ăn các chân tóc.

Lại có loại trùng sống bên trong lỗ tai, thường ăn thịt trong lỗ tai.

¹ Nội dung trích dẫn trên chỉ dựa theo ý kinh để diễn đạt, không trích nguyên văn.

² Kinh Chánh pháp niệm xứ (正法念處經), tổng cộng 70 quyển, do ngài Cù-đàm Bát-nhà-luu-chi dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 721.

Lại có loại trùng sống trong lỗ mũi, thường ăn thịt trong lỗ mũi.

Lại có loại trùng sống trong lớp mỡ, khi chúng hoạt động mạnh thì khiến người bị đau đầu.

Lại có loại trùng ăn nước bọt, sống nơi cuống lưỡi, khi chúng hoạt động mạnh thì làm cho người bị khô miệng.

Lại có loại trùng say đắm mùi vị [thức ăn], sống nơi đầu lưỡi. Khi gặp thức ăn ngon thì mê đắm say sưa, nếu gặp thức ăn không ngon thì khô héo yếu ớt.

Lại có loại trùng có tên gọi theo sáu mùi vị, nếu chúng ưa thích mùi vị nào thì khiến cho người cũng ưa thích mùi vị đó.

Lại có loại trùng chân răng, sống bên trong răng, khi chúng hoạt động mạnh thì khiến người bị đau răng.

Lại có bốn loại trùng sống trong cổ họng, khiến cho người trong lúc ăn uống, nước bọt tiết ra rối loạn, nuốt vào qua cổ họng lại hòa lẫn với dịch não, gây ra nôn mửa.

Lại có loại trùng tên là trùng sinh khí, khi nó hoạt động mạnh thì làm cho cổ họng bị nghẹn lại.

Lại có hai loại trùng liên kết, sống trong khoảng giữa các đốt xương, khiến người bị đau đớn nơi các mạch máu.

Lại có loại trùng phù thũng, sống trong cơ thể, khi nó uống máu người thì tự nhiên người phát bệnh phù thũng.

Lại có loại trùng mê ngủ, sống ở khắp nơi trong cơ thể, khi mệt mỏi chúng liền tụ hội về nơi tim, khiến cho người rơi vào trạng thái mê ngủ.

Lại có mười loại trùng di chuyển trong gan, phổi, khiến người sinh bệnh.

Lại có hai mươi loại trùng di chuyển bên trong tủy xương, hút lấy tinh dịch của người, khiến cho lửa dục thường bốc lên.

Lại có hai mươi loại trùng sống bên trong bộ phận sinh dục, khiến cho người gầy ốm nhưng nhiều sân hận, phần dưới cơ thể lại thường bốc mùi hôi hám.

Lại có mười loại trùng sống trong phân và nước tiểu, vừa hôi thối vừa khó nhìn thấy, có lúc làm cho người bị tiêu chảy, lại có lúc gây bệnh táo bón.¹

Trên đây kể ra tám mươi loại trùng, tất cả đều có tên gọi, hình trạng, được nói rõ trong kinh văn, vì quá nhiều chi tiết nên ở đây không nói hết.

QUÁN BẤT TỊNH

Phép quán này thành tựu thì hốt nhiên thấy rõ được sự ô uế trong tinh huyết của kẻ nam người nữ, chính là pháp quán phương tiện để đối trị vượt qua cửa ái dâm dục.

Mọi sự khổ não trong thế gian đều khởi sinh từ ái dục. Tâm tham ái nếu không thể dứt trừ thì khi đối diện với sắc dục ắt phải hồn xiêu phách tán, nước [ái luyến như] từ trong xương rỉ chảy ra mãi, lửa [tham dục như] từ trong đôi mắt cháy phừng lên dữ dội. Tâm hùng hổ, ý bùng bùng, [không việc gì không dám làm,] khiến cho nghiệp ác càng thêm nặng, tội chướng càng thêm sâu. Lúc bình thường luôn quan tâm đến lễ nghĩa, giữ gìn danh thơm tiếng tốt, đến lúc [đối diện với sắc dục] chỉ trong chốc lát đã không còn màng đến chuyện liêm sỉ. Khi ấy dù quỷ thần cũng không nể sợ, huống chi những chuyện danh tiếng, lễ giáo, sao có thể ràng buộc được? Mệnh mang trong cõi đời ô trược, tù ngục giam cầm ngày một nhiều hơn. Những lời răn dạy ân cần thương xót của các bậc thánh hiền, chỉ sợ rằng không còn chút tác dụng nào.

May mắn thay vẫn còn có Giáo pháp của đức Như Lai, rộng

¹ Toàn bộ nội dung trên lấy ý từ kinh văn chứ không trích nguyên văn. Nội dung kinh văn được sử dụng thuộc quyển 64, trang 381, tờ c (sách đã dẫn), bắt đầu từ dòng thứ 15.

mở pháp môn [diệt trừ tham dục, như mưa] cam lộ [tươi mát xuống cõi trần, giúp người] dùng phép quán bất tịnh có thể khiến cho lửa dục hóa thành băng giá, [khi ấy] dù có tiên nữ giáng trần cũng chỉ xem như kẻ ăn mày cùi hủi gớm ghiếc, hưởng chi là những phụ nữ phạm tục chốn thế gian, vốn chỉ là một cái túi da bọc xương thịt.

Không cần phải luận bàn về nhân quả, cũng không cần đặt ra hình luật nghiêm khắc, chỉ [quán chiếu] thấy hết được những điều ô uế nhơ nhớp thì con ma dâm dục sẽ không còn dám đấu tranh cùng ta nữa.

Phép quán này được thành tựu sẽ nhổ bật tận gốc rễ dâm dục ái luyến. Tôi từ nhiều năm về trước vẫn thường bị ái dục khống chế, cũng tương tự như [lòng dục của] Ma-đăng-già [khi gặp A-nan]. Mặc dù đã thử qua nhiều phương pháp để chế ngự tham dục, nhưng mỗi khi gặp hoàn cảnh [cám dỗ] thì lòng dục lại khởi lên như trước. Kể từ sau khi tu tập thực hành phép quán bất tịnh này thì tâm niệm ái dục tự nhiên tan biến, lòng được nhẹ nhàng. Nay nhờ đó được đôi chút tỉnh ngộ, xin cung kính lễ bái đấng Đại Từ Tôn, phát thệ nguyện trong đời vị lai sẽ trừ sạch hết quân ma, phân thân hóa hiện nơi vô số cõi thế giới để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Tôi có vị thầy là tiên sinh Trương Băng Am, thường ân cần dạy dỗ nhắc nhở, nhiều lần nói với tôi rằng: “Việc tu tập phép quán bất tịnh này cũng giống như học nghề làm bếp. Khi học thành nghề rồi, lúc xẻ thịt trâu không nhìn thấy toàn thân con trâu nữa, [mà chỉ thấy đó là những bộ phận riêng rẽ hợp thành,] dùng một con dao [mổ trâu] qua mười chín năm vẫn còn sắc bén như vừa mới mài.” Nay thanh kiếm trừ ma của tôi qua trăm lần tôi luyện đã hóa thành vàng, chém sạch hết những con quỷ hiện hình dung xinh đẹp mỹ miều, bởi trong mắt không còn nhìn thấy những thân thể xinh đẹp hoàn hảo, [mà chỉ thấy đó là những túi da bọc chứa xương thịt, máu mủ], nên cho dù có ngồi

cạnh [mỹ nữ đẹp như] Tây Thi cũng chỉ thấy những xương thịt, gân cốt, ba mươi sáu thứ uế tạp như đờm dãi, phần uế, lông, tóc, móng tay v.v... Do đó, cũng không cần phải ngưỡng mộ học theo Triệu Cầm¹ xưa kia ngồi cạnh nữ nhân mà tâm không rối loạn, [chỉ cần theo phép quán này ắt dập tắt được trong tâm không còn ham muốn].

Nay tôi viết ra đây những lời thô thiển, không văn hoa mỹ lệ, chỉ nhằm nêu rõ được ý nghĩa tu tập, để người xem qua liền có thể thực hành theo; thực hành được rồi lại tiếp nối truyền đạt cho người khác, khiến cho ai ai cũng đều có thể vĩnh viễn dứt trừ, làm khô kiệt con sông ái dục.

Nguyện cho bánh xe Chánh pháp thường chuyển động lưu hành, khiến cho cõi đời uế trước dần trở nên thanh tịnh trang nghiêm [như cõi Phật].

Phần thứ nhất: Quán xét chung hình thể nam nữ

1. Nếu tinh tâm quán chiếu, có thể thấy rằng hết thảy kẻ nam người nữ ở thế gian đều do tinh dục mà sinh ra, đó là nguồn gốc sinh ra không trong sạch.

2. [Bào thai] con người vốn do tinh cha huyết mẹ hòa hợp mà sinh ra, đó là cách thọ sinh không trong sạch.

3. [Bào thai] ở trong bụng mẹ, nằm bên dưới sinh tạng, bên trên thực tạng, đó là chỗ ở không trong sạch.

4. Lúc ở trong bào thai, chỉ duy nhất sống bằng máu huyết của mẹ, đó là nguồn thức ăn không trong sạch.

5. Ở trong thai đủ mười tháng rồi từ cửa mình người mẹ mà sinh ra, đó là vừa sinh ra đã không trong sạch.

6. [Sinh ra rồi lớn lên,] trong thân thể chứa đầy máu mủ, chín lỗ

¹ Triệu Cầm: tức Liễu Hạ Huệ, một bậc danh sĩ người nước Lỗ nổi tiếng về đức độ, có lần phải ôm một cô gái để cứu cô ấy khỏi chết rét nhưng trong lòng không hề khởi sinh tà niệm.

trên thân thường chảy ra những thứ nước dơ nhớp, đó là toàn thân đều không trong sạch.

Phần thứ hai: Bộ sinh dục nữ không trong sạch.

Kinh Đại oai đức đà-la-ni¹ chép rằng: “Phật bảo A-nan: Nên biết rằng trong cơ thể người phụ nữ có 5 nhóm trùng mà người đàn ông không có. Năm nhóm trùng này cư trú trong âm đạo của phụ nữ,² mỗi nhóm có tám mươi loại, cả hai đầu con trùng đều có miệng như kim nhọn, như dao sắc. Mỗi khi chúng ăn vào cơ thể thì khiến cho người phụ nữ tinh thần bất an, bực dọc, lại tăng thêm ham muốn tình dục.”³

Phần thứ ba: Những ô uế trong bụng người phụ nữ.

Kinh Thiên bí yếu⁴ nói rằng: “Nếu người tu tập thiên định mà lửa dục bùng phát, đêm ngày tư tưởng chuyện dâm dục, phải biết đó là tình huống cực kỳ nguy cấp, phải gấp rút đổi trị tâm tham dục ấy. Phương pháp đổi trị là áp dụng việc quán xét tử cung của người nữ. Tử cung⁵ nằm phía dưới sinh tạng,

¹ Kinh Đại oai đức đà-la-ni (大威德陀羅尼經), tổng cộng 20 quyển, do ngài Xà-na-quật-đa dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 21, kinh số 1341. Nội dung trích dẫn bắt đầu từ dòng thứ 29, trang 833, tờ c.

² An Sỷ toàn thư khác là “在二道中 - tại nhị đạo trung”. Tham khảo kinh văn chép là: “在陰道中 - tại âm đạo trung”. Chúng tôi e rằng An Sỷ toàn thư đã khắc nhầm. Hoặc cũng có thể An Sỷ toàn thư muốn dùng “nhị đạo” để chỉ cả 2 đường đại, tiểu tiện, nhưng như vậy cũng không hợp nghĩa lắm. Chúng tôi căn cứ kinh văn.

³ Đoạn trích này lấy ý từ kinh văn, không trích nguyên văn.

⁴ Kinh Thiên bí yếu, tức kinh Thiên bí yếu pháp (禪祕要法經), tổng cộng 3 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 15, kinh số 613. Đoạn trích này được chúng tôi tìm thấy trong sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), quyển 67, ở trang 793, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 14 (Đại Chánh tạng, Tập 53, kinh số 2122), với dòng mở đầu là “如禪祕要經云 - Như Thiên bí yếu kinh văn”. Tuy nhiên, nội dung này không có trong kinh Thiên bí yếu pháp, mà thật ra là ở trong sách Trị thiên bệnh bí yếu pháp (治禪病祕要法), 2 quyển, do Thư Cù Kinh Thanh dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 15, kinh số 620. Nội dung trích này thuộc quyển 1, bắt đầu từ dòng thứ 4, trang 335, tờ c. Như vậy, sách Pháp uyển châu lâm đã dẫn chú sai tên sách và An Sỷ toàn thư trích lại từ đó nên đã nhầm lẫn theo.

⁵ Nguyên bản dùng từ tạng (子宮), là tên khác của tử cung (子宮), chỉ một bộ phận thuộc cơ quan sinh

phía trên thực tạng, có 99 lớp màng cực mỏng như bào thai con lợn chết, bên trong lại chứa đầy chất nước hôi hám, có hình như ruột ngựa, phía trên cong tròn, phía dưới hơi nhọn lại như hình quả lê, gắn vào âm đạo, bên trong có đến 1.900 nếp nhỏ li ti, giống như những đường chỉ nhỏ trên tàu lá chuối, có 8 vạn nhóm trùng vây quanh. Mỗi khi người phụ nữ uống nước vào, phân tán ra khắp 404 đường mạch, các nhóm trùng này được ăn vào liền nôn ra chất mũ hôi hám có màu như máu. Lại có giống trùng cực nhỏ thường thích thú dạo chơi bên trong tử cung, sinh sản tích tụ trong một tháng thì không còn đủ chỗ dung chứa, nên mới có chu kỳ kinh nguyệt để thải chúng ra.”

Phần thứ tư: Những ô uế trong thân người đàn ông.

Trong sách trên cũng có đoạn nói rằng: “Toàn thân người đàn ông có 404 đường mạch [liên quan đến sự dâm dục], tất cả đều xuất phát từ mắt rồi phân tán xuống ruột, cho đến vị trí phía dưới sinh tạng, phía trên thực tạng, cùng với các mạch của phổi, tì, thận... nằm ở hai bên, thấy đều chứa đầy chất mũ màu xanh như tinh dịch của loài heo rừng, hôi thối không thể đến gần. Các đường mạch ấy chạy xuống đến chỗ dương vật thì chia làm ba nhánh như đường gân trên tàu lá chuối, cộng cả thấy có 1.200 đường mạch nhỏ, trong mỗi một đường mạch ấy đều sinh ra những phong trùng nhỏ li ti, hình dạng như sợi lông. Bên trong những phong trùng li ti này lại sinh ra các cân sắc trùng,¹ số lượng nhiều đến 78.000, vây quanh thành vòng tròn.

dục nữ, nằm giữa bàng quang và trực tràng có hình quả lê dốc ngược. Phần trên lớn gọi là đày tử cung, phần dưới nhỏ dài gọi là cổ tử cung. Cổ tử cung thò vào âm đạo, còn đày tử cung được kết nối với một hoặc cả hai ống dẫn trứng.

¹ An Sỹ toàn thư chép là “風蟲之外有筋色蟲 - phong trùng chi ngoại hữu cân sắc trùng”, nhưng tham chiếu bản sách nguồn được trích là *Trị thiên bệnh bí yếu pháp* thì chép là: “諸蟲口中生筋色蟲 - chư trùng khẩu trung sinh cân sắc trùng”. Chúng tôi căn cứ bản gốc để dịch là “bên trong” chứ không phải “bên ngoài”.

“Khi mắt người nam vừa nhìn thấy hình sắc gợi dục, tâm tham dục liền khởi lên. Tâm dục vừa khởi lên, 404 đường mạch nói trên đều nhất thời bị kích động, 80 nhóm trùng đều đồng thời há miệng, chảy nước mắt ra. Nước mắt của chúng màu xanh trắng, hóa thành tinh dịch theo nam căn mà tiết ra ngoài.”¹

Phần thứ năm: Sức mạnh của phép quán bất tịnh.

Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: “Nếu như có người trong bốn chúng đệ tử Phật, mặc áo hổ thẹn, uống thuốc hổ thẹn, cầu được giải thoát, thì nên theo học pháp môn [quán bất tịnh] này, cũng như được uống vào chất nước cam lộ màu nhiệm.

“Trước hết hãy quán tưởng rằng, hết thảy các loài trùng sống ở vùng phía trước tử cung cho đến bên trong âm hộ người nữ, cũng như trong khắp thân thể người nam, trong lúc giao hợp đều há miệng, vểnh tai, trợn mắt nôn ra chất mù tanh hôi. Trong lúc quán tưởng, luôn giữ hơi thở điều hòa an tĩnh, tỉnh giác theo dõi hơi thở ra vào, chú tâm quán chiếu mỗi mỗi hình ảnh đều rõ rệt, sáng tỏ như nhìn vào những đường chỉ trong lòng bàn tay. Cho đến lúc dù nhắm mắt hay mở mắt cũng đều có thể nhìn thấy rõ ràng tất cả thì xem như phép quán này được thành tựu, lửa dục tự nhiên dứt hẳn. Khi ấy cho dù có chư thiên, tiên nữ hiện ra trước mắt cũng chỉ nhìn thấy như người cùi hủi. Đối với thân thể của chính mình hay của người khác, cho đến của tất cả chúng sinh trong khắp cõi Dục giới này, cũng đều quán thấy như vậy.

“Nếu người nào đã uống được loại thuốc ‘quán tưởng’ này, đó chính là bậc đại trượng phu, là thầy dạy khắp hai cõi trời

¹ Đoạn trích này nằm trong quyển 1, sách Trị thiên bệnh bí yếu pháp (治禪病祕要法) như vừa dẫn trên, bắt đầu từ dòng thứ 20, trang 335, tờ c. An Sý toàn thư văn bản chú nhám lần dựa theo sách Pháp uyển châu lâm.

người, không còn bị dòng sông ân ái cuốn trôi phiêu dạt. Nên biết rằng những người như thế, tuy trong lúc còn chưa vượt ra khỏi vòng sinh tử luân hồi nhưng thân thể đã thơm tho tinh khiết như hoa ưu-bát-la, là bậc hương tượng mạnh mẽ trong cõi người, cho dù lực sĩ của Long vương hay vị trời Đại Tự Tại đều không bằng được.”¹

Phần thứ sáu: Khuyến người phải quyết định tu tập.

Kinh Thiên yếu ha dục² nói rằng: “[Người muốn tu tập pháp quán bất tịnh, phải quán tưởng] như người tù bị giam trong ngục, bốn phía đều có tường vách canh phòng nghiêm ngặt, chỉ còn duy nhất một lối thoát ra qua hố xí, không còn đường nào khác. Lại ví như người trúng độc, chỉ duy nhất có một cách là dùng phản uế mới trị được, không còn cách nào khác. Quán tưởng như thế rồi [thì sẽ quyết tâm] tu tập tinh tấn phép quán bất tịnh, [vì biết đó là phương pháp duy nhất để diệt dục, là con đường duy nhất để cầu đạo giải thoát.]”

BỐN CÁCH QUÁN TƯỞNG KHỎI SINH SỰ RÕ BIẾT

Phép quán này thành tựu thì rõ biết sâu xa rằng bản thân ta với người khác đều có đủ những điều xấu xa ô uế. Đây là pháp môn phương tiện áp dụng ngay trong hoàn cảnh hằng ngày để phá trừ tham dục.

¹ Đoạn trích này nằm trong sách Trị thiên bệnh bí yếu pháp (治禪病祕要法), quyển 1, trang 336, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 6. An Sỹ toàn thư văn bản chú sai lầm theo sách Pháp uyển châu lâm.

² Kinh Thiên yếu ha dục (禪要訶欲經): Hiện không tìm thấy tên kinh này, nhưng trong Khai nguyên thích giáo lục lược xuất (開元釋教錄略出), quyển 4, có ghi: “禪要訶欲經一卷 (題云禪要經訶欲品) 後漢, 失譯 - Thiên yếu ha dục kinh, nhất quyển (đề văn: Thiên yếu kinh, Ha dục phẩm), Hậu Hán, thất dịch.” Như vậy đây chính là kinh Thiên yếu (禪要經), 1 quyển, dịch vào đời Hậu Hán, đã mất tên người dịch, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 15, kinh 609. Phẩm Ha dục (thứ nhất) bắt đầu từ dòng thứ 20, trang 237, tờ c. Từ dẫn chú này chúng tôi tìm ra được chính xác đoạn kinh văn trích dẫn nằm ở trang 238, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 16.

Tâm tham dục của phàm phu vốn thay đổi khác nhau từ đời này sang đời khác. Đời trước sinh làm thân nữ, nhìn thấy người nam liền khởi tâm tham muốn. Đời này sinh làm thân nam, lại khởi tâm tham muốn thân thể người nữ. Nếu trong mỗi hoàn cảnh như thế đều có sự nhận biết rõ ràng bản chất ô uế của thân thể nam nữ, thì tâm tham ái không thể dựa vào đâu để sinh khởi.

Phần thứ nhất: Quán tưởng lúc ngủ vừa thức dậy, khởi sinh sự rõ biết

Trải qua một giấc ngủ, ngay khi vừa tỉnh giấc, nằm yên lặng lẽ tĩnh tâm quán tưởng vào lúc hai mắt vừa mở ra lờ mờ chưa nhìn rõ, còn chưa rửa mặt. Khi ấy, trong miệng chứa đầy nước bọt qua đêm hôi hám, lưỡi thì bám đầy những bọt vàng cáu bẩn, thật hết sức nhơ nhớp, liền quán niệm rằng: Cho dù là bậc tuyệt thế giai nhân, mỹ miều kiều diễm, môi thắm miệng xinh, nhưng vào lúc vừa thức giấc qua đêm, chưa tô son điểm phấn, tất nhiên trong miệng cũng hôi hám nhơ nhớp không khác gì ta.

Phần thứ hai: Quán tưởng sau khi say rượu, khởi sinh sự rõ biết

Tĩnh tâm quán tưởng như lúc ban đêm uống rượu quá chén, say đến nổi ruột gan đảo lộn, vừa sáng ra liền nôn mửa đầy nhà, khắp mặt đất đều là những thứ đã ăn vào chưa tiêu hóa hết, chó đói vừa đến ngửi vào cũng chịu không nổi phải vẫy đuôi chạy mất không ăn, [thật là hôi hám nhơ nhớp không thể nói hết], liền quán niệm rằng: Cho dù là người đẹp thùy mi, ăn uống nết na dịu dàng, nhưng lúc trải qua tiệc rượu linh đình rồi thì trong bụng cũng chứa đầy những thứ [thức ăn chưa tiêu hóa như ta đã nôn ra] không khác.

Phần thứ ba: Quán tướng vào lúc có bệnh, khởi sinh sự rõ biết

Tình tâm quán tướng lúc trải qua cơn bệnh nặng vừa mới khỏi, gây ốm đen sạm, hình dung khô tóp xấu xí, ví như lại bị những chứng ung nhọt, ghẻ chốc, máu mủ cùng rỉ chảy, hôi hám khiến người ta chẳng dám đến gần, liền quán niệm rằng: Cho dù là bậc quốc sắc thiên hương, hoặc thiếu nữ diễm kiều, nếu như gặp lúc trải qua cơn bệnh nặng, thì thân thể hình trạng cũng sẽ gây còm xấu xí như ta không khác.

Phần thứ tư: Quán tướng hố xí, khởi sinh sự rõ biết

Tình tâm quán tướng như trong hố xí kia, tích tụ đầy những phần và nước tiểu, giòi trắng nhặng xanh thường tụ tập trong đó, [thật hôi hám ô uế không thể nói hết], liền quán niệm rằng: Cho dù là mỹ nhân kiều diễm muôn phần, thân thể thường tắm gội, xông hoa ướp hương thơm ngát, nhưng một khi ăn uống vào bụng rồi cũng phải tiêu hóa ra thành những thứ như trong hố xí kia, không thể khác được.

CHÍN PHÉP QUÁN TỬ THI

Phép quán này thành tựu thì rõ biết thân này sau khi chết có vô số những điều thâm. Đây là pháp môn phương tiện dùng sự suy xét chỗ kết thúc cuối cùng để dứt tuyệt tham ái.

Con người khi nghĩ đến ngày chết thì lửa tham dục tự nhiên lắng xuống. Kẻ ngu si khi nghe nói đến cái chết thì buồn bã than khóc, cho là sự chẳng lành, [đâu biết rằng] rốt cùng thì trăm năm sau rồi bất cứ ai cũng phải tan rã hoại diệt mà thôi. Chín phép

quán tướng của hàng Bồ Tát [được trình bày dưới đây] chính là bến bờ giải thoát, là cây cầu lớn giúp người vượt qua [dòng sông ái dục, thoát khỏi] biển khổ.

Phép quán thứ nhất: Thi thể người mới chết

Tĩnh tâm quán tưởng hình ảnh thân thể người mới chết, hình dung chỉ thấy toàn thân buông xuôi nằm ngửa, khí lạnh thấu xương, không còn hay biết được điều gì cả, liền quán niệm rằng: Thân thể hiện nay của ta dù tham tài luyện sắc, tương lai rồi cũng phải đến lúc [buông xuôi] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ hai: Máu bầm xanh đen trong thi thể người chết

Tĩnh tâm quán tưởng hình ảnh thi thể người chết khi còn chưa liệm, ví như từ một ngày cho đến bảy ngày, sắc khí đen sậm khắp thi thể, dần dần biến thành chất máu bầm màu xanh đen, thật đáng sợ vô cùng, liền quán niệm rằng: Thân thể sinh động đẹp đẽ này của ta, tương lai rồi cũng phải đến lúc [hư hoại dần dần] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ ba: Máu mủ tanh hôi trong thi thể người chết

Tĩnh tâm quán tưởng hình ảnh thi thể người chết khi vừa bắt đầu phân hủy, da thịt hoại rửa dần thành chất mủ tanh hôi, toàn bộ lục phủ ngũ tạng đều tiêu nát, liền quán niệm rằng: Thân thể phong lưu, tuấn tú, thanh nhã này của ta, tương lai rồi cũng phải đến lúc [hoại rửa thối nát] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm

tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ tư: Nước nhầy chảy ra từ thi thể người chết

Tình tâm quán tưởng hình ảnh thi thể người chết đã đến lúc tan rã nhưng chưa được chôn cất, nước nhầy màu vàng từ trong chảy ra tanh tươi, hôi thối đến mức không sao chịu nổi, liền quán niệm rằng: Thân thể thơm tho sạch sẽ này của ta, tương lai rồi cũng phải đến lúc [hoại rửa thối nát] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ năm: Các loại trùng rúc rĩa thi thể người chết

Tình tâm quán tưởng hình ảnh thi thể người chết đã lâu, phân hủy hôi thối, trong toàn thân nơi nào cũng có các loài trùng chui rúc cắn rút, ăn vào chất thịt thối rĩa ấy, bên trong các đốt xương đều như hang ổ của chúng, liền quán niệm rằng: Thân thể quý giá xinh đẹp, hình loan vóc phụng này của ta, tương lai rồi cũng phải đến lúc [bị trùng bọ rúc rĩa] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ sáu: Dây gân ràng rịt các đốt xương trong thi thể người chết

Tình tâm quán tưởng thi thể người chết đã thối rĩa, tan rã hết da thịt, chỉ còn lại những dây gân ràng rịt lấy các đốt xương, giữ cho chúng dính lại cùng nhau, giống như sợi dây thừng ràng quanh bó củi, nhờ đó mà không rã lìa, liền quán niệm rằng: Thân thể của ta ngày nay thường mượn lấy hoa thơm ngọc quý để tô điểm làm đẹp, tương lai rồi cũng phải đến lúc [còn tro lại

gân xương] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ bảy: Các đốt xương trong thi thể người chết rã lìa

Tĩnh tâm quán tưởng thi thể người chết khi tất cả dây gân ràng rịt lại tiếp tục tiêu tán mất, các đốt xương không còn gì liên kết nên rệu rã tách rời, nằm la liệt vung vãi khắp nơi trên mặt đất, liền quán niệm rằng: Thân thể cao sang quý phái ngày nay của ta, tương lai rồi cũng phải đến lúc [trở thành những đốt xương nằm vung vãi] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ tám: Thi thể người chết bị thiêu đốt

Tĩnh tâm quán tưởng thi thể người chết sau khi bị lửa thiêu đốt, cháy đen nằm trên mặt đất, có phần thịt cháy đến chín, có phần vẫn còn chưa cháy hết, quang cảnh thật ghê sợ không dám nhìn đến, liền quán niệm rằng: Thân thể này của ta ngày nay vẫn chương cái thế, tài ba hơn người, tương lai rồi cũng có thể sẽ [bị thiêu đốt] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Phép quán thứ chín: Chỉ còn lại xương khô

Tĩnh tâm quán tưởng thân thể người chết sau khi chôn cất đã lâu ngày, mưa nắng dãi dầu, [phần mộ hư hoại,] những đốt xương khô từ lòng đất lộ ra, hoặc đã chuyển màu trắng toát, hoặc ngả sang màu vàng như gỗ mục, người đi qua lại hoặc thú vật đều giẫm đạp lên, liền quán niệm rằng: Thân thể này của ta ngày qua tháng lại thật dễ dàng đi đến cảnh già nua, tương lai rồi cũng phải đến lúc [trở thành những khúc xương khô không

ai biết đến] như thế. Quán niệm như vậy rồi thì tâm tham dục liền nguội lạnh phai nhạt.

Trích dẫn Kinh điển để sách tấn việc tu tập

Kinh Niết-bàn¹ dạy rằng: “Bồ Tát tu tập quán tưởng sự chết, quán xét mạng sống hiện nay thường có vô số sự cừu địch, oán thù quấy nhiễu, trong mỗi một niệm [thì mạng sống này] đều hao tổn đi dần đến sự diệt mất, không có tăng trưởng, cũng giống như thác nước mạnh từ núi cao đổ xuống, không thể dừng nghỉ; lại cũng giống như kẻ tử tù bị đưa đến chỗ hành hình, mỗi một bước đi đều là đến gần hơn với cái chết, lại cũng giống như trâu, dê đang bị dắt đi đến lò mổ, [cái chết càng lúc càng tiến đến gần].”²

QUÁN LUÂN HỒI

Phép quán này thành tựu rồi liền thấy rõ được hình tướng của sáu đường sinh tử luân hồi. Đây là pháp môn phương tiện dùng trí tuệ phá trừ các duyên sai lầm.

Khi thần thức rời khỏi thân xác này, gọi là thân trung ấm. Một khi đã nhập vào bào thai [tái sinh] rồi thì thân trung ấm không còn nữa, cũng giống như cây đèn đặt trong nhà tối, khi đèn tắt thì bóng tối lại bao trùm. Trong sáu đường luân hồi có mười bảy tướng trạng [tái sinh] khác nhau, người có trí nên quán xét rõ biết.

1. Từ cõi người tái sinh về cõi trời: Kinh Chánh pháp niệm³ dạy

¹ Kinh Niết-bàn, tên đầy đủ là kinh Đại Bát Niết-bàn (大般涅槃經), tổng cộng 40 quyển, do ngài Đàm-vô-sấm dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 374.

² Đoạn trích này thuộc quyển 38 của kinh Đại Bát Niết-bàn, trang 589, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 8.

³ Kinh Chánh pháp niệm, tức kinh Chánh pháp niệm xứ (正法念處經), tổng cộng 70 quyển, do ngài Cù-đàm Bát-nhà-lưu-chi dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 721. Nội

rằng: “Nếu người chết tái sinh về cõi trời, ắt sẽ nhìn thấy những sợi tơ trắng mềm mại treo lơ lửng như sắp rơi xuống, lại nhìn thấy những cảnh như vườn, rừng, hoa cảnh, hồ nước, lại có người ca múa, cười đùa, tiếp đó ngửi thấy mùi hương thơm và nghe tiếng âm nhạc. Khi gia đình thân quyến kêu gào than khóc [vào lúc sắp chết], do có nghiệp lành nên tự nhiên không hề nghe thấy, nhờ đó không luyến tiếc nghĩ nhớ, lập tức được tái sinh về cõi trời.”

2. Từ cõi Diêm-phù-đề tái sinh về châu Uất-đan-việt:¹ Khi ấy thân trung ấm sẽ nhìn thấy những sợi tơ mềm mại màu đỏ thắm, liền khởi tâm tham muốn, đưa tay nắm lấy. Những người thân chung quanh lúc ấy đều cho là người làm chung đang nắm tay vào khoảng không. Tiếp theo sẽ nhìn thấy hồ nước có hoa sen xanh, trong đó có đầy các loài ngỗng, vịt, uyên ương, liền vào nơi ấy dạo chơi. Lại sau khi từ hồ sen đi ra liền nhìn thấy cha mẹ tương lai của mình đang cùng nhau giao hợp. Do sự điên đảo trong tâm tưởng nên nhìn thấy người cha mang thân ngỗng đực, mẹ mang thân ngỗng cái. Nếu sẽ sinh làm thân nam, tự thấy thân mình là ngỗng đực, rời khỏi tâm sân hận với cha, ái luyến với mẹ. Nếu sẽ sinh làm thân nữ, tự thấy thân mình là ngỗng cái, rời khỏi tâm ái luyến với cha, sân hận với mẹ.

3. Từ cõi Diêm-phù-đề tái sinh về châu Cù-da-ni: Khi ấy thân trung ấm sẽ nhìn thấy những sợi tơ vàng quấn quanh, nhà cửa đều hóa ra màu vàng rờng, tự thấy thân mình là con trâu, thấy người cha là trâu đực, người mẹ là trâu cái. Lại cũng khởi sinh tâm ái luyến và sân hận đối với cha mẹ tùy theo việc sinh làm thân nam hay thân nữ, giống như trường hợp trên.

4. Từ cõi Diêm-phù-đề tái sinh về châu Phất-bà-đề: Vào lúc lâm chung, người này sẽ thấy mọi thứ đều hóa ra màu xanh, có những

dung phân này được trích từ quyển 34, bắt đầu từ trang 197, tờ c, dòng thứ 11.

¹ Theo thế giới quan Phật giáo được trình bày trong kinh điển thì có bốn cõi thiên hạ bao quanh núi Tu-di về 4 hướng là: Nam Thiệm bộ châu (hay Diêm-phù-đề), Bắc Câu-lô châu (hay Uất-đan-việt), Đông Thắng thân châu (hay Phất-bà-đề), Tây Ngưu hóa châu (hay Cù-da-ni). An Sĩ toàn thư dùng tên Cù-dà-ni (瞿陀尼) thay vì Cù-da-ni (瞿耶尼), đều chỉ là những tên phiên âm. Cõi Diêm-phù-đề chính là địa cầu mà ta đang sống.

sợi tơ màu xanh treo lơ lửng, vì sợ những sợi tơ xanh rơi mất, liền dùng tay nắm giữ lấy, lại thấy như trong lòng sợ sệt. Khi ấy nhìn thấy cha mẹ giao hợp như ngựa đực và ngựa cái, [tự thấy thân mình cũng là ngựa,] lại khởi tâm ái luyến và sân hận đối với cha mẹ tùy theo việc sinh làm thân nam hay thân nữ, giống như những trường hợp trên.

5. Từ châu Uất-đan-việt tái sinh về cõi trời, thuộc hạ phẩm: Khi lâm chung nhìn thấy hương hoa xinh đẹp màu nhiệm, liền khởi tâm luyến ái, vương mắc, muốn leo lên cây cao. Vừa nghĩ như vậy liền lập tức được bay lên cao, lên đến đỉnh núi Tu-di, rồi đến các cõi trời, có nhiều hoa quả xinh tươi đẹp đẽ.

6. Từ châu Uất-đan-việt tái sinh về cõi trời, thuộc trung phẩm: Khi lâm chung nhìn thấy hoa sen trong hồ nước, có bầy ong bay chung quanh, liền trèo lên hoa sen ấy rồi bay trên không trung mà đi.

7. Từ châu Uất-đan-việt tái sinh về cõi trời, thuộc thượng phẩm: Khi lâm chung nhìn thấy tòa cung điện uy nghi xinh đẹp, hết sức trang nghiêm thù thắng, liền đi lên rồi trở thành vị thiên tử trong cung điện ấy.

8. Từ châu Uất-đan-việt tái sinh về cõi trời, thuộc trường hợp khác: Khi lâm chung nhìn thấy những cảnh dạo chơi trong vườn, rừng xanh tốt, trong tâm không hề rối loạn hoặc ô nhiễm. Do tâm được thanh tịnh nên tự nhiên bay thẳng lên các cung điện cõi trời, nhìn thấy chư thiên nơi ấy, rồi bay giữa không trung mà đi.

9. Từ châu Cù-da-ni tái sinh về cõi trời: Khi lâm chung nhìn thấy hồ nước rất lớn, thần thức liền trôi giạt trong đó, cho đến tận bờ bên kia liền nhìn thấy các vị thiên nữ tiến gần đến rồi ôm lấy, liền được sinh lên cõi trời.

10. Từ châu Phất-bà-đề tái sinh về cõi trời: Khi lâm chung nhìn thấy cung điện nhà cửa nguy nga xinh đẹp, liền khởi tâm vui mừng. Từ bên ngoài cung điện lại gặp gỡ các vị thiên nhân, cùng các vị

thiên nữ dạo chơi. Cũng giống như người ngủ say thức giấc, liền lập tức sinh về cõi trời.

11. Ngạ quỷ dứt nghiệp được tái sinh về cõi trời: Khi lâm chung không còn nghĩ đến chuyện đói khát, nhìn thấy thức ăn uống cũng chỉ lấy mắt nhìn [mà không ăn]. Chỉ nhìn như thế cũng đủ mừng vui, liền lập tức tái sinh về cõi trời.

12. Súc sinh dứt nghiệp được tái sinh về cõi trời: Khi lâm chung liền nhìn thấy ánh sáng rực rỡ, tâm si mê lập tức suy giảm, mờ nhạt đi, trí tuệ dần dần khai mở, vừa khởi tâm vui mừng liền được sinh về cõi trời.

13. Từ địa ngục dứt nghiệp được tái sinh về cõi trời: Khi ấy vừa bị ngục tốt nơi địa ngục đánh liền chết đi. Nếu là tội nhân bị ném vào nồi đồng chảo sắt, thì vừa ném vào liền chết ngay. Nếu là tội nhân bị chim sắt, ác thú ăn nuốt, thì vừa bị ăn liền chết ngay, không còn sống lại như trước. Khi ấy thần thức bỗng dưng nhìn thấy giữa không trung có những cảnh ca múa cười đùa, có gió thơm thổi đến chạm vào thân mình, liền lập tức sinh về cõi trời.

14. Người chết tái sinh làm người: Khi lâm chung liền nhìn thấy hòn núi đá rất lớn, sắp rơi đè lên mình, liền đưa tay chống đỡ, bỗng thấy núi đá hóa ra như dải lụa trắng, liền leo lên đó, đến nơi lại thấy hóa ra dải lụa đỏ, lần lượt lại nhìn thấy ánh sáng rực rỡ, bên trong ánh sáng có đôi nam nữ đang giao hợp. Nếu sinh làm thân nam, liền tự thấy mình đến giao hợp với người nữ, bị người nam cản trở, hoặc nếu sinh làm thân nữ, sẽ thấy ngược lại. Trong giây lát, thân trung ấm diệt mất, lập tức nhập vào bào thai.

15. Chư thiên được tái sinh trở lại cõi trời: Khi thọ mạng cõi trời đã hết, vị trời này vẫn không mất đi các tướng trạng nghiêm, lại cũng không có vị trời nào khác đến chiếm lấy tòa ngai. Nếu được tái sinh về các cõi trời cao hơn, liền nhìn thấy những tướng trạng khả ái thù thắng.

16. Chư thiên tái sinh về các cõi trời thấp hơn: Khi lâm chung vị

trời này nhìn thấy những cảnh vườn, rừng, ao hồ đều không được [tốt đẹp] như trước, lại cảm thấy đói khát khổ não. Vào lúc khát nước mong muốn được uống, liền lập tức tái sinh vào cõi trời thấp hơn.

17. Từ châu Phất-bà-đê tái sinh về châu Cù-da-ni và ngược lại: Khi lâm chung nhìn thấy trong hang tối có tia chớp điện màu đỏ, lại thấy như có lá phướn từ trên cao rủ xuống, liền đưa tay đón lấy rồi lần theo lá phướn ấy mà đi vào trong hang, liền thọ thân trung ấm. Khi ấy, hoặc nhìn thấy hai con ngựa [giao hợp, nếu tái sinh về châu Phất-bà-đê], hoặc là hai con trâu, [nếu tái sinh về châu Cù-da-ni], tướng trạng cũng giống như đã nói [tại mục 3 và mục 4 ở trên].

Nếu tái sinh vào địa ngục, cũng có các tướng trạng phân biệt, mời xem trong kinh Quán Phật tam-muội,¹ ở đây không thể trình bày hết được.

QUÁN XÉT TÌNH DỤC Ở CÁC CÔI TRỜI

Phép quán này thành tựu rồi liền rõ biết nguyên do tạo thành phúc đức nặng nhẹ khác nhau nơi cõi trời. Đây là pháp môn phương tiện nhờ nhận biết sự giảm nhẹ tình dục ở các cõi trời mà tỉnh giác đối với sự tham muốn ái dục nơi cõi người.

Cõi Ta-bà này thật đáng kinh sợ biết bao! Không một chúng sinh nào không tham muốn sắc dục. Trên từ chư thiên các cõi trời, dưới cho đến các loài sâu bọ côn trùng, một khi đã có thân tướng hình trạng thì đều bị sóng nghiệp xô đẩy trôi giạt. Nhưng trong chỗ nặng nhẹ khác nhau của nghiệp lực, chẳng những cách biệt rất xa như trời vực, mà [còn thể hiện rõ] rằng phước đức càng cao dày thì dục tình càng suy giảm, mà nghiệp ác càng nặng nề thì dục tình cũng theo đó càng thêm bức bách.

¹ Kinh Quán Phật Tam-muội, tức kinh Phật thuyết Quán Phật Tam-muội hải (佛說觀佛三昧海經), tổng cộng 10 quyển, do ngài Phật-đà-bạt-đa-la dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 15, kinh số 643.

Hãy xem một bầy chó đang lúc tụ tập tranh nhau hành dâm, có thể thấy rõ tham dục thật quá mạnh mẽ. Một con chó cái hôi tanh ghê tởm mà cả bầy chó đực đều biểu lộ sự tham muốn ghé gớm. Con mạnh nhất tranh giành phủ được lên rồi, những con yếu vẫn chạy quanh thềm thường luyến tiếc. Khi thỏa mãn được lòng dục rồi lại dương dương tự đắc, thè lưỡi vẫy tai, hoàn toàn không biết gì đến sự hổ thẹn. Ví như gặp phải người tàn nhẫn vác gậy lớn quật thẳng vào xương sống, ắt là ngay sau phút ái ân say sưa, trong khoảnh khắc đã phải hồn xiêu phách lạc.

Chư thiên các cõi trời nhìn con người ở thế gian, cứ theo lý mà suy thì có thể hiểu được, [cũng sẽ cảm giác không khác gì chúng ta nhìn quang cảnh bầy chó như trên]. Dù vậy, rốt ráo siêu việt ra khỏi tất cả các tầng trời, thật chỉ có uy đức xuất thế lớn lao của Như Lai mà thôi.

1. *Cõi trời Tứ vương và cõi trời Đao-lợi*: Kinh Lâu thán chánh pháp¹ nói rằng: “Chư thiên ở hai cõi trời Tứ vương và Đao-lợi, khi giao hợp thì hình thể nam nữ cũng gần gũi nhau giống như người thế gian, nhưng không có việc xuất tinh.”

2. *Cõi trời Dạ-ma*: Trên cõi trời Dạ-ma, [chư thiên nam nữ muốn thỏa lòng dục thì] lộ vẻ mừng vui ôm nhau, hoặc chỉ cần nắm tay nhau là đủ.²

3. *Cõi trời Đâu-suất*: Trên cõi trời Đâu-suất, [chư thiên nam nữ muốn thỏa lòng dục] chỉ cần đùa cợt nói cười với nhau là đủ, không

¹ An Sỹ toàn thư dẫn chú: “樓炭正法經云 - Lâu thán chánh pháp kinh vân” (Kinh Lâu thán chánh pháp nói rằng). Thật ra không có kinh mang tên “Lâu thán chánh pháp”. Chúng tôi tìm thấy đoạn văn được An Sỹ toàn thư trích dẫn ở đây trong sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), tổng cộng 100 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 53, kinh số 2122. Nội dung trích thuộc quyển 72, trang 830, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 10, với câu mở đầu là “故樓炭正法念經等云 - Cổ Lâu thán, Chánh pháp niệm kinh đẳng vân” (Cho nên, các kinh Lâu thán và Chánh pháp niệm đều nói rằng). Như vậy, An Sỹ toàn thư đã dẫn chú theo sách này nhưng ghi sai lệch nên có vẻ như một tên kinh, trong khi thật sự là hai tên kinh khác nhau. Kinh Lâu thán tức là kinh Đại lâu thán (大樓炭經), tổng cộng 6 quyển, hiện được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 1, kinh số 23. Kinh Chánh pháp niệm tức là kinh Chánh pháp niệm xứ (正法念處經), tổng cộng 70 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 721.

² Nguyên tác không tiếp tục dẫn chú, nhưng tất cả các đoạn trích trong phần này đều dẫn lại từ sách Pháp uyển châu lâm như đã nói trên.

cần phải ôm nhau.

4. *Cõi trời Hóa Lạc*: Trên cõi trời Hóa Lạc, [chư thiên nam nữ muốn thỏa lòng dục] chỉ cần nhìn nhau là đủ, không cần đến việc nói cười.

5. *Cõi trời Tha Hóa Tự Tại*: Trên cõi trời Tha Hóa Tự Tại, [chư thiên nam nữ muốn thỏa lòng dục] chỉ cần nghe tiếng nói của nhau, hoặc ngửi mùi hương là đủ, không cần phải nhìn thấy nhau.

QUÁN XÉT NHÂN DUYÊN

Phép quán này thành tựu rồi thì thấu suốt rõ ràng [nguyên nhân] căn bản của phiền não trong ba đời. Đây là pháp môn phương tiện làm khô kiệt nguồn nước ái dục.

Chúng sinh chỉ biết sợ sệt khi quả báo [của việc làm] xấu ác đã đến. [Ngược lại,] Bồ Tát biết lo trừ bỏ ngay từ đầu những nhân xấu ác. Một khi đã trừ bỏ được nhân xấu ác, thì tự nhiên quả khổ đau không còn xảy đến nữa.

Ví như con sư tử dũng mãnh bị trúng tên vào trước ngực, lập tức phóng nhanh về hướng đã bắn ra mũi tên, truy lùng bốn phía để bắt cho kỳ được người thợ săn. Một khi đã bắt được thợ săn ấy rồi, bao nhiêu những kẻ cùng đi ắt đều phải trốn chạy hết, [sự nguy hiểm không còn nữa].

Đối với những con chó ngu xuẩn thì khác, khi bị người dùng gậy đánh, chỉ biết hướng theo đầu gậy mà sủa. [Cách phản ứng của sư tử và chó,] một bên là khôn ngoan trí tuệ, một bên là ngu xuẩn si mê, thật hoàn toàn khác biệt.

Lại ví như muốn cho nồi nước đang đun không sôi nữa, người đầu bếp chỉ cần rút hết củi ra.

Trong mười hai nhân duyên thì đầu mối xấu ác nằm ở vô minh. Xin mọi người hãy cùng nhau lắng lòng ngồi yên cùng nghe giảng kinh Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa dạy rằng:

- *Vô minh duyên hành*. Vô minh tức là phiền não si mê tâm tối từ nhiều đời trước, không có sự sáng suốt soi chiếu.¹ Duyên nghĩa là duyên do, là nguyên nhân khởi sinh, dẫn đến. Hành nghĩa là các nghiệp đã tạo ra từ nhiều đời trước đến nay. Nói “vô minh duyên hành” có nghĩa là, trong đời quá khứ do một niệm vô minh khởi lên mà tạo thành các nghiệp thiện, ác.

- *Hành duyên thức*. Thức ở đây là chỉ đến một niệm mê lầm vừa sinh khởi, mong muốn nhập vào thai mẹ.

- *Thức duyên danh sắc*. Danh sắc ở đây chỉ đến việc từ sau khi nhập thai, các căn dần dần được hình thành.

- *Danh sắc duyên lục nhập*. Đã hình thành sáu căn, trong tương lai chắc chắn sẽ nhập với sáu trần, nên gọi là lục nhập.

- *Lục nhập duyên xúc*. Xúc là chỉ đến việc sau khi ra khỏi thai mẹ, trong khoảng ba, bốn tuổi, đối diện với trần cảnh nhưng chưa có sự hiểu biết gì nên chỉ đơn thuần là tiếp xúc.

- *Xúc duyên thụ*. Thụ là chỉ đến trong khoảng từ năm, sáu tuổi cho đến mười hai, mười ba tuổi, đã có khả năng tiếp thụ trần cảnh [vào tâm thức].

- *Thụ duyên ái*. Ái là chỉ đến trong khoảng từ mười bốn, mười lăm cho đến mười tám, mười chín tuổi, do tham muốn, bám chấp vào âm thanh, hình sắc... nên liền sinh khởi tham ái.

- *Ái duyên thủ*. Thủ là chỉ đến từ năm hai mươi tuổi trở về sau, tham dục ngày càng lớn mạnh, khiến cho phải tìm cầu theo đuổi không thôi.

- *Thủ duyên hữu*. Hữu là chỉ đến nhân hữu lậu, vì đã vướng chấp vào cảnh giới thiện ác, nên tương lai phải luân hồi hiện hữu mãi mãi

¹ Các phân giải thích trong nguyên tác được khắc kiểu chữ nhỏ giống như chú thích, có lẽ để phân biệt với kinh văn. Chúng tôi xét thấy nội dung giải thích là quan trọng nên trình bày như chính văn và in nghiêng phân kinh văn để phân biệt.

trong ba cõi.

- *Hữu duyên sinh*. Sinh là chỉ đến thân năm uẩn tương lai phải thọ sinh trong sáu đường.

- *Sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não*. Lão tử là chỉ đến thân tương lai [một khi đã sinh ra] ắt phải chịu sự già yếu rồi chết đi. [Từ lúc sinh ra cho đến già chết, lại do nghiệp nhân phiền não mà phải chịu đựng đủ mọi nỗi buồn đau sâu khổ.]

[Trên đây là chu kỳ sinh khởi của mười hai nhân duyên. Do quán xét như thế mà có thể biết được rằng, nếu] vô minh diệt mất, ắt hành cũng diệt mất; hành diệt mất, ắt thức cũng diệt mất; thức diệt mất, ắt danh sắc cũng diệt mất; danh sắc diệt mất, ắt lục nhập cũng diệt mất; lục nhập diệt mất, ắt xúc cũng diệt mất; xúc diệt mất, ắt thụ cũng diệt mất; thụ diệt mất, ắt ái cũng diệt mất; ái diệt mất, ắt thủ cũng diệt mất; thủ diệt mất, ắt hữu cũng diệt mất; hữu diệt mất, ắt sinh cũng diệt mất; sinh diệt mất, ắt lão tử, ưu bi khổ não cũng diệt mất.

[Cũng do quán xét như trên mà có thể biết rằng,] vô minh trong quá khứ chính là tham ái, chấp thủ trong hiện tại. Nếu quán xét thấy được tất cả các pháp đều vô thường, do đó dứt trừ được tham ái, chấp thủ trong hiện tại, ắt là vô minh từ quá khứ cũng được phá trừ. Đó là chỗ giản yếu nhất [trên con đường tu tập].¹

QUÁN GIẢI THOÁT

Phép quán này thành tựu rồi thì tất cả tội lỗi đều tự nhiên diệt mất, được [vãng sinh về Cực Lạc,] hóa sinh từ hoa sen. Đây là pháp môn phương tiện cắt đứt dòng sinh tử, bước lên bờ giải thoát.

¹ Trong một ý nghĩa khác, chu kỳ 12 nhân duyên cũng có thể phân tích thấy rõ là sinh khởi và diệt mất ngay trong từng niệm tưởng của chúng ta.

Trong sự tu tập theo Phật pháp, hết thảy các pháp môn đều không có sự khác biệt về mục đích, tất cả đều lấy sự vượt thoát luân hồi làm cứu cánh rốt ráo.

Muốn vượt thoát luân hồi cũng có nhiều con đường, nhưng trong đó thì pháp môn Tịnh độ là con đường thẳng tắt, nhanh chóng nhất. Nay xin trình bày pháp môn quán tưởng dưới đây, mỗi câu mỗi chữ đều cung kính dựa theo Kinh điển Đại thừa. Nếu ai y theo đây mà tu tập hành trì, nhất định sẽ được vãng sinh về Cực Lạc, hóa sinh từ hoa sen vào hàng thượng phẩm,¹ việc tu tập rần rờu dâm dục đến khi ấy mới có thể xem như thành tựu trọn vẹn.

Hành giả tu tập rần rờu sự dâm dục, mỗi buổi sáng sớm sau khi rửa mặt, vệ sinh sạch sẽ, liền mặc y phục sạch sẽ, [đến trước bàn thờ Phật,] đốt hương đánh lễ Tam bảo, sau đó ngồi kết già quay mặt về hướng tây [bắt đầu quán tưởng].

Trước hết quán tưởng từ trên đỉnh đầu mình có một chữ “lam” (𠄎)² hiện ra, tỏa hào quang màu đỏ rạng chiếu khắp nơi, ban đầu chỉ nhỏ như một quả cầu màu đỏ thắm, tiếp đó lớn dần lên như mặt trăng tròn, rồi tiếp tục lớn lên như một bánh xe lửa có ba góc, lửa ấy thiêu đốt tự thân hành giả từ đầu cho đến chân không sót chỗ nào, đồng thời cũng thiêu cháy cả thành quách, đất nước, rồi khắp cõi Diêm-phù-đề, lan ra cho đến khắp bốn cõi thiên hạ đều thiêu cháy. Sức lửa ngày càng lớn mạnh, phát triển ra đến khắp mười phương thế giới. Ví như hành giả có bao nhiêu tội lỗi nặng nề, sau khi bị sức lửa phát ra từ chữ Phạn ấy thiêu đốt cũng đều dần dần tiêu diệt hết.

Tiếp theo, quán tưởng chữ “a” (𠄎),³ thấy từ trong chữ “a” đó khởi sinh ra thân mình cùng với thân của hết thảy chúng sinh,

¹ Người tu pháp môn Tịnh độ được vãng sinh tùy theo kết quả công phu tu tập sẽ phân làm ba phẩm là thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm. Mỗi phẩm như vậy đều chia làm ba bậc là thượng sanh, trung sanh và hạ sanh. Do đó cộng tất cả có chín phẩm.

² Phạn ngữ, đọc là “lam”.

³ Phạn ngữ, đọc là “a”.

tất cả đều bền chắc như kim cương, không thể hư hoại. Lại quán tưởng thấy tự thân mình ở tại thế giới Cực Lạc phương Tây, hiện ra trong hồ bảy báu, ở giữa đóa hoa sen có ngàn cánh hoa, còn chưa nở hẳn. Tiếp theo lại quán tưởng tự tâm mình như bánh xe hình mặt trăng tròn, bên trong bánh xe ấy có hiện ra chữ “úm” (𠄎),¹ tiếp đó quán tưởng đóa hoa sen bỗng nhiên nở bùng, chu vi rộng ra đến 12 do-tuần, cọng sen bằng vàng Diêm-phù-đàn, cánh sen bằng bạch ngân, nhụy sen bằng kim cương, đài sen bằng loại hồng ngọc chân-thức-ca, đủ mọi dáng vẻ trang nghiêm xinh đẹp, không thể nói hết được.

Tiếp theo lại quán tưởng vào lúc hoa sen vừa nở ra liền được nhìn thấy đức Phật A-di-đà, ngồi trên một tòa sen báu rất lớn. Hoa sen của tòa ấy có đến tám vạn bốn ngàn cánh hoa, mỗi cánh hoa đều có tám vạn bốn ngàn đường gân, mỗi đường gân lại có đủ tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi một màu sắc lại tỏa ra tám vạn bốn ngàn tia sáng. Thân Phật oai nghiêm gấp trăm ngàn vạn ức lần chư thiên cõi trời Dạ-ma, với sắc vàng tía như vàng Diêm-phù-đàn. Thân Phật cao vô lượng do-tuần, nơi lông trắng giữa hai chân mày có hình xoáy tròn uyển chuyển, như năm ngọn núi Tu-di. Mắt Phật long lanh như nước trong bốn biển lớn, trong đó hai màu xanh, trắng phân biệt rõ ràng. Các lỗ chân lông trên thân Phật đều tỏa chiếu hào quang sáng ngời. Hào quang từ thân Phật bao trùm khắp trăm ức cõi thế giới đại thiên.

Tiếp theo lại quán tưởng có một tòa sen báu rất lớn ngay bên trái tòa sen của Phật, trên đó có đức Bồ Tát Quán Thế Âm ngồi kết già, toàn thân màu vàng pha sắc tím, trên đỉnh đầu có bảo châu như ý kết thành mũ báu, có ánh quang minh vô lượng làm thành tua giải mũ. Từ trong lòng bàn tay ngài hóa ra năm trăm ức đóa hoa sen có đủ các màu sắc khác nhau, mỗi một ngón tay đều có đến tám vạn bốn ngàn đường chỉ tay, mỗi một

¹ Phạn ngữ, đọc là “úm”.

đường chỉ ấy đều tỏa chiếu hào quang đủ loại khác nhau. Mỗi khi ngài nhấc chân lên, đặt chân xuống đều hiển lộ tướng bánh xe có ngàn nan hoa [dưới lòng bàn chân], tự nhiên hóa thành năm trăm ức đài quang minh. Ngoài ra, những hình tướng khác trên thân Bồ Tát đều giống như Phật, chỉ riêng tướng nhục kế và tướng không thể nhìn thấy trên đỉnh đầu là không theo kịp đức Thế Tôn.

Tiếp theo lại quán tướng có một tòa sen báu rất lớn ngay bên phải tòa sen của Phật, trên đó có đức Bồ Tát Đại Thế Chí ngồi kết già, các hình tướng lớn nhỏ của thân ngài đều giống như Bồ Tát Quán Thế Âm, hào quang tỏa chiếu ra chung quanh, mỗi hướng đều xa đến một trăm hai mươi lăm do-tuần. Trên mũ báu của Bồ Tát có năm trăm đóa hoa quý, trong đó hiển lộ hết thảy các Phật sự. Bồ Tát thường đưa cánh tay báu ra đón lấy và tiếp dẫn những chúng sinh niệm Phật.

Kế đó quán tướng trên mặt đất bằng lưu ly có những sợi dây bằng vàng giăng thành đường đi, lại có ngàn vạn tòa lầu gác, thảy đều bằng trăm món báu hợp thành, hoặc lơ lửng trên hư không, hoặc ở trên mặt đất quý. Có vô số các loại nhạc cụ, thảy đều phát ra âm thanh nhiệm mầu hay lạ.

Tiếp theo lại quán tướng cây báu, tất cả đều xếp thành bảy hàng, đều có hoa, quả bằng bảy báu, mỗi hoa mỗi quả đều có màu sắc khác lạ của các món báu, trong màu lưu ly có tỏa sáng màu vàng ròng, trong màu pha lê có tỏa sáng màu hồng ngọc, trong màu mã não có tỏa sáng màu xà cừ, trong màu xà cừ có tỏa sáng màu trân châu diệp lục, san hô, hổ phách, cùng tất cả các loại châu báu, phản chiếu ánh sáng của nhau trang nghiêm xinh đẹp, lại có lưới bằng trân châu che phủ trên cao.

Tiếp theo lại quán tướng bên trong hồ bảy báu có nước tám công đức, tất cả đều do các món châu báu kỳ diệu hợp thành. Các loại châu báu này đều mềm mại nhiệm mầu, từ nơi loại

châu như ý quý nhất sinh ra, phân chia thành mười bốn nhánh, mỗi nhánh đều có đủ màu sắc của bảy món báu, kênh mương dẫn nước đều bằng vàng ròng, đáy mương bằng kim cương đủ màu sắc khác nhau, trong mỗi mương nước đều có sáu mươi ức đóa sen bằng bảy báu, mỗi đóa sen đều lớn rộng hình tròn với đường kính như nhau, đến mười hai do-tuần.

Kế đến lại quán tưởng tự thân mình được gặp Phật và Bồ Tát, trong lòng hết sức phấn chấn hoan hỷ, lại có thể bay lên không trung mà đi, hướng đến chỗ đức Phật và các vị Bồ Tát, cúi đầu và mặt sát dưới chân các ngài đánh lễ, đồng thời đốt hương báu vô giá, rải hoa báu vô giá, xướng lên vô số âm nhạc cõi trời, phóng ra vô số vàng mây báu, cùng dâng lên cúng dường đức Phật A-di-đà và hai vị Đại Bồ Tát.

Tiếp theo lại quán tưởng tự thân mình sau khi cúng dường đức Phật và hai vị Bồ Tát, liền đối trước các ngài thực hiện đại lễ sám hối, phát thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sinh trong mười phương.

Kế đến quán tưởng nơi thế giới Cực Lạc ấy, mỗi một cây báu, mỗi một lầu gác, cung điện đều có một vị Phật và hai vị Bồ Tát cùng ngồi kết già trang nghiêm. Khi ấy, tự thân mình liền hóa ra vô số thân, cùng đến trước các vị Phật và Bồ Tát ấy, cúng dường đầy đủ như trước, lại cũng sám hối và phát thệ nguyện như trước.

Tiếp theo quán tưởng tự thân mình quay trở lại ngồi trên tòa sen báu lúc trước, ngồi kết già trang nghiêm, nhất tâm quán tưởng hào quang từ cụm lông trắng giữa hai chân mày của đức Phật A-di-đà tỏa chiếu, liền vui mừng an nhiên trụ yên trong đó.

Nếu vào lúc có vọng tưởng khởi sinh, chỉ cần quán tưởng hoa sen nở ra hoặc hoa sen khép lại thì vọng tưởng tự nhiên dứt mất. Nếu thấy khởi sinh tâm phân biệt, chỉ cần quán tưởng một

chữ “sái” (𠄎)¹ thì trong tâm liền không còn phân biệt. Nếu thấy khởi sinh tâm tham trước vương chấp, chỉ cần quán tưởng một chữ “hàm” (𠄎) thì sẽ không còn chấp trước.

(Các pháp quán tưởng này được mô tả tường tận trong kinh Thập lục quán,² ở đây vì phạm vi giới hạn của sách này nên không thể trình bày đầy đủ, vì thế chỉ căn cứ vào các kinh sách như: kinh Đại A-di-đà, Quán kinh số sao, Hiển mật viên thông, Chuẩn-đề, Tịnh nghiệp v.v... mà tham khảo, biên soạn lại một số điểm cốt yếu, nhằm giúp cho những ai bước đầu tìm đến với pháp môn này có thể dễ dàng tu tập hành trì, đồng thời cũng trợ giúp thêm cho những ai tu tập ba pháp quán nhất tâm còn chưa được thành tựu. Đối với những hành giả đã có tín tâm sâu vững, xin đọc kỹ trong kinh Thập lục quán, để khi thực hành pháp quán không bị sai lệch với lời Phật dạy, như vậy mới không bị đọa lạc vào cảnh giới của ma. Nếu như pháp quán tưởng này được thành thực rồi thì cảnh giới Tịnh độ hiện ra ngay trước mắt, khi ấy cho dù đối diện với những lạc thú cõi trời cũng không còn thấy ham thích gì nữa, đâu chỉ là kháng kháng lo việc ngăn ngừa hạn chế dâm dục, vốn chỉ là pháp vì người căn cơ thấp kém ban đầu mà nói ra thôi.)

¹ Phạn ngữ, đọc là “sái”.

² Kinh Thập lục quán: tức là kinh Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật (佛說觀無量壽佛經), 1 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 12, kinh số 365. Kinh này thường được gọi là kinh Thập lục quán, vì trong kinh chỉ bày 16 phép quán tưởng.

TỔNG LUẬN VỀ NGHIỆP THAM DỤC¹

Hỏi: Thái cực sinh ra lưỡng nghi,² lưỡng nghi lại sinh ra tứ tượng,³ từ đó mới khởi sinh con người. Cho nên biết được rằng, hình thể nam nữ phân biệt vốn là do trời đất sinh ra [theo nguyên lý âm dương]. Nam nữ đã do trời đất sinh, nay lại chê bỏ chán ghét chuyện nam nữ đến với nhau, như vậy liệu có hợp lý chăng?

Đáp: Nam nữ lập thành gia đình, vốn là ước nguyện lớn lao của các bậc cha mẹ. Nhưng nếu không đợi sự cho phép của cha mẹ mà lén lút vụng trộm tìm cách qua lại với nhau thì tất nhiên đó là điều đáng ghét đáng khinh. Đối với cha mẹ đã là như thế, ắt đối với trời đất cũng là như thế, [nên những chuyện tà dâm phải ngăn cấm cũng là lẽ tất nhiên.]

Hỏi: Trời đất lấy sự sống của muôn vật làm tâm nguyện, chuyện quan hệ nam nữ, căn bản vốn là để sinh con cái. Nếu như lại chê bỏ chán ghét việc ấy thì còn chi là lý lẽ sinh tồn?

Đáp: Lấy sự sống của muôn vật làm tâm nguyện, ấy là nói chung về lòng từ bi không làm tổn hại sự sống, chứ không có ý cho rằng việc sinh sản nhiều là quý. Trời đất nếu cho việc sinh sản nhiều là quý, ắt những loài như gà, chó, lợn, dê, mỗi con đều sinh sản rất nhiều, hoặc như cá tôm đẻ trứng cũng nhiều đến số trăm ngàn, đem so với con người [hẳn phải là đáng quý hơn], như vậy liệu có thể xem là hợp với lòng trời chăng?

Hỏi: Thượng đế nếu như đã ghét việc tà dâm, lẽ ra nên làm cho loài người sinh ra cùng một hình tướng [không phân nam nữ], đến tuổi trưởng thành thì tự nhiên phát dục sinh con, như vậy ắt sẽ dứt được tận gốc chuyện tà dâm. Vì sao Thượng đế lại

¹ Phần này có 8 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

² Câu hỏi này dựa trên vũ trụ quan theo kinh Dịch, phổ biến ở Trung Hoa. Theo đó thì từ chỗ khởi đầu hỗn mang của trời đất gọi là thái cực, sinh ra lưỡng nghi tức hai khí âm, dương.

³ Tứ tượng: tức thái dương, thiếu dương, thái âm và thiếu âm.

không làm như vậy?

Đáp: Chuyện lành dữ, họa phúc chốn nhân gian, tuy quả thật do trời định, nhưng bất quá cũng chỉ là dựa theo nghiệp nhân đã tạo mà hình thành quả phải nhận, tuyệt nhiên không thể có ý riêng thiên vị trong đó. Huống chi, hình tướng nam hay nữ cũng đều tùy theo chỗ tạo tác của tâm đời trước, trời đã không thể ép buộc cho người thế gian đều có cùng một tâm thức như nhau, thì làm sao có thể ép buộc kẻ nam người nữ trong chốn thế gian có cùng một hình tướng như nhau?

Hỏi: Chuyện quan hệ nam nữ đối với thế gian là điều hết sức kín đáo, bí mật, trời đất quỷ thần làm sao lại có thể rõ biết tất cả?

Đáp: Khắp cõi pháp giới này cùng với tâm thức của chúng ta, vốn không phải hai thực thể phân biệt khác nhau. Điều gì mà tự tâm mình biết được thì tất nhiên là mười phương thế giới cũng đều biết được, đâu chỉ riêng trời đất quỷ thần biết được thôi sao? Mặt nước trong lặng thì bóng trăng tự nhiên phản chiếu, xác chuột chết sinh thối thì sinh giòi bọ, [đều là những chuyện tự nhiên,] sao ông không xét kỹ lý lẽ ấy?

Hỏi: Làm việc giết hại thì khiến người đau đớn khổ sở, làm việc trộm cướp thì khiến người nghèo đói khốn cùng, những việc ấy tất nhiên phải chịu quả báo, không cần phải nói. Thế nhưng việc tà dâm thì đôi bên cùng vui thích, nào có hại ai đâu?

Đáp: Quả đúng là hai kẻ tà dâm lúc ấy đều vui thích, nhưng thử hỏi nếu người chồng của dâm phụ nhìn thấy có vui chăng? Cha, mẹ, anh em những người ấy nhìn thấy có vui chăng? Trời đất quỷ thần nhìn thấy có vui chăng? Cho nên, bất quá cũng chỉ làm cho một người vui thích, mà những kẻ cảm giận đến nghiến răng đấm ngực, trợn mắt vây quanh thì đầy khắp hư không. Như vậy, sao có thể lại là không có tội?

Hỏi: Như vậy, nếu như đem việc tà dâm mà so với các tội giết hại hoặc trộm cướp thì tội nào nặng hơn?

Đáp: Tội giết hại thì khiến cho đối tượng bị giết phải đau đớn, khổ sở không chịu nổi, còn tội tà dâm thì khiến người phải chịu tiếng xấu cũng không chịu nổi. Tội trộm cướp thì cướp đi của người tài sản mà họ cần để nuôi dưỡng thân thể, còn tội tà dâm thì cướp đi của người phẩm chất quý báu để nuôi dưỡng tâm tính. Vì nhân tạo ra không giống nhau, nên quả báo cũng khác nhau. Kẻ phạm tội giết hại hoặc trộm cướp phải chịu tội như lửa dữ gặp gió to, sống chết thật cấp kỳ nhanh chóng. Còn quả báo của tội tà dâm thì như kẻ mắc bệnh nan y, suy nhược kéo dài, khó lòng thoát khỏi cũng khó lòng trừ dứt. Thật ra không thể nói là bên nào nặng hơn.

Hỏi: Leo tường sang nhà hàng xóm mà dụ dỗ đàn dúi con gái họ, có thể nói là đã làm chuyện tội nghiệt. Nhưng nếu có nữ nhân ham muốn tự tìm đến với mình, như kẻ tự chui đầu vào lưới, mình chỉ chấp nhận thôi thì sao có thể gọi là có tội?

Đáp: Dụ dỗ con gái người khác là tâm ý nào? Chấp nhận quan hệ với kẻ tìm đến mình là tâm ý nào? Nếu thật có thể chấp nhận kẻ gian dâm, ắt cũng có thể làm việc dụ dỗ. Ví như ở chỗ kia có liều thuốc độc, nếu mình đi đến đó lấy uống sẽ chết, nhưng có người mang đến cho mình, nhận lấy mà uống thì cũng chết.

Hỏi: Xâm phạm đến con gái nhà lành, tất nhiên là tội rất nặng. Nhưng nếu như đối với người giúp việc trong nhà mà quan hệ đàn dúi thì sao có thể gọi là tội lỗi?

Đáp: Tuy thân phận của người bị nhục bởi hành vi tà dâm có sự khác biệt, phân chia sang hèn, nhưng bản chất của hành vi tà dâm thật không khác gì nhau. Tà dâm với gái bán dâm cũng là tội lỗi, huống chi với người giúp việc trong nhà mình?

PHÂN TÍCH GIẢI TRỪ NGHI VẤN VỀ NHÂN QUẢ¹

Hỏi: Những kẻ giàu sang phú quý, phần đông đều tạo nghiệp dâm dục, sao chẳng thấy quả báo?

Đáp: Nếu nghiệp lành đời trước đến nay đã chín mùi, thì dù hiện nay làm việc ác, nhưng trước tiên vẫn được hưởng phước báo của đời trước, còn quả báo của việc ác ngày nay sẽ lưu lại đến đời sau. Ví như năm mất mùa vẫn được ăn lúa của năm trước, còn việc mất mùa năm nay, sang năm sau mới phải đói khổ. Việc nhận lãnh quả báo tốt xấu, thiện ác cũng giống như vậy.²

Hỏi: Chuyện ong bướm đa tình với công danh sự nghiệp thường tương khắc như nước với lửa, vì sao vậy?

Đáp: Không gì tổn hại đến danh thơm tiếng tốt của người khác hơn là chuyện dâm dục tà dâm, vì thế nên tự thân mình cũng phải chịu quả báo tổn hại danh tiết.

Hỏi: Kẻ làm nam nhi mà tham dâm háo sắc thì đời sau phải đọa làm thân nữ, vì sao như vậy?

Đáp: Kẻ tham dâm háo sắc thì trong lòng lúc nào cũng chỉ nghĩ đến gái đẹp. Do bị tình ý tham dục dẫn dắt nên từ giọng nói tiếng cười cho đến hình dung tướng mạo đều muốn bắt chước theo những dáng vẻ mỹ miều mà mình ưa thích, do đó mà khí dương của nam tử phải mất dần, hình thể cũng tùy theo tâm thức mà thay đổi, [nên đời sau phải sinh làm thân nữ].

Hỏi: Nếu nói rằng đàn ông tham dâm lúc nào cũng nghĩ đến phụ nữ nên đời sau sinh làm thân nữ. Vậy đàn bà tham dâm lúc nào cũng nghĩ đến đàn ông, ắt đời sau được sinh làm đàn ông. Vì sao cũng một việc tham dâm, mà với phụ nữ là may mắn thế, mà đối với đàn ông thì bất hạnh đến thế?

¹ Phân này có 8 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

² Phân giải đáp này dựa theo kinh Nghiệp báo sai biệt. (Chú giải của soạn giả)

Đáp: Nam giới chuyển sinh thành nữ giới, đó là đọa lạc; nữ giới chuyển sinh thành nam giới, đó là thăng tiến. Hai người cùng tạo nhân đọa lạc, nhất định không thể có chuyện một người riêng được thăng tiến, [còn người kia phải chịu đọa lạc]. Ví như hai người cùng leo lên vách núi cao, một người sẩy chân khi đang nhìn xuống, người kia thì sẩy chân trong lúc ngược nhìn lên. Người nhìn xuống bị sẩy chân, tất nhiên phải rơi xuống chân núi, nhưng lẽ nào người ngược nhìn lên bị sẩy chân lại có thể rơi ngược lên đỉnh núi hay sao?

Hỏi: Con cái đều do chuyện dục tình mà có, vậy người nhiều tham dục lẽ ra phải sinh nhiều con cái, vì sao những kẻ đam mê sắc dục lại thường hiếm muộn con cái?

Đáp: Việc ấy có hai nguyên nhân. Một là do phong thái cứng rắn của nam giới đã bị cạn kiệt, nên không thể sinh được con. Hai là vì tinh dịch hao tổn nên còn lại quá ít, cũng giống như người nấu rượu bủn xỉn, cho vào nồi chỉ một ít gạo mà quá nhiều nước, [không thể có được rượu].

Hỏi: Người thế gian nói rằng: Kẻ phạm tội phải chịu tội, không liên can đến vợ con; người làm quan, dẫu quyền thế cũng không truyền được cho con cháu. Vậy nếu như kẻ làm nhiều việc thiện mà cháu con được hưng thịnh phát đạt, người phạm tội tà dâm để lại tai ương cho con cháu đời sau, chẳng phải là cháu con của người làm việc thiện thì tự nhiên được hưởng phúc, mà con cháu kẻ tà dâm lại vô cớ phải chịu tai họa đó sao?

Đáp: Đời trước có tu thiện nên đời này mới thác sinh vào nhà làm thiện để được hưởng phúc. Đời trước làm việc ác nên đời này mới thác sinh vào nhà kẻ ác để chịu tai ương. Hoa sen không thể nở ra từ bụi gai dại, chuột nhất lẽ nào lại được sinh từ bào thai voi chúa?

Hỏi: Người tu tập thiện nghiệp ắt sinh quý tử, điều đó là hợp lý. Chỉ có điều, trước hết thì đời bên phải có duyên phận cùng

nhau, mới có thể thác sinh. Ví như gặp trường hợp phước báo tương xứng mà duyên không hợp, hoặc duyên phận hợp nhau mà phước báo không tương xứng, những trường hợp ấy thì sao?

Đáp: Từ vô số kiếp trong quá khứ đến nay, những kẻ muốn theo ta báo oán ắt nhiều không kể xiết, mà những kẻ muốn theo ta trả ơn cũng nhiều không kể xiết. Cho nên, nghiệp thiện tự nhiên chiêu cảm quả thiện, việc ác tự nhiên tương ứng quả ác, lo gì lại không có cách đổi thay hoàn cảnh?

Hỏi: Người nham hiểm độc ác, tất nhiên không con nối dõi. Nhưng người thờ kính Phật, giữ trai giới, phát tâm xuất thế, vì sao tất cả đều phải chịu cảnh không con nối dõi?

Đáp: Người nham hiểm độc ác không có con nối dõi, đó là quả báo của tâm khắc nghiệt ác độc. Người tu hành không con nối dõi, đó lại là phước báu thanh tịnh. Trong thế gian này, những đứa con cháu ngỗ nghịch hư hỏng, khiến các bậc cha ông phải buồn phiền chết không nhắm mắt, quả thật nhiều không đếm xuể. Các bậc đại thánh đại hiền còn không thể biết được chuyện con cháu đời sau, huống chi là những người tu hành như ông nói? Ví như có được con cháu đời đời noi theo các bậc hiền thánh, nhưng hai nghiệp dâm dục với giết hại thì làm người không ai thoát khỏi, nếu truy xét đến tận cội nguồn thì ai là người tạo ra nghiệp ấy, [chẳng phải chính ta đó sao?] Vì thế, bậc tu hành chân chánh có được trí tuệ sáng suốt đầy đủ thì quyết cầu sự giải thoát rốt ráo, muốn xả bỏ thân thể phàm tục này nên nhìn lại chuyện con đàn cháu đống của thế gian chẳng có gì là ham thích cả. Ví như có người trong đời trước làm thân mèo, sinh được một con mèo con, tất nhiên hết sức vui mừng thương yêu. Đến khi tái sinh được làm người, nếu biết được con mèo kia là do mình sinh ra trong đời trước, lại nhìn thấy nó ăn vụng cá hay bắt chuột, ắt phải lấy làm xấu hổ tức giận vô cùng. Lúc ấy liệu có còn mong rằng dòng giống con mèo kia được tiếp nối sinh sản đời đời không dứt hay chăng?

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC VỀ NGĂN NGỪA TÀ DÂM

Hỏi: Phẩm Phổ Môn [trong kinh Pháp Hoa] dạy rằng: “Nếu có chúng sinh nào nhiều tham dục, thường cung kính niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm liền có thể dứt lìa tham dục.” Sao lại có thể được như thế?

Đáp: Sắc dục là đường mê, pháp Phật là bến giác. Giác ngộ phá tan mê lầm, cũng như ánh đèn xua tan tăm tối, đó là lẽ nhất định phải vậy. Khổng tử từng nói: “Nếu như đạt được lòng nhân ái thì xấu ác không còn.” Chẳng phải cũng là cùng một lẽ như vậy đó sao?

Hỏi: Có người nằm mơ thấy bảng nhà trời ghi tên mình, có thứ hạng thi đỗ, về sau quả nhiên tất cả đều ứng nghiệm đúng như vậy nên không còn nghi ngờ gì nữa. Tuy nhiên, xét như ở thế gian này, mỗi một đất nước đều có ngôn ngữ khác nhau, thì trên trời cũng phải có sách riêng của nhà trời, viết bằng chữ của trời, người phàm không thể đọc hiểu được. Còn như người phàm đã đọc được, thì lẽ nào cõi trời hóa ra lại sử dụng chữ viết của người phàm hay sao?

Đáp: Bảng nhà trời nhìn thấy trong giấc mộng, ấy đều do chính tâm mình cảm ứng hóa ra. Trong tâm mình vốn sẵn có chữ viết của đất nước mình, không hề có hình thể của sách trời, cho nên những gì nhìn thấy trong mộng, chỉ duy nhất có chữ viết của địa phương mình mà thôi. Cũng ví như trong mộng nghe tiếng quý thần nói, thì người phương nam nghe quý thần nói giọng nam, người phương bắc sẽ nghe quý thần nói giọng bắc, [đều do chính tự tâm mình hóa hiện mà thôi].

Hỏi: Vợ chồng ân ái cùng nhau, liệu đời sau có trở lại làm vợ chồng với nhau nữa chăng?

Đáp: Cũng giống như bèo trôi trên mặt nước, như chim ngũ

đêm trên cây rừng, đều do khi duyên đến thì gặp nhau, nếu hết duyên ắt sẽ chia xa.

Hỏi: Do đời trước có duyên với nhau nên đời này mới kết hợp thành chồng vợ. Đã là chồng vợ thì duyên ấy càng thêm sâu nặng, vì sao đến đời sau lại có thể không gặp nhau được nữa?

Đáp: Đối với cả hai người, liệu có gì đảm bảo là đời sau đều sẽ được sinh ra làm người chẵn? Ví như có được sinh làm người cả, thì liệu có chắc là sẽ được tuổi tác tương ứng, phúc đức hình tướng như nhau, hoặc được sinh ra gần nhau [để gặp nhau], hoặc vẫn là một nam một nữ như đời này chẵn?

Hỏi: [Nghe nói rằng] chư thiên trên sáu tầng trời [cõi Dục], càng lên cao thì phúc đức càng sâu dày hơn, mà dục niệm lại càng yếu ớt hơn,¹ theo lý mà nói thì đúng là như vậy, nhưng việc ấy liệu có ai thấy được?

Đáp: Những lời tốt đẹp về chư thiên như thế, cũng có thể nghiệm thấy nơi cõi thế gian này. Hãy xem như người đời, những người ít tham dục được hưởng phúc sâu dày, những kẻ đắm mê sắc dục gặp nhiều tai họa, như vậy có thể thấy lý lẽ ấy đã quá rõ ràng. Bằng như phải đợi nhìn thấy [tất cả mọi việc] trước mắt rồi mới chịu tin thì quả là người quá ư kém trí.

Hỏi: Dục niệm của chư thiên ở sáu tầng trời [cõi Dục] tuy là càng lên cao thì càng yếu ớt hơn, nhưng chẳng biết chư thiên về sau có do nơi dục niệm ấy mà đọa lạc [vào các cảnh giới thấp] hay không?

Đáp: Chỉ cần còn có dục niệm thì không ai thoát khỏi sự đọa lạc. Kinh Chánh pháp niệm xứ dạy rằng: “Sự trói buộc lớn nhất ở cõi trời không gì hơn nữ sắc. Nữ sắc trói buộc chư thiên, khiến cho phải đọa vào ba đường ác.”²

¹ Xem lại phần “Quán xét tinh dục ở các cõi trời”.

² Trích từ kinh Chánh pháp niệm xứ (正法念處經), quyển 29 (tổng cộng 70 quyển), thuộc Đại Chánh

Hỏi: Các vị A-la-hán ứng hóa trong thế gian, cũng có vợ con như người đời, vì sao không phải chịu nghiệp báo?

Đáp: Tội lỗi nghiệp chướng đều do tâm tạo. Các vị A-la-hán đã đoạn dứt mọi tình cảm phàm tục, phiền não còn dựa vào đâu mà có thể trói buộc các ngài? Ví như các thứ trang sức, y phục, mỗi ngày đều được dùng trang điểm trên thân thể phụ nữ, nhưng nếu đã không tơ tưởng gì đến phụ nữ thì những trang sức, y phục kia nào có tạo ra tội nghiệp gì?

Hỏi: Người tu tiên thuật, dùng các phương thuốc điều chỉnh âm dương, nói là có thể được trường sinh, liệu có đáng tin chẳng?

Đáp: Thần tiên tuy vẫn còn trong chốn luân hồi, chưa thoát được sinh tử, nhưng nếu không tu hành đạt tâm thanh tịnh giải thoát thì không thể đạt đến địa vị ấy. Nếu lại buông thả tâm tham dục làm như nhớp danh hiệu thần tiên, lẽ nào lại được quả báo trường sinh hay sao? Hạng người như thế chính là đời này mê hoặc, dối gạt người khác, đời sau phải chịu quả báo nơi địa ngục.

Hỏi: Những chuyện dâm dục ô uế đem so với thuật trường sinh ắt là tương khắc như than lửa với băng giá. Tôi chỉ lấy làm lạ là vì sao người như Dương Quý Phi, gây hại suýt diệt mất nhà Đường, mà sau khi chết lại có thể thành tiên?

Đáp: Ai nhìn thấy bà ấy thành tiên? Ví như có nhờ phúc đức đời trước mà được sinh vào cõi tiên, đến lúc hết phước ắt cũng phải đọa vào ba đường ác. Bậc cổ đức từng nói: “Ví như có được thành tiên, cũng chỉ như giữ cái xác chết hóa quý mà thôi.” Như vậy có gì đáng để hâm mộ?

Hỏi: “Đêm mờng bảy nơi điện Trường sinh, lúc nửa đêm có lời riêng tư”,¹ tất nhiên đó chỉ là người xưa gửi gắm ý tưởng vào

tang, Tập 17, kinh số 721. Đoạn trích nằm ở trang 169, tờ c, dòng thứ 12 - 13.

¹ Lấy ý từ hai câu thơ trong bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị: “七月七日長生殿, 夜半無人私語時。” (Thất nguyệt thất nhật Trường sinh điện, dạ bán vô nhân tư ngữ thời. - Vào mờng bảy tháng bảy, tại điện Trường sinh, lúc nửa đêm vắng vẻ không người, có lời riêng tư trao đổi.)

văn chương mà thôi. Thế còn những chuyện như Lưu, Nguyễn¹ gặp tiên nữ ở Thiên Thai, hoặc Ngưu lang và Chức nữ ước hẹn định kỳ gặp nhau nơi dải ngân hà, thì phải giải thích thế nào?

Đáp: Những chuyện ấy đều là do các văn nhân bịa đặt ra rồi ghi chép truyền lại mà thôi. Dục niệm của chư thiên nơi sáu tầng trời [thuộc cõi Dục] so với tình dục của người thế gian khác biệt rất xa, nếu căn cứ vào những chuyện hư truyền ấy thì [tình dục của tiên nhân] nào có khác gì với kẻ phạm phu? Người đời sau tin theo những lời sai dối, hóa ra giễu cợt các vị thiên nữ, xúc phạm chư thiên cõi trời, tạo nghiệp xấu do lời nói không thể kể hết.

PHÁ BỎ NHỮNG SAI LÂM KHI THỰC HÀNH TU TẬP²

Hỏi: Quyết tâm thực hành việc giữ giới tà dâm vốn đã là việc hết sức khó khăn, nay còn liệt kê ra các phương pháp thực hành hết sức chi ly tường tận, chẳng phải là đã ép người phải làm một việc quá khó hay sao?

Đáp: Việc thực hành giữ giới tà dâm dựa theo trung đạo mà thiết lập nhiều phương pháp, ai thấy có khả năng thích hợp với phương pháp nào thì tùy chọn mà làm theo. Lễ nghi của Nho gia có đến 300 mục, về tiểu tiết có đến 3.000 điều. Đạo Phật cũng có ba ngàn oai nghi phải theo, tám muôn công hạnh tinh tế phải giữ. Tất cả những điều ấy, đâu phải chỉ vì một người mà đặt ra?

Hỏi: [Nhà Nho nói rằng:] “Người quân tử không gần gũi nữ sắc.” Nói “không gần gũi”, bất quá cũng chỉ muốn nói là lãnh đạm, không quá say mê, ham thích. Nếu đem nữ sắc mà so với rắn độc,

¹ Túc Lưu Thân và Nguyễn Triệu. Theo truyền thuyết thì hai người này đều gặp được tiên nữ ở núi Thiên Thai.

² Phần này có 10 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

hổ dữ, chẳng phải là quá đáng lắm sao?

Đáp: Chết vì rắn độc hay hổ dữ, trong hàng ngàn người chưa có đến một, hai. Nhưng chết vì tham dục thì trong mười người đã có đến tám, chín. Theo đó mà xét thì nữ sắc quả thật còn đáng sợ hơn cả rắn độc, hổ dữ.

Hỏi: Sự ngăn ngừa [tà dâm] theo cương thường, đạo nghĩa cũng không ngoài lễ giáo. Chẳng qua là trai gái phải có sự phân biệt rõ ràng, nếu không đúng theo lễ nghĩa thì không nhìn, như vậy tức là đã răn ngừa được sự tà dâm, đâu cần phải bày ra phép quán bất tịnh, khởi lên những tư tưởng ô uế như vậy?

Đáp: Chuyện ái ân nam nữ là ham muốn lớn nhất của con người. Lửa dục một khi đã bốc lên rồi thì rất khó lòng dập tắt, ví như có đao kiếm trước mặt, vạc dầu chảo nóng sau lưng sẵn sàng trị tội, nhưng kiềm chế lại được thì may ra cũng chỉ vạn người có một. Nếu chỉ hoàn toàn dựa vào những lời dạy của thánh hiền xưa mà muốn cho lòng tham dâm dục của người ta phải tiêu tan đi hết, e rằng có đến vạn vạn phần không sao đạt được. Hơn nữa, giáo lý có thể khuyên dạy người đời, trợ giúp tích cực cho việc trị an trong xã hội thì không gì hơn thuyết nhân quả. Nhưng một khi tâm tham dâm đã đột nhiên bùng phát, thì cho dù có nhìn thấy nhân quả ngay trước mắt, người ta cũng không thể dứt được tận cội nguồn của tâm ái luyến. Chỉ có thể dùng pháp quán bất tịnh mới dứt tuyệt được ái luyến mà thôi. Cho nên nói rằng, mười phần nghiêm cấm cũng không bằng một phần khiến người ta lạnh nhạt, thờ ơ với sắc dục. Vì thế, luận về việc răn ngừa dâm dục thì nhất định phải lấy việc quán bất tịnh làm pháp tu căn bản nhất.

Hỏi: Pháp quán bất tịnh hoặc chín pháp quán tưởng [như trình bày trên], đối với người cư sĩ tại gia tất nhiên cần phải tu tập. Nhưng đối với người một lòng hướng về pháp môn tối thượng, đạt trí tuệ chân chánh ngay trong đời này, hết thấy

phiền não ắt tự nhiên tan biến, thì cần chi phải học những pháp môn Tiểu thừa?

Đáp: Đạo rốt ráo tuy không có sự nắm giữ hay buông bỏ, nhưng kẻ mới bước vào ắt cũng có chỗ ưa thích, có chỗ chán ghét. Đại sư Thiên Thai¹ có dạy rằng: “Pháp quán bất tịnh tuy chỉ là pháp môn sơ cơ, nhưng có thể giúp thành tựu sự giác ngộ lớn lao. Cũng giống như xác chết trôi trên mặt biển,² nếu noi theo đó có thể vào đến bờ. Do nơi pháp quán bất tịnh này mà có thể đạt được trí tuệ thanh tịnh, có thể được sinh về cõi Phật thanh tịnh nhiệm mầu. Người thường tu pháp quán bất tịnh chính là tạo nghiệp thanh tịnh. Thuở xưa đức Thế Tôn khi báo trước bảy dấu hiệu diệt mất của Chánh pháp về sau này, ở điều thứ tư nói rằng: “Đệ tử Phật vào đời mạt pháp sẽ không ưa thích tu tập pháp quán bất tịnh.”³ Theo đó mà xét thì biết rằng, người am hiểu Phật pháp thâm sâu mới có thể tu tập được pháp quán bất tịnh này. Trong kinh Đại Bát-nhã⁴ có trình bày chi tiết về hai pháp quán tử thi và quán xương trắng,⁵ sau đó kết luận rằng: “Đó là những hình tướng của Bồ Tát Đại thừa.” Như vậy, sao có thể cho rằng pháp quán này là thuộc về Tiểu thừa?

Hỏi: Giai nhân tuyệt sắc ở thế gian so với xác chết trương sinh thối rữa là hai hình tướng khác biệt hẳn nhau, sao có thể đồng thời quán tưởng cả hai?

Đáp: Hình tướng tuy có sự khác biệt giả tạm, nhưng thật ra chẳng phải hai thực thể khác nhau. Như người đột tử trong mùa hạ khi trời nóng bức thì chỉ qua một đêm đã nghe bốc mùi hôi

¹ Túc Đại sư Trí Khải ở núi Thiên Thai, người khai sáng tông Thiên Thai. Nội dung trích dẫn nằm trong sách Pháp Hoa kinh huyền nghĩa (法華經玄義) do Đại sư biên soạn.

² Trong kinh điển thường nói rằng, xác chết trên biển luôn được sóng đưa vào tận bờ. Kinh Niết-ban nói: “Biển cả không dung chứa tử thi”, cũng là ý này.

³ Trích từ kinh Ma-ha Ma-da (摩訶摩耶經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này có 2 quyển, do ngài Đàm Cảnh dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 383.

⁴ Kinh Đại Bát-nhã, tức kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa (大般若波羅蜜多經), tổng cộng 600 quyển, do ngài Huyền Trang dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 5, kinh số 220.

⁵ Đây là hai pháp quán nằm trong Cửu tướng quán.

thối, để qua ba, bốn ngày thì giòi bọ đã xuất hiện trong xác chết. Cho nên, cái dáng vẻ mềm mại uyển chuyển xinh đẹp kia, bất quá chỉ là hình tướng giả tạm nhìn thấy trước mắt mà thôi.

Hỏi: Thân thể bằng xương thịt này là ô uế, không cần phải nói nữa. Nhưng nói rằng trong thân thể này có đến tám vạn bốn ngàn loại trùng, tôi thật không tin được!

Đáp: Đức Phật quán chiếu thấy trong một bát nước có đến tám vạn bốn ngàn con vi trùng. [Chỉ một bát nước mà như thế,] huống chi là trong thân thể bằng xương thịt ô uế này? Nếu nói rằng cơ thể người đang sống không thể sinh trùng, vậy như ghẻ lở ung nhọt, rận, rệp, bọ chết... [cắn hút vào cơ thể người sống,] chẳng phải là trùng đó sao?

Hỏi: Trong phần “Phương pháp tu tập” có đề cập phân ra từng đối tượng như: ứng xử khi làm quan, ứng xử trong gia đình v.v... qua đó nói đến đủ các vấn đề như sắp xếp việc nhà, trị an xã hội... [Khi mang ra áp dụng,] về mặt tổng quát thì như thế là được rồi, nhưng về chi tiết nếu có những điều không thực sự thích hợp thì sao?

Đáp: Ở cuối từng mục đều có nói “phần lớn nói về vấn đề này, hoặc vấn đề kia...”, nhưng không có chỗ nào nói “tất cả chỉ nói riêng về vấn đề này, hoặc vấn đề kia...”, [cho nên khi áp dụng phải tự mình xem xét vấn đề nào là thích hợp]. Huống chi, người xưa khi phân chia các chương sách theo ý nghĩa chính, cũng chỉ luận phần tổng quát mà thôi. Như Tăng tử [giảng giải sách Đại học], trong chương giải thích về “Thành ý” mà chỉ nói “tâm hồn rộng mở, thân thể được thư thái”,¹ không ngại chuyện lẫn lộn giữa thân và tâm; còn giải thích về “đổi mới dân sinh” thì nói “mỗi ngày đều mới”, mà không ngại có sự khác biệt với

¹ Nguyên văn đoạn này Tăng tử nói như sau: “富潤屋，德潤身，心廣，體胖。故君子必誠其意。 - Phú nhuận ốc, đức nhuận thân; tâm quảng, thể bần. Cố quân tử tất thành kỳ ý.” (Giàu có làm đẹp nhà cửa, đức hạnh làm đẹp [cử chỉ nơi] thân, tâm hồn rộng mở, thân thể thư thái. Cho nên, người quân tử ắt phải có sự thành ý.)

“đức sáng” [đã nói trước đó].¹ Nếu cứ muốn cân nhắc chia chẻ quá chi ly, ắt sự nhận hiểu sẽ bị sai lệch.

Hỏi: Toàn bộ phần “Phương pháp tu tập”, chỉ cần dùng hai khái niệm “công đức” và “tội lỗi” là có thể bao quát được hết. Vì sao không phân chia theo cách đó, như sự việc này có công đức này, sự việc kia gây tội lỗi kia v.v... để người xem có thể nhận biết rõ ràng mà tu tập hay ngăn tránh?

Đáp: Công đức hay tội lỗi cũng đều do tâm thức tạo ra. Cùng một việc thiện, nếu phát tâm rộng lớn thì được công đức lớn lao, phát tâm hẹp hòi thì được công đức nhỏ nhoi. Cùng một việc ác, nếu thực hiện với tâm luyến ái nặng nề, ắt gây nên tội lỗi nặng nề, nếu thực hiện với tâm luyến ái nhẹ, ắt tội lỗi cũng nhẹ. Ví như chư thiên cùng sử dụng một loại đồ chứa [nhưng tùy theo tâm lượng] mà thức ăn trong đó có sự khác biệt tinh sạch hoặc thô trược khác nhau. Lại ví như ba con thú cùng lội qua một dòng sông,² mỗi con đều cảm thấy dòng sông ấy sâu cạn khác nhau. Như vậy làm sao có thể đánh đồng tất cả mà đoán định chuyện công đức hay tội lỗi?

Hỏi: Trong hàng tỳ-kheo ni cũng có chuyện cá, rồng lẫn lộn, nghĩa là trong đó cũng có những người phụ nữ thâm đẳng, giả dạng ni cô, dụ dỗ dẫn dắt những con gái nhà lành đi vào đường tà ác. Nhưng khi nói về “Phương pháp ứng xử trong gia đình”, phần thứ nhất nêu việc “Ngăn dứt mọi điều kiện dẫn đến tà dâm”, vì sao không thấy đề cập đến đối tượng này?

Đáp: Nếu thật là người phụ nữ trinh tiết, dù muốn dụ dỗ họ cũng không thể được. Nếu là người có thể dụ dỗ, thì [những kẻ dụ dỗ] đâu chỉ riêng hạng ni cô [giả danh]? Nếu trong số hàng ngàn ni cô mới thấy có một phụ nữ thâm đẳng giả dạng, mà vì

¹ Nội dung trích dẫn ở đoạn này đều là nằm trong sách Đại học của Nho gia, kèm theo phần giải thích của Tăng tử.

² Trong ví dụ này hàm ý ba con thú là voi, ngựa và thỏ. Do thân hình lớn nhỏ khác nhau, cách thức lội qua sông cũng khác nhau, nên mỗi con thú ấy đều có cảm nhận khác nhau về độ nông sâu của cùng một dòng sông.

thế lại muốn xa lánh Phật pháp, khinh chê người xuất gia, thì có khác nào thấy một căn nhà bị cháy liền ban lệnh cấm khắp trong thiên hạ không được thổi lửa nấu cơm? Như vậy là sáng suốt hay không sáng suốt?

Hỏi: Người phụ nữ đến chùa lễ Phật dâng hương, đa phần thường bị những kẻ thô lỗ háo sắc để mắt trêu chọc. Nếu cấm không cho phụ nữ đến chùa, đó mới là cách răn dạy chính đáng, sao trong phần “Răn dạy người trong nhà” lại bỏ sót không đưa vào điều này?

Đáp: Người phụ nữ nếu có tín tâm hiền thiện, dù ở trong nhà cũng có thể lễ Phật dâng hương. Nếu dễ dãi mà thường đi ra bên ngoài, tất nhiên là không nên. Tuy nhiên, [trước khi nói đến việc có nên đến chùa hay không,] cũng phải xét đến tuổi tác, xét đến địa điểm gần xa, xét đến phẩm cách của con người. Nếu người phụ nữ trong gia đình thành tâm tin Phật, có thể giữ theo đủ 15 điều đã nói trong phần “Răn dạy người trong nhà”, ắt có thể tùy hoàn cảnh, tùy nơi mà ứng xử đoan trang nghiêm chính, làm sao có thể phát sinh những chuyện trái lễ nghĩa? Nếu như đưa vào đây sự cấm đoán chung chung [không cho phụ nữ đến chùa], thì có khác nào dùng lửa dữ cùng lúc thiêu đốt cả ngọc quý với đá tạp, khiến cho người phụ nữ cho đến lúc già chết cũng không có cơ hội nhận được sự giáo hóa của Phật pháp, không nhận được những lợi ích lớn lao từ pháp môn cam lộ của Phật pháp. Nếu người chủ gia đình mà làm như thế, nhất định đời sau sẽ phải chịu báo ứng sinh làm thân nữ.¹

¹ Những điều này là dựa theo kinh Đại phương quảng Tam giới (大方廣三戒經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này tổng cộng 3 quyển, do ngài Đàm-vô-sám dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 11, kinh số 311.

HIỂU BIẾT PHÂN BIỆT VỀ THAI NHI

Hỏi: Khi đôi bên nam nữ chưa gặp nhau, hoàn toàn không có sự sinh sản. Một khi có sự hòa hợp rồi liền có con. Xin hỏi, thần thức đến đầu thai đó là mỗi ngày đều ở bên cha mẹ, chờ lúc nhập thai, hay chỉ là ngẫu nhiên bắt gặp rồi nhập thai?

Đáp: Về nghiệp báo, nhân duyên của chúng sinh thật không thể nghĩ bàn. Nếu là nghiệp duyên đưa đẩy phải làm con của những người ấy, thì tuy thần thức đang ở cách xa cả ngàn thế giới, vào lúc cha mẹ hòa hợp nhau, thần thức từ xa liền thấy có ánh sáng, chỉ trong chớp mắt liền nương theo ánh sáng đó mà nhập thai, dù các vị Đế Thích, Phạm vương cũng không thể ngăn cản được, dù có núi Tu-di, núi Thiết vi ở giữa cũng không gây trở ngại được.

Hỏi: Người thế gian chỉ cần cách một bức tường đã không thấy không nghe, nay ở cách xa ngàn dặm thật khó có thể trong chớp mắt đã tìm đến. Huống chi cách xa đến ngàn vạn cõi nước, sao có thể tìm đến mà không gặp chướng ngại?

Đáp: Con người sở dĩ gặp chướng ngại đều là do nơi hình thể, không phải do ở thần thức. Diên Lăng Quý tử¹ có nói: “Xương thịt con người rồi phải trở về cát bụi, đó là mệnh trời, nhưng phần hồn khí thì không phải vậy.”² Ví như trong giấc mộng thấy mình đang ở cách xa đến ngàn vạn dặm, bỗng giật mình tỉnh dậy thì thấy đang nằm trên giường, cho dù có tường vách ngăn cách cũng vẫn như vậy, cũng không do khoảng cách xa gần mà có sự nhanh hay chậm. Thần thức đầu thai nào có khác gì việc ấy?

¹ Diên Lăng Quý tử: tức Ngô Quý Trát (吳季札), một người hiền của nước Ngô thời Xuân Thu. Ông nhiều lần được truyền ngôi vua nhưng đều từ chối. Thậm chí có một lần bị nài ép quá không từ chối được, ông liền bỏ trốn.

² Xem trong sách Lễ ký, thiên Đàn cung. (Chú giải của soạn giả)

Hỏi: Ở đời có những cặp vợ chồng ngày nào cũng sống bên nhau nhưng rốt cùng lại không có con cái. Đó là do không có thần thức đến đầu thai, hay là do số mạng người ấy không có con?

Đáp: Không có thần thức đến nhập thai, đó cũng chính là số mạng không con. Số mạng không có con thì tự nhiên không có thần thức nào đến nhập thai. Như trong kinh Tăng nhất A-hàm¹ có nói: “Nếu như vợ chồng gần gũi nhau mà thần thức chưa đến nhập thai, hoặc thần thức tìm đến nhưng gặp lúc vợ chồng không gần gũi, thì không thể thành thai. Nếu người vợ không có dục tình, người chồng nhiều tham dục, hoặc người chồng không có dục tình, người vợ nhiều tham muốn, cũng không xảy ra việc thụ thai. Nếu người chồng khỏe mạnh nhưng người vợ có bệnh, hoặc người vợ khỏe mạnh nhưng người chồng có bệnh, cũng không có việc thụ thai.” Sách Pháp uyển châu lâm nói: “Nếu cha mẹ có phước đức sâu dày, thần thức có phước đức mỏng thì không thể nhập thai. Nếu cha mẹ có phước đức mỏng, thần thức phước đức sâu dày cũng không thể nhập thai. Phước đức của cha, mẹ và thần thức đều phải tương đương thích hợp với nhau thì mới có thể nhập thai.”

Hỏi: Những cặp đàn dúi bất chính với nhau rồi có thai, trong hàng ngàn trường hợp chưa sống được một, ắt là do số mạng thai nhi ấy không thể làm con của họ. Số mạng đã không thể làm con thì lẽ ra không đầu thai. Nay đã đầu thai rồi lại bị giết chết² là vì sao?

Đáp: Những trường hợp ấy thường đều là vì trả nợ đời trước. Đứa con vì trả nợ đời trước mà mất mạng, cha mẹ vì trả nợ đời trước mà chịu mang tiếng xấu.

Hỏi: Con trai nhà giàu sang cưới con gái nhà nghèo hèn,

¹ Kinh Tăng nhất A-hàm (增壹阿含經), tổng cộng 51 quyển, do ngài Cù-đàm Tăng-già-đế-bà dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 2, kinh số 125.

² Chi việc phá thai. Nam nữ quan hệ bất chính phần nhiều không dám sinh con, đều tìm cách phá thai.

hoặc con gái nhà giàu sang cưới con trai nhà nghèo hèn, như vậy phước đức của cha, mẹ và con hết sức bất đồng, sao vẫn có thể có thai?

Đáp: Đứa con sinh vào nhà ấy, có thể là do đời trước tu phúc có chỗ khiếm khuyết, hoặc nghiệp duyên chỉ có được người cha giàu sang, hoặc chỉ có được người mẹ giàu sang, hoặc đôi vợ chồng ấy có nghiệp duyên sinh được quý tử phúc lớn, hoặc đứa con có nghiệp duyên gặp cha mẹ giàu sang. Do những nhân duyên khác nhau như thế mà cũng có thể thụ thai. Như trong kinh A-hàm khẩu giải thập nhị nhân duyên¹ có dạy: “Đứa con sinh ra có [một trong] ba nhân duyên. Một là cha mẹ đời trước mắc nợ đứa con, hai là đứa con đời trước mắc nợ cha mẹ, ba là kẻ oán cừu đời trước nay sinh làm con [để trả thù].

Hỏi: Thần thức đến thác sinh, hoặc vào nhà giàu sang, hoặc vào nhà nghèo hèn, có sự khác biệt nào chẳng, hay là không khác biệt? Thần thức khi ấy có biết mình đầu thai vào nhà giàu sang, vào nhà bần tiện, hay là hoàn toàn không biết gì?

Đáp: Khác biệt thì có, nhưng thần thức thật không biết được [sự khác biệt ấy]. Luận Du-già² nói rằng: “Người có ít phước đức ắt phải sinh vào nhà nghèo hèn. Người ấy vào lúc chết cũng như lúc nhập thai [tái sinh] đều nghe thấy đủ loại âm thanh rối loạn, hoặc thấy mình đi vào trong khu rừng trúc um tùm. Nếu là người phước đức sâu dày, sinh vào nhà giàu sang cao quý, thì lúc ấy cảm thấy tinh thần tỉnh táo sáng khoái, nhìn thấy những thứ xinh đẹp thích thú, hoặc nghe những âm thanh hay lạ êm dịu, hoặc thấy mình đi lên cung điện nguy nga.”³

¹ An Sý toàn thư khác là A-nan khẩu giải thập nhị nhân duyên kinh (阿難口解十二因緣經) là nhầm lẫn, vì không có tên kinh này. Đúng ra là kinh A-hàm khẩu giải thập nhị nhân duyên (阿含口解十二因緣經), 1 quyển, do hai ngài An Huyền và Nghiêm Phật Điều dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 25, kinh số 1508. Đoạn trích này nằm ở trang 54, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 18.

² Luận Du-già, tức Du-già sư địa luận (瑜伽師地論), tổng cộng 100 quyển, do Bồ Tát Di-lặc soạn, ngài Huyền Trang dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 30, kinh số 1579.

³ Đoạn trích này thuộc quyển 1 của Du-già sư địa luận, nằm ở trang 282, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 25.

Hỏi: Thân trung ấm vào lúc nhập thai, nếu là con trai thì sinh tâm ái luyến với mẹ, sân hận với cha; nếu là con gái thì sinh tâm ái luyến với cha, sân hận với mẹ. Nói như vậy cũng là hợp lý, nhưng không biết là căn cứ vào đâu mà biết?

Đáp: Căn cứ vào hình thể hướng về của thai nhi mà biết. Thai nhi là con trai thì hướng về mẹ mà nghịch với cha, thai nhi là con gái thì hướng về cha mà nghịch với mẹ. Tâm ý đã có sự khác nhau như thế thì thân thể cũng tùy theo. Như trong kinh Xử thai¹ nói rằng: “Nếu là con trai, thai nhi ở trong bụng mẹ sẽ nằm về phía sườn bên phải, hai tay che mặt, mặt quay về phía lưng mẹ. Nếu là con gái, thai nhi ở trong bụng mẹ sẽ nằm về phía sườn bên trái, hai tay che mặt, mặt hướng ra phía trước bụng mẹ.”

Hỏi: Đôi bên nam nữ hòa hợp, phải có thần thức tìm đến thì mới thụ thai. Nhưng có nhiều trường hợp khi sản phụ lâm bồn lại nhìn thấy có người đi vào phòng mình, về sau hỏi lại quả đúng là người ấy đã chết vào giờ khắc người mẹ sinh con ra. Nhưng thai kỳ kéo dài mười tháng, thì trước đó vào lúc thụ thai người kia vẫn còn sống trên dương thế, vậy lúc cha mẹ gần gũi nhau, làm sao thần thức người ấy đã có thể đến nhập thai? Nhưng nếu không có thân trung ấm của người ấy, thì làm sao có thể thụ thai? Bằng như đã có thân trung ấm, thì thân trung ấm ấy chính là của người nhập thai, làm sao có thể đến lúc sinh nở lại nhìn thấy người ấy đi vào phòng được?

Đáp: Xây dựng nhà cửa, ngục thất, đâu cần phải tự mình theo dõi giám sát công trình? Quy mô chế độ đã định ra, ắt cứ y theo đó mà hình thành; nhà cửa ngục thất đã thành, người giám công ắt sẽ bỏ đi, hình tướng thai nhi đã thành, thần thức mới

¹ Chúng tôi không tìm thấy kinh Xử thai (處胎) như dẫn chú, nhưng tìm thấy nội dung đoạn trích này trong kinh Phật thuyết Bào thai (佛說胞胎經), 1 quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 11, kinh số 317. Nội dung đoạn trích nằm ở trang 889, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 18. Có lẽ đây là tên gọi khác của kinh này.

đến. Tuổi thọ người kia tuy chưa hết nhưng chỗ tái sinh đã định sẵn rồi, tự nhiên chiêu cảm kẻ có nợ đời trước phải đến thay mình mà thụ thai.¹

Hỏi: Theo sự truyền tụng của người đời thì việc đầu thai xảy ra ngay vào lúc người mẹ sinh con, nhưng theo Kinh điển ghi chép thì việc đầu thai đã xảy ra mười tháng trước đó, [tức là vào lúc cha mẹ hòa hợp]. Vì sao lại có nhiều thuyết khác nhau như vậy?

Đáp: Đầu thai ngay vào lúc người mẹ sinh con, trong ngàn vạn trường hợp chỉ có một mà thôi, nếu không phải là người có phước đức rất lớn, không phải chịu nỗi khổ ở trong bào thai. Trong trường hợp này, lúc người mẹ mang thai thì tuổi thọ của người ấy vẫn còn chưa dứt, cho đến khi người mẹ sinh nở thì người ấy sẽ lâm chung ở một nơi nào đó và thác sinh vào nhà cha mẹ ở một nơi khác. Sự việc như thế đôi khi vẫn có thể xảy ra. Ví như quan chức tước vị, nếu dựa vào tài năng tư cách mà dần dần thăng tiến là việc thông thường, nhưng được cất nhắc bổ dụng không theo thứ lớp thì đó là quyền biến.

Hỏi: Các trường hợp sinh đôi, khi nhập thai mẹ tất nhiên phải có đủ hai thân trung ấm. Như vậy thì họ cùng lúc nhập thai hay có trước sau?

Đáp: Có khi là cùng lúc, cũng có khi là trước sau. Nếu cùng lúc nhập thai thì người sinh ra trước là anh (hoặc chị), người sinh ra sau là em. Nếu nhập thai không cùng lúc thì người sinh ra trước là em, người sinh ra sau là anh (hoặc chị). Cũng giống như ta cho hạt hồ đào vào ống trúc, hạt cho vào sau ắt sẽ được lấy ra trước.²

Hỏi: Cùng một việc thụ thai như nhau, nhưng khi sinh ra

¹ Chỗ này gượng ép giải thích theo những chuyện truyền tụng của người đời, chưa lấy gì làm xác thực. Vì thế không thấy An Sĩ toàn thư dẫn chú kinh văn, mà chúng tôi cũng chưa từng thấy có kinh điển nào nói đến nội dung tương tự như đoạn này.

² Phần trả lời này dựa theo sách Pháp uyển châu lâm. (Chú giải của soạn giả)

con cái lại có người xinh đẹp đoan trang, có kẻ khiếm khuyết hư hỏng, trong số đó lại có kẻ đen người trắng, chẳng ai giống ai, vì sao như vậy?

Đáp: Một phần là liên quan đến nghiệp đời trước của đứa con, một phần là do người mẹ hiện nay. Nếu là người đời trước nhu hòa nhẫn nhục, thường tạo tranh tượng chư Phật, Bồ Tát, gầy gủi cúng dường các vị sa-môn, thì đời nay tự nhiên sẽ được hình tướng tốt đẹp trang nghiêm. Nếu là người đời trước ngăn che Phật pháp, trộm cắp của Tam bảo, sân hận tranh giành, hoặc xúi giục, thay người kiện tụng, hoặc chê bai giễu cợt những người có hình dung xấu xí, thì đời nay tự nhiên phải chịu thân hình xấu xí khó coi.¹ Người mẹ trong lúc mang thai nếu thường gầy gủi những nơi tối tăm u ám, thì đứa con cũng chịu ảnh hưởng đen tối. Nếu thường ở những nơi mát mẻ thoáng đãng, thì đứa con cũng chịu ảnh hưởng được trắng trẻo xinh đẹp. Nếu người mẹ thường ăn các món mắm muối nguội lạnh, đứa con sẽ bị lông tóc thưa thớt. Nếu người mẹ thường làm chuyện dâm dục, đứa con sẽ dễ bị ghẻ lở, ung nhọt. Nếu người mẹ thường đi lại nhảy nhót hoặc mang vác nặng nề, đứa con có thể sẽ bị khuyết tật chân tay.²

Hỏi: Người đời thường nói thân thể này là của cha mẹ ban cho. Xin hỏi, những phần nào là của cha, những phần nào là của mẹ?

Đáp: Hết thảy những phần cứng chắc như xương cốt, răng, móng, tủy, não, gân mạch... đều là thuộc về cha. Hết thảy những phần mềm mại như gò má, con mắt, lưỡi, cổ họng, cho đến tim, gan, thận, lá lách... đều là thuộc về mẹ.³

¹ Phần này dựa theo kinh Nghiệp báo sai biệt và kinh Tam giới. (Chú giải của soạn giả) Kinh Nghiệp báo sai biệt, tên đầy đủ là kinh Phật vị Thủ-ca Trưởng giả thuyết nghiệp báo sai biệt (佛為首迦長者說業報差別經), 1 quyển, do ngài Cù-đàm Pháp Trí dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 1, kinh số 80. Kinh Tam giới, tức kinh Đại phương quảng Tam giới (大方廣三戒經), tổng cộng 3 quyển, do ngài Đàm-vô-sám dịch sang Hán văn, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 11, kinh số 311.

² Phần này dựa theo sách Pháp uyển châu lâm. (Chú giải của soạn giả)

³ Phần này dựa theo kinh Tu hành đạo địa (修行道地經). (Chú giải của soạn giả) Kinh này có tổng cộng

THÂN THỂ DIỆT MẮT, THẦN THỨC VẪN CÒN¹

Hỏi: Chuyện phước thiện hay tai họa, bất quá cũng chỉ là trong lúc còn sống phải chịu mà thôi. Một khi đã chết, thân thể cũng như thần thức đều diệt mất, ví như có nghiệp ác cũng dựa vào đâu mà chịu tội báo?

Đáp: Thân thể có hư hoại, nhưng thể tánh thì không. Cũng giống như các loại ngũ cốc, tuy nhìn thấy cây rễ đều khô chết, nhưng hạt rơi xuống đất vẫn còn đó, đến mùa xuân lại nảy mầm sinh sôi. Người tu phước thiện sinh về hai cõi trời, người; người tạo nghiệp ác phải đọa vào địa ngục, cũng là giống như thế. Giả Nghị nói: “Ngàn vạn lần biến hóa, chưa từng có chỗ khởi đầu hay kết thúc, hóa ra đó là con người.”²

Nguy Bá Khởi nói: “Thần thức trải qua từ quá khứ, hiện tại cho đến tương lai đều không diệt mất.”³

Trương Tử Hậu nói: “Người nào biết được rằng chết không phải mất đi, có thể cùng họ nói chuyện về thể tánh.”⁴

Khái niệm sống chết của người đời chỉ là dựa vào thân thể bằng xương thịt này mà nói, không phải nói đến tâm tánh của người. Nếu nói rằng sau khi chết thần thức cũng mất đi, thì sao có những chuyện như Bá Cồn hóa làm gấu,⁵ Như Ý hóa thành chó,⁶ người nước Trịnh đều kinh sợ vì Bá Hữu,⁷ Bành

¹ 7 quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 15, kinh số 606.

² Phần này có 6 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

³ Trích từ bài “Phục điều phú” của Giả Nghị đời Hán, chép trong sách Hán thư. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Trích từ sách Nguy thư. (Chú giải của soạn giả)

⁵ Trích từ sách Hoành cử ngữ lục. (Chú giải của soạn giả)

⁶ Ghi rõ trong sách Sử ký chính nghĩa. (Chú giải của soạn giả) Cha của vua Vũ là Bá Cồn, bị đày đến Vũ Sơn, sau khi chết ở đó hóa làm con gấu vàng.

⁷ Trích từ sách Hán thư. (Chú giải của soạn giả) Chuyện này được chép trong phần Ngũ hành chí. Lữ hậu dùng thuốc độc giết chết Triệu vương Như Ý. Sau khi chết, ông này hóa làm con chó đến báo oán, Lữ hậu do đó mà lâm bệnh rồi chết.

⁸ Quan Đại phu nước Trịnh là Bá Hữu bị giết, hóa thành con quỷ hiện về báo thù, khiến cho người dân nước

Sinh báo oán Tê Tương công.¹ Những chuyện khác nhau như thế rất nhiều, được ghi chép lại từ trước thời Hán Minh Đế, tức là khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Hoa, nhưng lý lẽ luân hồi đã được truyền tụng khắp trong thiên hạ.

Cho nên, luận thuyết đoạn diệt cho rằng chết rồi là hết chỉ có thể gạt được những kẻ ngu si, còn người có trí tuệ thì không ai tin nhận được.

Hỏi: Thuyết luân hồi nếu như đã có từ trước, sao Khổng tử không hề nhắc đến?

Đáp: Khổng tử thật có nói đến luân hồi. Như trong kinh Dịch nói: “Tinh khí làm thành sự vật, biến hóa do phần hồn, từ đó biết được có các trạng thái của quý thân.”² Nói “tinh khí” là chỉ đến thai nhi hình thành sau khi đã thụ thai, nói “phần hồn” là chỉ đến thần thức khi chưa nhập thai, nói “biết được các trạng thái” tức là đã rõ biết về thuyết luân hồi.

Sách Trung dung nói rằng: “Chỗ chí thành là kết thúc và khởi đầu muôn vật.” Nói “kết thúc - khởi đầu” mà không nói “khởi đầu - kết thúc”, là vì đã thấy được vòng tuần hoàn không có chỗ khởi đầu, không hề diệt mất. Chỉ tiếc là những kẻ học Nho về sau này không nhận biết được đến mức ấy.

Hỏi: Khổng tử nói: “Tinh khí làm thành sự vật, biến hóa do phần hồn”, chẳng qua cũng chỉ là suy luận theo lý lẽ mà thôi. Nếu dựa vào đó mà cho rằng [Khổng tử] nói đến thuyết về tái sinh đời sau, chẳng phải là hư dối lắm sao?

Đáp: Chuyện sinh tử luân hồi là lẽ tất nhiên trong đời, đã

Trịnh đều kinh sợ bất an. Xem trong sách Tả truyện, phần Chiêu công năm thứ bảy.

¹ Tê Tương công sai Bành Sinh giết Lỗ Hoàn công. Sau đó vì sợ người nước Lỗ oán hận, lại đổ tội cho Bành Sinh rồi xử tội chết. Bành Sinh sau khi chết hóa làm con vật lạ giống con lợn nhưng rất to lớn, hiện ra đòi mạng khiến Tê Tương công kinh sợ. Sau Tê Tương công bị Liên Xung và Quân Chí Phủ cùng Công Tôn Vô Tri phản loạn vây giết. Tương truyền ông nấp sau cánh cửa không ai nhìn thấy, bỗng có con vật lạ cắn chiếc giày của ông lòi ra ngoài, phản quân nhìn thấy biết ông nấp sau cửa nên bắt được giết chết. Xem trong sách Tả truyện, phần Trang công năm thứ tám.

² Kinh Dịch, phần Hệ từ thượng.

thấy ghi chép lại nhiều không kể xiết, nếu ai gọi đó là hư dối thì chính người ấy mới thật là kẻ hư dối. Lẽ nào chưa nghe đến việc Văn Xương Đế quân đã qua 17 đời làm kẻ sĩ có quyền thế?¹ Lẽ nào chưa nghe chuyện Viên Áng trải qua mười đời đều làm tăng sĩ?² Lẽ nào chưa nghe chuyện ông tiều phu tái sinh thành Lương Vũ đế?³ Lẽ nào chưa nghe chuyện Vương Tăng là hậu thân của Tăng tử?⁴ Hoặc chuyện Tô Tử Chiêm⁵ là Giới Thiên sư⁶ tái sinh, Tăng Lỗ Công là Thảo Đường Thanh Thiên sư tái sinh.⁷ Hoặc như chuyện Vĩnh Công tái sinh thành Phòng Quán [đời Đường]?⁸ Lại còn những chuyện như Tống Trưởng lão sau tái sinh thành Lý Thị lang, Nam Am chủ tái sinh là Trần Trung Túc, vị tăng Tri Tạng tái sinh là Trương Văn Định, Nghiêm Thủ tòa tái sinh là Vương Quy Linh, lẽ nào đều chưa từng nghe biết?⁹ Nếu không thể đọc khắp những ghi chép trong sách vở xưa nay, sao lại còn học theo thói “ếch ngồi đáy giếng xem trời bằng vung”?

Hỏi: Như lời ông nói đó thì đúng là trải qua nhiều đời đều có căn cứ cho thuyết luân hồi, nhưng chỉ tiếc là những điều ấy không được chép trong chính sử.

Đáp: Gọi là chính sử, chẳng qua chỉ để phân biệt với những loại truyền thuyết, dã sử không đáng tin. Cho nên, chính sử thì đáng tin, mà những truyền thuyết, dã sử thì không đáng tin. Đối với những sách thuộc loại như Văn Xương bảo huấn đều có luận cứ minh bạch, có thể làm rõ cả việc quý thân, đem so với chính sử còn cao hơn một bậc, cho nên cần phải có một cách nhìn khác hơn. Nhưng dù có cho rằng chỉ những điều do các sử thần

¹ Trích Văn Xương bảo huấn. (Chú giải của soạn giả)

² Trích phần Duyên khởi trong sách Thủy sám. (Chú giải của soạn giả)

³ Trích từ sách Kim cương cảm ứng lục. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Trích từ bài văn Văn Xương tích tụ. (Chú giải của soạn giả)

⁵ Tô Tử Chiêm: tức Tô Đông Pha, danh sĩ đời Tống.

⁶ Giới Thiên sư là một vị tăng từng tu tập ở chùa Ngũ Tổ.

⁷ Hai chuyện này đều trích từ Tịnh độ văn. (Chú giải của soạn giả)

⁸ Trích từ Pháp hỷ chí. (Chú giải của soạn giả)

⁹ Những chuyện này đều trích từ Trúc Song nhị bút và truyện ký về mỗi vị. (Chú giải của soạn giả)

viết ra mới đáng tin, thì trong 21 bộ chính sử cũng có ghi chép những sự việc luân hồi qua ba đời nhiều không kể xiết. Những việc khác hãy tạm bỏ qua không nói, nay chỉ đem những chuyện mà tất cả mọi người đều biết, lược kể ra đây một số. Như chuyện Dương Hồ vốn đời trước là con trai của [một nhà hàng xóm] họ Lý, được chép trong bộ sử Tấn thư,¹ phần Liệt truyện, truyện Dương Hồ, quyển 34, trang 12;² chuyện Lương Nguyên Đế vốn đời trước là một vị tăng chột mắt, được chép trong Nam sử,³ phần Bản kỷ, nhà Lương, phần hạ, quyển 8, trang 5; chuyện con gái nhà họ Lưu vốn đời trước là Lý Thứ, được chép trong Bắc sử,⁴ phần Bản kỷ, nhà Tề, quyển 43, trang 38; chuyện Lưu Hàng vốn đời trước là [quan Tế tướng đời Đường] Ngưu Tăng Nhụ, được chép trong Tống sử,⁵ phần truyện Lưu Hàng ở quyển 285, trang 5; chuyện Phạm Tổ Vũ vốn đời trước là [Đại tướng quân] Đặng Vũ [thời Đông Hán], được chép trong Tống sử, quyển 337, trang 12; chuyện Quách Tường Chính vốn đời trước là [đại thi hào] Lý Bạch [đời Đường], được chép trong Tống sử, quyển 444, trang 14; chuyện Hạ Nguyên Cát vốn đời trước là Quật Nguyên, được chép trong sách Hoàng minh thông kỷ... Những chuyện như trên quả thật rất nhiều, không thể kể hết.

Còn như những chuyện thần tiên giáng trần cũng không hiếm thấy. Như chuyện con trai Thiên đế giáng trần là Tề Cao tổ [Tiêu Đạo Thành], được chép trong Nam Tề thư,⁶ [phần Chí,

¹ Tấn thư là bộ chính sử được biên soạn vào năm 648, đời Đường, theo lệnh của Đường Thái Tông, do Phòng Huyền Linh và Lý Diên Thọ chủ biên. Sách gồm 132 quyển nhưng đến nay chỉ còn được 130 quyển.

² Quyển 34 của Tấn thư chép truyện Dương Hồ và truyện Đỗ Dự, đều là danh thần đời Tấn.

³ Nam sử là bộ chính sử được biên soạn bởi sử gia Lý Đại Sư và con trai ông là sử gia Lý Diên Thọ. Sách gồm 80 quyển, viết về giai đoạn lịch sử khoảng 170 năm của 4 triều đại là Tống, Tề, Lương và Trần.

⁴ Bắc sử là bộ chính sử đồng tác giả như Nam sử, gồm 100 quyển, viết về lịch sử các nước Bắc triều vào thời Nam Bắc triều (năm 439 đến năm 589) như Bắc Ngụy, Tây Ngụy, Đông Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu, nhà Tùy.

⁵ Tống sử là bộ chính sử đồ sộ nhất trong các bộ chính sử, tổng cộng có đến 496 quyển, ghi chép lịch sử nhà Tống, bao gồm cả Bắc Tống và Nam Tống, hoàn tất vào năm 1345.

⁶ Nam Tề thư, tức Tề thư, do Tiêu Tử Hiến soạn vào đời Lương, tổng cộng 60 quyển, gồm các phần Tự (1 quyển), Bản kỷ (8 quyển), Chí (11 quyển), Liệt truyện (40 quyển). Hiện đã mất phần Tự, nên sách chỉ còn 59 quyển.

mục Tường thụy,] quyển 18, trang 5; chuyện thân nhân giáng trần làm vua Đường Đại Tông, được chép trong sách Đường thư,¹ phần truyện Hoàng hậu Chương Kính, quyển 77, trang 2; chuyện Lai Hòa Thiên tôn giáng sinh làm Tống Chân Tông, được chép trong Tống sử, phần truyện Dương Lê, quyển 287, trang đầu tiên; chuyện Nam Nhạc chân nhân giáng trần là Ngu Bá Sinh, được chép trong Nguyên sử,² quyển 181, trang 4; chuyện sao Văn Tinh giáng trần là Lữ Trọng Thực, được chép trong Nguyên sử, [truyện Lữ Tư Thành,] quyển 185, trang đầu tiên... Tất cả những chuyện ấy đều được ghi chép rõ ràng, hiện nay hoàn toàn có thể khảo chứng.

Lại có những người sau khi chết một số ngày thì sống lại, hoặc sau mấy năm thì sống lại, trình bày những chuyện nghe thấy ở cõi âm ty, hết thảy đều ứng nghiệm. Nay chỉ lược kể ra một số, như chuyện ông họ Hoàn người ở Trường Sa, được chép trong Hậu Hán thư, quyển 27, trang 6; chuyện cô gái ở Vũ Lăng tên Lý Nga, cũng được chép trong quyển 7, Hậu Hán thư, phần [Ngũ hành chí,] trang 7; chuyện cô tỳ nữ chôn theo người cha của Can Bảo, được chép trong Tấn thư, [phần truyện Can Bảo,] quyển 82, trang 14; chuyện cô gái trong mộ từ thời Ngụy Minh Đế,³ đến niên hiệu Vĩnh An triều Ngô năm thứ tư⁴ giúp người dân nước Ngô được bình an trong binh lửa, hoặc cô tỳ nữ của Đỗ Tích vào thời Tấn Huệ Đế,⁵ đến thời Tấn An Đế⁶ sinh làm con gái nhà họ Hoàng, được chép trong Tống thư, quyển 34, từ trang 25 đến trang 29; chuyện người ở Hành đô⁷ vào niên hiệu

¹ Đường thư là bộ chính sử do Âu Dương Tu chủ biên vào thời Bắc Tống, gồm 225 quyển, về sau thường gọi là Tân Đường thư để phân biệt với Cựu Đường thư của Lưu Hu biên soạn.

² Nguyên sử là bộ chính sử do Tống Liêm chủ biên, gồm 210 quyển, chép về lịch sử nhà Nguyên, bắt đầu từ Thành Cát Tư Hân cho đến đời Nguyên Thuận Đế.

³ Ngụy Minh Đế trị vì từ năm 236 đến năm 239.

⁴ Tức là năm 261.

⁵ Tấn Huệ Đế trị vì từ năm 290 đến năm 306.

⁶ Tấn An Đế trị vì từ năm 397 đến năm 418.

⁷ Hành đô: nơi đóng đô tạm thời của nhà vua.

Thuần Hy năm thứ 13,¹ được chép trong Tống sử, [phần Ngũ hành chí,] quyển 62, trang 23... Những chuyện như vậy, thấy đều có thể tra cứu khảo chứng rõ ràng.

Còn có những chuyện đàn ông ngay trong đời này biến hình thành loài thú, như chuyện Công Ngưu Ai vào đời Hậu Hán hóa hình thành cạp, được chép trong Hậu Hán thư, quyển 89, trang 20, hoặc trong sách Hoài Nam tử; chuyện lão ông ở Hoắc châu hóa thành thú dữ [vào niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 6],² chép trong Tùy thư, quyển 23, trang 18; chuyện người ở Hành Tương hóa thành cạp vào niên hiệu Càn Đạo năm thứ 5,³ được chép trong Tống sử, quyển 62, trang 23.

Lại có những chuyện phụ nữ ngay trong đời này biến hình thành loài vật, như chuyện bà mẹ của họ Hoàng ở Giang Hạ hóa làm con rùa lớn [vào đời Hán Linh Đế], được chép trong sách Hậu Hán thư, [phần Ngũ hành chí,] quyển 27, trang 6; chuyện bà mẹ của Tống Sĩ Tông ở Thanh Hà hóa thành con ba ba, được chép trong sách Tống thư [phần Ngũ hành chí,] quyển 34, trang 24.

Lại có những chuyện vợ chồng qua đời sau tiếp tục trở lại làm vợ chồng với nhau, như người con gái ở nước Lương vào thời Tấn Huệ Đế, được chép trong sách Tống thư, [phần Ngũ hành chí,] quyển 34, trang 27; chuyện nàng họ Lương vợ của người họ Vương vào cuối đời Nam Tống, được chép trong sách Tống sử, [phần Liệt nữ truyện,] quyển 460, trang 50.

Những chuyện hết sức lạ lùng như trên đều được ghi chép rất rõ ràng, có thể khảo chứng được.

Thậm chí còn có những chuyện như thiên nữ sinh ra thủy tổ

¹ Tức là năm 1186, đời Tống Hiếu Tông.

² Tức là năm 586, đời Tùy Văn Đế.

³ Tức là năm 1169, đời Tống Hiếu Tông.

nhà Bắc Ngụy, được chép trong sách Ngụy thư, quyển 1, trang 2; chuyện Hàn Cầm sau khi chết làm Diêm Vương nơi âm phủ, được chép trong sách Tùy thư, [phần truyện Hàn Cầm,] quyển 52, trang 2; chuyện Tân Ngạn xây dựng [hai tòa] tháp Phật [cao 15 tầng ở trong thành Lộ Châu], nhờ công đức ấy sinh về cõi trời, được chép trong sách Tùy thư, [phần truyện Tân Ngạn,] quyển 75, trang 5; chuyện Dữu Ngạn Bảo thường niệm Phật, trì tụng kinh điển, vãng sinh về Tịnh độ, được chép trong sách Lương thư, quyển 51, trang 21; chuyện Vương Tân tu sửa chùa cổ, đào đất gặp tám bia [của chính mình] đời trước, được chép trong Tống sử, quyển 276, trang 25; chuyện [Kinh Triệu Vương của Bắc Ngụy là] Thái Hưng thiết trai cúng dường chư tăng, cảm ứng có thần tăng đến dự, được chép trong sách Bắc sử, phần Cảnh mục thập nhị vương truyện], quyển 17, trang 4; chuyện Từ Hiếu Khắc [lúc sắp lâm chung ngồi ngay ngắn niệm Phật, có hương thơm lạ xông tỏa khắp trong nhà,] vãng sinh Cực Lạc, được chép lại trong Trần thư, [truyện Từ Hiếu Khắc,] quyển 26, trang 14; chuyện Lục Pháp Hòa sắp lâm chung ngồi ngay ngắn an nhiên mà tịch, [lúc liệm vào áo quan thân thể tự nhiên thu nhỏ lại], sau đó Văn Tuyên Đế truyền lệnh mở quan tài ra xem thì thấy] quan tài trống không, được ghi chép trong Bắc Tề thư, quyển 32, trang 5;¹ chuyện Lư Cảnh Dự [bị giam] trong ngục [ở Tấn Dương], chí tâm trì kinh, gông cùm tự nhiên được tháo rời rơi rụng, được chép trong Bắc sử, quyển 33, trang 27; chuyện Trương Hiếu Thủy thiết trai cúng dường tụng kinh [Dược Sư] nên đôi mắt đã mù của ông nội được sáng lại, chép trong Bắc sử, [phần truyện Trương Nguyên,] quyển 84, trang 9...

Những chuyện như trên đều do các bậc danh nho là sử quan của triều đình trung thực ghi chép, nào phải là những luận thuyết vô căn cứ?²

¹ Truyện về Lục Pháp Hòa cũng được chép trong Bắc sử, phần Cư sĩ truyện.

² Những số quyển, số trang ở phần trên đều căn cứ vào bản khắc in chính thức 21 bộ chính sử được thực hiện vào niên hiệu Vạn Lịch năm thứ 39 (tức là năm 1611), so với các bản lưu hành phổ thông có khác

Than ôi, bên ngoài vũ trụ tất nhiên có rất nhiều chuyện kỳ quái, nhưng ngay trong thế gian này thì những điều lạ lùng được thấy nghe cũng không phải ít. Người đời nay bất quá chỉ sinh sống hạn hẹp trong một góc trời, chỗ thấy nghe đều tầm thường dung tục, tri thức học được cũng không ngoài nội dung các sách thế gian. Lớn lên vừa biết chuyện yêu đương thì nghiệp duyên đã theo bén gót, chuyện hôn nhân còn chưa tính hết thì tuổi già đã xông xộc đến nơi. Sống qua hết một đời mà tựa hồ chẳng biết mình từ đâu sinh đến, sau khi chết cũng chẳng biết sẽ về đâu. Ngày ngày chìm đắm trong chốn luân hồi nhưng lại chẳng tin vào nhân quả, thật đáng thương thay!

Hỏi: Luận thuyết luân hồi như vậy quả nhiên không sai. Nhưng những gì tôi nói là dựa theo sách của một vị tiên sinh nọ, chứ không phải không có căn cứ. Tiên sinh ấy nói rằng, khi người ta chết, thân thể đã hư hoại thì hồn phách cũng tiêu tán. Những trường hợp tái sinh bất quá chỉ là do sinh khí ngẫu nhiên hợp lại không tan nên mới xảy ra đó thôi.

Đáp: Ông đã từng đọc thiên Kim Đằng [trong sách Thượng thư] chưa? [Sách chép rằng,] Chu Vũ Vương bệnh nặng, người em là Chu Công nguyện đem thân mình thế mạng chết thay, tế cáo với ba vị tiên vương rằng: “Tôi một lòng hiếu thuận với tổ tiên, lại có nhiều tài nghệ, có thể phụng sự quý thân.”¹ Nếu theo thuyết đoạn diệt [như ông vừa nói], thân thể hư hoại hồn phách cũng tiêu tán, thì Chu Công xin thay Vũ Vương mà chết, sau đó thân thể hư hoại, hồn phách tiêu tán, dù có nhiều tài nghệ cũng tiêu tán chẳng còn, còn dựa vào đâu để phụng sự tổ tiên? Hơn nữa, tổ tiên cũng tiêu tán từ lâu, đâu cần đến sự phụng sự của Chu Công? Huống chi, lễ nghi tế tự là chỗ xem trọng của các

biệt. (Chú giải của soạn giả)

¹ Sau khi nhà Chu diệt nhà Thương được 2 năm thì Chu Vũ Vương lâm trọng bệnh. Người em là Chu Công liền tế cáo với tổ tiên, xin được chết thay cho anh, khẩn rằng: “Con một lòng hiếu thuận với tổ tiên, lại có nhiều tài nghệ, nay xin được thay anh chết để được về trời phụng sự tổ tiên.” Tế cáo xong, 2 ngày sau thì Vũ Vương khỏi bệnh.

bậc hiền thánh, nếu như [hôn phách] tổ tiên đều đã tiêu tán, ắt không cần có việc dùng đồ ăn thức uống để cúng tế quỷ thần, hóa ra chỗ hiểu biết của các bậc thánh nhân xưa đều hư huyền, sai trái hay sao? Nếu ông cho rằng vị tiên sinh của ông nhất định là đáng tin, thì những thánh nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn, Chu Công, Khổng tử... lại càng nhất định đáng tin hơn nữa. Còn nếu cho rằng những thánh nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn, Chu Công, Khổng tử... chưa đủ để đặt niềm tin, thì vị tiên sinh kia làm sao lại có thể đáng tin?

Không những thế, nếu vị tiên sinh kia đã chết, mà nay ông tin theo thuyết đoạn diệt của ông ấy, thì cho dù ông ấy có là bậc hiền nhân, ngày nay cũng đã tiêu tán mất rồi, nên hai kỳ tế tự trong năm vào mùa xuân, mùa thu đều có thể bỏ đi. Còn như hiện nay vẫn thấy tổ chức hai kỳ tế tự trong năm vào mùa xuân, mùa thu, thì giáo thuyết của tiên sinh kia hiện nay đã không được thực hành rồi, làm sao có thể khiến cho thiên hạ đời sau tin phục?

Nếu cho rằng những trường hợp thác sinh chỉ là do sự tinh cờ hợp lại không tan [của sinh khí], ắt là tất cả nhân loại được nhìn thấy trước mắt ngày nay đều là do ngẫu nhiên mà có đó sao? Tôi thật hoàn toàn không thể nào hiểu được luận thuyết ấy.

Hỏi: Về thuyết tế tự đó, tiên sinh ấy cũng thường nói đến. Ông ta cho rằng, con cháu là khí của tổ tông, do khí với khí hợp nhau nên có sự cảm ứng dù xa cách.

Đáp: Nếu nói như thế thì việc cúng tế các thần Ngũ nhạc, thần sông, thần núi... không thể có sự cảm ứng, vì người cúng tế không phải con cháu của các vị ấy. Mạnh tử [nói về vua Thuấn] rằng: “Nếu để ông ấy làm chủ tế thì trăm thần đều về dự.”¹ Có thể nào cho rằng vua Thuấn, vua Vũ lại là con cháu của trăm thần hay chăng? Hơn nữa, nếu quả thật con người sau khi chết tiêu tán hết chẳng còn

¹ Trích từ sách Mạnh tử, chương Vạn Chương, phần thượng, tiết 5, nguyên văn: “使之主祭而百神享之 - Sử chi chủ tế nhi bách thần hưởng chi”.

gì, rốt cùng không có chuyện báo ứng, thì chuyện nỗ lực tu thân, kiêng dè nghiệp ác trong suốt một đời, hóa ra thật chẳng bằng sống buông thả theo vật dục, mưu cầu lợi lộc như những kẻ dung tục tầm thường, mà những kẻ phóng túng làm nhiều việc ác muốn đào thoát đều được đắc ý. Ngạn ngữ có câu: “Nếu như không có chuyện báo ứng thiện ác thì tạo vật làm sao đối xử [công bằng] với Nhan Uyên?”¹ Nếu không có địa ngục luân hồi, thượng đế vì sao lại ưu đãi riêng cho Tào Tháo?”² Huống chi, lòng người hiện nay có khuynh hướng ngày càng xuống dốc, đạo đức suy đồi, dù gấp rút truyền bá chuyện thiện ác nhân quả báo ứng, e rằng cũng đã rất khó vãn hồi được phần nào, sao còn làm điều ngược lại, mở ra thuyết không [luân hồi nhân quả, khiến người ta không còn gì phải] kiêng dè e sợ, thật chẳng khác nào như nước lớn đang lên mà phá vỡ bờ đê, nhà lớn sắp đổ lại đốn ngã cột chính!

GIẢI ĐÁP NGHI VẤN VỀ THÂN TRUNG ẤM³

Hỏi: Kinh điển có nói đến thân trung ấm, đó là nói đến điều gì?

Đáp: Đó là chỉ cho thân thức. Như kinh Niết-bàn⁴ có dạy, đại ý tóm lược như sau: Vào lúc lâm chung, gia đình thân quyến vây quanh than khóc, người sắp chết hoảng hốt kinh sợ, không thể tự chế được mình. Khi ấy, hết thảy những chuyện lành dữ đã làm trong suốt một đời đều hiện ra trước mắt. Sau khi khí ấm trong thân thể mất hết, năm uẩn của quá khứ liền diệt mất đi rồi

¹ Nhan Uyên tức Nhan Hối, là một học trò giỏi và đức hạnh vượt trội của đức Khổng tử, thường được ngài ngợi khen. Tuy nhiên, Nhan Hối chết khi còn rất trẻ, chỉ mới 31 tuổi. Câu này hàm ý nếu không còn có đời sau để bù đắp thì hóa ra tạo vật đã quá bất công với người hiền như Nhan Uyên.

² Tào Tháo gian hùng, làm hại đến nhiều người, nhưng suốt đời lại được hưởng phú quý quyền tước. Nếu không có luân hồi quả báo, thì hóa ra thượng đế quá bất công khi ưu đãi cho hạng người như ông ta.

³ Phần này có 7 mục hỏi đáp.

⁴ Kinh Niết-bàn, tức kinh Đại Bát Niết-bàn, tổng cộng 40 quyển, do ngài Đàm-vô-sám dịch sang Hán ngữ. Ngoài ra còn có 2 quyển Hậu phần, nội dung nối tiếp với 40 quyển trước.

khởi sinh thân trung ấm hiện tại. Đến sau khi nhập thai thì thân trung ấm hiện tại diệt mất, năm uẩn của tương lai sinh ra. Cũng tương tự như thắp đèn sáng lên thì bóng tối mất, đèn tắt rồi thì bóng tối sinh, tiếp nối thay đổi nhau, không có sự gián đoạn.

Hỏi: Người ta thường cho rằng có “ba hồn, bảy vía”, [trong ba hồn ấy thì] một hồn sẽ thác sinh, một hồn ở lại giữ xác và một hồn chịu tội đã làm. Điều ấy có thể tin được chăng?

Đáp: Đó chỉ là lời hư huyền của bọn đạo sĩ.¹ Nếu quả đúng vậy thì mỗi lần thác sinh đều thừa ra 2 hồn ma, [một giữ xác và một chịu tội,] mười lần thác sinh thì thừa ra đến hai mươi hồn ma, cho đến thác sinh ngàn lần thì thừa ra hai ngàn hồn ma. Mỗi người thừa ra hai ngàn hồn ma thì hai ngàn người ắt sản sinh đến bốn triệu hồn ma. Cứ tích lũy lâu ngày như vậy, ắt là khắp nơi đều có hồn ma. Thử hỏi, những hồn ma lâu ngày ấy rồi tương lai sẽ đi về đâu? Trong cảnh giới của phàm phu, làm sao có được khả năng hóa hiện mỗi người đến trăm ngàn thân? Lại thử hỏi, hồn ma nào thì may mắn được đi thác sinh, còn hồn ma nào bất hạnh phải đi chịu tội?

Hỏi: Bậc chính nhân sau khi lâm chung ắt có thể tự chủ, [biết rõ nơi mình đến,] vì sao lại có chuyện phải vào thân trung ấm, rồi lúc đó lại nhìn người hóa ra trâu, ngựa, gà, vịt...?

Đáp: Đến thời điểm ấy không thể tự chủ được mình, cũng giống như sự điên đảo trong giấc mộng, cho dù là bậc thánh nhân cũng mắc phải. Như Khổng tử lẽ nào chẳng biết Chu Công đã chết trước đó mấy trăm năm rồi, nhưng trong giấc mộng lại thấy gặp Chu Công, mà chưa hẳn lúc đó đã nhận biết được Chu Công là người đã chết. Lại nữa, lẽ nào Khổng tử không biết rằng người còn sống không thể nhận sự tế lễ cúng kính, nhưng sao khi nằm mộng lại thấy tự thân mình ngồi giữa điện thờ mà

¹ Xem vấn đề này trong sách Văn hiến thông khảo. (Chú giải của soạn giả)

nhận sự cúng tế?

Hàng Thanh văn [tái sinh] sau khi ra khỏi thai còn quên hết quá khứ, hàng Bồ Tát còn có sự mê hoặc khi chuyển sinh từ đời này sang đời khác, huống chi là những kẻ phạm phu?

Hỏi: Vào giây phút lâm chung mà khởi sinh dục niệm ắt phải đọa lạc. Tuy nhiên, [trong sách này, ở phần Quán luân hồi có nói rằng] chúng sinh ở châu Cù-da-ni khi vào thân trung ấm, nhìn thấy thiên nữ rồi ôm lấy, liền được sinh lên cõi trời. Sao có thể như thế được?

Đáp: Tâm niệm vào lúc lâm chung quả đúng là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, phước đức để sinh lên cõi trời vốn là do chúng sinh đã tạo ra trong suốt cuộc đời mình. Ví như thân cây nghiêng hẳn về hướng đông, thì khi đốn gốc ắt phải ngã về hướng đông, nếu nghiêng về hướng tây, thì khi đốn gốc phải ngã về hướng tây.

Hỏi: Trong Quán kinh mô tả chín phẩm vãng sinh Cực Lạc, thấy đều thấy hiện tướng hoa sen. [Trong sách này nói] chúng sinh ở châu Uất-đan-việt được sinh cõi trời thuộc hàng trung phẩm cũng nhìn thấy hiện tướng hoa sen, như vậy làm sao phân biệt?

Đáp: Quán kinh dạy rằng, [trong chín phẩm vãng sinh thì] mỗi phẩm đều có Hóa Phật hiện ra tiếp dẫn người được vãng sinh. Còn người sinh lên cõi trời, tất nhiên là không nhìn thấy Hóa Phật.

Hỏi: [Trong sách này nói rằng] nếu người đọa sinh vào thai của loài chó, lợn, đều nhìn thấy có các mỹ nữ xinh đẹp. Chúng sinh ở châu Cù-da-ni được sinh về cõi trời cũng nhìn thấy mỹ nữ xinh đẹp, vậy làm sao phân biệt?

Đáp: [Tuy nhìn thấy như nhau, nhưng] một bên thuộc về tình dục, một bên thuộc về tâm tưởng. Tâm tưởng thì nhẹ nhàng thanh khiết, nên sinh lên cõi trời; dục tình thì thô trực nặng nề,

nên phải đọa lạc. Như trong kinh Lăng Nghiêm có dạy: “[Người lâm chung xét theo hai phần tình và tướng trong tâm thức,] nếu chỉ hoàn toàn là tướng, ắt nhẹ nhàng bay lên, sinh về cõi trời. Nếu có thêm phúc đức trí tuệ cùng với nguyện lực thanh tịnh thì tự nhiên tâm thức khai mở, vãng sinh về cõi Phật.

“Nếu tình ít, tướng nhiều, ắt sinh làm phi tiên, quý vương, hoặc loài dạ-xoa có khả năng phi hành.

“Nếu tình và tướng ngang nhau thì chẳng sinh lên cao, chẳng đọa xuống thấp, liền tái sinh cõi nhân gian. Trong cõi nhân gian, nếu niệm tướng hiền thiện nhiều thì được thông minh sáng suốt, nếu dục niệm nhiều thì ngu si đần độn.

“Nếu tình nhiều tướng ít, ắt đọa vào loài súc sinh. Trong loài súc sinh, nếu ác nghiệp nặng nề thì sinh làm các loài thú trên đất liền, nếu nghiệp ác nhẹ hơn thì sinh làm các loài chim.

“Nếu có đến bảy phần tình, ba phần tướng, ắt đọa làm các loài dưới nước, hoặc sinh làm ngựa quý.

“Nếu có đến chín phần tình chỉ một phần tướng, ắt phải đọa vào địa ngục. Tội nhẹ thì vào địa ngục hữu gián, có lúc được tạm ngừng; tội nặng thì vào địa ngục vô gián, phải chịu tội khổ không có lúc nào ngừng nghỉ.

“Nếu chỉ thuần là tình mà không có tướng thì đọa vào địa ngục A-tỳ.”

Hỏi: Người đọa vào địa ngục A-tỳ, vừa mới vào liền gặp tám vạn bốn ngàn rừng đao kiếm, nhưng lại nhìn thấy như rừng cây báu; gặp núi lửa hừng hực nóng, nhưng lại nhìn thấy như hoa sen; gặp những con chim mỏ sắt, nhưng lại thấy như giống chim nhạn hiền lành. Người sinh về cõi trời cũng nhìn thấy những cảnh tượng giống như vậy, làm sao phân biệt?

Đáp: Người đọa vào địa ngục, lúc lâm chung do lửa nghiệp

thieu đốt nên khởi sinh vọng tưởng. Do vọng tưởng ấy mà thành ra vọng kiến. Còn người được sinh lên cõi trời thì bốn đại nhanh nhẹ, khi nóng có gió mát thổi qua, khi lạnh có khí ấm xông lên, nên không thể xem là giống nhau được.

GIẢNG RÕ CHỖ VI DIỆU CỦA THỂ TÁNH¹

Hỏi: Quý Lộ thưa hỏi về chuyện sống chết, Trọng Ni² từ chối không nói.³ Riêng ông lại nói mãi không thôi [về chuyện sống chết], chẳng phải là chỉ truy tìm những chuyện vô ích mà hành xử quái lạ khác người đó sao?

Đáp: Thật ra, đức Khổng tử đã đáp rằng: “Chưa rõ việc sống, sao có thể biết về sự chết?” Đó là cách uyển chuyển dẫn dắt khai mở của Phu tử, không phải là tránh né cự tuyệt không đáp. Khổng tử cũng từng nói: “Sống chết cũng là chuyện lớn vậy.”⁴ Như vậy, sao có thể nói bàn chuyện sống chết là vô ích, là khác đời?

Hỏi: Cái mà đạo Phật gọi là thể tánh đó, phải chăng là thuyết “không thiện không ác”?

Đáp: Nếu cho rằng không có thiện, không có ác, như vậy là rơi vào chỗ trống không mê muội, tức là thuyết đoạn diệt. Người đời nếu không vướng mắc chấp có, ắt sẽ vướng mắc chấp không; nếu không vướng mắc chấp vào chỗ vừa có vừa không,

¹ Phần này có 7 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

² Trọng Ni: tức là đức Khổng tử.

³ Trích từ sách Luận ngữ, chương Tiên tiến, tiết 11. Nguyên văn: “季路問事鬼神？子曰：未能事人，焉能事鬼？曰：敢問死？曰：未知生，焉知死？” - Quý Lộ vấn sự quỷ thần. Tử viết: Vị năng sự nhân, yên năng sự quỷ? Viết: Cảm vấn tử? Viết: Vị tri sinh, yên tri tử? (Quý Lộ hỏi việc thờ cúng quỷ thần. Khổng tử đáp: Chưa phụng sự được con người, làm sao phụng sự được quỷ thần? Lại nói: Dám xin được hỏi về sự chết? Đáp: Chưa rõ việc sống, sao có thể biết về sự chết?)

⁴ Trích từ sách Trang tử. (Chú giải của soạn giả)

ắt sẽ vướng mắc chấp vào chỗ chẳng có chẳng không. Cho nên, kinh Quán Phật Tam-muội ví [sự thấy biết hạn hẹp] này như những người mù sờ voi.

Những người mù bẩm sinh thì chưa từng nhìn thấy con voi. Có vị quốc vương cho gọi một số người mù như thế đến, hỏi rằng: “Các ông có muốn biết hình dạng con voi không?” Những người mù đều thưa là muốn biết. Vua liền sai người quản tượng dắt một con voi ra trước sân, rồi bảo những người mù ấy cùng đến sờ con voi. Sau đó, vua hỏi: “Các ông bây giờ đã biết được hình dạng con voi hay chưa?” Tất cả đều nói là đã biết. [Vua liền bảo họ mô tả.]

Người sờ tai voi nói: “Con voi [tròn, mỏng] như cái sàng.” Người sờ mũi voi nói: “Con voi [đầu to đầu nhỏ] giống như cây đàn.” Người sờ ngà voi nói: “Con voi [tròn và dài] giống như cái cọc gỗ.” Người sờ lưng voi nói: “Con voi giống như cái nhà.” Người sờ bên sườn voi nói: “Con voi giống như tấm vách.” Người sờ đuôi voi nói: “Con voi giống như cái chổi lớn.” Người sờ dưới chân voi nói: “Con voi giống như cây cột đình.”

Những người mù ấy, ai cũng cho rằng mình nói đúng, ra sức tranh cãi với những người khác. Họ cãi nhau không ngừng, cho đến cuối cùng xông vào đánh nhau. Nhà vua liền cười nói: “Các ông đều chưa biết được hình dạng con voi. Người nói cái sàng, đó là tai voi; người nói cây đàn, đó là mũi voi; người nói cây cọc, đó là ngà voi; người nói cái nhà, đó là lưng voi; người nói tấm vách, đó là sườn voi; người nói cái chổi, đó là đuôi voi; người nói cột đình, đó là chân voi.”

Những người mù nghe vua nói tuy không dám cãi lại, nhưng trong lòng vẫn tin rằng chỗ sờ biết của mình là chính xác không sai. Người đời [khi chưa giác ngộ mà] nói về thể tánh, cũng giống như vậy thôi.

Hỏi: Hết thấy vạn vật, có thành ắt có hoại, có khởi đầu ắt có

kết thúc. Như vậy, thể tánh có sinh, có diệt hay chẳng?

Đáp: Thông thường, tất cả những gì có hình tướng ắt phải có thành, có hoại, có sinh ra, có diệt mất. Nhưng thể tánh vốn không hình tướng, làm sao có sự sinh diệt?

Hỏi: Như vậy, phải chăng thể tánh giống như hư không?

Đáp: Không phải vậy. Cái không của hư không là trống không mê muội, không có nhận biết. Cái không của thể tánh gọi là chân không, là cái không chân thật.

Hỏi: Tai với mắt là phân hình tướng, khả năng nghe, thấy là phân thần thức. Nếu thần thức quả thật không bị diệt mất, ắt khả năng nghe thấy từ lúc nhỏ cho đến lớn đều phải như nhau. Thế nhưng, người già đi thì mắt mờ, tai điếc, cho nên tánh thấy, tánh nghe cũng có sự già chết. Theo đó mà suy xét thì biết thần thức cũng có sự sinh diệt.

Đáp: Mắt mờ tai điếc đều là do thân thể [suy yếu] mà ra, nào có liên quan gì đến tánh thấy, tánh nghe? Con mắt nhìn thấy, không phải tự nó có khả năng thấy, mà phải dựa vào tánh thấy mới có thể thấy; lỗ tai nghe tiếng, cũng không phải tự nó có thể nghe, mà phải dựa vào tánh nghe mới có thể nghe. Nếu cho rằng con mắt có thể tự nó nhìn thấy, ắt người chết còn tròng mắt cũng có thể thấy, và lúc nằm mộng thì con mắt nhắm, nên lẽ ra không thể nhìn thấy được đủ mọi hình tượng [trong mộng.] Nếu cho rằng lỗ tai có thể tự nó nghe được, ắt người chết vĩnh tai cũng có thể nghe, và lúc nằm mộng thân thể ở trên giường, lẽ ra không thể nghe được những âm thanh [trong mộng] ở những nơi xa xôi khác. Xét như vậy thì [tánh thấy, tánh nghe] làm sao có sự sinh diệt?

Hỏi: Nói rằng thể tánh không có sự sinh diệt, tôi đã tạm hiểu được, nhưng nói rằng thể tánh không có sự đến đi, tôi thật chưa hiểu được.

Đáp: [Nếu thấy có các pháp] chợt đến chợt đi, đó đều là do

tâm vọng tướng, không phải thể tánh chân thật. Chân tánh rộng lớn bao trùm cả hư không, cho đến thế giới đại thiên nằm trong thể tánh của ta bất quá cũng chỉ như bọt nước nổi trên mặt biển mênh mông mà thôi.

Hỏi: Sự báo ứng trong ba đường ác, cho đến việc thác sinh trong cõi nhân gian, nếu luận về hình tướng là do Diêm vương phán quyết, nhưng nếu luận về thể tánh thì đều do nghiệp đã tạo của mỗi người tự chiêu cảm lấy. Xin hỏi, như vậy thì điều nào đúng, điều nào sai?

Đáp: Nếu không vướng mắc bám chấp thì cả hai thuyết đều đúng, còn nếu vướng mắc bám chấp thì cả hai thuyết đều sai. Ví như vợ chồng cùng sinh ra một đứa con, nếu cả hai đều vô tâm, cho dù mỗi người đều nói rằng đó là con tôi sinh ra, cũng chẳng gây tổn hại gì. Nhưng nếu hai người khởi tâm sân hận tranh đoạt cùng nhau, mỗi người đều cho rằng đứa con là do mình sinh ra, không phải người kia sinh ra, khi ấy thì cả hai người đều sai cả.

NGUYÊN NHÂN RƠI VÀO CÁC ĐƯỜNG ÁC ¹

Hỏi: Các loài chim như uyên ương, am thuận, bồ câu..., do đời trước tạo nghiệp dâm dục nên đời này sinh làm loài chim [cũng nặng nghiệp dâm dục], nhưng loài chim nhận một khi mất bạn tình thì đến chết cũng không tìm con khác, có thể thấy rõ là đời trước không tạo nghiệp tà dâm, vậy vì sao phải đọa vào loài chim?

Đáp: Tà dâm chỉ là một trong mười nghiệp xấu ác. Cả mười nghiệp ấy đều có thể đưa đến việc đọa làm súc sinh. Như các loài uyên ương, am thuận, bồ câu [đều nặng tính dâm], đều

¹ Phán này có 10 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

do nghiệp tà dâm mà đọa vào loài súc sinh, nhưng nghiệp báo của loài chim nhận có thể là do những điều xấu ác khác. Trong luận Câu-xá có nói rằng: “Như người tạo nghiệp xấu ác phải đọa vào loài súc sinh thì mỗi người cũng đều có sự khác biệt. Nói chung thì nếu dâm dục nặng nề, sẽ đọa sinh làm các loài chim bồ câu, chim sẻ, chim uyên ương..., nếu sân hận nặng nề, sẽ đọa sinh làm các loài rắn rết, bọ cạp..., nếu nhiều si mê sẽ đọa sinh làm các loài dê, lợn, nghê, sò..., nếu nhiều kiêu mạn sẽ đọa sinh làm cạp, sói, sư tử..., nếu thường lăng xăng giễu cợt sẽ đọa sinh vào loài khỉ, nếu nhiều tham lam đố kỵ, sẽ đọa sinh làm loài chó đói.

Hỏi: Người tạo nghiệp xấu ác phải đọa nhập thai vào loài súc sinh, lúc ấy có tự biết được đó là súc sinh hay chẳng?

Đáp: Vào lúc ấy không thể tự chủ được.

Hỏi: Vì sao sau khi chết không thể tự chủ được?

Đáp: Thật ra, trong lúc sống cũng có bao giờ tự chủ được đâu? Cùng một cô mỹ nữ xinh đẹp, người tham dâm nhìn thấy thì tham luyến yêu mến vô vàn, người đàn bà ghen tuông nhìn thấy thì căm hận đến tận xương tủy. Hiện tại đã [bị ngoại cảnh sai sử như thế,] huống chi là sau khi chết?

Hỏi: Xưa có vị Thiên vương cõi trời Đao-lợi, tự biết mình tuổi thọ sắp hết, [theo nghiệp lực] sắp phải đọa làm con lừa, liền chí tâm quy y Tam bảo, [sau đó khi nhập vào thai lừa, lừa mẹ] liền lập tức bị sẩy thai, ngay khi ấy tái sinh trở lại vẫn làm Thiên vương.¹ Chuyện này phải giải thích thế nào?

Đáp: Vị ấy có phúc đức đời trước hết sức sâu dày, nên mới có thể thay đổi quay lại làm Thiên vương cõi trời. Nếu không, ắt [vào lúc nhập thai,] dù lừa mẹ ở trước mắt nhưng chỉ thấy như mỹ nữ, dù mùi phẩn uest hôi hám trong chuồng bốc lên, vẫn ngửi thấy như mùi hương chiên-đàn, [liên sinh tâm ưa thích.]

¹ Chuyện này được kể trong kinh Pháp cú dụ. (Chú giải của soạn giả)

Hỏi: Người đời số lượng rất đông, việc đời hết sức đa đoan phức tạp, nếu mỗi mỗi sự việc đều ghi chép chi ly thì dù cả núi mực cũng không đủ dùng. Diêm vương vì sao phải khổ công phí sức lo lắng, ghi chép những việc ấy?

Đáp: Hết thảy các pháp đều do tâm tạo. Tâm có thể tạo ra cung điện cõi trời, cũng có thể tạo ra cảnh địa ngục. Bên trong cung điện cõi trời có rất nhiều cảnh đẹp, nhưng hoàn toàn không phải do xây dựng mà có. Người tái sinh về cõi trời, tự nhiên có đủ tất cả để thọ hưởng. Dưới địa ngục có vô số hình cụ chi ly, cũng không phải do kiến tạo mà thành. Người bị đọa vào trong đó, tự nhiên có đủ tất cả rồi phải chịu khổ.

Hỏi: Lúc còn sống thì bao nhiêu nỗi đau đớn khổ não đều do có thân thể này nhận chịu. Sau khi chết không có thân thể thì còn ai chịu khổ?

Đáp: Đau đớn khổ não là ở nơi thần thức, không phải ở nơi thân xác. Nếu đau đớn là ở nơi thân xác, thì lẽ ra người chết cũng phải biết đau.

Hỏi: Người tạo nghiệp xấu ác tất nhiên phải chịu tội nặng, thế nhưng những ngục tốt, quý vương kia cũng hành hạ người cực kỳ độc ác, vậy họ phải chịu quả báo ở địa ngục nào?

Đáp: Nếu theo sự mà luận thì ngục tốt [ở thế gian] vâng lệnh [quan phủ] đánh người, chắc chắn không thể lại phải chịu tội đánh người. Còn theo lý mà luận thì tất cả ngục tốt, quý vương nơi địa ngục kia cũng đều từ trong tâm thức của tội nhân hóa hiện ra mà thôi.

Hỏi: Nếu địa ngục đã là cảnh giới thật có, lẽ ra nên khiến cho tất cả người đời đều được nhìn thấy, như thế họ mới có thể tin nhận.

Đáp: Người được nhìn thấy cảnh địa ngục thì khắp nơi đều có, chỉ tiếc là những người đã nhìn thấy rồi thì không thể quay về [để nói lại].

Hỏi: Đức Như Lai dùng một ngón chân nhấn xuống đất, khắp thế giới đại thiên liền hóa thành màu vàng ròng trang nghiêm. Chuyện này được kể trong kinh Duy-ma-cật. Với sức thần thông như vậy, sao ngài không phá tan hết địa ngục trong mười phương, giúp cho những chúng sinh đang chịu khổ địa ngục đều được sinh về cõi Phật?

Đáp: Bậc đại y vương cũng không thể chữa trị được những bệnh nhất định phải chết, không chữa trị được cho những người không chịu dùng thuốc. Những kẻ tạo nghiệp xấu ác là tự mình chiêu cảm quả báo khổ não, Bồ Tát không thể cứu cho họ được miễn tội. Cũng giống như kẻ nghèo khổ không có phúc đức, người giàu có cũng không thể thay họ ăn uống để khiến họ được no.

Hỏi: Nếu những nghiệp nhất định như thế đã không tránh được, thì pháp Phật cũng chẳng thể làm thay đổi gì. Thế nhưng trong Kinh điển thường luôn nói là “cứu độ vô lượng chúng sinh”, thế là nghĩa gì?

Đáp: Tất cả những khổ não của thế gian đều do nghiệp xấu ác mà thành. Khuyến người không tạo nghiệp ác để dứt trừ tận gốc mọi khổ não, như vậy chẳng phải là cứu độ hay sao?

NGUYÊN NHÂN THIẾT LẬP LỄ NGHI CƯỚI GÁ¹

Hỏi: Chuyện dâm dục nếu đã đứng đầu trong muôn điều xấu ác, bậc Thánh vương thời xưa khi cai trị lẽ ra phải ngăn tuyệt dứt sạch, thế nhưng vua Phục Hy lại bày ra chuyện mai mối để kết nối hai bên nam nữ, tác thành hôn nhân, như vậy là thế nào?

Đáp: Đó chính là vì muốn ngăn dứt sự dâm dục [hỗn loạn]

¹ Phần này có 8 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

trong thiên hạ. Nếu không thiết lập chuyện lễ nghi hôn nhân, ắt kẻ nam người nữ khắp trong thiên hạ, bất kể là ai cũng có thể làm chuyện dâm dục với nhau, giống như loài cầm thú, rồi khi sinh ra con cái, ắt cũng sẽ ruồng bỏ không nuôi dưỡng. Vì thế nên phải bày ra phương tiện, thiết lập lễ nghi phép tắc hôn nhân, để cho khắp trong thiên hạ, mỗi người đàn ông đều chỉ sống như vợ chồng với vợ của mình, phụ nữ cũng chỉ sống như vợ chồng với chồng của mình, cha mẹ đều có trách nhiệm biết nuôi dưỡng con cái, tất cả đều theo đúng một phép tắc như nhau mới không rối loạn.

Hỏi: Tại sao lại giao quyền tác hợp đôi bên nam nữ cho người mai mối?

Đáp: Thông qua mai mối là vì sợ có những kẻ xảo trá gian dối, vì muốn lấy người đẹp mà chê bỏ người xấu, tạo ra sự tranh giành lẫn nhau.

Hỏi: Vì sao phải thiết lập nhiều lễ nghi như vấn danh, nạp cát, thỉnh kỳ...?

Đáp: Vì sợ đời sau có những kẻ buông thả phóng túng dễ dàng ăn nằm hỗn tạp với nhau, nên phải bày ra những lễ nghi rõ ràng như thế [để buộc họ phải tuân theo].

Hỏi: Nguyên nhân ban đầu của việc thiết lập lễ nghi hôn nhân nay tôi đã rõ, nhưng không biết chuyện quan hệ nam nữ có nguồn gốc ban đầu từ lúc nào?

Đáp: Dựa theo kinh Khởi thế nhân bản¹ thì vào khi thế giới mới thành lập, tất cả chúng sinh đều từ nơi cõi trời Quang Âm đầu thai xuống, tự nhiên hóa sinh, không phải sinh ra từ bụng mẹ. [Khi ấy mặt đất ở cõi này sản sinh vật chất có vị ngọt như mật ong, chúng sinh ăn vào tự nhiên đầy đủ khí lực,] nhưng qua một thời gian dài tham ăn những thức ăn đó, hình dung sắc tướng chúng sinh dần dần thay đổi trở thành xấu xí, liền sinh

¹ Kinh Khởi thế nhân bản (起世因本經), tổng cộng 10 quyển, do ngài Đạt-ma Cấp-đa dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 1, kinh số 25.

ra những gân, mạch, xương, tủy... và bắt đầu phân chia thành hình tướng nam nữ khác nhau, sau đó mới khởi sinh tình dục. Đó chính là khởi nguyên ban đầu của chuyện quan hệ nam nữ.

Hỏi: Nho gia cho rằng tội bất hiếu có ba điều, trong đó không sinh con nối dõi là tội lớn nhất. Đức Phật lại dạy người lìa bỏ gia đình xuất gia tu đạo, hơn nữa còn hết sức chỉ rõ những điều nguy hại trong đời sống thế tục. Vì sao Nho giáo và Phật giáo, đôi bên lại khác biệt nhau như thế?

Đáp: [Nhìn từ góc độ thế gian thì] chỗ làm tốt đẹp của Nho giáo và Phật giáo tuy có khác biệt nhau, nhưng đôi bên cũng đều hướng đến việc giúp cho xã hội được yên ổn thịnh trị. Người đời căn cơ khí chất khác biệt nhau, có những chỗ Phật pháp không giáo hóa được mà Nho giáo có thể giáo hóa, lại có những chỗ Nho giáo không thể giáo hóa mà Phật giáo có thể giáo hóa. Vì thế, bậc thánh nhân của Tam giáo,¹ tuy đồng tâm hiệp lực [giáo hóa người đời], nhưng không thể không phân chia thành các phương diện khác nhau, mỗi đạo đều lập ra tông phái riêng, có phương thức giáo hóa riêng. Tên gọi tuy phân làm ba, nhưng thực chất cũng chỉ là một mà thôi.

Ví như ba vị lương y đều muốn trị bệnh cứu người, nhưng bệnh tật của người đời vốn nhiều khác biệt, nếu cả ba cùng học một phương pháp như nhau thì việc chữa trị sẽ không được rộng khắp. Lại ví như khi gặp nạn binh lửa, có ba vị trưởng giả đều muốn cứu dân ra khỏi thành, nếu cả ba cùng mở một cửa thành thì không thể cứu được nhiều người.

Cho nên, nếu có thể hết sức làm theo lời dạy của đức Khổng tử, ắt rằng đức Thích-ca nhìn thấy cũng vui. Nếu có thể hết sức làm theo lời dạy của đức Thích-ca, ắt đức Khổng tử nhìn thấy cũng vui. Nếu cho rằng phải làm theo đạo của ta mà tốt đẹp, ta mới hài lòng; không làm theo đạo của ta mà tốt đẹp, ta vẫn

¹ Tam giáo: chỉ Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo.

không hài lòng, như vậy ắt không thể là Phật, là thánh được.

Đời Tùy, Lý Sĩ Khiêm từng nói rằng: “Tam giáo như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và các tinh tú, không thể thiếu một trong số đó.”¹ Người đời sau đối với việc này tranh luận không thôi, chỉ bộc lộ ra chỗ hẹp hòi của chính mình mà thôi.

Hỏi: Có người nói rằng các vị thánh nhân như Phục Hy, Hoàng Đế... đều là các vị đại Bồ Tát ứng hiện hóa thân, không biết có đúng không?

Đáp: Cũng có thể có khả năng đó. Nhà làm cung giỏi thì con cái trước hết cho học làm các loại nia, sàng... Nhà luyện đúc kim khí giỏi thì con cái trước hết cho học làm áo lông cừu.² Trong đạo Phật có pháp quyền biến, có pháp xác thực, có pháp tiệm tu, có pháp đốn nhập. Là bỏ dục tình, xuất gia tu đạo, đó là pháp xác thực, đốn nhập. Lập gia đình, tại gia tu tập, đó là pháp quyền biến, tiệm tu. Ví như có người chưa thể ăn chay trường thì trước hết nên khuyên họ dùng ba loại thịt sạch.³ Các bậc thánh nhân của Tam giáo đều cùng một tâm này, cùng một lý này.

Hỏi: Ví như nhân loại ai ai cũng dứt tuyệt chuyện dâm dục, thì trăm năm sau ắt loài người không còn nữa, như thế thì sao?

Đáp: Trong cõi đời ô trược này, trai gái đến tuổi đôi mươi chưa kịp cưới gả thì đã lén lút nhìn nhau, chực đi theo nhau, làm sao có việc ai ai cũng dứt chuyện dâm dục? Chỉ cần ông tự nhìn lại mình xem, chỉ sợ đã không làm được như vậy, huống gì người khác? Như người chài lưới một ngày nghỉ không bắt cá, lại lo [sông nhiều cá] thuyền đi không thông, thật chẳng khác gì người nước Kỳ lo trời sập xuống.⁴

¹ Trích từ sách Tùy thư. (Chú giải của soạn giả)

² Câu này lấy ý từ sách Lễ ký, thiên Học ký, ngụ ý sự việc tuy khác biệt nhau nhưng có sự tương thông, như học làm nia, sàng thì giỏi uốn tre, sau đó mới có thể làm cung.

³ Ba loại thịt thanh tịnh (Tam tịnh nhục): Đó là thịt của con vật mà: 1. Mắt ta không nhìn thấy con vật ấy vì mình mà bị giết. 2. Tai không nghe người đáng tin nói rằng con vật ấy vì mình mà bị giết. 3. Không có bất cứ lý do gì để nghi ngờ rằng con vật ấy vì mình mà bị giết.

⁴ Xưa có người nước Kỳ vì lo trời có thể sập xuống mà bỏ ăn bỏ ngủ. Người sau dùng điển tích này để chỉ

Hỏi: Tuy nói thế, nhưng nếu quả thật có chuyện ấy xảy ra thì sao?

Đáp: Nếu quả được như vậy thì lúc đó khắp thế gian này sẽ đều giống như chư thiên hóa sinh, không còn phải sinh ra từ từ ngục bào thai nữa.

NGHI VẤN VỀ SÁM HỐI VÀ VÃNG SINH¹

Hỏi: Nếu đã lỡ tạo nghiệp dâm dục, nên đối trước bàn thờ Phật mà sám hối, hay nên dựa vào tự tâm mình mà sám hối?

Đáp: Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Việc đối trước bàn thờ Phật mà sám hối không hề ngăn ngại việc dựa vào tự tâm sám hối; dựa vào tự tâm sám hối cũng không ngăn ngại việc sám hối trước bàn thờ Phật. [Đâu nhất thiết phải chọn một trong hai?]

Hỏi: Những nghiệp dâm dục tạo ra trong đời này, tất nhiên cần sám hối để tiêu trừ. Nhưng với những nghiệp dâm dục đã tạo ra trong quá khứ [đời trước], mịt mờ không nhớ biết được thì cần gì phải sám hối?

Đáp: Tất cả chúng ta từ vô lượng kiếp đã qua cho đến hôm nay, bất kể là thọ thân bằng cách nào trong bốn cách sinh,² bất kể là thác sinh vào đâu trong sáu nẻo,³ mỗi mỗi đều đã trải qua vô số lần sinh ra như thế; đối với các tội ác nặng nề nghiêm trọng, mỗi loại đều đã tạo tác vô số lần. Nếu chỉ sám hối tội lỗi đời này mà không nghĩ đến quá khứ, chẳng phải là diệt cỏ mà

những người lo chuyện không đâu, tương tự như tục ngữ ta có câu: “Lo bò trắng răng.”

¹ Phần này có 7 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

² Bốn cách sinh (từ sinh): bao gồm thai sinh (sinh ra từ bào thai), noãn sinh (sinh ra từ trứng), thấp sinh (sinh ra từ điều kiện môi trường ẩm ướt) và hóa sinh (do biến hóa sinh ra). Tất cả chúng sinh đều sinh ra từ một trong bốn cách này.

³ Sáu nẻo, hay sáu đường (lục đạo): bao gồm tất cả các cảnh giới thuộc cõi trời (thiên), cõi người (nhân), cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

để lại gốc đó sao?

Hỏi: Đối với việc nhân quả thiện ác báo ứng, cha con cũng không thể chịu thay cho nhau. Nay sám hối tội lỗi của chính mình e còn chưa hết, lại vì tất cả chúng sinh mà sám hối, chẳng phải là nói quá lắm sao?

Đáp: Chỉ cầu lợi ích cho mình mà không nghĩ đến lợi ích cho người khác, đó là quan điểm của kẻ phàm phu. Tự mình chưa được giải thoát đã lo nghĩ đến việc cứu độ người khác, đó là tâm lượng Bồ Tát. Vua Vũ [lo nghĩ đến trong thiên hạ] có người chìm đắm như chính mình bị chìm đắm, có người đói khổ như chính mình bị đói khổ.¹ Khổng tử [từng nói ra chí nguyện của ngài là] mong cho khắp thiên hạ người già đều được sống yên vui, người trẻ tuổi nuôi dưỡng được hoài bão.² Phạm Trọng Yên [trong Nhạc Dương Lô Kỵ có viết rằng:] “Khi cần lo nghĩ thì lo trước thiên hạ, khi được vui sướng thì vui sau thiên hạ.”

Hỏi: Như vậy, dâm dục đúng là cội nguồn của sinh tử, không thể không dứt trừ. Tuy nhiên, pháp môn xuất thế là chuẩn bị cho đời sau, vậy đợi đến tuổi già hãy lo việc tu hành hẳn cũng chưa muộn.

Đáp: Việc đời nói chung, lo sớm thì nên chuyện, để muộn thì hỏng việc. Nếu đợi tuổi già mới bắt đầu tu tập, thật chẳng khác nào khi đói mới đi cày ruộng, lúc khát mới lo đào giếng. Huống chi người sống được cho đến tuổi già, trước mắt nhìn thấy cũng không nhiều. Người trong thiên hạ ai ai cũng bon chen bận rộn cho đến tận lúc tuổi già sức yếu, liệu được mấy người có thể sớm buông xả việc đời mà lo chuyện tu tập trước lúc chết?

Hỏi: Chúng sinh trong đời mạt pháp, thật nghèo khổ túng thiếu vô cùng, trong khi các cõi Phật thì lầu gác cung điện thảy đều bằng bảy món báu xinh đẹp trang nghiêm. Vì sao lại có sự

¹ Trích từ sách Mạnh tử, thiên Li lâu hạ.

² Trích từ sách Luận ngữ.

khác biệt bất đồng quá mức như vậy? Huống chi, đức Phật luôn xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng như con một của ngài, sao chẳng phân chia ơn huệ trong khắp mười phương, để tất cả chúng sinh đều cùng được thụ hưởng sự vui thú?

Đáp: Khổ vui khác biệt một trời một vực, đó là quả trong hiện tại, nhưng tạo ra quả hiện tại đó lại chính là do nhân quá khứ. Trong nhân quá khứ đó, hết thấy chúng sinh đều tạo nghiệp giết hại, chỉ riêng Bồ Tát tu tập từ bi; hết thấy chúng sinh đều đam mê sắc dục, chỉ riêng Bồ Tát tu tập hạnh thanh tịnh; hết thấy chúng sinh đều tham lam keo lặn, chỉ riêng Bồ Tát ưa thích bố thí. Việc làm thiện, ác đã khác xa nhau một trời một vực, không ai có thể làm thay cho nhau, thì quả báo khác biệt một trời một vực, cũng không ai có thể gánh chịu thay nhau. Ví như hai mắt vua Thuấn đều sáng, so ra để nhìn rõ thì có thừa, [cha vua Thuấn là] Cổ Tẩu bị mù, dù chỉ một mắt cũng thiếu. Vua Thuấn tuy là người đại hiếu, liệu có thể lấy bớt một mắt mà chia sẻ cho cha hay chăng?

Hỏi: Nhà tranh vách đất đơn sơ, đó là thể hiện tấm lòng yêu dân của Nghiêu, Thuấn; xây dựng cung vàng điện ngọc, chính là sự xa xỉ ác độc của Kiệt, Trụ. Đức Phật đã xem ba cõi như lao ngục, cần gì phải dùng đến bảy báu để trang nghiêm cõi nước?

Đáp: Một đàng là hút máu muôn dân để dựng xây xa xỉ, một đàng là quả lành của phúc đức ba đời. Đem hai điều ấy mà so với nhau, thật không thể xem như nhau được.

Hỏi: Cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, tất nhiên vượt trội muôn lần so với thế gian, nhưng cứ theo mô tả trong kinh, e rằng có sự thái quá. Nếu nhất nhất tin theo, chẳng phải là hoang đường lắm sao?

Đáp: Những gì người ta tin theo, bất quá chỉ là [trong phạm vi] mắt nhìn thấy, tâm suy tưởng. Những nơi mắt nhìn không thấu đã vội cho là hoang đường, huống chi những điều tâm suy tưởng không đến? Ví như con giun đất, chỉ biết ăn bùn trong phạm vi

một thước đất, đã lấy đó làm vui, đâu biết đến có rồng xanh nhào lộn ngoài biển lớn, vẩy vũng đập trên sóng nước? Lại như con bọ hung chỉ biết được niềm vui loanh quanh trong đồng phần uest, đâu biết đến cánh chim bằng tung bay cao xa ngoài vạn dặm, cuỡi mây lướt gió?

ĐỨC NHƯ LAI ỨNG HÓA¹

Hỏi: Người thế gian sinh ra đều từ nơi cửa mình người mẹ, Bồ Tát đản sinh ra đời từ hông bên phải, vì sao vậy?

Đáp: Người phàm có nhiều dục vọng nên sinh ra từ cửa mình người mẹ, Bồ Tát không có dục vọng nên sinh ra từ hông bên phải.

Hỏi: Trong ba cõi thì cao quý nhất là đấng Thiên đế, nhưng nói rằng khi đức Như Lai giáng sinh có Tứ thiên vương, Thiên tử cõi trời Đao-lợi, thấy đều cung kính đến hầu, như vậy có phải là đã quá phóng đại sự việc?

Đáp: Trong kinh nói đến sáu nẻo luân hồi, chư thiên cũng chỉ là một trong số đó.² Người đời đối với chư thiên cho rằng không còn ai cao quý hơn, nhưng đối với đức Phật thì chư thiên chẳng qua cũng chỉ là những chúng sinh phàm tục chưa thoát khỏi sinh tử. Vì thế, mỗi khi đức Như Lai thuyết pháp đều có vô số các vị thiên vương, Đế Thích cùng đến cung kính lễ bái, tiếp nhận sự chỉ bày những ý nghĩa nhiệm mầu.

Ở đây chỉ xin nêu sơ lược một vài điều, như trong kinh Hoa Nghiêm chép rằng: “Lúc bấy giờ, Thiên vương từ xa trông thấy đức Như Lai hiện đến, liền dùng thần lực hóa hiện ra hoa sen báu có tòa sư tử, cao trăm vạn tầng để trang nghiêm, lại có trăm vạn

¹ Phần này có 7 mục hỏi đáp. (Chú giải của soạn giả)

² Sáu nẻo luân hồi bao gồm cả chư thiên: 1. Cõi trời, 2. Cõi người, 3. Cõi a-tu-la, 4. Địa ngục, 5. Ngạ quỷ, 6. Súc sinh.

thiên vương đều cung kính đánh lễ.”

Kinh Bát-nhã¹ nói: “Khắp cõi thế gian, chư thiên, loài người, a-tu-la đều nên cúng dường [Phật].”

Kinh Đại Bảo Tích² chép: “Chư thiên tử ở cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Đao-lợi, đều ở trên hư không rải hoa cúng dường đức Như Lai.”

Kinh Liên Hoa Diện³ nói: “Thiên vương Đế-thích nhìn thấy đức Thế Tôn, lập tức bày tòa cao [thỉnh Phật lên ngôi], rồi đánh lễ dưới chân Phật.”

Kinh Phạm Võng⁴ chép: “Mười tám vị Phạm thiên, chư thiên ở sáu tầng trời thuộc cõi Dục, cùng mười sáu vị đại quốc vương, tất cả đều chí tâm chấp tay cung kính lắng nghe đức Phật thuyết giới luật Đại thừa.”

Kinh Viên Giác⁵ dạy rằng: “Lúc bấy giờ, Đại Phạm vương và hai mươi tám vị thiên vương liền từ tòa ngôi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật.”

Kinh Hiền Ngu Nhân Duyên⁶ nói: “Đế thích đứng hầu bên trái, Phạm vương đứng hầu bên phải [đức Phật].”

Kinh Phổ Diệu⁷ nói: “Phạm thiên đứng hầu bên phải, Đế

¹ Kinh Bát-nhã, tức kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa (大般若波羅蜜多經), tổng cộng 600 quyển, do ngài Huyền Trang dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 5, kinh số 220.

² Kinh Đại Bảo Tích (大寶積經), tổng cộng 120 quyển, do ngài Bồ-đề-luu-chi dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 11, kinh số 310.

³ Kinh Liên Hoa Diện (蓮華面經), 2 quyển, do ngài Na-liên-đề-da-xá dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 386.

⁴ Kinh Phạm Võng (梵網經), 2 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 24, kinh số 1484.

⁵ Kinh Viên Giác, tức kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa (大方廣圓覺修多羅了義經), 1 quyển, do ngài Phật-đà-đa-la dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 842.

⁶ Kinh Hiền Ngu Nhân Duyên, tức kinh Hiền Ngu (賢愚經), tổng cộng 13 quyển, do nhóm của ngài Huệ Giác dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 4, kinh số 202.

⁷ Kinh Phổ Diệu (普曜經), tổng cộng 8 quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 3, kinh số 186.

thích đứng hầu bên trái [đức Phật].”

Kinh Tào Tượng¹ nói: “Phạm thiên cầm lọng trắng đứng hầu bên phải, Đế thích cầm phất trần màu trắng đứng hầu bên trái [đức Phật].”

Kinh Pháp Hoa² nói rằng: “Các vị Đại Phạm Thiên vương cúi đầu và mặt xuống lễ Phật, rồi đi nhiễu quanh ngài trăm ngàn vòng cung kính.”

Những trích dẫn từ Kinh điển như thế nhiều không kể xiết. Nếu như phước đức của Như Lai quả thật không sánh bằng chư thiên, ắt trong Kinh điển không thể có những lời xưng tán như thế, mà Phạm vương, Đế thích cũng không dễ chấp nhận cho những Kinh điển ấy được lưu hành rộng rãi.

Hỏi: Kinh Ngọc Hoàng nói rằng: “Thiên đế thuyết pháp, đức Phật đến nghe và tiếp nhận.” Điều đó lẽ nào không đúng sao?

Đáp: Kinh điển của Như Lai do chính đức Phật tuyên thuyết, ngài A-nan kết tập, dù một lời cũng không sai dối. Kinh “Ngọc Hoàng” đó, không phải do chính Ngọc đế viết ra [chưa đáng để tin], hơn nữa tuy không khỏi có ý muốn tôn sùng Ngọc đế nhưng lại không biết ai là người tôn quý nhất. Ông chưa từng nghe đức Phật dạy về phước đức cao quý nhất hay sao? [Đức Phật dạy rằng:] Nếu cộng lại tất cả phước đức của những người có phước đức cao quý nhất ở cõi người, cũng không bằng một vị thiên nhân ở cõi trời Tứ vương. Nếu cộng tất cả phước đức của những vị có phước đức cao quý nhất ở cõi trời Tứ vương, cũng không bằng một vị thiên nhân ở cõi trời Đao-lợi. Ngọc đế chính là Thiên vương ở cõi trời Đao-lợi. Từ cõi trời Đao-lợi trở lên, mỗi một tầng trời cao hơn [thì phước đức] càng thù thắng

¹ Kinh Tào Tượng, tức kinh Phật Thuyết Đại Thừa Tào Tượng Công Đức (佛說大乘造像功德經), 2 quyển, do ngài Đế-vân Bát-nhã dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 16, kinh số 694.

² Kinh Pháp Hoa, tức kinh Diệu Pháp Liên Hoa (妙法蓮華經), tổng cộng 7 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 9, kinh số 262.

hơn, trải qua bốn tầng trời cao hơn như vậy, lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, vẫn thuộc về cõi Dục. Từ cõi trời Tha Hóa Tự Tại lên cao hơn nữa, mỗi một tầng trời cao hơn [thì phước đức] càng thù thắng hơn, trải qua mười tám tầng trời cao hơn như vậy, lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, thuộc về cõi Sắc. Từ cõi trời Sắc Cứu Cánh lên cao hơn nữa, mỗi một tầng trời cao hơn [thì phước đức] càng thù thắng hơn, trải qua bốn tầng trời cao hơn như vậy, lên đến cõi trời Phi Phi Tướng, thuộc về cõi Vô Sắc. Cho dù lên đến tận cõi trời ấy, tất cả chư thiên cũng vẫn còn là phàm phu chưa ra khỏi luân hồi.

Lại xét đến trong các bậc thánh xuất thế, có các thánh Thanh văn Tiểu thừa, từ thánh quả Tu-đà-hoàn lên đến thánh quả A-la-hán, cả thảy có bốn bậc.¹ Lại xét lên cao hơn thì có các vị Duyên giác, Độc giác. Lại xét cao hơn nữa, tức là các địa vị của hàng Bồ Tát, có Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng v.v... gồm nhiều tầng bậc, mỗi tầng đều có mười quả vị. Lên cao hơn nữa thì chúng nhập Bồ Tát Sơ địa, tức Hoan hỷ địa, dần lên đến Pháp vân địa, lại cũng trải qua mười bậc chên lệch. Sau đó mới lên đến được bậc Đẳng giác, rồi Nhất sinh bổ xứ, ấy là sắp sửa thành Phật. Đức Phật được xưng là bậc Đại Pháp Vương Vô Thượng, vì không còn ai có thể cao quý hơn được nữa. Làm sao có chuyện Ngọc Hoàng thuyết pháp mà đức Phật lại đến nghe và tiếp nhận? Đại sư Liên Trì trong Chánh Hóa Tập có bàn đến vấn đề này rất chi tiết, rõ ràng.

Hỏi: Đức Như Lai đản sanh [tại Ấn Độ] vào khoảng đời Chu Chiêu Vương [tại Trung Hoa], đến thời đại của Khổng tử thì Phật pháp đã lưu hành ở Ấn Độ được năm trăm năm rồi, vì sao Khổng tử không được nghe khái lược gì về Phật pháp?

Đáp: Khổng tử thật có nghe qua về Phật pháp rồi. Có lần Thái Tể hỏi Khổng tử rằng: “Phu tử có phải bậc thánh chăng?”

¹ Bốn bậc được nói ở đây tức là bốn thánh quả từ thấp lên cao, bao gồm: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Khổng tử đáp: “Bậc thánh thì ta không dám.” Lại hỏi Tam vương, Ngũ đế [có phải bậc thánh không], Khổng tử đều không đáp. Thái Tể kinh sợ thưa hỏi: “VẬY ai mới là bậc thánh?” Khổng tử nghiêm sắc mặt giây lát, nói: “Ta nghe rằng về phương tây có bậc đại thánh nhân, không cần cai trị mà người đời không loạn, không cần nói ra mà người đời tự tin theo, không cần giáo hóa mà người đời tự làm theo, oai nghi thánh đức mệnh mông trùm khắp mà người đời không biết gọi tên là gì.” Chuyện này chép trong sách Liệt tử, thiên Trọng Ni. Sao có thể nói là Khổng tử không nghe biết về Phật pháp?

Hỏi: Đạo Phật vào thời Hán Minh Đế mới được truyền đến Trung Hoa, Khổng tử do đâu được nghe biết?

Đáp: Khi đức Như Lai giảng sinh thì ở Trung Hoa cũng có điềm báo. Vào đời Chu Chiêu Vương năm thứ 26 (bản trong dân gian¹ chép là năm thứ 24), là năm Giáp Dần, ngày mồng tám tháng tư, mặt trời xuất hiện nhiều vầng sáng bao quanh, có mây lành năm sắc, bay vào tận trong cung nội, hào quang chiếu khắp về hướng tây, mặt đất chấn động nhiều lần, nước trong ao, giếng đều tự nhiên dâng lên đầy tràn ra bên ngoài. Chiêu Vương sai quan Thái sử là Tô Do bói quẻ, được quẻ Càn, hào cửu ngũ,² Tô Do tâu lên rằng: “Đây là điềm báo ở phương tây có bậc thánh nhân giảng trần, sau một ngàn năm nữa, giáo pháp của ngài sẽ truyền đến phương này.” Chiêu Vương liền sai khắc sự việc ấy vào bia đá, đặt ở phía trước đền Nam giao.³ Như vậy, những lời Khổng tử nói ra ắt đều có duyên do, chỉ có điều vì giáo pháp chưa được truyền đến phương đông này, nên chỉ nói một cách đại lược thôi.

¹ Nguyên tác dùng phương bản (坊本). Các sách ngày xưa khi được khắc in chia thành 2 loại. Do triều đình chính thức bỏ tiền khắc in gọi là chính bản. Do tư nhân tự bỏ tiền khắc in rồi lưu hành, gọi là phương bản, tức là bản in của dân gian.

² Trong phân giải thích về quẻ Càn, cửu ngũ, Khổng tử có nói: “聖人杳而萬物睹 - Thánh nhân tác nhi vạn vật đồ.” (Thánh nhân ra đời vạn vật trông theo.)

³ Những chuyện này được trích từ sách Chu thư dị ký và Bạch Mã tự bi ký. (Chú giải của soạn giả)

Hỏi: Xưa nay những gì ghi chép trong Lục kinh¹ mới có thể dùng làm chỗ y cứ. Sách Liệt tử [không nằm trong Lục kinh] sao có thể tin được?

Đáp: Những gì Khổng tử thuyết giảng trong suốt một đời, được ghi chép truyền lại đến đời sau, bất quá trăm ngàn phần chỉ còn được một, làm sao có thể nói rằng tất cả đều được ghi chép trong Lục kinh? Liệt tử quả thật là người học làm theo Khổng tử, sống cách thời đại Khổng tử không xa lắm,² nên lời nói của ông không thể không có căn cứ. Do đâu ông ta lại có thể biết được rằng mấy trăm năm sau đạo Phật sẽ truyền đến xứ này mà dự báo? Hơn nữa, sao không nói đến phương hướng nào khác, lại đúng là phương tây, [nơi đức Phật đản sinh]?

Hỏi: Đời thượng cổ không có Phật, nhưng đời sau đều xưng tụng thời ấy là thái bình, yên ổn. Đời sau này được biết có Phật, ngược lại phong hóa đạo đức ngày càng suy đồi. Như vậy thì đạo Phật nào có ích lợi gì cho dân, cho nước?

Đáp: Chư Phật ra đời chính là vì muốn cứu độ chúng sinh thời suy mạt. Ví như vì thấy tối tăm nên mới thắp đèn, không phải do việc thắp đèn làm khởi sinh sự tối tăm. Thiên hạ loạn lạc, thảy đều là do những kẻ hung hăng, dâm loạn, bạo ngược, hoàn toàn không tin Phật pháp. Đã từng thấy có người nào ăn chay bỏ rượu mà làm việc giết người cướp của, hoặc có ai đã gửi thân vào tự viện mà làm việc giết vua soán ngôi hay chưa? Lưu Tống Văn Đế từng nói rằng: “Nếu như cả nước đều được sự cảm hóa của Phật pháp, ắt ta có thể ngồi yên mà hưởng thái bình.”³ Đường Thái Tông đích thân viết lời tựa cho Tam tạng Thánh giáo,⁴ hết lòng tôn sùng, nói với hầu cận rằng: “Phật pháp rộng

¹ Lục kinh: chỉ sáu bộ sách chính thống của Nho gia, bao gồm Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc và Kinh Xuân Thu.

² Liệt tử, tức tác giả của sách Liệt tử, tên là Liệt Ngự Khấu. Tuy không có tư liệu nào nói chắc chắn về năm sinh năm mất của ông, nhưng theo các dữ kiện được ghi chép về một số nhân vật tương quan cùng thời với ông, người ta đoán rằng ông có thể đã sống vào khoảng hơn 100 năm sau Khổng tử.

³ Trích từ sách Tống thư. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Cách gọi trang trọng, chỉ ba tạng Kinh điển của Phật giáo, bao gồm Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

sâu không gì hơn được.” Khi Pháp sư Huyền Trang viên tịch, Đường Cao Tông than rằng: “Ta đã mất đi một quốc bảo.” Vua đau đớn than khóc, trong năm ngày liền sau đó không thiết triều. Đường Huyền Tông được nghe Pháp sư Thần Quang nói về ân đức của Phật đối với chúng sinh, xúc động than rằng: “Ân đức của Phật rộng sâu mênh mông như thế, nếu không nhờ Pháp sư giảng giải thì không thể nào hiểu thấu, nay ta xin phát nguyện đời đời kiếp kiếp kính ngưỡng vâng theo Phật pháp.” Vào triều Tống, các vua như Tống Thái Tổ, Tống Thái Tông, Tống Chân Tông, Tống Nhân Tông, Tống Cao Tông, Tống Hiếu Tông, tất cả đều quy hướng về đạo Phật, tinh cần nghiên cứu chuyên sâu Giáo pháp, hoặc đích thân đến chùa lễ Phật, hoặc cung thỉnh chư tăng vào tận cung cấm thuyết pháp để được học hỏi đạo pháp.¹ Vì thế nên từ xưa đến nay, những người có trí tuệ đa phần đều quy hướng theo Phật pháp.

Về những người tin sâu pháp thiền, trong quá trình tu tập hành trì lại thật sự có chỗ chứng ngộ, xin lược kể một số người như: Hứa Huyền Độ (tức Hứa Tuân), Lưu Di Dân (tức Lưu Trình Chi), Chu Đạo Tổ (tức Chu Tục Chi), Lôi Trọng Luân (tức Lôi Thứ Tông), Tôn Thiệu Văn (tức Tôn Bính), Trầm Hưu Văn (tức Trầm Uớc), Tống Quảng Bình (tức Tống Cảnh), Vương Ma Cật (tức Vương Duy), Vương Hạ Khanh (tức Vương Tấn), Đỗ Hoàng Thường (tức Đỗ Hồng Tiệm), Bạch Lạc Thiên (tức Bạch Cư Dị), Lý Tập Chi (tức Lý Cao), Bùi Trung Lập (tức Bùi Độ), Bùi Công Mỹ (tức Bùi Hưu), Lữ Thánh Công (tức Lữ Mông Chính), Lý Văn Tĩnh (tức Lý Hàng), Vương Văn Chính (tức Vương Đán), Dương Đại Niên (tức Dương Ưc), Duẫn Sư Lỗ (tức Duẫn Thù), Phú Trịnh Công (tức Phú Bật), Văn Lộ Công (tức Văn Ngạn Bác), Dương Thứ Công (tức Dương Kiệt), Vương Mẫn Trọng (tức Vương Cổ), Triệu Thanh Hiến (tức Triệu Biện), Chu Liêm Khê

¹ Chi tiết những chuyện này có thể xem trong các sách sử thời Đường, Tống, như Kê cổ lược, Văn hiến thông khảo, Bắc sơn lục, Trịnh cảnh trọng gia tập v.v... (Chú giải của soạn giả)

(tức Chu Đôn Di), Thiệu Nghiêu Phu (tức Thiệu Ung), Trương An Đạo (tức Trương Phương Bình), Hoàng Lỗ Trục (tức Hoàng Đình Kiên), Trần Oánh Trung (tức Trần Quán), Trương Vô Tận (tức Trương Thương Anh), Trương Tử Thiều (tức Trương Cửu Thành), Trương Đức Viễn (tức Trương Tuấn), Vương Hư Trung (tức Vương Nhật Hưu), Phùng Tế Xuyên (tức Phùng Tiếp), Lữ Cư Nhân (tức Lữ Bản Trung), Lưu Bình Sơn (tức Lưu Tử Huy), Lý Hán Lão (tức Lý Bính)...

Về những người kính ngưỡng Phật pháp, thấu hiểu giáo lý đạo Phật, thì có những vị như: Dương Thúc Tử (tức Dương Hồ), Vương Mậu Hoàn (tức Vương Đạo), Tạ An Thạch (tức Tạ An), Hà Thứ Đạo (tức Hà Sung), Vương Dật Thiểu (tức Vương Hi Chi), Vương Văn Độ (tức Vương Thản Chi), Tạ Khang Lạc (tức Tạ Linh Vận), Chủ Quý Dã (tức Chủ Bâu), Tiêu Thời Văn (tức Tiêu Vũ), Phòng Kiều Niên (tức Phòng Huyền Linh), Đỗ Khắc Minh (tức Đỗ Như Hối), Ngụy Nguyên Thành (tức Ngụy Chỉnh), Ngu Bá Thí (tức Ngu Thế Nam), Chủ Đăng Thiện (tức Chủ Toại Lương), Nhan Lỗ Công (tức Nhan Chân Khanh), Lý Thái Bạch (tức Lý Bạch), Lý Nghiệp Hầu (tức Lý Bí), Liễu Tử Hậu (tức Liễu Tông Nguyên), Lý Tuấn Chi (tức Lý Bột), Khấu Lai Công (tức Khấu Chuẩn), Phạm Văn Chính (tức Phạm Trọng Yên), Hàn Ngụy Công (tức Hàn Kỳ), Đỗ Kỳ Công (tức Đỗ Diễn), Tăng Minh Trọng (tức Tăng Công Lượng), hai anh em họ Tô là Tô Thúc và Tô Triệt, Lữ Hối Thúc (tức Lữ Công Trước), Uông Ngạn Chương (tức Uông Tảo), Lý Bình Sơn (tức Lý Chi Thuần), Trương Kính Phu (tức Trương Thúc), Lữ Đông Lai (tức Lữ Tổ Khiêm), Lưu Tĩnh Trai (tức Lưu Mật)...

Về những bậc tài danh đức độ đáng tôn kính trong thời đại gần đây,¹ có những vị như: Triệu Tùng Tuyết (tức Triệu Mạnh Phủ), Tống Cảnh Liêm (tức Tống Liêm), Chu Tuân Như (tức Chu Thâm), Từ Đại Chương (tức Từ Nhất Quy), La Niệm Am

¹ Túc thời đại của tiên sinh An Sỹ.

(tức La Hồng Tiên), Đường Kinh Xuyên (tức Đường Thuận Chi), Triệu Đại Châu (tức Triệu Trinh Cát), Lục Bình Toàn (tức Lục Thọ Thanh), Lục Ngũ Đài (tức Lục Quang Tổ), Ân Thu Minh (tức Ân Mai), Tiết Quân Thái (tức Tiết Huệ), Vương Yểm Châu (tức Vương Thế Trinh), Tôn Tử Tương (tức Tôn Thần), Đặng Định Vũ (tức Đặng Dĩ Tán), Phùng Cự Khu (tức Phùng Mộng Trinh), Ngu Trường Nhụ (tức Ngu Thuần Hi), ba anh em nhà họ Viên là Viên Tông Đạo, Viên Hoàn Đạo, Viên Trung Đạo, hai anh em nhà họ Đào (Đào Vọng Linh, Đào Thích Linh), Tiêu Y Viên (tức Tiêu Hoàn), Hoàng Thận Hiên (tức Hoàng Huy), Vương Vũ Thái (tức Vương Khảng Đường), Chung Bá Kính (tức Chung Tinh)...

Về những vị đạo cao đức trọng được người đời xưng tụng thì có những vị như Bạch Sa (tức Bạch Hiến Chương), Dương Minh (tức Dương Thủ Nhân)...

Về những vị có thể đứng ra làm tông chủ đạo học, giảng bày chỉ dạy phù hợp với tông chỉ thiền môn, chính thức được truyền thừa thì có các vị như Vương Long Khê (tức Vương Kỳ), La Cận Khê (tức La Nhữ Phương), Chu Hải Môn (tức Chu Nhữ Đăng), Dương Trinh Phục (tức Dương Khởi Nguyên)... Họ đều là những người đối với Phật pháp có sự nghiên cứu và thể nhập sâu xa.

Ôi, nếu như pháp Phật không phải là phương tiện tối thượng chân chánh, giúp ích cho việc giáo hóa trị an, thì làm sao có thể được những bậc hiền nhân đức độ khâm phục, kính cẩn tin theo nhiều như thế?¹ Những ai tu tập rần rứa dâm dục, mong muốn vượt qua con sóng dữ trong bể ái ân, quả thật không thể không lưu tâm đến điều này.

¹ Những sự tích trên có thể tìm xem trong 21 bộ chính sử cùng các văn tập, ngữ lục. (Chú giải của soạn giả)

LỜI BẠT

Những sách khuyến thiện mà người đọc vừa xem qua đã cau mày khó chịu, ắt không thể lưu hành rộng rãi, truyền lại về sau; nhưng vừa mở sách ra đã khiến người ta tán thưởng ngay, ắt cũng không thể truyền lại về sau. Vì sao vậy? Một đằng vì quá thâm sâu uyên áo, một đằng lại quá thô thiển cạn cợt, đều khó được người xem chấp nhận lâu dài.

Sách này của thầy tôi, tuy hướng đến sự răn ngừa dâm dục, nhưng lại hết sức chân thành muốn giúp người vượt thoát sinh tử, e rằng cũng là quá thâm sâu uyên áo. Tuy nhiên, hằng ngày vào những lúc thanh vắng yên tĩnh, nếu đem mỗi lo sinh tử ra mà tự vấn lòng mình, hẳn là ai ai trong chúng ta cũng không thoát khỏi. Với cái tâm niệm biết mình không thoát khỏi như thế mà mang sách này ra nghiền ngẫm lại, ắt sẽ thưởng thức được những điều thú vị, sau đó mới hiểu ra được chỗ học thức sâu rộng cùng với tâm từ bi chí thiết của người soạn sách. Đến lúc ấy thì những kẻ trước đây cau mày ắt cũng đều sẽ hân hoan tán thưởng. Cho nên, sách này hiện nay đang lưu hành hết sức rộng rãi, mà trong tương lai rồi cũng sẽ được khắc bản lưu truyền không dứt, đó là điều có thể đoán chắc được.

Viết tại Ngu sơn

Môn đệ là Trần Tuyên Thánh Lai thị

Kính cẩn bái lạy ghi lại

THUẬT NGỮ PHẬT HỌC TRONG SÁCH NÀY ¹

a-bàng: ngục tốt nơi địa ngục, dịch nghĩa là “vô từ” (không có lòng từ).

A-di-đà Phật: đức Phật A-di-đà. Phạm ngữ “a” dịch nghĩa là “vô”, “di-đà” dịch nghĩa là “lượng”. Vì đức Phật này hào quang chiếu sáng qua vô lượng thế giới, thọ mạng kéo dài qua vô lượng kiếp, phúc đức cũng là vô lượng, nên xưng danh là Phật A-di-đà.

A-nan: tên một vị đệ tử Phật, dịch nghĩa là “khánh hi”, cũng dịch là “hoan hi”. Ngài sinh vào ngày Phật thành đạo, nên đặt tên như vậy. Ngài A-nan là con vua Học Phạn, em họ của đức Phật.

An-đà: tên một nước nằm gần Ấn Độ thời cổ.

a-tu-la: tên một cõi trong sáu cõi luân hồi, dịch nghĩa là “vô đoan chính”, vì chúng sinh ở cõi này, nam nhân xấu xí, nữ nhân đoan chính xinh đẹp. Cũng gọi là “phi thiên”, vì chúng sinh cõi này có phúc nhưng không có đức giống như chư thiên. Cũng gọi là “vô tửu”, vì chúng sinh cõi này chung cất rượu không được, khởi tâm sân hận thể không uống rượu.²

A-xà-thế: (*Ajātasatru*) tên vị thái tử con vua Bình Sa (tức Tần-bà-sa-la), dịch nghĩa là “vị sinh oán”, nghĩa là mối oán cừu từ lúc chưa sinh ra.

Bắc Câu-lô châu: cõi thế giới nằm về phía bắc núi Tu-di. Người dân ở châu này đều có tuổi thọ trung bình đến ngàn tuổi, trong lòng mong muốn có y phục hay thức ăn, đều tùy ý có được đầy đủ. Sau khi mạng chung ở cõi này đều được sinh về cõi trời.

¹ Trong phần thuật ngữ này, chúng tôi không chỉ chuyển dịch nguyên tác, mà thỉnh thoảng cũng bổ sung thông tin ở những chỗ xét thấy cần thiết, để giúp độc giả thuận tiện hơn khi tra cứu. Ngoài ra, chúng tôi cũng sắp xếp lại tất cả thuật ngữ theo thứ tự bảng chữ cái để dễ dàng tra tìm, thay vì phân chia các thuật ngữ theo ba quyển như trong nguyên tác.

² Về ý nghĩa “vô tửu”, chúng tôi thấy có phần gượng ép. Đại từ điển Phật Quang có đề cập đến nghĩa này và cũng ngờ là xưa kia đã nhầm lẫn khi chuyển dịch: “舊譯不酒，不飲酒，或係誤譯 - Cựu dịch bất tửu, bất ẩm tửu, hoặc hệ ngộ dịch.” (Cách dịch cũ là “bất tửu”, “bất ẩm tửu”, e rằng đã dịch nhầm lẫn.)

bà-la-môn: dịch nghĩa là “tịnh hạnh”, hạnh thanh tịnh, trong sạch, thường chỉ hàm ý là không làm việc dâm dục. Đây là một trong bốn giai cấp của Ấn Độ thời cổ. Xem chi tiết trong kinh Trường A-hàm, kinh Tứ tánh.¹

ba-la-xoa: tên một loài hoa, cũng đọc là tất-lợi-xoa, dịch nghĩa là “vô ưu”.

bát bộ: tám bộ chúng, bao gồm: trời (thiên), rồng (long), dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la và ma-hầu-la-già.

bát công đức thủy: loại nước có đủ tám công đức, gồm: 1. Trùng tịnh: lắng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuyễn: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não; 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn.

bát khổ: tám nỗi khổ trong cuộc đời mà hầu hết chúng sinh đều phải trải qua, gồm: sinh ra, già yếu, bệnh tật, cái chết, thương yêu phải chia lìa, oán ghét phải gặp nhau, mong cầu không đạt được, năm ấm không hài hòa.

bát nan:² tám hoàn cảnh khó tu tập theo Phật pháp. Một là địa ngục, hai là ngã quý, ba là súc sinh, bốn là sinh nơi vùng biên địa, năm là sinh về cõi trời trường thọ, sáu là làm người không đủ các căn, bảy là sinh vào nhà tà kiến, tám là sinh vào thời không có Phật ra đời. Có nơi giải thích thay cõi trời trường thọ là châu Bắc Câu-lô, vì cõi này cũng sống đến cả ngàn năm, nhưng giải thích như vậy là sai lầm. Có thể xem trong kinh Đại Bát-nhã, kinh Giác lượng thọ mạng.³

¹ Trong các bản Đại tạng thời Nguyên, Minh đều là kinh Tứ tánh, tương đương với bản Đại Chánh tạng là kinh Trường A-hàm, quyển 6 (trong 22 quyển), thuộc Tập 1, kinh số 1, trang 36, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 25, có tên là kinh Tiểu duyên.

² Có nhiều người gọi đây là tám nạn. Chữ 難 có thể đọc là nan hay nạn, nhưng nghĩa có khác nhau. Nếu hiểu đây là tám nạn, thì việc sinh về cõi trời trường thọ mà gọi là “nạn” e không ổn, chỉ có thể hiểu đó là một hoàn cảnh khó tu tập Phật pháp, nên mang nghĩa “nan” (khó khăn) thì thích hợp hơn.

³ Kinh Giác lượng thọ mạng, tức Phật thuyết Giác lượng thọ mạng kinh (佛說較量壽命經), 1 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 17, kinh số 759.

bát Nê-hoàn: tức bát Niết-bàn. Xem ở mục bát Niết-bàn.

bát niệm: tám điều niệm tưởng, tức là thường nhớ nghĩ đến, bao gồm: niệm Phật, niệm Chánh pháp, niệm Tăng-già, niệm giới luật, niệm buông xả, niệm chư thiên, niệm hơi thở ra vào, niệm cái chết.

bát quan trai: tức tám giới, dành cho người tại gia, có thể thọ trì chỉ trong vòng một ngày đêm. Nếu muốn thọ trì nhiều ngày thì phải mỗi ngày đều thọ giới, xả giới. Người thọ giới rồi phải quyết tâm giữ trọn thời gian, không được phạm giới. Nếu có thể trì giới này hoàn toàn thanh tịnh, tuy chỉ trong một ngày đêm nhưng nhờ công đức ấy nhất định có thể tái sinh về cõi trời.

bát thập tùy hình hảo: tám mươi vẻ đẹp, hay tám mươi tướng phụ. Xem chi tiết về các tướng này trong các kinh Hoa nghiêm, Đại Bát-nhã, Tam muội hải.

bát vương: tám ngày phân tiết trong năm theo âm lịch, bao gồm: lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông và đông chí.

Ba-tuần: tên gọi của Ma vương, cũng đọc là Ba-ti-dạ, dịch nghĩa là “cấp ác”.

Bồ Tát: danh xưng đầy đủ là Bồ-đề-tát-đoà, dịch nghĩa là “giác hữu tình”. Vì cũng tu chứng như Phật nên gọi là “giác”, nhưng chưa dứt hết vô minh nên gọi là “hữu tình”. Theo một nghĩa khác, “hữu tình” chỉ tất cả chúng sinh, Bồ Tát dùng chánh đạo giáo hóa giác ngộ chúng sinh nên gọi là “giác hữu tình”.

Bồ xứ chi tôn: Phạm ngữ là A-duy-nhan, dịch nghĩa là “nhất sinh bồ xứ”, hàm nghĩa vị Bồ Tát chỉ còn một lần giáng sinh là sẽ thành Phật.

bồ-đề: dịch nghĩa là “giác”, nghĩa là tỉnh thức, giác ngộ.

Ca-diếp Phật: dịch nghĩa là “ấm quang”, là thầy của đức Phật Thích-ca, là vị Phật thứ ba trong một ngàn vị Phật của Hiền kiếp.

Câu-thiểm-di: tên nước, cũng đọc là Kiêu-thường-di, thuộc miền

trung Ấn Độ cổ đại.

Câu-thi-na thành: dịch nghĩa là “giác thành”, vì thành này có hình tam giác.

Chánh giác: dịch từ Phạm ngữ là tam-bồ-đề. Tu tập thành tựu quả Phật gọi là thành Chánh giác.

chân-thúc-ca: dịch nghĩa là màu đỏ thắm.

Chuyển luân thánh vương: cũng gọi là Luân vương, có bốn hạng. Kim luân vương, cai trị bốn cõi thiên hạ; Ngân luân vương, cai trị ba cõi thiên hạ; Đồng luân vương, cai trị hai cõi thiên hạ; Thiết luân vương, cai trị chỉ một cõi Diêm-phù-đề.

Cù-đa-ni: cũng đọc là Cù-da-ni, dịch nghĩa là “ngưu hóa”, tức châu Tây Ngưu Hóa, là một cõi đất rộng tám ngàn do-tuần.

cửu phẩm vãng sinh: chín phẩm vãng sinh. Người tu tập pháp môn Tịnh độ được vãng sinh chia làm ba phẩm là Thượng phẩm, Trung phẩm và Hạ phẩm, mỗi phẩm lại chia thành ba bậc là thượng sinh, trung sinh và hạ sinh, cộng tất cả thành chín phẩm vãng sinh. Ý nghĩa này được giải thích rõ ràng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Cưu-ma-la-thập: tên một vị đại sư dịch giả, dịch nghĩa là “đồng thọ”. Ngài là người Ấn Độ, con vua Quy Tư. Vào đời vua Phù Kiên của nhà Tiền Tần, niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ 9, tức là năm 373 theo Tây lịch, quan Thái sử xem thiên văn tâu lên vua có bậc hiền đức xuất hiện ở nước ngoài, nhân đó vua cho người thỉnh ngài đến Trung Hoa.

Dạ-ma thiên: gọi đầy đủ là Tu-dạ-ma, dịch nghĩa là “thiện thời phân”, là cõi trời nằm trên cõi trời Đao-lợi.

Đao-lợi Thiên vương: tức là vị Thiên chủ Đế-thích, hay Thích-đề hoàn nhân. Trong kinh Niết-bàn có kể ra đến mười một danh xưng của vị này.

Đao-lợi thiên: cõi trời Đao-lợi, dịch nghĩa là “tam thập tam thiên” (cõi trời Ba mươi ba), nằm trên cõi trời Tứ vương, là nơi cư trú của Đế

thích. Cõi trời này có ba mươi hai vị tiểu thiên tử trụ ở 8 phương, cùng vị thiên chủ ở trung tâm hợp thành số ba mươi ba, nên gọi tên như vậy, không phải là có ba mươi ba tầng trời từ dưới tính lên.

Đâu-suất thiên: cõi trời Đâu-suất, gọi đầy đủ là Đâu-suất-đà, dịch nghĩa là “diệu túc”, là cõi trời nằm trên cõi trời Dạ-ma.

địa vị: đất có mùi vị. Vào lúc thế giới ban sơ mới hình thành, vật chất được sinh ra trên mặt đất có hình trạng sền sệt như sữa đun sôi cô đặc lại, mùi vị ngon ngọt như mật ong. Chúng sinh khi ấy dùng dạng vật chất này làm thức ăn, không bao giờ phải đói thiếu.

Diêm-phù-đê: tên gọi đầy đủ là Diêm-phù-na-đê, vốn là tên của một loài cây, dịch nghĩa là “tinh kim”, vì dưới cây này có vàng nên gọi tên cây như thế. Châu Nam Thiệm-bộ đặc biệt có loại cây này, do đó cũng gọi tên châu là châu Diêm-phù-đê, là một cõi đất rộng bảy ngàn do-tuần.

điệp: một loài cây có hoa dùng dệt thành vải rất mịn.

Di-lặc: dịch nghĩa là “Từ thị”, là họ của một vị Bồ Tát, được thọ ký sẽ thành Phật tiếp theo sau đức Phật Thích-ca, xem chi tiết trong kinh Di-lặc hạ sinh thành Phật.¹

Độc giác: là những vị ra đời gặp lúc không có Phật, tự mình tu hành đạt được giác ngộ nên gọi là Độc giác.

do-tuần: cũng đọc là do-diên, hoặc du-thiện-na, là khoảng cách giữa hai chỗ dừng nghỉ khi vị Luân vương đi tuần thú, tương tự như các dịch trạm ở Trung Hoa. Các sách nói về khoảng cách này không giống nhau, có nơi nói là mười sáu dặm, có nơi cho là ba mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, hoặc sáu mươi dặm, cho đến có nơi cho là tám mươi dặm.

Duyên giác: là những chúng sinh nghe Phật thuyết giảng giáo pháp Thập nhị nhân duyên mà được ngộ đạo, nên gọi là Duyên giác.

¹ Túc kinh Phật thuyết Di-lặc hạ sinh thành Phật (佛說彌勒下生成佛經), 1 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 14, kinh số 454.

hàng hà: sông Hằng, gọi đầy đủ là Hằng-già (Ganga), cũng đọc là Căng-già, dịch nghĩa là “thiên đường lai”. Sông này nằm gần thành Xá-vệ.

hành gia: chỉ người tu hành, thường là tu tập hành trì theo một pháp môn cụ thể nào đó.

Hóa lạc thiên: tên Phạm ngữ là Tu-niết-mật-đà, dịch nghĩa là “hóa tự lạc”, là tên cõi trời nằm trên cõi trời Đâu-suất.

Hoan hỷ địa thập trùng giai cấp: từ Hoan hỷ địa tiến lên mười bậc, tức là Thập địa, mười giai vị tu tập tiếp theo sau Thập hồi hướng, bao gồm: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa và Pháp vân địa.

Kỳ viên: vườn cây do thái tử Kỳ-đà cúng dường lên Phật, trưởng giả Cấp-cô-độc đã mua vùng đất này để xây dựng tinh xá cúng dường đức Phật và Tăng đoàn, thái tử không bán cây cối mà tự mình cúng dâng cúng, nên gọi đầy đủ là Kỳ thọ Cấp-cô-độc viên, gọi tắt là Kỳ viên.

La-hán: danh xưng đầy đủ là A-la-hán, có ba nghĩa, một là giết giặc phiền não tặc, hai là không còn thọ thân tái sinh đời tiếp theo, ba là xứng đáng nhận sự cúng dường cung kính của hàng trời, người.

lục căn: tức sáu căn, hay sáu giác quan, gồm có mắt (nhãn), tai (nhĩ), mũi (tị), lưỡi (thiệt), thân (xúc giác) và ý.

lục đạo: sáu đường, tức sáu cảnh giới, gồm cõi trời (thiên), cõi người (nhân), cõi a-tu-la, cõi súc sinh, cõi ngạ quỷ và cõi địa ngục.

lục thiên: sáu tầng trời [thuộc cõi Dục], gồm từ Tứ vương thiên lên đến Tha hóa Tự tại thiên.

Ma-da phu nhân: danh xưng đầy đủ là Ma-ha Ma-da, dịch nghĩa là “đại thuật”, hoặc “đại ảo”, nghĩa là có thể dùng đại ảo thuật, làm mẹ sinh ra chư Phật.

Ma-đăng nữ: tức Ma-đăng-già. Ma-đăng là mẹ của Ma-đăng-già,

nên Ma-đăng nữ (con gái Ma-đăng) tức chỉ Ma-đăng-già.

Ma-đăng: tên gọi đầy đủ là Ma-đăng-già, dịch nghĩa là “bản tính”, là tên của một dân nữ, về sau trên Pháp hội giảng kinh Lăng-nghiêm được nghe Chánh pháp liền ngộ đạo xuất gia, gọi là Tính ti-khâu ni.

Ma-hê-thủ-la: dịch nghĩa là “đại tự tại”, là tên vị Thiên vương ở cõi trời Sắc cứu cánh, tên Phạm ngữ là A-ca-ni-trá, dịch nghĩa là “trất ngại cứu cánh”, cũng dịch là “sắc cứu cánh”. Đây là cõi trời cao nhất trong Sắc giới.

Ma-nhân-đế: tên một vị trưởng giả.

ma-ni: tên một loại ngọc, đúng ra là mạt-ni, dịch nghĩa là “ly cấu”.

Mục-liên: tên một vị đệ tử Phật, danh xưng đầy đủ là Mục-kiên-liên, dịch nghĩa là “thái thực thị”.

nê-lê: tức địa ngục, dịch nghĩa là “vô hữu” (không có), hàm ý là nơi không có chuyện vui, không có sự tha thứ.

ngũ ấm: năm ấm, cũng gọi là năm uẩn, bao gồm: sắc, thụ, tưởng, hành, thức.

nhị thập bát thiên vương: hai mươi tám vị thiên vương, bao gồm sáu vị ở Dục giới, mười tám vị ở Sắc giới và bốn vị ở Vô sắc giới.

Như Lai: phiên âm theo Phạm ngữ là Đa-đà-a-già-độ (*Tathāgata*), dịch nghĩa là Như Lai, là một trong mười danh hiệu của Phật.

Niết-bàn: dịch nghĩa là diệt độ, nghĩa là đạt được niềm vui của sự tịch diệt, độ thoát nỗi khổ sinh tử. Cũng được giải thích rằng, niết là không sinh, bàn là không diệt, không sinh không diệt nên gọi là Niết-bàn.

phạm hạnh: hạnh thanh tịnh. Người giữ giới không làm sự dâm dục gọi là tu tập phạm hạnh.

Phạm vương: tức vị Thiên chủ cai quản thế giới Ta-bà.

Phất-bà-đế: cũng gọi là Tì-đế-ha, cũng gọi là Phất-vu-đài, dịch nghĩa là “thắng”, tức châu Đông Thắng Thần, là một cõi đất rộng chín

ngàn do-tuần.

Phi phi tướng thiên: cõi trời Phi phi tướng, là cõi trời cao nhất thuộc Vô sắc giới.

phù-đồ: dịch nghĩa là “cao hiển”, chỉ ngôi tháp thờ Phật.

Quang âm thiên: cõi trời Quang âm. Chư thiên ở cõi trời này mỗi khi nói năng thì từ miệng phát ra hào quang thanh tịnh, nên gọi tên là cõi trời Quang âm. Đây là cõi trời cao nhất trong cõi trời Nhị thiên thuộc Sắc giới. Khi thế giới xảy ra hỏa tai thì cõi trời này không bị hại tới.

sa-di: dịch nghĩa là “tức từ”, dứt hết dục nhiễm thế gian nên gọi là “tức”, tâm từ cứu độ chúng sinh nên gọi là “từ”.

sa-môn: dịch nghĩa là “cần tức”, nghĩa là chuyên cần tinh tấn tu tập giới định tuệ để diệt trừ, chấm dứt ba độc tham, sân, si.

Ta-bà: cũng đọc là Sa-ha, hoặc Sách-ha, dịch nghĩa là “kham nhẫn”, tức là cõi thế giới mà đức Phật Thích-ca ứng hóa để cứu độ, là tên gọi chung của cả một thế giới đại thiên này.

tam ác đạo: như **tam đồ**, chỉ ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Tam bảo: Ba ngôi báu, chỉ Phật, Chánh pháp và Tăng-già. Về sáu ý nghĩa của Tam bảo, tìm xem trong sách Bảo tánh luận.¹

tam đồ: tức ba đường ác, gồm địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Tam giới: Ba cõi, bao gồm cõi Dục (Dục giới), cõi Sắc (Sắc giới) và cõi Vô sắc (Vô sắc giới).

tam sinh: tức **tam thế**. Xem mục từ **tam thế**.

Tam tạng: toàn bộ Giáo pháp của đạo Phật, bao gồm Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

tam thập nhị tướng: tức ba mươi hai tướng tốt của đức Phật. Đó

¹ Bảo tánh luận: tức Cứu cánh nhất thừa Bảo tánh luận (究竟一乘寶性論), được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 31, kinh số 1611.

là: 1. Lòng bàn chân phẳng (Túc hạ an bình lập tướng, 足下安平立相). 2. Bánh xe pháp dưới lòng bàn chân (Túc hạ nhị luân tướng, 足下二輪相). 3. Ngón tay thon dài (Trường chỉ tướng, 長指相). 4. Bàn chân thon (Túc cân phu trường tướng, 足跟跌長相). 5. Ngón tay ngón chân cong lại, giữa các ngón tay và có ngón chân đều có màng mỏng nổi lại như chim nhận chúa (Thủ túc chi man vông tướng, 手足指縵網相, cũng gọi là Chi gian nhận vương tướng. 指間雁王相). 6. Tay chân mềm mại (Thủ túc nhu nhuyễn tướng 手足柔軟相). 7. Sống (mu) bàn chân cong lên (Túc phu cao mãn tướng, 足跌高滿相). 8. Cặp chân dài thon như chân sơn dương (Y-ni-diên-đoán tướng, 伊泥延踰相). 9. Đứng thẳng tay dài quá đầu gối (Chánh lập thủ ma tất tướng, 正立手摩膝相). 10. Nam căn ẩn kín (Âm tàng tướng, 陰藏相). 11. Giang tay ra rộng dài bằng thân mình (Thân quảng trường đẳng tướng, 身廣長等相). 12. Lông mọc đứng thẳng (Mao thượng hướng tướng, 毛上向相) 13. Mỗi lỗ chân lông có một cọng lông (Nhất nhất khổng nhất mao sinh tướng, 一一孔一毛生相). 14. Thân có màu vàng rực (Kim sắc tướng, 金色相). 15. Thân phát sáng (Đại quang tướng, 大光相 cũng gọi là Thường quang nhất tâm tướng, 常光一尋相, Viên quang nhất tâm tướng 圓光一尋相). 16. Da mềm mại (Tế bạc bì tướng 細薄皮相). 17. Tay, vai và đầu tròn tương xứng (Thất xứ long mãn tướng, 七處隆滿相). 18. Hai nách đầy đặn (Lưỡng dịch hạ long mãn tướng, 兩腋下隆滿相). 19. Thân hình như sư tử (Thượng thân như sư tử tướng, 上身如獅子相). 20. Thân hình thẳng đứng (Đại trực thân tướng, 大直身相). 21. Hai vai đầy đặn mạnh mẽ (Kiên viên hảo tướng, 肩圓好相). 22. Bốn mươi cái răng (Tứ thập xỉ tướng 四十齒相). 23. Răng đều đặn (Xi tế tướng, 齒齊相). 24. Răng trắng (Nha bạch tướng, 牙白相 Sanskrit: *susukla-danta*). 25. Hàm như sư tử (Sư tử giáp tướng 獅子頰相). 26. Nước miếng có chất thơm, bất cứ món ăn nào khi vào miệng cũng thành món ngon nhất (Vị trung đắc thượng vị tướng, 味中得上味相). 27. Lưỡi rộng dài (Đại thiết tướng 大舌相 hay Quảng trường thiết tướng 廣長舌相). 28. Tiếng nói tao nhã như âm thanh của Phạm thiên (Phạm thanh tướng, 梵聲相). 29. Mắt xanh trong (Chân thanh nhân tướng, 眞青眼相). 30. Mắt tròn đẹp giống

mắt bò (Nguu nhãn tiệp tướng, 牛眼睫相). 31. Lòng trắng giữa cặp chân mày (Bạch mao tướng, 白毛相). 32. Một khối thịt trên đỉnh đầu (Đảnh kế tướng, 頂髻相).

tam thế: ba đời, tức quá khứ, hiện tại và vị lai.

tam thiên đại thiên thế giới: thế giới ba ngàn đại thiên. Một cõi thế giới bao gồm một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn núi Tu-di, cho đến một ngàn cõi trời Phạm thiên, được gọi là một thế giới tiểu thiên. Một ngàn thế giới tiểu thiên gọi là một thế giới trung thiên. Một ngàn thế giới trung thiên gọi là một thế giới đại thiên. Vì có sự chênh lệch ba lần ngàn, nên gọi là “ba ngàn”, nhưng thật ra chỉ là một thế giới đại thiên mà thôi.

tam thú: ba con thú, là voi, ngựa và thỏ, được dùng trong ví dụ ba con thú cùng lội qua sông.

tam trường trai nguyệt: ba tháng ăn chay trong một năm, bao gồm tháng giêng, tháng năm và tháng chín.

tam-muội: dịch nghĩa là chánh định, tức không phải tà định, cũng gọi là chánh thọ, không còn thọ nhận các cảm thọ nên gọi là chánh thọ.

Tha hóa tự tại thiên: tên Phạm ngữ là Bà-xá-bạt-đề, dịch nghĩa là “tha hóa tự tại”, là tên cõi trời nằm trên cõi trời Hóa lạc thiên, là cõi trời thứ sáu thuộc Dục giới. Cõi trời này thuộc cõi Dục nhưng tiếp giáp với cõi Sắc, xem như trung gian giữa hai cõi, có thiên ma làm thiên vương, cai quản toàn cõi Dục giới, là cõi trời cao nhất trong cõi Dục.

Thanh văn: hàng đệ tử Phật nhờ được nghe âm thanh thuyết pháp Tứ đế mà chứng quả, nên gọi là Thanh văn.

thập ác: mười nghiệp xấu ác, gồm ba nghiệp xấu ác của thân, bốn nghiệp xấu ác của miệng và ba nghiệp xấu ác của ý. Ba nghiệp của thân là: giết hại, trộm cướp, tà dâm. Bốn nghiệp của miệng là: nói dối, nói thêu dệt vô nghĩa, nói hai lưỡi, nói lời ác độc. Ba nghiệp của ý là: tham lam, sân hận và si mê.

thập bát phạm thiên: mười tám cõi phạm thiên, tức các cõi trời thuộc Sắc giới, nằm trên các cõi trời thuộc Dục giới. Vì chư thiên ở các cõi trời này đã đoạn dứt tình dục, nên gọi là phạm thiên (thanh tịnh vô dục). Mười tám cõi trời này bao gồm: Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên, Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên, Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Phúc sinh thiên, Phúc ái thiên, Quảng quả thiên, Vô tướng thiên, Vô phiến thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, Thiện hiện thiên, Sắc cứu cánh thiên. Về ý nghĩa chi tiết, xin xem trong kinh Lăng nghiêm ở quyển 8, quyển 9.¹

Thập hạnh: mười giai vị của hàng Bồ Tát, từ giai vị thứ hai mươi mốt đến thứ ba mươi trong 52 giai vị, được xếp ngay sau Thập trụ, bao gồm: Hoan hỉ hạnh, Nhiêu ích hạnh, Vô sân hận hạnh, Vô tận hạnh, Ly si loạn hạnh, Thiện hiện hạnh, Vô trước hạnh, Tôn trọng hạnh, Thiện pháp hạnh và Chân thật hạnh.

Thập hồi hướng: mười giai vị tiếp theo của Thập hạnh, tức là các giai vị từ thứ ba mươi mốt đến thứ bốn mươi, bao gồm: 1. *Cứu hộ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hướng:* Tức giai vị thực hành Lục độ, Tứ nhiếp, cứu hộ tất cả chúng sinh, kẻ oán, người thân đều bình đẳng. 2. *Bất hoại hồi hướng:* Giai vị đã có được niềm tin bất hoại đối với Tam bảo, hồi hướng căn lành này, khiến chúng sinh được lợi ích tốt đẹp. 3. *Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng:* Giống như sự hồi hướng của chư Phật ba đời, tu hành không đắm trước sinh tử, không lia bỏ bồ-đề. 4. *Chí nhất thiết xứ hồi hướng:* Đem các thiện căn đã tu được hồi hướng đến khắp tất cả các nơi từ Tam bảo cho đến chúng sinh để làm lợi ích cúng dường. 5. *Vô tận công đức tạng hồi hướng:* Tùy hỷ tất cả thiện căn vô tận, hồi hướng làm Phật sự để được vô tận công đức thiện căn. 6. *Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng:* Hồi hướng các thiện căn đã tu, được Phật che chở, thành tựu tất cả căn lành bền vững. 7. *Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng:* Tức nuôi lớn tất cả gốc lành để hồi hướng làm lợi ích cho

¹ Kinh Lăng Nghiêm, tức kinh Đại Phật Đỉnh Như Lai mật nhọn tu chúng liễu nghĩa chư Bồ Tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm (大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴經), tổng cộng 10 quyển, do ngài Bát Thích Mật Đế dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 19, kinh số 945.

tất cả chúng sinh. 8. *Như tướng hồi hướng*: Thuận theo tướng chân như mà hồi hướng các thiện căn đã thành tựu. 9. *Vô phược vô trước giải thoát hồi hướng*: Tức đối với tất cả pháp không để bị vướng mắc, trói buộc, được tâm giải thoát, đem thiện pháp hồi hướng, thực hành hạnh Phổ hiền, đầy đủ mọi đức. 10. *Pháp giới vô lượng hồi hướng*: Tức tu tập tất cả thiện căn vô tận, đem hồi hướng các thiện căn này để nguyện cầu vô lượng công đức trong pháp giới sai biệt.¹

thập lục đại quốc: mười sáu nước lớn, chỉ những nước nằm tiếp cận với Ấn Độ thời cổ, như các nước Ương-già, Ma-kiệt-đề v.v...

Thập tín: tức Thập tín tâm, hay cũng gọi là Thập tâm, chỉ mười tâm của Bồ Tát tu tập trong 10 giai vị đầu tiên của 52 giai vị, bao gồm: Tín tâm, Niệm tâm, Tinh tấn tâm, Tuệ tâm, Định tâm, Bất thối tâm, Hồi hướng tâm, Hộ pháp tâm, Giới tâm và Nguyện tâm.

Thập trụ: mười giai vị của hàng Bồ Tát, từ giai vị thứ mười một đến thứ hai mươi trong 52 giai vị, được xếp ngay sau Thập tín, bao gồm: Phát tâm trụ, Trị địa trụ, Tu hành trụ, Sinh quý trụ, Phương tiện cụ túc trụ, Chính tâm trụ, Bất thối trụ, Đồng chân trụ, Pháp vương tử trụ và Quán đỉnh trụ.

Thất Phật: bảy vị Phật, chỉ các vị: Phật Tì-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tì-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca Mâu-ni.

thất thú: bảy cõi. Kinh Lăng nghiêm thêm tiên đạo (cõi tiên) vào sáu cõi (lục đạo): trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, gọi chung là thất thú (bảy cõi).

Thích-ca Mâu-ni Phật: tiếng Phạm Thích-ca, dịch nghĩa là “năng nhân”, Mâu-ni, dịch nghĩa là “tịch mặc”, vì đức nhân có thể cứu độ muôn loài, đạo vẫn giữ theo tịch mặc vô vi, nên gọi là “năng nhân tịch mặc”. Phật, nghĩa là tinh giác, giác ngộ.

thiên nhân: là một trong ngũ thông. Các vị Bồ Tát và Phật đều có

¹ Phân giải thích thuật ngữ này có bổ sung thông tin từ Phật Quang Đại Từ điển.

thiên nhân. Tuy cũng là thiên nhân, nhưng tùy theo sự chứng đắc mà khả năng rộng hẹp có khác nhau. Những người tu theo ngoại đạo, các vị thiên tiên cũng có thiên nhân, các vị chứng quả Thanh văn, Duyên giác cũng có thiên nhân.

Thiên Trúc: tên gọi chỉ đất nước Phật giáng sinh, nay là [Nepal, trước đây thuộc] Ấn Độ, xưa cũng gọi là Thân Độc (身毒), là vùng đất nằm ngay giữa cõi Diêm-phù-đề, nên chư Phật trước đây xuất thế đều chọn nơi này. Ấn Độ có chu vi hơn chín vạn dặm, ba mặt giáp biển, phía bắc có dãy Tuyết sơn ngăn che, phía đông giáp Trung Hoa, phía nam kéo dài đến lãnh thổ nước Kim Địa, phía tây giáp nước A-du-già, phía bắc gặp núi Tiểu Hương, mỗi bề đều khoảng năm vạn tám ngàn dặm. Ở nước này, vào tiết hạ chí, đúng giờ Ngọ giữa trưa dùng cọc đo bóng thì bốn phía đều hoàn toàn không nhìn thấy bóng, trong khi ở tất cả các đất nước khác đều phải nhìn thấy bóng.¹

Thiết vi sơn: tên núi, Phạm ngữ là Chưóc-ca-la, dịch nghĩa là “Luân sơn”, cũng dịch là “Thiết vi sơn”, nằm bên ngoài bốn châu thiên hạ.

ti-khâu ni: dịch nghĩa là “khất sĩ nữ”, tức một vị xuất gia thuộc phái nữ.

ti-khâu: dịch nghĩa là “khất sĩ”, người đi xin, hàm nghĩa là người đi theo Phật xin Chánh pháp để nuôi dưỡng tuệ mạng, vào thế gian xin thức ăn để nuôi dưỡng xác thân. Chữ này còn có nghĩa là phá trừ xấu ác, làm cho ma quân kinh sợ.

Tịnh Phạn vương: vua Tịnh Phạn, phiên âm theo Phạm ngữ là Duyệt-đầu-đàn, cũng dịch nghĩa là Bạch Tịnh. Ngài là người cai trị nước Ca-duy-la-vệ, phụ vương của thái tử Tất-đạt-đa.

tinh xá: nơi đức Phật và chư tăng lưu trú. Ngày nay rất nhiều người gọi nhầm là tịnh xá. Tinh xá (精舍) hàm ý là nơi ở của các bậc trí đức tinh luyện, còn chữ tịnh (淨) hoàn toàn không có nghĩa này.

Ti-thủ-yết-ma: tên một vị thiên thần, dịch nghĩa là “chúng chúng

¹ Những kiến thức về đất nước Ấn Độ ở đây có thể không còn chính xác, nhưng chúng tôi chuyển dịch theo nguyên tác để độc giả thấy được cách nhìn của một người Trung Hoa từ thế kỷ 17 về đất nước này.

công nghiệp". Ở Ấn Độ thời cổ, đa số những người làm thợ thủ công thường thờ cúng vị thiên thần này.

trà-tì: cúng đọc là xà-duy, tức nghi lễ hỏa thiêu.

Tứ đại Thiên vương: bốn vị Thiên vương ở bốn phương. Phương bắc là Đa Văn Thiên vương, phương đông là Trì Quốc Thiên vương, phương nam là Tăng Trưởng Thiên vương, phương tây là Quảng Mục Thiên vương.

tứ đại: tức bốn đại, bao gồm địa, thủy, hỏa và phong. Có bốn đại bên trong và bốn đại bên ngoài. Nếu lấy thân người mà xét, thì xương thịt là địa đại, tinh huyết là thủy đại, hơi ấm là hỏa đại, sự vận động là phong đại.

tứ sinh: bốn cách sinh ra của tất cả chúng sinh, gồm *thai sinh* (sinh bằng bào thai), *noãn sinh* (sinh bằng trứng), *thấp sinh* (sinh từ sự ẩm ướt) và *hóa sinh* (sinh do biến hóa).

Tứ vương thiên: là cõi trời đầu tiên của Dục giới, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần. Cung điện cõi này gắn với mặt trời, mặt trăng.

Tu-đà-hoàn tứ trùng giai cấp: từ quả Tu-đà-hoàn tiến lên bốn bậc. Phạm ngữ Tu-đà-hoàn, dịch nghĩa là "nhập lưu", vì khi chúng đắc thánh quả này được các pháp nhãn tịnh, bắt đầu dự vào dòng các bậc thánh. Từ thánh quả này tiếp tục tu tập tiến lên đến thánh quả Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, như vậy cả thầy có bốn bậc thánh quả.

Tu-di: gọi đầy đủ là tu-di-lô, dịch nghĩa là "diệu cao". Núi này do bốn món báu hợp thành nên gọi là "diệu", cao hơn tất cả các núi khác nên gọi là "cao". Trong bốn cõi thiên hạ thì núi này cao đến mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, một nửa nhô lên bên trên mặt biển, một nửa chìm trong biển, trên đỉnh núi có cung trời Đao-lợi, mặt trời mặt trăng qua lại đều ở phạm vi nửa trên mặt biển của núi này.

Úc-đan-việt: dịch nghĩa là "cao xuất", cũng dịch là "tinh xứ", tức là

châu Bắc Câu-lô, là một cõi đất rộng mười ngàn do-tuần.

ưu-bà-di: cũng đọc là ố-ba-tư-ca, dịch nghĩa là “cận sự nữ”, nghĩa là người phụ nữ tại gia thường gần gũi phụng sự các vị ti-khâu ni. Cũng đọc là ô-ba-tát-cát, dịch nghĩa là “thiện túc nữ”, hàm ý tuy sống đời tại gia nhưng khéo tránh việc nam nữ cùng ngủ chung.

ưu-bà-tắc: cũng đọc là ố-ba-sách-ca, dịch nghĩa là “cận sự nam”, nghĩa là người đàn ông tại gia thường thân cận phụng sự vị ti-khâu. Cũng gọi là ố-ba-tát-ca, dịch nghĩa là “thiện túc nam”, nghĩa là tuy sống đời tại gia nhưng khéo tránh việc nam nữ cùng ngủ chung.

ưu-bát-la: dịch nghĩa là hoa sen xanh, khác với hoa ưu-đàm-bát-la.

ưu-đàm-bát-la: tên một loài cây, dịch nghĩa là “linh thụ”, nghĩa là báo điềm lành. Loài cây này thường không có hoa, chỉ khi có đức Phật ra đời, hoặc vua Chuyển luân ra đời thì cây mới nở hoa.

Ưu-điễn vương: vua Ưu-điễn. Phiên âm theo Phạm ngữ là Ổ-đà-diễn-na, dịch nghĩa là “xuất ái”, thoát khỏi ái dục. Cũng gọi là Ưu-đà-diên. (Dùng Phạm ngữ là để chỉ chữ viết của Ấn Độ ngày xưa. Người Ấn xưa kia tin rằng từ thuở ban sơ đó là tiếng nói của Phạm thiên, nên gọi là Phạm ngữ. Nhiều nơi khác vẫn quen gọi là Phạn ngữ.)

xá-lợi: tức xương người sau khi hỏa thiêu, cũng gọi là “linh cốt”, những vị chứng bốn quả thánh đều có. Xá-lợi có hình dạng, màu sắc không nhất định, vô cùng mâu nhiệm linh ứng, các nạn nước trôi lửa cháy hoặc va chạm với các thứ kim loại, đá cứng đều không thể làm tổn hại.

xuất gia tứ chúng: bốn chúng xuất gia, gồm: ti-khâu, ti-khâu ni, sa-di và sa-di ni.

BÀI TỤNG BẤT TỊNH QUÁN CỦA PHÁP SƯ TỈNH AM¹ LỜI TỰA

Đức Phật vì những chúng sinh nhiều tham dục nên chỉ dạy pháp quán bất tịnh. Thực hành pháp quán này lâu ngày thuần thục, tự nhiên trừ dứt được tham dục, có thể vượt qua được con sông luyến ái, siêu thoát sinh tử luân hồi.

Nhân lúc thanh nhàn, tôi có xem qua bộ luận Đại trí độ,² mượn lấy ý tưởng từ đó mà làm ra bài tụng này, dùng để tự nhắc nhở cảnh tỉnh bản thân, cũng là nhắc nhở cảnh tỉnh người đời.

Quán tướng cái chết³

*Bao nhiêu luyến ái rồi cũng dứt,
Thân này xét kỹ được bao lâu?
Rơi lệ khóc người đều vô nghĩa,
Mấy ai quán xét tự ban đầu?*

Quán xác chết trương sinh

*Sinh thời bao dáng vẻ đẹp xinh,
Thoắt chốc thành thây thối trương sinh.*

¹ Có kèm bài tựa. (Chú giải của soạn giả)

² Đại trí độ luận (大智度論), tổng cộng 100 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán ngữ, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 25, kinh số 1509.

³ Pháp quán tướng này được thực hiện trước tiên, đặt nền móng căn bản cho chín phép quán tiếp theo bên dưới. (Chú giải của soạn giả) Trong nguyên tác, tất cả các thi kệ trong phần này đều được làm theo thể ngũ ngôn tứ tuyệt. Khi Việt dịch, chúng tôi đổi sang dùng thất ngôn tứ tuyệt để có thể chuyển tải được hết ý thơ.

*Trước mắt những người đang son trẻ,
Mai sau có thoát được tử sinh?*

Quán xác chết với máu bầm xanh đen

*Da thịt đổi sang đỏ, trắng, vàng...
Máu bầm xanh tím rỉ tràn lan,
Hãy nhìn cho kỹ thân xác ấy,
Mới hôm nào y phục xanh xang.*

Quán xác chết hư hoại

*Da thịt ôi thối vừa nát rồi,
Tim gan phèo phổi lộ ra thối.
Nếu người sáng suốt như thật quán,
Tham luyến gì trong đống thịt hôi?*

Quán xác chết máu ứ tanh hôi

*Dung nhan tươi đẹp đã mất rồi,
Tử thi đầy máu ứ tanh hôi.
Dù muốn nhìn qua phân đẹp xấu,
Cũng chỉ mơ hồ một dáng thối.*

Quán xác chết thối rửa chảy mù

*Xác người thối rửa khó nhìn thay,
Nồng nặc tanh hôi muốn tránh ngay.
Ngờ đâu thân xác hôi tanh ấy,
Đã từng son phấn biết bao ngày.*

Quán xác chết bị các loài thú xâu xé

*Chim, thú chia nhau bữa thịt người,
Người từng ăn chim, thú suốt đời.
Ba tấc hơi ngừng, người với thú,
Cũng đều thối rửa, trắng xương phơi.*

Quán xác chết tan rã

Người chết hình hài cũng rã tan,
 Tứ chi, xương cốt vãi tràn lan.
 Xét kỹ hình dung xưa đẹp đẽ,
 Giờ biết về đâu giữa mênh mang?

Quán xương trắng

Xương trắng nằm trơ giữa quạnh hiu,
 Khi còn đi lại ngỡ yêu kiều.
 Nhưng đáng yêu kiều xưa là giả,
 Vẻ thật ngày nay, có đáng yêu?

Quán xác chết hỏa thiêu

Hừng hực bốc cao ngọn lửa hồng,
 Di hài bỗng chốc đã hóa không.
 Hãy nhìn đám khói bay lên đó,
 Có thể khởi lòng tham luyến không?



Những thi kệ trên chỉ nêu sơ lược điểm cốt yếu của các phép quán, chưa có sự quán xét sâu xa và phân tích kỹ. Vì thế, dưới đây tiếp tục nêu rõ hơn:

Quán tướng cái chết - lần 2

Người thân yêu nay vĩnh biệt rồi,
 Mắt nhìn chẳng nở, dạ bồi hồi.
 Thần thức vừa lìa ra khỏi xác,
 Di thể nhập quan khóa chặt thôi.
 Đêm khuya nhà trống đèn leo lắt,

*Gió thu trướng lạnh hắt từng hồi.
Khuyên ai đang lúc còn sinh lực,
Sớm tỉnh tâm, quán lúc là đời.*

Quán xác chết trương sinh - lần 2

*Hơi dừng thân lạnh khí phát sinh,
Thi hài thoát chốc đã trương sinh.
Thân thể căng phồng như túi nước,
Bụng như dưa héo nhìn phát kinh.
Nước rỉ từ thân bao như nhớt,
Ruồi nhặng đua nhau đến rập rình.
Một lớp da che, không sớm biết,
Lầm lạc bao năm đáng hận mình.*

Quán xác chết với máu bầm xanh đen - lần 2

*Thây phơi nắng gió dãi vài phen,
Màu sắc chuyển sang vàng, xanh đen.
Da khô vừa nát rơi từng mảng,
Xương cốt nửa phần cũng rã tan.
Tai, mũi giờ đây thành hốc lõm,
Dây gân từng đoạn đứt ngổn ngang.
Ví như tượng đá thường câm lặng,
Nhìn cảnh thê lương cũng lệ tràn.*

Quán xác chết hư hoại - lần 2

*Da bọc quanh thân vừa rơi rã,
Hình thể liền tan nát xót xa.
Bụng như dưa nứt bày gan ruột,
Giòi bọ từ trong khoét đường ra.
Dây khô vô tình quấn tóc rối,
Rêu ẩm mọc lan nát lưa là.
Nhấn gửi người đăm mê hình sắc,*

Thôi đừng tô điểm túi phân da.

Quán xác chết máu ứ tanh hôi - lần 2

*Tơ tơ nằm đó khối máu đông,
Ngàn năm bất động, người còn không?
Bê bết lẫn trong lùm cỏ dại,
Ngổn ngang bụi đất cũng ố hồng.
Còn đâu ảo tưởng phân đẹp xấu,
Đâu kẻ nam nhi, khách má hồng?
Đáng thương kẻ mê nơi mắt thịt,
Nhận giả làm chân, mãi chạy rong.*

Quán xác chết thối rửa chảy mù - lần 2

*Da mỏng bôi giấy rách khác chi?
Thịt thối, canh thiu càng đổ đi.
Mủ máu hôi tanh từ trong rỉ,
Ruồi nhặng tranh nhau rúc tử thi.
Như kẻ ăn lòng lợn nôn mửa,
Như người tắm chó nước sạch chi?
Nếu không ghê tởm thối xương tủy,
Làm sao dứt được khối tình si.*

Quán xác chết bị các loài thú xâu xé - lần 2

*Xác quảng ra muôn loài xâu xé,
Có phần nào còn được vẹn nguyên?
Chẳng đủ no lòng bao quạ đói,
Chưa hết con thềm lữ chó điên.
Ngày nay đang sống, không tự liệu,
Lúc thân tàn, ai kẻ tương liên?
Khi ấy không bằng loài dê, lợn,
Thịt chúng còn mang bán được tiền.*

Quán xác chết tan rã - lần 2

Thịt xương bỗng chốc rã tan mau,
 Thân người chẳng biết theo về đâu?
 Nào chỉ dung nhan, hình thể mất,
 Cho đến tuổi tên cũng còn đâu!
 Mấy khóm cỏ thu, đời dài vẫn,
 Thịnh suy xin hỏi gió qua cầu.
 Người ơi xin hãy xem xét kỹ,
 Ngọn nguồn sinh tử khởi từ đâu?

Quán xương trắng - lần 2

Da thịt giờ đây rã tan rồi,
 Chỉ còn xương trắng nằm tro thôi.
 Gió mua thêm đổi màu rêu mốc,
 Nước tràn in dấu đất tinh khôi.
 Trùng kiến không mời thường kéo đến,
 Cháu con mong ngóng vắng xa rồi.
 Phong lưu một thuở giờ đâu nữa?
 Một khối sầu ôm, hồn chơi vui!

Quán xác chết hỏa thiêu - lần 2

Xương khô, lửa dữ quyện vào ngay,
 Phút giây cuộn cuộn ngút trời bay.
 Hừng hực lửa hồng, thiêu trời đỏ,
 Ngùn ngụt khói đen, phủ ngọn cây.
 Vọng niệm theo tro tàn tiêu tán,
 Chân tâm như mặt nhật hiển bày.
 Muốn thoát luân hồi vượt sinh tử,
 Phải tinh cần tu phép quán này.

BÀI TỤNG TỨ NIỆM XỨ CỦA PHÁP SƯ TỈNH AM¹ LỜI TỰA

Khi sắp nhập Niết-bàn, đức Phật có dặn lại các vị tỳ-kheo về sau hãy dựa vào phép quán Tứ niệm xứ mà tu tập an trụ, sẽ được như Phật không khác.

Ngày nay là thời mạt pháp, người tu chính niệm rất ít, nhìn lại pháp môn này, càng không thấy ai tu tập. Chẳng những không hiểu được nghĩa lý, mà e rằng cho đến tên gọi của pháp môn này cũng không mấy ai biết đến. Thật đáng buồn thay!

Nhân lúc ở giữa núi rừng được vô sự, tôi có đọc qua phẩm Di giáo trong kinh Đại Bát Niết-bàn, liền mượn lấy ý tưởng từ đó rồi dùng vần điệu mà làm ra những bài tụng này, giúp cho người ngâm vịnh, đọc tụng có thể tăng trưởng chính niệm, trừ diệt vọng tâm.

Nếu đặt những lời này gần bên chỗ ngồi, hằng ngày xem thấy có thể tự cảnh tỉnh, đồng thời cũng nhờ đó không quên đi những lời dặn dò răn nhắc của đức Thế Tôn.

Quán thân bất tịnh

*Một niệm đảo điên vừa sinh khởi,
Huyễn thân duyên hợp đã hiện rồi.
Một bọc chứa đầy bao máu mủ,
Trong ngoài trên dưới rặt tanh hôi.
Da như giấy mỏng che máu thịt,*

¹ Có kèm theo lời tựa. (Chú giải của soạn giả)

Dây ràng, gân buộc giữ xương thôi.
 Lông mọc trên người như cỏ dại,
 Trùng bọ trong thân khắp mọi nơi.

Tim gan phèo phổi toàn như nhóp,
 Khăn áo xênh xang lấp liếm thôi.
 Bốn đại vốn là hư huyễn cả,
 Sáu căn không thật quá rõ rồi.

Nói năng phát tiếng nhờ hơi gió,
 Chuyển động đều do khí xoay vần.
 Gượng ép phân chia nam với nữ,
 Hư danh đối đãi lập chủ, trần.

Ba thước đất gò, trăm năm dứt,
 Một nắm mô, muôn thuở gửi thân.
 Sang hèn rồi cũng buông tay trắng,
 Hiền ngu đồng phận đáng tương lân.

Luống kiếp sinh ra toàn vô nghĩa,
 Ai người nhận biết cội nguồn chân?

Quán thọ là khổ

Hỏi xem muôn khổ từ đâu tới,
 Mới hay do cảm thọ sinh tình.
 Vừa nhận chút tình yêu với ghét,
 Bám chấp, ghét bỏ, liền khởi sinh.

Ngay khi vừa thịnh, suy liền đến,
 Giờ nhục là do trước đã vinh.
 Từ trong thân thích sinh oán đối,
 Giữa chỗ vui mừng khổ phát sinh.

Vương, Tạ¹ danh gia, còn đâu nữa?

¹ Họ Vương và họ Tạ là hai gia tộc lớn trong thời Lục triều ở Trung Hoa.

Lưu, Tào hai nước¹ cũng tan tành.
 Buồn vui ngẫm lại đêm trường mộng,
 Thắng bại cuộc cờ, ai nhục vinh?
 Sự đời luôn chẳng theo như ý,
 Đói nghèo, bệnh khổ, bóng theo hình.
 Thần tài mời gọi ít khi đến,
 Quý bần đuổi mãi cứ quẩn quanh.
 Hối hả một đời chỉ vô ích,
 Uất ức bao phen chứa bất bình.
 Không cầu, đâu ngại chi quý tiện,
 Biết đủ, thiếu dư cũng mặc tình.
 Diệu lý chân không vừa nhận rõ,
 Buồn lo, vui thích dứt mầm sinh.

Quán tâm vô thường

Tâm vọng nếu không nơi bám víu,
 Thể tánh rốt cùng sẽ ra sao?
 Đuốc trong gió lập lòe chớp lóe,
 Thuyền dạt trôi mặt biển nhấp nhô.
 Một căn nhà mở ra sáu cửa,²
 Sáu anh em³ cùng trải giang hồ.
 Rối rắm mỗi người một cõi riêng,⁴
 Ngón ngang trăm mối đều khác biệt.⁵
 Màu sắc chợt vàng lại chợt xanh,⁶

¹ Chỉ nước Thục của Lưu Bị và nước Ngụy của Tào Tháo, là hai phe trong Tam quốc.

² Chỉ sáu căn. (Chú giải của soạn giả)

³ Chỉ sáu thức. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Chỉ mắt chạy theo hình sắc, tai chạy theo âm thanh v.v... (Chú giải của soạn giả)

⁵ Như mắt không hợp theo âm thanh, tai không hợp theo màu sắc... Các thức đều có phạm trù riêng biệt của mình. (Chú giải của soạn giả)

⁶ Chỉ sự vô thường của nhân thức. (Chú giải của soạn giả)

Âm thanh khi động rồi khi tĩnh.¹
 Mũi người thối thom tùy mỗi lúc,²
 Lưỡi nếm mặn nhạt thường đổi thay.³
 Nóng lạnh bất chợt, thân thường biết,⁴
 Yêu ghét hai đường, ý theo ngay.⁵
 Trần cảnh dứt rồi, tâm an ổn.
 Tình đã không, trí bám vào đâu.⁶
 Lật nhào tận đáy hang năm đục,
 Đảo ngược tầng tầng ổ sáu căn.
 Giặc cướp về cải tà quy chánh,
 Chim chóc mừng vui thoát lưới sa.
 Đến khi bưng ngô lễ thường trụ,
 Vọng niệm trùng trùng thấy tiêu ma.

Quán pháp vô ngã

Các pháp do nhân duyên khởi sanh,
 Nào phải do người định mà thành.
 Nhân duyên có sanh ắt có diệt,
 Niệm khởi đôi bên liền phân tranh.
 Người muốn được hóa ra lại mất,
 Kẻ mong nhàn cứ phải chạy quanh.
 Sợ lạnh, đông triền miên không dứt,
 Ghét nóng, hạ càng chẳng qua nhanh.
 Nghèo khổ ước mong ngày giàu có,
 Già yếu mơ hoài lúc tuổi xanh.
 Người người ai cũng mong thuận lợi,

¹ Chỉ sự vô thường của âm thanh. (Chú giải của soạn giả)

² Chỉ sự vô thường của thị thức. (Chú giải của soạn giả)

³ Chỉ sự vô thường của thiệt thức. (Chú giải của soạn giả)

⁴ Chỉ sự vô thường của thân thức. (Chú giải của soạn giả)

⁵ Chỉ sự vô thường của ý thức. (Chú giải của soạn giả)

⁶ Đây chỉ tri phân biệt, nương theo tinh xúc mà khởi, không phải tri Bát-nhã do tu tập mà hiển lộ.

Nào ai lại thích chuyện bất thành?¹

Đạt tâm tự tại, ấy là chủ.

Nay đổi mai thay, lẽ đâu thường?

Lìa khỏi các căn, niệm nào khởi,

Thức đã không rồi, cảnh chẳng vương.

Trong ngoài xét kỹ đều không cả,

Nơi trung gian tìm lẽ chân thường.

Khi sáu cửa không không, vắng lặng,

Một tòa rục rở dưới ánh dương.

Chỉ cần duyên dứt, trần lao tận,

An nhiên thường trụ Đại Giác Vương.

¹ Phan này muốn nêu rõ là tất cả những chuyện được mất trong đời, hoặc nhân rồi hay bận rộn, nóng hay lạnh, giàu hay nghèo... đều do nhân duyên mà thành, không do mỗi người mong muốn mà được. (Chú giải của soạn giả)

③

**KHUYÊN NGƯỜI NIỆM PHẬT CẦU SINH
TỊNH ĐỘ**

Nguyên tác: Tây Quy Trực Chỉ

XUNG TÁN HÌNH TƯỢNG

Lời dẫn

Tiên sinh Chu An Sỹ, người Côn Sơn, trước tác rất nhiều sách. Tôi nhờ đọc qua các sách của tiên sinh mà được lợi ích sâu xa vô vàn. Thuở xưa đức Thế Tôn vì muốn nghe chỉ nửa bài kệ mà xả thân cho quỷ la-sát. Xét theo đó thì ân đức quá lớn lao của tiên sinh, tôi quả thật không biết làm sao báo đáp.

Ông Thạch Tâm vẽ tượng tiên sinh, nhờ người viết lời đề tượng, tôi xem qua thật hết sức kinh ngạc vui mừng, những lúc có thời gian vẫn thường chiêm ngưỡng lễ bái. Nay cung kính mượn bốn câu hai mươi vắn,¹ tuy không đủ để nói về tiên sinh dù trong muôn một, nhưng chỉ mong thúc đẩy rộng truyền ý nguyện của tiên sinh khi viết sách, cũng là để kết duyên vãng sinh Tịnh độ. Chắc rằng tiên sinh ngự giữa đài sen nơi Cực Lạc cũng nhân việc này mà mỉm cười thỏa nguyện.

Ngày mồng 2 tháng 12 năm Canh Tý
Niên hiệu Đạo Quang²
Trương Nhĩ Đán kính đề³

¹ Nguyên tác là 敬為四言二十韻 (kính vi tứ ngôn nhị thập vận), có vẻ như lời dẫn này muốn nói rằng tiếp theo sau sẽ là các bài kệ tán theo thể bốn câu (mỗi đoạn) và cả thầy (có 12 bài) sử dụng 20 vắn. Nếu cách hiểu này là đúng thì dường như đây chỉ là cách nói biểu trưng, vì không thực sự chính xác như vậy.

² Tức là năm 1840. Niên hiệu Đạo Quang (1820-1850) thuộc triều Thanh, Hoàng đế Đạo Quang.

³ Trương Nhĩ Đán hiệu Mi Thúc (眉叔), người huyện Thường Thục, thuộc tỉnh Giang Tô, là một thi sĩ, học giả sống vào triều Thanh.

Bài tán thứ nhất

Đại cư sĩ hiện thân cứu thế,
 Đòi Khang Hy, Thánh đế xiển dương.
 Tài biện thuyết không chi ngăn ngại,
 Pháp cam lồ thí khắp nơi nơi.
 Miệng trao lời, tay thảo sách quý,
 Sấm vang chớp lóe phá mê lâm.

Kinh sách Tam giáo đều thông suốt,
 Thấu hiểu sâu xa nghĩa nhiệm mầu.
 Khí văn cuộn cuộn như mây nổi,
 Lời lời lưu loát tựa suối tuôn.

Hiện thân sứ giả đức Như Lai,
 Làm bậc Đạo sư dẫn dắt người.
 Thương thay thế cuộc thời mạt pháp,
 Chúng sinh phần lớn đều ngu si.
 Nếu không phải bậc Đại Bồ Tát,
 Sao có Pháp âm sư tử hống?
 Nếu muốn xả thân về Tịnh độ,
 Đòi nay há dám chậm trễ sao?
 Cư sĩ viết sách hơn vạn câu,
 Thầy đều giảng rõ pháp môn ấy.

Trước đã từng nghe qua lời dạy,
 Nay được chiêm ngưỡng tôn tượng ngài,
 Gây thiện, nón tịnh hướng Tây phương,
 Râu như tuyết trắng bay theo gió.

Hàng đệ tử cúi đầu xưng tụng,
 Mắt lệ tuôn, kính ngưỡng muôn phần,
 Niệm danh hiệu ngài như niệm Phật.
 Biết bao người đồng tâm chiêm bái,
 Tuy chỉ là tranh tượng vô tri,
 Nhưng nguyện lực vô biên vô lượng,
 Sự hiển linh không thể nghĩ bàn.
 Nhân duyên ấy nên từ tranh tượng,
 Hình vẽ kia hóa hiện cảnh sen.

Người chí thành lễ bái tượng này,
 Thấy đều được lòng từ tiếp độ.
 Vô số chúng sinh đồng quy ngưỡng,
 Cùng sinh về ao báu Tây phương.

Năm xưa gót ngọc dạo về Tây,
 Thánh đức cao vời như còn đó.
 Toàn Thư hàm chứa lời Phật dạy,
 Lòng từ thương xót khắp muôn loài.
 Ngài đã xa chơi miền Cực Lạc,
 Lòng từ vẫn độ khắp muôn dân.
 Tranh vẽ phỏng theo hình dáng cũ,
 Lời xưa vang vọng mãi dư âm.

Cổ Ngô - Chu Triệu Canh, hiệu Ngâm Bạch

Bài tán thứ hai

Tánh thể sáng trong như mặt nguyệt,
 Người người sẵn đủ nơi tự tâm.
 Ai phát nguyện tu hành tinh tấn,
 Trái nhiều đời ắt tỉnh cơn mê.
 Bụi trần khi ấy không còn nhiễm,
 Sống giữa đời tự tại an nhiên.
 Chu Cư sĩ được người kính ngưỡng,
 Là hàng tôn túc đất Côn Sơn.¹
 Khởi tâm từ bi, tạo phúc vô biên,
 Độ muôn người thoát vòng khổ hải.
 So người trước nhiếp ý Long Thư,²
 Đối người sau, khơi nguồn Xích Mộc.³
 Kim đài lồng lộng chiếu mười phương,
 Phẩm hạnh cao vời soi kim cổ.
 Nguyện cho chúng sinh toàn pháp giới,
 Lìa xa ô nhiễm chốn trần ai,
 Quả lành sớm thành tựu viên mãn,
 Đồng sanh Cực Lạc ngự tòa sen.

Nguyên Hòa – Khâu Hồng Nghiệp, tự Ấu Trì

¹ Nguyên tác dùng Lộc Thành (鹿城) là một tên gọi khác của Côn Sơn, quê hương cư sĩ Chu An Sỹ.

² Long Thư: tức Long Thư Cư sĩ, người trước tác Long Thư Tịnh độ văn (龍舒淨土文) vào khoảng năm 1160. Ông tên thật là Vương Nhật Hữu, tự Hư Trung, quê ở huyện Long Thư, (nay thuộc tỉnh An Huy) nên mới lấy hiệu Long Thư Cư sĩ. Không rõ năm sinh, chỉ biết ông mất vào năm 1173).

³ Túc Bành Xích Mộc (彭尺木), sinh năm 1740, mất năm 1796, tên thật là Bành Thiệu Thăng, tự Duẩn Sơ, hiệu Xích Mộc Cư sĩ, cũng có hiệu là Tri Quy Tử, quê ở Trường Châu thuộc tỉnh Giang Tô. Ông đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Cán Long năm thứ 26 (1761), nghiên cứu sâu rộng Phật pháp, trước tu tập Thiên tông, sau hết sức xiển dương Tịnh độ.

Bài tán thứ ba

Sông ái nhiễm ngày thêm sâu thẳm,
Biển trần lao sóng dữ càng cao.
Thương thay chúng sinh cõi Ta-bà,
Tập khí lâu đời khó thay đổi.

Chỉ riêng Cư sĩ đất Côn Sơn,
Phát đại nguyện, hành đạo Bồ Tát.
Biên soạn Toàn thư, gồm mỗi đạo,
Lời lời răn dạy, khuyên người tu.

Khác nào trong nhà tối đã lâu,
Bỗng thấy bừng lên ngọn đuốc sáng.
Lại như té ngã vách núi cao,
Bỗng vói tay nắm được dải lụa.

Tự độ chính mình cũng độ người,
Hiển lộ tâm từ bi lân mẫn.
Một mai quả lành được viên mãn,
Đài sen chói sáng sắc vàng tử kim.

Người sau đã mất đi chuẩn mực,
Nhớ tiếc muôn đời gương mẫu xưa.
May sao có hiền sĩ Thạch Tâm,
Tìm khắp trong những người hậu duệ,
Mừng vui gặp được chân dung Ngài,
Khéo tay mô phỏng thành Thánh tượng.

Đau lòng kẻ sinh sau đến muộn,
 Chưa từng được diện kiến tôn nhan.
 Nay đem hết tâm thành kính ngưỡng,
 Mở sách ra như được gặp Người.

Hướng chi được chiêm bái Thánh tượng,
 Lễ lạy càng sinh lòng kính luyến.
 Lặng lẽ ngưỡng bái biết bao lần,
 Nguyên dùng thuyền Pháp làm phương tiện,
 Cứu độ chúng sinh cõi Ta-bà,
 Hết thầy cùng lên bậc Bất thối.

Nguyên Hòa – Chu Triệu Tiêu, tự Vi Khanh

Bài tán thứ tư

Bao lần đọc kỹ sách tiên sinh,
 Lễ bái hình tượng bậc thoát tục.
 Lời từ rộng độ khắp thế gian,
 Dung mạo phi phạm thêm rục rỡ.

Nhiều đời trước hành đạo Bồ Tát,
 Một kiếp này hiện tướng phạm nhân.
 Dẫn thông suốt vào ra Tam giáo,
 Vẫn một lòng hướng Phật Di-đà.
 Thương thay chúng sinh cõi Ta-bà,
 Trôi giạt bao đời trong sinh tử.
 Lời ngài trong sách được rộng truyền,
 Như sấm rền muôn đời vang vọng.

Chỉ tiếc không được sinh cùng thời,
 Theo hầu bên trước bậc chân tu.
 Bốn mươi năm chẵn thành đạo cả,
 Môn nhân kính ngưỡng như Thái sơn.
 Thắp một nén hương lòng cung kính,
 Đánh lễ bậc Bồ Tát độ sinh,
 Nguyên sớm quay lại cõi Ta-bà,
 Cứu độ chúng sinh vô số lượng.

Lạp Thủy – Khâu Tôn Cẩm, tự Họa Đường.

Bài tán thứ năm

Cư sĩ bậc Tiên sinh quê tôi,
 Lòng thành kính ngưỡng như núi Thái.
 Văn chương lừng lẫy đất Ngọc Phong,
 Gần đây bao người tài tiếp bước.

Chân truyền lý học có Trang Cừ.¹
 Tiếp Bá Lư dạy người trọn đủ.²
 Văn hay nổi tiếng, Quy Chấn Xuyên,³
 Thông suốt sách sử, Cố Diễm Vũ.⁴

¹ Trang Cừ (莊渠), tức Ngụy Hiệu (魏校), tự Tự Tài (字才), hiệu Trang Cừ. Ông vốn trước mang họ Lý, sinh năm 1483, mất năm 1543, là người ở Tô Châu thuộc Côn Sơn, cùng quê với tiên sinh An Sỹ. Trang Cừ tinh thông lý học, có để lại tác phẩm Trang Cừ Di Thư. Ông cũng là thầy dạy của Quy Chấn Xuyên. Đương thời, ông với Lý Thừa Huân, Hồ Thế Trữ và Du Hữu Thiện là 4 học giả được người đời tôn xưng là Nam Đò Tứ quân tử.

² Bá Lư (柏廬), tức Chu Dụng Thuần (朱用純), tự trính hất, hiệu Bá Lư, sinh năm 1617. Ông để lại nhiều tác phẩm, trong đó có ảnh hưởng sâu rộng nhất là Chutử gia huấn (朱子家訓), cũng được biết với tên là Chu Bá Lư trị gia cách ngôn (朱柏廬治家格言).

³ Quy Chấn Xuyên (歸震川), tên thật là Quy Hữu Quang (歸有光), sinh năm 1507, mất năm 1571, tự Hy Phủ hoặc Khai Phủ, hiệu Chấn Xuyên, thường được tôn xưng là Chấn Xuyên Tiên sinh, người ở Thái Thương thuộc Côn Sơn, cùng quê với tiên sinh An Sỹ.

⁴ Nguyên tác dùng Đinh Lâm (亭林) tức Đinh Lâm Tiên sinh, là tôn hiệu của Cố Diễm Vũ (顧炎武), tự Trung Thanh (忠清), sinh năm 1613, mất năm 1682, là bậc văn tài lỗi lạc người phủ Tô Châu thuộc Côn Sơn, cùng quê với Tiên sinh An Sỹ.

*Cư sĩ học thông Nho, Lão, Phật,
Dứt trừ vọng nghiệp, rõ tử sinh.
Soạn hai bộ sách trừ dâm, sát,
Như tiếng quát chấn động người nghe.*

*Cứu vớt chúng sinh khỏi đường mê,
Sau lại chỉ nẻo về Cực Lạc.
Một lòng niệm Phật hướng Tây phương,
Cách muôn cõi nước, gần gang tấc.
Trong hồ bầy báu, hoa sen nở,
Cười bảo người nhà: Phật đón ta!*

*Tôi sinh sau Ngài sáu mươi năm,
Không được gặp sứ giả Như Lai.
Cứu cánh không tìm đâu nơi khác,
Nhân duyên giải thoát chính là đây.
Cư sĩ xưng “người nhớ về Tây”,¹
Riêng tôi ngưỡng vọng theo Cư sĩ.*

Côn Sơn – Phương Bộ Doanh, tự Tiểu Tương

Bài tán thứ sáu

*Ngài hiện thân cư sĩ,
Vi thuyết pháp độ sinh.
Từ Long Thư đến nay,²
Duy nhất chỉ thấy Ngài.*

¹ Tiên sinh An Sy tự lấy hiệu là Hoàì Tây Cư sĩ, nghĩa là người luôn nhớ nghĩ về phương Tây, tức cõi Tịnh độ Tây phương Cực Lạc.

² Long Thư: Tức Vương Nhật Hữu, hiệu Long Thư Cư sĩ, người đã soạn Long Thư Tịnh độ văn, là một hành giả Tịnh độ uyên bác và đã đóng góp lớn lao trong việc xiển dương Giáo pháp này.

Khuyên người tu Tịnh độ,
 Dạy bảo kẻ sơ cơ,
 Đều đưa vào cõi Phật.
 Sách Tây quy trực chỉ,
 Phù hợp cả ba căn.¹
 Bao nhân duyên, thí dụ,
 Gồm đủ vào trong đó.

Ưông Thạch Tâm chí thành,
 Tạo tượng Ngài cúng dường.
 Nay xin khuyên người đời,
 Nên cung kính tin theo.

Ngô Huyện – Chu Hiếu Cai, tự Tâm Hương

Bài tán thứ bảy

Ngài là thiện tri thức,
 Đại Bồ Tát độ sinh.
 Hiện thân trong cửa Khổng,
 Thuyết giảng đạo Thích-ca.
 Khuyên người trì giới luật,
 Nghiêm giữ giới sát, dâm.
 Dạy giáo pháp Ba thừa,
 Sâu xa và rộng khắp.

Đem hết cả thân tâm,
 Phụng sự khắp pháp giới.
 Rộng truyền pháp niệm Phật,

¹ Ba căn: chỉ trong số người tu tập có ba căn cơ khác nhau. Thượng căn là bậc trí tuệ, trung căn là hạng trung bình, hạ căn là những kẻ mê muội tối tăm.

Xiển dương tông Tịnh độ.

*Trừ mê tối khắp nơi,
Hiện mặt trời trí tuệ.
Được đọc sách của Ngài,
Như thấy Ngài hiển hiện.
Cung kính lễ Thánh tượng,
Tâm đạo càng kiên cố.*

*Trước ngài có Long Thư,
Sau lại thêm Xích Mộc.¹
Khoảng giữa chính là ngài,
Trộn thành ba chân vạc.
Giáo pháp lúc suy vi,
Chấn hưng nhờ các vị.
Ngăn dứt bao tà thuyết,
Phá bỏ tục suy đồi.*

*Con sau ngài trăm năm,
Chỉ chiêm ngưỡng hình tượng.
Kính cẩn nâng di thư,
Lòng vui buồn lẫn lộn,
Dòng nước mắt khôn cầm.*

*Ngài xưa hướng về Tây,
Con nay nguyện cũng vậy.
Nguyện được Ngài gia hộ,*

¹ Long Thư chỉ cư sĩ Vương Nhật Hữu, tức Long Thư Cư sĩ, xiển dương Tịnh độ vào đầu thế kỷ 12, trước tiên sinh Chu An Sĩ. Xích Mộc tức Xích Mộc Cư sĩ, tên thật là Bành Thiệu Thăng, đã có chú thích ở trước. Đoạn này trong bài tán muốn nói đến ba người nổi bật như ba chân vạc, giữ vững chắc giáo pháp Tịnh độ.

Sen nở chốn Tây phương.

Phương Ngoại – Thích Tổ Quán, tự Giác A

Bài tán thứ tám

*Trà thơm vương nhẹ giường thiên,
 Năm xưa bao độ triền miên mê lầm.
 Một sớm hoa nở đất tâm,
 Thuyền sang bến giác, dứt mầm khổ vui.
 Quay đầu kính lễ Đạo sư,
 Ta-bà cứu độ, Toàn Thư lưu truyền.*

Đông Mão – Chu Đại Vận

Bài tán thứ chín

*Từng đọc qua sách của Tiên sinh,
 Lòng thường nghĩ nhớ xiết bao tình.
 Lời nhân ái tình thương trải khắp,
 Lễ chân thường thức tỉnh quần mê.
 Mừng vui nay được xem thánh tượng,
 Tâm lành nguyện dốc trọn lai sinh.
 Ngày sau nơi cõi nước an lành,
 Ngẩng đầu ngưỡng vọng kính Tiên sinh.*

Hàng Châu – Phùng Húc Thăng

Bài tán thứ mười

*Một vuông giấy họa nên Thánh tượng,
Mừng vui thay được thấy Chân sư.
Đức cao hậu thế thường kính ngưỡng,
Nguyện lớn từ lâu vẫn hướng Tây.*

*Lưu lại Toàn thư truyền Giáo pháp,
Cứu giúp muôn dân, dạy đạo lành.
Thắp nén hương, ngưỡng trông dung mạo,
Nét thanh tao, quắc thước hiển bày.
Tâm thành, chỉ thêu, nên thánh tượng,
Chân dung Ngài, chiêm ngưỡng không thôi.
Kiếp mạt, thương đời ngăn sóng dữ,
Bến mê, cứu khổ thả bè từ.*

*Gương sáng học theo đường không khó,
Nết xấu dạy người khéo lánh xa.
Mười năm ao ước, tròn nguyện cũ,
Đôi lời xưng tán, rộng truyền lưu.*

(Trước đây mười năm, tôi được quen biết cháu cố nội của Tiên sinh Chu An Sỹ là Thiếu Dung Mậu Tài, nhờ đó nhận được bản thảo sách này. Tôi lại có dịp ở chỗ của Ông Thạch Tâm được nhìn thấy di ảnh của Tiên sinh. Không bao lâu sau, Thiếu Dung qua đời, tôi có ý muốn đem bản thảo này khắc in, nhưng dù cố gắng đã lâu vẫn không thành tựu. Đến nay mới được các ông Ông Tâm Trì, Thẩm Tế Chi cùng giúp tiền vào việc in ấn.)

Nhân Hòa – Hồ Đĩnh, hiệu Đĩnh Thần

Bài tán thứ mười một

*Đại nguyện Hoài Tây nay đã thỏa,
 Hoa khai cõi Phật vạn kiếp xuân.
 Chánh pháp rộng truyền, trời người lợi,
 Lòng từ cứu độ, khắp muôn dân.*

*Cõi mộng vang hồi chuông cảnh tỉnh,
 Bến mê thuyền pháp độ khách trần.
 Tiên sinh công đức tày biển lớn,
 Nghĩ bàn xưng tán chẳng xứng phần.*

*Đến nay còn đó pho sách quý,
 Vui sao được khắc bản lưu hành.
 Thuyết giảng độ người không ngăn ngại,
 Đức lớn ẩn tàng màu nhiệm thay.*

*Tâm thành bút mực đôi dòng kính,
 Khói hương mờ nhạt cảm oai thần.
 Nghiền ngẫm di thư thêm trí tuệ,
 Sen vàng đất Phật quyết có phần.*

(Nhân chỉnh sửa di cáo của Tiên sinh vừa xong, kính đề hai vần thơ trên.)

Cổ Ngô – Uông Phụng Chương, tự Tâm Trì

Bài tán thứ mười hai

*Tâm đại bi vô cùng dững mãi,
 Thuyết pháp độ người không ngăn ngại,
 Như được nghe từ kim khẩu Thế Tôn,
 Khiến cõi đất chấn động theo sáu cách.*

Uông Đại Thân

TIỂU SỬ TIÊN SINH CHU AN SỸ¹

Tiên sinh tên thật là Chu Mộng Nhan, còn có tên khác là Tư Nhân, hiệu An Sỹ, là hàng trí thức ở đất Côn Sơn.

Ngài thông hiểu Kinh tạng, tin sâu pháp môn Tịnh độ nên tự lấy hiệu là Hoài Tây Cư sĩ. Ngài thường suy xét thấy rằng, tất cả chúng sinh tạo vô số tội nghiệp, trong đó có đến hơn một nửa là do hai nghiệp tà dâm và giết hại, nhân đó liền soạn ra hai quyển sách để khuyên răn người đời từ bỏ sự tà dâm và giết hại.

Sách khuyên người bỏ sự giết hại lấy tên là Vạn thiện tiên tư,² lời lẽ thiết tha thành khẩn, ý tứ sâu xa cảm động lòng người. Theo lời ngài kể lại thì mỗi khi đi qua bất kỳ miếu thần nào cũng đều có lời khẩn nguyện rằng:

“Nguyện chư vị thần linh hãy phát tâm xuất thế, đừng thọ hưởng những đồ cúng tế bằng máu thịt chúng sinh, một lòng thường niệm đức Phật A-di-đà, cầu vãng sinh Tây phương Tịnh độ. Chu Tư Nhân này kể từ năm 24 tuổi cho đến cuối đời, nguyện rằng nếu có tự tay giết hại dù một con cá nhỏ, cho đến những người trong nhà tôi nếu có ai làm tổn hại đến con muỗi, con kiến, xin tôn thần thẳng tay nghiêm trị, nổi lên sấm sét đánh nát những sách tôi viết ra.

“Lại kể từ năm 24 tuổi cho đến cuối đời, xuống sông gặt cá, ngẩng mặt thấy chim, nếu như không nghĩ việc cứu giúp phóng sinh mà còn khởi tâm giết hại, cũng xin chịu sự trừng phạt như trên.

“Lại kể từ năm 24 tuổi cho đến cuối đời, dù là trong giấc mộng, nếu thấy người giết hại chúng sinh mà không hết lòng

¹ Phần này trong nguyên bản là Chu An Sỹ cư sĩ truyện, cùng với toàn bộ nội dung sách Tây Quy trực chỉ được đưa vào Vạn tân toàn Tục tạng kinh, thuộc Tập 62, kinh số 1173, bắt đầu từ trang 99, tờ a.

² Do ý nghĩa này nên khi chuyển dịch sang Việt ngữ chúng tôi đã lấy tựa đề cho phần này là Khuyên người bỏ sự giết hại.

xưng danh hiệu Phật, không khởi tâm cứu giúp, ngược lại còn vui vẻ tán thành, cũng xin chịu sự trừng phạt như trên.”

Về quyển sách khuyên người bỏ sự tham dục của tiên sinh, tựa đề là Dục hải hồi cuồng,¹ khuyên hết thảy những người nặng lòng tham dục, trước tiên dùng phương tiện quán chiếu việc ở trong thai mẹ như tù ngục, thấy rõ đủ mọi sự khổ não, do đó liền dứt trừ được tâm tham dục.

Tiếp theo dạy người quán xét thân thể bằng xương thịt này, là nơi hội tụ của đủ loại ký sinh trùng, thường lưu chuyển trong thân người, ăn hút tủy não, máu thịt của người. Cách quán chiếu này được xem như mở ra phương tiện ban đầu của phép quán bất tịnh.

Tiếp theo nữa lại dạy việc quán chiếu thân thể kẻ nam người nữ đều chứa đựng những máu, mủ, đờm dãi... đầy những thứ nhơ nhớp, chẳng khác nào một hố phân hôi hám chất chứa phần uế. Dùng phép quán này làm phương tiện đối trị để dứt trừ tham dục.

Tiếp theo nữa lại dạy quán xác chết nằm cứng đờ ngửa mặt, khí lạnh thấu xương, đến khi thối rữa, nước mủ vàng từ trong rỉ chảy ra, hôi thối không sao chịu nổi, giò bọ rúc rĩa khắp trong thân cắn rứt, cho đến khi da thịt đều hoại nát, xương cốt cũng tách lìa, thậm chí trải qua thời gian rồi mồ mả xói mòn, xương cốt lộ ra bị người, thú giẫm đạp... Quán xét như vậy rồi thấy rằng, chính thân thể này của mình cuối cùng cũng sẽ phải trải qua sự hư hoại như vậy không khác.

Tiếp theo lại quán chiếu theo như lời dạy trong kinh Pháp Hoa về nhân duyên, về tướng sinh, tướng diệt, tướng không sinh không diệt. Đây là phương tiện dứt trừ đến tận cội nguồn tham dục.

¹ Do ý nghĩa này nên khi chuyển dịch sang Việt ngữ chúng tôi đã lấy tựa đề cho phần này là Khuyên người bỏ sự tham dục.

Tiếp theo lại quán tự thân mình ở thế giới Cực Lạc, hóa sinh từ hoa sen giữa hồ bảy báu, hoa nở liền được thấy Phật A-di-đà ngự trên tòa sen báu, có đủ các tướng lành trang nghiêm thân Phật, lại thấy tự thân mình được lễ bái cúng dường Phật. Khi quán chiếu như vậy rồi liền phát nguyện vãng sinh về thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn lìa thoát khỏi hố hầm tham dục. Phép quán này là phương tiện rất ráo để đạt đến sự giải thoát.

Tiên sinh lại biên soạn sách Âm chất văn quảng nghĩa giảng rộng nghĩa lý bài văn Âm chất để khuyên người tin sâu nhân quả,¹ gồm 2 quyển,² sách Tây quy trực chỉ gồm 4 quyển, khuyên người tu tập niệm Phật cầu vãng sinh.³

Vào tháng giêng niên hiệu Càn Long năm thứ tư,⁴ ngài từ biệt người nhà, nói là sắp về Tây phương Cực Lạc. Người nhà xin nấu nước thơm để tắm rửa, ngài gạt đi mà nói: “Ta vốn tắm nước thơm từ lâu rồi!” Ngài vẫn cười nói vui vẻ an nhiên cho đến lúc qua đời. Khi ấy có mùi hương thơm lạ ngào ngạt tỏa lan khắp nhà.

Năm ấy, ngài thọ được 84 tuổi.

MƯỜI ĐIỀU THÙ THẮNG Ở CÔI TÂY PHƯƠNG

1. Hóa sinh từ hoa sen, khác biệt với côi Ta-bà sinh trưởng từ bào thai.

2. Sinh ra liền được tướng hảo đoan nghiêm, khác biệt với côi Ta-bà thọ thân xương thịt ô uế.

¹ Do ý nghĩa này nên khi chuyển dịch sang Việt ngữ chúng tôi đã lấy tựa đề cho phần này là Khuyên người tin sâu nhân quả, cũng phân làm 2 quyển thượng, hạ như nguyên tác.

² Nguyên bản khắc là 三卷 (tam quyển) nhưng thực tế chỉ có 2 quyển (thượng, hạ), có lẽ người viết bài này đã nhầm, hoặc cũng có thể do trước đây có lần khắc in nào đó chia sách này làm 3 quyển chăng?

³ Do ý nghĩa này nên khi chuyển dịch sang Việt ngữ chúng tôi đã lấy tựa đề cho phần này là Khuyên người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ.

⁴ Tức là năm 1739.

3. Mặt đất khắp nơi bằng vàng ròng, khác biệt với cõi Ta-bà đất cát dơ nhớp.

4. Y phục và thức ăn tự nhiên hóa hiện, khác biệt với cõi Ta-bà thường chịu khổ đói rét.

5. Cung điện tùy ý hiện ra, khác biệt với cõi Ta-bà phải vất vả xây dựng.

6. Tùy ý đi lại giữa hư không, khác biệt với cõi Ta-bà thân như túi da chứa đầy bệnh khổ.

7. Được sống chung cùng bạn lành yêu kính, khác biệt với cõi Ta-bà oan gia thường đối mặt.

8. Tuổi thọ dài lâu không thể suy lường, khác biệt với cõi Ta-bà sống chết ngắn ngủi trong gang tấc.

9. Vinh viễn không còn thối chuyển, khác biệt với cõi Ta-bà nghiệp duyên che chướng đường tu.

10. Được thọ ký sẽ thành Phật, khác biệt với cõi Ta-bà nhiều lần luân chuyển trong ba đường ác.

- Từ điều thứ nhất đến điều thứ năm, so sánh giữa ô uế với thanh tịnh, khác biệt rất xa một trời một vực.

- Từ điều thứ nhất đến điều thứ tư và từ điều thứ sáu đến điều thứ mười, so sánh giữa khổ não với an vui, khác biệt rất xa một trời một vực.

- Các điều thứ tư, thứ năm, thứ chín và thứ mười, so sánh giữa đời sống dễ dàng với khó khăn, khác biệt rất xa một trời một vực.

ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ RỘNG KHUYÊN MỌI NGƯỜI NIỆM PHẬT

- Nếu người giàu sang, hiện được mọi sự thọ dụng, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người nghèo khó, gia đình suy vi khổ lụy, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người có con, tông đường đã có thể phó thác, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người không con, sống cô độc không ràng buộc, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người có con hiếu, an ổn được sự phụng dưỡng, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người có con ngỗ nghịch, không sinh lòng thương yêu lưu luyến, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người được thân thể khỏe mạnh không bệnh tật, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người mắc phải bệnh tật, mạng sống mong manh trong sớm tối, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người cô quả, sống đơn chiếc không ràng buộc, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người bị tai nạn, gặp cảnh cùng khốn cùng, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người già yếu, mạng sống chẳng còn bao lâu, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người tuổi trẻ, tinh thần sáng suốt nhanh nhạy, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu người sống an nhàn, trong lòng không bị điều gì quấy nhiễu, nhân đó rất nên niệm Phật.

- Nếu người bận rộn, thỉnh thoảng mới có một được đôi khi rảnh rỗi, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu là người xuất gia, sống vượt ngoài thế sự, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu là người tại gia, rõ biết ba cõi như căn nhà đang cháy cần phải thoát ra, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu là người thông minh trí tuệ, hiểu thấu ý nghĩa Kinh điển, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu là người ngu si đần độn, không có được bất kỳ khả năng gì khác, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu là người tu tập pháp thiện, ngộ ra được tất cả các pháp đều do tâm tạo, nhân đó rất nên niệm Phật.
- Nếu là người tu theo đạo tiên, cầu được sống lâu muôn tuổi, nhân đó rất nên niệm Phật.¹

NIỆM PHẬT CÓ CHÍN ĐIỀU THÙ THẮNG

1. Câu Phật hiệu chỉ có ít chữ, rất dễ niệm, không như kinh chú rất khó trì tụng.
2. Có thể niệm Phật ở bất cứ đâu, không nhất thiết phải đối trước bàn thờ Phật.

¹ An Sỹ toàn thư không dẫn chú phần này. Chúng tôi tìm thấy trong sách Vân Thê Tịnh độ vựng ngữ (雲棲淨土彙語) thuộc Vạn tân toàn Tục tạng kinh, Tập 62, kinh số 1170. Phần trích dẫn bắt đầu từ dòng 19 thuộc trang 2, tờ c. Các đoạn cuối của phần này có đôi chút khác biệt so với phần trích dẫn của An Sỹ toàn thư, nguyên văn như sau: 若人聰明。通曉淨土。正好念佛。若人愚魯。別無所能。正好念佛。若人持律。律是佛制。正好念佛。若人看經。經是佛說。正好念佛。若人參禪。禪是佛心。正好念佛。若人悟道。悟須佛證。正好念佛。(Nhuộc nhân thông minh, thông hiểu tịnh độ, chính hảo niệm Phật. Nhuộc nhân ngu lỗ, biệt vô sở năng, chính hảo niệm Phật. Nhuộc nhân trì luật, luật thị Phật chế, chính hảo niệm Phật. Nhuộc nhân khán kinh, kinh thị Phật thuyết, chính hảo niệm Phật. Nhuộc nhân tham thiền, thiền thị Phật tâm, chính hảo niệm Phật. Nhuộc nhân ngộ đạo, ngộ tu Phật chứng, chính hảo niệm Phật.) Nội dung theo An Sỹ toàn thư lại xét thấy có phần hợp lý hơn nên chúng tôi ngờ rằng bản văn mà tiên sinh An Sỹ đã dùng để trích có thể chính xác hơn bản văn được lưu giữ trong Tục tạng kinh hiện nay.

3. Có thể niệm Phật bất kỳ lúc nào, không nhất thiết phân biệt lúc sớm tối, khi bận rộn hay nhàn rỗi.

4. Ai ai cũng có thể niệm Phật, không phân biệt kẻ sang người hèn, kẻ trí người ngu.

5. Người niệm Phật được tăng trưởng phước đức.

6. Người niệm Phật được tiêu trừ tội nặng. Trong kinh dạy rằng: “Chỉ tâm niệm Phật một tiếng có thể tiêu diệt tám mươi ức kiếp tội nặng trong sinh tử.”

7. Người niệm Phật được chư thiên, các vị thần đều cung kính.

8. Người niệm Phật thì loài quỷ xấu ác đều phải tránh xa.

9. Người niệm Phật khi lâm chung được vãng sinh, nhất định sẽ được đức Phật thọ ký.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM TRONG ĐẠO PHẬT VỀ LUÂN HỒI

1. Các tầng trời trong ba cõi

- Cõi Dục: 6 tầng trời
- Cõi Sắc: 18 tầng trời, bao gồm:
 - Sơ thiên: 3 tầng trời
 - Nhị thiên: 3 tầng trời
 - Tam thiên: 3 tầng trời
 - Tứ thiên: 9 tầng trời
- Cõi Vô sắc: 4 tầng trời

(Tổng cộng có 28 tầng trời trong ba cõi.)

2. Bốn cách sinh (tứ sinh)

Bao gồm các chúng sinh được sinh ra từ trứng (noãn sinh), từ bào thai (thai sinh), từ sự ẩm ướt (thấp sinh) và từ sự biến hóa (hóa sinh).

3. Sáu cõi luân hồi (lục đạo)

1. Cõi trời của chư thiên.
2. Cõi người của nhân loại.
3. Cõi a-tu-la.
4. Cõi địa ngục.
5. Cõi ngạ quỷ.
6. Cõi súc sinh.

Có một số cách phân biệt khác nhau đối với 6 cõi này. Như khi nói 2 đường lành thì chỉ đến 2 cõi trời và người, nhưng khi nói 3 đường lành thì bao gồm thêm cõi a-tu-la.

Tương tự, khi nói đến 3 đường ác thì chỉ đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, nhưng khi nói 4 đường ác thì bao gồm thêm cõi a-tu-la.

Như vậy, chỉ riêng cõi a-tu-la có thể được xem như cõi lành (thiện đạo) hoặc cõi ác (ác đạo).

BẢY PHÉP QUÁN BẤT TỊNH

Quán xét việc ở trong thai mẹ bất tịnh

1. Quán xét chúng tử bất tịnh, vì từ nơi ái dục mà sinh ra.
2. Quán xét việc thọ sinh bất tịnh, vì từ nơi tinh trùng và máu

huyết trộn lẫn mà thành.

3. Quán xét chỗ trú ngụ bất tịnh, vì thai nhi nằm bên dưới tạng phủ.

4. Quán xét thực phẩm nuôi dưỡng bất tịnh, vì thai nhi sống nhờ máu huyết người mẹ.

Quán xét việc sinh ra khỏi thai mẹ bất tịnh

5. Quán xét việc sinh ra là bất tịnh, vì thai nhi phải đi qua đường bất tịnh.

6. Quán xét khắp thân thể đều bất tịnh, như trong ruột luôn chứa đầy phân uế.

7. Quán xét đến rốt cùng là bất tịnh, vì khi sinh mạng chấm dứt, thân thể hư hoại thối rữa.

BA HẠNG NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH SẼ ĐƯỢC VĂNG SINH

Kinh Thập lục quán dạy rằng: “Những người tu tập các pháp quán [trong kinh này], có ba hạng người quyết định sẽ được vãng sinh.

“Thứ nhất là những người biết hiếu dưỡng cha mẹ, giữ tâm từ bi không giết hại vật mạng, tu tập Mười nghiệp lành.

“Thứ hai là những người đã thọ Tam quy, nghiêm trì đầy đủ giới luật, không phạm vào các oai nghi [do Phật chế định].

“Thứ ba là những người phát tâm Bồ-đề, tụng đọc Kinh điển Đại thừa, khuyến khích khuyên bảo người khác cùng tu tập.”¹

¹ Ba điều này gọi là Tam phúc. Hòa thượng Tịnh Không khi thành lập Tịnh tông Học hội đã đưa vào quy chế tu tập (cùng với Lục hòa), xem như tôn chỉ của Học hội.

NĂM TÂM LÀNH GIÚP NGƯỜI TU CHẮC CHẴN ĐƯỢC VĂNG SINH

1. Phát tâm chán bỏ xa lìa: vì quán xét thấy thế giới Ta-bà này có đủ tám loại khổ,¹ là nơi oan gia tụ hội.
2. Phát tâm mến mộ yêu thích: vì quán xét thấy thế giới Tây phương Cực Lạc có vạn điều phúc lành trang nghiêm cõi nước, thọ mạng dài lâu không thể suy lường.
3. Phát tâm báo đáp ân đức: vì quán xét thấy công ơn cha mẹ, các bậc sư trưởng đều hết sức lớn lao, chỉ khi thành Phật mới có đủ khả năng đền đáp, [nên cầu được vãng sinh về Tây phương Cực Lạc, được thọ ký thành Phật].
4. Phát tâm sợ sệt: vì quán xét thấy nếu không được vãng sinh về Cực Lạc thì nhất định phải chịu nghiệp quả trôi lăn trong ba đường ác.
5. Phát tâm từ bi thương xót: vì quán xét thấy tất cả chúng sinh đang chịu nhiều khổ não, nguyện được vãng sinh thành Phật để cứu độ tất cả.

CHÍN PHÉP QUÁN TƯỢNG TỬ THI

1. Quán tưởng tử thi mới chết: thân thể nằm ngửa cứng đờ, khí lạnh thấu xương.
2. Quán máu đông ứ đọng trong thân: sau khi chết được ba, bốn ngày, xác chết biến thành màu xanh tím thâm đen.
3. Quán chất mù rỉ chảy ra: khi thân thể xanh tím trương sinh vỡ ra, máu mù hôi hám rỉ chảy khắp nơi.
4. Quán xác chết tan rã hư hoại: khi máu mù thịt da đều tan rã, chỉ

¹ Tám loại khổ (bát khổ), bao gồm: 1. Sanh là khổ; 2. Già là khổ; 3. Bệnh là khổ; 4. Chết là khổ; 5. Mong cầu không được là khổ; 6. Năm âm phát triển bất thường là khổ; 7. Xa lìa người thương yêu là khổ; 8. Gặp gỡ, gần gũi kẻ oán ghét là khổ.

còn như một đồng xương thịt thối nát.

5. Quán xương cốt hôi thối: khi chỉ còn lại năm xương tàn nơi thi thể đã phân hủy hết, mùi hôi thối bốc lên kinh khủng đến mức những người thân yêu nhất cũng phải bịt mũi tránh xa.

6. Quán giò bọ rúc ria: trong suốt thời gian xác chết phân hủy, vô số các loại giò bọ sinh ra, rúc ria khắp thi thể.

7. Quán xác chết đã phân hủy hết, chỉ còn lại các đốt xương được dính với nhau nhờ các dây gân.

8. Quán các dây gân cuối cùng cũng tan rã hết, chỉ còn lại những đốt xương trắng rời rạc nằm rải rác.

9. Quán những đốt xương cuối cùng rồi cũng khô mục, hư hoại, dần dần tiêu tán hết.

Khi thực hành chín phép quán trên đây, đều thấy rõ ràng chính bản thân mình trong tương lai chắc chắn rồi cũng không tránh khỏi những tiến trình ấy. Do đó phải sớm nhận biết, hiểu rõ mà lo việc niệm Phật cầu sinh Tịnh độ.

Phép quán xương trắng

Trong phép quán này, hành giả quán chiếu những điều mình theo đuổi, bám giữ trong suốt cuộc đời bao gồm: con cái, tiền bạc châu báu, nhà cửa, ruộng vườn, quan tước địa vị, danh dự, tri thức, tài nghệ. Tám điều ấy rốt cùng khi chết đi đều chẳng mang theo được, chỉ còn tro lại một bộ xương trắng. Nên có thơ rằng:

Một khi quán xét kỹ mọi điều,

Hết thấy buông tay chẳng mang theo.

Sao không sớm liệu đường tu tập,

Thoát khổ về Tây, vẹn muôn bề.

BẢY ĐIỀU ĐÁNG TIẾC

1. Đức Phật A-di-đà vốn có lời nguyện lớn cứu khổ chúng sinh, nhưng ta lại không đến được đài sen vàng nơi Cực Lạc; Diêm chúa thật vô tình chẳng thương xót ai, nhưng ta lại tự chuốc lấy hình phạt nơi ấy. Đó là điều đáng tiếc thứ nhất.

2. Hoa đồng cỏ nội sớm nở tối tàn lại trăm cách tìm cầu, nhưng không cầu sinh về nơi có rừng cây báu vĩnh viễn không tàn úa. Đó là điều đáng tiếc thứ hai.

3. Hiện tại đang phải chịu nỗi khổ đói rét, nhưng không cầu sinh về nơi có y phục, thức ăn tự nhiên hóa hiện. Đó là điều đáng tiếc thứ ba.

4. Người đời từ xưa đến nay vốn đều không tránh khỏi cái chết, nhưng lại chưa từng thấu hiểu được sau khi chết sẽ đi về đâu. Đó là điều đáng tiếc thứ tư.

5. Hiện nhà quán chợ tối tàn mà trọn đời cứ vất vả kinh doanh mưu lợi, nhưng lại không cầu sinh về nơi có cung điện nguy nga bằng bảy báu. Đó là điều đáng tiếc thứ năm.

6. Bệnh tật nhỏ nhặt đã lo lắng cầu thầy chữa trị, nhưng lại không cầu sinh về nơi vĩnh viễn không tật bệnh. Đó là điều đáng tiếc thứ sáu.

7. Bỏ rừng vượt suối, lên núi xuống ngàn, đều là vì mong cầu tìm thầy học đạo, nhưng Phật A-di-đà hiện tại đang thuyết pháp lại không cầu được gần gũi để chiêm bái nương theo. Đó là điều đáng tiếc thứ bảy.

Từ điều thứ nhất đến điều thứ sáu đều là do không rõ biết.

Các điều thứ nhất, thứ hai, thứ tư, thứ sáu và thứ bảy là do không có lòng tin.¹

¹ Từ phần Mười điều thù thắng ở cõi Tây phương cho đến hết phần Bảy điều đáng tiếc này, trong nguyên tác trình bày bằng các biểu đồ, chúng tôi chỉ căn cứ nội dung để thể hiện lại mà thôi.

LỜI DẪN VỀ VIỆC KHẮC BẢN IN LẠI SÁCH TÂY QUY TRỰC CHỈ

Những trước tác của tiên sinh Chu An Sỹ còn lưu truyền ở đời, kể ra có 4 bộ sách. Thứ nhất là Âm chất văn quảng nghĩa (khuyên người tin sâu nhân quả), thứ hai là Vạn thiện tiên tư tập (khuyên người bỏ sự giết hại), thứ ba là Dục hải hồi cuồng (khuyên người bỏ sự tham dục) và thứ tư là Tây quy trực chỉ (khuyên người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ). Những ai may mắn được xem qua các sách này, thấy đều mừng vui tin nhận làm theo, vì thế mà khắp nơi đều khắc bản in ra, lưu hành rất rộng.

Riêng bộ sách Tây quy trực chỉ, trước đây vốn đã qua sự san định sửa đổi của Giang Thiết Quân ở Ngô Môn,¹ không còn giống như khi Chu tiên sinh viết ra. Họ Giang cho rằng nội dung quyển Cương yếu² chẳng qua chỉ là trích lấy phần toát yếu trong bản soạn tập Đại Di-đà kinh của Vương Long Thư³ đưa vào cùng 48 lời nguyện [của đức Phật A-di-đà] mà thôi, nay [ông ấy] đã mang bản kinh Vô Lượng Thọ dịch vào đời Ngụy⁴ hợp với 2 bản luận của Lâm cư sĩ mà khắc bản lưu hành, nên phần Cương yếu không cần phải khắc in nữa. Đó là không biết rằng trọn bản sách Tây quy trực chỉ này của Chu tiên sinh, đều là trích soạn từ trước tác của nhiều người [chứ không riêng gì phần Cương yếu], nếu cho rằng vì các bản khác đã có rồi nên không cần in lại, thì trọn sách này không khỏi phải dần dần bị cắt bỏ cho đến hết mất.

Nay tôi đến chỗ Chu Quân Bảo ở Ngu Sơn, được cư sĩ Thăng Liên tặng cho một bản khắc nguyên bản [sách Tây quy trực chỉ],

¹ Ngô Môn ngày nay thuộc huyện Cam Cốc, tỉnh Cam Túc.

² Tức là quyển thứ nhất của Tây quy trực chỉ.

³ Ở đây muốn nói đến các phần kinh văn được trích dẫn trong sách Long Thư Tịnh độ văn của cư sĩ Vương Nhật Hưu tức Vương Long Thư.

⁴ Tức bản Hán dịch của Khang Tăng Khải, gồm 2 quyển, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 360.

vừa nhìn thấy thật hết sức vui mừng không kể xiết, tin chắc rằng đó là do nguyện lực của Chu tiên sinh gia trì, đặc biệt còn lưu giữ được bản này để mang lại lợi lạc cho người đời sau. Tôi liền gấp rút giao cho thợ khắc bản in, để khôi phục sách này trở lại như nguyên tác ban đầu.

Chu tiên sinh từng có lời nguyện rằng: “Nguyện đem hạt giống sen vàng chín phẩm cõi Tây phương, gieo trồng trong khắp cõi Ta-bà.” Đó chính là mong muốn cho sách này được lưu hành rộng khắp, truyền mãi về sau.

*Tháng giêng, niên hiệu Quang Tự năm thứ 12¹
Nhân Sơn - Dương Văn Hội
Kính ghi*

¹ Tức là năm 1886.

Lời dẫn

Đức Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Ngài thương xót hết thảy chúng sinh trôi lăn trong sáu đường luân hồi, sống chết nối nhau, chịu đựng khổ não không cùng tận. Cho nên, trong hết thảy các cõi Phật mười phương, ngài đã chỉ ra thế giới Cực Lạc ở phương Tây để giúp chúng sinh biết chỗ hướng về. Ngài lại truyền dạy một pháp môn hết sức đơn giản thuận tiện, chỉ cần niệm tưởng đến đức Phật A-di-đà liền được vãng sinh. Đây quả thật là con thuyền từ lớn lao giữa biển khổ sinh tử.

Tôi nhờ phước báu sâu dày từ đời trước, may mắn được gặp pháp môn này, không dám quên ơn đức sâu nặng của đức Đại từ Như Lai, nên mang những yếu chỉ trong hai bản kinh A-di-đà, gồm đại bản¹ và tiểu bản,² trích yếu khái quát lại đưa vào một bản văn, giúp người đọc xem qua một lần có thể dễ dàng nắm hiểu rõ ràng, đặt tên là Cương yếu của pháp môn Tịnh độ.

Ngài A-nan thưa thỉnh

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: Một hôm, dung nhan của đức Thế Tôn bỗng dung có sự biến chuyển [trang nghiêm] khác thường, ngài A-nan liền thưa thỉnh nguyên do.

Đức Phật dạy: Sự thưa hỏi của ông hôm nay lợi lạc còn hơn cả việc cúng dường tất cả các vị Thanh văn, Duyên giác cùng bố thí cho hết thảy chư thiên, nhân dân, cho đến tất cả các loài hữu tình trong bốn cõi thiên hạ. Lại cho dù trải qua nhiều kiếp tiếp tục cúng dường bố thí như vậy, nhiều hơn gấp trăm ngàn lần,

¹ Tức Phật thuyết Đại A-di-đà kinh (佛說大阿彌陀經) do Vương Nhật Hưu hiệu tập vào đời Tống, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 364, bắt đầu từ trang 326, tờ c. Từ đây về sau chúng tôi sẽ gọi tên kinh này là Đại A-di-đà.

² Tức Phật thuyết A-di-đà kinh (佛說阿彌陀經), do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Hán văn, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 366, bắt đầu từ trang 346, tờ b. Từ đây về sau chúng tôi sẽ gọi tên kinh này là A-di-đà.

cũng không thể lợi lạc bằng sự thua hỏi này. Vì sao vậy? Vì hết thầy chư thiên cho đến các bậc đế vương, nhân dân trong cõi người, tất cả đều nhờ câu hỏi của ông hôm nay mà được [truyền dạy] pháp môn giải thoát.”¹

Lời bàn

Xét theo đây thì có thể thấy rằng, pháp môn Tịnh độ không chỉ là thuyền từ cứu vớt nhân loại, mà cũng là ngọn đuốc soi đường giải thoát cho chư thiên, phải thận trọng chớ nên khinh thường.

Hai lần nêu rõ cõi Cực Lạc

Kinh A-di-đà chép rằng: “Về phương Tây, cách đây mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Ở cõi ấy có đức Phật hiệu A-di-đà hiện nay đang thuyết pháp. Xá-lợi-phất! Tại sao cõi ấy gọi là Cực Lạc? Vì nơi ấy chúng sinh không có những sự khổ não, chỉ hưởng các điều vui sướng, nên gọi là Cực Lạc.”²

Nhân duyên quá khứ

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Cách đây vô lượng kiếp, có đức Phật hiệu là Thế Tụ Tại Vương ra đời hóa độ chúng sinh. Lúc bấy giờ có vị đại quốc vương đến nghe thuyết pháp, được tức thời giác ngộ, liền từ bỏ ngôi vua xuất gia tu tập, thành một vị tỳ-kheo hiệu là Pháp Tạng, nay chính là đức Phật A-di-đà.

“Khi ấy, tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước đức Phật Thế Tụ Tại Vương mà phát 48 lời đại nguyện, vì muốn cứu độ chúng sinh

¹ Đoạn này so sánh câu chữ thì nhận ra không được trích từ kinh Phật thuyết Đại A-di-đà, mà được trích lại từ sách Long Thư tăng quảng Tịnh độ văn (龍舒增廣淨土文) do Vương Nhật Hưu soạn vào đời Tống, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 47, kinh số 1970, trang 257, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ nhất.

² Đoạn kinh văn trích dẫn này nằm trong kinh Phật thuyết A-di-đà, Đại Chánh tạng, Tập 12, kinh số 366, trang 346, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 10.

nên ngài hết sức tinh tấn tu hành, đạt đến địa vị Bồ Tát.

“Bồ Tát ấy bên trong tu tập trí tuệ, bên ngoài tu tạo phúc đức, đối với hết thảy mọi việc trong thế gian, không một việc gì ngài không thấy biết. Sau đó lại thác sinh vào cảnh giới của tất cả chúng sinh, hóa hiện hình thể giống như họ, thông hiểu ngôn ngữ của họ, để nhân đó giáo hóa cho tất cả. Vì thế, trên từ thiên đế, dưới đến các loài côn trùng, không một chúng sinh nào ngài không mong muốn cứu độ cho được siêu sinh về thế giới Cực Lạc.”¹

Tròn nguyện xưa, thành quả Phật

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Đức Phật A-di-đà trải qua nhiều đại a-tăng-kỳ kiếp thực hành hạnh Bồ Tát, không nề mọi sự gian khổ, từ trong tay ngài thường hóa hiện ra đủ các loại y phục, thức ăn, âm nhạc, cho đến những thứ thiết yếu nhất để bố thí, ban cho tất cả chúng sinh, khiến cho hết thảy đều được vui mừng, hoan hỷ. Ngài phát tâm Bồ-đề đã trải qua vô số trăm ngàn vạn ức kiếp mới được thành tựu 48 lời đại nguyện đã phát khởi trước đây rồi chứng đắc quả vị Phật. Cho nên, vô số chúng sinh trong mười phương, chỉ cần một niệm quy y liền được vãng sinh về cõi nước của ngài.”²

Bốn mươi tám đại nguyện

Đại nguyện thứ nhất:

Sau khi ta thành Phật, nguyện trong cõi nước của ta tránh khỏi ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cho đến không có

¹ Phần kinh văn trích dẫn này nằm trong kinh Phật thuyết Đại A-di-đà, Đại Chánh tạng, Tập 12, kinh số 366, trang 346, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 10.

² Tương tự như đoạn trích trên, đoạn này cũng được trích từ sách Long Thư tăng quang Tịnh độ văn (龍舒增廣淨土文), trang 258, tờ a, bắt đầu từ dòng thứ 20.

cả các loài trùng bọ biết bò, biết bay, biết động đậy...¹

Đại nguyện thứ nhì:

Sau khi ta thành Phật, nguyện trong cõi nước của ta không có nữ giới. Tất cả chư thiên, loài người cho đến các loài trùng bọ biết bò, biết bay, biết động đậy... trong vô số thế giới khác, nếu được sinh về cõi nước của ta đều sẽ hóa sinh từ hoa sen quý trong hồ nước bằng bảy báu.

Đại nguyện thứ ba:

Sau khi ta thành Phật, nguyện chúng sinh trong cõi nước của ta khi muốn ăn liền có trăm vị ngon lạ tự nhiên hiện ra trong bát quý bằng bảy báu. Sau khi ăn xong thì bát ấy tự nhiên biến mất.

Đại nguyện thứ tư:

Sau khi ta thành Phật, chúng sinh trong cõi nước của ta khi cần đến y phục thì vừa nghĩ đến liền có ngay đúng như ý muốn, không bao giờ phải cần đến những việc cắt, may, nhuộm, sửa...

Đại nguyện thứ năm:

Sau khi ta thành Phật, nguyện trong cõi nước của ta từ mặt đất lên tận hư không đều có những cung điện lầu gác xinh đẹp, có đủ các hương thơm vi diệu hợp thành. Hương thơm ấy xông khắp các thế giới trong mười phương. Những chúng sinh nào ngửi được mùi hương ấy đều phát tâm tu theo hạnh Phật.

¹ Tất cả các lời nguyện ở đây đều trích theo kinh Phật thuyết Đại A-di-đà nhưng bỏ đi phần cuối của mỗi câu là: 不得是願終不作佛。(bất đắc như nguyện chung bất tác Phật. - nếu không được như lời nguyện, ta sẽ không thành Phật.) Ngoài ra, 4 chữ ở đầu mỗi lời nguyện là 我作佛時 (ngã tác Phật thời - khi ta thành Phật) cũng thỉnh thoảng bị lược bỏ đi. Xét thấy 4 chữ này có ý nghĩa cần thiết nên khi dịch chúng tôi đã bổ sung đầy đủ, riêng phần cuối chúng tôi vẫn lược đi theo ý soạn giả vì không làm thay đổi ý nghĩa các lời nguyện. Xem nguyên bản Hán văn trong Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 364, trang 328, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 11.

Đại nguyện thứ sáu:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta đều thương yêu kính trọng lẫn nhau, không có lòng ganh ghét oán giận.

Đại nguyện thứ bảy:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta đều không có các tâm tham lam, sân hận và si mê.

Đại nguyện thứ tám:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta đều cùng một tâm lành, không nghi ngờ lẫn nhau. Có điều gì vừa muốn nói ra thì tự nhiên đều hiểu được ý nhau.

Đại nguyện thứ chín:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta đều không nghe biết đến những danh từ chỉ sự bất thiện, hưởng chi là thật có những điều ấy.

Đại nguyện thứ mười:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta đều biết rõ thân thể là hư huyễn, không có tâm tham đắm.

Đại nguyện thứ mười một:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta tuy có phân ra loài người và chư thiên khác nhau, nhưng đều có hình thể toàn một màu vàng ròng, vẻ mặt đoan chánh đẹp đẽ.

Đại nguyện thứ mười hai:

Sau khi ta thành Phật, ví như chư thiên và loài người trong khắp vô lượng thế giới mười phương thấy đều chúng quả Thanh văn, Duyên giác, cũng không có khả năng biết được tuổi thọ của ta được bao nhiêu vạn ức kiếp.

Đại nguyện thứ mười ba:

Sau khi ta thành Phật, ví như chư thiên và loài người trong cả ngàn ức thế giới mười phương thấy đều chúng quả Thanh văn, Duyên giác, đều một lòng cùng nhau tính đếm số lượng chư thiên, loài người trong cõi nước của ta, cũng không thể biết được số lượng ấy.

Đại nguyện thứ mười bốn:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta đều có thọ mạng dài lâu vô số kiếp, không ai có thể tính đếm được.

Đại nguyện thứ mười lăm:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta thấy đều được thọ hưởng những sự khoái lạc không khác gì các bậc tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc.

Đại nguyện thứ mười sáu:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của ta đều trụ nơi địa vị chánh tín, lìa xa mọi tư tưởng điên đảo, phân biệt, các căn đều tịch tĩnh, dùng lắng cho đến lúc đạt được Niết-bàn.

Đại nguyện thứ mười bảy:

Sau khi ta thành Phật, sự thuyết giảng kinh điển và tu hành đạo pháp đều nhiều hơn gấp mười lần so với chư Phật.

Đại nguyện thứ mười tám:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho tất cả chúng sinh trong cõi nước của ta đều rõ biết hết thấy những kiếp quá khứ, biết được mọi sự việc đã xảy ra trong trăm ngàn muôn ức na-do-tha¹ kiếp.

Đại nguyện thứ mười chín:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho tất cả chúng sinh trong cõi nước của ta đều được thiên nhãn, nhìn thấy khắp trăm ngàn ức na-do-tha thế giới.

Đại nguyện thứ hai mươi:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho tất cả chúng sinh trong cõi nước của ta đều được thiên nhĩ, nghe tiếng thuyết pháp của trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật. Nghe rồi liền có thể tin nhận vâng làm theo.

Đại nguyện thứ hai mươi mốt:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho tất cả chúng sinh trong cõi nước của ta đều được tha tâm trí, rõ biết được tâm niệm của hết thấy chúng sinh trong trăm ngàn ức na-do-tha thế giới.

Đại nguyện thứ hai mươi hai:

Sau khi ta thành Phật, nguyện cho tất cả chúng sinh trong

¹ Na-do-tha (那由他): Phiên âm từ Phạn ngữ, được dùng để chỉ một con số tượng trưng rất lớn.

cõi nước của ta đều được phép thần túc, chỉ trong khoảng thời gian của một niệm có thể vượt qua được trăm ngàn ức na-do-tha thế giới.

Đại nguyện thứ hai mươi ba:

Sau khi ta thành Phật, danh hiệu của ta vang truyền khắp vô số thế giới trong mười phương. Hết thấy chư Phật đều xưng tán công đức của ta cùng ca ngợi thế giới thù thắng của ta. Hết thấy chư thiên, loài người, cho đến các loài trùng bọ biết bò, biết bay, biết động đậy... khi nghe được danh hiệu của ta, chỉ cần phát khởi tâm lành mừng vui hoan hỷ, ta sẽ khiến cho đều được sinh về thế giới của ta.

Đại nguyện thứ hai mươi bốn:

Sau khi ta thành Phật, hào quang trên đỉnh đầu của ta chiếu sáng rực rỡ nhiệm mầu, hơn cả ánh sáng của mặt trời mặt trăng đến trăm ngàn vạn lần.

Đại nguyện thứ hai mươi lăm:

Sau khi ta thành Phật, hào quang của ta chiếu sáng đến vô số cõi thế giới. Hết thấy chư thiên và loài người, cho đến các loài trùng bọ biết bò, biết bay, biết động đậy... khi được thấy hào quang của ta rồi thấy đều sinh khởi lòng từ, làm việc thiện, rồi tất cả đều được sinh về thế giới của ta.

Đại nguyện thứ hai mươi sáu:

Sau khi ta thành Phật, chư thiên và loài người trong vô số cõi thế giới, cho đến các loài trùng bọ biết bò, biết bay, biết động đậy... khi được hào quang của ta chiếu vào thân thể liền được thân tâm từ hòa hơn cả chư thiên.¹

¹ Nội dung lời nguyện này và một số lời nguyện theo sau trong nguyên tác lược đi ít nhiều, chúng tôi đều

Đại nguyện thứ hai mươi bảy:

Sau khi ta thành Phật, chư thiên và loài người trong vô số cõi thế giới, nếu có ai phát tâm Bồ-đề, vâng giữ trai giới, thực hành sáu pháp ba-la-mật, tu các công đức, hết lòng phát nguyện được sinh về thế giới của ta, thì khi người ấy lâm chung ta sẽ cùng với đại chúng hiện đến trước mặt, tiếp dẫn người ấy sinh về thế giới của ta, làm bậc Bồ Tát trụ ở địa vị không còn thối chuyển.

Đại nguyện thứ hai mươi tám:

Sau khi ta thành Phật, chư thiên và loài người trong vô số cõi thế giới, nếu có ai được nghe danh hiệu của ta liền thắp hương, dâng hoa, dùng các thứ đèn đuốc, cờ phướn trang nghiêm, cúng dường trai tăng, xây dựng chùa tháp, giữ gìn trai giới thanh tịnh, làm các việc thiện, một lòng nhớ nghĩ đến ta, cho dù chỉ trong một ngày một đêm không gián đoạn, cũng chắc chắn sẽ được sinh về cõi thế giới của ta.

Đại nguyện thứ hai mươi chín:

Sau khi ta thành Phật, chư thiên và loài người trong vô số cõi thế giới, nếu có ai hết lòng tin tưởng muốn được sinh về cõi thế giới của ta, chỉ cần niệm rõ lên danh hiệu của ta mười tiếng, hết thấy liền được sinh về cõi thế giới của ta, chỉ trừ ra những kẻ phạm vào năm tội nghịch hoặc phỉ báng Chánh pháp.

Đại nguyện thứ ba mươi:

Sau khi ta thành Phật, chư thiên và loài người trong vô số cõi thế giới, cho đến các loài trùng bọ biết bò, biết bay, biết động đậy... nếu như trong những kiếp trước đã từng làm các việc ác, nay được nghe danh hiệu của ta liền hết lòng sám hối, quay sang

làm thiện, vâng giữ giới luật, thọ trì kinh điển, phát nguyện được sinh về thế giới của ta, thì khi lâm chung liền không bị đọa vào trong ba đường ác, thẳng tắt một đường sinh về thế giới của ta, mọi chỗ mong cầu đều được như ý.

Đại nguyện thứ ba mươi mốt:

Sau khi ta thành Phật, chư thiên và loài người trong vô số cõi thế giới, nếu ai được nghe danh hiệu của ta liền cúi đầu sát đất lễ lạy cung kính, mừng vui tin tưởng phát tâm ưa muốn tu theo hạnh Bồ Tát, liền được hết thảy chư thiên và người đời kính trọng.

Đại nguyện thứ ba mươi hai:

Sau khi ta thành Phật, hết thảy nữ nhân trong vô số cõi thế giới, nếu được nghe danh hiệu của ta liền mừng vui tin tưởng, phát tâm Bồ-đề, sinh lòng chán ghét thân nữ. Sau khi lâm chung liền không còn phải thọ sinh làm thân nữ.

Đại nguyện thứ ba mươi ba:

Sau khi ta thành Phật, những chúng sinh nào sinh về cõi thế giới của ta đều là hàng Bồ Tát Nhất sinh bổ xứ, trừ ra những vị có phát nguyện sinh về những thế giới khác để giáo hóa chúng sinh, tu hạnh Bồ Tát, cúng dường chư Phật, liền được tùy ý sinh về phương ấy. Ta sẽ dùng sức oai thần khiến cho vị ấy giáo hóa được hết thảy chúng sinh đều phát khởi lòng tin, tu hạnh Bồ-đề, hạnh Phổ Hiền, hạnh tịch diệt, Phạm hạnh thanh tịnh, hạnh cao trở nhất, cùng với hết thảy các hạnh lành.

Đại nguyện thứ ba mươi bốn:

Sau khi ta thành Phật, những chúng sinh nào ở thế giới của ta muốn sinh về thế giới khác liền được như ý nguyện nhưng

không còn phải đọa vào trong ba đường ác.

Đại nguyện thứ ba mươi lăm:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát trong thế giới của ta dùng đủ loại hương hoa, cò phướn, trân châu, chuỗi ngọc, cùng với đủ mọi thứ phẩm vật cúng dường, muốn hiện đến vô số cõi thế giới để cúng dường chư Phật, liền chỉ trong khoảng thời gian của một bữa ăn có thể hiện đến khắp mọi nơi.

Đại nguyện thứ ba mươi sáu:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát trong thế giới của ta nếu muốn dùng đủ mọi thứ phẩm vật để cúng dường vô số chư Phật trong mười phương, liền tức thời hiện đến trước các vị Phật ấy với đầy đủ mọi thứ phẩm vật. Cúng dường rồi, ngay trong ngày ấy chưa đến giờ thọ trai đã kịp trở về.

Đại nguyện thứ ba mươi bảy:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát trong thế giới của ta thọ trì kinh pháp, tụng đọc, giảng thuyết, liền có đủ biện tài trí tuệ.

Đại nguyện thứ ba mươi tám:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát trong thế giới của ta có thể giảng thuyết hết thảy các pháp, được biện tài trí tuệ không hạn lượng.

Đại nguyện thứ ba mươi chín:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát trong thế giới của ta đều được sức mạnh như lực sĩ Kim cang Na-la-diên ở cõi trời, thân thể đều toàn một màu sáng đẹp như vàng tử ma,¹ có đủ ba mươi hai

¹ Vàng tử ma (tử ma kim): Loại vàng quý nhất có màu vàng pha sắc đỏ tía.

tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, giảng kinh hành đạo không khác gì chư Phật.

Đại nguyện thứ bốn mươi:

Sau khi ta thành Phật, cõi thế giới của ta thanh tịnh soi chiếu khắp vô lượng thế giới trong mười phương. Các vị Bồ Tát nếu muốn nhìn vào trong cây quý để thấy được hết thảy những cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh trong khắp mười phương, liền tức thời nhìn thấy hiện ra đầy đủ như trong tấm gương sáng ở ngay trước mặt.

Đại nguyện thứ bốn mươi một:

Sau khi ta thành Phật, những vị Bồ Tát trong cõi thế giới của ta, dù có ít công đức cũng có thể thấy biết được cây bồ-đề nơi đạo tràng của ta cao đến bốn ngàn do-tuần.

Đại nguyện thứ bốn mươi hai:

Sau khi ta thành Phật, hết thảy chư thiên và loài người cùng với vạn vật trong cõi thế giới của ta đều trang nghiêm thanh tịnh, sáng suốt đẹp đẽ, hình dáng và màu sắc đều đặc biệt kỳ diệu, nhiệm mầu tinh tế đến mức không ai có thể nói hết được. Chúng sinh dù có đạt được thiên nhãn cũng không thể phân biệt gọi tên hay tính đếm được hết mọi thứ trong thế giới của ta.

Đại nguyện thứ bốn mươi ba:

Sau khi ta thành Phật, hết thảy chúng sinh trong cõi thế giới của ta, tùy theo chí nguyện, nếu muốn nghe pháp liền tức thời được nghe.

Đại nguyện thứ bốn mươi bốn:

Sau khi ta thành Phật, hết thầy hàng Bồ Tát hay Thanh văn trong cõi thế giới của ta đều có đủ trí tuệ, thần lực, trên đỉnh đầu cũng có hào quang chiếu sáng, tiếng nói phát ra vang rền, lưu loát, giảng kinh hành đạo đều không khác với chư Phật.

Đại nguyện thứ bốn mươi lăm:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát ở những phương khác được nghe danh hiệu của ta đều quy y tinh tấn, đều được phép Tam-muội thanh tịnh giải thoát. Các vị trụ yên nơi phép tam-muội này thì chỉ trong thời gian một ý niệm khởi lên đã có thể cúng dường vô số chư Phật mà vẫn không rời khỏi thiền định.

Đại nguyện thứ bốn mươi sáu:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát ở những phương khác được nghe danh hiệu của ta đều quy y tinh tấn, đều được phép Tam-muội Phổ đẳng, từ đó cho đến khi thành Phật luôn thường được nhìn thấy vô số chư Phật.

Đại nguyện thứ bốn mươi bảy:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát ở những phương khác được nghe danh hiệu của ta đều quy y tinh tấn, liền được ngay địa vị không còn thối chuyển.

Đại nguyện thứ bốn mươi tám:

Sau khi ta thành Phật, các vị Bồ Tát ở những phương khác được nghe danh hiệu của ta đều quy y tinh tấn, liền được ngay các bậc nhẫn nhục từ thứ nhất, thứ hai cho đến thứ ba, đều được phép Tam-muội thanh tịnh giải thoát. Các vị trụ yên nơi phép tam-muội này thì chỉ trong thời gian một ý niệm khởi lên đã

có thể cúng dường vô số chư Phật mà vẫn không rời khỏi thiên đình.

Đức Phật Thích-ca dạy rằng: “Khi tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước đức Phật Thế Tự Tại Vương phát khởi những lời đại nguyện ấy thì cõi đất chấn động, chư thiên rải hoa báu xuống như mưa để xưng tán. Giữa không trung có tiếng ngợi khen xưng tán, rằng tỳ-kheo này quyết định sẽ thành Phật.”

Giải thích danh hiệu

Kinh A-di-đà chép rằng: “Đức Phật ấy vì sao có danh hiệu là A-di-đà? Nay Xá-lợi-phất, đức Phật ấy có hào quang vô lượng, chiếu sáng khắp các cõi nước trong mười phương, không gì có thể ngăn ngại được, nên có danh hiệu là A-di-đà.”

Lại cũng chép rằng: “Thọ mạng của đức Phật ấy cùng với nhân dân trong cõi nước là vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, nên có danh hiệu là A-di-đà.”

Cung điện, hồ báu

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Ở cõi nước của Phật A-di-đà, tất cả giảng đường, tinh xá đều tự nhiên hình thành bằng bảy món báu. Lại có bảy món báu làm thành lầu đài, lan can... thù thắng hơn gấp trăm ngàn lần so với cung điện của Thiên đế ở cõi trời Tha hóa tự tại nơi thế giới Ta-bà này.¹ Ngoài ra, những cung điện của các vị Bồ Tát, Thanh văn ở thế giới Cực Lạc cũng đều như thế.

“Chư thiên và con người ở đó mỗi khi cần đến y phục, thức ăn uống, âm nhạc mẫu nhiệm... đều được tùy ý hóa hiện ra. Đối với cung điện để cư trú, các vị chỉ cần tùy ý nói ra màu sắc, mức

¹ Nguyên tác dùng đệ lục thiên (第六天) tức tầng trời thứ sáu để chỉ cõi trời Tha hóa tự tại, là cõi trời cao nhất trong Dục giới.

độ cao thấp, lớn nhỏ, muốn làm bằng một món báu, hai món báu cho đến vô số các món báu, liền sẽ lập tức hóa hiện đúng như ý muốn.

“Tuy nhiên, có những vị được tùy ý hóa hiện cung điện lớn nhỏ như thế, lơ lửng giữa hư không, lại cũng có những vị không thể tùy ý hóa hiện, và chỉ có cung điện ở trên mặt đất bằng các món báu. Đó là do trong đời trước khi các vị cầu đạo, tu tập phước đức có khác biệt nhau. Chỉ riêng các thứ y phục, thức ăn uống thì tất cả đều bình đẳng như nhau.

“Bên trong và bên ngoài các cung điện cũng tự nhiên hóa hiện các dòng suối, ao hồ, hoặc làm bằng một, hai món báu, lớp cát bên dưới đáy cũng bằng một, hai món báu, chẳng hạn như hồ bằng vàng ròng thì cát ở đáy hồ bằng bạc trắng, hồ bằng thủy tinh thì cát ở đáy hồ bằng lưu ly... Nếu ao hồ được làm bằng ba, bốn cho đến bảy món báu thì cát ở đáy hồ cũng hóa hiện tương tự như vậy. Bên trong các ao hồ ấy đều chứa loại nước có đủ tám công đức,¹ trong sạch thơm tho, mùi vị như nước cam lộ.

“Giữa những nơi ấy lại có trăm loài hoa lạ, mỗi cành đều có hàng ngàn chiếc lá, tỏa ra màu sắc, ánh sáng đã khác lạ mà hương thơm cũng khác lạ, ngào ngạt tỏa lan, không thể mô tả hết bằng lời.”

¹ Nước có đủ tám công đức, tức là có tám tính chất như sau: 1. Trùng tịnh: láng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuận: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuận tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não; 8. Trường dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn.

Nhạc trời, mưa hoa

Kinh A-di-đà chép rằng: “Ở cõi Phật ấy thường có nhạc trời, mặt đất toàn bằng vàng ròng. Suốt ngày đêm đều có mưa hoa mạn-đà-la từ trời rơi xuống. Chúng sinh ở cõi ấy thường vào mỗi buổi sáng sớm dùng vạt áo trước nâng lên hứng lấy hoa trời xinh đẹp, rồi mang đi cúng dường mười vạn đức Phật ở các phương khác. Khi đến giờ ăn thì quay về dùng cơm rồi đi kinh hành.”

Cây báu ven hồ

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Ven bờ các ao hồ báu đều có vô số cây thơm chiên-đàn, hoa quả tốt lành, hương thơm lan tỏa. Lại có hoa sen đủ các màu che kín mặt nước. Lại có cây bằng bảy món báu mọc thành hàng lối. Những cây thuần một món báu thì từ thân cây cho đến cành lá hoa quả đều thuần một món báu. Những cây bằng hai món báu thì tất cả đều bằng hai món báu. Cứ như vậy mọc thành hàng lối ngay ngắn, cành nhánh chuẩn mực, trở hoa hài hòa, kết quả đều đặn, cho đến bao bọc khắp cả thế giới ấy, không thể dùng mắt nhìn thấu hết.”

Cây báu, lưới báu phát âm vi diệu

Kinh A-di-đà chép rằng: “Ở thế giới Cực Lạc, khi gió lay động các hàng cây báu cùng những tấm lưới báu, liền phát ra âm thanh vi diệu, giống như trăm ngàn tiếng nhạc đồng thời vang lên. Bất kỳ ai được nghe âm thanh hòa hợp ấy đều tự nhiên sinh tâm nhớ nghĩ đến Phật, Pháp và Tăng-già.”

Nước tắm, hương hoa đều mâu nhiệm

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Người được sinh về thế giới

Cực Lạc, mỗi khi bước xuống ao hồ để tắm rửa, nếu muốn nước ngập chân thì được vừa ngập chân, nếu muốn nước lên đến đầu gối, đến lưng hoặc đến cổ, đều lập tức được như ý muốn. Nếu muốn nước ấm hơn hoặc lạnh hơn cũng đều được như ý.

“Sau khi tắm xong, mỗi người đều lên ngồi giữa tòa hoa sen, tự nhiên có gió lành vi diệu nhẹ thổi qua, lay động các hàng cây báu, vang lên tiếng âm nhạc. Gió lay các đóa hoa sen báu tỏa lên hương thơm khác lạ vây quanh các vị Bồ Tát, Thanh văn đang ngồi bên trên.

“Nhìn mút tầm mắt, mọi thứ đều sáng đẹp lộng lẫy. Hương hoa thơm lan tỏa không gì sánh bằng. Đến lúc hoa nào chớm tàn thì lập tức có gió xoáy cuốn đi ngay.

“Trong đại chúng có người muốn nghe thuyết pháp, có người muốn nghe âm nhạc, có người muốn ngửi hương hoa, cho đến có người không muốn nghe gì cả, tất cả đều được như ý muốn mà không hề gây trở ngại cho nhau.”

Chim hát pháp âm

Kinh A-di-đà chép rằng: “Ở thế giới Cực Lạc có đủ các loài chim kỳ diệu đủ màu sắc như bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng... Các loài chim này, suốt ngày thường xuyên phát ra âm thanh hòa nhã. Những âm thanh ấy diễn đạt đầy đủ các pháp như năm căn lành,¹ năm sức,² cùng với bảy phần Bồ-

¹ Năm căn lành (ngũ căn): 1. Tín căn (信根 - lòng tin, đức tin sâu vững vào Tam bảo, vào giáo pháp giải thoát do Phật chỉ dạy, chẳng hạn như Tứ thánh đế...), 2. Cán căn (勤根) hay Tinh tấn căn (精進根), cũng gọi là Nguyên căn (tinh tấn, chuyên cần và phát nguyện dùng mệnh trong việc tu tập thiện pháp, hướng đến giải thoát), 3. Niệm căn (念根 - luôn nghĩ nhớ, niệm tưởng đến Chánh pháp), 4. Định căn (定根 - tu tập định lực, nhiếp tâm không tán loạn), 5. Tuệ căn (慧根 - trí tuệ sáng suốt, phân biệt rõ chân lý và những điều hư dối, Chánh pháp và tà pháp). Vì các pháp này là cội nguồn sanh ra tất cả các pháp lành nên gọi chúng là căn (根), nghĩa là cội gốc.

² Năm sức (ngũ lực): Năm nguồn sức mạnh giúp người tu tập vượt qua mọi khó khăn, chướng ngại. Năm sức mạnh đó là: 1. Tín lực (sức mạnh của đức tin), 2. Nguyên lực (sức mạnh của tâm nguyện, quyết thực hiện điều đã phát nguyện), 3. Niệm lực (sức mạnh nghĩ nhớ, niệm tưởng đến Chánh pháp, phá được tất cả mọi tà niệm, tạp niệm), 4. Định lực (sức mạnh của sự định tâm, nhiếp tâm); 5. Tuệ lực (sức mạnh của trí tuệ sáng suốt)

đề,¹ Tám thánh đạo.² Những chúng sinh ở cõi ấy được nghe âm thanh như vậy rồi đều tự mình nhớ nghĩ đến Phật, nhớ nghĩ đến Pháp, nhớ nghĩ đến Tăng-già.”

Kinh lại chép rằng: “Các loài chim ấy đều do đức Phật A-di-đà vì muốn cho tiếng thuyết pháp được truyền ra khắp nơi nên mới biến hóa tạo thành.”

Cảnh tượng thù thắng

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Các vị thượng thiện nhân ở thế giới Cực Lạc đều có tuổi thọ vô lượng vô số kiếp, có khả năng nhìn xa nghe khắp, quan sát từ xa, nghe tiếng nói từ xa. Tướng mạo các ngài đều đoan nghiêm tốt đẹp, không ai có các tướng xấu. Thể tánh các ngài đều trí tuệ dũng kiện, không có ai tầm thường, ngu si. Hết thảy những ý niệm của các ngài không bao giờ trái với đạo đức, nên biểu lộ ra những lời bàn luận đều là chính trực, tốt đẹp, người người đều thương yêu kính trọng nhau, không hề có sự ganh tỵ ghen ghét. Các vị đều rõ biết những việc đời trước, dù trải qua đã hàng vạn kiếp cũng đều nhớ biết rõ ràng. Các vị cũng rõ biết cả những chuyện quá khứ, hiện tại và vị lai trong khắp các thế giới mười phương, lại cũng rõ biết cả tâm ý của hết thảy chúng sinh trong khắp thiên hạ,

¹ Bảy phần Bồ-đề (Thất Bồ-đề phần), cũng gọi là Bảy giác chi (Thất giác chi): Phạm ngữ là bodhipkṣikadharmā, là nhóm thứ sáu trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần, là những yếu tố tạo thành sự giác ngộ, trí tuệ giải thoát, hay sự hiểu biết chân chánh về những khía cạnh khác nhau trên đường tu tập, bao gồm: 1. Trạch pháp giác chi (dharmapracicaya - sự sáng suốt phân biệt Chánh pháp và tà pháp, chọn lựa đúng giáo pháp chân chánh để hành trì), 2. Tinh tấn giác chi (vyrya - sự sáng suốt biết tinh tấn, chuyên cần tu học Chánh pháp), 3. Hỷ giác chi (pryṭi - sự sáng suốt biết vui sướng, hoan hỷ khi được Chánh pháp), 4. Khinh an giác chi (praśabdhi - sự sáng suốt thanh thản nhẹ nhàng, trừ bỏ mọi chướng ngại trên đường tu tập), 5. Niệm giác chi (smṛti - sự sáng suốt thường niệm tưởng Chánh pháp, Tam bảo), 6. Định giác chi (samdhi - sự sáng suốt an trú trong chánh định, không tán loạn tâm ý), 7. Xả giác chi (upekṣ - sự sáng suốt buông bỏ mọi vướng mắc trong tâm thức).

² Tám thánh đạo (Bát Thánh đạo hay Bát Chánh đạo): Tám pháp chân chánh mà người tu tập phải noi theo để trừ dứt mọi nguyên nhân của khổ não. Bát Chánh đạo bao gồm: 1. Chánh kiến (thấy biết chân chánh), 2. Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), 3. Chánh ngữ (lời nói chân chánh), 4. Chánh nghiệp (hành động, việc làm chân chánh), 5. Chánh mạng (nuôi sống bằng nghề nghiệp chân chánh), 6. Chánh tinh tấn (tinh tấn, chuyên cần đúng Chánh pháp), 7. Chánh niệm (niệm tưởng chân chánh, duy trì sự tỉnh thức không vọng niệm), 8. Chánh định (thiền định chân chánh). Tám thánh đạo cùng chính là Đạo đế trong Tứ đế.

cũng biết cả việc mỗi chúng sinh ấy đến kiếp nào, năm nào sẽ được độ thoát thành người, được sinh về thế giới Cực Lạc.”

Thức ăn uống tự nhiên hóa hiện

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Những người được vãng sinh về thế giới của đức Phật A-di-đà, khi đến giờ ăn nếu muốn dùng chén bát bằng bạc liền có chén bát bằng bạc, hoặc có người muốn dùng chén bát bằng vàng, hoặc bằng lưu ly, cho đến được làm bằng hạt châu minh nguyệt hay hạt châu ma-ni, đều lập tức được hóa hiện theo ý muốn. Trong bát ấy lại hiện ra đầy đủ thức ăn có trăm mùi vị, dù nhiều cũng không thừa, dù ít cũng không thiếu. Sau khi ăn xong thì tất cả đều tự nhiên tiêu tán hết, không hề còn lại những thức ăn thừa. Hoặc cũng có trường hợp chỉ cần nhìn thấy màu sắc, ngửi thấy mùi hương thì tự nhiên no đủ. Mỗi khi ăn xong thì chén bát tự nhiên mất đi, đến lúc muốn ăn lại tự nhiên hiện ra như trước. Sự khoái lạc mầu nhiệm ở thế giới ấy chỉ kém hơn cảnh giới Niết-bàn mà thôi.”

Sự tu tập thích hợp

Kinh Đại A-di-đà chép rằng: “Ở thế giới Cực Lạc, nhân dân có những người ở trên mặt đất giảng kinh, tụng kinh, nghe kinh, hoặc suy ngẫm đạo lý hay ngồi thiền. Lại có những người ở trên hư không giảng kinh, tụng kinh, nghe kinh, hoặc suy ngẫm đạo lý hay ngồi thiền. Những người chưa chứng đắc quả Tu-đà-hoàn sẽ nhân đó được chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, những người chưa chứng đắc quả Tư-đà-hàm sẽ nhân đó được chứng đắc quả Tư-đà-hàm, cho đến những người chưa chứng đắc quả A-la-hán¹ hoặc Bồ Tát bất thối chuyển,² đều sẽ nhân đó được chứng đắc

¹ Ở đây đề cập đến 4 thánh quả lần lượt từ thấp lên cao là: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

² Bồ Tát bất thối chuyển: Chỉ vị Bồ Tát bắt đầu chứng nhập Sơ địa, địa vị đầu tiên trong Thập địa, vì kể từ

quả A-la-hán hoặc Bồ Tát bất thối chuyển. Mỗi vị như thế đều tùy theo tư chất riêng của mình mà đạt được sự vui vẻ thích ý.”

So sánh dung mạo¹

Đức Phật hỏi ngài A-nan: “Ví như có người ăn mày đứng cạnh một vị đế vương thì hình tướng, dung mạo có thể sánh cùng nhau chăng?”

Ngài A-nan thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, người ăn mày dung mạo xấu xí, làm sao có thể sánh được với vị đế vương?”

Đức Phật dạy: “Vị đế vương kia tuy cao quý, nhưng nếu lại so sánh với vị Chuyển luân Thánh vương thì cũng chẳng khác gì một kẻ ăn mày. Chuyển luân Thánh vương tuy cai trị bốn cõi thiên hạ, nhưng nếu so với Đao-lợi Thiên vương thì kém hơn đến trăm ngàn vạn lần, thật không thể sánh kịp. Đao-lợi Thiên vương nếu đem so với vị Thiên vương của cõi trời Tha hóa tự tại thì lại kém xa đến trăm ngàn vạn lần, thật không thể sánh kịp. Thế nhưng vị Thiên vương cõi trời Tha hóa tự tại nếu đem so với các bậc thượng thiện nhân cùng chư Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc của đức Phật A-di-đà thì lại kém xa đến trăm ngàn vạn lần, thật không thể nào sánh kịp.”

Tu tập pháp quán được thấy Phật

Kinh Thập lục quán² có chép việc bà Vi-đề-hy là hoàng hậu của vua Tần-bà-sa-la, nhân khi con trai bà là A-xà-thế làm việc thí nghịch, giết cha để cướp ngôi, [nên sinh lòng chán ngán] không muốn ở cõi Ta-bà đầy uế trước này nữa, phát tâm cầu

địa vị này trở lên, vị Bồ Tát không còn thối chuyển nữa.

¹ Đoạn này An Sỹ toàn thư không dẫn nguồn, chúng tôi cũng chưa tìm thấy được trích dẫn từ kinh nào.

² Kinh Thập lục quán là tên khác của kinh Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật (佛說觀無量壽佛經), đôi khi cũng gọi tắt là Quán kinh, vì trong kinh này đức Phật chỉ dạy 16 phép quán. Kinh này được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 365, bắt đầu từ trang 340, tờ b.

sinh về cõi Tây phương Tịnh độ.

Đức Phật dạy bà Vi-đề-hy tu tập 16 pháp quán tưởng. Khi bà thực hành tu tập đến pháp quán thứ 7 thì đã thấy được hồ báu bằng lưu ly ở cõi Cực Lạc, từ xa được trông thấy đức Phật A-di-đà, tướng hảo quang minh, ngự giữa hư không, bên trái có Bồ Tát Quán Thế Âm, bên phải có Bồ Tát Đại Thế Chí.

Khi ấy đức Phật Thích-ca liền thọ ký cho bà Vi-đề-hy cùng 500 thị nữ đều sẽ được vãng sinh về Tây phương Tịnh độ. Đây chính là nhờ tu tập, áp dụng các pháp quán tưởng Phật dạy mà được vãng sinh.

Tuy nhiên, đức Phật Thích-ca cũng có nói với bà Vi-đề-hy rằng: “Bà vốn còn là người phàm, tâm tánh yếu ớt kém cõi, nay nhờ có Như Lai đem phương tiện dễ dàng chỉ dạy cho nên mới được vãng sinh.”¹

Vì thế, Đại sư Liên Trì có nói rằng: “Các pháp quán [trong Quán kinh] hết sức sâu xa huyền diệu, [người đời nay căn tánh kém cõi] chỉ nên giữ theo phần căn bản đại lược.”

Giữ theo phần căn bản đại lược, đó chính là nói đến việc trì niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà.

Niệm Phật được thấy Phật

Đức Thế Tôn khi thuyết giảng kinh Đại A-di-đà đã nói đầy đủ về thế giới Cực Lạc có các sự trang nghiêm. Phật dạy ngài A-nan rằng: “Ông hãy đứng dậy chỉnh trang y phục, chấp tay cung kính, quay mặt về phương Tây mà đánh lễ đức Phật A-di-đà.” Ngài A-nan y theo lời dạy, cung kính lễ Phật rồi bạch rằng: “Nay con nguyện được nhìn thấy đức Phật A-di-đà cùng với thế giới Cực Lạc và tất cả đại chúng các vị Bồ Tát, Thanh văn

¹ Lời dạy này hàm ý nếu không có Phật lực gia trì và sự chỉ dạy trực tiếp của đức Phật, thì những người phàm căn tánh kém cõi khó lòng tu tập thành tựu pháp quán này.

nơi cõi ấy.”

Phát nguyện như thế vừa xong thì đức Phật A-di-đà lập tức phóng hào quang chói sáng, soi chiếu khắp hết thảy các thế giới. Khi ấy ngài A-nan liền nhìn thấy đức Phật A-di-đà, dung mạo uy nghi sừng sững như tòa núi lớn bằng vàng ròng. Bốn chúng trong pháp hội khi ấy đều được nhìn thấy, lại cũng được nhìn thấy cả cõi Cực Lạc trang nghiêm thanh tịnh. Ngay vào lúc ấy, những người mù đều tự nhiên sáng mắt, những người điếc tự nhiên được nghe, những người câm tự nhiên nói được, những người què tự nhiên có thể đứng dậy đi, khắp các cõi địa ngục, ngạ quỷ cũng đều nhất thời được hưởng sự an ổn, mừng vui. Các nhạc khí của chư thiên ở cõi trời không ai chạm đến cũng tự nhiên vang lên tiếng nhạc.

Niệm Phật được vãng sinh

Kinh A-di-đà chép rằng: “Như những kẻ nam, người nữ có lòng lành, nghe giảng nói về Phật A-di-đà, bèn chuyên tâm niệm danh hiệu ngài, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm không tán loạn. Người ấy khi lâm chung liền thấy đức Phật A-di-đà cùng các vị thánh chúng hiện ra trước mắt. Khi mạng chung tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà.”

Lại cũng chép rằng: “Nếu ai có lòng tin, nên phát nguyện sanh về cõi ấy.”

Lời bàn

Đoạn kinh này chính là yếu chỉ của trọn bộ kinh, nhấn mạnh ở sự chuyên tâm niệm danh hiệu Phật, đạt đến mức nhất tâm không tán loạn.

Vãng sinh không phải việc dễ dàng

[Kinh A-di-đà chép rằng:] Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: “Không thể chỉ có chút ít căn lành, phước đức, nhân duyên mà được sinh về cõi Cực Lạc.”

Lời bàn

Phần trước có nói: “Nếu ai có lòng tin, nên phát nguyện sinh về cõi ấy.” Cho nên, lòng tin là điều thiết yếu để bước vào pháp môn này. Nếu người không có niềm tin thì không thể niệm Phật. Không thể niệm Phật thì đó chính là không có căn lành, không có phước đức, không có nhân duyên.

Pháp môn này như nước cam lộ, nếu như rốt cuộc ta lại không có phần, lẽ nào không phải là đau đớn đáng tiếc lắm sao! Mỗi khi tôi tụng kinh vừa đến câu này thì tự nhiên cảm thấy toàn thân rung động, có khi khởi lòng thương cảm rơi lệ như mưa. Đến lúc bình tâm mới tự an ủi mình rằng: “Chỉ sợ không khởi tâm cầu vãng sinh mà thôi. Nếu như đã có thể tin nhận đức Phật A-di-đà là có thật, thì đó chính là căn lành của ta; nếu như đã có thể phát tâm Bồ-đề tha thiết, thì đó chính là phước đức của ta; nếu như đã có thể trì niệm được thánh hiệu của đức Như Lai, thì đó chính là nhân duyên của ta. [Đầy đủ căn lành, phước đức, nhân duyên, thì] có lý nào lại không được vãng sinh?”

Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Trong tâm khởi sinh niềm vui mừng lớn, tự biết ngày sau sẽ được thành Phật.”

Lời dặn dò sau chót

[Kinh A-di-đà chép rằng:] Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: “Như có người nào trước đã phát nguyện, hoặc nay vừa phát nguyện, hoặc sau này sẽ phát nguyện sinh về cõi Phật A-di-đà, thì những người ấy đều được địa vị không còn thối chuyển đối

với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những người ấy hoặc đã được sanh, hoặc nay được sanh, hoặc sau này sẽ được sanh về cõi ấy.”

[Kinh lại cũng chép rằng:] “Vì vậy, Xá-lợi-phất, các ông nên tin theo lời ta và chư Phật đã nói.”

Lời bàn

Chúng sinh trong ba cõi cũng giống như người bị vây hãm trong thành, gấp rút tìm đường, mong ra khỏi nhưng không có cách nào. Đến khi may mắn mở ra được một cửa thành, có thể theo đó thoát ra mà nhanh chóng quay về quê cũ, lẽ nào lại bỏ qua mất cơ hội ấy hay sao?

Pháp môn Tịnh độ chính là con đường giúp người thoát ra khỏi thành bị vây hãm, có thể nhanh chóng quay về quê cũ. Đức Thích-ca Như Lai đại từ đại bi, thương xót những người bị vây hãm trong thành ắt phải chịu giết hại, nên mới khai mở con đường thẳng tắt này, giúp người nhanh chóng thoát ra.

Đoạn kinh văn này chính là lời dặn dò đình ninh sau chót, không chỉ dạy người tin sâu những lời do chính đức Như Lai nói ra, mà còn là tin nhận lời của chư Phật mười phương, quả thật là tâm bi mẫn hết sức thâm thiết.

Chúng ta thọ nhận ân đức lớn lao của Phật [chỉ bày pháp môn này], không biết làm sao báo đáp, chỉ có thể tự mình cố gắng y theo lời dạy tu hành, lập nguyện sâu rộng, cầu sinh Tịnh độ mà thôi.

Nay kính cẩn mang pháp môn này truyền lại, chỉ bày cho người đời sau.

Phương pháp hành trì

Mỗi buổi sáng sớm, súc miệng rửa mặt sạch sẽ rồi đốt hương trầm, cung kính chấp tay hướng về phương Tây (nếu như trong nhà có thờ tượng Phật thì hướng về tượng Phật), đem hết tâm thành nghĩ tưởng đến việc vì báo đền bốn ơn nặng,¹ cùng vì tất cả chúng sinh trong ba cõi pháp giới,² cung kính đánh lễ “Nam-mô Ta-bà Thế giới Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.” (ba lạy hoặc một lạy)

Nam-mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhất Thiết Chư Phật. (một lạy)

Nam-mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhất Thiết Tôn Pháp. (một lạy)

Nam-mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhất Thiết Hiền Thánh Tăng. (một lạy)

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A-di-đà Phật. (mười lạy hoặc bảy lạy)

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát. (ba lạy hoặc một lạy)

Nam-mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (ba lạy hoặc một lạy)

Nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (ba lạy hoặc một lạy)

Bốn lời nguyện lớn của hàng Bồ Tát

Chúng sinh vô biên, thệ nguyện độ khắp. (một lạy)

Phiền não vô tận, thệ nguyện dứt trừ. (một lạy)

Pháp môn vô lượng, thệ nguyện tu học. (một lạy)

Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành tựu. (một lạy)

¹ Bốn ơn nặng, bao gồm ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn đất nước và ơn Tam bảo.

² Tức chỉ chung cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Tất cả chúng sinh theo nghiệp lực luân hồi đều không ra ngoài ba cõi này.

Lễ bái như trên xong thì tụng kinh A-di-đà, hoặc tụng kinh, trì chú theo thông lệ bình thường mỗi ngày. Việc trì tụng không chú trọng nhiều hay ít, chỉ cần hết lòng chú tâm khi trì tụng.

Trì tụng xong, niệm hồi hướng về việc vãng sinh Tịnh độ.

Nếu trong nghi thức trên có lược bớt đi phần nào thì ngay sau đó có thể chuyển sang một lòng niệm Phật.

Nghi thức niệm Phật, từ khởi đầu đến kết thúc

[Mở đầu tụng bài Tán Phật:]

*A-di-đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu di,
Cám mục trừng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh,
Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn.*

Tạm dịch:

*Phật A-di-đà thân vàng chói sáng,
Tướng quang minh tốt đẹp chẳng ai bằng.
Mây trắng ẩn hiện Tu-di năm núi,
Mắt xanh trong lặng bốn biển mênh mông.
Giữa hào quang hóa hiện vô số Phật,
Cùng vô biên chúng Bồ Tát vây quanh.
Bốn mươi tám nguyện độ khắp chúng sinh,
Chín phẩm vãng sinh, cùng lên bờ giác.*

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A-di-đà Phật.

Sau đó tùy ý trì niệm hoặc hồng danh sáu chữ (Nam-mô A-di-đà Phật) hoặc hồng danh bốn chữ (A-di-đà Phật), hoặc mấy trăm biến, hoặc mấy ngàn biến, đều tùy sức mỗi người.

Niệm Phật xong thì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí.

Tiếp theo tụng qua một lần bài hồi hương, hồi hương về việc vãng sinh Tây phương Cực Lạc.

Nếu thời khóa niệm Phật mỗi ngày lên đến nhiều ngàn biến, nhiều vạn biến, thì nên phân chia thành nhiều lần, mỗi lần trì niệm xong đều tụng bài hồi hương.

Về bài hồi hương, có bài đầy đủ tường tận, có bài giản lược ngắn gọn. Tường tận đầy đủ thì theo bài văn do Đại sư Vân Khê soạn, giản lược ngắn gọn thì theo bài văn do Sám chủ Từ Vân soạn. Hoặc giản lược hơn nữa thì dùng bài kệ 16 câu trong kinh (có ghi ở phần sau), mỗi người có thể tùy sức mà chọn lựa.

Pháp môn trì tụng mười niệm¹

Mỗi buổi sáng sớm, súc miệng rửa mặt sạch sẽ rồi đốt hương trầm. Nếu trong điều kiện không có hương hoa thì nên hướng tâm quán tưởng vô số hương hoa, đều dâng lên cúng dường Tam bảo. Sau đó chắp tay cung kính hướng về phương tây, chí tâm đánh lễ:

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. (một lay)

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A-di-đà Phật. (ba lay)

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát. (một lay)

¹ Phương pháp này vì những người quá bận rộn mà đặt ra. (Chú giải của soạn giả)

Nam-mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (một lay)

Nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (một lay)

Vẫn chấp tay quay mặt về phương Tây, chí tâm niệm thánh hiệu sáu chữ: Nam-mô A-di-đà Phật. Thông thả niệm liên tục cho đến lúc phải dừng lại lấy hơi thì tính là một niệm. Cứ như thế, niệm được mười hơi là mười niệm, mỗi người tùy theo hơi thở dài ngắn mà niệm, không hạn định số Phật hiệu trong mỗi hơi.¹

Khi niệm phải lưu ý âm thanh không quá cao, không quá thấp, không quá nhanh, không quá chậm, luôn giữ ở mức vừa phải, mười hơi liên tục như thế có thể khiến cho tâm không còn tán loạn. Lấy sự tinh cần chuyên niệm như thế làm công phu, bởi phương pháp trì tụng mười niệm này chính là dựa vào hơi thở để kiểm soát tâm ý.

Sau khi hoàn tất một thời khóa mười niệm thì tụng đọc bài kệ hồi hướng [gồm 4 đoạn,] 16 câu như sau đây:

*Ngã kim xưng niệm A-di-đà,
 Chân thật công đức Phật danh hiệu.
 Duy nguyện từ bi ai nhiếp thụ,
 Chứng tri sám hối cập sở nguyện.
 Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp,
 Giai do vô thủy tham sân si,
 Tùng thân ngữ ý chi sở sinh,
 Nhất thiết ngã kim giai sám hối.
 Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời,
 Tận trừ nhất thiết chư chương ngại.
 Diện kiến ngã Phật A-di-đà,*

¹ Người niệm Phật nên dùng một chuỗi hạt ngán có 10 hạt, niệm xong mỗi hơi thì lán một hạt, hết 10 hạt là xong một thời khóa. Như vậy có thể dễ dàng chuyên tâm niệm Phật mà không bị phân tâm vào việc đếm số lần.

*Tức đắc vãng sinh An Lạc sát.
 Ngã kí vãng sinh bỉ quốc dĩ,
 Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện.
 Phổ nguyện trầm nich chư chúng sinh,
 Túc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.*

Tạm dịch

*Nay con niệm Phật A-di-đà,
 Là thánh hiệu công đức chân thật,
 Nguyện Phật từ bi thương tiếp nhận,
 Chứng minh con sám hối, phát nguyện.
 Xưa nay con từng tạo nghiệp ác,
 Đều do muôn kiếp tham, sân, si...
 Phát sinh ra thân, miệng và ý,
 Hết thấy nay con xin sám hối.
 Nguyện cho khi con sắp qua đời,
 Bao nhiêu chướng ngại đều dứt hết.
 Mắt nhìn thấy Phật A-di-đà,
 Liên được vãng sinh về Cực Lạc.
 Khi vãng sinh về cõi Phật rồi,
 Liên được thành tựu nguyện lớn này.
 Hết thấy chúng sinh đang khổ não,
 Nguyện sớm được về nơi Cực Lạc.*

Pháp môn báo ơn

Người tu Tịnh độ, tinh tâm quán xét trong suốt một đời mình thì người mình chịu ơn sâu nặng nhất không ai hơn cha mẹ. Từ lúc mang thai ta suốt mười tháng ròng, cho đến ba năm chăm

sóc bú mớm, rồi nuôi nấng dạy dỗ cho đến lớn khôn... Ân đức lớn lao ấy, làm sao có thể báo đáp cho hết được?

Lại suy xét rằng, ta từ vô số kiếp đến nay, đã trải qua vô số lần sinh ra. Như vậy thì những ân đức của cha mẹ trong mỗi đời mà ta chưa báo đáp hết cũng là không thể kể hết.

Những bậc cha mẹ của ta trong vô số đời trước như thế, ngày nay ắt không khỏi có những người đang ở trong địa ngục, chịu hình phạt thiêu đốt, nung nấu, cắt xẻ thân thể. Lại cũng không khỏi có những người đang ở trong cảnh giới nga quý, chịu cảnh đói khát bị lửa thiêu thân. Lại cũng không khỏi có những người đang ở trong cảnh giới súc sinh, chịu cảnh khổ phải chở nặng, kéo cày... Nếu chúng ta không tin có những điều này, thì chẳng khác nào gà mẹ đã bị giết mà gà con vẫn không tin điều đó. Nếu chúng ta không nghĩ cách cứu độ cho cha mẹ đời trước như thế, thì chẳng khác nào gà con đứng nhìn mẹ bị giết mà không biết làm gì để cứu.

Nói đến đây ắt không khỏi phải rơi lệ bi thương, gieo mình xuống đất, xin phát tâm Bồ-đề thay cho cha mẹ đời này cũng như nhiều đời trước, cùng hết thầy các bậc sư trưởng, quyến thuộc mà ta đã thọ ân, chí tâm xưng niệm thánh hiệu A-di-đà tùy duyên cảnh, không kể số lần nhiều ít. Trong mỗi một niệm như thế, trước là nguyện giải trừ tám mươi ức kiếp tội nặng trong sinh tử cho những người mà ta hướng đến, sau là nguyện khi bản thân ta được vãng sinh Tịnh độ rồi, sẽ quay trở lại cõi Ta-bà này mà nỗ lực hết sức độ thoát cho họ.

Nếu như có những người ruột thịt chí thân vừa mới qua đời, cũng hướng tâm hồi hướng cho họ [được vãng sinh Tịnh độ].

Pháp môn trợ duyên

Người tu Tịnh độ, mỗi buổi sáng sớm nên quán tưởng trong

khắp cõi Diêm-phù-đề này, lại suy đến trong cả đại thiên thế giới, số lượng trâu, dê, lợn, chó, cho đến các loài cầm thú, cá, rùa... bị mang ra giết hại thật không thể tính đếm nổi. Những con vật bị giết hại ấy, nếu gom thân xác lại ắt chất chồng hơn cả núi cao, máu huyết ắt nhuộm đỏ cả dòng sông đang chảy...

Hết thảy những loài vật ấy, chỉ do đời trước tạo nhiều nghiệp ác, không hề biết đến Tây phương Cực Lạc, nên phải chịu nỗi khổ trong chốn luân hồi. Ta nên thay chúng phát tâm Bồ-đề, chí tâm xưng niệm thánh hiệu A-di-đà tùy duyên cảnh, không kể số lần nhiều ít. Trong mỗi một niệm như thế, trước là nguyện giải trừ tám mươi ức kiếp tội nặng trong sinh tử cho chúng, sau là nguyện khi bản thân ta được vãng sinh Tịnh độ rồi, sẽ quay trở lại cõi Ta-bà này mà nỗ lực hết sức độ thoát chúng.

Tiếp theo quán tưởng trong khắp cõi Diêm-phù-đề này, lại suy đến trong cả đại thiên thế giới, hết thảy loài ngạ quỷ đều đang chịu sự đói khát bức bách, cổ họng bốc lửa, xương cốt cử động khua vang thành tiếng, phải chịu đựng sự khổ não khôn lường.

Lại quán tưởng trong tất cả các địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục lớn, địa ngục nhỏ, vô số chúng sinh đang chịu sự trừng phạt chặt, chém, thiêu đốt, xay giã... trong mỗi một ngày đêm phải chết đi sống lại đến hàng vạn lần, chịu đựng sự khổ não khôn lường.

Tất cả những chúng sinh ấy, chỉ vì đời trước rộng làm các nghiệp ác, không tin có Tây phương Cực Lạc, nên phải chịu khổ não trong chốn luân hồi. Ta nên thay họ phát tâm Bồ-đề, chí tâm xưng niệm thánh hiệu A-di-đà [tùy duyên cảnh, không kể số lần nhiều ít]. Trong mỗi một niệm như thế, trước là nguyện giải trừ tám mươi ức kiếp tội nặng trong sinh tử cho họ, sau là nguyện khi bản thân ta đã được vãng sinh Tịnh độ rồi, sẽ quay trở lại cõi Ta-bà này mà nỗ lực hết sức để độ thoát họ.

Lại nữa, người tu Tịnh độ trong mỗi một ngày, tùy theo khả

năng, hoàn cảnh, nếu có làm được bất kỳ việc thiện nào, chẳng hạn như bố thí cho người nghèo, cúng dường trai tăng, tạo vẽ hình tượng Phật, hay mua vật mạng phóng sinh... dù được đôi chút phước đức nhỏ nhoi cũng đều thay cho tất cả chúng sinh đang chịu khổ não trong mười phương mà hồi hướng, cầu cho tất cả đều được sinh về thế giới Cực Lạc.

Lời dẫn

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Lòng tin là cội nguồn của đạo, là mẹ của các công đức, nuôi dưỡng hết thảy các căn lành.”

Vì thế, hết thảy tám vạn bốn ngàn pháp môn đều do nơi lòng tin mà vào được. Người tu nếu không có lòng tin ắt sẽ như hạt giống đã hư hỏng, không thể dùng thuốc gì chữa khỏi. Huống chi đối với pháp niệm Phật cầu vãng sinh vốn là một pháp môn càng hết sức khó tin khó nhận.

Xưa nay các bậc trưởng lão trong Thiên tông, cùng những người uyên bác học rộng, thầy đều vì xiển dương giáo pháp Tịnh độ mà làm ra những tác phẩm vấn đáp giải nghi, chẳng hạn như Đại sư Thiên Thai Trí Giả có sách “Thập nghi luận”, Thiên Như Lão nhân có sách “Tịnh độ hoặc vấn”, Vương Thị lang có sách “Quyết nghi tập”, Viên Trung lang có sách “Tây phương hợp luận”, ngoài ra còn có vô số những sách vở đó đây, nhiều đến mức không thể nào xem qua hết được. Tất cả những sách ấy, mục đích chung đều là muốn giúp cho người tu tập thêm kiên cố cội gốc niềm tin, cùng được sinh về Cực Lạc.

Nay tôi đặc biệt xem qua các tác phẩm của nhiều người, trích lấy những điểm tinh yếu nhất, thêm vào chỗ thấy biết hạn hẹp của bản thân mình để bổ sung những điểm còn thiếu sót, đặt tên gọi chung là “Nghi vấn chỉ nam”, không dám gọi là trước tác văn chương, xin hãy xem như kẻ trích nhụy hoa làm thành mật ngọt vậy.

Mười điều nghi vấn về Tịnh độ¹

Điều nghi thứ nhất

Hỏi: Chư Phật Bồ Tát lấy lòng đại bi làm bản nguyện, nếu như muốn cứu độ chúng sinh, lẽ ra nên hóa sinh vào ba cõi, ở giữa ba đường ác nơi cõi đời uế trước mà cứu khổ, vì sao lại cầu sinh về Tịnh độ, hoàn toàn chỉ được lợi ích bản thân mình mà xa rời hết thảy chúng sinh, như vậy chẳng phải là thiếu lòng đại từ bi, ngăn chướng trên đường giác ngộ đó sao?

Đáp: Bồ Tát có hai hạng. Một là các vị Bồ Tát tu hành đã lâu, từng được thân cận với chư Phật, đã chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn. Hai là các vị Bồ Tát chỉ vừa mới phát tâm, chưa từng thân cận với chư Phật, cũng chưa chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn.

Vị Bồ Tát tu hành đã lâu ắt có sức thần thông lớn, cho nên có thể hóa hiện thành chư thiên, đế vương, quý thần hay súc sinh, vào ra trong sinh tử, rộng độ chúng sinh. Nếu như kẻ mới tu hành, sức lực yếu kém mỏng manh, tuy đã phát tâm Bồ-đề nhưng vẫn còn ở địa vị phàm phu, bệnh khổ của chính mình còn chưa thể tự cứu, làm sao có khả năng cứu độ người khác?

Cho nên, luận Đại Trí Độ có dạy: “Nếu nói rằng kẻ phàm phu còn đầy triền phược, có tâm đại bi, nguyện sinh vào cõi đời ô trược để cứu khổ chúng sinh, thật không có lý ấy. Vì sao vậy? Vì trong cõi đời với năm sự uế trước, những thứ như âm thanh, hình sắc, tiền tài, danh lợi... từng giây từng phút không ngừng lôi kéo trôi buộc, lại những kẻ oán thù, phiền não luôn vây quanh dày đặc, chỉ cần một chút sơ sẩy đã rơi ngay vào đường đọa lạc. Ví như được sinh làm người, cũng khó lòng gặp lúc có Phật ra đời. Ví như được gặp Phật ra đời, cũng rất khó sinh lòng tin nhận. Lại

¹ Sách Tịnh độ Thập nghi luận (淨土十疑論) của Đại sư Thiên Thai Trí Giả, soạn vào đời Tùy, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 47, kinh số 1961, bắt đầu từ trang 77, tờ b, dòng thứ 20. Nội dung trích dẫn ở đây được tiên sinh An Sỹ trích yếu giản lược, không trích nguyên văn.

như may mắn khỏi lòng tin Phật, xuất gia tu hành, sang đời sau lại gặp hoàn cảnh phú quý sung túc, chưa hẳn đã tránh được sự mê đắm vào trần duyên mà tạo nhiều nghiệp ác. Nếu do đó mà không còn được sinh làm người, thì biết đến bao giờ mới có thể đạt được sự giải thoát?”

Vì thế, người có trí tuệ thì nếu muốn cứu độ chúng sinh, trước hết phải cầu cho tự thân mình được gặp Phật. Nếu như có thể phát tâm niệm Phật được nhất tâm bất loạn, chắc chắn được vãng sinh. Khi ấy tự mình đã được thân kim cang bất hoại, ắt có đủ khả năng thực hành tâm nguyện cứu độ vạn loại chúng sinh. Cũng như muốn cứu người đuối nước giữa sông, ắt tự mình phải có được thuyền bè để nương theo, sau đó mới có thể cứu người ra khỏi nước. Nếu không có gì hỗ trợ mà liều lĩnh nhảy xuống cứu người, ắt khó tránh khỏi phải cùng nhau chết chìm.

Cho nên, không phải là thiếu tâm từ bi, mà là khéo biết sử dụng tâm từ bi ấy.

Điều nghi thứ hai

Hỏi: Bản thể của hết thảy các pháp đều là không, xưa nay vốn chưa từng có sự sinh ra, vẫn luôn bình đẳng tịch diệt, vì sao lại bỏ nơi này cầu nơi kia, muốn sinh về Tây phương Cực Lạc? Trong kinh dạy rằng: “Tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.” Nếu muốn cầu được cõi thanh tịnh, trước hết phải làm thanh tịnh tâm mình. Vì sao không cầu tâm thanh tịnh mà lại cầu sinh về Tịnh độ?

Đáp: Người muốn sinh về Tây phương Cực Lạc, nếu cho là bỏ nơi này cầu nơi kia, vậy người không cầu sinh về Tây phương Cực Lạc, có lẽ nào lại không phải là bỏ nơi kia cầu nơi này? Nếu nói rằng dù nơi này hay nơi kia cũng đều không cầu sinh về, đó là rơi vào chấp đoạn, cho rằng sau khi chết là hết. Nếu nói rằng đối với nơi này hay nơi kia cũng đều không buông xả, thì đó là

roi vào chấp thường, cho rằng tất cả đều còn mãi.

Kinh Duy-ma dạy: “Tuy biết rằng các cõi Phật cùng với chúng sinh tất cả đều là không, nhưng vẫn thường tu tập làm thanh tịnh cõi nước, giáo hóa tất cả chúng sinh.” Vì thế, tuy phát tâm mãnh liệt cầu vãng sinh, cũng không phải là chống trái với lý vô sinh.

Đến như lời dạy “tâm thanh tịnh cõi Phật thanh tịnh”, cũng phải được hiểu theo cả hai phương diện sự tướng và lý tánh. Nếu xét về lý tánh, vì sao lại cho rằng người cầu sinh Tịnh độ thì tâm không thanh tịnh, còn người không cầu sinh Tịnh độ thì ngược lại có tâm thanh tịnh? Như xét về sự tướng, nếu giữ được tâm thanh tịnh giữa cõi đời xấu ác có năm sự uế trước, sao bằng cũng giữ tâm thanh tịnh như thế mà ở giữa thế giới Cực Lạc? Huống chi là trong trường hợp người ở cõi đời uế trước này, tuy cầu thanh tịnh nhưng trong tâm thật không thanh tịnh, so với người sinh về Cực Lạc, tuy không cầu thanh tịnh mà tâm vẫn tự nhiên thanh tịnh?

Điều nghi thứ ba

Hỏi: Các cõi Phật trong khắp mười phương, công đức đều bình đẳng như nhau. Vì sao không rộng nghĩ đến hết thảy các công đức, cầu sinh về hết thảy các cõi Phật thanh tịnh, mà chỉ riêng cầu sinh về cõi thanh tịnh của đức Phật A-di-đà mà thôi?

Đáp: Cõi nước thanh tịnh của chư Phật tất nhiên đều bình đẳng. Chỉ có điều là, đa số chúng sinh căn tánh ngu độn, uế trước tán loạn, nếu không chuyên tâm một nơi thì pháp định tâm khó lòng thành tựu. Cho nên, chuyên tâm niệm Phật A-di-đà, đó chính là pháp định tâm hướng về một đối tượng duy nhất.

Kinh Tỳ-ni-giệp vãng sinh chép rằng: “Bồ Tát Phổ Quảng thưa hỏi Phật: ‘Trong mười phương đều có các cõi Phật thanh

tịnh, Thế Tôn vì sao nghiêng hẳn về việc xưng tán cõi Tịnh độ ở phương Tây của đức Phật A-di-đà, chỉ dạy người cầu vãng sinh về đó?’

“Phật dạy Bồ Tát Phổ Quang: ‘Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, tâm tánh uế trước tán loạn, vì thế nên ta nghiêng về xưng tán duy nhất một cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực Lạc phương Tây mà thôi, để giúp cho chúng sinh chuyên tâm vào một cảnh giới duy nhất mới dễ được vãng sinh.’”

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Hết thủy thân Phật cũng đều là một thân Phật. Cũng giống như một vầng trăng tròn sáng, phản chiếu trong hết thủy những nơi có nước.”

Cho nên biết rằng, niệm một vị Phật tức là niệm hết thủy chư Phật, vãng sinh về một cõi Tịnh độ cũng không khác gì vãng sinh về hết thủy các cõi Tịnh độ.

Điều nghi thứ tư

Hỏi: Các cõi Phật trong mười phương vô lượng vô biên, tùy ý niệm bất cứ vị Phật nào cũng đều được vãng sinh [về cõi nước của vị Phật ấy], vì sao chỉ riêng niệm Phật A-di-đà?

Đáp: Có ba mối nhân duyên. Thứ nhất, đức Phật A-di-đà với thế giới Ta-bà này vốn đã có duyên. Từ vô số kiếp trước, ngài đã phát khởi bốn mươi tám lời đại nguyện, đều vì muốn tiếp dẫn chúng sinh niệm Phật về cõi nước thanh tịnh của ngài. Ngày nay, người ở thế giới Ta-bà này, mở miệng niệm Phật đều là niệm danh hiệu A-di-đà. [Trong kinh dạy rằng,] chúng sinh trong tương lai phước đức mỏng manh, đến lúc Giáo pháp sắp diệt, các kinh đều sẽ mất hết, chỉ còn duy nhất kinh A-di-đà lưu lại thêm trăm năm nữa, chẳng phải cũng là chứng minh cho mối nhân duyên này đó sao?

Thứ hai, do đức Phật Bốn sư Thích-ca Mâu-ni đã chỉ dạy.

Trong ba tạng mười hai bộ kinh, những điều Phật thuyết dạy đều hết sức mở rộng, chỉ riêng đối với pháp niệm Phật trì danh, Phật không dạy niệm Phật nào khác mà chỉ duy nhất niệm Phật A-di-đà. Ví như đây không phải điều hết sức thiết yếu, vì sao đức Phật phải đĩnh ninh căn dặn nhiều lần?

Thứ ba, vì chư Phật mười phương đều chứng minh xác tín. Bởi pháp môn Tịnh độ hết sức khó tin nhận, nên khi đức Thế Tôn thuyết giảng về Phật A-di-đà liền có mười phương chư Phật Như Lai cùng hiện đến chứng minh đó là lời chân thật, khiến cho người được chứng kiến rồi thì không thể không tin.

Vì thế nên người tu tập nghiệp thanh tịnh, có lý nào lại không chuyên niệm đức Phật A-di-đà?

Điều nghi thứ năm

Hỏi: Kẻ phạm phu đầy đầy triển phước, nghiệp ác sâu nặng, hết thấy phiền não đều chưa dứt được, dù một mảy may phước đức cũng chưa tu tập, còn như cõi Tịnh độ Cực Lạc phương Tây là siêu việt ra ngoài ba cõi, vượt trội hơn cả các vị thiên đế, chư thiên gấp trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa lần. Kẻ phạm phu như thế niệm Phật, làm sao có thể được sinh về cõi Phật ấy?

Đáp: Đó là nhờ sức của đức Phật A-di-đà, không phải dựa vào tự lực của kẻ ấy. Ví như người thọt chân, dù có khắp khểnh đi suốt một ngày cũng chẳng được mấy dặm đường, nhưng nếu được cưỡi trên voi báu của vị Chuyển luân Thánh vương thì trong một ngày có thể đi qua khắp bốn cõi thiên hạ. Lại như kẻ học trò nghèo muốn thân cận bậc đế vương, nếu từ các châu, huyện tham gia những cuộc thi nhỏ, rồi mong được đỗ đạt làm quan, được địa vị cao quý vinh hiển, thì quả thật rất khó khăn mà vẫn chưa chắc chắn. Nếu như có thể thác sinh làm con vua, thì không quá mười tháng đã có thể cùng với bậc đế vương sống chung một nhà. Người được vãng sinh chỉ nương nhờ sức Phật,

cũng giống như thế.

Người tu hành nếu không phát tâm cầu sinh Tịnh độ, chỉ ở nơi cõi đời xấu ác uế trước này mà cố gắng tu trì, ắt phải chịu nổi trôi chìm đắm, không biết phải trải qua bao nhiêu kiếp sống mà cũng chưa thể thành được một vị A-la-hán, nói gì đạt đến địa vị Bồ Tát.

Nếu tu theo pháp môn Tịnh độ, chỉ cần tinh tấn tu trì, đạt đến sự nhất tâm bất loạn thì ngay trong đời này liền có thể vãng sinh. Nhân đó lại tiếp tục tu hành nơi Tây phương Cực Lạc, vĩnh viễn không còn thoái chuyển, sa đọa, thẳng một đường tiến đến quả vị Phật, quả là con đường ngắn nhất.

Ví như con trùng nằm trong cây tre, nếu muốn thoát ra mà hướng về phía trên, ắt phải đục khoét xuyên qua không biết bao nhiêu đốt tre, khó khăn khổ nhọc không chịu nổi. Nếu biết xoay ngang mà khoét lấy đường ra, ắt sẽ hết sức dễ dàng nhanh chóng. Vì thế nên người tu Tịnh độ mới được gọi là đi tắt ngang ra khỏi ba cõi, sao còn có thể nghi ngại rằng phạm phu [niệm Phật] không thể sinh về Cực Lạc?

Điều nghi thứ sáu

Hỏi: Trong chín phẩm vãng sinh, ba phẩm dưới thuộc về hạ phẩm¹ phần nhiều đều là những kẻ xấu ác, chỉ nhân khi lâm chung tín tâm niệm Phật mà được vãng sinh. Ví như họ đã sinh về Cực Lạc rồi nhưng vẫn còn tà kiến, tham lam, sân hận, si mê thì sao?

Đáp: Chỉ sợ không được vãng sinh, không lo việc đã vãng sinh rồi còn trở lại xấu ác. Trong việc này có năm nhân duyên.

¹ Chín phẩm vãng sinh bao gồm ba phẩm cao tốt nhất là thượng phẩm thượng sinh, thượng phẩm trung sinh, thượng phẩm hạ sinh; ba phẩm ở bậc trung bình là trung phẩm thượng sinh, trung phẩm trung sinh, trung phẩm hạ sinh; và ba phẩm ở bậc thấp nhất là hạ phẩm thượng sinh, hạ phẩm trung sinh và hạ phẩm hạ sinh.

Thứ nhất, được sự gia trì từ nguyện lực đại bi của đức Phật A-di-đà. Thứ hai, nơi cõi ấy mọi điều mong ước đều được như ý nên không phải khởi tâm tham cầu. Thứ ba, cây báu, chim, hoa nơi cõi ấy đều tuyên giảng pháp mầu. Thứ tư, chung quanh chỉ toàn là các vị Bồ Tát làm bạn lành. Thứ năm, tuổi thọ lâu dài, có thể trải qua nhiều kiếp tu trì.

Vì thế, một khi đã được vãng sinh về Tây phương Cực Lạc thì có thể thẳng một đường đi lên quả vị Phật, vĩnh viễn không còn thối chuyển, có thể tin chắc như vậy.

Điều nghi thứ bảy

Hỏi: Tiếp theo sau đức Phật Thích-ca là Bồ Tát Di-lặc sẽ thành Phật, hiện nay đang thuyết pháp tại cung trời Đâu-suất. Những ai có thể tu hành mười nghiệp lành thuộc hàng thượng phẩm ắt sẽ được sinh về cung trời ấy. Vì sao không cầu sinh về nơi ấy, được gần gũi kề cận đức Di-lặc, tương lai khi ngài hạ sanh thành Phật thì theo xuống thế giới này?

Đáp: Tu mười nghiệp lành vào hàng thượng phẩm, tất nhiên có thể sinh về cõi trời, nhưng nếu muốn quyết định sinh về cõi trời Đâu-suất thì e rằng chưa chắc được. Các vị chưa đọc qua kinh Di-lặc thượng sinh hay sao? Kinh ấy dạy rằng: “Tu tập thực hành các pháp tam-muội, vào sâu được trong chánh định, mới có thể sinh [về cõi trời Đâu-suất].” Thử hỏi, người tu mười nghiệp lành đã được như thế hay chưa?

Còn như đức Phật A-di-đà, chỉ cần trì niệm danh hiệu ngài thì không ai không được tiếp dẫn, đem so với người rộng tu mười nghiệp lành đã thấy dễ dàng hơn rất nhiều lần.

Hơn nữa, nơi cung trời Đâu-suất phần nhiều là các vị thiên tử thoái vị trong Dục giới, nơi ấy các thiên nữ rất nhiều, không thể tính đếm, chư thiên nhìn thấy còn nhiều khi đắm nhiễm,

huống hồ người phạm? Kinh Tát-già Ni-kiên-tử chép rằng: “Sự trói buộc lớn nhất của chư thiên không gì hơn nữ sắc. Nữ nhân trói buộc chư thiên, dắt dẫn đi vào ba đường ác.” Nếu đem so với cảnh giới Tây phương Cực Lạc thì vạn phần chưa sánh được một.

Huống chi, ví bằng có được gặp Bồ Tát Di-lặc nhưng tự thân chưa chứng đắc thánh quả, làm sao có thể một lần sinh về cõi tịnh mà được vĩnh viễn không thối chuyển [như vãng sinh Cực Lạc]?

Điều nghi thứ tám

Hỏi: Kẻ phạm phu từ bao đời trước đến nay đã rộng tạo vô số nghiệp ác, khi lâm chung chỉ niệm Phật mười niệm, làm sao có thể được vãng sinh?

Đáp: Người làm nghiệp ác trong đời này nhưng đến khi lâm chung có thể hồi tâm niệm Phật mười niệm được vãng sinh, đó hẳn là nhiều đời trước đã có tu hành, bất quá chỉ là trong đời này sinh ra nhất thời mê muội đi theo đường ác.

Nếu không phải như thế, thì khi sắp qua đời nhất định các duyên xấu ác phải tìm đến, sao có thể trái lại gặp bậc thiện tri thức dạy cho việc niệm Phật? Hơn nữa, dù có được dạy cho việc niệm Phật, cũng làm sao có thể nghe mà tin nhận được ngay?

Huống chi vào lúc người ấy niệm Phật cuối đời, ắt trong lòng đã hồi tâm giác ngộ, chí thành sám hối những sai lầm trước đây, trong tâm phải hết sức kính sợ việc ác mà thống thiết cầu vãng sinh, cho nên muôn duyên đều nhất thời buông xả, chỉ còn duy nhất một con đường hướng về Tây phương Cực Lạc, hoàn toàn không có bất cứ nơi nào khác để có thể quay đầu. Niệm Phật được như lúc ấy, chỉ một câu cũng bằng như ngàn vạn tiếng. Chính vì thế nên kinh Thập lục quán mới nói rằng: “Trong mỗi một niệm đều giải trừ được tám mươi ức kiếp tội lỗi trong sinh

tử.”

Nếu như có thể nhận hiểu được sự tinh chuyên thành khẩn ấy, lại thêm sẵn có phước đức nghiệp lành từ đời trước, thì việc được Phật tiếp dẫn đâu có gì để phải hoài nghi?

Điều nghi thứ chín

Hỏi: Thế giới Cực Lạc cách xa cõi Ta-bà này đến mười vạn ức cõi Phật. Xa xôi như thế, kẻ phàm phu làm sao có thể tức thời sinh đến? Lại có nghe rằng nữ nhân, người khuyết thiếu các căn cùng với hàng Nhị thừa đều không được vãng sinh, điều đó tin được chăng?

Đáp: Đường xa khó đến là nói về hình thể. Một niệm có thể đến ngay là nói về tâm thức. Người niệm Phật sinh về Cực Lạc là chỉ nói tâm này sinh về, không phải mang theo hình hài thân thể sang cõi ấy. Ví như người nằm mộng thấy đi sang nước khác, tuy cách xa đến ngàn vạn dặm nhưng vừa lay gọi liền tỉnh giấc, lẽ nào lại do đường gần thì dễ thức giấc mà đường xa khó thức giấc hay sao?

Nói rằng nữ nhân với người căn khuyết không sinh ra ở cõi ấy, đó là nói ở thế giới Cực Lạc không có nữ nhân, không có người căn khuyết, không có nghĩa là nữ nhân với người căn khuyết không được vãng sinh về Cực Lạc.

Nếu nói nữ nhân không được vãng sinh, vì sao đức Thế Tôn lại thọ ký cho bà Vi-đề-hy và 500 thị nữ chắc chắn được vãng sinh? Kinh Vô Lượng Thọ có 48 lời đại nguyện của đức Phật A-di-đà, trong đó có một nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, hết thấy nữ nhân trong vô số cõi thế giới, nếu được nghe danh hiệu của ta [liên mừng vui tin tưởng, phát tâm Bồ-đề,] sinh lòng chán ghét thân nữ. Sau khi lâm chung liền không còn phải thọ sinh làm thân nữ.”¹

¹ Đây là đại nguyện thứ 32.

Đối với nữ nhân là như vậy, thì đối với người căn khuyết có thể suy ra biết được. Hơn nữa, như chim sáo, chim vẹt còn có thể nhờ niệm Phật mà được vãng sinh.¹ Như vậy, có lẽ nào người căn khuyết lại không bằng loài vật hay sao? Đến như hàng Nhị thừa đều là những vị đã chứng quả. Kẻ phàm phu còn được vãng sinh, có lý nào lại trừ ra những người Nhị thừa? Kinh A-di-đà dạy rằng: “Đức Phật A-di-đà có vô lượng vô biên các đệ tử Thanh văn, tất cả đều là A-la-hán.” Vậy sao có thể nói là không có Nhị thừa? Vì thế, lời ấy có nghĩa rằng, người sinh về Cực Lạc không còn mang tâm vương chấp của hàng Nhị thừa, nên mới nói Nhị thừa không sinh. Bằng như cho rằng hàng Nhị thừa không được vãng sinh về Cực Lạc, điều đó thật hoàn toàn vô lý.

Điều nghi thứ mười

Hỏi: Nay tôi quyết định phát tâm cầu vãng sinh Cực Lạc, nhưng chưa biết phải thực hành những công hạnh gì, phải phát khởi những tâm nguyện gì để được vãng sinh? Lại nữa, người thế tục thấy đều có vợ con, chưa dứt trừ chuyện dâm dục, không biết rằng như thế có được vãng sinh hay chăng?

Đáp: Người quyết định cầu vãng sinh Tây phương Cực Lạc, ngoài việc trì niệm danh hiệu Phật, nếu có đủ hai tâm niệm mạnh mẽ khác nữa thì chắc chắn sẽ được vãng sinh. Thứ nhất là tâm niệm chán lìa đối với cõi thế gian uế trược. Thứ hai là tâm niệm mến mộ, ưa thích đối với thế giới Cực Lạc.

Lại cũng nên phát tâm Bồ-đề, tùy theo khả năng mà làm các việc thiện, hồi hướng về cho việc vãng sinh Tịnh độ. Được như vậy thì chưa từng có ai không được vãng sinh.

Đến như duyên nợ với vợ con nơi chốn thế tục, điều đó cũng không ngăn ngại. Chỉ cần có thể khiến cho vợ con cùng được

¹ Xem trong sách Tịnh độ văn và Pháp uyển châu lâm. (Chú giải của soạn giả)

huống lợi lạc từ giáo pháp, cùng biết tu trì, dứt trừ việc gieo trồng nhân xấu ác.

Về việc chán lia cõi thế gian uế trước, đó là nói trong đời uế trước này, nhất cử nhất động đều là gai góc hầm hố dễ rơi vào sa đọa. Người đời chỉ vì hai chữ cơm áo mà khốn khổ suốt đời, chạy theo hai đường danh lợi mà bôn ba trọn kiếp, tay chân rối rít bận rộn không ngừng, cam chịu vì vợ con làm thân tôi tớ, ngày trăm mối nghĩ, đêm vạn mộng mơ, hết thấy đều là đem thân thể hình sắc này mà tìm cầu chuốc lấy phiền não.

Hãy tự hình dung, tấm thân cao chừng bảy thước¹ này, dáng vẻ bên ngoài chỉ nhờ vào lớp da mỏng bao bọc, lại lấy đó vọng xưng là cao quý lớn lao, ví như có thể dùng thiên nhân xem qua một lần, ắt sẽ thấy bên trong bất quá chứa đầy một bụng phần uế, cùng những máu mủ đờm dãi nhơ nhớp. Cho nên kinh Niết-bàn dạy rằng: “Thân này như một cái thành, là chỗ cư trú của những quỷ la-sát ngu si.” Như vậy, liệu có người trí tuệ nào lại ưa thích đắm say thân này mà không chán lia?

Về việc mến mộ ưa thích thế giới Cực Lạc, đó là nói sự vui thích ở cõi Tây phương Cực Lạc dù cung điện cõi trời cũng không sánh kịp, không thể hình dung mô tả bằng ngôn ngữ. Mỗi ngày chỉ cần nhớ nghĩ đến những lời trong kinh, đem tâm tĩnh lặng mà suy xét từng lời, lại nghĩ rằng trong tương lai nhất định mình sẽ sinh về nơi ấy, thì tự nhiên tâm niệm mến mộ sẽ khởi sinh, nhân duyên Tịnh độ cũng tự thành thực.

Thế nào là phát tâm Bồ-đề? Luận Vãng Sinh nói rằng: “Tâm Bồ-đề tức là thệ nguyện sẽ thành Phật. Thệ nguyện thành Phật, đó là khởi lòng thương xót đối với hết thảy chúng sinh trong sáu đường luân hồi, đang chịu khổ não không cùng cực, nên mới phát tâm cứu độ, muốn giúp cho tất cả đều được vượt thoát ra ngoài ba cõi, đều được vãng sinh về Tây phương Cực Lạc, được

¹ Mỗi thước cổ bằng khoảng 33 cm, bảy thước tương đương khoảng 2,1 mét.

như vậy mới tròn thế nguyện.”

Người niệm Phật nếu có đủ hai tâm niệm mạnh mẽ như trên, lại thêm đã phát tâm Bồ-đề, cung kính nương theo tâm nguyện cứu độ của Như Lai, nếu như lại không được vãng sinh, không được Phật thọ ký, đó là việc chưa từng có vậy.

Những nghi vấn về pháp tu Tịnh độ¹

Hỏi: Có người khách đến hỏi Thiên Như Lão nhân rằng: “Thiền sư Vĩnh Minh Thọ,² người khắp nước đều tôn xưng là bậc kiệt xuất trong tông môn,³ nhưng tự mình lại tu theo Tịnh độ, còn dạy người khác rằng: ‘Có tu thiền không tu Tịnh độ, mười người đến chín người phải rơi rụng. Không tu thiền chỉ tu Tịnh độ, vạn người tu thì vạn người đạt kết quả.’ Nói như thế chẳng phải là đim khuất lẽ thiền mà xưng tán pháp môn Tịnh độ quá lời rồi chăng?”

Đáp: Đại sư Vĩnh Minh không hề quá lời xưng tán. Pháp môn Tịnh độ là cực kỳ sâu rộng, pháp tu theo Tịnh độ là cực kỳ đơn giản, dễ dàng.

Nói sâu rộng, là vì hết thảy căn cơ, nhân duyên khác nhau của chúng sinh đều được thâm nhiếp vào pháp môn Tịnh độ. Trên từ các vị Bồ Tát ở địa vị Đẳng giác, dưới cho đến kẻ nam người nữ phàm ngu si độn, những kẻ đã phạm vào năm tội nghịch,⁴ tạo mười nghiệp xấu ác,⁵ nếu khi lâm chung biết sám

¹ Trích từ sách Tịnh độ hoặc vấn (淨土或問) của Thiên Như Lão nhân, soạn vào đời Nguyên, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 47, kinh số 1972, bắt đầu từ trang 292, tờ a. Nội dung ở đây được tiên sinh An Sỹ trích yếu giản lược, không trích nguyên văn theo nguyên bản. Phần trích này có cả thầy 22 câu vấn đáp.

² Tức thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ (永明延壽), còn có danh xưng khác là Huệ Nhật Trí Giác (慧日智覺). Ngài sinh năm 904, viên tịch vào năm 975.

³ Tông môn: ở đây chỉ Thiên tông. Ngài Vĩnh Minh là thiền sư đặc pháp, thuộc tông Pháp Nhân, nổi pháp Quốc sư Thiên Thai Đức Thiếu.

⁴ Năm tội nghịch: tức năm tội nặng nhất, bao gồm các tội: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán (thánh tăng), làm thân Phật chảy máu (hay hủy phá chùa chiền tôn tượng) và phá hòa hợp Tăng-già.

⁵ Mười nghiệp xấu ác: là trái lại với mười nghiệp lành, do đó bao gồm: giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói

hối niệm Phật, cũng đều được vãng sinh.

Nói đơn giản, dễ dàng, là vì hoàn toàn không có những việc phải gian nan lao khổ, chỉ cần nhất tâm trì niệm hồng danh sáu chữ liền có thể được vãng sinh, đạt địa vị không còn thối chuyển, thẳng một đường tiến lên quả Phật, trọn vẹn viên mãn.

Thử hỏi trong việc tu hành xuất thế, còn có phương cách nào nhanh chóng hơn thế chẳng? Nếu không phải là bậc kiệt xuất như thiền sư Vĩnh Minh Thọ, ắt không thể quyết định tự mình tu theo Tịnh độ; nếu không phải là ngài, ắt cũng không thể đem pháp môn này dạy cho người khác như thế.

Hỏi: Về sự sâu rộng và giản dị của pháp môn Tịnh độ, nay đã được nghe giải thích. Nhưng các vị đạt ngộ trong Thiền tông có nói rằng “thấy tánh thành Phật”, vậy cần chi phải quay lại cầu vãng sinh làm gì?

Đáp: Đó là chỉ nói những người đạt ngộ, cho nên kẻ phát nguyện vãng sinh đều vì chưa đạt ngộ. Nhưng ví như ông đã ngộ, ắt còn có thể nhanh chóng hướng ngay về Tịnh độ, dù một vạn con trâu cũng không đủ sức trì kéo lại.

Hơn nữa, có phải ông cho rằng một khi đã đạt ngộ thì tập khí nhiều đời đều trừ sạch, lậu hoặc đều dứt hết, những oán thù đối nghịch từ vô số kiếp đến nay đều được hóa giải không còn gì, cho đến rốt cùng không còn phải thọ thân trong ba cõi nữa chẳng? Hay thực tế là do bao nhiêu nghiệp cũ vẫn chưa trả hết, cho nên không thể tránh khỏi việc đối với những quả báo nặng nề thì dù đạt ngộ rồi vẫn phải gánh chịu, chỉ là được nhẹ nhàng hơn thôi?

Hoặc có phải ông cho rằng một khi đã đạt ngộ liền có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, có thể hàng phục thiên

dối, nói lời ác độc, nói lời đâm thọc hai lưỡi, nói lời hoa mỹ vô nghĩa, tham lam, sân hận và ngu si. Khi từ bỏ được mười nghiệp xấu ác này (cũng gọi là mười nghiệp bất thiện) và tu tập theo hướng ngược lại thì tạo được mười nghiệp lành.

ma, cứu độ khắp mười phương thế giới? Hay thực tế là nhất thời vẫn chưa có đủ thần thông uy lực, vẫn còn phải đợi khi sinh ra ở đời sau nữa mới có thể viên mãn cụ túc?

Bằng như ông lại cho rằng chỉ cần nhất thời đạt ngộ thì đại sự sinh tử xem như hoàn tất, chấm dứt, như vậy thì các vị đại Bồ Tát nhiều đời rộng tu sáu ba-la-mật, trải vô số kiếp, hẳn khi nhìn thấy vậy phải sinh lòng xấu hổ vì thua kém ông?

Kinh Quán Phật Tam-muội chép việc Bồ Tát Văn Thù tự kể lại những công hạnh nhiều đời trước của mình, nói rằng đã chứng đắc Tam-muội Niệm Phật, đức Thế Tôn nhân đó liền thọ ký rằng: “Ông sẽ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.”

Kinh Hoa Nghiêm chép việc Bồ Tát Phổ Hiền đem mười đại nguyện cao quý nhất dạy cho Đồng tử Thiện Tài, trong đó rất cùng cũng là chỉ đường về Cực Lạc.

Trong kinh Lăng-già, đức Thế Tôn thọ ký cho Bồ Tát Long Thụ, cũng nói đến việc vãng sinh Cực Lạc.

Đến như trong kinh Đại Bảo Tích, đức Thế Tôn cũng có lời báo trước rằng vua Tịnh Phạn cùng với bảy vạn người trong dòng họ Thích-ca đều sẽ sinh về thế giới Cực Lạc.

Trong kinh Thập lục quán, đức Phật chỉ dạy cho bà Vi-đê-hy và năm trăm thị nữ phương pháp để được diện kiến Phật A-di-đà.

Còn như ở Trung Hoa thì có Viễn Công ở Lô sơn, các bậc tôn trưởng trong tông Thiên Thai, Hiền Thủ,¹ ai ai cũng đều tán dương và khuyến khích việc tu Tịnh độ, cầu vãng sinh Cực Lạc. Lẽ nào những chỗ thật chứng thật ngộ của các vị ấy lại có thể thấp kém hơn người đời nay hay sao?

¹ Tông Hiền Thủ tức tông Hoa Nghiêm, do đại sư Hiền Thủ Pháp Tạng xiển dương, thường lấy kinh Hoa Nghiêm làm tông chỉ tu học. Mặc dù đại sư là Tổ thứ ba của tông này, nhưng nhờ sự hoàng hóa của ngài mà tông Hoa Nghiêm đặc biệt hưng thịnh nên người đời sau vẫn thường tôn xưng ngài là Tổ thứ nhất và gọi tông này là tông Hiền Thủ.

Hỏi: Pháp môn Tịnh độ thâm nhiếp mọi căn cơ, quả thật là sâu rộng. Tuy nhiên, cõi thế giới được gọi là Tịnh độ đó ở cách đây đến mười vạn ức cõi Phật, đem so với thuyết “ngay nơi tâm này là Tịnh độ, bản tánh chân thật ấy Di-đà” thì có vẻ như chống trái nhau chăng?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: “Từ bên ngoài sắc thân này cho đến hết thấy núi sông, hư không, cõi đất... đều là những vật thể nằm trong chân tâm nhiệm mầu sáng tỏ.” Lại dạy rằng: “Hết thấy các pháp được sinh khởi đều là do nơi tâm hiển hiện.”

Như vậy, lẽ nào lại có cõi Phật ở ngoài tâm hay sao? Nên biết rằng, ngoài tâm không có cõi nước, ngoài cõi nước thì chẳng có tâm. Cho nên nói rằng, vô số cõi nước trong mười phương nhiều như số hạt bụi nhỏ, đều chỉ là những cõi nước trong tâm ta; chư Phật ba đời nhiều như số cát sông Hằng, đều chỉ là Phật trong tâm ta.

Nếu hiểu được điều này thì không có bất kỳ một cõi thế giới nào lại không y nơi tâm ta mà dựng lập, không có bất kỳ một vị Phật nào lại không nhân nơi chân tâm của ta mà hiển hiện.

Như thế thì, thế giới Cực Lạc ở cách đây mười vạn ức cõi Phật, lẽ nào lại riêng là một cõi không do tâm dựng lập? Đức Phật A-di-đà ở cõi Cực Lạc ấy, lẽ nào lại riêng là một vị Phật không do chân tâm bản tánh ta hiển hiện?

Hỏi: Thuyết Tịnh độ đều là hình tướng bên ngoài. Bậc có trí nên thẳng đường bước vào Thiên tông để đạt ngộ, đó mới là sáng suốt hơn. Nếu chỉ biết tán dương pháp tu Tịnh độ, chẳng phải là chấp trước nơi sự tướng mà không rõ biết lý tánh đó sao?

Đáp: Theo về nguồn cội thì tánh thể không hai, nhưng phương tiện đi về ắt phân chia nhiều đường lối. Hiểu được ý nghĩa này thì sẽ thấy giữa Thiên tông và Tịnh độ, tuy đường lối khác nhau nhưng vẫn cùng quay về một nguồn cội.

Đại sư Trung Phong dạy rằng: “Người tu thiên, chính là pháp

thiền của Tịnh độ; người tu Tịnh độ, chính là pháp Tịnh độ của thiền.”

Tuy là cùng hỗ trợ xiển dương cho nhau như thế, nhưng người tu hành ắt phải chọn lấy một môn để thâm nhập. Vì thế nên Bồ Tát Đại Thế Chí chứng đắc Tam-muội Niệm Phật mới nói rằng dùng tâm niệm Phật thể nhập vào Vô sinh nhẫn. Bồ Tát Phổ Hiền thể nhập vào cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn trong kinh Hoa Nghiêm rồi nói rằng: “Nguyện khi tôi lâm chung vãng sinh về thế giới Cực Lạc.” Hai bậc đại sĩ Bồ Tát ấy, một vị kề cận bên Phật Thích-ca, một vị kề cận bên Phật A-di-đà, lẽ ra mỗi vị đều truyền dạy pháp môn riêng, nhưng các vị đều hòa hợp viên dung, không hề ngăn ngại lẫn nhau, sao có thể nói các vị còn vướng chấp thiên kiến?

Lại như ông nói rằng Tịnh độ là pháp môn hình tướng bên ngoài, chẳng phải là cho rằng tâm thanh tịnh tức Tịnh độ, ắt không hề có cõi Tịnh độ trang nghiêm bằng bảy báu đó sao? Nếu quả là như vậy, thì ông cũng có thể nói rằng tâm hiền thiện tức cõi trời, rốt lại không hề có các cõi trời Dạ-ma, Đao-lợi...; rằng tâm xấu ác tức địa ngục, rốt lại không hề có những địa ngục núi đao, rừng kiếm, chảo nước sôi...; rằng tâm ngu si tức súc sinh, rốt lại không hề có những loài súc sinh mang lông đội sừng?

Thế nhưng, đã có cõi tịnh độ trong sự soi chiếu tĩnh lặng [của chân tâm], ắt cũng có những cảnh giới thật báo trang nghiêm [tương ứng] có thể biết được. Huống chi, ngoài sự ra vốn không có lý, ngoài tướng ra vốn không có tánh. Nếu cứ nhất định phải bỏ sự để cầu lý, lìa tướng để tìm tánh, ắt là lý với sự đã không thể vô ngại, mong gì đạt đến cảnh giới “sự sự vô ngại” [như trong kinh Hoa Nghiêm]?

Lại nữa, ông tuy sẵn đủ tánh Như Lai nhưng hiện tại vẫn mang thân phàm phu. Nếu ông quả thật nơi nơi chốn chốn đều

có thể đạt được Tịnh độ, thử hỏi có thể rơi vào hố xí vẫn xem như nằm trên giường chiếu được chăng? Có thể cùng với chó, lợn, trâu, ngựa cùng ăn chung một máng được chăng? Có thể cùng với xác chết thối rữa, giòi bọ đang rúc rĩa, nằm chung trên một giường mà ngủ được chăng? Nếu làm được như vậy, mới có thể chấp nhận lời ông nói, rằng “núi cao đất bằng, chốn chốn đều là Tây phương Cực Lạc”, rằng “dù ở giữa núi đao rừng kiếm vẫn thường an nhiên tự tại”. Còn như không được vậy, thì trong chỗ thấy uế tịnh chưa phải là không, tình cảm ưa ghét vẫn còn, lại đánh giá quá cao chỗ thấy của mình, huyênh hoang khoác lác, dễ khiến cho những kẻ kiến giải nông cạn, chỉ đọc qua loa mấy bản kinh thư, học võ vẽ vài ba công án thiền, [nghe qua rồi liền] muốn phỉ báng Chánh pháp, tạo thành tội nghiệt, như thế là lỗi của ai?

Hỏi: Người tu hành cầu thoát khỏi sinh tử, do đó xem trọng lý vô sinh. Hâm mộ Tây phương Cực Lạc mà phát nguyện được vãng sinh về, như thế có thể nào xem là nương theo ý nghĩa vô sinh được chăng?

Đáp: Thấy sinh ra cho là sinh, đó là chỗ sai lầm của quan điểm thường kiến, cho rằng tất cả thường còn. Thấy không sinh ra cho là vô sinh, đó là chỗ nhầm lẫn của quan điểm đoạn kiến, cho rằng tất cả đều dứt mất. Sinh mà không sinh, không sinh mà sinh, đó mới là ý nghĩa đúng thật rốt ráo nhất. Chân như bản tánh nhiệm mầu vốn tự không sinh, do nhân duyên hòa hợp mới khởi sinh hình tướng. Vì thể tánh có khả năng hiện thành hình tướng, nên nói vô sinh tức là sinh; vì hình tướng do thể tánh hiển hiện, nên nói sinh tức vô sinh. Hiểu được điều này thì biết rằng, sinh ra nơi Tịnh độ, ấy chỉ là chỗ khởi sinh của tâm. Nếu lại ngờ rằng do xa xôi mà khó đến, thì [nên biết] tâm bao trùm cả hư không, ôm trọn cả pháp giới, làm sao còn có chuyện xa gần?

Hỏi: Cõi Phật trong mười phương thanh tịnh, nhiệm mầu

không ít, nay vì sao lại riêng chỉ về thế giới Cực Lạc, riêng xưng tán cõi ấy cảnh thù thắng, duyên thù thắng?

Đáp: Cõi thế gian này là nơi hội tụ của muôn điều khổ. Ví như có chút nhân duyên vui thú, ắt đều dẫn đến quả khổ đau. Cõi Cực Lạc không phải như thế, cho nên trong Kinh mới dạy rằng: “Chúng sinh nơi Cực Lạc không có các nỗi khổ, chỉ thuần hưởng sự vui thú, nên gọi là Cực Lạc.”

Nay thử so sánh sơ lược đôi điều giữa hai cảnh giới, để thấy được sự khác biệt một trời một vực.

Ở thế gian này, chúng sinh nhập thai liền phải ở mười tháng trong thai mẹ, vào lúc sinh ra thì cận kề sống chết trong gang tấc. Nơi cõi Cực Lạc, người vãng sinh tư chất gửi vào hoa sen, an ổn ngồi giữa cung điện thơm tho mẫu nhiệm, đã không phải chịu cảnh vào thai ô uế, cũng không gây khổ lụy, khó nhọc đến mẹ hiền. Như thế là nỗi khổ sinh ra của kiếp người không còn nữa.

Ở thế gian này, người ta đến tuổi già thì da nhăn tóc bạc, gối mỏi lưng còng, đứng ngồi đều phải nhờ người nâng đỡ, hơi thở thoi thóp yếu ớt. Nơi cõi Cực Lạc thì nhờ pháp vị nuôi dưỡng tinh thần, vĩnh viễn không suy yếu già nua, hết thảy cõi nước trong mười phương chỉ chớp mắt có thể đến đi tùy ý. Như thế là nỗi khổ già yếu của kiếp người không còn nữa.

Ở thế gian này, một khi bệnh tật thì rên siết trên giường bệnh, lăn lộn than khóc. Nơi cõi Cực Lạc thì có thần thông lớn, có uy lực lớn, khắp cõi nước không bao giờ nghe nói đến những tiếng ốm đau, khó chịu. Như thế là nỗi khổ bệnh tật của kiếp người không còn nữa.

Ở thế gian này, ai ai rồi cũng nhất định phải chết, sau khi chết nhất định phải thọ nghiệp, chỉ có một đường duy nhất là cúi đầu chịu sự dắt dẫn của nghiệp lực. Nơi cõi Cực Lạc thì một khi thác sinh vào hoa sen liền được thân kim cang bất hoại, được tướng hảo quang minh, tuổi thọ vô cùng. Như thế là nỗi

khổ chết đi của kiếp người không còn nữa.

Ở thế gian này, có hợp có tan, có gặp nhau ắt có chia lìa. Cha mẹ ơn sâu cũng khó giữ được lâu dài, vợ chồng thương yêu gắn bó rồi phần lớn cũng phải chịu phân ly. Nơi cõi Cực Lạc thì quyến thuộc là người cùng chung trong pháp hội, vĩnh viễn cùng nhau thân cận, làm sao còn có nỗi khổ phân ly?

Ở thế gian này, kẻ thù địch tìm kiếm lẫn nhau, có oán thù ắt phải chịu báo oán, dù kinh hãi khiếp sợ cũng không trốn tránh vào đâu được. Nơi cõi Cực Lạc thì người người đều thân thiết, kính trọng lẫn nhau, ai cũng là Bồ Tát bạn lành, cùng quan tâm chu toàn cho nhau, làm sao còn có nỗi khổ oán ghét phải gặp nhau?

Ở thế gian này, người người đều vất vả bôn ba vì cơm áo, vợ con sai khiến, khổn khổ đủ cách. Nơi cõi Cực Lạc thì y phục, thức ăn uống đều tùy ý nghĩ mà hóa hiện ra, cung điện vườn rừng, hết thảy đều bằng bảy báu, mỗi thứ đều được tùy ý thọ dụng, làm sao còn có nỗi khổ mong cầu không đạt được?

Không chỉ riêng những điều nêu trên, mà nơi thế gian này chúng sinh đều mang hình thể xấu xí hôi hám, so với cõi Cực Lạc thì hào quang chói sáng, tướng hảo quang minh; nơi thế gian này thì sống chết chìm nổi, lưu chuyển mãi mãi trong sinh tử, so với cõi Cực Lạc thì một lần chứng đắc vô sinh, vĩnh viễn không còn thối chuyển; nơi thế gian này thì gò nổng hố hầm, gai góc ngăn trở, so với cõi Cực Lạc thì cây báu ropy trời, vàng ròng làm đất.

Lại nữa, ở thế gian này thì đối với các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí chỉ có thể đơn thuần ngưỡng mộ danh thơm, nơi cõi Cực Lạc thì có thể tự thân cùng các ngài kết làm bạn tốt.

Dem so sánh giữa hai cảnh giới như thế, quả là ngoại cảnh nhân duyên đều thù thắng khác biệt vô cùng. Cảnh thù thắng ấy có thể giúp nhiếp tâm thanh tịnh, duyên thù thắng ấy có thể giúp thêm động lực tu hành.

Hỏi: Tâm chán lia [Ta-bà] và mến mộ [Tịnh-độ] cũng chính là tâm yêu thích, ghét bỏ. Tâm niệm yêu ghét cũng là đầu mối của sinh tử, người tu hành thật không nên có, vậy phải làm sao?

Đáp: Chán lia Ta-bà, mến mộ Tịnh-độ, tuy cũng đủ gọi là tâm yêu ghét, nhưng không phải là sự yêu ghét của thế gian, mà chính là sự yêu ghét giúp chuyển phàm thành thánh của mười phương Như Lai.

Nếu không sinh tâm chán lia, làm sao có thể thoát khỏi thế giới Ta-bà uế trược? Nếu không hâm mộ, làm sao có thể vãng sinh về thế giới Cực Lạc?

Cho nên, trước phải sinh tâm chán lia, sau mới có thể nhân đó chuyển phàm; trước phải sinh tâm mến mộ, sau mới có thể nhân đó thành thánh.

Hỏi: Ở thế gian này, mọi thứ y phục, thức ăn uống, nhà cửa, vật dụng... đều phải vất vả tạo dựng rồi mới được thọ hưởng, vì sao ở thế giới Cực Lạc một khi muốn thọ hưởng các việc phước đức thì hết thấy đều tự nhiên hóa hiện?

Đáp: Hết thấy những sự thọ hưởng phước đức đều do nơi việc tu tích phước đức mà có. Người ở châu Bắc Câu-lô, hết thấy y phục, thức ăn uống khi muốn dùng đến đều tự nhiên hiện ra, hưởng chi là cõi báu vạn phước trang nghiêm của đức Phật A-di-đà?

Kinh Đại A-di-đà dạy rằng: “Những giảng đường, cung điện ở thế giới Cực Lạc, hoàn toàn không có người tạo tác, cũng không từ đâu mà đến, chỉ do nơi đức sâu dày, nguyện lớn rộng của đức Phật A-di-đà mà tự nhiên hóa sinh.”

Lại cũng dạy rằng: “Trong các cõi Phật ở phương khác, có những nơi chỉ toàn làm việc thiện, không một chỗ nào tạo nghiệp ác, nên phước đức đều là tự nhiên. Lại có những thế giới kém hơn, ở đó làm việc thiện nhiều, tạo nghiệp ác rất ít, như thế vẫn có được phước đức tự nhiên, không cần phải tạo dựng. Đối với

thế giới Ta-bà này, người tạo nghiệp ác quá nhiều, kẻ làm việc thiện rất ít, vì thế nếu không tự mình ra sức tạo dựng thì chẳng có vật gì tự nhiên hóa hiện cả.”

Hỏi: Người niệm Phật được vãng sinh, khi lâm chung đều được nhìn thấy đức Phật và các vị Bồ Tát đích thân hiện đến tiếp dẫn. Trong kinh nói rằng: “Người trì tụng chú vãng sinh được ba mươi vạn lần, đức Phật A-di-đà sẽ thường ngự trên đỉnh đầu người ấy, bảo vệ cho họ.” Ví như trong mười phương thế giới đều có người trì tụng chú này, đều có người cầu Phật, Bồ Tát tiếp dẫn vãng sinh, thì đức Phật A-di-đà làm sao có thể cùng lúc ngự nơi đỉnh đầu [những người trì chú], lại hiện đến tiếp dẫn [những người niệm Phật]?

Đáp: Mặt trời mặt trăng từ trên cao soi chiếu, có thể soi sáng cho khắp thế giới này nhưng không lo gì việc không đủ ánh sáng, huống chi là thần thông của Phật, thế nguyện của Phật?

Hỏi: Trên pháp hội Hoa Nghiêm, Bồ Tát Phổ Hiền hiện đến ngồi nơi đạo trong nhưng các vị Bồ Tát khác cố dùng hết thần lực vẫn không thể nhìn thấy được. Nay những người vãng sinh thấy đều ở địa vị phàm phu, làm sao có thể tức thời có khả năng thấy Phật? Lẽ nào vị Phật mà họ thấy đó so với vị Phật của chư Bồ Tát nhìn thấy không khác nhau sao?

Đáp: Tướng Phật nói chung vẫn không khác, nhưng chỗ thấy của chúng sinh đều khác nhau. Người mới sinh về Cực Lạc, bất quá chỉ nhìn thấy được tướng thô của Phật mà thôi, chẳng hạn như 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đó là tướng thô. Còn như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Như Lai có những tướng của bậc đại nhân nhiều như số hạt bụi nhỏ trong biển của mười hoa tạng thế giới”, thì e rằng nếu không phải bậc Đại Bồ Tát sẽ không có khả năng nhìn thấy. Ví như chư thiên cùng nhau thọ dụng món tu-đà,¹ nhưng trong cùng một vật chứa mà màu sắc, mùi vị

¹ Tu-đà: cùng đọc theo âm khác là thú-đà, tồ-đà, chỉ món ăn của chư thiên hoặc món cam lộ chỉ có ở cõi trời.

đều khác biệt [tùy theo phước đức của mỗi vị]. Lại ví như một người có bệnh với người khỏe mạnh tuy cùng nếm một món ăn, nhưng cảm nhận về mùi vị đắng, ngọt của món ăn ấy lại hết sức khác biệt. Cho nên [trong kinh Duy-ma-cật nói rằng], thế giới Ta-bà của đức Phật Thích-ca vốn cực kỳ trang nghiêm thanh tịnh, nhưng chỉ duy nhất Phạm vương Loa Kế nhìn thấy mà thôi, còn lại hết thảy những người khác [trong pháp hội] đều nhìn thấy cõi này chỉ toàn gò nổng, hầm hố, gai góc... đầy dẫy những điều ô uế. Chúng sinh thấy Phật cũng giống như vậy.

Hỏi: [Nghe nói rằng,] khi ở thế gian này có người tín tâm niệm Phật thì trong hồ bầy báu ở Cực Lạc sẽ hóa sinh một đóa hoa sen. Nếu người niệm Phật tinh tấn thì hoa sen ấy dần dần lớn lên. Ngược lại, nếu người niệm Phật thối tâm, lười nhác, thì hoa sen ấy sẽ úa tàn. Điều đó có tin được chăng?

Đáp: Điều ấy cũng dễ giải thích thôi. Ví như một tấm gương lớn, khi có vật gì được mang đến trước thì tự nhiên trong gương hiện ảnh của vật. Cứ xem như trong thành Xá-vệ có lầu gác của Thụ-đề-già, bất quá cũng chỉ được làm bằng lưu ly với bạc trắng, nhưng tường vách ở đó lại có khả năng ảnh hiện những sự việc xảy ra trong thành, huống chi là cõi báu thanh tịnh trang nghiêm của đức Phật A-di-đà? Cho nên, ở thế gian này có người niệm Phật mà ở Cực Lạc có hoa sen sinh ra là điều chẳng có gì phải nghi ngờ cả.

Hỏi: [Tôi nghe có việc] còn mang nghiệp xấu vẫn được vãng sinh; sau khi vãng sinh liền được địa vị không còn thối chuyển. Như vậy, người ta sống trong đời, các duyên thế tục còn chưa dứt hết, sao không cứ buông thả theo sự nghiệp thế gian, đợi đến lúc lâm chung rồi hãy niệm Phật cũng được?

Đáp: Cách nghĩ như thế là tà thuyết. Còn duy trì một ý nghĩ như thế, sẽ tự mình rơi vào rất nhiều sai lầm. Nói ra một lời như thế, sẽ làm cho người khác sai lầm rất nhiều.

Những kẻ xấu ác khi lâm chung quay sang niệm Phật, được vãng sinh, ắt là do sẵn có căn lành từ đời trước, lại nhờ gặp được bậc thiện tri thức dắt dẫn chỉ bày, nên khi lâm chung mới có được sự may mắn như thế. Ấy là việc trong muôn ngàn người chỉ có một mà thôi, đâu có lý nào hết thảy mọi người khi lâm chung đều được sự may mắn như thế?

Sách Quần nghi luận có nói: “Thế gian này có mười hạng người khi lâm chung không thể niệm Phật. Thứ nhất, vì chưa gặp được bậc lành khuyên dạy niệm Phật. Thứ hai, vì nghiệp duyên liên tục trói buộc thúc bách, không có lúc nào có thể niệm Phật. Thứ ba, bị trúng gió liệt người, không thể mở miệng niệm Phật. Thứ tư, bị phát bệnh cuồng loạn, không còn biết đến việc niệm Phật. Thứ năm, chết đột ngột vì gặp nạn lửa cháy, nước trôi. Thứ sáu, chết đột ngột vì gặp thú dữ như hổ, báo, sói... Thứ bảy, do bạn xấu làm lung lạc rồi mất hẳn niềm tin. Thứ tám, do ăn uống quá độ, hôn mê đến chết. Thứ chín, do chết đột ngột trong chiến trận. Thứ mười, do chết đột ngột vì ngã từ trên vách núi cao.” Nếu rơi vào một trong các trường hợp ấy thì rất khó lòng niệm Phật.

Ví như chỉ bị bệnh xoàng mà chết, thì vào lúc bốn đại phân rã rồi, cũng không khỏi cảm giác như toàn thân bị dao bén cắt xéo đau đớn, hoảng hốt khiếp sợ, đâu còn tâm trí nào để niệm Phật?

Lại ví như nghiệp duyên còn chưa dứt, những ý niệm thế tục vẫn chưa thôi, việc nhà chưa thu xếp ổn thỏa, việc về sau chưa sắp đặt xong, do đó mà cầu thầy, bói quẻ, khiến tâm trí càng thêm não loạn, rồi vợ con kêu la than khóc rối loạn bên tai, khiến cho trong lòng không có được bất kỳ chủ trương, định hướng gì. Vào lúc ấy mà muốn cho người lâm chung thông dong niệm Phật, lại cầu cho được nhất tâm bất loạn thì thật là muôn vạn lần không thể được!

Cho nên, người xưa có câu: “Chớ đợi tuổi già lo niệm Phật, đầu xanh lắm kẻ đã xuống mồ.” Lại nói rằng: “Bình thường khuyên người niệm Phật, ai cũng nói mình bận rộn. Chỉ khi quý vô thường đến, bận đến đâu cũng phải thôi.”

Người sống trong đời chẳng có được bao nhiêu thời gian, nên nhân lúc này còn chưa già, không bệnh, trừ bỏ các duyên thế tục, hết sức tinh cần lo việc trọng yếu. Trái qua một ngày, niệm danh hiệu Phật được một ngày, đạt được một phần công phu, tu tích được một phần tịnh nghiệp. Nếu không như vậy, một khi đã mất thân người này rồi, vạn kiếp cũng khó lòng được lại. Thật đáng sợ lắm thay!

Hỏi: Đợi lúc già mới lo tu hành, như vậy tôi đã thấy rõ là vô lý. Nhưng có điều phàm phu ở giữa lưới thế tục, có việc không thể gạt bỏ hết, vậy biết làm sao?

Đáp: Người sinh ra ở thế gian, chắc chắn ai ai cũng đều phải chết. Dù có tu hay không tu, cũng chẳng thể tránh được điều đó. Nhưng nếu sống trụ lạc thì sao bằng hương thiện, được sự siêu xuất? Chỉ cần thống thiết nghĩ đến lẽ vô thường, thì chẳng lo gì sự dụng tâm không tha thiết. Bất luận là ở trong hoàn cảnh yên tĩnh hay bận rộn, gặp phải nghịch cảnh hay thuận cảnh, đối với việc niệm Phật cầu sinh Tịnh độ cũng đều không có gì trở ngại. Ví như việc đời phải gánh vác quá nặng nề bận rộn, cũng phải chọn ra những lúc được chút rảnh rỗi mà ấn định thời khóa hằng ngày, hoặc niệm vạn lần, hoặc niệm ngàn lần Phật hiệu, đều đặn mỗi ngày không thể gián đoạn. Đối với những người cực kỳ bận rộn, thì mỗi buổi sáng sớm thực hành mười niệm,¹ không thể thiếu được.

Hỏi: Niệm Phật được nhất tâm bất loạn, từ một ngày cho đến bảy ngày ắt được vãng sinh. Ví như trong một ngày đến bảy ngày ấy đã được nhất tâm, nhưng rồi sau đó không giữ được

¹ Xem lại phần Pháp môn trì tụng mười niệm.

trạng thái nhất tâm nữa, chẳng biết như vậy có được vãng sinh hay chẳng?

Đáp: Nếu đã đạt được nhất tâm bất loạn, thì sau đó tâm rất ít tán loạn, nhất định không thể đến mức quá ư tán loạn. Như ngày xưa Nhan Hồi thực hành đức nhân trong ba tháng, trong ba tháng ấy tất nhiên đã là người nhân hậu. Nhưng sau ba tháng ấy, lẽ nào lại có thể trở thành người xấu ác?

Chỉ cần có thể thường xuyên tự quán chiếu, kiểm thúc trong tâm, thường phát thệ nguyện rộng sâu, thì không thể không được vãng sinh.

Hỏi: Việc niệm Phật phải nối nhau tương tục thì công phu mới miên mật thành tựu. Nhưng vào mùa hè nóng bức, phần lớn thời gian trong ngày phải cởi trần, không thể suốt ngày giữ y phục nghiêm trang tề chỉnh. Không biết rằng vào những lúc ăn uống, nằm ngò, lúc cởi trần tắm rửa... đều có thể niệm Phật được chẳng?

Đáp: Việc niệm thầm trong tâm không có trở ngại. Cho nên nói rằng: “Khi gặp rút cũng thế, lúc nguy cấp cũng thế.”

Hỏi: Vào lúc nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật, lại cũng phát tâm cầu sinh Tịnh độ, như vậy dường như lẫn lộn cả hai tâm niệm?

Đáp: Xưng niệm danh hiệu Phật, đó là vì muốn cầu sinh Tịnh độ. Trong kinh dạy rằng: “Nên phát nguyện sinh về Cực Lạc.” Lại cũng dạy rằng: “Thường xuyên trì niệm danh hiệu [Phật].” Cho nên biết rằng việc phát nguyện với niệm danh hiệu Phật, thật không phải hai, chỉ là một việc. Ví như người theo đường học vấn thi cử, muốn đạt được công danh, điều đó cũng giống như cầu sinh Tịnh độ. Vì muốn đạt công danh nên dùi mài kinh sử, đọc sách làm văn, điều đó cũng giống như vì muốn vãng sinh nên niệm Phật. Trong chỗ ấy dường như có sự khác biệt phân chia khó thấy. Vì thế, việc phát nguyện cầu sinh Tịnh độ nên thực

hiện vào hai thời sớm tối trong ngày, còn lúc trì niệm danh hiệu Phật thì duy trì sự chuyên nhất trong tâm, không để khởi sinh tạp niệm lẫn lộn.

Hỏi: Suốt ngày niệm Phật, gặp việc phước thiện thì làm, đó là bốn phận của người học Phật. Nhưng lúc làm việc phước thiện e không khởi phải lưu tâm vào việc ấy, không thể duy trì việc nhớ nghĩ đến Phật hiệu, không biết như vậy có trở ngại cho sự đạt đến nhất tâm bất loạn hay chăng?

Đáp: Trong gương sáng vốn không có gì, khi vật ở trước thì trong gương liền hiện ảnh, đâu ngăn ngại gì đến chỗ không của gương? Người ta chỉ vì khi sự việc chưa đến đã lo chờ đón, sự việc đã qua rồi vẫn còn lưu giữ lại, do đó mà thành bệnh.

Hỏi: Công ơn cha mẹ thật khó báo đáp. Nếu được vãng sinh về Tây phương Cực Lạc, chẳng biết có phương pháp nào để báo ân cha mẹ hay chăng? Nhưng sinh làm người mỗi một kiếp sống đều có cha mẹ, trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp từ vô thủy đến nay, tức là phải có trăm ngàn vạn ức người cha, người mẹ. Không biết rằng sau khi vãng sinh có thể nào nhớ lại được hết tên họ từng người, rõ biết được hiện đang ở đâu, để có thể báo ân đối với tất cả được chăng?

Đáp: Lời thế tục nói rằng: “Muốn đáp đền ân đức mẹ cha, như ngẩng đầu trông trời cao không ngần mé.” Cho nên, dùng phương thức của thế tục để báo ân cha mẹ thì không thể nào báo đáp hết được. Nhưng nếu sau khi được vãng sinh rồi muốn báo ân cha mẹ thì hết sức dễ dàng. Không chỉ là báo ân một đời cha mẹ, mà dù muốn báo đáp ân đức của cha mẹ trong trăm ngàn vạn ức đời trước cũng đều có cách để báo đáp.

Người vãng sinh về Cực Lạc liền được thần thông thiên nhãn, có khả năng nhìn thấy sự việc trong vô số thế giới; được thần thông thiên nhĩ, có khả năng nghe biết âm thanh trong vô số thế giới; được trí tha tâm thông, có thể biết được tâm niệm của hết

thầy chúng sinh; được trí tức mạng thông, có thể biết được việc đã từng sinh ra nơi nào, chết đi về đâu trong vô số kiếp trước, chẳng hạn như từng là người tên gì, ở đâu, thuộc dòng họ nào, xóm làng nào... cho đến hết thầy những chi tiết nhỏ nhất cũng đều biết rõ, nhờ đó có thể bằng việc làm của mình mà báo đáp ân đức cho cha mẹ trong nhiều đời, lẽ nào lại không thể báo đáp?

Xưa Mạnh tử khen ngợi lòng hiếu của vua Thuấn, nói rằng khiến cho cha ông được làm cha của bậc thiên tử, thật tôn quý nhất; khiến cho cả thiên hạ lo việc phụng dưỡng cha, thật là sự phụng dưỡng cao cả không gì hơn. Ví như ta được vãng sinh thành vị Bồ Tát ở Cực Lạc, thì cha mẹ ta trở thành cha mẹ của Bồ Tát, chẳng phải còn tôn quý hơn [cả cha vua Thuấn] đó sao? Ví như có thể khiến cho cha mẹ được vãng sinh về Cực Lạc, y phục, thức ăn uống đều tùy ý hiện ra, được phước đức tự nhiên, tuổi thọ vô cùng, chẳng phải còn hơn xa việc thiên hạ nuôi dưỡng đó sao? Hơn nữa, mỗi nước chỉ có duy nhất một vị thiên tử, ví như có hai người con hiếu [theo cách nói của Mạnh tử], mỗi người đều muốn cho thiên hạ phụng dưỡng cha mình, ắt phải sinh ra việc mưu đồ soán đoạt, một trong hai người phải trở thành loạn thần tặc tử. Sao có thể sánh được với pháp môn Tịnh độ, người người đều có thể lo việc báo hiếu mà không hề ngăn ngại như pháp thế gian.

Hỏi: Muôn loài chúng sinh chịu khổ trong ba đường ác nhiều vô số, ta làm sao có thể cứu vớt hết được mà phát khởi lòng nguyện vô nghĩa vô ích như thế?

Đáp: Bồ Tát muốn rộng độ chúng sinh thì mỗi một chúng sinh [do tạo ác nghiệp] đáng phải chịu khổ trong ba đường ác, đều thấy đó là chúng sinh mà ta phải cứu độ. Sao có thể vì thấy nhiều mà sinh tâm sợ sệt? Vì thấy nhiều mà sinh tâm chán bỏ, mỗi một?

Bồ Tát Địa Tạng có nguyện rằng: “Địa ngục còn chưa trống không, ta thể không thành Phật.”

Mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, mỗi một nguyện đều lấy việc cứu độ hết tất cả chúng sinh trong pháp giới làm kỳ hạn, chưa được như vậy thì chưa tròn nguyện.

Như vậy, người tu Tịnh độ muốn vãng sinh về Cực Lạc, lẽ nào lại có thể không lấy việc quay lại Ta-bà, cứu độ hết tất cả chúng sinh trong ba đường ác làm thệ nguyện của mình?

Hỏi: Những loài vật nhỏ nhít số nhiều vô kể, ví như mỗi khi nhìn thấy chúng đều phát tâm cứu độ, không biết rằng việc phát tâm như thế chẳng qua chỉ để giúp ta được tròn chí nguyện, hay là có giúp ích được gì cho những con vật ấy chăng?

Đáp: Cần phải quán xét xem việc phát tâm ấy có chân thành hay không. Nếu có thể hết sức chân thành thì không phải là vô ích cho loài vật ấy. Xét như chuyện tiền thân đức Thế Tôn là vị tiên nhân nhục, và chuyện tiền thân của ngài Mục-kiền-liên làm một tiểu phu, thì có thể thấy được lợi ích của sự phát tâm như thế.

Đức Phật Thích-ca trong vô số kiếp trước đây từng làm một vị tiên nhân nhục, tu hành trong núi. Gặp lúc có vị vua đi săn, đuổi một con thú chạy qua chỗ ngài đang ngồi. Vua đuổi đến, hỏi ngài con thú chạy đường nào. Khi ấy, nếu nói thật ra thì hại chết con thú, bằng như nói sai thì phạm giới vọng ngữ. Vị tiên vì thế trầm ngâm không đáp. Vua nổi giận liền chặt đứt một cánh tay ngài. Lại tra hỏi lần nữa, vị tiên vẫn trầm ngâm không đáp. Vua liền chặt thêm một cánh tay nữa. Tiên nhân khi ấy liền phát nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, sẽ hóa độ cho người này trước, không để người đời bắt chước ông ta làm ác.”

Về sau, khi ngài thành Phật, trước tiên hóa độ ông Kiều-trần-như, chính là ông vua thuở trước. Lại nữa, vào thời Phật tại thế, có những người dân trong một thành kia rất khó hóa độ. Đức

Phật nói: “Dân trong thành ấy vốn có nhân duyên với Mục-kiền-liên.” Liên bảo Mục-kiền-liên đến đó hóa độ. Quả nhiên, dân trong thành ấy đều nghe theo lời ngài. Mọi người thưa hỏi nguyên nhân, Phật dạy: “Trong nhiều kiếp trước, Mục-kiền-liên từng làm một tiểu phu vào núi đốn củi, làm động tổ ong khiến vô số con ong hoảng loạn bay ra. Mục-kiền-liên nhân đó liền bảo chúng: “Tất cả các người đều có tánh Phật, ngày sau khi ta thành đạo sẽ hóa độ các người.” Những người trong thành ấy chính là bầy ong thuở trước. Mục-kiền-liên trước đây từng phát nguyện cứu độ, do đó có nhân duyên với họ.

Theo như những việc ấy thì biết, không chỉ mỗi khi gặp người khác đều nên khuyến họ niệm Phật, phát khởi tâm cứu độ, mà mỗi khi nhìn thấy các loài vật, cũng nên thay chúng niệm Phật, phát tâm cứu độ chúng.

Hỏi: Niệm Phật dù chí thành nhưng chỗ niệm ấy vẫn là hữu hạn. Lấy ví dụ như có một trăm vật mạng, ta niệm một ngàn câu Phật hiệu hồi hướng cho chúng, thì một trăm vật mạng ấy đều được thọ hưởng phước báu. Ví như số vật mạng lại nhiều đến như số cát sông Hằng, lại cũng niệm một ngàn câu Phật hiệu mà hồi hướng, thì phần phước báu của mỗi con vật chẳng phải chỉ còn rất nhỏ nhặt hay sao?

Đáp: Ví như có một cây đuốc, trăm người chia nhau ánh sáng, cây đuốc ấy vẫn như cũ. Ví như lại dùng để soi sáng cho ngàn người, vạn người, cây đuốc ấy vẫn như cũ mà thôi.

Hỏi: Xưa có hai vị tăng, vào thời khóa niệm Phật thì quán tưởng tự thân mình ngồi trong hoa sen lớn, lại quán tưởng hoa sen nở ra, khép lại. Như vậy trong năm tháng thì hai vị đều được vãng sinh. Không biết rằng người niệm Phật có thể lấy cách tu ấy làm khuôn thước noi theo được chăng?

Đáp: Cũng được. Tuy nhiên, rốt lại thì phương pháp niệm danh hiệu Phật vẫn là chủ yếu.

Lời dẫn

Dem thuyết Tịnh độ khuyên người trí tuệ sâu rộng thì rất dễ, bởi những người ấy có phước đức sâu dày từ đời trước, căn cơ khí chất đều hơn người.

Dem thuyết Tịnh độ khuyên dạy những người ít học, chân chất cũng rất dễ, vì những người ấy trong lòng không hề sẵn có thành kiến, như vị ngọt có thể hòa cùng, sắc trắng có thể tô thêm.

Nhưng chỉ riêng đối với hạng người đọc sách như bọn nhà Nho chúng ta, nếu đem thuyết Tịnh độ ra mà chỉ bày khuyên bảo thì thật không dễ chút nào. Đó là vì đã một phen thu góp lượm lặt những tri thức thiên cận mà cố kết trong lòng, nên dù có đạo nhiệm mầu cũng không muốn học, có lời tốt đẹp cũng chẳng muốn nghe.

Vì lẽ ấy, nay tôi cất công thâm thập những lời hay ý đẹp chỉ rõ mê lầm, hướng người quay về chánh tín, có thể làm sáng rõ ý nghĩa Tịnh độ, lại trích ra một số điều, lấy đó làm niềm vui Chánh pháp, đặt tên là “Khải tín tạp thuyết”.

Bài văn khuyên tu hành¹

Người người đều yêu mến xác thân, mấy ai biết được thân là gốc khổ? Mỗi giây mỗi phút đều tham muốn mưu cầu khoái lạc, chẳng biết rằng chỗ khoái lạc ấy là nguyên nhân của khổ. Kiếp người như mây nổi thoáng qua, nào có bền lâu? Thể chất huyễn ảo vốn không kiên cố, thủy đều diệt mất. Người sống thọ không quá tám, chín mươi, kẻ yếu mạng đời, ba mươi đã chết. Sống ngày nay chẳng biết việc ngày mai, lên giường ngủ sáng ra không dậy nữa. Thở ra không hện thở vào, ngay lúc ấy đã ngàn thu vĩnh biệt. Thân giả tạm này thật chẳng đáng ngại

¹ Nguyên tác là “Khuyến tu hành văn” (勸修行文) của Nhan Bình, hiệu Như Như Cư sĩ.

khen, sao chẳng ai thoát khỏi sự dối lừa của nó?

Gân cốt rành rít giữ lấy bộ xương bảy thước, một lớp da bao bọc khối thịt hồng; tóc, lông, răng, móng... cùng gồm chung một gò vô chủ; trong thân chứa đầy những nước mắt, nước mũi cùng đờm dãi, nhơ nhớp như hổ xí.

Mùa đông rét buốt, mùa hè nóng bức, mỗi năm đều chịu đựng như trong con sốt rét; muỗi, mòng, chấy, rận... đua nhau chích đốt, tháng tháng sống chung cùng giòi bọ vây quanh.

Tấm thân này thật không thể yêu chuộng đắm say, mong mọi người sớm nguyện thoát lìa. Vì sao kẻ mê muội còn đắm chuyện phong lưu, người u tối càng sinh điên đảo? Trên đầu một khối xương sọ, có người lại cài hoa giắt lá điểm tô; thân như đây da chứa đầy xú ối, lắm kẻ thường thoa hương trát phấn nâng niu. Lụa là phủ che túi máu mủ, gấm vóc bao kín bọc phần dơ. Tận dụng trăm mưu ma chước quỷ, những mong sống mãi ngàn năm; nào hay khi đầu vầng mắt hoa, vua Diêm-la đã sớm triệu hồi; hoặc vừa lúc tóc bạc răng rụng, quỷ vô thường vội vàng tìm đến.

Người người luyện mê tài sắc, đều là cách nhanh nhất đánh mất thân người. Ngày ngày đắm say rượu thịt, khác nào trồng sâu gốc địa ngục. Trước mắt mưu cầu khoái lạc nhất thời, cay đắng khổ đau muôn vạn kiếp. Một khi mạng sống vừa dứt, bốn đại phân rã như dao bén cắt xẻo toàn thân đau đớn, bên ngoài tay chân rời rã, bên trong gan ruột xé lìa. Ví bằng vợ con đón đau than khóc, cũng không sao lưu giữ; dù cho thân quyến cốt nhục đủ đầy trước mắt, nào ai thay chết được chẳng?

Khi sinh ra uổng khóc gào vô ích, lúc chết đi thần thức vội lìa. Đường trước mịt mờ tăm tối, nhìn quanh cô độc một thân. Qua cầu Nại-hà,¹ cảnh nhìn thấy bi thương đau đớn; vào Quỷ

¹ Theo niềm tin của người Trung Hoa xưa thì sau khi chết người ta phải đi ngang qua cầu Nại Hà, là chỗ giao nhau giữa hai cảnh giới âm dương. Qua cầu Nại Hà là bước vào cõi âm. Nguyên tác dùng Nại Hà ngạn (奈何岸), nghĩa là bờ bên kia cầu Nại Hà.

môn quan, lòng tự nhiên thê thảm đón đau. Lìa dương thế vừa được bảy ngày, chốn âm ty đã trải qua mọi chốn. Phán quan xét xử chẳng nương tình, ngục tốt y lệnh nghiêm mặt sắt. Kẻ làm thiện được lên cõi trời, người. Người tạo ác giải ngay vào địa ngục. Ngày trước thường nói nhân quả là chuyện hoang đường, lúc này mới biết việc báo ứng không máy may sai chạy.

Guồng nghiệp soi mọi sự rõ ràng, chốn âm ty muôn phần khổ sở. Núi đao rừng kiếm, chịu đưng khôn xiết vạn nỗi đón đau. Mang lông đội sừng, đền trả chưa hết biết bao nợ cũ. Cứ cho là gan dạ anh hùng, cũng không cúi đầu trước quỷ tốt. Kẻ báng Phật phá Tăng, rốt cùng phải quỳ trước Diêm vương chịu tội.

Hồn phách dù đã về âm giới, thi hài còn nằm giữa áo quan. Hoặc giữ lại qua ba ngày, năm bữa; hoặc kéo dài sáu, bảy tháng ròng. Da thịt thối rữa sinh bao giòi bọ, máu mủ rỉ ra, mùi hôi thối tận trời khắp đất. Nhà nghèo khó, vùi xác dưới một gò nơi đồng nội. Kẻ giàu sang, gửi thân nơi núi hoang xa vắng dậm. Sinh thời hồng nhan diễm lệ, nay hóa thành tro cốt lạnh tanh. Một nắm xương tàn cô quạnh, dần nát thành bụi bặm cõi trần. Bao nhiêu ái ân ngày cũ, giờ đây hết thảy đều không. Hào kiệt anh hùng thuở trước, nay biết về đâu? Cỏ xanh dần che bia đá, cảnh dương phơ phất giấy tiền. Xét đến cùng, nào ai tránh được cảnh ấy?

Nếu muốn thoát khỏi luân hồi, phải mau quay về Chánh giác. Thôi hướng hang quỷ tìm đường sống, phải biết trong thân sẵn tánh linh. Dù nam hay nữ đều có thể tu, kẻ tăng người tục, pháp phần đều sẵn. Gấp rút tìm đường thoát khổ, phải nghĩ đến thân đời sau nữa. Nếu chẳng quay đầu, sao tránh khỏi trong mơ khởi mộng. Nếu mãi ngày này chờ sang ngày khác, thoát chốc đã luống tuổi xuân; khiến người sau lại khóc người sau nữa, dần dần xương trắng thành non.

Khéo niệm Di-đà, đài vàng Cực Lạc sẵn chờ. Diêm chúa vô

tinh, đừng chuốc lấy cực hình địa ngục. Bỏ ác làm thiện, dứt quá khứ dựng lại tương lai. Giữa đại chúng tuyên dương Chánh pháp, nơi gia đình giảng thuyết đạo mầu. Sao cho chốn chốn đều tỏ ngộ, người người cùng thoát khỏi trầm luân.

Lời Phật dạy nếu không tin nhận, còn ai đáng tin hơn? Làm người nếu chẳng gắng tu, sinh đường khác muốn tu rất khó. Mong sao hết thấy mọi người, nghe qua rồi tin nhận thực hành ngay, chớ để một đời này trôi qua uổng phí.

Chương ngại của lý còn nặng nề hơn cả tham dục

Những người mù lòa bẩm sinh thì không biết đến hình dạng con voi. Xưa có ông vua, một hôm cho tập trung những người bị mù bẩm sinh lại và hỏi: “Các ông có muốn biết hình dạng con voi hay chẳng?” Những người mù đều thưa là muốn biết. Vua liền sai người quản tượng dắt một con voi ra trước sân, rồi bảo những người mù ấy cùng đến lấy tay sờ voi.

Sau khi họ đã sờ voi xong, vua hỏi: “Các ông bây giờ đã biết được hình dạng con voi hay chưa?” Tất cả đều nói là đã biết. [Vua liền bảo họ mô tả.]

Người sờ mũi voi nói: “Con voi [đầu to đầu nhỏ] giống như cây đàn [tỳ bà].” Người sờ dưới chân voi nói: “Con voi giống như cây cột đình.” Người sờ lưng voi nói: “Con voi giống như cái nhà.” Người sờ bên sườn voi nói: “Con voi giống như tấm vách.” Người sờ tai voi nói: “Con voi [tròn, mỏng] như cái sàng.” Người sờ đuôi voi nói: “Con voi giống như cái chổi lớn.”

[Những người mù ấy,] mỗi người tin theo một cách, ai cũng cho rằng mình nói đúng, ra sức tranh cãi không thôi với những người khác. Họ cãi nhau không ngừng, cho đến cuối cùng xông vào đánh nhau. Nhà vua liền cười nói: “Các ông đều chưa biết được hình dạng con voi. Người nói cây đàn, đó là mũi voi; người

nói cột đình, đó là chân voi; người nói cái nhà, đó là lưng voi; người nói tấm vách, đó là sườn voi; người nói cái sàng, đó là tai voi; người nói cái chổi, đó là đuôi voi.”¹

Những người mù nghe vua nói tuy không dám cãi lại, nhưng trong lòng vẫn tin rằng chỗ sờ biết của mình là chính xác không sai, hết sức oán hận những người khác đều đã nói sai về con voi. Do đó nên những người mù này suốt đời không thể nào biết được chính xác về hình dạng con voi.

Ví như trước đó đừng cho họ lấy tay sờ biết về con voi, hẳn là chỉ cần mô tả đôi lời đã có thể giúp họ biết được hình dạng con voi như thế nào, đâu đến nỗi phải có sự tranh chấp không thôi. Chỉ vì một khi đã có được sự mô phỏng của riêng mình, những người ấy đều cho rằng tự mình đã thể nghiệm được chính xác điều ấy bằng tay, hoàn toàn không có gì phải nghi ngờ nữa, liền đem cái biết ấy cố kết thành một định kiến kiên cố trong tâm, không thể nào xóa bỏ đi được.

Cho nên, người không đọc sách Nho, nếu được nghe dạy pháp môn Tịnh độ thì cho dù chưa tin nhận cũng không đi đến mức phi báng. Nhưng một khi đã đọc qua ít nhiều sách vở Nho gia, liền cho đó là chân lý chính xác nhất, dựa vào cái biết hạn hẹp của mình mà huyênh hoang tự đắc, cho rằng pháp môn Tịnh độ kia bất quá cũng chỉ là những lời dạy của riêng nhà Phật, [không sánh được với thánh hiền Nho gia]. Vì thế mà những lời thành thật lại bị xem như thuyết hoang đường, nước cam lộ quý báu lại bị xem như rượu độc.

Vì thế mới nói rằng, sự chướng ngại của lý lẽ [cố chấp] còn nặng nề hơn cả tham dục.

¹ Câu chuyện này có xuất xứ từ kinh Đại Bát Niết-bàn, được đức Phật dùng để ví cho sự nhận biết sai lầm, phiên diện của hết thảy chúng sinh về tánh Phật.

Trước phải tin có ba đời

Có những người học theo sách Nho, vì không tin có kiếp trước, đời sau, nên mới không tin nhận thuyết Tịnh độ. Thật không biết rằng, kiếp trước đời sau cũng giống như chuyện hôm qua với ngày mai, đều là vốn tự sẵn có, không phải do nhà Phật tạo tác ra. Cũng giống như các cơ quan nội tạng: tim, gan, thận, phổi... đều sẵn có trong người bệnh nhân, sao có thể vì những thứ ấy được thầy thuốc mô tả rồi cho rằng đó hẳn là những vật thể trong giỏ thuốc của họ?

Văn Xương Đế quân vừa mở đầu bài Âm chất văn đã nói: “Ta trải qua 17 đời đều làm kẻ sĩ có quyền thế.” Theo lời ấy thì rõ ràng đã có kiếp trước, đời sau. Những người theo đường khoa cử công danh, ai cũng phải qua sự chường quản của ngài, lẽ nào lời nói ấy của ngài lại không đủ để tin nhận hay sao?

Sau phải tin sâu lý nhân quả

Người học Nho nếu không tin nhân quả, đó không phải là không tin Phật dạy, mà chính là không tin vào học thuyết của Nho gia.

Kinh Dịch [của Nho gia] nói: “Nhà làm việc thiện ắt có thừa niềm vui, nhà làm việc ác ắt gặp nhiều tai ương.” Kinh Thư [của Nho gia] cũng nói: “Người làm việc thiện thì ban cho trăm điều tốt lành. Người làm việc xấu ác thì giáng xuống trăm tai họa.”

Theo đó, làm thiện hay làm ác chính là gieo nhân, gặp việc tốt lành hay tai ương, chính là gặt quả, [chỉ là cách diễn đạt khác nhau giữa Nho và Phật đó thôi.] Cũng giống như gọi là “mặt trời” hay “vàng thái dương”, cũng đều là chỉ chung một sự vật.

Cho nên [trong đạo Phật] nói: “Muốn biết nhân đời trước, hãy xem quả đời này.” Nếu người ta tin vào thuyết nhân quả như thế thì tự nhiên không dám làm việc ác, bằng như cho rằng chuyện

báo ứng chỉ là hoang đường, liền ưa thích làm chuyện dối trá, lường gạt người khác, không phải kiêng sợ gì cả.

Ví như trong một xóm làng, có một người tin nhân quả nên làm một điều thiện; một vạn người tin theo như vậy sẽ tăng thêm một vạn điều thiện. Ngược lại, có một người không tin nhân quả, làm một việc ác; một vạn người không tin như thế, sẽ tăng thêm một vạn điều ác.

Cho nên mới nói rằng: “Người người đều tin nhân quả, đó là con đường hết sức thịnh trị cho xã hội; người người đều không tin nhân quả, đó là con đường đại loạn cho xã hội.”

Khổng tử nhất định đã từng nói qua về thuyết ba đời

Về thuyết có ba đời,¹ khảo cứu trong kinh thư, sử sách thấy ghi chép rất nhiều, nhưng theo chỗ thấy biết của người đời nay thì lại không giống nhau.

Người học theo đạo Nho, chỉ vì cho rằng Khổng tử chưa từng nói qua thuyết ấy, nên tự họ cũng không đề cập đến. Tuy nhiên, có thật là Khổng tử không nói ra thuyết ấy chẳng?

Nếu nói rằng Khổng tử không biết đến thuyết ba đời thì ông ấy thật chưa đáng xem là bậc thánh nhân. Trong một bộ Luận ngữ [có mười hai ngàn bảy trăm chữ, mà] những lời do chính Khổng tử nói ra cũng chỉ có tám ngàn năm trăm lẻ ba chữ mà thôi. Như vậy, những điều Khổng tử nói ra mà không được ghi chép truyền lại cho hậu thế hẳn phải rất nhiều.

Nếu như đợi nhìn thấy ghi chép trong kinh sách [của Nho gia] rồi mới tin, hẳn là trong Tứ thư, Ngũ kinh, Khổng tử chưa từng nói đến cha mẹ của ông ấy, thì người học Nho cũng tránh

¹ Thuyết có ba đời: nghĩa là tin có đời hiện tại, đời quá khứ trước đây và đời tương lai sau khi chết sẽ tái sinh.

không nói đến cha mẹ mình; Khổng tử chưa từng nói đến anh em của ông ấy, thì người học Nho cũng tránh không nói đến anh em mình; Khổng tử chưa từng nói đến nhà cửa ruộng đất của ông ấy, thì người học Nho cũng tránh không sống trong nhà cửa, phát triển sản nghiệp.

Không chỉ là vậy, cho đến bốn món nhu yếu của sự viết lách là giấy, bút, mực và nghiên mực, Khổng tử cũng chưa từng nhắc đến, vậy ngày nay tập viết chữ là sai rồi. Hơn nữa, ngoài các loại áo mỏng mùa hè, áo lông cừu mùa đông, Khổng tử cũng chưa từng nói đến các loại y phục kèm theo, vậy phải cho rằng ngày nay mặc quần là sai. Ngoài ra, như tích trượng làm ra ở Giang Nam, nhà Nho không nên sử dụng, bột màu ở Tây Thục, nhà Nho không nên dùng để vẽ. Vì sao vậy? Vì Khổng tử chưa từng nhắc đến những thứ ấy trong kinh sách Nho gia.

Nay chỉ xét những điều được truyền dạy trong kinh sách Nho gia, như Khổng tử dạy người hiếu kính cha mẹ, hòa thuận với anh chị em, thì nhà Nho lại không làm theo; Khổng tử dạy người trung thực khoan thứ, thì nhà Nho lại không trung thực khoan thứ. Khổng tử chưa bao giờ dạy người cờ bạc, thì nhà Nho bây giờ lại ưa thích các trò cờ bạc. Toàn thấy những việc như Khổng tử chưa bao giờ dạy làm thế này, thế kia... thì nhà Nho lại chạy theo làm những việc thế này, thế kia... như vậy là thế nào? Nói ngắn gọn một câu, đó là [học mà] không có sự suy xét.

Người có trí đừng nhận về mình mạng sống ngắn ngủi

Con người xét đến chỗ ban sơ vốn không có sự chết. Danh từ “chết” chẳng qua chỉ do nơi thân xác thịt này mà có. Nhưng thân xác thịt tuy có biến đổi, bản tính chân thật của ta lại chưa từng biến đổi.

Ví như người đi xa, có lúc chèo thuyền, có lúc ngồi kiệu, lại

có lúc cưỡi ngựa, có lúc lái xe... [phương tiện thay đổi đủ loại, nhưng người không hề thay đổi]. Thuyền, kiệu, ngựa, xe... ấy chính là thân xác thịt, mà người chèo thuyền, ngồi kiệu, cưỡi ngựa, lái xe, ấy chính là bản tính chân thật.

Nếu xét theo thân xác thịt thì có dài lâu cũng không quá trăm năm, nhưng nếu xét về bản lai diện mục của chúng ta thì đâu chỉ là dài lâu như trời đất [mà còn hơn thế nữa]. Lắng lòng suy xét việc ấy, thật không có gì vui thú hơn.

Người đời nay không tin có kiếp sau, đó là chỉ biết tấm thân xác thịt mà không biết có bản tính chân thật. Như thế rõ ràng là tự nhận lấy về mình tuổi thọ ngắn ngủi, cũng là theo quan điểm sai lầm rồi vậy.

Người có trí không nên khép chặt quan điểm

Trong nhận thức của người nông dân nghèo thường không biết đến sinh hoạt của nhà giàu có; trong nhận thức của nhà giàu có, lại không biết đến sinh hoạt của bậc đế vương. Tuy cùng ở trong cõi người nhưng các giai cấp sang hèn, cao thấp đã khác biệt nhau rất xa, huống chi đem so con người với chư thiên cõi trời, hoặc đem cõi trời so với Tịnh độ của chư Phật.

Người ta cho rằng kẻ đọc sách nhiều hẳn chỗ thấy biết phải rộng. Nhưng không biết rằng [có những trường hợp] càng đọc sách thì chỗ thấy biết càng thêm hẹp hòi. Đó là vì cố chấp vào những kiến thức đã được tiếp nhận trước, cố kết trong lòng thành định kiến không thể xóa bỏ, thay đổi.

Nói chung, chỗ thấy biết của người ta, bất quá cũng chỉ nằm trong phạm vi của một cõi nước, không biết rằng số lượng thế giới thật nhiều không cùng tận, số lượng mặt trời, mặt trăng cũng không thể cùng tận. Người thiên cận thì chỉ biết con người ban đầu vốn sinh ra từ đời Bàn Cổ, nhưng không biết rằng từ thuở kiếp sơ thế giới vừa thành lập, từ khi Đại Bình Đẳng

Vương khai sáng đất nước trở về sau, đến nay đã trải qua đến tiểu kiếp thứ chín rồi; chỉ biết riêng một xứ sở này, gọi tên là Trung Hoa, nhưng không biết chỉ trong một châu Diêm-phù-đề, chỗ mà mình tự gọi là Trung Hoa đó, vốn thật có đến mười sáu nước lớn, năm trăm nước ở hạng trung bình và mười vạn nước nhỏ; chỉ biết con người sống được đến tuổi bảy mươi đã gọi là “xưa nay ít có”, không biết rằng từ thuở kiếp sơ con người vốn đã sống trung bình đến tám vạn bốn ngàn năm mới chết; chỉ biết ở nơi đây muốn có y phục, thức ăn uống đều phải vất vả cày ruộng dệt vải, không biết rằng nơi các cõi trời hay cõi Tịnh độ của chư Phật thì chỉ cần nghĩ đến các nhu cầu ấy đã tự nhiên hiện ra; chỉ biết rằng vàng bạc tiền của ở cõi này muốn có được thật hết sức khó khăn, không biết rằng nơi các cõi Phật trong mười phương, mặt đất đều bằng bảy báu tạo thành; chỉ biết chữ viết ở cõi này theo pháp lục thư¹ của Thương Hiệt tạo thành, không biết rằng từ sau khi sáng lập thế giới, vốn đã có đến sáu mươi bốn cách viết chữ; chỉ biết được đôi ba quyển sách như Tả truyện, Quốc ngữ, Sử ký, Hán thư... đã vội cho là bậc tôn quý văn chương uyên bác, không biết rằng trên điện Phổ Quang Minh, rương hòm chứa sách chất cao như núi; chỉ biết xác thân xương thịt của con người đều do tinh cha huyết mẹ hòa hợp mà thành, không biết đến việc thể chất gửi vào thai sen, sinh ra ở cõi thơm tho tinh khiết tốt cùng, hoàn toàn không từ bụng mẹ mà ra; chỉ biết cưới được một cô vợ gầy còm vàng vọt liền hết sức thương yêu chiều chuộng, trân quý như vàng như ngọc, ngày đêm thích thú lắng nghe tiếng oanh vàng thỏ thẻ; đâu biết rằng khi Chuyển luân vương ngự giá, ngoài nàng ngọc nữ là vợ chính ra, còn có đến hai vạn phu nhân điểm lệ theo hầu, đến như Thiên vương ở cõi trời Đao-lợi thì riêng số ngọc nữ đã tính lên đến hàng vạn ức; bên cạnh mỗi một nàng ngọc nữ ấy đều hóa hiện một thân của Thiên vương để hưởng sự vui

¹ Lục thư: Sáu nguyên tắc chế tác chữ viết, bao gồm: tượng hình, chỉ sự, ngôn ý, hình thanh, chuyển chú và giả tá. Chữ viết của Trung Hoa (chữ Hán) được hình thành theo sáu nguyên tắc này.

thú; chỉ biết rằng con người là loài tối linh trong muôn loài, có thể giúp dật vào sự khai hóa, nuôi dưỡng của trời đất, đâu biết rằng con người bất quá cũng chỉ là một trong sáu đường luân hồi, là một trong bốn cách sinh ra, là một pháp giới trong mười pháp giới; chỉ biết tôn sùng một vài bậc thánh nhân liền cho đó là những bậc không ai sánh kịp, ngoài ra hết thấy những thánh thần nào khác đều một mực cho là không đáng để tin theo, một mực cho rằng những gì mình chưa từng nhìn thấy đều là chuyện hoang đường, không biết rằng mỗi một đất nước đều có một số vị thánh nhân chủ trì sự giáo hóa, nhân loại có nhiều đất nước, trong cõi Diêm-phù-đề có tất cả đến sáu ngàn bốn trăm chủng tộc khác nhau, đâu chỉ riêng ở đất nước Trung Hoa mới có thánh nhân!

Than ôi! Những cảnh giới rộng lớn bao la như thế, những kẻ chỉ biết chạy theo âm thanh, hình sắc, tiền tài vật chất, sao có thể hé thấy được đôi chút trong đó? Ví như con giun đất, chỉ biết được niềm vui ăn đất trong phạm vi một thước, không biết đến rông xanh quấy vọt giữa biển lớn, vậy vùng trong muôn đợt sóng. Lại ví như con bọ hung, chỉ biết được niềm vui chui rúc trong đồng phân dơ, không biết đến chim đại bàng vỗ cánh bay xa chín vạn dặm, cuội gió đập mây.

Cho nên, người học Phật cần phải có được cái nhìn hết sức sáng suốt.

Kinh điển đạo Phật nhất định phải đọc qua

Các loài gà, chó, trâu, dê... chỉ có thể kêu thành tiếng mà không biết nói, nếu đem so với con người biết nói thì khả năng nói được của con người thật quý báu. Những người mù chữ, chỉ có thể nói mà không thể viết, nếu so với người có học được dăm ba chữ, có thể viết thư từ liên lạc giao tiếp với người phương xa, thì người học được ít chữ đó cũng đã là rất đáng quý. Người học

được dăm ba chữ kia, tuy có thể viết ra để thay lời nói, nhưng không thể viết ra được những lời nói lên được suy nghĩ, tâm ý của trăm ngàn người, cũng không thể lưu lại những gì đã viết ra cho đến trăm ngàn năm sau. Nếu có thể học rộng biết nhiều, thông suốt chuyện xưa nay, viết thành sách để lại cho đời sau, ắt có thể chỉ một quyển sách được in ấn ra thành trăm ngàn quyển sách, một quyển sách có thể lưu lại cho đến trăm ngàn năm sau, người như thế lẽ nào lại chẳng đáng quý hơn nữa sao?

Tuy nhiên, đó cũng chỉ là sách vở thế gian mà thôi. Nếu như ngoài những sách của Nho gia, có thể mở rộng đọc qua những Kinh điển của Phật, ắt đối với những việc khắp trên trời dưới đất, kiếp trước đời sau, cho đến [sách vở trong] kho tàng dưới biển sâu nơi Long cung, thảy đều có thể biết qua đại lược, như vậy sự thấy biết chẳng phải sâu rộng lắm sao?

Nhưng cho dù sự thấy biết đã là sâu rộng, nếu không tìm được một con đường thẳng tắt để vượt thoát ra khỏi ba cõi, hẳn là đối với hạt giống Bồ-đề vẫn còn chưa có phần.

Ví như có thể rộng hiểu được Kinh tạng, lại gặp được pháp môn Tịnh độ và hết sức tin nhận, kính cẩn thực hành theo, thì trí tuệ, phước đức của người ấy nhất định không phải chỉ tích lũy được trong năm, ba đời mà còn nhiều hơn thế nữa.

Có người nêu nghi vấn rằng: “Những văn tự trong kho tàng dưới biển sâu nơi Long Cung, tuy có liên quan đến những lời dạy chân thật của đức Như Lai, nhưng vì sao người học Nho không tin là thật?” Đáp rằng: “Những chuyện về vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Thương, cho đến Văn vương, Vũ vương nhà Chu, nếu đem ra nói với những người không biết chữ thì họ cũng đều cho là hoang đường.” Cho nên, đối với Kinh điển đạo Phật, quả thật nhất định không thể không đọc.

Ngài Huyền Trang khơi dậy và củng cố niềm tin

Người đời vì thấy có những ông tăng không giữ theo giới hạnh nên khởi tâm khinh miệt, không tin vào pháp môn Tịnh độ. Như vậy thật sai lầm. Như thế cũng giống như thấy đạo sĩ tư cách không ra gì lại khinh khi Lão tử; thấy nhà Nho hư hỏng lại xem thường Khổng tử.

Người có trí vốn đã không nên dựa nơi tư cách con người mà đánh giá, bác bỏ lời nói của họ, huống chi lại có thể dựa vào tư cách kém cỏi của những kẻ theo học mà khinh chê Giáo pháp?

Thuở xưa, vua Đường Thái Tông có lần thưa với Pháp sư Huyền Trang: “Trẫm có ý muốn dâng lễ trai tăng, nhưng nghe rằng có nhiều vị tăng không đủ giới hạnh, vậy phải làm thế nào?”

Ngài Huyền Trang đáp: “Đất Côn Sơn có ngọc quý, cũng nằm lẫn trong bùn, cát; huyện Lệ Thủy¹ có vàng, lẽ nào ở đó không có ngôi gạch, đá sỏi? Đất sét hoặc gỗ dùng tạo tượng La-hán, khởi tâm cung kính ắt được phước; đồng, thiếc đúc thành tượng Phật, người hủy hoại nhất định có tội. Rong rạn bằng đất sét tuy không thể làm mưa, nhưng muốn cầu mưa phải dùng rong đất ấy. Những ông tăng phạm tục tuy không thể ban phúc, nhưng muốn cầu phúc phải biết kính trọng họ.”

Vua Đường Thái Tông nghe qua lời ấy thì kinh hoàng, thưa rằng: “Trẫm từ nay về sau dù gặp chú sa-di nhỏ cũng xin cung kính như Phật.”

Đáng khen thay, vua Đường Thái Tông cố nhiên đã sẵn có phước lành đời trước, nên chỉ dạy qua một lần liền tỉnh ngộ, nhưng ngài Huyền Trang cũng quả thật là bậc chân sư, khéo khơi dậy và củng cố niềm tin cho người.

¹ Lệ Thủy: Một huyện thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Nên sinh tâm chán lìa thân xác thịt này

Người ta sống ở đời bị tám nỗi khổ thay nhau hành hạ, nhưng không tự biết đó là khổ, ngược lại còn cho là vui thú, tựa hồ như từ nơi cảnh khổ lại càng lún sâu vào khổ, vĩnh viễn không có hạn kỳ thoát ra.

Hãy nói về nỗi khổ sinh ra chẳng hạn. Bào thai sống trong lòng mẹ, phía dưới vùng gan, ngực, bên trên vị trí ruột già, như một lớp màng bọc chứa nước, rồi dần dần hình thành như một bọc kín, không thể tự do di chuyển. Khi người mẹ ăn thức ăn nóng, thai nhi cảm giác như bị tắm nước sôi; khi mẹ uống nước lạnh, thai nhi cảm giác như nằm trên băng giá.

Nơi ở trong bụng mẹ vốn đã không sạch sẽ, thực phẩm nuôi dưỡng qua máu huyết người mẹ cũng chẳng thanh tịnh. Thời gian ở trong thai không quá ba trăm ngày, nhưng sự khổ não phải trải qua cũng tương đương như hàng mấy chục năm.

Từ thụ thai đến vừa tròn tháng, phải chịu nỗi khổ đảo ngược hình thể, đầu quay xuống hướng về cửa mình người mẹ. Hình chất lớn dần [cho đến khi đủ ngày đủ tháng, lúc ấy] muốn thoát ra nhưng không thể được. Đây là lúc thai nhi có nhiều nguy cơ tử vong, mà cũng là lúc người mẹ chịu nhiều nguy hiểm nhất. Khi bà đỡ dùng tay kéo ra, thai nhi có cảm giác đau đớn như thân thể bị xé tung thành nhiều mảnh.¹ Vì thế nên bất kỳ đứa trẻ nào khi vừa sinh ra cũng đều lớn tiếng kêu khóc.

Lúc vừa sinh ra, phải nằm lẩn trong phần dơ hôi hám, chưa hề biết đến hổ thẹn. Cho dù con nhà đại phú đại quý cũng là như vậy; cho dù bậc đại thánh đại hiền cũng là như vậy. Người đời chỉ vì quen với những điều như thế nên xem như việc đương nhiên, vì thế không hề biết được. Nếu có thể trong đêm khuya tĩnh lặng suy xét lại, lẽ nào chẳng thấy là đáng thương, đáng

¹ Nguyên tác dùng 車裂 (xa liệt), chỉ một hình phạt tàn khốc ngày xưa, dùng 5 cỗ xe kéo cùng lúc về 5 hướng để xé nát thân thể tội nhân.

thẹn lắm sao?

Đức Đại Thánh Như Lai rủ lòng thương xót thế gian nên dạy người cầu sinh Tịnh độ, được hóa sinh từ hoa sen, thoát khỏi những nỗi khổ này. Vì sao ta còn đắm say trong trần tục mê lầm, không sinh tâm chán lìa thân xác thịt?

Người con hiếu thảo không muốn vào thai

Khi thần thức nhập thai, không chỉ tự mình chịu nhiều khổ não, mà người mẹ cũng phải chịu vô vàn đau khổ. Không bàn đến việc mang thai mười tháng thì mỗi ngày đều dài dằng dặc như một năm, đến lúc sinh ra thì người mẹ cũng phải chịu đủ điều thống khổ, hổ thẹn cũng như xấu hổ khó nói hết. Mỗi giây mỗi phút đều cận kề cái chết, mỗi một ý niệm đều chỉ cầu mong sống sót. Như may mắn vượt qua được sự khó khăn khi sinh nở, liền yêu quý con thơ như bảo bối. Vì thế nên lúc nào cũng bên ướm mẹ nằm, bên ráo con lăn, nuôi nấng bằng sữa cho đến trưởng thành, tinh huyết một đời âm thầm cạn kiệt.

Thuở xưa có vị sa-di, năm lên bảy tuổi đã xin mẹ xuất gia học đạo. [Chuyên cần tu tập, đến năm 8 tuổi] chúng được đạo quả, thấy biết việc đời trước. Nhân khi nhìn thấy việc đời trước liền than rằng: “Chỉ một thân này của ta mà làm khổ lụy đến năm người mẹ! Trong đời thứ nhất, khi ta ra đời thì bên nhà hàng xóm cũng có người sinh con. Ta lại chết sớm, mẹ ta nhìn thấy con của người hàng xóm trưởng thành mà đau buồn khổ sở. Qua đời thứ hai ta sinh ra chưa được bao lâu thì chết, mẹ ta mỗi khi nhìn thấy người khác cho con bú thì lại nhớ đến ta, đau buồn khôn xiết. Sang đời thứ ba, ta được mười tuổi thì chết. Mẹ ta mỗi khi thấy những đứa trẻ cùng tuổi ăn uống thì lại nhớ đến ta, đau khổ vô cùng. Sang đời thứ tư, ta chưa đến tuổi lấy vợ thì đã chết. Mẹ ta mỗi khi nhìn thấy những người bằng tuổi ta cưới vợ thì lại nhớ ta mà sinh tâm đau buồn. Nay là đời thứ năm,

ta vừa được bảy tuổi đã xin xuất gia học đạo, mẹ ta ở nhà nhớ mong, lại cũng sinh tâm đau buồn. Ta quán xét cõi luân hồi sinh tử thật mê lầm, làm khổ lụy đến người thân như thế, nên phải chuyên cần tinh tấn tu tập Chánh đạo.”

Nay trên đường đời người chen chúc nhau, tới lui không ngớt, đa phần đều là những kẻ gây khổ lụy cho cha mẹ, còn những người có thể báo đáp thâm ân cha mẹ, nào có mấy ai?

Một lần sinh ra trong đời là một lần gây khổ lụy cho cha mẹ. Sinh ra trăm, ngàn đời tức là gây khổ lụy cho trăm, ngàn cha mẹ. Nếu có thể siêu thoát vượt ngoài thế gian, được hóa sinh từ hoa sen [nơi Cực Lạc], thì vĩnh viễn không còn gây khổ lụy cho cha mẹ nào nữa, như vậy chẳng phải là bậc đại hiếu trong hàng đại hiếu đó sao?

Ngày nay những kẻ hủy báng Phật pháp, ngược lại cho rằng người xuất gia là bất hiếu. Những kẻ ấy chính là cam tâm tiếp tục việc vào thai, gây khổ lụy mãi cho cha mẹ.

Bậc tôn quý nên tự biết hổ thẹn

Người đáng gọi là tôn quý, không phải do chức vụ cao, tước vị lớn hay học nhiều biết rộng, mà chính là những người có khả năng trừ bỏ được sự thấp hèn, là người trừ bỏ được những sự đê tiện hèn kém, vốn khiến cho con người trở nên giống như loài cầm thú.

Sự đê tiện hèn kém đó là gì? Đó chính là những sự tham lam, dâm dục, giết hại, trộm cướp, là những điều khiến con người trở nên giống như cầm thú. Ngoài những điều ấy ra, còn có điểm đáng xấu hổ nhất là bao nhiêu thứ cho vào trong bụng đều hóa thành phần dơ hôi thối. Cho dù có là những món ăn trân quý trăm mùi vị, một khi vừa nuốt qua cổ họng liền hóa thành nhơ nhớp không khác gì đờm dãi. Khi nuốt sâu vào bụng, liền

có những ký sinh trùng màu vàng chờ đón trong đó để ngày đêm ăn nuốt. Trải qua một ngày đêm thì tiến trình tiêu hóa đã xong, đưa sang ruột già đã có mùi hôi thối không ai muốn đến gần. Khi đã tích chứa đầy bụng, liền phải thoát ra theo đường đại tiện. Lúc bắn vọt ra ngoài, mùi hôi thối cũng không khác gì phần của loài heo, chó. Sự hèn kém như thế, như vương phải một lần đã hết sức xấu hổ, sao có thể chịu đựng mỗi ngày đều như thế? Nếu mỗi ngày đều như thế mà không tự biết, không phát tâm chán lìa thì có khác gì loài cầm thú ngu si.

Cho nên, người biết suy xét phải lấy đó làm việc tự oán tự dừng, mỗi giây mỗi phút đều muốn trừ bỏ đi những sự dơ tiện hèn kém ấy, như thế mới đáng gọi là bậc đại nhân tôn quý.

Chư thiên ở sáu cõi trời,¹ được thọ hưởng vị ngon cam lộ cõi trời thơm tho tinh khiết, trong sạch nhẹ nhàng, không một mảy may cấu cặn, nên thân thể cưỡi trên mây hương, hóa hiện khắp nơi tùy ý muốn, trong trăm ngàn vạn cõi nước đều có thể chợt đến chợt đi, hằng ngày lại không sản sinh những chất nhơ uế như đờm dãi, phân, nước tiểu... Vì thế, chỉ một chút móng tay, móng chân của chư thiên cũng đã giá trị bằng như cõi Diêm-phù-đề này rồi. Thế nhưng vẫn chưa đáng xưng là bậc đại tôn quý, vì vẫn chưa thoát khỏi luân hồi.

Cho nên, nhất định phải siêu xuất khỏi thế gian, được hóa sinh từ hoa sen nơi Cực Lạc, thì sau đó mới vĩnh viễn dứt trừ được những điều hèn kém nói trên. Trong phạm vi những lời dạy của Khổng Mạnh thì hoàn toàn không thể đủ sức cứu giúp chúng ta đạt đến như vậy. [Muốn được giải thoát, tất yếu chỉ có thể tin nhận và làm theo Chánh pháp của đức Như Lai mà thôi.]

¹ Ở đây chỉ sáu cõi trời thuộc cõi Dục (Dục giới).

Ví dụ con tằm làm kén

Con tằm làm kén, nhả tơ kéo sang bên trái, bên phải, rồi kéo về phía trên, phía dưới, có bao nhiêu trong lòng đều phải rút ruột nhả ra cho bằng hết mới tạo thành cái kén, vẫn tưởng rằng nhờ vậy mới có thể được ở yên bên trong kén, không còn gì phải lo lắng. Nào đâu biết rằng những nỗ lực tự thân sắp xếp như thế của nó chính là tự trói chặt lấy thân mình? Đâu biết rằng cái phương pháp mà nó dựa vào là nhả hết tơ ra để tự bảo vệ mình, lại khiến cho con người vì mỗi lợi muốn dùng được những sợi tơ nó nhả ra mà mang đến họa sát thân cho nó? Hàng ngàn hàng vạn con tằm như thế, chẳng một con nào thoát khỏi thảm họa bị cho vào nước sôi. Thế mà cái phương thức nhả tơ làm kén ấy chúng vẫn truyền cho nhau từ đời này sang đời nọ, khiến cho cứ tiếp tục đi vào nước sôi, bi thảm thật không còn sự bi thảm nào hơn!

Người ở thế gian, hai cánh cửa khép lại thành cái kén gia đình bên trong cũng thế. Vất hết sức lực ra kinh doanh trong suốt một đời, khăng khăng chỉ biết vì vợ con mà mưu cầu cơm áo, cơ mưu dối trá lọc lừa, kết oán cừu nơi này nơi khác, không một việc gì không làm. Đến khi gia nghiệp vừa được hình thành thì tự thân mình đã bị trói chặt vào trong đó, không còn cách nào thoát ra được nữa. Hàng ngàn hàng vạn kẻ si mê trong thế gian thấy đều như thế, có ai thoát được quả báo đền trả ngày sau? Thế nhưng rồi cách làm như thế vẫn cứ truyền lại từ đời này sang đời khác, cứ tiếp tục gây tạo nhân xấu, khiến cho không ai tránh khỏi phải chịu quả báo thường bồi, thật kỳ lạ đến mức không còn gì khác có thể kỳ lạ hơn!

Cho nên, kinh Tứ thập nhị chương dạy rằng: “Con người chịu sự trói buộc của gia đình vợ con, nhà cửa, còn hơn cả tù ngục. Tù ngục còn có kỳ hạn được thả ra, còn đối với vợ con thì hoàn toàn không có đến cả một ý niệm xa rời, [làm sao thoát được?]”

Ví dụ cái lò bắt cá

Dân quê vùng sông nước thường đặt lò nơi dòng nước chảy để bắt cá. Dọc theo bờ nước có những chỗ cỏ xanh rậm có thể che giấu được, họ kín đáo đặt lò bên dưới lùm cỏ, cá vào lò rồi không thể ra được. Những con cá tìm được chỗ thích hợp thì tranh nhau chui vào, tưởng rằng có thể ẩn nấp, ở yên nơi đó, đâu ngờ đã chui vào trong lò.

Những cái lò [gia nghiệp] trong dòng sông ái dục cũng giống như thế. Người ta chỉ biết những lúc bình thường không bệnh tật, không hoạn nạn, thì một mái gia đình có thể an ổn ẩn náu, vợ con có thể gửi gắm, nên sinh tâm lười nhác xao nhãng, không lo không nghĩ, không hay biết gì. Đến một ngày kia Diêm vương đột nhiên xuất hiện kéo lò lên khỏi nước, lúc ấy thì hết thảy những mối quan hệ vợ chồng, cha con, mẹ con... đều nhất thời sụp đổ, ai ai cũng có thể bị bàn tay vô thường tóm lấy. Nghĩ đến không thể không khởi tâm oán hận, nhưng oán hận cũng chỉ là vô ích. Chỉ có cách duy nhất là [đừng chui vào lò để] không bị bắt lấy mới là khôn ngoan nhất.

Ví dụ loài ngựa

Loài ngựa có bốn hạng. Những con ngựa hạng nhất, khôn ngoan nhất thì chỉ cần thấy bóng roi đã ra sức chạy, không đợi phải đánh thúc. Hạng kế tiếp thì chỉ quất một roi đã chạy. Hạng thứ ba nếu quất nhẹ không chạy, phải đợi quất nặng tay mới bắt đầu chạy. Hạng ngựa ngu si kém cỏi nhất thì dù quất roi mạnh tay cũng không chịu đi, phải đợi khi bị người dùng dùi đâm vào da thịt, cực kỳ đau đớn, lúc ấy mới chịu cất vó.

Con người so ra cũng thế. Người có trí tuệ, rất dễ tỉnh giác. Trong vòng trăm dặm quanh mình nghe tin có người chết, lập tức kinh hãi nghĩ rằng: “Trong vòng trăm dặm quanh ta đã có

người chết. Ta cũng là người, ắt hẳn rồi cũng phải chết.” Nghĩ vậy rồi liền gấp rút tu hành, cầu sự giải thoát. Như thế chính là chỉ thấy bóng roi đã chạy.

Hạng người tiếp theo thì nhân khi nghe có người thân thích trong tộc họ chết đi ở đâu đó liền tỉnh giấc, lo việc tu tập.

Hạng tiếp theo nữa thì phải đợi nhìn thấy có người láng giềng kế bên nhà chết đi mới tỉnh giấc, [nghĩ đến sự tu hành].

Nếu đợi đến khi chính bản thân mình già yếu, hoặc có bệnh tật mới chịu giác ngộ tu hành, thì đó chính là hạng ngựa đợi dùi đâm vào da thịt đau đớn mới chịu chạy.

Bằng như đến lúc tự thân già yếu, hoặc có bệnh tật, vẫn không chịu tỉnh giấc tu hành, chẳng phải là còn kém hơn hết thảy những hạng người nói trên đó sao?

Ví dụ con chồn

Có con chồn hoang, ban đêm lên vào nhà bếp của người, ăn no rồi nằm ngủ say, đến sáng ra không kịp trốn chạy được nữa, liền giả chết đợi người mang vất đi.

Không bao lâu, quả nhiên có người thấy chồn đã chết muốn mang vất đi. Chợt có một người nói: “Cái đuôi đẹp quá, đợi tôi cắt lấy đuôi nó rồi hãy vất.” Chồn nghe vậy sợ lắm, nhưng phải cố gắng chịu đựng cho người cắt đuôi, vẫn nằm yên như đã chết.

Thoắt chốc lại có thằng bé đến, muốn cắt hai lỗ tai. Chồn càng sợ hơn nữa, nhưng tự nghĩ dù mất hai tai cũng không đến nỗi mất mạng, liền cố gắng chịu đựng.

Không bao lâu lại nghe có người nói: “Da con chồn này có thể dùng để vá áo cừu.”

Đến đây thì chồn hết sức khiếp hãi, tự nghĩ: “Nếu muốn lột

da ta, ắt phải chặt đầu, mổ bụng, làm sao có thể chịu được?” Liên lập tức vùng dậy hướng ra bên ngoài phóng chạy, cuối cùng thoát được.

Con người sống trong ngục tù ba cõi, có khác gì [con chồn trong] căn nhà bếp kia? Đã do nghiệp lực phải thác sinh làm người, thật khó lòng tránh khỏi cái chết. Chỉ có thể nương pháp niệm Phật cầu vãng sinh, thì trong cái chết ấy mới có thể tìm ra đường thoát.

Nếu để trôi qua tuổi xuân cường tráng [mà không lo tu tập], chẳng khác gì chồn kia nằm chờ đã bị cắt đuôi. Nếu đợi đến lúc tuổi già xuống mồ, đó chính là đã nằm yên chịu cho người chặt đầu mổ bụng.

Ví như không phát thệ nguyện rộng sâu, dưng mãnh quên thân tu tập, thì làm sao có thể thoát khỏi đường mê, mong Phật tiếp dẫn?

Đổ lỗi cho Diêm vương

Có người kia sau khi chết, Diêm vương y theo những việc ác đã làm mà phán tội. Người ấy nói: “Giá như sớm biết thế này thì đã khác. Vì sao Đại vương không sớm báo cho tôi biết sẽ có hôm nay?”

Diêm vương đáp: “Đã báo tin cho ngươi rất nhiều lần rồi. Da thịt nhăn nheo là báo tin lần thứ nhất. Hàm răng lung lay rụng dần là báo tin lần thứ hai. Sức lực suy yếu là báo tin lần thứ ba. Tai điếc mắt mờ là báo tin lần thứ tư, thứ năm. Thế là đã báo tin cho ngươi biết quá nhiều lần rồi.”

Dưới điện khi ấy có người chết trẻ, liền khóc mà nói: “Những tin báo như thế chỉ là đối với ông ta, còn như tôi thật không có.”

Diêm vương nói: “Không đúng, như ngươi cũng đã có nhiều tin báo. Thử nhớ xem lúc ngươi còn nhỏ, đã từng nghe có người

chết bệnh, chết dịch hay chẳng? Đã từng nghe có người chết vì đao thương, thắt cổ hay chẳng? Đã từng nghe có người bị nạn lửa cháy, nước trôi hay thú dữ làm hại, rắn độc cắn mà chết hay chẳng? Hết thảy những điều đó đều là tin báo cho người biết đó, đâu cần phải đợi gọi đúng tên người để báo tin?”

Người sống giữa đời, hãy cứ cho là có sức mạnh đời non lấp bể, cái thế anh hùng, có tài ba làm được việc long trời lở đất, nhưng liệu có thể tránh được lúc đối chất cùng Diêm vương? Có thể vượt thoát ra khỏi mọi việc, không chỉ là tránh được sự đối chất cùng Diêm vương, mà còn có thể khiến cho Diêm vương cũng phải cung kính lễ bái, duy nhất như thế chỉ có thể là người niệm Phật được vãng sinh mà thôi.

Con thiêu thân

Con thiêu thân chết trong ngọn lửa đèn, cái chết ấy thật không phải vì ngọn lửa, mà vì chỗ kiến chấp của nó. Khi người ta sợ nó chết, thương mà đưa tay đuổi đi, nó lại cố tìm chỗ khe hở mà chui vào, vì cho rằng chỗ kiến chấp bám víu của nó là đúng, chắc chắn không sai. Vì thế nên nó nhất quyết một lòng xông tới, dù chết cũng không sợ sệt.

Người sống ở đời ưa thích âm thanh, hình sắc, ưa thích tiền bạc của cải, ưa thích cờ bạc, rượu chè... đó chính là chỗ kiến chấp bám víu của họ, nên chỉ để tâm duy nhất vào những thứ ấy mà thôi. Vì thế nên cứ nhất quyết một lòng chạy đuổi theo, dù chết cũng không sợ sệt. Sao không mượn tấm gương con thiêu thân kia mà tự soi lấy mình?

Con ruồi ngu si trong cửa sổ

Có con ruồi bên trong cửa sổ dán kín giấy, loay hoay bay tới bay lui suốt ngày vẫn không thể thoát ra. Đó là vì nó quá

bám chặt chỗ kiến chấp của mình, chỉ đâm đầu bay tới mãi mà không chịu lùi ra một một quãng để tìm lối khác.

Nếu có thể lùi lại một bước thì nơi nơi chốn chốn đều thênh thang rộng mở. Thế giới Ta-bà này cũng chẳng khác gì một cửa sổ lớn có dán kín giấy, từ xưa đến nay thật không biết đã giam nhốt chặt biết bao nhiêu con ruồi ngu si bên trong nó.

Chúng ta hôm nay thật may mắn biết bao, có thể lùi lại một bước nhìn thấy được con đường về Tây phương Cực Lạc rộng mở, để theo đó bay thoát được. Bay thoát được về Tây phương thật là khoan khoái thú vị biết bao!

Bốn cách thuần phục ngựa

Vào thời đức Phật còn tại thế, có một người rất giỏi thuần phục ngựa. Đức Phật hỏi ông ta dùng phương pháp gì, ông ta trả lời là dùng bốn phương pháp. Thứ nhất là ban ân, thứ nhì là ra uy, thứ ba là trước ra uy sau ban ân và thứ tư là trước ban ân sau ra uy.

Đức Phật hỏi: “Nếu dùng cả bốn phương pháp ấy vẫn không thuần phục được thì làm sao?” Người luyện ngựa đáp: “Chỉ còn cách mang ra giết thôi.”

Rồi ông ta thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Ngài dùng phương pháp gì để giáo hóa chúng sinh?”

Đức Phật đáp: “Cũng dùng bốn phương pháp. Thứ nhất là ban ân, đó là vì những người hiền thiện có đức tin mà dạy họ học đạo tu hành. Thứ hai dùng uy vũ, tức là vì những người thường làm việc ác mà đem sự luân chuyển trong ba đường ác ra chỉ dạy, khiến họ biết sợ mà không làm ác nữa. Thứ ba là trước dạy cho việc học đạo tu hành, [sau đem việc luân chuyển trong ba đường ác ra răn nhắc, khích lệ sự tu tiến.] Thứ tư là đem sự luân chuyển trong ba đường ác ra chỉ bày cho họ biết sợ

sệt, [sau đó mới dạy cho học đạo tu hành.]

Người luyện ngựa thưa hỏi: “Nếu dùng cả bốn phương pháp ấy mà vẫn không giáo hóa được thì phải làm sao?”

Đức Phật nói: “Cũng mang ra giết.”

Người luyện ngựa thưa hỏi: “Đức Như Lai đại từ đại bi, sao lại ra tay giết người?”

Phật dạy: “Dùng đủ bốn phương pháp ấy mà vẫn không giáo hóa được, thì giáo hóa cũng chỉ vô ích thôi. Cho nên không nói gì với người như thế nữa. Người ấy không còn được nghe lời dạy dỗ, ấy chính là đã chết.”

Thuốc chữa lành mắt

Khi đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, phu nhân Ma-da ở cung trời Đao-lợi mơ thấy nhiều ác mộng. Một trong số các ác mộng đó là phu nhân mơ thấy ở cõi Ta-bà mặt trời lặn mất không mọc lên nữa, cả thế gian đều chìm trong tăm tối, lại có vô số quỷ la-sát tay cầm dao sắc đi khắp nơi tìm móc mắt người. Phu nhân mơ thấy vậy rồi liền than rằng: “Hắn là điềm báo Thích-ca Như Lai nhập Niết-bàn rồi!” Không bao lâu, quả nhiên có Tôn giả A-na-luật lên cõi trời báo tin.

Những sách phỉ báng Tam bảo lưu hành trong chốn thế gian, đó chính là những con dao sắc móc mắt người. Người sinh ra vào thời kiếp mạt, phước đức mỏng manh cạn kiệt, nên những loại sách như thế rất nhiều. Con người càng kém trí tuệ thì những sách có nội dung xấu như thế càng nhiều. Cho nên, người có phước báu ắt sẽ sớm tự tỉnh giác, không để bị những sách ấy làm hỏng đi đôi mắt của mình, như vậy là tốt nhất.

Ví như đã lỡ bị những sách có nội dung xấu ấy làm hại đến đôi mắt rồi, thì phải nhanh chóng dùng thuốc hay để chữa trị. Ở đâu tìm được thuốc hay? Như sách Tây quy trực chỉ này chính

là một trong những liều thuốc hay để chữa đôi mắt bị đau vì tà kiến.

Có nguyện sẽ được thành tựu

Vào đời nhà Tống, Văn Chính công tên là Lữ Mông Chánh, tự Thánh Công, dự thi đỗ tiến sĩ thời Tống Thái Tông, đứng đầu khoa ấy. Sau làm quan trải qua nhiều lần thay đổi, thăng đến chức Tham tri chính sự, được phong tước Hứa Quốc công.

Mỗi ngày ông đều dậy sớm lễ Phật, khẩn nguyện rằng: “Nếu là người không tin Phật pháp, xin đừng sinh vào nhà tôi. Nguyện cho con cháu tôi đời đời thọ hưởng bổng lộc phước đức đều sử dụng để hộ trì Tam bảo.”

Về sau, cháu ông là Lữ Di Giản được phong đến tước Thân Quốc công, vào mỗi ngày đầu năm mới, sau khi lễ bái trong nhà thờ gia tộc, đều không quên đốt hương khấn lễ thiền sư Quảng Huệ Nguyên Liên.

Con trai của Lữ Di Giản là Lữ Công Trước sau cũng được phong tước Thân Quốc công, cũng cung kính đối đãi với thiền sư Thiên Ý Nghĩa Hoài giống như vậy.

Sau đến [con trai Lữ Công Trước là] Lữ Hảo Vấn làm quan Tả thừa, lại cũng đối đãi cung kính với thiền sư Viên Chiếu như vậy.

Con trai của Hảo Vấn là Lữ Dụng Trung cũng cung kính đối với thiền sư Phật Chiếu như vậy...

Quả đúng như lời nguyện của Lữ Mông Chánh, con cháu đều đời đời được phú quý vinh hiển, phụng sự Phật pháp.

Lời nguyện ấy của Văn Chính công, bất quá chỉ là lời nguyện của người thế tục, mà còn có thể thành tựu như vậy, huống chi người phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh về Cực Lạc, có lý nào lại không được như nguyện hay sao?

Người xuất gia phải tu Tịnh độ

Vào đời Tống, thiền sư Thanh Thảo Đường nghiêm trì giới hạnh, đã sống đến hơn chín mươi tuổi. Có nhà họ Tăng thường cúng dường thiền sư rất nhiều lần, đủ các món y phục, thức ăn uống... Thiền sư cảm lòng thành ấy, hứa sẽ thác sinh vào nhà họ Tăng.

Về sau, nhà họ Tăng có vị phu nhân sinh con trai, sai người đến chỗ thiền sư Thảo Đường xem thì thấy ngài đã ngồi mà viên tịch. Đứa con trai sinh ra đó, sau chính là Tăng Lỗ Công. Vì đời trước từng tu phước tuệ, nên còn trẻ tuổi đã đỗ đại khoa, sau làm một vị quan Tể tướng hiền đức.

Lại vào cuối đời nhà Minh, vùng Chiết Giang có vị tăng hiệu là Đại Thành, thường xuống núi hóa duyên rồi mang về chùa cúng dường chúng tăng. Đường về chùa đi ngang qua nhà họ Sứ. Nhà ấy tin kính Phật, bất cứ khi nào có chư tăng hóa duyên đi ngang qua đều giữ lại cúng dường. Hôm nào vị tăng Đại Thành quay về chùa mà cơm không đầy bát, Sứ quân lập tức vào nhà lấy cơm thêm vào cho đầy.

Nhà họ Sứ từ lâu chưa có con trai. Một hôm, người vợ của Sứ quân bỗng có thai. Lúc sắp đến ngày sinh nở, chợt thấy vị tăng Đại Thành đến nhà, chạy thẳng vào phòng ngủ. Mọi người nhìn thấy đều lấy làm kinh dị, vội đuổi theo vào thì không thấy gì cả. Sau đó, phu nhân hạ sinh một bé trai. Ngày hôm ấy không thấy vị tăng Đại Thành đi hóa duyên ngang qua nhà, liền lên chùa dò hỏi mới hay trong cùng ngày hôm đó ngài đã viên tịch. Sứ quân nhân đó liền đặt tên cho con trai là Sứ Đại Thành.

Đứa bé hết sức thông minh, hiếu hạnh, từ lúc ở trong thai đã khiến người mẹ chỉ ăn toàn thức ăn chay lạt, về sau cũng giữ giới đến suốt đời. Đến khoảng năm Ất Mùi niên hiệu Thuận Trị¹ thì đỗ Trạng nguyên.

¹ Tức là năm 1655.

Theo cách nhìn của thế tục thì hai vị trên đây đều được hưởng phú quý, có công danh lớn. Nhưng nếu theo cách nhìn của người tu hành thì cả hai vị tăng ấy đều đã hết sức sai lầm. Ví như hai bậc thầy ấy biết đến pháp môn Tịnh độ, đem chỗ công phu tu hành của họ mà hồi hướng về Cực Lạc, thì cho dù không vào hàng Thượng phẩm hẳn cũng có thể được Trung phẩm, đâu đến nỗi chỉ là Trạng nguyên, Tể tướng [chốn Ta-bà]?

Bậc cao tăng cũng nên tu Tịnh độ

Đời Tùy, ở Tương Châu có vị tăng Thích Huyền Cảnh, thông hiểu cả Thiên tông và Giáo tông, đạo phong truyền rộng khắp nơi, người người kính ngưỡng. Vào tháng sáu năm thứ hai niên hiệu Đại Nghiệp,¹ ngài sắp thị tịch, liền tắm rửa sạch sẽ, nghiêm trang tĩnh tọa, hai mắt đang mở nhìn về phía trên, bỗng tự nói rằng: “Ý ta muốn sinh về Nội viện cõi trời Đâu-suất, được gặp Bồ Tát Di-lặc, sao nay lại phải làm Thiên vương Dạ-ma?” Tăng chúng thưa hỏi là chuyện gì, ngài liền nói: “Không phải việc các ông biết được.” Trong chốc lát lại nói: “Trên cõi trời đang nhận nhíp lắm, khách đến đây đông lắm.” Rồi ngồi yên như thế thị tịch.

Than ôi, đại sư trong lúc tu tập đã phát tâm được gặp Phật Di-lặc, đến lúc lâm chung lại không được thấy Bồ Tát Di-lặc mà chuyển sinh làm Thiên vương. Theo con mắt thế tục mà nhìn thì địa vị ấy còn cao hơn cả Thượng đế,² nhưng nếu so với việc vãng sinh về Tây phương Cực Lạc thì còn thua xa, không thể sánh kịp. Cho nên có thể biết rằng, dù là bậc cao tăng cũng không thể không tu Tịnh độ.

¹ Tức là năm 606.

² Theo thế giới quan Phật giáo Trung Hoa thì Thượng đế chính là Đế Thích hay Thích-đế-hoàn-nhân, là vị thiên chủ cõi trời Đao-lợi, tuy cao hơn cõi trời Tứ thiên vương nhưng còn thấp hơn cõi trời Dạ-ma, nơi Đại sư Thích Huyền Cảnh sinh về làm Thiên vương.

Không thể cam tâm làm quý

Hết thảy con người trong cõi Ta-bà này, không kể là sang quý hay nghèo hèn, trí tuệ khôn ngoan hay ngu si mê muội, già hay trẻ, nam hay nữ, sau khi lâm chung nếu không thể theo đường xuất thế thì hầu hết đều phải sinh làm quý. Cho nên, khuyên người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, đó chính là khuyên người đời chớ đi vào con đường làm quý.

Kẻ học Nho được đôi chút, không tin pháp Phật lại hết lời phỉ báng, như thế không chỉ là tự mình cam tâm làm quý, mà cũng là khuyên bảo người khác làm quý. Trong hiện tại dù chưa phải làm quý, chỉ là tạm thời mà thôi. Dưới mắt nhìn thấy bao nhiêu người như thế hiện nay, nhất định sau này sẽ là bấy nhiêu con quý.

Người đời chỉ vì không biết cuộc sống này hết sức giả tạm, ngắn ngủi thoáng qua, nên vất vả nhọc nhằn bon chen để cầu sự giàu sang phú quý. Chưa nói đến việc không đạt được giàu sang phú quý, cứ tạm cho là được cực đỉnh sang quý, thì khi nhắm mắt xuôi tay cũng chẳng mang theo được một đồng xu lẻ. Một khi quý vô thường đã đến, có thể ngồi yên mà hưởng phú quý mãi chăng?

Chỉ riêng người tín tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung mới được không bệnh tật tai ách, an nhiên rời bỏ cõi đời, thân không phải chịu nỗi khổ vì bệnh tật, nạn tai, trong tâm không có bất kỳ sự tham muốn mê luyến nào. Bao nhiêu quý dữ vừa thấy bóng đã vội tránh xa, Diêm chúa nghe tên liền kính lễ, như vậy chẳng phải là bậc đại trượng phu siêu xuất thế gian đó sao?

Người ta chỉ có thể đạt được như thế thì về sau mới không phải rơi vào cảnh giới của quý. Cho nên, muốn không làm quý, quả thật cũng không phải việc dễ dàng.

Chín loài đều có thể vãng sinh

Chín loài là bao gồm tất cả các loài sinh ra theo một trong bốn cách: sinh ra từ bào thai, sinh ra từ trứng, sinh ra từ chỗ ẩm thấp và sinh ra bằng cách hóa sinh, cùng với các loài thuộc cảnh giới hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng và phi hữu tướng phi vô tướng. Nói đến chín loài như vậy tức là gồm hết cả kẻ giàu người nghèo trong nhân gian, cả cõi âm và cõi dương, cùng khắp cả trên trời dưới đất, không loại trừ bất cứ cảnh giới nào.

Trong chín loài ấy, khổ sở nhất là những chúng sinh trong ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, mà vui thú khoái lạc nhất là hai mươi tám cõi trời trong cả cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Bởi chưa thoát ra khỏi vòng sinh tử nên phải luân hồi mãi trong sáu đường. Các cảnh giới khổ cố nhiên đã là khổ, mà những cảnh giới vui thú, khoái lạc cũng vẫn là khổ. Ví như sinh làm chư thiên cõi trời Trường Thọ, hiện tại được hưởng những khoái lạc vô cùng, nhưng rồi phước báu cõi trời cũng có lúc hưởng hết, vẫn phải đọa sinh vào ba đường ác, làm sao có thể sánh bằng cõi Cực Lạc vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, mãi mãi lìa xa sáu nẻo?

Tôi thường mỗi khi thắp hương nơi các miếu thờ Văn Xương, Quan Đế, Đông Nhạc, sau khi lễ bái đều phát lời nguyện rằng: “Nguyện chư thần đều tôn trọng kính tin theo Tam bảo, phát tâm Bồ-đề, vãng sinh Tây phương Cực Lạc, hành đạo Bồ Tát.”

Lại mỗi khi thắp hương lễ bái Đẩu Mẫu Tôn Thiên hay Hạo Thiên Thượng Đế, tuy hết sức sợ sệt nhưng khi lễ lạy xong cũng khẩn rằng: “Nguyện tất cả các vị đều niệm Phật vãng sinh, hành đạo Bồ Tát, rộng độ tất cả chúng sinh.”

Vì sao vậy? Vì người có trí tuệ quán sát khắp cõi thế gian, thấy rằng việc cao quý sáng suốt nhất không gì bằng niệm Phật; việc mang lại phước đức nhiều nhất, không gì bằng niệm Phật.

Niệm Phật được vãng sinh thì dù gom hết thảy phúc đức thế gian lại cũng không thể so sánh nổi.

Đầu Mẫu Tôn Thiên, chính là vị mà trong kinh Phật gọi là Bồ Tát Ma-lợi-chi-thiên. Hạo Thiên Thượng Đế, chính là vị trong kinh Phật gọi là Thiên vương cõi trời Đao-lợi. Đức Thế Tôn mỗi khi thuyết pháp, vị Thiên vương này đều đến lễ bái cung kính, đứng hầu hai bên Phật. Vì thế, ngày nay nghe được lời nguyện thầm của tôi ắt phải lấy làm hoan hỷ, hoàn toàn không thể do đó mà bắt tội.

Chúng ta hôm nay may mắn gặp được pháp môn niệm Phật này, nếu như không chịu suy xét kỹ để khởi tâm dũng mãnh tinh tấn tu tập, hồi hướng về quả vị Bồ-đề, chẳng phải sẽ rơi vào trường hợp mà đức Thế Tôn gọi là hết sức đáng thương xót đó sao?

Niệm Phật không hề uổng phí công sức

Những sự việc thế tục, một khi mưu tính mà không thành tựu, tất nhiên bao nhiêu công sức đều mất hết. Chỉ riêng việc niệm Phật, ví như chưa đạt được kết quả mong muốn cuối cùng [là được vãng sinh], cũng hoàn toàn không hề uổng phí công sức.

Thuở xưa có người tiều phu vào rừng đốn củi gặp cọp, leo vọt lên cây, trong lúc hoảng hốt niệm một câu hồng danh Phật. Trải nhiều kiếp sau, ông nhờ nhân duyên niệm Phật ấy mà được xuất gia, tu tập dần dần cho đến lúc thành tựu quả Phật. [Niệm một tiếng Phật hiệu trong lúc hoảng hốt mà còn được như thế] huống chi là chí thành niệm Phật suốt một đời?

Ví như người niệm Phật mà ngay trong đời này chưa thể được vãng sinh, thì trong đời sau cũng nhất định sẽ thoát ly sinh tử. Cho nên, việc niệm Phật không hề giống như người thế

gian đọc sách, nếu không thành tựu chỉ uống phí tinh thần, hay như việc kinh doanh mua bán, không thành tựu ắt phải chịu mất dần vốn liếng.

Niệm Phật là điều thù thắng nhất ở thế gian

Trong kinh Thí dụ¹ kể rằng: Xưa có một cặp vợ chồng, tế trời cầu sinh con, sau đó người vợ liền mang thai, sinh ra bốn vật: một cái chậu đựng gạo bằng gỗ thom chiên-đàn, một bình mật cam lộ, một túi gấm đựng châu báu và một cây gậy thần bảy đốt.

Người chồng than rằng: “Ta vốn cầu con, sao lại sinh ra những thứ này?” Thiên thần liền hiện ra, hỏi: “Người cầu con để làm gì?” Người ấy đáp: “Cầu con để mong sau này có người nuôi dưỡng, nương cậy.”

Vị thần nói: “Gạo trong chậu kia dùng hết lại đầy, cam lộ trong bình trừ được tất cả bệnh tật, châu báu trong túi gấm dùng không thể hết, gậy thần bảy đốt có thể phòng trị kẻ hung bạo. Những đứa con hiếu thảo trong đời, liệu có cung ứng cho người được như thế không?”

Người ấy nghe xong hết sức vui mừng, từ đó được giàu sang không ai bằng. Nước láng giềng nghe biết việc ấy liền mang quân đến cướp đoạt. Người ấy cầm gậy thần bay lên không trung đuổi đánh, quân giặc cướp phải thối lui. Nhờ đó bảo vệ được tài sản đến suốt đời.

Người thế gian miệt mài bận rộn, không một phút giây nào rảnh rỗi để nghĩ đến việc tu hành, bất quá cũng chỉ vì lo lắng

¹ Chúng tôi không tìm thấy câu chuyện này trong kinh Thí dụ (譬喻經), bản được đưa vào Đại Chánh tạng ở Tập 4, kinh số 217. Tuy nhiên, chúng tôi tìm thấy nội dung được trích này ở sách Pháp uyển châu lâm (法苑珠林), gồm 100 quyển, được đưa vào Đại Chánh tạng ở Tập 53, kinh số 2122. Phần trích dẫn thuộc trang 489, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 10, với câu mở đầu là “Hựu Thí dụ kinh vân” (又譬喻經云). Như vậy, có lẽ An Sỹ toàn thư đã trích từ đây và dẫn chú theo câu này. Nội dung được lược ghi, không trích nguyên văn.

cho vợ con. Nhưng ví như vợ con có hết sức hiếu dưỡng cung phụng, liệu có được như bốn vật báu kia chăng?

Thế nhưng việc vãng sinh Tây phương Cực Lạc, ắt được vượt thoát sinh tử, được trang nghiêm bởi muôn điều phước lành, hết thảy mong cầu đều được như ý, thì bốn vật báu kia sao có thể sánh bằng?

Cho nên, khắp thảy trên trời dưới đất, điều thù thắng nhất không gì hơn niệm Phật.

Đại sư Ấn Quang phụ ghi chuyện lạ của người niệm Phật

Vào đời nhà Thanh, niên hiệu Quang Tự năm thứ hai và thứ ba,¹ nhiều tỉnh miền Bắc Trung Hoa bị nạn hạn hán lớn. Tại Ủy Châu có vị tăng tu Tịnh độ, pháp hiệu có chữ Liên.² Ông sống trong một miếu nhỏ bên ngoài thôn xóm. Một hôm, có người dân đói ở Sơn Đông đột nhiên xông vào miếu, quát la rằng đói quá, đòi ăn cơm. Vị tăng nói: “Cơm tôi đã ăn hết rồi, không còn dư chút nào cả.” Người ấy vẫn đòi hỏi, thúc bách rất gấp, vị tăng liền nói: “Được rồi, tôi sẽ nấu cho ông một ít.”

Vị tăng ấy hành trì mỗi thời khóa niệm Phật trong ngày là sáu vạn câu Phật hiệu. Vì thế, miệng tuy đã hứa nấu cơm nhưng vẫn còn muốn tiếp tục niệm cho xong chuỗi hạt đủ số. Người kia thấy vậy, trong ý cho rằng vị tăng không muốn nấu cơm cho mình ăn, giận quá liền cầm một cái búa trở ngược bề sống đập mạnh vào đầu vị tăng, khiến ông té nhào xuống. Người kia vẫn chưa thôi, chộp lấy cái vá múc than, múc vào chỗ vết thương ấy, múc ra hai vá cả thịt lẫn não, vùi trong bếp than rồi mới há giận bỏ đi.

¹ Tức là năm 1876 - 1877.

² Nguyên tác dùng Liên mỗ (蓮某), nghĩa là chữ Liên với chữ theo sau không được nêu rõ.

Vị tăng khi ấy hôn mê bất tỉnh. Hồi lâu dần tỉnh lại, cố gắng bò đến chỗ đại hồng chung, khua liền một hồi mấy chục tiếng lớn. Trong thôn ấy, mỗi khi có việc quan vẫn thường dùng tiếng đại hồng chung làm hiệu lệnh triệu tập, nên mọi người nghe tiếng chuông liền kéo nhau đến miếu, thấy vị tăng đã nằm bất động ở chỗ bị đánh, máu chảy lênh láng quanh đó, lại thấy đoạn đường từ trong miếu đến chỗ đại hồng chung cũng đầy vết máu. Xem kỹ thấy vị tăng vẫn còn thở, liền đỡ dậy lay gọi. Vị tăng tỉnh lại, nói: “Tôi bị người ta đánh.”

Dân làng lập tức cử ra mấy chục người, chia nhau bốn hướng đuổi tìm, cuối cùng bắt được người kia. Ông ta nhận tội, xin đền mạng. Khi giải người ấy về đến miếu, vị tăng liền nói: “Tôi với người này đời trước nhất định từng có thù oán, nên hôm nay ông ta mới đánh tôi. Nay nếu các vị làm khó cho ông ta, chẳng phải đã khiến tôi chịu đánh vô ích rồi sao? Vì như thế chẳng những không giải trừ được oán thù ngày trước, lại còn gây thêm mối thù oán hôm nay. Tôi không thể nào chịu được sự thiệt thòi như vậy. Hiện tôi còn được một ngàn đồng, xin đưa ông ấy rồi thả cho đi.”

Không lâu sau, vết thương trên đầu vị tăng đã lành, chỗ ấy vẫn cứng chắc như bình thường không khác. Chỉ có điều cả đỉnh đầu không còn mọc sợi tóc nào nữa, mà chung quanh chỗ vết thương vẫn còn nhìn thấy sẹo. Quả là một sự việc hết sức lạ thường!

Vào niên hiệu Quang Tự năm thứ 13,¹ Ấn Quang tôi cùng với sư đệ của vị tăng ấy, pháp hiệu Liên Như, đi từ núi Hồng Loa đến núi Ngũ Đài, trên đường về ghé qua ngôi miếu của vị tăng ấy. Lúc đó ngài đã được hơn sáu mươi tuổi, dung mạo rõ ràng dường như tỏa sáng, vừa thoáng nhìn đã biết ngay là bậc chân tu. Thầy Liên Như lấy tay chỉ rõ chỗ vết thương trên đỉnh

¹ Tức là năm 1887.

đầu sư huynh, kể lại sự việc này cho Ấn Quang được nghe. Nay xin được ghi thêm vào sách Tây quy trực chỉ này, nhằm giúp thêm việc khai mở và củng cố niềm tin.

*Năm Dân quốc thứ 11¹
Thích Ấn Quang kính ghi*

Lời dẫn

Chuyện trong thiên hạ, nếu không có chứng cứ rõ ràng, chỉ dựa vào lời nói thì không đủ để đặt niềm tin. Nhưng nếu có chứng cứ rõ ràng, đã được khảo nghiệm kỹ, thì những lời ấy nhất định là chân thật.

Những chuyện niệm Phật được vãng sinh [ghi chép ở đây] đều là có chứng cứ rõ ràng, đã được khảo nghiệm kỹ. Bởi trong thiên hạ, muôn việc đều có thể giả tạo, chỉ riêng một chuyện sống chết là hoàn toàn không thể nào có mảy may giả tạo.

Từ xưa đến nay, các bậc thánh hiền hào kiệt, vì người giảng giải giáo pháp, bàn luận đạo đức, tu hành theo nhân nghĩa, số lượng rất nhiều, không chỉ là ngàn vạn... Nhưng các vị ấy đến khi qua đời, nếu không phải do bệnh tật nằm trên giường mà chết, thì cũng là do tuổi già mà chết. Nếu như nói đến những việc như biết trước ngày giờ mình sẽ chết, tắm rửa sạch sẽ rồi ngồi an nhiên mà đi, hoặc có mùi hương lạ tỏa thơm khắp nhà, hoặc nghe tiếng nhạc trời réo rắt nghênh đón, thì từ thuở khai thiên lập địa đến nay chưa từng nghe dù chỉ một vị trong số đó đạt được.

Chỉ riêng đối với những người niệm Phật thì những điềm lành lúc lâm chung như vậy thật không chỉ có một hai trường hợp. Cho nên, không ai được thọ dụng tốt đẹp hơn người niệm Phật, mà cũng không ai tôn quý hơn người niệm Phật.

¹ Tức là năm 1922.

Vào giây phút lâm chung nếu đã được an nhiên như thế, thì chỗ tái sinh về nhất định phải là nơi phúc đức phi thường. Vì sao người ta không chịu suy xét kỹ chỉ riêng ở một điểm này?

Vì thế, tôi thu thập chuyện những người ở đất Trung Hoa này được vãng sinh về Tây phương Cực Lạc, [cùng một số chuyện ghi trong Kinh điển,] trích ra hơn mấy mươi bài, ghi lại nơi đây, đặt tên là “Vãng sinh sự lược”, nghĩa là “lược kể một số chuyện vãng sinh”, cũng có ý muốn nêu ra những gương hiền đức để mọi người cùng học hỏi theo, cùng được sinh về cõi Tây phương Cực Lạc.

Chuyện vãng sinh của các vị Bồ Tát

Đức Như Lai thọ ký vãng sinh

Kinh Đại Vô Lượng Thọ chép rằng: “Bồ Tát Di-lặc thưa hỏi Phật: ‘Bạch Thế Tôn, thế giới Ta-bà này có bao nhiêu vị Bồ Tát được vãng sinh Cực Lạc?’ Đức Phật dạy: ‘Thế giới Ta-bà này có sáu mươi hai ức Bồ Tát thuộc hàng bất thối chuyển được vãng sinh về Cực Lạc. Còn số Bồ Tát công hạnh nhỏ hơn thì nhiều không thể tính đếm. Không chỉ riêng ở thế giới Ta-bà này, mà những cõi Phật ở phương khác cũng có người vãng sinh. Như cõi Phật Viễn Chiếu có một trăm tám mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh. Cho đến các cõi Phật khác trong mười phương, người được vãng sinh nhiều vô số. Nếu kể ra hết thì dù trọn một kiếp cũng chưa kể hết.’”

Phát nguyện vãng sinh của Bồ Tát Văn-thù

Kinh Quán Phật Tam-muội chép rằng: “Đức Phật thọ ký cho Bồ Tát Văn Thù sẽ được sinh về thế giới Cực Lạc.”

Bồ Tát Văn-thù có kệ phát nguyện rằng:

Nguyên khi ta lâm chung,
 Bao chướng ngại trừ hết,
 Được thấy Phật Di-đà,
 Vãng sinh về Cực Lạc.
 Được sinh Cực Lạc rồi,
 Trọn thành tựu nguyện lớn,
 Được Phật A-di-đà,
 Thọ ký sẽ thành Phật.

Bồ Tát Phổ Hiền cầu vãng sinh

Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Phổ Hiền kể ra mười nguyện lớn, trong đó tất cả đều rộng vì chúng sinh mà cầu sinh Tịnh độ. Kệ rằng:

Nguyên khi sắp đến lúc mạng chung,
 Hết thảy chướng ngại đều trừ sạch.
 Trước mắt được thấy Phật Di-đà,
 Tức thời vãng sinh về Cực Lạc.

Bồ Tát Thế Thân làm kệ luận về Tịnh độ

Bồ Tát Thế Thân là người Ấn Độ, từng trước tác rất nhiều bộ luận. Ngài từng lên cõi trời Đâu-suất, gặp được Bồ Tát Di-lặc trong Nội viện.

Trong số trước tác của ngài có Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Tịnh Độ Kệ, Ngũ Môn Tu Pháp, đều rộng khuyên việc tu tập cầu vãng sinh Cực Lạc.

Bồ Tát Ngũ Thông thỉnh Phật hóa hiện

Ở Ấn Độ có vị Bồ Tát Ngũ Thông tu ở chùa Kê Đầu Ma. Ngài dùng thần lực đi đến cõi Cực Lạc, lễ Phật A-di-đà rồi thưa thỉnh rằng: “Chúng sinh ở cõi Ta-bà phát nguyện sinh về Tịnh độ, nhưng không được thấy hình tượng của Phật, xin hóa hiện cho được thấy.”

Đức Phật dạy: “Ngươi hãy về cõi ấy trước, ta sắp hóa hiện.”

Bồ Tát Ngũ Thông trở về, đã thấy hình dung thánh tượng hóa hiện, có đức Phật A-di-đà và năm mươi vị Bồ Tát, mỗi vị đều ngồi giữa tòa sen, lơ lửng trên ngọn cây. Bồ Tát Ngũ Thông liền sai người vẽ lại để lưu truyền. Chuyện này xem rõ trong sách Cảm thông truyện.¹

Bồ Tát Mã Minh soạn Đại thừa Khởi tín luận

Bồ Tát Mã Minh là vị Tổ thứ 12 của Thiên tông Ấn Độ, khi soạn Đại thừa Khởi tín luận,² có một phần trong đó ngài nói rõ về việc cầu sinh Tịnh độ, lời lẽ rất thiết yếu, thuyết phục:

[Nhu trong Khế kinh có dạy, nếu có người chuyên tâm niệm Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực Lạc, khi tu tập được các căn lành đều hồi hướng, nguyện sinh về Cực Lạc, thì người ấy nhất định được vãng sinh. Sinh về cõi ấy, do thường được gặp Phật nên mãi mãi không còn thối chuyển. Nếu có người thường quán tưởng pháp thân chân như của đức Phật ấy, chuyên cần tu tập, quyết định sẽ được vãng sinh. Đó là do thường an trụ trong thiền định chân chánh.]³

¹ Thật ra câu chuyện này được tìm thấy trong sách Tam Bảo cảm ứng yếu lược lục (三寶感應要略錄), quyển 1, và một số sách khác như Pháp uyển châu lâm (quyển 15), Tục Cao tăng truyện (quyển 12), Vãng sinh tập (quyển 1)... Hơn nữa, không có sách Cảm thông truyện như dẫn chú, chỉ có Luật tướng cảm thông truyện và Tập thần châu Tam Bảo cảm thông lục, đều không thấy chép câu chuyện này.

² Đại thừa Khởi tín luận (大乘起信論), Bồ Tát Mã Minh trước tác, Đại sư Chơn Đế dịch vào đời Lương, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 32, kinh số 1666, bắt đầu từ trang 575, tờ a.

³ An Sỹ toàn thư chỉ nhắc đến đoạn này nhưng không ghi vào. Xét thấy nội dung này rất quan trọng để làm rõ nên chúng tôi căn cứ nội dung Đại thừa Khởi tín luận của ngài Mã Minh để chuyển dịch và thêm vào.

Bồ Tát Long Thụ được thọ ký vãng sinh

Kinh Lăng-già có chép rằng: “Này Đại Tuệ, ông nên biết rằng, sau khi đức Như Lai nhập Niết-bàn, trong tương lai sẽ có một người thọ trì gìn giữ Giáo pháp của Như Lai, là bậc tỳ-kheo có danh tiếng lớn, có công hạnh lớn, hiệu là Long Thụ. Vị ấy có khả năng phá trừ những thuyết chấp có và chấp không, làm rõ Giáo pháp Vô thượng Đại thừa ở giữa thế gian này. Vị ấy sẽ chứng đắc địa vị ban đầu của Thập địa là Hoan hỷ địa, được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.”¹

Tu tập căn lành được vãng sinh

Trong kinh Đại Bi, đức Phật có dạy:² “Này A-nan, sau khi ta diệt độ, ở miền bắc Ấn Độ sẽ có một vị tỳ-kheo tên là Kỳ-bà-ca, tu tập vô số các căn lành Bồ-đề thù thắng nhất, nhờ đó mà sau khi mạng chung sẽ được sinh về phương tây, cách đây trăm ngàn ức thế giới, cõi thế giới của đức Phật A-di-đà. Tỳ-kheo Kỳ-bà-ca sau khi vãng sinh lại tiếp tục trồng các căn lành, về sau sẽ thành Phật hiệu là Phật Vô Cấu Quang.”

Chứng đắc Pháp nhẫn được vãng sinh

Kinh Bồ Tát sinh địa³ chép rằng: “Lúc bấy giờ, ông Sai-ma-kiệt chứng đắc Pháp nhẫn Vô sinh, năm trăm người thiện nam và hai mươi lăm tín nữ đều chứng đắc địa vị không còn thối chuyển. Sau khi mạng chung, tất cả những người ấy đều được vãng sinh về cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà.”

Đại thừa Khởi tín luận (大乘起信論) đã dẫn trên. Đoạn trích này bắt đầu từ dòng thứ 17, trang 583, tờ a.

¹ Kinh Lăng-già, tức kinh Đại thừa Nhập lăng-già (大乘入楞伽經) do ngài Thật-xoa-nan-đa dịch sang Hán ngữ vào đời Đường, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 16, kinh số 672. Đoạn trích này bắt đầu từ dòng thứ 17, trang 627, tờ c. Phần lược trích này có bỏ đi một vài chi tiết.

² Kinh Đại Bi (大悲經) gồm 5 quyển, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 12, kinh số 380. Nội dung lược trích ở đây bắt đầu từ dòng thứ 9, trang 955, tờ b.

³ Kinh Bồ Tát sinh địa (菩薩生地經) do cư sĩ Chi Khiêm dịch vào đời Ngô, được đưa vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 14, kinh số 533. Nội dung lược trích thuộc trang 814, tờ c, bắt đầu từ dòng thứ 15.

Bồ Tát ghi tên cùng niệm Phật

Thiền sư Trương Lô Trạch noi theo khuôn phép trước đây của Đại sư Tuệ Viễn¹ mà thành lập Hội niệm Phật, lấy tên là Thăng hội Liên Hoa, rộng khuyên hết thảy mọi người cùng nhau niệm Phật.

Một đêm, thiền sư nằm mộng thấy có người thiếu niên mặc áo trắng, đội khăn đen, phong thái thanh cao, diện mạo tuấn tú, chấp tay thưa rằng: “Tôi muốn được vào Thăng hội Liên Hoa của ngài, xin ghi tên.” Thiền sư hỏi tên, người ấy đáp: “Phổ Tuệ.” Sau khi ghi tên rồi, lại nói: “Anh tôi là Phổ Hiền cũng xin ghi tên.”

Thiền sư tỉnh dậy lấy làm lạ, chợt nhớ lại trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Ly thế gian có hai vị Bồ Tát. Bồ Tát Phổ Tuệ liên tục đưa ra hàng trăm câu hỏi, Bồ Tát Phổ Hiền đều nhất nhất giải đáp.² Thiền sư thâm nghĩ: “Các vị đều là Đại Bồ Tát, Hội này làm sao lại nhận được sự tham gia vô tướng của quý ngài?” Sau đó liền ghi tên hai vị lên đứng đầu trong Hội.

Đại sư Liên Trì nói về việc này như sau: “Phàm tăng lập hội, Bồ Tát tham gia. Lành thay! Cho nên biết rằng pháp Tịnh độ không phải nhân duyên nhỏ nhặt. Phải tin chắc rằng khi sự việc xuất phát từ tâm chân thành ắt có thể có sự cảm thông linh ứng, hoàn toàn không phải do gượng ép suy diễn.”

¹ Ở đây ý muốn nói đến Bạch Liên Xã là hội niệm Phật do Đại sư Tuệ Viễn sáng lập, quy tụ hơn 3.000 người cùng chuyên tu niệm Phật cầu vãng sinh.

² Phần hỏi đáp của hai vị Bồ Tát này xin xem trong phẩm 33 - Ly thế gian, phần thứ nhất, kinh Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm (大方廣佛華嚴經 - 離世間品 - 第三十三之一), được đưa vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 9, kinh số 278, trang 631, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 6.

Chuyện vãng sinh của các vị cao tăng

Đại sư Tuệ Viễn¹

Vào đời Tấn có đại sư Tuệ Viễn là người xứ Lô Phiền, Nhạn Môn, nay thuộc tỉnh Sơn Tây. Ngài học rộng biết nhiều, tuổi trẻ đã thông suốt sách vở thế gian, hiểu sâu Lục kinh của Nho gia.²

Khi được nghe Pháp sư Đạo An³ giảng kinh Bát-nhã, ngài bỗng nhiên bừng tỉnh ngộ, nhân đó liền dứt sạch việc đời, theo hầu ngài Đạo An, chuyên tâm tu học.

Vào niên hiệu Thái Nguyên năm thứ sáu,⁴ ngài đến Tầm Dương, thấy phong cảnh Lô sơn yên tĩnh, rộng rãi, có thể là nơi tĩnh tâm dứt duyên trần, ý muốn lưu lại đó, liền cảm ứng thấy thần núi Lô sơn hiện ra trong mộng, trong một đêm nổi lên sấm sét mưa gió, sáng ra bao nhiêu cây gỗ cần để dựng chùa đều tự nhiên có đủ ở vị trí ngài chọn. Quan Thứ sử Hoàn Y phát tâm lo việc xây dựng chùa, nhân việc ấy nên đặt tên là Thần Vận. Lại nhân vì ngài Tuệ Viễn khi mới đến ở về hướng tây, nên chùa mới xây gọi là Đông Lâm, gộp chung lại lấy hiệu là chùa Đông Lâm Thần Vận.⁵

Đại sư thành lập hội niệm Phật là Bạch Liên Xã, từ đó chuyên tâm tu hành, trong ba mươi năm không hề rời núi, không vương chuyện trần tục, chỉ một lòng hướng về Tây phương Cực Lạc.

¹ Tên vị này là 慧遠. Chữ 慧 có người cũng đọc là huệ, nên đọc tên ngài thành Huệ Viễn. Tuy nhiên, như vậy có thể nhầm lẫn với chữ 惠 (huệ) là ban ơn như trong tên ngài Huệ Năng (惠能). Ngài họ Giả, sinh năm 334, viên tịch năm 416, uyên bác các môn học Bát-nhã, Trung quán, nhưng có thể xem là người đầu tiên phát triển pháp môn Tịnh độ hết sức sâu rộng tại Trung Hoa, nên người đời sau tôn xưng ngài là Sơ tổ Tịnh độ tông.

² Lục kinh của Nho gia bao gồm: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

³ Ngài Đạo An sinh năm 312, viên tịch năm 385, quê ở Phù Liễu, Thường Sơn, nay là Kỳ huyện thuộc tỉnh Hà Bắc. Ngài là bậc cao tăng đương thời, hết lòng xiển dương Tịnh độ nhưng uyên bác các kinh luận Bát-nhã, Trung quán, được ngài Cưu-ma-la-thập suy tôn là Đông phương Thánh nhân. Người đương thời xưng tán ngài là Di Thiên Thích Đạo An.

⁴ Tức là năm 381.

⁵ Thần vận (神運) là hàm ý khi xây chùa có thần núi giúp vận chuyển cây gỗ đến.

Ngài chế ra khí cụ gọi là “liên hoa lậu”¹ để phân chia thời khắc trong ngày, theo đó mà hành trì lễ bái, niệm Phật không sai sót. Những người tham gia Bạch Liên Xã [có đến hơn ba ngàn, trong đó riêng] các vị cao tăng, danh nho là một trăm hai mươi ba người. Tất cả đều chuyên tâm niệm Phật hết sức tinh tấn.

Đại sư đã ba lần được nhìn thấy thánh tướng Tây phương Cực Lạc nhưng lặng lẽ không nói cho ai biết. Mãi đến mười chín năm sau, vào một đêm cuối tháng bảy, ngài nhập định ở đài Bát-nhã, vừa xuất định liền nhìn thấy đức Phật A-di-đà hiện thân giữa vầng hào quang tròn sáng bao trùm khắp cả hư không, có vô số các vị hóa Phật, mỗi vị đều có các Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy có dòng nước chảy tỏa ra ánh sáng rực rỡ, phân thành mười bốn nhánh, uốn lượn lên xuống, phát ra âm thanh diễn thuyết pháp mầu. Đức Phật A-di-đà dạy rằng: “Ta dùng nguyện lực đến đây để giúp ông thêm tín tâm. Trong bảy ngày nữa, ông sẽ vãng sinh về Cực Lạc.”

Khi ấy, ngài nhìn thấy các vị Phật-đà-da-xá, Tuệ Trì, Tuệ Vĩnh, Lưu Di Dân... đều đứng hầu bên Phật, mới biết họ đã vãng sinh từ trước.

Đại sư hoan hỷ, hôm sau nói với đồ chúng rằng: “Ta từ khi đến tu tập ở đất này, đã ba lần nhìn thấy thánh tướng. Hôm nay lại nhìn thấy, nhất định sẽ sinh về Tịnh độ.”

Đúng bảy ngày sau, Đại sư an nhiên viên tịch trong tư thế tĩnh tọa. Hôm ấy là ngày mồng sáu tháng tám, niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ 12.²

¹ Liên hoa lậu (蓮花漏), cũng gọi tắt là liên lậu, là một loại khí cụ được chế tạo bằng đồng, có hình dạng như hoa sen (liên hoa - 蓮花), được thả nổi trên hồ nước, dưới đáy có một lỗ nhỏ để nước thấm rỉ (lậu - 漏) vào. Khi nước thấm vào bên trong dâng lên quá nửa thì hoa sen ấy chìm xuống. Một ngày đêm được tính toán phân chia làm 12 lần hoa sen chìm. Nhờ khí cụ này, chu tăng tuy ở trong núi sâu nhưng vẫn biết được giờ giấc chính xác để hành trì đều đặn, liên tục.

² Tức là năm 416.

Đại sư Tuệ Vĩnh

Đại sư Tuệ Vĩnh sinh vào đời Tấn, quê ở đất Hà Nội.¹ Ngài xuất gia từ năm mười hai tuổi, từng cùng với đại sư Tuệ Viễn theo học Pháp sư Đạo An. Vào năm đầu niên hiệu Thái Nguyên,² ngài dùng chân an trụ ở Lô Sơn. Quan thứ sử Đào Phạm phát tâm sửa sang ngôi nhà ở của mình thành chùa Tây Lâm, dâng cúng cho ngài làm nơi tu tập. Từ đó ngài dứt sạch mọi trần duyên, chuyên tâm hướng về Cực Lạc.

Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười,³ ngài có bệnh, đang nằm bỗng dùng sửa áo ngay ngắn muốn đứng dậy, tăng chúng đều kinh sợ thưa hỏi, Đại sư nói: “Phật đến đón ta.” Nói xong thì an nhiên thị tịch, có mùi hương lạ tỏa lan, lưu lại đến bảy ngày mới tan hết. Vua Đường Huyền Tông truy phong thụy hiệu cho ngài là Giác Tịch Đại Sư.

Đại sư Tăng Duệ

Đại sư Tăng Duệ sinh vào đời Tấn, quê ở Ký Châu. Ngài từng đi tham học khắp nơi, đi xa đến tận Ấn Độ, rồi quay về đất Quan Trung, theo ngài La-thập học hỏi nghĩa lý Kinh điển.

Về sau, ngài tham gia vào Bạch Liên Xã do ngài Tuệ Viễn sáng lập ở Lô Sơn, chuyên tâm niệm Phật. Niên hiệu Nguyên Gia đời Lưu Tống, năm thứ 16,⁴ ngài đang khỏe mạnh bỗng nói với tăng chúng rằng: “Ta sắp đi rồi.” Nói xong, quay mặt về phương Tây, chấp tay cung kính rồi thị tịch. Tăng chúng đều nhìn thấy một đóa sen vàng hiện ra phía trước giường nằm của đại sư, trong chốc lát rồi biến mất, có cụm mây thơm đủ năm màu từ trong phòng ngài bay ra.

¹ Tên đất thời cổ, nay là Vũ Trác thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

² Tức là năm 376.

³ Tức là năm 414.

⁴ Tức là năm 439.

Đại sư Đạo Kính

Đại sư sinh vào đời Tấn, họ Vương, người xứ Lang Gia. Ông nội ngài là Vương Ngưng Chi,¹ làm quan Thứ sử Giang Châu. Ngài xuất gia với Đại sư Tuệ Viễn, năm mười bảy tuổi đã học thông kinh luận, mỗi ngày có thể ghi nhớ đến hàng vạn câu.

Đại sư tin sâu pháp môn niệm Phật, sớm tối chuyên cần không thời khóa nào bỏ sót. Vào năm đầu niên hiệu Vĩnh Sơ,² ngài không bệnh, bỗng nói với tăng chúng: “Thầy ta có lời dạy, đến lúc ta đi rồi.” Nói xong, ngồi đơan nghiêm niệm Phật rồi thị tịch. Tăng chúng đều thấy hào quang sáng rực cả phòng, hồi lâu mới hết.

Đại sư Tăng Hiển

Đại sư Trúc Tăng Hiển³ sống vào đời nhà Tấn, đến vùng Giang Đông thì mắc bệnh. Ngài chuyên tâm niệm Phật hướng về Tây phương Cực Lạc, kiên trì giữ đúng thời khóa công phu, không ngại khó khổ. Một hôm bỗng nhìn thấy đức Phật A-di-đà, phóng hào quang chiếu sáng thân mình, bệnh tật trong người liền lập tức dứt hết.

Ngài liền tắm rửa sạch sẽ, kể lại với những người chung quanh những điều đã thấy và khuyên răn việc tin sâu nhân quả, lời lẽ hết sức tha thiết. Sáng sớm hôm sau, ngài tĩnh tọa niệm Phật rồi thị tịch.

Đại sư Tuệ Quang

Đại sư Tuệ Quang sống vào đời Tề, cư trú ở Lạc Dương, từng soạn các bộ sớ giải kinh Hoa Nghiêm, kinh Niết-bàn, kinh Thập

¹ Vương Ngưng Chi là con thứ của nhà thư pháp lừng danh Vương Hy Chi.

² Tức là năm 420.

³ Vào thời xưa, một số vị tăng thường lấy chữ Trúc (竺) đặt trước pháp hiệu, hàm nghĩa Thiên Trúc, tức là Ấn Độ, cách dùng cũng tương tự như ngày nay dùng chữ Thích (釋).

Địa.

Một hôm ngài có bệnh, bỗng nhìn thấy chư thiên nghênh đón. Ngài từ chối, nói: “Tôi chỉ nguyện sinh về một nơi duy nhất là Cực Lạc mà thôi.”

Nói rồi liền chuyên tâm niệm Phật, sau đó liền nhìn thấy hóa Phật hiện ra trên không trung tiếp đón. Ngài quỳ lạy nói: “Nguyện Phật tiếp dẫn.”

Ngài khẩn lễ vừa xong thì viên tịch.

Đại sư Đạo Trân

Ngài Đạo Trân sống vào đời Lương, tu theo pháp môn Tịnh độ tại Lô Sơn. Có lần, ngài nằm mộng thấy một chiếc thuyền giữa biển đi về hướng Tây, liền hỏi thuyền đi đâu. Trên thuyền trả lời là sang nước Cực Lạc. Ngài xin được cùng đi, người trên thuyền nói: “Ông còn chưa gột rửa thân tâm,¹ chưa tụng kinh A-di-đà, nên chưa đến nơi ấy được.”

Đại sư tỉnh dậy liền xây nhà tắm cho chư tăng, lại từ đó kiên trì tụng kinh A-di-đà, trải qua nhiều năm không biếng trễ. Về sau, có lần ngài nhìn thấy một cái đài bằng bạch ngân sáng lóa từ trên không trung hạ xuống mặt hồ. Đại sư lặng lẽ ghi nhớ điềm lành ấy nhưng không nói cho ai biết.

Vào một đêm nọ, người trong thôn xóm gần đó bỗng nhìn thấy ở khoảng lưng chừng núi tự nhiên rực sáng như có cả ngàn bó đuốc, ánh sáng phản chiếu qua lại với nhau càng thêm rực rỡ, ai nấy đều cho là có các vua lên núi lễ bái. Sáng hôm sau có người vào núi xem, mới biết Đại sư Đạo Trân đã viên tịch trong

¹ Nguyên bản dùng “汝未營浴室” (như vị doanh dục thất), nghĩa đen là “ông chưa xây nhà tắm”. Tuy nhiên hàm ý theo giảng giải trong Thiếu Thất lục môn (少室六門), phán Phá tướng luận (Đại Chánh tạng, Tập 48, kinh số 2009, trang 369, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 4) thì chỉ cho việc gột rửa thân tâm thanh tịnh, không dùng với nghĩa “tắm rửa” thân xác thịt như thông thường. Chúng tôi cho rằng ý nghĩa này thích hợp với ngữ cảnh ở đây hơn.

đêm.¹

Đại sư Đàm Loan

Đời Hậu Ngụy có Đại sư Đàm Loan, thuở nhỏ từng đến núi Ngũ Đài, cảm sự linh dị mà xuất gia nhưng trong lòng lại ưa thích thuật trường sinh của Đạo giáo, nên có nhận 10 quyển Tiên kinh của Đào Ẩn Cư.

Về sau, ngài được gặp Đại sư Bồ-đề-lưu-chi, thưa hỏi: “Đạo Phật có thuật trường sinh bất tử không?” Ngài Bồ-đề-lưu-chi cười nói: “Trường sinh bất tử chính là của đạo Phật.” Liên truyền cho một quyển kinh Thập Lục Quán, dạy rằng: “Con học được kinh này thì không còn tái sinh trong ba cõi, không còn rơi vào sáu đường luân hồi nữa, còn nói về tuổi thọ thì dù tính số kiếp thạch² nhiều như cát sông cũng không bằng được.”

Ngài Đàm Loan hết sức vui mừng, liền đốt sạch Tiên kinh, từ đó chuyên tâm tu theo pháp môn Tịnh độ. Ngài hành trì tinh tấn, quanh năm dù thời tiết mưa nắng, nóng lạnh cũng chưa từng giải đãi chút nào. Vua Ngụy cung kính gọi ngài là Thần Loan.

Một hôm, ngài gặp một vị tăng Ấn Độ đến bảo: “Tôi là Long Thọ, vì cùng chí hướng tu tập với ông nên đến đây gặp mặt.” Ngài Đàm Loan nhân đó tự biết đã đến lúc ra đi, liền tập hợp tăng chúng rồi răn nhắc rằng: “Những nỗi khổ ở địa ngục, các ông không thể không sợ sệt; chín phẩm tòa sen nơi Tịnh độ, các ông không thể không gắng tu.”

Ngài răn nhắc rồi liền dạy đệ tử cùng nhau lớn tiếng niệm Phật. Ngài quay về hướng Tây cung kính lễ lạy xong rồi viên tịch. Tăng chúng đều nghe có tiếng nhạc trời vọng từ phương

¹ Câu chuyện này được tìm thấy trong quyển 3 của sách Lạc bang văn loại (樂邦文類), gồm 5 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 47, kinh số 1969A, trang 194, tờ b, bắt đầu từ dòng thứ 27. Nguyên bản ở đây có nhiều chi tiết hơn, có lẽ An Sỹ toàn thư đã lược bớt.

² Kiếp thạch: cách nói dựa theo một ví dụ trong kinh Phật, có dẫn lại trong Trí Độ Luận, quyển 5. Đức Phật dùng thí dụ rằng, có một ngọn núi đá cao rộng đều 40 dặm, lại có một người trường thọ, cứ một trăm năm thì đến chỗ núi đá ấy, dùng tám khăn lụa nhuyễn mềm mà quét vào núi đá cho mòn đi. Đến khi núi ấy mòn hết là một kiếp thạch. Người sau dùng danh từ này chủ yếu là để chỉ một quãng thời gian rất lâu.

Tây dân tới, hồi lâu mới dứt.

Đại sư Trí Khải

Đại sư Trí Khải³ sống vào đời Tùy, hiệu là Trí Giả. Từ thuở ấu thơ ngài đã biết lễ bái tượng Phật, gặp chư tăng liền chấp tay cung kính vái chào. Năm lên 18 tuổi, ngài xuất gia tại chùa Quả Nguyên. Về sau lễ bái theo học với thiền sư Nam Nhạc Tuệ Tư.⁴

Ngài từng soạn sớ giải kinh Thập lục quán (Quán kinh), Thập nghi luận và nhiều sách khác để xung tán, xiển dương pháp môn Tịnh độ.

Vào lúc sắp viên tịch, ngài nói với đệ tử: “Trần duyên đến đây đã dứt.” Nói rồi xướng đề kinh Thập lục quán. Sau đó lại dạy rằng: “Cõi Tây phương Tịnh độ, [nuông theo nguyện lực của Phật A-di-đà nên] rất dễ vãng sinh, [chỉ tiếc cho chúng sinh đối với pháp môn này khó tin khó nhận, nên hóa ra vãng sinh] không được mấy người. Ngay khi tướng bánh xe lửa [cõi địa ngục] đã hiện ra, nếu biết khởi tâm cải hối còn được vãng sinh, huống chi người từ lâu tu tập giới định?”

Đệ tử là Trí Lãng thưa hỏi: “Chưa biết đại sư được địa vị thế nào?” Đại sư đáp: “Chỉ được vào hàng ngũ phẩm⁵ thôi.” Trong chốc lát lại nói: “Đại sĩ Quán Âm đã đến đón ta.” Nói xong, ngài xưng niệm Tam bảo rồi ngồi an nhiên thị tịch, như người nhập vào thiền định.

³ Đại sư Trí Khải (智顓) họ Trần, tên tự là Đức An, người Hoa Dung, Kinh Châu, nay là Tiêm Giang thuộc tỉnh Hồ Bắc. Cũng có tài liệu khác nói ngài là người Đinh Xuyên, nay thuộc tỉnh Hà Nam. Ngài sinh năm 538, viên tịch vào năm 597.

⁴ Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Tư (南嶽慧思) họ Lý, người Vũ Tân, Dự Châu, nay thuộc tỉnh Hà Nam, sinh năm 515, viên tịch vào năm 577.

⁵ Hàng ngũ phẩm, tức là Trung phẩm trung sinh, xếp thứ 5 trong chín phẩm.

Pháp sư Đăng

Pháp sư Đăng sống vào đời Tùy, khi giảng kinh Niết-bàn ở chùa Hưng Quốc, Tịnh Châu thường khuyên những người đến nghe kinh niệm Phật cầu vãng sinh.

Vào niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12,¹ ngài lâm chung, có mùi hương lạ tỏa lan khắp phòng. Đến lúc nhập quan lại có mây lành và hương thơm ở khắp quanh vùng.

Hòa thượng Thiện Đạo

Hòa thượng Thiện Đạo sống vào đời Đường. Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán,² gặp được đạo tràng Cửu Phẩm của thiền sư Đạo Xước ở Tây Hà, hết sức vui mừng ngợi khen rằng: “Đây mới quả thật là pháp môn tiếp dẫn trọng yếu để được về nước Phật.”

Từ đó ngài nỗ lực tu tập, ngày đêm hành trì lễ bái tụng kinh. Mỗi khi ngài nhập thất, quỳ gối niệm Phật đến kiệt sức mới thôi, bất kể thời tiết rét buốt hoặc nóng bức. Lúc đi ra ngoài thì ngài luôn vì người khác giảng pháp Tịnh độ. Ngài tinh tấn như vậy, trong hơn ba mươi năm chưa một lần nào rơi vào trạng thái hôn trầm. Mỗi khi gặp món ăn ngon, ngài mang trả lại nhà bếp để dành cho người khác, còn tự mình chỉ dùng những món ăn đơn sơ, thô kém. Có người cúng dường tịnh tài, ngài sử dụng tất cả vào việc chép kinh A-di-đà, được mười vạn quyển, lại thực hiện các bức vẽ hình tượng Phật và các tích truyện được ghi chép trong Kinh điển, trước sau được ba trăm bức. Những người được Hòa thượng giáo hóa theo về pháp môn Tịnh độ rất đông. Trong số đó có những người tụng kinh A-di-đà lên đến mười vạn lần, hoặc đến năm mươi vạn lần; có người hành trì niệm Phật mỗi ngày đến một vạn Phật hiệu, có người niệm đến

¹ Tức là năm 592.

² Niên hiệu Trinh Quán kéo dài từ năm 627 đến năm 649.

mười vạn Phật hiệu. Lại có những người chứng đắc Niệm Phật Tam-muội, có những người được vãng sinh Cực Lạc... số lượng rất nhiều, không thể ghi chép hết.

Hòa thượng có bài kệ khuyên người đời như sau:

*Ngày qua ngày da nhăn tóc bạc,
Tháng năm tàn gối mỏi chân run.
Ví như được đầy nhà vàng ngọc,
Cũng làm sao tránh được bệnh suy?
Cứ xem như hưởng muôn khoái lạc,
Cuối cùng rồi chẳng khỏi vô thường.
Chỉ một đường tu hành thẳng tắt,
A-di-đà một niệm thoát trần.*

Một ngày nọ, ngài không bệnh, bỗng nhiên nói với mọi người: “Thân xác này thật đáng chán lia. Nay ta về Tây phương Cực Lạc.” Nói rồi trèo lên cây liễu cao mà thị tịch.

Vua Đường Cao Tông nghe biết sự việc, ban tặng cho ngôi chùa nơi ngài tu tập một tấm biển ngạch lớn đề hai chữ “Quang Minh”.

Pháp sư Thiếu Khang

Pháp sư Thiếu Khang sống vào đời Đường, người xứ Tấn Vân, năm mười lăm tuổi đã học thông các kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm...

Vào khoảng niên hiệu Trinh Nguyên,¹ ngài nhìn thấy bức văn tự bên trong chùa Bạch Mã phóng tỏa hào quang, liền đến xem mới biết đó là bài văn Hóa đạo Tây phương của Cố hòa thượng Thiện Đạo.

¹ Niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường kéo dài từ năm 785 đến năm 805.

Khi ấy, ngài liền nguyện rằng: “Nếu tôi có duyên cùng pháp môn Tịnh độ, xin phóng quang lần nữa.” Lời nguyện vừa dứt, hào quang liền phóng chiếu chói sáng hơn trước. Ngài liền đến Trường An, chiêm ngưỡng lễ bái nơi thờ di ảnh của Hòa thượng Thiện Đạo, bỗng nhiên nhìn thấy di ảnh bay lên không trung.

Về sau, ngài đến Tân Định khuyên dạy người niệm Phật. Trước tiên chỉ dạy trẻ con, em nào niệm một Phật hiệu thì cho một xu tiền. Thời gian sau thì tăng số lần lên, niệm đủ mười Phật hiệu sẽ cho một xu. [Dần dần mở rộng ra khuyên dạy hết thảy mọi người.] Được hơn một năm thì ở xứ ấy từ trẻ đến già, kẻ giàu người nghèo đều biết niệm Phật.

Ngài lại đến núi Ô Long xây dựng đạo tràng Tịnh độ, khuyến khích mọi người cùng nhau tu học.

Vào niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ 21,¹ ngày mồng ba tháng mười, ngài dặn dò lại với đại chúng kẻ tăng người tục, rằng: “Đối với cõi Tịnh độ, nên khởi tâm hâm mộ ưa thích, đối với cõi Ta-bà, nên khởi tâm chán lìa.” Nói xong, ngài phóng hào quang lạ cho mọi người đều nhìn thấy rồi thị tịch.

Đại sư Hoài Ngọc

Đại sư Hoài Ngọc sống vào đời Đường, quê ở Đài Châu. Ngài thường mặc áo vải thô, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, lại thường ngồi không nằm. Ngài tụng kinh A-di-đà đến ba mươi vạn lần, thời khóa niệm Phật mỗi ngày đến năm vạn Phật hiệu.

Vào niên hiệu Thiên Bảo năm đầu tiên,² ngài nhìn thấy hình tượng Phật A-di-đà và thánh chúng biến hiện khắp cả hư không, lại thấy một người mang đài sen bạc đến. Đại sư nói: “Ta một đời tinh tấn, nguyện được sinh đài sen vàng, vì sao lại không được?” Ngay khi ấy liền thấy đài sen bạc không còn nữa.

¹ Tức là năm 805.

² Tức là năm 742.

Trải qua hai mươi mốt ngày sau, Đại sư lại nhìn thấy người mang đai hôm trước đến bảo rằng: “Ông đã có sự tinh tấn, được lên hàng Thượng phẩm, nên chuẩn bị tòa ngồi mà đợi.”

Qua ba ngày sau nữa, có hào quang lạ bỗng dung tỏa chiếu sáng rực trong phòng đại sư, ngài liền nói với đệ tử: “Ta sinh về Tịnh độ.” Nói rồi mỉm cười an nhiên thị tịch.

Quận Thái Thú khi ấy là Đoàn Công¹ có làm bài kệ xưng tán rằng:

*Thầy ta một niệm lên sơ địa,
Hai lần nhạc trời đón về Tây.
Chỉ riêng một cây hòe trước cửa,
Oằn cành trĩu nặng bởi đài vàng.*

Đại sư Đạo Ngang

Đại sư Đạo Ngang sống vào đời Đường, quê ở quận Ngụy, thường giảng các kinh Hoa Nghiêm, Địa Luận... lại khuyên người cầu vãng sinh Tây phương Cực Lạc.

Về sau, ngài biết thời điểm vãng sinh, nói trước là vào tháng tám sắp tới, nhưng không ai tin. Đến ngày mồng một tháng tám, ngài không bệnh, bỗng dung hỏi người chung quanh đã đến giờ ngộ trai hay chưa, rồi lên tòa cao ngồi. Khi ấy, lò hương trầm không người đốt bỗng tự nhiên cháy lên, ngài tự hợp bốn chúng giảng giải Bồ Tát giới. Thuyết pháp vừa xong, bỗng thấy rất nhiều chư thiên hiện ra trên không trung, đàn sáo réo rất, ngài liền bảo tăng chúng: “Chư thiên cõi trời Đâu-suất đến đón ta, nhưng cõi trời vẫn là gốc sinh tử, không phải tâm nguyện của ta. Ta vốn cầu vãng sinh Tây phương Cực Lạc, không biết vì sao không được toại nguyện.” Trong chốc lát, nhạc trời liền im tiếng, lại thấy có hương thơm, hoa đẹp cùng âm nhạc từ phương

¹ Tức Đoàn Hoài Nhiên.

tây dần hiện đến, đầy cả hư không, rồi đến xoay quanh trên đỉnh đầu đại sư. Đại chúng nhìn lên chiêm ngưỡng, hết thảy mọi người đều kinh ngạc tán thán. Đại sư nói: “Thánh tướng Tịnh độ đã xuất hiện, ta đi đây.” Vừa nói xong, lư hương bỗng rơi khỏi tay, liền ở ngay trên tòa cao thị tịch.

Đại sư Tăng Huyền, Đại sư Khải Phương, Đại sư Viên Quả

Đại sư Tăng Huyền sống vào đời Đường, quê ở Tịnh Châu. Đại sư buổi đầu tu học luôn niệm tướng đến Bồ Tát Di-lặc, nguyện sinh lên cung trời Đâu-suất. Đến năm chín mươi tuổi mới gặp ngài Đạo Xước, được nghe pháp môn Tịnh độ, liền chuyển tâm niệm Phật A-di-đà, mỗi ngày lễ lạy cả ngàn lượt, chuyên tâm không hề giải đãi.

Sau đó, ngài có bệnh, liền bảo chúng đệ tử rằng: “Ta được đức Phật A-di-đà trao cho tấm y thơm, hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí đều đưa tay báu ra đón. Nay ta đi đây.” Nói xong liền thị tịch, có mùi hương lạ lan tỏa chung quanh, trải qua bảy ngày vẫn chưa tan hết.

Lúc bấy giờ có hai vị pháp sư là Khải Phương và Viên Quả đều chính mắt nhìn thấy Đại sư Tăng Huyền vãng sinh, liền phát tâm dũng mãnh, nguyện vãng sinh Tây phương.

Cả hai vị đều chuyên tâm niệm Phật suốt cả ngày đêm, không hề bỏ sót. Một hôm bỗng nhìn thấy cảnh hồ bảy báu, ven bờ hồ có Phật A-di-đà và các vị đại sĩ cùng ngồi trên tòa báu. Hai vị cùng đánh lễ. Đức Phật A-di-đà dạy rằng: “Bất kỳ ai niệm danh hiệu ta, đều được vãng sinh về cõi nước ta.” Lại nhìn thấy có ba bậc thêm báu, trên đó thấy một bậc chỉ toàn những người cư sĩ, một bậc gồm nửa tăng, nửa tục, còn một bậc chỉ thuần các vị tăng, tất cả đều là những người đã chí tâm niệm Phật được vãng sinh.

Năm ngày sau đó, bỗng nghe có tiếng chuông, cả hai vị pháp sư đều cùng lúc thị tịch.

Đại sư Thọ Hồng

Đại sư Thọ Hồng sống vào đời Đường, quê ở Phần Dương. Ngài chuyên tâm niệm Phật, cầu vãng sinh Tây phương Cực Lạc. Đến lúc lâm chung nhìn thấy đồng tử từ cõi trời Đâu-suất đến nghênh tiếp. Đại sư nói: “Ta nguyện vãng sinh Tây phương, không muốn sinh lên cõi trời.” Liên bảo đại chúng cùng niệm Phật. Không lâu sau, Đại sư bỗng nói: “Phật từ Tây phương đến.” Nói xong liền viên tịch.

Đại sư Đại Hạnh

Đại sư Đại Hạnh sống vào đời Đường, cư trú ở Thái Sơn, tu tập sám pháp Phổ Hiền trong suốt ba năm, cảm ứng Bồ Tát Phổ Hiền hiện thân.

Lúc tuổi già, Đại sư đứng trước Tạng kinh phát nguyện rồi đưa tay rút ngẫu nhiên một quyển, nhằm quyển kinh A-di-đà. Từ đó, Đại sư ngày đêm chuyên tâm trì tụng, được hai mươi mốt ngày thì nhìn thấy mặt đất bằng lưu ly, bên trên có đức Phật A-di-đà và các vị Bồ Tát hiện thân.

Vua Đường Hy Tông nghe biết chuyện ấy, ban chiếu thỉnh Đại sư vào cung, tôn xưng hiệu là Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

Một năm sau đó, Đại sư lại nhìn thấy đất bằng lưu ly hiện ra, ngay trong ngày hôm ấy liền thị tịch, có mùi hương lạ tỏa lan quanh đó suốt tuần, nhục thân để lại không hư hoại.

Đại sư Minh Chiêm

Đại sư Minh Chiêm sống vào đời Đường, đến tuổi già mới lập nguyện vãng sinh Cực Lạc, chuyên tâm niệm Phật không

thôi. Có người ngờ rằng Đại sư đã quá già, việc tu niệm Phật e rằng đã trễ. Đại sư nói: “Người niệm mười niệm thành công còn được gặp Phật, huống chi ta có gì phải lo?”

Về sau, Đại sư có bệnh, bày tiệc chay ở chùa Hưng Thiện để từ biệt hết kẻ tăng người tục. Lúc bảy giờ, quan Bộc xạ¹ Phòng Huyền Linh cùng Đỗ Như Hối đều có mặt.

Đến lúc vừa quá Ngọ, Đại sư chỉnh trang y phục, tư thế nghiêm trang, bắt đầu niệm Phật. Trong chốc lát đã vội nói: “Đức Phật đến rồi, cả hai vị đại sĩ cũng đến.” Liền đứng thẳng người chấp tay cung kính rồi thị tịch.

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ

Đại sư Vĩnh Minh sống vào thời Ngô Việt, người ở huyện Dư Hàng. Ban đầu, ngài làm quan giữ kho của huyện, nhân đó thường tự ý xuất tiền bạc trong kho đến Tây Hồ mua tôm cá... các loại vật mạng để phóng sinh. Sự việc bị phát hiện, y theo luật pháp phải chịu tử hình. Ngài nghe báo tin, vui mừng nói: “Lần này tuy phải chết nhưng tôi nhất định được sinh về Tây phương Cực Lạc, bởi số lượng vật mạng tôi đã phóng sinh nhiều đến nỗi không thể biết đã đến bao nhiêu ngàn vạn...”

Tiền Mục Vương [nghe biết rõ sự việc liền] đặc biệt ban lệnh đặc xá cho ngài, thuận cho phép xuất gia theo ý nguyện, lại ban cho tên hiệu là Diên Thọ.

Ngài xuất gia theo học với thiền sư Tứ Minh Thúc Nham, tham học thêm với Thiền Quốc sư ở núi Thiên Thai, nhận biết được ý chỉ tâm yếu của Thiền tông.

Về sau, ngài về trụ trì chùa Vĩnh Minh, chuyên tu theo pháp môn Tịnh độ, thực hành nhiều phước nghiệp. Mỗi buổi tối ngài một mình vào núi đi kinh hành niệm Phật, người quanh đó

¹ An Sỹ toàn thư dùng chữ này để chỉ chức vụ Tế tướng của Phòng Huyền Linh. Đứng ra, các danh xưng Tà, Hữu Bộc xạ sang đời Tống mới có.

đều nghe có tiếng nhạc trời giữa không trung. Vua Ngô Việt là Trung Ý Vương [Tiền Hoàng Thục] xưng tán rằng: “Từ xưa, những người cầu vãng sinh Tây phương chưa có ai được chuyên tâm tha thiết đến như vậy.” Vua liền cho xây điện Tây Phương Hương Nghiêm để thành tựu chí nguyện của ngài.

Vào niên hiệu Khai Bảo năm thứ 8,¹ ngày 26 tháng 2, sáng sớm ngài đốt hương cáo chúng, xong ngồi kiết già mà tịch.

Về sau, có một vị tăng đến từ Lâm Xuyên, ở lại đó và hàng ngày đều cung kính đi nhiều quanh tháp của Đại sư, trải qua nhiều năm như vậy. Có người thấy lạ hỏi nguyên do, vị tăng ấy đáp: “Tôi có lần bị bệnh suýt chết, thần thức đã xuống đến âm ty, nhìn thấy điện bên trái có tượng một vị tăng, Diêm vương mỗi ngày hai buổi đều cung kính lễ bái. Tôi hỏi thăm một người về pho tượng, người ấy nói: “Đó là thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ở Hàng Châu. Ngài đã vãng sinh Tây phương Cực Lạc vào hàng thượng phẩm, Diêm vương kính trọng đức hạnh của ngài nên lễ kính.”

Đại sư Chí Thông

Đại sư Chí Thông, họ Thạch, sống vào đời Tấn, người huyện Phụng Tường. Nhân gặp được nghi thức tu tập Tịnh độ của Đại sư Trí Giả, ngài hết sức vui mừng thích thú. [Để tỏ lòng tôn kính nên] từ đó không bao giờ quay mặt về hướng tây khạc nhổ, không bao giờ ngồi quay lưng về hướng Tây. Đại sư hết lòng chuyên tâm niệm Phật.

Về sau, ngài nhìn thấy tướng bạch hạc, khổng tước hiện thành hàng, bay quanh đến hướng tây thì hạ xuống, lại thấy có hoa sen nở ra khép lại ngay trước mặt mình. Đại sư liền nói: “Bạch hạc với khổng tước, đều là cảnh ở Tịnh độ. Hoa sen tỏa sáng, đó là nơi ta được sinh về. Tịnh độ đã hiển hiện tại đây rồi.” Ngay

¹ Tức là năm 975.

khi ấy ngài liền lễ Phật rồi thị tịch.

Vào lúc trà-tỳ nhục thân,¹ có mây lành năm sắc hiện ra che phủ bên trên thân ngài. Trà-tỳ xong, nhìn thấy xá lợi xếp thành hàng rất nhiều.

Pháp sư Viên Tịnh Thường

Pháp sư Viên Tịnh Thường sống vào đời Tống, quê ở Tiền Đường, xuất gia từ năm bảy tuổi.

Vào khoảng niên hiệu Thuần Hóa,² Đại sư ở chùa Nam Chiêu Khánh, rất mến mộ đạo phong của Đại sư Tuệ Viễn nơi Lô Sơn trước đây, phát tâm trích huyết chép một phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm để tỏ lòng thành, hồi hướng vãng sinh Tây phương Cực Lạc.

Ngài lập Hội niệm Phật [giống như Đại sư Tuệ Viễn trước đây,] các quan đại phu tham gia vào Hội đều tự xưng là đệ tử Tịnh Hạnh. Trong số đó, Văn Chính Công Vương Đán là người đứng đầu. Có lúc, các vị công khanh quan chức tham gia Hội lên đến 120 người, các vị tỳ-kheo nhiều đến cả ngàn người.

Quan Hàn lâm là Tô Dị Giản viết bài tựa cho phẩm kinh Tịnh Hạnh, có đoạn rằng: “Tôi sẵn lòng trải tóc lột dưới chân người, khoét thịt trong thân để cầu được nghe pháp, quyết không từ nan, huống gì chút học thức thô lậu cạn cợt này, lẽ nào lại tiếc giữ.”

Vào niên hiệu Thiên Hy năm thứ tư,³ ngày 12 tháng giêng, ngài đốn nghiêm ngồi niệm Phật. Không lâu, bỗng nói rằng: “Đức Phật đến rồi.” Liền an nhiên thị tịch.

Đại sư Tịnh Quán

¹ Tức là làm lễ hỏa táng.

² Tức là trong khoảng từ năm 990 đến năm 994.

³ Tức là năm 1020.

Đại sư Tịnh Quán sống vào đời Tống, tu tập nơi am Tịch Quang ở Gia Hòa. Ngài tu tập hành trì sám pháp Tịnh Độ trải qua hơn mười năm. Một hôm, ngài gọi đệ tử bảo rằng: “Qua hai mươi bảy ngày nữa, ta sẽ đi.”

Hai ngày trước kỳ hạn ấy, Đại sư bỗng nhìn thấy hoa sen hồng hiện ra. Qua hôm sau lại thấy hoa sen vàng, hiện đầy khắp quanh phòng, mỗi đóa sen đều có một đồng tử hóa thân ngồi trên, có dải lụa đẹp thắt quanh lưng. Sang ngày tiếp theo vừa đúng kỳ hẹn, ngài đến trước bàn thờ Phật ngồi nghiêm trang, bảo đại chúng niệm Phật, trong giây lát liền thị tịch.

Sám chủ Từ Vân

Đại sư Tuân Thức được người đương thời tôn xưng là Từ Vân Sám chủ, sống vào đời Tống, quê ở Đài Châu, huyện Lâm Hải. Ngài học theo công hạnh người xưa, nổi danh khắp cả hai vùng Chiết Đông và Chiết Tây.

Đại sư chuyên tu pháp môn Tịnh độ, thường hành trì pháp Tam-muội Bát-chu, trải qua chín mươi ngày đêm không ngủ nghỉ,¹ da dưới hai bàn chân rách cả, lại liên tục nôn ra máu. Đến đêm, Đại sư nằm mộng thấy Bồ Tát Quán Thế Âm đưa tay chỉ vào miệng, lại dùng nước cam lộ rảy lên thân, liền cảm thấy thân tâm mát mẻ, bệnh tật đều tiêu mất.

Đại sư có soạn các sách Tịnh độ quyết nghi hạnh nguyện và Tịnh độ sám pháp, lưu hành khắp nơi.

Vào ngày Đại sư viên tịch, ngài dâng hương lễ Phật, phát nguyện vãng sinh Tây phương Cực Lạc, đến tối thì viên tịch. Nhiều người đều nhìn thấy một ngôi sao lớn rơi xuống ngọn núi Linh Thứu.

¹ Người tu tập pháp Tam-muội Bát-chu nếu thành tựu có thể nhìn thấy chư Phật hóa hiện ngay trước mắt. Khi thực hành chọn một chu kỳ là từ 7 đến 90 ngày, hành giả từ sáng đến tối ngoài giờ ăn thì liên tục đi kinh hành hoặc đứng nghiêm trang niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, lúc đi lúc đứng đều chuyên tâm niệm, không hề giải đãi.

Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản

Thiền sư Tông Bản sống vào đời Tống, quê ở huyện Vô Tích, Thường Châu. Buổi đầu ngài tham học với thiền sư Thiên Ý Nghĩa Hoài, khi niệm Phật có phần nhận hiểu tỉnh ngộ. Sau dời đến Tịnh Từ, rồi lại phụng chiếu đến Đông kinh, vào cung vua để giảng về yếu chỉ thiền học. Tuy vậy, thường ngày ngài vẫn âm thầm tu theo Tịnh độ.

Pháp sư Lô Phong có lần xuất thân đến được cõi Cực Lạc, nhìn thấy một đóa sen rất đẹp liền hỏi, có người đáp: “Hoa ấy đợi thiền sư Tông Bản sinh về.”

Lại có lần Tư Phúc Hy Công tìm đến lễ bái ngài rồi dâng cúng vàng, có người hỏi nguyên do, ông nói: “Tôi nhập định nhìn thấy một đóa hoa sen vàng, có người nói là đợi ngài Tông Bản vãng sinh. Lại thấy vô số những hoa sen khác, trong đó có những hoa bị héo úa, có người nói: Đó là những người đã thối tâm sa đọa. Nhân đó tôi liền hỏi: Ngài Tông Bản vốn tu theo Thiền tông, vì sao được nêu tên nơi Tịnh độ? Có người đáp rằng: Tuy ở trong Thiền tông nhưng ngài vẫn kiêm tu Tịnh độ.”

Về sau, đến thời điểm lâm chung, ngài an nhiên ngồi ngay ngắn thị tịch. Vua ban tên thụy là Viên Chiếu Thiền sư.

Đại sư Cửu Pháp Hoa

Đại sư Khả Cửu sống vào đời Tống, cư trú ở Minh Châu. Ngài thường tụng kinh Pháp Hoa, phát nguyện vãng sinh về Tịnh độ, nên người đời gọi ngài là Đại sư Cửu Pháp Hoa.

Vào niên hiệu Nguyên Hữu thứ 8,¹ Đại sư đã 81 tuổi, một hôm ngồi ngay ngắn thị tịch. Qua ba hôm sau bỗng sống lại, bảo mọi người rằng: “Ta đã thấy cảnh Tịnh độ, so với trong kinh mô tả đều phù hợp, trên mỗi đài sen đều có nêu tên người sẽ được

¹ Tức là năm 1093.

sinh về. Ta có thấy một đài sen vàng ghi tên Huân Công ở viện Quảng Giáo, phủ Thành Đô, lại có một đài ghi tên Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu, một đài nữa ghi tên Khả Cửu. Ngoài ra còn thấy một đài bạc ghi tên Từ Đạo Cô ở Minh Châu.” Nói xong liền thị tịch.

Năm năm sau, Từ Đạo Cô viên tịch, có hương thơm lạ lan tỏa khắp phòng.

Mười hai năm sau, Tôn Thập Nhị Lang qua đời, người ta nghe có tiếng nhạc trời nghênh đón, đều đúng như Đại sư đã báo trước.

Việc hoa sen nơi Cục Lạc sẵn đề tên, có người nghi hoặc cho là khó tin. Nhưng xét đến việc Đại sư ngỗ mà thị tịch, rồi sống lại mà nói trước việc của nhiều năm sau đều đúng thật, như thế lẽ nào chưa đủ để tin sao?

Đại sư Tiệt Lưu

Đại sư họ Tường, tên Hạnh Sách,¹ là con thứ tám của quan Tu Nông ở Nghi Hưng vào cuối đời Minh.

Cha ngài được tôn xưng là Tiên sinh Lộc Trường,² một hôm nằm mộng thấy Đại sư Hám Sơn³ đi thẳng vào phòng ngủ, bỗng dựng có người đến báo tin vợ ông là Dương phu nhân đã sinh con trai, sau này chính là Đại sư.

Năm ngài được 18 tuổi thì mất cha. Tang lễ vừa xong, ngài xin theo Hòa thượng Nhược Am xuất gia. Về sau, ngài nhận lời thỉnh của viện Phổ Nhân ở Ngũ Sơn, đến đó xiển dương pháp môn Tịnh độ. Ngài đặt ra thời khóa sáu thời niệm Phật mỗi ngày, đều đặn một vạn Phật hiệu, dù bận rộn đến đâu cũng

¹ Đại sư sinh năm 1626, viên tịch vào năm 1682.

² Tiên sinh Lộc Trường tức Tường Toàn Xương, là bậc lão nho ở Nghi Hưng, từng kết giao rất thân thiết với bốn vị đại sư nổi tiếng cuối đời Minh là Đại sư Hám Sơn, Đại sư Liên Trì, Đại sư Chân Khả và Đại sư Ngẫu Ích.

³ Đại sư Hám Sơn vừa viên tịch trước đó 3 năm.

không bỏ sót.

Đại sư có soạn một tập Liên Tạng, nội dung khuyên răn những người xuất gia.

Vào niên hiệu Khang Hy năm thứ 19,¹ ngày mồng 9 tháng 7, Đại sư không bệnh, an nhiên ngồi ngay ngắn thị tịch.²

Chuyện vãng sinh của ni giới

Ni sư Đại Minh

Ni sư Đại Minh sống vào đời Tùy, mỗi khi vào thất lễ bái niệm Phật thì trước hết thay y phục sạch sẽ, miệng ngậm trầm hương. Tùy Văn Đế về sau hết sức kính trọng Ni sư.

Vào ngày ni sư thị tịch, đại chúng đều cảm nhận mùi trầm hương tỏa lan khắp quanh phòng, trong chốc lát bỗng có ánh hào quang rực rỡ hiện thành từng vầng, lớp lớp như mây, hướng về phương Tây rồi mờ nhạt dần.

Ni sư Tịnh Chân

Ni sư Tịnh Chân sống vào đời Đường, trú ở chùa Tích Thiện, Trường An, đắp y bằng vải vụn, hằng ngày đi khát thực.

Ni sư tụng kinh Kim Cang đến mười vạn lượt, hằng ngày chuyên tâm niệm Phật. Một hôm, ni sư nói với đệ tử: “Trong vòng năm tháng ta đã được thấy Phật mười lần, lại có hai lần thấy đồng tử đùa vui trên hoa sen báu. Ta được vãng sinh vào hàng thượng phẩm.”

Ni sư vừa nói xong thì ngồi kiết già nghiêm trang thị tịch, ánh tường quang tỏa sáng cả phòng.

¹ Tức là năm 1680.

² Chúng tôi có lược bỏ 3 dòng nguyên tác Hán văn vì nội dung không còn thích hợp.

Ni sư Ngô Tánh

Ni sư Ngô Tánh sống vào đời Đường, ở Lô sơn tu pháp môn niệm Phật, kiên trì phát nguyện vãng sinh.

Một hôm, bỗng nghe trên không trung vang tiếng nhạc, ni sư bảo đệ tử quanh mình rằng: “Ta được vãng sinh vào hàng trung phẩm, nhìn thấy được những người cùng chí hướng tinh tấn niệm Phật đều có hoa sen đọi nơi Cực Lạc. Các con mỗi người đều phải tự nỗ lực.”

Nói xong liền thị tịch.

Ni sư Năng Phụng

Ni sư Năng Phụng sống vào đời Tống, quê ở Tiền Đường. Ni sư chuyên tu theo pháp môn Tịnh độ, đã từng nằm mộng thấy hào quang của Phật chiếu vào thân mình.

Đến khi ni sư nghe được tiếng lành giữa không trung, liền nói với đồ chúng: “Đã đến lúc ta vãng sinh rồi.”

Trong phút chốc, đồ chúng bỗng nghe tiếng niệm Phật của ni sư hết sức mạnh mẽ, nhìn lại thì đã thấy ngài ngồi yên chấp tay hướng về phương Tây mà thị tịch, hương thơm lạ tỏa lan khắp phòng, lại có tiếng nhạc xa dần về phương Tây rồi mất.

Ni sư Pháp Tạng

Ni sư Pháp Tạng sống vào đời Tống, ở Kim Lăng. Ni sư chuyên cần quyết chí niệm Phật, không quan tâm vương bận mọi việc bên ngoài.

Một đêm, ni sư nhìn thấy đức Phật A-di-đà và các vị Bồ Tát đến, ánh hào quang rực sáng vi diệu, liền chấp tay niệm Phật mà thị tịch.¹

¹ Chúng tôi lược bỏ hai dòng trong nguyên tác Hán văn vì nội dung không còn thích hợp.

Lời bàn

Đại sư Liên Trì nói rằng: “Khi đức Phật cho phép di mẫu xuất gia, có than rằng Chánh pháp do đây sẽ diệt mất sớm hơn. Ví như phụ nữ xuất gia tất cả đều được như năm vị nêu trên, thì Chánh pháp lại càng xương thịnh biết bao. Chỉ tiếc là việc đời không thể được như thế, nên lời báo trước của Phật quả thật không sai.”

Chuyện vãng sinh của vua quan

Vua Ô-trường¹

Vua Ô-trường, mỗi khi có được chút thời gian rảnh rỗi sau khi giải quyết muôn ngàn công việc của đất nước, rất thích học hỏi Phật pháp. Vua thường nói với các quan hầu cận rằng: “Trẫm tuy làm vua hưởng nhiều phước báu, được vui thích, nhưng cũng không thể tránh được vô thường. Được nghe rằng cõi nước Cực Lạc của đức Phật A-di-đà ở phương Tây là nơi yên nghỉ được, trẫm phát nguyện vãng sinh về cõi ấy.”

Do đó, vua kiên trì tu tập, ngày đêm sáu thời kinh hành niệm Phật. Mỗi lần trai tăng cúng dường, đích thân đức vua và hoàng hậu lo việc dâng thức ăn, trong suốt ba mươi năm chưa từng bỏ sót.

Khi vua sắp băng hà, sắc mặt tươi nhuận vui vẻ, mọi người đều nhìn thấy hóa Phật đến đón, cùng với rất nhiều điềm lành.

¹ Nguyên tác dùng Ô-trường (烏菴), là phiên âm từ Phạn ngữ Udyāna, cũng đọc là Úc-địa-dân-na. Ngài Huyền Trang trong Tây Vực Ký gọi nước này là Ô-trường-na. Đây là một quốc gia thời cổ đại thuộc miền bắc Ấn Độ, được biết đến đạo Phật từ rất sớm, nhưng về sau có khuynh hướng tu tập theo Tiểu thừa nhiều hơn. Đại sư Liên Hoa Sinh (Padmasambhava) là người nước này, đến truyền pháp tại Tây Tạng.

Ngụy Thái tử

Ngụy Thái tử đòi Tống, cùng với hai con trai và một con gái là quận chúa đều tu theo pháp môn Tịnh độ, chỉ riêng người vợ không chịu tu.

Quận chúa chết sớm, sau khi chết được bảy ngày bỗng nhiên sống lại, nói với người mẹ rằng: “Con nhìn thấy trong hồ bảy báu ở Tây phương có sẵn hoa sen đợi cha và hai anh, về sau sẽ vãng sinh lên đó. Chỉ có mẹ không thấy có hoa sen, nên con tạm quay lại báo cho mẹ biết, xin mẹ sớm phát tâm niệm Phật.” Vừa nói xong lại nhắm mắt qua đời.

Người mẹ nhân việc đó liền nhanh chóng phát khởi niềm tin, niệm Phật không mệt mỏi. Về sau, cả nhà họ đều lần lượt qua đời trong tư thế ngồi lặng an nhiên, khi lâm chung cũng đều có nhiều điềm lành.

Tham quân Lưu Di Dân

Đời Tấn có Lưu Di Dân, quê ở Bành Thành, vốn là hậu duệ của Sở Nguyên Vương. Di Dân mồ côi cha từ nhỏ, nuôi dưỡng mẹ nổi tiếng hiếu hạnh. Ban đầu nhận chức Phủ Tham quân, sau về ở ẩn. Hai người Tạ An, Lưu Dự cùng tiến cử nhưng ông không nhận lời, vào Lô sơn tham gia Bạch Liên xã của Đại sư Tuệ Viễn, chuyên tâm bền chí niệm Phật, trải qua thời gian rất lâu chưa từng biếng trễ.

Ông có lần đang nhập định bỗng thấy hào quang của Phật chiếu sáng mặt đất, biến thành sắc vàng. Ở trong núi được mười lăm năm, nhìn thấy đức Phật A-di-đà phóng hào quang từ khoảng giữa hai chân mày chiếu đến, rồi đưa tay vỗ về. Ông chấp tay thành khẩn nguyện: “Nguyện được Như Lai dùng tay xoa đầu con, lấy y che thân con.” Nguyện vừa dứt, đức Phật liền đưa tay xoa đầu, lấy y che thân ông.

Một đêm nọ, ông lại mộng thấy đức Phật A-di-đà có vầng hào quang tròn quanh đầu, nơi ngực có chữ vạn, đưa tay chỉ vào nước trong hồ có đủ tám công đức, bảo ông uống vào. Di Dân uống nước thấy vị ngon ngọt. Đến khi tỉnh giấc bỗng có mùi hương lạ tỏa ra từ các lỗ chân lông, ông liền nói với mọi người: “Duyên Tịnh độ đã đến.”

Ông liền thắp hương đối trước tượng Phật khẩn nguyện rằng: “Con nhờ nghe theo lời dạy của đức Phật Thích-ca, mới biết có Phật A-di-đà. Nay nguyện dâng hương này, trước cúng dường đức Phật Thích-ca, sau cúng dường đức Phật A-di-đà, cùng bản kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nguyện cho hết thảy hữu tình đều được sinh về Tịnh độ.” Khẩn nguyện xong liền chấp tay quay mặt về hướng Tây mà qua đời.

Huyện úy Mã Tử Vân

Mã Tử Vân sống vào đời Đường, được tiến cử vào hàng hiếu liêm,¹ nhận chức quan Huyện úy. Một lần ông mang tiền thu thuế của dân về Kinh đô giao nộp, gặp gió lớn chìm thuyền mất sạch, liền bị khép tội bắt giam.

Trong thời gian ở tù, ông chuyên tâm niệm Phật, trải qua 5 năm liền được ân xá, thả ra. Từ đó, ông vào chùa Nam Lăng Sơn ở ẩn, chuyên tâm tu tập.

Một hôm, ông không bệnh, bỗng nói với người chung quanh rằng: “Tôi một đời tinh tấn chuyên cần niệm Phật, nay tịnh nghiệp đã thành tựu, sắp vãng sinh về Cực Lạc.”

Hôm sau, ông tắm rửa, thay y phục sạch sẽ, ngồi ngay ngắn chấp tay niệm Phật. Bỗng có mùi hương thơm lạ tỏa lan khắp trong phòng, ông vui mừng nói: “Phật đến đón tôi rồi.” Vừa nói xong thì qua đời.

¹ Nguyên tác dùng 舉孝廉 (cử hiếu liêm). Hai chữ hiếu liêm cũng được dùng chỉ người thi đỗ tú tài, nhưng ở đây là “cử hiếu liêm” nên là người nhận được danh hiệu đó qua hình thức tiến cử. Đây là những người hiếu nghĩa, liêm khiết, gọi chung là hiếu liêm, sau khi được tiến cử sẽ bổ nhiệm vào các chức quan.

Quan trợ giáo Trương Dịch

Trương Dịch sống vào đời Tống, quê ở Tiền Đường. Ông làm quan Trợ giáo, thọ giới Bồ Tát với Luật sư Viên Tịnh. Ông tìm hiểu về pháp môn Tịnh độ rồi quyết chí tu tập, nguyện vãng sinh về Cực Lạc.

Mỗi thời khóa niệm Phật, ông đều gắng sức niệm thật rõ tiếng, niệm cho đến khi tắt tiếng mới thôi. Một hôm, ông nói với ngài Viên Tịnh: “Con nhập định nhìn thấy chim tần-già màu trắng, bay lượn ngay trước mắt.”

Ba năm sau, ông ngồi ngay ngắn quay mặt về hướng Tây, an nhiên niệm Phật mà qua đời.

Tiến sĩ Vương Long Thư

Vương Nhật Hưu sống vào đời Tống, người đất Long Thư. Ông là người ngay thẳng, giản dị mà thanh khiết, sức học thông bác kinh sử.

Một hôm, ông mang sách vở trong nhà vất bỏ hết, nói rằng: “Những thứ này đều là tập khí nghiệp căn, không phải pháp cứu cánh. Tôi từ nay quyết hướng về Tây phương Cực Lạc.”

Từ đó, ông tinh tấn niệm Phật. Năm ông 60 tuổi vẫn mặc áo vải thô, ăn uống sơ sài, mỗi ngày lạy Phật một ngàn lạy, đến giữa đêm mới ngả lưng nằm ngủ.

Ông có soạn bài văn Tịnh độ để khuyên người đời tu theo pháp môn niệm Phật.¹

Trước khi mất ba ngày, ông từ biệt tất cả bạn bè quen biết. Đến ngày ra đi, ông vẫn đọc sách như thường. Đọc sách xong, đến thời khóa lễ bái niệm Phật như hằng ngày, ông bỗng cất

¹ Tức là bài Long Thư Tịnh độ văn (龍舒淨土文) rất nổi tiếng. Người đời sau có thêm vào nội dung rồi lưu hành gọi là Long Thư tăng quảng Tịnh độ văn (龍舒增廣淨土文), hiện còn trong Đại Chánh tạng, thuộc Tập 47, kinh số 1970, bắt đầu từ trang 251, tờ a.

giọng niệm lớn tiếng “A-di-đà Phật” rồi nói: “Phật đến đón tôi.” Vừa nói xong thì vẫn đứng yên ngay ngắn mà tịch.¹

Quan Đại phu Cát Phôn

Cát Phôn sống vào đời Tống, quê ở Trùng Giang. Ông đỗ đạt từ lúc còn trẻ tuổi, làm quan đến chức Triều Tán Đại phu. Khi ông nhậm chức các nơi, dù ở nơi làm việc hay nhà riêng đều cho xây dựng một tịnh thất, an trí tượng Phật. Thường ngày ông đều vào thất ấy lễ bái, tụng kinh, niệm Phật. Có lần cảm ứng xá lợi từ trên không trung rơi xuống.

Bình sinh ông thường khuyên dạy người khác tu theo pháp môn Tịnh độ. Rất nhiều người nghe theo lời khuyên của ông mà phát tâm tu tập, có cả hàng xuất gia cũng như tại gia.

Về sau ông không có bệnh, ngồi an nhiên quay mặt về hướng Tây mà qua đời.²

Quan Đề hình Dương Vô Vi

Dương Kiệt sống vào đời Tống, quê ở châu Vô Vi nên lấy hiệu là Vô Vi tử.

Ông đỗ đạt từ khi còn trẻ, làm quan đến chức Thượng Thư Chủ khách lang, quản lý việc hình ngục ở cả hai tỉnh Chiết Đông và Chiết Tây.

Ông tôn sùng Phật pháp, sáng tỏ được lẽ thiên, nhưng thường cho rằng [khó thích hợp với] căn tánh tất cả chúng sinh, vì có kẻ nhanh lẹ sáng suốt, lại có người trì độn u mê, chỉ riêng pháp môn Tịnh độ là dễ hiểu dễ làm. Ông từng viết lời tựa cho các sách Thiên Thai thập nghi luận, Tịnh Độ quyết nghi tập, nội dung đều xiển dương pháp môn Tịnh độ.

¹ Chúng tôi có lược bỏ một dòng trong nguyên tác Hán văn vì nội dung không còn phù hợp.

² Chúng tôi có lược bỏ một dòng trong nguyên tác Hán văn vì nội dung không còn thích hợp.

Về già, ông vẽ tranh tượng đức Phật A-di-đà cao một trượng sáu thước, tùy duyên hạnh mà cúng dường. Khi lâm chung chiêm cảm Phật đến đón, ông ngồi yên an nhiên mà tịch.

Lộ công Văn Ngạn Bác

Văn Ngạn Bác sống vào đời Tống, tin sâu Tam bảo, chuyên tu pháp môn niệm Phật. Thời gian ông cư trú ở Kinh đô, có cùng với Pháp sư Tịnh Nghiêm lập hội niệm Phật, những người tham gia được sự giáo hóa lên đến cả vạn người. Đương thời, giới trí thức quan chức từng có bài kệ ngợi khen ông rằng:

*Lộ công hùng đảm sánh ngang trời,
Tây phương dẫn dắt mười vạn người;
Không chỉ riêng mình tìm lẽ sống,
Muôn kẻ nhờ ông thoát luân hồi.*

Ngày lâm chung, ông không bệnh, an nhiên niệm Phật mà đi.

Thiếu sư Chung Ly

Chung Ly Cẩn sống vào đời Tống, trong thời gian giữ chức Đề Hình ở Chiết Tây gặp được Sám chủ Từ Vân, nhờ đó phát khởi niềm tin sâu xa vào pháp môn Tịnh độ. Sau ông làm tri phủ Khai Phong, lo việc công hết sức tận tụy, nhưng khi về nhà không quên niệm Phật.

Một hôm, vào lúc giữa đêm ông bỗng gấp rút gọi người nhà đến, giúp ông tắm rửa, thay y phục. Sau đó, ông ngồi an nhiên niệm Phật mà tịch.

Người trong nhà tất cả đều nhìn thấy ông ngồi trên tòa hoa sen màu xanh, có nhạc trời nghênh đón đi về hướng Tây.

Quận thú Tiền Tượng Tổ

Tiền Tượng Tổ sống vào đời Tống, hiệu Chỉ Am. Trong thời gian làm Quận thú Kim Lăng, ngoài những lúc lo việc công, ông chuyên tâm niệm Phật không ngừng nghỉ. Tại Hương Châu ông từng xây dựng hơn mười nhà tiếp khách cho các am viện, đều lấy tên chung là Tịnh độ Cực Lạc.

Sau khi ông từ chức Tả Thừa tướng về quê, lại càng chuyên tâm niệm Phật nhiều hơn nữa. Vào tháng 2 niên hiệu Gia Định năm thứ tư,¹ ông có bệnh nhẹ, bảo người nhà mang giấy bút đến viết kệ để lại. Xong, ông ngồi kiết già mà tịch. Về sau có người nằm mộng thấy ông sinh về Tây phương thành Bồ Tát Từ Tế.

Quan Thị Lang Vương Mẫn Trọng

Vương Cổ sống vào đời Tống, tên tự là Mẫn Trọng, làm quan Lễ Bộ Thị Lang. Ông thương người yêu vật, gia đình đã bảy đời không phạm giới sát. Ông có sự khế hợp sâu xa yếu chỉ thiên tông, nhưng lại hướng tâm về Tịnh độ. Ông có trước tác sách Trục chỉ Tịnh độ quyết nghị tập, 3 quyển, rộng khuyên mọi người niệm Phật.

Ông chuyên tâm niệm Phật, dù khi đi đứng nằm ngồi đều lấy việc niệm Phật quán tưởng làm chỗ lưu tâm, trên tay không lúc nào rời râu chuỗi hạt.

Khi lâm chung, ông tắm rửa thay y phục sạch sẽ, ngồi an nhiên niệm Phật rồi tịch.²

¹ Tức là năm 1211.

² Chúng tôi có lược bỏ 1 dòng trong nguyên tác Hán văn vì nội dung không còn thích hợp.

Chuyện vãng sinh của hàng cư sĩ *Chu Tục Chi*

Chu Tục Chi sống vào đời Tấn, quê ở Nhạn Môn. Năm mười hai tuổi đã học thông cả Ngũ kinh, Ngũ vĩ,¹ xưng hiệu là Thập Kinh Đồng Tử. Các vị công khanh quan chức nhiều lần mời thỉnh nhưng ông đều không đến.

Ông thờ ngài Tuệ Viễn ở Lô Sơn làm thầy, tham gia vào Bạch Liên xã niệm Phật. Khi Văn Đế vừa lên ngôi, ban chiếu triệu ông vào cung đối đáp. Sau khi trò chuyện với ông, hoàng đế hết sức vui mừng. Người đời bấy giờ tôn xưng ông là Thông Ẩn Tiên sinh.

Về sau ông vào ở Chung Sơn, chuyên tâm niệm Phật, càng già càng thêm chuyên cần. Một hôm, ông bỗng nhìn lên không trung mà nói: “Phật đến đón ta.” Liền chấp hai tay cung kính rồi tịch.

Tống Mãn

Tống Mãn sống vào đời Tùy, quê ở Thường Châu. Ông niệm Phật bằng phương pháp đếm hạt đậu, được đến ba mươi thạch.²

Vào tháng 9 niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 8,³ sau khi lo việc trai tăng xong, ông ngồi an nhiên mà tịch. Mọi người đều nhìn thấy hoa trời, đồng thời có mùi hương thơm lạ lan tỏa.

Trịnh Mục Khanh

Trịnh Mục Khanh sống vào đời Đường, cả nhà đều tu pháp môn niệm Phật. Trong khoảng niên hiệu Khai Nguyên, ông bệnh nặng, có người khuyên nên ăn cá, ông cự tuyệt không chịu.

¹ Ngũ kinh: gồm Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ và Kinh Xuân Thu. Mỗi bộ sách này đều có một quyển sách phụ để giảng rộng nội dung, gọi là “vĩ”. Vì thế Ngũ kinh có kèm theo Ngũ vĩ.

² Thạch: đơn vị đo lường thời cổ, tương đương khoảng 100 lít. Số đậu 30 thạch này tương đương khoảng 3.000 lít.

³ Tức là năm 588.

Khi ấy, ông cầm lư hương nơi tay, phát nguyện vãng sinh, bỗng có mùi hương thơm lạ tỏa khắp, ông lặng lẽ an nhiên mà tịch.

Người cậu là thượng thư Tô Đĩnh, một hôm nằm mộng thấy hoa sen nở ra giữa hồ báu, có Mục Khanh ngồi trên hoa sen.

Nguyên Tử Tài

Nguyên Tử Tài sống vào đời Đường, trú ở chùa Quán Âm, Nhuận Châu. Ông thông hiểu kinh A-di-đà, tu pháp môn niệm Phật.

Một hôm ông có bệnh nhẹ, chợt nghe giữa không trung có tiếng nhạc, lại có mùi hương thơm lan tỏa, dường như có tiếng người nói: “Nhạc âm tiếng thô đã qua, nhạc âm tinh tế tiếp đến, ông sắp đi rồi.” Ông liền niệm Phật mà tịch, hương thơm lạ tỏa lan suốt mấy ngày chưa tan hết.

Tôn Lương

Tôn Lương sống vào đời Tống, quê ở Tiên Đường. Ông ẩn cư để đọc Kinh điển trong Đại tạng, hiểu sâu được yếu chỉ kinh Hoa Nghiêm.

Ông nương theo Luật sư Đại Trí thọ giới Bồ Tát, chuyên tâm niệm Phật mỗi ngày đến một vạn Phật hiệu, suốt hai mươi năm không ngừng.

Một hôm, ông bảo người nhà thỉnh chư tăng đến niệm Phật để trợ lực vãng sinh. Khi chư tăng đến đông đủ, niệm Phật chưa được bao lâu, ông bỗng hướng lên không trung chấp tay nói: “Đức Phật và Bồ Tát ngự tòa sen đến rồi.” Liền lui lại, ngồi xuống yên ổn rồi tịch.

Vương Điền

Vương Điền sống vào đời Tống, quê ở Tứ Minh, hiệu Vô Công Tẩu. Ông thông đạt hết thầy tông chỉ Thiền tông, giáo pháp Thiên Thai... Ông từng trước tác sách Tịnh độ tự tín lục.

Về già, ông chuyên tâm niệm Phật. Ngày lâm chung ngồi an nhiên hướng về phương Tây niệm Phật mà tịch, có mùi hương thơm lạ lan tỏa. Sau khi hỏa thiêu thu được 108 viên xá lợi nhỏ như hạt đậu.

Tôn Trung

Tôn Trung sống vào đời Tống, quê ở Tứ Minh. Ông sớm hâm mộ pháp môn niệm Phật cầu vãng sinh Tây phương, dụng am niệm Phật.

Về sau ông nhân lúc có bệnh, thỉnh một trăm vị tăng đến niệm Phật. Ngay trong lúc niệm Phật, ông bỗng hướng lên không trung chấp tay, vẻ mặt hoan hỷ, an nhiên mà tịch.

Người trong thành lúc đó đều nghe có tiếng nhạc trời, có mùi hương lạ, dần dần hướng về phương Tây rồi mất.

Ông có hai người con cũng chuyên tâm niệm Phật, về sau đều lần lượt ngồi an nhiên mà tịch.

Thẩm Thuyên

Thẩm Thuyên sống vào đời Tống, nhà ở Tiên Đường, cùng người vợ họ Thi chuyên tâm tu tập pháp môn Tịnh độ. Hằng ngày làm được việc thiện nào, đều hồi hướng về Tây phương Cực Lạc.

Về sau, vợ chồng ông lần lượt vãng sinh, đều cảm được hóa Phật hiện đến nghênh đón, có tiếng nhạc trời vang vọng.

Đường Thế Lương

Đường Thế Lương sống vào đời Tống, người huyện Cối Kê. Ông một lòng trì giới, niệm Phật, tụng kinh A-di-đà đến mười vạn lượt.

Một hôm, ông không bệnh, bỗng nói: “Phật đến đón tôi.” Nói rồi lễ bái, vừa xong liền qua đời.

Cùng lúc ấy có người ở núi Đạo Vị, bỗng mộng thấy phía Tây có ánh hào quang lạ, cờ phướn, hương hoa, nhạc trời vang vọng, lại nghe có tiếng nói giữa không trung rằng: “Đường Thế Lương đã vãng sinh về Cực Lạc.”

Lục Tuấn

Lục Tuấn sống vào đời Tống, quê ở Tiền Đường. Lúc còn trẻ tuổi làm việc trong công môn, một thời gian lâu sau bỏ việc quay về chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Mỗi khi đối trước tượng Phật sám hối, thường rơi nước mắt đầm đìa trên hai má.

Ngày lâm chung, ông thỉnh Luật sư Viên Tịnh đến khai thị về Tây phương Cực Lạc, tụng Quán kinh¹ vừa đến Phẩm Thượng, ngài Viên Tịnh nói: “Có thể đi được rồi.” Lục Tuấn nói: “Thánh chúng chưa đông đủ, xin đợi thêm một chút.” Chẳng bao lâu, ông bỗng đứng dậy đi đến chỗ chiếc giường tre, ngồi xuống ngay ngắn quay mặt về hướng Tây rồi tịch.

Ngô Tử Chương

Ngô Tử Chương sống vào đời Nguyên, quê ở Tô Châu, gia đình nhiều đời làm nghề thầy thuốc. Ông và người anh là Tử Tài cùng theo học Hòa thượng Vân Ốc, chuyên cần tinh tấn niệm Phật, cả nhà đều kính phụng theo Phật pháp.

¹ Túc Thập lục quán kinh, hay kinh Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật (佛說觀無量壽佛經), 1 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng, thuộc Tập 12, kinh số 365. Kinh này thường được gọi là kinh Thập lục quán vì trong kinh chỉ bày 16 phép quán tưởng

Trong khoảng niên hiệu Chí Chính,¹ ông không bệnh, chấp tay cung kính niệm danh hiệu Phật rồi an nhiên mà tịch.

Liên Hoa Thái Công

Ông sống vào đời Minh, người đất Việt, suốt đời sống chân chất, mộc mạc, ngày đêm kiên trì niệm Phật không ngừng.

Sau khi ông mất, trên nắp quan tài bỗng hóa sinh một cảnh hoa sen. Thân quyến cùng dân làng đều hết sức kinh ngạc xung tán, do đó biết chắc rằng ông đã được vãng sinh.

Cư sĩ họ Hoa

Cư sĩ họ Hoa sống vào đời Minh, quê ở Giang Can. Ông là người thuần hậu, chất phác, không hề biết đến sự dối lừa. Suốt đời chỉ chuyên tâm cầu được vãng sinh Tây phương Cực Lạc.

Vào độ tuổi trung niên, ông giao hết việc nhà cho con, lập thất sống riêng một mình, không còn liên hệ đến việc đời, chỉ chuyên tâm sáng tối tinh cần niệm Phật. Khi sắp lâm chung, ông tự biết trước ngày giờ, thay y phục nghiêm trang, từ biệt mọi người rồi an nhiên mà tịch.

Cư sĩ họ Ngô

Ngô Mao sống vào đời Thanh, là gia nhân của Ngô Lục Phòng ở huyện Thanh Dương. Ông là người trì giới, thường làm việc thiện, chuyên tâm niệm Phật không ngừng.

Vào năm đầu niên hiệu Thuận Trị,² gặp lúc quân họ Tả vượt sông,³ cả nhà Ngô Lục Phòng đều đưa nhau chạy lánh nạn, chỉ để một mình Ngô Mao ở lại giữ nhà thay chủ. Khi quân giặc vào làng, ông bị đâm bảy nhát giáo mà chết. Một lát sau có người

¹ Niên hiệu Chí Chính đời Nguyên Huệ Tông, kéo dài từ năm 1341 đến năm 1370.

² Tức là năm 1644.

³ Tức là đạo binh của Tả Lương Ngọc khi ấy vượt sông Trong Giang.

em của ông vừa đến, ông chợt tỉnh lại nói với em rằng: “Anh có nghiệp ác đời trước, lẽ ra phải đọa làm thân lợn qua bảy kiếp, nhưng nhờ công đức trì trai, giữ giới, nên chịu bảy nhất giáo này để giải trừ oan nghiệp trước kia, từ đây được sinh thẳng về Tây phương Cực Lạc.”

Về sau, người chủ cũ của ông là Ngô Lục Phòng có lần tình cờ nhìn thấy trên không một vị thần, cờ phướn trước sau hết sức tôn nghiêm, bảo Ngô Lục Phòng rằng: “Tôi là Ngô Mao ngày trước, hôm nay có việc đến cõi trời, đi ngang qua đây.” Nói xong không nhìn thấy nữa. Ngô Lục Phòng liền vẽ lại hình tượng Ngô Mao để kính lễ.

Chu Ích Sinh

Chu Ích Sinh là con nhà thế tộc ở Côn Sơn, nhà ở sau Thị Kiều, làm nghề thầy thuốc, đối với những người nghèo khó ông không hề tính toán chuyện tiền bạc, mỗi khi có bệnh gọi đến là đi ngay.

Suốt ngày ông chuyên tâm niệm Phật không ngừng, hết lòng cầu sinh Tây phương Cực Lạc. Vào năm Ất Ty thuộc niên hiệu Khang Hy,¹ tuổi gần đến bảy mươi, bỗng nói với mọi người rằng sắp qua đời, gọi gia nhân bảo: “Mang giấy bút đến đây, ta muốn viết kệ rồi đi.” Viết xong bài kệ liền hân hoan niệm Phật mà đi.

Trần Thừa Tiên

Trần Thừa Tiên người Côn Sơn, sống ở phường Tuyên Hóa, làm nghề thợ mộc. Năm được hơn 70 tuổi, ông ăn chay niệm Phật, chuyên tâm tu tập Tịnh độ, tuy lúc làm việc tay không rời búa rìu nhưng miệng vẫn luôn niệm Phật không dứt.

¹ Tức là năm 1665, niên hiệu Khang Hy năm thứ tư.

Vào tháng 3 thuộc niên hiệu Khang Hy năm thứ 10,¹ ông tự biết ngày giờ, nên trước khi lâm chung ba ngày đã từ biệt tất cả bạn bè, thân tộc, nói rằng: “Tôi sắp vãng sinh Tây phương, từ đây không còn gặp nhau nữa.” Lại nói với các con: “Ngày mai là ngày rằm, cha sẽ vãng sinh.” Sáng sớm, ông tắm rửa thay y phục, ngồi ngay ngắn quay mặt về hướng Tây, đặt một cái án nhỏ phía trước mặt để tựa vào đó mà niệm Phật. Sau đó đốt hương trầm rồi ngồi kết già mà tịch.

Vương Mạnh Lân và Trinh Sinh

Vương Mạnh Lân là dòng dõi nho gia ở Côn Sơn, một đời dạy học, tính tình chân chất không dối trá. Ông sinh được một con trai hiệu là Tương Thần, thờ cha mẹ hết sức hiếu thuận. Vương Mạnh Lân suốt ngày chỉ lo niệm Phật, không vướng bận việc khác.

Đầu mùa đông thuộc niên hiệu Khang Hy năm thứ 41,² ông đã hơn 70 tuổi, có chút bệnh nhẹ. Đầu tháng 11, tôi đến vấn an,³ Vương Mạnh Lân nói: “Người thế gian vẫn lấy ngày 17 tháng này làm ngày đản sanh của đức Phật A-di-đà. Tôi sẽ đi vào ngày đó.” Tôi liền nói: “Vậy tôi sẽ đến đúng ngày để tiễn tiên sinh.”

Đúng ngày 17, sáng sớm tôi lại đến vấn an. Ông tuy bệnh nằm nhưng thần sắc lộ vẻ hoan hỷ, an nhiên. Tôi nói: “Tiên sinh nên phát tâm Bồ-đề. Trong kinh dạy rằng: ‘Người tu hành không phát tâm Bồ-đề cũng giống như cày ruộng mà không gieo giống.’” Nhân đó tôi lại đem nội dung Tứ hoàng thệ nguyện ra cùng ông bàn luận hết sức chi ly. Ông tỏ vẻ rất hài lòng. Tôi liền nói: “Giờ xin tạm biệt, lát nữa sẽ quay lại.” Tôi ngầm dặn dò con trai ông là Tương Thần rằng: “Khi cha con dứt bỏ trần duyên, trong nhà không được kêu gào khóc lóc.”

¹ Tức là năm 1671.

² Tức là năm 1702.

³ Tiên sinh Chu An Sy tự thân chúng kiến kể lại chuyện này.

Khoảng sau giờ cơm trưa, tôi trở lại thì Vương Mạnh Lân đã niệm Phật mà đi rồi.

Trong thân tộc của Vương Mạnh Lân có Trinh Sinh cũng là bà con bên nội của tôi. Cha Trinh Sinh là bậc tài đức, thuộc hàng thiện hữu ở trường học Côn Sơn, hết sức tôn sùng kính phụng Tam bảo. Trinh Sinh tuổi trẻ đẹp trai, có tài viết chữ, nhưng nhiều tập khí xấu, không tin Tam bảo. Ngày kia đột nhiên ngã bệnh, bỗng thấy một con quỷ đen cao to, trong ý cho đó là kẻ oán cừu đòi trước. Trinh Sinh hết sức kinh sợ, khi ấy mới dừng mãi niệm Phật, cầu vãng sinh Tây phương. Mỗi lúc tiếng niệm Phật hơi buông lơ thì hình quỷ lại hiện ra, nên lại cố gắng hơn nữa. Đến lúc lâm chung thì khí cùng lực kiệt, tiếng niệm Phật càng lúc càng nhỏ yếu, có vẻ như mất dần về hướng tây. Theo lý mà suy thì tuy không có nhạc trời hay hương thơm lạ hiển hiện, nhưng nhất định đã được vãng sinh Cực Lạc.

Tô Kỳ Sơn

Tô Kỳ Sơn là người Côn Sơn, tên thật là Khởi Phụng, thời còn trẻ hướng theo thiên tông, đi tham học với các bậc thiện tri thức khắp nơi, cũng đã có chỗ ngộ nhập lẽ thiên. Ông suốt một đời giữ giới không giết hại, cho dù trùng kiến cũng không làm tổn thương.

Về già, ông hết lòng chuyên tu Tịnh độ, trong lúc đi đứng nằm ngồi vẫn luôn duy trì câu niệm Phật, không hề gián đoạn. Vào năm Kỷ Mão thuộc niên hiệu Khang Hy,¹ ông được 80 tuổi, gặp lúc trời quá lạnh, ông quấn chăn mà ngồi niệm Phật. Khoảng trưa ngày 26 tháng 11, ông bảo người cháu nội là Điền Phương rằng: “Nhân duyên Tịnh độ đã thuận thực nên từ ba ngày trước ta đã thấy Phật hiện đến, nhưng ta không muốn nói cho con biết mà thôi. Đêm nay, vào giờ tý ta sẽ vãng sinh.”

¹ Tức là năm 1699.

Nói rồi trở dậy thay y phục, đốt đèn thắp hương, ngồi ngay ngắn hướng về phía Tây, bảo người nhà cùng niệm Phật để trợ lực vãng sinh. Vừa sắp đến canh ba thì nghe tiếng niệm Phật của ông nhỏ dần, rồi lặng lẽ qua đời.

Ngô Kính Sơn

Ngô Kính Sơn là người cùng làng với Tô Kỳ Sơn, lại đồng tu trong nhóm niệm Phật. Năm ông hơn 70 tuổi mới phát tâm tham học Phật pháp. [Cháu nội Tô Kỳ Sơn là] Tô Điền Phương, thuộc hàng thiện hữu tri thức, thấy ông tuổi hạc đã cao nên khuyên ông chuyên tu Tịnh độ cầu vãng sinh Tây phương, có thể thành tựu ngay trong đời này. Ngô Kính Sơn tin theo, ngày đêm niệm Phật không biếng trễ.

Chưa được một năm sau, có người thân của Ngô Kính Sơn tìm đến chỗ Tô Điền Phương thưa rằng: “Sáng sớm hôm nay, Kính Sơn nhìn thấy Hộ Pháp hiện ra tiếp dẫn vãng sinh. Giờ phút cuối cùng ngồi an nhiên mà tịch, có đặc biệt dặn lại tôi đến tạ ơn ông đã khuyên niệm Phật.”

Vương Quân Vinh

Vương Quân Vinh là người Thái Thương, Côn Sơn, từ nhỏ đã trì giới tu học, chỗ thấy biết trong Phật pháp thật siêu phàm trắc tuyệt. Về sau, ông tu theo pháp môn Tịnh độ, mỗi ngày niệm Phật hiệu đủ vạn lần, bất kể thời tiết nóng bức hay rét lạnh cũng không gián đoạn.

Niên hiệu Khang Hy năm thứ 56,¹ vào ngày 2 tháng 8, ông tự biết trước thời điểm lâm chung nên cho thỉnh Trưởng lão Kiên Hạnh ở am Tịnh Danh đến, muốn được ngài khai thị và chứng minh. Vừa đúng giữa trưa, thầy Kiên Hạnh nói: “Sao không để ngày mai đi?” Quân Vinh đáp: “Con đã quyết định đi hôm nay

¹ Tức là năm 1717.

rồi.” Liên bảo mang giấy bút đến, viết kê để lại, rồi bảo con gái chuẩn bị quan tài. Mọi việc đã xong, liền cung kính chấp tay niệm Phật mà đi.

Người con gái bế di thể ông đưa vào quan tài, nhưng không sao nhắc lên nổi, liền khẩn nguyện thầm thì tự nhiên nhắc lên thật nhẹ nhàng. Năm ấy ông được 81 tuổi.

Chuyện vãng sinh của những người trẻ tuổi

Hai vị sa-di

Đời Tùy có hai vị sa-di ở Văn Châu, cùng tu pháp môn niệm Phật. Một hôm, vị lớn tuổi hơn bỗng đột ngột qua đời, thấy mình đến Tịnh độ được gặp Phật, liền bạch rằng: “Có một sa-di nhỏ tuổi hơn cùng tu với con, liệu người ấy có được vãng sinh không?” Đức Phật dạy: “Chính sa-di ấy đã khuyên ông, nên ông mới phát tâm tu tập niệm Phật. Nay ông có thể quay lại Ta-bà, nỗ lực tu tập nhiều hơn nữa, ba năm sau hai người sẽ cùng vãng sinh về đây.”

[Vị sa-di lớn tuổi hơn sau đó sống lại, hai người tiếp tục tinh cần tu tập.] Đến kỳ hạn ba năm sau, cả hai người đều nhìn thấy đức Phật hiện đến, cõi đất khi ấy chấn động, có hoa trời rơi xuống bay lượn, hai vị sa-di cùng lúc viên tịch vãng sinh.

Đồng tử muốn vãng sinh

Đại sư Duy Ngạn sống vào đời Đường, tu Sát pháp Tịnh độ, chuyên cần tinh tấn không chán mệt. Một hôm, Đại sư nhìn thấy hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cùng hiện ra giữa không trung. Đại sư vui mừng quá, ý muốn tìm họa sĩ để vẽ lại cảnh ấy. Bỗng có hai người đến nói là có thể vẽ được, nhận vẽ. Vẽ xong, cả hai đều biến mất. Đại sư liền bảo các đệ tử rằng:

“Hôm nay ta vãng sinh, có ai muốn đi cùng ta không?”

Trong chúng có một đồng tử muốn được vãng sinh theo, Đại sư liền bảo về nhà từ biệt cha mẹ. Cha mẹ cho là lời nói đùa, không tin. lát sau, đồng tử ấy tắm rửa thay đồ, ngồi ngay ngắn niệm Phật vãng sinh trước. Đại sư nhân đó gọi người mang giấy bút đến, làm một bài kệ khen ngợi. Viết kệ xong, Đại sư cũng an nhiên ngồi mà thị tịch.

Sư Tán

Sư Tán sống vào đời Tống, quê ở Ung Châu, xuất gia từ thuở nhỏ. Năm 14 tuổi, tu tập niệm Phật không dứt tiếng. Bỗng mắc bệnh chết đột ngột, trong giây lát sống lại, nói với thầy và cha mẹ: “Đức Phật A-di-đà đang ở đây, con sẽ đi theo ngài.”

Khi ấy, người trong xóm đều thấy giữa không trung hóa hiện đài sen báu, hào quang năm sắc lạ thường, hiện ra rồi mờ dần về hướng Tây.

Hà Đàm Tích

Hà Đàm Tích sống vào đời Nguyên, năm 18 tuổi thọ trì giới Bồ Tát, suốt ngày chuyên tâm niệm Phật. Một hôm, vừa trống canh tư đã thức dậy, người nhà bảo còn sớm quá, Đàm Tích nói: “Tôi nhìn thấy Phật và Bồ Tát giữa hư không, có cờ phướn tràng hoa đến đón.” Nói rồi ngồi lặng an nhiên mà đi.

Người họ Ngô¹

Người họ Ngô này quê ở Chiết Giang, cha và ông nội đều đã đỗ tú tài. Vào năm đầu niên hiệu Thuận Trị,² quân binh vây

¹ Ghi chép về người này không rõ tên nên chỉ dùng chữ “mô” (某). Sách Tịnh độ Thánh Hiền lục tục biên (淨土聖賢錄續編 – Vạn tân toàn tục tạng kinh, Tập 78, kinh số 1550) cũng có chép câu chuyện này và gọi là Ngô sinh (吳生). Chữ sinh cũng có thể chỉ là một danh từ phẩm chỉ chung chung, không phải tên riêng. Vì thế chỉ có thể xác định ông này là họ Ngô mà không biết tên gì.

² Tức là năm 1644.

đánh thành, cha mẹ ông đều thất lạc. Họ Ngô bị quân lính bắt, đưa vào phục dịch cho quan binh trong quân đội, năm ấy vừa được 13 tuổi. Họ Ngô tự than rằng, ta vốn con nhà học thức, nay phải làm việc phục dịch hèn hạ đến thế này, hẳn phải là do nghiệp xấu đời trước. Nghĩ vậy rồi liền phát lời thệ nguyện trước bàn Phật, từ đó ăn chay niệm Phật, mỗi ngày tụng kinh Kim Cang một biến, hồi hướng cầu vãng sinh Tây phương.

Năm 16 tuổi, quan phụ trách phát tiền lương lao dịch, ông liền dùng tiền ấy mua hương cúng Phật rồi quỳ niệm thánh hiệu A-di-đà. Đến ngày 22 tháng 10 năm Đinh Dậu,¹ ông bỗng nhiên đến báo với quan phụ trách rằng mình sắp vãng sinh Tây phương. Quan không tin, quát mắng cho là nói lời yêu my.

Ngày hôm sau, ông lại đến trước quan Đề đốc cũng nói như vậy. Đề đốc tức giận, ra lệnh giải đến chỗ quan phụ trách, phạt đánh 15 gậy, ông tuyệt nhiên không chút oán hận. Sau đó ông đi đến từng doanh trại, từ biệt tất cả mọi người, nói rằng ngày mồng 1 tháng 11 sẽ vãng sinh.

Đến ngày, vào khoảng canh năm ông đã thức dậy, tắm rửa sạch sẽ, thắp hương lễ Phật xong vẫn đến thuyền quan phụ trách để từ biệt. Quan nổi giận, sai quân lính đi theo ông, đến nơi thấy ông Ngô quay về hướng Tây lay ba lay, rồi ngồi ngay ngắn đọc kệ. Đọc kệ xong, liền tự phun lửa Tam-muội đốt thân mình. Quan quân từ xa nhìn thấy đều khởi tâm cung kính lễ bái. Viên quan phụ trách sau đó liền đóng cửa ăn chay giữ giới. Quan có làm bài kệ ngợi khen ông Ngô rằng:

Thân mang giáp sắt,

Chân đạp tòa sen.

Xin khắp tướng sĩ,

Mỗi người một roi.²

¹ Tức là năm 1657.

² Bài kệ này không chỉ khen ông Ngô, mà có vẻ như vị quan viết ra hàm ý tự trách mình trước đây bắt

Chuyện vãng sinh của phụ nữ

Hoàng hậu Tùy Văn Đế

Hoàng hậu của Tùy Văn Đế, họ Độc Cô, tuy ở vương cung nhưng chán lia thân nữ, thường niệm Phật A-di-đà, cầu vãng sinh Tịnh độ.

Vào ngày Giáp Tý tháng 8,¹ hoàng hậu qua đời, hương thơm lạ tỏa lan đầy trong cung, tất cả nhạc khí tự nhiên phát âm vang rền khắp nơi. Hoàng đế hỏi Xà-đề-tu-na vì sao có điềm lành ấy. Ông đáp: “Hoàng hậu chuyên tu Tịnh độ, được vãng sinh nước Phật nên có điềm lành ấy.”

Người vợ Ôn Tĩnh Văn

Ôn Tĩnh Văn sống vào đời Đường, vợ ông người Tịnh Châu, mắc bệnh nằm liệt giường rất lâu. Ôn Tĩnh Văn khuyên bà niệm Phật, bà tin theo liền chuyên tâm niệm Phật suốt một năm.

Một hôm, bà bỗng nhiên nhìn thấy thánh cảnh Tịnh độ, liền nói với Ôn Tĩnh Văn: “Tôi đã được thấy Phật, tháng sau sẽ đi.” Bà cũng từ biệt, dặn lại cha mẹ, [khuyến họ niệm Phật để] cùng được sinh về Tây phương Cực Lạc. Đúng ngày, bà an lành ra đi.

Bà họ Lý

Bà họ Lý ở Hồ Môn sống vào đời Tống, người Thượng Ngu. Sau khi chịu tang chồng, bà chuyên tâm sớm hôm niệm Phật và tụng kinh A-di-đà, kiên trì đến hơn mười năm.

kính với bậc chân tu. Nhưng sách Tịnh độ Thánh Hiền lục tục biên (淨土聖賢錄續編) lại không có bài kệ này, mà chép bài kệ ông Ngô đọc trước khi vãng sinh, theo chúng tôi thì có nội dung thích hợp hơn. Và dường như một trong hai bài kệ này đã bị chép nhầm thành bài kia, bởi các chi tiết trong kệ rất giống nhau. Bài kệ trước lúc vãng sinh của ông Ngô như sau: 身在營中心出家。身披鎧甲是袈裟。刀刀親見彌陀佛。箭箭射著白蓮華。(Thân tại doanh trung tâm xuất gia, thân phi khải giáp thị cà-sa. Đao đao thân kiến Di-đà Phật, tiễn tiễn xạ trước bạch liên hoa.) Tạm dịch: Thân trong quân ngũ, tâm xuất gia, thân mặc áo giáp, ấy cà-sa. Tên bản hóa thành hoa sen trắng, vung đao luôn thấy Phật Di-đà.

¹ An Sĩ toàn thư không nói rõ, nhưng theo các tư liệu khác thì bấy giờ là năm 602.

Một hôm, bà gặp một vị tăng che lọng đỏ, nói: “Giờ tỵ, ngày rằm sắp tới bà sẽ vãng sinh.” Bà Lý thưa hỏi thầy là ai, vị tăng đáp: “Cô thường niệm danh hiệu ta đó.”

Bà họ Lý từ biệt hết mọi người thân, đúng ngày giờ liền ngồi ngay ngắn, an nhiên qua đời. Mọi người chung quanh đều nhìn thấy ánh hào quang rất lạ, tỏa sáng đến chói mắt. Sau bảy ngày mang đi hỏa thiêu, lúc ấy sáu căn vẫn còn nguyên vẹn. Sau khi hỏa thiêu, nhìn thấy xá-lợi nhiều không đếm hết. Sau đó một ngày, nơi thiêu xác bỗng mọc lên một cây hoa, hình dạng giống hoa anh túc trắng.

Bà họ Trịnh

Bà họ Trịnh sống vào đời Tống, quê ở Tiền Đường, hằng ngày tụng kinh Phổ Môn, thường niệm Phật không thôi.

Về sau, bà có bệnh, bảo người nhà tắm rửa. Tắm xong, ngồi quay mặt về hướng Tây, hỏi người nhà: “Các người có nghe tiếng khánh không? Phật và Bồ-tát sắp đến.” Giây lát lại vui mừng nói: “Phật và Bồ-tát đều đã đến rồi.” Nói xong liền chấp tay cung kính rồi qua đời.

Phu nhân họ Vương

Kinh Vương đời Tống, có người phu nhân họ Vương, chuyên tâm tu Tịnh độ, sớm tối hết sức tinh cần. Những người theo hầu đều noi gương tu tập, chỉ duy nhất một người thiếp thường giải đãi, lười nhác. Phu nhân quả trách, cô ấy liền tỉnh ngộ tu tập tinh tấn.

Sau, người thiếp ấy bỗng không bệnh mà chết, báo mộng cho một người thiếp khác rằng: “Nhờ phu nhân dạy bảo, nay tôi đã được sinh về Cực Lạc.” Phu nhân nghe chuyện vẫn chưa tin. Không bao lâu, phu nhân cũng nằm mộng thấy cùng với người thiếp kia dạo chơi bên ao báu, nhìn thấy một hoa sen có áo trời

tung bay, ghi tên Dương Kiệt; một hoa khác có dáng người mặc triều phục đang ngồi trên, ghi tên Mã Vu. Lại thấy một đài sen vàng có ánh hào quang chiếu sáng rực rỡ, người thiếp kia chỉ tay vào đó nói: “Đây là chỗ phu nhân sẽ sinh về.”

Sau khi tỉnh mộng, Vương phu nhân càng thêm tinh tấn tu tập. Đến năm 81 tuổi, vào buổi sáng ngày sinh nhật, người chung quanh vừa định dâng lễ nghi mừng thọ thì phu nhân tay cầm hương đèn hướng về trước tượng Bồ Tát Quán Âm, đứng ngay ngắn mà tịch.

Bà Nghi nhân họ Lục

Bà Nghi nhân¹ họ Lục sống vào đời Tống, là vợ quan Triều thỉnh² Vương Dư. Bà thường tụng kinh Pháp Hoa, hết lòng hướng về pháp môn Tịnh độ, mỗi lần lễ sám đều niệm danh hiệu Phật đến cả vạn lần, kiên trì như vậy suốt ba mươi năm.

Một hôm, bỗng nghe có tiếng trống trời tự kêu, người chung quanh đều cảm thấy kinh ngạc dị thường, thì ngay lúc ấy bà liền ngồi ngay ngắn quay mặt về hướng Tây, hai tay kết ấn, an nhiên mà tịch.

Bà họ Cung

Bà họ Cung sống vào đời Tống, người Tiền Đường, ngày đêm chuyên tâm niệm Phật và tụng kinh A-di-đà.

Về sau bà có bệnh, thỉnh ngài Luật sư Hanh đến thuyết dạy. Mọi việc còn sắp xếp chưa xong thì bà đã ngồi ngay ngắn, an nhiên mà tịch.

Có người thiếp già nhìn thấy như vậy, cũng chuyên tâm

¹ Nghi nhân: một danh hiệu được triều đình ban tặng cho người phụ nữ có con hoặc chồng có công với triều đình.

² Triều thỉnh hay Phụng triều thỉnh là một chức vụ mang tính nghi lễ, thường được phong tặng cho các nhà quý tộc hoặc bà con xa với nhà vua đương quyền. Những người này được quyền định kỳ tham gia các buổi thiết triều nhưng không có quyền hạn, trách nhiệm cụ thể nào trong việc triều chính.

niệm Phật không thôi. Một hôm, bỗng mộng thấy bà họ Cung nói rằng: “Tôi đã sinh về Tịnh độ, trong bảy ngày nữa bà cũng được vãng sinh.”

Đúng ngày ấy, quả nhiên người thiếp già không bệnh mà an ổn qua đời.

Bà họ Hạng

Bà họ Hạng sống vào đời Tống, tên là Diệu Trí. Chồng chết, bà thủ tiết nuôi hai con gái, về sau đều xuất gia.

Bà chuyên cần tinh tấn niệm Phật. Lúc lâm chung có mùi hương thơm lạ tỏa khắp nhà, bà quay mặt về hướng Tây, tay kết ấn, mỉm cười mà tịch.

Bà họ Bùi

Bà họ Bùi sống vào đời Tống, ở Phần Dương, chuyên tâm bền chí niệm Phật, dù thời tiết thay đổi nóng bức hay rét lạnh cũng không gián đoạn. Khi lâm chung, gọi người nhà mang lửa đến thắp hương rồi nói: “Phật mang đài sen đến đón, tôi sắp vãng sinh.” Vừa dứt lời bỗng thấy hoa trời rơi xuống bay bay, bà ngồi ngay ngắn, an ổn mà qua đời.

Bà họ Trầm

Bà họ Trầm sống vào đời Tống, từ thuở nhỏ đã ăn chay niệm Phật. Sau lập gia đình, về làm dâu ở nhà họ Chương, thường cứu giúp những người đói thiếu.

Về sau, bà có bệnh nhẹ, càng tinh tấn nỗ lực niệm Phật. Một hôm bà nhìn thấy chư vị Bồ Tát, chư thiên cùng thánh chúng hiện ra trước mắt, liền ngay trong ngày đó an lành mà đi.

Bà họ Tôn

Bà họ Tôn sống vào đời Tống, người ở Tứ Minh, góa chồng. Bà chuyên tâm kiên trì niệm Phật đến 30 năm không hề biếng trễ.

Về sau, bà có bệnh nhẹ, mộng thấy mình cùng lễ sám với tám vị tăng. Tỉnh dậy liền tắm rửa, thay y phục, thỉnh tăng đến lễ sám. Bà ngồi ngay ngắn tụng kinh trước đại chúng, cho đến lúc nhất tâm bất loạn, tay trái kết ấn mà ra đi. Lúc ấy, người xa kẻ gần đều nghe rõ có tiếng nhạc trong không trung.

Bà họ Lâu

Bà họ Lâu sống vào đời Tống, tính tình điềm đạm, có trí tuệ, lập gia đình với Tự Bạc Chu Nguyên Khanh. Bà đã từng nghiên ngẫm sách Truyền đăng lục, có chỗ nhận hiểu tỏ ngộ. Từ đó lại càng hướng về pháp môn Tịnh độ, chuyên tâm niệm Phật không ngừng nghỉ.

Về già, bà có bệnh, bỗng nhìn thấy hoa sen màu đỏ tía cùng vô số các vị hóa Phật. Khi ấy có mùi hương thơm lạ tỏa lan khắp nhà. Bà liền bảo người nhà hãy mau mau cùng niệm Phật giúp bà. Chỉ phút chốc sau liền ngồi ngay ngắn, an ổn mà tịch.

Bà họ Tần

Bà họ Tần sống vào đời Tống, tính tình kiên định, thích sạch sẽ, chán ghét thân nữ, theo chồng đi đến nhiều nơi đều kiên trì trai giới tinh chuyên.

Bà thường đọc các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Bát-nhã, không một ngày nào để luống qua vô ích. Mỗi ngày sớm tối đều tu tập sám pháp Di-đà, lạy Phật đến một ngàn lạy. Về sau, bà nhìn thấy hào quang soi chiếu vào nhà, liền ngồi ngay ngắn quay mặt về hướng Tây mà tịch.

Bà họ Lương

Bà họ Lương sống vào đời Tống, người ở Phần Dương, mù cả hai mắt, may gặp một vị sa-môn khuyến niệm Phật, bà nghe theo.

Trải qua ba năm, đôi mắt bà bỗng dưng sáng lại. Về sau, bà nhìn thấy Phật và Bồ Tát, cờ phướn, lọng báu đến nghênh đón, liền ngay trong hôm ấy ngồi ngay ngắn mà qua đời.

Bà họ Tưởng

Bà họ Tưởng sống vào đời Thanh, người ở Hưng Hoá. Năm 40 tuổi thì chồng chết. Tang lễ xong, bà khóc nói với con trai rằng: “Khi vô thường đến, không ai có thể thay thế cho nhau. Ví như hôm nay mẹ cũng chết, con cũng đành chịu chứ không biết làm sao. Từ nay về sau, mẹ phát tâm ăn chay niệm Phật, không quan tâm đến bất kỳ việc gì khác.”

Người con vâng lời mẹ, liền dựng một am tranh ngay bên cạnh nhà. Bà sống trong am, đóng cửa chuyên tu niệm Phật, dù thời tiết nóng bức hay rét lạnh cũng không quan tâm.

Trải qua 5 năm, đến năm Canh Tý thuộc niên hiệu Thuận Trị,¹ vào ngày 20 tháng 5, bà bỗng nói với con: “Hôm nay mua gỗ đóng quan tài được rồi, vào giờ Ngọ ngày 23 sắp tới mẹ sẽ về Tây phương Cực Lạc.”

Sau đó bà đến từ biệt hết các nhà hàng xóm. Đúng ngày, bà an nhiên niệm Phật mà đi. Sau đó còn tự phóng lửa Tam-muội để thiêu quan tài.

Bà họ Hạ

Bà họ Hạ sống vào đời Thanh, người ở Tỳ Lăng, là vợ của cư sĩ Phan Hướng Cao. Hướng Cao hết lòng tin Phật, cùng bà Hạ

¹ Tức là năm 1660, niên hiệu Thuận Trị năm thứ 17.

tu tập pháp môn Tịnh độ. Hằng ngày bà tụng kinh Kim Cang, sớm tối thường lễ bái, niệm Phật, hồi hướng cầu vãng sinh Tây phương Cực Lạc.

Vào tháng bảy năm Canh Thân thuộc niên hiệu Khang Hy,¹ bà có bệnh, nói trước rằng giờ Ngọ ngày 29 tháng ấy sẽ vãng sinh.

Đúng ngày, con trai con gái đều về đủ, lại thỉnh các vị thiện hữu đến, tất cả cùng đồng thanh niệm Phật, bà chấp tay an lành ra đi.

Bà họ Lục

Bà họ Lục ở Thái Thương, Côn Sơn, là vợ Trương Quý Tư ở Đại Tây, Quan Ngoại. Từ năm 17 tuổi đã ăn chay trường, tu tập niệm Phật, tụng kinh Kim Cang, chú Đại Bi, đều hồi hướng cầu vãng sinh Tây phương Cực Lạc. Mỗi khi nhìn thấy người khác giết hại vật mạng liền phát nguyện cứu độ.

Vào tháng 9 thuộc niên hiệu Khang Hy năm thứ 42,² bà bỗng nhiên nhìn thấy trên không trung rất nhiều thuyền và kiệu cùng đi về hướng Tây, mà những người khiêng kiệu, chèo thuyền đều là tăng sĩ. Chưa được ba hôm sau, bà an nhiên niệm Phật mà đi vào ngày 26 tháng 9.

Chuyện vãng sinh của những người xấu ác biết sám hối

Trương Thiện Hòa

Trương Thiện Hòa sống vào đời Đường, làm nghề mổ trâu để sống. Khi lâm chung nhìn thấy cả đàn trâu biết nói tiếng người,

¹ Tức là năm 1680, niên hiệu Khang Hy năm thứ 19.

² Tức là năm 1703.

theo đòi mạng. Thiện Hòa kinh sợ quá, gọi vợ bảo: “Mau mau thỉnh tăng đến sám hối cho tôi.”

Vị tăng được thỉnh đến dạy Trương Thiện Hòa rằng: “Quán kinh có nói: Người lâm chung nhìn thấy tướng xấu ác, nếu chí tâm niệm Phật liền được vãng sinh.” Thiện Hòa nói: “Địa ngục đến gấp lắm rồi, không có thì giờ lấy lư hương đâu.” Liền dùng tay phải cầm lư, tay trái niệm hương, quay mặt về phía hướng Tây chí thiết niệm Phật. Niệm chưa được mười tiếng, bỗng tự nói: “Phật đến đón tôi.” Nói xong thì qua đời.

Oánh Kha

Oánh Kha sinh vào đời Tống, tuy đã xuất gia nhưng lại không kiêng rượu thịt. Tự nghĩ lại rằng, mình đã là một vị tăng mà làm việc hư hỏng xấu ác như vậy, tương lai phải chịu đọa lạc, biết làm sao? Nhờ người sống chung mang đến cho quyển Vãng sinh truyện để đọc. Đọc qua mỗi truyện đều thấy xúc động trong lòng, sau đó liền ngồi quay mặt về hướng Tây, chuyên tâm niệm Phật, bỏ cả ăn uống.

Trải qua ba ngày, trong mộng thấy Phật bảo rằng: “Con vẫn còn sống được mười năm nữa, hãy tự nỗ lực.” Oánh Kha bạch Phật rằng: “Cõi Diêm-phù-đề đầy dẫy sự xấu ác, dễ mất chánh niệm, con nguyện được sinh về Cực Lạc sớm hơn, phụng sự chúng thánh.” Đức Phật dạy: “Nếu vậy thì sau ba ngày ta sẽ đón con.”

Đến ngày, Oánh Kha thỉnh đại chúng tụng kinh A-di-đà, lát sau nói: “Phật và đại chúng đều đã đến.” Nói rồi an nhiên mà tịch.

Trọng Minh

Trọng Minh sống vào đời Tống, tu nơi chùa Báo Ân ở Sơn Âm, không nghiêm giữ được giới hạnh.

Một hôm, Trọng Minh mắc bệnh, nói với người bạn đồng tu là Đạo Ninh rằng: “Tâm thức tôi hết sức tán loạn, biết dùng cách gì đối trị?” Đạo Ninh khuyên chú tâm niệm Phật theo hơi thở. Trọng Minh nghe theo lời, chí tâm niệm Phật.

Qua được bảy ngày, Trọng Minh kiệt sức. Đạo Ninh lại dạy phép quán tưởng hình tượng Phật ngay trước mắt mình. Trọng Minh quán tưởng được hồi lâu, bỗng nhìn thấy hai vị Bồ Tát, tiếp theo lại thấy Phật, rồi nhắm mắt qua đời.

Lời bàn

Kẻ xấu ác mà được vãng sinh, đó là nhờ có tâm niệm Phật dũng mãnh gấp trăm lần bình thường, cho nên mới có thể thành tựu trong mười niệm. Nếu không được vậy, chỉ cần một chút buông lơi chậm trễ, ắt phải sẩy chân rơi vào ba đường ác.

Chuyện vãng sinh của thú vật

Rồng vãng sinh

Kinh Bồ Tát xử thai chép rằng: “Có một con rồng nói với chim kim sí rằng: ‘Ta từ khi thọ sinh làm thân rồng, chưa từng giết hại, quấy nhiễu các loài sống trong nước. Sau khi ta mạng chung, sẽ sinh về cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà.’”

Chim vẹt vãng sinh

Vào đời Đường, trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên,¹ nhà họ Bùi ở Hà Đông có nuôi một con chim vẹt, dạy cho biết nói, thường niệm Phật, quá giờ Ngọ không chịu ăn. Khi lâm chung, chim niệm Phật đủ mười niệm thì tắt hơi. Lúc hỏa thiêu tìm thấy hơn chục viên xá-lợi, ánh sáng rực rỡ chói mắt.

¹ Tức là trong khoảng từ năm 785 đến năm 805, đời vua Đường Đức Tông.

Đại sư Tuệ Quán liền xây tháp cho chim, Doãn Vi Cao ở kinh thành viết bài bia ký.

Chim sáo vãng sinh

Vào đời Tống, Quán Công nơi chùa Chánh Đẳng ở Hoàng Nham nuôi một con chim sáo, dạy nói được tiếng người. Chim thường niệm Phật không thôi.

Một hôm, chim đứng chết trong lồng. Quán Công đào huyết mai táng. Không lâu sau, từ đầu lưôi chim mọc lên một đóa hoa sen màu đỏ tía.

Đàm Châu cũng có người nuôi một con sáo, biết nói, thường niệm Phật. Sau khi sáo chết, người ấy cũng đóng quan tài mai táng như người. Bỗng thấy nơi mộ phần mọc lên một đóa hoa sen, tìm xuống tận gốc thì thấy hoa sen ấy mọc ra từ miệng chim.

Đại sư Liên Trì nói rằng: “Chim vẹt, chim sáo, người dạy cho biết niệm Phật cũng là chuyện thường tình. Sao ngày nay không thấy chim vãng sinh nữa? Than ôi, cũng giống như người đời, cùng được nghe lời dạy niệm Phật, nhưng có người niệm với tâm thành tín, có người niệm với tâm dễ dãi, xem thường. Vì thế nên người niệm Phật thì nhiều, người vãng sinh rất ít. Đối với chim vẹt, chim sáo, nào có khác gì đâu?”

Phụ đính: Truyện Cư sĩ Thăng Liên

Cư sĩ Thăng Liên vốn họ La, tên thật là Duãn Mai, người ở Lôu Đông.

Ban đầu ông lấy hiệu cư sĩ Vô Thiên, vì sao sau đó lại gọi là cư sĩ Thăng Liên?

Nguyên là vào mùa thu niên hiệu Khang Hy năm thứ 40,¹ La Duẩn Mai mắc bệnh nguy kịch, định làm một bài kệ để lại trước khi qua đời, bỗng nghe giữa không trung có tiếng nói rằng: “Cư sĩ Thăng Liên vẫn còn sống được một kỳ² nữa, không cần làm kệ.” Sau đó bệnh nhanh chóng thuyên giảm, họ hàng thân thích đều cho là kỳ lạ, từ đó đều gọi ông là cư sĩ Thăng Liên.

Vào lúc mang thai ông, người cha mộng thấy có một vị tăng đến ở trọ trong nhà, ngày hôm sau liền sinh ra cư sĩ. Nhân đó, người cha đã sớm biết cư sĩ là người sẵn đủ căn lành từ nhiều đời trước.

Đến năm được 4, 5 tuổi, ông vẫn còn nhớ được dung mạo, làng xóm chỗ ở của cha mẹ đời trước. Một hôm đùa nghịch chạy quanh cây cột nhiều vòng, chóng mặt té ngã liền bị mẹ đánh, ông khóc rồi đi ngủ, đến lúc tỉnh dậy thì không còn nhớ gì nữa. Do đó mới biết sử sách ghi lại những chuyện tiền thân của Dương Thúc Tử, Đồng Thanh Kiến, Tô Đông Pha là đúng thật, không hư dối.

Từ sau khi theo thầy học chữ, ông không còn đùa nghịch, không học theo các thói quen của những trẻ thiếu niên cùng lứa tuổi. Ông học tập mỗi ngày một tiến bộ rất nhanh, ai ai cũng tin chắc là sẽ thành đạt khoa bảng. Nhưng cha ông là La Tịch Chi, vì thấy ông thường nhiều bệnh nên thương xót, không cho theo đường thi cử. Cư sĩ khéo hiểu được lòng cha mẹ, nên tuy theo nghiệp thi thư nhưng không cầu danh vọng hiển đạt, chỉ viết ra một quyển sách để tự lấy làm vui. Sách Hoàng điệp thảo do ông soạn ra, lấy tôn chỉ tâm tánh phát lộ thành văn chương như Lý, Đỗ.³

Từ thuở nhỏ ông đã có sự lưu tâm đến thuật dưỡng sinh của Đạo giáo, sau đó từng đến tham học với Bích Nham Lão nhân,

¹ Tức là năm 1701.

² Một kỳ tức là 12 năm.

³ Văn chương như Lý, Đỗ: chỉ Lý Bạch và Đỗ Phủ, đều là các nhà thơ danh tiếng đời Đường.

thấu triệt sáng tỏ được tinh yếu của thiên tông. Từ khi La Tịch Chi bước qua tuổi trung niên, ông gánh vác hết việc nhà, không để cha mẹ phải bận tâm, lại tận tâm tận lực lo việc phụng dưỡng đến tận cuối đời, lòng hiếu thảo thật không ai hơn.

Vào mùa thu niên hiệu Khang Hy năm thứ 52,¹ cư sĩ Thăng Liên lại ngã bệnh, bầm đốt tay tính lại thì thời hạn một kỷ (12 năm) đã hết. Người người đều lo sợ, nhưng cư sĩ không chút lưu tâm.

Trước đây, ở địa phương này rất ít người tu tập theo Tịnh độ, cư sĩ đề xướng lập ra Liên xã để mọi người có thể quy tụ cùng nhau niệm Phật, có đến ba, bốn chỗ. Từ đó mới có rất nhiều người niệm Phật. Một hôm, cư sĩ nằm mộng thấy có người đến nói: “Ông khuyên người tu theo Tịnh độ, công đức rất lớn, nên tuổi thọ vẫn còn chưa dứt, nay hãy tạm chưa đi.” Sau đó bệnh tự nhiên nhanh chóng khỏi hẳn. Nhân việc ấy, mọi người càng thấy kỳ lạ hơn.

Cư sĩ Thăng Liên giàu lòng từ bi, ưa thích làm việc thiện, thường hết thảy những việc như phóng sinh, nuôi trẻ mồ côi, cứu giúp người đói thiếu, cư sĩ đều đứng ra gánh vác hoặc vui vẻ giúp vào, đem tâm chân thành mà thực hiện.

Vào năm Kỷ Sửu thuộc niên hiệu Khang Hy² có nạn đói, người chết nằm đầy đường, [quan địa phương] biết cư sĩ là người hiền đức lại có khả năng, nên mời cư sĩ cùng tham gia giúp việc cứu tế. Công việc thành tựu, quan Đại Trung Thừa là Vu công³ liền tấu xin triều đình cấp biển ngạch để biểu dương, nhưng cư sĩ từ chối không nhận.

Mùa đông năm Ất Mùi,⁴ có hai người cùng làng đến nhà cư sĩ xin vay một trăm lượng bạc. Cư sĩ tin tưởng đưa cho mượn. Hai

¹ Tức là năm 1713.

² Tức là năm 1709.

³ Tức Vu Thành Long.

⁴ Tức là năm 1715.

người ấy muốn đến Sùng Xuyên mua hàng buôn bán, nhưng khi thuyền đi đến cung Thiên Hậu¹ thì số tiền bị mất sạch. Ngoài hai người mất tiền, trên thuyền có cả bảy người khác, đều cùng nhau quay về. Hai người bị mất tiền định mang sự việc báo quan nhờ tra xét. Cư sĩ động lòng thương bảo họ: “Nếu báo lên quan, khi tra xét chắc chắn phải dùng nhục hình. Nếu đúng là kẻ trộm thì tra tấn cũng được, nhưng nếu họ không phải kẻ trộm thì sao? Hơn nữa, trong số bảy người kia có hai người khách từ Gia Hưng đến, nếu bị giam nhốt trong lúc trời rét lạnh như thế này, ai sẽ mang cơm nước cho họ? Nếu không chịu đựng nổi, ắt sẽ có người bỏ mạng.”

Cư sĩ nói vậy rồi bảo hai người kia không cần phải trả lại số tiền đã vay, xem như bỏ qua sự việc ấy. Tấm lòng và công hạnh của cư sĩ, đa phần đều là như vậy.

Vào ngày tết Đoan Ngọ năm nay,² cư sĩ Thăng Liên gặp tôi đến thăm, hết sức vui mừng, nói rằng: “Tôi muốn soạn ra một bộ sách Tây quy trực chỉ, khuyên người tu theo Tịnh độ, ngoài tiên sinh ra e không còn ai đủ khả năng. Mong tiên sinh vì tôi mà sớm hoàn tất để khắc bản lưu hành.”

Tôi đồng ý nhận lời, từ đó thu thập trong khắp thầy các kinh sách về Tịnh độ, phụ thêm vào ý riêng của mình, soạn thành một bộ sách 4 quyển, đến ngày 14 tháng 6 thì hoàn tất.³ Qua ngày rằm, tôi mang sách đến Lô Đông thì mới hay cư sĩ biết sách đã hoàn tất nên an nhiên thị tịch rồi.

Về chuyện cư sĩ vãng sinh Tây phương thì trước đó vào ngày mồng 2 tháng 6, ông đã đi từ biệt khắp bạn bè thân quyến, dự

¹ Nguyên bản Hán văn dùng Thiên Phi cung (天妃宮), là tên khác của cung Thiên Hậu, một kiểu miếu thờ thường gặp nhiều ở các vùng duyên hải vì dân gian cho rằng vị này có thể giúp họ đi thuyền gặp sóng yên biển lặng. Việt Nam cũng có nhiều nơi có miếu thờ Thiên Hậu.

² Tức là ngày mồng 5 tháng 5 vào năm Tiên sinh Chu An Sỹ viết bài này. Trong nguyên tác không ghi là năm nào, nhưng theo tra cứu các tư liệu khác thì việc Tiên sinh Chu An Sỹ gặp Cư sĩ Thăng Liên là vào năm Khang Hy thứ 55, tức là năm 1716.

³ Căn cứ nội dung bài này thì việc biên soạn sách Tây quy trực chỉ này được Tiên sinh Chu An Sỹ thực hiện chỉ trong vòng một tháng mười ngày.

định vào giờ Ngọ ngày mồng 6 sẽ ra đi. Sau khi thu xếp xong tất cả mọi việc, cư sĩ dẫn lại người con trai phải lo việc khắc bản lưu hành sách Tây quy trực chỉ. Đúng ngày, cư sĩ tắm rửa xong ngồi ngay ngắn, đọc kệ rồi đi. Cư sĩ thị tịch hồi lâu, quyến thuộc có nhiều người than khóc, kêu gào không thôi, liền bồng dung mở mắt ra nói: “Vì sao [lại khóc lóc làm] trở ngại [sự vãng sinh của ta? Đành phải] chậm lại bảy ngày nữa.”

Lại sang đến ngày 14, vừa tờ mờ sáng, cư sĩ nói với người nhà rằng: “Hôm nay ta sẽ đi.”

Hôm ấy có trưởng lão Kiên Hạnh và một số đạo hữu cùng đến, mọi người cùng nhau niệm Phật để giúp cư sĩ vãng sinh. Vừa đến giờ thìn, cư sĩ bỗng nghiêm nghị nói: “Bồ Tát đã đến rồi.” Nói xong, liền chấp tay hướng về phương Tây, niệm Phật rồi thị tịch.

Ôi, người đời muôn việc đều có thể giả tạo, chỉ riêng một việc sống chết là hoàn toàn không thể giả tạo. Sự ra đi của cư sĩ được an lành như vậy, há có thể là chuyện một sớm một chiều mà đạt được hay sao?

Cư sĩ có một người con trai là La Triệu Chỉ. Người vợ chính tên Trâm, người vợ kế tên Chu, đều là những người hiền hòa hiếu thuận. Cháu nội có ba người, đều tỏ ra nhanh nhẹn, thông minh tài trí.

Bài kệ từ biệt thế gian của cư sĩ như sau:

七十一年，
拖著皮袋。
今日撒下，
何等自在。

Thất thập nhất niên,

Đà trước bì đại.

Kim nhật phiết hạ,

Hà đẳng tự tại!

Tạm dịch:

Bảy mươi một năm qua,

Mang nặng một túi da.

Hôm nay vừa quẳng xuống,

Tự tại biết bao là!

Kẻ phàm tăng ngu muội kém cỏi là Thật Hiền,¹ nay khóc chảy máu mắt mà cúi lạy, đau xót có lời dâng lên đại chúng hiện tiền, cùng hết thảy thiện nam tín nữ. Kính mong quý vị mở lòng từ bi, có chút lưu tâm lắng nghe xét kỹ.

Thường nghe rằng, cửa ngõ vào Chánh đạo, sự phát tâm quan trọng nhất; việc gấp trên đường tu, không gì hơn lập nguyện. Nguyện đã lập thành thì có thể cứu độ chúng sinh, tâm đã phát khởi thì quả Phật ắt thành tựu. Ví như không phát tâm rộng lớn, lập nguyện kiên cố, ắt là trải qua vô số kiếp vẫn còn nguyên trong chốn luân hồi. Cho dù có tu hành, hết thảy chỉ là uổng công khổ nhọc. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Kẻ tu các pháp lành mà quên mất tâm Bồ-đề, đó gọi là theo nghiệp của ma.” [Phát tâm rồi] quên mất còn như thế, huống chi là chưa phát tâm? Cho nên biết rằng, muốn học theo Chánh pháp Như Lai, trước hết phải phát khởi đầy đủ tâm nguyện Bồ Tát, không thể chậm trễ.

Nhưng tâm nguyện có khác biệt, tướng trạng rất nhiều, nếu không chỉ rõ biết theo khuynh hướng nào? Nay xin vì đại chúng mà nói qua sơ lược, sự phát tâm có tám khuynh hướng khác

¹ Nguyên tác ghi bài văn này của Đại sư Tịnh Am. Đại sư tên húy là Thật Hiền, tự Tư Tế, hiệu Tịnh Am, sinh năm 1685 và viên tịch năm 1734.

biệt là: tà vạy, chính đáng, chân thật, dối trá, rộng lớn, nhỏ hẹp, thiên lệch và viên mãn.

Phát tâm như thế nào gọi là tà vạy? Thế nào là chính đáng? Thế nào là chân thật? Thế nào là dối trá? Thế nào là rộng lớn? Thế nào là nhỏ hẹp? Thế nào là thiên lệch? Thế nào là viên mãn?

Có những kẻ tu hành không cứu xét tự tâm, chỉ biết hướng theo ngoại cảnh, như mong cầu lợi dưỡng hoặc tham muốn danh tiếng, chạy theo khoái lạc nhục dục hiện tại hoặc mong cầu quả báo tương lai. Phát tâm như thế gọi là tà vạy.

Không cầu lợi dưỡng, danh tiếng, cũng không tham dục lạc, quả báo, chỉ vì muốn thoát ly sinh tử, thành tựu Bồ-đề. Phát tâm như thế gọi là chính đáng.

Mỗi một niệm đều ngưỡng cầu Phật đạo, mỗi một ý tưởng trong tâm đều thương xót giáo hóa chúng sinh. Dù nghe rằng Phật đạo thăm thẳm dài lâu, cũng không thối tâm khiếp sợ; nhìn thấy chúng sinh khó hóa độ, cũng không sinh lòng chán nản mỏi mệt. Như trèo núi cao chót vót, quyết lên tận đỉnh; như leo tháp lớn sừng sững, quyết đến tột cùng. Phát tâm như thế gọi là chân thật.

Tạo tội rồi không sám hối, mắc lỗi không chịu dứt trừ, bên ngoài ra dáng trong sạch, trong lòng đầy dẫy nhớp nhơ. Trước khởi tâm chuyên cần, sau hóa ra lười nhác. Tuy có chút lòng tốt, phần nhiều lại bị danh lợi xen vào. Dù có tu pháp lành, lại bị tội lỗi nghiệp xấu làm ô nhiễm. Phát tâm như thế gọi là dối trá.

Pháp giới chúng sinh chưa cùng tận thì nguyện vẫn còn, đạo Bồ-đề chưa thành tựu thì nguyện chưa trọn. Phát tâm như thế gọi là lớn lao.

Quán xét ba cõi như tù ngục, vòng sinh tử như kẻ oán thù, chỉ muốn mau mau tự độ, không dám nghĩ đến việc cứu độ muôn người. Phát tâm như thế gọi là nhỏ hẹp.

Nếu ngoài tâm này thấy có chúng sinh phải nguyện cứu độ, thấy có Phật đạo phải nguyện tự thành, công khó tu tập không quên, tri kiến tích tụ chẳng bỏ. Phát tâm như thế gọi là thiên lệch.

Nếu biết tự tánh này là chúng sinh nên nguyện độ thoát; tự tánh này là Phật đạo nên nguyện tự thành. Không thấy có bất kỳ pháp nào lia khỏi tâm này mà tự hiện hữu. Dùng tâm rộng rang như hư không để phát nguyện lớn như hư không, tu tập công hạnh như hư không, chứng đắc quả vị như hư không, nhưng rốt cùng cũng không có tướng trạng hư không có thể nắm bắt. Phát tâm như thế gọi là viên mãn.

Biết rõ được tám sự khác biệt như trên rồi thì biết phán xét; biết phán xét thì biết chọn lựa lấy bỏ; biết chọn lựa lấy bỏ thì có thể phát tâm theo cách đúng đắn.

Thế nào là phán xét? Đó là nói việc tự phán xét xem chỗ phát tâm của mình rơi vào khuynh hướng nào trong tám điều nêu trên. Là tà vạy hay chính đáng? Là chân thật hay dối trá? Là lớn lao hay nhỏ hẹp? Là thiên lệch hay viên mãn?

Thế nào là chọn lựa lấy bỏ? Đó là nói phải bỏ đi những khuynh hướng tà vạy, dối trá, nhỏ hẹp, thiên lệch, mà chọn lấy những khuynh hướng chính đáng, chân thật, lớn lao, viên mãn.

Phát tâm được như thế mới có thể gọi là phát tâm Bồ-đề một cách chân chánh.

Tâm Bồ-đề này đứng đầu tất cả pháp lành, phải có nhân duyên mới có thể phát khởi. Nay sẽ nói về nhân duyên, sơ lược có mười loại.

Những gì là mười nhân duyên phát tâm Bồ-đề?

- Thứ nhất, vì nghĩ đến ơn Phật sâu nặng nên phát tâm;
- Thứ hai, vì nghĩ đến công ơn cha mẹ nên phát tâm;
- Thứ ba, vì nghĩ đến ơn thầy nên phát tâm;

- Thứ tư, vì nghĩ đến ơn thí chủ cúng dường nên phát tâm;
- Thứ năm, vì nghĩ đến ơn chúng sinh nên phát tâm;
- Thứ sáu, vì nghĩ đến nỗi khổ sinh tử nên phát tâm;
- Thứ bảy, vì tôn trọng tự tánh linh giác nên phát tâm;
- Thứ tám, vì sám hối nghiệp chướng nên phát tâm;
- Thứ chín, vì cầu sinh Tịnh độ nên phát tâm;
- Thứ mười, vì khiến cho Chánh pháp được trụ thế lâu dài nên phát tâm.

Thế nào là nghĩ đến ơn Phật sâu nặng?

Đó là nói việc đức Như Lai Thích-ca của chúng ta từ thuở mới vừa phát tâm, vì chúng ta mà hành đạo Bồ Tát, trải qua vô số kiếp chịu mọi khổ não. Khi ta tạo nghiệp xấu ác thì Phật khởi tâm thương xót, dùng phương tiện giáo hóa, nhưng ta lại ngu si không chịu tin nhận. Ta phải đọa vào địa ngục, Phật lại đau lòng thương xót, muốn thay ta chịu khổ, nhưng vì ta tạo nghiệp nặng nề nên không thể cứu vớt. Ta sinh làm người, Phật dùng phương tiện khiến ta biết gieo trồng căn lành. Đời này sang đời khác, tâm Phật vẫn luôn hiện hữu cùng ta, chưa từng tạm rời. Thuở Phật vừa xuất thế, ta hãy còn chìm sâu trong biển nghiệp, nay ta được làm người thì Phật đã nhập diệt. Ta do tội gì phải sinh thời mà pháp không có Phật? Ta nhờ phúc gì được dự hàng xuất gia? Vì nghiệp chướng gì không được nhìn thấy kim thân Phật? Do may mắn gì mà tự mình được chiêm bái xá-lợi Phật?

Lại suy xét rằng, ví như đời trước không gieo trồng căn lành, nay làm sao được nghe pháp Phật? Nếu không được nghe pháp Phật, làm sao biết mình thường chịu ơn Phật? Ân đức như thế, núi cao gò lớn cũng chẳng sánh bằng. Nếu tự mình không phát tâm rộng lớn, hành đạo Bồ Tát, xây dựng phát triển Phật pháp, cứu giúp hóa độ chúng sinh, thì cho dù có tan xương nát thịt

cũng không thể báo đền.

Đó là nhân duyên thứ nhất để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là nghĩ đến ơn cha mẹ?

Mỗi khi nghĩ đến cha mẹ thì buồn thương khôn nguôi, bởi sinh ta ra mà phải chịu khổ nhọc trăm bề. Mười tháng mang thai, ba năm bú mớm; đêm bên ướm mẹ nằm, bên ráo con lăn, ngày đấng cay mẹ nuốt, ngon ngọt phần con, nhờ vậy nay ta mới được thành người. Chỉ mong ta kế tục nghiệp nhà, nối đường thờ tự. Nay ta chọn đường xuất gia, làm xưng đệ tử Phật, hổ thẹn nhận danh sa-môn. Món ngon ngọt chẳng dâng cha mẹ, ngày kỵ giỗ không cúng tổ tiên. Cha mẹ còn sống đã không chu toàn nuôi dưỡng, chết đi không dẫn dắt được theo đường lành. Xét việc đời là mất mát lớn lao, xét việc đạo còn chưa thật hữu ích. Ví như đời đường đều thất bại thì tội lỗi nặng nề thật khó tránh.

Lại suy xét rằng, chỉ có một cách duy nhất là đời đời kiếp kiếp thường hành Phật đạo, rộng độ chúng sinh mười phương ba đời. Được như thế thì không chỉ cha mẹ trong một đời, mà cả cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp cũng đều được cứu độ; không chỉ riêng cha mẹ của một người, mà cha mẹ của tất cả mọi người cũng đều được siêu thoát.

Đó là nhân duyên thứ hai để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là nghĩ đến ơn thầy?

Cha mẹ tuy có thể sinh ta ra và nuôi dưỡng thân thể, nhưng nếu không có các bậc thầy dạy ở đời, hẳn ta không biết đến lễ nghĩa; nếu không có các bậc thầy dạy trong đạo, hẳn ta không hiểu được pháp Phật.

Không biết lễ nghĩa thì cũng giống như súc vật, không hiểu pháp Phật thì khác chi người thế tục? Nay ta cũng biết được đôi điều lễ nghĩa, hiểu được sơ lược về pháp Phật, trên mình được khoác cà-sa, thân tâm thấm nhuần giới hạnh. Được như thế đều

nhờ ơn thầy dạy.

Nếu phát tâm cầu quả vị nhỏ nhoi, chỉ có thể lợi ích riêng mình. Nay chọn theo Đại thừa, nguyện lớn lao lợi khắp muôn người, thì các bậc thầy dạy dù ở đời hay trong đạo cũng đều sẽ được phần lợi ích.

Đó là nhân duyên thứ ba để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là nghĩ đến ơn thí chủ cúng dường?

Đó là nói việc chúng ta hôm nay, mọi thứ cần dùng hằng ngày đều không phải tự sức mình có được. Cháo cơm ngày hai bữa, y phục đủ bốn mùa, khi bệnh tật cần đến, lúc sinh hoạt thường ngày, hết thảy mọi chi phí đều có được từ sức lực người khác, mang đến cho ta tiêu dùng.

Người khác phải đem hết sức lực tự thân cày cấy, vẫn chưa kiếm đủ miếng ăn; còn ta ngồi không được ăn, vẫn chưa vừa ý. Người khác thì dệt dệt đan đan, vẫn chưa hết khó khăn thiếu thốn; còn ta ngồi không mà y phục có thừa, chẳng biết quý tiếc. Người khác thì nhà tranh vách lá, rối rắm suốt đời; còn ta thì nhà to sân rộng, nhàn tĩnh quanh năm.

Người khác cực nhọc để ta được an nhàn, có thể an lòng được sao? Lấy nguồn lợi của người khác để trau chuốt thân mình, như thế có hợp lý chăng?

Cho nên, nếu tự thân mình không thể vận dụng đủ bi lẫn trí, không tự trang nghiêm cả phúc lẫn tuệ, khiến cho tất cả đàn-na tín thí đều được nhờ ơn, hết thảy chúng sinh đều được lợi ích, thì cho dù hạt gạo sợi tơ, nhỏ nhặt đến thế cũng phải đền trả đủ, mà quả báo xấu ác cũng khó lòng tránh khỏi.

Đó là nhân duyên thứ tư để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là nghĩ đến ơn chúng sinh?

Đó là nói việc ta và chúng sinh từ vô số kiếp đến nay, đời này kiếp nọ vẫn thường thay đổi làm cha mẹ của nhau, nên có

on với nhau. Nay tuy sang đời khác thì mê mờ hôn ám, chẳng còn biết nhau, nhưng theo lý mà suy, thì lẽ nào có ơn lại không lo báo đáp?

Ngày nay tuy thấy những con vật mang lông đội sừng, sao biết được trước đây ta chẳng từng làm con của chúng? Ngày nay tuy thấy những loài côn trùng nhỏ nhít, sao biết được trước đây chẳng từng là cha mẹ của ta? Thường thấy trẻ thơ, nếu phải xa cách cha mẹ thì lớn lên không nhớ được dung mạo, huống chi là cha mẹ trong đời trước, nay tất nhiên không thể nhớ được. Ví như cha mẹ đời trước giờ đang gào khóc dưới địa ngục, lăn lộn trong cảnh giới ngạ quỷ, khổ sở đốn đau ai biết được? Đói khát thiếu thốn ai bảo cùng ta? Dù ta không thấy nghe hay biết, tất nhiên họ vẫn đang mong cầu có người cứu giúp. Chỉ Kinh văn mới có thể kể rõ sự này, chỉ đức Phật mới có thể dạy ta việc ấy, còn những kẻ tà kiến làm sao biết được?

Cho nên, Bồ Tát quán chiếu nơi trùng kiến, thấy tất cả đều là cha mẹ trong quá khứ, đều là chư Phật trong tương lai, thường nghĩ việc làm lợi ích, báo đáp ân đức.

Đó là nhân duyên thứ năm để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là nghĩ đến nỗi khổ sinh tử?

Đó là nói ta cùng với hết thảy chúng sinh, từ vô số kiếp đến nay thường ở trong sinh tử, chưa từng được giải thoát. Khi cõi nhân gian, lúc miền thiên thượng, khi ở cõi này, lúc sang phương khác, sống chết vạn mối, thăng trầm thoáng chốc. Vừa sinh cõi trời thoát đã làm người; rồi thoát lại đã sa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cửa địa ngục sớm ra tối vào, hang sắt lạnh tạm rời lại đến. Lên núi đao toàn thân chẳng còn một chút da, leo cây phủ kiếm khắp người chịu cắt xẻo. Hòn sắt nóng chẳng trừ con đói, nuốt vào rồi ruột gan chín bấy. Nước đồng sôi không nguôi con khát, uống vào rồi xương thịt nát như. Cửa sắc cửa liạ thân thể, vừa đứt ra đã dính liền trở lại; gió quái lạ thổi thoáng

qua người, chết đi rồi đã sống lại ngay.

Lửa dữ đầy thành, vang tiếng kêu gào thảm thiết; vạc lớn nấu đun, chỉ nghe âm thanh thống khổ bên tai. Bắp giá vừa ngưng, thân xanh mét như sen xanh bó nhụy; máu thịt rã rời, thể bầm đỏ như ngó sen dập nát. Sống chết trong một đêm, địa ngục trải qua vạn lượt; đau đớn thống khổ mỗi ngày, so với nhân gian dài hơn trăm tuổi. Đã bao lần khiến ngục tốt phải ra sức hành hình mệt nhọc, mà nào ai chịu tin lời Diêm chúa răn đe? Lúc thọ hình mới biết là khổ, tuy hối hận làm sao quay lại? Nhưng thoát ra rồi quên sạch sành sanh, bao nghiệp ác vẫn làm như cũ!

Dùng roi quất lửa chảy máu, ai biết mình đang đánh mẹ? Dắt lợn vào lò mổ, nào hay ta sắp giết cha? Ăn thịt con không biết, Văn vương xưa còn như thế.¹ Nhai nuốt cha mẹ chẳng hay, muôn loài đều vậy cả. Ngày trước cùng ân ái, nay oán thù nhau; xưa vốn là thù địch, nay thành cốt nhục một nhà. Trước là mẹ nay lại làm cha, trước là cha nay lại làm chồng. Nếu nhớ biết được chuyện đời trước, ắt phải thấy xấu hổ, nhục nhã. Người có thiên nhân nhìn thấu tất cả, ắt phải thấy nực cười thương xót.

Phần uế tụ thành một bọc, chín tháng trong ấy khó qua; máu mủ nhơ nhớp một đường, nhất thời chui xuống đáng thương! Ấu thơ không biết, đó đây đều không phân biệt; lớn lên nhận hiểu, tức thời khởi sinh tham dục. Không bao lâu thì bệnh khổ, già nua tìm đến; chẳng mấy chốc vô thường đã gọi. [Phút lia đời] gió lửa hỗn độn, vây quanh thân thức rối loạn; tinh huyết cạn kiệt, bên ngoài da thịt dần khô. Mỗi lỗ chân lông đều như kim đâm thấu thịt; mắt mũi miệng thảy đều như dao cắt. Con rùa mang nấu chín, thịt lòi ra khỏi mai vẫn còn là dễ, so với thân thức lâm chung thoát xác, khó hơn bội phần.

¹ Văn vương lúc còn bị giam ở Dữu Lý, bị Trụ vương giết con trai lấy thịt nấu chín đưa cho ăn. Vì muốn giữ mạng sống để thành tựu việc lớn, ông tuy biết nhưng đành phải giả vờ không biết vẫn ăn vào. Trụ vương thấy vậy cho ông là người tâm thường, không cần phải đề phòng, nhờ đó mà ông thoát chết.

Tâm này không có chủ thể thường tồn, như kẻ đi buôn khắp chốn đều làm khách lạ. Thân này không có hình thể cố định, chỉ như nhà ở thường dời chuyển đó đây. Thân này biết bao lần qua lại giữa luân hồi, [tính đếm ra thì] số hạt bụi cõi đại thiên cũng không so được. Mỗi mỗi biệt ly rơi lệ, [gom hết lại thì] sóng nước bốn biển chẳng nhiều bằng. Xương cốt bao đời tích lũy, dầu núi cao còn chưa sánh kịp. Thân xác từng bỏ trong sáu nẻo, dần trải ra tràn khắp cõi đất. Ví như không được nghe lời Phật dạy, những điều như vậy ai thấy ai nghe? Khi chưa đọc qua Kinh điển, lý lẽ như thế làm sao rõ biết?

Nếu cứ tham luyến như xưa, si mê không khác trước, chỉ sợ trong muôn kiếp ngàn đời, một lần sai sẽ trăm lần sai tiếp. Thân người này khó được dễ mất, tuổi đời trôi nhanh không thể níu kéo. Rồi đường trước mịt mờ, một lần biệt ly là thăm thẳm. Nghiệp báo xấu ác trong ba đường dữ, tự làm tự chịu. Đau đớn không sao nói hết, biết ai thay mình nhận lãnh? Nói đến đây, sao có thể không rùng mình run sợ?

Vì thế nên phải dứt dòng sinh tử, thoát biển ái dục, cứu mình cứu người, cùng lên bờ giác. Công phu thành tựu trong muôn kiếp lâu xa, đều tùy thuộc vào nỗ lực quyết định một lần này.

Đó là nhân duyên thứ sáu để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là tôn trọng tự tánh linh giác?

Đó là nói việc tâm thức này của ta hôm nay, so với tâm thức của đức Thích-ca Như Lai quả thật không hai, không khác. Vì sao đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp trước đã sớm thành Chánh giác, còn ta thì đến nay vẫn hôn mê điên đảo, vẫn là phàm phu? Đức Thế Tôn lại có đủ vô lượng thần thông, trí tuệ, công đức trang nghiêm, còn ta thì chỉ thấy đầy dẫy vô số phiền não, nghiệp lực dấy dẫn, sinh tử trôi buộc? Cùng một tâm tánh mà mê ngộ cách nhau như trời vực, tinh tâm suy xét, lẽ nào lại không đáng hổ thẹn? Thật chẳng khác gì hạt châu vô giá nằm trong bùn nhơ, bị

xem như ngôi sỏi không ai quý trọng.

Thế nên phải dùng đến vô số pháp lành để đối trị phiền não, dày công tu tập giới hạnh thì tánh đức mới hiển lộ, như hạt châu kia được rửa sạch mài bóng, mang treo lên tòa cao rực rỡ tỏa chiếu, soi sáng khắp nơi. Như thế mới có thể gọi là không bội ơn giáo hóa của Phật, không uổng phụ tánh linh giác của chính mình.

Đó là nhân duyên thứ bảy để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là sám hối nghiệp chướng?

Trong kinh dạy rằng, phạm một trong các tội đột-cát-la,¹ phải đọa vào địa ngục thời gian lâu bằng 500 năm ở cõi trời Tứ thiên vương.² Đột-cát-la là tội nhẹ, mà còn chịu nghiệp báo như vậy, huống chi các tội nặng, nghiệp báo quả thật khó nói hết!

Chúng ta ngày nay trong sinh hoạt thường ngày, mỗi hành vi, động tác thường phạm giới hạnh; mỗi miếng cơm, ngụm nước luôn trái luật nghi. Mỗi một ngày qua đã phạm vô số tội, huống chi trong suốt một đời, trải qua nhiều kiếp, tội lỗi sinh khởi chắc chắn là không thể nói hết!

Chỉ xét riêng theo Năm giới mà nói, mười người đã chín kẻ phạm, nhưng người bày tỏ phát lộ thì ít, kẻ che giấu lại nhiều. Năm giới chỉ là giới của người cư sĩ mà còn chưa giữ trọn, huống chi các giới sa-di, tỳ-kheo, Bồ Tát giới, hẳn sự thiếu sót đã quá rõ không cần phải nói. Có ai hỏi đến liền xưng danh tỳ-kheo, nhưng xét thực chất lại chưa trọn đức hạnh của người cư sĩ, chẳng đáng hổ thẹn lắm sao?

Nên biết rằng, giới luật do Phật chế định, thà không thọ trì, một khi đã thọ trì thì không được hủy phạm, một khi đã hủy phạm thì rốt cùng phải chịu đọa lạc. Nếu không sớm khởi tâm

¹ Đột-cát-la (duṣkṛta): chỉ chung nhóm tội nhẹ trong giới luật, nên cũng gọi là tội khinh cấu.

² Mỗi một ngày đêm ở cõi trời Tứ thiên vương bằng 50 năm ở cõi người. Vì thế, thời gian được nói ở đây là hơn 9 triệu năm ở cõi người.

thương mình thương người, đau xót cho người, đau xót cho mình, thân khẩu cùng thống thiết, miệng niệm lệ rơi đều chân thành, khắp vì tất cả chúng sinh, bi ai cầu xin sám hối, thì chắc chắn trong ngàn đời muôn kiếp, khó tránh được quả báo xấu ác.

Đó là nhân duyên thứ tám để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là cầu sinh Tịnh độ?

Đó là nói việc nơi thế giới Ta-bà này, tu hành tăng tiến rất khó khăn; được vãng sinh về Tây phương Cực Lạc, thì thành tựu quả Phật cũng dễ dàng. Vì dễ dàng nên một đời có thể xong việc, bởi khó khăn nên nhiều kiếp vẫn chưa thành. Thế nên, các bậc hiền thánh xưa nay, ai ai cũng đều hướng đến; trong ngàn kinh muôn luận, đâu đâu cũng chỉ về Tịnh độ.

Trong đời mạt pháp, không một pháp môn nào vượt hơn Tịnh độ. Tuy nhiên, trong kinh dạy rằng, căn lành ít không thể vãng sinh, phúc đức nhiều mới có thể thành tựu. Muốn nhiều phúc đức, chẳng gì hơn niệm danh hiệu Phật; muốn thừa căn lành, không gì bằng phát tâm rộng lớn. Vì thế, niệm thánh hiệu dù trong chốc lát, cũng hơn người bố thí trăm năm; một khi vừa phát tâm Bồ-đề, đã vượt qua sự tu hành nhiều kiếp.

Niệm Phật vốn mong thành Phật, nếu chẳng phát tâm rộng lớn thì niệm để làm gì? Phát tâm là để tu hành, nếu không sinh về Tịnh độ thì dù phát tâm rồi cũng sẽ thoái chuyển. Cho nên, ruộng tâm địa gieo hạt giống Bồ-đề, dùng lưới cày niệm Phật, thì đạo quả tự nhiên tăng trưởng. Nuông con thuyền đại nguyện, vào biển lớn Tịnh độ, cõi Tây phương quyết định được vãng sinh.

Đó là nhân duyên thứ chín để phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là khiến cho Chánh pháp được trụ thế lâu dài?

Đó là nói việc đức Thế Tôn từ vô số kiếp đến nay, vì chúng ta mà tu đạo Bồ-đề, việc khó làm cũng làm được, việc khó nhẫn

cũng nhận được, cho đến khi nhân quả viên mãn, cuối cùng thành tựu quả Phật.

Sau khi thành Phật, hóa độ chúng sinh trọn khắp, nhân duyên đã dứt mới nhập Niết-bàn. Cho đến các giai đoạn chánh pháp, tượng pháp đều đã qua, nay chỉ còn thời mạt pháp. Giáo pháp không người tu tập, tà chánh chẳng thể phân, đúng sai không rõ biết; người người tranh đua chạy theo nhân ngã, thầy thầy đều mưu cầu lợi danh. Nhìn khắp thiên hạ mệnh mông đều là như vậy, chẳng còn ai biết Phật là người nào, Pháp có nghĩa chi, Tăng là danh xưng gì? Suy tàn cho đến mức ấy, nói ra càng không nổi, mỗi khi nghĩ đến bất giác phải rơi lệ.

Chúng ta là Phật tử mà không thể báo đền ơn Phật, tự thân không làm lợi mình, đối với bên ngoài chẳng làm lợi người, sống trên đời đã là vô ích, chết đi cũng chẳng lợi lạc mai sau, trời tuy cao không sao che chở, đất tuy dày chẳng thể đỡ nâng. Như vậy, kẻ mang tội lỗi nặng nề nhất, chẳng phải ta thì là ai?

Do đó nên trong lòng đau đớn không sao chịu nổi, chẳng nghĩ được cách nào cho vẹn toàn. Hốt nhiên liền quên đi sự kém cỏi của mình, khởi phát tâm Bồ-đề rộng lớn. Tuy hiện nay không thể văn hồi đời suy mạt, nhưng quyết sẽ lo tính việc hộ trì Chánh pháp tương lai. Vì thế mới cùng các vị thiện hữu đến nơi đạo tràng, soạn thành sám pháp, lập pháp hội này, phát khởi 48 lời nguyện lớn, mỗi nguyện đều cứu độ chúng sinh. Mong sao luôn giữ tâm sâu vững trong trăm ngàn kiếp, tâm nào cũng đều là tâm Phật.

Kể từ hôm nay cho đến tương lai không cùng tận, hết một đời này nguyện sinh về Cực Lạc, tiến tu lên hàng cửu phẩm, quay lại cõi Ta-bà, làm cho mặt trời Phật đạo lại rực rỡ huy hoàng như trước, Phật pháp lại rộng mở khắp thế gian, chư Tăng như biển lớn thanh tịnh trong toàn cõi, người người được hóa độ ngay tại Ta-bà, đời thịnh đức nhờ đó tăng thêm, Chánh pháp trụ dài lâu cõi thế; tâm nguyện hết sức chân thành, tha thiết như vậy.

Đó là nhân duyên thứ mười để phát tâm Bồ-đề.

Mười nhân duyên như trên đều đã biết, tám khuynh hướng phát tâm cũng hiểu rõ ràng, như vậy thì hướng đi đã có, điểm phát khởi đã xác định. Thêm vào đó ta lại được thân người, sống nơi văn hiến, sáu căn bình thường, thân thể khỏe mạnh an ổn, có đủ tín tâm, thật may mắn thay đường tu không có gì chướng ngại.

Hướng chi ngày nay chúng ta lại được xuất gia, được thọ Cụ túc giới, được gặp đạo tràng, được nghe Phật pháp, chiêm ngưỡng xá-lợi Phật, lại tu tập sám pháp, gặp được bạn lành, đầy đủ nhân duyên thù thắng. Nếu hôm nay đây không phát tâm Bồ-đề, thì còn đợi ngày nào?

Chỉ mong Đại chúng thương đến sự chân thành dẫu là ngu muội, xót cho chí nguyện khó nhọc kiên trì của tôi, xin hãy cùng nhau phát tâm, lập nguyện Bồ-đề. Người chưa phát tâm, hôm nay hãy phát tâm; đã phát tâm rồi xin hãy tăng trưởng; đã tăng trưởng rồi, xin hãy tiếp tục dùng gián đoạn. Đừng sợ khó khăn mà thối thất, đừng thấy dễ dãi mà xem thường không cần trọng; đừng quá nôn nóng mà không giữ được dài lâu, đừng lười nhác buông thả mà thiếu sự dũng mãnh; đừng yếu hèn mất đi sự phấn chấn, đừng lẩn lữa do dự mà đợi chờ không dứt khoát; đừng vì tự thấy mình ngu si mà buông xuôi không chú ý, đừng vì căn tánh chậm lụt mà nghĩ mình không thể dự phần. Ví như việc trồng cây, lâu ngày thì rễ cạn dần ăn sâu; hoặc như mài dao, mài lâu thì lưỡi cùn thành sắc bén. Lẽ nào vì thấy rễ cạn mà không trồng, để cây phải chết khô; vì thấy lưỡi cùn mà không mài, để dao thành vô dụng?

Hơn nữa, nếu cho rằng tu hành là khổ nhọc, ấy thật chẳng biết rằng, lười nhác buông thả sẽ còn khổ hơn. Tu hành thì khổ nhọc tạm thời, nhưng được an vui mãi mãi, lười nhác thì an ổn tạm bợ một đời, nhưng phải chịu khổ đau nhiều kiếp. Huống chi, nếu nhờ đến con thuyền Tịnh độ, thì đâu phải lo gì thối

chuyên? Được pháp vô sinh làm sức nhẫn chịu, thì đâu ngại gian nan? Nên biết rằng tội nhân trong địa ngục, mà còn có kẻ phát tâm Bồ-đề từ kiếp trước, hướng chi là Phật tử trong cõi người, lại không lập đại nguyện đời này?

Do hôn ám si mê từ vô thủy, nên việc ngày trước không thể cản ngăn; ngày nay được tỉnh ngộ, chuyện tương lai có thể sửa đổi. Kẻ mê chưa ngộ vốn đã đáng thương, nhưng người biết mà không làm lại càng đớn đau đáng tiếc hơn nữa. Nếu biết sợ nỗi khổ địa ngục, thì tự nhiên khởi tâm tinh tấn. Luôn nhớ đến vô thường nhanh chóng, thì không dám lười nhác buông thả. Lại phải dùng giới pháp của Phật mà làm đòn roi nhắc nhở thôi thúc; nhờ bạn lành cùng nâng đỡ, dắt dẫn nhau. [Đã phát tâm rồi,] dù khi nguy cấp, gấp rút cũng chẳng lia, dầu suốt đời trọn kiếp, vẫn nương theo không bỏ, như vậy thì không còn lo gì sự thối thất.

Đừng cho một niệm tương là nhỏ nhoi [mà khinh suất dễ duôi], đừng nghĩ việc phát nguyện chỉ là [nói suông nên] hư dối không hữu ích. Tâm chân thành thì sự việc đúng thật, nguyện lớn rộng thì chỗ thực hành sâu. Hư không chưa phải lớn, vì tâm này mới là rộng lớn; kim cương chưa phải bền chắc, vì nguyện lực còn bền chắc không gì hơn.

Nếu đại chúng có thể thật lòng không gạt bỏ những lời trên, thì quyến thuộc Bồ-đề từ đây nối kết, thệ ước đồng tâm niệm Phật từ nay bền chặt. Đã phát nguyện cùng sinh về Tịnh độ, cùng gặp Phật Di-đà, cùng giáo hóa chúng sinh, cùng thành Chánh giác, thì biết đâu trong tương lai ba mươi hai tướng tốt, trăm phúc tướng trang nghiêm, lại chẳng bắt đầu ngay từ sự phát tâm lập nguyện của hôm nay? Nguyện cùng đại chúng nỗ lực cố gắng. Điều tốt đẹp ấy, thật kỳ vọng lắm thay!

1. KHUYÊN NGƯỜI BỎ SỰ GIẾT HẠI

Lời nói đầu	5
NHỮNG LỜI KHUYÊN VỀ NHÂN QUẢ PHÂN THƯỢNG	7
LỜI KHUYÊN NÊN ĐỌC SÁCH NÀY	8
Nghe lời thần khuyên được sống	9
Diêm chúa vâng làm theo việc thiện	10
Ngăn trở điều thiện phải chịu tội chết	11
KHUYÊN NGƯỜI LÀM QUAN	13
Khắc bia đá lưu truyền đức nhân từ	15
Cá khóc cảm động người	16
Hai lần sống lại	17
Cấm giết trâu được tăng tuổi thọ	19
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỬA QUAN	20
Đồng lõa với kẻ xấu bị âm phủ trách phạt	21
Khuyên người phụng dưỡng cha mẹ	22
Đền trả nghiệp ác	25
Nghiệp đời trước còn lại	26
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG CON	27
Họ Thang kể chuyện côi âm	27
Phá tổ chim bị đốt khô chân	29
Nên khuyên dạy phụ nữ	31
Nhờ việc chép kinh được thoát khổ	31
Ruồi, kiến cùng đòi mạng	32
KHUYÊN NGƯỜI KHÔNG NÊN NUÔI MÈO	33
Chuột tha văn thi	34
KHUYÊN NGƯỜI CHÚC MỪNG SINH NHẬT	35
Tặng kinh cho người mừng thọ	37
Dùng việc phước thiện đãi khách	37
Không mở tiệc mừng, dùng tiền giúp người nghèo	39
KHUYÊN NGƯỜI KHÔNG NÊN GIẾT HẠI VẬT MẠNG VÀO NHỮNG DỊP LỄ MỪNG	40

Ngỗng chết thay người	40
Mừng sinh con không nên giết hại	41
Làm thịt dê bị quả báo ngay	42
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI THỜ CÚNG TỔ TIÊN	43
Giết hại vật mạng liên lụy đến người chết.....	44
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI CẦU ĐẢO THẦN LINH	45
Tế trời gặp Phật	46
Giả tế thần cây phải sinh làm dê.....	48
Thần Đông Nhạc xin thọ giới	50
Quan Công hộ trì Chánh pháp.....	55
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI XEM SAO BÓI TOÁN	56
Thầy bói chịu quả báo	57
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI MỞ TIỆC ĐÃI KHÁCH	58
Chồng giết dê hóa ra giết vợ.....	59
Giết hại quá nhiều biến thành lợn.....	61
Khói đen báo trước tai họa	62
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI KHOẢN ĐÃI THẦY GIÁO	63
Vì lo bữa ăn làm hại đến con.....	63
Làm thịt dê chuốc họa cho con.....	64
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI LÀM THẦY DẠY Ở TƯ GIA	64
Tu phúc được tăng tuổi thọ.....	66
Tham ăn mất mạng	67
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI CẦU CÔNG DANH	68
Vì thích ăn sò không thi đỗ.....	69
Đề Quân hiện mộng	70
Nhờ phóng sinh cùng được thi đỗ	72
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI CẦU CÓ CON	72
Có con nhờ biết phóng sinh.....	73
Hỏi lỗi cứu mạng con	74
Không ăn thịt trâu, nuôi được con.....	75
Ăn thịt ba ba phải chết.....	75
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI MUỐN TRÁNH TAI NẠN	76
Quả báo giết hại, gặp nạn binh đao	78

Rồng cứu nạn	79
Khuyên những người ăn thịt trâu, thịt chó	81
Phút lâm chung còn trả nghiệp	81
Kiêng ăn thịt trâu đồ trạng nguyên	82
Quý hiện nghiệp nhân.....	83
Giễu cợt Phật pháp sớm lãnh tai ương	85
KHUYÊN NGƯỜI ĐỪNG ĂN CUA.....	87
Chịu quả báo trong núi cua	89
KHUYÊN NGƯỜI KHÔNG ĂN ÉCH NHÁI.....	89
Ếch kêu oan.....	90
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI CẦU TĂNG TUỔI THỌ.....	92
Cứu kiến được tăng tuổi thọ	93
Cứu cá được thoát tội.....	94
Sắp chết được tăng tuổi thọ	95
Tiết chế ăn uống được tăng tuổi thọ	95
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI LÀM THẦY THUỐC.....	96
Sửa sách chuộc lỗi	97
KHUYÊN NGƯỜI KHÔNG NÊN ĐÁNH RẮN.....	98
Đốt hang rắn chịu quả báo diệt tộc	99
Rắn chết được cứu độ	101
KHUYÊN NGƯỜI ĐỪNG NUÔI DẾ, CÁ CẢNH	102
Sâu đò báo ứng	103
Dế trả oán.....	104
KHUYÊN NGƯỜI QUÝ TIẾT MẠNG SỐNG	
LOÀI TRÙNG KIẾN	105
Vua kiến trả ơn.....	105
Khuyên những người đi săn.....	107
Lòng thương con của chim cảm động người.....	107
Săn bắt thú chịu quả báo trong nồi nước sôi	108
Người vói nai cùng chết	109
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI ĐÁNH BẮT CHIM.....	111
Ba con chim én nhớ ơn	111
Chim khách chọn huyết tạng	112

Lưới bắt chim bị mắc bệnh lạ.....	113
Cả bầy chim mổ xé thân xác.....	113
Đạn sắt xuyên vào bụng.....	114
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI LÀM NGHỀ ĐỒ TÈ	115
Cả bầy heo đòi mạng	116
Sân hận giết hại chịu quả báo tức thì.....	117
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI LÀM ĐẦU BẾP	118
Xe cán nát thây	119
Khi chết biến hình như cá chạch	120
Lươn bò ra từ ung nhọt.....	121
Sám hối được vãng sinh	121
KHUYÊN NGƯỜI MỞ TIỆM ĂN, QUÁN RƯỢU	122
Cảnh tượng quái lạ khi chết.....	123
Quả báo lạ thường: người sinh ra rắn.....	124
KHUYÊN NGƯỜI ĂN CHAY	124
Mộng thấy thần linh.....	126
Không giữ trai giới phải trả nghiệp cũ	127
Ăn chay ngã mẫn rốt cùng chịu đọa	128
Bán công ăn chay lập tức mất mạng.....	129
Thọ trì trai giới khỏi chết chìm.....	130
Sai lầm của thuyết “trời sinh vật nuôi người”	131
Những mối nghi về việc không giết hại	134
Những mối nghi về nghiệp nặng khó tránh.....	137
Giải thích việc đãi khách trái với thế tục.....	140
Giải thích việc không nên sát sinh cúng tế	142
Việc phụng dưỡng cha mẹ, thờ cúng tổ tiên.....	145
Mối nghi rằng thánh hiền xưa dạy sát sinh	150
Những mối nghi về “yêu người thương vật”	154
Giải thích mối nghi về nhân quả sai biệt	158
Những mối nghi về sự hiện hữu của ba đường ác.....	164
Những mối nghi về ăn chay, không ăn thịt.....	167
Những mối nghi rằng đạo Phật khó tin nhận.....	171
Những điều khi làm quan nên cấm.....	178

Những điều nên áp dụng trong gia đình	182
Những điều nên áp dụng vào các dịp lễ mừng	185
Những điều nên áp dụng trong việc cưới hỏi	187
Những điều nên áp dụng trong việc tang ma.....	189
Những điều nên làm trong việc xây dựng	190
Những điều cần lưu ý khi sử dụng đồ chứa.....	193
Những điều cần lưu ý khi trồng cây	195
Những điều cần lưu ý trong phép dưỡng sinh.....	198
Những điều cần lưu ý trong hành xử	200
Những điều cần lưu ý trong lời nói	203
Bàn về sự khuyến khích, khuyên bảo.....	205
Bàn về sự tri tụng thần chú.....	207
Bàn về sự cảm thông đối với loài vật.....	208
Bàn về sự sám hối lỗi lầm	210
Bàn về sự phát tâm Bồ-đề.....	212
LỜI BẠT.....	214
PHỤ ĐÍNH	217
Lời tựa văn Giới sát phóng sinh	217
VĂN GIỚI SÁT PHÓNG SINH	220
1. Văn giới sát.....	220
Nhập đề:.....	220
Điều sai lầm thứ nhất: Mừng ngày sinh không nên giết hại	221
Điều sai lầm thứ hai: Mừng sinh con không nên giết hại	222
Điều sai lầm thứ ba: Ngày cúng giỗ không nên giết hại	223
Điều sai lầm thứ tư: Hôn lễ không nên giết hại.....	224
Điều sai lầm thứ năm: Đãi khách không nên giết hại	224
Điều sai lầm thứ sáu: Cúng cầu an không nên giết hại	225
Điều sai lầm thứ bảy: Mưu sinh không nên giết hại	226
Thực hành giữ giới sát.....	228
Lời nguyện sau khi giữ giới sát	228
2. Văn phóng sinh.....	229
a. Toàn văn.....	229
b. Giảng giải từng phần	232

Nghi thức phóng sinh	253
Lời nguyện sau khi phóng sinh.....	260
Kệ khuyên người từ bỏ rượu thịt	261
Lời tựa	261
Chính văn.....	262
Luận về ý nghĩa bảo vệ sự sống.....	280

2. KHUYÊN NGƯỜI BỎ SỰ THAM DỤC

LỜI TỰA	303
Đức hạnh đáng khâm phục	304
Lời bàn	305
THẺ LỆ CHUNG KHI BIÊN SOẠN SÁCH NÀY	306
Kinh sách tham khảo	310
Tham khảo trong Đại tạng kinh	310
Sách tham khảo của Nho giáo	312
LỜI KHUYÊN CHUNG	315
Mạo Tung Thiều	317
Kim Thánh Thán	318
KHUYÊN NGƯỜI ĐANG LÀM QUAN	319
Hàn Ngụy công	320
Tào Văn Trung công	321
Vương Khắc Kính	322
Cố Đề không	323
Nha dịch họ Lưu	324
KHUYÊN CÁC BẬC TƯỚNG SOÁI	325
Hai vị tướng họ Tào	326
Người họ Chi	328
KHUYÊN NHỮNG NGƯỜI CẦU CÔNG DANH	329
Lâm Mậu Tiên	330
La Văn Nghị Công	331
Dương Hy Trọng	332
Người họ Tào	333
Lưu Nghiêu Cử	333
Người nho sinh ở Phụng Dương	334
Hai nho sinh ở Trục Lệ	336
Hai anh em ở Nam Xương	337
KHUYÊN NGƯỜI LÀM THẦY GIÁO	338

Người nho sinh ở Chiết Giang.....	338
Trương Đức Tiên	339
KHUYÊN HÀNG THANH THIẾU NIÊN.....	340
Đường Cao.....	341
Mao Lộc Môn	342
Lục Trọng Tích	342
Hai nho sinh ở Bồ Điền	343
KHUYÊN CÁC GIA ĐÌNH BẤT HÒA	345
Ô Ưc Xuyên.....	346
Quan ngự sử họ Giả.....	347
Sử Đường.....	348
Bùi Chương.....	349
Công tử họ Trần	350
Vợ người bà-la-môn	351
KHUYÊN NGƯỜI CẦU CON NÓI DỐI	352
Cận Du	353
Mã Phong ông.....	354
Cao Phong ông.....	355
Trưởng giả họ Tiền	356
Chuyện phú ông.....	357
KHUYÊN NGƯỜI CẦU SỐNG LÂU	358
Quan huyện họ Phạm.....	359
Người họ Vương.....	360
Họ Vương và họ Thẩm	361
KHUYÊN NGƯỜI GẶP KẺ HOẠN NẠN	362
Uông Nhất Thanh	363
Trương Văn Khải	363
Người chủ thuyền ở Trì Châu.....	364
KHUYÊN NGƯỜI LÀM THẦY THUỐC	365
Nhiếp Tông Chí	365
Thầy thuốc họ Trần.....	366

KHUYÊN NGƯỜI BUÔN BÁN, NÔNG PHU,	
THỢ THUYỀN	367
Chuyện người buôn gỗ	368
Vương Càn Chánh	369
Hai người ở thôn Ma	370
Qua A Kỳ	371
Người thợ Nam Kinh.....	372
Trương Phủ	373
KHUYÊN NHỮNG KẺ MÊ ĐẮM LẦU XANH	373
Hai chàng Triệu, Lưu.....	374
Trương Sùng Nghĩa	375
KHUYÊN NGƯỜI PHẢI BIẾT SÁM HỐI LỖI LẦM	376
Hồng Đảo.....	377
Hạng Mộng Nguyên	378
Người họ Điền	379
KHUYÊN NGƯỜI LỖ PHẠM CÁC TỘI NẶNG	380
Họ Chu chấm thi.....	381
Hứa Triệu Hình	382
Người đi thuyền dâng hương.....	383
KHUYÊN NGƯỜI PHÁT TÂM XUẤT THẾ	384
Đức Phật đàn sinh.....	385
Bồ Tát hàng ma.....	387
Phật phá trừ lòng dục của nữ giới.....	390
Mục-kiền-liên khước từ phụ nữ.....	391
Sa-di giữ giới	391
Quả báo của tội sa-di ôm nhau ngủ	393
Nghiệp thức hóa làm trùng	394
Phần thứ nhất: Ra sức giúp vua trị nước tốt đẹp.....	395
Phần thứ hai: Khuyến khích phát triển phong tục tốt đẹp.....	396
Phần thứ ba: Giữ kỷ luật, kiểm soát binh sĩ.	397
Phần thứ tư: Không dễ dãi xem nhẹ việc chấp nhận đơn thư cáo trạng.	398
Phần thứ năm: Không bắt bớ phụ nữ.	398

Phần thứ sáu: Phải xét kỹ trước khi bắt phụ nữ.	399
Phần thứ bảy: Thận trọng những điều có thể gây dị nghị.	400
Phần thứ tám: Phải giữ lòng nhân khi dùng hình phạt.	400
Phần thứ chín: Không cưới thêm thê thiếp.	401
Phần thứ mười: Những trường hợp không nên cưới làm thiếp.	402
PHƯƠNG PHÁP ỨNG XỬ TRONG GIA ĐÌNH	402
Phần thứ nhất: Ngăn dứt mọi điều kiện dẫn đến tà dâm.	403
Phần thứ hai: Tránh những điều có thể làm nảy sinh sự hiềm nghi.	403
Phần thứ ba: Răn dạy người trong nhà.	404
Phần thứ tư: Dạy dỗ con em.	405
Phần thứ năm: Con cái trưởng thành, xây dựng gia đình.	407
Phần thứ sáu: Nghi lễ tang ma, cúng giỗ.	407
Phần thứ bảy: Tổ chức yến tiệc.	408
Phần thứ tám: Biết lo xa.	408
Phần thứ chín: Những điều cấm kỵ [phải đề phòng].	409
Phần thứ mười: Sai khiến, đối đãi với kẻ dưới.	410
PHƯƠNG PHÁP TU SỬA, RĂN NGỪA TỔNG QUÁT	411
Phần thứ nhất: Giữ gìn thân thể.	412
Phần thứ hai: Giữ tâm chân chánh.	412
Phần thứ ba: Cẩn thận lời nói.	413
Phần thứ tư: Trước tác văn chương.	415
Phần thứ năm: Thận trọng lúc đi ra ngoài.	416
Phần thứ sáu: Quan hệ giao tiếp.	417
Phần thứ bảy: Những ngày kiêng kỵ.	418
Phần thứ tám: Kiêng kỵ khi mang thai.	419
Phần thứ chín: Những điều kiêng kỵ đối với thê thiếp.	420
Phần thứ mười: Một số những điều khác.	421
PHƯƠNG PHÁP DỨT TRỪ TỘI LỖI	421
Phần thứ nhất: Thân cận Tam bảo.	422
Phần thứ hai: Phát nguyện sâu rộng.	423
Phần thứ ba: Sám hối dứt trừ nghiệp chướng.	423

Phần thứ tư: Tu tích phước lành lợi ích cho người khác.....	425
Phần thứ năm: Tỉnh giác nhận biết trong hiện tại.....	426
Phần thứ sáu: Vui theo niềm vui của người khác.....	426
Phần thứ bảy: Biểu hiện của sự dứt trừ tội lỗi.	427
NHỮNG ĐIỂM CỐT YẾU TRONG KINH ĐIỂN.....	428
Phần thứ nhất: Bồ Tát quả trách sự dâm dục.....	428
Phần thứ hai: Quả báo của tội tà dâm.	431
Phần thứ ba: Công đức của việc giữ giới không tà dâm.	434
Phần thứ tư: Tỉnh giác răn ngừa trong đời sống thế tục.....	436
QUÁN TƯỚNG BÀO THAI NHƯ TÙ NGỤC	438
QUÁN KÝ SINH TRÙNG.....	443
QUÁN BẤT TỊNH	445
Phần thứ nhất: Quán xét chung hình thể nam nữ.....	447
Phần thứ hai: Bộ sinh dục nữ không trong sạch.	448
Phần thứ ba: Những ô uế trong bụng người phụ nữ.....	448
Phần thứ tư: Những ô uế trong thân người đàn ông.....	449
Phần thứ năm: Sức mạnh của phép quán bất tịnh.....	450
Phần thứ sáu: Khuyên người phải quyết định tu tập.....	451
BỐN CÁCH QUÁN TƯỚNG KHỞI SINH SỰ RÕ BIẾT	451
Phần thứ nhất: Quán tưởng lúc ngủ vừa thức dậy, khởi sinh sự rõ biết	452
Phần thứ hai: Quán tưởng sau khi say rượu, khởi sinh sự rõ biết .	452
Phần thứ ba: Quán tưởng vào lúc có bệnh, khởi sinh sự rõ biết ...	453
Phần thứ tư: Quán tưởng hổ xí, khởi sinh sự rõ biết	453
CHÍN PHÉP QUÁN TỬ THI.....	453
Phép quán thứ nhất: Thi thể người mới chết	454
Phép quán thứ hai: Máu bầm xanh đen trong thi thể người chết	454
Phép quán thứ ba: Máu mủ tanh hôi trong thi thể người chết	454
Phép quán thứ tư: Nước nhày chảy ra từ thi thể người chết	455

Phép quán thứ năm: Các loại trùng rúc rửa thi thể người chết	455
Phép quán thứ sáu: Dây gân ràng rịt các đốt xương trong thi thể người chết	455
Phép quán thứ bảy: Các đốt xương trong thi thể người chết rã lìa	456
Phép quán thứ tám: Thi thể người chết bị thiêu đốt.....	456
Phép quán thứ chín: Chỉ còn lại xương khô.....	456
Trích dẫn Kinh điển để sách tấn việc tu tập.....	457
QUÁN LUÂN HỒI	457
QUÁN XÉT TÌNH DỤC Ở CÁC CỠ TRỜI	461
QUÁN XÉT NHÂN DUYÊN	463
QUÁN GIẢI THOÁT	465
TỔNG LUẬN VỀ NGHIỆP THAM DỤC	471
PHÂN TÍCH GIẢI TRỪ NGHI VẤN VỀ NHÂN QUẢ	474
GIẢI ĐÁP THẮC MẮC VỀ NGĂN NGỪA TÀ DÂM	477
PHÁ BỎ NHỮNG SAI LẦM KHI THỰC HÀNH TU TẬP	480
HIỂU BIẾT PHÂN BIỆT VỀ THAI NHI	486
THÂN THỂ DIỆT MẮT, THẦN THỨC VẪN CÒN	492
GIẢI ĐÁP NGHI VẤN VỀ THÂN TRUNG ẤM	501
GIẢNG RÕ CHỖ VI DIỆU CỦA THỂ TÁNH	505
NGUYÊN NHÂN RƠI VÀO CÁC ĐƯỜNG ÁC	508
NGUYÊN NHÂN THIẾT LẬP LỄ NGHI CƯỚI GẢ	511
NGHI VẤN VỀ SÁM HỐI VÀ VÃNG SINH	515
ĐỨC NHƯ LAI ỨNG HÓA	518
LỜI BẠT	527
THUẬT NGỮ PHẬT HỌC TRONG SÁCH NÀY	528
BÀI TỤNG BÁT TỊNH QUÁN CỦA PHÁP SƯ TỈNH AM	543
BÀI TỤNG TỨ NIỆM XỨ CỦA PHÁP SƯ TỈNH AM	549

3. KHUYÊN NGƯỜI NIỆM PHẬT CẦU SANH TỊNH ĐỘ

XUÊNG TÁN HÌNH TƯỢNG	555
TIỂU SỬ TIÊN SINH CHU AN SỸ	568
MƯỜI ĐIỀU THÙ THẮNG Ở CỠ TÂY PHƯƠNG	570
ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ RỘNG KHUYÊN MỌI NGƯỜI NIỆM PHẬT	572
NIỆM PHẬT CÓ CHÍN ĐIỀU THÙ THẮNG	573
MỘT SỐ KHÁI NIỆM TRONG ĐẠO PHẬT VỀ LUÂN HỒI	574
1. Các tầng trời trong ba cõi	574
2. Bốn cách sinh (tứ sinh)	575
3. Sáu cõi luân hồi (lục đạo)	575
BẢY PHÉP QUÁN BẤT TỊNH	575
Quán xét việc ở trong thai mẹ bất tịnh.....	575
Quán xét việc sinh ra khỏi thai mẹ bất tịnh	576
BA HẠNG NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH SẼ ĐƯỢC VÃNG SINH	576
NĂM TÂM LÀNH GIÚP NGƯỜI TU CHẮC CHẮN ĐƯỢC VÃNG SINH	577
CHÍN PHÉP QUÁN TƯƠNG TỬ THI	577
Phép quán xương trắng	578
BẢY ĐIỀU ĐÁNG TIẾC	579
LỜI DẪN VỀ VIỆC KHẮC BẢN IN LẠI SÁCH TÂY QUY TRỰC CHỈ	580
Lời dẫn	582
Ngài A-nan thừa thỉnh.....	582
Lời bàn	583
Hai lần nêu rõ cõi Cực Lạc	583
Nhân duyên quá khứ	583

Tròn nguyện xưa, thành quả Phật	584
Bốn mươi tám đại nguyện.....	584
Giải thích danh hiệu	595
Cung điện, hồ báu	595
Nhạc trời, mưa hoa.....	597
Cây báu ven hồ.....	597
Cây báu, lưới báu phát âm vi diệu	597
Nước tắm, hương hoa đều màu nhiệm.....	597
Chim hát pháp âm.....	598
Cảnh tượng thù thắng.....	599
Thức ăn uống tự nhiên hóa hiện.....	600
Sự tu tập thích hợp	600
So sánh dung mạo	601
Tu tập pháp quán được thấy Phật	601
Niệm Phật được thấy Phật	602
Niệm Phật được vãng sinh	603
Vãng sinh không phải việc dễ dàng	604
Lời dẫn dò sau chót.....	604
Phương pháp hành trì	606
Bốn lời nguyện lớn của hàng Bồ Tát.....	606
Nghi thức niệm Phật, từ khởi đầu đến kết thúc.....	607
Pháp môn trì tụng mười niệm	608
Pháp môn báo ơn.....	610
Pháp môn trợ duyên	611
Lời dẫn	613
Mười điều nghi vấn về Tịnh độ.....	614
Điều nghi thứ nhất	614
Điều nghi thứ hai	615
Điều nghi thứ ba.....	616
Điều nghi thứ tư	617
Điều nghi thứ năm	618
Điều nghi thứ sáu.....	619
Điều nghi thứ bảy.....	620

Điều nghi thứ tám	621
Điều nghi thứ chín	622
Điều nghi thứ mười.....	623
Những nghi vấn về pháp tu Tịnh độ	625
Lời dẫn	643
Bài văn khuyên tu hành.....	643
Chướng ngại của lý còn nặng nề hơn cả tham dục	646
Trước phải tin có ba đời.....	648
Sau phải tin sâu lý nhân quả	648
Không tử nhất định đã từng nói qua về thuyết ba đời.....	649
Người có trí đừng nhận về mình mạng sống ngắn ngủi.....	650
Người có trí không nên khép chặt quan điểm.....	651
Kinh điển đạo Phật nhất định phải đọc qua	653
Ngài Huyền Trang khơi dậy và củng cố niềm tin	655
Nên sinh tâm chán lia thân xác thịt này	656
Người con hiếu thảo không muốn vào thai.....	657
Bậc tôn quý nên tự biết hổ thẹn	658
Ví dụ con tằm làm kén	660
Ví dụ cái lò bắt cá	661
Ví dụ loài ngựa.....	661
Ví dụ con chồn.....	662
Đổ lỗi cho Diêm vương	663
Con thiêu thân.....	664
Con ruồi ngu si trong cửa sổ	664
Bốn cách thuần phục ngựa	665
Thuốc chữa lành mắt.....	666
Có nguyện sẽ được thành tựu.....	667
Người xuất gia phải tu Tịnh độ	668
Bậc cao tăng cũng nên tu Tịnh độ.....	669
Không thể cam tâm làm quý	670
Chín loài đều có thể vãng sinh.....	671
Niệm Phật không hề uổng phí công sức	672
Niệm Phật là điều thù thắng nhất ở thế gian.....	673

Đại sư Ân Quang phụ ghi chuyện lạ của người niệm Phật.....	674
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA CÁC VỊ BỒ TÁT	677
Đức Như Lai thọ ký vãng sinh	677
Phát nguyện vãng sinh của Bồ Tát Văn-thù	677
Bồ Tát Phổ Hiền cầu vãng sinh	678
Bồ Tát Thế Thân làm kệ luận về Tịnh độ	678
Bồ Tát Ngũ Thông thỉnh Phật hóa hiện.....	679
Bồ Tát Mã Minh soạn Đại thừa Khởi tín luận.....	679
Bồ Tát Long Thụ được thọ ký vãng sinh.....	680
Tu tập căn lành được vãng sinh	680
Chứng đắc Pháp nhãn được vãng sinh	680
Bồ Tát ghi tên cùng niệm Phật	681
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA CÁC VỊ CAO TĂNG	682
Đại sư Tuệ Viễn	682
Đại sư Tuệ Vĩnh.....	684
Đại sư Tăng Duệ.....	684
Đại sư Đạo Kính.....	685
Đại sư Tăng Hiền.....	685
Đại sư Tuệ Quang.....	685
Đại sư Đạo Trân.....	686
Đại sư Đàm Loan.....	687
Đại sư Trí Khải	688
Pháp sư Đăng.....	689
Hòa thượng Thiện Đạo	689
Pháp sư Thiếu Khang.....	690
Đại sư Hoài Ngọc	691
Đại sư Đạo Ngang	692
Đại sư Tăng Huyền, Đại sư Khải Phương, Đại sư Viên Quả.....	693
Đại sư Thọ Hồng.....	694
Đại sư Đại Hạnh	694
Đại sư Minh Chiêm	694
Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ	695
Đại sư Chí Thông.....	696

Pháp sư Viên Tịnh Thường	697
Đại sư Tịnh Quán.....	697
Sám chủ Từ Vân	698
Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản	699
Đại sư Cửu Pháp Hoa	699
Đại sư Tiệt Lưu	700
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA NI GIỚI	701
Ni sư Đại Minh	701
Ni sư Tịnh Chân.....	701
Ni sư Ngô Tánh.....	702
Ni sư Năng Phụng.....	702
Ni sư Pháp Tạng	702
Lời bàn.....	703
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA VUA QUAN	703
Vua Ô-trường	703
Ngụy Thái tử.....	704
Tham quân Lưu Di Dân.....	704
Huyện úy Mã Tử Vân	705
Quan trợ giáo Trương Địch	706
Tiến sĩ Vương Long Thư	706
Quan Đại phu Cát Phồn	707
Quan Đề hình Dương Vô Vi.....	707
Lộ công Văn Ngạn Bác	708
Thiếu sư Chung Ly	708
Quận thú Tiền Tượng Tổ	709
Quan Thị Lang Vương Mẫn Trọng	709
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA HÀNG CƯ SĨ	
CHU TỤC CHI.....	710
Tổng Mãn.....	710
Trịnh Mục Khanh.....	710
Nguyên Tử Tài.....	711
Tôn Lương	711
Vương Điền	712

Tôn Trung	712
Thẩm Thuyên.....	712
Đường Thế Lương	713
Lục Tuấn	713
Ngô Tử Chương.....	713
Liên Hoa Thái Công	714
Cư sĩ họ Hoa	714
Cư sĩ họ Ngô	714
Chu Ích Sinh	715
Trần Thừa Tiên	715
Vương Mạnh Lân và Trinh Sinh.....	716
Tô Kỳ Sơn.....	717
Ngô Kính Sơn	718
Vương Quân Vinh.....	718
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA NHỮNG NGƯỜI	
TRẺ TUỔI	719
Hai vị sa-di	719
Đồng tử muốn vãng sinh	719
Sư Tán.....	720
Hà Đàm Tích.....	720
Người họ Ngô	720
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA PHỤ NỮ	722
Hoàng hậu Tùy Văn Đế	722
Người vợ Ôn Tĩnh Văn.....	722
Bà họ Lý	722
Bà họ Trịnh	723
Phu nhân họ Vương.....	723
Bà Nghi nhân họ Lục.....	724
Bà họ Cung	724
Bà họ Hạng	725
Bà họ Bùi	725
Bà họ Trần	725
Bà họ Tôn.....	726

Bà họ Lâu.....	726
Bà họ Tần.....	726
Bà họ Lương	727
Bà họ Trương	727
Bà họ Hạ	727
Bà họ Lục	728
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA NHỮNG NGƯỜI	
XẤU ÁC BIẾT SÁM HỐI.....	728
Trương Thiện Hòa	728
Oánh Kha.....	729
Trọng Minh.....	729
Lời bàn.....	730
CHUYỆN VÃNG SINH CỦA THÚ VẬT	730
Rồng vãng sinh	730
Chim vẹt vãng sinh	730
Chim sáo vãng sinh.....	731
Phụ đính: Truyện Cư sĩ Thắng Liên.....	731

10 CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH PHẬT

Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh ngục tù.

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.

Bốn là, các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiện sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.

Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

Tám là, ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

Chín là, vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

Mười là, hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe Pháp phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

ẤN QUANG TỔ SƯ DẠY

Ấn tông kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gặp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ bệnh tật, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ đề ấn tống, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

10 CÔNG ĐỨC PHÓNG SANH

1. Không có nạn đao binh, tránh được tai họa chiến tranh tàn sát.
2. Sống lâu, mạnh khỏe, ít bệnh.
3. Tránh được thiên tai, dịch họa, không gặp các tai nạn.
4. Con cháu đông đúc, đời đời hưng thịnh nối đời không ngừng.
5. Chỗ mong cầu được toại nguyện.
6. Công việc làm ăn phát triển hưng thịnh, gặp nhiều thuận lợi.
7. Hợp lòng trời, thuận tánh Phật, loài vật cảm ơn, chư Phật hoan hỷ.
8. Giải trừ oán hận, các điều ác tiêu diệt, không có lo buồn sầu não.
9. Vui hưởng an lành, quanh năm đều được an ổn.
10. Tái sinh về cõi trời hưởng phước vô cùng, nếu có tu Tịnh Độ thì được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc

10 CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT LỚN TIẾNG

1. Đánh tan cái tâm hôn trầm, mê ngủ.
2. Thiên ma kinh sợ.
3. Tiếng vang xa khắp 10 phương.
4. Ba đường ác được nhờ vào đó mà dứt khổ.
5. Tiếng động chung quanh không xâm nhập vào làm loạn tâm mình được.
6. Niệm tâm không tán loạn.
7. Mạnh mẽ tinh tấn.
8. Chư Phật vui mừng.
9. Tam muội hiện tiền.
10. Được vãng sanh Cực lạc.

THEO KINH “Nghịệp Báo Sai Biệt” và Kinh “Đại Tập Nguyệt Tạng” dạy:

10 CÔNG ĐỨC LẠY PHẬT

1. Được sắc thân tốt đẹp.
 2. Nói ra điều chi ai cũng tin dùng.
 3. Không sợ sệt giữa đông người.
 4. Được chư Phật giúp đỡ.
 5. Đầy đủ oai nghi lớn lao.
 6. Mọi người đều nương theo mình.
 7. Chư Thiên cung kính.
 8. Đủ phước đức lớn.
 9. Lúc lâm chung được vãng sanh.
 10. Mau chứng quả Niết Bàn.
- (Một lay còn được công đức như vậy, huống chi lay Phật nhiều).

TỔ SƯ ẮN QUANG KHAI THỊ TỊNH ĐỘ THÙ THẮNG

(Trích Ắn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

1. Một cuốn sách là cuốn Tịnh Độ Thập Yếu. Chữ chữ đều là bên câu cho đời Mạt Pháp. Lời lời đều là gương báu của Liên Tông. Buốt lòng trào lệ, phanh tim vẩy máu, xứng tánh phát huy, chỉ bày cốt tủy. Dù dùng những thí dụ như cứu người chết đuối, cứu người bị lửa cháy vẫn chẳng thể diễn tả lòng thống thiết của chư Tổ được. Bỏ qua sách này thì chánh tín không do đâu mà được, tà kiến không đâu mà diệt được !

2. Nên biết rằng chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy “Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi”. Lẽ đâu tu trì lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi được nghiệp ư? Bởi vậy, Thích Ca, Di Đà, giáo chủ hai cõi, đau đáu nghĩ đến chúng sanh không sức đoạn Hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đối nghiệp vãng sanh. Lòng hoàng từ đại bi ấy dù trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể bằng được một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng thẹn hổ, phát tâm sám hối mới tự có thể được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an thôi!

3. Hòa Thượng Thiện Đạo nói: “Nếu muốn học về Giải thì hết thầy các pháp từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học về Hạnh, biên chọn lấy một pháp khế lý, khế cơ, chuyên tinh tận sức mới mau chứng được lợi ích chân thật. Nếu không thì từ kiếp này qua kiếp nọ vẫn khó xuất ly!” Pháp khế lý, khế Cơ Ngài nói đó không gì hơn là Tín Nguyện Trì Danh cầu Sanh Tây Phương!

4. Kinh A Di Đà, kinh vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ gọi là “Tịnh Độ Tam Kinh”, chuyên luận về sự lý duyên khởi của Tịnh

Độ. Các kinh Đại Thừa khác đều nói kèm về Tịnh Độ. Như kinh Hoa Nghiêm chính là khi đức Như Lai mới thành Chánh Giác, vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ mà xứng tánh giảng thẳng diệu pháp Nhất Thừa. Cuối kinh, Thiện Tài đi tham học khắp các thiện tri thức. Sau khi chứng ngộ như chư Phật, Thiện Tài đồng tử được Phổ Hiền Bồ Tát giảng cho nghe mười đại nguyện vương. Ngài dạy Thiện Tài và khắp Hoa Nghiêm hải chúng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ngõ hầu được viên mãn Phật Quả.

5. Trong Quán kinh, phần nói về hạ phàm hạ sanh, kẻ ngu nghịch-thập ác đủ các điều bất thiện, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật. Kẻ ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đầy mười tiếng liền thấy Hóa Thân Phật đưa tay tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập dạy: “Đời Mạt Pháp ức ức người tu hành, hiếm có một người đắc đạo. Chi có nương vào Niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử”. Do đây, ta biết rằng pháp niệm Phật là đạo dễ thượng thánh hạ phàm cùng tu, là pháp dù trí hay ngu đều hành được. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng được hiệu quả nhanh. Do chuyên cậy vào Phật lực nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp thông thường. Người xưa nói: “Các môn khác học đạo như kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh như căng buồm thuận gió, nước xuôi”, thật rất khéo hình dung vậy!

6. Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo, trải bao kiếp dài lâu chưa thể thoát ra. Do vậy, Ngài hưng khởi Vô Duyên Từ, vận lòng bi đồng thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi nói rộng các pháp.

Nói đại cương, gồm có năm tông. Năm tông gì? Là Luật, là Giáo, là Thiền, là Mật, là Tịnh. Luật là thân Phật, Giáo là lời Phật, Thiền là tâm Phật. Sở dĩ Phật được gọi là Phật chỉ là do ba pháp này mà thôi. Sở dĩ đức Phật độ sanh cũng chỉ là do ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiền tu trì thì ba nghiệp của chúng

sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn Lại sợ tức nghiệp sâu nặng chẳng thể dễ chuyển nên dùng sức đà la ni tam mật gia trì để un đúc. Hoặc lại sợ rằng căn khí kém cỏi, chưa được giải thoát, phải thọ sanh lần nữa sẽ khó tránh khỏi mê lầm; vì thế đặc biệt mở ra một môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, ngõ hầu dù thánh hay phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Bậc thánh thì mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, kẻ phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử trôi buộc. Do dựa vào từ lực của Phật nên công đức, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

7. Đức Di Đà, đức Thích Ca trong những kiếp xưa, phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Vị này thì thị hiện sanh trong uest độ, dùng như, dùng khổ chiết phục, hồng đưa chúng sanh đi. Vị kia thì an cư Tịnh Độ, dùng tịnh, dùng vui nhiếp thọ để lôi kéo, uốn nắn.

Ông chỉ thấy ngu phu, ngu phụ cũng niệm Phật được bèn coi thường Tịnh Độ, sao chẳng thấy trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi Thiện Tài đã chứng ngộ ngang với chư Phật thì Phổ Hiền Bồ Tát bèn chỉ dạy phát khởi mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hồng viên mãn Phật Quả? Huống hồ Bồ Tát còn đem pháp này khuyên khắp cả Hoa Tạng hải chúng nữa?

Hoa Tạng Hải Chúng không một ai là phàm phu, nhị thừa, toàn là Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi một địa vị, cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể do bốn nguyện hiện làm Phật trong thế giới không có Phật.

Tất cả Kinh Sách của Tịnh Thất Quan Thế Âm đều cúng dường không bán. Quý vị muốn thỉnh Kinh Sách, xin liên hệ:

Địa chỉ: Tịnh Thất Quan Thế Âm, tổ 15, thôn Trung Hiệp, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: Thầy Nhật Đạo: 0965.549.299

Thầy Nhuận Phiên: 0121.234.4948

Website: voluongtho.vn

Quý vị muốn ấn tống kinh sách tượng Phật và phóng sanh, tùy hỷ cúng dường, gửi vào tài khoản ngân hàng:

TTK: Trần Văn Hơn (Thích Giác Nhàn)

STK: 0561.000.747474

Ngân hàng Vietcombank Chi Nhánh Đức Trọng - Lâm Đồng.



**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

**AN SỸ TOÀN THƯ' - PHẦN 2
VẠN THIỆN TIÊN TU', DỤC HẢI HỒI CUÔNG,
TÂY QUY TRỰC CHỈ**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: **BÙI VIỆT BẮC**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: **LÝ BÁ TOÀN**

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Pháp Hội Niệm Phật A Di Đà - Tịnh Thất Quan Âm

Trình bày & Bìa: Tịnh Thất Quan Âm

Đối tác liên kết:

PHÁP HỘI NIỆM PHẬT A DI ĐÀ - TỊNH THẤT QUAN ÂM

In lần thứ nhất. Số lượng: 2.000 bản, khổ 19 x 27 cm.

Tại: **Công ty TNHH SX TM in Trí Nguyên, 133/15 Nguyễn Chí
Thanh, P.9, Q.5, TP.HCM.**

Số XNĐKXB: 3471 - 2018/CXBIPH/56 – 78/HĐ

Quyết định xuất bản số: 706/QĐ-NXBHĐ ngày 06/10/2018.

ISBN: 978-604-89-5435-2. In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.